Kormi János

BẰNG SỨC MẠNH TƯ DUY

Tiểu sử tự thuật đặc biệt

Nhà Xuất Bản Thanh Hóa

Kornai János

BẰNG SỨC MẠNH TƯ DUY

Tiểu sử tự thuật đặc biệt

Nhà Xuất Bản Thanh Hóa

https://thuviensach.vn

Mục lục:

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

LỜI GIỚI THIỆU
LỜI NÓI ĐẦU
Chương 1:GIA ĐÌNH, TUỔI NIÊN THIẾU
Chương 2:TÔI TRỞ THÀNH NGƯỜI CỘNG SẢN NHƯ THẾ NÀO?
Chương 3:TRONG BAN BIÊN TẬP TỜ SZABAD NÉP (NHÂN DÂN TỰ DO) 1947-1955
Chương 4:BẮT ĐẦU THỨC TỈNH 1953-1955
Chương 5:BẮT ĐẦU CON ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU
Chương 6:CÁCH MẠNG – VÀ CÁI XẢY RA SAU ĐÓ
Chương 7:CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA TÔI 1957 - 1959
Chương 8:ỨNG DỤNG KINH TẾ CỦA CÁC PHƯƠNG PHÁP TOÁN HỌC
Chương 9:HÀNH TRÌNH SANG PHƯƠNG TÂY 1963 –
Chương 10:BƠI NGƯỢC DÒNG
Chương 11:VIỆN, ĐẠI HỌC, VIỆN HÀN LÂM 1967 –
Chương 12:TÌM ĐƯỜNG VÀ CHUẨN BỊ
Chương 13:BỨC TRANH HÌNH THÀNH
Chương 14:SỰ ĐỘT PHÁ
Chương 15:VỚI SỰ PHÊ PHÁN THÂN THIỆN, GIỮ KHOẢNG CÁCH
Chương 16:HARVARD 1984 – 2002
Chương 17:Ở TRONG NƯỚC TẠI HUNGARY – Ở NHÀ KHẮP THIÊN HẠ
Chương 18:TỔNG HỢP
Chương 19:BƯỚC NGOẶT ĐỔI ĐỜI
Chương 20:TRÊN RANH GIỚI CỦA KHOA HỌC VÀ CHÍNH TRỊ
Chương 21:TIẾP TỤC, CÁI TÔI ĐÃ LÀM ĐẾN NAY
DẪN CHIẾU*
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

https://thuviensach.vn

CÁC ẢNH

https://thuviensach.vn

Bạn đọc cầm trên tay cuốn thứ mười lăm(+) của tủ sách SOS2, cuốn *Bằng Sức mạnh Tư duy* - tiểu sử tự thuật đặc biệt của Kornai János. Đây là cuốn sách thứ tư của Kornai trong tủ sách này và là cuốn thứ năm của Kornai bằng tiếng Việt. Hồi kí của Kornai đặc biệt theo nhiều nghĩa: nó nói về bản thân tác giả, như mọi hồi kí khác, song chỉ nói về các công trình chính của ông; về quá trình chuyển biến tư duy qua từng thời kì, qua từng tác phẩm của ông; về cảm nhận của ông với thời cuộc liên quan đến các vấn đề mà ông nghiên cứu, đến những sự kiện mà ông đã trải qua, đến những nơi mà ông đã đến; về việc nghiên cứu chính nội tâm của ông, đánh giá lại các công trình của ông một cách phê phán.

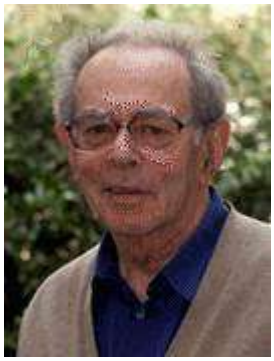

Kornai János

Những ai đã đọc Kornai, có thể được nhiều thông tin bổ ích khác liên quan đến các công trình của ông, mà khi viết các công trình đó ông không thể trình bày (vì tự kiểm duyệt, vì không hợp với thể loại, và vì các lí do khác). Những người chưa đọc Kornai có thể có được bức tranh khái quát về toàn bộ sự nghiệp nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội của ông, về con người ông, và sau đó có thể có hứng thú để tìm đọc các tác phẩm chuyên môn sâu hơn của ông.

Là người suốt đời nghiên cứu hệ thống xã hội chủ nghĩa và kinh tế học so sánh, ông hiểu rất kĩ hệ thống này. Hơn 15 năm qua ông nghiên cứu về chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa. Ông đã từng làm báo của đảng cộng sản 6 năm, sau đó ông chuyển hẳn làm khoa học, làm nhà giáo. Ông là người trong cuộc, chính vì thế các tác phẩm của ông rất gần gũi với những người đã từng sống trong các nước xã hội chủ nghĩa trước kia, hay đang còn sống trong các nước xã hội chủ nghĩa chuyển đổi. Và như thế đối với cả người Việt Nam chúng ta nữa. Qua hồi kí

https://thuviensach.vn

của ông nhiều trí thức Việt Nam có thể cũng nhìn thấy mặt nào đó của tình cảnh trái ngược của chính mình nữa. Đấy là những cái làm cho cuốn sách hấp dẫn, là cái khiến tôi dịch cuốn hồi kí này để nó có thể đến tay bạn đọc Việt Nam. Nguyên bản tiếng Hungary, mà bản tiếng Việt dựa vào, được xuất bản năm 2005, bản tiếng Anh với nhan đề *By Force of Thought. Irregular Memoirs of an Intellectual Journey*. Cambridge: The MIT Press, sẽ ra trong năm nay, 2006.

Tôi nghĩ cuốn sách rất bổ ích cho các nhà chính trị, các nhà kinh tế học, các nhà nghiên cứu khoa học xã hội nói chung, các nhà giáo, các nhà báo, các sinh viên và tất cả những ai quan tâm đến hệ thống xã hội chủ nghĩa và chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa, đến nghiên cứu khoa học, đến giáo dục đào tạo, đến nghề báo, những người đã đọc hay chưa đọc các công trình khác của Kornai.

Người dịch đã cố hết sức để làm cho bản dịch được chính xác và dễ đọc, song do hiểu biết có hạn nên khó thể tránh khỏi sai sót.

Mọi chú thích cuối sách của tác giả được đánh bằng số. Các chú thích cuối trang được tác giả đánh dấu (*). Vì thế ngược với truyền thống của tủ sách SOS2, người dịch không còn thể dùng dấu (*) để chỉ các chú thích của mình trong cuốn sách này. Tất cả các chú thích đánh cộng (+) ở cuối trang là của người dịch. Bản dịch chắc còn nhiều thiếu sót mong bạn đọc thông cảm, lượng thứ, và chỉ bảo; xin liên hệ theo địa chỉ Tạp chí Tin học và Đời sống, 66 Kim Mã Thượng Hà Nội, hoặc qua điện thư *thds@hn.vnn.vn* hay *nqa@netnam.vn*

07-2006
Nguyễn Quang A

https://thuviensach.vn

(+) Các quyển trước gồm:

1. J. Kornai: Con đường dẫn tới nền kinh tế thị trường, Hội Tin học Việt Nam 2001, Nhà Xuất bản Văn hoá Thông tin (NXB VHTT) 2002.

2. J. Kornai: Hệ thống Xã hội chủ nghĩa, NXB Văn hoá Thông tin 2002

3. J. Kornai- K. Eggleston: Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, NXB VHTT 2002

4. G. Soros: Giả kim thuật tài chính, sắp xuất bản

5. H. de Soto: Sự bí ẩn của tư bản, NXB Chính trị Quốc gia, 2006 [Sự bí ẩn của Vốn]

6. J. E. Stiglitz: Chủ nghĩa xã hội đi về đâu? sắp xuất bản

7. F.A. Hayek: Con đường dẫn tới chế độ nông nô, sắp xuất bản

8. G. Soros: Xã hội Mở, sắp xuất bản

9. K. Popper: Sự Khốn cùng của Chủ nghĩa lịch sử, sắp xuất bản.

10. K. Popper: Xã hội mở và những kẻ thù của nó, I, Plato

11. K. Popper: Xã hội mở và những kẻ thù của nó, II, Hegel và Marx

12. Thomas S. Kuhn: Cấu trúc của các cuộc Cách mạng Khoa học, NXB Trí thức 2006

13. Thomas L. Friedman: Thế giới phẳng, Nhà xuất bản Trẻ, 2006

14. Một năm Hội nghị Diên Hồng Hungary do Nguyễn Quang A tuyển, dịch, biên soạn.

https://thuviensach.vn

Trong khi đã viết hồi kí của mình được khá nhiều, hết lần này đến lần khác tôi tự hỏi: thực ra vì sao tôi lại làm việc này? Cái gì khiến tôi hồi tưởng lại? Cuốn sách này dành cho những ai?

Tôi là người e thẹn và khá lầm lì, đến nay tôi hiếm khi và ít nói về cuộc đời tư của mình. Trong những ngày thay đổi hệ thống hồi hộp nhất, một nhà báo quen đã thúc giục tôi cho một phỏng vấn dài về cuộc đời. Anh ta lập luận rằng, muộn hơn sẽ chẳng ai quan tâm đến. Tôi đã đợi mười lăm năm, hi vọng tôi không bị trễ.

Từ nhiều năm vợ tôi đã gợi ý, đã bảo tôi viết hồi kí, còn tôi thì trì hoãn hết năm này đến năm khác. Cuối cùng bây giờ tôi đã quyết; đến mức từ khi bắt đầu viết, từ giữa năm 2003, tôi tập trung mọi sức lực và thời gian còn lại cho việc này sau khi thực hiện những công việc khác không thể tránh được.

Việc vợ tôi cứ nhất quyết với ý tưởng này, bản thân nó là một động cơ khá mạnh. Nếu cần phải kể tên một độc giả, mà cuốn sách này được viết cho, và tôi muốn làm cho người ấy vừa lòng, thì đó là Zsuzsa.

Tôi hi vọng nhiều trong số những người tôi có quan hệ với trong đời cũng quan tâm đến hồi kí của tôi: các con tôi, các cháu tôi, các thành viên khác trong gia đình tôi, bạn bè tôi, các cộng sự một thời và hiện nay của tôi, các học trò của tôi, các bạn đọc những cuốn sách và bài báo của tôi. Đấy là một giới không nhỏ. Nhà xuất bản cuốn sách này có thể hài lòng rằng, nếu tất cả những người đã từng đọc một bài viết hay đã từng nghe một bài giảng duy nhất của tôi, bây giờ có thể cầm cuốn sách trên tay.

Tất cả những người có quan hệ với tôi, trực tiếp hay qua các công trình của tôi, đều có cảm tưởng nào đó về tôi. Tôi muốn, nếu có thể để - bên cạnh hình ảnh chủ quan đã hình thành trong họ- một hình ảnh khác (cũng chủ quan) mà tôi hình thành về chính mình. Số bài phê bình các cuốn sách của tôi lên đến hàng trăm. Bây giờ có thể đối sánh chúng với đánh giá của riêng tôi. Tôi kể lại tôi thấy công trình của mình thế nào, ngay sau khi tôi hoàn tất, và bây giờ nhìn lại tôi thấy chúng ra sao khi tôi viết hồi kí của mình. Tôi chưa bao giờ phản ứng công khai đối với các bài phê bình. Nếu tôi vấp phải ý kiến phản đối, tương đối hiếm khi tôi sa vào tranh luận. Tuy nhiên giờ đây, một lần và

https://thuviensach.vn

một cách ngoại lệ, trong khuôn khổ những hồi tưởng, bản thân tôi cũng muốn viết "các bài phê bình" về các công trình của riêng mình.

Về cơ bản hồi kí của tôi theo trình tự thời gian, nhưng không theo thứ tự các sự kiện một cách nghiêm ngặt. Nó không phải là nhật kí. Mỗi chương xoay quanh một chủ đề nào đó, dù là một sự kiện trước kia, một công trình nào đó của tôi hay một địa điểm trong đời tôi. Trong đầu đề các chương tôi cũng chỉ rõ chúng là các thời kì nào. Các giai đoạn này - lật qua các chương- có thể chờm lên nhau, giữa chúng có thể có những chồng chéo, nếu thảo luận các chủ đề đòi hỏi vậy.

Có thể, có những người chưa đọc các tác phẩm trước đây của tôi, cũng chưa từng gặp tôi cũng sẽ cầm cuốn sách này lên và quan tâm hơn đến thời mà tôi đã sống là thời đại thế nào. Tôi không muốn họ bị thất vọng. Những người muốn tìm hiểu thời kì Rákosi, cách mạng Hungary 1956 hay chế độ Kádár phải tìm tòi trong những tài liệu phong phú về các đề tài này. Cuốn sách của tôi không đảm nhiệm công việc của một nhà sử học. Phù hợp với điều đó tôi cũng chẳng biết bảo bạn đọc hãy nghiên cứu các tác phẩm nào. Tôi đã là một nhân vật của các thời kì đó, và tôi không thuộc vào các nhân vật chính. Tuy nhiên, do tính chất của thể loại hồi kí, tôi là nhân vật trung tâm trong hồi kí của mình. Về thời đại tôi chỉ có thể và muốn giới thiệu ở mức độ gắn với đời sống riêng của tôi. Môi trường xã hội-lịch sử, trong đó các sự kiện của riêng đời tôi xảy ra.

Tuy nhiên, đối với những người quan tâm đến Đông Âu, đến hệ thống cộng sản và sự sụp đổ của nó, đến những lầm đường lạc lối và sự tìm đường của trí thức Đông Âu, đến các quá trình nhận thức của nghiên cứu kinh tế và đến nhiều đề tài bao quát khác, thì hồi kí của tôi có thể là một phần bổ sung cho các nguồn khác của tri thức. Những lời chứng khác nhau, mà những người đã sống qua các thời kì đã thổ lộ một cách chân thực về đời họ và những trải nghiệm của họ, sẽ mang lại nguồn quan trọng không thể thay thế được cho các nhà nghiên cứu tương lai. Những người khác cũng đã hoàn thành lời chứng của họ; với hồi kí này của mình tôi cũng trình diện làm nhân chứng. Thực ra các công trình trước của tôi, được viết với đòi hỏi khoa học, cũng được tôi dành làm bằng chứng, làm sự báo tin về các thời đại đang biến mất. Trong các công trình đó tôi đã cố gắng khách quan càng đầy đủ càng tốt. Bây giờ tôi hoàn tất với việc bổ sung chủ quan cho chúng. Cái bị bỏ ra khỏi Sự Thiếu hụt và Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa, bởi vì mang

https://thuviensach.vn

tính quá riêng tư, hay cái gì đó đã cản trở tôi phát biểu đầy đủ hơn ý kiến của mình, thì bây giờ tôi cố gắng đưa vào cuốn sách này. Thể loại hồi kí cho phép tôi trình bày niềm tin cá nhân của tôi về nhiều vấn đề- trong đó có các vấn đề đạo đức, chính trị hay khoa học. Những lập trường và tín điều chung này không thể được nhồi vào các công trình khoa học, bị giới hạn về chủ đề.

Tôi đã nghĩ nhiều về đầu đề của cuốn sách. Đầu tiên tôi thiên cho đầu đề: Hiểu biết… Trước hết tôi cố thử hiểu bản thân mình. Tôi muốn giải thích, khi nào tôi nghĩ gì và vì sao, cái gì đã tác động đến tư duy và hành động của tôi, do cái gì mà tôi đã thay đổi. Tôi muốn hiểu cả những người, mà tôi đồng ý với lẫn những người tôi không đồng ý, những người đứng cạnh tôi và những người quay mặt lại với tôi.

Trong tiếng Hung, và cả trong nhiều ngôn ngữ khác, gắn với từ "hiểu" là một loại tán thành hay chí ít sự miễn thứ đạo đức. Hãy thử nói từ này với các luyến âm khác nhau. Mọi người dễ dàng thấy sự nhấn mạnh miễn thứ của từ "tôi hiểu". Đây không phải là ý định của tôi. Tôi không hề có ý định miễn thứ, và cả sự phán xử tự tin nữa. Trong cuốn sách này tôi không cố làm việc khác với các công trình thông báo các kết quả nghiên cứu khoa học trước đây: tôi muốn hiểu cái mà tôi khảo sát. Đôi khi khá khó để lần ra những động lực thúc đẩy các hành động, các bẫy của tư duy, các lực ẩn sâu thúc đẩy những con người, các nguyên nhân được thú nhận công khai hay được giữ kín. Đây không phải là một nhiệm vụ dễ khi khảo sát quá khứ của bản thân tôi, và hiển nhiên còn khó hơn khi tôi phân tích quá khứ của những người khác.

Cuối cùng tuy vậy tôi đã chọn đầu đề khác: *Bằng sức mạnh tư duy*. Tôi cảm thấy rằng, vài từ này đúc kết khéo nhất một trong những thông điệp quan trọng nhất của những hồi ức của tôi. Tôi không nỗ lực đạt quyền lực, cũng chẳng đến sự giàu sang. Nếu đây đó có lẽ tôi đã có thể có ảnh hưởng đến diễn tiến của các sự kiện, điều đó đã xảy ra không phải vì tôi đã có thể ra lệnh cho nhân viên của tôi từ địa vị cao hay vì tôi có thể mua sự hợp tác của họ bằng nhiều tiền. Nói chung nếu tôi có ảnh hưởng đến bất kì ai hay đến bất cứ gì, thì tôi đạt được tác động đó bằng những suy ngẫm được nói ra hay được in ra của tôi.

Một trong những người đọc bản thảo đã bày tỏ những ngờ vực của mình. "Ngây thơ đi tin vào ảnh hưởng của lập luận, niềm tin, tư duy. Động lực thực sự của các sự kiện lịch sử là các lợi ích." Với tư cách

https://thuviensach.vn

nhà quan sát và nhà phân tích chuyên nghiệp về những thay đổi xã hội, tôi không có các ảo tưởng, và tôi cố gắng lưu ý và xử lí các tác động nhân quả theo trọng lượng của chúng. Tuy vậy, các ông chủ mọi thời của quyền lực và của cải là những người hành động, họ lựa chọn giữa những chọn lựa khả dĩ. Có nhiều loại nhân tố tác động lên họ, và giữa các nhân tố đó các giá trị, các lí tưởng, các suy nghĩ không bị dồn vào vị trí cuối cùng. Ngoài ra tất nhiên cái mà hàng triệu, hàng trăm triệu người ít hùng mạnh hơn, ít giàu có hơn nghĩ và tin vào, cũng có ảnh hưởng lên tiến trình của các sự kiện. Toàn bộ sự nghiệp của đời tôi sẽ mất hết ý nghĩa, nếu giả như tôi không tin rằng, tư duy có sức mạnh của nó.

Tất nhiên, sức mạnh này vấp phải các giới hạn, các trở ngại. Một trong những đề tài chính của những hồi ức chính là: khi nào và vì sao tư duy của riêng tôi lại rối mù lên và được sắp xếp lại ra sao; tư tưởng của những người khác ảnh hưởng đến tôi thế nào; và những suy nghĩ, phân tích và kiến nghị của tôi xung đột với của những người khác thế nào. Tư duy liên tục phải đọ sức. Mỗi chương sẽ tường thuật về các cuộc đọ sức mới và mới hơn, thành công hay thất bại.

Tôi cho cuốn sách đầu đề phụ là tự sự đặc biệt. Nguyên nhân của việc này là, trong hai khía cạnh cuốn sách trệch khỏi tập tục của các hồi kí. Trong quá trình thuật lại các sự kiện của đời mình, đôi khi tôi dừng lại và trình bày những suy nghĩ của mình gắn với mỗi tình tiết. Khi đó trọng tâm không phải là ở tường thuật câu chuyện, mà là ở sự phân tích tình hình và vấn đề. Những giãi bày như vậy, liên quan đến vấn đề nào đó của khoa học xã hội, đạo đức học, quá trình nghiên cứu-sáng tạo hay của đề tài khác, cũng có thể coi là các "tiểu luận". Tác phẩm của tôi là một hỗn hợp của một hồi kí và một loạt tiểu luận.

Phần lớn các hồi kí nói về cuộc sống riêng của tác giả. Tuy hồi kí của tôi là tường thuật mang giọng cá nhân, có quan điểm chủ quan, xét về cơ bản tôi đã viết một hồi kí tự sự trí tuệ. Tính ngữ trí tuệ này phải được hiểu theo nghĩa rất rộng; nó bao hàm các khía cạnh chính trị, đời sống xã hội và xã hội khác của đời tôi, bao hàm tình bạn và các quan hệ cá nhân khác gắn với hình thái tồn tại của giới trí thức. Ở nhiều chỗ cuốn sách sẽ nói về những người thân thích của tôi hay về các sự kiện gia đình, trong bản viết nó hoàn toàn không chiếm dung lượng, không có trọng lượng tương đối, như nó thực có trong đời tôi. Các bức ảnh được công bố trong cuốn sách có lẽ có thể giới thiệu đôi nét về lĩnh

https://thuviensach.vn

vực cuộc sống của tôi, mà văn bản hồi kí không thể diễn đạt bằng lời. Cuốn sách là hồi kí đặc biệt cũng theo nghĩa rằng, tôi rất ít nói về cái tôi gọi là việc riêng theo nghĩa hẹp. Đến cuối cuốn sách sẽ trở nên sáng tỏ, tôi đã thử vạch đường ranh giới ở đâu.

Tôi cần nói vài lời về thể loại và văn phong của cuốn sách. Suốt năm mươi năm tôi đã viết những phân tích, nỗ lực để trình bày cái tôi hiểu, lập luận nó, theo dòng suy nghĩ có thể theo dõi được và mạch lạc. Tôi không muốn đột nhiên trở thành nhà văn. Đừng ai mong đợi ở tôi những mô tả hay về phong cảnh, các đối thoại sinh động, mô tả sống động dáng vẻ của các bạn tôi hay gợi không khí của thời điểm căng thẳng. Cảm tưởng tồi nhất mà bạn đọc có thể có là giả như một gã nhà văn quèn nói với họ- thế thì tốt hơn tôi cứ dùng thể loại quen thuộc của tôi, cùng với từ vựng và văn phong quen thuộc của tôi. Nhà văn bỏ ngỏ hay chủ đích che mờ các vấn đề một cách chủ ý hay tự phát, để những suy nghĩ "lơ lửng" – và như thế là phải. Nhà nghiên cứu khoa học không thể làm như vậy. Tôi không thể chối từ nhà nghiên cứu trong tôi, ngay cả khi viết hồi kí. Trong văn phong, cấu trúc, và cách thức diễn đạt, tôi cố tránh sự mơ hồ.

Khi viết các tác phẩm trước tôi đã tương đối dễ xác định, tôi nói cho những ai. Điều này ít nhiều xác định, tôi cần giải thích cái gì và cái gì tôi có thể giả sử bạn đọc đã biết. Lần này tình hình là khác. Tôi hi vọng, các nhà kinh tế và các nhà chuyên môn khác, những người già và các bạn trẻ, những người Hung và người nước ngoài, "những người phương đông" và "những người phương tây" sẽ cầm hồi kí của tôi. Tôi cố gắng để tất cả mọi người có thể theo dõi điều tôi muốn nói. Với những người chưa đọc các tác phẩm trước kia của tôi, hồi kí cho họ nếm một chút thông điệp của các cuốn sách và bài báo của tôi; với những người đã đọc, có lẽ nó giúp làm tươi kí ức. Tôi xin lỗi trước và mong sự thông cảm của độc giả cảm thấy rằng, tôi nói cái gì đó với dư chi tiết – có lẽ có một bạn đọc khác lại cần chính đến sự chỉ dẫn này.

Hiển nhiên là, nguồn quan trọng nhất của cuốn sách là kí ức riêng của tôi. Nhưng tôi phải dè chừng để chỉ dựa vào nguồn này. Tôi không coi việc viết cuốn sách là việc sát hạch trí nhớ, mà ở chừng mực có thể, tôi đã cố làm tươi lại các kí ức. Tôi không chỉ hồi tưởng lại các suy nghĩ và cảm giác của mình, mà cả các sự kiện đã xảy ra, các tác phẩm đã công bố. Tôi cảm thấy có nghĩa vụ để kiểm tra các thông báo sự thực một cách thận trọng nhất có thể. Nếu ngược với nỗ lực tốt nhất

https://thuviensach.vn

của tôi mà vẫn có những thông tin không chính xác lọt vào văn bản, thì tôi sẽ chỉnh lại các thông tin đó vào dịp phù hợp đầu tiên.

Tôi có nhiều loại nguồn. Như đã nhắc tới, trong cuốn sách tôi quay lại các tác phẩm được cho là quan trọng nhất của mình.(*) Nếu một tác phẩm của tôi được công bố ở dạng ấn phẩm, thường tôi không xem lại. Nhưng bây giờ tôi lần lượt đọc lại chúng, và cùng với chúng đọc cả các bài phê bình ban đầu và tiếng vang muộn hơn.

Tôi chẳng bao giờ viết nhật kí. Nhưng từ khi tôi trở thành nhà nghiên cứu chuyên nghiệp, tôi cất nhiều sổ ghi chép, mà tôi diễn đạt trong lúc nghiên cứu, tôi lưu trữ nhiều loại tư liệu. Tôi lưu trữ chúng ở dạng dễ theo dõi, trong hàng trăm hồ sơ được đánh số, phân thành hạng mục. Tôi lưu trữ phần lớn thư từ gửi đến cho tôi, cũng như bản sao thư tôi gửi đi. Bây giờ tôi cố đào sâu đống tư liệu phong phú này.

Bổ sung cho sưu tập tư liệu của riêng tôi là việc tìm kiếm ở các kho lưu trữ khác nhau, nơi cùng các cộng sự của mình chúng tôi chợt thấy nhiều thông tin lí thú. Việc nghiên cứu các hồ sơ của các cơ quan mật vụ cũ đặc biệt hồi hộp. Các luật mới của Hungary cho phép công dân tiếp cận đến các tư liệu liên quan đến mình. Đọc các báo cáo của những kẻ chỉ điểm ngầm, các biên bản của công an điều tra chuẩn bị cho các vụ án chính trị, những ghi chép của các sĩ quan an ninh quốc gia và tình báo gây cảm xúc nghẹt thở, đôi khi choáng váng. Cuốn sách giới thiệu nhiều tư liệu liên quan đến tôi của cảnh sát chính trị và cơ quan tình báo.

Tôi thấy quan trọng để làm yên lòng các bạn đọc của tôi ngay lúc mở đầu rằng, cuốn sách không chỉ dựa trên kí ức của tác giả, mà cả trên nghiên cứu các tư liệu nữa. Nhưng tôi không muốn, nếu thay cho việc làm yên lòng tôi lại làm giới độc giả rộng hơn lo sợ. Trọng tâm của cuốn sách sẽ không phải là ở việc giới thiệu khô khan những nghiên cứu lưu trữ, mà là ở sự xử lí cá nhân các kí ức. Kế tiếp là tường thuật về một cuộc chu du trí tuệ dài và li kì, trong đó ánh sáng và bóng tối, những kinh nghiệm sống hào hứng và cay đắng luân phiên nhau. Tôi hi vọng rằng, đến cuối cuốn sách các độc giả của tôi sẽ hiểu kĩ hơn đời tôi, các công trình của tôi và thời đại mà tôi đã sống.

Bỏ đưa ra vài chỉ dẫn thực tiễn để giúp việc đọc dễ dàng. Cuối cuốn sách có thể tìm thấy danh mục tài liệu tham khảo. Danh mục này chỉ chứa các công trình đã công bố mà cuốn sách này nhắc đến. Như thế không thể coi là thư mục tham khảo toàn diện của các đề tài được

https://thuviensach.vn

nhắc đến trong cuốn sách. Nếu tác phẩm nào đó được công bố bằng tiếng Hungary, thì dữ liệu của phiên bản tiếng Hung xuất hiện trong Danh mục tài liệu tham khảo. Nếu một công trình được xuất bản nhiều lần, nếu có thể chúng tôi đưa lần xuất bản cuối cùng vào danh mục, nhưng chúng tôi cũng đưa ra năm xuất bản đầu tiên [trong ngoặc vuông].

Hai loại chú thích bổ sung cho văn bản chính của cuốn sách, bên dưới các trang có thể thấy chú thích cuối trang [footnote] và sau văn bản là các chú thích cuối [endnote]. Chú thích cuối trang được đánh dấu sao. Các chú thích cuối được đánh số ả rập.

Lạ là có hai loại chú thích trong một cuốn sách. Tôi chọn giải pháp này là vì, tôi hi vọng việc này làm cho bạn đọc thoải mái nhất. Cuốn sách của tôi không phải là sách văn học, nhưng cũng không là tác phẩm khoa học. Chính "thể loại lửng lơ" này lí giải cho giải pháp khác thường.

Trong các chú thích cuối trang có thể thấy loại nội dung, mà – xét về mặt thể loại và văn phong - thực ra tôi đã có thể đưa vào văn bản chính. Tuy vậy tôi vẫn đưa vào chú thích cuối trang, bởi vì mỗi chú thích là một đoạn rẽ khỏi hướng suy nghĩ của văn bản chính. Trong các chú thích cuối trang có thể thấy các thí dụ hay dữ liệu minh hoạ, các tình tiết, đôi khi các giai thoại hay các chuyện cười. Tôi hi vọng, những người quyết định đọc văn bản chính cũng sẽ đọc các chú thích cuối trang.

Các chú thích cuối [sách] có thể tìm thấy dưới đầu đề Dẫn chiếu, chứa các thông tin mà các nhà nghiên cứu gọi là "công cụ chú thích". (**) Trong phần trên của Lời nói đầu, tôi đã nhấn mạnh rằng, việc viết hồi kí của tôi dựa vào việc thu thập dữ liệu rộng rãi. Nếu nguồn của một thông tin nào đó là một tư liệu lưu trữ, thì chú thích cuối sẽ cho các thông số của nguồn lưu trữ một cách quen thuộc.

Trong các nguồn có các tác phẩm đã được công bố; số liệu tham khảo của chúng có thể thấy ở Danh mục Tài liệu Tham khảo. Nếu từ văn bản chính, bạn đọc có thể xác định rõ ràng tác phẩm nào được nói đến, và quan tâm đến các số liệu tham khảo, thì đơn giản có thể có thể mở các trang cuối, và tìm thấy thông tin liên quan đến công trình đó. Nhưng nếu mối quan hệ giữa dẫn chiếu tài liệu tham khảo trong văn bản chính và Danh mục Tài liệu Tham khảo không rõ ràng, thì chú

https://thuviensach.vn

thích cuối sẽ giúp định hướng. Từ chú thích cuối có thể biết cả số trang của các lời dẫn nữa.

Theo giả thiết của tôi, phần lớn bạn đọc không muốn theo dõi từng tiết mục một xem nguồn của mỗi thông tin là gì. Tôi muốn làm cho công việc của họ được dễ bằng để các chú thích cuối công bố các nguồn ra cuối cuốn sách. Nội dung cuốn sách có thể theo dõi được mà chẳng cần để mắt đến các chú thích cuối.

Tuy nhiên, đối với các bạn đọc (trong số họ có các nhà nghiên cứu các đề tài được đề cập trong cuốn sách), những người tự mình muốn theo đuổi một vấn đề nào đấy, họ có thể tìm thấy mọi thông tin cần thiết trong các chú thích cuối.

Tôi biết ơn những người đã giúp tôi viết hồi kí của mình. Szabó Katalin, cộng sự thường xuyên của tôi đã tổ chức công việc và tư liệu liên quan đến cuốn sách một cách vui vẻ và rất chu đáo, đã lo các phiên bản tiếp nhau của bản thảo. Các nghiên cứu sinh sử học Molnár János và kinh tế học Iván Gábor đã hợp tác nhiệt tình và tháo vát trong sưu tầm dữ liệu và tài liệu, trong làm rõ các nguồn và kiểm tra thông tin, trong biên soạn bản thảo.

Tôi muốn cám ơn sự giúp đỡ của tất cả những người đã đọc các phiên bản ban đầu hay một số phần và đã bình luận, đã giúp sưu tầm các tư liệu lưu trữ, các bài báo, làm rõ một số vấn đề chuyên môn và đã giúp bằng nhiều cách khác nhau trong chuẩn bị cho cuốn sách này. Tôi liệt kê theo thứ tự abc những người mà tôi đã nhận được nhiều sự giúp đỡ nhất: Csankovszki Kata, Karen Eggleston, Erdős Hédi, Fazekas Ica, Jerry Green, Gyurgyák János, Karinthy Márton, Kende Péter, Kenedi János, Kovács Mária, Laki Mihály, Lőcsel Pál, Majtényi László, Brian McLean, Négyesi Judit, Parti Julia, Richard Quandt, Rainer M. János, Révész Sándor, Gérard Roland, Henry Rosovsky, Sarnyai Éva, Schönner Ágnes, Simonovits András, Susan Suleiman, Sz. Kovács Éva và Varga László. Tôi cảm ơn cả những người không được nêu tên ở đây, và những người đã thúc đẩy việc viết cuốn sách bằng trả lời một số câu hỏi và làm rõ một số thông tin.

Chương trình Nghiên cứu Khoa học Cơ bản Toàn quốc [OTKA] (số đề tài: T 046976) đã góp phần chi phí nghiên cứu. Viện Nghiên cứu Kinh tế học của Viện Hàn lâm Khoa học Hungary đã giúp đỡ bằng cách đảm nhận xử lí hành chính sự hỗ trợ của OTKA.

https://thuviensach.vn

Cũng như với tất cả các công trình trước đây trong một thập kỉ rưỡi vừa qua, công trình này cũng có được môi trường truyền cảm hứng và nhiều hỗ trợ thực tiễn từ nơi làm việc của tôi, Collegium Budapest.

Tôi đã làm việc với nhiều biên tập viên nhà xuất bản, nhưng hiếm khi tôi gặp được người hiểu kĩ, xây dựng và chu đáo đến vậy như Gábor Luca. Környei Anikó đã thiết kế hình dáng cuốn sách rất đẹp mắt. Tôi mang ơn họ và các cộng sự khác của Nhà xuất bản Osiris đã giúp đỡ công việc xuất bản cuốn sách này.

Budapest 10-2-2005

Kornai János

(*) Sự lựa chọn có thể dễ thấy từ mục lục. Chương nào thảo luận kĩ hơn một tác phẩm nào đó của tôi, ở đó tên của tác phẩm hay các tác phẩm ấy xuất hiện trong tiêu đề phụ của chương.

(**) Các chú thích không thể có chú thích của chúng, vì thế các chú thích cuối trang chứa cả các dẫn chiếu liên quan đến chúng nữa.

https://thuviensach.vn

Chương 1:GIA ĐÌNH, TUỔI NIÊN THIẾU

https://thuviensach.vn

Tôi không phải là Marcel Proust hay Esterházy Péter. Tôi không biết miêu tả khéo, và vì thế tôi cũng chẳng thử mô tả thế giới thời thơ ấu, không khí gia đình của mình. Tôi nhớ mùi bánh hay giọng của cha mẹ mình, nhưng tôi không có khiếu văn chương để truyền đạt tất cả điều này bằng lời cho các bạn đọc hồi kí của tôi.

Tốt hơn tôi vẫn dùng thể loại riêng của mình để mô tả và phân tích thế giới quanh tôi. Bây giờ tôi bổ sung việc này bằng thêm một nhiện vụ nữa: với cái đầu 77 tuổi hiện nay tôi cố hiểu và phân tích bản thân mình. Vì sao và thế nào tôi lại trở thành như vậy, như tôi đã là và đang là? Như thế chủ yếu tôi sẽ kể về tuổi thơ ấu, tuổi thiếu niên của tôi và gia đình tôi, nhằm giúp cho việc hoàn thành hai nhiệm vụ này, để hiểu bản thân tôi và thời đại.

Cha tôi

Cha tôi tên là dr. Kornhauser Pál. Tôi đã mang họ này, cho đến 1945 khi tôi tự quyết định lấy họ Kornai.

Ông nội tôi, Kornhauser Károly là thợ nguội cả. Ông sống ở vùng cao Trencsén khi đó vẫn thuộc về Hungary. Cha tôi tự hào là cầu Trencsén đã được làm trong xưởng của ông nội. Muộn hơn, khi tôi đã lớn, nếu bàn đến điều này thì nhiều người ngạc nhiên rằng một người Do Thái lại theo nghề thợ nguội trong một thành phố vùng cao thế kỉ XIX, thay cho việc có một quán rượu hay một cửa hàng. Cha tôi vẫn còn nhỏ, khi ông bà nội mất. Bác tôi đã giúp cha tôi học tiếp, nhưng về cơ bản ông tự lực để vào được trường trung học piarist [trường dòng], đại học luật, rồi làm nghề luật sư. Chắc chắn tấm gương của người cha cũng đã cổ vũ, khi bản thân tôi cũng đi con đường "tự lực". Như nhiều người ở Vùng Cao, bố tôi cũng nói thông thạo ba thứ tiếng như tiếng mẹ đẻ, tiếng Hung, tiếng Đức và tiếng Slovak. Hẳn ông đã phải rất có tài và chăm chỉ, vì ông đã có sự nghiệp đáng nể từ lúc rất trẻ. Hiểu biết tiếng Đức và sự quan tâm đã hướng ông đến công việc pháp lí của các hãng Đức hoạt động tại Hungary. Ông nhận được ngày càng nhiều uỷ nhiệm từ các hãng này, rồi sau đó ông trở thành cố vấn pháp lí của đại sứ quán Đức tại Budapest. Đây thực ra là một chức danh vinh dự, bởi vì ông không là nhân viên của nhà nước Đức. Chức danh cố vấn pháp lí có nghĩa rằng, nếu cần đến luật sư cho việc kí kết hợp đồng liên quan

https://thuviensach.vn

đến công việc tại Hungary hay cho vụ kiện dân sự trước toà án Hungary, thì sứ quán giới thiệu cha tôi. Bố tôi không bao giờ nhận việc khác, không nhận vụ án li dị, cũng chẳng nhận vụ hình sự, cũng không đại diện cho hãng Hungary. Ông chuyên môn hoá mình nghiêm ngặt cho vụ việc kinh tế ở Hungary của các hãng Đức.

Nhà ở và văn phòng luật sư ở đường Akadémia, chính trong toà nhà, nơi bây giờ Văn phòng Thủ tướng hoạt động. Mới đây tôi có ghé qua đó. Bước vào phòng làm việc một thời của cha mình gây trong tôi một cảm giác đặc biệt, bây giờ một nhà kinh tế học bạn tôi làm việc ở đó. Văn phòng của bố tôi đầy sách luật Hungary và Đức. Cả ông lẫn mẹ tôi không ai sưu tầm các sách khác. Các sách văn học đầu tiên do chị tôi, sau đó do tôi mang về. Tôi không thể tường thuật cái mà nhiều người thuộc gia đình trí thức có thể nói về mình rằng, ngay từ không khí gia đình đã hít thở tình yêu và sự coi trọng văn học.

Từ các câu chuyện của mẹ và chị tôi, tôi biết là thời trẻ cha tôi đọc nhiều, hay đi xem opera, và đặc biệt thích Wagner. Đến khi tôi vào tuổi thiếu niên, và tôi đã có thể tự để ý thấy, thì tuyệt nhiên không còn dấu tích nào của ham thích này. Sự chú ý trí tuệ của cha tôi tập trung vào chuyên môn.

Hãy quay lại sứ quán Đức. Sau cái chết của cha tôi hàng chục năm mẹ tôi có nhắc đến rằng, cha tôi thế chỗ của một luật sư có tên là dr. Káldor Miklós, khi sứ quán phong làm cố vấn pháp lí. Cái tên nghe quen quen. Tôi đã thành công lần ra rằng, Káldor Miklós, nhà kinh tế học lớn, cố vấn của bộ trưởng bộ tài chính Anh, sau gọi là Lord Kaldor, là con trai của ông luật sư Hungary ấy. Một lần chúng tôi nói chuyện với nhau tại căn hộ của Káldor ở Cambridge, và nói đến các ông bố của chúng tôi. Khi đó Káldor đã có tuổi nhưng cơn giận và sự ghen tức gia đình một thời lại nổ ra. Hình như, trước đó nửa thế kỉ ở nhà người ta đã nhiều lần chửi cậu thanh niên Kornhauser, người đã thế chỗ của đồng nghiệp Káldor già.

Khi anh cả tôi, Bandi, và chị Lilly tôi còn nhỏ, bố tôi quan tâm nhiều đến họ. Lilly nhiều lần nhớ lại những kỉ niệm đẹp một cách cảm động, nhớ lại các cuộc đi chơi với bố, các trò chơi chung, các cuộc trò chuyện. Cho đến đợt trẻ con thứ hai, khi anh Tomi và tôi sinh ra, bố tôi không còn nghị lực, cũng chẳng còn kiên nhẫn để quan tâm đến chúng tôi. Trong tôi không có kỉ niệm về một giờ phút đầm ấm chung, về một

https://thuviensach.vn

cuộc nói chuyện lí thú nào cả. Sự quan sát sẽ nhiều lần trở lại trong hồi kí này là, tôi đã không có các ông thầy. Tôi phải bắt đầu số phận ở đây. Như tất cả trẻ con và thanh niên, tôi cũng coi cha mình là tấm gương về nhiều mặt, và ngày nay tôi cũng coi như vậy. Nhưng trong đời sống trí tuệ của mình tôi đã không có thầy hay sư phụ. Ông là một người thông minh và có hiểu biết rộng, nhưng bằng lời ông đã chẳng chuyển cho tôi tí gì về các quan điểm, những hiểu biết và kinh nghiệm của ông.

Khi tôi sinh ra ngày 21-1-1928, cha tôi đã 47 tuổi. Chắc chắn tuổi cao cũng đã góp phần vào việc ông ít quan tâm đến anh Tomi và tôi. Nhưng hoàn cảnh quan trọng nhất, cái đã làm thay đổi thái độ của ông, là sự rẽ ngoặt xảy ra về tình hình chuyên môn-sinh hoạt xã hội của ông. Tôi vẫn chưa được năm tuổi, khi Hitler lên nắm quyền. Như trong nhiều lĩnh vực khác của cuộc sống, trong hệ thống quan hệ địa phương của các sứ quán nước ngoài cũng không xảy ra "Gleichschaltung", sự chuyển toàn bộ sang chế độ Hitler trong một sớm một chiều. Trải qua nhiều năm, thì quyền lực nazi mới ngự trị trong mọi tế bào của hệ thống toàn trị. Tôi không biết, thời điểm nào là lúc từ đó cha tôi không còn được dùng hàm "cố vấn pháp lí của sứ quán Đức" nữa. Mất chức danh này đầu tiên chỉ có nghĩa là, sứ quán không còn đề nghị cho các hãng Đức nữa, tuy một thời gian các hãng đó không bắt buộc phải cắt đứt quan hệ với ông. Tuy vậy, các khách hàng bỏ đi dần dần. Đúng, vẫn có doanh nhân Đức trung thành với cha tôi cho đến khi ông mất.

Các khách hàng thưa dần, và thu nhập giảm theo. Bố chẳng bao giờ bàn về chuyện vật chất với chúng tôi, về sau, tuy vậy, tôi có thể khẳng định rằng, ông ngày càng dùng đến của cải tích tụ được trước đó, chứ không phải thu nhập thường xuyên để duy trì gia đình. Chúng tôi, những đứa trẻ hơn, không cảm thấy các nỗi lo mấy. Chúng tôi sống giàu sang, trong căn hộ rộng và đắt tiền ở nội thành, từ đó mỗi mùa hè chúng tôi chuyển sang villa đẹp của chúng tôi ở đồi Hoa Hồng. Khi chúng tôi còn nhỏ, có bảo mẫu người Đức bên chúng tôi, nhiều người giúp việc và người làm vườn phục vụ gia đình. Bố tôi đã đổi lại một phần bảo hiểm lớn tiền, đã bán các đồ trang sức và các đồ mĩ nghệ của gia đình, để bù vào sự sụt giảm thu nhập từ văn phòng luật sư.(*)

Cảm nhận bị đẩy ra ngoài ngành đã có thể là thử thách nghiêm trọng đối với ông, khi đó ông vẫn tràn đầy năng lực trí tuệ và hiểu biết

https://thuviensach.vn

chuyên môn, và nghề luật sư là rất quan trọng dưới con mắt ông. Xu thế lịch sử tai hại có thể đã gây cho ông những lo nghĩ trầm trọng hơn thế nhiều và làm ông lo lắng, cùng các thứ khác xu thế đó cũng gây ra thay đổi tình hình nghề nghiệp và vật chất của ông. Sự thống trị của Hitler ngày càng lộ bộ mặt tàn nhẫn của nó, đã có tin về xua đuổi người Do Thái, đã xảy ra Anschluss, tức là sự thôn tính nước Áo (một người anh cha tôi sống ở Wien), họ xâm chiếm Czech và Hungary, ở Hungary họ đã đưa ra các luật Do Thái đầu tiên, và chiến tranh đã bắt đầu.

Một nguyên tắc nghiêm ngặt của cha tôi là, không muốn tham gia tích cực vào bất cứ đảng hay phong trào chính trị nào. Ông đã có những kỉ niệm xấu về thời công xã 1919. Tuy nhiên suy nghĩ của ông là xa cái thời đó người ta gọi là bảo thủ. Tôi không nghe thấy từ ông nhận xét theo hướng chống những người cánh tả. Ông là người đăng kí mua báo buổi sáng, tờ *Újság*, theo nguyên tắc tự do, và nếu mua báo khác thì đó cũng là ấn phẩm của báo chí tự do. Trong chừng mực, nói chung có thể rút ra kết luận từ những lời nói của ông, tôi nghĩ, ông là người có đầu óc tự do. Nhưng – trong khi ông muốn đứng xa chính trị- lịch sử đã tràn vào cuộc sống của ông và của gia đình lúc đầu chỉ với tiếng sấm xa xôi, rồi với sét đánh ngày càng gần.

Ông đã chẳng bao giờ từ chối gốc Do Thái của mình, nhưng ông cũng không nhấn mạnh nó. Trong cuộc sống xã hội ông có nhiều bạn Do Thái, nhưng cũng có các bạn không Do Thái. Ông là người tin chúa, nhưng không theo đạo, ông không đi nhà thờ Do Thái, ông không tuân thủ các quy định thành văn của lễ nghi Do Thái giáo. Tuy nhiên ông luôn hiến các khoản từ thiện cho trại trẻ mồ côi của giáo xứ Do Thái. Có lẽ kí ức bị mồ côi của riêng ông khiến ông làm vậy. Ông xa lánh suy nghĩ cải sang đạo cơ đốc [thiên chúa], và như thế cản mất sự đồng hoá của ông.

Ông tự hào đã lên đến cấp đại uý trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất và đã nhận được các phần thưởng cao quý. Ông không hề do dự nhận mình là người Hungary. Khi anh Bandi thực sự phục vụ một năm trong quân ngũ và cuối cùng phục viên với tư cách hạ sĩ, bố tôi đã đặt may quân phục cho ông và con trai. Có ảnh chụp về họ, trong đó người cha và đứa con trai mặc quân phục đại uý và hạ sĩ bó chẽn nhìn thẳng tự tin - một hai năm sau bọn quân cảnh Hungary đưa người cha lên tàu chạy về Auschwitz và người con trai mặc thường phục, làm lao dịch

https://thuviensach.vn

dưới sự chỉ huy của quân đội Hungary, chịu giá rét và bệnh tật và chết ở khúc quanh sông Đông.

(*) Mới đây tôi tìm thấy ghi chép của bố tôi, trong đó ông nêu chi tiết các khoản bảo hiểm nhân thọ của mình. Ông cảm thấy đặc biệt quan trọng để lo cho mẹ tôi. Bất luận ông đã cố thận trọng đến mức nào, tất cả các thương vụ của ông đều thất bại. Các khoản bảo hiểm mua trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất chẳng còn gì do lạm phát kinh khủng. Rút ra bài học này, đầu các năm 1930 ông đã mua bảo hiểm mới có giá trị lớn gắn với "giá trị đôla vàng" theo năm lịch xác định nhằm giữ giá trị tại một hãng bảo hiểm Đức loại lớn nhất thế giới. Ông cảm thấy bây giờ mình đã kí hợp đồng bảo hiểm an toàn một trăm phần trăm. Làm sao ông có thể nhìn thấy trước được rằng, trong các năm 1940 hệ thống cộng sản sẽ quốc hữu hoá công ti con ở Hungary của hãng bảo hiểm Berlin, và nhạo báng nguyên lí giữ giá trị, sẽ trả một khoản trợ cấp nhỏ nực cười cho mẹ tôi với giá "một đôla vàng bằng một đồng forint". Thật cảm động và xót xa đọc thấy sự chăm lo yêu thương, cẩn trọng của cha tôi mà lịch sử đã chà xéo lên.

Bố tôi đã chỉ dẫn rất chi tiết cho những người thừa kế: sẽ phải tiến hành ra sao trong việc bảo hiểm. Tôi nhận ra chính mình: tôi cũng thường lải nhải các chỉ dẫn như vậy cho các cộng sự hay người thân thích của mình. Một phần những người liên quan chấp nhận với lời cảm ơn, những người khác thì mỉm cười, nhưng có người khước từ một cách bực tức. Từ đâu tôi lại giống bố tôi về khía cạnh này? Có lẽ tôi đã nhìn thấy những biểu hiện như vậy (tôi không nhớ đến chúng), và tôi theo hình mẫu đó? Hay phải chăng cách ứng xử này cũng có sẵn ngay trong chương trình gen di truyền?

Gia đình

Bố tôi - cả trong thời gian thu nhập teo lại- vẫn luôn hào phóng với chúng tôi. Ở tuổi thiếu niên khi chụp ảnh trở thành niềm say mê của tôi, lập tức ông đã mua cho tôi máy ảnh tốt nhất thời đó, và khi cần đến thiết bị để tráng và phóng ảnh, nguyện vọng này của tôi cũng tức khắc thành sự thật. Khi sưu tầm sách trở thành đam mê của tôi, ông lại giúp bằng tiền. Nhưng trung tâm, nguồn ấm cúng của gia đình đã không phải là ông, mà là mẹ tôi, có tên thời con gái là Schatz Aranka, muộn hơn tất cả chúng tôi đều gọi bà là Munyó.

https://thuviensach.vn

Các cô bảo mẫu đáng yêu đã trông coi chúng tôi khi nhỏ. Tôi nhớ lại tất cả họ với nhiều yêu mến, tôi đã thực sự quý mến cô cuối cùng, cô Liesl mảnh dẻ, tuyệt vời. Ngay cả nếu công việc hàng ngày là của cô giúp việc, mẹ tôi tìm ra hàng trăm dịp để bày tỏ sự yêu mến dịu dàng của bà. Bà không được học, không có học vấn, nhưng trí óc tự nhiên của bà sắc sảo. Sắc đẹp tinh tế và thú vị của bà đi cùng với sự thanh lịch tự nhiên, vốn có của bà. Có lẽ Freud là người đã xác định rằng: sự tự tin và hoài bão của người lớn phụ thuộc phần nhiều vào việc khi trẻ nhận được bao nhiêu yêu thương từ mẹ đẻ ở đoạn đầu cuộc sống. Giữa các chuyện mà Munyó vui vẻ kể đi kể lại có chuyện rằng, trong bốn đứa con bà đau đớn nhất với tôi khi mang thai. Khi liên tục cảm thấy khó chịu, bác sĩ của bà làm yên lòng bằng cách nói: "Bà sẽ thấy trong đứa trẻ này nhiều niềm vui nhất". Câu này ngay từ thời tôi còn nhỏ bà đã nói đi nói lại cho tôi nhiều lần. Bà không chối rằng, trong bốn đứa trẻ tôi là con cưng của bà. Bà nhiệt thành mừng vui với mọi thành công nhỏ của tôi, bà khen và động viên. Tôi không hề nhớ một lần duy nhất nào, khi bà chửi. Bà không bao giờ kiểm tra việc học hành của tôi. Khi còn nhỏ nếu tôi phàn nàn về thất bại hay khó khăn về học tập, bà không cho lời khuyên, mà chỉ động viên: "Rồi con sẽ giải quyết. Mẹ không sợ, rồi con sẽ làm xong". Tôi không thể tưởng tượng ra sự khích lệ mạnh hơn loại lời khen này và lòng tin vô điều kiện của mẹ.

Trong gia đình chúng tôi hoàn toàn không biết đến trừng phạt thân thể. Một lần anh trẻ của tôi như một thanh niên hừng hực đã bắt đầu vật nhau với một thiếu nữ làm nội trợ trong nhà. Đây không phải-dùng từ ngữ ngày nay-là quấy rối tình dục, nhưng đã vượt quá giới hạn, mà cha mẹ tôi cho là có thể chấp nhận được. Buổi tối bố tôi vào phòng của chúng tôi và đạp mạnh - ồ không phải vào anh Tomi của tôi – mà vào sườn giường. Bằng cách này và vài lời quở trách ông thể hiện sự tức giận của mình. Đây là "sự trừng phạt" lớn nhất suốt thời trẻ con của tôi. Cho đến 1944 tôi chưa tận mắt bắt gặp sự tàn nhẫn của con người, tôi đã không trải nghiệm và cũng không thấy bằng con mắt của chính mình sự đau đớn thân thể do cố ý gây ra, tôi đã không nghe thấy sự la ó tức giận, "sự nhạo báng". Sự ghê tởm lời to tiếng, lời la ó, và còn hơn nữa sự làm nhục thân thể những người khác, việc đánh người, sự ghê tởm việc hành hạ người đã hằn sâu trong tôi.

https://thuviensach.vn

Cuộc sống của anh cả tôi, anh Bandi sinh 1914, đã bắt đầu vui vẻ và hứa hẹn. Khi gần học xong đại học, một bạn anh chuẩn bị di cư sang Anh. Anh cũng muốn đi cùng bạn, nhưng cha tôi không đồng ý. Tôi không biết chính xác lí lẽ của cha mình, nhưng muộn hơn, tôi biết từ lời của chị tôi, bố tôi viện vào chúng tôi là người Hungary, chỗ chúng tôi là ở đây. Và ông cũng viện dẫn rằng, anh cả phải ở với gia đình. Anh tôi không có tính nổi loạn, và chấp nhận sự cấm đoán của cha. Như tôi đã nhắc đến, anh chấm dứt cuộc đời ngắn ngủi của mình trên mặt trận Nga. Vì chênh lệch tuổi tác lớn tôi có ít quan hệ với anh, nhưng với niềm thương yêu và với trái tim đau nhói vì cái chết sớm của anh tôi nhớ lại cá tính đáng mến và hài hước của anh.

Trong các anh chị em tôi sợi dây tình cảm và trí tuệ gắn tôi nhiều nhất với chị Lilly hơn tôi chín tuổi, sinh năm 1919. Chúng tôi đã cùng đọc thơ, chị đưa cho tôi các tiểu thuyết của Karinthy, chị chơi lần đầu cho tôi nghe Debussy và Schumann trên dương cầm. Chắc hẳn chị đã đổ lòng tự tin vào tôi, vào một thiếu niên lóng ngóng, gầy còm, rụt rè, rằng được bà chị xinh đẹp và thông minh của mình "coi trọng", được chị nói chuyện về các vấn đề lớn của cuộc đời, được chị đưa vào hội bạn bè.

Quan hệ của tôi với anh trẻ, anh Tomi, khác xa đến thế nào! Anh sinh năm 1925, chỉ hơn tôi ba tuổi, chúng tôi cùng học một trường khá lâu, chúng tôi có chung cô gia sư. Chúng tôi chơi với nhau nhiều, và – như thường thấy giữa các anh em trai -một cách thân thiện hay ít thân thiện đôi khi chúng tôi cũng đánh nhau nữa. Nhưng ngay khi con gái bắt đầu quan tâm đến anh Tomi, anh hoàn toàn xa rời tôi. Chúng tôi chẳng bao giờ cùng đi với hội bạn bè, chúng tôi không có bạn chung, cũng không xảy ra một cuộc nói chuyện có ý nghĩa nào giữa chúng tôi. Việc này thực ra vẫn thế trong cuộc sống người lớn của chúng tôi nữa. Tình chị em thân thiết, gần gũi kết nối chúng tôi cho đến ngày chị Lilly mất. Mối quan hệ ấy không chỉ dựa trên tình cảm mà cả trên các giá trị trí thức chung nữa. Tôi đã có thể dễ dàng trao đổi ý kiến chính trị sinh động và nói về các xúc cảm văn học chung của chúng tôi với chị ngay cả khi chị nằm bệt giường suốt nhiều năm.(*)Ngược lại, các cuộc gặp gỡ với anh Tomi luôn luôn chỉ hời hợt, ở mức các cuộc tán gẫu "vui". Trong việc này tôi thấy bằng chứng rằng, tính di truyền chung được cấy vào các tế bào não của chúng ta và môi trường gia đình và trường học rất giống nhau, gần như nhau là không đủ để hai

https://thuviensach.vn

anh em ruột gắn bó lại với nhau. Cái cá nhân trong tôi và trong anh Tomi, và cái mà chúng tôi *khác biệt* nhau, đã tác động mạnh cụ thể không chỉ đến mối quan hệ của hai chúng tôi, mà cả đến diễn biến rất khác nhau của tính cách và số phận của hai chúng tôi nữa.

Trong gia đình Kornhauser hai bố mẹ và bốn đứa con thực sự thương yêu lẫn nhau- nhưng, về khía cạnh các hoạt động hàng ngày và các cuộc gặp gỡ, chúng tôi đã không sống cuộc sống gia đình quen thuộc. Bố mẹ tôi gắn bó với nhau vô cùng chặt chẽ, nhưng trẻ con thì sống cuộc sống của riêng mình, độc lập với bố mẹ và với nhau.

Khi văn phòng được chuyển về nhà ở, không phải một lần vào buổi chiều mẹ tôi ăn mặc thường phục, và ngồi vào phòng đợi giữa các khách hàng. Như thế bà muốn báo hiệu: đã đến lúc chấm dứt ngày làm việc kéo dài. Bố tôi buộc phải bỏ công việc lại, và đi cùng mẹ tôi. Hầu như mọi buổi tối ông bà đi ăn hiệu, không có chúng tôi. Ăn chung cả nhà hầu như không được biết đến ở gia đình chúng tôi. Mỗi người ăn trưa và ăn tối riêng; khi đói và khi có thời gian. Gia đình hiếm khi tụ tập ăn chung, nếu có, thường là ở ngoài trời vào mùa hè, tại nhà nghỉ mát của chúng tôi.

(*)Lilly, tên khi lấy chồng là bà Gárdonyi Andor, làm trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp, chị về hưu với tư cách kiểm soát viên chính. Chị sống theo các nguyên tắc nghiêm ngặt như một người có phong thái vững vàng. Chị ít nói về mình, nhưng luôn luôn cởi mở trước những lo âu của người khác. Thật cảm động để thấy mối quan hệ thân thiết, chân thật mà bà chị già nằm nhiều năm trên giường đã tạo ra với con gái Judit của chúng tôi và các cháu Thuỵ Điển, Zsófia và Anna, của chúng tôi, bọn chúng thực sự say mê bà. Lilly mất năm 2002.

Anh Tomi tôi, Kornai Tamás, tốt nghiệp trường Cao đẳng Mĩ thuật Công nghiệp, và định làm hoạ sĩ đồ hoạ. Nhưng vào năm 1945 khi anh trở về từ trại tập trung lao động, anh mau chóng chuyển nghề và từ đó đến cuối đời anh làm trong nghề quảng cáo. Anh đã là một trong những lãnh đạo của hãng quảng cáo nhà nước, rồi làm ở ngân hàng OTP. Anh tự hào rằng, theo sáng kiến của anh người ta tạo ra các quảng cáo đầu tiên đã trở thành ngạn ngữ cho xổ số [lottó] và xổ số cá bóng đá [totó]ở Hungary. Tomi mất năm 1996.

https://thuviensach.vn

Quay lại với tôi, bố mẹ và anh chị tôi không can thiệp vào việc tôi chia thời gian ra sao, tôi học lúc nào và bao nhiêu, tôi giải trí với cái gì và với ai, tôi đọc gì, tôi đi xem các vở nào. Năm thì mười hoạ – đặc biệt vào mùa hè – chúng tôi cùng đi xem biểu diễn ngoài trời, hay cùng nhau xem pháo hoa ngày 20 tháng Tám từ bãi cỏ trên đồi Hoa hồng. Tuy vậy những trải nghiệm chung này đúng ra có thể coi là ngoại lệ.

Tôi tự quyết định rằng, khi tôi khoảng mười ba-mười bốn tuổi, từ nay tôi sẽđi nghe hoà nhạc đều đặn. Muộn hơn tôi đề xuất học chơi dương cầm. Bố tôi giúp kiếm thầy dạy dương cầm. Cũng chẳng phải bất cứ thầy nào, mà là nhạc trưởng Sándor Frigyes, khi đó đang không có việc làm, sau là nhà dạy nhạc lớn và người sáng lập dàn nhạc, ông đã dạy cho đến khi cuộc xâm chiếm của Đức chấm dứt chuyện li kì này. Tự tôi quyết định vào giữa các năm học cấp ba rằng, tôi muốn học tiếng Anh ở ngoài trường. Trong mọi trường hợp bố mẹ tôi chu cấp kinh phí, nhưng, cái tôi đã làm, tôi không làm theo đề xuất hay lời khuyên của họ, mà làm theo dự định của riêng tôi, từ quyết định của riêng tôi.

Không dễ đánh giá và định giá tác động của kiểu nuôi dạy này. Một mặt, cảm giác cô đơn hay bị bỏ cô đơn hình thành trong tôi. Nhưng, mặt khác, một lần cho mãi mãi đã hằn sâu trong tôi ý thức, hay đúng hơn cảm giác rằng, tôi phải tổ chức cuộc sống của mình theo suy nghĩ của tôi *một cách độc lập*, trong cả việc lớn lẫn việc nhỏ. Không phải là tập cho quen thói ích kỉ, bởi vì mọi thành viên gia đình chúng tôi đều cố gắng nhã nhặn với các thành viên khác, chúng tôi khoan dung, chứ không quấy rầy hay chọc tức nhau. Nơi có thể và cần, thì chúng tôi giúp đỡ nhau. Nhưng chúng tôi không tạo thành một "cộng đồng" gia đình nào đấy. Ngày nay tôi cho mình là người theo chủ nghĩa cá nhân có ý thức, tôi thừa nhận rằng, sự tôn trọng chủ quyền của con người là một trong những điều răn đạo đức quan trọng nhất. Tôi cũng tin rằng, đầu tiên và trên hết tôi chịu trách nhiệm về cuộc sống của riêng tôi, về các thành công và thất bại của tôi. Tôi cảm thấy là nghĩa vụ của mình rằng, tôi hãy giúp những người khác, nhưng tôi không là "sinh vật" cộng đồng, thậm chí tôi khiếp đảm nếu người ta định lùa vào bãi rào tập thể nào đó. Chắc chắn là cái ngày nay-sau nhiều khúc quanh và đường rẽ -tôi tuyên bố một cách có ý thức, và việc đọc các tác phẩm triết học và một kinh nghiệm sống dài cũng giúp

https://thuviensach.vn

để hiểu cái đó, đã được những kinh nghiệm của thời niên thiếu và của lối sống gia đình làm hằn sâu trong các tầng sâu hơn của tâm hồn tôi.

Trường Đế chế Đức

Tôi bắt đầu học ở Trường Đế chế Đức (Reichsdeutsche Schule). Nhờ bố mẹ tôi đều nói thành thạo tiếng Đức, và nhờ các cô giúp việc [Fräuleine] người Đức, tôi đã lớn lên với hai thứ tiếng. Trường dạy tất cả các môn bằng tiếng Đức, trừ các môn tiếng Hung, văn học Hung và lịch sử Hung, và việc này không gây cho tôi bất kì khó khăn nào.

Tôi được nhận vào học năm 1933, trước hạn tuổi. Việc bắt đầu cuộc sống nhà trường Đức của tôi trùng với khởi đầu của sự thống trị nazi. Người ta thường hỏi tôi, làm sao lại có thể rằng, bố mẹ tôi là người Do Thái lại đi ghi danh tôi vào đây.

Từ những điều được nói đến đây cũng rõ ràng là, cha tôi có quan hệ mật thiết với Đức. Ông được nuôi dưỡng phần lớn trong văn hoá Đức, bên cạnh luật Hung ông học luật Đức. Các khách hàng của ông là những người Đức, trong phần lớn công việc ông sử dụng tiếng Đức như ngôn ngữ làm việc.

Đúng là đã có thể biết rằng Hitler và những người theo ông ta là những kẻ căm thù Do Thái, có mồm miệng đẫm máu. Tuy vậy, cha tôi, cũng như nhiều người ở Đức và khắp thế giới, chắc đã tin rằng, ách thống trị này sẽ chỉ kéo dài một thời gian ngắn. Tinh thần Đức có nghĩa là đỉnh cao của nền văn minh làm sao có thể chịu được bầy lợn này? Ông đã không đoán trước được rằng, khi nước Đức bước vào con đường này, vào con đường thù hận, thì ở cuối con đường rồi sẽ là phòng hơi ngạt.

Bố mẹ tôi đã ghi tên tôi vào Reichsdeutsche Schule để hiểu biết ngôn ngữ của tôi tiếp tục phát triển, ngoài ra bởi vì nó là trường có tiếng rất tốt. Không chỉ các nhà ngoại giao và các doanh nhân Đức sẵn sàng gửi con họ đến học, mà cả những người nước ngoài khác nữa. Giữa các bạn học của tôi bên cạnh học sinh Hung có cả học sinh Áo, Đức, Mĩ và Thổ Nhĩ Kì. Nhiều người nổi tiếng đã học ở trường chúng tôi: Gimes Miklós, nhà báo chính trị gia, liệt sĩ 1956, Darvas István, nghệ sĩ diễn viên, Székely Éva, nữ vô địch bơi Olympic, Karinthy Ference, nhà văn, Halász Előd, bác học giáo sư Đức học.

Các thầy giáo có hiểu biết tuyệt vời, có kinh nghiệm và kiên nhẫn đã dạy chúng tôi. Trong tám năm mà tôi ở đó, trên giờ học tôi không

https://thuviensach.vn

hề nghe thấy một lời bài Do Thái nào dù chỉ một lần duy nhất. Tôi không nhớ lại lời tuyên bố nào ca ngợi Hitler và sự thống trị của ông ta cả. Khi dưới lệnh của Berlin chúng tôi phải rời trường, họ tế nhị gửi lời nhắn qua thầy dạy thần học người Do Thái đến bố mẹ tôi rằng, năm học tiếp vào mùa thu 1944 phải chuyển con sang trường khác. Ngay cả khi ấy họ cũng cho phép những học sinh lớp 12 chỉ còn một năm để hoàn tất việc học của mình với tư cách học sinh tự học, và có thể thi tốt nghiệp. Có lẽ là, các thầy giáo theo nguyên lí tự do nhất đã cố chuồn ra nước ngoài, thí dụ đến trường ở Hungary, trốn khỏi cuộc sống trong nước đang trở nên không thể chịu đựng được nữa. Trường chúng tôi đã là một ốc đảo thân thiện không chỉ trong biển cả của thế giới nazi Đức, mà cả trong đời sống nhà trường Hungary tạo thành môi trường trực tiếp nữa, nơi đã có thể cảm nhận thấy sự dịch chuyển theo hướng thân Hitler.

Tôi nhớ lại các thầy của trường Đức với lòng biết ơn và kính trọng. Họ đã tập cho tôi quen học có cơ sở, suy nghĩ đúng đắn, và đã cung cấp cho tôi lượng hiểu biết lớn. Tất cả việc này ngày nay vẫn có lợi cho tôi. Nhưng tôi đã không gặp nhân cách giáo viên thật sự lớn. Đã không có thầy nào toả sáng, mà nhân cách và việc dạy tạo ra ấn tượng trí tuệ hay đạo đức thật sự đối với tôi.

Quà tặng lớn của Trường Đế chế Đức là sự hình thành tình bạn suốt cả đời. Kende Péter là bạn cùng lớp với tôi từ lớp một, muộn hơn anh trở thành nhà báo, một trong những lãnh tụ tinh thần của đợt di cư 1956, một nhà bác học chính trị học. Chúng tôi đã cùng học với nhau qua tám lớp, muộn hơn các nơi làm việc chung của chúng tôi trong phong trào thanh niên, trong làng báo. Chúng tôi cùng tham gia nhiều loại đấu tranh. Ngay cả nếu sự di cư sang Paris của Péter có làm xa cách chúng tôi về mặt địa lí hơn ba thập kỉ, tình bạn vẫn còn đến tận ngày nay và còn mạnh lên. Ít người có thể khoe được như tôi: tình bạn kéo dài bảy mươi năm gắn kết tôi với người bạn thân nhất của tôi.

Tìm con đường tinh thần

Tôi chuyển từ trường Đức tụ hợp các học sinh có xuất xứ dân tộc đa dạng và vì thế có tính thế giới nào đó, dạy chung nam và nữ học sinh như một ngoại lệ hiếm hoi khi đó, sang một môi trường mới, bảo thủ, là trường trung học nam Werbőczy ở đường Attila. Nền, hậu trường xã hội của đa số bạn cùng lớp và cùng trường của tôi là giới

https://thuviensach.vn

trung thượng lưu khu đô thị Krisztina và thành Vár. Khi đó chiến tranh đã nổ ra. Trong trường học trước, các thầy giáo đã tự kiềm chế không bày tỏ ý kiến về các vấn đề chính trị và chiến tranh. Ở trường này thầy chủ nhiệm của tôi lớn tiếng ca ngợi sự cầm quân của Đức, và trong thời gian cuộc chiến Stalingrad ông ta đã hết lần này đến lần khác dự đoán chiến thắng của quân Đức. Ông dạy ba môn chính: latin, văn học và lịch sử Hung. Ông tuyên bố trước nhiều bạn học của tôi, học sinh Do Thái không thể nhận được điểm xuất sắc từ cả ba môn của ông. Ông ta đã giữ lời. Hai chúng tôi là học sinh Do Thái, thực ra cả hai đều ở mức toàn điểm xuất sắc, nhưng thầy chủ nhiệm Hegedűs lúc ở môn này khi thì ở môn khác chỉ cho điểm "tốt". Đấy là sự gặp gỡ cá nhân đầu tiên của tôi với sự phân biệt không che dấu.

Sự phân biệt thứ hai không còn gắn với sự thiên vị của giáo viên, mà gắn với quy chế nhà nước có hiệu lực đối với mọi người. Một trong những dấu hiệu của sự tham gia chiến tranh là học sinh trung học tham gia bồi dưỡng quân sự. Những người tham gia bồi dưỡng được gọi là "levente". Khi tôi còn học trường Đức, tất cả học sinh nam đều tham gia đào tạo levente chung. Việc tôi chuyển sang trường Hung trùng với việc người ta tách đôi sự đào tạo quân sự thành hai nhóm, nhóm học sinh Do Thái và nhóm học sinh không Do Thái. Tôi không thể nói rằng họ đối xử với chúng tôi đặc biệt tàn nhẫn. Chúng tôi cũng phải học bên phải quay-bên trái quay, đằng sau quay và những thứ tương tự. Cái tôi cảm thấy thực sự làm nhục, là sự tách "các levente Do Thái" ra, là sự thực trần trụi của sự loại trừ, của sự phân biệt.

Lớp, mà tôi vào học phần lớn đã cùng học với nhau năm năm, đã tiếp nhận tôi một cách thân thiện. Tôi cùng đi nghe hoà nhạc, đi xem biểu diễn nhà hát với một vài người, chúng tôi tranh luận về sách với những người khác. Tuy nhiên, tôi không kết bạn thật thân với bất kể ai, đúng hơn các quan hệ bạn bè ở trường Đức tiếp tục phát triển. Cái liên quan đến môi trường nhà trường trước đây tôi đã nói, còn đúng hai lần với trường này: tôi đã không gặp một nhân cách nhà giáo lớn nào. Tôi nhớ đến "những câu nói" có vẻ sắc sảo của thầy này thầy nọ, đến tác phong đặc biệt của thầy nào đó, nhưng sự chỉ dẫn vững chắc tôi chẳng nhận được từ ai cả.

Trừ những hiểu biết khách quan, những thứ tôi nghe được trong trường về lịch sử, về triết học, về tinh thần con người đều rơi rụng hết. Tôi tựđào tạo mình, tôi tự phát triển sở thích và suy nghĩ riêng của

https://thuviensach.vn

mình. Để có tác động tinh thần tôi đọc ngấu nghiến các sách. Tôi say mê mua sách, và sưu tập sách của tôi tăng lên đáng kể.(*) Tôi đăng kí vào thư viện của nhật báo *Újság* mới mở gần nhà chúng tôi, và từđó tôi mang sách báo về nhà đọc. Tôi đã khó để biết mình nên đọc cái gì. Một trong những sách chỉ đường của tôi là các cuốn lịch sử văn học Hung và thế giới của Szerb Antal. Trong khi thầy chủ nhiệm của chúng tôi nói một cách miệt thị về các "tác phẩm tồi" này và hầu như cấm chúng tôi đọc chúng, thì đối với tôi các cuốn sách này đã cho tôi sự chỉ dẫn vô giá. *Lịch sử văn học Châu Âu* của Batits đã bổ sung cho Szerb Antal. Các tác phẩm mà những sách hướng dẫn này đánh giá là các tác phẩm lớn, tôi cố gắng đọc lần lượt hết. Ngày nay có vẻ không thể tin được là tôi đã dành nhiều thời gian đến vậy cho việc đọc này. Thường tôi dậy từ sáng sớm, và khi đó trong một-hai giờ tôi hoàn thành mọi việc học tập của trường. Học xong ở trường cả buổi chiều và buổi tối tôi dành để gặp gỡ với bạn bè, nói chuyện hay đọc sách. Tuần này là *Chiến tranh và Hoà bình*, tuần khác là *Anh em nhà Karamazov*, Balzac và Flaubert, Mikszáth và Móricz Zsigmond, Arany János và József Attila, các thơ dịch của Kosztolányi và Tóth Árpád, và tôi có thể liệt kê tiếp dài dài nhiều ấn tượng văn học.

(*) Các bạn của gia đình đã giữ gìn chúng cẩn thận trong các tháng bị truy nã. Ngay sau khi chúng tôi ra khỏi các tầng hầm, tôi đã vội vã mang các cuốn sách yêu dấu về, để chúng lại ở gần tôi. Chúng đã trải qua được đợt bao vây Budapest kéo dài từ Nô en 1944 đến giữa tháng hai 1945, các cuộc ném bom và các cuộc cướp bóc. Vài tuần sau, tuy vậy, trừ một quyển duy nhất còn tất cả đều bị mất khi đầu năm 1945 những binh lính Soviet đuổi chúng tôi ra khỏi nhà mình. Cuốn duy nhất còn lại, sách đọc ưa thích của tôi, là cuốn *Tonio Kröger* của Thomas Mann.

Tôi tìm kiếm lượm lặt các bài báo nói về khoa học tinh thần và nghệ thuật trong các phụ bản cuối tuần của các nhật báo, và dựa vào đấy tôi thử lựa chọn cái tôi đọc. Chắc chắn, cuối cùng thì các trào lưu chính lúc đó đã gợiý để tôi đọc các tác phẩm của Ortega y Gasset, Huizinga hay Oswald Sprengler. Tôi vui mừng là mình có thể tìm kiếm các công trình tổng quan rộng hơn về mỗi lĩnh vực, thí dụ như lịch sử triết học của Durant. Chắc chắn là, với cái đầu 14-16 tuổi của mình tôi chỉ có thể hiểu được nửa nội dung thật sự của các tác phẩm. Đã chẳng cóaicho tôi cái tay vịn thế giới quan vững chắc, bố mẹ tôi không, anh

https://thuviensach.vn

chị tôi không, tôn giáo mà người ta dạy trong các giờ thần học cũng không, các thầy giáo của tôi cũng không. Tôi để ngỏ đối với mọi tư tưởng mới, tôi loạng choạng và phiêu bạt giữa các đạo lí và các câu trả lời khả dĩ cho những thách thức của thế giới. Một ngày, khi Dostoievski ảnh hưởng lên tôi, tôi cảm thấy mình phải theo đạo cơ đốc. Ngày khác, có lẽ do đọc Anatole France, thế giới quan châm biếm làm tôi say mê, và điều này chỉ mạnh lên, khi tôi đọc *Candide* của Voltaire.

Trong các năm này không hình thành trong tôi bất cứ loại tưởng tượng về việc, sau này tôi sẽ theo đuổi nghề gì, nếu tôi trở thành người lớn. Em trai họ của tôi, Győrfi Pál ngay từ thời mẫu giáo đã quyết định rằng, sẽ là người cấp cứu – và đúng thế. Trong tôi đã không có ý thức chí hướng như vậy. Có lẽ lúc đó cũng đã xuất hiện trong tôi vài đặc tính, mà muộn hơn đã phát triển trong công việc nghiên cứu. Tôi thích trật tự trong công việc của mình. Đã có trong tôi nỗ lực mạnh nào đấy để khi tôi bắt đầu thứ gì đó, thì tôi làm đến "trọn vẹn". Nếu tôi chụp ảnh, thì tôi tập trung mọi sức lực của mình cho nó. Nếu tôi sưu tầm sách, tôi cố gắng sao cho thư viện của tôi có tất cả các cuốn sách được coi là tuyệt tác. Nếu tôi quyết định sưu tầm tem, thì tôi cố để album đầy đủ nhất có thể. Ngay khi đó sự hỗn độn, lộn xộn, bừa bãi, công việc bỏ giữa chừng đã làm tôi phiền lòng.

Nhưng các đặc tính này và những cố gắng này chẳng có liên quan gì đến chiều hướng quan tâm trí tuệ cả. Nếu (bây giờ nhìn lại) phải ngoại suy ra sự phát triển của khuôn mặt tinh thần của tôi lúc 14-16 tuổi cho các năm tương lai, thì đúng hơn sẽ hiện lên một khuôn mặt "nhà ngữ văn", người có lẽ sẽ viết phê bình văn học vay vùi đầu vào các vấn đề mĩ học. Vẫn chẳng hề có dấu hiệu nào của con người, mà muộn hơn quay sang các vấn đề nóng bỏng của xã hội; người mà mười hai-mười bốn năm sau trở thành nhà nghiên cứu kinh tế học.

Khi đó tôi tin rằng, theo đà ngày càng nhiều hiểu biết tích tụ trong tôi, thì tôi càng hiểu thế giới tốt hơn. Thực ra ngày nọ sang ngày kia lập trường mới hơn ghi đè lên lập trường cũ (như chúng ta quen dùng tiếng lóng của giới tin học hiện nay). Sự thực là tôi đợi xung lực tinh thần thực sự, mạnh với trái tim rộng mở và trí tuệ mở - và xung lực này đã đến vào năm 1945. Nhưng đừng chạy trước đến vậy. Tôi vẫn đang ở các năm trung học bậc trên, và tôi vẫn ở trước tổn thương của năm 1944.

https://thuviensach.vn

1944: số phận của cha tôi

Ngày 19-3-1944 bắt đầu như những ngày chủ nhật khác. Tôi chuẩn bị đi nghe hoà nhạc tại nhà hát Vigadó với một bạn tôi. Buổi hoà nhạc bị bỏ; quân đội Đức bắt đầu chiếm đóng Hungary.

Một-hai tuần sau bố tôi nhận được giấy triệu tập, giống như giấy gọi những người Do Thái đi làm nghĩa vụ lao động. Sau bốn mươi tám giờ ông phải có mặt tại địa điểm cho trước, với trang bị trại, với chăn và cạp lồng, với thức ăn nguội cho hai ngày. Bố tôi khi đó đã qua 63 tuổi – đây không thể là giấy triệu tập lao động hợp lệ, có hạn tuổi là 60.

Linh cảm xấu dày vò cha mẹ tôi. Từ các tin tức điện thoại họ đã biết rõ là, cùng với bố tôi các trí thức và doanh nhân Do Thái có tiếng tăm cũng bị triệu tập. Cha mẹ tôi không kéo lũ trẻ vào các cuộc đàm luận hồi hộp và căng thẳng. Về sau, tôi tái hiện lại từ chuyện kể của mẹ tôi, họ đã cân nhắc những lựa chọn khả dĩ nào.

Mẹ tôi nghĩ tới việc hai người tự tử. Ý nghĩ này bị loại bỏ; trong thời gian nguy hiểm này họ không thể bỏ mặc các thành viên khác của gia đình. Mẹ tôi hỏi bố tôi, có thử trốn đi không. Bởi vì họ có các bạn quên mình, trong đó có cả những người Đức; có người cho nơi ẩn náu. Bố tôi kiên quyết tránh việc này, vì hai lí do. Lí do thứ nhất: ông cảm thấy rủi ro quá lớn, và sợ rằng, nếu họ tìm thấy, họ sẽ trả thù đẫm máu không chỉ ông mà cả gia đình. Thứ hai: giấy triệu tập là lệnh của nhà nước, mà lệnh thì phải chấp hành. Ở đây tôi đi đến một trong những cái cơ bản của thế giới quan của bố tôi. Ông là luật sư. Cũng không phải bất cứ loại luật sư nào, mà là người tôn trọng pháp luật và luật một cách hăng say và hết sức kiên định. Chắc chắn trong kinh nghiệm của riêng mình, cũng như trong sách báo, ông đã gặp các trường hợp, khi đạo đức và pháp luật ghi thành khoản mục mâu thuẫn với nhau. Tôi chắc hẳn là, ông đã cân nhắc đi cân nhắc lại: luật pháp do kẻ bạo chúa áp đặt là pháp luật kiểu gì, luật do các nghị viện giả lập ra trong sự chà đạp các quyền sơ đẳng của con người là loại luật gì. Tuy nhiên, khi đứng trước tình thế lưỡng nan tàn khốc này trong đời mình, con người có đạo đức trong sáng và rất để ý đến tính trung thực và liêm chính này đã áp dụng công thức đơn giản nhất. Chỉ thị của nhà nước là chỉ thị của nhà nước, lệnh là lệnh. Phải thi hành.

https://thuviensach.vn

Như đã trở nên sáng tỏ, họ đã lùa khoảng một-hai trăm thành viên đại diện của giới ưu tú Do Thái Budapest làm con tin trong các tuần đầu sau sự chiếm đóng của quân Đức. Đầu tiên họ bị giữ ở cơ sở đào tạo giáo sĩ Do Thái ở đường Rökk Szilárd, giữa những điều kiện tương đối chịu đựng được, dưới sự giám sát của hiến binh Hungary.[1] Sau vài tuần họ được phép cho gia đình đến thăm. Cả hai anh tôi lúc ấy đã phải làm lao động nghĩa vụ, anh cả Bandi ở chiến trường Nga, anh Tomi ở Bor thuộc Nam Tư, như thế họ không thể cùng với chúng tôi. Chúng tôi gặp nhau ở sân trường đào tạo giáo sĩ: mẹ tôi, chị tôi và tôi. Nét mặt và lời nói của bố tôi bình tĩnh và - nếu trí nhớ của tôi không đánh lừa- hầu như vui vẻ. Đã không có những lời xúc cảm. Ông đưa ra những lời khuyên thực tiễn cho mẹ tôi, người đến lúc đó chỉ quan tâm đến công việc về nội trợ, về các cuộc tụ họp bạn bè và họ hàng và về lũ trẻ; công việc tiền bạc và cai quản gia đình đều do bố tôi lo. Những việc này đột nhiên đổ lên đầu mẹ tôi, và bố tôi đã cố cho mẹ nhiều loại thông tin. Muộn hơn ông gửi cả thư nữa. Ông đề xuất, phải làm gì với nhà ở, phải đặt các hồ sơ luật sư của ông ở đâu.(*)Đã không có những lời chia li cả trong cuộc gặp riêng lẫn trong thư, chỉ có những lời chào âu yếm quen thuộc trong gia đình chúng tôi.

(*)Có thể, tôi cũng đã theo hình mẫu của cha hay thừa hưởng từ ông đặc tính là, tôi lưu trữ các hồ sơ chứa các bài viết và sổ sách của tôi rất ngăn nắp.

Chúng tôi chẳng bao giờ nhìn thấy cha nữa, ông chẳng bao giờ viết thư cho chúng tôi nữa.

Khi còn ở đường Rökk Szilárd, một chiến dịch cứu ông được tiến hành. Một số khách hàng Đức trung thành đã lập ra một đoàn đại biểu nhỏ, và họ cùng đi đến gặp đại sứ Edmund Veesenmayer, là Gauleiter [Lãnh tụ vùng của đảng quốc xã] đáng sợ được cử sang Hungary khi chiếm đóng. Họ yêu cầu người Đức hãy can thiệp với chính quyền Hungary để thả bố tôi về nhà. Họ viện đến những công lao mà luật sư dr. Kornhauser Pál trong nhiều thập kỉ đã có được trong việc đại diện cho các lợi ích kinh tế của Đức ở Hungary. Một trong các thành viên của đoàn đại biểu sau đó đã kể lại chuyện này cho mẹ tôi. Veesenmayer nổi giận, và đe doạ những người xin rằng, sẽ nhốt họ bên cạnh Kornhauser, nếu họ không cút khỏi văn phòng ngay lập tức.

https://thuviensach.vn

Về số phận tiếp theo của cha tôi chỉ có những tin tức không chắc chắn. Hình như đầu tiên toàn bộ nhóm bị chuyển đến Horthy-liget (rừng nhỏ Horthy, tên hiện nay là Szigetszentmiklós). Ở đó tuy các điều kiện có khắt khe hơn, nhưng cuộc sống (trại) tập trung vẫn tiếp tục một thời gian.[2] Một ngày tình trạng này đột nhiên chấm dứt. Tất cả họ bị tống lên một đoàn tàu trục xuất hướng về phía Auschwitz, bị đưa vào trại huỷ diệt.

Cái chết của tất cả sáu triệu nạn nhân Holocaust [sự huỷ diệt người Do Thái] là bi thảm; đi trước mỗi cái chết của một người bị giết là một chuyện đời riêng và duy nhất [của từng người]. Nét đặc biệt của số phận cha tôi là ở chỗ, với sự tham gia tích cực của các nhà chức trách Hungary sự thống trị tàn bạo *Đức* đã giết ông, trong khi ông đã đấu tranh vì sự trong sáng và sự hợp pháp của mối quan hệ Đức-Hung. Đúng, ông đã không ủng hộ Hitler, và không cộng tác với sự thống trị nazi. Nhưng ông đã phải chết không phải vì sự đứng xa thụ động của ông, mà là vì ông là người Do Thái.

Tôi đã vừa nói ở trên về nét đặc biệt khác của chuyện thảm thương của cha tôi: ông là một kẻ phục vụ ngoan ngoãn của sự tôn trọng pháp luật, người bảo vệ gương mẫu của tính pháp lí không muốn đối đầu với chính quyền nhà nước. Như con cừu nạn nhân không có khả năng bảo vệ và vụng vềđi đến lò sát sinh. Ông là nạn nhân của sự lạm dụng luật pháp, lạm dụng luật, và lạm dục quyền lực nhà nước thô bạo nhất và vô nhân đạo nhất.

1944: sự thoát chết của tôi

Giả như cha tôi có nhà, chắc chắn ông đã xen vào chuyện tôi nên làm gì. Tôi không biết, ý chí nào mạnh hơn. Ý chí của cha tôi, người – như tôi đã nhắc đến-trong giây phút quyết định quan trọng bằng sự cấm đoán đã ngăn cản anh Bandi di cư? Hay của tôi, người được cho làm quen với sự độc lập hoàn toàn trong việc nhỏ nhất của cuộc đời?

Sau khi bố tôi ra đi, và mẹ tôi không biết và cũng chẳng muốn bày tỏ ý kiến đối với những quyết định của tôi, tôi phải dựa vào khả năng đánh giá của tôi ở tuổi 16. Ở đây bây giờ không chỉ là chuyện, tôi đọc quyển sách nào hay tôi bắt đầu học thứ tiếng nào. Năm 1944 là năm của những quyết định sống-chết.

Khi ấy các tin tức về trục xuất đã bắt đầu lan truyền dần. Chúng tôi đã không đoán được trước rằng, những người bị cưỡng ép, bị huỷ diệt

https://thuviensach.vn

trong phòng hơi. Chúng tôi nghĩ rằng, người ta đưa vào loại trại lao động, nơi thí dụ như các anh Bandi và Tomi của tôi đã phục vụ. Chúng tôi mới nhận được tin tức từ anh Bandi và Tomi. Chúng tôi biết, số phận của họ khó khăn, họ phải chịu đói, rét và không phải một lần sự đối xử tàn nhẫn, nhưng dù sao vẫn không có vẻ tuyệt vọng rằng, họ sẽ sống sót qua chiến tranh.

Cũng lan truyền tin tức (sau đó tỏ ra là tin giả) rằng, những người Do Thái làm việc tại các xưởng quân sự, không bị lưu đày. Vì thế với hai người bạn chúng tôi đã tự nguyện xung phong làm công nhân phụ việc ở nhà máy gạch Nagybátony-Újlaki ở đường Bécsi.(*)Từ một học sinh trung học, người trong đời vẫn chưa bao giờ làm công việc chân tay và trong thể thao cũng luôn luôn vụng về và kém, đột nhiên tôi không chỉ đơn giản hoá thành công nhân, mà thành người lao động làm việc chân tay rất nặng nhọc và mệt mỏi. Những công nhân am hiểu, thành thạo nâng những hòn gạch mộc, còn ướt nên khá nặng từ chiếc máy hoạt động liên tục và xếp vào các xe có thể đẩy trên đường ray. Chúng tôi, những công nhân phụ việc mới phải đẩy các xe đến chỗ chứa có mái che, và ở đó xếp ngay ngắn các viên gạch cạnh nhau.

Với ngôi sao vàng trên ngực một thời gian ngắn chúng tôi đến nhà máy và tối chúng tôi về nhà. Tuy vậy, muộn hơn lệnh giới nghiêm đã cản trở việc đi lại của chúng tôi. Đến khi hết giờ làm việc, chúng tôi không còn thể đi về nhà được nữa. Không có sự lựa chọn nào khác, chúng tôi chuyển vào nhà máy, và dọn dẹp chỗ ngủ vào ban đêm ở nơi hong gạch có mái che.(**)

Cách sống lạ thường này không để lại trong tôi kỉ niệm xấu. Đúng hơn nó gợi nhớ lại công việc đi trại hè gắn với công việc nông nghiệp hay xây dựng, mà muộn hơn vào cuối các năm 1940 thanh niên nhận làm. Do sợ hãi, nhưng chúng tôi "tự nguyện" xung phong. Đầy sinh lực, chúng tôi vui vẻ thích nghi với hoàn cảnh khác thường. Thực là một sự nhẹ nhõm lớn rằng, những công nhân cũ của nhà máy gạch, bây giờđã trở thành các đồng nghiệp của chúng tôi, đã chẳng bao giờ xúc phạm đến chúng tôi một lời. Đã chẳng hề nghe thấy một lời bình phẩm về ngôi sao sặc sỡ trên áo chúng tôi, đã không có sự trách móc người Do Thái nào. Nếu chúng tôi vụng về, họ chỉ cho chúng tôi phải làm thế nào, hay đúng là họ quát mắng hệt như mắng những công nhân mới vào nghề làm hỏng gạch. Có những công nhân cũđã mời tôi đến nhà chơi, và mời ăn mời uống. Tôi đã thấy họ sống ra sao. Đó là các

https://thuviensach.vn

căn hộ nhỏ, sạch sẽ và ngăn nắp – nhưng đối với tôi chúng tỏ ra nghèo không thể tượng tượng nổi so với lối sống mà tôi và các bạn tôi đã sống. Ở nhà tôi cũng luôn luôn tử tế với những người làm việc nội trợ, chúng tôi nói chuyện nhiều lần, tôi đã đến thăm nhà họ, đã gặp gia đình họ. Nhưng đấy là mối quan hệ "gia trưởng" giữa thành viên gia đình thuê người làm và người làm thuê. Nó rất khác với cuộc gặp gỡ thực sự, lần đầu tiên, lúc này, với tầng lớp, mà biệt ngữ phong trào gọi là "giai cấp công nhân". Tôi đột ngột bước vào một thế giới khác, từ cuộc sống phong lưu thoải mái hầu như bị bịt kín hoàn toàn sang thế giới của công việc chân tay nặng nề, của nhà máy hoạt động với công nghệ lỗi thời, của những căn hộ nghèo nàn. Tôi lọt vào giữa những người tôi thật lòng kính trọng vì cuộc sống khó khăn của họ và tính nhân đạo tự nhiên không có những lời văn hoa to tát của họ.

(*) Lúc đó vẫn chưa như một nguyên tắc sống, mà đúng hơn một cách tự phát hay do áp đặt của hoàn cảnh tôi bắt đầu học được rằng, khi cuộc sống tạo ra các lựa chọn khả dĩ, thì phải lựa chọn. Bắt đầu hình thành trong tôi quan điểm sống, không thích đứng nhìn một cách thụ động ý muốn ngẫu nhiên của số phận. Đúng hơn tôi luôn luôn cố tự điều khiển cuộc đời mình. Muộn hơn điều này trở thành một trong những nguyên tắc sống của tôi với ý thức hoàn toàn. Tất nhiên sự kiên định của tôi đối với lựa chọn không đảm bảo rằng, quyết định của tôi thực sự sẽ là tốt. Thí dụ, công việc ở nhà máy gạch, như sẽ rõ ngay, tỏ ra là thừa.

(**)Trong khi tôi ở nhà máy gạch, mẹ và chị tôi phải bỏ nhà mình ở đường Akadémia. Người ta bắt những người Do Thái chuyển sang các "nhà được đánh dấu bằng các ngôi sao". Mẹ và chị tôi được một gia đình sống trong "nhà Do Thái" ở phố Pozsonyi, bạn cũ của bố mẹ tôi, cho ở nhờ.

Muộn hơn Nhà máy gạch Nagybátony-Újlaki trở thành một trong những ga trung chuyển hàng loạt những người bị lưu đày. Cái địa điểm này xuất hiện trong câu chuyện của nhiều người trở về từ sự lưu đày. Nhiều người đã nói, họ nhận được sự giúp đỡ của những công nhân làm việc ở đó. Đã có những đụng độ gay gắt giữa đội thừa hành, các hiến binh, bọn mũi tên [nyilas, đảng viên đảng phát xít có dấu chữ thập mũi tên] tổ chức thực hiện việc lưu đày và các công nhân ở đó. Hình

https://thuviensach.vn

như đã có công nhân anh dũng hi sinh vì sự sẵn sàng giúp đỡ của mình. Đáng tiếc, tôi không có tường thuật đáng tin cậy về việc này.

Hè năm 1944 áp lực đè xuống những người Do Thái Budapest nhẹ đi một chút. Việc lưu đày người Do Thái các tỉnh lẻ đã hoàn tất, nhưng có tin rằng, sẽ không đến lượt những người Budapest. Với một giấy chứng nhận giả, mà bác sĩ dr. Szabó István nhân hậu –gánh chịu rủi ro, cấp cho tôi, đánh giá là tôi không phù hợp với công việc chân tay và họ đã đồng ý để tôi rời khỏi nhà máy gạch.

Mùa thu, thời gian học đang tới. Bây giờ lẽ ra phải bắt đầu học năm trung học cuối cùng, trước tốt nghiệp. Tôi quyết định không vào lớp với ngôi sao vàng trên áo. Tôi ghi điểm cho các bạn cùng lớp là tôi đã không hề nghe một lời bài Do Thái từ họ. Tuy vậy, tôi cũng chẳng cảm thấy các dấu hiệu thông cảm từ họ, kể cả từ các bạn hữu không Do Thái, học trường khác, điều này để lại trong tôi cảm giác xấu. Họ đã không tới thăm, không gọi điện thoại. Tôi đã trách móc một vài người khi chúng tôi tình cờ gặp nhau sau chiến tranh, nhưng họ nhìn tôi với vẻ mặt không hiểu được, họ không thể hiểu họ đã sơ suất gì. Bởi vì họ nhiều lần và với thiện tâm nghĩ đến tôi, và họđã muốn biết tôi có khoẻ không – phương thức bày tỏ sự đồng cảm, tình đoàn kết đã không được người ta dạy trong các trường mà chúng tôi học, trong các gia đình mà chúng tôi lớn lên.

Mùa hè và đầu thu trôi đi vô công rồi nghề. Chúng tôi chuyển từ "nhà có ngôi sao" sang căn hộ của chị tôi, trên cơ sở một thoả thuận riêng đặc biệt. Người thuê chính thức của căn hộ là một đại uý hiến binh. Chị tôi thoả thuận với anh ta: nếu chúng tôi chết, và họ còn sống, thì không chỉ quyền thuê nhà thuộc về họ, mà cả trang bị của căn hộ nữa. Tuy nhiên nếu chúng tôi qua được cơn bão táp, thì chúng tôi sẽ chuyển về và họ sẽ rời đi nơi khác. Cái sau đã xảy ra. Khi đó, mùa hè 1944 chúng tôi không biết tương lai sẽ ra sao. Trong khi mẹ tôi bận bịu ở bếp, ba chúng tôi, chị Lilly, vợ của đại uý hiến binh thân thiện, có óc hài hước, đang mang thai sáu tháng và tôi, một cậu thanh niên 16 tuổi kể chuyện cười cho nhau với những tràng cười như nắc nẻ. Về chuyện này người ta thường nói: như những kẻ cảm thấy sự diệt vong của mình.

Ngày 15 tháng Mười vang lên lời tuyên bố khét tiếng của Horthy về việc ngừng bắn sẽ kí kết với quân đội Soviet. Chẳng mấy chốc các lũ mũi tên tràn đầy đường phố. Ở bên Pest sự khủng bố kéo dài mười

https://thuviensach.vn

ngày, bắt đầu bằng các cuộc chém giết lẻ tẻ, và cuối cùng đẩy lên thành sự chém giết hàng loạt điên khùng. Còn kéo dài thêm một tháng nữa, cho đến khi bọn Đức và bọn mũi tên bị đuổi khỏi phía Buda.

Vài ngày sau khi bọn mũi tên lên nắm quyền, chúng đưa ra lệnh triệu tập, theo đó những người Do Thái trẻ hơn và già hơn tuổi nghĩa vụ quân sự 18-60 cũng buộc phải tham gia nghĩa vụ lao động. Tôi cũng bị triệu tập, và được phân vào một đại đội lao công, gồm những người trẻ như tôi và những người già hơn. Đoàn người xuất phát từ trường đua ngựa, chỗ trú đêm đầu tiên của chúng tôi là cánh mới, chưa xây xong của sân bay Ferihegy. Mỗi người gục đầu vào ba lô riêng của mình. Khi trời hửng sáng, cách vài mét một người già nằm bất động. Ông đã không chịu nổi sự hồi hộp và cuộc hành quân. Lần đầu tiên bằng chính mắt mình tôi nhìn thấy người chết.

Sau đó, ở Vecsés, họ cho chúng tôi ở trong chuồng [gia súc]. Khoảng một trăm người nằm cạnh nhau trên rơm. Ở đây hoàn toàn không còn không khí pha trò, gợi lại việc cắm trại, đặc trưng cho các đêm ở nhà máy gạch. Các thành viên có tuổi hơn của đại đội khổ sở; ban đêm người cần đi đại tiểu tiện phải lần mò trong đêm tối, dò bước qua người nhau. Tờ mờ sáng những người quen với nhà tắm có nước nóng phải rửa ráy bằng nước lạnh tê cóng. Chúng tôi nhận được rất ít thức ăn. Trên đồng ruộng, nơi chúng tôi phải đào công sự, chúng tôi cạo cà rốt ăn để khỏi phải chết đói. Các thành viên của đại đội xa lạ với nhau, thời gian cũng ngắn để hình thành mối quan hệ bạn bè-chiến hữu. Đã chẳng có ai để tôi trao đổi những lo nghĩ, ưu phiền của mình.

Ở đây tôi bắt gặp những cử chỉ ấm áp tình người. Một ngày chúng tôi phải bới tung vườn của một gia đình, đào công sự theo lệnh của các hiến binh dã chiến theo dõi chúng tôi. Những người chủ vườn không trút sự tức giận của họ lên chúng tôi vì thiệt hại mà họ phải chịu. Hoàn toàn ngược lại. Đột nhiên bỗng xuất hiện một thiếu nữ tóc vàng vui vẻ, và mang đến cho đội đang đói một thùng xúp đậu. Marta là tên của thiếu nữ ấy. Tình cờ là, chúng tôi gặp lại nhau sau nhiều năm. Marta là người đánh máy chữ ở nơi tôi làm báo. Gợi lại các kí ức chiến tranh chúng tôi làm sáng tỏ rằng, cô và bố mẹ cô là các thiên thần chăm sóc chúng tôi, và tôi là một trong những người được họ giúp đỡ một cách hào hiệp. Một việc thiện nhỏ, một thùng xúp đậu. Tuy nhiên – cùng các tấm gương khác – tôi quen nhắc đi nhắc lại việc này, khi có ai đó

https://thuviensach.vn

chửi rủa những người Hung bàng quan đứng nhìn sự truy nã người Do Thái với sự khái quát hoá sai, không thể tha thứ được.

Khi đại bác Soviet nổ ầm ì rất gần, chúng tôi được lệnh rời ngay Vecsés và hành quân về hướng Budapest. Ngày 2-11-1944, ngày của những người đã chết, chúng tôi xuất phát với vài chục thanh niên và có lẽ một trăm hay một trăm rưỡi người già hơn. Các hiến binh dã chiến hộ tống đến ranh giới Budapest. Cũng như thời gian ở Vecsés, họ giữ kỉ luật nghiêm trên đường, nhưng họ không hành hạ để tiêu khiển, họ không bịa ra các lệnh tàn ác dẫn đến sự suy sụp hay cái chết nhanh chóng. Họ đã áp một nhịp độ mạnh, nhưng có thể chịu được.

Từ khi đó tôi đã nhiều lần đi qua trước các trại lính ở đường Üllő, nơi bọn phục vụ đảng phát xít, mặc áo xanh lá cây, tay đeo băng mũi tên, tiếp nhận đại đội từ các hiến binh dã chiến. Vài phút sau chúng gào to lệnh mới: "Bước chạy!" Chúng tôi, những người trẻ, ngay cả sau nhiều cây số hành quân Vecsés-Budapest chúng tôi vẫn chạy được. Nhưng trong những người già hơn, nhiều người bắt đầu rớt lại. Ai đứng lại, thì bọn mũi tên bắt đầu đánh đập bằng báng súng. Sự xua đuổi người và đánh những người rớt lại kéo từ đường Üllő đến cầu Horthy Miklós (nay là cầu Petőfi). Tôi đã thấy sự tàn ác trong hàng, khi thì ở đằng sau lúc ở đằng trước tôi. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên tiếng rú của những người đang chết, bị làm nhục và bị hành hạ. Họ đã đánh chết ngay trước mắt tôi có lẽ năm, có lẽ nhiều hơn năm người già. Khi chúng tôi đến cầu, hai người lao ra khỏi hàng và nhảy xuống sông Duna. Bọn mũi tên bắn theo họ. Tôi không biết, có trúng họ hay họ trốn thoát.

Mệt khủng khiếp và bị hành hạ về tinh thần, chúng tôi đến Albertfalva, nơi chúng tôi qua đêm. Đây đúng là ngày của những người chết. Khoảng cách Vecsés-Albertfalva là hơn 20 km; ngay cả đối với người khoẻ mạnh cũng không phải ít. Rạng sáng trong tôi hình thành quyết định: tôi phải trốn.

May là có dịp. Khi đó khắp Budapest đã tiếp diễn chiến dịch giải cứu quy mô lớn của Raoul Wallenberg, nhà ngoại giao Thuỵ Điển anh hùng. Ông đã dùng nhiều loại công cụ. Đã có những người nhận được hộ chiếu Thuỵ Điển. Tuy nhiên đây không hoàn toàn giống với hộ chiếu của các công dân Thuỵ Điển thật sự. Trên giấy tờ có thể đọc được tên gọi bằng tiếng Đức sau: Schutzpass (hộ chiếu bảo vệ). Nó

https://thuviensach.vn

xác nhận người mang hộ chiếu là công dân Thuỵ Điển. Những người khác chỉ có giấy tờ, được gọi là Schutzbrief (thư bảo vệ), có trọng lượng pháp lí ít hơn. Ở đây văn tự chỉ nói rằng, người mang giấy nằm dưới sự che chở của sứ quán Thuỵ Điển tại Budapest. Loại giấy trước ngay cả chính phủ mũi tên cũng phải tôn trọng, loại giấy sau thực ra chẳng có sự giải nghĩa và ảnh hưởng pháp lí quốc tế nào.

Trong túi tôi có loại giấy thứ hai, bề ngoài nhìn rất oai, nhưng thực ra không có mấy giá trị. Wahrman Ernő, bạn của gia đình tôi, một trong những người say mê của chị Lilly đã kiếm cho tôi. Sáng sớm một trong những chỉ huy của bọn mũi tên đưa ra chỉ lệnh: những người có hộ chiếu Thuỵ Điển xếp hàng. Trong một giây tôi phải quyết định. Nếu tôi đứng vào giữa những người Thuỵ Điển, và chúng phát hiện ra là tôi không có hộ chiếu Thuỵ Điển, thì chúng có thể bắn chết ngay lập tức. Tuy nhiên, gánh chịu rủi ro, tôi đã quyết định rằng, tôi coi mình là "người Thuỵ Điển".

May là thằng nhãi kiểm tra giấy tờ không cảm nhận thấy sự khác biệt tế nhị giữa Schutzpass và Schutzbrief, và để tôi lại trong đội Thuỵ Điển. Họ đưa chúng tôi lên một xe tải và đưa về Pest. Những người khác ở lại đó trong biệt đội, mà người ta xì xào rằng bị lùa về phía Tây. Từ một người sống sót, mà sau nhiều năm tôi tình cờ gặp, tôi biết rằng, đúng việc ấy đã xảy ra. Khi họ đến biên giới Áo, chỉ còn vài người sống sót, những người khác đều chết vì đánh đập, vì hành quân cưỡng bức, vì đói.

Phân đội Thuỵ Điển đến từ Albertfalva cùng với nhiều nhóm Thuỵ Điển khác được đưa vào một toà nhà lớn, trụ sở của một công đoàn ở Pest. Đúng là, ở đây chúng tôi cũng ngủ trên đất. Thế mà cảm giác tự do thật lạ kì, người ta không hành hạ chúng tôi, những cậu lính nhỏ con coi giữ, và những người giữ trật tự là những người Do Thái Hungary lên đến cấp sĩ quan dự bị khi nào đó nay trở thành các chỉ huy "Thuỵ Điển". Tuy nhiên, dẫu cuộc sống có thể chịu đựng được đến đâu chăng nữa, tôi không tin rằng bọn mũi tên lại chịu tình trạng thoải mái này lâu hơn. Tôi cũng muốn trốn khỏi đây. Muộn hơn sáng tỏ ra là, tôi đã làm đúng, bởi vì muộn hơn một chút chúng lùa cả nhóm này nữa sang phía Tây.

Tương đối dễ trốn khỏi nhà Thuỵ Điển. Một trong những bạn của gia đình chúng tôi là một "sĩ quan Thuỵ Điển". Ông ta thoả thuận với

https://thuviensach.vn

người lính gác nhìn sang phía khác, khi tôi đi ra khỏi cổng.

Tôi lại có thể đi trên đường phố Pest một cách tự do, ngoài đơn vị quân đội. Tự do? Trên áo tôi không có ngôi sao, nhưng cũng không có chứng minh thư giả. Nếu bất kể gã mũi tên nào, hay hiến binh, lính, dân thường cộng tác với bọn mũi tên thấy tôi khả nghi, họ có thể lôi đi và bắt đầu tra hỏi. Tôi phải lẩn trốn.

Đầu tiên là cô Lujza đáng yêu, người quét dọn cũ của gia đình chúng tôi, cho nơi ẩn náu. Chồng cô là người trông coi nhà ở đường Mester, chúng tôi ngủ ở nhà họ, cùng phòng với họ. Ban ngày khi đi làm, họ không muốn để tôi một mình trong căn hộ của họ, và vì thế họ yêu cầu khi thì người này lúc thì người khác ở trong toà nhà che dấu cho tôi. Một hôm tôi ở trong phòng của người soát vé tàu điện, hôm khác một cô gái điếm chứa chấp tôi. Tất cả mọi người biết rõ là, họ đảm nhận mối hiểm nguy không lường trước được, bởi vì chứa chấp và ẩn giấu những người Do Thái và lính đào ngũ – như các tờ yết thị nhồi vào đầu mọi người – là "tội chết". Thế mà họ vẫn làm. Đấy, lại là các thí dụ về việc, khái quát hoá là sai lầm đến nhường nào. Sẽ là không công bằng, nếu chúng ta chỉ thấy người Hung hiện thân trong bọn mũi tên đểu cáng. Có những người Hung tự nguyện, gánh những hiểm nguy to lớn, giúp đỡ chúng ta một cách vô tư, từ lòng nhân ái.

Không thể tiếp tục lâu sự ẩn trốn này, việc mỗi ngày tìm một nơi ẩn náu mới. Lại gặp may. Bạn của gia đình chúng tôi, người trước đó đã kiếm được cho tôi lá thư bảo vệ của Wallenberg, bây giờ tìm được mối liên hệ với giáo hội dòng Tên (Jesuit). Các cha dòng Tên sẵn sàng che dấu một nhóm nhỏ người Do Thái, trong đó có chồng chị tôi và tôi. Cũng người bạn này, nhờ các mối quan hệ giáo hội có hiệu quả, đã đạt được việc dòng nữ tu sĩ Sacré Coeur [Tâm Linh] tiếp nhận mẹ tôi và chị tôi. Trước khi đi đến chỗ ẩn náu mới, một lần nữa tôi muốn nhìn thấy họ, vì ai mà biết được, có bao giờ tôi còn có thể lại nhìn thấy họ nữa hay không. Không có ngôi sao và chứng minh thư giả, với bó hoa trên tay tôi vội đến ni viện. Mẹ và chị tôi vui sướng đón tiếp. Chúng tôi chia tay nhau.

Tại tu viện dòng Tên (trong toà nhà Học viện Rajk bây giờ) người ta vui vẻ tiếp nhận chúng tôi. Cha Raile Jakab, trưởng tu viện,(*)đã cho nhiều người bị truy nã nơi ẩn náu.[3] Tôi là thanh niên duy nhất, tôi đã không có bạn chuyện trò thật sự. Mối quan hệ họ hàng đứng đắn

https://thuviensach.vn

gắn tôi với anh rể, anh chẳng gần tôi về mặt tình cảm, cũng không về mặt tinh thần. Tôi lại lọt vào một cộng đồng, trong đó thực ra tôi lẻ loi.

Một cha, rất tiếc tôi không nhớ tên cha, đã nhiều lần chủ động nói chuyện với tôi về tín ngưỡng, về Chúa, về đạo Cơ Đốc và đạo Do Thái, về triết học. Nếu người khác nhìn vào chúng tôi, chắc chắn thấy một cảnh đặc biệt, một cha dòng Tên và một cậu thanh niên lênh khênh, quần áo rách bươm say sưa trò chuyện sôi nổi, đi đi lại lại trong vườn tu viện, còn bên ngoài đại bác nổ ầm ì.

Khi đó vòng vây của quân đội Soviet đã siết chặt quanh Budapest và ở ven đô đã bắt đầu các cuộc chiến từ phố này sang phố kia rồi. Chúng tôi sống trong niềm tin rằng, uy tín của tu viện sẽ ngăn bọn mũi tên xâm nhập vào. Nhưng một buổi sáng có tin từ các cha: bọn mũi tên bắt đầu lục soát. Tôi lao ra nhà cầu thang, và trong giây lát tôi cũng nhìn thấy hai tên mang vũ khí gào thét. Tôi không thể nói, họ là lính hay là bọn phục vụ đảng mũi tên. Cùng anh rể chúng tôi trốn lên mái nhà, chúng tôi nằm lên tấm ván mà qua đó những người thông ống khói tiếp cận đến ống khói. Tôi không biết, mình sợ cái gì hơn: sợ cuộc lùng soát trong tu viện, hay sợ việc ném bom thành phố. Tiếng ầm ầm của các quả bom lao xuống và tiếng đại bác ở rất gần thật đáng sợ. Ngoài ra tôi còn lo là mình có bị rơi xuống hay không từ sàn mỏng. Tình thế thật kinh sợ, nhưng trong ánh loé sáng của nòng đại bác, trong đường viền của thành phố trải ra trước mắt chúng tôi từ mái nhà cũng hiện ra cái gì đó đẹp kinh khủng. Và tất nhiên có cả nét kì cục của cảnh nữa, một công tử Do Thái quan chức nhà bank và một con mọt sách trung học nằm trốn dán mình trên mái nhà của tu viện dòng Tên.

Chúng tôi thoát khỏi đợt lục soát, nhưng khi ấy chủ của chúng tôi muốn chúng tôi chuyển xuống tầng hầm. Nếu tôi nhớ kĩ, chúng tôi ở đó khoảng hai tuần, chật chội, nhưng tương đối văn minh. Tu viện cung cấp cho chúng tôi thức ăn; chắc chắn chúng tôi ăn uống khá hơn đa số người dân Budapest. Một sự kiện đặc biệt báo hiệu thời gian ở tầng hầm sắp chấm dứt. Ngay từ trước bao vây, người ta đã nối mạng lưới các tầng hầm phòng không dưới các toà nhà ở. Ở nơi về mặt kĩ thuật là có thể, họ mở cổng giữa các tầng hầm. Một buổi sáng cánh cửa dẫn tới tầng hầm của toà nhà bên cạnh mở ra, và một toán quân Đức chui vào. Họ muốn gì? Lục soát? Họ muốn lôi chúng tôi đi? Không, mối lo nhỏ nhất của họ khi ấy cũng lớn hơn thế - họ thử chạy trốn.

https://thuviensach.vn

Những con người mệt mỏi, tơi tả, lê tấm thân từ tầng hầm này sang tầng hầm khác.

(*) Raile Jakab đại diện của dòng Tên Hungary 1944. Không có dữ liệu chính xác về cha đã cho bao nhiêu người ẩn trốn tại tu viện; một nguồn đánh giá là 100 người, nguồn khác là 150 người. Năm 1992 Bảo tàng Yad Vashem [lớn nhất thế giới về holocaust] đã vinh danh cha Raile với danh hiệu "Sự thật của Thế giới", danh hiệu vinh danh những người đã làm nhiều nhất để cứu những người Do Thái bị truy nã.

Có lẽ một hai ngày trôi qua sau khi toán quân Đức bị đánh bại đi qua tầng hầm chúng tôi. Những người Nga đã đến! Tôi sẽ chẳng bao giờ quên cảnh trải ra trước mắt mình. Một cầu thang bên trong dẫn đến chỗ của tầng hầm, nơi chúng tôi, những kẻ lẩn trốn, trú ngụ. Chúng tôi hồi hộp ở bên dưới, rồi đột nhiên xuất hiện ba người ở đỉnh cầu thang. Cha Raile, trưởng tu viện, trong bộ áo choàng của các cha dòng Tên. Cạnh ông là một sĩ quan Soviet có dáng thẳng tắp, trong đồng phục Kozak. Trước đây tôi chỉ thấy trong các phim operett loại đồng phục này, mà người mặc nó còn mang dây đeo đạn to tướng lồ lộ trên ngực. Và cạnh họ là người thứ ba, một trong những đồng bào chúng tôi, một người hát trong đội hợp xướng của nhà thờ Do Thái vùng Hạ Carpathia, người họ biết rằng nói được tiếng Nga hay Ukrain, và bây giờ làm phiên dịch giữa thầy tu dòng Tên và sĩ quan Soviet. Chúng tôi nghe được vài lời thân thiện, và như thế đối với chúng tôi sự truy nã, lẩn trốn, bao vây thành phố đã chấm dứt.

Cảnh tiếp tục một cách lạ lùng. Từ cầu thang vài lính trơn Nga xuống giữa chúng tôi, những người bị truy nã, lẩn trốn trong tu viện hàng tuần, từ vài giây lại thành người tự do, và giữa các tiếng la "davai traxi – đưa đồng hồ đây" họ tước đồng hồ đeo tay của tất cả chúng tôi. Tôi chẳng hiểu rõ, vì sao họ lại làm việc này, và thực ra sự kiện này có nghĩa là gì. Tôi bỏ qua việc này một cách dễ dàng.

Chúng tôi đợi một hai ngày nữa, và khi đó tất cả chúng tôi, những người nhận được nơi ẩn náu trong tu viện, với tấm lòng biết ơn chúng tôi cảm ơn, và mỗi người đi theo đường riêng của mình.

Tôi xuất phát theo hướng Kiskörút [Đường vòng nhỏ], và mau chóng đến trước nhà thờ Do Thái ở đường Dohány. Tôi kinh ngạc và khiếp sợ nhìn thấy những xác chết trần truồng, cóng lạnh, chồng chất lên nhau cạnh đường. Những người Do Thái bị chết tạo thành một

https://thuviensach.vn

đống cao chừng một tầng, những người bỏ mạng trong ghetto quanh nhà thờ.

Tôi chạy tiếp, về phía căn hộ ở phố Pozsony của chị tôi. Tôi bước vào: cả mẹ tôi và chị tôi nữa đã ở đó. Chúng tôi, những người ở Budapest trong đợt bao vây, cả ba chúng tôi còn sống!

Một chương trong đời tôi chấm dứt ở đây. Chỉ còn vài ngày là đến sinh nhật thứ 17 của tôi. Theo nghĩa pháp lí tôi vẫn chưa được coi là người trưởng thành. Nhưng một lần và cho mãi mãi, năm 1944 đã chấm dứt việc tôi có thể coi mình là trẻ con, là thiếu niên chưa hoàn toàn chịu trách nhiệm.

https://thuviensach.vn

Chương 2:TÔI TRỞ THÀNH NGƯỜI CỘNG SẢN NHƯ THẾ NÀO?

https://thuviensach.vn

Năm 1975 tôi làm việc ở Thuỵ Điển. Tôi cần đi dự một cuộc họp ở New York, và tôi phải nộp đơn xin visa ở sứ quán Hoa Kì tại Stockholm. Theo luật Hoa Kì hiện hành lúc ấy tôi phải trả lời cho câu hỏi: tôi đã có bao giờ là đảng viên của đảng cộng sản không. Quan chức sứ quán cầm tờ đơn trong tay, nhìn thấy câu trả lời có của tôi, bảo tôi với thiện cảm sẵn lòng giúp đỡ: "Chắc là họ đã ép ngài vào đảng… -Làm gì có chuyện đó –tôi trả lời. Tôi tự nguyện vào. Tôi đã vào đảng, vì khi ấy đó là niềm tin của tôi."

Đã nửa thế kỉ, niềm tin cộng sản trong tôi bắt đầu yếu đi, rồi hoàn toàn tắt ngấm. Thế mà, khi tôi viết và đánh giá về cuộc đời mình, câu hỏi sau chẳng hề mất tính thời sự của nó: vì sao tôi đã trở thành, và tôi đã trở thành người cộng sản như thế nào?

Các cấp độ thuộc về đảng cộng sản

Câu trả lời mà tôi đưa ra cho quan chức sứ quán Mĩ, hơi đơn giản hoá vấn đề. Vào đảng là một việc làm rất hệ trọng, theo nghi thức, được tuyên bố bằng văn bản. Tuy vậy, đây chỉ là một cột mốc nổi bật duy nhất trong quá trình chuyển biến, mà người ngoài đảng cộng sản bắt đầu và kết thúc với sự đồng nhất hoàn toàn với đảng. Thường cần đến thời gian dài hơn, và xảy ra một cách riêng biệt đối với mỗi người tuỳ thuộc vào nhân cách riêng và hoàn cảnh bên ngoài. Các dấu hiệu của quá trình chuyển biến trong các nước, nơi đảng cộng sản nắm quyền, là khác so với nơi đảng hoạt động trong phe đối lập hợp pháp hay đảng chiến đấu trong tình trạng không hợp pháp nhằm giành quyền lực. Bây giờ tôi chỉ bàn trường hợp đảng cộng sản đang nắm quyền.(*) Tại Hungary ngay sau khi đập tan chính phủ mũi tên, tiếp theo là một chính phủ liên hiệp, trong đó đảng cộng sản tham gia, cụ thể là với địa vị quyền lực mạnh. (Muộn hơn, nhưng sau thời gian nêu trong tên của chương, đảng cộng sản đã tóm lấy mọi quyền lực chính trị).

Đáng phân biệt năm cấp độ, cột mốc của sự đồng nhất với đảng, mà các cấp độ này đồng thời cũng minh hoạ con đường điển hình đến với đảng.

Đầu tiên là *người cảm tình ngoài đảng*. Hướng tới, có cảm tình với những lí tưởng của đảng, sẵn sàng ủng hộ một số hoạt động của đảng,

https://thuviensach.vn

bỏ phiếu cho đảng trong các cuộc bầu cử. "Bạn đồng hành", "fellow-traveller". Chưa (hay *vẫn* còn chưa) gánh vác nghĩa vụ đi liền với tư cách đảng viên.

Cấp độ thứ hai: *đảng viên*. Trọng tâm ở đây là, chúng ta không đưa ra các tính ngữ trước từ "đảng viên". Có thể là người hăng hái hoặc ngồi lùi ở ghế sau, hiếm khi xuất hiện trong các tổ chức đảng. Có thể là, trước đây có cảm tình chân thật với đảng, rồi quyết định gánh vác trách nhiệm và kỉ luật gắn liền với tư cách đảng viên. Nhưng cũng có thể là, các lí tưởng cộng sản thực ra vẫn xa lạ với anh ta, song vào đảng vì các lợi ích kì vọng.

(*) Ở Hungary đảng cộng sản nhiều lần thay đổi tên: Đảng Cộng Sản (1944-1948), Đảng của Những người Lao Động Hungary (1948-1956), Đảng Công nhân Xã hội Chủ nghĩa Hungary (1956-1989). Trong suốt cuốn sách của mình tôi dùng tên gọi "đảng cộng sản".

Cấp độ thứ ba: *đảng viên tích cực và có niềm tin cộng sản*. Thường xuyên tham gia các cuộc họp đảng viên, gánh vác công việc của đảng. Ủng hộ niềm tin cộng sản.

Cấp độ thứ tư: người cộng sản *chân chính*. Đến cấp độ này phải là người có trình độ Marxist-Leninist. Điều này tuy vậy chưa đủ. Hãy nghĩ về những lời được trích dẫn nhiều lần của Stalin, mà ông nói trong đám tang Lenin: "Chúng ta, những người cộng sản là những người loại đặc biệt. Chúng ta không được nặn ra bằng chất liệu bình thường..."[4] Đúng, người cộng sản chân chính, người bolshevik thực sự không chỉ khác những người không cộng sản về trí tuệ, mà cả về thái độ và tính cách nữa. Phải ứng xử "có tính đảng". Tất cả các lợi ích cá nhân, gia đình, bạn bè, đồng nhiệp đều phải đặt dưới lợi ích của đảng. Phải tuân thủ một cách có kỉ luật mọi mệnh lệnh của đảng, cả mệnh lệnh, mà có thể mình không tán thành. Phải sẵn sàng chịu bất cứ hi sinh nào, nếu đảng muốn vậy từ đảng viên.

Không có ranh giới sắc nét giữa cấp độ thứ ba và thứ tư. Đảng viên có niềm tin mạnh mẽ muốn trở thành người cộng sản chân chính. Lí tưởng con người này lơ lửng trước anh ta. Đây cũng là lí tưởng rất "biện chứng". Người cộng sản chân chính bị các mối nghi ngờ bên trong dày vò: liệu trình độ Marxist của mình có đủ chưa, mình có đủ kỉ luật chưa, mình có sẵn sàng hi sinh chưa? Ý thức tự phê bình này càng

https://thuviensach.vn

mạnh, thì các đồng chí càng coi tính cộng sản của người đó càng đích thực, đáng tin, chân chính.

Cấp độ thứ năm: *người lính của đảng, cán bộ đảng chuyên nghiệp*. Thuộc loại này là người, không chỉ làm công việc đảng một phần thời gian của mình, mà "chỗ làm việc chính" là phục vụ đảng. Có thể là bí thư đảng hay cán bộ của bộ máy đảng. Nhưng cũng có thể là giám đốc nhà máy hay sĩ quan ÁVH (Cơ quan Bảo vệ Nhà nước) – cái chính là, đảng lựa chọn, đảng đặt vào địa vị này, và có thể triệu hồi về bất cứ lúc nào. Bất luận phạm vi công việc là gì, phải tuân thủ lệnh của đảng, phải phục vụ các lợi ích của đảng.

Năm cấp độ này tất nhiên chỉ là mô hình trừu tượng của sự phát triển thành người cộng sản. Sự kế tiếp nghiêm ngặt theo thời gian không có hiệu lực trong mọi trường hợp. Nhiều cấp độ - một phần hay toàn bộ - có thể chồng lên nhau.

Có người dừng chuyển biến ngay ở cấp độ đầu tiên hay cấp độ tiếp theo nào đó. Tôi đã đi toàn bộ con đường. Tôi kể lại chuyện riêng của mình, nhưng tôi chắc chắn rằng, trong quá trình chuyển biến của tôi có nhiều nét giống hay hoàn toàn như nhau so với của những người khác. Trường hợp của tôi là khá điển hình.

Mùa xuân 1945 tôi là một học sinh trung học, tôi chuẩn bị cho thi tốt nghiệp ở trường trung học tin lành ở Kiskunhalas. Theo lời mời của một người bạn, tôi chuyển đến đó vài tháng để có thực phẩm dễ hơn. Sau thi tốt nghiệp tôi trở về Budapest. Khi đó, mùa hè 1945 tôi đến thăm quận đoàn quận V của tổ chức thanh niên dưới sự chỉ đạo cộng sản, Liên đoàn Thanh niên Dân chủ Hungary (MADISZ). Trong sáu đến tám tháng đầu năm 1945 tôi biến từ một thanh niên hoàn toàn xa lạ với đảng cộng sản thành một cảm tình đảng (cấp độ đầu tiên).

Cuối mùa hè tôi gia nhập MADISZ, nơi tôi càng tích cực hơn. Cảm tình với đảng cộng sản và ý nguyện vào đảng của tôi mạnh lên.

Cuối mùa thu tôi trở thành cán bộ đoàn chuyên trách ở trung tâm của MADISZ tại Budapest. Khi đó tôi gia nhập đảng cộng sản. Trong câu chuyện của tôi cấp độ thứ hai và thứ ba hoà vào nhau. Ngay khi còn là đoàn viên nòng cốt của phong trào do đảng cộng sản chỉ đạo tôi đã trở thành đảng viên. Và việc này theo nghĩa nào đó đã đi trước cấp độ cao nhất sau đó, cấp độ thứ năm, vai trò người lính chuyên nghiệp của đảng.

https://thuviensach.vn

Trung tâm MADISZ thành phố Budapest như thế là nơi bắt đầu hình thành trong tôi nỗ lực để trở thành người cộng sản chân chính. Muộn hơn tôi được thăng chức, và được chuyển về trung tâm MADISZ toàn quốc. Đây là chức vụ cao nhất tôi giữ trong sự nghiệp công tác đoàn thanh niên của mình. Cho đến lúc ấy, tôi đã coi mình là người cộng sản chân chính, và những người xung quanh tôi cũng coi như thế. Lúc đó đã rõ ràng là tôi đã đạt cấp độ thứ tư-thứ năm.

Nhiều nhân tố đã cuốn tôi trên con đường này. Trong mô tả chi tiết tôi không theo thứ tự thời gian, mà theo các chiều kích khác nhau của quá trình biến đổi. Tôi sẽ chú ý tới sự phân biệt năm cấp độ kể trên nếu việc này giúp cho sự phân tích.

Phản ứng với tổn thương của năm 1944

Tôi coi sự giải thích phân biệt chủng tộc của mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo thể hiện trong đảng cộng sản và dân Do Thái là sai lầm nghiêm trọng. Tuyên bố, "chủ nghĩa cộng sản có trong máu của những người Do Thái", là sự ngu xuẩn mù quáng. Đúng, Marx là người Do Thái, nhưng Engels, Lenin và Stalin thì không. Đúng, Kun Béla và Rákosi Mátyás là những người Do Thái, nhưng Ulbricht của những người Đức, Bierut của những người Ba Lan, Mao Trạch Đông của những người Trung Quốc thì không. Cũng có thể bác bỏ sự lên án có tính phân biệt chủng tộc theo chiều ngược lại, bằng cách liệt kê tên của các chính trị gia Do Thái không phục vụ cho sự nghiệp cộng sản, mà giữ vai trò lãnh đạo trong các đảng và các phong trào có xu hướng xã hội dân chủ, tự do hay bảo thủ.

Trong lúc đó không nghi ngờ gì rằng, tổn thương của năm 1944 đã lùa một phần đáng kể giới trí thức, thanh niên và người lớn tuổi Do Thái theo hướng của đảng cộng sản.

Sự truy nã người Do Thái không bắt đầu trong năm 1944. Chế độ Horthy dẫn thẳng tắp đến đây, với luật Do Thái của nó, với chủ nghĩa bài Do Thái được nâng lên hàng chính thức của nó, với sự cấu kết với Hitler nhằm xét lại vấn đề biên giới, với sự tham gia giao chiến ở phía Hitler của nó. Chính vì thế phần đáng kể người Do Thái cảm thấy rằng, cần phải ủng hộ đảng cộng sản, đảng chống lại chế độ Horthy một cách gay gắt, đảng bị chế độ truy nã và cho đến phút chót vẫn buộc phải hoạt động bí mật.

https://thuviensach.vn

Trong các tuần các tháng sau giải phóng người ta nói nhiều về phong trào kháng chiến Hungary. Những người cộng sản tuyên truyền âm ĩ rằng, người của họ đã tích cực nhất và sẵn sàng hi sinh nhất trong cuộc chiến đấu này. Sự thật là phong trào kháng chiến Hungary yếu và kém, và chỉ lan ra một giới hẹp. Tôi không nghiên cứu vấn đề, trong giới kháng chiến có vũ trang nhỏ nhoi tỉ lệ của những người cộng sản và không cộng sản đã là bao nhiêu. Ngần ấy là chắc chắn rằng, trong thời gian tiếp cận đảng cộng sản cá nhân tôi đã gặp được những người cộng sản, những người có thể chứng minh được là đã cầm vũ khí chống lại chủ nghĩa phát xít. Tôi kính trọng và khâm phục họ. Lương tâm tôi cắn rứt vì tôi chỉ bảo vệ mạng sống của riêng mình, và bản thân tôi đã không thử chiến đấu. Tôi không thể miễn thứ cho mình vì tôi còn rất trẻ, bởi vì hai thành viên của MADISZ quận V còn trẻ hơn tôi, "Cát" (Várnai Ference) và Papp Gabi, những người được mọi người kính trọng như các anh hùng kháng chiến.

Không chỉ các công trạng quá khứ - sự đối đầu với chế độ Horthy và kháng chiến vũ trang – đã làm cho đảng cộng sản trở nên hấp dẫn và được cảm tình, mà cả sự lo âu hồi hộp, không biết tương lai ra sao nữa. Tai hoạ có lặp lại nữa hay không? Ở đây tôi không nghĩ đến việc, câu trả lời *đúng* lẽ ra phải thế nào cho câu hỏi này. Tôi không muốn bàn ở đây đến nền dân chủ Hungary, cũng như quan hệ giữa nước Hungary và Phương Tây dân chủ. Tôi thử tái hiện dòng suy nghĩ chưa chín chắn lúc đó của bản thân tôi lúc mười bảy tuổi (và của nhiều thanh niên đã trải qua tổn thương giống như tôi). Không kể đến đảng cộng sản hứa hẹn một hệ thống xã hội kinh tế tương lai như thế nào và chẳng kể đến hệ thống đã hình thành ở Liên Xô như thế nào, riêng việc sau có vẻ là đủ để ủng hộ đảng cộng sản vì sự hiện diện chính trị của nó, vai trò chính quyền của nó, quyền lực của nó có nghĩa là sự đảm bảo chắc chắn nhất chống lại sự hồi sinh của chủ nghĩa phát xít.

Dòng suy nghĩ này (và không phải sự hấp dẫn được mang trong gen) đã làm tăng sự hấp dẫn của đảng cộng sản trong con mắt những người Do Thái.

Khi đó (và sau này nữa) đã chẳng có ai có thể phân li quan hệ đối với đảng cộng sản khỏi sựđánh giá Liên Xô. Ai phấn chấn vì Liên Xô, người ấy cũng có cảm tình với đảng cộng sản Hungary, ai khiếp đảm hay căm thù Liên Xô, người đó cũng mở rộng ác cảm ra những người cộng sản trong nước.

https://thuviensach.vn

Vào tháng giêng-tháng hai năm 1945 khi quân Liên Xô đánh đuổi quân đội Đức và bọn mũi tên Hungary đồng loã của chúng, với cả tấm lòng tôi cảm thấy: chúng ta được giải phóng.

Tôi nhìn thấy những người cứu mạng sống của mình trong những người lính Soviet, tôi cảm thấy biết ơn sự hi sinh xương máu khủng khiếp mà họ đã gánh chịu vì việc này. Cảm giác biết ơn đã đè bẹp trong tôi nhận thức rằng, nhiều binh lính Hồng Quân đã làm những việc xấu xa, và các chỉ huy của họ đã cho phép. Tôi cảm thấy câu chuyện được nhắc đến ở chương trước, việc tháo lấy đồng hồ đeo tay của chúng tôi trong giây phút giải phóng, hầu như là trò tiêu khiển. Tuy nhiên tôi đã không thể cười được về chuyện họ đã cướp bóc nhà ở chúng tôi nhiều đợt. Một toán lính Nga xông vào, với súng máy họ xua chúng tôi xuống tầng hầm phòng không, rồi họ lấy một lô đồ đạc và ra đi. Có một "khách thường xuyên" (chúng tôi gọi là "bunker izi-xuống hầm", bởi vì luôn la như thế khi vung vẩy vũ khí xua chúng tôi xuống tầng hầm), anh ta quay lại cướp bóc nhiều lần.

Một bạn thân của tôi tuyệt vọng kể lại rằng, họ đã hãm hiếp mẹ anh. Nhiều lần họ bắt tôi đi làm "malenkij robot", việc nhỏ, như đào ụ pháo ở Budapest, hay xua ngựa khi tôi ở nông thôn. May là tôi luôn về lại được. Khi đó chúng tôi đã nghe thấy rằng, nhiều dân thường bị bắt đi làm việc vặt ngẫu hứng như vậy, bị liệt kê vào giữa các tù binh, và bị đưa sang Liên Xô.

Cái đã xảy ra bên trong tôi được tâm lí học gọi là: sự giảm bớt bất hoà nhận thức. Trong những năm dài "tôi đã ấn" những kinh nghiệm khủng khiếp "xuống dưới ý thức của tôi" (vào vô thức), bởi vì giả như nếu chúng trồi lên bề mặt ý thức của tôi, thì chúng bắt đầu sinh sự ngay với niềm tin vào Liên Xô. Hoặc tôi đã thử tìm ra giải thích hay sự biện hộ nào đấy cho ứng xử không thể biện hộ và không thể chấp nhận được. Lòng tin của tôi vào Liên Xô ngày càng mạnh hơn, và cuối cùng chuyển một cách vô điều kiện thành niềm tin mù quáng.

Trước khi chuyển sang các nhân tố khác của những chuyển biến bên trong tôi, với một lời tôi vẫn cần quay lại vấn đề người Do Thái. Kể từ lúc tôi gần gũi với đảng cộng sản, bản sắc Do Thái của tôi hầu như hoàn toàn biến mất, chí ít trong các tầng ý thức của tôi. Một bạn cùng lớp nói với tôi rằng anh ta chuẩn bị di cư sang Israel. Tôi hoàn toàn thờ ơ.(*)Tôi cũng chẳng hề có ý nghĩ trả thù vì những sự truy nã

https://thuviensach.vn

Do Thái. Tôi thờ ơ với việc có bao nhiêu người Do Thái trong ban lãnh đạo đảng cộng sản; tôi không cảm thấy mình gần họ hơn vì chuyện ấy. Mặt khác tôi cũng chẳng hề nghĩ tới rằng, trong xã hội Hungary bị nhiễm chủ nghĩa bài Do Thái thì sự thực này có thể sinh ra ác cảm trong nhiều người.

Tôi coi việc mình phải đổi họ Kornhauser nghe có vẻ Đức và vì thế ám chỉ xuất xứ Do Thái thành một họ nghe có vẻ Hungary hơn, là việc hoàn toàn tự nhiên. Đã chẳng có ai khuyên tôi điều này. Tự tôi đi đến quyết định rằng, tôi lấy họ Kornai, như tôi đã nhắc đến trong chương trước. Việc này cũng bày tỏ nỗ lực của tôi để "hoà nhập" vào xã hội Hungary như sự phản lại những kinh nghiệm đau đớn về sự loại trừ.

Sự xói mòn bản sắc Do Thái của tôi tất nhiên được những thay đổi của luật pháp và đời sống xã hội Hungary làm cho dễ dàng hơn. Không còn cần ghi tôn giáo vào các giấy tờ công chính thống. Người ta không còn công bố những lời sáo rỗng mang tính loại trừ của "khoá học cơ đốc". Đã chấm dứt không chỉ những biểu hiện được ghi vào luật, công khai và thô bạo của sự phân biệt chủng tộc và tôn giáo chống Do Thái, của sự bị tách biệt và của việc nhốt người Do Thái vào các ghetto, mà những sự phân biệt phi chính thức cũng mờ nhạt đi hay được giải quyết.(**) Từ quan điểm này sự tái tự do hoá xã hội Hungary đã diễn ra với tốc độ vũ bão trong hai năm ấy.

Bản tính Do Thái của tôi lại bắt đầu làm tôi quan tâm, khi chủ nghĩa bài Do Thái *công khai* lại ngóc đầu dậy dưới dạng có thể thấy, có thể nghe thấy, có thể đọc thấy trên ấn phẩm. Muộn hơn cuốn sách sẽ nói về việc này, khi chúng ta đến đó theo thứ tự thời gian.

Ở trước tôi đã khẳng định rằng, tổn thương đã phải chịu với tư cách người Do Thái cũng đã lôi kéo tôi về phía đảng cộng sản. Còn muộn hơn tôi lại nói bản sắc Do Thái của tôi đã tắt đi (hay đã ngủ đông) khi gần đến với đảng cộng sản.(***) Tôi không thấy mâu thuẫn logic giữa hai khẳng định này, và hai quá trình này hoà hợp tốt với nhau về mặt tâm lí. Môi trường cộng sản càng bện quanh, thì tôi càng đồng nhất với nó, tôi càng cảm thấy rằng: bây giờ việc tôi sinh ra là người Do Thái không còn quan trọng nữa.

Hồi ức về sự làm nhục, sự phỉ nhổ, về sự loại trừ đã khiến nhiều người Do Thái, kể cả tôi, gia nhập cộng đồng không phân biệt đối xử theo chủng tộc hay tôn giáo, cộng đồng chấp nhận chúng tôi là ngang

https://thuviensach.vn

hàng. Thế giới của các tư tưởng của đảng cộng sản ngay từ đầu đã nhồi vào trong chúng tôi nhiều loại định kiến, nhưng giữa chúng không có chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Trong giới cộng sản đã chẳng có ai hỏi tôi, tôn giáo của tôi là gì, và tôn giáo của cha mẹ hay ông bà tôi là gì. Họ tiếp nhận tôi vào hàng ngũ của họ. Sau tổn thương kinh khủng của sự bị loại trừ, sự trải nghiệm được tiếp nhận này hấp dẫn và làm yên lòng.

(*) Tất nhiên tôi đã có thể di cư không chỉ đến Israel mà cả đến nơi khác nữa. Ở lại Hungary hay di cư -thế khó xử này khi đó, và còn nhiều lần nữa, đã nảy ra trong đời tôi. Trong một chương muộn hơn của cuốn sách tôi sẽ bàn chi tiết về vấn đề cơ bản này.

(**) Những người vào ở nhà của người Do Thái hay hưởng phần tài sản Do Thái bị tịch thu, chắc hẳn đã tiếp đón những người quay về nhà với các cảm giác không vui. Những người bài Do Thái đến tận xương tuỷ trước 1945, cảm giác thù hận của họ cũng đã chẳng bốc hơi sau 1945. Trong các năm đầu thậm chí cũng đã xảy ra các cuộc thảm sát Do Thái. Tất cả các hiện tượng này tuy vậy đa phần được che dấu. Chắc chắn là tôi đã không cảm thấy.

(***)Đây không phải là trường hợp cá biệt. Nhiều thập niên sau tôi gặp "các con cán bộ", mà bố mẹ chúng là những người Do Thái, và cũng gia nhập đảng cộng sản khoảng cùng thời gian với tôi. Họ bảo tôi rằng, cha mẹ họ coi mình là những người cộng sản Hungary, và đã chẳng hề có ý thức gì về bản sắc Do Thái của mình- tuy họ hoàn toàn biết rõ rằng theo tinh thần của các luật nazi họ được đánh giá là Do Thái. Hầu như họ bị bối rối khi nói về xuất xứ Do Thái của họ. Không phải vì họ xấu hổ, mà vì họ cảm thấy chủ đề chẳng liên quan gì.

Chuyển biến tư tưởng, chấp nhận các tư tưởng chính trị cộng sản

Cái tôi đã viết liên quan đến ảnh hưởng của tổn thương năm 1944, đúng hơn là chuỗi các xung lực tình cảm, hơn là dòng tư duy logic nghiêm ngặt. Song song với việc này, một quá trình *trí thức* cũng xảy ra. Phân tích câu chuyện biến đổi của riêng tôi, quá trình tinh thần này đã chẳng liên quan gì đến Do Thái giáo, đến tổn thương năm 1944. Ở đây các tư tưởng mới nổi lên cạnh tranh với các tư tưởng cũ, và mau chóng hoàn toàn đẩy chúng ra. Với việc giới thiệu chi tiết sự thay đổi suy nghĩ của mình tôi không muốn tạo ra ấn tượng – và tôi nhấn mạnh điều này ở đây -, rằng sự tiếp nhận các tư tưởng cộng sản có nghĩa là

https://thuviensach.vn

động lực mạnh nhất trong sự biến chuyển của tôi. Không thể áp dụng vào tôi công thức đơn sơ, theo đó người trí thức lưỡng lự do ảnh hưởng của tài liệu và các bài giảng chính trị cộng sản mà nhận thấy rằng, vị trí của mình là ở trong đảng.

Khi tôi viết về giai đoạn đến 1944, tôi đã mô tả thế giới quan của tôi là mở và dẻo. Tôi ngấu nghiến các cuốn sách, và nếu tôi gặp tư tưởng có sức mạnh lớn nào đấy, tôi dễ bị nó ảnh hưởng – cho đến khi tư tưởng tiếp theo chưa đến và đẩy cái trước ra khỏi suy nghĩ của tôi.

Đầu 1945 tôi có ít thời gian hơn để đọc sách, vì trong vài tuần tôi đã phải học chương trình của một năm học. Mặt khác, tôi vẫn đọc báo khá đều, tôi chú ý đến tin tức. Các sự kiện chiến tranh, sự hiện diện của quân đội Soviet đã thu hút sự chú ý của tôi đến Liên Xô. Tôi biết ít, hầu như vẫn chẳng biết gì về cái, trong suốt các thập niên sau này tôi nghiên cứu: hệ thống cộng sản hoạt động thế nào. Thế nhưng tôi cảm nhận sức mạnh quân sự của Liên Xô; bằng chính mắt mình tôi nhìn thấy họ đánh đuổi quân đội Đức kinh hãi ra khỏi đất nước chúng ta. Đối với tôi hiển nhiên là, Liên Xô đã tạo ra một thế giới mới, rất khác với thế giới mà đến lúc đó tôi đã sống. Tôi bắt đầu tin rằng, thế giới này sẽ chiến thắng thế giới cũ. Trong lúc đó tôi cũng đã thấy, mà về việc này vừa rồi tôi đã nói đến, rằng binh lính Soviet – cũng những người đã mang đến cho tôi sự giải phóng - lại đối xử thô bạo với dân thường, và họ làm những việc xấu xa không thể dung thứ được.

Tôi đã thử dung hoà trong mình hai quan niệm này, niềm tin vào tương lai và những kinh nghiệm hiện tại. Vào khoảng thời gian này lần đầu tiên xuất hiện trong tôi rằng, nhu cầu tồn tại của tôi là viết. Tôi cũng đã soạn một bài khá dài, mà ngày nay tôi có thể gọi là: một tiểu luận, với tiêu đề *Hạt dưới tuyết.* Đáng tiếc văn bản đã bị mất, nhưng tôi có thể nhắc lại khá chính xác nội dung của nó. Tôi đã áp dụng lí thuyết lịch sử liên quan đến "các giới văn hoá" của Oswald Spengler vào thế giới lúc đó. Theo Spengler loài người không tiến lên phía trước, mà chuyển động theo dạng hình tròn. Các nền văn hoá nảy sinh, đâm hoa kết trái, suy tàn, rồi chết đi. Theo nhà lịch sử Đức, bây giờ điều này đang xảy ra với nền văn hoá phương tây. Nhan đề cuốn sách nổi tiếng của ông – *Hoàng hôn của Phương Tây* -ám chỉ điều này. Mỗi nền văn hoá xuất phát sôi sục với năng lực tươi trẻ, các lực thô và man rợ chuyển động bên trong nó. Sau đó dần dần chuyển thành nền văn minh, đi liền với sự suy đồi tinh tế, với sự yếu đi của các lực. Theo

https://thuviensach.vn

Spengler chính điều này đặc trưng cho giới văn hoá phương tây trong thời đại chúng ta.

Tiểu luận của tôi trình bày: Liên Xô thể hiện một giới văn hoá mới. Bây giờ nó vẫn ở giai đoạn chưa văn minh, thô kệch, tràn đầy sinh lực thô sơ. Bất cứ có đáng tiếc như thế nào rằng, sự dã man dẫn đến đau khổ -nhưng đấy chính là dấu hiệu của tính tươi trẻ của nền văn hoá.

Phần thứ hai của tiểu luận của tôi dựa trên bài thơ tuyệt vời của Ady Endre với tiêu đề *Hạt dưới tuyết*. Tôi đã trích toàn bộ bài thơ này, và đã chọn tên bài thơ làm tiêu đề của mình. Dòng này dòng kia của bài thơ nói thay cho tấm lòng tôi, sau tai biến 1944: "Dày vò, dằng xé tấm thân mình… Từ máu, từ tiếng rên, từ lửa/ Tôi góp nhặt…"

Một dòng khác của bài thơ cũng đồng điệu tuyệt vời với luận bàn kiểu Spengler: "… Tôi ngẩng mặt mình lên một thế giới mới con người mới."[5]

Dòng tư duy bị vấp ở nhiều chỗ, và sự lạc hướng cũng lẻn vào việc dùng thơ Ady. Năm 1915 Ady có lí để có thể cảm thấy rằng, ông và những người như ông rồi sẽ cứu được các giá trị cũ sang thế giới mới. Tiêu đề của bài thơ cũng ám chỉđiều này. Thế nhưng tôi, một thanh niên còn non nớt, chưa chín chắn, thì có thể cứu được gì trong các giá trị của quá khứ sang chế độ mới, xuất phát một cách dã man không thể tránh khỏi?

Đấy là tiểu luận đầu tiên trong đời tôi. Và suốt một thời gian dài đấy là bài viết có suy nghĩ độc đáo cuối cùng của tôi. Đúng, trong đó đã xuất hiện bộ điệu của kẻ trí thức ở tuổi thanh niên. Logic của nó chưa khúc chiết, và lập luận của nó cũng chưa có cơ sở-nhưng có tính độc đáo trong đó. Ngày nay tôi cũng vẫn còn kinh ngạc, khi tôi bắt đầu khảo sát, niềm tin cộng sản đã bóp nghẹt tính độc lập tư duy trong tôi suốt nhiều năm đến vậy.

Đầu năm 1946, khi tôi đã làm việc ở thành đoàn Budapest của MADISZ, tôi đã giới thiệu tiểu luận được viết vài tháng trước đó của mình cho Csendes Károly, phó bí thư thành đoàn. Nhiều năm sau đó Csendes trở thành phó viện trưởng viện kiểm sát tối cao, và ở cương vị công tác đó ông trở nên khét tiếng kinh khủng. Nhưng khi đó ông vẫn hoàn toàn chưa gây sợ hãi. Ngược lại, ông có vẻ là người nhỏ nhẹ, khoan dung. Ông đọc bài tiểu luận, giới thiệu cho vài bạn của ông, một-hai sinh viên học viện-Győrffy[(+)], những người-tôi dẫn lời ông-có

https://thuviensach.vn

học hơn ông. Từ nhận xét của ông tôi hiểu rằng, công trình của tôi có ấn tượng nghiêm túc với ông. Ông cũng bảo tôi rằng, ông chưa bao giờ thấy một bài viết tương tự, gánh vác nhiệm vụ to tát đến vậy. Ông cũng mừng là, – tuy với lập luận lạ, nhưng tôi đã ủng hộ chế độ mới. Tuy nhiên ông thấy rằng, những suy nghĩ của tôi rắm rối. "Cậu phải học Marx, Lenin và Stalin cặn kẽ hơn nhiều."

Việc này tôi đã bắt đầu với sự chăm chỉ sắt đá trước cả lời khuyên của ông. Có lẽ tác phẩm đầu tiên tôi đọc từ một tác giả Soviet là giãi bày của Stalin được công bố với nhan đề *Về chủ nghĩa duy vật biện chứng và lịch sử*. (Sau đó rất lâu tôi mới biết rằng, ban đầu người ta công bố tác phẩm này như một chương của lịch sử đảng cộng sản (b) Liên Xô, sách giáo khoa cơ bản của hệ tư tưởng bolsevik). Tôi biết rõ rằng, ngày nay ngay cả những người tự coi mình là các nhà Marxist cũng nghĩ là Stalin đã cô đọng, đơn giản hoá chủ nghĩa Marx một cách phiến diện, vụng về, và đã bóp méo nó ở nhiều điểm. Nhưng bây giờ và ở đây tôi không muốn đi vào đánh giá chung triết học Marxist, cũng chẳng muốn phân tích tác phẩm của Stalin. Tôi chỉ muốn thuật lại, nó đã tác động *lên tôi khi đó* như thế nào, khi lần đầu tôi đọc cuốn sách mỏng, nhỏ, màu trắng, với ảnh Stalin mặc quân phục nguyên soái trên bìa.

Chỉ riêng việc Stalin, lãnh tụ tối cao của một nước lớn, thống soái chiến thắng của chiến tranh thế giới *và là* nhà triết học cũng đã gây ra sự kinh ngạc trong tôi. Trong lúc đầu óc tôi còn lộn xộn với mớ hỗn độn của các mẩu của nhiều loại triết học, thế giới quan, trào lưu đến với tôi – thì trong cuốn sách nhỏ trật tự nhà binh ngự trị. Mỗi khẳng định riêng biệt cũng đều tỏ ra đúng đối với tôi, nhưng cái còn quan trọng hơn thế là, đột nhiên tất cả đều ngăn nắp có trật tự. Có những vấn đề nghiêm trọng mà –khi đó tôi thấy- các nhà triết học nổi tiếng cố gỡ ra hay làm rối mù thêm bằng những dòng suy nghĩ cầu kì rắc rối, thì Stalin đã giải quyết bằng một câu súc tích một lần cho mãi mãi. Cái mà nhà phê bình sành điệu lên án là đơn giản hoá thô thiển, thì đối với tôi chính lại là hấp dẫn: đấy, một bài viết đơn giản, dễ hiểu, rõ ràng.

(+) Kollégium [còn có nghĩa là kí túc xá] mang tên giáo sư Győrffy István (mất cuối 1939) cũng như học viện Bólya chăm lo cho con em nông dân học đại học, có vai trò to lớn trong ngành giáo dục, sư phạm Hungary ở các năm 1940, sau 1956 bị giải tán. Sinh hoạt của các học viện ở Hungary có truyền thống lâu đời và mạnh cho đến tận ngày nay.

https://thuviensach.vn

Các học viện có tiếng như Rajk László được nhắc đến trong cuốn sách này.

Đáng tiếc, tác phẩm này đã không đến với tôi ở một seminar triết học phê phán của một thầy giáo am hiểu, nơi có thể chỉ dẫn cho các học sinh quá dễ bị thuyết phục: sự hời hợt té ra là ở đâu, tác giảđã lẩn tránh một mâu thuẫn sâu sắc ở chỗ nào, có thể tấn công dòng tư duy hay sự phân loại ở đâu. Tôi đã không thảo luận cuốn sách với bất kì ai, tôi cũng chẳng có cơ hội để cân nhắc các nhận xét nghi ngờ của những người khác.

Giống như trong thời niên thiếu (với sự chỉ dẫn am tường của Szerb Antal và Babits Mihály) tôi đã thử lựa cái hay nhất và quan trọng nhất mà mình cần đọc về văn học, bây giờ tôi cũng lựa chọn như thế trong các tài liệu chính trị. Cái hay nhất và quan trọng nhất là các tác phẩm do các nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx, Marx, Engels, Lenin và Stalin đã viết. Như thế đầu tiên cần tìm hiểu cặn kẽ cái này. Và bởi vì bốn tác giả này đã viết số công trình bằng cả thư viện, tôi đã phải chọn lựa, tác phẩm nào là quan trọng nhất trong số này. Các "tuyển tập" khác nhau cho sự giúp đỡ hiển nhiên. Liên quan đến hiểu biết có thể thu được từ các sách, tôi tiến nhanh về trình độ. Một hai năm, và đã có thể nói về tôi rằng, tôi là "nhà Marxist có trình độ", người đã đọc cẵn kẽ tất cả các tác phẩm quan trọng của các tác giả kinh điển, và biết chính xác, họ nói gì, về vấn đề nào, trong tác phẩm nào.

Thành tích học tập lớn nhất và khó nhất là việc tìm hiểu *Tư bản luận* của Marx. Khi đó cùng với Kende Péter bạn tôi, chúng tôi đã cùng làm ở một nơi. Anh ta là biên tập viên của tờ *Thanh niên (Ifjúság)* của MADISZ, và bàn làm việc của anh ta ở thành đoàn Budapest. Tôi đã cùng ngồi ở phòng đó, với tư cách phụ trách các vấn đề giáo dục-đào tạo. Chúng tôi cũng đã gặp nhau nhiều lần ngoài cơ quan. Đầu tiên nửa đùa, nửa nghiêm túc chúng tôi quyết định rằng, chúng tôi cùng nhau viết một "tiểu thuyết lê-dương dân chủ". Chúng tôi muốn diễn đạt theo lối P. Howard (Rejtő Jenő)(+), và cái làm cho nó thành dân chủ là, chúng tôi đứng về phía những người bản địa chống lại bọn thực dân độc ác. Chúng tôi đã viết vài trang giữa những tiếng cười hô hố, cho đến lúc chúng tôi chợt nhận ra là, chúng tôi có thể

https://thuviensach.vn

dùng thời gian chung cho việc có ích hơn thế. Chúng tôi quyết định, thay cho viết tiểu thuyết lê dương chúng tôi cùng đọc *Tư bản luận*.

Chúng tôi đọc tiếng Đức và ghi chép tỉ mỉ. Cả hai chúng tôi mỗi người ghi tóm tắt riêng của mình, nhưng hầu như chúng tôi đối chiếu với nhau từng câu, ai hiểu thế nào cái Marx nói. Chúng tôi không có khó khăn ngôn ngữ, nhưng văn bản là cực kì khó. Trước đó chẳng ai trong chúng tôi đã học kinh tế học. Giả như chúng tôi đã biết Ricardo, hay Adam Smith, thì chắc chắn chúng tôi đã hiểu dễ hơn cái Marx vay mượn từ họ, và cái mà ông khác với họ. Sự thiếu hoàn toàn vốn kiến thức càng làm cho việc đọc thêm khó nhọc.

Hiện nay tôi vẫn còn các vở ghi chép bằng tay này. Suốt hàng tuần, chúng tôi chỉ đọc tậpI. chung với Péter. (Tôi đã nghiên cứu các tập II. và III. một mình). Chúng tôi làm việc luân phiên tại nhà anh ta ở đường Damjanich và nhà tôi ở đường Akadémia. Chúng tôi tiến từ trang này sang trang kia với sự chăm chỉ kiên cường, ngẫm nghĩ kĩ mọi câu trong vở ghi chép của chúng tôi. Cả Péter, lẫn tôi đều tiếp cận tác phẩm này với lòng kính trọng và ngoan ngoãn. Như người theo đạo nhìn lên Kinh thánh, chúng tôi cũng nhìn vào cuốn sách này như vậy: chúng tôi đã đọc với sự tôn kính và coi trọng từng từ.

(+) Rejtő Jenő là nhà văn Hungary lấy bút danh P. Howard và viết những tiểu thuyết lê dương (legion) về thuộc địa, được giới trẻ Hungary rất hâm mộ.

Như nói tới tác phẩm của Stalin ở trước, tôi đã không đánh giá phê phán, ở đây tôi cũng không muốn phê phán Marx. Những người khác đã làm việc này. Trong các chương sau của hồi kí tôi cũng sẽ đưa ra vài nhận xét về chủ nghĩa Marx. Bây giờ tôi chỉ muốn trả lời cho câu hỏi, *Tư bản luận* đã tác động đến tôi thế nào *khi đó*.

Nó đã làm tôi say đắm. Trước hết nó ảnh hưởng – tuy dòng tư duy rất trừu tượng và văn phong nhiều khi cực kì rắm rối theo kiểu Đức- bằng lập luận sáng sủa và logic của Marx. Nếu ta chấp nhận các tiền đề của ông, hệ thống khái niệm của ông và phương pháp lập luận của ông, thì tất cả đều ổn thoả. Từ các suy nghĩ cơ sở suy ra với logic sắc như dao câu các kết luận đầu tiên, và nếu chúng ta lại coi các kết luận này như các điểm xuất phát, lại có thể rút ra các kết luận mới và mới nữa. Với lời vừa được trích của Csendes Károly: Marx không rắm rối, mà có vẻ trong như pha lê. (Cần nhiều thời gian trôi đi, và tôi phải đọc

https://thuviensach.vn

và phải hiểu nhiều thứ nữa để nhận ra rằng: những trục trặc với các tiền đề là ở đâu, và dòng tư duy bề ngoài có vẻ logic bị vấp ở đâu). Một cậu thanh niên, lúc 14-16 tuổi ráo riết tìm ánh sáng trong hàng trăm loại sách đọc, bây giờ đột nhiên nhận được nó với sức mạnh của ánh sáng mặt trời trong tác phẩm một ngàn trang này.

Tuy tính logic và sự sáng sủa đã có tác động lớn nhất lên tôi, cái tôi cũng kính trọng và thích trong *Tư bản luận* là, nó không được viết một cách nhạt nhẽo và thờ ơ, mà đầy xúc cảm. Việc họ đối xử với công nhân trẻ em ra sao, họ bóc lột những người vô sản thế nào, thực sự gây phẫn nộ.

Trong lúc đó Marx đã không đặt sự phân tích logic lệ thuộc vào tình cảm của ông. Ông không coi những tai hoạ do chủ nghĩa tư bản gây ra là do tính xảo trá của các nhà tư bản. Hàng thập niên muộn hơn khi tôi phê phán chủ nghĩa xã hội, tôi đã cố gắng chỉ ra rằng, các hiện tượng bất bình thường khác nhau, như sự thiếu hụt hay sự thúc ép tăng trưởng, không phải nảy sinh từ lỗi của một số người, mà từ bản thân *hệ thống*. Chắc chắn là, quan điểm này tôi đã hít vào mình khi đọc *Tư bản luận*, và cho đến tận ngày nay vẫn tác động đến tư duy của tôi.

Đọc *Tư bản luận* tôi quyết định rằng, mình sẽ là nhà kinh tế học. Trước đó tôi chẳng bao giờ nghĩ đến việc này. Đúng hơn, văn học, sử học, triết học đã làm tôi quan tâm. Khi kết thúc việc học chung với Péter, trong tôi đã không còn nghi ngờ gì về lựa chọn nghề nghiệp. Nhiều nhất tôi vẫn chưa biết, mình sẽ thực hiện kế hoạch này ra sao.

Tác phẩm của Marx đầy rẫy tính ngạo mạn. Nó kính trọng Ricardo, Smith, ngay cả khi nó lệch khỏi họ, nó công bố điều này theo cách tử tế. Ngược lại, nó nói về những người đương thời và các đối thủ trí tuệ một cách miệt thị, coi họ là ngu đần và hiểm độc: "Đến cái này cũng chẳng biết…", "Đến điều đó cũng chẳng nhận ra…" Ông cũng làm cùng điều này trong các tác phẩm khác của mình, và Engels, Lenin và Stalin cũng thể hiện sự ngạo mạn, kiêu ngạo và bất khoan dung với các đối thủ trí tuệ của mình. Xấu hổ, nhưng tôi phải thú nhận: điều này đã không chỉ không gây phiền hà, mà còn gây cảm phục nữa. Phải đối xử như thế với kẻ thù!

Nếu không phải với sức mạnh mãnh liệt như Marx đã ảnh hưởng đến tôi, song Lukács György cũng đã có ảnh hưởng đáng kể đến tư duy của tôi. Trong thời kì đó, mà tôi đang kể về, tôi kiếm được các

https://thuviensach.vn

nghiên cứu của ông về văn hoá.[6] Đối với tôi những suy nghĩ của Lukács về "các nhà hiện thực lớn" tạo thành cây cầu yên bình, dễ đi qua giữa các sách đọc văn học của tôi trước 1944 và những quan điểm Marxist mới mẻ của tôi. Tolstoj và Dolstojevski đã là các tín đồ cơ đốc giáo, thậm chí Dolstojevski là người tự nguyện theo chủ nghĩa sa hoàng? Balzac phản động? Thomas Mann tư sản từ đầu đến chân? Không sao -Lukács György trấn an. Cũng chẳng cần chú ý đến việc, người ta viết lộn bậy trên danh nghĩa lập trường triết học hay chính trị. Cái chính là, các nhà hiện thực lớn, phản ánh thực tiễn với tư cách các nhà văn. Lukács đã chích cho tôi miễn dịch, để tôi được bảo vệ khỏi tác hại của những tư duy triết học hay chính trị của các tư tưởng lớn, và trong lúc đó, vẫn như thời niên thiếu của mình, tôi tiếp tục có thể ngưỡng mộ nghệ thuật của họ.

Dưới com mắt của tôi Lukács đã có uy tín tuyệt đối. Riêng việc Thomas Mann nhận xét một cách quý trọng về ông cũng đã chứng thực cho uy tín của ông.[7] Đây cũng là một cây cầu giữa thế giới tư duy cũ và mới của tôi. Đọc Thomas Mann đã là một trong những ấn tượng văn học gây cảm động và say đắm nhất của tôi. Nếu *ông*, Thomas Mann coi trọng ai đó, người ấy chắc chắn là một nhân vật đáng kể. (*)Chính vì thế tôi không thể tha thứ được cho Lukács về việc, ông đã chẳng bao giờ báo hiệu bất cứ điều kiện do dự nào đối với Liên Xô. Ông đã ở đó, đã thấy bằng chính mắt mình, thực sự hệ thống Soviet là thế nào. Ông đã biết về các vụ án nguỵ tạo, về việc săn đuổi những người vô tội, về sự khủng bố. Sau đó ông trở về Hungary. Làm sao ông lại nhịn được, để ngay cả với một cái nháy mắt ông có thể cho người ta thấy: có lẽ không phải mọi thứ đều ổn cả. Tất nhiên, tôi hiểu là ông khiếp sợ. Song lẽ ra ông đã có thể im lặng thay cho việc che đậy bọn tội phạm bằng uy tín của mình. Loại trí thức trẻ, chưa có kinh nghiệm, ngây thơ và dễ tin như bản thân tôi giữa các thứ khác cũng chính vì thế mà đã tin một cách vô điều kiện vào các huyền thoại nói về sự tốt đẹp của cuộc sống Soviet, bởi vì Lukács György đã chẳng bao giờ lên tiếng về bất cứ sự nghi ngờ nào của ông cả.

Tôi càng tiến bộ về hiểu biết chủ nghĩa Marx-Lenin, suy nghĩ trong tôi càng mạnh rằng: tôi có trong tay chìa khoá để hiểu thế giới. Bất cứ vấn đề gì nổi lên, tôi có hiểu biết mà với nó tôi chắc chắn biết cách giải quyết. Cuộc sống không thể tạo ra hiện tượng mới, mà tôi không thể đặt nó vào hệ toạ độ do chủ nghĩa Marx tạo ra, hay nó có thể bác bỏ

https://thuviensach.vn

luận đề nào đó của chủ nghĩa Marx. Điều này cũng gây ra sự kiêu căng trí tuệ, cụ thể là dạng nguy hiểm hơn lối tranh luận ngạo mạn rất nhiều. Tuy vậy đối với tôi, đối với một trí tuệ trẻđi tìm trật tự và sự sáng tỏ, thì chính điều này đã cho chủ nghĩa Marx-Lenin sức hấp dẫn quan trọng nhất của nó.

Sự nghèo khổ của làng quê và nhiều ấn tượng văn học khác biết được từ các tác phẩm của các nhà văn nghiên cứu thôn quê đã gây ra trong tôi sự đồng cảm với số phận của những người nghèo và những người bị áp bức ngay từ thời tôi còn niên thiếu. Tình cảm gián tiếp này, do các sách đọc tạo ra, được kinh nghiệm trực tiếp năm 1944 làm tăng lên. Dù chỉ trong vài tuần, nhưng tôi đã có thể thấy bằng chính mắt mình ở nhà máy gạch, các công nhân sống thế nào. Khi sau đó tôi bắt đầu học chủ nghĩa Marx, cảm tình tự phát đó cũng "vào đúng chỗ của nó". Kinh tế học chính trị giải thích, người ta bóc lột các công nhân và những người nghèo nông thôn thế nào. Kiến thức mới thâu nạp được của tôi được thúc đẩy không phải để tôi có quan hệ sống động với những người nghèo mới quen biết và yêu quý khi đó, mà để tôi tham gia toàn tâm toàn ý vào việc biến đổi xã hội theo lí thuyết Marxist, mà kết quả của nó là nghèo đói rồi sẽ chấm dứt một lần và mãi mãi.

(*) Về bản thân sự thực là, Thomas Mann nhận xét về Lukács György với sự kính trọng, tôi đã nghe thấy, khi lần đầu tiên tôi đọc các công trình của Lukács. Văn bản thật, xác thực của những nhận xét của Thomas Mann tất nhiên tôi chỉ có thể biết muộn hơn rất nhiều.

Các nhân vật có sức lôi cuốn

Không chỉ các con chữ, mà lời nói sinh động, tính cách có sức lôi cuốn của một vài chính trị gia cộng sản cũng kéo tôi đến gần với đảng hơn.

Tôi đích thân biết Révai József muộn hơn, nhưng ngay trong thời kì này tôi cũng đã nghe ông phát biểu nhiều lần trong các cuộc họp hay diễn thuyết. Các bài viết, các bài xã luận đăng trên báo đảng của ông hoàn toàn hoà điệu với các bài nói của ông. Đối với tôi ông là hiện thân của người trí thức cộng sản ở mức cao nhất.

Révai biết trở thành diễn giả châm ngòi, kích động. Cái còn tác động hơn đến tôi là, các bài nói và viết của ông có logic sáng sủa và dễ hiểu. Ông không chỉ đưa ra các tuyên bố, mà –khi đó tôi cảm thấy vậy – còn lập luận một cách thuyết phục, xây dựng nội dung của mình

https://thuviensach.vn

trong một cấu trúc rõ ràng. Ông là một nhà tranh luận tuyệt vời, đối mặt với những khẳng định của đối thủ và đập cho tơi bời. Ông trình bày rõ ràng, không có sai sót, ông diễn đạt một cách chọn lọc, trau chuốt.

Khi ngày nay tôi nghe các nhà chính trị, mà tôi có thiện cảm với lập trường của họ, nhưng họ trình bày ý kiến của mình một cách lộn xộn không ra đầu ra đuôi, với phong cách khô khan, vi phạm các quy tắc ngữ pháp, với dọng tẻ nhạt, tôi thường mong: ước gì họ có được tài hùng biện của Révai.

Ngày nay tất nhiên tôi đã biết, chính trong những vấn đề cơ bản nhất Révai đã đánh lạc hướng chúng tôi, ông đã làm hỏng tư duy của chúng tôi bằng các tư tưởng có hại, tội lỗi. Nhưng việc này ông đã có thể làm với nhiều người chúng tôi như vậy và thành công đến thế, bởi vì lòng tin nhiệt thành toát ra từ các bài nói và bài viết của ông, và vì niềm tin của ông kết đôi với logic sắt, với trí óc sắc sảo, với tài hùng biện và năng khiếu viết đặc biệt.

Nhân vật có sức thu hút khác, người đã ảnh hưởng mạnh đến tôi, là Hollós Ervin. Tất nhiên trọng lượng đời sống xã hội và các khả năng của ông không thể so sánh được với của Révai. Tôi vẫn nhắc đến tại đây là bởi vì, trong thời kì đó, thời kì mà tôi đang bàn đến, tôi đã làm việc trực tiếp gần ông. Ông là bí thư thành đoàn Budapest của MADISZ lúc đó, khi tôi trở thành một trong những cán bộ lãnh đạo của thành đoàn Budapest. Ông không chỉđã chỉ đạo công việc phong trào của tôi, mà tôi đã tham gia một đợt học chính trị đảng do ông hướng dẫn. Sau 1956 Hollós Ervin với cấp bậc trung tá đã lãnh đạo chính cái phòng- đã chuẩn bị các vụ án trấn áp- của lực lượng công an. Có lẽ, thậm chí có nhiều khả năng là, sớm hơn ông ta cũng đã có quan hệ với ÁHV (Cơ quan Bảo vệ Nhà nước). Khi đó, sau 1956 ông là một trong những người tổ chức chính của việc đàn áp tàn bạo. Nhưng bây giờ chúng ta đừng chạy trước đến thế. Ởđây tôi cần nói về thanh niên Hollós Ervin, người mà tôi đã nhìn thấy và nghe thấy rất nhiều lần ở trung tâm MADISZ tại đường Rózsa.

Ông tuyệt nhiên không được uyên bác như Révai; ông cũng chẳng cố làm ra vẻ thế. Cái mà ông dùng để ảnh hưởng đến những người khác, cả tôi nữa, là lửa lòng, là sự bùng cháy của lòng tin. Đúng ra ông không biết nói một cách chọn lọc, giọng nói và việc ghép từ của ông

https://thuviensach.vn

khá thường xuyên không giống cách Hung. Thế mà, sự căng thẳng không thể tin nổi trào ra từ những lời của ông. Ông chắc chắn vào chân lí của mình đến mức, ông không thể tưởng tượng nổi, có ai đó khác lại nhìn nhận các sự vật khác đi. Sự toả sáng do lòng tin gợi ra này hoàn toàn thiếu ở các quan chức đảng thời Kádár. Và tôi buộc lòng phải nói thêm, cũng thiếu như thếở phần lớn các chính trị gia của nền dân chủ nghị viện ngày nay của chúng ta.

Khi đó Hollós Ervin đã nhồi nhét vào chúng tôi nhiều tư tưởng, mà chúng tôi cần đến, để trở thành "những người đặc biệt", thành những người cộng sản *chân chính*. Tôi đã nghe từ ông lần đầu tiên ý tưởng rằng, thực ra, theo nghĩa đen, chỉ có một tiêu chuẩn duy nhất phân biệt người cộng sản khỏi người giả cộng sản và tất cả những người khác, và đấy là sự trung thành với Liên Xô. Tôi nhắc lại, không phải chủ nghĩa Marx, không phải ý định thiết lập chuyên chính vô sản hay một xã hội không có giai cấp. Người cộng sản là người thể hiện sự trung thành vô điều kiện với Liên Xô. Từ suy nghĩ này con đường thẳng tắp đã dẫn Hollós Ervin đến các vụ án đàn áp sự nổi loạn chống sự đô hộ Soviet.

Tôi nghe lối nói này lần đầu tiên từ Hollós Ervin: "nhà cách mạng chuyên nghiệp". Chúng tôi, các cán bộ chuyên trách của MADISZ (đúng như các thành viên được trả lương của bộ máy các tổ chức đảng và tổ chức quần chúng khác) không phải là các cán bộ phong trào, không phải là nhân viên của một tổ chức, mà là các nhà cách mạng chuyên nghiệp. Cũng có các chính trị gia chuyên nghiệp khác, nhưng chẳngcó gì gắn chúng tôi với họ, bởi vì chúng tôi và chỉ chúng tôi mới là các nhà cách mạng. Những người mà chúng tôi vào chung một nhóm, là các lãnh tụ của cách mạng tháng mười vĩ đại, là các anh hùng của phong trào cộng sản chống phát xít, là các chính trị viên của quân đội Soviet, là những người chỉ huy các cuộc đấu tranh giải phóng thuộc địa. Cách gọi này tạo phẩm giá cho công việc tổ chức phong trào nếu khác đi thì khá thường nhật. Nó không chỉ gieo vào chúng tôi phẩm giá, mà cả cảm giác ưu việt và tính kiêu căng nữa. Cái mà chúng tôi làm, có giá trị hơn và thuộc hạng cao hơn cái, mà không phải các nhà cách mạng chuyên nghiệp, các đảng viên thường, làm. Nếu đảng là đội tiên phong, thì chúng tôi là đội tiên phong của đội tiên phong.

Thuộc về cộng đồng

https://thuviensach.vn

Theo thứ tự thời gian đời tôi, bây giờ tôi quay lại một giai đoạn sớm hơn. Mùa xuân 1945, khi học ở Kiskunhalas, tôi về Budapest nhiều lần. Một dịp trong các chuyến về như vậy, ngày 1-5-1945 tôi lững thững trên phố Andrássy mà chẳng có nguyên do hay mục đích đặc biệt gì. Đột nhiên tôi bị cuốn vào gần cuộc diễu hành. Lần đầu tiên trong đời tôi thấy cuộc diễu hành trên phố (trước đó tôi đã chỉ có thể thấy trong phim tài liệu quân nazi diễu binh trên đường). Những người nhiệt tình đi trong hàng, mang các biểu ngữ, cờ đỏ và cờ dân tộc. Tôi cảm thấy, mình được ở giữa họ, cùng họ diễu hành, thì thật hay.

Sau khi tốt nghiệp tôi quay trở lại Budapest. Mùa hè, khi một người quen trẻ của tôi đề xuất: tôi hãy đến số 2 đại lộ Szent István. Chỗ làm việc của MADISZ ở trong nhà một thời của đảng mũi tên, nơi có các chương trình giải trí. Tôi đã đi. Ai đó đã thuyết trình, tôi thấy lí thú. Nhóm bạn tỏ ra dễ thương và thân mật. Kể từ đấy tôi đã đi đến nhiều lần, tôi cảm thấy thoải mái trong hội vui vẻ, quan tâm và nhiệt tình này. Một vài tuần sau tôi cũng tham gia tích cực vào công việc của tổ chức. Cuộc sống phong trào của tôi bắt đầu như thế.

Tôi càng tham gia thường xuyên hơn vào các cuộc du lịch chung, các buổi chiều nhảy múa, các cuộc họp thanh niên, mùa thu, trong thời gian của các cuộc bầu cử quốc hội đầu tiên, tôi tham gia hoạt động dán tranh cổ động. Trước đó đã chẳng bao giờ (và tôi có thể nói thêm: sau đó cũng chẳng bao giờ) tôi cảm thấy đến mức như ở đó, ở MADISZ quận V, rằng tôi là một phần của một cộng đồng nhỏ.

Muộn hơn cái hấp dẫn tôi là, tôi có thể là một phần của cộng đồng lớn, của Đảng (với chữ viết hoa) -thay cho cộng đồng nhỏ. Ở đây đã là về cấp độ thứ tư, nhiều hơn đảng viên tích cực và tin tưởng. Cần phải trở thành người cộng sản *chân chính*.

Trong việc này sự noi theo gương, sự bắt chước có ý thức hay vô ý hình mẫu của những người cộng sản đã được thử thách sống xung quanh tôi đã có vai trò quan trọng. Đã có nhiều người cộng sản cũ ở xung quanh tôi. Tôi chỉ nhắc đến một ví dụ. Thủ trưởng trực tiếp của tôi ở trung ương đoàn MADISZ là Hegedűs András. Sau đó sự nghiệp của ông đã vươn cao đến chóng mặt, ông đã trở thành bí thư của Gerő Ernő [năm 1956 Gerő trở thành Bí thư thứ nhất Đảng cộng sản], sau đó là bộ trưởng bộ nông nghiệp, cuối cùng là thủ tướng. Ông đã là thủ tướng thay mặt Cộng hoà Nhân dân Hungary kí vào Hiệp ước

https://thuviensach.vn

Warsava, rồi năm 1956, khi nổ ra cách mạng ông đã kêu gọi các đội quân Soviet vào. Muộn hơn nữa, đoạn tuyệt với chủ nghĩa Stalin, ông đã mang lại cho mình uy tín và sự kính trọng với tư cách một nhà xã hội học gây ảnh hưởng lên men trí tuệ và với tư cách nhà lãnh đạo khoa học. Khi đó vẫn chưa thấy dấu hiệu của tất cả những thứ này. Ông đã không là nhân vật có sức thuyết phục, như Hollós Ervin. Tuy nhiên, về nhiều mặt đúng ra tôi thấy trong ông một trong những tấm gương cộng sản, ngay chỉ vì chuyện phong cách, thói quen của ông (ít nhất khi đó vẫn còn thế) là gần với của tôi. Trong Hegedűs không tụ lại ngần ấy nhiệt huyết, lửa lòng, như trong Hollós, ông khách quan hơn và thông thạo hơn. Nhưng trong ông cũng có sự kiên định bolshevik không thể lay chuyển nổi,có ý thức về sự không thể sai được của đảng. Ông đã làm việc cực nhiều và không biết mệt mỏi. Hollós đã tác động lên tôi bằng lời nói, bằng sự giảng dạy của ông, còn Hegedűs thì đúng hơn bằng tấm gương của mình. Ông đã là kiểu mẫu – tôi đã nghĩ thế-mà tôi có thể với tới được.

Các tác động ngẫu nhiên và những năng khiếu

Muộn hơn nhiều đã có các giai đoạn trong đời tôi, khi tôi đã có mục đích dài hạn nào đó mà tôi muốn đạt được, tôi đã có kế hoạch, chiến lược sống có ý thức của mình. Trái lại trong thời kì đó, thời kì mà tôi mô tả bây giờ, đã chẳng hề có dấu hiệu gì của điều này. Ở đầu chương tôi đã phác hoạ năm cấp độ của sự đồng nhất với đảng cộng sản. Tôi đã chẳng bao giờ nghĩ là mình muốn đi hết các chặng này. Khi từ một người đứng xa đảng cộng sản tôi trở thành cảm tình đảng, tôi đã không biết bước tiếp theo sẽ là gì. Trong khi so với độ tuổi của mình tôi đã đọc nhiều và năng lực tư duy của tôi cũng chẳng có vấn đề gì, điều này đi đôi với sựấu trĩ, nông cạn và vô trách nhiệm. Hầu như tôi đã nhắm mắt nhúc nhắc leo trên cái thang dựng đứng. Bây giờ khi đọc các bài phỏng vấn, đôi khi tự tố giác, đăng trên trang cuối của tờ HVG, một tuần báo được ưa chuộng, tôi luôn phẫn nộ rằng có những người có khả năng tuyên bố một cách trơ trẽn: thời đó họ vào đảng cộng sản chỉ vì họ muốn có danh vọng, sự nghiệp. Có cái, mà lương tâm tôi bứt rứt vì nó, nhưng tôi điềm tĩnh tuyên bố: các bước đi của tôi không do chủ nghĩa danh vọng vô liêm sỉ thúc đẩy.

Nhiều khi cái ngẫu nhiên cũng đóng vai trò trong hình thành các sự kiện. Nếu người quen ấy của tôi, người đã lưu ý tôi đến MADISZ quận V, thay cho việc ấy mà giả như lại kiến nghị phong trào thanh niên dân

https://thuviensach.vn

chủ xã hội, và giả nhưở đó hội bạn bè thật sự thoải mái, và tôi cảm thấy vui – thì ai biết được, tôi có ở lì ở đó không?

Nhiệm vụ đầu tiên, mà người ta giao cho tôi ở quận V, là sắp xếp hồ sơđoàn viên. Các hồ sơ nằm lung tung, hoàn toàn lộn xộn. Kể từđó nhiều lần đã chứng tỏ rằng, tôi có năng khiếu tổ chức quản lí hồ sơ, sắp xếp, phân loại và quản lí thông tin. Năng khiếu này ở đó, tại quận V, tôi đã sử dụng lần đầu tiên, và "cán bộ tổ chức" đã ngay lập tức chú ý đến thành công. Người ta giao ngay cho tôi nhiệm vụ lớn hơn. Tôi trở thành "tuyên truyền viên". Tôi đã phải tổ chức các cuộc họp và các buổi gặp phổ biến (kiến thức) khác nhau. Và việc này cũng tiến triển tốt.

Cái ngẫu nhiên lại xen vào ở đây. Lukács József, sau này trở thành nhà triết học và viện sĩ Viện hàn lâm Khoa học Hungary, khi đó lĩnh vực công tác của anh tại thành đoàn Budapest của MADISZ giống như của tôi ở quận V. Anh muốn thôi việc làm chính trong phong trào để dành hết sức lực cho học tập đại học, vì thế anh kiếm ai đó thay mình. Khi người ta bảo anh lưu ý đến tôi, chúng tôi gặp nhau. Tôi nhớ, chúng tôi dạo hàng giờ trên phố, và Lukács liên hồi tuôn những lời tô vẽ lĩnh vực công tác mới. Tôi váng cả đầu vì nhiều tên người mà tôi cần quan hệ, vì nhiều kiến thức cần truyền bá. Tất cả những tên người, tất cả cái cần truyền bá đều lạ đối với tôi. Tôi cũng sợ hãi nhiệm vụ, tuy nhiên tôi vẫn nhận. Trước khi diễn ra cuộc nói chuyện này, tôi đã chẳng hề nghĩ là lúc nào đó mình sẽ trở thành cán bộ phong trào chuyên nghiệp, làm như công việc chính. Khi người ta chào mời khả năng này, nó tỏ ra lí thú, vì thế tôi đã chấp nhận đề xuất. Nhìn từ trên xuống sự lựa chọn là kết quả được phối hợp của "công tác cán bộ". Hiển nhiên Lukács đã nhìn ngó ở các tổ chức quận, đã nghe ý kiến của các bí thư hay cán bộ quận và sự lựa chọn như vậy đã rơi vào tôi. Từ dưới lên, từ góc nhìn của tôi đã xảy ra một sự kiện ngẫu nhiên. Các lí thuyết kinh tế xã hội học phân tích hành vi ứng xử không theo chiến lược, mà nắm bắt lấy cơ hội sẵn có, và nhúc nhắc tiến từ cơ hội này sang cơ hội khác. Mô hình này phù hợp với giai đoạn này của sự nghiệp của tôi.

Như tôi đã nhắc đến, mùa thu năm 1945 tôi trở thành cán bộ có việc làm chính tại thành đoàn Budapest của MADISZ. "Việc làm chính" có nghĩa rằng, từ đấy trở đi sổ lao động của tôi ở đó và từ sáng sớm đến tối khuya tôi làm việc trong phong trào thanh niên. Tôi cũng nhận được lương, đúng là, bằng tiền bị lạm phát ngày càng có ít giá trị.

https://thuviensach.vn

Trong mọi trường hợp lương là đủ để tôi khỏi cần nhận tiền mẹ cho, nhưng tôi vẫn tiếp tục sống với mẹ và chị. Chắc chắn họ đã có ý kiến của mình về việc, tôi hi sinh tất cả thời gian và năng lực của mình cho sự nghiệp gì, nhưng họ không nói điều ấy cho tôi. Họ hoàn toàn tôn trọng để cho tôi quyết định việc tôi bắt đầu làm gì với cuộc sống của mình. Nhiều nhất họ chỉ khiến tôi cảm nhận một chút châm biếm là, nhiều lần họ đã không gọi tôi bằng tên, mà chỉ gọi là "cậu MADISZ". (*)

Sự nghiệp phong trào của tôi vọt lên nhanh. Điều này có thể giải thích, giữa các thứ khác, bằng việc tôi thuộc về loại cán bộ mà đảng cộng sản rất cần, và cung thì khá ít.

Một mặt tôi mang theo của hồi môn tốt từ quá khứ tư sản của mình: đọc nhiều, biết ngoại ngữ, phong cách tốt. Tôi đã có các năng khiếu được biểu lộ ra nhanh: khả năng tổ chức, khả năng xây dựng các mối quan hệ con người. Mặt khác: đảng cộng sản đã có thể tính đến sự trung thành tuyệt đối của tôi. Nhìn thấy ở tôi, rằng trong tôi không có tí giả dối nào. Và chính bởi vì tôi đến từ môi trường tư sản và là lính mới, trong tôi có nỗ lực lớn hơn nhiều để đồng nhất, để theo tấm gương cộng sản hơn là trong nhiều người cộng sản cũ, đã qua bão tố. Tất cả đảng viên cũ, hoạt động bí mật trước kia vì cái gì đó lúc nào đó đã có nỗi ưu phiền với đảng rồi. Chúng tôi, những lính mới nhiệt tình, trong khía cạnh này chúng tôi đáng tin cậy hơn nhiều, người ta có thể điều khiển chúng tôi dễ hơn.

(*) Trong các năm ấy Munyó sống bằng cách bán dần các đồ trang sức gia đình. Nhiều lần bà cũng đã bắt tay vào những việc kinh doanh khác nhau, nhưng đều không may. Theo lời khuyên của con rể bà đã mua nhà hàng cà phê New York bị thiếu hụt nghiêm trọng với giá rất bèo, sau một thời gian thử ngắn bà đã phải bán nó đi với khoản lỗ nặng. Khi quán cà phê còn là của bà, cái làm bà vui sướng nhất là, đôi khi có thể mời tôi uống ca cao kem váng sữa và bánh kuglóf (bánh nướng hình nón). Bà đến ngồi cạnh tôi ở trong phòng rộng mênh mông, quanh chúng tôi là các bức tranh tường của Lotz Károly và các cột xoắn nổi tiếng. Munyó thì chỉ ngồi nhìn, cậu "MADISZ" đói ăn ngấu nghiến bữa chiều thế nào.

Ngay nếu khi đó những nhận xét bằng văn bản có lẽ đã không dùng những đánh giá như thế, với bản năng tài giỏi những cán bộ tổ

https://thuviensach.vn

chức đã phát hiện ra chúng, và vì thế họ đã đẩy tôi lên và lên nữa trên chiếc thang.

https://thuviensach.vn

Chương 3:TRONG BAN BIÊN TẬP TỜ SZABAD NÉP

https://thuviensach.vn

Hè năm 1947 tôi nhận được lời nhắn từ ban biên tập tờ báo trung ương của đảng cộng sản, tờ Szabad Nép, rằng họ sẽ chấp nhận tôi làm cán bộ. Khi đó bạn tôi Kende Péter đã làm việc ở đó một thời gian. Anh đã làm cho Vásárhelyi Miklós, một trong những cán bộ lãnh đạo của tờ báo, chú ý đến tôi. Tôi cảm thấy lời mời là vinh dự và cảm động, tôi chấp nhận không hề do dự.

Tháng bảy 1947 tôi bắt đầu công việc ở báo *Szabad Nép*, và tám năm sau, vào mùa hè 1955 tôi chấm dứt, khi họ sa thải tôi bằng con đường kỉ luật. Sáu năm đầu được đặc trưng bởi niềm tin sắt đá của tôi và sự tận tâm vô điều kiện của tôi với công việc. Năm 19531954 bắt đầu xuất hiện các vết nứt trên những nền tảng vững chắc của thế giới quan của tôi. Tôi sẽ bàn về sự vỡ mộng muộn hơn, chủ đề của chương này là sáu năm đầu.

Con đường sự nghiệp dựng đứng

Khi tôi vào người ta phân tôi vào chuyên mục chính sách đối nội, mà người lãnh đạo là Gimes Miklós. Ai có thể nghĩ rằng, con người nói năng nhỏ nhẹ, tràn đầy niềm tin cộng sản này sẽ là một trong những anh hùng của cách mạng 1956, và như một liệt sĩ đã kết thúc cuộc đời mình trên giá treo cổ? Ngày tiếp theo sau khi tôi vào, chuyên mục chính sách đối nội có hội nghị. Đúng là cần quở trách một cán bộ vì sơ suất nào đấy, nhưng Gimes cảm thấy mình không thích hợp cho lời nói cứng rắn, cho nên tốt hơn là yêu cầu Vásárhelyi Miklós mắng kẻ vi phạm theo phong cách vui vẻ, nhưng -nếu cần- rất gay gắt của ông.

Tôi nhận nhiệm vụ đầu tiên vài ngày sau đó. Đúng lúc người ta đưa một ô tô mới vào sử dụng, cần phải chạy rốt-đa. Nếu đằng nào cũng phải chạy một quãng đường dài, xe đừng đi không. Betlen Oszkár, một trong những lãnh đạo của ban biên tập cho tôi lời chỉ dẫn đầu tiên. Đó là ngày Péter-Pál, đang vụ gặt. Hãy viết phóng sự "Tiếng liềm lanh canh…" – ngần ấy là toàn bộ chỉ dẫn. Trước đó tôi chưa hề viết phóng sự, và tôi cũng chưa bao giờ nhìn thấy việc gặt lúa từ gần. Trong mọi trường hợp tôi đã đi, xe chúng tôi đỗ lại ở vài chỗ, và tôi đã viết bài báo – như thế ngày hôm sau phóng sự đầu tay của tôi xuất hiện trên *Szabad Nép.*

https://thuviensach.vn

Từ đấy các bài viết của tôi xuất hiện liên tục: các phóng sự, các phỏng vấn, những thông tin. Nửa năm vẫn chưa trôi qua, và tháng mười hai 1947 tôi đã viết xã luận, mà người ta công bố với các chữ đầu của tên tôi. Chủ đề là đánh giá các khoản đầu tư của những tháng trước.

Tuy tôi chẳng có trình độ kinh tế học gì cả, người ta ghi nhận rằng, tôi quan tâm đến các vấn đề kinh tế, và tôi muốn chuyên môn hoá mình trong lĩnh vực này. Các đồng nghiệp khác cũng quan tâm đến các đề tài kinh tế, tất cả đều với tư cách các cán bộ của chuyên mục chính sách đối nội.

Khoảng hai năm trôi qua như thế, khi người ta thăng tôi lên chức lãnh đạo mục kinh tế, và cùng lúc, Kende Péter được cất nhắc lên thành lãnh đạo chuyên mục chính sách đối ngoại. Cả hai chúng tôi đều 21 tuổi, với ba-bốn năm tuổi đảng sau lưng chúng tôi. Khi các vị lãnh đạo của ban biên tập, Horváth Márton, Betlen Oszkár, Vásárhelyi Miklós, Losonczy Géza báo cáo kế hoạch cất nhắc cho tổng biên tập Révai József, Révai nhận xét với giọng cáu tiết: "Các cậu nghĩ quái gì thế? Các cậu muốn biến *Szabad Nép* thành trường mẫu giáo à? Nhưng cuối cùng ông cũng đồng ý.

Như thế là Révai József chấp nhận sự cất nhắc tôi với cái lắc đầu, nhưng khi người ta dịch *Tư bản luận* ra tiếng Hungary, và ông biết rằng, tôi là một trong số ít người đọc bản gốc *Tư bản luận* bằng tiếng Đức, thì ông giao cho tôi viết điểm sách đó.

Năm 1949 người ta cử tôi đi trường đảng ở đường Karolina, nơi tầng lớp lãnh đạo đảng học nâng cao Marxist-Leninist. Đại diện cho *Szabad Nép* tôi đã có thể hiện diện với tư cách quan sát viên trong các buổi họp của tổ chức chính sách kinh tế cao nhất của đảng, của Uỷ ban Kinh tế Nhà nước. Chủ tịch uỷ ban là Gerő Ernő, thư kí là Friss István. Tất cả các quyết định chính sách kinh tế quan trọng trước tiên phải qua uỷ ban này, trước khi được đưa ra Bộ Chính trị của đảng để quyết định. Khả năng, rằng tôi có thể tham gia vào các cuộc họp của Uỷ ban Kinh tế Nhà nước, được coi là vinh dự lớn. Người ta công nhận công việc của tôi bằng hai lần tôi được chính phủ khen thưởng.

Với tư cách phóng viên *Szabad Nép* tôi đã tháp tùng đoàn đại biểu đảng và chính phủ thăm chính thức Cộng hoà Dân chủ Đức năm 1952. Chắc chắn cũng ảnh hưởng đến sự lựa chọn là, đối với tôi việc dịch

https://thuviensach.vn

ngay lập tức các bài phát biểu trước khi gửi phóng sự không gây khó khăn ngôn ngữ. Nhưng quan trọng hơn điều ấy nhiều là, những người đã quyết định cử tôi đi, họđã hoàn toàn tin tưởng tôi. Bởi vì người có thểđi cùng Rákosi Mátyás và Gerő Ernő trên xe lửa chính phủ phải là người được tin tưởng tuyệt đối.

Ở đây tôi đi đến một câu hỏi quan trọng. Vì sao con đường sự nghiệp của tôi trong các năm này lại vút lên nhanh thế? Về việc này tôi đã chẳng bao giờ nói với bất kì ai trong số các thượng cấp của mình, nhưng tôi thử tìm lời giải thích. Bây giờ tôi không cân nhắc các quan điểm của tôi - về chúng tôi sẽ nói đến muộn hơn. Tôi muốn tái tạo các tiêu chuẩn của các thượng cấp của tôi, cụ thể là trên cơ sở *những hiểu biết chung ngày nay* của tôi liên quan đến hệ thống xã hội chủ nghĩa, và áp dụng những hiểu biết ấy vào trường hợp riêng của tôi.

Hệ thống cộng sản quyết định việc bổ nhiệm, cất nhắc và cách chức trên cơ sở hai tiêu chuẩn chính. Một là sự trung thành với đảng cộng sản, hai là năng lực. Hiển nhiên người ta cũng cân nhắc các quan điểm khác nữa, nhưng hai tiêu chuẩn này có ảnh hưởng mạnh nhất. Tuỳ thuộc vào tính chất của lĩnh vực công tác, có một mức trung thành tối thiểu, mà dưới đó thì việc chọn lựa không thể xảy ra. Nhưng nếu ứng viên ở trên mức tối thiểu, thì sự trung thành lớn hơn bù cho một phần năng lực. Và ngược lại, trong trường hợp năng lực đặc biệt người ta chịu chấp nhận sựủng hộ chính trị ít nhiệt tình hơn. Tất nhiên ứng viên càng mạnh xét từ cả hai tiêu chuẩn, thì cơ hội của anh ta càng lớn cho con đường sự nghiệp nhanh chóng.

Đối với các độc giả là nhà kinh tế, tôi có thể giải thích hai tiêu chuẩn này như người ra quyết định có các đường bàng quan liên quan đến hai biến số đó, sự trung thành và năng lực. Giữa các đường cong song song với nhau, người ở đường cao hơn là người có cấp bậc cao hơn. Như thế thí dụ đường bàng quan của cương vị bộ trưởng nằm trên đường cong vụ trưởng, đường bàng quan của tổng biên tập ở trên đường cong của nhà báo-thực tập v. v. Sự hình thành các đường bàng quan thay đổi theo từng nước và từng thời kì. Trong các thời kì cách mạng, trước kia sự nhấn mạnh trước hết là ở lòng trung thành, sau này, trong thời kì chuyển thành kĩ trị hơn thì trọng lượng của tiêu chuẩn năng lực tăng lên một cách tương đối. Tất nhiên các loại đường bàng quan khác nhau thuộc về các lĩnh vực công tác khác nhau, thí dụ loại của giới hàn lâm-đại học là hoàn toàn khác với của công an chính trị.

https://thuviensach.vn

Cái chung của cả hai lĩnh vực là, tính chất hai mặt của tiêu chuẩn lựa chọn.

Khi nhận xét "trẻ mẫu giáo" kiểu Révai vang lên, và cả sau đó nữa, sự xếp hạng của tôi chắc chắn là tốt theo cả hai tiêu chuẩn. Liên quan đến tiêu chuẩn năng lực, học vấn tư sản và hiểu biết ngôn ngữ mà tôi mang theo mình kết hợp một cách may mắn với trình độ Marxist mới mẻ và sinh động. Tôi biết diễn đạt nhanh và với tiếng Hung chuẩn. Nhanh chóng tỏ ra là, tôi khéo biết tạo các mối quan hệ, và tôi biết cách khiến những người được phỏng vấn nói ra, tôi biết kiếm các cuộc phỏng vấn với những người có chức vụ quan trọng. Muộn hơn, khi tôi đã là trưởng chuyên mục, hoá ra là tôi cũng có năng lực lãnh đạo nữa.

Tất cả những thứ này đi cùng với sự trung thành hoàn toàn và tận tâm. Trong số các thượng cấp của tôi những ai biết tôi, đều có thể tin rằng - bất chấp xuất xứ và nền giáo dục tư sản lớn của tôi – tôi toàn tâm coi các tư tưởng cộng sản là của mình. Khi người ta thảo luận việc bổ nhiệm tôi làm trưởng chuyên mục, khi đó Nemes György đã là cán bộ của ban biên tập, muộn hơn ông trở thành chủ biên của tờ *Văn học*. Ông lớn hơn tôi khoảng 15 tuổi, có quá khứ làm báo bệ vệ, có học và là người viết tuyệt vời, thậm chí còn có bằng kinh tế. Vì sao họ vẫn chọn tôi và không chọn ông ta? Tôi không dựa vào thông tin chính thống được công bố hay thông tin rỉ tai, mà chỉ dựa vào phân tích tình hình để làm cơ sở cho ý kiến của mình: vì sao, bởi vì họ tin vào tôi hơn. Sự trẻ trung và không có kinh nghiệm của tôi không phải là bất lợi; mà là lợi thế khổng lồ trong con mắt của họ. Đúng hơn họ có thể tính rằng, vì tuổi tôi còn trẻ, do thiếu kinh nghiệm, nên tôi dễ tin hơn. Trong tôi không có những ngờ vực, mà tôi sẽ phục vụ sự nghiệp của đảng cộng sản một cách không do dự và kiên cường.

Những thôi thúc

Sau khi tôi mô tả các thượng cấp của tôi đã có thể nhận thấy tôi như thế nào, bây giờ tôi muốn kể lại, "từ bên trong" tôi đã sống thời kì này ra sao. Ở chừng mực có thể, tôi muốn tránh việc phản chiếu lại những suy nghĩ ngày nay của tôi lên lúc đó. Tôi muốn hồi tưởng lại, tôi đã nghĩ và cảm nhận *lúc đó* ra sao. Động cơ quan trọng nhất của các hành động, lời nói và tư duy của tôi đã là *đức tin và sự tin tưởng*. Lòng tin của tôi vào hệ tư tưởng Marxist-Leninist là hoàn toàn, tôi đã thực sự tin rằng mọi lời của nó đều đúng. Lòng tin của tôi vào đảng là

https://thuviensach.vn

trọn vẹn, tôi đã lấy làm của mình suy nghĩ rằng, các tư tưởng đúng, đạo đức trong sáng, việc phụng sự lợi ích nhân loại được hiện thân trong đảng. Tôi chẳng hề suy nghĩ rằng, lòng kính trọng mê say trong tôi đối với Stalin hay Rákosi lại có thể coi là "sùng bái cá nhân". Tôi cảm thấy logic, lập luận của các bài viết và bài nói của họ là thuyết phục, và điều này đã tăng cường lòng tin đối với họ.

Một trong những sức mạnh gắn bó của bộ máy quan liêu ngự trị của hệ thống cộng sản là *sự sợ hãi*. Tôi có thể nói rằng, trong các năm ấy tôi chẳng hề cảm thấy sợ hãi một phút nào. Tôi đã tin tưởng rằng, những người bị bắt giam và bị kết án, thực sự là các tội phạm. Sau này, khi tôi sực tỉnh thấy sự thật, và nói chuyện với các bạn tôi về sự khủng bố hoành hành trong thời kì Rákosi, nhiều người đã nghi ngờ nghe tuyên bố của tôi rằng, tôi đã chẳng cảm thấy chút gì về việc này. Cho dù có không thể tin được đến thế nào - đấy là sự thực. Tôi cần trách bản thân mình không phải vì sự thờ ơ hay vì sự làm thinh, mà vì sự mù quáng của tôi, và vì sự cách li, mà tôi đã giam mình khỏi các tin tức công bố những sự thực tàn bạo thực tế.

Tôi đã đến số 60 đường Andrássy, trụ sở của Cơ quan Bảo vệ Nhà nước (ÁVH), một lần duy nhất. Giữ quan hệ với ÁVH không thuộc phạm vi nhiệm vụ của tôi. Khi ấy tuy vậy, một cách ngoại lệ, từ một sĩ quan làm việc ở đó tôi cần nhận thông tin về một vụ án kinh tế đang được chuẩn bị. Tôi bước vào toà nhà, nói chuyện với viên sĩ quan, rồi ra đi– cũng với cảm giác thư thái như tôi đã đến bộ giao thông hay một đảng uỷ quận nào đó. Tôi chẳng hề có ý niệm gì về chuyện, trong toà nhà này xảy ra sự tra hỏi, và người ta ép buộc những người vô tội thú nhận tội giả. Tôi chẳng hề nghĩ dù một giây rằng, tôi cũng có thể bị người ta nhốt vào đấy. Tôi là sinh viên trường đảng, khi người ta công bố việc bắt giữ nhóm Rajk László, và chúng tôi nhận được thông báo về sự buộc tội chống lại họ. Tôi chấp nhận thông báo không có nghi ngờ, trong tôi chẳng hề nảy sinh suy nghĩ rằng những lời buộc tội là giả mạo. Sấm sét đánh quanh tôi. Tôi cũng biết không chỉ một trong những người bị bắt khi đó, rồi trong các năm tiếp theo, và họ bị các lời buộc tội giả.

Biết rõ sự vô tội của mình tôi cũng đã chắc chắn rằng, chẳng thể có mối hiểm nguy nào rình rập mình, thế mà - điều này về sau nhìn lại là hiển nhiên -thực ra sự may mắn ngẫu nhiên đã bảo vệ tôi. Họ đã có thể tống giam mà chẳng có lí do gì, như người ta đã làm với rất nhiều

https://thuviensach.vn

người. Tuy nhiên bây giờ, khi tôi có thể tiếp cận đến một số hồ sơ mật của công an,(*)tôi mới biết: một kẻ chỉ điểm nào đó làm việc ở *Szabad Nép* đã tố cáo tôi trên cơ sở những buộc tội giả mạo.[8]

Muộn hơn, khi với sự hiểu biết các quá trình thực tôi sởn tóc gáy nghĩ lại thời kì này, nhiều khi nổi lên trong tôi một lối so sánh, một ẩn dụ. Tôi đã là người mộng du, bước nhởn nhơ một cách tự tin trên mép bao lơn ở độ cao nhiều tầng nhà, và không sợ ngã.(**)

Nhiều cán bộ cộng sản bị *khát vọng quyền lực* thúc đẩy. Bạn đọc sẽ cảm thấy, tôi viết tiểu sử tự thuật của mình với sự tự phê bình gay gắt. Trên cơ sở khảo sát lương tâm nghiêm ngặt tôi có thể tuyên bố: trong tôi chẳng hề có dấu vết của nỗ lực đạt quyền lực. Việc này xa lạ với tôi khi đó, và sau này cũng xa lạ. Tôi chẳng bao giờ bợ đỡ các thủ trưởng của mình, tôi không muốn làm vui lòng họ nhằm được thăng chức.

(*)Đáng tiếc phần lớn hồ sơ của ÁVH trước 1956 có lẽ đã bị tiêu huỷ, chí ít tôi đã không thể tiếp cận đến các hồ sơ thêm. Có thể là, cũng đã có những tố giác buộc tội khác chống lại tôi.

(**) Tôi đã tin là ẩn dụ mộng du để mô tả sự mù-điếc đặc biệt này do tôi nghĩ ra đầu tiên. Mới đây người ta lưu ý tôi đến hồi kí của một trí thức cộng sản ở vùng Erdély [Transilvania thuộc Rumani bây giờ, N.D.], Gáll Ernő(2003, tr. 96-97) cũng dùng ẩn dụ này để chỉ cùng tâm trạng ấy: "Sự từ bỏ mọi lập trường độc lập, có tính cá nhân, hoàn toàn không phê phán. Tình trạng tư duy và thái độ của tôi khi đó có lẽ có thể so sánh với 'bệnh mộng du tư tưởng' nào đấy."

Song không thể chối cãi là, trong các cán bộ của ban biên tập, cả trong tôi nữa, đã có một loại ngạo mạn riêng của dân *Szabad Nép.* Chúng tôi cảm thấy rằng, chúng tôi là "tiếng nói của đảng", và ở chừng mực ấy tiếng nói của chúng tôi có giá trị hơn, quan trọng hơn của các nhà báo khác. Tác phong của tôi, giọng tôi nói với các đồng nghiệp, với những người quen của mình, vẫn khiêm tốn, và không ngạo mạn. Nhưng có tầng tinh thần sâu hơn ứng xử bề ngoài, và trong đó sự ngạo mạn ngự trị. Xác tín rằng -nhờ hiểu biết Marxist-Leninist của chúng tôi và nhờ địa vị của *Szabad Nép* – chúng tôi là những người không thể sai lầm.(*)

Tôi không cảm thấy *các đặc ân* chúng tôi được hưởng là nhân tố thúc đẩy thực sự. Tuy nhiên không thể chối cãi là, so với công dân trung bình chúng tôi có những lợi thế vật chất. Khi tôi chuyển khỏi nhà – so với tập quán lúc đó khá sớm, ở tuổi 21-tôi đã nhận được căn hộ công vụ từ toà soạn. Bởi vì lúc đó tôi sống một mình, tôi có thể chuyển

https://thuviensach.vn

vào căn hộ một phòng, được trang bị bằng các đồ gỗ được chọn một cách vô vị từ kho của Uỷ ban các Tài sản Bỏ lại của Chính phủ. Năm 1952 tôi lấy vợ, và khi vợ tôi, Laky Teréz, cùng là cán bộ của *Szabad Nép*, có thai đứa con thứ nhất của chúng tôi, chúng tôi đã nhận được căn hộ công vụ ba phòng ở đồi Hoa hồng. Chúng tôi trang bị căn hộ này rất xoàng xĩnh bằng tiền tiết kiệm của mình. Phần lớn đồ gỗ của căn hộ chúng tôi lúc đó là "đồ làm theo mẫu" vụng về, chất lượng thấp, có thể kiếm được tương đối rẻ tiền.

Lương của các cán bộ *Szabad Nép* cao hơn của các nhà báo khác, nhưng không nhiều. Trong nội bộ ban biên tập, khi tôi chuyển sang vị trí cao hơn, tôi có thể đi nghỉ mát ở các khu nghỉ mát dành cho cán bộ của trung ương đảng. Trong chín năm tổng cộng tôi ra nước ngoài chỉ có bốn lần, mỗi lần vài ngày, và chủ yếu là bận công việc. Tôi đi sang nước xã hội chủ nghĩa ba lần, và một lần, thời gian đầu ở *Szabad Nép*, tôi đi Wien. Tôi đặc biệt nhớ chuyến đi đó. Hầu như tôi chẳng xem được gì trong những danh lam thắng cảnh của Wien. Tôi tiết kiệm tiền công nhật và - với lương tâm cắn rứt-tôi đã mua cho mẹ tôi vài đôi tất lụa dài đẹp. Tôi nhớ là, mình mua ở một cửa hàng của hãng Palmers, nơi các cô bán hàng vận đồng phục xanh ân cần phục vụ. Còn tôi có cảm giác là, đối với một nhà báo cộng sản đi tiêu tiền của đảng ở chỗ như thế này đúng ra là không xứng đáng. Khoản tiết kiệm của tôi còn lại sau việc này, tôi đã mang trả lại cho ban biên tập. Những người áp dụng các mưu mẹo tiền công nhật trơ trẽn của thời kì Kadár sau này chắc chắn cười khinh sự khắt khe về đạo đức con trẻ thời đó của tôi.

Có nhà ăn tập thể cho các nhân viên của toà soạn, nhà xuất bản và nhà in. Sự cung cấp là liên tục và tạm được ngay cả khi sự cung cấp gây ra những lo ngại nghiêm trọng ở nơi khác, nhưng đã không có chuyện xa hoa. Trong số những ưu tiên vật chất còn là, chúng tôi có quyền vào bệnh viện Kútvölgyi. Như chuyện tiếu lâm thời đó khẳng định: ba K là ưu tiên của chúng tôi, [đỉnh núi] Kékestető, Kútvölgyi và đường Kerepesi, tức là, chỗ nghỉ mát ưu đãi, dịch vụ y tế ưu đãi và lễ tang ưu đãi. [Như Đồ sơn, Bệnh viện Việt Xô và nghĩa trang Mai dịch ở Việt Nam, N.D.] Phù hợp với nguyên lí của Marx "hưởng theo lao động của từng người" tôi đã đánh giá là mình có quyền hưởng sự cung cấp vật chất ấy. Tôi đã không cảm thấy rằng, mình được hưởng những ưu đãi đặc biệt gì. Tôi đã sống phong lưu thời trẻ, và so với mức sống đó (hay mức sống của một nhà báo phương Tây) phong cách sống ở

https://thuviensach.vn

Szabad Nép của tôi là nghèo nàn. Chỉ có thể đánh giá là ưu đãi bởi vì nó dứt khoát vượt mức trung bình xoàng xĩnh của xã hội bị đẩy vào chủ nghĩa cào bằng thái quá.

(*) Từ khi đó nhiều lần tôi cũng gặp hiện tượng "Wunderkind - Thần đồng" tương tự, sự ngạo mạn trí tuệ tự tin, thí dụ ở những những khổng lồ trẻ của đời sống chính trị Hungary các năm 1990 hay ở các cố vấn trẻ phương Tây đi thăm Đông Âu. Có lẽ không phải tuổi già nói lên từ tôi, mà là sựđánh giá về sau của thời thanh niên của riêng tôi: trong các trường hợp như vậy sự thiếu kinh nghiệm sống cũng góp phần làm cho người trẻ tuổi dễ rơi vào ảnh hưởng của các xung lực tinh thần phiến diện, và trở nên quá tự tin.

Không phải tình trạng ưu đãi vật chất, mà đúng hơn là chủ nghĩa khổ hạnh đặc trưng cho cách sống của tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi có đi xem nhạc kịch, hoà nhạc, nhà hát, thăm hội bạn bè, nhưng phần lớn thời gian chúng tôi dành cho công việc nặng nhọc và hi sinh.

Hầu như tôi đã chẳng có cuộc sống riêng ngoài toà soạn. Năm 1952 khi Gábor đứa con đầu lòng của chúng tôi sinh, đúng đêm hôm đó tôi trực. Tôi coi là hiển nhiên rằng, sinh không phải là lí do đủ để từ chối trực. Tôi gọi điện thoại liên tiếp vào bệnh viện, song tôi chỉ nhìn thấy Gábor vào rạng sáng.

Ngay thời làm viên chức MADISZ của tôi và sau này, trong thời kì *Szabad Nép* cũng đã nhiều lần nổi lên trong tôi vấn đề, trong hội bạn bè đồng lứa với tôi và các đồng nghiệp của tôi: có nên dừng dạng tồn tại "cán bộ đảng chuyên nghiệp" và bắt đầu việc học đại học đều đặn hay không. Tôi đã chẳng bao giờ cân nhắc vấn đề hoàn toàn sâu, bởi vì câu trả lời của tôi đã có sẵn không do dự. Quan trọng hơn một cách không thể so sánh nổi là, bây giờ tôi giữ vững vị trí, nơi đảng phân công. Nhiều cán bộ đảng khác cũng chẳng có trình độ đại học, thế mà họ vẫn hoàn thành nhiệm vụ.

Hàng thập niên sau, khi tôi trở thành giáo sư đại học ở Mĩ, đôi khi tôi nghen tị nhìn các học trò của mình. Những năm tháng, mà họ dùng vào việc học tập vô tư, chuẩn bị cho tương lai của họ, và giữa chừng hưởng thụ thú vui cuộc sống, thì chúng tôi- đúng là do quyết định riêng của chúng tôi- đã đánh mất với cuộc chạy đua tự hành hạ mình.

Bản tường thuật trên về trạng thái nội tâm và những thôi thúc của tôi khi ấy cũng trải qua cùng các nhân tố, mà cuốn *Hệ thống Xã hội*

https://thuviensach.vn

Chủ nghĩa của tôi giới thiệu, trong chương nói về các lực gắn kết của chủ nghĩa xã hội và các động lực của các viên chức. Tuỳ từng người mà tín điều, lòng tin, khát vọng quyền lực, sự sợ hãi và lợi ích vật chất tác động với sức mạnh bao nhiêu. Với tôi động lực đầu tiên, tín điều và sự tin tưởng chiếm ưu thế. Tôi không khẳng định, trường hợp của tôi đại diện cho trung bình thống kê, nhưng là sai lầm đi tin rằng, nó là trường hợp độc nhất hay ngoại lệ rất hiếm xảy ra. Chúng ta có thể đặc trưng động cơ của nhiều cán bộ toà soạn một cách tương tự.

Cuộc sống của chúng tôi ở toà soạn

Trong sáu năm đó, mà tôi kể lại trong chương này, đã xảy ra những thay đổi làm nên thời đại ở Hungary. Khi tôi vào làm ở tờ báo, chính phủ liên hiệp vẫn hoạt động, các đảng khác cũng ra báo của mình. Tuy nhiên đảng cộng sản đã lần lượt tiêu diệt dần dần các lực lượng chính trị cạnh tranh, và với sự động viên và giúp đỡ tích cực của Liên Xô chiếm đóng đảng cộng sản đã tạo ra độc quyền quyền lực hoàn toàn cho mình. Các thể chế của hệ thống toàn trị được xây dựng. Muộn hơn đã chẳng còn đối thủ thực sự của *Szabad Nép*. Đây, theo nghĩa chính trị, là tờ báo "chính thống", là cái loa số một và công cụ tuyên truyền chính của đảng. Nó đến mọi tổ chức đảng và cơ quan, đọc nó cẩn thận là bắt buộc đối với mọi đảng viên, mọi cán bộ đảng và nhà nước.

Cuốn sách của tôi, như tôi đã nhấn mạnh rồi trong *Lời nói đầu*, không muốn mô tả lịch sử chính trị và xã hội Hungary. Nó không là gì khác, mà chỉ là tiểu sử cá nhân. Vì thế tôi cũng không gánh vác việc phân tích vai trò của *Szabad Nép*. Chủ đề của các trang tiếp theo khiêm tốn hơn nhiều, hẹp hơn nhiều. Tôi sẽ thử, mô tả vài nét và sự kiện đặc trưng của đời sống toà soạn –trong đó trước hết là cuộc sống riêng của tôi - hầu như cô đọng lại thành một bức tranh tĩnh.

Không phải là lời sáo rỗng rằng, *Szabad Nép* truyền đạt tiếng nói của đảng. Điện thoại trên bàn tổng biên tập thường xuyên reo vào buổi sáng. Rákosi Mátyás ở bên kia đầu dây, phê phán bài nào đó của số hôm ấy hay đưa ra những chỉ thị cho tờ báo. Gerő và Révai cũng thường xuyên làm việc này. Lúc khác thì Betlen Oszkár trở về từ hội nghị đảng nào đấy và giải thích từ sổ ghi chép của ông cho các trưởng chuyên mục, các lãnh đạo đảng giao các nhiệm vụ nào cho tờ báo. Tôi thường xuyên nhận được các chỉ thị từ Friss István, trưởng ban kinh tế nhà nước của trung ương đảng. Theo một nghĩa nhất định tôi làm việc

https://thuviensach.vn

dưới sự chỉ đạo kép: thượng cấp của tôi cả là tổng biên tập, lẫn trưởng ban liên quan của trung ương đảng. Các trưởng chuyên mục khác của tờ báo cũng chịu sự lãnh đạo kép tương tự.

Trong khi chúng tôi nằm dưới sự chỉ đạo chặt chẽ, điều đó chỉ hiếm khi đi vào những chi tiết. Tính độc lập của tổng biên tập, nhưng ngay cả của trưởng chuyên mục cũng rất lớn. Nhìn lại tôi cũng ngạc nhiên là, tôi, một thanh niên hai mươi mấy tuổi được tự do hành động đến thế nào trong việc quyết định, tôi viết gì và thông báo gì về các cộng sự dưới quyền tôi.

Trong ban biên tập thời gian làm việc không bó buộc. Công việc xác định đầu và cuối ngày làm việc. Nếu cần, chúng tôi làm việc cả cuối tuần. Kỉ luật và sẵn sàng hi sinh là điều hiển nhiên, đã chẳng cần chỉ bảo ai cả. Tôi không nhớ một trường hợp duy nhất nào, khi phải quở trách ai đó vì không hoàn thành nghĩa vụ của mình do lười biếng. Có thể là, về khía cạnh này mắt tôi cũng có màng, nhưng tôi không nhớ là, có bao giờ tôi nhận thấy trò chọc ngoáy nhau, sự to tiếng giữa các đồng nghiệp. Đấy là loại cộng đồng, mà về những nét nhất định có lẽ có thể so sánh với sự gắn bó lẫn nhau của đồng đội hình thành trong chiến tranh, ở tuyến đầu.

Tôi đã kết bạn cho cả đời. Với Kende Péter chúng tôi đã là bạn từ trước, và tình bạn này tiếp tục được tăng cường trong các năm ở *Szabad Nép*. Chúng tôi là bạn cùng phòng một thời gian với Lőcsei Pál, sau này trở thành một chiến sĩ xuất sắc của 1956. Trong một thời gian rất ngắn tình bạn mật thiết hình thành giữa chúng tôi. Lőcsei đóng vai trò lớn trong sự phát triển chính trị và tinh thần của tôi; chương tiếp theo sẽ nói về việc này. Chúng tôi kết bạn sâu và trìu mến với Duci (Majláth Auguszta-Bà Fónyi Géza, tuy là một phụ nữ mảnh dẻ, gầy nhưng được mọi người gọi là Duci), người tạo ra và lãnh đạo kho lưu trữ tuyệt vời của *Szabad Nép*. Căn hộ nhỏ chật ních sách của cô là chốn hành hương thực sự, nơi nhiều người đến trong các năm *Szabad Nép,* nhưng sau này, sau 1956 cũng vậy cho một cuộc trò chuyện thanh thản.(*)

Ngay trong thời kì này đã hình thành (và từđó vẫn còn) trong tôi nhu cầu rằng, quan hệ với các đồng nghiệp làm việc dưới sự chỉ đạo của tôi không chỉ là quan hệ "chính thức" mà là bạn bè.

https://thuviensach.vn

Hiển nhiên là, quan hệ của một người với những người khác ra sao ở nơi làm việc này cũng tuỳ thuộc vào tính cách của cá nhân ấy. Trong Betlen Oszkár chúng tôi cảm nhận thấy sự cứng rắn không khoan nhượng của người lính của đảng, sự thông minh của ông cặp đôi với ưu thế nhạo báng và tính cứng nhắc. Ngược lại Vásárhely lại toả ra trí thông minh, tính phóng túng nhẹ nhàng, tính hài hước, sự châm biếm dễ thương. Nói chuyện với Gimes Miklós là niềm khoái cảm trí tuệ, học vấn sâu rộng và khả năng phân tích sắc sảo thực sự toả sáng từ nơi ông.

(*) Sau cách mạng có hai tấm ảnh trên giá sách của Duci: Sárközi György và Gimes Miklós. Duci đã là cây cầu sinh động một người giữa hai loại nhóm bạn bè. Nhiều sợi dây cá nhân, bạn bè kết nối cô với cả giới *Szabad Nép* thời đó, và về sau là giới tập hợp quanh Nagy Imre, lẫn với các nhóm khác nhau của các nhà văn dân gian, với các biên tập viên và nhân viên của tờ *Válasz (Câu trả lời)* cũ và mới. Trong một thời gian dài Duci kết bạn thân với vợ của Sárközi György, Márta, biên tập viên, mạnh thường quân và lực gắn kết của tờ *Válasz*. Bà mất năm 1988.

Cái tôi cảm nhận được từ hoạt động của nền kinh tế

Tôi đã không đi học trường đại học kinh tế, tôi không học từ các bài giảng của các thầy giáo ở đó về, hình như, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hoạt động ra sao. Kinh nghiệm sống thu được ở *Szabad Nép* là khoá học đầu tiên của tôi về hoạt động của hệ thống này.

Tôi có được ấn tượng trong nhiều dạng về nền kinh tế, mà sau này trong các tác phẩm của mình tôi gọi là "hệ thống xã hội chủ nghĩa cổ điển", hoạt động thế nào. Khi tôi có mặt tại các cuộc họp của Uỷ ban Kinh tế Nhà nước, tôi nhìn thấy từ gần đến mức có thể sờ mó được, sự chỉ đạo kinh tế tập trung cực đoan có nghĩa là gì. Thí dụ kế hoạch sản xuất năm sau, trong một nền kinh tế phi tập trung là do ý định của hàng triệu người tham gia độc lập với nhau cùng tạo thành trong các quá trình ẩn danh, còn ở đây một mình Gerő Ernő có thể quyết định được, người được đảng trao hầu như toàn quyền chỉ đạo kinh tế. Trung ương đảng và bộ máy chính phủ chuẩn bị cho các quyết định của ông. Có vụ việc, người ta đã thảo ra những lựa chọn khả dĩ khác. Nhưng cuối cùng ông ta luôn luôn nói lời quyết định trong các buổi họp. Tôi biết ông như một người khe khắt, không có khả năng thể hiện tình cảm

https://thuviensach.vn

con người, suy nghĩ với cái đầu lãnh đạm và trí tuệ sắc sảo. Không thấy dấu hiệu nào rằng ông là một nhà kinh tế có học. Mặt khác ông có trí nhớ chính xác đặc biệt; trong mỗi buổi thảo luận chuyên môn ông có thể nhắc lại chính xác tất cả dữ liệu, thông tin, lập trường của các bên khác nhau liên quan đến vấn đề kinh tế được tranh cãi. Điều này tạo ấn tượng lớn với các nhà lãnh đạo đời sống kinh tế, và chắc chắn cũng góp phần vào việc ông được kính trọng như người có uy tín lớn trong ngành kinh tế. Với các hiểu biết khi đó của mình tôi không biết xác định, có bao nhiêu hiểu biết chuyên môn ở đằng sau tính quả quyết của Gerő Ernő. Nhân cách của ông, sự tin tưởng và tính nghiêm túc toát ra từ những lời của ông cũng có tác động lớn đến tôi.

Tôi đã nói chuyện nhiều lần với các bộ trưởng, các thứ trưởng, các quan chức cấp cao của cơ quan bộ. Các cuộc nói chuyện này -thường chân thật và thành thạo chuyên môn- bộc lộ nhiều về việc chỉ đạo kinh tế xảy ra thế nào. Ngoài ra tôi cũng khá thường xuyên đến các xí nghiệp, gặp các giám đốc nhà máy, các bí thư đảng uỷ xí nghiệp, các quản đốc phân xưởng và các công nhân. Bổ sung cho những kinh nghiệm trực tiếp là các báo cáo tỉ mỉ, nhiều khi dựa vào những ấn tượng, kinh nghiệm sốt dẻo của các cộng sự của tôi. Ngay cho dù có đáng nghi là một số đối tác nói chuyện của tôi chân thật đến mức nào, nhiều báo hiệu đáng chú ý đã đến với tôi.

Bây giờ khi tôi đọc lại các bài báo của mình để chuẩn bị viết tiểu sử, hiện ra trước mặt tôi những lo ngại nào mà khi đó tôi đã cảm thấy là ngột ngạt. Trong dấu ngoặc tôi sẽ trích lại, như sự tương phản có nhiều ý nghĩa, đầu đề hay một vài câu của một vài bài xã luận của tôi bàn về các đề tài liên quan. Các trích dẫn này minh hoạ rằng, tôi đã cảm thấy bản thân tai hoạ -nhưng ở tất cả những trục trặc này chuẩn đoán của tôi đều tồi và cách điều trị được kiến nghị là hoàn toàn sai.

Tôi đã nhận ra thí dụ rằng, một hệ thống tập trung chỉ có khả năng hoạt động khi có kỉ luật trong thực hiện. Đã dễ nhận thấy, người ta vi phạm kỉ luật kế hoạch, kỉ luật lao động, kỉ luật lương nhiều lần đến thế nào. Tôi đã viết cả loạt bài báo về việc này, nhưng tôi đã tìm lời giải không đúng chỗ. Tôi đã không hiểu quan hệ giữa thành tích và khuyến khích. Tôi đã cho rằng, giải thích tầm quan trọng của kỉ luật, động viên việc tuân theo các chỉ thị hay đòi sự trừng phạt làm gương đối với những kẻ vi phạm kỉ luật là đủ.

https://thuviensach.vn

Khi tôi thấy rằng, các công nhân hết lần này đến lần khác lại lơi lỏng các chỉ tiêu, ăn gian lương, tôi chẳng thể hiểu được là lãnh đạo các xí nghiệp hầu như giúp làm việc này. Với giọng ầm ĩ các bài báo của tôi khiển trách những kẻ lơi lỏng kỉ luật và các giám đốc xí nghiệp và các cán bộ đảng cam chịu sự vi phạm kỉ luật ("…cần phải dành nhiều chú ý để củng cố kỉ luật lương và kỉ luật lao động xã hội chủ nghĩa"-tôi viết và nói thêm: "… thi đua chỉ thực sự giúp thực hiện kế hoạch …, nếu họ chống lại mọi sự lơi lỏng, mọi kết quả bề ngoài đạt được bằng làm thêm giờ không có lí do xác đáng").[9] Tôi đã không hiểu rằng, ở đây chúng ta đối mặt với một trong những vấn đề không thể tránh khỏi của sở hữu nhà nước. Mức lương không được dàn xếp trong xung đột và thoả thuận của người chủ, người sử dụng lao động và người lao động đối mặt với chủ, mà các hạn ngạch lương quan liêu thử đặt chướng ngại cho các nỗ lực đòi tăng lương của các công nhân.

Hàng trăm loại kinh nghiệm cho thấy rằng, có sự lãng phí ở các xí nghiệp, hiệu quả sản xuất thấp. Tôi tìm lời giải bằng cách trong nhiều bài viết tôi giải thích tầm quan trọng của tiết kiệm. ("Tiết kiệm- một nhiệm vụ trung tâm của thi đua lao động" – đây là đầu đề của một trong những bài xã luận của tôi).[10] Tôi đã cố thuyết phục các lãnh đạo xí nghiệp rằng, họ đừng chỉ quan tâm đến tăng số lượng sản xuất, mà cũng phải chú ý đến chất lượng và giảm chi phí của các sản phẩm – trong khi chính khuyến khích vật chất và đạo đức lại thúc đẩy họ buộc phải tăng khối lượng sản xuất.

Tôi tìm căn bệnh ở chỗ là, các lãnh đạo xí nghiệp không thực hiện tốt công việc của họ, tổ chức sản xuất tồi, không đủ tận tâm, và không chịu nghe lời cảnh báo của công nhân về những sai lầm. Đôi khi sự phê phán cũng mở rộng ra đến các mức chỉ đạo kinh tế cấp trung, đến các bộ hay các tổ chức đảng khu vực. Tôi đã đổ lỗi cho các cán bộ, những người- để tôi gợi lại cách nói lúc ấy-"theo đuôi quần chúng", mị dân, và không dám đủ cứng rắn. ("Chịu đựng sự vô kỉ luật là lợi ích duy nhất của kẻ thù. Liệu chiến đấu một cách trung thành với nguyên tắc và liên tục để giữ vững kỉ luật lao động, để sử dụng toàn bộ thời gian làm việc có là nhiệm vụ không được lòng dân hay không? Người lãnh đạo chiến đấu như vậy chỉ không được lòng dân trong con mắt của công nhân lạc hậu").[11] Hoặc, do thiếu cách giải thích khác, tôi tưởng mình nhận ra sự giải thích về một vài bất thường bằng sự phá

https://thuviensach.vn

hoại. Sự giải thích này không những đã sai, mà còn có tội – xu nịnh, với sự hùng biện chuyên môn cho sựđàn áp tàn bạo chống "những kẻ phá hoại".

Tôi đã chẳng hề nghĩ một phút nào rằng, các tai hoạ *mang tính hệ thống*, nảy sinh từ bản thân hệ thống. Ngược lại, bất chấp sự chú ý đến nhiều loại lo lắng và sai lầm, lòng tin của tôi là nguyên vẹn rằng, chủ nghĩa xã hội có ưu thế hơn hệ thống tư bản chủ nghĩa. Nếu có những khó khăn đi nữa, đấy là những khó khăn quá độ. Tôi lấy làm của mình câu nói của Gerő Ernő, mà ông lấy từ Stalin: đấy là "những khó khăn của sự tăng trưởng". Rồi chúng ta trưởng thành vượt qua chúng! Sở hữu nhà nước *phải* đảm bảo năng suất cao hơn sở hữu tư nhân, kế hoạch hoá tập trung *phải* hữu hiệu hơn sự vô chính phủ của thị trường. Cách tiếp cận chuẩn tắc và thực chứng, những đòi hỏi đối với hệ thống xã hội chủ nghĩa và thực tế hoàn toàn lẫn lộn trong suy nghĩ của tôi.

Tôi đã coi là có tầm quan trọng đặc biệt lớn rằng, công nhân của xí nghiệp xã hội chủ nghĩa –theo mong muốn của chúng ta-làm việc hăng hái, bởi vì "nhà máy là của anh ta", ngược với công nhân của xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, người bị bóc lột và xa lánh công việc. Quan hệ lao động loại mới này tạo ra thi đua lao động, tạo ra sự tự nguyện hiến dâng phần công suất tăng lên và năng suất Stahonovist vượt xa năng suất trung bình. Đây là sự giải thích quan trọng nhất của tính hơn hẳn của hệ thống xã hội chủ nghĩa-khi đó tôi tin vậy-, và vì thế gần như một kẻ bị ma bắt tôi đã bàn đến những hình thức khác nhau của thi đua lao động. ("Để cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội cũng cần rằng, chúng ta vượt hơn năng suất của chủ nghĩa tư bản" – tôi đã viết trong một bài xã luận – "Chính vì thế chúng ta cần đưa kĩ thuật mới, máy móc mới vào với phạm vi rộng hơn nữa, chúng ta còn phải chiến đấu vì năng suất cao hơn bằng thi đua và phong trào Stahonovist hăng hái hơn").[12]

Nhịp độ công việc bị thúc ép hầu như từ sáng sớm đến đêm khuya đã nhốt tôi trong các văn phòng của toà soạn, tôi đã không sống cuộc sống thường nhật của những người khác, những lo lắng hàng ngày giống của những người khác đã không làm tôi bải hoải, tôi rất ít gặp người khác, như gặp người tôi có quan hệ trong quá trình công tác biên tập. Như xứng với một người Marxist tốt, tôi đã chú ý đến sản xuất, và không đến tiêu thụ. Nếu từ kinh nghiệm của mình tôi đã rất không thể

https://thuviensach.vn

cảm nhận được, nhưng dù sao tôi vẫn nhận được các báo hiệu về sự cung cấp thiếu thốn và sự bất bình do nó gây ra. Tuy vậy các báo hiệu này đã rất kìm nén, và tôi đã không thính tai để nghe tiếng ì ào xa và nho nhỏ. Chắc chắn xung quanh tôi đã có những người- nếu có nhìn thấy những bất bình thường nghiêm trọng- vẫn dè chừng không nói chân thật về chúng với tôi.

Munyó và chị Lily của tôi, những người mà tôi thường xuyên đến thăm, nhiều nhất cũng chỉ đưa ra một ám chỉ rằng, có những lo ngại quanh vấn đề cung cấp. Với tai tôi những ám chỉ này cũng như nước đổ lá khoai. Về sau tôi có vặn hỏi Lily, vì sao họ không nói thẳng hơn và chân thật hơn. Họ sợ nói về vấn đề này-Lily trả lời. Chẳng phải là, cho dù chốc lát, họ đã sợ rằng, người ta sẽ làm gì đó xấu chống lại họ. Họ chỉ không muốn làm tôi bực mình, bởi vì đằng nào tôi cũng có vẻ đầy lo âu rồi. Dù sao tôi cũng chẳng chấp nhận cái họ nói, thế thì họ quấy rầy tôi làm gì. Dẫu tình yêu mến lẫn nhau của chúng tôi mạnh đến đâu, một bức tường vô hình đã được dựng lên giữa chúng tôi.

Nói chung, rất nhiều quan sát và kinh nghiệm đã tích tụ trong đầu tôi. Nhưng sự sắp xếp chúng, việc xử lí chúng về mặt trí tuệ khẳng định các mối quan hệ nhân quả - như với mọi người-đều dựa trên *các tiên đề* xác định. Nhưng các tiên đề không chỉ do đầu óc sáng suốt tạo ra, mà phần khá quan trọng còn là *các nhân tố siêu duy lí:* các tín điều, các định kiến, mong mỏi, khát vọng, những phán xử đạo đức. Các nhân tố siêu duy lí đóng vai trò người canh cổng; chúng quyết định cánh cửa nào được mở ra trước dòng chảy vào của một ý nghĩ hay cảm tưởng, và cửa nào thì vẫn bịđóng. Trong tôi khi đó các cánh cửa đã hoạt động sai: tôi đã tự khoá các kinh nghiệm và ý tưởng làm lung lay xác tín của tôi lại. Các cơ chế bảo vệ, quy giản được biết từ lí thuyết bất hoà nhận thức (theory of cognitive dissonance) bắt đầu hoạt động: bóp nghẹt thông tin mâu thuẫn với niềm tin sâu sắc, tự thuyết phục nhằm giữ vững bức tranh thế giới ban đầu và cùng với nó giữ sự yên bình nội tâm.

Nếu- một phần dưới ảnh hưởng của các nhân tố siêu duy lí-các tiên đề thay đổi, thì *cũng* khối kinh nghiệm được tích tụ *ấy* đột nhiên được sắp xếp khác đi, và hình thành các mối quan hệ nhân quả mới giữa các hiện tượng được quan sát. Sự sắp xếp lại này cũng đã diễn ra trong tôi, và về việc này trong các chương sau tôi sẽ nói kĩ hơn. Việc này cứ như, khi chúng ta rắc nhiều mạt sắt lên một tờ giấy và đặt một nam

https://thuviensach.vn

châm ở bên dưới. Dưới tác động của nam châm các mạt sắt tự sắp xếp theo cách nào đó. Sau đó chúng ta đưa nam châm đến một điểm khác. Sau khi việc đó xảy ra, cũng các mạt sắt ấy lập tức di chuyển thành một sự sắp xếp mới, khác đi.

Hay một sự tương tự khác. Nhiều người biết các bức tranh lạ lùng, ranh ma của hoạ sĩ Hà Lan M. C. Escher. Trên một bức tranh nổi tiếng những con ngỗng trời màu đen bay trên bầu trời, từ phía trái bức tranh sang bên phải. Nhưng nếu chúng ta thử nhìn cũng bức tranh này bằng con mắt khác, đột nhiên chúng ta thấy không phải những con chim đen, mà là những con chim trắng đang bay, và không từ trái sang phải, mà từ phải sang trái.

Cần khá nhiều năm, cho đến khi tôi có khả năng nhìn đến những kinh nghiệm của tôi được tích tụ trong thời kì *Szabad Nép* bằng con mắt khác.

Sự nghèo nàn trí tuệ

Kiến thức đọc góp nhặt được một cách tham lam của tôi trong thời niên thiếu hầu như hoàn toàn không được sử dụng trong các năm này. Một vài trích dẫn Kossuth, Széchenyi, Petőfi xuất hiện trong một hay hai bài viết của tôi. Không thể thấy dẫn chiếu nào đến kiến thức đọc khác trước đây của tôi. Có lẽ lợi ích duy nhất bắt nguồn từ chỗ là, tôi đã xuất phát như một người có học. Vài nhà văn "được phân" về chuyên mục của tôi, trong sốđó có Örkény István và Karinthy Ference với tư cách cộng tác viên ngoài thường xuyên. Với họ chúng tôi hiểu rõ nhau; họ không thấy trong tôi một thủ trưởng cán bộ đảng, mà thấy người bạn, người họ có thể trò chuyện một cách vui vẻ và có văn hoá. Đôi khi-đôi khi cả hai đều lên tiếng bất bình về hoàn cảnh; Örkény có lẽ quyết liệt hơn Karinthy một chút. Nhưng tôi không thể nói rằng, với con mắt nhà văn họ đã nhìn thấy các tai hoạ rõ hơn hay sớm hơn tôi, một nhà báo kinh tế. Cách nhìn của họ cũng bị cùng sự mù quáng chính trị làm cho méo mó trong các năm này, hệt như cái gây ra cho tôi.

Ngoài văn học Hungary và Soviet đương đại, sách hiếm khi đến tay tôi. Bên cạnh công việc biên tập bị thúc ép tôi cũng chẳng còn thời gian cho việc đó. Ngược lại tôi đã nghiên cứu các tài liệu Marxist-Leninist cơ bản hơn và có phương pháp hơn trước. Trí nhớ của tôi hoạt

https://thuviensach.vn

động tốt; tôi có thể dùng các trích dẫn làm cơ sở cho nội dung của các bài báo của mình, mà những người khác chẳng bao giờ nghĩ tới.

Với cái đầu hôm nay nhìn lại, sự dốt nát về kinh tế học của tôi đã thật là hãi hùng. Trong điểm sách *Tư bản luận* đã được nhắc đến, tôi đã tranh luận với các lí thuyết "tư sản" đương thời – nhưng tranh luận này chỉ dựa trên các nguồn thứ cấp, bởi vì tôi đã chẳng đọc lí thuyết nào trong các tác phẩm bị phê phán. Những người khác cũng đã làm thế; đã chẳng ai dạy tôi những đòi hỏi sơ đẳng về tính trung thực trí tuệ rằng, đầu tiên cần phải biết trực tiếpý tưởng, trước khi phê phán nó. Lẽ ra tự bản thân tôi cũng phải nhận ra - nhưng đã không xảy ra như vậy. Sự kiện sau đây đặc trưng cho mức độ thấp tè của các đòi hỏi chuyên môn. Bài điểm *Tư bản luận* và sự tham gia xuất sắc ở trường đảng đã là đủ để Nagy Tamás, người phụ trách trường đại học kinh tế Marxist đang được tổ chức lúc đó, mời tôi dạy ở bộ môn kinh tế học chính trị. Tôi đã từ chối lời mời, không phải vì tôi cảm thấy mình chưa được chuẩn bị, mà vì tôi muốn dành toàn bộ sức lực cho công việc ở *Szabad Nép*.

Sau một nửa thế kỉ đọc lại các bài báo của tôi khi đó, tôi không chỉ thấy nội dung của chúng bị sai nghiêm trọng, mà - nếu nói chung có thể tách được khỏi nội dung-tôi sửng sốt về sự tầm thường của trình độ trí tuệ của chúng nữa.

Văn phong [của các bài ấy] khá trôi chảy, khó có thể thấy trong đó cách diễn đạt không hợp tiếng Hungary, như trong nhiều bài báo lúc đó. Tuy nhiên sự phấn chấn sơ đẳng ca ngợi những kết quả, năng suất tốt gây chọc tức. Khi đó nếu tôi thấy mình đối mặt với tai hoạ nào đấy, theo thể mệnh lệnh tôi động viên người ta loại trừ sai sót.

Mọi bài viết của tôi đều có cấu trúc mạch lạc nào đấy, có đầu có đuôi - điều này, có lẽ, là tính chất bất biến của sự suy nghĩ của tôi. Nhưng lập luận thì khá nông cạn. Ngay cả dù kết luận có sai thì vẫn có thể lập luận khéo léo, một cách tinh tế. Tôi đã hiếm khi gặp cách này trong các bài báo khi đó của mình.

Phổ biến là loại bài, cho dù là xã luận hay phóng sự phân tích tình hình, công bố các số liệu; có bài thực sự đầy rẫy các con số. Tôi chắc chắn rằng, mình chưa bao giờ thay đổi các số liệu nguồn một cách cố ý, với mục đích bóp méo. Nhưng tôi nhớ là, đa phần tôi đã không kiểm tra nguồn, tôi đã không so sánh các số liệu muốn dùng với các số liệu

https://thuviensach.vn

có thể tìm thấy ở nơi khác. Phổ biến là, một-một bài công bố các số liệu được lấy ra một cách tuỳ tiện, hay so sánh các số liệu Hungary với dữ liệu của các nước tư bản phát triển, như thế vi phạm các đòi hỏi cơ bản của sự có thể so sánh được. Đưa so sánh dữ liệu tổng quát với dữ liệu từng phần, nêu sự gia tăng với định ngữ trạng thái hiện thời v.v. và v.v. Tôi có thể biện bạch rằng, đã chẳng có ai dạy, đã chẳng có ai cảnh báo về các quy tắc bắt buộc liên quan đến xử lí đúng đắn các dữ liệu. Bản thân tôi lẽ ra cũng phải phát hiện ra những việc này, nếu không bị nhiệt tình muốn chứng minh bằng mọi giá của các luận điệu tuyên truyền làm cho mê mẩn.

Tôi viết nhanh và nhiều, và điều này có thể thấy ở sự nông cạn của kết quả. Không cần đến năm mươi năm để tôi nhận ra điều này. Vài năm sau, khi tôi đã từ viết báo, và bắt đầu công việc nghiên cứu khoa học, nơi tôi đã dành hàng tuần hay hàng tháng để làm rõ một vấn đề, tôi kinh sợ nghĩ lại cách làm việc trước kia của mình. Trong tôi hình thành sự xem thường đối với nghề viết báo, đối với thế giới viết lách qua loa đòi hỏi sự thông tin vội vã và hấp tấp. Ngày nay tôi biết rằng, trong phán xét này sự khái quát hoá cực đoan cũng có thể dẫn đến kết luận sai lầm. Có những nhà báo làm việc của mình một cách tận tuỵ, kiểm tra cẩn trọng thông tin được công bố trong các bài viết của họ, làm việc ở trình độ trí tuệ cao. Chỉ có điều tôi đã ngán nghề này, và ngay cả cho bản thân mình tôi cũng không vui lòng thú nhận rằng, mình đã là nhà báo trong thời gian dài đến vậy.

Khi tôi đọc hết các bài báo của mình theo thứ tự thời gian, tôi không cảm nhận thấy sự phát triển, đúng hơn là sự cạn kiệt dần, sự cùn đi về trí tuệ. Năm 1953 tôi 25 tuổi. Một độ tuổi tuyệt vời làm sao! Nhiều trí thức ở độ tuổi này, khi đã vượt qua phần lớn việc học đại học, sáng tạo ra các công trình mở đường lớn của mình. Ngược lại tôi thì ở trong cái cối xay dẫm đạp của toà soạn và tạo ra trên dây chuyền các bài viết rỗng tuếch, và dịch các bài viết của các cộng sự hay các quan chức của các bộ hay xí nghiệp, những người không biết diễn đạt, ra tiếng Hungary có thể đọc được. Tình trạng trí tuệ của tôi nghèo nàn hơn khi tôi viết tiểu luận *Hạt dưới tuyết* với cái đầu tươi trẻ ở tuổi 17.

Quyết toán đạo đức

Tôi không dành quyển sách này cho việc tự phán xử công khai đối với bản thân mình. Mục đích của tôi là, tôi thuật lại, cái gì đã xảy ra

https://thuviensach.vn

với tôi trong đời tôi, và với cái đã xảy ra, thì *vì sao* nó lại xảy ra như nó đã xảy ra. Bạn đọc, nếu muốn, có thể phán xử, dựa vào hệ thống giá trị của riêng mình. Tôi cũng phán xử, nhưng tốt hơn trong bản thân tôi, theo lương tâm của tôi. Tôi xin lỗi tất cả những người, mà bằng các bài viết của mình tôi đã làm hại họ. Nhưng quan trọng hơn lời xin lỗi chân thành là các hành động.

Nhiều người nghĩ sự quyết toán đạo đức như phép tính cộng. Có những hành động mang dấu dương, còn số khác mang dấu âm. Chúng ta cộng các hành động lại, và cuối cùng nhận được cán cân quyết toán. Nếu dương, thì có thể yên tâm về biên lai.

Thực ra quan điểm cộng này ẩn nấp ở đằng sau quan niệm đền bù và ăn năn hối lỗi. Có người nghĩ thế này: "Tôi đã có các lỗi lầm, nhưng bằng các hành động tốt chúng có thể được thanh toán." Tôi đã có cảm tưởng là, người bạn không thể nào quên của tôi, Gimes Miklós đã nghĩ như vậy. Ông đã bí mật chiến đấu vì sự nghiệp của cuộc cách mạng bịđánh gục, cho đến khi bị bắt. Nếu cần, ông chọn cái chết – song ông muốn đền bù các lỗi lầm nghiêm trọng, mà ông đã mắc phải bằng công việc chính trị trước đó.(*)

Tôi kính trọng những người, không chỉ trong lời nói, mà bằng cả việc làm thừa nhận nguyên tắc ăn năn hối lỗi và đền bù. Bản thân tôi tuy vậy không tin vào dòng suy nghĩ này. Tôi không tin vào việc rằng, khoản thiệt hại mà con người gây ra trong một giai đoạn của đời mình, có thể làm cho cân bằng được bằng các công trạng của một giai đoạn khác trong đời. Các lỗi lầm là không thể bù đắp được. Người bị hại, có lẽđã chẳng còn sống khi "đền bù" xảy ra, hay không còn là người hưởng lợi của các hành động đầy công trạng sau này. Nhưng ngay cả nếu vẫn còn sống, nếu người ấy hay con cháu có thể hưởng lợi của những hành động tốt sau này đi nữa -việc này không phục hồi được khoản thiệt hại, mà người đó đã chịu khi ấy.

Tôi không chỉ hiểu rằng, tôi đã đi con đường sai lầm trong đoạn đầu của cuộc đời trưởng thành của mình, mà với sự quả quyết hoàn toàn tôi đã bước sang con đường khác. Tôi tin rằng, trong các thập niên vừa qua tôi đã có nhiều thành tích, trở thành có lợi cho đồng loại của tôi. Những công việc này tôi hoàn thành không phải vì "ăn năn hối lỗi". Tôi tính một hoá đơn riêng về các khoản này, và tất cả những thứ

https://thuviensach.vn

xảy ra trong giai đoạn *Szabad Nép* của tôi vẫn còn trên một hoá đơn riêng khác.

(*) Tất nhiên có thể tranh cãi liệu nói chung đã có ý định bồi thường-chuộc tội như vậy trong Gimes không.

https://thuviensach.vn

Ngày 5-3-1953 Stalin qua đời. Với việc này một thời kì của lịch sử thế giới cộng sản được đóng lại và một thời kì mới bắt đầu. Những biến đổi có ảnh hưởng sâu sắc xảy ra trong môi trường chính trị và xã hội-tuy với sự trễ đáng kể, nhưng – đã làm thay đổi thế giới quan của tôi, cách suy nghĩ của tôi và cùng với nó cả thái độ của tôi nữa.

"Giai đoạn mới"

Bước ngoặt nhân sự và chính trị xảy ra ở Liên Xô sau vài tháng bắt đầu cho thấy ảnh hưởng của nó cả ở Hungary nữa. Người ta triệu các lãnh đạo đảng cộng sản Hungary sang Moskva, và với những lời lẽ gay gắt chê trách họ vì tình trạng chính trị và kinh tế thảm hoạ của đất nước. Rákosi Mátyás, người vui lòng nghe, nếu người ta phong cho tước hiệu là "học trò Hungary giỏi nhất của đồng chí Stalin", và là người muốn trở thành kiệt xuất giữa các thủ lĩnh cộng sản đông Âu trong thực hiện các chỉ thị của Stalin, thì giờ đây bị các thủ lĩnh mới của đảng ở Moskva nhiếc mắng vì sự quá sốt sắng của mình. Họ tước mất sự thống trị cá nhân của ông. Ông đã có thể giữ lại địa vị và thẩm quyền tổng bí thư đảng, nhưng người ta đã chọn Nagy Imre làm thủ tướng. Nagy Imre đã là bộ trưởng bộ nông nghiệp đầu tiên của chính phủ sau 1945; dưới sự chỉ huy của ông người ta tiến hành chia ruộng đất, chia các đại điền chủ cho nông dân. Một người cộng sản cũ mang hào quang của "bộ trưởng chia đất", người cùng thời với Rákósi và Gerődã đều là các di dân ở Moskva, ông đối kháng với trào lưu chính của đảng do Rákósi lãnh đạo trong một vài vấn đề quan trọng. Ông không phải chịu số phận tử hình của Rajk László hay bị bỏ tù của Kádár János, nhưng không thuộc về những người được Rákosi ưu ái, và không phải là thành viên của bè lũ hẹp lãnh đạo đất nước. Sự xuất hiện của ông, lời nói tiếng Hung ngọt ngào của ông và chủ yếu là cách suy nghĩ gần con người, đồng cảm với con người của ông đã làm cho ông khác biệt với các lãnh đạo cộng sản khác.

Đảng Hungary trong phiên họp ban chấp hành trung ương tháng sáu đã tiếp thu các chỉ thị mang từ Moskva về, và ra nghị quyết có ý nghĩa trọng đại. Tiếp theo là sự hình thành chính phủ Nagy Imre mới và bài phát biểu trước quốc hội của thủ tướng. "Nghị quyết tháng sáu", "bài phát biểu của Nagy Imre", "chương trình của chính phủ", "giai

https://thuviensach.vn

đoạn mới" - đấy là những tên gọi lúc ấy thực ra là các cụm từ đồng nghĩa; tất cả các cách diễn đạt này đều dẫn chiếu đến cương lĩnh hậu Stalin sau 1953 của đảng cộng sản Hungary. Tôi tóm tắt ngắn gọn các nét chính của cương lĩnh, mà theo khả năng với cách dùng từ khi đó.

-Đã xảy ra những sai lầm nghiêm trọng trong chính sách trước 1953. Không phải là sai trong tư tưởng của đảng, mà là ở việc thực hiện chúng. Phải loại bỏ những sai lầm, nhưng phải giữ vững các nền tảng của hệ thống.

-Đã có những sai lầm lớn trong chính sách kinh tế của đảng. Nhiệm vụ nâng cao mức sống đã không nhận được sự chú ý đầy đủ.

-Việc nâng các chỉ tiêu của kế hoạch năm năm đã là không thực tế. Đã xảy ra những thái quá trong cưỡng bức công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó lập trường của đảng về vấn đề các quan hệ sở hữu vẫn không thay đổi, tức là sở hữu nhà nước vẫn tiếp tục phải chiếm ưu thế.

-Đã xuất hiện những méo mó trong chính sách nông nghiệp. Ý định tạo ra nền nông nghiệp tập thể vẫn tiếp tục có thể được tán thành, song phải tuân thủ nguyên tắc tự nguyện.

-Người ta đã vi phạm nghiêm trọng "sự tôn trọng luật pháp xã hội chủ nghĩa". (Đây, theo tiếng lóng của đảng, là tên gọi của các vụ án dựa trên những buộc tội giả mạo, của những sự tra tấn, của sự bắt bớ hàng loạt, của các trại lao động và các hình thức áp bức tàn bạo khác.) Không thể cho phép điều này trong tương lai.

-Đảng cộng sản đã xa rời quần chúng. Cần phải lập mặt trận nhân dân, mặt trận tập hợp toàn bộ nhân dân Hungary dưới sự lãnh đạo của đảng.

Cương lĩnh của "giai đoạn mới" đã chứa khá nhiều yếu tố của cách suy nghĩ, mà sau này được gọi là *chủ nghĩa cộng sản cải cách*. Trong các tháng tiếp theo cương lĩnh này còn được mở rộng nữa, song vẫn chưa xuất hiện hai thành phần đặc biệt quan trọng của chủ nghĩa cộng sản cải cách. Một là *chủ nghĩa xã hội thị trường*, sự xoá bỏ từng phần hay hoàn toàn kế hoạch hoá tập trung và bổ sung bằng điều phối thị trường. (Về việc này cuốn sách của tôi sẽ còn nói nhiều). Thứ hai, là "*chủ nghĩa dân chủ*". Tôi cố ý diễn đạt như vậy. Đây là thuật ngữ vòng vo rắc rối thông dụng khi đó biểu lộ một mong muốn đầy mâu thuẫn. Một mặt, công dân hãy có nhiều can thiệp hơn vào công việc chung,

https://thuviensach.vn

“dân chủ xí nghiệp” và “dân chủ trong đảng” hãy thịnh hành. Mặt khác, tuy vậy, vẫn hãy tồn tại độc quyền quyền lực của đảng cộng sản. Điều này trong lịch sử phát triển của thế giới tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản cải cách, muộn hơn nhiều, thí dụ trong tư duy “chủ nghĩa xã hội mang vẻ mặt người” của mùa xuân Praha 1968, sẽ được nhấn mạnh hơn nhiều.

Và bây giờ tôi lại thử đặt bản thân tôi vào cách suy nghĩ của mình thời 1953-1954.

Như nhiều người cộng sản khác, tôi đã trải qua cái chết của Stalin với cảm nhận tổn thất to lớn. Tôi đã không tính đến rằng, một bước ngoặt lịch sử sẽ đến. Tôi đã nghĩ là, những người kế tục ông – như họ đã long trọng hứa trong các bài điếu văn- sẽ tiếp tục đường lối chính trị của Stalin.

Khi tôi đọc nghị quyết tháng sáu của ban chấp hành trung ương đảng Hungary và bài phát biểu của Nagy Imre, tôi đã không nhận ra ngay rằng, chúng sẽ dẫn đến những thay đổi triệt để sâu sắc đến thế nào. Tôi có cảm tình với cương lĩnh tháng sáu, nhưng tôi sẽ tô vẽ câu chuyện riêng của mình cho đẹp hơn, nếu tôi khẳng định rằng, tôi tràn ngập niềm phấn khởi giải phóng. Tôi đã không thuộc về những người bị hại của thời kì trước nghị quyết tháng sáu, vì thế tôi không cảm thấy rằng, đã đến thời thở phào nhẹ nhõm. Đảng đã quyết định như vậy, và tôi nghi nhận một cách bình thản và có kỉ luật. Tuy nhiên, bản thân sự thực không làm tôi ngạc nhiên rằng, đã có sự thay đổi căn bản trong đường lối của đảng, bởi vì thí dụ trong lịch sử đảng Soviet cũng đã có “các giai đoạn” mới khác biệt sâu sắc với chính sách trước đó. Bây giờ tôi cũng tính đến chuyện này. Tôi cũng không cho việc, thay cho vai trò thủ lĩnh bất khả phân trước đây của Rákosi Mátyás bây giờ có hai người đứng đầu, tầm quan trọng đặc biệt nào. Tất cả điều này là chứng cớ mới nữa về sự ngây thơ và non nớt chính trị của tôi khi ấy.

Các bài báo đầu tiên của tôi được viết trong thời gian “giai đoạn mới” cũng không cho thấy sự thay đổi đáng kể so với trước kia. Có lẽ chỉ ở mức độ, trong ngữ điệu của chúng đã không còn sự nhiệt tình, văn phong được kiềm chế hơn và khách quan hơn.

Gặp đồng nghiệp được thả khỏi nhà tù

Những cảm xúc gây chấn động đã thức tỉnh tôi khỏi sự mộng du. Năm 1954, cuối mùa hè ở một khu nghỉ mát tại Balaton tôi gặp

https://thuviensach.vn

Haraszti Sándor, người – sau nhiều năm dài ngồi tù - vừa được thả tự do không lâu trước đó. Bác Sanyi(+) đã trở thành người cộng sản từ lâu, trong thời kì chế độ Horthy. Sau 1945 ông là biên tập viên của tờ *Szabadság (Tự do)*, tờ báo thứ hai của đảng cộng sản. Đôi khi chúng tôi gặp nhau, và tôi cảm thấy tình thân kính trọng đối với ông. Ông là bố vợ của Losonczy Géza, chính Losonczy người đã chấm dứt đời mình một cách bi thảm, với tư cách một liệt sĩ của cách mạng 1956. Losonczy Géza là một trong những lãnh đạo của tờ *Szabad Nép,* khi tôi đến đó như người mới vào nghề; sự quen biết của chúng tôi tương đối hời hợt, nhưng ngần ấy ai cũng biết về anh rằng, anh cũng là một đảng viên kì cựu, có uy tín của đảng. Người ta bắt giam Haraszti năm 1950, Losonczy năm 1951. Như sau này sáng tỏ ra, bọn Rákosi cũng đã muốn đưa họ ra trước vành móng ngựa trong vụ án công khai, mà lẽ ra Kadár János trở thành bị can chính. Vụ án công khai lớn thứ hai này đã không xảy ra, nhưng dù sao tất cả họ vẫn bị giam trong tù, cho đến khi "giai đoạn mới" không giải phóng họ khỏi tù.

Tôi đã chẳng biết gì về số phận của họ, trừ sự thực rằng, họ không được tự do. Trong thời gian ấy, khi tôi nghe về việc bắt giam họ, tôi đã ghi nhận mà không bị sốc. Nếu đảng đã quyết định về các đảng viên cộng sản cũ, chắc là người ta đã kiểm tra kĩ lưỡng thực sự họ có tội hay không. Trong tôi đã không nổi lên sự nghi ngờ, liệu họ có vô tội không. Tôi đã tin vào quyết định của đảng mà không có sự dao động.

Bây giờ, vài năm sau, trên thảm cỏ khu nghỉ mát ở Balaton, tôi lại gặp bác Sanyi mặt đối-mặt, với giọng điềm tĩnh ông kể lại các hành động dã man ô nhục chống lại ông. Họ đã muốn ép ông thú nhận những sự buộc tội giả mạo. Khi trở nên rõ ràng là, đối với lời khuyên nhủ đơn thuần ông đã không muốn làm vậy, họ đã tra tấn ông một cách thô bạo.

Khi chuẩn bị các vụ án như vậy mỗi vụ việc của mỗi người bị tình nghi được giao cho một "cán sự"; người ta gọi sĩ quan ÁVH (Cơ quan Bảo vệ Nhà nước), người chỉ đạo việc lấy cung của cá nhân liên quan, như vậy. "Cán sự" của bác Sanyi là M. M. -người một cách tình cờ tôi biết kĩ ngay từ 1945, khi cả hai chúng tôi là các đoàn viên của MADISZ quận V.(*) Bản thân M. M. không đánh đập ông già Haraszti Sándor, nhưng anh ta đưa ra lệnh, phải đánh khi nào và đánh mạnh ra sao. Khi tôi biết M. M. năm 1945, anh ta cũng là tín đồ nhiệt huyết và

https://thuviensach.vn

tận tâm của phong trào thanh niên cộng sản, như bản thân tôi. Sau đó tôi chẳng bao giờ gặp anh ta, nhưng tôi tin rằng, anh ta không là kẻ ác dâm, theo nghĩa bệnh tâm thần của từ. Không phải vì thế mà anh ta sai đánh Haraszti Sándor, bởi vì anh ta khoái sự tàn nhẫn, mà vì việc này thuộc về trình tự công việc bình thường ở chỗ làm việc của anh ta. Nếu ai đó bị đảng đánh giá là kẻ thù, thì bằng mọi giá, nếu cần, cả bằng tra tấn nữa để moi sự thật ra từ kẻ đó. Mà sự thật thì hiển nhiên chính là câu chuyện làm gián điệp hay phá hoại (trong thực tế được bịa ra, gán gép bằng các yếu tố có thực và dối trá), mà các thượng cấp thông báo cho sĩ quan điều tra cấp thấp hơn, như căn cứ cho sự nghi ngờ và buộc tội. Phải tra hỏi kẻ bị tình nghi, cho đến khi hắn thừa nhận rằng, câu chuyện được hư cấu là thật, và trong đó hắn chính là người đóng vai trò vô lương tâm bị người ta buộc tội, tức là cái họ phân cho.

(+) Sándor gọi thân mật là Sanyi

(*) Các chữ đầu "M. M.", "N. N." v.v. có thể thấy ở đây và ở vài chỗ trong cuốn sách không trùng với các chữa đầu của tên những người liên quan. Tôi sẽ nhắc tới vấn đề đưa ra tên thật muộn hơn.

Nghe tất cả điều này từ nhân vật chính phải chịu đựng của vở kịch thì thật là khủng khiếp. Tính bi thảm của vở kịch còn tăng lên nữa trong mắt tôi khi tôi biết cả nhân vật khác, kẻ tra hỏi nhân vật phải chịu đựng, mà cụ thể như một người xuất xứ không độc ác, và bắt đầu cuộc sống với những ý định lương thiện, cao thượng. Tôi coi điều này là đặc biệt gây kinh ngạc, bởi vì nó chứng tỏ rằng, bi kịch không phải do các tính chất cá nhân của những người tham gia trong đó gây ra, mà có tai hoạ thảm khốc nào đó với bản thân hệ thống.

Cuộc gặp gỡ này đã phá huỷ cái nền tảng đạo đức, mà niềm tin cộng sản của tôi cho đến giây phút đó dựa vào. Đảng đã nói dối, khi khẳng định rằng Haraszti Sándor có tội– và tôi đã tin sự dối trá đó. Mà nếu vụ án này dựa trên sự dối trá, chắc các vụ khác cũng dựa trên sự dối trá. Những sự dối trá bao xung quanh-và tôi, một cách ngu ngốc, đã tin chúng mà không hề nghi ngờ. Thậm chí, vô tình hay hữuý bản thân tôi cũng truyền bá những sự dối trá.

Haraszti Sándor là người cầm bút, tôi cũng thế -và nếu có trên con đường khác đi nữa, nhưng tôi vẫn là người cầm bút cho đến tận ngày nay. Đối với chúng tôi việc, cái chúng tôi viết có đúng không, có tầm quan trọng lớn. Sự thành thật và sự đánh lạc hướng, sự thật và sự dối

https://thuviensach.vn

trá – suy nghĩ của tôi xoay quanh những cái này sau cuộc gặp bác Sanyi.

Tôi cảm thấy suy nghĩ rằng, trong thế kỉ XX- vì bất cứ mục đích gì - người ta chủ tâm tra tấn con người, là không thể chịu đựng nổi. Tôi cho ngay cả việc tra tấn những kẻ phạm tội cũng là không thể dung thứ được, nói chi đến những người vô tội! Làm việc này chính là cái đảng, cảm thấy mình có sứ mệnh lãnh đạo sự tiến bộ của loài người?

Từ 1947 tôi quan tâm đến các vấn đề kinh tế, đến lập kế hoạch, đến sản xuất và-như tôi đã viết ở chương trước – tôi đã nhận thấy một vài trong các hiện tượng kinh tế tiêu cực. *Tuy thế vẫn không phải* là, tôi đã phân tích các vấn đề kinh tế cho đến khi tôi nhận ra rằng có cái gì đó sai trong kinh tế học chính trị Marxist, trong lí thuyết kế hoạch hoá của nó hay trong chính sách kinh tế Hungary. Thế giới quan trước đó của tôi bị lung lay vì sự sụp đổ của *các nền tảng đạo đức*. Tôi đã cảm thấy, *tất cả*, cái tôi đã tin và nghĩ đến nay, phải được xem xét lại. Nếu những nền tảng đạo đức là những sự dối trá, thì tôi không thể chấp nhận, mà không có sự xem xét lại, cái kết cấu tinh thần dựa trên nền tảng đạo đức không thể chấp nhận được và không thể chịu đựng được này.

Tôi không khẳng định rằng, cái khối tư tưởng nhiều mặt trong đầu tôi lúc ấy, đột ngột tan rã thành các nguyên tử của nó. Tôi đã phải tiến hết từ tầng này đến tầng kia của lâu đài kết cấu tư tưởng, phải suy ngẫm đi suy ngẫm lại mọi yếu tố của nó. Việc này cần khá nhiều thời gian. Nhưng kể từ ngày này trở đi ở cuối mỗi câu tường thuật hay mệnh lệnh thức từ học thuyết của đảng cộng sản, mà cho đến lúc đó tôi sẵn sàng tiếp thu và lấy làm của mình không hề do dự, thay cho dấu chấm hay dấu chấm than là dấu chấm hỏi.

*Các cuộc trò chuyện và các bài đọc làm sáng t*ỏ

May cho tôi là đã có những người giúp tôi trong việc xem xét lại tư tưởng này. Đầu tiên là Lőcsei Pál bắt đầu nói chuyện với tôi về nghị quyết tháng sáu của đảng và về chính sách của Nagy Imre. Pali(+) nhận rủi ro với việc đề xuất các cuộc nói chuyện, bởi vì nội dung của nó – theo điều lệ của đảng cộng sản-là "chống đảng". Anh đã cảm thấy, hoàn toàn đúng, rằng anh có thể tin vào tình bạn của chúng tôi. Và anh cũng tin rằng, các lập luận của anh sẽ có tác động lên suy nghĩ của tôi.

https://thuviensach.vn

Chúng tôi đã có một loạt cuộc nói chuyện thân mật, trong đó nói về nhiều đề tài chính trị cơ bản. Lúc đó anh lãnh đạo chuyên mục lí luận của tờ *Szabad Nép*. Trước đó anh chỉ đạo chuyên mục nông nghiệp, và biết nhiều về lĩnh vực này – lĩnh vực chuyên của Nagy Imre-, về câu chuyện hợp tác hoá cưỡng ép, ép buộc nông dân, truy nã phú nông.

Các số liệu, liên quan đến bỏ tù và giam giữ [trong trại cải tạo] mà Lőcsei biết được và nói cho tôi, thực sự gây sốc. Tôi nhớ đến một con số, mà tôi nghe từ anh: trong thời gian Stalin chết, ở nước Hungary nhỏ bé với mười triệu dân này đã có hơn bốn mươi ngàn tù chính trị, tính cả những người bị kết án tù giam, những người quằn quại như người bị giam trong quá trình điều tra hay không hề có bản án.(*)Con số này, hệt như câu chuyện cá nhân của Haraszti Sándor, đã có tác động lên tôi lớn hơn, đã cấp tiến hoá những suy nghĩ của tôi hơn là, thí dụ việc hiểu rằng, nâng kế hoạch năm năm lên là phi thực tế, và vì vậy mức sống bị giảm. Những khó khăn kinh tế khi đó tôi vẫn chỉ coi là lỗi của kế hoạch hoá chứ không phải của hệ thống, nhưng mức độ điên khùng của sự đàn áp chính trị đã chứng tỏ cái khác- những căn bệnh *cơ bản*.

Sau khi các cuộc nói chuyện làm thức tỉnh đầu tiên với Lőcsei đã xảy ra, tôi đã cởi mở cho sự định hướng trí tuệ, mà tôi nhận được từ Gimes Miklós. Nhắc lại ngày, khi những tin đầu tiên đến về sự nổi dậy ở Berlin. Đúng, khi đó chúng tôi đã nói vài lời về sự kiện này. Trong các giờ sau khi tin tức đến tôi đã không cho là sự kiện có tầm quan trọng đặc biệt, anh ta thì coi là đặc biệt quan trọng. Bây giờ, vài tháng muộn hơn, anh giải thích cho tôi tầm quan trọng lịch sử của tin ấy. Kể từ khi dẹp tan cuộc nổi dậy ở Kronstadt năm 1921 đã không xảy ra việc, *chính* nhân dân nổi lên chống lại chính quyền xã hội chủ nghĩa. Những người Berlin đã thử làm việc đó. Đúng là, các xe tăng Soviet đã nhanh chóng dẹp tan họ, nhưng vẫn phải nhận ra – Gimes giải thích cho tôi- rằng, ở đây các công nhân chống lại chính quyền công nhân. (Tôi không muốn đặt Gimes thành người tiên tri, nhưng có lẽ anh đã có thể cảm thấy trước cái gì đó rằng, từ cái *bắt đầu* ở Berlin, việc đó sẽ có thể còn có sự tiếp tục của nó).

Tôi không thể quên được một câu, được nói ra trong cuộc nói chuyện giữa Révai và Gimes, và Gimes trích dẫn lại cho tôi khoảng thời gian này. Họ đã nói chuyện rằng, trong lịch sử Liên Xô, và muộn hơn, trong lịch sử của các nước Đông Âu "nhân dân" không luôn luôn

https://thuviensach.vn

đứng sau đảng cộng sản. Bất chấp điều đó phải lập nên, đã phải duy trì và phải duy trì cả trong tương lai nữa quyền lực của đảng cộng sản, nếu cần – và bởi vì cụm từ này Révai dùng bằng tiếng Đức, tôi cũng trích lại như thế - "mit barbarishen Mitteln", tức là cho dù bằng *các công cụ dã man* đi nữa. Tín điều cô đọng này của lòng tin cứu thế cộng sản và của chủ nghĩa Machiavell vô hạn độ vẫn còn sâu trong trí nhớ tôi. Tôi cảm thấy, mình muốn đoạn tuyệt với cả hai yếu tố của tín điều này: đoạn tuyệt với việc rằng, phải ép buộc một hệ thống cứu tinh, mang lại phước lành lên những con người ngược với ý muốn của họ; và cả với việc rằng, vì mục đích cứu tinh được phép dùng mọi phương tiện, kể cả đe doạ, bỏ tù hàng loạt và tra khảo nữa.

(+)Pál gọi thân mật là Pali

(*) Tháng sáu 1953 Bộ Chính trị Đảng cộng sản Liên Xô (Bolshevik) đã triệu các lãnh đạo đảng Hungary đến. Trong các cuộc nói chuyện này ngoài những thứ khác người ta đã quyết định hạ bệ Rákosi Mátyás khỏi chức thủ tướng và Nagy Imre nắm lấy sự điều hành chính phủ. Trong báo cáo nhân dịp này của mình Rákosi đã công bố con số rằng, số người bị bắt và bị giam lấy làm tròn là 45 ngàn (Baráth 1999, tr. 42). Tôi giả sử rằng – tuy trong thời gian này những lời nói trong cuộc nói chuyện ở Moskva được coi là thông tin mật- con số này đã lọt ra từ trung ương đảng, và đến tai Lőcsei.

Đã không thành công để làm rõ, con số tổng hợp của các tù nhân chính trị *thực s*ự đã là bao nhiêu. Một con số khác có nhiều ý nghĩa, mà tháng mười một năm 1953 Piros László thứ trưởng Bộ Nội vụ và Czakó Kálmán Viện trưởng Viện Kiểm sát Tối cao công bố với lãnh đạo đảng. (Rainer 1999, tr. 24-25. – Thông tin cuối này khi đó đã không bị lọt ra). Theo đó, cái gọi là "các biện pháp ân xá" liên quan đến gần 748.000 người. Người ta liệt vào đây những người được tha khỏi các nhà tù và các trại cải tạo, những người được phóng thích khỏi nơi ở ép buộc được chỉ định trong quá trình bắt lưu đày (bị giam lỏng), những người được chấm dứt thủ tục toà án hay điều tra của công an. Ba phần tư triệu người- bảy phảy năm phần trăm dân số trong nước!

Gimes với tư cách phóng viên *Szabad Nép* đã ở Geneve một thời gian dài. Cảm nhận về sự giàu có, về sự dồi dào và về sự yên bình, tính ưu việt kinh tế cảm nhận được một cách trực tiếp của chủ nghĩa tư bản trên chủ nghĩa xã hội đã tác động lên anh với sức mạnh thiên nhiên.

https://thuviensach.vn

Anh kể lại cho tôi các ấn tượng này của mình một cách sinh động và thuyết phục.

Trong chương trước tôi đã nói về các cửa, mà -dưới tác động của các nhân tố siêu duy lí - sẽ đóng các dòng tư duy chảy vào, hay ngược lại, mở đường cho sự chảy vào. Sau nhiều năm khoá lại về mặt tinh thần, bây giờ đột nhiên tôi lại bắt đầu đọc. Từ này cũng chẳng nói đủ: tôi bắt đầu đọc nghiến ngấu các tác phẩm phê phán chính sách của Stalin.

Khi đó tôi vẫn còn là cộng sản một nửa hay ba phần tư. Trong trạng thái này thì các tác phẩm có tác động mạnh nhất không phải các tác phẩm, mà trong mọi vấn đề có lập trường 180 độ ngược với những quan điểm của một tín đồ một thời nay bắt đầu nghi ngờ, tức là các tác phẩm "từ bên ngoài", tấn công đảng cộng sản một cách thù địch. Cái khi đó cột tôi tốt nhất, là sự phê phán gay gắt đến từ "bên trong". Tôi đã đọc bằng tiếng Đức cuốn sách của Deutscher nói về Stalin – và đột nhiên tôi thấy nhân cách Stalin khác đi. Tôi không thể nhớ lại tên tác giả và tên cuốn sách cũng được viết bằng tiếng Đức, đặt lịch sử của đảng Soviet dưới ánh sáng xã hội chủ nghĩa – nhưng phản Stalinist-mới hoàn toàn đối với tôi.

Với sự hồi hộp tinh thần tôi đọc những tác phẩm của các tác giả Nam Tư khác nhau, trong số họ có Kardelj.[13] Rồi đến chuyện, Stalin mâu thuẫn với Tito và bực tức khai trừ đảng Nam Tư khỏi cộng đồng các đảng cộng sản nắm quyền. Tình hình buộc các lãnh tụ cộng sản Nam Tư thử đi con đường khác, trệch khỏi phương hướng của Stalin. Nỗ lực này một cách tự nhiên phải gắn với phê phán gay gắt chủ nghĩa Stalin. Ở các tác giả Nam Tư lần đầu tiên tôi bắt gặp với cách diễn đạt rằng, hình thái Stalinist của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đi cùng với *chủ nghĩa tập trung quan liêu*, và sự quản lí kinh tế xã hội chủ nghĩa phi tập trung có lẽ lành mạnh hơn và hiệu quả hơn. Các tác giả được nhắc đến này đã không hề dẫn chiếu đến tiểu luận của Oscar Lange về chủ nghĩa xã hội thị trường[14] và cuộc tranh luận do nó gây ra ở Phương Tây trong các năm 1930, mà họ trình này suy nghĩ gắn kết sở hữu tập thể và điều phối thị trường bằng ngôn ngữ cộng sản của riêng họ như sáng kiến của riêng họ. Trong cách tiếp cận Nam Tư sự phi tập trung bao hàm trong mình hai loại quá trình chung, cụ thể là sự dịch chuyển khỏi điều hành kinh tế kế hoạch hoá tập trung cũ sang hướng

https://thuviensach.vn

điều phối thị trường, ngoài ra là đưa "tự quản" vào. Cái sau hứa một sự tự chủ lớn hơn cho cả các cơ quan địa phương được bầu, lẫn cho các hội đồng do người lao động của các xí nghiệp bầu ra. Phê phán của các tác giả Nam Tư chống lại các phương pháp chỉ huy theo hình mẫu Soviet một cách máy móc, được áp dụng trước đó cả ở nước họ nữa, đã ăn nhịp với những kinh nghiệm tiêu cực của riêng tôi liên quan đến tập trung hoá. Còn sự đổi mới tư tưởng Nam Tư, tư tưởng "tự quản"-ít nhất lúc đó đối với tôi có vẻ như – đã tạo một hình thức dễ nắm lấy cho đòi hỏi của "giai đoạn mới" của Hungary yêu cầu sự dân chủ ở xí nghiệp.

Sự rời bỏ ý thức hệ của đảng cộng sản xảy ra trong nhiều cấp độ đối với nhiều tín đồ trước đây. Cấp độ đầu tiên là chống đối sự khủng bố tàn bạo của các chế độ Stalinist-nhưng vẫn duy trì tất cả các luận thuyết cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin, kể cả "chuyên chính vô sản" (hãy hiểu là: độc quyền quyền lực của đảng cộng sản). Theo đó, Stalin đã mắc phải "những sai lầm nghiêm trọng", đã đi trệch con đường Leninist chân chính. Phải quay trở lại con đường này. Sau cấp độ này là các cấp độ khác, khi tín đồ một thời hiểu ra rằng, cái hệ thống *thực tế* đã hình thành ở Liên Xô và ở các nước cộng sản khác, không chỉ là hiện thân của Stalin, mà là hiện thân của một vài tư tưởng cơ bản của Lenin, thậm chí của Marx, nữa. Tôi đã đi hết con đường vỡ mộng khỏi ý thức hệ cộng sản. Nhưng trong các tháng ấy, mà tôi kể lại trong chương này, tôi mới chỉ ở cấp độ đầu tiên, phản Stalinist của quá trình vỡ mộng và nhận thức, tuy liên quan đến một vài vấn đề (thí dụ như về chủ đề tập trung hoá và thị trường) tôi đã bước qua các cấp độ tiếp theo.

"Sự từ chối tuân lệnh" đầu tiên

Sự thay đổi xảy ra từng bước một trong thế giới quan và tư duy của tôi cũng bắt đầu có ảnh hưởng đến thái độ của tôi. Trước kia tôi tuân theo các chỉ thị của đảng không phải vì sợ, mà vì niềm tin. Khi lòng tin bị lung lay, cùng với nó tính kỉ luật của tôi cũng thế.

Trước kia các chỉ thị của đảng thường đến với tôi qua trung gian của Friss István liên quan đến chuyện, *Szabad Nép* công bố thế nào các bước của chính sách kinh tế của đảng. Tuy vậy, bây giờ Friss đã bị chuyển khỏi chức vụ ở trung ương đảng, và đôi khi Gerő Ernő trực tiếp cho tôi biết các ý muốn của ông ta. Việc này xảy ra vào mùa đông

https://thuviensach.vn

1953-1954, liên quan đến những rối loạn nghiêm trọng gây căng thẳng về cung ứng điện năng. Trong các tuần ấy khá thường xuyên xảy ra việc cắt điện – không hề có báo trước-ở các nhà máy, thậm chí ở các khu dân cư. *Szabad Nép* im lặng trong một thời gian dài, nhưng muộn hơn trở nên hiển nhiên là, phải nói cái gì đó. Tôi đã nói chuyện điện thoại nhiều lần với Gerő về vấn đề này, ông muốn rằng, tờ báo hãy xác định "hoàn cảnh khách quan" là nguyên nhân chính hay duy nhất của rối loạn. Trong vấn đề rối loạn cung ứng điện năng bản thân tôi thấy sự biểu hiện của thế tiến thoái lưỡng nan –"không được phép nói dối, phải nói thật, phải trung thực"- vốn đang dày vò tôi. Lần đầu tiên xảy ra là, tôi đã phản đối Gerő Ernő, người trước đây tôi đã kính phục biết nhường nào. Tôi tuyên bố, tôi không muốn viết loại bài báo đi phủ định: sở dĩ có rối loạn cung ứng điện bởi vì người ta đã hình thành các tỉ lệ sản xuất năng lượng và nhu cầu tăng lên một cách tồi tệ. Ngoài ra họ cắt điện các khu dân cư lớn một cách đột ngột, không có kế hoạch và báo trước, thay cho việc tạo ra một hệ thống quản lí điện thích hợp. Cuối cùng thì bài xã luận, mà tôi đã viết, cũng đã nói toạc ra những sự thực đơn giản và hiển nhiên này.[15]

Sau này tôi mới biết về Gerő Ernő rằng, trong nội chiến Tây Ban Nha, nơi ông là một trong những chính trị viên, người ta khiếp sợ sự tàn nhẫn của ông; người ta đã xử tử hàng chục người, các chiến sĩ cánh tả, trung thành, chống Franco theo lệnh của ông. Có thể, giả như nếu tôi biết điều này, tôi đã có thể sợ ông ta, bởi vì đến khi đó tôi đã có hiểu biết về những sự rùng rợn của khủng bố. Nhưng khi tranh luận với Gerő Ernő về thiếu hụt năng lượng, tôi chẳng hề nghĩ đến tôi có sợ hay không. Tôi cũng chẳng nghĩ, liệu giải thích khoa học về sự thiếu hụt có thể là cái gì- về điều này cũng chỉ muộn hơn nhiều tôi mới bắt đầu nghĩ đến. (Tuy vậy, nhìn lại có lẽ bõ công chú ý rằng, chính một hiện tượng thiếu hụt nghiêm trọng đã dẫn đến trường hợp "từ chối tuân lệnh" đầu tiên của tôi). Phải thú thực, tôi đã chỉ quan tâm đến một khía cạnh duy nhất- sự lựa chọn giữa nói dối và nói thật.

Điểm sách của Nagy Imre

Trước hết là lời giải thích của Lőcsei bạn tôi, nhưng sau đó nhiều thông tin khác cũng làm cho tôi rõ là, "sự thống nhất của đảng" được nhắc đi nhắc lại một cách trịnh trọng trong các thông cáo của đảng chỉ là lời hoa mĩ rỗng tuếch. Thực ra đấu tranh xảy ra bên trong nội bộ

https://thuviensach.vn

đảng giữa hai nhóm, giữa những người ủng hộ Rákosi Mátyás và Nagy Imre. Tất nhiên tất cả các cuộc tranh giành như vậy cũng có những yếu tố cá nhân. Hệ thống xã hội chủ nghĩa cổ điển- bất chấp những lời hoa mĩ rỗng tuếch về sự lãnh đạo tập thể -trên thực tế là sự độc tài cá nhân của người lãnh đạo tối cao. Đúng là, xúm chặt quanh ông ta là một bè lũ hẹp hơn, và nhóm thống trị cùng nhau ra các quyết định quan trọng. Có sự phân công công việc giữa các thành viên của nhóm, và họ chú ý đến lời nói của nhau. Tuy nhiên có một người thứ nhất, nhà lãnh đạo tối cao, mà quyền lực tập trung vào tay hắn. Khi đó câu hỏi đã là, ai là người thứ nhất trong đảng Hungary: Rákosi hay Nagy?

Cuộc đấu tay đôi này tuy vậy -giữa các điều kiện lúc ấy của Hungary – không chỉ là cuộc đấu giữa hai người vì chức thủ lĩnh, mà cũng là cuộc đấu tranh giữa hai đường lối, hai cương lĩnh chính trị. Rákosi Mátyás muốn tiếp tục đường lối Stalinist, nhiều nhất với các hiệu chỉnh vụn vặt, còn Nagy Imre thì muốn thực hiện "cương lĩnh tháng sáu", chủ nghĩa cộng sản cải cách độc đáo của "giai đoạn mới". Trong một thời gian dài hình như là, hai lực lượng cân bằng nhau. Cả hai đều có – và điều này rất quan trọng-những kẻ chỉ điểm và chỗ dựa ở Moskva của mình.

Trong số các cán bộ lãnh đạo của ban biên tập *Szabad Nép* đã có một nhóm quyết tâm đứng dứt khoát về một phía, ủng hộ những người theo Nagy Imre, và tích cực ủng hộ đường lối của họ. Liệt kê theo thứ tự: Fehér Lajos, Fekete Sándor, Gimes Miklós, Kende Péter, tôi, Lőcsei Pál, Méray Tibor và Novobáczky Sándor. Ai có thể nghĩ rằng, các thành viên của nhóm khi đó gặp nhau thường xuyên, nuôi dưỡng những cảm giác bạn bè nồng ấm đối với nhau, lại sẽ đi những con đường hoàn toàn khác nhau sau 1956? Gimes Miklós hi sinh vì lí tưởng, Fekete Sándor, Lőcsei Pál và Novobáczky Sándor sống nhiều năm trong nhà tù của Kádár. Kende Péter và Méray Tibor trở thành các nhân vật lãnh đạo di cư chính trị ở Paris. Tôi không tóm tắt số phận của mình bằng vài lời ở đây, vì cả cuốn sách này nói về chuyện ấy. Cái chúng tôi ít chờ đợi nhất: Fehér Lajos, người gần Nagy Imre nhất trong số chúng tôi, sau 4-11-1956 ngay lập tức đi theo Kádár János, và từ đầu chí cuối vẫn là uỷ viên Bộ Chính trị do Kádár lãnh đạo.

Hãy quay lại hè 1954 và hành động riêng của tôi. Vào cuối hè quyết tâm trong tôi đã mạnh lên rằng, tôi muốn giúp chính sách của "giai đoạn mới" một cách tích cực. Tuy đến lúc đó hầu như tôi đã chỉ

https://thuviensach.vn

viết các bài báo có nội dung kinh tế, khi ấy nhiều khi tôi đã chủ ý vượt qua đề tài này.

Trên *Szabad Nép* ngày 6-10-1954 xuất hiện bài điểm sách dài, mà tôi viết về hai cuốn sách vừa xuất bản của Nagy Imre.[16] Hai cuốn sách chứa các bài nói và bài viết được chọn lựa của ông trong mười năm. Bài viết của tôi lưu ý đến các đặc điểm, trong đó tư duy của Nagy Imre *lệch khỏi* sự tuyên truyền chính trị Stalinist điển hình. Tôi trích lại vài trong số những suy nghĩ được bài điểm sách của tôi nhấn mạnh: "… ở nông thôn những người cộng sản phải bỏ việc chỉ tay năm ngón…Đi cùng với sự kiêu căng và sai khiến là sự sao nhãng công tác đảng nghiêm túc, có chí hướng và bền bỉ và là sự thay thế bằng lời nói rỗng tuếch…Ngày càng phổ biến cái "drill" [cái thói] (tôi không biết gọi nó bằng cách khác): các nghi thức bề ngoài quá đáng, sự rối rít rùm beng, vỗ tay quá đáng theo nhịp liên hồi không dứt, việc đứng dậy, mớm lời cho người ta, đấy là những thứ giết chết sáng kiến…"[17]

Các quan điểm liên quan đến nông nghiệp của Nagy Imre gần quan điểm, mà trong lịch sử đảng Soviet Bukhanin đại diện khi đó. Ông cho "sự cường điệu mối nguy hiểm tư bản chủ nghĩa" là sai lầm, "sự ác cảm, xa lánh, thậm chí sợ hãi đối với sự phát triển lực lượng sản xuất của các trang trại nông dân nhỏ và vừa có thể cảm thấy trong các giới rộng rãi của đảng, thậm chí trong cả cơ quan lãnh đạo, cũng là sai."[18]

Từ tuyển tập này của các công trình của Nagy Imre hiện ra một chân dung thực: nhà chính trị cộng sản, người không ra khỏi thế giới tư duy Marxist-Leninist, song ông muốn tạo ra một phiên bản mới, ôn hoà hơn, gần với con người hơn, nông dân dễ có thể chấp nhận hơn so với phiên bản kiểu Rákosi. Bài điểm sách của tôi muốn truyền cho bạn đọc hình ảnh này.

Không lâu sau đó, Ban chấp hành trung ương họp vào đầu tháng 10 năm 1954 và thông qua lập trường của cánh Nagy Imre. Chúng tôi, các cán bộ lãnh đạo của *Szabad Nép*, khi đó đã có nhiều "thông tin nội bộ thân thuộc". Chúng tôi đã biết rằng, trận thắng này nhiều nhất chỉ phản ánh các tỉ lệ hiện thời của tương quan lực lượng, và nói chung không chắc chắn rằng, những người thật lòng theo Nagy Imre có thể giữ vững tay lái. Chúng tôi cảm thấy quan trọng hơn là, tờ báo ủng hộ dứt khoát "giai đoạn mới".

https://thuviensach.vn

Hai lần tôi đã viết bài về vấn đề này. Bài đầu tiên có đầu đề: "Tiếp tục con đường tháng sáu với sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương".[19] Đầu đề bày tỏ rõ, khi đó tôi ở đâu trong sự phát triển chính trị của riêng mình. Cũng như Nagy Imre, mà tôi đã cố gắng truyền bá những suy nghĩ của ông, tôi đã muốn thúc đẩy sự thay đổi *bên trong* đảng cộng sản, và tiếp tục cải thiện hệ thống xã hội chủ nghĩa với sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Liên quan đến cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng, tôi dứt khoát đứng về phía Nagy Imre, và tôi cũng lên tiếng như thế trong các bài viết của mình.

"Szabad Nép nổi loạn"[20]

Vào khoảng thời gian này Lőcsei Pál đưa ra ý tưởng rằng, chúng ta không chỉ đứng lên ủng hộ "giai đoạn mới" bằng các bài viết của mình. Tất cả mọi bài của tờ báo in đều qua tay tổng biên tập, Betlen Oszkár hay phó tổng biên tập của ông, Komor Imre. Họ thì đứng về phía Rákosi, và làm cùn cạnh sắc của các bài báo của chúng tôi đi. Hãy triệu tập một cuộc họp chi bộ bất thường và trong cuộc họp đó chúng ta có thể trình này ý kiến của mình công khai hơn, thân mật hơn, thẳng thắn hơn rất nhiều. Đã có thể lường trước rằng- căn cứ vào vai trò trung tâm của *Szabad Nép* trong công tác tuyên truyền của đảng-tiếng nói của các nhà báo chủ chốt làm việc ở đó, qua truyền miệng, sẽ được phổ biến rộng.

Lőcsei là cái tâm của việc chuẩn bị họp chi bộ. Bên cạnh anh tôi cũng là một trong những người tổ chức chính của sự kiện. Chúng tôi phân phát trước ý kiến định nói. Cuộc họp chi bộ kéo dài hai ngày. Fehér Lajos coi việc quan trọng nhất là, *Szabad Nép* lên tiếng một cách chân thành về những lo âu của đất nước. Anh công khai phê phán bài nói mới gần đây của Gerő Ernő. Lőcsei trình bày bài nói có tác động châm ngòi trước hết về "sự tôn trọng pháp luật" (hãy hiểu là: chống sự đàn áp tàn bạo), và cổ vũ đổi mới đạo đức chính trị. Novobáczky Sándor đặt câu hỏi liên quan đến các sự vi phạm pháp luật đã mắc phải trong các năm trước đấy: "Việc truy cứu trách nhiệm của những người chịu trách nhiệm còn chậm đến bao giờ?" Vấn đề nói dối và nói thật là trung tâm của bài phát biểu của Méray Tibor. Anh đòi "cơn bão tẩy sạch"[21] – và cơn bão đó, hai năm sau, đã đến. Kende đã phê phán Gerő và Friss, tôi thì phê phán Farkas, người khi ấy được uỷ nhiệm lãnh đạo *Szabad Nép*. Tôi tuyên bố rằng, "lãnh đạo đảng chịu trách nhiệm trước

https://thuviensach.vn

tiên vì những sai lầm của *Szabad Nép*". Các cán bộ của tờ báo lần lượt phát biểu,(*)và phê phán gay gắt sự lãnh đạo của đảng, các thành viên Stalinist của ban biên tập, và đòi thực hiện triệt để cương lĩnh tháng sáu, đòi ngăn cản sự phục hồi Stalinist.[22]

Đọc lại các bài phát biểu khi đó với con mắt ngày nay, sự phê phán dừng lại ở giữa đường. Họ phê phán các nhà chính trị chịu trách nhiệm về chính sách tồi và phê phán các quyết định xấu, với lí do chính đáng, nhưng đã không phê phán cái *hệ thống*, đã đưa những người này vào vị trí lãnh đạo, đưa vào tay họ quyền lực vô hạn, và gây ra các quyết định sai lầm này. Nhưng lòng dũng cảm đạo đức của các bài phát biểu đáng nhận được sự kính trọng của bạn đọc ngày nay. Tất cả chúng tôi đã nói những lời phê phán gay gắt và có tác động sâu sắc đối với các lãnh tụ đảng, những người vẫn ngồi ở đó trong Bộ Chính trị và các vị trí cao của chính phủ (và những người không lâu sau sẽ quay lại thi hành toàn quyền). Chúng tôi biết rằng, sự đứng lên của chúng tôi sẽ gây cho họ bực tức, và ngay khi có thể, họ sẽ trả thù.

Chuẩn mực đạo đức, mà các nhà báo phát biểu ở cuộc họp chi bộ đưa ra, ngày nay cũng đáng được kính trọng: lên án sự dối trá và nói vòng vo loanh quanh, đòi hỏi rằng, người làm báo hãy chân thật và nhất quyết bám vào sự thật.

Kết thúc thời kì Szabad Nép

Tin "*Szabad Nép* nổi loạn" lan nhanh. Biên bản cuộc họp được hoàn thành, chúng tôi cố gắng sao ra nhiều bản và truyền bá. (Đừng quên rằng, chúng ta đang nói về thời trước khi có máy photocopy xerox, e-mail và internet; truyền, chuyển tiếp tin tức khó hơn bây giờ rất nhiều). Tấm gương của chúng tôi chắc chắn cũng đóng vai trò trong việc, ở một số tổ chức quan trọng khác cũng diễn ra các cuộc họp chi bộ tương tự.

Không lâu tương quan lực lượng trong nội bộ đảng cộng sản đã bắt đầu thay đổi. Rákosi và những người ủng ông ngày càng chiếm ưu thế.

Đầu tiên, ngày 24-11-1954 họ triệu các lãnh đạo của *Szabad Nép* ra trước Bộ Chính trị, và buộc tội họ với giọng gay gắt vì những việc đã xảy ra.[23] Sau đó trong các cuộc họp của Bộ Chính trị các sự kiện xảy ra ở *Szabad Nép* được nói đến nhiều lần. Trong cuộc họp ngày 1-12 với những lời nặng nề người ta lại lên án những người phát biểu ở cuộc họp chi bộ ấy.[24] Farkas Mihály khẳng định, cuộc họp chi bộ "đã

https://thuviensach.vn

phê phán lãnh đạo đảng theo cách không thể cho phép được, … hàng loạt quan điểm chống Marxist đã vang lên. Cuộc họp chi bộ của *Szabad Nép* đã tạo thành trào lưu: các cuộc họp chi bộ theo nghĩa tương tự đã diễn ra tại radio (đài phát thanh), ở toà soạn tờ *Szabad Ifjúság-Thanh niên Tự do*, ở Nhà xuất bản Szikra (Tia Lửa), ở các đại học tại Bupadest và Debrecen và … ở cả các nhà văn nữa."[25] Rákosi Mátyás tổng kết cuộc tranh luận. Ông bày tỏ sự sốt ruột của mình: "ở *Szabad Nép* các đồng chí chờ đợi cái gì?… trước tiên phải nắm báo chí và đài phát thanh bằng bàn tay cứng rắn và nếu cần, phải đưa ra các biện pháp tổ chức nữa… chúng ta hãy ra lệnh ngay cho tất cả các tờ báo rằng, phải chấm dứt sự lăng mạ chung quá khứ của đảng, chấm dứt việc lợi dụng vô độ phê bình…"[26]

(*) Đáng để tôi liệt kê những người đã phát biểu theo tinh thần phê phán, nổi loạn trong cuộc họp chi bộ, mà đoạn văn bản trên không nhắc đến: Almási István, Balázs Emil, Gallé Tibor, Gondos Ernő, Gyenes Jánosné, Jászai Ilona, Koroknai Zsuzsa, Kovács Erzsébet, Kövesi Endre, Mocsár Gábor, Nagy Sándor, Pásztor Mária, Szilvási Lajos, Takács Kálmán, Tardos Tibor và Vető József.

Họ cử hai chính trị viên xuống toà soạn để lập lại trật tự. Các lãnh đạo khác nhau của đảng lần lượt đến toà soạn, và "tẩn" các nhà báo. Họ muốn, đảng bộ toà soạn tuyên bố rút lại lập trường trước đó của mình. Nhưng họ đã không đạt được điều này. Việc đảng bộ nổi loạn kiên định lập trường của mình đã làm cho hội Rákosi điên tiết.

Trong thời kì này tôi muốn thoát khỏi trách nhiệm chỉ đạo chuyên mục kinh tế trong tình trạng này. May cho tôi là khoảng lúc đó đang trống chức "thư kí toà soạn", và tôi nhận chức này. Thư kí chỉ đạo các nhiệm vụ kĩ thuật và hành chính của việc lên khuôn tờ báo. Về hình thức đây là chức vụ cao hơn, nhưng người ta không trông đợi ở thư kí việc viết bài hay đưa ra các nhiệm vụ viết bài cho các cán bộ.

Trong khi đó tại các văn phòng của trung ương đảng đã bắt đầu chuẩn bị "các biện pháp tổ chức". Ngay tháng 12-1954 họ bắt đầu lên danh sách, phải đuổi những ai.[27] Tuy nhiên quyết định có hiệu lực chỉ được đưa ra, khi đã xảy ra bước ngoặt chính trị trong nội bộ đảng. Đầu tháng ba 1955 Ban chấp hành Trung ương đảng lại nhóm họp, và lần này đưa ra nghị quyết đúng là ngược lại 180 độ với nghi quyết vài tháng trước đó.[28] Nghiêm khắc lên án Nagy Imre như "kẻ thiên hữu",

https://thuviensach.vn

và khai trừ ông ra khỏi đảng. Trong khi với vài lời sáo rỗng coi nghị quyết tháng sáu 1953 vẫn có hiệu lực, nhưng trên thực tế nó đã bị rút lại từng điểm một, và đã lùa đảng vào đường lối chính trị cũ. Uy tín của Rákosi lúc đó đã bị tả tơi đến mức, họ đã không thể phục hồi được ưu thế tuyệt đối trước kia, nhưng giữa hai nhóm Rákosi và Nagy Imre cuộc chiến đã nghiêng hẳn về phía hội Rákosi.

Đầu tiên, ngay tháng 12-1954 họ đã đuổi Kende Péter khỏi toà soạn, trong thời gian họp chi bộ anh là bí thư đảng được uỷ nhiệm, và trong tư cách ấy anh chịu trách nhiệm hình thức về công việc của tổ chức đảng. Cùng lúc với anh họ đuổi hai nhà văn trẻ có tài, Kövesi Endre và Szilvási Lajos. Không rõ, vì sao người ta lại bực tức họ hơn, vì các phóng sự bóc trần của họ hay vì những phát biểu gay gắt của họ trong buổi họp chi bộ.

Bộ Chính trị đã thông qua nghị quyết theo đệ trình của Rákosi Mátyás,[29] theo đó người ta đuổi nhiều người lãnh đạo của nhóm nổi loạn, trong đó có tôi, khỏi toà soạn *Szabad Nép*.(*) Cần phải nói thêm rằng, việc đá chúng tôi ra xa hơn đã xảy ra theo kiểu "hậu Stalinist". Khi trước bị lỗi nhỏ hơn thế này cũng đã bị tù hay giam giữ, nhưng chí ít cũng để cho người bị đuổi khỏi cương vị có thể đi làm thợ phụ ở một công trình xây dựng. Trong trường hợp của chúng tôi, họ chỉ định việc làm mới cho tất cả chúng tôi. Họ cử Fehér Lajos làm giám đốc một nông trường quốc doanh, những người khác nhận được việc làm trong lĩnh vực báo chí, ở các tổ chức có uy tín thấp hơn nhiều và vào chức vụ thấp hơn nhiều so với trước quyết định kỉ luật. Tôi là người duy nhất, được phân sang lĩnh vực nghiên cứu.

(*) Nghị quyết của Bộ Chính trị quyết định đuổi những người sau: Fehér Lajos, Kornai János, Laky Teréz, Lénár Gábor, Méray Tibor, Novobáczky Sándor và Patkó Imre. Teri không phát biểu ở buổi họp chi bộ. Rõ ràng người đuổi cô khỏi tờ báo, bởi vì cô là vợ tôi. Lúc này Lőcsei Pál đang là học sinh của một trường đảng, Học Viện Lenin. Vì thế - vì các lí do hình thức- họ không thể đuổi khỏi *Szabad Nép*.

Trước khi họ quyết định về chuyển công tác, họ còn bắt chúng tôi trải qua một quá trình làm nhục. Họ làm rõ với chúng tôi rằng, sự chỉ định nơi công tác mới phụ thuộc vào việc chúng tôi có tự kiểm điểm hay không. Đối với những người cộng sản cũ di cư ở Moskva trở về thì đây là thủ tục thường lệ, việc phải làm không do dự và không cần rứt

https://thuviensach.vn

lương tâm, bất kể bao nhiêu lần khi người ta bảo họ làm. Đối với tôi đây là kinh nghiệm mới - nhục nhã và đáng hổ thẹn kinh khủng. Những lời giả dối cưỡng bách đến miệng tôi. Tôi là nạn nhân, nhưng cũng chịu sự thất bại đạo đức. Sau con đường nghiên cứu thành công năm mươi năm nhìn lại tôi có thể làm yên lòng mình: đáng nói vài câu đó, nếu đấy là cái giá để tôi có thể bước sang con đường nghiên cứu. Song liệu có chỗ tính toán "chi phí-lợi ích" loại nào đấy cho sự tiến thoái lưỡng nan như vậy hay không?

Sự thất bại của "chương trình chính phủ tháng sáu", sự sụp đổ cá nhân của Nagy Imre và sự trừng trị chống lại chúng tôi đã không đến với chúng tôi một cách bất ngờ. Chúng tôi đã tính rõ ràng với rủi ro thất bại, trước khi chúng tôi đứng ra ủng hộ "giai đoạn mới". Thậm chí, như tôi vừa cho biết, chúng tôi cũng đảm nhận mối hiểm nguy của sự kết thúc tồi hơn thế, của sự trừng trị tàn nhẫn hơn thế. Khi đó mới chỉ có hai năm trôi qua từ cái chết của Stalin. Chẳng ai có thể thấy trước, cái gì còn lại và cái gì chấm dứt hay bớt đi trong số những sự tàn ác của thời kì Stalin. Tuy không làm chúng tôi đột ngột, nhưng các sự kiện vẫn ghê tởm đến kinh người.

Quyết định kỉ luật của đảng - nếu tôi phải tóm gọn phản ứng của mình bằng một từ duy nhất– đã tạo ra cảm giác ghê tởm trong tôi. Vỡ mộng sâu sắc, cay đắng, kinh sợ -tôi có thể đặc trưng như vậy trạng thái tinh thần của riêng tôi trong những tháng này. Niềm tin mù quáng trước kia đã tan biết một cách dứt khoát. Bây giờ tôi nhìn cái gì xảy ra với con mắt mở to. Sự nói láo đến buồn nôn, sự vu cáo đê tiện, lập luận giả nhân giả nghĩa, sự lợi dụng ranh ma các tin tức thật và giả của bọn chỉđiểm, sự hăm doạ và cưỡng đoạt, sự hành hạ tinh thần và sự làm nhục đối thủ -đấy là các công cụ "bình thường" của các cuộc tranh giành bè lũ trong nội bộ đảng cộng sản. Đảng kiểu quái gì mà cơ quan cao nhất của nó, Ban Chấp hành Trung ương lại gió chiều nào ngả theo chiều ấy; khi thì thông qua một chính sách có những nét mạnh mẽ, lúc lại bác bỏ và lên án gay gắt cũng chính sách ấy? Tôi cảm thấy, tôi muốn đứng xa sự bẩn thỉu nhơ nhuốc này càng xa càng tốt. Tôi đã nhận ra: có thể cần là, trong nội bộ đảng cộng sản hãy có những người vì sự nghiệp chính nghĩa đứng lên đấu tranh chống lại các đại diện của sự nghiệp độc ác. Tuy nhiên tôi không muốn đảm nhận vai trò như vậy nữa.

https://thuviensach.vn

Quá trình tiêu huỷ của thời kì 1953-1955 đi cùng với việc, sự tự tin của tôi bị lung lay một cách nghiêm trọng. Tôi không có quyền xây dựng trên khả năng phán xét chính trị của riêng mình, nếu đã có thể lừa dối một cách ô nhục đến như vậy. Tôi đặt đầu óc lành lặn và khả năng phê phán của mình ở đâu, nếu người ta đã có thể dắt mũi tôi qua nhiều năm trời như một thằng khờ? Đầu tiên cảm giác chỉ hình thành một cách tự phát, nhưng sau đó từng bước một trở thành quyết định có ý thức: kể từ bây giờ chẳng bao giờ tôi sẽ tin bất cứ ai vô điều kiện và không có sự nghi ngờ. Đối với bất cứ khẳng định tinh thần hay chính trị nào phản ứng đầu tiên của tôi sẽ là: liệu có đúng hay không? Liệu lí lẽ, mà người ta đưa ra để đặt cơ sở cho một kiến nghị hay một chương trình nào đấy, có đứng vững hay không? Liệu đằng sau nó có ẩn giấu ý định quỉ quyệt nào không?

Sau nhiều năm tôi đã tự nguyện đặt mình dưới kỉ luật mù quáng, tôi đã quyết định: không bao giờ tôi sẽ là người lính của đảng nữa.

Sau chín năm tôi rời toà soạn *Szabad Nép*. Tôi đã quay lại một đêm duy nhất tháng 11-1956 (tôi còn kể về việc này), nhưng trừ dịp ngoại lệ đó ra suốt hàng thập niên tôi đã chẳng bao giờ bước qua cổng của trụ sở ở quảng trường Blaha Lujza. Vài năm trước ban biên tập của nhiều tờ báo cực hữu đã hoạt động ở đó. Bây giờ nó đứng trống không, trong trạng thái tàn tạ. Mới đây, trong khi viết hồi kí tôi đã mò tới để làm vài kiểu ảnh, bởi vì có tin rằng họ sẽ mau chóng phá dỡ nó.

https://thuviensach.vn

1955- 23-10-1956

SỰ TẬP TRUNG QUÁ MỨC CỦA CHỈ ĐẠO KINH TẾ

Tháng sáu 1955 tôi bắt đầu công việc của mình tại Viện Khoa học Kinh tế của Viện Hàn lâm Khoa học Hungary. Với việc này một thời đại mới bắt đầu trong đời tôi; kể từ đây nghiên cứu khoa học trở thành nghiệp của tôi.

Sự xuất phát và các bước đầu tiên của tôi trên con đường mới đã được thực hiện không phải trong hoàn cảnh lịch sử bình thường, mà giữa các sự kiện đặc biệt. Có thể thấy trong đời sống chính trị, nhưng còn lớn hơn là sự căng thẳng và sôi sục ẩn giấu dưới bề mặt ngày càng lớn lên, và cuối cùng đã dẫn đến sự bùng nổ của cách mạng tháng mười 1956.

Tiền đề

Đầu các năm 1950 người ta bắt đầu dưa vào hệ thống học vị khoa học theo hình mẫu Soviet. Cấp đầu tiên là "phó tiến sĩ" của khoa học tương ứng với lĩnh vực nghiên cứu chuyên môn nào đó (như khoa học y học hay khoa học kinh tế). Học vị phó tiến sĩ thường được coi là tương đương với học vị PhD ở Mĩ hay Tây Âu. Người ta đạt học vị này trong khoảng tuổi tương đương, cơ sở của việc phong trong cả hai hệ thống là một công trình độc lập dày cỡ một cuốn sách.(*)

Tháng tám 1953 tôi đăng kí làm nghiên cứu sinh, và tháng mười hai cùng năm họ thông báo rằng, tôi được tiếp nhận. Yêu cầu chung lúc đó là bằng đại học, cũng giống như thanh niên phương Tây khi đăng kí theo chương trình PhD của đại học thì phải có bằng B.A. (cử nhân), tức là phải có bằng đại học cấp dưới. Tôi đã không có bằng đại học. Ngay 1945 tôi đã đăng kí vào đại học khoa học Bupapest, làm sinh viên khoa văn. Tôi ghi tên chủ yếu vào các khoá triết học và lịch sử. Khi đó vẫn tồn tại một thời gian các học sinh "việt dã", những người không lên lớp học, nhưng cuối năm bảo giáo sư kí học bạ cho mình, còn các môn thi thì hoãn lại. Tôi cũng làm việc này hai năm, rồi khi lĩnh vực công tác của tôi ở *Szabad Nép* chiếm hết mọi năng lực của tôi – tôi đã từ bỏ suy nghĩ là, sẽ hoàn thành đại học một cách đúng lệ. Khi tôi đăng kí làm nghiên cứu sinh, trong trường hợp của tôi họ bỏ qua yêu cầu có bằng đại học. Đã chẳng có ai can thiệp giúp tôi, nhưng

https://thuviensach.vn

tôi giả thiết rằng, khi họ quyết định nhận tôi làm nghiên cứu sinh, họ đã cân nhắc đến chức vụ cao của tôi. Cuối cùng năm 1956 tôi đã nhận được học vị phó tiến sĩ tương đương với PhD, mà thiếu mất bằng đại học trước nó.

(*) Nếu không xét đến nội dung của các khoa học (thí dụ trong toán học hay vật lí học chúng ta có thể yên tâm tách riêng cái này), sự khác biệt căn bản giữa hai loại học vị là về những đòi hỏi học tập trước khi nộp luận văn. Ứng viên PhD (nghiên cứu sinh) ở Mĩ được đào tạo rất tập trung và ở trình độ cao ít nhất hai năm, tham gia nhiều khoá học, qua nhiều cuộc thi, làm quen với nhiều giáo sư. Ngược lại nghiên cứu sinh phó tiến sĩ không tham gia đào tạo riêng sau khi đã hoàn thành học tập đại học trước đó. Chỉ phải qua vài môn thi, mà có thể chuẩn bị tự học thi- và tất nhiên phải nộp luận án, và phải bảo vệ luận án công khai.

Cần phải nhấn mạnh thêm một sự khác biệt quan trọng. Trong thế giới phươngTây học vị PhD là do các đại học phong, trong khi ở hệ thống học vị kiểu Soviet học vị phó tiến sĩ và các học vị cao hơn sau học vị này do viện hàn lâm khoa học, hay do tổ chức gắn với viện hàn lâm (như Uỷ ban Đánh giá Khoa học ở Hungary) phong.

Giáo sư Nagy Tamás là thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh của tôi, ông ở vị trí thứ hai sau chức hiệu trưởng, nhưng về uy tín chuyên môn và phạm vi lãnh đạo thực sự ông là người thứ nhất của Trường Đại học Khoa học Kinh tế Karl Marx. Ông là người dịch *Tư bản luận* sang tiếng Hung, trưởng bộ môn kinh tế chính trị học của trường. Ông là nhà kinh tế học có trình độ (và không chỉ có trình độ về chủ nghĩa Marx). Nghe các bài giảng, các bài tổng kết tranh luận của ông thật thích thú, bởi vì ông suy nghĩ và diễn đạt khúc chiết và rõ ràng chính xác. Ông không phải là nhà bác học sáng tạo, ông không để lại các tác phẩm còn lưu truyền mãi, nhưng cùng với nhiều nhà kinh tế khác tôi cũng nhớ lại ông với lòng biết ơn vì sự nâng đỡ và động viên mà tôi nhận được từ ông.

Nagy Tamás hoàn toàn để tôi tự do về chuyện, tôi quan tâm đến cái gì. Tôi quan tâm đến các vấn đề lập kế hoạch và chỉ đạo kinh tế, nhưng khi đó tôi vẫn chưa biết diễn đạt, chính xác là tôi nghiên cứu cái gì và thế nào.

https://thuviensach.vn

Các kì thi bắt buộc đối với nghiên cứu sinh tôi hoàn thành nhanh và không khó khăn gì. Tôi đã là "nghiên cứu sinh hàm thụ", người học trong thời gian rỗi của mình *bên cạnh* việc làm chính. Cũng có các nghiên cứu sinh có "học bổng", người mà việc học và viết luận văn chiếm toàn bộ ngày làm việc. Những người khác làm việc ở viện nghiên cứu khoa học hay ở trường đại học và hoạt động này của họ gắn với công việc được tiến hành để đạt học vị phó tiến sĩ. Khoảng 1952-1953 hai lần tôi đã yêu cầu các thượng cấp của mình, cho phép tôi rời khỏi *Szabad Nép*, bởi vì tôi thích trở thành nhà nghiên cứu hơn. Yêu cầu của tôi bị họ bác bỏ kịch liệt, không do dự, bảo rằng: "Đảng cần cậu ở đây, ở *Szabad Nép*." Tôi chấp nhận chỉ thị một cách có kỉ luật.

Vì sao tôi muốn đổi nghề? Khi đó vẫn chưa hề có lí do chính trị, rằng tôi muốn đứng xa cái bếp phù thuỷ của sự làm chính trị. Đúng hơn động cơ thúc đẩy là, tôi bắt đầu chán cái cối xay dẫm đạp của tờ nhật báo, tôi đã ngán tận cổ tính nông cạn và hấp tấp của việc viết báo. Tôi ít biết, nghề nghiên cứu có nghĩa là gì, nhưng nó hấp dẫn tôi. Một tín hiệu bộc lộ: tuy không thuộc lĩnh vực công tác của tôi, nhưng dù sao tôi vẫn nhiều lần tự nguyện xung phong đi đưa tin về sự thành lập Hội đồng Khoa học và về các sự kiện khác của đời sống viện hàn lâm. Tôi đã chẳng hề có khái niệm gì về chuyện, ở hậu trường "sự cào bằng" của khoa học xảy ra một cách khốc liệt đến thế nào. Cái duy nhất giải thích những chuyện rẽđi tiêu khiển này là, thế giới khoa học hấp dẫn tôi.

Một hai năm trôi qua kể từ khi họ từ chối những yêu cầu của tôi. Các cơn bão quanh sự nổi loạn ở *Szabad Nép* đã xảy ra, khi một lần Gimes Miklós bảo tôi: "Chính trị không hợp với cậu. Tốt hơn cậu hãy đi làm nhà nghiên cứu, việc ấy phù hợp với cậu hơn." Mà địa điểm cũng ở trước mặt tôi, nơi anh cho tôi lời khuyên ấy, cả hai chúng tôi đứng trước thang máy nhiều khoang chuyển động liên tục, sau một hội nghị dày vò.

Tự nguyện, theo yêu cầu riêng của mình tôi đã không thể bỏ việc làm của mình, và tôi không thể thay đổi được nghề. Nhưng khi người ta đuổi tôi cùng những người khác khỏi nơi làm việc của mình, có cơ hội để thay đổi nghề nghiệp. Tôi đã chớp lấy cơ hội. Viện khoa học Kinh tế vừa mới được hình thành, mà Friss István trở thành lãnh đạo của viện, người trước đây đã ra các chỉ thị cho tôi với tư cách trưởng

https://thuviensach.vn

ban kinh tế nhà nước của trung ương đảng, và ông biết kĩ tôi từ nhiều năm nay. Tôi yêu cầu người ta chấp nhận tôi về viện ông.

Sự nghiệp ở viện của tôi bắt đầu bằng việc, người ta hạ cấp tôi một cách khá ngoạn mục. Sau khi mất vị trí cao ở toà soạn, tôi nhận được vị trí thấp nhất có thể ở viện: "cộng tác viên phụ". Tôi nhận được 40% tiền công ban biên tập trước đây của mình như lương ở đây.(*)Trước kia phòng làm việc của tôi lớn và đẹp, bây giờ tôi được phân vào phòng, nơi ba chúng tôi ngồi.

Ngược lại, đúnglà các bạn cùng phòng tôi là những người thông minh, quan tâm và thực sự thân ái với tôi, Erdős Péter và Hoch Róbert. Khi ngồi cùng họ trong một phòng, đã không dễ tập trung vào công việc, bởi vì trong các tháng đặc biệt, hồi hộp này họ thích nói chuyện hơn.

Các xung lực tinh thần

Tôi đã có nhiều cuộc nói chuyện lí thú và thức tỉnh tư duy không chỉ với các bạn cùng phòng, mà với các đồng nghiệp khác trong viện nữa. Đầu 1956 viện chuyển về số 7 phố Nádor, vào toà nhà tân cổ điển, đẹp, do kiến trúc sư Ybl thiết kế, nơi bây giờ là các văn phòng của Viện Hàn lâm. Ban của Nagy Támás, nơi tôi cũng thuộc về, nhận được các phòng trên tầng hai. Máriás Antal làm việc ở đây, mà bài báo viết cùng Liska Tibor[30] về hiệu quả ngoại thương đã làm cho anh nổi tiếng từ trẻ, và muộn anh lãnh đạo bộ môn chính trị kinh tế học của đại học. Ngồi ở phòng bên cạnh phòng tôi là Csendes Béla, và vài phòng xa hơn là Vági Ference, khi đó là các nhà kinh tế nông nghiệp mới vào nghề. Muộn hơn Béla trở thành phó chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Feri thì thành trưởng bộ môn kinh tế nông nghiệp của đại học. Giữa chúng tôi có Ngay András, người sau các khúc quanh tồn tại lớn đã đến với viện: anh đã giữ các chức vụ cao trong phong trào thanh niên, đã dạy chính trị kinh tế học, rồi sau vụ án Rajk bỗng nhiên người ta hạ cấp anh xuống làm thợ phụ xây dựng, rồi trong thời giai đoạn mới anh lại có thể quay về con đường trí óc. Hoch Róbert, Ausch Sándor, Molnár Ference, Bródy András – tôi có thể tiếp tục danh sách những người nổi tiếng đối với những ai theo dõi sự phát triển của khoa học kinh tế Hungary trong các thập niên tiếp theo.

"Bãi cỏ- Gyepsor"-chúng tôi gọi một hành lang của viện, chính xác hơn là nhóm các nhà nghiên cứu trẻ làm việc ở đó, như vậy.(**)Xét về

https://thuviensach.vn

thành phần, đây là một nhóm rất hỗn tạp theo quan điểm nhất định. Có người mà gốc rễ gắn với thôn quê, người khác với thành phố. Một số người trước đây cũng đã thực hiện công việc giảng dạy-học thuật, những người khác sau khi thay đổi nghề đột ngột trở thành các nhà nghiên cứu. Tuy thế, chúng tôi vẫn giống nhau về nhiều thứ. Tất cả chúng tôi đều vỡ mộng về biến thể Stalin-Rákosi của chế độ cộng sản, và muốn thấy một chủ nghĩa xã hội mang tính người hơn và đồng thời hiệu quả hơn. Tất cả chúng tôi đều đã chán ghét các sơ đồ lạnh lẽo và rỗng tuếch của chính trị kinh tế học trước đây và muốn nghiên cứu *thực tế*. Chẳng ai trong chúng tôi, xét theo nghĩa phương Tây ngày nay, đã là nhà kinh tế học được chuẩn bị. Nếu chúng tôi không học nhiều kinh tế học từ nhau, các báo cáo chân thành về những kinh nghiệm và các cuộc tranh luận chính trị dựa trên ý định tử tế, tôn trọng lẫn nhau đã gây cảm hứng cho tất cả mọi người. Chúng tôi nói đùa với nhau, nói khích nhau nhiều-đã có một không khí thân mật, mà ở nhiều cộng đồng tôi đã chẳng thấy kể từ khi đó.

(*)Để bổ sung cho lương tôi viết vài điểm sách và tạp chí để có nhuận bút. Điều chứng tỏ các biên tập viên đã sẵn sàng giúp đỡ là, họđã công bố các bài viết của tôi-nhưng tôi chỉ có thể công bố không có tên hay mang tên giả.

(**) Người ta gọi khu ở của những người nghèo nhất trong làng ở Hungary trước chiến tranh là "Gyepsor". Veres Péter viết về nó như thế này trong bài *Ebéd a gyepsoron (bữa trưa ở gyepsor)*: "Gyepsor ở rìa làng. Phía trước là đồng ruộng, mà thay cho đồng ruộng là phân ngỗng, phân lợn và phân bò. Những đống phân này tất nhiên chỉ đến khi chúng khô đi, bởi vì khi khô thì dân cư của gyepsor nhặt chúng để đun." (Veres 1997 [1939], tr. 32). Tôi lấy trích dẫn từ tiểu luận của Péteri György (1998, tr. 198-205). Péteri mô tả rất hay tiểu sử của các thành viên "Gyepsor" ở phố Nádor và cuộc sống của nhóm dựa vào nhiều thông tin lí thú và đáng rút ra bài học.

Hai người, những người đã có tác động mạnh nhất trong hình thành tư duy kinh tế của tôi trong thời kì này, lại không là các cán bộ của viện.

Trước kia tôi đã biết, nhưng khi đó tôi đến gần Péter György, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Trung ương. Kende Péter giúp chúng tôi gặp nhau. Lúc đầu nhiều lần ba người chúng tôi gặp nhau, muộn

https://thuviensach.vn

hơn tuy vậy trò chuyện thân mật tay đôi đã trở thành hình thức thường xuyên của các cuộc gặp gỡ của chúng tôi. Một-hai lần ông đến nhà chúng tôi thăm, nhưng đa phần tôi đến nhà ở đẹp và sang của ông. Vợ ông, Péter (Pikler) Emmi, nhà sư phạm tâm lí trẻ em nổi tiếng mang cà phê vào, nói chuyện với chúng tôi vài lời, rồi để chúng tôi trao đổi không có hồi kết.

Péter György hơn tôi 25 tuổi. Ông thuộc lớp những người cộng sản cũ, người ngoài những thứ khác đã tạo cho mình danh tiếng trong các giới của đảng bằng sự thực là, sau Rákosi Mátyás và Vas Zoltán ông đã ở trong nhà tù của chế độ Horthy lâu nhất, mười năm. Hegedűs András, người muộn hơn trở thành phó của ông ở Tổng cục Thống kê Trung ương, đã gọi ông rất đúng là "bolshevik grand-segneur" [Đại chúa tể bolshevik].[31] Từ giữa nhiều quan chức đảng vô vị, ông chói sáng với nhân cách sinh động, với tính tế nhị, với tính rộng lượng, với tính châm biếm của ông.

Sau một-hai cuộc gặp gỡ, khi ông cảm thấy rằng, có thể tin được tôi, ông nói ra những suy nghĩ kinh tế của mình. Thị trường và chỉ thị trường là cơ chế tuyệt vời, có khả năng kết hợp cầu và cung. So với cơ chế thị trường kế hoạch là công cụ rất thô và cứng nhắc. Để thị trường hoạt động, phải giải phóng các giá khỏi những ràng buộc của chúng.

Cầu, cung, giá cả tự do, thị trường, tính hiệu quả-toàn là các khái niệm, mà một sinh viên kinh tế ở bất kì đại học phương tây nào được làm quen ngay ở các giờ giảng đầu tiên của khoá học kinh tế vi mô dành cho những người mới bắt đầu. Péter György đưa ra các quan niệm, mà trong thế giới khác là tầm thường, nhưng đối với tôi hầu như mới một cách cách mạng.

Péter György khi còn ở trong tù đã nhận được một trong các sách giáo khoa của giáo sư kinh tế nổi tiếng nhất của nền giáo dục đại học Budapest khi đó, Heller Farkas.[32] Ông có trình độ toán đại học, song từ sách giáo khoa của Heller ông đã học, như người tự học, cơ sở của kinh tế học "tư sản" (hiểu là: phi Marxist). Sau này ông không đào tạo mình thêm về môn này, song ấn tượng tinh thần thời trẻ đã có ảnh hưởng suốt đời đối với ông.

Cái ông hấp thụ vào mình về lí thuyết từ Heller, được những kinh nghiệm của cá nhân ông củng cố. Ông thường xuyên tham dự các cuộc họp Uỷ ban Thống kê châu Âu của Liên Hiệp Quốc tại Geneve. Ông

https://thuviensach.vn

kể cho tôi nhiều lần, Thuỵ Sĩ, đất nước của sự dồi dào và giàu có được củng cố và ổn định đã cho ông ấn tượng thế nào, và ông đối sánh với sự nghèo túng và thiếu thốn có thể thấy ở nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa khác. (Péter György, sau Gimes Miklós, là người thứ hai trong số những người bạn thân của tôi, thực sự bị ấn tượng Thuỵ Sĩ gây sốc). Trong mắt ông sự sang trọng, sự dồi dào không thể tin nổi của hàng hoá, sự lịch sự của những người bán hàng của đường Bahnhofstrasse ở Zürich là bằng chứng có thể sờ bằng tay của tính hiệu quả của thị trường.

Péter György đã không nghĩ về "thay đổi chế độ" theo nghĩa, mà ngày nay chúng ta sử dụng khái niệm này. Ông đã tin rằng, ông vẫn có thể là người cộng sản, trong khi bác bỏ nền kinh tế chỉ huy tập trung, và thay vào đó giao cho thị trường điều phối.

Đầu tiên ông chỉ kể những quan niệm của mình trong các buổi trò chuyện cẩn mật. Muộn hơn, năm 1954-1955 ông công bố hai bài báo, trong đó ông phác hoạ, rồi bảo vệ các quan niệm cải cách của mình đối lại những phê phán.[33] Bản thảo của các bài báo này được ông thảo luận trước với một vài cộng sự thân tín nhất của ông và một vài người bạn ngoài cơ quan ông, trong đó có cả tôi. Với những nhận xét của mình, bằng thảo vài đoạn, tôi đã cố gắng đóng góp vào phiên bản cuối cùng của các bài báo, đặc biệt là của tiểu luận thứ hai. Tôi nghĩ, những người khác cũng cho ông các sáng kiến, sự giúp đỡ. Nhưng bản thân ý tưởng cơ bản chắc chắn là nảy sinh từ ông.(*)

Sự kính trọng hầu như hoang đường đối với thị trường, được trình bày trong những lời nói và bài viết của Péter György, hoàn toàn xa lạ với chính trị kinh tế học Marxist. Một trong những cột trụ của toà kết cấu tư duy Marxian là, thị trường đẻ ra vô chính phủ. Sự tiến bộ kinh tế đòi hỏi rằng, loài người hãy thoát khỏi sự vô chính phủ do thị trường gây ra và cuối cùng tạo ra trật tự thay vào đó. Khi Péter György (và cuốn sách của Heller Farkas do ông giới thiệu) đã dạy tôi nhận ra các giá trị của thị trường, bằng cách đó đã giúp tôi nhiều trong đoạn tuyệt với chủ nghĩa Marx.

Với Péter György ngoài quan hệ trí tuệ chúng tôi kết bạn chân tình. Khi có thể, ông đã cố giúp tôi.[34]

Ông đã là cái gai trong mắt các lực lượng bảo thủ vì những nhận xét phê phán, các ý tưởng kinh tế chống đối của ông. Năm 1969 với

https://thuviensach.vn

cái cớ bịa đặt, công an tiến hành điều tra chống lại ông. Không phải ông bị quản thúc tại nhà, mà ở bệnh viện. Con dao đâm vào tim đã kết thúc đời ông. Có khả năng ông đã tự tử; có lẽ ông không thể chịu được ý nghĩ về những sự làm nhục sắp tới. Cũng không thể loại trừ là, người ta đã giết ông.(**)

Hãy quay lại 1955-1956. Trong tái hình thành tư duy kinh tế của tôi cuộc đối thoại sâu rộng, mà tôi trao đổi với bạn thân nhất của mình, Kende Péter, đóng vai trò cực kì quan trọng. Như tôi đã kể lại ở chương 2, chúng tôi cùng bước vào đế chế chủ nghĩa Marx, khi chúng tôi đọc và ghi chép với độ chính xác tỉ mỉ *Tư bản luận*. Việc sau làm cho câu chuyện trở nên trọn vẹn, bây giờ chúng tôi cùng nhau ra khỏi đế chế này (đúng, khi đó vẫn là cuộc vượt biên bị cấm). Chúng tôi đã chuyện trò rất nhiều, rồi Kende bắt đầu viết cái, anh nghĩ về chủ nghĩa Marx. "Những ghi chép phê phán đối với các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Marx"- đấy là đầu đề của một tiểu luận 72 trang.[35] May là Péter mang theo mình một bản khi di tản. Đọc với con mắt ngày nay, nó cũng là một tác phẩm xuất sắc: sự tươi trẻ của tư duy, tinh thần phê phán sắc sảo và sâu sắc toả ra từ nó.

(*) Sự giống nhau của hệ thống tư tưởng của Péter György với "chủ nghĩa xã hội thị trường" kiểu Lange là dễ nhận thấy. Tôi hoàn toàn tin chắc rằng, Péter – cũng giống như Kardelj và các tác giả Nam Tư khác được nhắc tới ở chương đầu-đã *không* biết đến công trình của Lange. Ởđây chúng ta đối mặt với trường hợp điển hình của "sự phát minh lại" được thực hiện bởi người tự học.

(**) Luật sư Nyiri Sándor (1994, tr. 45-47) đã có bài trình bày về thủ tục hình sự chống lại Péter György trong hội nghị được tổ chức năm 1994 để tôn vinh nhà kinh tế cải cách lớn. Từ báo cáo này tỏ ra là, trong khám nghiệm tử thi sau cái chết của ông người ta đã phạm những sai lầm nghiêm trọng. Họđã di chuyển xác chết, nhiều chi tiết không được ghi vào biên bản, v.v. Vì thế về sau không thể xác định rõ ràng nguyên nhân của cái chết.

Bản thân tôi cũng viết một tiểu luận – theo tôi nhớ khoảng 100 trang-với hai mục đích. Một mặt tôi phản ứng lại bài viết của Kende Péter. (Bởi vì tất cả được làm bí mật, tôi không thể dẫn chiếu đến tên anh, mà tôi nhắc đến anh như W). Ở vài điểm tôi tranh luận với bài viết của anh, nhưng quan trọng hơn việc này là, một cách tán thành tôi

https://thuviensach.vn

chua thêm về chính trị kinh tế học Marxian vào các ý tưởng do anh trình bày. Mặt khác, trong tiểu luận được che dấu khỏi công luận này tôi muốn nói cái về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà trong luận văn phó tiến sĩ công khai tôi không thể công bố được. Trước hết cho bản thân tôi, cũng như cho các bạn tinh thần thân thiết nhất của tôi, trong tiểu luận này tôi muốn làm rõ cơ sở lí thuyết của cuốn sách (luận văn) đang chuẩn bị.

Đáng buồn là, bản thảo của tôi được làm thành vài bản đã bị mất. Một dấu vết duy nhất của nó bằng văn bản vẫn còn. Sự mỉa mai của số phận là, dấu vết này chính lại có thể thấy ở kho lưu trữ của công an chính trị. Fekete Sándor, người bị bắt năm 1958, trong tự khai bằng văn bản do chính tay anh viết trong quá trình hỏi cung đã phân tích đặc điểm của tôi chi tiết trong 11 điểm. Trong điểm 2 anh kể lại tác phẩm chung của tôi với Kende, và nhắc đến tiểu luận "đã đánh đổ các nguyên lí cơ bản của *Tư bản luận* của Marx". Trong bản tự khai Fekete đã đặt phân tích đặc điểm này về tiểu luận một cách mỉa mai trong dấu ngoặc kép, rồi tiếp tục như sau:[36] "Về công trình này trước đó tôi biết từ Gimes, anh rất khen tiểu luận, rồi cuối 1956 Kornai cũng cho tôi xem bài viết. Tiểu luận cố gắng chứng minh rằng, điểm xuất phát của *Tư bản luận*, lí thuyết giá trị là sai."(*)

Khi chúng tôi đạt đến điểm này trong việc từ bỏ chủ nghĩa Marx, chúng tôi biết rất ít về các lí thuyết kình địch. Đã không xảy ra trong chúng tôi là, vứt bỏ một lí thuyết chúng tôi chạy sang một lí thuyết khác. Như nam tước Münchhausen, chúng tôi tự túm tóc mình để kéo chúng tôi khỏi đầm lầy tư duy của chủ nghĩa Marx. Trong bài viết năm 1955 của Kende Péter tôi có thể theo vết để thấy rằng, anh vẫn dùng ngôn ngữ Marxian (giá trị đối lại giá trị sử dụng) để phê phán nội dung tư tưởng của Marx. Chúng tôi đã cố gắng xác định, vì sao chúng tôi vất bỏ chính trị kinh tế học Marxian, và chúng tôi mong đợi gì ở một lí thuyết kinh tế học khoa học thực sự.

Từ bỏ chính trị kinh tế học Marxian

Ở trên tôi đã nhấn mạnh nhiều lần, đối thoại bằng lời và bằng văn viết với Kende Péter đã đóng vai trò lớn thế nào trong hình thành các ý tưởng của tôi. Về cơ bản các quan điểm kinh tế và chính trị của chúng tôi được tái hình thành mới song song với nhau. Thế mà bây giờ tôi lại quay về cách diễn đạt theo ngôi thứ nhất số ít. Không dễ đối với tôi

https://thuviensach.vn

việc tái hiện lại, tôi ở đâu vào các năm 1955-1956 trong sự sắp xếp lại tình cảm và trí thức kéo dài nhiều năm trời này, khi tôi bắt đầu con đường nghiên cứu – và để tôi tránh nguy cơ tôi đặt sớm hơn các cảm giác và ý tưởng, mà chỉ muộn hơn mới chín muồi trong tôi. Nếu việc này tôi khó giải quyết liên quan đến câu chuyện của bản thân mình, thì dứt khoát tôi không thể làm việc ấy liên quan đến bất cứ ai khác, ngay cho dù đó là người bạn thân thiết đến vậy, như Kende.

(*) Trong điểm 5 của bản tự khai cung này Fekete đã kể lại rằng, mùa xuân năm 1957 anh đã cho tôi xem tiểu luận *Hungaricus* của anh, trong đó (và bây giờ tôi trích lời khai) "giữa những thứ khác cũng có nhận xét chống lại anh ta về 'các chàng titan trẻ khổng lồ đánh đổ Marx'. Kornai-trong cuộc nói chuyện ở nhà tôi- đã không chấp nhận luận điểm của *Hungaricus* rằng, lí thuyết giá trị thặng dư và chủ nghĩa duy vật lịch sử Marxian cũng là phần chính xác của khoa học nói chung, như các định luật thiên văn học của Kepler chẳng hạn. Còn dứt khoát hơn, như trước đó, anh ta đã cho là, chính trị kinh tế học Marxist cũng sai ngay từ các điểm xuất phát của nó." Cảm giác thật đặc biệt ngày nay, năm 2004, đọc thấy: phê phán học thuyết giá trị thặng dư Marxian đã trở thành vụ của công an như thế nào trong nhà tù của chế độ áp bức. Tôi sẽ còn quay lại lời khai được trích ở đây của Fekete Sándor trong chương tiếp.

Đã có vô số phê phán về các học thuyết của Marx. Số các tác phẩm phê phán Marx với sự phân tích sâu sắc và khách quan khoa học thì ít hơn nhiều, nhưng đáng kể.(*)Thực ra tôi không có mấy để thêm vào các ý tưởng ấy. Những giải thích tiếp theo ở đây không được đưa ra với nhu cầu rằng, bằng vài câu chúng phủ định chủ nghĩa Marx. Nhưng cái trong các nhận xét của tôi vẫn có thể đáng rút ra bài học, không chủ yếu là nội dung phê phán, mà đúng hơn là sự mô tả quá trình vỡ mộng, sự nối tiếp nhau của sự vỡ mộng. Trong trường hợp độc nhất của tôi, cấu trúc logic của sự từ bỏ chủ nghĩa Marx là gì?

Tôi đã kể lại rồi ở chương 4, rằng sự thay đổi tư tưởng của tôi không bắt đầu trên bình diện duy lí, mà trên bình diện siêu duy lí. *Niềm tin* cộng sản của tôi bị lung lay, khi tôi ngỡ ngàng nhận thấy sự dối trá và tàn bạo bao quanh tôi. Nền tảng đạo đức của thế giới quan của tôi sụp đổ.

https://thuviensach.vn

Dùng sự tương tự địa chất học, nếu đây là tầng sâu nhất, thì trên nó là nền tảng *nhận thức học* của chủ nghĩa Marx. Chủ nghĩa Marx công bố về mình là học thuyết của chủ nghĩa xã hội *khoa học*. Nó tách mình khỏi các khuynh hướng phi khoa học khác nhau của các quan điểm xã hội chủ nghĩa, lên án chúng là ấu trĩ và không tưởng. Theo khẳng định của riêng nó thì chủ nghĩa Marx và chỉ có chủ nghĩa Marx mới cung cấp phương pháp luận khoa học của nghiên cứu xã hội và của khối tri thức.

Tôi từ bỏ chủ nghĩa Marx, bởi vì tôi tin chắc rằng, chính ở khía cạnh này chủ nghĩa Marx không có cơ sở. Tôi biết rõ là, bây giờ khi tôi bắt đầu những giải thích về lí luận khoa học và phương pháp luận, tôi bước vào mảnh đất không chắc chắn. Trong giới các triết gia nghiên cứu đề tài này cũng không có sự thống nhất về, vì sao một khẳng định là "có tính khoa học", thậm chí cũng chẳng thống nhất về việc, khi nào tính đúng đắn của một khẳng định được coi là đã được chứng minh. Nhưng không thể là mục đích của một tiểu sử tinh thần để thử giải quyết các tranh cãi này. Tôi chỉ cố trình bày câu chuyện cá nhân của tôi thôi.

Trong mắt tôi đến 1955 tính khép kín và kết cấu logic rõ ràng của toà kết cấu tư duy Marxian đã là lập luận đủ để cho nó không chỉ là khép kín và có logic, mà cũng *đúng* nữa. Một cách thất vọng và nghi ngờ khi tôi bắt đầu xét lại sự tin tưởng lí thuyết trước đây trong bản thân mình, tôi bắt đầu áp dụng ngày càng nhất quyết hơn một tiêu chuẩn khác: đối sánh lí thuyết với thực tế. Chính cảm xúc cay đắng của sự bị lừa đã mách bảo tiêu chuẩn này với sức mạnh tăng cường. "Lí thuyết giá trị" so sách với các giá thực tế ra sao? Lí thuyết về "sự bần cùng" đối sánh với động học lịch sử thật sự của mức sống thế nào? "Lí thuyết về sự khủng hoảng tư bản chủ nghĩa" đối sánh ra sao với tình hình thăng giáng thực tế? Lí thuyết về "các giai cấp" và "đấu tranh giai cấp" đối sánh thế nào với sự phân tầng xã hội thực tế, với các xung đột xã hội thực tế? Tai hoạ không chỉ là, đối với tất cả các đối sánh này các giáo điều Marxist lần lượt đều trượt trong các cuộc sát hạch đối sánh với thực tế. Tai hoạ lớn nhất là, Marx và chủ yếu các môn đồ sau này của ông không cảm thấy nghĩa vụ trí tuệ đầu tiên của mình là áp dụng tiêu chuẩn sơ đẳng của tính khoa học, đối sách với thực tế.

(*) Khoảng lúc đó tôi đã đọc thí dụ phê phán-Marx nổi tiếng của nhà kinh tế Áo, Böhm-Bawerk, nó chỉ ra một cách thuyết phục sự mâu

https://thuviensach.vn

thuẫn giữa tập I và tập II của *Tư bản luận*.

Không phải chủ nghĩa Marx là khuynh hướng khoa học xã hội duy nhất mắc phải tội tổ tông này, nhưng khi đó, năm 1955-1956, tôi đòi hỏi yêu cầu cơ bản của tính khoa học này, sự thực hiện đối sánh với thực tiễn, đối với chủ nghĩa Marx.

Các khoa học xã hội tất nhiên ở trong tình thế khó hơn nhiều về khía cạnh này, so với các khoa học tự nhiên thực nghiệm chẳng hạn. Các khoa học sau có thể xác minh một khẳng định lí thuyết dễ hơn và với độ nghiêm ngặt thống kê lớn hơn. Nhưng nếu các khả năng xác minh thực nghiệm có hạn chếđi nữa, thì các nhà nghiên cứu các hiện tượng xã hội ít nhất cũng phải chứng tỏ rằng, họ *nỗ lực tối đa* để kiểm tra các khẳng định của mình, tức là, họđã thử đối sánh lí thuyết với thực tiễn bằng các công cụ tốt nhất sẵn có một cách tận tâm nhất. Nếu họ thấy, thực tế khác lí thuyết ở những điểm căn bản, thì phải sửa lí thuyết, hay nếu sửa không thành công, thì phải vứt bỏ lí thuyết bị thực tiễn bác bỏ.

Tiếp tục ẩn dụ địa chất học, vô số khẳng định lí thuyết sai lầm lắng đọng trên tầng lí luận khoa học và phương pháp luận sai lầm. Bấy nhiêu tầng lí thuyết sai đã có thể đọng lại chính bởi vì người sáng lập ra lí thuyết đã không đòi hỏi mình và người khác phải đối sánh với thực tế. Giống như khi các loài động vật đã tuyệt chủng từ lâu bị hoá thạch, và các học thuyết lỗi thời tồn tại như thế, ở dạng không thay đổi, đông cứng lại. Những người ngưỡng mộ Marx, nếu bản thân họ miễn cưỡng phải công nhận sự sai lầm của học thuyết này học thuyết khác, họ đổ lỗi cho các môn đồ tồi của thầy, "những kẻ thô tục hoá" ông. Sự thật là, Marx đã tập cho họ (và cả chúng ta) quen với thuật toán tư duy tồi.

Ta tiếp tục sự tương tự địa chất học.(*) Các tín đồ của chính trị kinh tế học Marxist coi *học thuyết giá trị* là tư tưởng trung tâm của toàn bộ khoa học kinh tế Marxian. Đây như thế là tầng tiếp theo, mà tôi muốn bàn tới một cách ngắn gọn.

Khoảng thời gian đó tôi bắt đầu hiểu rằng, trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sự phân bổ nguồn lực hoạt động tồi. Chức năng của giá cả ở bên trong nền kinh tế hầu như không thể giải thích nổi. Đúng, Marx cũng đã không hứa rằng, ông sẽ nói trước, chính xác phải làm cái gì trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Nhưng chí ít chúng ta cũng nên biết

https://thuviensach.vn

từ các tác phẩm của ông, việc này là thế nào trong chủ nghĩa tư bản. Là đủ để nêu câu hỏi này một cách gay gắt để thấy rõ: Marx còn mắc nợ với câu trả lời. Trong các tác phẩm của ông chúng ta thấy những dẫn chiếu lặp đi lặp lại đến việc, "sự tranh đua" xác định giá cả. Nhưng xác định thế nào? Tập I của *Tư bản luận* lơ lửng trong không khí. Khẳng định chính của nó, theo đó thành phần duy nhất của mọi giá trị là lao động, là một trường hợp đặc trưng của các khẳng định không kiểm chứng được, không bác bỏ được – nghĩa là các khẳng định phi khoa học. Ngoài ra, từ luận đề chính của tập I không thể suy bằng bất cứ loại suy diễn nghiêm ngặt nào ra hệ thống tư tưởng của tập III, theo đó giá trị thặng dư "biến thành" lợi nhuận trung bình tỉ lệ với vốn (tư bản). Ở đó chúng ta đã thấy các khẳng định có thể kiểm chứng-có thể bác bỏ được, nhưng khi đối sánh với thực tế những khẳng định này đóng vai trò khá xoàng. Mục đích của nó là để trở thành lí thuyết giải thích lợi nhuận, nhưng nó giải thích khá tồi các nhân tố nào tạo thành lợi nhuận trong thực tế của chủ nghĩa tư bản. Tóm lại một cách cô đọng: tôi đi đến kết luận rằng, học thuyết giá trị Marxian là không thể sử dụng được.

(*) Tôi cảm thấy, mình rơi vào tình thế kì cục. Trong khi tôi phê phán chủ nghĩa Marx, tôi lại dùng một trong những công thức ưa chuộng của các nhà Marxist, sự đối sánh cái cơ bản nằm "sâu" và cái "bề mặt". Có lẽ tôi hơi yên tâm hơn, vì các nhà tâm lí học đứng xa chủ nghĩa Marx cũng vui vẻ sử dụng ẩn dụ các tầng sâu hơn và gần bề mặt hơn của tâm hồn và tư duy.

Một nhận xét nữa. Như tôi sẽ lặp đi lặp lại chỉ ra rằng, tôi coi nhiều thứ gắn với tên tuổi Marx và các môn đồ của ông còn tiếp tục có khả năng sử dụng được và có sức mạnh làm sáng tỏ. Tôi muốn tránh mọi định kiến. Thí dụ chuyện các nhà Marxist vui vẻ dùng một sự tương tự không làm cho tôi mất hứng để sử dụng nó.

Các luận đề kinh tế học Marxist lắng đọng trên các tầng đã thảo luận đến đây. Vì mục đích minh hoạ, ở đây tôi chỉ lấy ra một luận đề: khẳng định liên quan đến *sự bần cùng hoá của giai cấp công nhân*. Bằng suy luận, chẳng thể rút ra được bất kể gì từ luận đề sơ bộ. Nếu giả như chúng ta chấp nhận học thuyết giá trị Marxian, cũng như các lí thuyết liên quan đến lợi nhuận trung bình và giá thành sản xuất, ngoài ra giả như chấp nhận tất cả các luận đề phụ của *Tư bản luận* đi nữa – thì việc này phù hợp với khẳng định sau: mức sống tương đối (so với

https://thuviensach.vn

các nhóm dân cư khác) và mức sống tuyệt đối (tức là xét động học dài hạn) của các công nhân chân tay có thể tồi đi, đình trệ, hay cải thiện. Liên quan đến sự xác minh thực tế, lịch sử bác bỏ học thuyết Marxist về sự bần cùng hoá như một xu hướng dài hạn một cách vang dội. Có thể chứng minh về mặt thống kê một cách rõ ràng là, mức tiêu thụ vật chất của những người lao động đã tăng lên đáng kể và hoàn cảnh sống của họ đã được cải thiện đáng kể ở tất cả các nước hoạt động giữa các khuôn khổ của hệ thống tư bản chủ nghĩa trong một hai thế kỉ.

Nhiều trí thức– với niềm tin Marxist trước đây-không có khả năng từ bỏ lí tưởng một cách triệt để. Tiến hành cuộc chiến hậu vệ tuyệt vọng, như khi đội quân bảo vệ thành phố bị thất bại, rút lui từ đường phố này đến đường phố khác, từ khối nhà này sang khối nhà kia và bỏ các vị trí của mình. Cho đến khi còn có thể, họ trung thành với một luận đề lí thuyết hay một phương pháp nhận thức-nghiên cứu. Đối với tôi, tôi đã dùng một chiến lược khác khi định hình lại tư duy của tôi. Vào cuối 1955 tôi từ bỏ chủ nghĩa Marx. Tôi tuyên bố, lần đầu tiên trước bản thân mình, rằng kể từ nay tôi không là người Marxist. Tôi không bác bỏ mọi phương pháp hay khẳng định của nó (sẽ còn nói về vấn đề này trong các chương sau của cuốn sách), nhưng tôi đã vứt bỏ cái "chủ nghĩa", cái công trình kết cấu Marxian. Đôi khi, trong giới bạn hữu tin cẩn tôi đặc trưng trạng thái tinh thần này như sau: trong bản thân mình "tôi xoá sổ chủ nghĩa Marx thành số không".(*) Tôi sẽ không chấp nhận bất kể gì từ nó đơn thuần chỉ trên cơ sở là một tín đồ trung thành của trường phái tư duy này. Xuất phát từ "số không", khắc phục sự nghi ngờ và hoài nghi trí tuệ -có thể hiểu được và có lí do trên cơ sở những điều trên - của mình, tôi phải thuyết phục lại mình về sự chấp nhận, nếu tôi thấy, luận đề Marxist này, luận đề nọ hay phương pháp tư duy Marxist này hoặc khác vẫn còn có thể sử dụng được.

(*) Tôi đã từ bỏ *một cách triệt để* lí thuyết và ý thức hệ của chủ nghĩa Marx. Nhưng tôi vẫn còn tin một thời gian dài vào tính có thể cải cách được của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Muộn hơn sẽ còn nhắc đến, từng cấp độ một tôi xa dần quan niệm "nhà cải cách ấu trĩ" thế nào.

Tôi thấy, đối với tôi chiến lược từ bỏ này áp dụng tốt. Tôi trở nên hoàn toàn mở để chấp nhận những tư tưởng mới. Đã không cần đối chọi dài dòng mọi quan điểm kình địch với giáo điều Marxist, bởi vì trước đó tôi đã quét dọn nó khỏi đường đi. Tôi nghiệm thấy, chiến lược

https://thuviensach.vn

này đã cho tôi bước lợi thế to lớn so với nhiều bạn cùng thời của tôi, những người đã cùng một thời với tôi trở thành những người Marxist, nhưng với họ còn tiếp tục lâu, đôi khi còn hàng năm hay hàng thập kỉ cho đến khi họ có thể thoát khỏi được những sợi dây ràng buộc cản trở sự cất cánh tư duy của họ. Nhiều nhà triết học, kinh tế học, sử gia ở Budapest ngay cả vào các năm 1960 và 1970 vẫn thử nghiệm việc "phục hưng chủ nghĩa Marx", và cân nhắc từ mẩu tư duy này sang mẩu tư duy kia: loại bỏ cái nào và giữ lại cái nào-trong khi từ rất lâu tôi đã vượt qua giai đoạn than vãn, kiềm chế tư duy mới này.(*)

Tôi bắt đầu nghiên cứu

Liên quan đến tuổi đời, tôi đã không bị muộn. Hai mươi bảy tuổi tôi bắt đầu chuẩn bị luận văn; việc này về cơ bản phù hợp với độ tuổi điển hình của "sinh viên-graduate" Mĩ bước vào giai đoạn viết luận văn.

Khi một sinh viên PhD Mĩ bắt đầu luận văn của mình, thì đã biết nhiều về các giáo sư của mình tiến hành công việc nghiên cứu của họ ra sao. Nhiều người trong số họ nhìn vào nơi làm việc của các nhà nghiên cứu từ gần, khi họ giúp giáo sư nào đó với tư cách người phụ tá. Muộn hơn các cố vấn được mời chính thức, cho họ những chỉ dẫn. Họ truyền cho nhau trong chuỗi thế hệ của thầy-trò, rồi của người trò một thời nay trở thành thầy và trò mới, như xưa kia trong các phường (hội) thợ phụ vừa được giải phóng và thợ cảđào tạo các thợ học nghề. Tôi đã không có cơ hội để học lỏm nghề nghiên cứu từ các bậc thầy ở nơi làm khoa học. Thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh được chỉ định chính thức của tôi là Nagy Tamás, đồng thời cũng là trưởng "phòng lí thuyết chung", thủ trưởng của tôi ở nơi làm việc, ông đã cho nhiều nhận xét hữu ích đối với các bài viết của tôi. Ông có cảm nhận chiến thuật tốt, và đã thấy, giữa các hạn chế chính trị "có thể đi đến đâu". Nhưng vì bản thân ông không tiến hành nghiên cứu thật sự, ông đã không có các ngón bậc thầy, như thế ông đã không có cái để truyền lại.

Suốt vài tháng tôi đã không có đề tài độc lập, mà nhiệm vụ được giao chính thức cho tôi là làm việc bên cạnh Erdős Péter, với tư cách phụ tá nghiên cứu cho ông. Tôi đã tháp tùng ông, chúng tôi nói chuyện nhiều với nhau. Thực ra lí thuyết trừu tượng hấp dẫn ông, như cũng có thể thấy từ các công trình sau này của ông; ông đã không có kinh nghiệm gì với nghiên cứu thực nghiệm. Ông muốn biết ý kiến của các

https://thuviensach.vn

nhà lãnh đạo kinh tế về các vấn đề điều khiển và kế hoạch hoá. Nhưng tác phong của ông, tư cách gay gắt, nhiều khi kiêu ngạo của ông đã không đưa những người được hỏi đến với sự chân thành. Ông là người thông minh và sắc sảo, có tính châm biếm chết người. Kẻ bị ông nhắm để phê bình, thì thật khốn khổ! Ông càu nhàu chống lại nhiều thứ, ông không thích nhiều thứ trong chế độ chính trị Stalin và trong tình trạng đông cứng của học thuyết Marxist. Ông cảm thấy rằng, ông chẳng có gì phải dè chừng một kẻ đối lập vừa bị đuổi khỏi *Szabad Nép*, vì thế ông cởi mở với tôi. Lời nói cởi mở này tuy vậy khá đơn phương. Bất chấp mọi phê phán của ông, cuối cùng ông vẫn là một môn đồ chính thống và trung thành vô tận của đảng cộng sản và học thuyết Marxist. Tôi đã đề phòng không bộc lộ trước ông ta về tôi ở đâu trong từ bỏ chủ nghĩa Marx và các tư tưởng cộng sản. Tôi vừa lòng với chuyện âm ừ nghe hết các cuộc nổi xung của ông. Việc này là đủ để hình thành quan hệ hữu hảo giữa chúng tôi.

Cả ông, lẫn Nagy Tamás đều không phản đối, khi -vài tháng sau-tôi yêu cầu được làm công việc của mình một cách độc lập trong thời gian tới. Khi đó tôi đã quyết định rằng, trên một lĩnh vực duy nhất, trong ngành công nghiệp nhẹ, tôi cố khám phá ra: sự điều khiển kinh tế hoạt động như thế nào.

(*) Vajda Mihály, nhà triết học nổi tiếng đã kể về quá trình này như sau trong một tuyên bố (Pogonyi 2003, tr. 14): “Tôi nhớ rằng, giữa các năm 70 tôi đã nói với các bạn Lukácsist [theo Lukács] của tôi: ‘Tôi nghĩ mình không còn là người Marxist nữa’. Không phải vì người ta đã làm tất cả sự đê tiện nhân danh chủ nghĩa Marx, mà bởi vì chủ nghĩa Marx không cho lời giải thích về cái xảy ra xung quanh tôi.”

Trong thực tế kế hoạch hoá tập trung có nghĩa là gì? Sở dĩ tôi chọn công nghiệp nhẹ, bởi vì trong công nghiệp nặng tiếp cận đến dữ liệu khó hơn. Ở đó vì sản xuất liên quan đến quân sự, nên nhiều số liệu được coi là mật. Bên cạnh đó tôi bị kích thích bởi quan hệ của sản xuất và tiêu thụ, và điều này hiển nhiên dễ nghiên cứu hơn ở ngành, mà sản phẩm của nó được dân cư mua.

Tôi đã chẳng hề có giả thuyết khẳng định trước nào, khi tôi bắt đầu nghiên cứu. Nhưng một giả thuyết phủ định quan trọng đã ảnh hưởng đến các câu hỏi của tôi: cái mà các sách giáo khoa chính thống và tuyên truyền của đảng khẳng định, theo đó uỷ ban kế hoạch đề ra kế

https://thuviensach.vn

hoạch, và các quá trình kinh tế thực tế tuân theo các chỉ tiêu dự kiến của các kế hoạch này, chắc là không đứng vững.

Tôi đã chọn các phương pháp nghiên cứu của mình một cách không do dự và không qua thử nghiệm. Trung tâm của phương pháp này là hỏi tỉ mỉ những người tham gia quá trình chỉ đạo và kế hoạch hoá nền kinh tế. Tôi cảm thấy một cách tự phát: họ và chỉ có họ là những người thực sự biết, cái gì xảy ra trong đầu và trong các hành động của những người tiến hành chỉ đạo. Tôi đã hỏi những người có cấp bậc cao, trung, và thấp. Đa phần là các cuộc trò chuyện mặt đối mặt, nhưng cũng có các cuộc tranh luận nhóm. Trong nhiều ngành cũng vẫn nhóm đó tụ hợp lại lần này và lần khác, bởi vì ngay cả cuộc trao đổi nhiều giờ cũng chẳng đủ để đưa tất cả các đề tài vào chương trình bàn luận.

Những người tôi đã hỏi, hầu như không có ngoại lệ, đều vui vẻ trả lời. Họ đã sẵn sàng dũng cảm phê phán hiện trạng. Ngay khi đó tôi cũng đã nhiều lần ngẫm nghĩ, vì sao họ lại sẵn sàng làm việc này? Có lẽ việc tất cả mọi người-nhất là người Hungary – thích phàn nàn cũng có vai trò trong chuyện này. Nhưng có lí do quan trọng hơn thế, chắc họ đã cảm thấy: tôi quan tâm chân thành đến cái họ nói. Tôi không nhất thiết đi hết các điểm của một bản câu hỏi được soạn sẵn. Họ thấy, tôi nghe họ với con mắt mở rộng khát khao hiểu biết. Cùng với họ tôi tức giận vì những sự ngu đần của bộ máy quan liêu, cùng với họ tôi phẫn nộ vì sự lãng phí, vì sự coi thường các nhu cầu của những người mua, vì sự ngớ ngẩn của các thủ trưởng. Giữa tôi và những người được hỏi hình thành mối quan hệ con người chân thật. Nhiều người trong số họ -ngay cả phải chịu rủi ro đi nữa-đã cố giúp tôi, khi vài năm sau tôi bịđuổi khỏi Viện Khoa học Kinh tế, và muốn có việc làm trong ngành công nghiệp nhẹ.

Song đừng chạy trước thời gian, hãy ở lại với các phương pháp nghiên cứu ứng dụng ở các năm 1955-1956. Từ đâu mà có gợi ý, tôi hãy xây dựng tư liệu thực nghiệm của luận văn của mình trên việc hỏi cá nhân? Chắc chắn thực tiễn làm báo cũng khiến tôi làm quen với việc này. Theo tôi nhớ, tôi là người đem áp dụng ở *Szabad Nép* thể loại mà chúng tôi gọi là "phóng sự phân tích". Thay cho các phóng sự ngắn củn, một phóng sự phân tích choán hết cả trang báo. Cùng một vài cộng sự của mình chúng tôi đến thăm một xí nghiệp, chúng tôi ở đó mấy ngày, và hỏi những người ở đó, từ các nhà lãnh đạo đến các công

https://thuviensach.vn

nhân, họ nghĩ gì về công việc của xí nghiệp. Chắc chắn khi đó quan hệ giữa nhà báo cộng sản làm phóng sự và lãnh đạo xí nghiệp bị phỏng vấn là khác, so với bây giờ khi với tư cách nhà nghiên cứu tôi hỏi han mọi người. Trong mọi trường hợp như một nhà báo tôi đã học được một vài mẹo kĩ thuật này, và thấy những khả năng tiềm ẩn trong đó.

Truyền thống nghiên cứu tuyệt vời của nghiên cứu làng xóm Hungary đã truyền cảm hứng cho tôi. Một vài tác phẩm của họ là ấn tượng tinh thần lớn.(*)Tôi cảm thấy, việc lắng nghe người dân là nguồn tri thức lớn và thực tế đến thế nào.

(*) Khoảng thời gian này tôi đã đọc các cuốn sách *A tardi helyzet* (*Tình hình ở Tard*, 1986 [1936]) của Szabó Zoltán và *Néma forradalom* (*Cách mạng thầm lặng*, 1989 [1937]) của Kovács Imre. Ngoài việc chúng kể cho tôi về đời sống nông dân, tôi cảm thấy cách tiếp cận phương pháp luận của hai nhà văn-xã hội học cũng đáng rút ra bài học đối với tôi: hỏi người dân, thu thập dữ liệu bằng bản câu hỏi và bổ sung cho kinh nghiệm trực tiếp bằng tổng quan súc tích của những số liệu thống kê. Khi tôi làm quen với các công trình này, tôi vẫn chẳng biết gì về xã hội học hiện đại nghiên cứu với phương pháp như thế nào.

Tất nhiên, không phải lời nói của những người đó tạo thành nguồn duy nhất của những kiến thức thực nghiệm. Tôi đã cố gắng bổ sung cho những điều nghe được từ họ bằng làm quen với văn bản của các quy định và chỉ thị và tất nhiên với các số liệu, với việc tìm hiểu các bảng thống kê của xí nghiệp và của ngành. Tôi đã phát hiện ra sớm, lệnh được đưa ra và việc thực hiện có thể lệch nhau gay gắt đến thế nào. Việc mô tả một hiện tượng có thể trệch nhau đến thế nào, phụ thuộc vào người nói ở "trên" hay ở "dưới" trong hệ thống thứ bậc! Chính điều này làm cho việc nghiên cứu, sự khám phá ra sự thật, trở nên hấp dẫn.(*)

Đã chẳng ai dạy tôi phân tích các chuỗi số liệu một cách hiện đại thế nào. Tôi đã không biết kĩ thuật kinh tế lượng, mà việc áp dụng nó ngày nay là bắt buộc không chỉ trong một luận văn PhD, mà trong cả luận văn cấp thấp hơn ở đại học nhằm đạt bằng cử nhân (BA). Tôi có thể phải ngượng vì sự dốt nát của mình lúc ấy. Nhưng có lẽ tôi có thể tự hào hơn rằng, không có sự chuẩn bị nghề nghiệp mà tôi vẫn đã thành công phát hiện ra nhiều mối quan hệ quan trọng. Thậm chí, có lẽ

https://thuviensach.vn

bây giờ, sau năm mươi năm tôi dám liều đưa ra một khẳng định còn xa hơn nữa. Trong phần còn lại của cuốn sách sẽ nhiều lần nhắc đến, sự thiếu đào tạo kinh tế học một cách có phương pháp đã bất lợi đến đâu đối với tôi. Cho dù nghe có vẻ dở từ miệng của một giáo sư đại học cuồng nhiệt vì nghề nghiệp của mình, tôi cứ nói thẳng: sự dốt nát cũng có những ưu điểm của nó. *Chính bởi vì*, do đã không có một "giáo sư" đi trước tôi, để tôi có thể bước theo dấu chân ông một cách kính cẩn, nên tôi mới dám và có thể trở nên độc đáo. *Chính bởi vì*, do tôi đã không hiểu công nghệ hiện đại của nghiên cứu khoa học kinh tế, nên tôi đã không bị lạc trong những việc hình thức, kĩ thuật, nên tôi đã không đếm xỉa đến việc khớp các phân tích hồi quy, do không biết nên tôi bình thản bỏ qua các đòi hỏi kĩ thuật đáng sợ của các phản biện ẩn danh của các tạp chí và nhà xuất bản hàng đầu. Đã chẳng có gì thôi thúc, ngoài việc để tôi hiểu: cái bộ máy kì quái vận hành việc sản xuất của đất nước chúng ta hoạt động thế nào.

Nhà sử học Péteri György đã đặc trưng cách tiếp cận đượcáp dụng ở viện của Friss (và bên trong đó cả phương pháp làm việc của tôi nữa) là: "chủ nghĩa kinh nghiệm ngây thơ".[37] Thuộc ngữ "ngây thơ" rất trúng. Tính ngây thơ đặc trưng cho công trình này, như tính ngây thơ của hoạ sĩ và của các nghệ sĩ ngẫu hứng khác. Thô sơ và trong trắng hồn nhiên. Đã không học các ngón tinh tế của nghề, và vì thế nó thô – nhưng có lẽ chính vì thế nên "tươi rói", tươi mát và chân chất.

Sự đánh giá "chủ nghĩa kinh nghiệm" chỉ nói được nửa sự thật. Tôi vừa mô tả các lâu đài không khí của học thuyết Marxist. Khi đó, trong môi trường tinh thần đó, thì việc chẳng coi sự phân biệt "lao động cụ thể và lao động trừu tượng", luận điểm theo đó "tổng các giá trị bằng với tổng các giá" và các loại "lí thuyết" rỗng tuếch như vậy là cái gì, và quay ngoắt 180 độ về phía kinh nghiệm, là một hành động cách mạng.

(*) Cơ sở tồn tại của cách tiếp cận này vẫn không hề thay đổi. Chúng ta sẽ hiểu tốt hơn, thí dụ, cái gì xảy ra trong quá trình chuyển đổi hậu cộng sản chủ nghĩa ở đông Âu, ở các nước thuộc Liên Xô trước đây hay ở Trung Quốc, nếu không chỉ có lác đác vài công trình dựa trên những quan sát trực tiếp và các phỏng vấn cá nhân, mà có những nghiên cứu với phương pháp tương tự được tiến hành trong phạm vi rộng hơn.

https://thuviensach.vn

Tác phẩm của tôi không dừng lại ở việc kê khai sự thật, ở sự truyền đạt kinh nghiệm. Về khía cạnh này chắc nó đã đi xa hơn các nhà văn nghiên cứu thôn quê chẳng hạn. Nó cố sắp xếp tư liệu kinh nghiệm vào một cấu trúc tư duy nghiêm ngặt. Nó thử trình bày, các hiện tượng biểu lộ những *tính đều đặn* như thế nào. Nó thử phân tích nhân quả. Đúng, là tôi đã không đạt đến một lí thuyết hoàn tất (may là vậy, bởi vì tôi vẫn còn xa mới hiểu kĩ các mối quan hệ). Nhưng bạn đọc có ý của cuốn sách đã có thể cảm thấy nỗ lực của tác giả để rút ra *những kết luận tổng quát* từ những quan sát từng phần.

Phong cách làm việc của tôi cũng phản ánh nỗ lực mạnh và dẻo dai để lập trật tự trong những suy nghĩ của tôi. Tôi đã không gò mình suốt ngày trên đống ghi chép của mình. Khi đó tôi hình thành thói quen đi "dạo chơi công việc" dài. Lang thang trong rừng, trên phố tôi suy nghĩ kĩ tư liệu đã được tích tụ và bài viết đang chuẩn bị. Những lúc như vậy trong túi tôi có cuốn sổ ghi và bút, và trong lúc đi tôi dừng lại lúc này lúc nọ và ghi lại những suy nghĩ của mình.(*)

Khi đó tôi có thói quen thực hiện giai đoạn công việc, khi tôi thảo một tiểu luận đang hình thành, không phải ở nơi làm việc, mà ở nhà hay ở nơi khác, nơi người ta không quấy rầy sự tập trung chú ý của tôi. Phần lớn các đồng nghiệp của tôi vẫn đến viện hàng ngày, trong khi tôi viết ở nhà khá nhiều. Ở tôi, cũng nhưở những người làm nghề tương tự, khi đó bắt đầu hình thành "các lễ nghi" kích thích công việc: nghi thức chuẩn bị và uống cà phê, nghe nhạc trong khi làm việc, các cuộc dạo chơi làm gián đoạn việc còng lưng trước bàn làm việc, v.v. Con trai Gábor của tôi đã 3-4 tuổi. Nhiều lần tôi đưa cháu đi vườn trẻ (đường đi vềđã được coi là "dạo chơi công việc"). Nó mau làm quen, và sau đó con trai Andris của tôi cũng học được rằng, chúng không được quấy rầy nếu tôi làm việc ở nhà. Tất nhiên, đôi khi hai loạiý định xung đột nhau: tôi dành bao nhiêu thời gian cho lũ trẻ và bao nhiêu cho công việc.(**)Theo các kí ức của riêng tôi thế lưỡng nan này đã chẳng bao giờ trở nên gay gắt thành mâu thuẫn, nhưng có thể là trong kí ức của bọn trẻ và của Teri lại đọng lại khác đi.

Tôi thấy nhiều niềm vui trong công việc của mình. Các cuộc nói chuyện hấp dẫn và cuốn hút tôi, tôi vui vẻ làm việc với những ghi chép của mình, và tôi cũng thích viết. Những giây lát, khi tôi cảm thấy mình

https://thuviensach.vn

phát hiện ra cái gì đó, hiểu được cái gì đó, là những giây phút hạnh phúc của đời tôi. Cuối cùng tôi đã tìm thấy chỗ của mình.

Những khẳng định chính của luận văn

Bản thảo đầu tiên của cuốn sách đã hoàn thành chưa đến một năm. Tu chỉnh một chút với sự lưuý đến những lời khuyên của các đồng nghiệp, nhưng về cơ bản với nội dung không thay đổi, tôi đã nộp như luận văn phó tiến sĩ vào mùa hè 1956, rồi sau những sửa chữa nhỏ thêm vào tháng chín 1956 tôi đưa đến Nhà xuất bản Kinh tế và Luật để công bố. Khi xuất hiện, nó có đầu đề *Sự tập trung quá mức của chỉ đạo kinh tế -A Gazdasági vezetés túlzott központosítása*. (Về sau đôi khi tôi nhắc đến đầu đề cuốn sách như TK hay *Túlzott központosítás*).

(*)Chuyện xảy ra muộn hơn nhiều là, trong một cuộc dạo chơi công việc như vậy một người đi đường nghi ngờđã theo dõi tôi, ông ta không hiểu tôi ghi chép cái gì. Ông ta bực bội mắng tôi: "Ông làm việc cho bọn ăn cắp ô tô, và ghi số biển xe cho chúng phải không?"

(**) Cũng như đối với nhiều cha mẹ khác, đối với tôi cũng không thể nào quên những giây phút kể chuyện buổi tối. Khi chúng nó lớn hơn một chút, chúng tôi đã cùng nhau đọc Chú gấu con, Alice và nhiều chuyện vui của Karinthy. Có lẽ không ngoa để giả thiết rằng, các ấn tượng văn học ban đầu này và "các trò ngây ngô" đã tạo cơ sở cho khiếu khôi hài của các con trai tôi –có thể thấy được cả khi chúng đã lớn.

Bây giờ, sau gần nửa thế kỉ, tôi lại cầm nó trên tay. Tôi đã đọc nó với cảm giác hài lòng. Trong đó có các đoạn phản ánh sự ngây thơ chính trị của tôi lúc ấy, nhưng phần còn lại ngày nay tôi cũng đảm nhận, mà còn với niềm tự hào của tác giả.(*)(Bạn đọc sẽ thấy: không phải về tất cả các tác phẩm của mình tôi có thể nói cùng điều này).

Lời nói đầu trình bày rõ chương trình của tôi: "Tất nhiên có hàng tá sách giáo khoa, giáo trình đại học mô tả các phương pháp chỉ đạo kinh tế, kế hoạch hoá của chúng ta, hệ thống giá và lương của chúng ta v.v. Tuy nhiên chúng có một sai lầm chung nghiêm trọng: chúng không cho biết, cơ chế kinh tế này hoạt động thế nào *trong thực tế*, mà chỉ cho biết: chúng hoạt động thế nào, giả như chúng hoạt động như các tác giả muốn. Việc mô tả mạch lạc cơ chế của nền kinh tế của chúng ta hoạt động ra sao trong thực tế là một nhiệm vụ *mới, cho đến nay chưa được thực hiện* trong văn học kinh tế nước ta."[38]

https://thuviensach.vn

Cuốn sách bắt đầu bằng mô tả hệ thống các chỉ dẫn kế hoạch. Người ta thường tin là: nền kinh tế kế hoạch trước hết là để chúng ta nghĩ trước cho nhiều năm. Nhưng không có chuyện đó. Thậm chí, kế hoạch năm cũng chẳng được người ta coi một cách nghiêm túc ở xí nghiệp, không, chủ yếu bởi vì nó không gắn với các khuyến khích. (Tại đây ngay khi đó đã nổi lên nhóm vấn đề của các khuyến khích, mà hàng thập kỉ sau đã trở thành một trong những chủ đề quan trọng nhất của khoa học kinh tế). Những trục trặc về cung ứng vật liệu, bán thành phẩm, những thay đổi không lường trước của cầu và những thay đổi tái diễn của kế hoạch kinh tế quốc dân tạo ra sự bất trắc triền miên, và như thế làm xói mòn độ tin cậy của các chỉ tiêu kế hoạch. Cái thực sự có tác động đến sản xuất, là kế hoạch quý-nhưng kế hoạch này không do bản thân xí nghiệp lập ra, mà nó nhận được từ cơ quan cấp trên, từ tổng cục quản lí cả một ngành. Như thế làm gì có chuyện về sự tự chủ xí nghiệp, mà người ta nhiều lần rêu rao. Kế hoạch quý cũng chẳng được thực hiện một cách chính xác. Nếu ngườita cố bám vào chúng một cách cứng nhắc, thì chạm vào hoàn cảnh biến đổi liên miên. Còn nếu họ không đòi hỏi một cách nghiêm ngặt, thì nó chẳng có uy tín gì. "Đây là loại mâu thuẫn không thể được giải quyết bằng bất kể loại điều chỉnh nào (cả điều chỉnh rất nghiêm ngặt lẫn "tự do" cũng không), bởi vì gốc rễ của nó ẩn náu ở sâu hơn nhiều, ở những mâu thuẫn của hệ thống kế hoạch của chúng ta".[39] (Các loại câu như vậy là những câu gây bực tức cho những người bảo vệ nền kinh tế chỉ huy. Ngân vang trong tai tôi lời nổi giận đùng đùng trong một buổi tranh luận: "Với cậu thế này cũng không tốt, thế kia cũng không tốt. Thế cậu muốn gì?")

Chỉ tiêu quan trọng nhất được đánh giá là "giá trị sản xuất". Mọi người ở xí nghiệp mau chóng học được rằng, giá trị sản xuất có thể được tăng lên không chỉ bằng các công cụ lành mạnh, mà bằng cả các mẹo khéo nữa. Thí dụ phải chọn loại sản phẩm sao cho trong đó có càng nhiều sản phẩm cần nhiều nguyên liệu, được tính với giá cao, càng tốt. (Ở đây TK đã lạm bàn loại vấn đề, mà kể từđó lí thuyết và thực tiễn về khuyến khích đã tốn nhiều công sức mà chẳng có mấy kết quả. Phần thưởng hay sự trừng phạt có gắn với *bất k*ể chỉ tiêu định lượng nào, thì giá trị của chỉ tiêu này cũng có thể bị tác động một cách méo mó. Nếu người tạo ra khuyến khích đưa vào một chiến lược, thì

https://thuviensach.vn

những người được khuyến khích ngay lập tức tìm được phản chiến lược hiệu quả).

(*)Không chỉ tác giả đảm nhận. Ba mươi lăm năm sau lần xuất bản thứ nhất trước tiên nhà xuất bản ban đầu ở Hungary của cuốn sách, Nhà Xuất bản Kinh tế và Luật, đã lại tái bản với lời nói đầu cho lần xuất bản thứ hai. Cũng việc tái bản này đã xảy ra với cả cuốn sách tiếng Anh nữa; cuốn này cũng do chính nhà xuất bản Oxford University Press tái bản-sau hơn ba thập kỉ.

Cuốn sách cũng thảo luận tỉ mỉ các chỉ tiêu kế hoạch khác; ở trang 55 nó chứng minh từ khoản này đến khoản kia, hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch không nhất quán đến thế nào, và gây ra nhiều hiệu ứng phụ không đáng mong đợi đến thế nào.

Một chương riêng thảo luận về những khuyến khích, những ảnh hưởng kích thích theo chiều tốt và chiều xấu của các khoản tiền công, các khoản thưởng, và những khen ngợi đạo đức. Nó cũng nói đến vai trò của sự kiểm tra và những trừng phạt hành chính (các thủ tục kỉ luật, các toà án, sự phạt tù, v.v.). "Hệ thống càng ít dựa trên sự quan tâm vật chất (và càng ít có thể tính đến sự hào hứng của những người liên quan) – thì càng phải dựa vào việc dùng các công cụ cưỡng bức."[40] Bản thân hệ thống không nhất quán ấy xúi giục nhà lãnh đạo kinh tế vi phạm các quy chế không thể tuân thủ được, ngay cả có thể bị trừng phạt nếu trong trường hợp bị tố giác.

Một trong những khẳng định chính của cuốn sách tôi viết bốn thập niên sau tổng kết về hệ thống xã hội chủ nghĩa là, cải cách nửa vời, "sự nới lỏng" của chủ nghĩa xã hội làm xói mòn khả năng hoạt động của nó. Không có hệ thống xã hội chủ nghĩa mà không có trấn áp. Bây giờ, đọc lại cuốn sách đầu tiên của mình tôi chợt thấy tiền đề ban đầu củaý tưởng này. Như kết quả của "giai đoạn mới" TK nhắc đến việc các cơ quan cấp trên ít sử dụng các công cụ hành chính để tăng cường kỉ luật hơn rất nhiều. "Tuy vậy người ta bắt đầu việc này trong thời gian, khi sự thiếu vắng của chúng vẫn chưa được bổ sung bằng hệ thống tốt hơn, toàn diện hơn của khuyến khích vật chất. Cơ chế kinh tế cũ vẫn tiếp tục hoạt động không hề thay đổi -thế mà đây là một bộ máy không hoạt động trơn tru mà không có "tra dầu mỡ", nó có nghĩa là các quy chế hành chính được áp dụng trên phạm vi rộng rãi. Thiếu chúng thì

https://thuviensach.vn

các bánh răng của cơ chế này bắt đầu va chạm, kọt kẹt. Tình trạng *nửa vời* này là một trong những nguyên nhân của nhiều rắc rối khi đó."[41]

Các chỉ thị và các khuyến khích cùng nhau tạo ra *những sự đều đặn*. Trong số đó TK nhấn mạnh các sự đều đặn sau:

1.Sự chú ý của ban lãnh đạo hướng tới số lượng. Việc này cũng thuận lợi, vì lợi ích chung là tăng khối lượng sản xuất. Đồng thời cũng có hại, vì nó phát triển cách nhìn nhận số lượng phiến diện.

2.Hình thành "thứ tự quan trọng" giả của các nhiệm vụ. Thí dụ giảm chi phí và phát triển kĩ thuật bị dồn lại đằng sau, bởi vì cả các chỉ thị lẫn các khuyến khích đều không thúc đẩy việc đó.

3.Tôn thờ "100%". Nếu người ta coi kế hoạch là nghiêm túc, thì việc hoàn thành dưới 100% có nghĩa là vi phạm chỉ thị. Kì quái, thậm chí nhiều khi tai hại, khi bằng mọi giá người ta muốn ép thành tích còn thiếu so với 100% ra từ xí nghiệp.

4."Đầu cơ kinh tế kế hoạch". Tôi đã gọi như vậy mánh khoé, mà với nó nhà lãnh đạo kinh tế-tuân thủ câu chữ của các luật và chỉ thị-"lôi ra" đúng thành tích sản xuất-sử dụng, thành tích mang lại cho anh ta nhiều phần thưởng và khen ngợi nhất. Giữa chừng nhiều khi không đếm xỉa đến việc lợi ích của nền kinh tế thực sựđòi hỏi gì.

5.Cuộc đấu tranh về nới lỏng và siết chặt kế hoạch. Tại đây xuất hiện trong TK sự mô tả và phân tích hiện tượng, mà các tranh luận sau này ở Hungary gọi là "mặc cả kế hoạch", còn các nhà Soviet học phươngTâythì gọi là "tác động bánh răng cóc: ratchet-effect".(*) Nếu vì phần thưởng và vinh quanh lớn hơn mà xí nghiệp vượt kế hoạch ở mức cao, thì mức cao hơn này được người ta "đưa vào kế hoạch". 105 hay 110% của năm trước được người ta coi là 100% với hiệu lực bắt buộc cho năm tới. Vì thế lợi ích của xí nghiệp là kìm sản xuất lại, và không để vượt quá mức quanh 100-102%. Thậm chí, trong quá trình thảo luận sơ bộ về kế hoạch họ cố thử trình bày khả năng thấp hơn thực tế, phóng đại những khó khăn dự kiến, để nhận được kế hoạch lỏng hơn.

(*) Ratchet là bánh răng đặc biệt có thể quay theo chiều đi, nhưng ngược lại thì không.

6.Sự mấp mô có chu kì của sản xuất. Sản xuất đập nhịp đặc biệt, các giai đoạn "công việc gấp rút", "nước rút" và xả hơi, uể oải thay phiên nhau. Hiện ra rõ ràng mối quan hệ giữa nhịp độ theo lịch của kế

https://thuviensach.vn

hoạch và sự thăng giáng sản xuất. Càng đến gần giai đoạn kết thúc kế hoạch, và việc hoàn thành kế hoạch và với nó là phần thưởng càng có thể bị nguy hiểm, thì sự chạy đua hấp tấp càng tăng. (*)

7.Mâu thuẫn của "hôm nay" và "ngày mai". Đây là một trong những vấn đề trung tâm của khoa học kinh tế, chủ yếu liên quan đến tiêu dùng hôm nay và đầu tư và tiết kiệm chuẩn bị cho ngày mai. TK chỉ ra mâu thuẫn này từ khía cạnh khác: sự chú ý và năng lực của các nhà lãnh đạo kinh tế tập trung vào việc thực hiện các kế hoạch ngắn hạn, trong khi đó lại bỏ qua các nhiệm vụ dài hạn hơn (phát triển kĩ thuật, phát triển sản phẩm mới, hiện đại hoá tổ chức công việc, v.v.) những thứ chuẩn bị cho sản xuất hiệu quả hơn trong tương lai.

TK gọi những sự đều đặn này là "các xu hướng tất yếu". "Các xu hướng, không biến mất từ sự mong mỏi đơn thuần; mà lời làm sáng tỏ cũng chỉ có thể làm nhẹ bớt, nhưng không loại bỏ được chúng. Để xoá bỏ chúng thì phải thay đổi bản thân các phương pháp chỉ đạo kinh tế, các hình thức kế hoạch hoá và khuyến khích."[42]

Hãy đối sánh cách tiếp cận này với tài liệu khoa học "kinh tế chính trị" thời đó luận bàn về "quy luật phát triển hài hoà, có kế hoạch" dựa theo Stalin. Tác giả của các loại công trình như vậy muốn rằng, nền kinh tế phát triển hài hoà và theo kế hoạch. Yêu cầu *chẩn tắc (normative)* này được người ta gọi là quy luật, mặc dù đó là khái niệm chỉ dành riêng cho khoa học *thực chứng (positive)*. Khoa học gọi là quy luật cái và chỉ cái *thực s*ự thịnh hành. Những sự đều đặn, "các xu thế tất yếu", mà TK mô tả, *thực s*ự thịnh hành – và như thế chúng bác bỏ "sự phát triển hài hoà, có kế hoạch" là quy luật.

Cuốn sách dành riêng một chương cho nhóm vấn đề, trở thành một trong những chủ đề trung tâm của các tác phẩm muộn hơn của tôi: *sự thiếu hụt*. Bởi vì tôi phân tích sản xuất, hiện tượng thiếu hụt nguyên liệu nằm ở hàng đầu. Ngay khi đó tôi cũng đã cảm thấy rõ những hệ quả của sự thiếu hụt: làm giảm tính hiệu quả, bắt người sử dụng lệ thuộc vào người sản xuất. TK giới thiệu, giữa thiếu hụt và sự tập trung có mối quan hệ khăng khít ra sao; sự thiếu hụt tăng cường khuynh hướng tập trung hoá, còn tập trung hoá lại kích thích thiếu hụt.(**)

Ngay khi đó tôi đã muốn hiểu, vì sao lại có thiếu hụt thường xuyên trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. TK mô tả một phần các nguyên

https://thuviensach.vn

nhân (cũng không phải phần quan trọng nhất). Còn cần đến nhiều công việc nghiên cứu nữa để cho sự phân tích nhân quả này trở nên sâu hơn.

Chương tiếp theo [của luận văn] đi tiếp trong khái quát hoá các kết luận. Các tác động đến với xí nghiệp từ hai phía: các mối quan hệ ngang nối chúng với các xí nghiệp khác và các mối quan hệ dọc với sự chỉ đạo của cấp trên. Sự thống trị của các quan hệ dọc đặc trưng cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng của các mối quan hệ ngang là không đáng kể. Trong chừng mực tôi có thể xác định, công trình này sử dụng lần đầu tiên sự phân biệt này - kể từđó sự phân biệt này phổ biến rộng rãi.

(*)Bródy András (1956) là người đầu tiên phân tích nhịp đập của sản xuất và sự giải thích nhân quả của nó. Tôi cảm thấy không chỉ kết luận của nghiên cứu của ông là thuyết phục và đáng rút ra bài học, mà cả phương pháp khảo sát của ông nữa.

(**) Tất cả chỉ có một trích dẫn duy nhất của Marx trong TK, và đúng là liên quan đến vấn đề thiếu hụt. Marx rất hiếm khi đưara một vài nhận xét về, hệ thống xã hội chủ nghĩa sẽ quản lí ra sao. Trong tập II của *Tư bản luận* có thể đọc thấy một sự dạo chơi ngắn như vậy (1978 [1885], Tập II, tr. 426). Marx cho một lời khuyên hay, rằng trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hãy có "sản xuất thừa tương đối thường xuyên", bởi vì bằng cách đó (tức là với dự trữ tăng cùng sản xuất– *KJ*) thì những thăng giáng của sản xuất có thể tránh né được.

Chương kết bắt đầu bằng việc, tóm tắt một cách súc tích một trong những ý tưởng cơ bản của cuốn sách, ý tưởng xuyên suốt tác phẩm. Tôi trích: "Sự tập trung quá mức: cơ chế thống nhất, có kết cấu chặt chẽ, mà nó có logic nội tại của nó, có nhiều xu hướng nội tại, 'quy luật' …"[43]. Điều này tuy vậy không có nghĩa là nó hài hoà. Ngược lại, nó ẩn chứa những mâu thuẫn sâu sắc. Nó muốn điều chỉnh mọi thứ bằng chỉ thị, mặc dù điều này là không thể. Nó muốn tập trung hoá mọi thứ, mặc dù điều này cũng không thể làm được.

Ở đây đã hiện ra rõ trong quan điểm của tôi cái, mà sau này tôi gọi là "khung mẫu hệ thống". Không đủ đi hiểu các phần – cái toàn thể là nhiều hơn tổng của các thành phần. Phù hợp với điều này không đủ đi sửa đổi một-vài phần-những sửa đổi từng phần nhỏ không thay thế cho sự thay đổi toàn diện.

https://thuviensach.vn

Chương kết đã thử làm rõ các gốc rễ của sự tập trung hoá quá mức, nhưng về khía cạnh này nó chỉ hoàn thành nửa công việc. Khi đó tôi vẫn chưa hiểu được, các gốc rễ vươn sâu đến mức nào: đến tận cơ cấu chính trị và đến các quan hệ sở hữu. Nhưng trong những lập luận này cũng có một đoạn đáng chú ý, mà đầu đề của nó là: "Sợ hãi mọi sự tự phát".[44] Vài đoạn văn này đã rất chọc tức các độc giả Marxist-Leninist trung thành.

Để kết thúc TK đã giới thiệu sự thất bại của các thử nghiệm cải cách nhợt nhạt đã xảy ra đến nay, và lưuý đến các thế lực bảo thủ chắn đường cải cách. Từ đầu đến cuối, cuốn sách giữ nguyên một cách kiên định trên bình diện mô tả và phân tích thực chứng, nó không đưa ra các kiến nghị cải cách. Chỉ vài dòng cuối cho bạn đọc sự động viên nào đó: công việc hướng tới dỡ bỏ sự tập trung quá mức chắc chắn không phải không có kết quả.

Bây giờ, khi trong vài tuần tôi đọc lại hết các bài báo của tôi viết cho *Szabad Nép* và TK, dễ thấy sự thay đổi phong cách nổi bật lên. Tôi đã tìm thấy mình. Thay cho sự phấn khởi trước đây và sự cổ vũ vang rền cho công việc-thành tích là phong cách khách quan, không thiên vị. Phần rất lớn của cuốn sách hai trăm trang chỉ công bố *những sự thực*.

Không chỉ cái có thể đọc được trong văn bản, mà cả cái *không có* ở đó cũng truyền đạt thông điệp của cuốn sách. Nó dùng ngôn ngữ chuyên môn "trung lập", và trong đó hoàn toàn vắng bóng biệt ngữ "chính trị kinh tế học" Marxist. Trong thảo luận thời đó về cơ chế kinh tế, nhà kinh tế học cải cách không nói "cần cho thị trường nhiều chỗ hơn", mà nói "để cho quy luật giá trị phát huy tự do hơn". Nhiều năm sau đó Kantorovitch và các đồng nghiệp toán học-kinh tế học của ông vẫn nói bằng biệt ngữ Marxist về các tham số được tạo ra bằng con đường toán học và về cái gọi là các giá ngầm của quy hoạch tuyến tính.

Ngôn ngữ có tầm quan trọng lớn lao khi truyền đạt các ý tưởng. Khi viết TK và khi thảo các công trình sau đó của mình, tôi đã không đảm nhận việc phê phán công khai lí thuyết Marxian. Nhưng hoàn toàn chủ tâm tôi đã cố gắng bỏ qua ngôn ngữ Marxist, và bạn đọc hiểu rõ sẽ thấy điều này nhanh chóng và rõ ràng. (Rằng nỗ lực này thực sự *là có chủ ý*, trở nên rõ ràng từ những giải thích trước của chương này về sự

https://thuviensach.vn

từ bỏ chủ nghĩa Marx của tôi và về tiểu luận bổ sung cho TK, không được công bố của tôi). Tôi đã muốn chứng minh và muốn thuyết phục các độc giả của mình rằng, chỉ có thể đưa ra những khẳng định giàu nội dung về nền kinh tế, khi (và chỉ khi) nếu chúng ta vứt bỏ bộ máy quan niệm Marxist tạo ra các bẫy tư tưởng. Trong văn học kinh tế Hungary đã có một số người theo đuổi nỗ lực này. Ngược lại ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, và ở nước ta trong phần lớn các ngành khoa học xã hội, việc sử dụng bộ máy quan niệm Marxist vẫn thịnh hành và cản trở sự giải phóng tư duy một thời gian dài.

Sự tiếp đón lần đầu của cuốn sách

Những người đọc đầu tiên của luận văn, các nhà kinh tế học đồng nghiệp và các bạn thân, đón nhận với những lời khen ngợi nhiệt thành. Phản ứng này đến bất ngờ đối với tôi, tôi đã không tính đến chuyện này. Tôi bắt đầu con đường nghiên cứu không với nhiều tự tin và tiếng vang tốt đã cho tôi sức mạnh mới.

Trong các cuộc thảo luận ở viện cũng đã có nhiều đánh giá khen ngợi. Như thói quen ở Budapest, tin lan nhanh, qua truyền miệng, rằng đây là tác phẩm khác thường, được coi là "món ngon chính trị".

Theo các quy chế của Hungary phải bảo vệ công khai luận văn phó tiến sĩ. Cơ quan được uỷ quyền phong các học vị khoa học, Uỷ Ban Đánh giá Khoa học cử ra các phản biện của luận văn, và cử ra hội đồng đánh giá sau khi tranh luận bảo vệ: ứng viên có xứng đáng với học vị khoa học hay không.

Thường có 20-30 người dự các cuộc bảo vệ luận văn phó tiến sĩ, những người thân và bè bạn của ứng viên và giới hẹp của các chuyên gia quan tâm đến đề tài. Việc bảo vệ TK diễn ra ngày 24-9-1956, rất đông người đến dự.[45] Có thể, chỉ là kí ức tô hồng nhắc nhở, nhưng dường như khoảng hai trăm hay hơn thếđã có mặt.

Péter György chủ toạ. Tôi trích lời ông:[46] "Tôi đã học vật lí lúc nào đấy. Chúng tôi học rằng, khoa học thực sự bắt đầu trong vật lí với Galileo. Cái có trước đó, là suy đoán, là sự tưởng tượng về các sự vật. Trong vật lí học Galileo là người đã lấy thước đo, đồng hồ, quả cân, và đã đo các sự vật. Và thực ra lịch sử của các khoa học chính xác bắt đầu ở đây. Tính kỉ luật khách quan, cách xử lí các sự vật một cách chính trực, không bịảnh hưởng của bất kể loại cảm giác nội tại nào trong luận văn làm cho tôi nhớ đến điều này. Việc này là thế này, việc kia là

https://thuviensach.vn

thế nọ; nó đưa các hiện tượng vào kính hiển vi và mổ xẻ chúng, và mô tả nó nhìn thấy cái gì." Sự tương tự lịch sử khoa học là sự phóng đại ngàn lần- nhưng nó làm sáng tỏ một cách rõ ràng, vì sao Péter György lại coi TK là bước ngoặt trong thế giới xã hội chủ nghĩa so với nghiên cứu kinh tế học quen thuộc cho đến lúc đó. Bởi vì, nó đưa sự quan sát khách quan của thực tế, đưa sựđo lường và mô tả chính xác các hiện tương vào thế chỗ của sự suy đoán xảy ra trong chân không.

Một phản biện là quốc vụ khanh công nghiệp nhẹ Ajtay Miklós. Ông đồng tình và hết lời khen ngợi luận văn. (Muộn hơn trong thời Kádár người ta cất nhắc ông lên vị trí rất cao, ông trở thành phó chủ nhiệm Uỷ Ban Kế hoạch Nhà nước. Khi TK bị tấn công thô bạo, nhiều lần tôi đã yêu cầu ông cho tôi đăng nhận xét phản biện của ông với tư cách bài phê bình. Ajtay đã lảng tránh yêu cầu).

Phản biện khác, Augusztinovitcs Mária cũng có ý kiến rất thuận lợi. Bà chê trách rằng, luận văn không chứa đủ phân tích lí thuyết, không sử dụng phương pháp trừu tượng hoá. Khi theo trình tự tranh luận quen thuộc đến lượt ứng viên trả lời, tôi đã phản ứng hơi bực bội đối với những lời của Guszti. (Tất cả mọi người đều gọi Augusztinovitcs Mária như vậy ngay từ khi đó). Không phải dường như tôi nghi ngờ vai trò của trừu tượng hoá và tầm quan trọng của "lí thuyết thuần tuý" trong giải thích các mối quan hệ phức tạp của thực tế. Nhưng Guszti đòi hỏi điều này không đúng chỗ và không đúng lúc. Cái cần thiết cấp bách lúc đó chính là sự từ bỏ thói lên mặt lí luận rỗng, học đòi kiểu tư duy Marxian.

Cũng có nhiều nhận xét lí thú từ những người nghe. Nhận xét khi đó cũnggâychú ý lớn nhất, và sau đó các bài báo đầy đoạ sự kiện nhắc đến thường xuyên nhất, là phát biểu của Mándi Péter.[48] Tôi biết Mándi từ lâu, anh làm việc một thời gian ở trung ương đảng, trong ban do Friss István lãnh đạo. Bây giờ anh chê trách rằng, luận văn của tôi đã không đi đủ xa trong rút ra các kết luận. Phải tìm nguồn của những tai hoạ không chỉở cơ chế kinh tế cụ thể. "Nếu hệ thống tồi – Mándi nói-, thì không thể nhổ từng sai lầm một, mà phải thay đổi cơ bản cả hệ thống."

Tôi không biết, lúc đó Mándi hiểu "hệ thống" là gì. Tuy vậy ngần ấy là chắc chắn với con mắt hôm nay-tôi cũng thấy: TK đã dừng lại ở một điểm cơ bản trong phân tích nguyên nhân của các tai hoạ. Nó đã

https://thuviensach.vn

xác định đúng rằng, một trong những nguyên nhân của các tai hoạ là nền kinh tế kế hoạch chỉ huy, là mức độ thái quá của tập trung hoá, là sự đẩy thị trường ra khỏi [các cơ chế] điều phối. Sâu hơn thế nó đã chưa lần tới, và nó đã chưa nhận ra vai trò cơ bản của áp lực chính trị, của độc quyền hệ tư tưởng, của sở hữu nhà nước đẩy sở hữu tư nhân ra ngoài trong hoạt động loạn chức năng của nền kinh tế. Có thể là, ngay khi ấycác ý tưởng này đã chín trong Mándi – nơi tôi quá trình này còn kéo dài tiếp. Khi đó tôi vẫn tin vào tính có thể cải cách được của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong một bài viết sau này tôi đã đặc trưng trạng thái tư duy của bản thân mình khi ấy: tôi đã là *nhà cải cách ngây thơ*.

Tôi đã tin vào khả năng thay đổi đến mức, mùa xuân 1956 tôi đã đảm nhận lãnh đạo một nhóm công tác để tổng kết các kiến nghị cải cách hình thành trong viện cho đảng và chính phủ. Người ta đã tạo điều kiện cho tôi để dưới sự chỉ đạo của tôi nhiều cộng tác viên bên trong và bên ngoài có thể làm việc trên những kiến nghị. Nagy András, Bod Péter, Rédey Aranka đã là các trợ lí của tôi. Tháng tám chúng tôi đặt lên bàn một tài liệu khoảng 120 trang, trình bày kiến nghị hướng tới việc đưa ra "chủ nghĩa xã hội thị trường" Hungary với giọng điềm tĩnh, diễn đạt cẩn thận, với nhiều chi tiết cụ thể.[49] Một cách khiêm tốn tài liệu chỉ đề cập đến công nghiệp nhẹ, nhưng nội dung muốn nói của nó toàn diện hơn thế. Có thể coi dự thảo này như bản thảo thô đầu tiên của chương trình cải cách 1968 đưa "cơ chế kinh tế mới" vào. Đằng sau kiến nghị cải cách, với tư cách nguồn tư tưởng truyền cảm hứng là các bài báo của Péter György và *Tập trung quá mức* của tôi. Trong viện với sự tham gia của các chuyên gia bên ngoài đã có thảo luận súc tích và khách quan, đồng tình vớicác ý tưởng cơ bản. Varga István, một thời là nhà vạch chính sách kinh tế của Đảng Tiểu chủ, đã đọc kĩ và bình luận cả cuốn sách của tôi, lẫn kiến nghị cải cách của viện, năm 1957 ông được chính phủ Kádár mời lãnh đạo uỷ ban cải cách. Nagy Tamás, thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh của tôi và thủ trưởng của tôi ở viện khi đó, cũng đọc kĩ cuốn sách của tôi và kiến nghị cải cách, và đảng đã giao cho ông chức thư kí uỷ ban chuẩn bị cải cách 1968. Nhiều trong số những người, khi đó đã nghiên cứu cuốn sách của tôi hay kiến nghị cải cách mùa hè, muộn hơn đã trở thành các thành viên của uỷ ban Varga năm 1957 và uỷ ban do Nagy Tamás lãnh đạo vào các năm 1960. Tôi chắc chắn rằng,các ý tưởng khi đó của tôi đã có ảnh

https://thuviensach.vn

hưởng mạnh và lâu dài đối với họ. Ảnh hưởng này vẫn tiếp tục còn, thậm chí mạnh lên trong họ và trong những người khác, khi tôi đã vượt xa trạng thái nhà cải cách ngây thơ, và tôi đã nghi ngờ rằng, liệu có thể, hay liệu có được phép dừng lại ở cải cách nửa vời của chủ nghĩa xã hội hay không.

Từ nơi làm việc một thời của tôi, từ *Szabad Nép* người ta tìm tôi và yêu cầu: tôi hãy tóm tắt ở dạngbàibáocác ý tưởng chính của luận văn và của kiến nghị cải cách. Do sự may mắn ngẫu nhiên, như một phần thưởng bất ngờ, cũng trong số báo ngày 14 tháng 10 đó bài báo của tôi xuất hiện, số báo đưa tin: Nagy Imre được phục hồi đảng.[50]

Sự nghiệp ở viện nghiên cứu khoa học kinh tế của tôi bắt đầu bằng việc người ta hạ cấp tôi thành cộng tác viên phụ. Bây giờ giám đốc của tôi, Friss István nêu bật những công lao lớn của tác phẩm của tôi một cách công khai và nhấn mạnh, thăng cấp cho tôi thành nghiên cứu viên khoa học, nâng lương của tôi, và tặng tiền thưởng. Vẫn chưa hết một năm rưỡi từ khi tôi bị đuổi khỏi *Szabad Nép*, sự nghiệp của tôi lại vụt lên phía trên.

Hậu trường chính trị

Nếu tất cả điều này xảy ra chẳng hạn ở Mĩ, ở Massachsetts Avenue tại Cambridge, ở Đại học Harvard hay MIT, thì có thể nói: Kornai đã đổi nghề. Trước đó là nhà báo, đã chuyển sang nghiệp khoa học, và bây giờ dường như công việc khá trôi chảy.

Nhưng tất cả điều này xảy ra ở Đông Âu, ở Budapest. Không phải một sinh viên sau đại học bắt đầu ở một thành phố đại học yên bình, trong một thư viện yên tĩnh để làm rõ vấn đề chuyên môn hẹp do giáo sư đề xuất. Nếu trong các phần đến đây của chương này trước hết là câu chuyện về sự bắt đầu nghề nghiên cứu của tôi, thì bây giờ là lúc phác hoạ hậu trường chính trị.

Khi tôi chuyển về viện, Rákosi và bè lũ ông ta vẫn còn nắm quyền hành, với niềm tin rằng, sự thống trị của họ sẽ lại vững mạnh. Tuy vậy sau tám tháng bước ngoặt vũ bão do đại hội thứ XX của đảng cộng sản Liên xô gây ra đã ùa vào cuộc sống của các nước cộng sản. Khi đó Nikita Khruchev đã trình bày bài phát biểu nổi tiếng của mình về các tội lỗi của Stalin. Đời sống chính trị Hungary lại một lần nữa sôi động lên. Giới trí thức náo động lên. Trong câu lạc bộ của giới trí thức cấp tiến, trong Nhóm Pétőfi (Pétőfi Kör) các cuộc họp mặt kế tiếp nhau

https://thuviensach.vn

đưa ra những phê phán và lời buộc tội ngày càng trầm trọng. Đã vang lên đòi hỏi, lúc đầu nhỏ nhẹ hơn, rồi ngày càng lớn tiếng hơn là, phải quay lại chính sách của "giai đoạn mới", phải đẩy Rákosi khỏi chức vụ, còn phải phục hồi đảng cho Nagy Imre và đưa vào ban lãnh đạo chính trị nữa.

Ảnh hưởng của các tác phẩm của tôi đã có thể mạnh lên, bởi vì chúng xuất hiện trong không khí chính trị *này*. Tôi không nuôi ảo tưởng, rằng chỉ riêng địa vị *khoa học* của luận văn đã thu hút số lượng đông người tham dự bảo vệ luận văn của tôi. Nhiều người đã đến, bởi vì có tin rằng, cuốn sách của tôi đưa ra phê phán gay gắt tình trạng hiện hành. Đó là ngày 24 tháng chín, và chúng ta chỉ cách sự nổ ra của cách mạng có một tháng. Các đám mây ở trên bầu trời, "cơn bão làm sạch", mà Méray Tibor đòi trong cuộc họp chi bộ của chúng tôi, đang đến gần.

Điều này cũng giải thích vì sao các tường thuật ca ngợi buổi bảo vệ luận văn của tôi lại lên mặt *các nhật báo*. Báo chí chẳng bao giờ tường thuật, cả ở Hungary, lẫn ở nước ngoài, về các cuộc bảo vệ luận văn PhD, luận văn phó tiến sĩ. Người ta bàn luận đến bảo vệ luận văn của tôi, bởi vì nó không chỉ là buổi gặp mặt khoa học, mà cũng là một sự kiện chính trị.

Không có tác giả nào lại không hãnh diện, khoe khoang về sự chú ý ngợi khen và khác thường. Tôi cũng vui, nhưng tôi cũng bối rối. Để mô tả phản ứng của mình tôi phải quay lại theo thời gian, và tôi phải nói một cách toàn diện, lập trường của tôi khi đó là gì về quan hệ của công việc nghiên cứu chuyên môn và việc đóng vai đời sống chính trị-xã hội.

Khi đã ngã ngũ, rằng tôi sẽ là một nghiên cứu viên của một trong những viện của Viện Hàn lâm Khoa học Hungary, tôi đã xác định dứt khoát là, trong tương lai tôi sẽ dành tất cả sự chú ý của mình cho nghiên cứu khoa học. Đến khi đó tôi cũng đã không coi viết báo là một nghề thực sự. Tôi cảm thấy rằng, tôi đã ở trên con đường *chính trị* từ 1945 đến 1955. Còn chuyện, trên con đường chính trị đó tôi là một viên chức phong trào thanh niên ư hay một biên tập viên của tờ báo trung ương của đảng ư, chỉ là lựa chọn thứ yếu. Bây giờ tôi muốn từ bỏ, một lần và mãi mãi, con đường chính trị. Không chỉ sự quan tâm trí tuệ kéo tôi đến với khoa học, không chỉ hi vọng, rằng ở đó các khả

https://thuviensach.vn

năng của tôi có thể được phát huy hơn. Động cơ phủ định chí ít cũng quan trọng như thế: xa chính trị ra!

Tôi đã viết ở cuối chương 3 về sự vỡ mộng, cảm giác bị lừa với chính trị. Tôi cần đưa thêm một việc nổi bật. Thập niên đã qua là một kì thi lớn đối với tôi, và tôi thấy: trong kì thi này tôi đã rớt. Cần hai bên cho sự đánh lừa; không chỉ người đi lừa, mà cả người để mình bị lừa nữa. Con trai András của tôi ở tuổi vị thành niên, khi chúng tôi nói chuyện về đầu các năm 1950, nó hỏi tôi: "Bố, bố là người thông minh. Làm sao bố lại đã có thể xuẩn ngốc đến như vậy?"

Trong các chương trước của hồi kí này tôi đã cố gắng kể lại và giải thích chi tiết một cách trung thực, quá trình này đã xảy ra thế nào. Có lời giải thích và có sự biện hộ. Song câu hỏi do András nêu ra, bất luận nó đơn giản hoá vấn đề đến thế nào, vẫn có lí.

Có các đặc tính, không thể thiếu được để ai đó trở thành một nhà chính trị thành công. Không đủ, nếu chỉ có các khả năng trí tuệ, mà nhiều nghề khác cũng cần. Ngoài ra nhà chính trị phải *tin*, phải tin rất mạnh vào cái, anh ta làm và động viên những người khác làm, và phải có khả năng toả ra niềm tin này về phía những người khác. Một thời gian tôi đã có khả năng tin – nhưng khi đó, năm 1955 tôi đã quyết định rằng, tôi sẽ chẳng bao giờ là tín đồ nữa. Tôi muốn nghi ngờ mọi thứ - và điều này không tương thích với việc, ai đó trở thành nhà chính trị thành công.

Tham vọng quyền lực thúc đẩy nhà chính trị thành công. Trong tôi động cơ này ngay cả khi còn làm việc trong lĩnh vực chính trị cũng đã yếu. Còn bây giờ, nhìn thấy tội lỗi của những người say quyền lực, tôi đã dứt khoát quyết định, tôi sẽ chẳng bao giờ cố đạt quyền lực. Tôi từ chối mọi vị trí, trong đó dù chỉ có thể xuất hiện sự cám dỗ quyền lực.

Nhà chính trị không thể đạt thành tích lớn, nếu không có chí ít một lượng tính nhẫn tâm, vô liêm sỉ. Cần phải có mặt dạn, mày dày; phải có khả năng kìm trong mình những sự xúc phạm, và không xuất phát từ xúc động, mà phải phản ứng dựa trên sự cân nhắc chính trị có ý thức. Trong thang giá trị của anh ta tư tưởng chính trị, đảng, phục vụ phong trào là quan trọng hơn gia đình, tình bạn, niềm vui do nghệ thuật hay thiên nhiên mang lại. Đến khi đó tôi cũng chẳng có đủ thể chất chính trị. Nếu tôi muốn đặc trưng mình, tất cả các đặc tính của tôi đều ngược lại với các đặc tính của "tâm tính chính trị" mà tôi vừa liệt

https://thuviensach.vn

kê. Tôi biết cả việc này nữa, tôi chẳng bao giờ muốn giống tính khí này.

Tôi đã không muốn thử một kết hợp nào đó của vai trò chính trị và khoa học. Tôi sợ (tôi tin là có lí) rằng, không thể hoàn thành hai loại nhiệm vụ này theo tỉ lệ 50-50. Không chỉ bởi vì việc này sẽ làm cho cuộc cạnh tranh của hai chức năng thêm căng thẳng vì thời gian và năng lực của tôi, và vì thế tôi sẽ phải sống giữa sự dàyvò nội tâm liên tục. Mà cũng bởi vì, hai vai trò có thể tác động lại lên tính khí. Ai đó với tư cách chính trị gia không thể thiên vị một cách say mê vào buổi sáng, và vô tư một cách khách quan vào buổi chiều. Không thể tin một cách vô điều kiện vào chân lí riêng của mình trong những ngày chẵn, và không thể nhìn một cách nghi ngờ vào sự phân tích riêng của mình trong những ngày lẻ.

Tôi đã quyết định, rằng tôi chọn khoa học. Tôi không khẳng định rằng, tôi luôn luôn giữ mình được 100% với điều này liên tục, trong mọi thời điểm từ khi đó. Ai có thể luôn luôn nhất quán một cách triệt để? Nhưng ngần ấy tôi có thể nói, rằng -trừ các ngoại lệ hiếm hoi- trong gần nửa thế kỉ kể từđó tôi đã trung thành với lựa chọn của mình.

Tất nhiên vấn đề khó vẫn còn bỏ ngỏ: đường ranh giới giữa hai lĩnh vực nằm ở đâu? Tôi đã chẳng hề nghĩ đến chuyện chọn hoạt động hoàn toàn phi chính trị bên trong thế giới khoa học. Việc này đã là có thể. Trong khoa học kinh tế có các môn mang tính phương pháp thuần tuý, mang tính kĩ thuật, và các môn này được đánh giá cao. Tuy nhiên chúng không làm tôi quan tâm đặc biệt. Trước hết tôi muốn hiểu và nghiên cứu cái xảy ra xung quanh tôi. Cái hấp dẫn tôi là, điều không may với chủ nghĩa xã hội là gì. Dù chỉ giây lát tôi chẳng hề cảm thấy rằng, quay sang khoa học thì trách nhiệm của tôi với đất nước và con người sẽ chấm dứt. Tôi muốn làm khoa học "can dự".

Bây giờ tôi lại có thể nêu câu hỏi: ranh giới giữa "chính trị" và "khoa học" là ở đâu trong trường hợp của tôi? Trong khi ở lựa chọn cơ bản (không chính trị, mà là khoa học) tôi đã hoàn toàn dứt khoát, tôi đã chẳng có hình dung trước rõ ràng nào cả về ranh giới. Tôi mau chóng nghiệm thấy, không có đường ranh giới sắc nét và dễ thấy, như các đường biên giới giữa các nước trên bản đồ. Lần mò, nhiều khi lầm lẫn, tôi đã thử (và vẫn thử từ khi đó) quyết định từng trường hợp một: cái gì là cái tôi đảm nhận, và tôi né tránh cái gì.

https://thuviensach.vn

Cho việc vạch ranh giới này tôi có vài cái để vịn. Người muốn đóng góp cho khoa học, thì phải công bố kết quả của mình. Khi đó tôi chưa hề có khái niệm, trong đời sống hàn lâm phương tây sự nghiệp và công bố, xuất bản phụ thuộc vào nhau thế nào. Tôi đã chẳng hề nghĩ rằng, bằng các bài viết của mình tôi có thể kiếm được một chân giáo sư. Nhưng tôi biết rõ từ lịch sử khoa học rằng, các tác phẩm nằm trong ngăn kéo có lẽ có thể làm cho một vài nhà nghiên cứu sau này ngạc nhiên, nhưng ảnh hưởng của chúng không có. Thế mà nếu tôi làm việc trong một nước, nơi không có tự do ngôn luận, nơi có những hạn chế chính trị của việc công bố hợp pháp, thì tôi phải tính đến chúng một cách thực tiễn. Về vấn đề đặc biệt quan trọng này (công bố hợp pháp hay bất hợp pháp) muộn hơn tôi còn quay lại một cách chi tiết. Ởđây tôi vẫn phải bàn sơ bộ đến nó, bởi vì cuộc sống đã cuốn thế lưỡng nan khó khăn này đến trước mặt tôi ngay trong thời gian ấy.

Khi đã hoàn thành tiểu luận dài phản ứng lại bài viết của Kende Péter, và làm sạch các quan điểm của tôi khỏi chủ nghĩa Marx, Gimes Miklós đã đọc, rất khen nội dung của nó, và kiến nghị rằng anh sẽ nhân bản và truyền bá. Tôi đã né tránh lời đề nghị. Tôi không muốn gây rủi ro cho việc xuất bản luận văn của tôi một cách hợp pháp. Đối với tôi tiểu luận về chủ nghĩa Marx chỉ có một mục đích duy nhất: làm trong sạch các quan điểm của riêng tôi. Điều quan trọng đối với tôi là, hãy có trật tự trong đầu mình, khi tôi viết luận văn, và tôi cân nhắc từđiểm này sang điểm khác: cái gì là cái tôi biết và tôi công bố, và cái gì là cái tôi cũng biết, nhưng tôi không công bố. Đúng là, một phần nội dung muốn nói bị kẹt trong tôi. Điều này rất đau đớn. Tôi đã tước mất một vài khẳng định làm thức tỉnh tư duy đối với vài chục, có thể là vài trăm người, những người giả như có thể đọc tiểu luận được phát tán bất hợp pháp. Nhưng cuốn sách được xuất bản hợp pháp sẽ đến với hàng ngàn người cả ở Hungary, lẫn ở nước ngoài, và có ảnh hưởng lâu dài.

Tôi cảm thấy sự kích động trí óc và chính trị ở các cuộc họp của Nhóm Pétőfi. Có lẽ trừ một buổi còn tôi đã có mặt trong tất cả các cuộc họp. Thế mà, tôi chỉ phát biểu có một lần; tôi không thể dừng để không đặt ra một câu hỏi trong tranh luận kinh tế. Trong khi các bài viết của tôi có đến cỡ cả cuốn sách về các vấn đề nêu ra tranh luận, nhưng tôi không đảm nhận trình bày. Bầu không khí của các cuộc tụ hội như nam châm hút tôi, với tư cách *người nghe*. Với tư cách *người*

https://thuviensach.vn

trình bày tiềm năng, khi đó tôi cảm thấy, đấy không thực sự là "thể loại" của tôi. Các cuộc tụ hội đã là những kết hợp đặc biệt của các cuộc tranh luận chuyên môn và hội họp chính trị. Những lúc như thế bên cạnh lập luận khách quan cũng phải lợi dụng các công cụ tâm lí đám đông nữa. Tôi cảm thấy, các cuộc tranh luận của Nhóm Pétőfi đóng vai trò thúc đẩy các thay đổi quan trọng và đáng mong muốn như thế nào. Nhưng cân nhắc tỉnh táo những khả năng của bản thân mình, tôi nghĩ: đây không phải là diễn đàn cho tôi. Tôi thích thú các đoạn "hỏi-trả lời" sau mỗi bài giảng đại học. Điều này vừa chỗ trong vai trò khoa học; ở đây sự chuẩn bị chuyên môn và "Schlagfertigkeit-tính lanh lợi" trí tuệ là đủ. Trong cuộc họp mang nặng tính chính trị phải tạo ra tiếng vang, tạo ra niềm phấn khởi hay sự phẫn nộ với đối thủ -tôi không cảm thấy tài năng trong mình cho việc này.

Hay là-hay là – tôi đã nêu câu hỏi gay gắt đến như vậy cho bản thân mình trong thời gian đó. Đã có người cho rằng đây là sự lựa chọn quá cứng nhắc, những người khác thì chấp nhận với sự thông cảm và sự tế nhị. Bất luận phản ứng đã như thế nào, tôi đã quyết định rằng, tôi muốn ở lại, không phải nửa chừng, mà toàn bộ trong thế giới khoa học.

https://thuviensach.vn

Chương 6:CÁCH MẠNG – VÀ CÁI XẢY RA SAU ĐÓ

https://thuviensach.vn

23/10/1956 -1959

Cách mạng tháng mười đã không đến một cách hoàn toàn bất ngờ. Tôi tin, trong bạn bè của tôi có hai người, Gimes Miklós và Kende Péter- độc lập với nhau, rút ra kết luận từ những tín hiệu khác nhau, đã bày tỏ rằng, sự căng thẳng chính trị gia tăng, sự bất mãn của dân chúng có lẽ sẽ nổ ra ở dạng nào đấy vào mùa thu. Trong tháng chín, tháng mười đã có thể cảm nhận được, rằng các sự kiện ngày càng tăng tốc. Tuy nhiên, sự bùng nổ xảy ra chính xác khi nào và sẽ xảy ra như thế nào, có lẽ đã chẳng ai thấy trước – tôi chắc chắn đã không.

Cương lĩnh chính phủ mới của Nagy Imre

Đầu buổi chiều 23 tháng 10, cuộc nói chuyện với Donáth Ferenc có nhắc đến việc cả hai chúng tôi sẽ tham gia một cuộc thảo luận ở văn phòng của Vas Zoltán. Donáth Ferenc là một nhà lãnh đạo cộng sản kì cựu. Khi chia ruộng đất ông là quốc vụ khanh ở bộ nông nghiệp của Nagy Imre. Sau đó ông điều hành ban thư kí của Rákosi Mátyás. Khi người ta chuẩn bị vụ án hình sự của Kádár János, họ bỏ tù ông và ông ngồi tù nhiều năm. Năm 1954 người ta cũng thả ông ra, rồi bổ nhiệm ông làm phó cho Friss István ở viện chúng tôi. Khi đó người ta coi ông là một trong những nhân vật lãnh đạo của "những người cánh tả" bị gạt sang lề. Tôi rất kính trọng ông, ông cũng tôn trọng tôi. Muộn hơn, khi chế độ Kádár cũng bỏ tù ông, và từ đó ông cũng được thả ra, tình bạn nảy nở giữa chúng tôi.

Cả Vas Zoltán nữa, mà chúng tôi chuẩn bị đến văn phòng ông, cũnglà một người cộng sản kì cựu. Cùng với Rákosi Mátyás ông đã ở trong nhà tù Csillag tại Szeged hơn 15 năm. Năm 1945 ông nổi tiếng xuất sắc với tư cách thị trưởng Budapest. Ông đã là chủ tịch Hội đồng Kinh tế Tối cao, rồi là chủ nhiệm Uỷ Ban Kế hoạch Nhà nước (khi đó tôi quen biết ông), con đường sự nghiệp của ông lúc lên, lúc xuống do sự chuyên quyền của Rákosi giáng cấp. Năm 1956, khi chúng tôi chuẩn bị đến chỗ ông, ông giữ chức chủ tịch Hội đồng các Hợp tác xã Toàn quốc.

Vas Zoltán bây giờ ủng hộ nhóm Nagy Imre. Khi chúng tôi tụ tập bên ông, trong khi trò chuyện thì điện thoại reo lên hết lần này đến lần khác. Vas nhận được báo cáo về chuyện, đám đông lớn thế nào đã tụ tập ở quảng trường Bem, họ đi về phía Trường Bách Khoa ra sao.

https://thuviensach.vn

Donáth tuyên bố, chắc chắn có thể tính đến chuyện Nagy Imre sẽ lại là thủ tướng. Phải chuẩn bị bài phát biểu, mà Nagy Imre sẽ trình bày ở Quốc hội, và trong đó ông phác hoạ cương lĩnh của mình. Bây giờ cần thoả thuận về việc, ai viết bản thảo đầu tiên. Để viết phần kinh tế của cương lĩnh, ai đó (tôi nghĩ, Nagy Tamás) đã kiến nghị tôi. Csikós-Nagy Béla xung phong, sẵn sàng nhận việc này. Tuy nhiên Donáth quyết định rằng ông thích chọn tôi hơn. Karczag Imre, trước đó là quốc vụ khanh công nghiệp, đã chuyển cho tôi bản ghi chép tóm tắt các kiến nghị của ông. Zala Júlia, một cộng sự thân cận của Péter György đề nghị, cô sẽ sẵn sàng giúp đỡ nếu tôi cần đến số liệu. Cô đề nghị tôi đến Tổng cục Thống kê làm việc. Péter György đang ở nước ngoài. Tôi hãy ngồi vào phòng ông, và ban thư kí của ông sẵn sàng giúp cho tôi. Tôi đã đảm nhận sự uỷ thác.[51]

Trong buổi chiều này đã chẳng ai biết được, ngày 23-10-1956 này rồi sẽ có ý nghĩa gì. Nhưng tôi cũng cảm thấy, cũng như những người khác, những người có mặt trong buổi thảo luận, rằng chúng tôi đang sống những giây phút lịch sử đặc biệt. Trong giờ phút kịch tính này tôi đã để sang một bên quyết định mạnh mẽ của mình, rằng tôi muốn làm khoa học chứ không phải chính trị.

Trong cuộc thảo luận đã có tranh luận dài về nội dung cương lĩnh. Khi tối đã muộn tôi về nhà, tôi được các bạn tôi báo qua điện thoại về những diễn biến, trong đó về các sự kiện xảy ra trước Radio [đài Phát thanh]. Sáng sớm hôm sau tôi đi đến Tổng cục Thống kê, ngồi vào bàn làm việc của Péter György, và tôi bắt đầu làm việc trên dự thảo.

Đáng tiếc, văn bản mà tôi dự thảo đã bị mất. Sau 4 tháng 11 tôi nhờ chị Lily giấu đi, bởi vì tôi sợ là sẽ có khám nhà tôi, và họ sẽ tìm thấy. Thế nhưng, không lâu sau tôi cũng đã yêu cầu chị Lily và mẹ tôi để cho Gimes Miklós có thểẩn náu vài ngày ở nhà chúng tôi. Một ngày sau khi anh rời nhà mẹ tôi, họ bắt giam anh. Bây giờ đến lượt Lily sợ, hoàn toàn có lí, rằng sẽ có khám nhà chúng tôi. Chịđã đốt những giấy tờ được giấu của tôi, trong đó có dự thảo cương lĩnh chính phủ được hình thành trong những ngày tháng 10. Tôi phải dựa vào trí nhớ của mình, nếu tôi muốn tái hiện nội dung của nó.

Thường tôi viết dễ và nhanh, nếu tôi biết, mình muốn nói gì. Tôi không biết, với văn bản này tôi đã lao vào thảo bao nhiêu lần, và tôi luôn phải làm lại từ đầu. Trong hai-ba ngày đã hình thành một bản

https://thuviensach.vn

phác thảo. Sự uỷ nhiệm của tôi là soạn thảo cương lĩnh *kinh t*ế và các yêu cầu xã hội và chính trị liên quan đến nó. Đã chẳng phải là nhiệm vụ của tôi đi thảo các dự kiến chính sách đảng, cũng chẳng phải luật, cũng không phải các kế hoạch chính sách đối ngoại.

Như tôi đã nhắc đến, chúng tôi đã thảo luận sơ bộ trong cuộc gặp ngày 23 tháng mười với Vas Zoltán về vài vấn đề chính sách kinh tế được trình bày trong bản thảo, nhưng tôi nghĩ: tôi khá tự do để viết ra cái tôi nghĩ là đúng. Nagy Imre và các cộng sự trực tiếp của ông đằng nào cũng sẽ xem qua bài viết của tôi, và họ sẽ quyết định, giữ lại cái gì, và thay đổi cái gì trong bản thảo.

Thủ tướng-giả như ông chấp nhận dự thảo này - sẽ thông báo ý định của mình, rằng sau khi chuẩn bị kĩ lưỡng về cơ bản sẽ phá bỏ hệ thống chỉ thị kế hoạch, và sẽ phát triển nền kinh tế thị trường thế chỗ nó. Gắn với việc này sẽ cho phép công nhân tham gia vào các quyết định của xí nghiệp, thể chế hoá dân chủ xí nghiệp. (Ngày làm việc thứ hai-thứ ba của tôi đã có tin về sự hình thành các hội đồng công nhân. Điều này cũng xác nhận, rằng dạng nào đấy của sự tổ chức tự quản-công nhân phải được cấy vào cương lĩnh).

Dự thảo khuyến khích và ủng hộ các nhà tiểu công nghiệp và các tiểu thương bắt đầu lại, song trong cương lĩnh không hề xuất hiện ý tưởng, là phải tư nhân hoá các xí nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Ngược lại, nó khẳng định rằng, phải bảo vệ sở hữu nhà nước.

Trong nông nghiệp nó cho phép giải thể một cách có trật tự các hợp tác xã được hình thành một cách ép buộc và phục hồi sở hữu tư nhân của nông dân, nơi các xã viên của hợp tác xã nông nghiệp muốn điều này. Đồng thời nó đưa ra triển vọng ủng hộ các hợp tác xã quyết định vẫn ở lại với nhau.

Cương lĩnh muốn xây dựng các mối quan hệ ngoại thương theo mọi hướng– nhưng tránh việc Hungary ra khỏi Hội đồng Tương trợ Kinh tế, và tự do hoá hoàn toàn ngoại thương.

Dự thảo nói về những căng thẳng kinh tế vĩ mô. Nó nhấn mạnh, rằng không được phép gây nguy hiểm cho mức sống, mà chúng ta đã đạt được-nhưng không hứa hẹn sự cải thiện nhanh chóng.(*)

Dự thảo, mà tôi đưa lên trang giấy, có nghĩa là sự tiếp tục thẳng tắp của "giai đoạn mới" năm 1953, với sự chú ý đến tình hình kinh tế cụ thể khi đó. Cái nó vượt quá, là việc đưa "chủ nghĩa xã hội thị trường"

https://thuviensach.vn

và "dân chủ xí nghiệp" vào cương lĩnh. Hai điều này vẫn chưa có mặt giữa những việc phải làm vào tháng sáu 1953. Hiển nhiên tôi đã thúc giục điều này, bởi vì việc nghiên cứu, mà tôi đã tiến hành 10-12 tháng trước, và kiến nghị cải cách của chúng tôi đã nhận được sự chấp nhận thuận lợi trong giới chuyên môn đã hướng các suy nghĩ của tôi theo hướng này.

Trong trí tưởng tượng hãy nghĩ lại lịch sử từ 1954. Nếu vài tuần sau tháng mười 1954, sau thắng lợi (tạm thời) của Nagy Imre ở hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, tiếp đến giả như có một bài phát biểu ở quốc hội – thì dự thảo của tôi có thểđã là một xuất phát điểm phù hợp để hình thành cương lĩnh. Cương lĩnh này thực sự được may đo cho Nagy Imre. Ngần ấy "là vừa" trong khuôn khổ tư duy cộng sản cải cách triệt để của ông.

Nhưng diễn tiến lịch sử không dừng lại ở tháng mười 1954. Cái bắt đầu bây giờ, sau 23-10-1956, đã vượt xa, quá xa những khuôn khổ này. Trong vài ngày đầu có lẽ hình như vẫn có thể tưởng tượng được, rằng hệ thống một đảng vẫn tồn tại, ở dạng biến đổi thành "dân chủ hơn". Nhưng mau chóng té ra là, các sự kiện được tăng tốc. Chính phủ liên hiệp đã đang trong quá trình hình thành, bằng làm sống lại các đối tác liên hiệp cũ năm 1945. Trong vài ngày hơn hai mươi đảng nổi lên, lĩnh vực chính trị lao vun vút theo hướng chủ nghĩa đa nguyên. Vào ngày thứ ba-thứ tư trong tôi hình thành ý kiến, rằng dự thảo do tôi viết đã mất tính thực tiễn chính trị của nó. Nhưng để soạn thảo chính sách kinh tế cho một chính phủ liên hiệp, thì tôi đã không được chuẩn bị.

Nhìn lại không thể nói một cách đối lại sự kiện: lẽ ra cương lĩnh kinh tế của chính phủ liên hiệp *khi đó* của Nagy Imre là gì, nếu giả như tình hình được củng cố đến mức có thể giới thiệu với công chúng. Losonczy Géza đã tổ chức tiếp báo giới ngày 3-11-1956, tức là một ngày trước sự can thiệp quân sự Soviet, và đã trả lời như thế này cho một câu hỏi: "Chính phủ hoàn toàn nhất trí tuyên bố rằng, không muốn từ bỏ bất cứ thành quả tích cực nào của mười hai năm qua: như thế từ cải cách ruộng đất, từ quốc hữu hoá các nhà máy và xí nghiệp và từ các thành tựu xã hội… Chính phủ quyết tâm-hoàn toàn nhất trí - rằng sẽ không chấp nhận việc lập lại chủ nghĩa tư bản ở Hungary trong bất cứ hoàn cảnh nào".[52] Sự vật lộn của riêng tôi quanh cương lĩnh kinh tế của chính phủđã xảy ra trước vài ngày (thực sự quyết định số phận) so

https://thuviensach.vn

với cuộc chiêu đãi báo giới được nhắc tới của Losonczy. Tôi phải thú nhận, rằng linh cảm của tôi đã rất bấp bênh liên quan đến tương lai chính trị. Nói chung tôi không loại trừ khả năng, là diễn tiến của các sự kiện vượt quá trạng thái cải cách xã hội chủ nghĩa, và nước Hungary thiết lập chế độ kinh tế giống như thế giới phương Tây.

(*) Đã có tranh luận về vấn đề này trong cuộc họp sơ bộ ngày 23 tháng mười. Đã có người muốn Nagy Imre công bố cương lĩnh càng được lòng dân càng tốt. Những người khác nhấn mạnh: chỉ được phép đưa ra những hứa hẹn thực tế, có thể thực hiện được. Ngay khi đó đã nổi lên thế lưỡng nan, mà cho đến tận ngày nay vẫn đè nặng và chia rẽ các nhà chính trị. Tôi đã là người ủng hộ lời hứa hẹn tỉnh táo, biết điều và đầy trách nhiệm và đến giờ tôi vẫn thế.

Nhiều thứ làm tôi lo âu: không khí nóng bỏng, những tin tức về các biểu hiện cực đoan đã đến tai tôi. Trong lúc đó tôi không có ác cảm chính trị hay thế giới quan đi ngược trào lưu chính của các sự kiện. Ngược lại, tôi vui mừng, là -dường như- nước Hungary tiến theo hướng dân chủ. Nhưng tôi đã không có những hiểu biết tạo cơ sở cho công việc soạn cương lĩnh thoả mãn những đòi hỏi của thực tiễn chính trị mới. Tôi nhận ra là, Donáth Ferenc, Vas Zoltán hay Nagy Tamás tin về tôi một cách vô ích, rằng tôi là một nhà kinh tế biết nhiều -thực ra tôi biết rất ít, cần phải chuyển ra sao từ một chế độ một đảng sang chế độ đa đảng, và từ hệ thống xã hội chủ nghĩa sang nền kinh tế thị trường thực sự, sang chủ nghĩa tư bản.(*)

Sau nhiều ngày dày vò thử sức tôi rút ra kết luận và bỏ dở việc soạn cương lĩnh. Tôi thông báo việc này với Donáth, ông thông cảm ghi nhận thông báo của tôi. Với sự trung gian của nữ thư kí của ông tôi đã đưa cho ông văn bản, mà tôi đã soạn thảo. Tôi giả thiết là, bản này cũng đã bị mất.

Từ bỏ công việc là một cảm giác cay đắng; là thất bại chuyên môn và chính trị. Lịch sử nổi bão quanh tôi, còn tôi thì cứ ngồi trên đống giấy tờ của mình với hiểu biết phiến diện, thiển cận, một cách không được chuẩn bị và bất lực.

Tờ Magyar Szabadság (Quyền Tự do Hungary)

Sau nhiều ngày còng lưng trên bàn làm việc hay đọc chính tả để các cô tư kí dễ thương và sẵn lòng của ban thư kí của Péter đánh máy các văn bản của tôi, bây giờ tôi muốn đi ra ngoài và nhìn ngó trong

https://thuviensach.vn

thành phố. Sáng ngày 29 tháng mười tôi sang nhà Kende Péter ở gần chúng tôi, rồi hai chúng tôi đến Lőcsei Pál. Bây giờ tôi vẫn nhớ giây phút nực cười, khi anh mặc bộ áo ngủ màu hồng và tiếp chúng tôi. Anh nhanh chóng thay quần áo và bây giờ cả ba chúng tôi khởi hành theo hướng Đại Lộ Vòng (Nagykörút)- đường Rakóczi.

Tôi đã đọc những kí ức của Kende về ngày này.(**) Về *sự thật* của các sự kiện, cơ bản chúng tôi nhớ lại giống nhau. Tôi bổ sung thêm, cái chỉ có tôi mới có thể kể lại: cái gì đã xảy ra trong suy nghĩ và cảm nhận của riêng tôi.

Đầu tiên chúng tôi đi đến lâu đài New York, nơi là ban biên tập của tờ *Magyar Nemzet* (*Dân tộc Hungary*) trước cách mạng. Chúng tôi gặp Oberoszky Gyula, ông khi đó đã biên tập tờ báo mới *Igazság* (*Chân lí*) được một hai ngày. (Toà án dẫm máu của chế độ Kádár đã kết án tử hình Oberoszky, và chỉ có áp lực phản đối mới cứu được mạng ông). Với những lời lôi cuốn ông nói về tờ báo của mình, muốn là cái loa của những người khởi nghĩa cầm vũ khí với lòng dũng cảm coi khinh cái chết. Ông mời chúng tôi tham gia vào công việc của họ. Trong cuộc nói chuyện chỉ có Pali và Péter lên tiếng, tôi im lặng. Trong lòng tôi công nhận và khâm phục lòng dũng cảm của những người khởi nghĩa, và tôi cảm thấy rằng, những hành động của họ mang lại bước ngoặt trong diễn biến của các sự kiện. Nhưng họ là những loại người nào? Tôi chẳng biết ai trong số họ.

(*) Ba mươi ba năm sau tình hình lại khác: khi đó cái tôi muốn nói được đặt cơ sở trên những hiểu biết chín chắn cũng về những vấn đề này. Khi đó, năm 1989, khi thảo *Indulatos röpirat* (bản tiếng Việt: *Con đường dẫn tới nền kinh tế thị trường* NXB Văn Hoá Thông tin 2002, N.D.) tôi cảm thấy: tôi có thể viết ra cái theo tôi là việc cần làm, và tôi biết nói cho những người -nếu họ muốn- có thể đưa vào thực tiễn.

(**) Kende công bố những kí ức của mình trong cuộc phỏng vấn dành cho Oral History Archivum (OHA phỏng vấn số 84. Thực hiện ngày 2-20 tháng chín 1987, tr. 358, 359 và 372). Révész Sándor (1999, tr. 317322) thảo luận chi tiết việc thành lập tờ *Magyar Szabadság* trong cuốn sách của ông về Gimes Miklós.

Họ là các chiến sĩ có ý thức của các tư tưởng cao thượng? Là các thanh niên thích phiêu lưu, mà mắt họ rực lên, khi họ có thể cầm súng trên tay? Ai đưa súng vào tay họ? Và nói chung tôi có vui hay không

https://thuviensach.vn

về chuyện súng đạn nổ vang? Liệu không thể tiến theo hướng dân chủ mà không có đổ máu? Một điều chắc chắn: tôi đã không cảm thấy bất kể lí do đạo đức và chính trị nào và sự thôi thúc bên trong nào để tôi là cái loa của những người khởi nghĩa. Tôi đã không hình thành bất cứ nhận xét nào về khởi nghĩa vũ trang. Tôi tràn đầy phấn khởi, là cách mạng đã chiến thắng. Đồng thời tôi ở trong trạng thái bối rối, tôi đã không định hướng được về cái gì xảy ra và các lực lượng nào trong chuyển động.

Chúng tôi chia tay với hội Oberoszky trong tình bằng hữu và sang trụ sở của *Szabad Nép*. Đã hơn hai năm tôi không đến đó. Giữa chừng chúng tôi đã hình thành ý kiến chung, theo đó chúng tôi không tham gia vào ban biên tập khác, mà bản thân chúng tôi cho ra một tờ báo mới. Trụ sở do một lực lượng chính trị mới, một trong những nhóm khởi nghĩa khác nhau, chiếm giữ. Dudás József lãnh đạo họ. (Chế độ đàn áp Kádár đã đưa ra hình phạt tử hình với ông, và họ thi hành ngay lập tức). Lőcsei đàm phán với họ, và quay về với kết quả là, hội Dudás không cản trở hoạt động biên tập báo của chúng tôi.

Giữa chừng Gimes Miklós tới, và đảm nhận viết bài xã luận của số đầu tiên. *Magyar Szabadság* (*Tự do Hungary*)-đây là đầu đề bài xã luận và đồng thời cũng trở thành tên của tờ báo.[53] Lőcsei và Kende cũng lập tức bắt đầu mỗi người viết một bài. Lőcsei viết về chính sách đối nội, còn Kende về chính sách đối ngoại. Nhiệm vụ chờ đợi tôi, hiển nhiên, là tôi viết gì đó về tình hình kinh tế và về những việc cần làm.

Khi thảo cương lĩnh chính phủ, tôi đã thửđi thử lại nhiều ngày. Bây giờ tôi cũng có thể bắt đầu, nhưng tôi đã từ bỏ việc viết mau hơn nhiều. Tôi không muốn rút khỏi công việc chung, và vì thế tôi đã làm nhiệm vụ mà tôi đã làm trong các tuần cuối ở *Szabad Nép*: tôi lên khuôn tờ báo, tôi tiến hành biên tập kĩ thuật. Bằng việc này, tôi giả thiết, tôi đã làm việc tốt, đã thúc đẩy bộ máy của tờ nhật báo mới khởi động.

Vẫn ngày đó đã xuất hiện các cộng sự tiếp theo, trong đó có Lénárt Gábor, Kovács Erzsi, Horthváth László. Nếu tôi nhớ kĩ, không có ngoại lệ đều là các đồng nghiệp cũ. Tụ hợp lại một đội nhà báo, mang nặng quá khứ của *Szabad Nép*, với sự chỉ đạo của những người, đã là các thủ lĩnh tinh thần và những người tham gia của "cuộc nổi loạn của

https://thuviensach.vn

chúng tôi" một thời. Quá khứ chung và một vài tư tưởng mới chung - dân chủ, độc lập, tự do - đã gắn kết chúng tôi lại. Tin vào một loại chủ nghĩa xã hội nào đó, mà về nó chỉ có thể biết ngần này: là rất khác với chế độ cộng sản chuyên chế Rákosi.

Tính mơ hồ của các quan niệm chính trị đã làm tê liệt ngòi bút của tôi. Những người có ý định trong sạch và thông minh này, những người tụ tập ở đây, chỉ biết một điều chắc chắn, cái gì là cái họ không muốn. Nhưng đã chẳng bao giờ có cơ hội để họ bàn luận với nhau một cách cặn kẽ, cái gì là cái họ vui lòng thấy thế vào chỗ của quá khứ phải dứt khoát xoá bỏ. Họ muốn liên minh lâu dài hay chiến thuật với những ai? Họ không muốn hợp tác với những ai? Để đạt các mục đích chính trị họ coi những phương tiện nào là đủ, và tránh sử dụng những phương tiện nào?

Bây giờ, sau khi đã đứng trước những quyết định khó khăn hết lần này đến lần khác suốt nhiều thập niên, tôi biết đánh giá các khả năng và những giới hạn của bản thân mình một cách khách quan. Khả năng phán xét của tôi hoạt động khá tin cậy, khi tôi dựa vào những nền tảng trí tuệ và đạo đức vững vàng và tự tin. Điều kiện tiếp theo: tôi có thời gian để cân nhắc cẩn trọng, để xem xét đi xem xét lại một cách phê phán hành động phản ứng ngay đầu tiên. Vào ngày bi thảm ấy, ngày 29 tháng mười, ở đó, ở toà soạn một thời của *Szabad Nép*, chẳng điều kiện nào được thoả mãn. Thế giới quan cộng sản cũ của tôi đã sụp đổ, thế giới quan mới tôi vừa mới bắt đầu xây dựng trong mình. Tất cả mới chỉ xong một nửa trong đầu tôi. Làm sao tôi có thể dẫn ra từ các tiền đề chưa chín mùi này những kết luận liên quan đến chính trị hàng ngày? Có những người lắng nghe các bản năng chính trị của mình khi như vậy, và chúng mách bảo, phải làm gì. Các bản năng của tôi thì im lặng.

Trong một phần trước của hồi kí của mình tôi đã đặc trưng bản thân tôi như người mộng du bước những bước tự tin trên lan can ban công hay ở mép mái nhà. Thế đấy, từ khi đó tôi đã tỉnh, hai năm qua và đặc biệt vài ngày từ 23 tháng mười đã đánh thức tôi rất nhiều. Cùng với điều này sự tự tin của tôi đã hoàn toàn mất hẳn.

Nhiều năm sau tôi đã trò chuyện với Halda Aliz, bạn đời của Gimes Miklós về buổi chiều này. Chúng tôi đã so sánh, khi đó Miklós đã nghĩ và hành động thế nào, và cái gì đã xảy ra trong tôi. Tôi trích

https://thuviensach.vn

đoạn đối thoại trong cuốn sách của bà; các chữ đứng là lời của Aliz, các chữ nghiêng là lời của tôi.

"*-Tôi đã chẳng viết được một dòng nào. Đơn giản tôi đã không biết, mình khuyên gì cho nhân dân Hungary trong tình hình này. Khi đó tôi hiểu dứt khoát, rằng việc này không hợp với tôi.*

- Rốt cuộc thì việc này cũng không là tai hoạ lớn. Trong một xã hội mỗi người có vai trò của mình, và khó có thể có ai có ích hơn anh.

-Điều này không đơn giản như vậy. Chị có thể tưởng tượng, tôi đã nghĩ kĩđiều này hàng ngàn lần suốt hàng thập kỉ; không phải một lần tôi đối chất bản thân mình với sự hiến thân của Miklós. Anh ấy hiển nhiên đã cảm thấy trong mình khả năng để quyết định trong tình huống như vậy.

-Tôi tin, sự cắn rứt lương tâm cũng thúc đẩy các hành động của anh ấy.

-Tôi cũng bị cắn rứt lương tâm. Làm sao lại không. Nhưng từ đấy, đáng tiếc không suy ra, là tôi biết phải làm gì. Để tôi đưa ra một sự tương tự: nếu tôi cán ai đó, và không có bác sĩở gần, tôi sẽ không bắt tay mổ anh ta. Từ việc tôi cán anh ta, tôi vẫn không trở thành nhà phẫu thuật."[54]

Tôi không tiếp tục công việc ở *Magyar Szabadság*. Những ngày tiếp theo tôi vào viện, tôi đi vào thành phố, tôi gặp bạn bè. "Bạn nổi loạn" một thời của tôi, Fehér Lajos mời tôi đến nói chuyện, anh chiêu mộ người cộng tác cho tờ *Népszabadság* (*Tự do Nhân dân,* báo của Đảng cộng sản –N.D.) đang hình thành. Tôi đã nói không. Friss István gọi điện thoại đến nhà tôi và khuyên: tôi hãy đến đài phát thanh, để nói lên một tiếng nói tỉnh táo. Tôi cũng từ chối việc này. Tôi cố thử hiểu, cái gì xảy ra quanh tôi, tôi vui với tin tốt lành, tôi phập phồng lo sự việc sẽ trở nên xấu đi. Chúng tôi đến 4 tháng mười một như thế. Xuất hiện các xe tăng Soviet.

Những ngày phiền muộn, các năm lận đận

Ở đây tôi làm gián đoạn trình tự thời gian. Hai ba năm tiếp đó– cũng như trường hợp của bấy nhiêu người Hungary khác-, là giai đoạn phiền muộn nhất của đời tôi. Nếu giả như là đạo diễn phim tôi thử thể hiện, cuộc sống của tôi đã diễn ra thế nào, thì tôi sẽ luân phiên cho hiện lên các hình ảnh khác nhau. Tôi phập phồng lo âu chuẩn bị trong suy nghĩ, rằng người ta hỏi cung tôi ở phố Gyorskocsi.(*)Tôi ngồi

https://thuviensach.vn

cạnh bàn giấy và chăm chỉ ghi chép cuốn sách lí thuyết của Samuelson. Tôi hồi hộp chờ hành lang bệnh viện, đợi đứa con thứ hai của chúng tôi sinh, và cô ý tá xuất hiện với tin mừng: cậu con trai khoẻ mạnh.(**)Chúng tôi thì thầm với bạn bè ở viện nghiên cứu: bây giờ uỷ ban do đảng cử xuống tiếp tục điều tra, rồi sẽ tiếp đến việc thanh trừng. Giây phút tràn ngập niềm vui: nhận bản in thử của lần xuất bản bằng tiếng Anh của *Sự Tập trung Quá mức*. Tin khủng khiếp: các cuộc bắt bớ các bạn thân nhất của tôi. Trao đổi thành thạo với lãnh đạo của một nhà máy ngành dệt. Và cứ như thế tiếp diễn; lần lượt kế tiếp nhau các hình ảnh đáng sợ và yên lòng, hạnh phúc và cay đắng, đáng rút ra bài học và kì cục.

Tôi không phải là nhà đạo diễn phim. Tôi phải từ bỏ việc tái hiện lại không khí ngột ngạt của thời kì này, sự ngả nghiêng hồi hộp của những cảm giác và suy nghĩ của riêng tôi. Để cho sự hồi tưởng của tôi hoàn thành nhiệm vụ của nó, cần đến *phân tích.* Tôi phải tách các sợi dây quấn vào nhau. Trong chương nàyvà chương tiếp theo tôi sẽ thảo luận riêng các chiều-kích khác nhau của đời tôi, từ bỏ việc thể hiện một cách thích đáng: những tương tác của những việc xảy ra đồng thời đã giữ tâm hồn tôi trong trạng thái phấn khích, vật lộn, nhiều khi kinh hoàng đến thế nào.

Sự Tập trung Quá mức tiếp tục cuộc sống của nó

Không lâu trước cách mạng tôi đã nộp bản thảo của cuốn sách cho Nhà xuất bản Kinh tế và Luật. Những ngày đầu tháng mười một tôi đến văn hòng của họ, và xin lại bản thảo. Ai biết được, cái gì sẽ đến, chỗ tốt hơn cho nó là nơi tôi.

Khi tình hình sau 4 tháng mười một yên ắng hơn một chút, tôi lại xuất hiện ở nhà xuất bản. *Lời nói đầu* ghi tháng giêng 1957 nhắc lại, rằng ban đầu tôi nộp bản thảo vào tháng mười 1956, rồi tiếp tục như thế này: “Chỉ bây giờ nó mới có thể xuất hiện. Tất nhiên tôi lại lấy ra, lại đọc qua-nhưng tôi cảm thấy: không thích đáng nếu bây giờ tôi sửa đổi. Hòn đá thử vàng của lẽ phải của một tác phẩm được hoàn thành với đòi hỏi khoa học là: nó có đứng vững với thời gian không? Bây giờ trong vài tháng những sự kiện có sức nặng hàng thập kỉ đã xảy ra trong nước ta. Nhiều người cảm thấy cần thay đổi chứng kiến của họ- có lẽ không phải một lần- về nhiều vấn đề chính trị và kinh tế cơ bản chỉ trong vài tháng. Tuy nhiên tôi nghĩ thế này: cái đã đúng ngày 22 tháng

https://thuviensach.vn

mười, vẫn cũng đúng vào ngày 24 và vào tháng giêng 1957 nữa. Vấn đề chỉ là: liệu *khởi đầu* nó cũng có đúng hay không? Và bởi vì niềm tin của tôi là, tôi đã viết đúng về tình hình 1955-1956 (liệu tôi tin có lí hay không, rồi các nhà phê bình của tôi phải xác định), nên tôi đã không tu sửa tiểu luận."[55]

(*) Trong các vụ, mà tôi cũng bị triệu tập nhiều lần, việc hỏi cung diễn ra ở các địa điểm của Bộ Nội vụ nằm ở số 31 phố Gyorskocsi thuộc quận II. Tên chính thức của tổ chức tiến hành điều tra là: "Phòng Điều tra thuộc Vụ Điều Tra Xét hỏi Chính trị của Nha Cảnh sát Toàn quốc của Bộ Nội vụ".

Phòng Điều tra nằm ở phần sau của khối nhà khổng lồ, lưng hướng ra phố Gyorskocsi, còn mặt tiền hướng ra phố Fő. Người ta tạm giam ở đó trong thời gian điều tra những người, mà người ta muốn khởi tố án chính trị chống lại họ, trong sốđó có các bạn của tôi mà chương này nhắc đến nhiều lần. Nagy Imre bị lôi về từ Rumani và các bị cáo khác của vụ án Nagy Imre sau đó đã bị tù trong chính toà nhà này. Trong phần phố Fő của toà nhà -giữa các điều kiện được củng cố-toà án quân sự và viện kiểm sát đã hoạt động. Người ta đã sử dụng một trong những phòng xử án của phần này để tiến hành vụ án Nagy Imre bí mật. Đây là giải pháp tiện lợi cho những người chuẩn bị vụ án. Không cần phải đưa các bị cáo bằng ô tô, qua đường từ nhà tù sang toà nhà toà án, chỉ cần đưa họ từ vị trí điều tra đến phòng xử bên trong khối toà nhà. Như thế dễ tiến hành mọi thứ trong bí mật hoàn toàn. Ở đây, tại số 70 phố Fő này, người ta kết án tử hình Nagy Imre, Maléter Pál và Gimes Miklós.

Quảng trường trồng những cây và các bụi cây đẹp, mà toà nhà này nằm ở một bên, ngày nay được gọi là quảng trường Nagy Imre.

"Phố Gyorskocsi"-trong giới chúng tôi, cái tên gọi tắt này chỉ một cách rõ ràng đến địa điểm, nơi những người lấy cung của công an chính trịđã làm việc.

(**) Tháng sáu 1957, khi sinh András, các sự kiện xảy ra khác với 1952, khi sinh Gábor. Khi đó người bố mất trí cảm thấy, thế giới và toà soạn sụp đổ, hay chí ít phạm lỗi đạo đức nghiêm trọng, nếu chuyển phiên trực cho người khác trong giờ đẻ, và bỏ đi vì việc riêng. Bây giờ tất cả đã diễn ra như quen thuộc với những người bình thường.

Những lời ngạo mạn này đã chọc tức những người sau đó đã tấn công cuốn sách. Nhưng bây giờ hãy đừng chạy trước. Chúng ta ở đầu năm 1957. Toàn bộ sự chú ý của nhóm Kádár-Münich tập trung vào

https://thuviensach.vn

việc dẹp tan những tàn dư cuối cùng của cuộc phiến loạn, làm yên lòng những công nhân đình công, bắt đầu chiến dịch trả thù. Nó không còn năng lực để ý đến xuất bản sách. May cho tôi là, giám đốc nhà xuất bản, Keresztes Tibor và biên tập viên lo bản thảo, Siklós Margit đã sẵn sàng gánh chịu rủi ro, và gửi cuốn sách vào nhà in. Vài ngày sau nó xuất hiện, và bán hết rất nhanh.

Vài tháng trước đó, ngay cuối 1956 xuất hiện trên *Tạp chí kinh tế* một bài giới thiệu tuyệt vời của Esze Zsuzsa về buổi bảo vệ luận văn của tôi.[56] Bài này lưu ý sự chú ý của nhiều người đến công trình. Sau đó – như sự tiếp tục của những lời khen ngợi ở buổi bảo vệ luận văn– đã xuất hiện một hai bài phê bình ca ngợi. Trong số đó tôi nhấn mạnh đến bài của Péter György. Ông đã cố tình đăng bài phê bình trên tuần báo của những người theo Rákosi đang tập hợp lại lúc đó, trong đó ông hết lòng ủng hộ TK.[57]

Nhưng bây giờ chúng ta ở trong thời kì khác rồi, các lời khen ngợi thưa đi. Mùa xuân 1957 khởi đầu một loạt đợt tấn công chống lại cuốn sách. Trong các tạp chí chuyên môn và tuần báo kinh tế, trong *Népszabadság*, trong học liệu được nhân bản và phân phát ở đại học người ta nêu TK như thí dụ không thể tha thứ được của "chủ nghĩa xét lại".(*)Người ta dẫn ra rằng, nó bác bỏ các nguyên lí cơ bản của nền kinh tế kế hoạch, nó muốn giải phóng các lực lượng tự phát của thị trường. "Những quan điểm xét lại xuất hiện trong khoa học-kinh tế gắn liền với sự chuẩn bị hệ tư tưởng phản cách mạng, và phục vụ cho chúng như cơ sở kinh tế"[58] – Ripp Géza viết như thế về cuốn sách của tôi. "Không đúng, là khoa học kinh tế theo nghĩa nghiêm ngặt không liên quan đến phản cách mạng … Bài học, là cũng chẳng được phép bỏ qua chủ nghĩa xét lại xuất hiện trong trứng nước…"[59] – Molnár Endre kiến nghị, rồi nêu cuốn sách của tôi ra làm thí dụ minh hoạ. "Luận văn của Kornai hoàn toàn ăn khớp với chiến dịch chính trị và ý thức hệ chuẩn bị tư tưởng cho phản cách mạng"[60] –Gulyás Emil khẳng định trong học liệu được lưu hành tại trường đảng. (**)

Tháng chín 1957, chẳng đoán trước gì, tôi đến nghe bài giảng của Friss István, mà ông trình bày ở Học viện Chính trị của đảng đang được tổ chức lại. Trong phần hai của bài giảng ông lần lượt nêu tên các nhà kinh tế "xét lại". Péter György thoát nạn với một cảnh cáo nhẹ, Nagy Tamás và Erdős Péter nhận được quở trách mạnh hơn. Cuối cùng

https://thuviensach.vn

là tôi. Tôi chẳng bao giờ quên sự kinh ngạc, cảm giác đáng lo, mà tôi trải qua trong những khoảnh khắc ấy, ở đó, ngồi trong hàng những người nghe. Tôi đã có thể nghe, cũng chính Friss István ấy, người một năm trước đã khen ngợi, đã thưởng tiền, đã thăng cấp cho tôi vì cuốn sách – bây giờ ông buộc tội một cách nghiêm khắc cũng cuốn sách ấy. Theo diễn đạt của ông nội dung tôi muốn nói có thể hiểu được, là tôi đã bác bỏ hệ thống xã hội chủ nghĩa. Nếu Kornai nghĩ như thế, thì đây không còn là quan điểm chống Marxist nữa, mà là sự cự tuyệt chủ nghĩa Marx.

(*) Trong biệt ngữ của các đảng cộng sản người ta buộc tội là "kẻ xét lại" những người, mà bản thân họ gọi mình là Marxist, nhưng muốn sửa đổi luận đề này luận đề khác của Marx. Tính ngữ này không hợp với tôi, bởi vì khi đó tôi đã không muốn xem xét lại, sửa đổi chủ nghĩa Marx, mà tôi đã từ bỏ nó.

(**) Ngoài ra Révai József cũng viết một bài hăm doạ về các nhà lí luận chuẩn bị cho phản cách mạng, và phản đối kịch liệt chống lại sự bê trễ trong cuộc đấu tranh tư tưởng. Cũng đã có vài lời buộc tội nghiêm khắc tôi từ tổng biên tập một thời của tôi. Bài của ông ngay cả đối với lãnh đạo đảng kiểu Kádár cũng là quá cực đoan, vì thế họđã không cho phép công bố. PIL 793. f. 2/116. ő.e. p. 14. Bản thảo bài báo được viết năm 1957.

Với những cảm giác kép tôi đã đọc khi đó, và cả bây giờ nữa những bài tấn công tôi. Nếu tôi nghĩ kĩ ý nghĩa trực tiếp của các từ, tôi phải khẳng định, thực ra những người tấn công đã đúng. Đúng, TK đã đi xa hơn việc vạch ra những sai lầm, hơn việc phê phán một miếng mỏng nào đó của sự chỉ đạo nền kinh tế. Về nền kinh tế chỉ huy với tư cách một hệ thống, cuốn sách đã chỉ ra rằng, nó hoạt động tồi. Đúng, TK thực sự là một phần của trào lưu tư tưởng, làm cho những cơ sở của hệ thống xã hội chủ nghĩa đáng nghi ngờ, và bằng cách này đã chuẩn bị về mặt ýthức hệ cho cách mạng 23 tháng mười. Đúng, tác giả đã thực sự từ bỏ chủ nghĩa Marx. Những sự buộc tội này tôi nhận.

Nhưng đấy mới chỉ là một nửa của câu chuyện. Nửa kia không do nội dung chân lí của các lí lẽ và các phản lí lẽ quyết định, mà do tình hình, trong đó các lời tấn công vang lên. Ở đây không phải là về cuộc đấu trí tuệ tay đôi của các bên có cơ hội ngang nhau. Kornai János nói thế này, và đối mặt với ông Ripp Géza, Molnár Endre, Gylyás Emil và

https://thuviensach.vn

Friss István thì nói thế nọ. Họ tự do tấn công, còn tôi thì không thể bảo vệ lập trường của mình một cách công khai, chân thành, trình bày tất cả lí lẽ của tôi. Chúng ta ở năm 1957. Trong các bạn thân nhất của tôi người ta đã bỏ tù không phải một, những người khác thì bịđuổi khỏi chỗ làm việc. Tất cả những người, đã đứng về phía cách mạng, đều bị săn đuổi. Trong hoàn cảnh ấy loại đánh giá: "kẻ xét lại", "bác bỏ nền kinh tế xã hội chủ nghĩa", v.v. chịu đe doạ nghiêm trọng. Molnár Endre cũng nói toạc ra, rằng "chẳng được phép bỏ qua chủ nghĩa xét lại xuất hiện trong trứng nước."[61]

Tôi phải hoãn lại sau việc kể lại những đe doạ biến thành thực tế ra sao, bởi vì tôi muốn tiếp tục kể về số phận của cuốn sách. Trong khi ở Hungary diễn ra các cuộc tấn công, thì bắt đầu một chương mới của câu chuyện TK. Việc này bắt đầu với việc, Nagy András động viên một nhà kinh tế trẻ, Zádor István, người muốn di tản (như người ta gọi lúc đó) sang Anh: hãy mang theo một cuốn TK và một tóm tắt ngắn bằng tiếng Anh được chuẩn bịở trong nước, và đưa đến cho các nhà kinh tế Anh. Việc đã xảy ra đúng như thế. Sự giới thiệu cuối cùng đã đến với John Hicks, giáo sư Trường đại học Oxford, một trong những nhân vật quan trọng nhất của kinh tế học hiện đại, về sau ông được tặng giải Nobel. Cùng với việc này một nhà kinh tế gốc Hungary sống ở Anh, Anthony de Jassay (Jászay Antal) cũng biết được cuốn sách, và ông đã lưu ý Hicks đến công trình của tôi.(*)Hicks kiến nghị xuất bản cuốn sách cho một trong những nhà xuất bản khoa học hàng đầu thế giới, Oxford University Press. Không lâu sau đó, nhà xuất bản đề nghị một thoả thuận với tôi.

(*) Zádor đã tự tử, và tôi chẳng bao giờ có cơ hội nói chuyện với anh về lai lịch cuốn sách. Nhiều năm sau chúng tôi trao đổi thư với giáo sư Jassay, nhưng ngày nay tôi cũng chẳng biết chính xác, liệu hành động của ông và của Zádor có song song với nhau không, hay gắn với nhau. Tôi rất mang ơn cả ba người, Hicks, Jassay và Zádor, đã giúp cho việc xuất bản cuốn sách bằng tiếng Anh. Tôi trích bức thư của giáo sư Jasay viết năm 1990 bằng tiếng Anh, mà tôi còn giữ đến ngày nay trong kho lưu trữ riêng của tôi: "Đừng nói đến chuyện, Ông mang ơn tôi. Việc, tôi kiến nghị cuốn sách của ông khi ấy, năm 1957, cho Oxford University Press, sở dĩ xảy ra là vì tôi cho là rất độc đáo và đáng xuất bản. Công lao duy nhất của tôi là, tôi đọc được tiếng

https://thuviensach.vn

Hungary, và tôi đã có khả năng chú ý đến nó, và John Hicks đã sẵn sàng tin vào lời tôi."

Tất nhiên tôi muốn tóm lấy cơ hội không thể tin được và bất ngờ này. Theo các quy định tôi phải xin phép giám đốc viện, Friss István. Friss István không chỉ có hai, mà có nhiều linh hồn. Bởi vì trước đó ông đưa tôi lên mây, rồi lại đập xuống đất – bây giờ ông đồng ýchoxuất bản.(*) Bắt đầu công việc dịch. May mắn là, anh của một cô bạn cùng trường Đức một thời của tôi, Knapp Marika, anh János sống ở Anh và là giáo sư kinh tế, đã đảm nhận nhiệm vụ khó nhọc. Anh đã làm công việc hết sức tận tâm. Bây giờ tôi lật lại đống thư từ dài mà chúng tôi trao đổi để làm rõ mọi thuật ngữ, ý nghĩa của mọi từ có vấn đề. Đã không dễ để chú ý đến những lời của người dịch rất trung thành với văn bản của tôi – ngoài ra phải chịu rủi ro của việc xuất bản ở phương Tây của cuốn sách-, trong khi họ làm nhục tôi trong báo chí Hungary, và đánh giá cũng chính cuốn sách này là tác phẩm phản cách mạng nguy hiểm.

Khi sau đó bản tiếng Anh được xuất bản năm 1958,[62] trong thời gian ngắn đã gây ra ấn tượng lớn. Các nhật báo hàng đầu ở Anh đã khen ngợi trong các bài báo chiếm cả trang báo, *Times* và *Manchester Guardians*,[63] các tạp chí kinh tế hàng đầu phương tây đã công bố các bài phê bình ca ngợi nhiệt tình. "Đây chắc chắn là cuốn sách quan trọng - giọng nó cởi mở, nó cho cái nhìn phong phú, có nhiều phân tích đúng"[64]- tờ *American Economic Review* viết. "Mr. Kornai biến tất cả chúng ta thành người chịu ơn bằng việc, cho bức tranh lập luận có logic và chặt chẽ… tác phẩm của ông là hiện tượng duy nhất cho đến ngày nay. Chẳng ở đâu trong thế giới cộng sản đã xuất hiện một tiểu luận như thế"[65] -đấy là khẳng định của bài phê bình của *Economica* ở London.

Nhiều năm sau tôi đích thân gặp Alec Nove, Joseph Berliner, David Granick và những người khác, những người đã viết các bài phê bình này. Họ bảo tôi, cuốn sách khi đó đã gây ấn tượng lớn thế nào. Họ đoán già đoán non, ai có thể, là người đã lên tiếng ở sau bức màn sắt, và dám nói cái, mà cuốn sách đã mở ra trước thế giới bằng tiếng Anh.

Họ đuổi tôi ra khỏi viện

Nhiều ấn tượng quyết định của đời tôi gắn với phố Nádor ở Budapest. Trước chiến tranh văn phòng luật sư của cha tôi đã ở đây.

https://thuviensach.vn

Như tôi đã nhắc tới, Viện Khoa học Kinh tế chuyển về đây.(**)Cuối tháng mười một 1956 ở góc phố Nádor và phố Mérleg tôi gặp bí thư quận uỷ quậnV của Đảng Công nhân Xã hội chủ nghĩa Hungary đang được tổ chức lại, một người phụ nữ còn trẻ, mà tôi biết kĩ từ một đợt nghỉ mát chung. Chúng tôi bắt đầu nói chuyện. Như tất cả mọi người trong những ngày ấy, chúng tôi đánh giá tình hình chính trị. Trong lúc nói chuyện tôi thông báo với cô, rằng "tôi không là người Marxist". Tôi nhấn mạnh, rằng điều này tôi không nói thầm với cô với tư cách "cá nhân". Tôi yêu cầu, với tư cách bí thư quận uỷ hãy ghi nhận thông báo của tôi.

(*) Friss đặt các điều kiện cho việc xuất bản. Ông đã muốn bỏ lời nói đầu gốc. Còn tôi thì muốn để lại, nhưng đồng ý bỏđi câu ngạo mạn vừa được trích ở trên. Ngoài ra tôi viết một lời nói đầu cho lần xuất bản bằng tiếng Anh, thông báo rằng: cuốn sách này không giới thiệu nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nói chung, mà là tác phẩm gắn với địa điểm và thời gian, và kể từ khi được xuất bản đã có sự chuyển động nào đó theo hướng cải cách. Tôi còn phải bỏ một-hai phần khỏi văn bản, phần đặc biệt chọc tức hội Friss. Tất cả đấy là sự nhượng bộ, nhưng nhìn lại tôi cũng thấy: đã bõ nhượng bộ ngần ấy vì việc xuất bản cuốn sách ở nước ngoài .

(**) Muộn hơn Uỷ Ban Kế hoạch Nhà nước hoạt động ở đây, tại phố Nádor, nơi tôi thường xuyên lui tới trong công việc của các mô hình toán học về kế hoạch hoá của chúng tôi. Ởđây tôi quen với người vợ thứ hai của tôi, Dániel Zsuzsa, khi đó là cán bộ của uỷ ban kế hoạch.

Vì sao tôi lại nói điều đó cho người phụ nữ thân thiện và tốt bụng này? Chắc là vì tức, vì bướng bỉnh. Tôi muốn tách mình ra khỏi những người -vừa mới hoàn hồn tưởng cách mạng- đã vội vã tự sắp xếp lại. Tôi cũng đã nói với nhiều người ở viện chính thông báo này về từ bỏ chủ nghĩa Marx. Ởđó khi ấy đã bắt đầu tổ chức lại đảng. Tư cách đảng viên của các đảng viên cũ tự động chấm dứt. Ai lại muốn là đảng viên, người đó phải yêu cầu kết nạp. Các bạn cùng phòng một thời của tôi, Erdős Péter và Hoch Róbert bắt đầu việc tổ chức. Tôi tuyên bố, không vào. Chẳng bao lâu tuyên bố của tôi với bí thư quận uỷ cũng đến viện. Một lần và mãi mãi họ đưa vào hồ sơ cán bộ của tôi: Kornai János tuyên bố rằng mình không là người Marxist. Từ bỏ chủ nghĩa Marx không được đánh giá là lỗi lầm đặc biệt lắm với Varga István,

https://thuviensach.vn

Theiss Ede hay Rácz Jenő, những người được quy từ trước là "các nhà kinh tế tư sản". Ngược với họ tôi đã không là "kẻ vô đạo", mà trước là "dị giáo", rồi "phản đạo". Tôi đã một lần sở hữu tri thức và tôi đã phản bội nó. Là "người ngoài đảng nguyên thuỷ"- đây là tình trạng có thể chấp nhận được. Ở những người ngoài đảng nguyên thuỷ ngay sự im lặng cũng được những người cộng sản coi là hành động thiện ý. Ngược lại, kẻ từ bỏ đảng, từ bỏ chủ nghĩa Marx, là kẻ phản đảng, là kẻ phản bội.

Phần lớn các đồng nghiệp của tôi ở viện -người thì sau do dự ngắn ngủi, người thì sau do dự dài hơn– đã quyết định lại gia nhập đảng. Nhiều người trong số họ cảm thấy quan trọng là họ đến phòng tôi, và giải thích vì sao họ lại làm thế. Tình hình này khá kì quái. Cứ như là họ xin phép hay xin rửa tội tâm hồn vậy.

Hai người, Nagy András bạn tôi và tôi, chúng tôi không lay chuyển, và tránh ngay cả ý nghĩ gia nhập. Ngày nay, năm 2003, tôi không muốn đánh giá con người theo việc, ai đã là đảng viên dưới chế độ Kádár và ai không. Tôi biết, là cũng có nhiều người tử tế và tốt bụng ở bên trong đảng, và có nhiều kẻ bất lương và gian trá giữa những người ngoài đảng. Trong những kí ức của mình bây giờ tôi đang nói về giai đoạn 1956-1957, về một nơi làm việc trí thức, nơi trừ một hai ngoại lệ tất cả cán bộđã đều là đảng viên cho đến 23 tháng mười. Trong những ngày cách mạng ở nơi làm việc này tất cả mọi người đã bày tỏ cảm tình với những thay đổi, và hầu nhưđã chẳng có ai nói dù chỉ một lời chống lại. Rồi các xe tăng Soviet đã đánh gục cách mạng. *Sau những sự việc này* lại lẻn vào đảng – khi đó việc này dù sao đã có ý nghĩa đặc biệt trong con mắt của tôi. Sự biến hoá nhanh đã cấy vào trong tôi sự hoài nghi và ngờ vực không thể khắc phục nổi cho đến tận ngày nay đối với sự bền gan và tính nhất quán trước sau như một của con người.

Có thể, là khi đó tôi đã quá khắt khe và cứng nhắc trong những phán xét của mình. Chắc chắn nhiều người vẫn là người chân thành theo chủ nghĩa xã hội. Trong số họ có những người suy nghĩ vớiý định lương thiện rằng, vào lại đảng họ có thể làm nhiều hơn để sự việc chuyển biến thuận lợi hơn, so với nếu hợở ngoài. Tôi cũng công nhận, đã có, có lẽ không ít người đã giữ vững lời hứa của mình, và với tư cách đảng viên họđã đấu tranh cho cải cách và cho sự phát triển của

https://thuviensach.vn

đất nước. Tuy nhiên khi đó tôi đã không có khả năng chấp nhận loại suy nghĩ này.

Vài tuần sau sự bắt đầu khôi phục người ta gọi từ trung ương đảng. Fock Jenő, sau này trở thành thủ tướng, đã tìm tôi. Trước đó ông đã là bộ trưởng bộ luyện kim và công nghiệp chế tạo máy, khi chúng tôi biết nhau. Đảng muốn xem xét cải cách cơ chế kinh tế. Ông đã nghe về công trình của tôi, và yêu cầu tôi hợp tác. Tôi đã không đảm nhận.

Varga István tìm tôi, trong thời kì Rákosi ông đã bị gạt sang lề và không được để ý tới- bất chấp hiểu biết kinh tế sâu rộng và uy tín chuyên môn lớn của ông. Bây giờ chính phủ Kádár-Münnich đã mời ông lãnh đạo một uỷ ban gồm các chuyên gia, mà nhiệm vụ của nó là thảo chi tiết các kiến nghị cải cách. Trong các tháng trước tôi đã nhiều lần nói chuyện với Varga. Tôi đã nhắc đến rằng, ông đã nghiên cứu kĩ quyển sách của tôi và kiến nghị cải cách được chuẩn bị hè năm 1956 với sự chỉ đạo của tôi. Ông cố thuyết phục để tôi tham gia vào công việc đang khởi động này. Tôi đã không đảm nhận.

Vì sao không? Tôi đã từ chối hợp tác, không phải vì *khi đó* giả như niềm tin lí thuyết của tôi đã là, hệ thống xã hội chủ nghĩa là không thể cải cách được.Tôi cũng chẳng thể nói được rằng, tôi là "người cổ vũ ngược". Tôi chẳng bao giờ chấp nhận lập luận đối lập kiểu machiavellist "càng xấu, càng tốt". Tôi đã cảm thấy lãi ròng, nếu giả như sự bó buộc của tập trung hoá quan liêu nhẹđi một chút.

Tôi đứng đối lập với cải cách không phải với tư cách nhà kinh tế, mà là các lí do chính trị thúc đẩy. Sự can thiệp Soviet đã làm tôi phẫn nộ sâu sắc. Tôi cảm thấy tức giận và khinh bỉ đối với Kádár János và các bạn ông, những người lúc đầu đã đứng về phía cách mạng, sau đó thì phản bội. Tôi coi việc bắt cóc Nagy Imre và các bạn ông là sự phản trắc kinh khủng. Vài trang trước tôi đã kể một cách chân thành, tôi đã bối rối trong nội tâm thế nào vào những ngày cách mạng *thắng lợi*. Tôi đã không biết quyết định, cái tôi cần làm là gì. Khi đó các bản năng của tôi đã không mách bảo tôi. Bây giờ tình hình hoàn toàn khác, trong các tháng sau thất bại, kể từđó, từ khi cách mạng *thất bại*. Tôi cảm thấy một cách tự phát: tôi phải nói không.

Cuối 1957 trung ương đảng cử một uỷ ban để kiểm tra, viện đã đóng vai trò như thế nào trước, trong và sau "phản cách mạng". Uỷ ban do Háy László, hiệu trưởng trường đại học, lãnh đạo. (Người mặt

https://thuviensach.vn

khác đã tuyên bố: “Chừng nào tôi còn là hiệu trưởng Trường đại học Khoa học Kinh tế, Kornai không thể dạy ở đây.”) Thư kí và người làm mọi việc của uỷ ban là Molnár Endre, cái tay Molnár Endre đã viết bài cay độc nhất chống lại tôi. Đã diễn ra sự giật dây ở đằng sau cánh gà. (*) Một quan điểm là, phải giải tán viện, như một trong những ổ của chủ nghĩa xét lại. Friss István và tổ chức đảng, chủ yếu là Erdős và Hoch đã đấu tranh để bảo vệ viện. Như ngôn ngữ thành phố Pest ngày nay nói với đúng giọng Hung: “họđã hi sinh” hai chúng tôi, Nagy András và tôi.(**)

Friss István cảm thấy không thoải mái, để bản thân ông cho chúng tôi biết quyết định.

(*) Mùa xuân 1958 ban lãnh đạo đảng của viện đã khẩn thiết khuyên những cán bộđóng vai trò tích cực trong những ngày tháng mười, trong đó có tôi và Nagy András, rằng chúng tôi hãy tận dụng hội nghị công tác được triệu tập họp vào tháng sáu để tự phê bình thành khẩn. Chúng tôi hãy tách mình ra khỏi “phản cách mạng”, ra khỏi Nagy Imre, ngoài ra hãy tuyên bố sự trung thành của chúng tôi đối với ban lãnh đạo mới do Kádár chỉ huy và lòng trung thành của chúng tôi với chủ nghĩa Marx-chủ nghĩa Lenin.

Hội nghị diễn ra ngày 23 tháng sáu 1958, chỉ vài ngày sau khi đưa ra công khai bản án của vụ án Nagy Imre. Nhiều đồng nghiệp của chúng tôi đã đi rất xa trong việc rút lại các quan điểm trước đây của mình, trong việc lên án các hành động riêng của mình. András và tôi tuy vậy đã không đáp ứng lời kêu gọi được nhắc đi nhắc lại. Cả hai chúng tôi đã quyết định, rằng -nếu phải lên tiếng dưới sự thúc giục của các bạn tốt bụng ở viện- thì chúng tôi thừa nhận “những sai lầm” liên quan đến các vấn đề kinh tế không liên quan đến chính trị. Trong phát biểu của riêng mình tôi đã nói vài câu chung chung về tầm quan trọng của kế hoạch hoá và chỉ đạo kinh tế tập trung, và về việc tác phẩm của tôi đã không nhấn mạnh đủ điều này-nhưng đã không có tự phê bình chính trị, lên án cách mạng tháng mười và Nagy Imre, tuyên bố trung thành về chính trị và ýthức hệ. András cũng thế. Thái độ này của chúng tôi (như đồng nghiệp này đồng nghiệp nọ còn ở lại viện sau này mô tả đặc điểm: “thái độ ngoan cố của chúng tôi”) cũng đã có thểđóng vai trò trong việc, họđuổi đúng hai chúng tôi ra khỏi viện.

https://thuviensach.vn

(**) Trong các hồi ức của mình Nagy Tamás mô tả đặc trưng cuộc kiểm tra đảng thế này: "Họ tuyên bố viện là ổ mủ, và thế nên họđuổi một đám người. Friss tuy có nỗ lực, và việc này, theo tôi, có lợi cho ông ta, sắp đặt những người này vào các nơi làm việc có thể chịu được, nhưng dù sao cũng không bảo vệ họ thực sự." (OHA phỏng vấn số 26. tr. 133. Thực hiện 1986). Về đợt kiểm tra đảng ở viện có đăng một bài báo năm 1958 trên *Tạp chí Kinh tế-Közgazdasági Szemle*. Thay cho tên đầy đủ họ chỉ kí bằng chữ lồng nhau K.I.

Họ để chúng tôi tự tìm nơi làm việc cho mình. András, một chuyên gia nổi tiếng về ngoại thương, định hướng theo hướng đó. Tôi tìm việc trong ngành công nghiệp nhẹ.

Với tấm lòng biết ơn tôi nghĩ đến các đồng nghiệp công nghiệp nhẹ, Sik György, Simán Miklós, Fülöp Sándor, Schiller György và những người khác, những người đã giúp kiếm chỗ làm việc. Thậm chí, tôi nhận được việc làm không đơn giản để kiếm tiền, mà là lĩnh vực, trong đó tôi có thể tiếp tục công việc nghiên cứu "một cách che dấu". Trước tiên tôi trở thành nhân viên của văn phòng Thiết kế Công nghiệp nhẹ, sau đó là của Viện Nghiên cứu ngành Dệt.

Sự ủng hộ của Viện Khoa học Kinh tế đã làm cho sự tìm việc dễ dàng hơn. Tôi biết nhiều câu chuyện, trong đó nơi làm việc trước "rờ theo sau" những người bịđuổi, và nếu có thể, làm khó cho việc chiếm việc làm mới. Tôi không thể dựng lại, những cuộc điện thoại cẩn mật như thế nào đã xảy ra sau lưng tôi. Tôi có cảm tưởng rằng, tính nhiều linh hồn của Friss István lại bộc lộ, lần này từ phía thuận lợi. Trong khi – không do đề xuất riêng của ông, mà của Háy và Molnár – ông đã sẵn sàng biến chúng tôi thành vật tế thần, rồi lại muốn giúp để chúng tôi có thể tiếp tục sự nghiệp của mình với tư cách nhà kinh tế.

Ngày 15 tháng chín 1958 tôi rời viện với tấm lòng nặng trĩu. Hình thành lối sống mới của tôi. Về hình thức tôi là nhân viên của các cơ quan vừa kể, nhưng thực tế tôi có thể tự do phân chia thời gian của mình. Một phần công việc tôi làm ở toà nhà của Bộ Công nghiệp Nhẹ. (Đối diện với khối nhà ảm đạm của phố Gyorskocsi, nơi người ta giam các bạn của tôi, và đôi khi người ta lôi tôi vào hỏi cung). Tôi ở nhà khá nhiều. Nhiều buổi nói chuyện công việc của tôi xảy ra không phải ở các phòng làm việc, mà ở quán cà phê Gresham hay ở quán Gerbeaud.

https://thuviensach.vn

Ngay khi đó tôi đã cảm thấy, mình không có lí do để thương hại hay khiến người khác thương hại mình. Đúng, không có Viện hàn lâm Khoa học Hungary và viện đứng sau tôi với uy tín của nó, tôi bị bỏ mặc một mình. Nhưng bên cạnh mình tôi đã có thể thấy mạng lưới bảo vệ và bàn tay giúp đỡ của bạn bè và đồng nghiệp.

Được tự do, trong cái bóng của nhà tù

Tại nhà mẹ tôi ngày 6 tháng mười hai năm 1956 tôi gặp Halda Aliz, bạn đời dũng cảm của Gimes Miklós. Mới hai ngày trước Miklós đã ngủ ở đây tại nhà mẹ tôi, tối hôm trước anh đã ngủ ở nơi khác. Bây giờ té ra là, người ta đã bắt anh. Ở đây lần đầu tiên tôi cảm thấy, nhà tù in bóng xuống tôi. Kể từ đó nhiều lần xảy ra là, ban đêm tôi bật thức vì tiếng động nào đó, tôi chạy vào bếp để nhìn ra phố: không đứng ở đó ư chiếc xe, mà người ta chở tôi đi. Như trước đây tôi đã nhắc đến, trong thời kì Rákosi tôi đã không sợ bị bắt, bởi vì – như tôi đã viết – tôi đã là người mộng du, can đảm bước lên thành bao lơn, và không sợ ngã. Bây giờ tôi đã biết khá nhiều về chế độ. Bây giờ tôi đã sợ.

Bất chấp những nỗi sợ hãi tôi không bỏ đất nước ra đi. Vài tuần sau khi đánh tan cách mạng bức màn sắt hầu như được mở. Đã có thể vượt biên với rủi ro nhỏ hơn rất nhiều so với bình thường. Hai trăm-hai trăm năm mươi ngàn người đã trốn đi. Trong giới bạn hẹp của tôi cũng có khá nhiều người quyết định rời bỏ đất nước, trong số đó có cả bạn thân nhất của tôi Kende Péter. Khi đó chúng tôi không thể biết, chúng tôi còn nhìn thấy nhau hay không. Liệu sẽ có cơ hội, để tôi đi ra, hay anh về nước hay không? Cùng với vợ tôi, chúng tôi quyết định: ở lại. Trong một chương sau sẽ nói chi tiết về thế lưỡng nan "ở lại hay di tản".

Trong đầu đề tôi đánh dấu năm 1959 như năm kết thúc giai đoạn được thảo luận trong chương. Đây không phải là sự phân đoạn của lịch sử Hungary, mà chỉ đánh dấu giới hạn một giai đoạn trong câu chuyện của riêng tôi. Nhìn lại tôi có thể xác định rằng, sự quấy rầy lặp đi lặp lại của công an, chuỗi hỏi cung làm tâm hồn khốn khổ đã chấm dứt trong năm 1959.

Với Fekete Sándor, một trong những người nổi loạn của *Szabad Nép* chúng tôi đã nói chuyện nhiều lần: ai sẽ ứng xử thế nào, nếu bị bắt, và bị hỏi cung.(*)Anh tự tin tuyên bố rằng, không khai. Tôi không tin lời anh ta. (Có lí, như chúng ta sẽ thấy). Tôi đã hình thành ý kiến

https://thuviensach.vn

của mình trước đó nhiều, sau khi tôi nói chuyện với những người đã bị tra tấn trong các phòng tra khảo của Rákosi và Péter Gábor, và đọc nhiều loại bài viết về cái gì xảy ra trong quá trình hỏi cung ở Liên Xô, Nam Tư và Hungary. Kết luận là hoàn toàn nhất trí, chẳng ai có thể chống đối đến cùng. Phụ thuộc vào sức mạnh thể chất và tinh thần của người bị tra tấn, anh ta sẽ khai ở mức độ tra tấn nào. Nếu kẻ tra tấn sẵn sàng tra khảo ở bất kì cấp độ nào – có thể đạt đến mức, khi người bị tra tấn sẵn sàng nhận bất cứ gì.(**)Tôi bị trẹo khớp vai kinh niên, và mỗi lần trẹo gây ra đau đớn không thể chịu được, cho đến khi được nắn lại. Tôi có đặc tính tự hành hạ, là trong trí tưởng tượng tôi có khả năng trải qua cái xấu trước, cái –có lẽ -có thể xảy ra. Tôi đã suy nghĩ kĩ, mình sẽ làm gì, nếu người ta cố ý bẻ trẹo khớp vai tôi, và thông báo: chừng nào tôi không …, thì người ta sẽ không nắn lại.

Tôi quyết định: tôi lựa chọn những hành động chính trị của mình sao cho, tôi đừng bị rơi vào tay những kẻ tra tấn. Sự khôi phục cộng sản diễn ra dưới cái bóng của các xe tăng Soviet. Ai có thể biết trước, chế độ áp bức mới sẽ sử dụng các dụng cụ nào, công an chính trị của chế độ Kádár sẽ lấy bao nhiêu từ các phương pháp của Cheka(+), của NKVD(++)hay của ÁVH (Cơ quan bảo vệ Nhà nước Hungary, thời Rákosi). Tôi sợ tra tấn. Nhưng ít nhất tôi cũng sợ, là - nếu họ hành hạ, và tôi sẽ không có khả năng giữ vững tư thế của mình – tôi có thể phản bội không chỉ chính mình, mà cả những người khác nữa. Tôi cũng đã muốn bảo vệ mình khỏi sự sỉ nhục này, khi tôi quyết định rằng tôi tránh các hoạt động bất hợp pháp. Sự nhận ra một cách cay đắng và tỉnh táo những hạn chế của riêng tôi đã là một trong những lí do của sự nhận biết này.

(*) Một trong những cuộc nói chuyện như vậy xảy ra tại nhà ở của Fekete. Như bây giờ mới sáng tỏ ra từ các hồ sơ công an, khi đó họđã nghe trộm, chúng tôi nói gì trong căn hộ (ÁBTL 0-10986/1, tr. 187-196. Báo cáo về nghe trộm căn hộ của Fekete Sándor. Ghi ngày: 4-7-1958). Ngày 4-7-1958 tôi đến thăm Fekete. Như bình thường, chúng tôi nói về đủ chuyện: về các chủ đề tầm cao (cái chết vẻ vang của Giordano Bruno và những người dị giáo khác, tương lai của Trung quốc) và các đề tài tầm ít cao hơn (tính lơ đãng của nhà Kornai trong giúp đỡ nội trợ, nghị định tiền thuê nhà mới). Những công an tiến hành nghe trộm và xử lí đã không theo dõi kĩ được cuộc nói chuyện, khi vấn đề nổi lên giữa chúng tôi: mỗi người có bao nhiêu sức lực đạo đức để

https://thuviensach.vn

chống lại sự hành hạ. 46 năm sau, khi tôi đọc văn bản báo cáo, trong đó đầy các phần để dấu chấm chấm và dấu hỏi, tôi có những cảm giác mâu thuẫn. Thiện chí nhất là tôi cười nhạo sự vô văn hoá và sự dốt nát của những người công an, cười những sự hiểu lầm ngu ngốc đầy rẫy trong báo cáo, nếu giả như– sau ngần ấy năm- sự giám sát tư duy tự do, sự xâm phạm đê tiện vào những cuộc trò chuyện cá nhân của con người không lại làm tôi phẫn nộ.

(**) Orwell (2004 [1949], tr. 270-271 và 277) minh hoạ một cách dễ hiểu điều này bằng máy tra tấn, trên đó có thang định lượng. Chỉ cần kéo cái cần lên một chút, và khổ hình tăng lên ngay. Tù nhân chỉ khác các tù nhân khác ở chỗ, ở mức 40 hay 90 thì sẵn sàng thừa nhận bất cứ sự kết tội giả mạo nào, phải bội bạn tình riêng của mình. – Tình cờ là chính trong những ngày này, không lâu trước khi anh bị bắt, tôi đã cho anh mượn cuốn sách của Orwell (tài liệu ÁBTL V-145-288/2, tr. 326. Ghi ngày: 18-12-1958. Bản tự khai cung của Fekete Sándor, điểm 6).

(+) (ЧК -чрезвычайная комиссия) Uỷ ban Đặc biệt-cơ quan an ninh chính trị tiền thân của KGB ở Liên Xô.

(++) (НКВД, *Народный комиссариат внутренних дел*) Dân uỷ Nhân dân về đối nội – tổ chức công an mật ở Liên Xô.

Ở đây đáng nói thêm câu chuyện của bạn trò chuyện của tôi, Fekete Sándor. Anh đã dũng cảm tham gia vào nhiều hoạt động bất hợp pháp. Người ta bắt anh. Họ không tra tấn anh về thể xác, nhưng đe doạ với giá treo cổ. Trong nỗi kinh hoàng anh đã không chỉ thú nhận những việc làm riêng của mình, mà đã nói tất cả về các bạn anh, các bạn tinh thần của anh, tất cả cái mà anh biết.(*)(Trước tôi đã trích lời khai của anh liên quan đến tôi, và muộn hơn tôi còn quay lại).

Như thế tôi đã có quyết định rõ ràng. Thế nhưng đã không thể biết chính xác, sự hợp pháp tách khỏi sự bất hợp pháp ở đâu. Ngay cả ở một nhà nước pháp quyền các ranh giới do luật định cũng không luôn luôn rõ ràng, không mơ hồ về mọi thứ -chứ nói chi đến dưới thời chế độ chuyên chế cộng sản. Lúc ấy khả năng lí giải rộng rãi của quy định pháp lí trên giấy định ra những ranh giới rộng và lỏng lẻo đối với việc, các cơ quan truy nã tội phạm và các toà án đánh giá cái gì là hành động phạm pháp. Quyết định của tôi, rằng tôi giới hạn ở hoạt động hợp

https://thuviensach.vn

pháp, đã làm giảm xác suất bắt và kết án tôi, nhưng không loại trừ khả năng này.(**)

Hơn thế nữa tôi cũng đã không hoàn toàn nhất quán trong giữ đúng quyết định của mình. Đôi khi do sơ ý, lơ là không thận trọng, lúc khác tôi lại cố ý vượt qua các ranh giới hợp pháp, tạo cơ hội để họ quy trách nhiệm "một cách hợp pháp". Tính kì quặc của câu chuyện của tôi là, như sẽ rõ ra ở sau, đôi khi chính những sự kiện – mà tuy *giữ đúng* quyết định được nêu ở trên tôi đã từ chối tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp - lại kéo tôi vào gần các vụ án hình sự.

Họ đã hỏi cung tôi nhiều lần, sau một thời gian hầu như đã hình thành thói quen của tôi về việc này. Tuy vậy thực ra đấy là kinh nghiệm khủng khiếp, mà tôi không thể rèn luyện cho quen được. Nếu tôi nhớ kĩ, mỗi dịp nhận được trát gọi, tôi đã có cách để chuẩn bị ở mức độ nào đó.(***)Trát gọi chẳng bao giờ cho biết, họ muốn hỏi cung về vụ việc nào. Tôi đã cố suy nghĩ kĩ với sự tập trung cực đại, họ sẽ hỏi về chuyện gì. Trong trí tưởng tượng tôi diễn trước đối thoại dự kiến trong nhiều biến thể: tôi trả lời thế nào cho mỗi câu hỏi khả dĩ có thể dự kiến. Điểm dựa cho việc này đôi khi có thể là, trước tôi họđã hỏi bạn hay người quen nào rồi, và khi đó tôi có thểđoán, chương trình hỏi cung sẽ là gì. Phần này của sự chuẩn bị thực ra là một bài toán *trí óc*, một cuộc đấu trí tuệ tay đôi giữa sĩ quan hỏi cung và người bị hỏi.

(*) Tôi trích Litván György, người trong một cuộc nói chuyện bàn tròn đã mô tả thái độ của Fekete Sándor thế này: "…Họ đã chỉ cho anh ta – anh thú nhận điều này rất cẩn mật- ảnh của Gimes Miklós trên giá treo cổ. Bằng các công cụ như vậy và tương tự họ cố tác động lên anh. Anh đã đến điểm, nơi anh thấy rằng, với sự từ chối anh chỉ có thể làm hại thêm cho tình thế của mình. Sự thực là, anh đã nói mọi thứ về mình, và cũng là sự thực, rằng đã chẳng ai bị vào tù vì anh ta, việc này tất nhiên không đơn thuần phụ thuộc vào anh ta, bởi vì khi đó họđã muốn chấm dứt các vụ này.." (Cuộc nói chuyện bàn tròn do Csalog Zsolt, Kozák Gyula và Szabó Miklós hướng dẫn. Biên bản do Oral History Archívum giữ. OHA phỏng vấn số 800, tr.953. Thực hiện 1981).

(**)Tiếu lâm thành phố Pest từ 1957: Hai người nói chuyện về các bạn của họ vừa bị kết án. "Việc A bị tám năm tù tôi còn hiểu được, nhưng vì sao B lại bị bốn năm, bởi vì anh ta đã chẳng làm gì cả?"

https://thuviensach.vn

–"Chuyện này tôi cũng chẳng hiểu nổi. Vì không làm gì thường người ta chỉ kết án hai năm."

(***) Một lần tôi bị ốm nặng, và nằm ở nhà. Khi đó sĩ quan công an đến nhà tôi, và ngồi cạnh giường tôi anh ta thẩm vấn. Tôi nhớ cái tiếng thở phào, khi anh ta đi khỏi, và cô giúp việc nội trợ dễ thương của chúng tôi, Magdi, xuất hiện với một li cà phê.

Đây là bài toán cực kì khó. Không phải một lần tôi bị bất ngờ, rằng người hỏi cung đã biết chính xác cái, mà tôi muốn giữ bí mật với anh ta. Đầu tiên anh ta nghe hết lời cung khai- nửa đúng, nửa giả - của tôi, và *sau đó* cho biết, anh ta biết thông tin như thế nào.

Nhưng cái khó thực sự của tình hình không liên quan đến, trí thông minh và sự thạo tin của người hỏi cung và của người bị hỏi đọ sức với nhau. Thế lưỡng nan thực sự mang tính *đạo đức*. Trong xử lí một thông tin, chúng ta, những người được tự do, thử thoả thuận với nhau, thậm chí -trước khi bị bắt-chúng ta thoả thuận với những người sau đó bị bắt. (Một cách vô ích không phải một lần, bởi vì ai đó trong những người tự do hay những người bị tù đã vi phạm thoả thuận). Vấn đề trở nên nghiêm trọng hầu như không thể chịu nổi, khi trở nên khả nghi, là người bị hỏi làm hại chính mình bằng cái gì và làm hại những người khác bằng cái gì. Nếu người hiện tại bị hỏi với tư cách nhân chứng, không sẵn sàng nói về bất cứ gì, thì hầu như chắc chắn, họ giữở đó. Nếu muốn tránh việc họ bỏ tù, thì phải nói cái gì đó. Nhưng nói bao nhiêu? Đối với câu hỏi này chúng tôi đã không có thoả thuận trước. Chúng tôi đã không thoả thuận về một "quy tắc đạo đức" cho thời gian của các cuộc hỏi cung.

Tôi đã thử đưa ra cho bản thân mình các quy tắc và cấm đoán đạo đức. Tôi sẽ không là nhân chứng ngoan cố, không nói bất cứ gì. Tôi sẵn sàng nói về, cái mà tôi giả thiết, rằng người hỏi cung đằng nào cũng đã biết rồi. Tôi sẵn sàng nói những sự thực, mà tôi giả thiết rằng, việc cho biết không làm hại đến những người đã bị bắt. Không chắc chắn, rằng tôi đã luôn luôn thành công giữ đúng một cách hoàn hảo các quy tắc này được đưa ra cho bản thân tôi trong cuộc chiến mèo-chuột giữa người hỏi cung và người bị hỏi. Trong mọi trường hợp ngần ấy là chắc chắn: tôi không biết, là tôi đã có lúc nào vi phạm các quy tắc này. Tôi biết, rằng các quy tắc này không phải là các đòi hỏi cao cả của sự anh hùng. Tôi không đảm nhận việc, tôi là anh hùng chính trị,

https://thuviensach.vn

người biến bài bào chữa riêng của mình thành bài luận tội. Tôi đã đưa ra tiêu chuẩn khiêm tốn hơn nhiều, các đòi hỏi sơ đẳng của tính chính trực của con người, cho bản thân tôi, và tôi cố gắng, ở mức tôi có thể, giữ đúng những tiêu chuẩn này.

Tôi chuyển sang một vài trường hợp cụ thể, không theo thứ tự thời gian hỏi cung, mà theo trình tự của các sự kiện, mà họ thẩm vấn.

Liên quan đến vụ của Lőcsei Pál là các sự kiện xảy ra ngày 29 tháng mười, ngày thành lập tờ *Magyar Szabadság*. (Đây là một thí dụ về cái, nói chung tôi vừa nói đến. Tôi đã không đảm nhận việc viết bài và sau một đêm tôi đã tách ra khỏi toà soạn. Thế mà tôi vẫn không tránh được, người ta làm phiền vì chuyên ấy).

Trong vụ của Lőcsei chúng tôi đã thoả thuận với nhiều người về lời, mà chúng tôi sẽ nói ở đồn công an, chúng tôi đã nói chuyện với luật sư bảo vệ (tôi tin, đã không thành công). Không chỉ khi công an điều tra, mà khi nghị án tôi cũng bị triệu tập làm nhân chứng.[66] Sau khi được tự do, với Pali nhiều lần chúng tôi đã nhắc đến các cuộc lấy cung. Thật cảm động và –tôi có thể nói thêm, với sự yên tâm đạo đức – tôi đã nghe những lời quý mến, mà Pali nói vào dịp sinh nhật thứ 75 của tôi trong buổi gặp mặt của các bạn bè hẹp nhất của chúng tôi. Anh làm sống lại cuộc hỏi cung ở toà án, giọng nói hồi hộp của tôi, bộ mặt hoảng hốt của tôi toát ra là, ôi mình đừng làm hại Pali. Như thấy rõ từ lời của Pali bây giờ: với anh ta ở đó, ngồi thu lu một mình trên ghế bị cáo, cái làm anh ta dễ chịu nhất, là khi rời khỏi phòng tôi đã ngoái lại, và nhìn anh với cái nhìn động viên, trìu mến.

Nửa đầu tháng mười một 1956 Gimes Miklós, cùng với nhiều nhà báo một thời, đã gọi cả tôi đến phòng anh ở Nhà xuất bản Corvina, và đặt vấn đề: cần phải tiếp tục kháng cự bằng biên soạn và lưu hành báo hay tạp chí được nhân bản một cách bất hợp pháp. Tôi đã không nhận tham gia. Ngoài những lí do cấm bên trong, mà tôi đã nói đến, trong trường hợp này, việc tôi không thấy ý nghĩa trong tình hình cho trước, cũng đưa tôi đếný kiến ngược lại. Với sức mạnh quân sự thô bạo người ta đã đánh tan cách mạng, và đã khôi phục lại chính quyền cộng sản. Một tờ báo nhỏ được nhân bản bây giờ biết đặt ai đứng sau mình, và biết huy động các bạn đọc của mình cho cái gì? Tôi thấy, rằng ảnh hưởng chính trị có kể kì vọng được không tỉ lệ với rủi ro.

https://thuviensach.vn

Lập luận này có lí hay không. Cho đến tận ngày nay tôi không chắc chắn vào câu trả lời. Nếu chúng ta đặt lên bàn cân "rủi ro-lợi ích", thì tôi đã đúng. Chỉ có điều đây không phải là cách tiếp cận khả dĩ duy nhất. Trong viễn cảnh lịch sử việc,dân tộc Hungary có những người anh hùng chấp nhận mọi hiểm nguy, như Miklós, có giá trị đạo đức to lớn của nó. Đã xuất hiện tờ báo có tên *Október 23 (23 tháng Mười)*, và với sự thực trơ trọi này nó chứng minh, rằng họđã không thể hoàn toàn làm câm lặng tinh thần của cách mạng.

Ở phố Gyorskocsi ngày 16 tháng tư 1957 họ bắt đầu lục vấn, ai đã tham gia cuộc họp ở đó, tại Nhà xuất bản Corvina.[67] Tôi nói lập lờ, viện cớ rằng, tôi không nhớ. Rồi sĩ quan hỏi cung bắt đầu đọc bản khai cung ngày 10 tháng tư của một người tham gia, của P.P. khi đó đã bị bắt, bản khai cung kể đầy đủ chi tiết và phù hợp với sự thực về cuộc họp.[68] Cái tôi nghe được, đã quất mạnh vào ngực. Trong bản thân mình tôi nghĩ, là mình không thể làm khác việc xác nhận lời khai của P.P. liên quan đến danh sách những người tham gia.

Sĩ quan hỏi cung cũng đòi tôi xác nhận, là trong cuộc họp xảy ra ở Nhà xuất bản Corvina Gimes Miklós kiến nghị lập tờ báo bất hợp pháp. Tôi công bố một phần từ biên bản hỏi cung:

Hỏi: "Gimes nêu ra các vấn đề gì trong cuộc họp?"

Trả lời: "Tôi không còn nhớ việc này, bởi vì trong cuộc trao đổi đã nói đến nhiều vấn đề khác nhau, đang tồn tại lúc đó."

Hỏi: "Theo những số liệu chúng tôi có được, Gimes đã đề cập cụ thể ở đây đến việc khởi động một tờ báo bất hợp pháp. Tôi trích cho ông lời khai của P.P. liên quan đến việc này. Gimes trình bày, rằng anh ta đã khởi động một tờ báo nhân bản bất hợp pháp, mà anh ta muốn xuất bản đều đặn. Anh hãy khai về vấn đề này."

Trả lời: "Liên quan đến vấn đề này tôi không nhớ, và liên quan đến tờ báo tôi không biết nói gì khác, xét rằng, tôi đã tuyên bố, là tôi không muốn tham gia vào bất cứ hoạt động chính trị tích cực nào."[69]

Tôi tin, việc lấy cung của tôi là một sự kiện không có mấy ý nghĩa xét từ quan điểm điều tra. Trong "danh mục tội" của Gimes chuyện ai đã có mặt ở Nhà xuất bản Corvina vào tháng mười một, không có ý nghĩa mấy. Nếu cái có ý nghĩa, thì chính là sự thực, rằng cuối cùng anh đã cho ra tờ báo này - điều mà bản thân Gimes dưới áp lực kinh khủng của các cuộc hỏi cung sau đó đã thú nhận.(*)

https://thuviensach.vn

Cuộc hỏi cung đã làm tôi choáng váng, chấn động sâu sắc. Lần đầu tiên bây giờ tôi bắt gặp sự kiện, là một người bị bắt, trong trường hợp này là P.P., đưa ra lời khai chống lại các bạn đã bị bắt của mình và các chiến hữu một thời nay vẫn được tự do của mình. Khi 47 năm sau, trong quá trình thu thập tư liệu cho hồi kí của mình tôi đã đọc hết nhiều tư liệu của hồ sơ của P.P., đối với tôi trở nên rõ ràng, là anh ta đã cung cấp thông tin "để lộ" chi tiết về nhiều người hầu như ngay sau khi anh ta bị bắt.[70]

(*) Cuốn sách của Révész Sándor viết chi tiết, áp lực và sựđe doạ rùng rợn như thế nào đã đè nặng lên Gimes Miklós từ ngày bị bắt đến phiên xử ở toà án, trong đó người ta kết án tử hình anh.

Cuộc họp ở nhà xuất bản Corvina là trường hợp thứ hai, khi tôi tuy đã nói không với việc tham gia vào một hoạt động, nhưng điều này cũng đã không cứu tôi khỏi việc, người ta triệu đến phố Gyorskocsi.

Vụ của Fekete Sándor – xét từ quan điểm riêng của tôi – là khác với trường hợp này. Đây có thể cung cấp thí dụ về việc, tôi đã không nhất quán trong từ chối tham gia các hoạt động âm mưu, bất hợp pháp.

Với tên giả *Hungaricus* Fekete vào giao thời 1955-1957 đã viết một tiểu luận, trong đó anh thử đánh giá về cách mạng, về các nguyên nhân, diễn tiến, các thành công và thất bại của nó.[71] Anh đã giới thiệu với nhiều bạn của mình, trong đó có cả tôi. Cái, mà tôi đã nói cho anh trong các cuộc nói chuyện cẩn mật của chúng tôi, anh nhắc lại chính xác trong bản tự khai cung của anh ở công an. Theo quan điểm của tôi, tiểu luận của anh là "Marxist quá đáng", như ở chương trước tôi đã nhắc đến rồi.

Quay lại số phận của *Hungaricus*, bất chấp những do dự của mình về lí thuyết, quan điểm và chính trị tôi đã sẵn sàng giúp, để anh đưa tác phẩm của mình sang phương Tây một cách bất hợp pháp, và công bố ở đó. Trong hội bạn bè của tôi Fekete đã làm quen với Jorgosz Vasziliu (George Vassiliou), con của một nhà lãnh đạo cộng sản Hy Lạp ở Síp (Cyprus).(*) Jorgosz là một thanh niên dễ thương và thông minh, là nghiên cứu sinh của Friss István. Anh đến viện với tư cách đó, nơi anh kết bạn với Nagy András và tôi. Anh đến nhà tôi nhiều lần. Anh chuẩn bịđi Pháp và Anh một cách hoàn toàn hợp pháp, và đảm nhận mang tiểu luận của Fekete ra, và ở đó chuyển cho Kende và Fejtő Ference, nhà sử học và nhà báo nổi tiếng huyền thoại sống ở Paris.(**)Không

https://thuviensach.vn

phải tôi nhờ anh làm việc đó, nhưng tôi biết. Như từ bản khai cung của Jorgosz ở công an té ra là: Đã là quan trọng đối với hội Fejtő, rằng Jorgosz cũng có thể viện dẫn đến tên tôi. Việc này đã giúp thuyết phục những người Paris, rằng đây không phải là sự khiêu khích. Tiểu luận được xuất hiện trên các diễn đàn trí thức Pháp hàng đầu, và gây ấn tượng lớn.[72] Jorgosz đã thoả thuận với tôi trong một lời nhắn mật mã, trong đó anh báo lại, rằng anh đã chuyển tiểu luận cho những người nhận.

Công an đã quấy nhiễu Jorgosz.[73] Anh là đảng viên, và vì vụ này người ta đã khai trừ anh. Không lâu sau anh vĩnh viễn rời Hungary.

Ba thập niên sau, vào năm 1988, Jorgosz Vasziliu trở thành tổng thống Cộng hoà Cyprus.(***)

(*) Năm 1991 Hegedüs András đã phỏng vấn anh ta, và tư liệu phỏng vấn cũng được xuất bản ở dạng sách tiếng Hungary. Trong cuốn sách này tên anh ta được phiên âm sang tiếng Hungary là Georgiosz Vasziliu. Chúng tôi, những người bạn Hungary của cậu thanh niên Hy Lạp, đã gọi anh ta là Jorgosz. Bây giờ, nhớ lại các sự kiện, tôi cũng gọi như thế.

(**) Trước khi di tản, cùng với József Attila, Fejtő Ference đãlà một trong những biên tập viên của tờ *Szép Szó (Từ Đẹp)*. Ông đã tạo được uy tín lớn ở Pháp, người ta coi ông là một trong những chuyên gia nổi tiếng nhất của vùng đông-âu. Trong những tuần, khi tôi viết các dòng này, cùng các bạn Hungary của mình ông kỉ niệm ngày sinh thứ 95 của ông.

(***)Göncz Árpád, Tổng thống Cộng hoà Hungary tham dự một cuộc chiêu đãi năm 1990 ở Nhật Bản, khi ai đó đứng vào bên cạnh ông, và lên tiếng -với giọng của người nước ngoài một chút, nhưng bằng tiếng Hungary trôi chảy-: “Tôi cũnglà một tổng thống Hungary.” Đấy là Jorgosz, người khi đó giữ địa vị tổng thống Cyprus.

Nhưng hãy quay lại 1958-1959 và phố Gyorskocsi. Sáng tỏ ra là – và sau các lời khai thú nhận của Fekete và Vasziliu, cũng đã không thể từ chối được, rằng tôi đã giữ quan hệ với Kende Péter,[74] và rằng tôi đã biết việc đưa lậu *Hungaricus* ra ngoài.[75] Như thế rõ ràng đã có thể chứng minh rằng, “tôi đã bỏ qua nghĩa vụ tố giác”.(*)

Trong trường hợp đưa *Hungaricus* ra ngoài, hiển nhiên tôi đã vi phạm quyết định của tôi, rằng tôi không đảm nhiệm hoạt động chính

https://thuviensach.vn

trị, và tránh tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp. Tôi không biết đưa ra lời giải thích rõ ràng, cái gì đã thúc đẩy tôi đến sự thiếu nhất quán. Có lẽ là, trong mớ bòng bong của các sợi dây bè bạn rất khó từ chối hết lần này đến lần khác tất cả các lời mời gọi. Trước đó tuân thủ các điều cấm kị mà bản thân tôi đưa ra, tôi đã hết lần này đến lần khác khước từ, khi các bạn *thân nhất* của tôi mời tham gia các hoạt động chính trị. Fekete Sándor đã là bạn của tôi, tuy không thân, như Kende, Lőcsei hay Gimes. Khi nổi lên ý nghĩ gửi *Hungaricus* ra ngoài, Kende đã ở Paris, Lőcsei và Gimes thì ở trong tù. Có lẽ tôi sợ, rằng - nếu bây giờ tôi từ chối giúp đỡ - tôi có thể mất tình bạn của Fekete, của người duy nhất, người vẫn còn có thể gặp ở đây trong giới bạn bè gần gũi một thời. Nhưng tình bạn này như thế cũng bị mất.

Tình bạn và tình đoàn kết

Tôi cảm thấy tình đoàn kết với những người bị chế độ Kádár truy nã là rất quan trọng. Vang lên trong trí nhớ tôi, cái mà những người vừa được giải phóng khỏi nhà tù của Rákosi trách, rằng những người trước đây là bạn của họ đã bỏ mặc họ và vợ con họ.

Bạn thân và rất yêu quý của tôi là Novobászky Sándor, một trong những người nổi loạn của *Szabad Nép.* Anh viết bài nổi tiếng, và được nhắc đến nhiều lần trước cách mạng cho báo *Văn học* (*Iródalmi Újság*). Bài báo nói về tính kiêu căng cộng sản, dùng lời của Stalin: "Chúng ta những người cộng sản là những người đặc biệt …"[76] Người ta không thể tha thứ cho những lời mỉa mai của anh. Khi người ta bắt anh, tôi chẳng biết tí gì về nguyên nhân của việc bắt giữ. Tôi tìm Fehér Lajos, bạn chung của chúng tôi, cùng với anh tôi đã không phải một lần đến nhà Novobászky, chuẩn bị cho cuộc họp chi bộ nổi loạn. Fehér là chiến hữu thân một thời của Nagy Imre, bây giờ thuộc về nhóm tối cao trực tiếp của Kádár János. Tôi muốn nhờ anh can thiệp, với cái đầu ấu trĩ, để trả lại tự do cho Novobászky. Văn phòng của anh ở Nhà Quốc hội. Tôi đã đến được nữ thư kí của anh, người mà tôi biết từ toà soạn, và tôi đã nói trước cho cô, vì sao tôi tìm thủ trưởng của cô. Fehér Lajos nhắn lại qua cô: anh không muốn tiếp tôi. Trong vụ Novobászky anh không muốn làm bất cứ điều gì.

Cùng với nhiều bạn khác chúng tôi thường xuyên quyên tiền cho bà con của những người bị bắt.[77] Tôi cảm thấy, việc này "vừa" với những hàng rào, mà tôi đặt ra trước mình. Tôi không coi là hoạt động

https://thuviensach.vn

“chính trị”, mà là hoạt động “nhân đạo”. Tôi không thể khoanh tay nhìn người thân của các bạn tôi bị khốn khó. Trong một vài trường hợp không chỉ là “những người thân của bạn”, bởi vì Lőcsei Gizi hay Novobászky Éva không chỉ do là vợ của các bạn tôi, mà tôi cũng coi “bản thân họ” là bạn của tôi. Nhưng ngoài chuyện này ra, chúng tôi, những người quyên góp tiền, cảm thấy nghĩa vụ đạo đức của mình để giúp vợ con những người bị tù không quen biết nữa.

(*) Tất cả điều này đều được ghi vào “tiền án” của tôi, mà người ta lại mang ra hết lần này đến lần khác- mỗi khi họ đụng đến tên tôi trong mối quan hệ nào đấy. “Có biết về việc gửi ấn phẩm phản cách mạng có nhan đề ‘*Hungaricus*’ sang phương Tây. Năm 1957 đã giữ quan hệ với một thành viên đã trốn sang phương Tây của một nhóm phản cách mạng bí mật. Ngày 9-2-1959 bị công an cảnh cáo”- lời văn nằm trong hồ sơ của tôi.

Một hình dung của tôi lại hoá ra là ảo tưởng, cụ thể là, hoạt động “nhân đạo” nằm ngoài chính trị. Khi việc điều tra vụ Mérei-Litván-Fekete diễn ra, người ta cũng coi sự quyên góp là một phần của âm mưu. Tôi giả thiết, rằng các lãnh đạo công an nhớ lại: một thời đối với đảng cộng sản hoạt động bí mật thì Cứu tế Đỏ đã là “tổ chức xã hội” đặc biệt, với nó đảng bị cách li đã có thể đến với giới rộng hơn của những người có cảm tình. Họ nghĩ rằng, bây giờ sự quyên góp này cũng chỉ có thể là tổ chức đội lốt. Họ đã chẳng thể tưởng tượng nổi, rằng không chỉ ý định chính trị, mà tính nhân đạo và tình đoàn kết với những người bị nạn cũng có thể thúc đẩy con người.

Câu chuyện này là buồn, nhưng cũng có một mặt khác của nó, mà nói theo kiểu Pest thì đúng hơn là tức cười. Trong khi sấm sét của các cuộc bắt bớ bổ xuống quanh chúng tôi, chúng tôi đã cố giữ sự vui vẻ của mình. Cuối năm 1957 chúng tôi bắt đầu công việc chuẩn bị lớn để tổ chức vui giao thừa. Chúng tôi tổ chức ở nhà Hannák Péter, có lẽ với 20-30 người tham gia. Péter và tôi là những người tổ chức chính của chương trình văn nghệ. Đa số chúng tôi trình diễn tiết mục tạp kĩ hài được chuẩn bị kĩ lưỡng. Cảnh thành công nhất vẫn sống động trong kí ức tôi. Fekete Sándor và Litván György kéo vạt áo của họ ra khỏi quần, buộc thắt lưng trên áo, đội mũ lưỡi trai - tạo ra ấn tượng của các muzik (nông dân) Nga thực sự. Cảnh xảy ra ở Xibêri. Người ta đã đày Litván đến đó từ trước, bây giờ Fekete đến, và lần lượt kể lại, ở nhà ai đã làm gì ở Budapest. Một nhà cách mạng lớn tiếng mới rồi đã vào

https://thuviensach.vn

đảng, người khác bây giờ bị người ta bỏ tù, và v.v. Cảnh được đón nhận với tiếng cười vang, mà – tuy không theo đúng mọi chi tiết – nhưng đã tỏ ra là cái nhìn tiên tri.

Trò tiêu khiển tiếp diễn tại phố Gyorskocsi.[78] Sự hài hước giá treo cổ buổi giao thừa của chúng tôi được người ta coi là cực kì nghiêm túc, trò vui nhộn của chúng tôi được họ đánh giá là một phần của tổ chức âm mưu. Là sự thử sức, mà với nó tổ chức này muốn thử, làm sao có thể tuyển mộ người, và làm sao có thể gây không khí phản cách mạng giữa họ.

Như giữa chừng (và một phần nhìn lại, từ các hồ sơ của công an và từ các báo cáo của những kẻ chỉđiểm) hoá ra là: không phải tất cả các mối quan hệ bạn bè sống sót được qua các năm nặng nề này. Song các mối quan hệ vượt qua được, thì chúng mạnh lên. Đối với tôi có rất nhiều ý nghĩa là, đã có những người, mà tôi đã có thể trò chuyện chân thành và tin cậy, những người mà tôi có thể tính đến trong những giây phút khó khăn nhất.

Đầu tiên tôi muốn nói về Teri, vợ đầu tiên của tôi. Chúng tôi đã sống những năm tháng khó nhọc cùng nhau. Teri ở bên cạnh tôi, tôi đã luôn luôn có thể tính đến sự thông cảm, các lời khuyên, sự giúp đỡ của Teri.

Khi đó tôi rất thân với Hannák Péter và Kati, Lőcsei Gizi, Fónyi Duci, Csató Éva, Litván Gyuri và Éva, Nagy András và Losonczy Ági. Nhiều sợi dây kết chúng tôi lại: từ trao đổi tin tức chính trị nóng hổi đến những tranh luận lí thuyết, từ vui đùa pha trò chung đến cùng giúp những người bị nạn. Chúng tôi kết những tình bạn này cho cả cuộc đời.

Sau này khi tôi sống khá lâu ở Mĩ, tôi quan sát thấy, người ta dễ phân phát tính từ "bạn" đến thế nào. Họ gọi như thế cả những người, mà họđôi khi tán gẫu một cách thoải mái ở một bữa tiệc hay những người một đôi lần họ gặp trong một uỷ ban ở đại học. Trong giới chúng tôi không quen phân phát sự xếp hạng này một cách nông nổi. Từ "bạn" có địa vị, có hạng của nó. Không có bạn thì không thể sống nổi trong chế độ độc tài.

https://thuviensach.vn

Maxim Gorki đã gọi như vậy thời kì, trong đó –thay cho các giáo sư đại học -cuộc sống đã dạy ông nhiều thứ. Tôi cũng vui lòng dùng thuật ngữ này, liên quan đến chuyện phát triển của riêng tôi. Cái mà tôi biết được trước 1955, với tư cách là kinh nghiệm có thể dùng được và bài học gây vỡ mộng, làm tỉnh ngộ -hãy đánh giá là "đào tạo dự bị". Song ngay cả sau khi tôi đã trở thành nhà nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp, thực ra tôi vẫn tiếp tục học như một người tự học, nhưng bây giờ đã có phương pháp hơn nhiều.

Tự đào tạo

Sau khi cách mạng bị đánh gục, quyết định trong tôi đã trở nên vững chắc, rằng – trong khi tôi không rời bỏ đất nước– *tôi muốn thuộc về ngành kinh tế phương tây.* Sự phẫn nộ, mà tôi cảm thấy vì sự kéo vào của các xe tăng Soviet, đã cho một xung lực đặc biệt mạnh rất có ý thức về "định hướng phương Tây".

Tôi đọc trôi chảy tiếng Đức, ngược lại sự hiểu biết tiếng Anh nhận được thời trung học của tôi bị mai một. Một trong những việc cần làm đầu tiên của tôi năm 1957, là tôi học tiếng Anh đều đặn. Nếu tôi nói đã không được trôi chảy, thì tôi đã nhanh chóng có khả năng đọc văn học tiếng Anh.

Là không trúng, nếu tôi nói: "tôi ngấu nghiến các cuốn sách" (tôi đã làm việc này thời niên thiếu với văn học). Tôi đã học nhiều và có hệ thống. Có lẽ tôi được lời khuyên từ ai đó, có lẽ chỉ do tôi may mắn, trong mọi trường hợp sự lựa chọn các tác phẩm cơ bản đã thành công tốt. Tôi bắt đầu với cuốn sách giáo khoa nhập môn nổi tiếng của Samuelson,[79] mà tôi đọc bản dịch tiếng Đức. Để có tổng quan mức "trung" (intermediate) tôi đã học rất kĩ cuốn sách giáo khoa hàng đầu về mặt sư phạm và hiện đại, gồm ba tập của nhà kinh tế học Tây Đức Erich Schneider.

Với việc này, việc nghiên cứu các sách giáo khoa toàn diện cũng chấm dứt, và kể từ đó tôi chỉ đọc các sách chuyên khảo, các tuyển tập bài nghiên cứu và các bài báo tạp chí. Vẫn còn nhiều loại vở ghi chép của tôi, mà tôi đã dùng ghi chép về các tác phẩm tôi đọc. Để minh hoạ (không theo thứ tự tôi học, mà theo thứ tự abc) vài trong số các tác giả:

https://thuviensach.vn

Arrow,[80] Arrow-Karlin-Scarf, Boulding, Eucken, Haberler, Hayek,[81] Hicks,[82], Kalecki, Pigou, Samuelson,[83] Stackelberg(*) và Tinbergen[84].

(*)Eucken hay von Stackelberg là các nhà kinh tế *Đức*, những người đã đóng góp những ý tưởng quan trọng cho khoa học-kinh tế. Tên họ bị bỏ rơi một cách không xứng đáng khỏi khối kiến thức, mà người ta dạy các sinh viên kinh tếở các trường đại học Anglo-Saxon. Bởi vì các tác phẩm của họ bằng tiếng Đức, đối với tôi lúc đó, năm 1957, dễ đọc hơn các tác phẩm tiếng Anh.

Ở đây tôi chỉ nhắc đến các tác giả, mà về họ -sau này, trên cơ sở những hiểu biết tôi thu được ở nước ngoài – tôi biết là các tên tuổi "lớn".(*)Bên cạnh đó tôi cũng đọc nhiều tác phẩm, mà sau này tôi đã có thể xác định: tôi đã không may với sự lựa chọn chúng. Tôi đã có thể dành thời gian và sự mệt mỏi đọc chúng để tìm hiểu các tác phẩm xuất sắc hơn. Đáng tiếc, đã không có sẵn thầy giáo có kinh nghiệm, thông thạo về văn học chuyên môn hiện đại, người đã có thể hướng dẫn tôi.

Tôi học rất sâu và tập trung. Tôi không chỉ đọc qua văn bản, mà, chỉ vì mục đích nhớ kĩ hơn cũng đáng để tôi ghi chép cẩn thận nội dung chính của chúng, giải các bài tập. Bất kể khi nào việc đọc tạo cơ hội, tôi thử suy nghĩ kĩ: suy ra gì từ những cái đã đọc đối với một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Bộ máy đó có thể sử dụng được hay không để hiểu hoạt động của một xí nghiệp Hungary, một ngành công nghiệp Hungary hay toàn bộ nền kinh tế Hungary? Đối với tôi không chỉ các khẳng định, mà cả *phương pháp* và *văn phong*, mà tôi biết được từ đọc các tác phẩm có nghĩa là kinh nghiệm tinh thần cho cả cuộc đời. Các lập luận có logic – đôi khi khó, nhưng minh bạch và có thể theo dõi được- dẫn đến các kết luận, chứ không phải những suy đoán sáo rỗng, mang tính học thuyết cứng nhắc. Các tác giả không bổ sung cho các lí lẽ, bằng dẫn chiếu đến những người có uy quyền. (Việc này ngay khi đó đã là dễ hiểu đối với học sinh phương Tây, nhưng sau các bài viết nhồi nhét đầy những trích dẫn Marx, Engels, Lenin, Stalin và Rákosi, thì điều này gây ấn tượng mới mẻ và tươi rói).

Chủ yếu kinh tế học vi mô, cũng như các chủ đề liên quan, trước hết là kinh tế học phúc lợi và lí thuyết quyết định duy lí làm tôi quan tâm. (Tôi biết kĩ lưỡng hơn về Keynes muộn hơn). Sau khi đã quét sạch hoàn toàn định kiến Marxist đối với "kinh tế học tư sản" khỏi đầu mình, tôi đã cởi mở đón nhận tư tưởng kinh tế học "dòng chủ lưu". Điều này đã không hệt như sự hoà tan hoàn hảo, không phê phán vào một "chủ nghĩa", như cái đã xảy ra trong đầu tôi mười-mười hai năm trước khi tôi học chủ nghĩa Marx. Sự giải thích các hiện tượng kinh tế,

https://thuviensach.vn

mà các cuốn sách này đề nghị, tỏ ra thuyết phục. Từ cuốn sách của Samuelson khi đó tôi đã biết ý nghĩa của tính ngữ "tân cổ điển". Thực ra không thiếu mấy, để ở cuối khoá học được hoàn thành "với tư cách người tự học" tôi có thể đánh giá mình là một người ủng hộ trào lưu tân cổ điển. Không phải những nghi ngờ hay phản lí lẽ thật sựđã cản trở tôi theo trào lưu này, mà đúng hơn là tính ương ngạnh do sự vỡ mộng trước đó gây ra, là quyết định, rằng về mặt trí tuệ tôi muốn độc lập.

Đã chẳng có ai đứng đằng sau tôi, để động viên tôi học, tôi đã chẳng nhận được bất cứ chứng nhận nào từ bất cứ ai, cái có thể cho vé vào cửa đối với sự nghiệp tiếp theo. Đã có ngày, khi buổi sáng người ta hỏi cung tôi ở công an và buổi chiều chỉ vì thế tôi cũng ngồi cạnh sách để học. Các tin kinh hoàng và xấu đến vào thứ hai, nhưngvì thế thứ ba, thứ tư tôi cũng vẫn hoàn thành công việc đã định cho bản thân mình. Khi đó cũng thế (và nhiều lần sau này nữa, khi nhiều điều lo nghĩ làm tôi bải hoải) tôi đã sử dụng liệu pháp học và công việc để chữa trị các vết thương tâm lí của mình.

Ở đây trong giây lát hãy để tôi chạy trước thời gian. Khi tôi đã dạy thường xuyên ở các đại học Mĩ, trong đầu của các thầy giáo đồng nghiệp hay của sinh viên chẳng hề có câu hỏi, chẳng biết từđâu tôi đã có được hiểu biết kinh tế học. Điều này có vẻ là hiển nhiên trong con mắt họ. Thế mà không phải vậy. Không phải bởi vì, tôi đã không học ở trường kinh tế Budapest. Giả sử như tôi có học (vào cuối các năm 1940 và các năm 1950, tức là trong thời gian hệ tư tưởng Marxist lên nắm quyền và ngự trị độc tôn) tôi đã có thể đi học, khi đó tôi cũng đã chẳng thể học được môn kinh tế học phương Tây hiện đại.

(*) Péter György và nhạc sĩ Mihály András, giám đốc Nhà hát Opera sau này hay sang phương Tây, và họ đã sẵn sàng mang sách về cho tôi. Có thể kiếm được các cuốn khác ở các thư viện của trường đại học ở Budapest và của Viện thuộc Viện Hàn lâm.

Tranh luận Lange-Hayek

Cuộc tranh luận diễn ra giữa các nhà kinh tế học phương Tây vào các năm 1930 về chủ nghĩa xã hội đã cho tôi một ấn tượng trí tuệ đáng được nhấn mạnh riêng biệt. Bài báo kinh điển của Oscar Lange, nhà kinh tế học Ba Lan khi đó sống ở Mĩ, về chủ nghĩa xã hội là văn bản đầu tiên mà tôi đọc bằng tiếng Anh. Muộn hơn tôi đã nghiên cứu qua

https://thuviensach.vn

tất cả các bài quan trọng của cuộc tranh luận, kể cả cuốn do Hayek chủ biên nổ loạt súng vào kế hoạch hoá[85] và cả cuốn *Kinh tế học vềĐiều khiển* (*Economics of Control*)nổi tiếng của Abba Lerner nữa. Bài báo uyên bác của Abram Bergson cho một tổng quan bao quát về tài liệu tham khảo của vấn đề đã giúp tôi nhiều trong việc lựa chọn các tài liệu đọc.[86] Khi đọc các công trình này tôi chẳng tin là, sau này đính thân tôi cũng sẽ gặp Lange, Lerner, Maurice Dobb. Ngay cả trong mơ tôi cũng chẳng nghĩ đến, khi phòng của tôi ở đại học Hardvard sẽ nằm ngay cạnh phòng của Abram Bergson. (Thậm chí, muộn hơn chúng tôi cũng trở thành hàng xóm nhà ở Cambridge).

Ý tưởng, rằng bên trong một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải giao cho thị trường phân bổ các nguồn lực, đến với tôi lần đầu tiên từ những lời nói và bài báo của Péter György, cũng như từ những mô tả về hệ thống Nam Tư. Cuốn sách của bản thân tôi lên tiếng chống lại "sự tập trung quá mức". Bây giờ tôi mới biết, rằng đã 20 năm trước ở Chicago và London, ở Cambridge Anh và Mĩ các nhà kinh tế học đã tranh luận ở trình độ lí thuyết cao về việc, một nền kinh tế, nơi các xí nghiệp thuộc sở hữu công, có thểđi xa đến đâu trong phi tập trung hoá, trong tản quyền. Lange đã đưa ra một mô hình, trong đó các xí nghiệp thuộc sở hữu công. Chúng quan tâm đến một mục đích kinh tế duy nhất, tính sinh lời.(*) Giá cả không hình thành tự do, mà do một nhà chức trách kế hoạch trung ương quy định, cụ thể là theo một quy tắc cực kì đơn giản. Nếu đối với một sản phẩm nào đó cầu vượt cung, thì họ nâng giá lên. Nếu ngược lại, cung vượt cầu, thì họ hạ giá xuống. Nhà lập kế hoạch trung ương không có việc gì khác, ngoài việc theo dõi quan hệ cung và cầu, và theo đó mà chỉnh sửa giá. Lange – hoàn toàn phù hợp với các định lí quen thuộc liên quan đến thị trường và giá của kinh tế học vi mô tân cổđiển-đã chứng minh rằng, trạng thái của thị trường hội tụ đến cân bằng. Khi đó tôi học được từ bài báo của Lange thành ngữ Anh "trial and error".[88] Thử-và-sai, các giá cũng tiến đến trạng thái nổi bật của "giá cân bằng". Người sáng lập ra cái gọi là "lí thuyết cân bằng chung" là một trong những người khổng lồ của khoa học kinh tế, Leon Walras nhà kinh tế học Pháp-Thuỵ Sĩ. Từ mọi dòng của bài báo của Lange đều toát ra cảm hứng của kinh tế học Walras.

https://thuviensach.vn

Bài viết của Lange đã thoả mãn những đòi hỏi trí tuệ và ý thức hệ của nhiều nhà kinh tế Phương Tây có đầu óc cánh tảđúng lúc nhất và ở dạng thật thích hợp. Những người này, một mặt trên cơ sở thiện cảm *chính trị* của họ, có xu hướng chấp nhận một chế độ xã hội chủ nghĩa nào đấy. Mặt khác, họ bác bỏ sự chống thị trường của chủ nghĩa Marx. Cả trên cơ sở những cân nhắc thực tiễn, lẫn từ sự thuyết phục lí thuyết nữa, họ là những người ủng hộ thị trường. Họ đứng xa chủ nghĩa Marx, và họ coi lí thuyết Walras và tân cổđiển là của mình. Vì thế họ nhiệt tình đón nhận sự tổng hợp do Lange kiến nghị. Tôi khi đó cũng rất có cảm tình vì những cân nhắc như vậy. Ngoài nội dung kinh tế tỏ ra thuyết phục, thì thẩm mĩ – tôi tin, đây là thuật ngữ trúng nhất- của dòng tư duy, tính hài hoà đơn giản và sáng tỏ của kết cấu lí thuyết, đã làm tôi choáng ngợp, say đắm.

(*) Lange lúc đầu bắt tối thiểu hoá chi phí, nhưng các bài báo muộn hơn đã chính xác hoá điều này.

Mặt khác phê phán của Hayek cũng gây ấn tượng thức tỉnh tư duy đối với tôi. Ông tìm thấy các lí lẽ của mình không phải từ lí thuyết, mà từ những cân nhắc thực tiễn. Nhà lập kế hoạch trung ương làm thế nào có khả năng theo dõi quan hệ cung cầu của hàng triệu loại sản phẩm? Các lí lẽ của ông dúi mũi tôi vào hiện tượng mà tôi biết kĩ: sự hiểu biết, kiến thức tập trung có những giới hạn của nó. Hayek chỉ ra một cách có lí, rằng thị trường không đơn giản là một bộ máy tạo cân bằng. Kiến thức của xã hội được phân tán. Chỉ có nền kinh tế thị trường phân tán và sở hữu tư nhân mới tạo ra khả năng, mỗi người nhận được khuyến khích trực tiếp để sử dụng tốt nhất lượng kiến thức mà mình sở hữu. Đọc Hayek đã hướng sự chú ý của tôi đến mối quan hệ mật thiết giữa kiến thức, khuyến khích và sở hữu. Cấu trúc của các mối quan hệ này khi đó vẫn chưa rõ đối với tôi, nhưng chí ít tôi đã bắt đầu suy nghĩ một cách có hệ thống về nó.

Tôi không muốn chiếu lập trường của mình quay lại 1957, lập trường mà tôi đã phát triển muộn hơn nhiều và về cơ bản bác bỏ kiến nghị của Lange. Ý kiến phản đối sau này của tôi dựa trên cơ sở là, có quan hệ không thể tách rời giữa một mặt là kết cấu chính trị và các quan hệ sở hữu, mặt khác là điều phối thị trường. Năm 1957 tôi vẫn chưa nhìn thật rõ các mối quan hệ này. Tôi có thể đặc trưng phản ứng khi đó của tôi như, tôi đã không biết quyết định trong bản thân mình,

https://thuviensach.vn

công nhận ai là đúng. Lập luận của Lange và Lerner tỏ ra là sắc sảo và nhất quán, nhưng phê phán của Hayek cũng lôi cuốn tôi.

Có lẽ phong cách tranh luận cũng tác động đến tôi mạnh hơn nội dung tranh luận. Ở Hungary cũng diễn ra tranh luận, thực ra là về đề tài rất giống nhau. Ở đây Péter György và tôi đụng chạm đến các ý tưởng tương tự, như Lange và Lerner ở Phương Tây. Người ta chỉ trích, đe doạ chúng tôi. Ởđó thảo luận diễn ra với giọng văn minh. Đối với lí lẽ phải trả lời bằng lí lẽ, chứ không phải bằng sự buộc tội giận dữ, phẫn nộ. Khi đó tôi đã hiểu rõ rồi, không phải Molnár Endre và Ripp Géza mở đầu lối đánh này. Sự thô bạo chống lại đối thủ, sự khinh thường đối với người có quan điểm khác và tính kiêu căng đã bắt đầu với Marx trong truyền thống này, tiếp tục với Lenin và đạt đỉnh điểm với Stalin. Stalin đã không chỉ mắng nhiếc gay gắt đối thủ, mà sai bắn vào gáy nữa.

Tiếp tục nghiên cứu ngành công nghiệp nhẹ

Song song với việc học tập tôi muốn tiếp tục nghiên cứu được khởi đầu bằng *Sự tập trung quá mức*. Tôi đã muốn bổ sung các khẳng định được tổng kết trong TK ở nhiều điểm. Một phần, tôi muốn mở rộng ra các đề tài, mà trước đây tôi đã không dành đủ năng lực, như khảo sát giá cả, các khoản đầu tư, hệ thống thuế và tín dụng. Mặt khác tôi đã muốn theo dõi, đã diễn ra những thay đổi nào trong các phương pháp chỉ đạo kinh tế. Có chăng hiệu quả của các kiến nghị được hình thành ngay từ trước cách mạng, cũng như của những kiến nghị do uỷ ban-Varga đã được nhắc tới đưa ra? Cả những kiến nghị trước, lẫn các đề xuất sau đều hướng theo chiều giống nhau, nếu không phải là bãi bỏ hệ thống chỉ thị kế hoạch, nhưng chí ít cũng hạn chế nó vào lĩnh vực hẹp hơn, và đồng thời mở rộng phạm vi ảnh hưởng của cơ chế thị trường.

Tôi tiếp tục nghiên cứu với cường độ cao. Tôi khôi phục các mối quan hệ cũ trong công nghiệp nhẹ, và bổ sung thêm nhiều mối quen biết mới. Bây giờ tôi đã tiến hành hỏi trên cơ sở những câu hỏi soạn trước, có hệ thống hơn.

Bên cạnh đó tôi cố gắng tận dụng hiểu biết mới, mà tôi tìm thấy từ tài liệu tham khảo phương Tây. Nếu một ngày tôi học về hàm chi phí xí nghiệp, thì tôi tận dụng các cuộc thăm viếng xí nghiệp tiếp sau, để thử xác định hàm chi phí của một nhà máy dệt, lưuý cả đặc điểm là, ở đây nói đến sản xuất theo chiều dọc có nhiều bậc, và người ta chế tạo

https://thuviensach.vn

nhiều loại sản phẩm song song với nhau. Khi tôi biết công cụ khái niệm về thay thế và tỉ lệ thay thế biên, thì tôi thử làm rõ: việc xác định giá của các nguyên liệu nhập khẩu và trong nước thay thế nhau xảy ra như thế nào ở Hungary. Nếu thực tiễn Hungary không hợp lí (hiểu: không phù hợp với mô hình chuẩn tắc được biết từ tài liệu khoa học phương Tây), thì phải điều chỉnh thực tiễn xác định giá thế nào.

Đây là sự gắn lành mạnh việc học tập và nghiên cứu. Về lí luận dạy học là có ích, nếu học trò lập tức đối sánh mô hình với thực tiễn thật. Nó giúp nhiều cả cho việc, chúng ta nghi nhớ những cái đã học. Cái còn quan trọng hơn thế nhiều: nó làm cho chúng ta quen kiểm tra tính có thể dùng được của lí thuyết. Ởđây không phải là các định lí lí thuyết lớn, mà là các cấu thành nhỏ của lí thuyết tân cổđiển toàn diện. Nhưng chí ít liên quan đến các quan hệ nhỏ này tôi đã có khả năng làm, cái mà tôi cảm thấy thiếu đến vậy trong các công trình lí thuyết Marxist: hết lần này đến lần khác đối sánh lí thuyết với thực tế.

Tôi không chỉ kiểm tra và áp dụng vào thực tiễn lí thuyết vừa mới học được ở trong đầu và cũng không chỉ trong các vở ghi chép của tôi, mà tôi đã thử tu chỉnh trong các bài báo ngắn-dài. Tôi viết một loạt bài báo, mà tôi công bố trong các tạp chí có số phát hành ít, dành cho các chuyên gia kĩ thuật và kinh tế.(*) Nhiều nhân tố thúc đẩy tôi đến hoạt động công bố này. Đấy đã là các bài luyện tay. Tôi là người viết, có lẽ tôi có thể nói là "người mắc bệnh viết, nghiện viết", người không thể ngồi lâu mà không viết. Nhu cầu làm rõ tư duy cũng động viên tôi viết báo. Bất cứ vấn đề nào làm tôi quan tâm – khi đó thế, và ngày nay cũng thế - tôi chỉ có thể sắp xếp có trật tự các ý tưởng phân nhánh khắp nơi, nếu tôi viết, nếu tôi mô tả chúng. Bài viết có thể là bài báo, đôi khi - nếu tôi tranh luận với ai đó- một lá thư (mà có lẽ tôi chẳng gửi cho người nhận) hay đơn thuần là một ghi chép để riêng cho bản thân tôi. Bất luận thế nào, tôi cần viết để làm rõ.

Cái cũng thúc đẩy tôi là, tôi chia sẻ kiến thức với những người khác. Nếu cuối cùng tôi hiểu cái này cái nọ - hãy để người khác, người rồi sẽ đọc bài báo của tôi, cũng hiểu.

Các bài báo nhỏ này – từ quan điểm phát triển tư duy kinh tế học – là không đáng kể. Chúng không đóng góp cho khoa học, nhưng đã giúp nhiều cho sự phát triển chuyên môn của riêng tôi. Tôi nhìn lại chúng, như một nhà thể thao nghĩ về sự luyện tập của mình.

https://thuviensach.vn

"Tách mình khỏi"

Cấu trúc của những kí ức của tôi buộc tôi phải tách những cái xảy ra có liên quan với nhau ra: chương trước đề cập đến các cơn bão chính trị hoành hành xung quanh tôi và trong tôi, còn trong chương này đến đây mới chỉ nói về hoạt động trí tuệ bình lặng. Tôi đọc, tôi trò chuyện với các đồng nghiệp, tôi ghi chép, tôi viết các bài báo chuyên môn – hoàn toàn như các nhà nghiên cứu trẻ khác làm việc ở Oxford, Princeton hay ở Kiel. Hãy để tôi nhắc nhở bạn đọc: tình hình với tôi trong giai đoạn này là khác. Trong suy nghĩ của tôi và trong thế giới tình cảm của tôi, trong những liên tưởng tự do đập thình thịch trong óc tôi, nhiều loại ấn tượng của những bài đọc văn học, của các cuộc hỏi cung ở công an, của việc viết báo và của các sự kiện chính trị nghẹt thở, cùng sống một cách khó có thể tách khỏi nhau. Cũng đã xảy ra là, lĩnh vực chính trị chà đạp thô bạo vào lĩnh vực chuyên môn.

(*)Tôi đã viết các bài báo không chỉ về các vấn đề liên quan chặt chẽ với việc học tập, mà cả về các đề tài khác nữa. Tôi nhớ lại với lòng biết ơn các biên tập viên lúc đó của *Élet és Tudómány* (*Đời sống và Khoa học*), *Figyelő* (*Người quan sát*), *Közgazdasági Szemle* (Tạp chí *Tổng quan Kinh tế*) và *Statisztikai Szemle* (*Tổng quan Thống kê*), những người biết rằng, "ở trên" người ta không ưa họ, nếu họ công bố các bài viết của tôi. Thế mà họ vẫn tạo khả năng để tôi công bố, ngay chỉ vì chuyện, để bằng cách đó tôi có được thêm một khoản thu nhập nhỏ. Đôi khi các biên tập viên buộc phải công bố các bài viết của tôi mà không có tên hay chỉ với các chữ đầu (đôi khi với các chữ đầu giả).

Cuộc điều tra của công an trong vụ *Hungaricus* của Fekete Sándor vẫn đang tiến hành khẩn trương, khi một cựu đồng nghiệp ở viện tìm tôi. Anh là một đảng viên tích cực và tin tưởng. Đối với tôi anh luôn luôn ứng xử thân thiện, chúng tôi khá gần nhau, anh biết nhiều về các quan điểm của tôi và giới bạn bè của tôi. Chúng tôi bắt đầu nói chuyện này chuyện nọ, nhưng rồi sau hoá ra là, thực ra anh mang thông điệp cho tôi. "Các đồng chí thấy là tốt, nếu ở dạng nào đó cậu tách mình khỏi Kende Péter, người tấn công đất nước từ Paris và dẫn chiếu đến cuốn sách của cậu…" Dẫn chiếu vô danh đến "các đồng chí" đã là công thức khá quen thuộc khi đó. Về sau tôi đã không hỏi người đưa tin, ai đã gửi. Bây giờ, khi tôi viết các hồi ức của mình, anh không còn sống, dù tôi sẵn lòng hỏi cặn kẽ. Tôi đoán là, Friss István đã gửi tin.

https://thuviensach.vn

Tôi giả thiết, là các điều tra viên đã hỏi Friss, ông nghĩ gì về tôi, và kể cho ông nghe câu chuyện *Hungaricus*. Jorgosz Vasziliu là nghiên cứu sinh của ông, và điều này chắc chắn rắc rối cho ông. Đáng chú ý thêm là, bài báo của tôi trong *Közgazdasági Szemle* (*Tổng quan Kinh tế*), mà tôi sẽ nói đến ngay, là do Friss duyệt bản thảo. Song tất cả đấy chỉ là suy đoán. Có thể, ai đó từ trung ương đảng hay từ công an đã là nguồn của tin nhắn. Đồng nghiệp thông báo nội dung tin cho tôi với giọng thân hữu đến đâu đi nữa, tôi cảm thấy sựđe doạ mạnh từ phía những người đã đưa ra thông điệp.

Kende Péter đã viết một bài báo lí thú và thông minh cho một tạp chí Pháp về nền kinh tế kế hoạch Hungary và trong đó anh nhiều lần dẫn chiếu đến *Sự tập trung quá mức*.[88] Hiển nhiên anh cho là quan trọng, để đưa ra nguồn của mỗiý tưởng hay thông tin một cách đứng đắn, như thông thường trong các bài báo khoa học. Anh cũng đã có thể cảm thấy có lí, rằng trong TK ở mức độ nào đó anh "cũng có trong đó", bởi vì trong lúc viết, đối thoại thường xuyên với anh đã có tác động lớn đối với tôi. Và anh đã có thể nghĩ rằng, các tác giả thường vui, nếu người ta dẫn chiếu đến họ. Đúng, nói chung tôi cũng vui vì những dẫn chiếu -trừ, nếu các dẫn chiếu ấy xuất hiện khoảng năm 1957, đúng trong bài viết của Kende Péter. Việc này khi đó rất rắc rối, bởi vì ở phố Gyorskocsi giữa những thứ khác họ cũng tra hỏi Fekete và Vasziliu, quan hệ Kornai-Kende đã có vai trò gì trong việc công bố *Hungaricus*. Người ta chỉ cho tôi các biên bản hỏi cung của họ, trong khi cũng lục vấn tôi về vấn đề này. (Như trước đây tôi đã nhắc đến, quan hệ Kornai-Kende cũng lọt vào hồ sơ "tiền án" của tôi do công an quản lí.)

Tôi quyết định, tôi sẽ thoả mãn "kiến nghị" được chứa đựng trong thông điệp. Đúng lúc đó tôi đang viết một bài báo, dựa trên dữ liệu nghiên cứu công nghiệp nhẹ của tôi, và đề cập đến, "quan điểm số lượng" và "quan điểm hiệu quả kinh tế" tác động lên ứng xử của các nhà lãnh đạo kinh tế đến mức nào.[89] Đôi chút như túm tóc mà lôi, nhưng tôi đã ép "sự tách mình ra" vào bài báo này. Bài báo phản đối việc, từ cuốn sách của tôi Kende Péter đọc ra sự thất bại của chủ nghĩa xã hội. Nó ghi chú một cách tự phê bình: lỗi diễn đạt của TK, nếu kết luận này có thể rút ra từ nó.

https://thuviensach.vn

Nhân nhượng áp lực đã là cảm giác nghẹt thở và nhục nhã. Đặc biệt tôi xấu hổ vì, tôi đã làm việc này đối với chính Péter. Tôi đã có thể làm yên lòng mình, bằng việc này tôi đã không làm hại anh ta, người sống an toàn ở Paris, trong khi tôi làm nhẹ bớt tình hình của mình. Đối với việc này các nhà kinh tế thường nhận xét, với cái đầu lãnh đạm, rằng đấy là "giải pháp tối ưu-Pareto".(*)Có thể sựđánh giá này đứng vững – nhân danh chiến lược sống sót. Nhưng tôi thì cảm thấy, rằng với "sự tách mình ra khỏi" này tôi đã vi phạm các chuẩn mực, mà tôi coi là có hiệu lực trong vấn đề tình bạn.

Năm 1964 chúng tôi gặp nhau. Đây là dịp đầu tiên chúng tôi gặp nhau sau khi Péter di tản. Đến chuyện bài báo, và Péter đã chỉ trách móc vì một sự kiện nhỏ. Vì sao tôi không gửi cho anh ta lời nhắn: "Tao buộc phải làm vậy, nhưng tất nhiên tao không nghĩ vậy." Tôi công nhận, anh đúng về việc này. Sau đó chúng tôi thoả thuận, là chúng tôi không quay lại chuyện này nữa. Tuy trong hàng thập niên di trú của anh chúng tôi đã gặp nhau nhiều lần ở những điểm khác nhau trên thế giới, ở Paris và Venise, ở Bỉ và Hà lan, ở Anh, ở Thuỵ Sĩ và ở Đức, và từ cuối các năm 1980 cả ở Budapest nữa, đề tài rắc rối này đã chẳng bao giờ nổi lên giữa chúng tôi.

Tôi tin, trong phản ứng của Péter nhiều loại cảm giác có thể pha trộn, nhưng có lẽ sự hài hước và châm biếm chiếm ưu thế. Khi cuốn sách của anh, bao gồm cả bài báo được nhắc đến, được xuất bản ở Pháp năm năm sau, anh đã gửi cho tôi một cuốn, trong đó có lời đề tặng:[90] "Những tác phẩm của các kẻ thù của mình tôi vẫn còn chịu đựng được, nhưng Chúa ơi hãy cứu con khỏi các bạn của con! Một tác giả".

Ngõ cụt

Vừa mới rồi, lật lại kĩ các bài báo công bố kết quả nghiên cứu công nghiệp nhẹ tôi tìm thấy một bài, mà tôi chú ý tới. "Có cần chỉnh sửa phần hưởng lợi nhuận hay không?"- đấy là đầu đề của bài báo. Đầu đề chán ngắt của bài báo nhìn bằng con mắt ngày nay cũng đề cập đến một đề tài hồi hộp, hấp dẫn. Bắt đầu từ 1957 người ta đã muốn làm cho các lãnh đạo và những người lao động của các xí nghiệp nhà nước quan tâm đến tăng lợi nhuận. Điều này thoạt nhìn có vẻ là một sự thay đổi có nhiều hứa hẹn. Các xí nghiệp nhà nước đã xa dần sự quan tâm "tối đa hoá số lượng" và đến gần hơn sự quan tâm đến "tối đa hoá lợi

https://thuviensach.vn

nhuận", điều đặc trưng cho nền kinh tế thị trường dựa trên sở hữu tư nhân. Thế nhưng, té ra là, sự phân chia phần hưởng lợi nhuận lại "bất công" giữa các xí nghiệp. Ở một xí nghiệp sở dĩ lợi nhuận chỉ bé tí tẹo, bởi vì các điều kiện kinh tế đối ngoại độc lập với nó đã chuyển biến theo chiều bất lợi, thí dụ cầu đối với sản phẩm dự kiến xuất khẩu bị thu hẹp lại. Ở một xí nghiệp khác sở dĩ lợi nhuận là nhỏ, bởi vì sự can thiệp của cơ quan cấp trên đã buộc nó phải sản xuất các sản phẩm ít sinh lời hơn. Xí nghiệp thứ ba giải thích lợi nhuận kém của nó so với các xí nghiệp khác, bằng viện dẫn đến tình hình trang bị kĩ thuật tồi hơn. Việc này không do lỗi của nó, mà do lỗi của những người quyết định đến các khoản đầu tư và phát triển kĩ thuật của các xí nghiệp. Các xí nghiệp này đòi hỏi người ta "chỉnh sửa" phần hưởng lợi nhuận của chúng. Người ta bù cho chúng vì tất cả sự hụt lợi nhuận, xảy ra do các nguyên nhân độc lập đối với chúng. Lợi nhuận như thế hãy đừng là phạm trù thị trường, do cầu và cung, do hiệu số của giá mua có thểđòi và tổng chi phí thực tạo ra, mà hãy là sự bù ngược công bằng của cái, đơn thuần chỉ tuỳ thuộc vào xí nghiệp, của thành tích "tốt" hay "tồi" riêng của xí nghiệp.

(*) Một sự thay đổi thoả mãn tiêu chuẩn tối ưu-Pareto, nếu nó cải thiện tình trạng của một cá nhân hay của một nhóm, mà không làm tổn hại tình hình của những người khác. (Tiêu chuẩn này được Vilfredo Pareto, nhà kinh tế học Italia đưa vào khoa học kinh tế.)

Năm 1958, khi tôi viết bài báo này, tôi đã đến gần lĩnh vực vấn đề, mà hai mươi năm sau tôi gọi là hội chứng "ràng buộc ngân sách mềm". Xí nghiệp thử đẩy cơ quan cấp trên đến chỗ, đền bù thiệt hại cho những tổn thất, mà "nó không chịu trách nhiệm". Thực ra sự quan tâm đến lợi nhuận chỉ tác động với toàn bộ sức mạnh, nếu người ta không kéo xí nghiệp ra khỏi tình trạng rắc rối tài chính, bất luận sự rắc rối do sai lầm riêng của xí nghiệp hay do sự trùng hợp không may của những hoàn cảnh bên ngoài gây ra. Có thể, điều này là không "công bằng", nhưng điều này buộc những người làm kinh tế đối mặt với những khó khăn, thích nghi với hoàn cảnh bất lợi, để thử bằng những sáng kiến kĩ thuật và kinh tế nhằm kiếm được nhiều lợi nhuận cả trong tình hình khó khăn nữa. Sự đền bù vì các hoàn cảnh bất lợi làm người ta quen thụ động, không cần đương đầu, mà chỉ khóc lóc để có sự trợ giúp của nhà nước.

https://thuviensach.vn

Bài học của bài báo này cho biết, rằng có lẽ tôi đã có thểđi đến những nhận thức sau này sớm hơn nhiều, nếu giả như tôi đã có thể tiếp tục nghiên cứu của mình trong bầu không khí tự do hơn. Đáng tiếc, đã không diễn ra như thế. Chủ yếu việc trả lời câu hỏi sau đã vấp phải khó khăn đặc biệt, câu hỏi là một trong những vấn đề cơ bản của sự nghiên cứu công nghiệp nhẹ của tôi khởi đầu trong năm 1957: cơ chế kinh tếđã thay đổi bao nhiêu sau 1956? Chính phủ có giữ những lời hứa của mình, rằng không quay lại sự tập trung quá mức quan liêu cũ hay không? Sự thật là, rất ít thay đổi thuận lợi diễn ra theo hướng phi tập trung hoá (phần hưởng lợi nhuận lẽ ra là một thay đổi như vậy), nhưng ngay từ số ít ỏi này người ta cũng đã sắp xếp lại sau một thời gian ngắn.

Nói công khai *điều này*, công bố kết quả nghiên cứu *này* đã là không thể trong tình hình chính trị cho trước. Còn tôi thì không thấy ý nghĩa của việc, mình viết cho ngăn kéo bàn. Nếu những kết luận sâu xa, quan trọng của nghiên cứu, cùng với sự chứng minh bằng sự thực phong phú của chúng, không thể được viết ra và không thể được công bố, thì phải ghi nhận là, sự tiếp tục nghiên cứu vấp phải những rào cản chính trị. Tôi cảm thấy, mình rơi vào ngõ cụt. Bây giờ, khi tôi viết những kí ức của mình, tất nhiên tôi nhớ ra, liệu tôi đã đánh giá đúng tình hình hay không? Liệu đã không thể, đã không bõ công tiếp tục công việc nghiên cứu tiếp theo *Sự tập trung quá mức* hay không? Ngần ấy là chắc chắn, *khi đó* tôi đã nghĩ rằng: không thể, không bõ.

Đã hình thành trong tôi niềm tin, rằng sự sửa đổi nhỏ của đề tài là không đủ. Tôi cần chọn hướng nghiên cứu mới. Hướng này là *áp dụng các phương pháp toán học vào kinh tế*, đó là đề tài của chương tiếp theo.

Năm 1959 đóng vai trò năm kết thúc trong tiêu đề của chương. Tất nhiên tôi không một sớm một chiều đoạn tuyệt với đề tài đến lúc đó. Nhưng đến cuối 1959, nghiên cứu của tôi về các phương pháp chỉ đạo kinh tế sau 1956 của ngành công nghiệp nhẹđã bị bỏ dở hoàn toàn và mãi mãi. Có rất nhiều lao động trong đó. Trừ khoản lợi, mà theo quan điểm phát triển chuyên môn của riêng tôi có thể được coi là "luyện tập", thì về cơ bản là công việc vô ích, bị bỏ phí. Trong kho tư liệu của riêng tôi, ở đó có hàng ngàn ghi chép, được sắp xếp ngăn nắp. Bây giờ, khi viết những kí ức của mình, sau không biết bao nhiêu năm tôi cầm chúng trên tay với cảm giác buồn nặng trĩu.

https://thuviensach.vn

Những quyết định cho cả cuộc đời

"Không phải ngẫu nhiên, các đồng chí …" - một tuyên bố nào đấy thường bắt đầu bằng cụm từ rỗng tuếch này. Những người am hiểu triết học của Marx nói rằng, các tác phẩm

của ông chẳng bao giờ gợi ý thuyết định mệnh cực đoan, sự an bài định sẵn của các sự kiện. Thế nhưng trong những ngày thường nhật của hệ thống xã hội chủ nghĩa, các bí thư đảng và những người viết xã luận, các giáo viên lịch sử và các trưởng phòng của cơ quan kế hoạch thích tạo ra cảm tưởng, là *không có lựa chọn khác*. Chỉ có thể làm một thứ, cụ thể là, cái mà các lực lượng lịch sử của sự tiến bộ sai bảo. Còn sự sai bảo này đa phần họ đồng nhất với các chỉ thị của riêng họ. Không có con đường khác, chỉ có tập thể hoá nông nghiệp. Kế hoạch kinh tế quốc dân chỉ được chuẩn bị trong một "biến thể" duy nhất, tất cả các cơ quan, mà về hình thức có quyền chấp nhận hay từ chối kế hoạch, phải thông qua kế hoạch đó. Chỉ có một đảng, phải lựa chọn nó, bầu cho nó.

Trong nửa sau của các năm 1950 trong nhiều hình thức và từ nhiều nguồn đã đổ dồn về phía tôi quan niệm ngược lại: *đúng vẫn có sự lựa chọn*.

Khi đó tôi đọc các vở kịch của Németh László. Chúng tạo cho tôi ấn tượng mạnh mẽ, bởi vì lần lượt cầm chúng lên tay, chúng lần lượt mô tả những lựa chọn khả dĩ của các câu trả lời có thể đưa ra cho các thế lưỡng nan lựa chọn thực sự lớn. Husz János, người không do dự từ chối mọi sự nhượng bộ (và bị thiêu), Galileo, người nhượng bộ trong giây phút khó khăn nhất (và vì việc đó ông chẳng bao giờ có thể giải hoà hoàn toàn với bản thân mình), Misztóthfalusi Kis Miklós, người rút lại lời mình (và về mặt tâm hồn bị tàn phế vì sự nhượng bộ vô nguyên tắc), Széchenyi, người – tuy trước đó không phấn khởi vì cách mạng- đã không thể yên lòng vì sựđánh tan cách mạng (và đã tự tử) và Pétőfi, người không chỉ tự nguyện, mà cũng tuân theo đòi hỏi của những người xung quanh, đi ra trận (và hi sinh oanh liệt). Toàn bộ các vở kịch của Németh László không cho chỉ dẫn, quyết định tốt là gì, nhưng nó giới thiệu các giải pháp lựa chọn khả dĩ của các tình thế lưỡng nan bi kịch, lớn và nỗi dày vò của sự lựa chọn.

Khoảng thời gian này tôi làm quen với triết học hiện sinh. Đầu tiên một bài viết ngắn của Sartre rơi vào tay tôi,[91] rồi tôi cũng nghiên cứu

https://thuviensach.vn

các tác phẩm khác. Từ các tác phẩm này trước hết tôi đọc thấy (có lẽ vì trước hết tôi muốn đọc thấy cái này từ chúng), rằng nếu không có Chúa, thì con người tự do và buộc phải lựa chọn. Không tồn tại tình trạng tuyệt vọng, trong đó không còn khả năng lựa chọn nào đó, và cùng với việc này hãy đừng đổ trách nhiệm cho người ra quyết định. Đối với tôi, mà người ta nhồi vào đầu, rằng "rồi đảng sẽ quyết định …", quan trọng sống còn với tôi là tôi hiểu rằng, tôi là người chịu trách nhiệm về các quyết định của riêng mình, tôi không đổ trách nhiệm cho hoàn cảnh.

Bên cạnh những cái này, với tư cách nhà kinh tế, khi đó mô hình "lựa chọn duy lí" đã trở thành khung khổ quan niệm thường xuyên của tư duy của tôi. Trong một chương muộn hơn của cuốn sách tôi sẽ đề cập chi tiết đến phê phán lí thuyết này. Bây giờ, tuy vậy, tôi muốn nhấn mạnh một trong những giá trị to lớn của nó. Cấu trúc cơ bản của mô hình gợi ý, rằng *có sự lựa chọn*. Nếu chúng ta dùng cho các mục đích phân tích thực chứng, thì nhìn lại phải khẳng định, cho dù có đối ngược với sự thực đi nữa, các lựa chọn khả dĩ – nhưng đã bị bác bỏ- trong quá khứ là những lựa chọn nào. Trong trường hợp sử dụng chuẩn tắc thì chính xác cần tính đến, các hạn chế nào, rào cản nào thực sự hạn chế sự lựa chọn của chúng ta một cách độc lập với chúng ta. Sự lựa chọn là tự do bên trong tập hợp của các lựa chọn khả dĩ, bị giới hạn như thế.

Tôi thử tổng kết, tôi đã ở đâu trong những lựa chọn của riêng mình khoảng 1959. Có lẽ có người, bằng một bước ngoặt đầy kịnh tính, có khả năng chuyển sang nghiệp mới. Đối với tôi kéo dài năm năm, từ 1954 đến 1959, để tôi hình thành, tôi sẽ muốn sống thế nào trong tương lai. Từ chuỗi của các quyết định được suy nghĩ cẩn thận và các quyết định vội vàng, của các khả năng lựa chọn hẹp và hầu như rộng vô hạn do những ràng buộc quy định giới hạn, vài quyết định của tôi đã hình thành, nhưng – nhìn lại cũng có thể nói – đã chín mùi vào khoảng 1959. Tôi nhấn mạnh đến năm quyết định ở đây.

1. Tôi từ bỏ đảng cộng sản.
2. Tôi không di tản.
3. Nghề của tôi sẽ không phải chính trị, mà là nghiên cứu khoa học.

Tôi không đảm nhận các hình thức đấu tranh anh dũng và bất hợp

https://thuviensach.vn

pháp chống lại hệ thống cộng sản. Bằng hoạt động khoa học của mình tôi muốn đóng góp cho sự đổi mới.

4. Tôi từ bỏ chủ nghĩa Marx.
5. Tôi học để nắm vững những kiến thức cơ bản của kinh tế học hiện đại. Bằng các tiểu luận của mình, bằng những nghiên cứu của mình tôi muốn trở thành một phần của nghề kinh tế học phương Tây.

Về mỗi quyết định đã được nói tới riêng ở các chương trước, bây giờ tuy nhiên đây là chỗ để, đặt chúng cạnh nhau, tổng kết lại tôi xem xét lại các quyết định của mình. Mỗi quyết định cũng chẳng hiển nhiên; chẳng quyết định nào được xác định từ trước. Có thể đưa ra vô số thí dụ, từ những người xung quanh tôi, từ những người quen, thậm chí từ các bạn thân, những người trong thế lưỡng nan này hay thế lưỡng nan khác, hay trong cả năm thế lưỡng nan đã lựa chọn theo cách khác với tôi.

Vào năm 1959 trong trường hợp của tôi vài quyết định này đã không phải là tập hợp lỏng lẻo của các ý định mơ hồ và chưa được phác hoạ rõ, mà là chiến lược sống được cân nhắc, *có ý thức*. Tôi cũng đã nói chuyện về các nguyên tắc này cho những người gần gũi tôi nhất.

Từ khi đó bốn mươi lăm năm đã trôi qua. Đây là thời gian đủ dài, để tôi có thể nói: năm quyết định này đã là các quyết định cho toàn bộ cuộc đời tiếp theo của tôi. Tôi không khẳng định, rằng tôi đã thoả mãn mỗi cái không có ngoại lệ trong mọi trường hợp. Con người là sinh vật yếu đuối, dễ mắc tội. Trong mọi trường hợp tôi đã rất cố gắng càng bám chắc hơn vào chiến lược sống đã lựa chọn. Nếu tôi vi phạm các nguyên tắc riêng của mình, sau đó tôi quở trách mình một cách nghiêm khắc. Mệnh lệnh đạo đức "hãy trung thành với chính mình" trở thành một giá trị lớn lao trong con mắt tôi.

https://thuviensach.vn

1957 – 1968
KẾ HOẠCH HOÁ HAI MỨC

Theo nhịp tiến bộ của tôi trong những nghiên cứu kinh tế học của mình, ngày càng trở nên rõ ràng đối với tôi, toán học đóng vai trò quan trọng như thế nào trong khoa học kinh tế hiện đại. Tôi sẽ không có khả năng hiểu được, cái tôi đọc, nếu tôi không hiểu được ngôn ngữ toán học. Tôi phải học áp dụng các phương pháp toán học, nếu tôi muốn tiến hành những nghiên cứu kinh tế học ở trình độ thời đại. Nhân tố quan trọng của nỗ lực này đã là, bằng học tập và thay đổi dần dần "diện mạo" nghiên cứu của mình tôi đào tạo mình để sử dụng các công cụ toán học.

Làm quen với Lipták Tamás

Sự quan tâm của tôi đến tính rõ ràng logic kéo tư duy của tôi đến gần môn học này, đó là cái làm dễ cho các kế hoạch của tôi. Trong trường trung học tôi luôn luôn học rất giỏi toán và vật lí. Sau 1957, trong giai đoạn "sinh viên cao học tự học", tôi bắt đầu ôn lại kiến thức toán trung học, và bắt đầu đào tạo tiếp bản thân mình. Một mặt ở nhà tôi học từ sách, mặt khác tôi tham gia các khoá học khác nhau, tập trung vào các chương của toán học, được các nhà kinh tế học sử dụng nhiều nhất trong thời gian đó: đại số tuyến tính và giải tích (tính vi phân và tích phân).

Với tư cách nhà nghiên cứu tôi cũng đã thích dùng các công cụ toán học. Trong khuôn khổ khảo sát thực nghiệm, mà – như tôi đã mô tả ở chương trước-nghiên cứu sự biến đổi sau 1957 của các phương pháp chỉ đạo kinh tế trong công nghiệp nhẹ, vai trò của lợi nhuận xí nghiệp bắt đầu làm tôi quan tâm. Tất cả các công trình phương Tây đều coi là hiển nhiên, rằng động cơ của những người ra quyết định của xí nghiệp có thể được mô tả bằng giả thiết, theo đó xí nghiệp tối đa hoá lợi nhuận. Mà, sau 1957 người ta đã thử khiến các lãnh đạo xí nghiệp công nghiệp nhẹ, thậm chí khiến tất cả những người lao động quan tâm đến lợi nhuận. Người ta gắn các loại phần thưởng khác nhau với lợi nhuận, nhưng theo cách khá đặc biệt. Việc hưởng một phần lợi nhuận phụ thuộc vào, tính sinh lợi (tính bằng phần trăm của doanh thu) được cải thiện hay không so với một mức xác định. Như thế người ta

https://thuviensach.vn

không khuyến khích, để xí nghiệp tối đa hoá *tổng tuyệt đối* – theo nghĩa toán học-, tức là lợi nhuận, mà là tối đa hoá một *thương số*, tỉ lệ của lợi nhuận và doanh thu. Tuy nhiều người tin, rằng điều này cũng thế thôi, đối với tôi trở nên rõ ràng, là hai loại quan tâm này gây ra những tác động kinh tế khác với nhau.

Tôi bắt đầu ghi lại, ở dạng toán học, hai loại hàm cần tối đa hoá và bài toán quy hoạch gắn với chúng. Tôi đã mày mò ráp một mô hình, nhưng tôi đã không hài lòng với nó. Tôi ở mức đó, khi Bródy András, đồng nhiệp của tôi ở Viện Khoa học Kinh tế, người đã đi trước tôi xa trong áp dụng các phương pháp toán học vào kinh tế, đề nghị giúp tôi làm quen với một nhà toán học trẻở Viện Nghiên cứu Toán học của Viện Hàn lâm Khoa học Hungary. Bródy thân với, cũng thực hiện nghiên cứu chung với Rényi Alfréd, nhà toán học nổi tiếng thế giới, giám đốc Viện Nghiên cứu Toán học. Từ anh tôi nghe thấy, rằng Lipták Tamás, một học trò của Rényi, "nghiên cứu sinh" của ông, quan tâm đến các ứng dụng kinh tế.

Khi đó tôi làm quen với Tamás. Quan hệ công việc càng trở nên chặt chẽ, và được bổ sung bằng tình bạn riêng. Mau chóng trở nên rõ ràng, là các quan điểm chính trị của chúng tôi cũng giống nhau. Đừng quên, chúng ta ở năm 1957. Người trí thức không thể giữ quan hệ *tin cẩn* với loại người, mà từ quan điểm chính trị anh ta phải dè chừng.

Anh là một thanh niên gầy khó thể tưởng tượng nổi (ở tuổi già hơn anh vẫn gầy như thế). Cái nhìn đẹp của anh ta, giọng dễ thương của anh ta, lời nói thông minh của anh ta chinh phục tất cả mọi người ngay lập tức. Bất chấp bề ngoài không thật thuận lợi của anh phụ nữ mê tít anh ta.

Lipták là một tài năng toán học đặc biệt lớn. Có lẽ tôi không ngoa, nếu tôi khẳng định, trong anh có tính thiên tài. Anh không chỉ sử dụng khối kiến thức khổng lồ, kiến thức mà đến lúc đó đã tích tụ trong anh, với sự nhạy cảm chắc chắn tuyệt đối, mà anh đã có khả năng bất chợt lôi ra một định lí hay một phương pháp đọc được khi nào đó chính ở chỗ, đúng là cần đến nó. Anh là người suy nghĩ độc đáo, là người có sáng kiến thực sự.

Tôi đã học rất nhiều từ Lipták. Suốt nhiều năm anh là "gia sư" của tôi về toán học. Anh không dạy khoá học có phương pháp, mà chúng tôi luôn luôn lấy ra đúng đề tài cần đến. Những lúc như vậy anh kiến

https://thuviensach.vn

nghị các bài đọc, và giúp đỡ tôi hiểu chúng. Ngoài những kiến thức nhận được từ anh hay kiếm được nhờ sự giúp đỡ của anh, tôi cũng học được ở anh việc, phải "bắt tay" vào một bài toán thế nào. Anh đã không thử giấu giếm, rằng mô hình dựa trên những giả thiết trừu tượng như thế nào, cái gì là cái, trong đó mô hình sử dụng những đơn giản hoá so với thực tế. Ngược lại, anh đã muốn vạch ra những đơn giản hoá ẩn náu trong mô hình với sự cởi mở tối đa.

Anh đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối. Nỗ lực đáng trân trọng và hoàn toàn có lí về mặt khoa học này của anh đi đến những cực đoan, trong đó có lẽđã ló ra những triệu chứng đầu tiên của bệnh thần kinh sau này của anh. Chúng ta ở thời kì trước máy tính. Tamás viết bằng tay mọi công trình của mình, với những chữ viết đẹp. Nếu ở trang thứ hai mươi của văn bản đầy công thức anh nhầm một lỗi nhỏ, anh không sửa. Thay vào đó anh vất cả bài và bắt đầu viết lại từ đầu. Bản thảo phải không sai sót!

Bản thân tôi đã chẳng bao giờ đạt mức chính xác như vậy, nhưng theo tấm gương của Tamás chắc chắn tôi đã phát triển nhiều. Kể từ khi đó, nếu tôi phát hiện ra, là cái gì đó không hoàn toàn chính xác trong văn bản, mà tôi đang viết, chợt hiện lên trước tôi hình ảnh của người bị con ma-tính chính xác toán học-ám: Tamás bây giờ vất bài viết đi, và bắt đầu từ đầu.

Tôi không muốn vẽ bức tranh lí tưởng hoá về Lipták. Trí tuệ sáng chói này, con người đáng yêu vô cùng này rất khó trị trong những chiều khác của cuộc sống. Tôi đòi hỏi bản thân mình, là tôi xuất hiện chính xác, bất luận tôi đi đâu (vì thế nhiều khi tôi đến mọi cuộc gặp trước thời gian đã định trước nhiều). Không chỉ làm tôi tức, mà làm tôi nổi giận, nếu người khác không chính xác.(*)Tôi cố giữ thời hạn đã nhận. Tôi cắn rứt lương tâm khủng khiếp, nếu tôi không làm được điều này, và lúc như vậy chí ít tôi cố giảm thời gian trễ xuống cực tiểu. Về khía cạnh này Tamás chính là đối lập với tôi. Hầu như chẳng bao giờ anh có mặt trong các cuộc hẹn của chúng tôi vào thời gian đã định. Anh đã chẳng bao giờ giữđúng thời hạn dù chỉ một lần duy nhất. Anh giải thích sự chậm trễ, lỡ hẹn gặp, sự bỏ trễ thời hạn đã nhận với những mẹo trẻ con quanh co hoặc cũng chẳng thèm thanh minh. Sự khác nhau về tính khí này của chúng tôi đã dẫn đến vô số trục trặc.

Khảo sát toán học của phần hưởng lợi nhuận

https://thuviensach.vn

Chúng ta hãy quay lại vấn đề kinh tế, mà liên quan tới nó tôi đã tìm Lipták năm 1957. Mau chóng rõ ra là, vấn đề - nếu chúng ta tiếp cận đến nó một cách khắt khe, và chúng ta không muốn đơn giản hoá đến mức, những rắc rối do thực tế gây ra biến mất – khá khó xử lí về mặt toán học, Chúng ta phải phân tích bài toán quy hoạch phi tuyến loại đặc biệt. Chúng tôi bắt tay vào việc hết lần này đến lần khác. Các chương của tiểu luận được hoàn thành trong cả chục biến thể, từng chương một, sau nhiều suy nghĩ nát óc miệt mài và vô số cuộc làm việc chung nhiều giờ đồng hồ. Cuối cùng đã hoàn thành một văn bản khoảng 250 trang, mà đối với cả hai chúng tôi tỏ ra là có thể chấp nhận được.

Tuy nhiên khi đó công việc bị gián đoạn. Người ta bắt giam Tamás. Tamás với tư cách lính trơn đã tham gia vào hoạt động, mà chương trước đã nói tới nhiều. Tiểu luận có nhan đề *Hungaricus* của Fekete Sándor, mà tôi đã giúp đưa ra nước ngoài, trước đó đã được nhân bản và truyền bá trong các giới trí thức ở Hungary, và Tamás tham gia vào việc này, với tư cách người vận hành máy nhân bản. Khi cả tôi, lẫn cả anh đã thực ra là các chiến hữu cùng trong một hoạt động, chúng tôi vẫn chưa biết nhau. Khi sau đó – trên mặt trận khoa học, chứ không phải chính trị -chúng tôi bắt đầu cùng làm việc, thì đã có sẵn cái quá khứ chính trị chung gắn chúng tôi lại với nhau. Việc bắt giam anh không làm chúng tôi ngạc nhiên.

Trong vụ án người ta kết án Tamás với tư cách bị cáo hạng thứ sau nhiều. Anh bị giữ trong trại giam điều tra rồi trong nhà tù khoảng một năm. Một lần tôi viết một vài vấn đề toán học –liên quan đến nghiên cứu chung của chúng tôi-và đưa cho vợ anh, cho Manyi. Tôi đề nghị: hãy thử chuyển cho Tamás, để anh nghĩ về các vấn đề này trong xà lim nhà tù. Tôi cảm thấy khẩn cấp không phải là vấn đề chuyên môn, mà tôi hình dung là: việc đó *giúp* Tamás, nếu một vấn đề chuyên môn hồi hộp sẽđánh lạc sự chú ý của anh khỏi những gian nan của cuộc sống nhà tù.(**) Tội nghiệp Tamás, còn lâu anh mới nghĩ về các vấn đề toán học hay kinh tế! Anh đã toan tự tử. Đây đã là điềm báo trước tai hoạ của sự trầm uất sau này. May là người ta đã cứu được mạng sống của anh.

Tamás vẫn ở trong tù, khi người ta đuổi tôi khỏi Viện Khoa học Kinh tế. Tôi đã yêu cầu sự giúp đỡ của Bộ Công nghiệp Nhẹ, để chúng

https://thuviensach.vn

tôi có thể công bố bản thảo cỡ cuốn sách của chúng tôi. Họ sẵn sàng giúp đỡ, đảm nhận chi phí in ấn, nhưng họ khăng khăng

(*)Tôi vẫn là nhà báo vừa mới vào nghề, khi Gerő Ernő, "hoàng đế" chính sách kinh tế của đảng gọi tôi đến gặp ông vào một thời điểm xác định. Tôi đợi một ít thời gian, rồi tôi bảo cô thư kí của ông với giọng tức tối: đã quá giờ hẹn 20 phút. Tôi đi đây. Hầu như họ cũng chẳng hiểu, làm sao tôi lại dám làm việc này. Dường như, có thể là Gerőđã phục, rằng tôi nhất quyết với thời điểm đã hẹn, bởi vì ông đã bỏ qua bước đi khá khác thường này của tôi mà không nói một lời.

(**)Hình dung này cũng không hoàn toàn ngu ngốc. Sau này rõ ra là, trong số những người bị kết án 1956 đã có người, học ngoại ngữ, dịch, và có các nhà văn, những người đã thử sáng tác các tác phẩm văn học.

rằng tên của Lipták Tamás đang ngồi tù đừng xuất hiện trên ấn phẩm. Tôi tìm Rényi Alfréd, thủ trưởng và bạn bậc thầy của Tamás, chúng tôi thống nhất với ông, rằng thay cho tên của Tamás công thức này xuất hiện trên bìa ấn phẩm: "Với sự hợp tác của Viện Toán học Viện Hàn lâm Khoa học Hungary". Tiểu luận- bằng kĩ thuật nhân bản, với bề ngoài khá thô- song cuối cùng cũng xuất hiện "với tư cách sách" thật sự vào năm 1958.[92]

Trong danh mục tài liệu tham khảo của cuốn sách xuất hiện – bên cạnh các tác phẩm Hungary về công nghiệp nhẹ -vài tác phẩm kinh tế phương Tây từ các tiểu luận khi đó của tôi. Thí dụ từ danh sách liệt kê ở chương 5 có thể đọc được tên của Erich Schneider và Jan Tinbergen. Với con mắt ngày nay chẳng có gì đặc biệt trong đó. Nhưng ở nước Hungary năm 1957 vẫn chưa là thói quen dẫn chiếu với sự nhấn mạnh tích cực đến "các nhà kinh tế tư sản".

Khi Tamás ra khỏi nhà tù, chúng tôi quyết định công bố kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở phương Tây. Chúng tôi đã viết một bài báo dài hợp với tạp chí, bằng tiếng Anh.(*)Tamás đã đóng góp đáng kể. Tôi chỉ bắt đầu biết kiểu cách và những yêu cầu hình thức của các tạp chí toán-kinh tế phương Tây, ngược lại Tamás đã thường xuyên đọc các tạp chí toán học nhiều năm rồi. *Nội dung* của bài báo là sản phẩm trí tuệ của cả hai chúng tôi. Tính chính xác của diễn đạt, cũng như kết cấu và văn phong "phương Tây" của nó là công lao riêng của Tamás.

https://thuviensach.vn

Trong thời gian này – và còn rất lâu- quy tắc bắt buộc là, tác giả của một bài viết khoa học không thể gửi công trình của mình sang phương Tây mà không có phép. Thủ tục quen thuộc là, nhà nghiên cứu, trong đa số trường hợp là nhân viên của một viện nghiên cứu hay đại học nào đó, trình bài báo cho thủ trưởng cơ quan của mình. Người này lại chuyển tiếp cho một cấp trên cao hơn. Nếu bài viết có vấn đề về chính trị, thì bản thảo cũng có thể lên đến đến trung ương đảng. (**)Được quyết định ở mức nào đấy: công trình có thể được gửi đi công bốở phương Tây hay không.

(*) Văn bản tiếng Hung của chúng tôi do (nam tước) Hatvany József dịch sang tiếng Anh. Câu chuyện cuộc đời ông xứng đáng không phải một chú thích, mà đáng một tiểu thuyết riêng. Ông là một thành viên của gia đình Hatvany giàu sụ, nổi tiếng. Ông là cháu trai họ của Hatvany Lajos, một trong những người "khám phá ra" Ady và József Attila, là người ủng hộ hào phóng của hai bậc trí giả văn học khổng lồ này và của nhiều nhà văn khác, người tổ chức nhiệt thành và người vun trồng, chăm sóc có hạng của đời sống văn học Hungary.

Hatvany József học vật lí ở Cambridge, nắm vững tiếng Anh với độ hoàn hảo của tiếng mẹ đẻ. Ông trở thành người cộng sản ở Anh. Sau chiến tranh ông cảm thấy nghĩa vụ của mình, là quay về nước Hungary xã hội chủ nghĩa. Ởđây người ta bỏ tù ông "như một gián điệp Anh". Bởi vì cái gì khác có thể thúc giục người cộng sản trẻ tuổi nhiệt tình này, người bỏ cuộc sống hàn lâm thoải mái của mình, cắt đứt với gia đình giàu có và quý phái và quay về nước, hơn là bắt đầu hoạt động gián điệp? Năm 1954 khi người ta thả các tù nhân ra, ông cũng được phóng thích, nhưng sau 1956 họ lại bỏ tù ông. Sau lần được trả tự do thứ hai, một thời gian ông kiếm sống bằng dịch thuật. Ông thử tìm các công trình, không chỉ mang lại tiền thu nhập cho ông, mà cũng khiến ông quan tâm. Như thế đến lượt tôi cũng có thể nhờ ông dịch các công trình khác nhau của tôi.

Sau này Hatvany József quay lại cuộc sống hàn lâm, ông trở thành một trong những đầu tàu trí tuệ của nghiên cứu kĩ thuật tính toán ở Hungary và người mở mang kiến thức tính toán có tiếng quốc tế, được nhiều người biết đến.

(**) Bây giờ, năm 2004 một công trình của tôi (tác giả nói với người dịch rằng, đó là cuốn Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa, đã xuất bản ở

https://thuviensach.vn

Việt Nam 2002, N.D.) đang trong quá trình xuất bản ở Trung Quốc. Nhà xuất bản đầu tiên, người nhận xuất bản, thấy là có vấn đề, và đặt điều kiện "phê duyệt" công trình ở trung ương đảng. Lần thử đầu tiên họđã không cho phép xuất bản. Từ khi đó một nhà xuất bản thứ hai xắn tay vào làm việc này- chúng ta sẽ thấy, với thành công bao nhiêu.

Lipták và tôi đã quyết định, rằng chúng tôi chẳng yêu cầu sự cho phép của bất kể ai. Đơn giản chúng tôi bỏ bài báo vào phong bì và gửi theo đường bưu điện. Vẫn ngồi trong nhà tù là những người, mà giữa những thứ khác người ta kết án, rằng đã chuyển bất hợp pháp bài viết của một tác giả Hungary ra nước ngoài. Cả Lipták, lẫn cả tôi đều can dự vào vụ này. Đúng là, bài viết, mà bây giờ chúng tôi gửi ra nước ngoài, không liên quan đến chính trị. Tuy nhiên, bản thân thủ tục là không hợp pháp, chúng tôi đã lẩn tránh thủ tục hợp lệ. Cả hai chúng tôi cảm thấy quan trọng, là chúng tôi không để bài viết của mình chịu thủ tục xin phép chính thức. Kể từ tiền lệ đầu tiên này tôi đã theo con đường này liên quan đến tất cả những công bố ở nước ngoài tiếp theo của tôi. Tôi đã không yêu cầu sự cho phép của các cấp trên của tôi, mà tôi gửi thẳng cho tạp chí hay cho nhà xuất bản mà chẳng nói một lời. Điều này khác thực hành của nhiều đồng nghiệp Hungary và nước ngoài, các nhà nghiên cứu sống ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, những người sau này than phiền rất nhiều về chuyện, họđã không nhận được sự đồng ý công bố ở nước ngoài. Tôi đã theo công thức, đơn thuốc được hình thành dưới sự thống trị luộm thuộm K und K của [cuốn] *Švejk* của Hašek. Theo anh lính Švejk *không được phép hỏi*, bởi vì nếu hỏi, thì câu trả lời đằng nào cũng là "không".

Chúng tôi đã gửi bài viết của mình cho *Econometrica*, tạp chí toán kinh tế học hàng đầu. Nhiều năm sau tôi mới biết, rằng bản thảo đến tay đồng tổng biên tập của tạp chí, đến tay nhà kinh tế học người Pháp Edmond Malinvaud. Họ chấp nhận đăng ngay lập tức,mà cụ thể là, họđã chẳng yêu cầu sửa đổi một từ, một dấu phảy nào cả.(*)Tiểu luận được đăng năm 1962.[93] Bài báo thảo luận một vấn đề rất đặc biệt, bởi vì nó phân tích dạng khuyến khích của các xí nghiệp được áp dụng chỉ riêng ở Hungary. Nó nhấn mạnh, rằng chúng tôi khảo sát một *nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*. Bản thân việc đặt vấn đề đã gây ra sự thách thức trí tuệ:

https://thuviensach.vn

-Khuyến khích không được cho trước từ trước. Nó không phát sinh theo con đường tự nhiên, một cách tự phát vì các quan hệ sở hữu và các điều kiện thiết yếu về thể chế, mà bản thân nó là đối tượng quyết định. Cách tiếp cận này thực ra là người báo hiệu, người đi tiền trạm của một trào lưu nghiên cứu muộn hơn nhiều, của trào lưu lớn đề cập đến các khuyến khích và quan hệ của người uỷ thác (principal) và người được uỷ thác (agent; người đại lí) liên quan đến các vấn đề này.

-Các giá cũng không được cho trước từ trước, không phải thị trường quyết định chúng, mà do quản lí giá trung ương. Bài báo phân tích hệ thống quan hệ phong phú, hệ thống quan hệ tồn tại giữa một mặt là sự khuyến khích của xí nghiệp và các giá, mặt khác là số lượng và cơ cấu sản xuất. Khuyến khích nào dẫn đến sản xuất dưới năng lực hay dẫn đến sự thúc ép sản xuất quá mức, nó kéo dải lựa chọn đầu ra theo hướng nào?

Trong giới các nhà kinh tếđông Âu tôi thường xuyên nghe được tuyên bố sau: sở dĩ họ không công bố trong các tạp chí phương Tây, bởi vì nền kinh tế của chúng ta không làm cho các biên tập viên quan tâm. Kinh nghiệm của riêng tôi không củng cốđiều này. Ngược lại, tiểu luận-*Econometrica* đầu tiên này và các công bố sau này của tôi đã gây ra sự quan tâm *chính là vì*, bởi vì tác giả sống ở nước xã hội chủ nghĩa đã viết ra chúng, và chúng thông báo về thế giới này, về thế giới ở xa người biên tập, mà cụ thể là bằng ngôn ngữ của họ, bằng ngôn ngữ của kinh tế học hiện đại.

(*) Muộn hơn nhiều tôi mới làm quen với thực hành biên tập và xét duyệt của các tạp chí phương Tây hàng đầu, mà việc trả lại phần lớn các bản thảo được nộp hay yêu cầu tu chỉnh đi tu chỉnh lại bản thảo là chuyện bình thường. Khi đó tôi đã cảm thấy rõ hơn, việc chấp nhận bản thảo ngay lập tức và không có sửa đổi gì đã là một sự quý trọng lớn đến thế nào.

Quy hoạch công nghiệp đệt

Chúng tôi đã tiến hành phân tích kinh tế *lí thuyết* với Lipták Tamás. Song song với việc này tôi cũng đã lao vào một hướng nghiên cứu khác: tôi đã muốn áp dụng các phương pháp toán học vào các mục đích lập kế hoạch. Mục đích ở đây không phải là thảo ra các khẳng định lí thuyết, mà chúng tôi tiến hành những tính toán bằng việc sử

https://thuviensach.vn

dụng các số liệu định lượng thật phản ánh nền kinh tế, chuẩn bị cho các quyết định thực. Như thếđây là khoa học *ứng dụng*.

Tôi đào sâu vào tài liệu chuyên môn. Tôi cần biết kiến thức được tích tụ trong những lĩnh vực chồng lên nhau, tiếp giáp nhau của kinh tế học vi mô, lí thuyết quyết định, vận trù học và những phân tích "chi phí-lợi ích", và nghĩ kĩ xem, cái này có thể được sử dụng thế nào trong hoàn cảnh của một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa tập trung. Liên quan đến bộ máy toán học của những tính toán, tôi đã sử dụng *quy hoạch tuyến tính* cho mục đích này. Tôi đã biết hệ thống khái niệm này, cách lập mô hình cần lập ra cho các mục đích tính toán. Tôi đã nắm vững "công nghệ" tư duy, mà với nó chúng tôi có thể dịch một vấn đề lựa chọn nảy sinh trong thực tế sang ngôn ngữ mô hình quy hoạch tuyến tính.

Một tác phẩm, mà trong thời gian đó đã có ảnh hưởng lớn đến tôi, là cuốn sách của Dorfman, Samuelson và Solow vềứng dụng kinh tế của quy hoạch tuyến tính. Công trình này, cũng như ba tiểu luận của Koopmans xuất bản trong cùng cuốn sách đã giúp tôi nhiều để hiểu, các mối quan hệ được biết từ kinh tế học vi mô phản ánh như thế nào trong thế giới quy hoạch tuyến tính.[94] Sau một thời gian tôi đã cảm thấy: tôi đi lại không mấy khó khăn giữa hai loại tư duy, giữa kinh tế học vi mô lí thuyết và thực hành những tính toán số chuẩn bị cho quyết định.(*)

Mô hình quy hoạch tuyến tính đầu tiên của tôi muốn trả lời cho câu hỏi sau đây. Trong ngành sợi bông các nhà lập kế hoạch có thể lựa chọn giữa các lựa chọn khả dĩ khác nhau về phát triển kĩ thuật. Có thể duy trì tình trạng công nghệ hiện có, hay đạt được sự phát triển kĩ thuật khiêm tốn với đầu tư tương đối ít, hay với các chi phí đầu tư lớn và nhập khẩu đắt hơn để tăng nhanh hiệu suất hơn nữa. Các tính toán mô hình không muốn cho một câu trả lời đơn giản duy nhất cho câu hỏi. Thay vào đó chúng muốn chỉ ra, sự lựa chọn hợp lí phụ thuộc ra sao, bằng số, và nhiều loại nhân tố, trong đó vào lãi suất, vào tỉ giá hối đoái và vào các giá xuất và nhập khẩu tương lai.

Các nhà lập kế hoạch công nghiệp nhẹ, các chuyên gia kĩ thuật và ngoại thương và các nhà kĩ thuật tính toán được tính mới của cách tiếp cận làm cho sôi nổi đã tham gia vào công việc. Ở Hungary khi đó máy tính điện tửđã sống thời anh hùng của mình. Trong lĩnh vực này chúng

https://thuviensach.vn

tôi cũng bị lạc hậu so với khoa học phương Tây. Đối với chúng tôi đơn thuần cảnh tượng của máy tính đầu tiên, khi đó còn hoạt động với các đèn điện tử và chiếm hết cả gian nhà, cũng đã là một sự kiện to lớn. Cái máy có kích thước khổng lồ, mà Trung tâm Kĩ thuật Tính toán của Viện Hàn lâm Khoa học Hungary vận hành, biết ít hơn một cách không thể so sánh được, với máy xách tay hiện nay. Một nhóm nhà toán học và kĩ sư say sưa làm việc hàng tuần, để chúng tôi giải một hệ gồm 24 [bất] phương

(*) Là ấn tượng lớn, khi "ở độ lớn đời thực" tôi đã có thể gặp và có thể lọt vào giới bạn bè thân với bốn bậc trí giả tài năng lớn này của thời kì nghiên cứu ban đầu của tôi.

trình bằng máy.(*)(Ngày nay trong nháy mắt có thể tiến hành những tính toán của các mô hình có cỡ hàng trăm lần!) Chúng tôi tràn ngập niềm vui với ý thức, rằng chúng tôi đồng thời là những người đi tiên phong của hai con đường nhiều hứa hẹn: ứng dụng quy hoạch tuyến tính và máy tính điện tử vào thực tiễn kinh tế Hungary.

Hình thành sự hợp tác và thi đua làm thức tỉnh tư duy giữa hai nhóm ứng dụng các phương pháp toán học, giữa những người sử dụng quy hoạch tuyến tính và "phân tích đầu vào-đầu ra" do W. Leontief nhà kinh tế học Mĩ gốc Nga phát triển. Nhóm sau, mà Bródy András, rồi sau này Augusztinovics Mária là người đứng đầu, đã có nhiều lợi thế. Họđã bắt đầu công việc này sớm hơn. Khi tôi mới vừa bắt đầu quan tâm đến quy hoạch tuyến tính, "những người đầu vào-đầu ra" đã biết kĩ các tài liệu chuyên môn của phạm vi đề tài của họ. Tổng cục Thống kê đã dành các nguồn lực to lớn, để lập ra các bảng input-output cỡ lớn dựa trên những đo lường thống kê thực tế. Việc này tạo hậu trường kinh nghiệm mạnh cho các tính toán của họ. Các tham số của các mô hình quy hoạch tuyến tính của chúng tôi đa phần dựa trên các ước lượng của các chuyên gia. Nói một cách rõ ràng, là dựa vào "linh cảm" trực giác về cái, con số nào là con số dùng được trong thực tế.

Chúng tôi đã trao đổi và tranh luận nhiều về hai cách tiếp cận này, trong các cuộc gặp gỡ cá nhân, sau này trong các hội nghị nữa. Đúng nhất là các cân nhắc lí thuyết đã đưa tôi đến kiên trì sử dụng bộ máy quy hoạch. Tôi thấy, phân tích input-output mách bảo triết lí *quyết định luận*. Nếu cho trước vector của sự sử dụng cuối cùng (và các nhà lập kế hoạch rất cố gắng trình bày cái này thành "cái cho trước"), thì

https://thuviensach.vn

sự sản xuất và mọi tổ hợp input-output phù hợp với nó là hoàn toàn xác định. Ngược lại, quy hoạch tuyến tính lại gợiý khả năng *lựa chọn*. Tôi đã nhắc đến ở trước, rằng điều này quan trọng đến thế nào trong thế giới quan được hình thành lại của tôi.

Bródy András giới thiệu một cách điêu luyện, "sơ đồ tái sản xuất" nổi tiếng của Marx, được trình bày trong tập II của *Tư bản luận*, có thể được viết thế nào với sự giúp đỡ của các mô hình Leontief.[95] Ở Marx chi phí sản xuất *trung bình* và lợi nhuận *trung bình* đóng vai trò trung tâm, và điều này phù hợp tốt với phân tích input-ouput, trong đó mọi hệ số được dự định đại diện cho chính các trung bình xã hội như vậy. Khi đó cũng vậy, bây giờ cũng thế tôi công nhận vai trò tiên phong của Marx trong cái, mà các nhà Marxist gọi là phân tích "tái sản xuất" và cái các nhà kinh tế học của thời đại chúng ta gọi là các mô hình động. Tuy nhiên sự gần gũi với kinh tế học chính trị Marxist không những không quyến rũ tôi đến với phân tích đầu vào-đầu ra, mà đúng hơn làm cho nó trở thành khả nghi. Tôi thấy, một cách có lí, rằng có cái gì bị mất ở đây: sự lựa chọn công nhệ, sự quyết định. Tôi có cảm tình với kinh tế học tân cổđiển, mà nó thì gần gũi với quy hoạch tuyến tính (xem cuốn sách Dorfman-Samuelson-Solow đã được nhắc tới). Các phạm trù "biênmarginal" đóng vai trò quan trọng trong lí thuyết phương Tây (chi phí biên, tỉ suất biên thay thế biên, thu nhập biên của nguồn lực, v.v.) không thể tính được từ phân tích đầu vào-đầu ra, còn quy hoạch tuyến tính thì tạo ra các chỉ số này một cách tự động. (**)

(*)Chính xác hơn: trong quy hoạch tuyến tính là các bất phương trình, các cận trên và cận dưới xác định các giới hạn cho các quyết định.

(**) Các bản dịch tiếng Hungary của các tài liệu chuyên môn phương Tây thường dùng bổ ngữ "*határ*-giới hạn" để dịch, cái người ta gọi là "marginal" trong tiếng Anh. Như thế có *határ*költség (chi phí *biên*), hetyettesítés *határ*ráta (tỉ suất *biên* thay thế), *határ*hozadék (thu nhập *biên*), v.v. Ở tất cả các trường hợp đều là về đạo hàm bậc một của một biến số nào đó, tức là về một độ lớn vi phân. Với một thí dụ hơi đơn giản hoá một chút: nếu sản xuất tăng lên một đơn vị, thì chi phí tăng lên bao nhiêu? Đại lượng này là "chi phí biên". Hay một thí dụ khác. Nếu nguồn lực sẵn có của chúng ta tăng lên một đơn vị, thì thu nhập tăng lên bao nhiêu? Đấy là "thu nhập biên".

https://thuviensach.vn

Thoạt nhìn có vẻ hai khung khổ toán học "trống rỗng" đứng đối mặt nhau ở đây, hai phương pháp toán học phi chính trị, phi ý thức hệ. Thế mà sự không nhất trí về học thuyết lại đưa sắc thái riêng biệt vào cuộc tranh luận này. Tuy không được nói ra, nhưng xuất hiện ở hậu trường tinh thần của các cuộc tranh luận, rằng với sự giúp đỡ của kĩ thuật tư duy toán học hiện đại có cần đổi mới chủ nghĩa Marx hay không hoặc cần đoạn tuyệt với nó -điều đã là ý định cá nhân mạnh mẽ của tôi.

Kế hoạch hoá hai mức

Quy hoạch ngành bông thành công và tạo được uy tín đã kéo theo những tính toán của các ngành khác. Nổi lên trong tôi câu hỏi, liệu không thể kết hợp các số liệu ngành này với nhau ư? Thực ra từ lâu tôi đã quan tâm đến các vấn đề tổng thể của toàn bộ nền kinh tế nước nhà. Làm sao có thể áp dụng quy hoạch tuyến tính ở mức kế hoạch hoá *nền kinh tế quốc dân*?

Nếu chúng ta muốn mô tả toàn bộ nền kinh tế với mức chi tiết tương tự như của các mô hình ngành trước đây trong một mô hình duy nhất, thì cần đến hệ [bất] phương trình có cỡ lớn hơn ít nhất hai mươi lần hay lên đến năm mươi lần. Với các điều kiện kĩ thuật tính toán thô sơ bấy giờ hệ thống này là không thể giải được. Chính vì thế nảy ra ý tưởng, rằng mô hình kinh tế quốc dân cỡ lớn có thể được phân rã thành các phần nhỏ hơn. Phối hợp những tính toán cho các phần nhỏ từng bước một chúng ta có thểđi đến lời giải chung của bài toán "lớn". Có sẵn các thuật toán "phân rã" của quy hoạch tuyến tính được biết trong các tài liệu chuyên môn, phục vụ cho mục đích kĩ thuật tính toán này. Cần phải mày mò tìm thủ tục thích hợp trong lĩnh vực này.

Tôi suy ngẫm, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước hoạt động thế nào. Đầu tiên các chỉ tiêu dự kiến ở mức vĩ mô được đưa ra, sau đó người ta phân rã các chỉ tiêu đó xuống các ngành. Họ chuyển cho các bộ chỉ đạo các ngành ấy, ở đó người ta nghiên cứu các con số của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, rồi họ bắt đầu thảo luận với các nhà lập kế hoạch trung ương. Trung ương có thể sửa đổi các chỉ tiêu ngành, và sau các cuộc mặc cả lặp đi lặp lại họđi đến một kế hoạch ở mức kinh tế quốc dân và sự phân chia kế hoạch ấy cho các ngành.

Cuối cùng đã có mộtý tưởng thứ ba gây cảm hứng, mà tôi bắt gặp trong công trình lí thuyết của Samuelson.[96] Ngay cả nếu trong trạng

https://thuviensach.vn

thái thực nào đó của thị trường một sản phẩm cho trước có nhiều loại giá trong các giao dịch khác nhau – cho đến khi thị trường đi đến trạng thái cân bằng tối ưu, đến khi đó đã xảy ra *sự cân bằng các giá*. Một sản phẩm- có một giá thống nhất duy nhất.

Các nguồn này mách bảoý tưởng cơ bản của thuật toán kế hoạch hoá hai mức. Tôi bắt đầu thảo một phác thảo mô hình. Trong đó trung ương phân bổ các đại lượng (giới hạn đầu vào và các nghĩa vụ đầu ra) cho các ngành. Các ngành lập kế hoạch tốt nhất của mình thoả mãn các chỉ tiêu của trung ương theo cách, như họđã làm trong khuôn khổ quy hoạch tuyến tính ngành cho đến nay, rồi họ báo cáo lại "giá ngầm" của các nguồn lực và nghĩa vụ [lên trung ương]. Đây là một loại báo cáo kinh tế đặc biệt. Trên cơ sở cân bằng giá, trung ương tiến hành lại việc phân bổ; rút nguồn lực từ nơi có thu nhập biên thấp, và chuyển đến nơi mang lại nhiều hơn. Theo tinh thần tương tự nó cũng sắp xếp lại các nghĩa vụ. Các ngành lại tính lại – và lặp lại quá trình này, cho đến khi đến gần phân bổ tốt nhất.

Đã có ý tưởng, nhưng tôi đã không có khả năng trình bày chính xác nó. Tôi chỉ có thể dẫn chiếu đến sự tương tự. Nếu Samuelson đã có thể chứng minh được xu thế cân bằng giá, thì ở đây quy tắc phân bổ nêu trên cũng phải dẫn đến cân bằng và đến lời giải tối ưu. Thế nhưng không đủ để dẫn chiếu đến sự tương tự, mà phải *chứng minh* khẳng định – và sức của tôi đã không đủ cho việc này.

Cái mà bản thân tôi đã không có khả năng, Lipták Tamás lại biết cách giải. Anh đưa ra một sáng kiến tài giỏi: hãy diễn đạt vấn đề thành mô hình lí thuyết trò chơi. Anh kiến nghịđiều này năm 1963, trước sự phục sinh kinh tế của lí thuyết trò chơi nhiều năm. Một bên chơi là trung ương, bên chơi khác là đội các ngành. Trong cách diễn đạt này thì đã có định lí toán học được chứng minh một cách nghiêm ngặt, chứng minh rằng: thủ tục được phác hoạở trên ngày càng tiến dần (hội tụ) đến lời giải tối ưu.

Tiểu luận *Kế hoạch hoá hai mức (Two-Level Planning)* được hoàn thành.[97] Các ý tưởng cơ bản về *kinh t*ế của mô hình và thuật toán được mô tả trong đó bắt nguồn từ tôi, và tôi tiến hành diễn giải mô hình toán học và thuật toán. Tính chính xác đáng kính, tôi có thể nói, "tính tao nhã" của mô tả là công của Lipták Tamás. Từ óc anh nảy ra "mẹo" (diễn tả lại bài toán thành vấn đề lí thuyết trò chơi), biến vấn đề khó

https://thuviensach.vn

này thành bài toán có thể xử lí về mặt toán học, và đảm bảo, rằng những phỏng đoán của chúng tôi trở thành có thể chứng minh được.

Chúng tôi lại gửi tiểu luận cho *Econometrica*.[98] Sự tiếp tục là giống như công bố chung của chúng tôi lần trước: người ta chấp nhận đăng ngay và không cần sửa đổi. Nó xuất hiện năm 1965. Bài báo hầu như ngay lập tức làm cho tên tuổi chúng tôi được biết đến trong ngành kinh tế toán học khắp thế giới. Người ta đã trích dẫn nhiều trăm lần, và đã dịch ra nhiều thứ tiếng, được đưa vào các giáo trình. Năm 1971 khi Arrow sưu tập 22 bài lí thuyết quan trọng nhất, có ảnh hưởng nhất, đã được đăng trên *Econometrica* vào một tuyển tập, ông cũng đã chọn cả *Kế hoạch hoá hai mức*.[99]

Bài báo đã hợp nhất hai loại nỗ lực của tôi. Một mặt tôi đã muốn chuyển từ các mô hình mức ngành sang quy hoạch ở mức nền kinh tế quốc dân, và nhận được một *thuật toán* cho việc này, thuật toán cho phép hợp nhất các mô hình ngành. Tôi sẽ sớm quay lại ý định này và việc thực hiện nó. Trước đó tuy vậy tôi muốn nói một vài lời về mục đích khác của tôi: về khảo sát *lí thuyết* của kế hoạch hoá tập trung.

Mô hình lí tưởng của kế hoạch hoá tập trung

Kế hoạch hoá hai mức có thể được coi như mô hình lí tưởng hoá của kế hoạch hoá tập trung. Nó chứng minh rằng, tồn tại một thủ tục, mà với sự giúp đỡ của nó, các nhà lập kế hoạch trung ương và ngành, với sự nỗ lực chung, có thểđi đến một kế hoạch, thoả mãn các đòi hỏi sau đây:

-Các kế hoạch ngành khớp chính xác với các chỉ tiêu kế hoạch trung ương. Có sự hài hoà hoàn toàn giữa các kế hoạch của trung ương và các ngành.

- Kế hoạch có thể thực hiện được, "vừa với" các giới hạn do các nguồn lực tạo ra, cả ở mức kinh tế quốc dân, lẫn ở mức ngành.

- Kế hoạch là kế hoạch tốt nhất có thể trong những biến thể có thể tính đến. Kế hoạch này đảm bảo sự thoả mãn thuận lợi nhất mục đích do trung ương đề ra.

-Kế hoạch không đơn giản là sự áp đặt của trung ương. Nó không đợi rằng, mọi thông tin nằm trong tay trung ương. Nó cũng dựa rất nhiều vào thông tin được tích tụ một cách phân tán (trong thế giới mô hình của chúng tôi: ở các ngành).

https://thuviensach.vn

Các nhà kinh tế toán học phương Tây sở dĩ phấn khích vì mô hình lí thuyết của kế hoạch hoá hai mức, bởi vì nó có thể đối chứng khéo và rõ ràng với mô hình của Oscar Lange, đã được nói đến ở chương trước. Lange khi đó đã không dùng mô hình toán học để minh hoạ các tư tưởng của mình. Muộn hơn đã thành công chuyển sang ngôn ngữ toán học. Cấu trúc lí thuyết này do Edmond Malinvaud,(*)nhà kinh tế học lớn của Pháp phát triển.[100] Trong mô hình của ông – cũng như trong mô hình của chúng tôi-có một mức trên, trung ương và có các đơn vị mức dưới. (Ở ông đơn vị mức dưới là xí nghiệp). Ởđây cũng thế, ở đó cũng vậy, thông tin chảy giữa trung ương và các đơn vị mức dưới. Tuy nhiên liên quan đến nội dung kinh tế của dòng chảy thông tin, mô hình Lange-Malinvaud và mô hình Kornai-Lipták "ngược lại" nhau. Trong thế giới Lange-Malinvaud trung ương xác định các giá, và xí nghiệp, điều chỉnh theo các giá trung ương, báo lại số lượng sản xuất và sử dụng. Trên cơ sở này trung ương xác định, ở đâu có dư cầu hay dư cung, rồi từ đó có thể rút ra kết luận, phải thay đổi giá do trung ương quy định ở đâu và theo chiều nào. Đấy, bức tranh lí tưởng của "chủ nghĩa xã hội thị trường". Ở mô hình của chúng tôi chiều dòng chảy đúng là ngược lại. Không phải thông tin giá chảy từ trên xuống dưới mà là thông tin số lượng: các giới hạn nguồn lực và các nghĩa vụ sản lượng. Các báo cáo về tính kinh tế của các nguồn lực được giao và các nghĩa vụ đầu ra chảy từ dưới lên trên. Đây là bức tranh lí tưởng của "kế hoạch hoá tập trung".

Chúng ta có thể còn đi xa hơn nữa trong đối sánh. Mô hình Kornai-Lipták là mô hình "kế hoạch hoá hoàn hảo". Tương phản: mô hình "thị trường hoàn hảo" của Walras, lí thuyết cân bằng chung. Mô hình trước chứng minh: về lí thuyết có thể hình dung được một hệ thống, trong đó sự tập trung hoàn toàn hoạt động một cách hoàn hảo, còn mô hình sau thì ngược lại: về lí thuyết có thể hình dung được một hệ thống, trong đó sự phi tập trung hoàn toàn hoạt động một cách hoàn hảo.

Tôi đưa thêm vài nhận xét cho những điều vừa nói. Ởđây tôi không sao lại cái, tôi đã nghĩ gì về bài viết này, khi nó được viết ra, mà là, tôi nghĩ thế nào về nó bây giờ, năm 2004. Ởđây bây giờ tôi không muốn sử dụng thước đo tương đối để đo lường, thành tích này của hai nhà nghiên cứu đông Âu -bị tách rời khỏi thế giới – có nghĩa gì. Tôi muốn trả lời cho câu hỏi, liệu bài báo có nội dung lí thuyết *có hiệu lực dài lâu* hay không?

https://thuviensach.vn

Tôi tin, là có. Một trong những sức mạnh to lớn của mô hình hoá toán học chính là ở chỗ, nó làm rõ một cách nghiêm chỉnh: *bên cạnh các điều kiện nào* thì các khẳng định được dẫn ra sẽ có hiệu lực. Người biết làm thế nào để giải nghĩa đúng đắn một công trình lí thuyết toán-kinh tế, biết suy nghĩ chính về những điều kiện này.

Thuật toán kế hoạch hoá hai mức hoạt động khi (và chỉ khi), các điều kiện sau thoả mãn:

1. Trong mô hình các nhà lập kế hoạch trung ương có các mục đích rõ ràng và đơn nghĩa. (Hàm mục tiêu diễn đạt điều này). Tình hình thực tế của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là khác: ban lãnh đạo trung ương không nhất quán, thay đổi chính sách của mình một cách đột ngột,làm một cách ngẫu hứng, bước lên và lùi lại, dao động, đày rẫy mâu

(*) Khi Lipták và tôi phát triển mô hình kế hoạch hoá hai mức, chúng tôi vẫn chưa biết mô hình của Malinvaud. Khi Malinvaud với tư cách một biên tập viên của *Econometrica* cầm các bài viết của chúng tôi lên tay, ông đã nhiệt tình và tận tuỵ tạo điều kiện cho việc đăng chúng. Sau này ông cũng nắm lấy mọi cơ hội để giúp công việc của tôi.

thuẫn bên trong. Chính sách kinh tế không biết phối hợp các mục đích khác nhau một cách nhất quán, không có khả năng và cũng không cố gắng xác định trọng lượng tương đối của các mục tiêu.

1 Trong mô hình ngành không có những nỗ lực riêng, tách biệt. Các mục tiêu riêng phục tùng các nỗ lực của trung ương. Trong thực tế của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mọi người tham gia ở mọi cấp của hệ thống thứ bậc có những lợi ích riêng của mình, mà họ tìm cách làm cho có hiệu lực.

2 Trong mô hình chỉ loại kế hoạch cóthể được tính đến, là loại kế hoạch lưuý đến các giới hạn trên và giới hạn dưới phản ảnh các điều kiện thiết yếu. Trong thực tế người ta thông qua các kế hoạch phi lí (đa phần quá căng), biết trước, rằng việc thực hiện chúng sẽ vấp phải những cản trở khác nhau.

3 Trong mô hình mọi thông tin đều chính xác, bất luận chảy từ trên xuống, hay từ dưới lên. Trong thực tế của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mọi dữ liệu đều không chắc chắn. Hơn nữa những người tham gia nền kinh tế đều nói dối phù hợp với các lợi ích riêng của

https://thuviensach.vn

mình. Họ bóp méo các số liệu theo chiều lên hay xuống, phụ thuộc vào, cái nào đưa họ đến vị thế lợi hơn.

4 Trong mô hình kỉ luật hoàn hảo ngự trị. Các số liệu trung ương đến đúng lúc, các phản hồi của nghành đến kịp thời và theo cùng nhịp. Trong thực tế của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sự chậm trễ và bừa bãi là thường xuyên - ở đó những con người làm việc chứ không phải các cỗ máy.

5 Trong mô hình bộ máy kế hoạch hoá kiên nhẫn, các phép lặp xảy ra kế tiếp nhau, để tiến gần đến lời giải thuận lợi nhất. Trong thực tế của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa các kế hoạch được chuẩn bị theo nhịp độ thúc ép. Ngay cả nếu có ý định sửa đổi đi sửa đổi các chỉ tiêu kế hoạch, thì đơn giản không còn thời gian.

Như thế phải đi hết dòng suy nghĩ sau.

Thứ nhất, chúng ta hãy hiểu khẳng định của mô hình lí thuyết: kế hoạch hoá tập trung hoạt động một cách hoàn hảo, nếu …

Thứ hai, chúng ta suy nghĩ kĩ lưỡng các điều kiện "nếu" này. Chúng ta đối chiếu các giả thiết lí thuyết với thực tế.

Thứ ba, chúng ta xác định: Các điều kiện không được thoả mãn. Thậm chí, chúng ta có thể khẳng định: *là không thể*, rằng chúng thoả mãn.

Cuối cùng, thứ tư, chúng ta rút ra kết luận. Là không thể, rằng kế hoạch hoá tập trung hoạt động một cách hoàn hảo.

Một trong những vai trò của mô hình lí thuyết là, nó tạo phương thức để dẫn dòng tư duy này một cách nghiêm ngặt. Trong vai trò này mô hình kế hoạch hoá hai mức ngày nay cũng có hiệu lực và là công cụ tư duy có thể dùng được.

Đáng đưa thêm một nhận xét cá nhân nữa. Như sẽ thấy từ các chương sau, trong một giai đoạn muộn hơn tôi trở nên rất phê phán đối với tư duy tân cổđiển và với cái lõi lí thuyết của nó, với lí thuyết cân bằng Walrasian. Tựu trung là dòng tư duy trên, là sự kiểm tra các điều kiện của mô hình, sự đối chứng chúng với thực tế, đã củng cố sự phê phán dòng chủ lưu trong tôi. Nhưng khi đó, khi chúng tôi thiết kế mô hình kế hoạch hoá hai mức, nói chung vẫn chưa có hay mới có mầm mống của cách nhìn phê phán này. Lúc đó sự đồng nhất của tôi với dòng chủ lưu tân cổđiển là đầy đủ nhất. Các nhà lãnh đạo tinh thần của trào lưu đã có thể cảm thấy một cách có lí, rằng tôi hoàn toàn ở trên

https://thuviensach.vn

cùng làn sóng với họ. Sự đồng cảm tinh thần này đã tăng cường sự quan tâm đến các công trình của tôi và cá nhân tôi.

Quy hoạch kinh tế quốc dân: vài nguyên lí xuất phát

Khi chúng tôi viết tiểu luận về kế hoạchhoáhai mức, Tamás chủ yếu quan tâm đến các khía cạnh lí thuyết của vấn đề. Sự thách thức chuyên môn, làm sao có thể hình thức hoá vấn đề, cũng thôi thúc anh với tư cách nhà toán học. Ngược lại tôi quan tâm cả đến giải nghĩa lí thuyết lẫn *ứng dụng thực tế*.

Đã cần phải làm rõ, quan hệ giữa kế hoạch chính thức được lập ở Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và ở các bộ và kế hoạch được các nhà nghiên cứu tính toán với sự giúp đỡ của mô hình toán học là như thế nào. Quy trình do trào lưu chính của lí thuyết kinh tế gợiý có lẽ là, các nhà nghiên cứu diễn đạt một cái gọi là "hàm phúc lợi", hàm được dự định bày tỏ lợi ích chung của xã hội. Trong các tính toán với mô hình, cái này đóng vai trò hàm mục tiêu. Kế hoạch là tối ưu, nếu – tuân thủ các giới hạn mô tả hoàn cảnh khách quan-nó đảm bảo phúc lợi tối đa cho các thành viên xã hội. Nhà nghiên cứu kinh tế có học thức tiến hành một cách thận trọng khi xác định và giải nghĩa "hàm phúc lợi". Theo các nhận thức của mình nhà nghiên cứu giải nghĩa, "phúc lợi" là gì, lưuý đến các thành phần vật chất và cả phi vật chất (văn hoá, chiến lược, địa chính trị, v.v.) của phúc lợi. Cũng tính cả đến việc, phải bảo đảm phúc lợi không chỉ của thế hệ hiện tại, mà của cả các thế hệ tương lai nữa. Nếu cho trước một "hàm phúc lợi" như thế, nhà lập kế hoạch toán học tính ra kế hoạch, và nộp kế hoạch này với bình luận: *đây* là kế hoạch tối ưu. Các anh, những người ra quyết định hãy chấp nhận kế hoạch này, và đừng chấp nhận kế hoạch, mà các viên chức kế hoạch hoá làm việc với các phương pháp truyền thống lập ra. (*)

Khi tôi đối mặt với bài toán này, tôi đã muốn dùng cách tiếp cận khác. Dựa trên các nguyên lí xuất phát của những nghiên cứu riêng của tôi, nhiều loại giải pháp thúc đẩy tôi.

Các quan điểm chiến thuật cũng ảnh hưởng đến tôi. Tôi không muốn, rằng các nhà lập kế hoạch thấy chúng tôi là đối thủ, những người muốn thay thế công việc của họ bằng các mô hình và các máy tính. Tôi đã mong, nếu hình thành sự hợp tác thân thiện giữa những người lập kế hoạch "truyền thống", phi toán học và các nhà quy hoạch toán học. Việc này phần lớn cũng đã được thực hiện. Các nhà lãnh đạo

https://thuviensach.vn

của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước làm về kế hoạch dài hạn, trước hết là Hetényi István đã luôn luôn theo dõi với sự quan tâm lớn và đã ủng hộ công việc của chúng tôi.(**)

Tôi cũng đã có những phản đối gay gắt về mặt lí thuyết. Khi đó cũng thế, bây giờ tôi cũng chẳng thể chấp nhận, rằng có thể xác định một "hàm phúc lợi". Nói cách khác, không thể xác định một cách rõ ràng, cái gì là "lợi ích xã hội". Xã hội không phải là một đơn vị thuần nhất. Xã hội chia rẽ mạnh trong việc, nhóm nào, cũng như cá nhân nào coi cái gì là lợi ích riêng của mình, đánh giá cái gì là phúc lợi, hình dung thế nào về sự phân chia các khoản lợi nhuận và chi phí giữa thế hệ hiện tại và các thế hệ tương lai, v.v. và

v.v. Các xung đột lợi ích được quyết định trong chính trường, ở đó, nơi người ta quyết định về ngân sách, về các luật kinh tế và các kế hoạch. Nhà kinh tế học lập mô hình

(*) Trong các cuộc tranh luận nổi lên giải pháp sau. Nhà quy hoạch toán học hãy hỏi những người chỉ đạo tối cao chính sách kinh tế về những ưa thích riêng của họ, và diễn đạt những cái này như hàm mục tiêu của mô hình. Như thế anh ta không phiên dịch đánh giá của dân chúng, mà của nhà chính trị ra ngôn ngữ mô hình.

(**) Nảy ra câu hỏi: vì sao tôi lại sẵn sàng hợp tác với Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, trong khi tôi từ chối tham gia công việc của "các uỷ ban cải cách" do Đảng Công nhân Xã hội chủ nghĩa Hungary uỷ nhiệm. Tôi sẽ quay lại vấn đề này ở chương 15 bàn về cải cách 1968.

không thể đảm nhận lấy quyết định này. Sự phản đối này cũng được tôi trình bày trong các ấn phẩm được công bố.(*)

Khi diễn đạt những nghi vấn của tôi liên quan đến "hàm phúc lợi", trong các năm 1960, tôi đã không biết gì về công trình lí thuyết to lớn, mà ý tưởng có ảnh hưởng lớn nhất, màu mỡ nhất của nó do Kenneth Arrow thảo ra trong "định lí bất khả" nổi tiếng,[101] và định lí từđó đã mở rộng ra thành hướng nghiên cứu quan trọng và có kết quả. (**)Khẳng định sau có thể được chứng minh một cách nghiêm ngặt: không tồn tại thủ tục ra quyết định dân chủ, có thể hợp nhất các sở thích cá nhân khác nhau vào một hàm phúc lợi chung. Muộn hơn việc làm quen với kết quả này đã chứng minh trong con mắt của tôi, rằng đã đúng để tránh ý tưởng tối đa hoá "hàm phúc lợi", tránh việc xác

https://thuviensach.vn

định "tiêu chuẩn tối ưu kinh tế quốc dân" được dự định bày tỏ lợi ích xã hội.

Gắn với việc này tôi cũng đã có những cân nhắc chính trị-hệ tư tưởng, mà tôi đã suy nghĩ kĩ lưỡng, tuy tôi không công bố trong các bài viết được đăng. Tôi buộc phải ghi nhận, rằng trong hệ thống cho trước này- bất luận có thích hay không – các quyết định cơ bản được đưa ra từ trên đỉnh của hệ thống đảng. Những người lập kế hoạch ở Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và ở các bộđiều chỉnh theo đó. Cảm nhận nghề nghiệp của họđôi khi thúc đẩy, để họ lên tiếng một cách thận trọng, nếu việc thực hiện các chỉ tiêu được áp đặt cho họ có vẻ không thực tiễn, nhưng cuối cùng họ không thể làm được gì khác, ngoài việc thực hiện các chỉ thị của cấp trên liên quan đến các chỉ tiêu. Những người lập kế hoạch sử dụng các phương pháp truyền thống bao quanh, tôi bắt đầu tiến hành những tính toán kế hoạch với các công cụ toán học-và tôi muốn làm việc này sao cho mình *giữ khoảng cách* nhất định với những người ra quyết định. Thay cho việc tranh luận với họ về phải dùng "hàm phúc lợi" như thế nào, chúng tôi đã sử dụng công thức đơn giản sau. Chúng tôi coi "kế hoạch chính thức" là *cho trước*, và trong mô hình chúng tôi quy định nó với tư cách là ràng buộc, là giới hạn. Còn chúng tôi quy định hàm mục tiêu là các chỉ tiêu, mà sự cải thiện chúng là có ích không cần phải bàn cãi. Trong trường hợp của chúng tôi chỉ tiêu như vậy chẳng hạn là sự cải thiện cán cân thanh toán vãng lai tính bằng ngoại tệ chuyển đổi. Mô hình như thế tạo ra kế hoạch, "mang lại" tất cả các thứ mà kế hoạch được lập bằng các phương pháp truyền thống mang lại, và *thêm vào đó* còn tạo điều kiện để nước Hungary đỡ nợ nần hơn. Các anh, các nhà lập kế hoạch xác định một kế hoạch cho đất nước độc lập với chúng tôi, những người lập quy hoạch toán học. Chúng tôi ghi nhận việc này. *So với kế hoạch ấy* chúng tôi cố thử cải thiện tình hình kinh tế của đất nước một chút. Bất kể ai nghĩ bất cứ gì về tình trạng chính trị và về tương lai, đều có thể thống nhất rằng: là món lãi thuần, nếu đất nước đỡ mắc nợ hơn. (***)

(*) Giáo sư Tinbergen cũng tham gia vào tranh luận này. Thống nhất với Abram Bergson và Ragnar Frisch ông cho việc lập "hàm phúc lợi" là có thể và đáng mong mỏi. Tôi được vinh dự là, Tinbergen (1981 [1969], p.21) trong bài phát biểu khi nhận giải Nobel cũng đã nhắc đến tranh luận với tôi. Ông kiến nghị, rằng –tôi trích-"cả phương Đông, lẫn

https://thuviensach.vn

phương Tây hãy thử xác định hàm phúc lợi của riêng mình sao cho, để tỏ ra, liệu các mục tiêu cuối cùng của họ có rất khác nhau hay không." Kiến nghị này của Tinbergen minh hoạ, lòng mong muốn chung sống hoà bình và hợp tác mạnh đến thế nào trong ông, và rằng ý định tốt, đáng tiếc, lại đi cùng với sự ngây thơ chính trị.

(**) Các công trình của Amartya Sen (1997 [1982]) đã đóng vai trò nổi bật trong mở rộng và đào sâu lí thuyết lựa chọn xã hội. Hoàn cảnh may mắn là, hai thập niên sau Amartya Sen trở thành đồng nghiệp và bạn của tôi ở đại học Hardvard. Không phải một lần tôi đã có dịp, để chúng tôi thảo luận về các vấn đề sự lựa chọn xã hội.

(***) Chúng tôi đã dùng nhiều loại hàm mục tiêu trong các tính toán của mình. Như thế thí dụ là tối đa hoá tiêu dùng của dân cư – bên cạnh việc thoả mãn các chỉ tiêu khác của kế hoạch chính thống. Tính với các hàm phúc lợi khác nhau chúng tôi tạo ra nhiều biến thể kế hoạch, làm tăng các khả năng lựa chọn. Bằng cách này chúng tôi cũng đóng góp vào việc lật đổ giáo điều rằng, "chỉ có thể có một kế hoạch duy nhất"; chỉ có một con đường duy nhất, mà trên đó có thểđi và phải đi.

Trong những năm này ở Liên Xô cũng nổi lên ý tưởng dùng các phương pháp toán học vào lập kế hoạch. Leonid V. Kantorovich, người phát minh ra các cơ sở của quy hoạch tuyến tính toán học, là thủ lĩnh tinh thần của sự tụ nhóm, nhóm thúc đẩy việc phát triển các mô hình kế hoạch ở Moskva và Novosibirsk. Thuật hùng biện của trường phái Soviet khác rõ ràng với, cái tôi kiến nghịở Budapest. Họ hứa lập "các kế hoach tối ưu". Điều này vang lên một cách giả dối trong tai tôi; tôi cho là nó tạo ra các ảo tưởng vô căn cứ, thậm chí đánh lạc hướng. Tôi đã luận chiến đi luận chiến lại với quan điểm này, mà ở Hungary cũng đã có những người ủng hộ của nó. Tôi thì có lời hứa khiêm tốn hơn nhiều: những tính toán của chúng tôi, trong trường hợp may, có thể dẫn đến những đề xuất, mà chúng có thể mang lại sự cải thiện có thể cảm nhận được so với kế hoạch chính thức đằng nào cũng được hình thành.

Tôi đã chẳng hề, dù chốc lát, bận tâm vớiý tưởng, rằng chúng tôi dùng quy hoạch tuyến tính cho lập kế hoạch tác nghiệp của nền kinh tế, tức là để đặt cơ sở cho các kế hoạch kinh tế quốc dân hàng năm. Đối với tôi đã là hiển nhiên, rằng việc điều hoà hàng ngày của sản xuất

https://thuviensach.vn

và tiêu dùng là nhiệm vụ của thị trường, chứ không phải của một mô hình toán học. Tôi đã chỉ muốn tham gia vào lập kế hoạch trung và dài hạn. Ngay cả những quy hoạch ngành cũng chỉ quan tâm đến sự lựa chọn giữa các lựa chọn đầu tư khả dĩ, và tôi muốn tiếp tục việc này ở mức mô hình hoá kinh tế quốc dân.

Những tính toán

Cũng đáng đề cập đến việc thực hiện những hình dung ấy trong thực tiễn. Lúc đó, khoảng 1962-1963 sự áp bức tàn nhẫn đã bắt đầu nhẹ bớt đi. Dựa theo ân xá chung người ta đã thả các bạn bị bỏ tù sau 1956 của tôi. Có nhiều dấu hiệu là, "việc đày tôi" sang ngành công nghiệp nhẹ có thể kết thúc. Khi trong khuôn khổ nghiên cứu công nghiệp dệt tôi hợp tác những người điều hành máy tính hàng đầu của nước Hungary, các cán bộ của Trung tâm Kĩ thuật tính toán của Viện Hàn lâm Khoa học Hungary, họ đề xuất, tôi hãy về làm việc với họ. Tôi đã vui vẻ nhận lời.

Tôi có quan hệ công tác với Viện Kinh tế Kế hoạch của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, viện đóng vai trò tiên phong trong ứng dụng các phương pháp toán học vào kế hoạch hoá.(*) Với sự tham gia tích cực của các đồng nghiệp ở đó và với sựủng hộ có hiệu quả của nhiều lãnh đạo của viện, công việc lập kế hoạch kinh tế quốc dân được bắt đầu.

(*) Ban lãnh đạo Viện Kinh tế Kế hoạch đã muốn tôi sang bên họ làm việc với tư cách cán bộ thuộc biên chế của họ. Đề xuất tuy vậy bị thất bại vì sự phủ quyết ở phòng tổ chức của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước. Bây giờ khi tôi có thể ngó vào các hồ sơ công an khi đó, tôi có thể tái hiện, cái gì đã xảy ra trước sự phủ quyết. Phòng tổ chức của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước đã lấy ý kiến của những cán bộ tổ chức của các nơi làm việc trước của tôi. Hai nơi làm việc ở ngành công nghiệp nhẹđã không muốn đưa ra bất kì trở ngại nào đối với chỗ làm việc mới của tôi, hợđã cho ý kiến khá "trung lập". Đánh giá mà Viện Khoa học Kinh tế của Viện Hàn lâm Khoa học Hungary đưa ra, mang tính "một mặt-mặt khác", nó đề cao các công trạng khoa học của tôi, nhưng tuy nhiên cũng toát ra từ nhận xét là, tôi đã đóng vai trò như thế nào trong năm 1956 và sau đó, và vì những lí do chính trị mà người ta đã đuổi tôi ra khỏi viện. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước đã không thể thấy nhiều thuyết phục từđiều này. Đồng thời liên quan đến việc này họ cũng trưng cầu ý kiến của Bộ Nội vụ. Phòng III/III phụ trách phản gián nội

https://thuviensach.vn

địa và Phòng III/II phụ trách phản gián nước ngoài đã tham vấn nhau - ở mức đại tá công an. Họ lật lại "hồ sơ của tôi"; họ xác định-tôi trích- rằng "trong hồ sơ theo dõi của chúng tôi người có tên ấy xuất hiện vì hoạt động của mình trong phản cách mạng" (ÁBTL V-145-288 a. tr. 502-505. Ngày ra lệnh điều tra do Phòng III/III khởi xướng đề: 27-12-1962). Hiển nhiên do lệnh cấm của Bộ Nội vụ nên ngườita từ bỏ ý định, đưa tôi vào biên chế của viện của riêng họ. Kornai trở lại Viện Hàn lâm-việc này còn có thể bỏ qua. Nhưng đưa vào Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước -thì quả là quá đáng! Một thí dụ tốt về việc, cuộc sống của tôi diễn ra trong "hai chiều". Phần có thể nhìn thấy: tôi nghiên cứu các phương pháp toán học với toàn bộ sức lực. Phần "không thể nhìn thấy": mạng lưới nhằng nhịt của các phòng tổ chức và công an chính trị theo dõi, và can thiệp vào vận mạng của tôi.

Theo cấu trúc được mô tả trong tiểu luận Kornai-Lipták chúng tôi bắt đầu xây dựng mạng các mô hình: một mô hình trung ương và 18 mô hình khu vực – cho các mục đích tính toán thí nghiệm đầu tiên. Tôi lần lượt tuyển mộ những người xây dựng mô hình khu vực, mỗi mô hình tuyển nhiều nhà kinh tế, các cán bộ của các viện trung ương và ngành khác nhau, cũng như của các bộ. Song song với việc này tôi tập hợp một nhóm trung tâm, vài cán bộ, những người làm việc toàn bộ thời gian với việc tính toán của chúng tôi, và những người khác, những người giúp đỡ bằng lời khuyên, bằng giải một vài vấn đề phụ. Vào đỉnh điểm cả một đội quân nhỏ, 150-200 cán bộđã làm việc đầy nhiệt tình, để xây dựng mô hình, để thu thập dữ liệu và tính toán. Nhiều người tham gia "hai mức" vẫn còn ở giai đoạn đầu tiên trên con đường sự nghiệp, khi tham gia, và sau này đã nổi tiếng như nhà chính sách kinh tế, nhà lãnh đạo kinh tế hay nhà nghiên cứu kinh tế (Báger Gusztáv, Benedek Pál, Jónás Anna, Nagy András, Rabár Ferenc, Rimler Judit, Simon György, Sivák József, Tardos Márton và nhiều người khác). Những bộ óc hàng đầu tụ hợp lại.

Những khi như vậy việc không thể tránh khỏi là, cũng cần phải kiếm ra tiền. Tôi lần lượt gõ cửa các cơ quan, để tìm kiếm sự hỗ trợ vật chất cho những người lập mô hình khu vực. Một loạt sổ hướng dẫn được chuẩn bị cho những người hợp tác, cho "những người đặt hàng", tức là cho những lãnh đạo cơ quan và các đồng nghiệp quan tâm sẵn sàng ủng hộ chúng tôi. Một phần các ấn phẩm của chúng tôi đưa ra những chỉ dẫn chi tiết cho những người cộng tác, họ phải soạn mô hình

https://thuviensach.vn

của mình thế nào, thực hiện những tính toán ra sao, và gắn kèm những giải thích lí thuyết vào các thủ thục cần sử dụng. Một phần của các ấn phẩm đó thông báo về những kết quả tính toán. Tôi viết đại bộ phận các tài liệu ấy. Không ít hơn 2000 trang đã được tôi viết trong những năm này trong khuôn khổ công việc đó, và được lưu hành ở dạng in sao (in roneo) giữa các nhà kinh tế trong nước.

Pha đầu tiên của công việc, do tôi chỉ đạo, bắt đầu năm 1963 và kéo dài năm năm.(*)Phần lớn những tính toán ngành đã được thực hiện gọn gàng, và đã dẫn đến những kết quảđáng chú ý. Chúng tôi đã loay hoay nhiều với những tính toán trung ương. Hoá ra là - với các điều kiện kĩ thuật tính toán lúc đó-thuật toán Kornai-Lipták cực kì chậm, đòi hỏi quá nhiều tính toán. Chúng tôi buộc phải sử dụng các thủ tục gần đúng thay cho thuật toán tao nhã, nhưng không thật hiệu quả.

Giữa chừng chúng tôi cũng lập ra một mô hình kế hoạch kinh tế quốc dân khác, có kích thước nhỏ, rút gọn và chúng tôi tiến hành nhiều loại tính toán với nó. Mục đích của chúng tôi là, nếu mà các kết quả tính toán của mô hình hai mức cỡ lớn có bị chậm, thì chí ít mô hình nhỏ này chứng minh ích lợi của quy hoạch tuyến tính trong con mắt của các nhà lập kế hoạch.(**)

(*) Thông báo được in sao cuối cùng về quy hoạch kinh tế quốc dân, công bố những kết quả tính toán, xuất hiện vào năm 1968. Sau khi kết thúc quy hoạch thử nghiệm đầu tiên tôi không còn tham gia trực tiếp vào công việc, mà các nhà kinh tế khác, các cộng sự trước đây của tôi chỉ đạo.

(**) Chúng tôi cùng thiết kế mô hình với Dániel Zsuzsa (khi đó còn là Újlaki Zsuzsa), và chúng tôi cùng công bố các kết quả, người sau này trở thành vợ thứ hai của tôi. Trong công việc này chúng tôi đến gần với nhau. Đối với tôi nếu những năm tháng dành cho kế hoạch hoá toán học giả như không có kết quả nào khác – thì chỉ kết quả này cũng đáng.

Khi năm tháng trôi đi, xuất hiện ngày càng nhiều khó khăn mới về thu thập dữ liệu và kĩ thuật tính toán, sự hăng hái ban đầu tàn dần. Đội quân một thời sốt sắng bắt đầu khuyết dần, và những người còn lại thì mệt mỏi trong công việc vất vả. Mỗi người cảm thấy nghĩa vụ của mình là, đừng bỏ dở tất cả, nếu không đi đến một sự kết thúc tử tế nào

https://thuviensach.vn

đó. Tuy vậy đã không thể bày các kết quả tính toán một cách thực sự ngoạn mục. Chúng tôi đã không thể nói và chúng tôi cũng không nói: này, chúng tôi đã đạt đến việc lập cơ sở khoa học, được tính toán bằng mô hình toán học và máy tính cho lập kế hoạch kinh tế quốc dân.

Không thể chối cãi, vào gần cuối công việc các cảm giác trong chúng tôi bị pha trộn; những cảm tưởng thành công và thất bại đã cùng xuất hiện. Nhóm đã cùng làm việc trong công trình này, đã chẳng bao giờ ngồi lại để cùng đánh giá các kinh nhiệm. Từng kết quả của công việc khổng lồ này thì mỗi người công bố trong các tiểu luận riêng của mình. Tôi viết nhiều bài báo nhất về vấn đề này. Một phần những quan sát và kết luận của tôi được cấy vào trong cuốn sách viết về lập kế hoạch toán học, mà lần tái bản thứ nhất đã báo cáo chi tiết về mô hình quy hoạch kinh tế quốc dân, về những tính toán đã được thực hiện và một vài bài học kinh tế học của chúng.(*)

Có đáng không?

Tôi đánh giá công việc có tầm cỡ khổng lồ này như thế nào – công việc đã đòi hỏi cực kì nhiều thời gian và công sức của tôi và của những người cộng tác, với con mắt ngày nay? Tôi đối sánh, từng khoản mục, mình đã mong đợi gì ở công việc này, khi tôi bắt đầu – và mong đợi của tôi được thực hiện đến đâu. Phân tích của tôi chủ yếu liên quan đến mô hình hoá ở mức kinh tế quốc dân, nhưng một phần nội dung tôi muốn nói cũng liên quan đến nghiên cứu về lập kế hoạch toán học khác nữa.

Một trong những mong đợi bước đầu của tôi gắn với môi trường chính trị bao quanh tôi. Tôi đã trình bày ở cuối chương trước, rằng về cuối các năm 1950 tôi đã cảm thấy là, sự tiếp tục chương trình nghiên cứu thực nghiệm được bắt đầu với *Sự Tập trung quá mức* đã rơi vào ngõ cụt.

Nếu những kinh nghiệm dẫn đến sự phê phán gay gắt chế độ chỉ đạo kinh tế hiện tồn

– mà chắc hẳn sẽ dẫn đến đó-, công bố kết quả này là không thể. Ứng dụng các phương pháp toán học hứa hẹn một đường ra khỏi ngõ cụt này. Ngôn ngữ toán học là không thể hiểu nổi đối với các chính trị viên, các chuyên viên của trung ương đảng và nói chung đối với những người kiểm tra về mặt chính trị công việc của các viện, các nhà xuất bản, các tạp chí. Họ mà nhìn thấy một vài công thức toán học trong

https://thuviensach.vn

một bản thảo, thì họ khiếp sợ đặt xuống. Bản thân ngôn ngữ cũng có nghĩa là một chút che chở khỏi con mắt dò xét của các nhà chính trị và những người phụ tá của họ, của "các nhà chính trị kinh tế học" cảnh giác theo dõi. Chủ nghĩa công thức toán học tạo ấn tượng trung lập về mặt chính trị. Có lí ở mức độ nào đó, bởivì một công thức, một phương trình, một hình vẽ hình học không có trước "lập trường đảng" của nó. Chính vì thế lĩnh vực nghiên cứu này hứa hẹn là một lĩnh vực tương đối yên ổn hơn.

(*) Lần tái bản thứ nhất của cuốn sách *A gazdasági szerkezet matematikai tervezése (Lập kế hoạch toán học cơ cấu kinh tế)* của tôi là vào năm 1972. Nếu những bổ sung được đưa vào lần tái bản này cũng được tôi coi là một phần của nghiên cứu quy hoạch kinh tế quốc dân, thì nhiệm vụ này đã thu hút phần đáng kể sức lực của tôi suốt khoảng mười năm trời.

Mong đợi này của tôi đã trở thành hiện thực. Trên cơ sở chính trịđã chẳng có ai gây sự trong những nghiên cứu của tôi mà tôi sử dụng các phương pháp toán học. Tôi cũng có thể nói: bất luận các chính trị viên có cảnh giác đến thế nào, bằng chọn đề tài phù hợp tôi đã ranh hơn họ. Điều này làm cho tôi thấy khoái ngay cả hiện nay nữa.

Tôi mong đợi từ hướng nghiên cứu của mình gắn với áp dụng các phương pháp toán học, là nó làm cho việc tựđào tạo của tôi tiến bộ, tạo điều kiện để nắm vững khoa họckinh tế hiện đại. Mong đợi này cũng được thực hiện hơn cả dự tính.

Tôi tính rằng, trong những công việc này tôi không chỉ học, mà *tôi cũng có thể dạy* nữa. Trong khía cạnh này diễn tiến thực sự của các sự kiện không chỉđã hoàn thành, mà còn vượt xa những hi vọng của tôi. Tôi đã bị ngăn cản khỏi việc giảng dạy đại học, về hình thức tôi cũng đã chẳng có quyền để có các học trò. Tuy nhiên việc lãnh đạo một nhóm nghiên cứu lớn- lớn hơn nhiều so với hình dung ban đầu- vẫn làm cho việc dạy là có thể. Tất nhiên không phải là nói về quan hệ "thầy-trò" hình thức. Một phần các cộng sự của tôi cùng tuổi với tôi hay già hơn tôi; tôi đã không là thủ trưởng chính thức của họ. Tất cả họ đều tự nguyện chấp nhận việc tôi chỉ đạo họ trong khuôn khổ của công việc này. Tôi chắc chắn rằng, đã có nhiềuý tưởng mà tôi truyền đạt cho họ. Quy hoạch ngành kinh tế quốc dân cũng đã giúp họ, đúng như tôi, trong hiểu và nắm vững kinh tế học vi mô hiện đại.

https://thuviensach.vn

Việc ứng dụng các phương pháp toán học trong những tính toán kinh tế và trong nghiên cứu đã không chỉ là nỗ lực "phương pháp luận" theo nghĩa hẹp. Nó đã trở thành một phong trào trí tuệ rộng rãi thực sự. Trong phong trào đặc biệt này chúng tôi, những người "hai mức" đã tạo thành một hạt nhân, nhưng cũng có các tụ hợp khác nữa: "những người đầu ra-đầu vào", các nhà kinh tế lượng, các nhà vận trù học. Đã có nhiều sự chồng lên nhau. Nhiều người đã quan tâm song song đến các đề tài hay đã áp dụng các phương pháp, mà chúng tỏ ra là các tư tưởng lập trường phái. Cái là chung trong tất cả chúng tôi, là sựđoạn tuyệt với hoạt động "chính trị kinh tế học" vô ích của các năm 1950, là nỗ lực đến tính chính xác, đến việc làm quen và nắm vững các kết quả của khoa học-kinh tế hiện đại (hãy hiểu là: phương Tây). Chúng tôi đã tổ chức các hội nghị. Cùng với vài đồng nghiệp chúng tôi đã thành lập phân ban toán-kinh tế của Hội Kinh tế học Hungary.(*)

Trước tôi đã rất nhấn mạnh rồi, rằng một cách có ý thức tôi muốn trở thành một phần của chuyên môn phương Tây. Nhìn từ quan điểm này các sự kiện đã vượt xa những mong đợi của tôi. Giữa chừng tôi ngày càng cảm thấy, rằng mình lọt vào một trào lưu phương Tây mạnh. Đây là thời kì, khi ở Pháp, ở Hà Lan, ở nhiều nước bắc Âu và ở các nước phát triển khác người ta lập ra các cơ quan chính thức cho các mục đích lập kế hoạch kinh tế quốc dân, và ở đó họ sử dụng các phương pháp toán học. Các nhà kinh tế học quan tâm đến các nước đang phát triển lần lượt thảo ra các mô hình kế hoạch cho Ấn Độ, Mexico, Thổ Nhĩ Kì, cộng tác với các đồng nghiệp địa phương. Tại Ấn Độ đã hình thành Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước.

(*) Khi đó tôi đã biết điều lệ hoạt động của Hội Kinh tế Lượng Quốc tế, và theo mẫu ấy tôi đã kiến nghị, rằng chức chủ tịch đừng có thời gian không xác định, mà chúng tôi bầu chủ tịch mỗi năm. Và cũng đã xảy ra như thế-nhưng chỉ trong phân ban của chúng tôi. Bản thân tôi là một trong những chủ tịch đầu tiên và cả vài người kế tục tôi đã thực sự chỉ giữ chức một năm. Thế nhưng, thủ tục luân phiên này, dựa vào sự bầu cử của các thành viên, đã chọc tức cơ quan cấp trên của chúng tôi, ban lãnh đạo Hội Kinh tế học Hungary. Ởđó là chủ tịch, có thể nói là vị trí vĩnh viễn. Chủ tịch có thể giữ nguyên chức của mình, chừng nào các cơ quan chính trị cấp trên liên quan cho là tốt.Sau vài năm người ta đã áp đặt tập quán này lên cả phân ban toán-kinh tế nữa.

https://thuviensach.vn

Mô hình hoá kế hoạch được tiến hành ở Hungary đã gây ra sự quan tâm lớn trong các đồng nghiệp phương Tây. Họđã không chỉ so sánh trên bình diện lí thuyết mô hình Lange-Malinvaud và mô hình Kornai-Lipták, mà những người ứng dụng cũng đã đối sánh việc xây dựng các mô hình tính toán quy hoạch, những kinh nghiệm thu thập dữ liệu và sử dụng do kế hoạch nhà nước của Pháp, của Hà Lan, của Ấn Độ hỗ trợ, với công việc được tiến hành ở Hungary, do Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước ở đây giúp đỡ. Công việc của chúng tôi được đánh giá cao và được công nhận là thành tựu trí tuệđáng kể cảở nước ngoài nữa.

Liên quan đến đối sánh mong đợi ban đầu với các sự kiện thật, thì phải đặt ra câu hỏi: phương pháp luận do chúng tôi đưa ra liệu đã thành công thâm nhập vào thực tiễn kế hoạch hoá hay không? Ngược với những câu trả lời khẳng định cho đến đây, câu trả lời là ít rõ ràng hơn nhiều.

Một mặt, về các kết quả, có thể nói rằng, ngay cả những tính toán đầu vào-đầu ra trước đó, và bây giờ là phương pháp luận quy hoạch tuyến tính, đã được đưa vào kho tàng công cụ của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ. Đã có các phòng hay các nhóm nhỏ hơn được giao việc áp dụng các công cụ này, và họ thường xuyên báo cáo những kết quả tính toán cho các lãnh đạo của bộ máy kế hoạch hoá. Những người này có thể giả thiết là đã suy nghĩ về các con số nhận được. Tuy nhiên tôi không biết trả lời, họ chấp nhận các kiến nghị đến mức độ nào.(*)

Mặt khác, liên quan đến các thất bại: trong chừng mực tôi có thể theo dõi được từ bên trong, cảm tưởng của tôi là, quy hoạch toán học vẫn là vật thể lạ trong cơ thể quan liêu của kế hoạch hoá truyền thống, và đã không thực sự hoà nhập vào. Nhiều lãnh đạo cấp cao của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và các bộđã có thiện cảm với hoạt động của chúng tôi. Công việc của chúng tôi cũng đã có hào quang riêng nào đó. Nó đã tạo ấn tượng, rằng nó biến kế hoạch hoá thành khoa học và hiện đại thật sự, bởi vì nó sử dụng toán học, máy tính điện tử. Thế thì có vấn đề gì?

Tất cả tai hoạ gắn với sáu vấn đề, mà tôi đã đề cập ở trên, khi giới thiệu mô hình *lí thuyết* của kế hoạchhoá hai mức. Không chỉ mô hình lí thuyết lệch khỏi thực tiễn trong những đặc trưng cơ bản, mà việc ứng dụng mô hình vào các mục đích kế hoạch hoá cũng chẳng hợp với thực

https://thuviensach.vn

tiễn hàng ngày của kế hoạch hoá xã hội chủ nghĩa thật sự. Nếu tiến hành công việc kế hoạch hoá trên cơ sở mô hình toán học, thì các điều kiện sau phải được thoả mãn:

1. Phải tuyên bố rõ ràng các ý định về chính sách kinh tế, và phải soạn lại kế hoạch mỗi khi các ý định, các mục tiêu thay đổi. Chính trị gia nào muốn điều này? Nhà chính trị ưu tiên sự không rõ nghĩa. Không quấy rầy, nếu có mâu thuẫn giữa các mục đích được tuyên bố. Thích diễn đạt chung chung không thể tóm được. Không muốn đưa ra ở dạng bằng số trọng lượng tương đối của các nỗ lực và ý định chính sách kinh tế cùng được nêu ra, thứ tự của những ưu tiên, tức là tất cả các loại thông tin, mà chúng xuất hiện ở dạng định lượng trong hàm mục tiêu của một mô hình quy hoạch. Họ dây dưa với việc này, bởi vì về sau có thể quy trách nhiệm được các tỉ lệ bằng số này.

(*)Từ cuối các năm 1960 công việc của tôi chuyển sang hướng khác. Tôi không đủ kinh nghiệm trực tiếp về các thập niên muộn hơn. Có thể là, thuận lợi hơn mức tôi thu thập được. Có thể viện dẫn đến chuyện: có thể lẽ ra vai trò của quy hoạch toán học đã trở nên mạnh hơn với sự lan rộng của máy tính cá nhân và sự tăng công suất của chúng. Điều này không thể xác định được, bởi vì bộ máy kế hoạch hoá trung ương đã bị giải tán sau khi thay đổi chế độ.

2. Khi chúng tôi tập trung tài liệu quy hoạch kinh tế quốc dân lại và trình bày những kết quả từng phần, chúng tôi đã có thể nghiệm thấy: có bao nhiêu cơ quan hay cá nhân, thì có bấy nhiêu loại tiếp đón. Nếu –chúng tôi may-tính toán của chúng tôi đặt cơ sở cho cái, mà đằng nào người ta cũng muốn thực hiện, thì được hoan nghênh nhiệt liệt. Ngược lại nếu không, thì nhăn nhó, nói rằng: mô hình đơn giản hoá thực tế (anh ta đúng), bỏ qua cái này cái nọ, các số liệu không đáng tin cậy (điều này cũng đúng) v.v.

3. Nhiều khi khó làm cho các nhà hoạch định chính sách và các nhà lập kế hoạch phục vụ họ hiểu được, rằng phải phân biệt “mục tiêu”, tức là *hướng* của các nỗ lực chính sách kinh tế và các “ràng buộc” *hạn ch*ế các quyết định lại. Nhưở điểm 1. ở trên tôi đã báo hiệu: chính trị gia kinh tế không thích nói rằng, tăng trưởng là quan trọng hơn làm chậm lạm phát, hay ngược lại. Ông ta thích quy định một-một chỉ tiêu cho cả hai hơn. Điều này không gây ra khó khăn gì xét

https://thuviensach.vn

từ khía cạnh cấu trúc của mô hình toán học. Trong mô hình các ý định vĩ mô loại như vậy cũng phải định rõ –theo ý nghĩa toán học-"như các ràng buộc". Thế nhưng không chắc chắn, rằng những ràng buộc *ch*ủ *quan*, tuỳ tiện này, mà chúng tạo thành các ý định chính sách kinh tế, lại hoà hợp với nhau, và cùng có thể thực hiện được. Ngoài ra, vấn đề còn là, chúng có thể tương thích hay không với các ràng buộc *khách quan* phản ánh hoàn cảnh bên ngoài (thí dụ các nguồn lực tự nhiên, các năng lực sản xuất, tổng lực lượng lao động, các hạn chế nhập khẩu).

4. Chúng tôi cũng không coi trọng các số liệu, mà chúng tôi nạp vào máy tính. Ởđây tiếng lóng Hungary giống như tiếng lóng của dân tin học: họ thử nhồi chúng tôi, nói cách khác bắt chúng tôi ăn các số liệu của họ. Thực ra họ không sẵn lòng nói, họ dùng những tính toán như thế nào cho các ước lượng riêng của họ. Họ viết nguệch ngoạc các số "lên các miếng nhãn phó mát", nhưng có lẽ họ giấu các số này. Bởi vì các số này tạo thành kho vũ khí riêng của từng nhà lập kế hoạch trong cuộc tranh đấu, mà họ tiến hành với các nhà lập kế hoạch khác để kiếm các nguồn lực và để gạt bỏ các trách nhiệm.

5. và 6. Có thể, rằng giả như có các máy tính của thế kỉ XXI chúng tôi đã có thể có khả năng tiến cùng nhịp độ lập kế hoạch. Khi đó chúng tôi đã không thể có khả năng này. Các tính toán của chúng tôi lần lượt đều bị chậm trễ. Dễ "đoán định" một cân đối kế hoạch dựa vào nhìn qua, vào thói quen lập kế hoạch thường nhật, hơn là tính ra từ một hệ thống phương trình nghiêm ngặt.

Gốc rễ chung của tất cả những khó khăn này là: lập kế hoạch xã hội chủ nghĩa là loại nhà bếp phù thuỷ, mà những người đầu bếp của nó không cho phép người lạ nhìn vào những mánh khoé của họ. Họ không chịu được sự công khai và minh bạch. Mô hình toán học áp đặt kỉ luật lên họ, phải nghiêm ngặt cộng cái phải cộng và trừ cái phải trừ. Điều này là không thể chấp nhận được đối với họ.

Điều này, phân tích lại vấn đề với cái đầu hôm nay, dẫn dòng tư duy đến lập luận kiểu Hayek đã được nhắc đến trước rồi. Việc tập hợp mọi hiểu biết, mọi thông tin vào một trung tâm duy nhất, hay vào một trung tâm và vào vài chục trung tâm con bổ sung cho nó, là không thể. Kiến thức tất yếu được phân tán một cách sâu rộng. Để tận dụng hữu

https://thuviensach.vn

hiệu và hoàn toàn nó thì cần là, người sở hữu thông tin có thể khai thác nó cho mình. Thông tin phân tán phải kết hợp với tự do kinh doanh và sở hữu tư nhân. Không cần phải tận dụng thông tin một cách phân tán đến phần chi tiết cuối cùng, nhưng là tốt, nếu điều này xảy ra với phần càng lớn càng tốt.

Tại điểm này chúng ta đã bước qua một vấn đề hẹp hơn (vì sao lập kế hoạch toán học không thể ngấm sâu vào hoạt động bình thường của kế hoạch hoá tập trung xã hội chủ nghĩa), và chúng ta đi đến một vấn đề tổng quát hơn nhiều: vì sao kế hoạch hoá tập trung, trong môi trường chính trị-xã hội-kinh tế xã hội chủ nghĩa cho trước, lại không thể hoạt động một cách hiện đại và hữu hiệu?

Tóm lại công việc nội bộ nhiều năm bên trong các cơ quan kế hoạch đã không những không chinh phục lại tôi về với tư tưởng kế hoạch hoá tập trung, mà càng làm tôi xa rời nó. Ngay năm 1956 tôi đã phản đối kịch liệt sự tập trung quan liêu. Khi đó tôi đã nghiên cứu vấn đề ở mức "dưới", ở mức các xí nghiệp và mức các nhà chức trách cấp dưới chỉ đạo chúng. Bây giờ, giữa 1963 và 1968 tôi đã làm quen với cái xảy ra ở "bên trên". Lòng tin của tôi càng trở nên có căn cứ hơn, rằng kế hoạch hoá xã hội chủ nghĩa, cho dù có thử dùng bất cứ kĩ thuật hiện đại nào, cũng không có khả năng thực hiện những hi vọng, mà các tín đồ của chủ nghĩa xã hội đã gắn cho nó.

Để kết thúc sự đối sánh những mong đợi và việc thực hiện, tôi muốn nói vài lời chính về cái niềm tin vào khả năng kế hoạch hoá này. Cái hấp dẫn nhiều người đến với chủ nghĩa xã hội chính là, nó tạo phương thức cho kế hoạch hoá có ý thức, có thể nhìn thấy trước. Ý tưởng, rằng thay cho các lực lượng tự phát, mù quáng (thị trường) trí tuệ con người điều tiết cái gì xảy ra trong nền kinh tế, là ý tưởng hấp dẫn gây choáng ngợp. Thành công của kế hoạch hoá xảy ra ở quymô cả nước có lẽ sẽ là sự chứng minh lòng tin vào tính duy lí của con người. Chúng ta có thể nói nhiều hơn thế: kế hoạch hoá toàn quốc được tiến hành ở các nước xã hội chủ nghĩa đã là thử nghiệm táo bạo chưa từng thấy cho đến nay trong lịch sử loài người để đưa niềm tin và hi vọng này vào cuộc sống.

Trong những hồi ức của mình tôi thử kể lại, tôi đã từ bỏ các tư tưởng cộng sản và học thuyết Marxist như thế nào trong nhiều bước. Sự đối kháng chính trị của tôi đã hoàn toàn rồi, và tôi cũng đã rời xa

https://thuviensach.vn

kinh tế học chính trị Marxist, trong khi tôi vẫn luôn luôn hi vọng, rằng trong phân chia các nguồn lực đầu tư, trong xác định những tỉ lệ phát triển dài hạn của nền kinh tế thì kế hoạch hoá tập trung có thểđóng vai trò hữu hiệu và thúc đẩy- đặc biệt, nếu họ tiến hành với kĩ thuật hiện đại (với các mô hình toán học, với máy tính). Cảm giác thật buồn chán, rằng tôi đã bị nhầm lẫn trong kì vọng này của mình.

Thế nhưng cảm giác làm vỡ mộng này hoà lẫn với ý thức, rằng tôi đã học được nhiều trong thời gian làm việc với giới các nhà lập kế hoạch. Điều này giống một chút với việc, khi một nhà nhân học sống hàng tháng giữa những người, mà anh ta muốn nghiên cứu. Các công trình riêng của tôi sở dĩ có thể được đánh giá là xác thực, bởi vì tôi biết hệ thống xã hội chủ nghĩa từ bên trong. Về khía cạnh này gánh vác công việc lớn lao về quy hoạch kinh tế quốc dân là đặc biệt có giá trị đối với tôi.

Tại đây ở mức một nhận xét, tôi đặt việc kể lại hồi ức của mình sang một bên. Tôi nghĩ gì về khả năng kế hoạch hoá *hôm nay*, năm 2004? Tôi cảm thấy đáng tiếc, là sự thất bại của hệ thống cộng sản đã làm mất tín nhiệm củaý tưởng kế hoạch hoá. Người ta không chỉ giải tán Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước Hungary, không chỉ giải tán Gosplan ở Liên Xôvà bộ máy kế hoạch hoá trung ương của các nước khác, một thời là xã hội chủ nghĩa, mà ngoài khối Soviet thì các cơ quan được uỷ thác làm kế hoạch cũng bị teo đi hay mất ảnh hưởng. Không cần là người cộng sản và không cần chấp nhận dòng tư duy của chủ nghĩa Marx đối với người, mà ngày nay cũng thấy sự mơ tưởng trong lập kế hoạch ở mức kinh tế quốc dân. Có lẽ cần đến những tính toán, vượt quá tầm nhìn của một hay hai năm ngân sách, và thử vẽ ra các con đường phát triển khả dĩ trong tương lai của một nước. Loại lập kế hoạch như vậy không cần dẫn đến việc, sau đó người ta áp đặt kế hoạch lên những người tham gia nền kinh tế bằng các chỉ thị. Là đủ, nếu việc tính các quỹ đạo phát triển khả dĩ được dùng làm nền cho suy nghĩ và tranh luận của các nhà chính trị và của các nhà lãnh đạo kinh tế và đại diện lợi ích, đại loại như Ragnar Frisch, Jan Tinbergen và các nhà lập kế hoạch Pháp của các năm 1960 đã hình dung, khi họ kiến nghị kế hoạch hoá *chỉ dẫn* (indicative) phù hợp với nền kinh tế thị trường thay cho kế hoạch *mệnh lệnh* của nền kinh tế cộng sản. Sớm muộn, khi những kí ức ngột ngạt của loại kế hoạch hoá cũ được tiến hành trong khuôn khổ của hệ thống cộng sản bị lãng quên đi, thì có thể

https://thuviensach.vn

bắt đầu sự phục hưng của tư tưởng kế hoạch hoá. Khi đó có thể vẫn có cái gì đó có ích từ kinh nghiệm mà chúng tôi, các nhà quy hoạch toán học một thời, đã thu thập được.

Hợp tác với các nhà toán học

Tôi quay lại câu chuyện riêng của mình. Lipták Tamás và tôi đã thử nhiều thử nghiệm để sau bài báo 1965 chúng tôi tiếp tục công việc chung. Đáng tiếc, không thành công. Bệnh tâm thần trầm trọng của anh bắt đầu tăng dần, ngày càng làm xói mòn khả năng nghiên cứu của anh. Sau *Kế hoạch hoá hai mức* anh đã chẳng thể cùng với tôi, cũng chẳng thể cùng với đồng tác giả khác, và một mình cũng chẳng thể tạo ra công trình đáng kể nào. Ở trong nước cả tôi, lẫn các bạn khác của anh cũng đã thử đưa cho anh những công việc (hay chí ít các công việc giả đảm bảo thu nhập) để anh có thể sống. Sau đó anh di cư sang Anh. Đầu tiên ở đó người ta cũng tin, rằng anh sẽ đạt những kết quả nghiên cứu xứng với danh tiếng của anh. Muộn hơn tuy vậy tất cả mọi người đều từ bỏ hi vọng này, và buộc phải yên phận, rằng trí tuệ khởi đầu thiên tài này không còn có khả năng hoạt động hiệu quả nữa, và anh sống bằng trợ cấp của nhà nước phúc lợi Anh. Trong một lần thăm Budapest một tai nạn đã gây ra cái chết của anh năm 1998.

Khi lần đầu tiên tôi bắt tay vào mô hình hoá toán học, đã là hiển nhiên, rằng một nhà kinh tế và một nhà toán học cùng nhau thử giải loại bài toán như vậy. Trong hợp tác với Tamás sự bổ sung may mắn của hai cách suy nghĩ được hình thành dưới ảnh hưởng của không chỉ hai nghề, mà của cả hai loại môn học, đã đạt hiệu quả. Nghề nghiệp riêng của nhà toán học bồi dưỡng anh ta đến mức trừu tượng hoá cực đoan, ngược lại người ta tập cho nhà kinh tế quen với việc, nhìn đi nhìn lại vào thế giới thực tiễn. Tất nhiên, lí tưởng là, nếu khả năng trừu tượng hoá cực đại và cảm nhận thực tế cực đại kết hợp lại trong một bộ óc duy nhất. Tuy nhiên điều này khó có thể kì vọng được.

Sau khi công việc chung của chúng tôi với Lipták Tamás chấm dứt, tôi đã làm việc trong nhiều đề tài và với tư cách đồng tác giả, tôi đã cùng công bố với những nhà toán học khác hay với các nhà toán kinh tế, mà ban đầu họ học để làm nhà toán học. Tôi đã có thể hợp tác hiệu quả với Wellisch Péter, Dömölki Bálint, Martos Béla, Jörgen Weibull và Simonovits András. Trong tất cả sự hợp tác tính bổ sung giữa cách

https://thuviensach.vn

nhìn và sự hiểu biết của nhà kinh tế và của nhà toán học đã tỏ ra hữu ích.

Muộn hơn khi tôi làm quen từ gần với nghiên cứu kinh tế học tiến hành ở thế giới phương Tây, tôi phát hiện ra, rằng ngày nay hình thức hợp tác mà tôi tin là hiển nhiên không mấy khi xuất hiện. Người muốn thành nhà kinh tế, phải kiếm được tất cả kiến thức toán học, đủ để chính mình tạo ra các công trình có sử dụng bộ máy toán học phát triển. Nếu làm việc với các đồng tác giả, thì họ cũng là các nhà nghiên cứu "hai nghề" giống như anh ta, tức là các nhà kinh tế học, những người sử dụng các phương pháp toán học ở trình độ cao.

Tình hình được hình thành chắc chắn có nhiều ưu điểm. Tôi không muốn rèn đức hạnh từ sự yếu kém. Nhiều lần tôi cảm thấy cay đắng vì chuyện là, tôi đã không nhận được sự đào tạo sau đại học "chính quy", việc đã có thể làm cho tôi tự tin trong sử dụng độc lập các công cụ toán học tinh vi. Thế nhưng có lẽ cũng có những bất lợi của việc, bây giờ không có ngoại lệ, mọi nhà kinh tế "tự hành" trong công việc toán học. Họ buộc phải định ra các giới hạn cho những nghiên cứu của mình ở chỗ, nơi kiến thức toán học riêng của họ chấm dứt. Các nhà toán học "chuyên nghiệp" khẳng định, rằng các giới hạn này là khá hẹp. Phần lớn các giới hạn *kĩ thuật* của toán kinh tế học bịđánh đổ bởi các nhà bác học, những người theo đào tạo cơ bản và nghề chính của họđã là các nhà toán học. Hãy chỉ nghĩ đến Neumann János (von Neumann) hay John F. Nash. Chắc chắn có không chỉ một vấn đề, mà đối với nhà kinh tế học thông thạo toán, cũng quá khó *về những khía cạnh toán học của nó* – nhưng có lẽ có nhà toán học, người có thể có khả năng giải quyết.

Ngày nay người ta nói nhiều đến tầm quan trọng của những nghiên cứu liên ngành. Bõ công suy ngẫm về, liệu trong tương lai cũng có chỗ cho hình thức hợp tác nhà kinh tế nhà toán học kiểu Kornai-Lipták trên mảng màu nhiều sắc của nghiên cứu kinh tế học hay không.

https://thuviensach.vn

Mùa hè 1963 mong muốn và hi vọng từ lâu của tôi thành hiện thực: tôi đã có thể đi đến Cambridge Anh để dự một hội nghị. Câu chuyện dài xảy ra trước nó.

Các tiền đề

Khi cuốn *Sự tập trung quá mức* được xuất bản ở Anh, trưởng bộ môn khoa học kinh tế của trường đại học danh tiếng lớn trên toàn thế giới, trường *London School of Economics* (LSE, Trường Kinh tế học London), giáo sư Ely Devons đã viết một bài ca ngợi chiếm cả một trang trên *Manchester Guardian*, một nhật báo Anh hàng đầu. Theo sáng kiến của ông năm 1958 LSE mời tôi thăm trường. Tôi đọc các bài giảng, hướng dẫn một seminar - họ chỉ nêu ngần ấy nghĩa vụ, còn thì họ để thời gian của tôi tự do.

Lời mời- lời mời khoa học phương Tây đầu tiên của đời tôi – đã làm tôi phấn khích. Tôi lập tức nộp đơn xin hộ chiếu, sau thời gian chờ đợi dài họ đã từ chối. Tôi lại làm đơn xin phép đi Anh hết lần này đến lần khác, và họ lại lần lượt từ chối.

Năm 1962, như một biểu hiện của sự giảm bớt áp bức, người ta cho phép tôi có thể đi ra – không phải phương Tây, nhưng chí ít sang một nước xã hội chủ nghĩa khác. Nhờ các bạn của tôi làm việc trong ngành công nghiệp nhẹ, nên tôi có thể đi các cuộc hội nghị và trình bày các báo cáo ở Cộng hoà Dân chủ Đức, Ba Lan và Tiệp Khắc. Đấy là những trình diễn khoa học ở nước ngoài đầu tiên của tôi.

Năm 1962 tôi được Hội Kinh tế học Quốc tế (International Economic Association, IEA) mời tham gia hội nghị bàn tròn 1963 sẽ được tổ chức tại Cambridge Anh. Chủ đề hội thảo là: "Phân tích hoạt động trong tăng trưởng và lập kế hoạch dài hạn" (Activity Analysis in Long Term Growth and Planning). Trong thời kì đó người ta gọi ứng dụng quy hoạch toán học và các kĩ thuật toán học tương tự vào kinh tế là phân tích hoạt động. Một trong những nhà tổ chức chính của hội nghị là nhà kinh tế Pháp Edmond Malinvaud, người – như đã thấy từ chương trước - với tư cách một biên tập viên của *Econometrica* đã biết các bài viết của chúng tôi với Lipták Tamás. Họ cũng đã muốn mời Lipták, nhưng vì "tiền án" của mình anh đã chẳng hề xin cấp hộ chiếu. Bây giờ tôi lại xin phép đi không phải trên cơ sở lời mời của Trường

https://thuviensach.vn

Kinh tế học London, mà của Hội Kinh tế học Quốc tế. Lần này tôi nhận được giấy phép!

Cambridge, nước Anh

Sau năm năm chờ đợi cái chắn đường được mở lên. Niềm vui riêng đối với tôi là, Nagy András cũng nhận được giấy mời. Họ cùng đuổi chúng tôi khỏi Viện Khoa học Kinh tế, và bây giờ cả hai chúng tôi cùng có thể đi sang Anh.

Tháng bảy 1963 chúng tôi đến London, và hôm sau chúng tôi tiếp tục hành trình đến Cambridge. Họ tổ chức hội nghị ở Học viện Clare (College), và họ cũng để chúng tôi ở đó. Tôi cảm thấy, Cambridge đối với một thanh niên khao khát khoa học chính là thiên đường. Chúng tôi dạo chơi giữa các toà nhà có đường nét hài hoà, yên tĩnh. Chúng tôi lần lượt xem các học viện nổi tiếng, King, Trinity và v.v; bằng chính mắt mình tôi đã có thể thấy những bãi cỏ Anh nổi tiếng trong các sân hình vuông của các học viện. Kể từ đó tôi đã đi nhiều nơi, nhưng nay tôi vẫn cảm thấy, Cambridge Anh là một trong những điểm đẹp nhất của thế giới, với vô số toà nhà và các công viên tuyệt vời của nó. Từ thế giới phiền muộn của Budapest tôi vượt sang đây, nơi tất cả đều toả ra sự êm ả và yên bình.

Các hội nghị bàn tròn của IEA là các cuộc họp mặt có phạm vi hẹp. Các nhà tổ chức cố gắng tụ hợp các chuyên gia xuất sắc nhất của một đề tài nào đó. Đã có mặt và trình bày báo cáo ở đây là Maurice Allais (sau này được giải Nobel), Sukhamoy Chakravarty, Robert Dorfman, Franh Hahn, Leonid Hurwicz, Tjalling Koopmans (sau này được giải Nobel), Lionel MacKenzie, Roy Radner, Richard Stone (sau này được giải Nobel) - đấy là tôi chỉ nhắc đến vài cái tên. Khi đó tôi đã có một chút kiến thức đọc, tên của phần lớn những người tham dự tôi đã biết từ các tài liệu, và bây giờ nhìn thấy họ bằng xương bằng thịt là một ấn tượng đối với tôi. Về những người khác chỉ muộn hơn tôi mới biết, họ là các bậc học giả danh tiếng lớn đến thế nào trong ngành.

Trình độ chuyên môn của các bài trình bày và tranh luận là cực kì cao, cao tới mức không thể so sánh nổi với trình độ tôi vẫn quen ở Budapest. Tuy mọi người đều thân thiện với tôi, tôi vẫn đầy hồi hộp ngồi nghe hết các buổi họp. Tôi cảm thấy, có lẽ chẳng bao giờ mình có thể lớn lên được với hội này.(*)

https://thuviensach.vn

Khi đó tôi vẫn chưa dám trình bày bằng tiếng Anh. Tôi đã nói tiếng Đức, phiên dịch chuyên nghiệp hay trong vài trường hợp Koopmans và Hurwicz, hai nhà kinh tế biết tiếng Đức, đã dịch. Tôi hồi hộp lo kinh khủng, trước khi tôi trình bày bài nói của mình. (Sự hồi hộp lo và sợ trước các cuộc trình bày kể từ đó cứ bám theo suốt đường đời của tôi. Tôi thấy nhiều niềm vui trong chuyện, tôi có thể nói các suy nghĩ của mình bằng lời – nhưng tôi phải trả cái giá không nhỏ trong mỗi dịp bằng sự căng thẳng trước khi tôi trình bày).

Các báo cáo nói về những đề tài rất lí thú và thức tỉnh tư duy (muộn hơn toàn bộ tài liệu hội nghị cũng được xuất bản trong một tập sách).[103] Khi đó tôi làm quen từ gần với mô hình kế hoạch hoá của Malinvaud, mà tôi đã nói đến ở chương trước và ở đó tại hội nghị người ta bắt đầu so sánh với mô hình hai mức của chúng tôi.

Chúng tôi ở các phòng của sinh viên. Đối với tôi đúng hơn chúng có vẻ là các căn hộ nhỏ được trang bị ấm cúng, nhất là so sánh với các phòng ở chật chội của các kí túc xá nhân dân trong nước. Một buổi sáng Tjalling Koopmans và Leonid Hurwicz gõ cửa vào cho một cuộc trao đổi ngắn. Họ hỏi han về đủ chuyện, về những nghiên cứu của tôi, về tình hình trong nước. Đấy là cuộc gặp cá nhân đầu tiên của tôi với Koopmans, ông nhận tôi làm bạn, và sau này đã giúp công việc của tôi bằng hàng trăm cách. Ông không thuộc loại người quá sốt sắng, khoa trương, tỏ vẻ tin cẩn. Ông cởi mở, thẳng thắn, nghiêm túc, không thống thiết trong những tuyên bố, mà mang tính nhân văn sâu sắc trong cách suy nghĩ của mình. Ông không cảm thấy những lời nói của mình là quan trọng, mà là cái, người đối thoại với ông nói; ông hoàn toàn cởi mở chăm chú theo dõi người ông nghe. Bây giờ cũng thế.

(*) Cảm giác thoải mái tràn đầy bởi sự thực là, khi tôi viết các dòng này, thì chính tôi là chủ tịch đương nhiệm của Hội Kinh tế học Quốc tế, hội đã tổ chức hội nghị 1963 ấy ở Cambridge.

Cuộc trò chuyện theo nghĩa nào đấy cũng là "bài thi vấn đáp", mà tôi không thể chọn được các thầy giáo tuyệt vời hơn thế. Đồng thời cũng là sự làm quen. Một bên là hai người phương Tây, Koopmans, người sinh ra ở Hà Lan, và bắt đầu các môn học của mình bên cạnh Tinbergen, và Hurowicz, người đã là phụ giảng của Oscar Lange ở Ba Lan; cả hai người đã sống ở Mĩ từ hàng chục năm. Có lẽ bây giờ họ gặp với ai đó, người đến từ sau bức màn sắt, và tuy vẫn chỉ nói bập bẹ

https://thuviensach.vn

tiếng Anh – nhưng vẫn nói cùng một ngôn ngữ với họ. Chắc chắn đối với họ cũng đã chẳng phải là cuộc gặp gỡ không lí thú.

Buổi tối Káldor Miklós chiêu đãi những người tham gia hội nghị tại nhà ông. (Tôi đã giới thiệu ông ở chương 1). Joan Robinson xuất hiện, mặc sari Ấn độ, một trong các nhân vật kiệt xuất của kinh tế học thế kỉ XX, một trong các nhà sáng lập ra lí thuyết cạnh tranh hạn chế, tôi biết đến tên bà từ các tài liệu tôi đọc.(*) Lại một huyền thoại được thể hiện.

Sau hội nghị tôi đi London. Tôi muốn tìm LSE. Người khởi xướng việc mời tôi, giáo sư Devons đưa tôi đến Director (người ta gọi hiệu trưởng là Director ở LSE), Sir Sidney Cain, để giới thiệu. Sir Sidney mặc áo sơ mi, hơn nữa ở đằng trước áo còn lòi ra khỏi quần. Việc này cũng thường xảy ra với tôi trước đấy và sau này nữa. Nếu tôi phát hiện ra hay người ta bảo tôi, tôi sửa lại, nhưng tôi nhớ đến Sir Sidney, và tôi không mắc cỡ.

Chúng tôi thoả thuận-nếu giữa chừng không có gì trở ngại – tôi đến London vào năm tới.

London School of Economics (Trường Kinh tế học London)

Lần này thì thành công. Tháng tư năm 1964 tôi đến London bằng tàu hoả. Do hồi hộp tôi bỏ quên cặp của mình ở ga Victoria. Hai-ba giờ trôi qua, khi tôi nhận ra. Tôi vội vã quay lại, chiếc cặp vẫn ở đó, nơi tôi bỏ quên. Điều này củng cố lòng tin của tôi vào những người Anh.(**)

Ngày hôm sau tôi đã ở trong trường đại học, và chẳng bao lâu tôi bắt đầu dạy học. Tôi trình bày các loạt các bài giảng về nền kinh tế kế hoạch và trong phạm vi đó về ứng dụng các phương pháp toán học. Tôi có cảm tưởng rằng, tuy khó khăn, nhưng họ hiểu được tiếng Anh và nội dung muốn nói của tôi, bởi vì một nhóm nhỏ, 10-15 sinh viên cao học (graduate) nhằm đạt học vị khoa học cao hơn đã quan tâm theo dõi. Một vài trong số họ còn tìm tôi ở phòng riêng để trao đổi với tôi về các vấn đề nảy sinh trong khoá học. Đặc biệt một trong số đó, Michael Ellman, thể hiện sự quan tâm đáng kể. Khi đó anh cũng đã nổi bật với suy nghĩ của mình. Quan hệ bạn bè-chuyên môn với Ellman, người sau này trở thành giáo sư của trường đại học Amsterdam, vẫn được gìn giữ.

(*) Các cơn bão chuyên môn và chính trị luôn luôn vây quanh Joan Robinson ở mọi nơi mọi lúc. Khi về già bà trở thành một Maoist nhiệt

https://thuviensach.vn

tình và thiên vị. Năm 1977 một nhóm nhỏ người Hungary tụ tập ở nhà Káldor: Scitovszky Tibor cùng với vợ Erszébet, Zsuzsa và tôi. Cuộc nói chuyện bằng tiếng Hungary, khi đột nhiên Joan Robinson bước vào, bà thường xuyên đến thăm nhà Káldor. Chúng tôi không dừng ngay cuộc trò chuyện bằng tiếng Hungary. Joan Robinson yên lặng chịu đựng một lát, nhưng sau đó bà cất giọng ra lệnh: "Kornai đi với tôi." Bà kéo tôi khỏi giới những người Hungary, chúng tôi đi sang nhà bà ở gần đó và bắt đầu nói chuyện về Trung Quốc. Bằng mọi giá bà muốn thuyết phục tôi, rằng ở đó người ta đã tìm thấy con đường chân chính dẫn đến chủ nghĩa cộng sản, bởi vì các quan chức đảng và nhà nước – tôi trích nguyên văn Joan Robinson – "tự nguyện phục vụ nhân dân", chứ không vì tác động của những khuyến khích vật chất, như ở Liên Xô. Bà không quan tâm đến các phản lập luận, đến những kinh nghiệm Đông Âu.

(**) Kể từ đó tôi cũng nhiều lần bỏ quên đồ đạc của mình. Thật may để biết rằng, đấy không phải là dấu hiệu già đi của tôi, mà là tính thường xuyên của tôi.

Việc bắt đầu công việc giảng dạy không gây khó khăn gì đặc biệt đối với một nhà nghiên cứu trẻ phương Tây. Từ kinh nghiệm riêng với tư cách sinh viên người ấy đã biết, việc giảng dạy xảy ra thế nào trong các trường đại học ở đó. Ngược lại đối với tôi, người chẳng bao giờ là sinh viên kinh tế, không ở Hungary, cũng chẳng ở nước ngoài, và bây giờ ở London nhảy ngay vào công việc làm thầy, thì là nhiệm vụ rất khó. Tôi phải tự tạo ra các phương pháp dạy của mình.

Tôi đã dự phần vào nhiều kinh nghiệm trí tuệ lí thú. Tôi đã nghe nhiều bài giảng, do các thầy giáo của LSE hay những người ngoại quốc đến thăm trình bày. Khi đó A. W. Phillips dạy ở đây (cấu trúc lí thuyết do ông đưa ra trong tiểu luận mở đường của ông và được nhắc đến nhiều lần trong kinh tế học vĩ mô được gọi theo tên ông là "đường cong Phillips"). Hai nhà kinh tế học lớn của Mĩ, Lawrence Klein và Robert Solow với tư cách khách mời đã trình bày bài giảng trong phòng chật ních người nghe. Vài tháng này là sự làm quen đầu tiên của tôi với việc dạy kinh tế học ở phần này của thế giới xảy ra thế nào.

Tôi đã học được nhiều, nhưng thú thực, tôi cảm thấy khá cô đơn. Tôi đã quá tuổi sinh viên từ lâu rồi, còn hội đồng giáo viên thì – sau những lời chào hỏi lịch sự ban đầu– không thực sự kết bạn với tôi.

https://thuviensach.vn

Cũng có thể là, bình thường mối quan hệ giữa các thầy giáo cũng lỏng lẻo. Chỉ có chuyên gia về Liên Xô của LSE, giáo sư Alfred Zauberman di tản từ Ba Lan sang đây, nhận làm bạn thân. Vẫn còn một tình bạn nữa nảy sinh khi đó, trong dịp đi thăm xứ Scot. Tôi làm quen với Alec Nove, chuyên gia nổi tiếng thế giới về lịch sử và kinh tế của Liên Xô, và cái còn quan trọng hơn thế, một con người nồng hậu, có tính hài hước và dễ thương. Muộn hơn chúng tôi cũng gặp nhau và tranh luận với nhau nhiều lần. Khi đó ông vẫn tin một cách không thể lay chuyển nổi vào không phải chủ nghĩa xã hội "hiện tồn", mà vào chủ nghĩa xã hội "có thể thực hiện được", khi phần lớn chúng tôi, những người đông Âu đã vỡ mộng rồi với ý tưởng này.

Lakatos Imre, đứa con của tổ quốc chúng ta, dạy ở LSE. Ngay khi đó cũng nhiều người chú ý đến trí tuệ lỗi lạc của ông ở đó, cả ở đại học ở London nữa. Sau này ông nổi tiếng thế giới, và đến cả ngày nay ông được coi là một trong những bậc chuyên gia xuất sắc của khoa học luận. Tôi biết sơ sơ ông ở Budapest. Những người quen chung của chúng tôi ở Budapest công nhận các khả năng trí tuệ xuất sắc của ông, tuy nhiên ông có tiếng xấu vì quá khứ chính trị của mình. Có thể, ông linh cảm thấy: tôi có thể biết điều này điều nọ từ quá khứ của ông, hay có lẽ đơn giản tôi không dễ mến đối với ông. Ngần này là chắc chắn, tổng cộng chúng tôi chỉ gặp nhau mấy phút một hay hai lần, còn thì ông tránh hội của tôi.

May là sự giữ khoảng cách của Lakatos Imre hoá ra chỉ là ngoại lệ. Trong nhiều chuyến đi nước ngoài của tôi vô số lần tôi nghiệm thấy, các đồng nghiệp di tản khỏi Hungary quan tâm đến tôi, giúp tôi trong công việc và trong cuộc sống hàng ngày. Tình bạn hình thành trong các năm sau này với Balassa Béla, Balogh Tamás, Fellner Vilmos, Harsányi János, Káldor Miklós, Quandt Richard, Scitovsky Tibor và Vietorisz Tamás thuộc về những kinh nghiệm sống làm ấm lòng.

Tất nhiên, thời gian ở Anh có ý nghĩa hơn sự làm quen đơn thuần với LSE rất nhiều. Tôi ước vọng từ lâu, rằng tôi có thể đi London. Một trong những sách đọc ưa thích của tôi là cuốn *Halló, itt London* [*London gọi đây* của Juhász Andor].[104] Tôi thuộc lòng tên các đường phố và quảng trường nổi tiếng, tên các toà nhà và các đài kỉ niệm lịch sử nổi tiếng. Bây giờ tất cả đều ở trước mắt tôi!

https://thuviensach.vn

Sau nhiều năm sống trong nền kinh tế thiếu hụt, bây giờ trong tôi cũng xảy ra sự ngạc nhiên lớn đối với sự dư dả, giàu có và sự yên bình, cái cũng đã làm đảo lộn sâu sắc Péter György và Gimes Miklós. Ngay chuyến đi Cambridge năm 1963, đã cho cái nhìn thoáng qua vào cuộc sống Anh. Còn bây giờ tôi ở London hàng tháng trời. Tất nhiên trước khi đi tôi cũng biết, sự chênh lệch giữa cuộc sống Anh và Hungary là gì. Nhưng đọc trong sách, nghe từ những người quen là khác, và nhìn từ gần, trải nghiệm hàng ngày là khác. Thực ra tôi bắt đầu nghiên cứu "kinh tế học so sánh" ở đây với cách tiếp cận đặc trưng suốt sự nghiệp của tôi. Tôi so sánh hai hệ thống về mặt lí thuyết và trên cơ sở các số liệu thống kê, nhưng đằng sau cái này là *kinh nghiệm trực tiếp*, là sự làm quen cá nhân với cả hai hệ thống, bằng thức tỉnh và xác thực các ý tưởng.

Cũng cái đó, với con mắt của những kẻ chỉ điểm và các nhân viên phản gián

Bốn mươi năm sau các sự kiện được mô tả ở trên tôi có trên tay các tài liệu mật, mà từ đó tôi biết nhiều về: cái gì đã xảy ra liên quan đến các chuyến đi của tôi mà tôi không biết ở hậu trường, trong các văn phòng của công an chính trị.

Nhà kinh tế học Bácskai Tamás đã phục vụ công an mật với tư cách kẻ chỉ điểm. Một báo cáo viết bằng tay nói về tôi.[105] "Khoảng một tháng trước tôi nói chuyện với Kornai János. Anh bày tỏ, rằng anh không là người Marxist … thí dụ không chấp nhận sự bần cùng hoá tuyệt đối của giai cấp công nhân, không chấp nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân… không chấp nhận vai trò lãnh đạo kinh tế của nhà nước…"

Sau khi tôi đã đọc nhiều báo cáo chỉ điểm khi thu thập tư liệu cho hồi kí của mình, tôi thấy, các báo cáo này có một định dạng đều đặn. Báo cáo được sĩ quan có thẩm quyền của công an chính trị đánh giá, và ghi thêm, cần phải cho điệp viên chỉ thị tiếp như thế nào. Tôi trích bình luận, mà thiếu tá công an tiến hành đáng giá đã chua thêm vào báo cáo trên của Bácskai Tamás.

"*Ghi chú*. Kornai János muốn đi Anh vào mùa thu.

Đánh giá. Báo cáo có giá trị, vì nó cho thấy, rằng Kornai đã không từ bỏ lập trường xét lại của mình. Nếu là như thế, nói chung không tốt cho chúng ta, nếu đương sự đi Anh, bởi vì họ có thể làm cho ảnh

https://thuviensach.vn

hưởng của họ có công hiệu với Kornai, thậm chí họ cũng có thể tuyển mộ.

Chỉ thị. Hãy nói chuyện với Kornai và chuyển sang các vấn đề, mà Kornai không thống nhất với chủ nghĩa Marx."

Các hồ sơ dày cộp chứa sưu tập các báo cáo của Bácskai Tamás. (*)Trong số các đồng nghiệp, các bạn và họ hàng của anh chủ yếu là các nhà kinh tế, những người làm văn học và phim, anh ta báo cáo về họ. Anh đã tận dụng cả những thông tin, mà anh ta biết được từ các cuộc nói chuyện với bố và em gái mình. Bácskai không thuộc về những người, mà theo nghĩa hẹp của từ tôi gọi là các bạn tôi, nhưng giữa chúng tôi đã có quan hệ thân thiện nhiều năm.

Bõ công bổ sung cho văn bản của tài liệu công an liên quan đến việc cho phép chuyến đi Anh của tôi bằng giả thuyết của riêng tôi. Trong các năm đen tối nhất, áp bức ngặt nghèo nhất của chế độ Kádár, từ khi đánh bại cách mạng đến ân xá 1962-1963, trong các trường hợp, như của tôi, lập trường của công an chính trị có hiệu lực, và người ta từ chối đơn xin hộ chiếu của tôi. Nhưng khi họ nới lỏng một chút ốc vít của bộ máy áp bức, và thử giới thiệu bộ mặt thân thiện hơn sang phương Tây, ý định chính sách văn hoá-chính sách đối ngoại thắng thế lập trường cứng rắn của công an. Họ để tôi đi. Thế nhưng công an mật, như chúng ta sẽ thấy ngay, vẫn tiếp tục để mắt đến tôi.

(*) Bài báo của Laczik Erika (2005) phơi bày hoạt động chỉ điểm của Bácskai Tamás ra trước công luận. Gần năm năm, giữa 29-11-1956 và 16-8-1961 anh ta thi hành nhiệm vụ này. Bài báo giới thiệu chi tiết, Bácskai đã thu thập thông tin trong giới nào, và báo cáo về những người nào. Sau khi bài báo xuất hiện Bácskai Tamás thừa nhận, rằng anh ta thực sự đã là kẻ chỉ điểm.

Ở London tôi gặp R. R., một nhà báo đồng nghiệp một thời của tôi. Tình bạn thân thiết kết nối chúng tôi, khi đó đã 17 năm. Về mặt chính trị chúng tôi không thống nhất với nhau nhiều thứ, mà cái làm cho thành hiển nhiên là, anh ta làm việc ở London với tư cách phóng viên của một tờ báo Hungary. Bất chấp điều này tôi cảm thấy, chúng tôi là bạn. Trước khi cuộc vận động thất bại, tôi đã tìm anh ta nhiều lần, và tôi quyên tiền từ anh ta để giúp gia đình những người bị tù. Anh ta cũng cho tiền đều đặn vì mục đích nhân đạo này.

https://thuviensach.vn

Ở London chúng tôi nhiều lần trò chuyện dài. Anh đưa tôi đi du lịch bằng xe của mình. Anh đi cùng, khi tôi mua một hình nổi Phi châu được khắc bằng gỗ trong một cửa hiệu; anh là nhà sưu tập tác phẩm say mê, và am hiểu, có thể mua rẻ các tác phẩm ở đâu.

Khi gần đây tôi có thể tiếp cận đến các hồ sơ về mình ở công an và ở cơ quan phản gián, tôi sửng sốt và choáng váng phát hiện ra, rằng anh ta viết chi tiết các quan điểm chính trị của tôi, và cũng báo cáo về các cuộc trò chuyện của chúng tôi cho những người uỷ thác của anh ta.[106] Báo cáo được viết năm 1965. Khi đó công an mật muốn thu thập thông tin về tôi, và họ biết là, R. R., một điệp viên thường trú của họ ở London biết kĩ tôi. Điệp viên nhận được lệnh, cung cấp phân tích đặc tính về tôi. Anh ta tuân lệnh ngay lập tức, và gợi nhớ lại cả các cuộc trò chuyện của chúng tôi ở London cho mục đích báo cáo.

R. R. không chỉ báo cáo về tôi, mà cả về những người khác nữa. Anh ta có bí danh thường trực. Báo cáo phản ánh chính xác lập trường của tôi. Anh ta không làm đẹp ("đẹp" hiểu từ góc nhìn của chế độ Kádár), nhưng cũng không thổi phồng sự đối kháng của tôi với tình trạng hiện hành. Anh ta đã báo cáo cho những người uỷ thác của mình cái, tôi thực sự đã nói cho anh ta trong cuộc trò chuyện bạn bè tin cẩn.

Tôi trích từ báo cáo. Kornai "không coi mình là người cộng sản… Muốn quay lưng lại với chính trị… Anh ta yêu cầu, chúng tôi hãy giúp vợ Lőcsei Pál… Không tán thành các điểm kinh tế của chính sách của đảng… Coi nó là phi khoa học, là thất bại…"

Tôi không cần nói chuyện chân thành với R. R. ư? Thế nhưng người ta tin vào ai, nếu không vào bạn mình? Hoặc tôi đã ngây thơ, cả tin ngu ngốc, khi tôi tin là: tình bạn mạnh hơn sự trung thành với đảng cộng sản? Tôi - bất chấp sự khác biệt quan điểm chính trị-đã tin, rằng chúng tôi là bạn. Ngược lại trong báo cáo của mình anh ta thông báo với những người uỷ thác của anh ta: "chúng tôi đã có quan hệ thân thiện, mật thiết đến 1953-1954. Sau đó nảy sinh ý kiến khác nhau giữa chúng tôi, và tình bạn tin cẩn chấm dứt."

Trên cơ sở các tài liệu được kiểm tra cẩn trọng tôi biết chính xác, R. R. là ai. Tình hình cũng thế với tên của những kẻ chỉ điểm, phản bội và các điệp viên mật được đánh dấu bằng hai chữ hoa trong cuốn sách này, những người sau đây sẽ xuất hiện trong câu chuyện của tôi. Trong

https://thuviensach.vn

bạn đọc hiển nhiên nảy sinh câu hỏi: nếu tôi biết tên của họ, vì sao tôi không viết ra?

Theo các quy định pháp luật Hungary có hiệu lực khi tôi viết hồi kí của mình, thì công dân có quyền, *được biết*, ai đã phản bội mình, ai là kẻ chỉ điểm đã viết báo cáo về mình.(*) Nhưng công dân không có quyền, *đưa ra công khai* thông tin này.

Đã xảy ra tranh luận gay gắt khắp Đông Âu khi hệ thống cộng sản sụp đổ, nên làm gì với các hồ sơ của các tổ chức mật vụ. Nhiều người ủng hộ giải pháp triệt để được lựa chọn ở nước Đức, theo đó người ta để cho tất cả mọi người có thể tiếp cận đến kho lưu trữ của Stasi trước đây. Ở Hungary cũng có những người ủng hộ cách làm này. Tuy nhiên việc này vấp phải sự kháng cự của các lực lượng chính trị ra quyết định về vấn đề này. Trong các cuộc tranh luận công khai đã vang lên những phản lí lẽ pháp lí, an ninh quốc gia và đạo đức. Cũng không thể loại trừ giả thiết, rằng những cân nhắc chính sách đảng cũng đã đóng vai trò. Có lẽ đã có các chính trị gia, những người- nếu bản thân họ không liên quan - họ sợ uy tín của đảng họ, rằng hoá ra là, trong hàng ngũ của họ có những kẻ chỉ điểm, những kẻ phản bội. Đôi khi tranh luận lại được khôi phục về, liệu không cần sửa đổi quy định pháp luật và đưa ra công khai tên của tất cả các điệp viên, những kẻ chỉ điểm, "cá nhân trong mạng lưới" hay không. Khi tôi kết thúc viết tiểu sử của mình, đầu tháng hai năm 2005 cuộc tranh luận lại nóng lên trước công chúng và sau cánh gà: trong số dữ liệu liên quan đến những kẻ chỉ điểm, đến thượng cấp của họ và các nạn nhân của họ, đến những người bị theo dõi, thì được phép công bố cái gì, cái gì bị cấm công bố. Cho đến ngày nộp bản thảo vấn đề vẫn chưa ngã ngũ.

Tôi đặt cho bản thân mình câu hỏi: giả như các quy định của Hungary không cản trở việc công bố tên, tôi có công bố hay không? Tôi không muốn lẩn tránh câu hỏi, bằng viện dẫn đến các quy định pháp lí và xua đuổi nó khỏi mình, mà tôi muốn đối mặt với thế lưỡng nan đạo đức và tình cảm này.

Bởi vì ở nhiều chỗ trong cuốn sách của tôi xuất hiện các trường hợp như vậy, tôi phải suy nghĩ đi suy nghĩ lại vấn đề. Mỗi câu chuyện một khác. Có kẻ chỉ điểm, hay người cấp tin về các bạn mình, những người quen của mình bằng cách khác cho các tổ chức mật vụ, người tuy không phải là lạ đối với tôi, nhưng quan hệ của chúng tôi khá lỏng

https://thuviensach.vn

lẻo và hời hợt. Tuy nhiên trong số họ cũng có người, mà tôi liệt vào năm-mười bạn thân nhất của mình. Tôi tái hiện trước mình những cuộc trò chuyện của chúng tôi, mà chúng tôi đã trao đổi trong một thập kỉ rưỡi hay trong thời gian dài hơn thế về công việc, về đời sống xã hội, về gia đình, về con cái – làm sao anh ta lại có thể phản bội? Cái gì đã đẩy anh ta đến vai cực kì kinh tởm này, mà có thể suy đoán là không chỉ với tôi, mà với các bạn khác anh ta cũng làm?

Tôi không biết. Trong thời gian dài sống ở thế giới phương Tây, trước hết là ở Mĩ, một khái niệm quan trọng đã thấm sâu căn bản vào trong tôi, mà tiếng Anh người ta gọi là: *due process*. Có lẽ dịch hay nhất là "quyền đối với thủ tục tử tế". Tất cả mọi người, mà người ta nghi ngờ hay lên án về chuyện gì đó, phải cho người ấy cơ hội để bảo vệ. Nếu cảm thấy sự nghi ngờ, sự lên án là giả mạo, thì bác bỏ. Nếu có những hoàn cảnh giảm nhẹ, thì hãy cho người ấy phương cách để chỉ ra. Ai nghi ngờ, ai lên án, người đó- độc lập với sự thú nhận của kẻ bị tình nghi, của kẻ bị lên án -phải chứng minh các khẳng định của mình. Nếu biết về những hoàn cảnh giảm nhẹ hay làm nặng thêm, bắt buộc phải trình bày chúng. Phải nghe các nhân chứng. Nếu đã có bản án, phải cho người ta cơ hội kháng án và v.v. Ai có thể thông qua cái quyền đối với thủ tục tử tế này hôm nay, sau ba mươi hay bốn mươi năm? Một số kẻ phản bội đã chẳng còn sống nữa.

(*) Việc công dân không thể luôn luôn dùng được quyền này, bởi vì không thành công tìm được thông tin thích hợp, lại là chuyện khác.

Nhưng đây cũng không phải là cái quan trọng nhất trong những cân nhắc, mà chúng thúc đẩy tôi đến câu trả lời phủ định. Tôi không phải là thẩm phán đạo đức. Có thể là, bằng các công cụ mà người khác cũng khó có thể kháng cự được, họđã buộc anh ta vào vai đê tiện này?

Tôi không nhắm mắt xá tội, với tuyên bố: bản thân kẻ chỉđiểm cũng là nạn nhân, một hệ thống áp bức khủng khiếp đã bắt buộc hắn vào vai ấy. Điều này tuy vậy không làm mất hiệu lực niềm tin của tôi, rằng mọi người chịu trách nhiệm về những việc đã làm của mình. Đã có người, biết nói không. Đã có người, họ cũng chẳng thèm thử, bởi vì họ biết về y, rằng không thể tin ở y. Nhưng tôi cũng tránh khái quát hoá ngược lại. Tôi không nhắm mắt đánh giá tội lỗi của kẻ chỉ điểm, bởi vì tôi không biết cân nhắc tình hình.

https://thuviensach.vn

Tôi không đưa ra lời phán xử. Ý nghĩ báo thù là xa lạ với tôi. Nếu tôi đưa ra tên của kẻ chỉ điểm, bản thân việc đó cũng là sự trừng phạt. Tôi không đòi cho mình cái quyền, rằng tôi hãy trừng phạt R. R. và những kẻ khác và gián tiếp cả các thành viên gia đình của họ nữa.

Tên của Bácskai Tamás đã không xuất hiện trong các dự thảo trước của tiểu sử của tôi, mà tôi cũng đã dùng hai chữ hoa để ám chỉ đến anh ta. Giữa chừng khi tôi rà soát bản thảo, thì xuất hiện bài báo tố giác. Giữa những thứ khác bài báo cũng nhắc đến việc Bácskai cũng đã đưa báo cáo chỉ điểm về tôi. Trong tình hình như vậy tôi không thấy ý nghĩa của việc tôi giữ "tính ẩn danh" của anh ta.

Trong những tháng này ngày càng có nhiều thông cáo báo chí lật tẩy những kẻ chỉ điểm. Tôi không coi việc đánh giá quá trình này về mặt đạo đức và pháp lí là nhiệm vụ của cuốn sách của mình. Tôi chỉ muốn khẳng định ngần này, tôi không có ý định tham gia vào phong trào tố giác. Tôi nghĩ lại cẩn trọng một lần nữa các nguyên lí được trình bày ở trên, và trong ánh sáng của các sự kiện mới tôi vẫn giữ chúng. Theo niềm tin của tôi, việc tôi viết tên của *kẻ chỉ điểm đã bị tố giác, mà bản thân kẻ ấy cũng thừa nhận*, là không mâu thuẫn với các nguyên lí này.

Sau phần đi vòng hãy quay về với dòng tư duy của báo cáo và phân tích. Nghiên cứu các hồ sơ khi đó, lại hiện ra trước mặt tôi, rằng hai câu chuyện song song xảy ra đồng thời. Một cái tôi trực tiếp trải nghiệm, khi tôi đi xin phép xuất ngoại, người ta cự tuyệt, rồi người ta cho, tôi đã đi, tôi quay về Budapest, luôn luôn hồi hộp lo, rằng lần sau có lẽ họ không cho đi, và v.v. Tuy nhiên trong lúc đó một câu chuyện khác cũng đi con đường riêng của mình trong bí mật mà tôi không biết. Các báo cáo về tôi được viết, họđánh giá các lời nói của tôi. Họ không chỉ cân nhắc các hành động của tôi, mà cả những suy nghĩ của tôi nữa. Họ phân tích, dùng lời của Orwell, tôi đã phạm "các tội tư duy" loại gì.

Khi ở công an mật chính trị vận hành mạng lưới chỉ điểm bên trong và ở cơ quan phản gián (các cơ quan này đã hợp tác chặt chẽ với nhau hợp nhất trong một vụ) họ đã bỏ phủ quyết cản trở việc xuất ngoại của tôi đến khi đó, thì họ cân nhắc, không cần chiêu mộ tôi [làm cho họ] hay không. Đề xuất đã được một điệp viên bí mật ở London, X. X., một nhân viên sứ quán, kiến nghị lên các cấp trên của mình

https://thuviensach.vn

ngay sau chuyến đi Anh đầu tiên của tôi. Tôi nhớ lại chính xác, X. X. đã rất lịch thiệp và thân thiện. Khi đó tôi đã cả tin đến thế nào, tôi đã chẳng hề đoán trước, rằng anh ta là một điệp viên ở London của mật vụ Hungary.[107] Tôi nhớ, anh đã đưa tôi đến một cửa hàng vải, nơi tôi đã có thể mua giảm giá vải len Anh hảo hạng. (*)

(*) Anh ta tỏ ra thân thiện đến mức, sau chuyến đi Anh đầu tiên năm 1963 của tôi, trước chuyến đi 1964 tôi đã viết thư cho anh từ Budapest. Tôi sẽ lại đến London, và tôi muốn dành một phần thời gian ở đó để học tiếng. Tôi yêu cầu, anh giới thiệu cho tôi một khoá học tiếng tốt. Thật sửng sốt khi nhìn thấy bức thư cá nhân có giọng thân thiện này của tôi giữa các hồ sơ của điệp viên mật X. X., mà chính anh ta đính kèm vào báo cáo của mình.

Người ta cân nhắc nghiêm túc đề xuất của X. X., và họ đã rà soát cẩn thận, tôi là ai và tôi có những quan điểm như thế nào. Tôi trích tài liệu viết ngày 26-3-1964, tài liệu ghi lại quyết định: "trên cơ sở đề xuất của đồng chí X. X., chúng tôi đã khảo sát khả năng sử dụng tác nghiệp của đương sự [hãy hiểu là Kornai János được nêu ở mục đầu của tài liệu]. Tuy nhiên trong quá trình kiểm tra chúng tôi không coi cá nhân anh ta là phù hợp để chúng ta tuyển mộ. Vì thái độ chính trị dao động của anh ta trong mười năm qua nên trước khi đi chúng tôi đã không chỉnh anh ta chẳng nhân danh KÜM [Bộ Ngoại giao] cũng chẳng nhân danh chúng tôi. Sau khi xuất cảnh tuỳ thuộc vào thái độ của anh ta đồng chí X. X. có thể sử dụng tối, nhưng chỉ trong các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác hợp pháp của sứ quán".[108]

Ở đây cần một chút giải thích: trong quan hệ này các cụm từ "chỉnh" và "có thể sử dụng tối" có nghĩa là gì trong tiếng lóng riêng của các cơ quan mật vụ Hungary. Trước khi đi thường họ "chỉnh", dặn dò, những người đi sang phương Tây, có thể có ích về mặt tình báo chính trị và trung thành với chế độ chính trị. Việc này hoặc xảy ra ở phòng tổ chức của cơ quan người ấy, hay họ triệu tập vào Bộ ngoại giao, hoặc công an. Họ giải thích, phải ứng xử ra sao ở nước ngoài, tiếp xúc với những ai, và tránh xa những ai, hãy quan tâm đến những thông tin nào. Họ bày tỏ mong muốn, rằng người xuất ngoại sau đó sẽ báo cáo về kinh nghiệm của mình trong báo cáo chi tiết. "Chỉnh" vẫn chưa có nghĩa là, họđã tuyển mộ một cách chính thức, mà chỉ là, họ đặt quan hệ với người ấy – và để ngỏ khả năng là, quan hệ này sau này sẽ

https://thuviensach.vn

được củng cố. Công an chính trị và tình báo chỉ có thể mạo hiểm đặt quan hệ lỏng lẻo đầu tiên như thế với những người, mà họ tin vào lòng trung thành của người ấy. Từ quan điểm của *họ* sẽ rắc rối, nếu người đi sang phương Tây lại tố giác ở đó, rằng "việc chỉnh" như thế diễn ra thế nào. Trong trường hợp của tôi đối với công an tư duy (từ những tuyên bố của riêng tôi và từ các báo cáo chỉ điểm) đã trở nên rõ là, không những họ không thể tuyển mộ chính thức, mà họ cũng chẳng thể tin được ở mức "chỉnh" sơ bộ. Suy nghĩ của tôi - sự đối kháng của tôi với các tư tưởng cơ bản của đảng cộng sản- đã bảo vệ tôi khỏi việc họ thử tuyển mộ.

Để giải thích cụm từ tiếng lóng mật vụ thứ hai, tôi trích "từ điển" do Kenedi János sưu tập:[109] "… *tình báo 'tối'*: nhà tình báo hay điệp viên thu được những số liệu, tin tức có giá trị trong quá trình trò chuyện, mà người đối thoại không biết rằng mình đứng trước đối thủ, và cung cấp cho đối thủ lượng tin tức đáng kể. Không biết ý đồ 'đen tối' của đối thủ. Cuộc trò chuyện được nhà tình báo hay điệp viên lên kế hoạch và chuẩn bị". Theo đó X.X., chính khi chúng tôi cùng đi dạo về phía cửa hàng vải ở phố Regent (Street), và tất cả các chủ đề mà chúng tôi nói chuyện, thực ra với ý đồ đã được suy ngẫm kĩ, anh ta đã thử lấy những tin tức quan trọng từ tôi cho những người uỷ thác của anh ta. Ngần ấy là chắc chắn, -ngay nếu tôi đã chẳng đoán trước, rằng mình đối mặt với một điệp viên mậttừ tôi họđã chẳng thể biết được gì mà họ có thể lợi dụng.

Tôi giới thiệu thêm một tài liệu nữa từ thời kì này. Khi một đơn xin xuất ngoại của tôi trên cơ sở các lời mời mới lại đến tay công an chính trị, ai đó đã báo cáo về tôi, người báo cáo – có thể thấy từ hành văn của nhận xét -biết khá rõ về sự nghiệp của tôi. Bất luận là nhân viên riêng của công an mật, hay một chuyên gia ngoài được giao việc, trên cơ sở hiểu biết của người ấy có thể đánh giá là: *nhà kinh tế đồng nghiệp* đã đánh giá các công trình của tôi. Người ấy viết như sau: Kornai "ở trong nước đã tiến hành công việc tiên phong trong lĩnh vực ứng dụng máy tính điện tử (quy hoạch toán học) vào kinh tế. Tất cả những việc này hầu như đều dựa trên các nguồn phương Tây, anh ta đã không đưa ra bất cứ gì mới, mà ở phương Tây người ta chưa biết. Công việc nghiên cứu trong nước của anh ta không lí giải cho hàng loạt lời mời phương Tây. Kornai không biết mang lại cái mới cho phương Tây".[110]

https://thuviensach.vn

Vài nhận xét chung về các chuyến đi và những công bố ở nước ngoài

Một thông tin nêu trong ý kiến chuyên gia báo cáo cho công an mật về công trình của tôi chắc chắn phù hợp với sự thực: khi đó thực sự hàng loạt các lời mời phương Tây đã đến với tôi. Ý kiến của người ấy cũng đúng, rằng ở phương Tây người ta không muốn học từ tôi máy tính điện tử tốt ra sao. Họ sử dụng các máy tính hiện đại hơn rất nhiều máy Ural của chúng tôi do Liên Xô chế tạo, có kích thước khổng lồ, lạc hậu một hai thập kỉ. Cũng đúng, là tôi học ứng dụng quy hoạch toán học vào kinh tế từ các sách phương Tây chứ không phải họ học từ tôi. Thế nhưng, dường như tôi đã có thể nói cái gì đó mới cho họ, bởi vì họ muốn nhìn thấy và nghe.

Người ta không chỉ nói về các lời mời tôi ở các văn phòng công an mật. Cũng đã là đề tài đơm đặt giữa các kinh tế gia đồng nghiệp nữa. Ở Budapest tập quán khá phổ biến là, cái mà người ta nói sau lưng ai đó, sớm muộn người ta cũng "nói lại" cho người mà lời đơm đặt liên quan đến. Như thế nên tôi biết, rằng có những người bình luận về các lời mời tôi thế này: không nghi ngờ gì Kornai rất khéo. Anh ta khéo thiết lập các mối quan hệ, và dàn xếp với những người quen biết của anh ta để họ mời.

Tôi muốn đối mặt với đánh giá này. Vả lại, vì với các chuyến đi sang phương Tây của tôi năm 1963 và 1964 bắt đầu hàng loạt các lời mời. Họ mời ngày càng đến nhiều nơi, các chuyến đi nước ngoài của tôi trở thành thường xuyên và có hệ thống. Tôi không muốn đề cập *chung* đến chuyện, các nhà nghiên cứu khác nhau đi nước ngoài trên cơ sở nào; tôi không nghiên cứu những tiền đề của các cuộc đi của những người khác. Tôi chỉ viết về các chuyến đi của riêng mình.

Không có ngoại lệ trong tất cả các trường hợp sựđánh giá thuận lợi về sự nghiệp của tôi đã dẫn đến việc họ đề xuất mời tôi. Như tôi đã mô tảở trên, sở dĩ tôi tham dự hội nghị Cambridge 1963 là vì hai bài báo ở *Economitrica* đã tạo ấn tượng tốt đối với giáo sư Malinvaud, nhà tổ chức người Pháp của hội nghị. Sở dĩ họ mời tôi đến LSE, bởi vì Devons, trưởng bộ môn thích cuốn sách của tôi xuất bản ở Oxford. Sở dĩ tôi nhận được giấy mời tham dự hội nghị 1966 ở Rome của Hội Kinh tế Lượng (Econometric Society), bởi vì người tổ chức tiểu ban kế hoạch hoá, Koopmans đã biết tôi ở Cambridge, và coi sự xuất hiện của

https://thuviensach.vn

tôi là đáng chú ý. Sau đó tôi tham dự một hội thảo ở Venice, trong đó các nhà kinh tế học phương đông và phương tây gặp nhau. Cuốn *Sự tập trung quá mức* làm cho các nhà tổ chức chú ý.(*)

(*) Lúc đầu các nhà kinh tế học phương Tây biết hai loại Kornai. Đối với các chuyên gia chuyên về nghiên cứu Liên Xô và Đông Âu, các nhà Soviet học và các nhà kinh tế học so sánh, tôi là tác giả của *Sự tập trung quá mức*, còn đối với các nhà toán kinh tế thì tôi là một trong hai tác giả của mô hình Kornai-Lipták. Các nhà Soviet học trong thời kì đó không đọc *Econometrica*, còn các nhà kinh tế lí thuyết thì không theo dõi các tài liệu nói về nền kinh tế cộng sản. Việc đề xuất các lời mời được nhắc đến luân phiên, khi thì từ nhóm này, lúc thì từ nhóm khác. Việc này kéo dài một thời gian, cho đến khi chân dung của tôi được hình thành từ hai góc nhìn hợp nhất thành một chân dung chung.

Tôi có thể tiếp tục danh mục, nhưng không cần thiết. Tôi đã đi nhiều nơi – và tôi đã có thể làm điều này mà chẳng bao giờ yêu cầu ai đó: hãy dàn xếp giấy mời cho tôi. Khi nói đến đề tài này, tôi luôn luôn cho các đồng nghiệp trẻ hơn của mình lời khuyên: hãy công bố ở các tạp chí, mà giới chuyên môn quốc tế chú ý theo dõi. Việc này sớm muộn sẽ mang lại kết quả, làm cho người ta chú ý đến hoạt động khoa học của họ. Đã có người nghe lời khuyên, cũng có người không nghe.

Ngày nay người ta nói nhiều về tầm quan trọng của *các mạng [lưới] quan h*ệ trong thế giới chính trị, kinh doanh và văn hoá-khoa học. Có, những người đặt networking (tạo mạng lưới) lên đầu trong chiến lược sống của họ, và họ coi chính là thành công, nếu họ có nhiều quan hệ vàcó thể tận dụng được. Tại đây tôi không muốn thảo luận vấn đề, chiến lược đúng là gì, tôi không muốn đánh giá các chiến lược khả dĩ chẳng từ quan điểm thích hợp cũng không từ quan điểm đạo đức. Tuy nhiên đối với tôi sự hình thành một mối quan hệ chẳng bao giờ có thể được đánh giá tự nó là một thành tích, mà chỉ là *sản phẩm phụ* của hoạt động nghiên cứu và thầy giáo-giảng viên. Chủ yếu với tư cách tiếng vang của các bài báo, các cuốn sách, các bài giảng của tôi mà những người khác nhau đặt quan hệ với tôi. Một phần các mối quan hệ này vẫn còn như sự quen biết đồng nghiệp, hay ở mức quan hệ thầy-trò, các quan hệ khác mạnh lên thành tình bạn. Ngày nay "mạng của tôi" lớn lên thành mạng có kích cỡ khổng lồ. Số các mối cỡ hàng ngàn hơn là hàng trăm. Các mối chủ yếu lại tạo ra các mối thứ cấp; sau một thời gian sự quen biết, danh tiếng trở thành sự tự chuyển động tạo

https://thuviensach.vn

quan hệ. Cái mà bây giờ tôi muốn nhấn mạnh, là *xuất x*ứ của các mối quan hệ đầu tiên. Đối với tôi trước hết và trên hết là thành tích khoa học đã tạo ra chúng.

Phù hợp với đầu đề của chương tôi quay lại các chuyến đi. Tôi hứa với các bạn đọc, tôi sẽ không làm phiền họ bằng liệt kê các chuyến đi, và tôi không kể kinh nghiệm du lịch. (Tôi cũng không có tài riêng về việc này. Từ các chuyến đi nước ngoài trở về ngay cho gia đình và bạn bè của mình tôi cũng chẳng thành công kể cái tôi đã nhìn thấy một cách sinh động và vui nhộn). Tốt hơn tôi đưa ra vài nhận xét tổng kết chung liên quan đến tất cả các chuyến đi của tôi. Tôi còn giới thiệu vài quy tắc, mà tôi đưa ra cho mình liên quan đến các chuyến đi, sự xuất hiện của tôi ở nước ngoài và -cái liên quan chặt chẽ với các vấn đề trước - việc công bố ở nước ngoài.

Kể từ khi tôi bắt đầu đi sang phương Tây năm 1963 và 1964, nói chung người ta cho phép tôi xuất cảnh. (Để báo cho các bạn đọc phương Tây và các thế hệ trẻ: có hộ chiếu hợp lệ là không đủ cho việc xuất cảnh. Cần đến giấy phép xuất cảnh cho từng trường hợp một, ngôn ngữ đại chúng gọi là "cửa sổ". Để có được cửa sổ, cần phải nộp đơn xin riêng, đơn phải được cấp trên ở cơ quan, trưởng phòng nhân sự và bí thư chi bộ kí ủng hộ. Bản thân nó đây là một quy trình hạ nhục, ngay cả nếu người xin có thể tính đến sự thiện chí của những người kí. Ngay cả khi tôi thường xuyên nhận được giấy phép xuất cảnh, luôn nổi lên trong tôi nỗi lo: biết đâu nếu đúng bây giờ họ lại từ chối?(*)

Đã có cảm giác giải thoát thật sự, khi sau thay đổi chế độ thủ tục đau khổ này đã chấm dứt, và cuối cùng quyền tự do đi lại đã trở thành hiện thực.

Quay về sau các chuyến đi bắt buộc phải nộp "báo cáo chuyến đi" cho các cấp trên. Sau các chuyến đi phương Tây đầu tiên tôi đã thực hiện nghĩa vụ này, tuy ngay khi đó cũng là các báo cáo hình thức, sáo rỗng. Tuy nhiên ngay sau khi uy tín chuyên môn của tôi ở trong nước được củng cố một chút, tôi không còn nộp báo cáo chuyến đi nữa. Họ nhắc nhở vài lần, nhưng sau đó những người hữu quan đã yên phận rằng, họ sẽ không nhận được từ tôi. Chẳng phải là dường như bất cứ cơ quan đánh hơi nào có thể được lợi từ các báo cáo đi đường sáo rỗng của tôi – tôi đơn giản không chịu thực hiện nghĩa vụ nhục mạ này.

https://thuviensach.vn

(*) Năm 1970 người ta mời tôi đi Bungary dự một hội nghị quốc tế, do Uỷ ban châu Âu của Liên Hợp quốc tổ chức. Tôi nhớ kĩ cảm giác ngạt thở, hồi hộp, mà sự chậm trễ cấp giấy phép xuất cảnh gây ra. Theo nghĩa đen của từ vào phút chót, vài giờ trước khi lên đường tôi nhận được "cửa sổ".

Tôi chỉ chấp nhận lời mời nước ngoài, nếu người mời chịu mọi chi phí.(*) Bất luận cơ quan trong nước nào là người sử dụng lao động của tôi, cuối cùng tất cả chúng đều do ngân sách nhà nước đài thọ. Không phải cảm giác trách nhiệm của công dân đối với ngân sách đã thúc đẩy tôi. Tôi nghĩ, các hạn mức ngân sách, mà họ có thể chi tiêu cho các chuyến đi của những người thuộc đại học và viện nghiên cứu, là rất eo hẹp. Có sự tranh đấu mạnh giữa những người muốn đi nước ngoài. Về mặt con người có thể hiểu được, là nhiều người muốn đi nước ngoài. Trong mọi trường hợp tôi đã quyết định, rằng mình không tham gia vào cuộc đấu này.

Tôi đã cố gắng, để mình không tỏ ra có hai bộ mặt, một ở trong nước (cũng như ở các nước cộng sản khác) và một bộ mặt khác ở phương Tây. Đây không phải là công việc dễ, bởi vì bầu không khí tự do của phương Tây kích thích người ta phát ngôn nhiều hơn so với bầu không khí nghẹt thở ở trong nước do những sự đe doạ, tố giác, chỉ điểm, kiểm duyệt, buộc tội gây ra. Một mặt, *sự tự vệ* thúc đẩy tôi thực hiện quy tắc tôi đặt ra cho mình. Tôi trình bày các bài nói của mình ở phương Tây sao cho tôi tính đến: giữa những người nghe có cả những kẻ chỉ điểm của công an mật Hungary nữa. (Tôi nghĩ mình có lí. Trong số các tài liệu mật mà tôi xem qua bây giờ có cả một báo cáo điệp viên, báo cáo thí dụ về bài giảng của tôi năm 1985 ở New-York. Sẽ nói chi tiết về việc này trong một chương sau). Mặt khác, ngoài ý định tự vệ của mình, trên cơ sở những quan điểm đạo đức tôi cũng ghê tởm "tính hai mặt". Các đường ranh giới giữa bài nói hay bài viết chọn lọc nhằm tự vệ một cách tỉnh táo và "tính nước đôi" là không rõ ràng. Làm sao, nếu tôi quen nói hay viết thế này ở đây, thế nọ ở đó?

Tôi tự cho phép mình, rằng trong giới bè bạn tin cẩn (cả ở phương Đông lẫn ở phương Tây) tôi cởi mở hơn so với khi xuất hiện công khai. Nhưng tôi không chấp nhận, rằng bài nói hay bài báo của tôi ở Đông Âu khác với ở tây Âu hay ở Mĩ.

https://thuviensach.vn

Tôi cố gắng tối đa để -cùng trong tinh thần của "tính một bộ mặt" ấy- mọi bài viết của tôi đồng thời xuất hiện bằng tiếng Hungary và tiếng Anh (hay bằng tiếng phương Tây khác). Không có tác phẩm đáng kể nào của tôi, mà tôi chỉ dành cho thế giới phía đông bức màn sắt hay cho thế giới ở phía tây bức màn đó.

Quyết định này, mà tôi tóm tắt rất ngắn gọn, khách quan và khô khan ở đây, là một trong những nỗi lo đau đớn nhất của thời kì giữa 1964 và 1989. Tôi đã trút được các tảng đá nặng hàng tạ khỏi mình khi thay đổi chế độ.

Một "vụ án dàn dựng" thất bại

Câu chuyện tiếp theo bây giờ hợp với chương này, câu chuyện mà tôi nhiều lần đề cập đến hoạt động của các cơ quan mật vụ. Khi tôi viết các dòng này, trong tay tôi có bản sao của một bức thư, mà John Michael Montias, nhà kinh tế học Mĩ, giáo sư Đại học Yale viết cho tôi ngày 14-10-1964. Ông chuẩn bị sang Hungary với học bổng, và ông yêu cầu lời khuyên cho công việc. Ông nhắc đến chuyện đã bắt đầu học tiếng Hungary.

(*) Ngoại lệ là các chuyến đi không có giấy mời, mà do một cơ quan nhà nước nào đấy cử người đi dự. Thí dụ các viện hàn lâm Liên Xô và Hungary đã thoả thuận, rằng mỗi viện cử người của mình sang nước kia, và mỗi bên tự chịu chi phí. Khi các đồng nghiệp Liên Xô muốn làm quen, họ không thể mời trực tiếp. Cái họ phải làm là, viện hàn lâm Liên Xô đề xuất với viện hàn lâm Hungary: cử tôi đi.

Bức thư có lai lịch ngắn của nó. Tôi biết sự nghiệp của Montias lần đầu tiên từ các bài viết của ông, rồi chúng tôi đích thân cũng gặp nhau năm 1963 ở Budapest, khi ông tham dự một hội nghị toán kinh tế. Montias gây chú ý cho tất cả mọi người tham dự, khi ông tự nguyện giúp dịch đồng thời bài phát biểu của Leonid Kantorovich, nhà toán kinh tế nổi tiếng thế giới, từ tiếng Nga sang tiếng Anh, rồi sau đó dịch phần tranh luận theo cả hai chiều. Khi đó cũng đã thấy rõ từ ông, rằng ông không chỉ là nhà kinh tế giỏi, mà cũng có năng khiếu ngoại ngữ đặc biệt nữa.

Sau đó chúng tôi còn gặp nhau một lần năm 1965 tại hội nghị Venice của các nhà kinh tế phương Tây và phương Đông chuyên nghiên cứu Liên Xô và Đông Âu, các nhà Soviet học.

https://thuviensach.vn

Hãy quay lại bức thư ông viết cho tôi. Tôi không lấy từ sưu tập riêng của mình, mà lấy từ hồ sơ của mật vụ.[111] Tại Budapest người ta đã mở bức thư cá nhân của một giáo sư Mĩ viết cho tôi, họ chụp ảnh, sau đó dán phong bì lại, và rồi bưu điện Hungary chuyển cho tôi như bình thường. Tất cả mọi người đã phỏng đoán, rằng chuyện như thế thường xảy ra, ấy thế mà vẫn là cảm giác đặc biệt để cảm nhận việc này bây giờ một cách cụ thể đến như vậy.

Thời ấy tôi chỉ thấy vài cái nhìn thoáng về "vụ Montias". Còn bây giờ từ các hồ sơ tôi có thể tái hiện lại đại thể-toàn bộ câu chuyện.

Montias là nhân vật lỗi lạc của nghành "soviet học" Mĩ. Đa số các đồng nghiệp của ông chỉ biết một thứ tiếng trong nhiều ngôn ngữ của khu vực cộng sản, Montias thì nói nhiều thứ tiếng và đọc còn nhiều thứ tiếng hơn. Trong thời kì này đa số các nhà soviet học tuy là các nhà kinh tế được đào tạo tốt và có hiểu biết kĩ lưỡng về các quan hệ chính trị và kinh tế của Liên Xô hay của một vài nước đông Âu, nhưng không thành thạo về các lí thuyết kinh tế học được mô tả bằng ngôn ngữ toán học hình thức. Ngược lại Montias thì thuộc về thế hệ mới sử dụng thành thạo công cụ hiện đại. (Một lần ông là đồng tác giả với Koopmans, nhà toán kinh tế lớn được nhắc đến nhiều trong cuốn sách của tôi).[112]

Tôi vui vẻ nhận giúp chuẩn bị chuyến đi Budapest của Montias. Tôi cho ông các lời khuyên để chọn đề tài, tôi sẵn lòng giới thiệu với các đồng nghiệp Hungary. Chúng tôi cũng trao đổi thư từ nhiều lần. Montias nộp đơn xin tuyển hợp lệ, trong đó ông mô tả chương trình [nghiên cứu] khoa học của mình và các quan hệ ở Hungary của ông. Có thể đọc thấy tên tôi trong mục phù hợp của đơn.[113]

Trong khi ở mặt tiền tất cả xảy ra bình thường theo các quy tắc và tập quán của các quan hệ khoa học quốc tế, và Montias và các đồng nghiệp Hungary của ông chuẩn bị cho cuộc viếng thăm, thì ở hậu trường công việc mật vụ được tiến hành rất khẩn trương. Đầu tiên lời cảnh báo đến từ Tiệp Khắc: mọi dấu hiệu đều cho thấy Montias là điệp viên của CIA.(*) Các nhà phản gián có thể cảm thấy: bây giờ sẽ hứa hẹn một mẻ to ở đây!

Thời điểm đến thăm càng đến gần, họ càng đưa nhiều người hơn vào vụ này. Họ lấy ra "hồ sơ" của các nhà nghiên cứu Hungary, những người có tên trong đơn của Montias.

https://thuviensach.vn

(*) Từ các tài liệu có trong tay bây giờ trở nên rõ ràng là, các cơ quan mật vụ của các nước cộng sản đã hợp tác chặt chẽ với nhau đến thế nào. Năm 1963 các cơ quan an ninh quốc gia Tiệp Khắc đã bí mật khám căn hộ của Montias lúc ấy đang ở đó. Trong túi áo của anh ta ngoài các thứ khác họ tìm thấy một mẩu giấy có tên tôi và số điện thoại nhà tôi. Họ cũng báo cho các đồng nghiệp Hungary về việc này (IH 1656. 2/22358., tr. 3. Đề ngày 8-3-1964. Xem thêm IH 34-4-797/1965, tr. 4. Đề ngày 23-4-1965).

Có cả những tên khác ở đó; bây giờ tôi mới biết để làm rõ trong quá trình nghiên cứu hồ sơ lưu trữ, các hoạt động nào đã xảy ra liên quan đến tôi.

Họ lôi ra các tài liệu, được họ báo cáo và nhận xét về tôi trong thời kì 1956-1959, rồi trong thời gian các chuyến đi Anh của tôi năm 1963 và 1964 ở các phòng khác nhau của vụ III. Đại uý Z. Z. viết báo cáo tổng kết về tôi.[114] Nêu lại tất cả những việc, mà đối với tôi họ cho là chứng cớ phạm tội.

Khi nghiên cứu các tài liệu mật vụ được viết thì lòi ra các báo cáo, mà họ thu được ngay năm 1963, bằng nghe trộm điện thoại. Khi đó người ta làm một danh mục về tất cả những người, mà tôi có quan hệ. Họ đã chẳng tìm được gì đáng chú ý đối với họ. Trong danh mục có các bạn ở Budapest, những người họ hàng, các nhà kinh tế đồng nghiệp, trong số những người nước ngoài có Ely Devons và Tjalling Koopmans (đã nhắc đến họ ở trước). Lipták Tamás vay tiền. (Không ngạc nhiên theo những điều đã nói về Tamás). Thêm một trích dẫn từ báo cáo nghe trộm điện thoại: “Helga? Olga? Chu cấp tiền cho nhà Kornai”. Ấy điều này cực kì khả nghi. Một người đàn bà chu cấp, nuôi dưỡng nhà Kornai… Thực ra đấy là một người quen dễ thương có tên là Helga, và khi đi nghỉ mát tôi đã cho cô vay tiền. Chúng tôi nói chuyện điện thoại về việc trả lại tiền vay. Có thể cười vỡ bụng về sự ngu đần của những kẻ nghe lén, nếu con người còn có thú vui cười về câu chuyện đen tối này.[115]

Thủ trưởng của đại uý Z. Z. viết bằng tay trên báo cáo của Z. Z., theo đó sử dụng tôi để “quăng xuống dưới” là không thích hợp. Tôi đã thử làm rõ cùng các chuyên gia: cụm từ này có nghĩa là gì. Mật vụ cần tìm ra loại người, mà theo quan điểm của họ là có thể tin cậy và dễ bảo, và có khả năng chiếm được lòng tin của người bị theo dõi. Họ “có

https://thuviensach.vn

thể quăng" người này "xuống dưới" người bị theo dõi, và người ấy sau đó sẽ có khả năng chuyển các thông tin có ích cho mật vụ.[116]

Hãy quay lại bề mặt có thể nhìn thấy được. Các cơ quan có thẩm quyền về quan hệ văn hoá Hungary chấp nhận đơn của Montias, và ông đã nhận được thị thực nhập cảnh. Montias đến. Ông gặp, nói chuyện với nhiều nhà kinh tế Hungary. Ông bắt đầu học tiếng Hungary. Tôi kiến nghị bạn mình, Hanák Kati làm cô giáo, cô cũng đã nhận. Montias tiếp thu nhanh tiếng Hungary. Ông sống cuộc sống bình thường của các khách nước ngoài, ông cùng vợ đi xem opera, đôi khi ăn tối cùng các đồng nghiệp Hungary. Chúng tôi cũng tiếp vợ chồng ông.

Bây giờ từ các tài liệu hoá ra là, giữa chừng việc theo dõi bí mật đã được tiến hành. Họ đã nghe lén điện thoại của ông, họ đã đi theo ông ở ngoài đường. Tôi đã đọc báo cáo của những người theo dõi: chẳng thấy cái quái gì từ văn bản nhiều trang này. Tôi có thể lặp lại cái tôi vừa viết: chúng ta có thể cười báo cáo, giả như chúng ta không biết về các lực lượng nham hiểm như thế nào đã thúc đẩy những người tiến hành điều tra. Có lẽ nội quy hay truyền thống quy định, rằng ngay cả trong các báo cáo nội bộ của cơ quan cũng không được phép ghi đúng tên của những người bị theo dõi. Khi đó chúng tôi ở đường Pusztaszeri, vì thế báo cáo không gọi chúng tôi là Kornai và Laky, mà gọi là "Puszta" và "bà Puszta". Nhà Hanák ở đường Garas. Họ nhận được cái tên, thật ý nhị, "Garas" và "bà Garas".[117] Chẳng đời nào họ gọi Montias trong tài liệu mật nội bộ của họ là Montias cả, ông xuất hiện với cái tên "Zimelió" (trong báo cáo theo dõi ở ngoài đường để cho có nhiều vẻ khác nhau họ gọi ông là "Mester-Thầy").

Kế hoạch đã hình thành. Phải kết tội Montias, rằng ông đã-lợi dụng vị thế nhà nghiên cứu khoa học có học bổng -để thu thập dữ liệu bí mật quốc gia về nền kinh tế Hungary, cũng như về Hội đồng tương trợ kinh tế.(*) Họ bắt đầu lấy cung các nhà kinh tế Hungary, những người mà Montias đã giữ quan hệ.

Tôi cũng bị họ hỏi cung. Bây giờ tôi đọc lại các biên bản. Chẳng nhân chứng nào đã đưa ra lời khai chứng cớ buộc tội đối với Montias cả. Chẳng ai trong số họ đã củng cố sự nghi ngờ, rằng Montias đã thu thập số liệu bí mật.[118]

https://thuviensach.vn

Sau một thời gian ngắn người ta trục xuất ông khỏi Hungary với hiệu lực ngay lập tức. Họ cho đăng một bài báo lí giải việc trục xuất.[119] Thông báo vu khống, rằng ông đã muốn thu thập các số liệu mật, đã hoạt động gián điệp. Nhưng họ không thể tạo cơ sở cho việc này bằng các sự thực, bằng các lời khai nhân chứng hay các chứng cớ khác. Vụ án gián điệp hoành tráng đã bị bỏ đi.

Câu chuyện này đáng chú ý từ nhiều quan điểm. Nó minh hoạ rõ ràng cho cái, mà nhiều lần đã (và sẽ) được nói đến trong cuốn sách này: thế giới khoa học cũng chẳng phải là lĩnh vực ngoại lệ hay được bảo vệ. Những cái vòi, cái râu của nhà nước toàn trị cũng thọc sâu vào đây, lĩnh vực này cũng bị họ theo dõi và làm khiếp sợ.

Trong khi vẫn còn sự liên tục giữa các thời kì gắn với tên Rákosi và Kádár, đã có những thay đổi sâu rộng. Giả như trong thời kì của ÁHV (Cơ quan Bảo vệ Nhà nước) trước kia thì người ta đã tống giam tất cả những người liên quan, giáo sư Mĩ và các bạn Hungary của ông, và người ta đã tra tấn cho đến khi họ chưa nhận và chưa xác nhận trước toà án, rằng từ đầu chí cuối họ đã hoạt động gián điệp cho CIA. Đối với các nhân chứng Hungary bây giờ việc hỏi cung cũng là sự trải nghiệm ngột ngạt, gây phiền nhiễu. Nhưng đã có khả năng để chúng tôi tránh việc củng cố sự nghi ngờ giả mạo.(**)

Trong thời kì, mà vụ Montias xảy ra, đã có hai xu hướng chính trị, đối lập nhau trong nền chính trị Hungary. Những người ủng hộ đường lối "mềm hơn", có xu hướng cải cách thì muốn xây dựng các mối quan hệ thân thiện hơn với phương Tây, đặc biệt trong lĩnh vực văn hoá và khoa học, còn các lực lượng "cứng rắn hơn", chống cải cách, thì tóm lấy mọi cơ hội để phá hoại quan hệĐông-Tây. Sự lột mặt nạ của một gián điệp Mĩ sẽ là một dịp tốt cho những người ủng hộ đường lối "cứng rắn", tuy nhiên kế hoạch đã thất bại.

Hai lời kết là hợp với câu chuyện này.

Một kể về quan hệ của tôi với giáo sư John Michael Montias đã tiến triển ra sao sau đó. Năm 1970 tôi ở Đại học Yale nửa năm. Chúng tôi gặp và trò chuyện với Mike nhiều lần. Chúng tôi đã không nói đến chuyện trục xuất. Ông cảm thấy - thật có lí – là thái độ tế nhị nếu ông không đề cập đến vấn đề này, bởi vì ông biết, rằng tôi sẽ quay về Hungary. Muộn hơn cũng vậy, mỗi lần tôi đến Yale, chúng tôi đều trò chuyện với nhau. Tôi cũng đã thuyết trình tại viện do ông lãnh đạo.

https://thuviensach.vn

Năm 1976 khi cuốn sách về lí thuyết hệ thống so sánh của ông ra đời, tôi đã viết một bài điểm sách ca ngợi.[120] Không phải chỉ vì tôi coi là một cuốn sách hay, mà bởi vì bằng việc này tôi cũng muốn chứng tỏ rằng: tôi coi ông là *nhà bác học*. Montias là biên tập viên sáng lập của *Tạp chí Kinh tế học So sánh-Journal of Comparative Economics*, tạp chí hàng đầu của các nhà nghiên cứu so sánh các hệ thống, tạp chí đã nhiều lần tạo diễn đàn cho các nhà kinh tế hoạt động ở các nước xã hội chủ nghĩa. Bản thân tôi cũng công bố nhiều bài báo trên tạp chí này.

(*) Hội đồng Tương trợ Kinh tế là tổ chức quan hệ kinh tế giữa Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ĐôngÂu. Ở phương Tây người ta thường gọi là COMECON. (Về sau Việt Nam, Mông Cổ và Cu Ba cũng tham gia. N. D.)

(**) Trong một chương trước tôi đã viết: sau 1956 ý định kiên quyết của tôi là, tôi "trở thành một thành viên của nghề kinh tế học phương Tây". Tôi biết rõ là, việc này đi cùng với rủi ro. Vẫn còn sống động trong kí ức của tất cả chúng ta những thời kì, trong đó sự thực đơn thuần của "quan hệ phương Tây" đã là đủ để dính líu vào ngờ vực, và để cho người ta đánh giá sự tiếp xúc chuyên môn vô hại là "hoạt động gián điệp". Cảnh tượng kinh hoàng này vẫn ám ảnh cho đến khi hệ thống cộng sản vẫn tồn tại. *Nhìn lại* hiển nhiên là rõ ràng, rằng sự phục hồi Stalinist không xảy ra. Thế nhưng khi đó đã chẳng ai có đảm bảo *trước*, rằng một mưu đồ phục hồi có thể chắc chắn sẽ thất bại.

Montias muốn trở lại Hungary vào các năm 1970, song các nhà chức trách Hungary đã không cấp thị thực nhập cảnh cho ông.[121] Tên ông được gỡ bỏ khỏi danh sách những người bị cấm vào Hungary chỉ vào những giờ lâm chung cuối cùng, vào năm 1989.[122]

Đáng tiếc, cuộc phiêu lưu Hungary đã phần nào làm mất hứng thú của ông đối với môn "soviet học". Đây là sự mất mát thực sự đối với ngành khoa học. Sự quan tâm của ông ngày càng chuyển sang hướng lịch sử nghệ thuật. Các công trình của ông viết về hội hoạ Hà Lan thế kỉ XVII được các nhà lịch sử nghệ thuật coi là kinh điển.[123]

Lời bạt thứ hai gắn với ấn tượng sống ở Budapest. Năm 1998, khi lần đầu tiên tôi xin phép được ngó vào hồ sơ vụ Montias, tuy tôi nhận được phép, nhưng với nhiều hạn chế. Khi đó vẫn chưa được phép làm bản sao của các tài liệu. Trong khi tôi ngồi đọc tài liệu, thì có sự hiện diện của một cán bộ của cơ quan hữu quan. Có lẽ anh ta phải để ý, tôi không bí mật xé trang tài liệu nào đó và bỏ vào túi. Đấy là một người đàn ông ân cần. Khi tôi sắp đọc xong, anh ta bắt chuyện với tôi, và giữa những thứ khác anh ta nói cái gì đó đại loại thế này: "Vâng, chúng tôi đã không thành công tóm được gã này…" Tôi không thể

https://thuviensach.vn

trích nguyên lời anh ta. Tôi đã không ghi âm, để có thể tái dựng lại chính xác lời anh ta. Nhưng ngần ấy là chắc chắn, rằng với sự đồng nhất hoàn toàn - bằng xưng hô ở ngôi thứ nhất số nhiều, với giọng mỉa mai và hơi tiếc – anh ta đưa ra lời nhận xét này. Một sự liên tục độc đáo.

https://thuviensach.vn

1967 –1970
ANTI-EQUILIBRIUM (CHỐNG CÂN BẰNG)

Trong khi vẫn làm công việc tính toán quy hoạch toán học, trong nửa khác của công việc của mình tôi đã bắt đầu một chương trình nghiên cứu mới, phê phán lí thuyết kinh tế học tân cổ điển và trong đó trước hết là lí thuyết cân bằng chung. Kết quả công việc được tôi tổng kết trong cuốn *Anti-Equilibrium* (*Chống-Cân bằng*) (dưới đây viết tắt là AE).

Lai lịch cuốn sách

Bản thảo được hình thành năm 1967 lần đầu tiên, ở dạng một phiên bản ngắn hơn,[124] mà nhan đề phụ của nó là: *Tiểu luận về các lí thuyết cơ cấu kinh tế và các nhiệm vụ nghiên cứu* (tiếp theo tôi nhắc đến phiên bản đầu tiên này như *Tiểu luận*).(*) Bản này tôi cũng đã nhờ dịch ra tiếng Anh.[125]

Khi đó tôi nhận được lời mời của Kenneth J. Arrow: tôi hãy đến viện ông ở Stanford vài tháng. Arrow được giải Nobel năm 1972. Trong ngành nói chung có sự thống nhất, rằng trong thời kì đó ông là "No1." về lí thuyết kinh tế học dùng ngôn ngữ toán học hình thức. Tôi mang theo người *Tiểu luận*, và tôi làm việc tiếp trên nó ở Stanford. Tôi cảm thấy tình thế khó xử, bởi vì ở trung tâm của cuốn sách là sự phê phán cái lí thuyết, mà Arrow và một nhà kinh tế Mĩ gốc Pháp, Gerald Debreu, sáng tạo ra dạng hiện đại của nó. Tôi không có can đảm, để bảo Arrow, rằng tôi có cái gì ở trong ngăn kéo. Ông nghe từ người khác về bản thảo, mà tôi đã giới thiệu với nhiều đồng nghiệp. Ông bảo tôi cho mượn, và đọc kĩ lưỡng. (Khả năng hiểu và phản ứng trí tuệ của Arrow nhanh đến kinh ngạc. Ông cũng nói rất nhanh, khó theo kịp. Các ý tưởng của ông phóng nhanh đến mức, người thường có hồn hển cũng chẳng theo kịp). Không những ông không phật ý, mà còn nhiệt tình chấp nhận sự thách thức trí tuệ ở trong một môi trường, mà cho đến nay tất cả mọi người đều không do dự chấp nhận lí thuyết. Chúng tôi đi hết bản thảo với hàng loạt các cuộc trò chuyện. Ông khen, rằng phê phán dựa trên sự hiểu biết chính xác lí thuyết-Arrow-Debreu; đầu tiên nó giới thiệu một cách chi tiết và khách quan nội dung của lí thuyết cho bạn đọc, và chỉ sau đó mới bắt đầu phê phán. Arrow đã cho

https://thuviensach.vn

nhiều lời khuyên xây dựng để sửa văn bản. "Đây sẽ là cột kỉ niệm đẹp trên nấm mồ của lí thuyết cân bằng chung" – ông mỉm cười nhận xét.

(*) Khi làm việc trên bản thảo này, thì thói quen của tôi đã hình thành: tôi "trốn" trong thời gian có những công việc đòi hỏi sự tập trung cao. Thay cho làm việc ở nhà ấm cúng của mình hay ở phòng làm việc của mình tại viện, tốt hơn tôi gói gém và lẩn vào một nhà nghỉ mát hay một khách sạn, nơi cả gia đình, lẫn các đồng nghiệp, lẫn những người ngoài đến thăm cũng chẳng tìm được. Tôi làm việc với nhịp độ căng một tuần, đôi khi hai tuần, trừ những người phục vụ nhà ăn và phục vụ phòng tôi không nói với ai cả -cho đến khi cổ tay tôi mỏi nhừ do đánh máy nhiều, và tôi buộc phải bỏ việc mổ cò máy chữ (sau này là máy tính). Sau một thời gian tôi "bị nghiện" thói quen này, và tôi cảm thấy thiếu, nếu không thể tạo ra được các điều kiện ẩn dật này để thảo một nghiên cứu lớn hay một cuốn sách. Tôi bắt đầu phiên bản đầu tiên của *Anti-Equilibrium* ở Siófok, rồi tôi tiếp tục ở Visegrád, và cuối cùng tôi hoàn thành ở địa điểm yêu quý nhất đối với tôi, ở nhà nghỉ Mátraházai của Viện hàn lâm. Với lòng biết ơn tôi nghĩ về nhà nghỉ mát này, về các nhân viên đáng mến, những người đảm bảo sự yên bình thiên đường cho công việc tập trung.

Về nước, ở Budapest tôi hoàn thành việc tu chỉnh *Tiểu luận*, trở thành một cuốn sách dài hơn nhiều. (Đáng tiếc). Khi văn bản tiếng Hungary và bản dịch tiếng Anh hoàn thành, tôi lại nhận được lời mời mới, lần này do Tjalling Koopmans đề xuất. Họ mời tôi đến viện nghiên cứu "Cowles Commission" hoạt động tại đại học Yale. Đây là viện nổi tiếng thế giới của môn toán kinh tế Mĩ. Giữa các thứ khác Debreu viết ở đây cuốn sách kinh điển của ông, *Lí thuyết Giá trị* (*Theory of Value*); cái tác phẩm của ông, mà AE thử phê phán gay gắt. Koopmans, bản thân ông cũng là một trong những bậc thầy lớn của lí thuyết cân bằng toán học hiện đại, chấp nhận sự phê phán một cách cởi mở. Ông yêu cầu tôi thuyết trình về đề tài trong một seminar. Ông cũng đưa ra nhiều đề xuất cho việc sửa đổi phiên bản mở rộng. (*)Ông và một cộng sự nổi tiếng thế giới khác của Viện Cowles, giáo sư Tobin, đã động viên các sinh viên của riêng họ để kiểm tra bản dịch ở Budapest.

Tôi chẳng bao giờ quên tính rộng lượng, tính cao thượng khoa học thật sự, mà Arrow và Koopmans, hai nhà bác học lỗi lạc này đã giúp

https://thuviensach.vn

đỡ tôi bằng mọi công cụ họ có, để cho sự phê phán tác phẩm trí tuệ của *họ* càng chính xác và có trình độ cao hơn.(**)

Cuốn sách được xuất bản năm 1970, đồng thời bằng tiếng Hungary và tiếng Anh; sau này người ta cũng dịch ra nhiều thứ tiếng khác.

Cái gì thúc đẩy tôi viết cuốn sách này?

Kể từ khi tôi bắt đầu xem xét cơ chế kinh tế kế hoạch hoá xã hội chủ nghĩa, và bắt đầu tìm hiểu kinh tế học hiện đại, hàng loạt vấn đề căn bản nổi lên trong tôi.

Hệ thống giá, hệ thống định hướng các nhà ra quyết định tốt hơn, nên là thế nào? Có thể phó mặc việc hình thành các giá cho trò chơi tự do của cung và cầu hay không? Có cần – chí ít ở những điểm nhất định -đến sự can thiệp của nhà nước hay không?

Có thể tạo ra nền kinh tế thị trường *bên trong* hệ thống xã hội chủ nghĩa hay không? Việc này có phù hợp với sở hữu nhà nước và với cấu trúc chính trị của hệ thống cộng sản? Hay với việc này quan hệ giữa lĩnh vực chính trị và kinh tế là quá gắn bó?

Nếu chúng ta so sánh hai hệ thống "lớn": vì sao chủ nghĩa tư bản lại hiệu quả hơn chủ nghĩa xã hội? Bởi vì nó chỉnh tốt hơn các giá khuyến khích việc sử dụng tổ hợp đầu vào đầu ra tối ưu, đảm bảo cân bằng thị trường? Hay có sự giải thích khác, quan trọng hơn cho thành tích kinh tế hoành tráng của chủ nghĩa tư bản?

(*) Bây giờ thật cảm động tôi cầm trên tay, khi tôi xem lại các tài liệu nảy sinh trong quá trình viết AE, nhận xét dài 21 trang, do tự tay Koopmans đánh máy mà tôi nhận được, trong đó ông đưa ra các nhận xét của mình cho từng trang bản thảo của tôi. Thật hiếm đối với một nhà bác học lớn và bận bịu, người dành ngần ấy sự chú ý để giúp cho công việc của một đồng nghiệp trẻ.

(**) Một mẩu chuyện đặc trưng cho tính cao thượng con người của Koopmans. Ông cùng Kantorovich, nhà toán kinh tế soviet, nhận được giải Nobel vì sự phát triển quy hoạch tuyến tính. Theo ý kiến của Koopmans cũng phải trao giải thưởng cho George Dantzig nữa, bởi vì ông đã phát triển ra thuật toán làm cho quy hoạch tuyến tính có thể áp dụng được. Vì thế, cho ông, cho Koopmans không phải là nửa giải thưởng mà chỉ là một phần ba. Và sau đó ông đã từ chối phần chênh lệch giữa một nửa và một phần ba, và trao tặng tổng số tiền khổng lồ đó cho một viện nghiên cứu quốc tế.

https://thuviensach.vn

Khi đó tôi không chỉ có những hiểu biết thu được từ các cuốn sách lí thuyết. Tôi đã ở London hàng tháng trời và tôi đã đi nhiều thành phố phương Tây. Thuật ngữ "cung thị trường" bây giờ đã làm tôi nhớ đến cửa hàng bách hoá tổng hợp Selfridge đường Oxford ở London hay các cửa hiệu của đường Bahnhofstrasse ở Zürich. Cái gì khuyến khích những người bán để họ giữ nhiều loại hàng hoá dự trữ vô cùng phong phú đến như vậy? Các sản phẩm mới xuất hiện từ chuyến đi này sang chuyến đi khác (thí dụ khi đó bắt đầu xuất hiện các bàn tính bỏ túi, rồi máy tính để bàn đầu tiên). Cái gì thúc đẩy các xí nghiệp để họ liên tục đưa ra cái gì mới nào đó?

Trong sự quyến luyến với lòng tin lí thuyết, có cái gì đó giống như người yêu gắn bó với người mình yêu. Đã có thời, khi tôi còn gắn bó đầy nhiệt tình và mù quáng với chủ nghĩa Marx, và sự đoạn tuyệt gây ra chấn thương lớn. Tôi cũng hơi phải lòng lí thuyết tân cổ điển, và lúc đầu tôi xem xét nó hơi thiên vị. Cho đến lúc còn tình yêu, người ta hơi rộng lượng với những lỗi nhỏ của người mình yêu. Thế nhưng ở tôi, đây còn xa mới là niềm đam mê mạnh như sự háo hức với chủ nghĩa Marx. Con mắt của tôi nhanh chóng mở ra, và tôi bắt đầu bị chọc tức, thậm chí muộn hơn là tôi nổi giận, rằng lí thuyết tân cổ điển không cho câu trả lời thoảđáng đối với các câu hỏi dày vò tôi, hay cái còn tồi tệ hơn: tôi cảm thấy, rằng câu trả lời mà tôi nhận được, là sai.

Như đã mô tả trước đây, sở dĩ tôi đã đoạn tuyệt với chủ nghĩa Marx, bên cạnh những thứ khác là nó không đối sánh các luận thuyết của nó với thực tế. Bây giờ cảm tưởng của tôi cũng hơi giống như thế liên quan đến lí thuyết tân cổ điển. Ở đây tai hoạ xuất hiện ở dạng ít đau đớn hơn nhiều, ít gay gắt hơn nhiều. Các nhà nghiên cứu đã khẳng định nhiều luận đề thành phần, mà họ đã thử xác minh rất tận tâm về mặt kinh nghiệm. Môn khoa học chuyên về phân tích những đo lường kinh tế, kinh tế lượng, đã phát triển các công cụ hàng đầu cho mục đích này, và người ta dạy các kĩ thuật này cho mọi sinh viên kinh tếở các trường đại học phương Tây. Đối với tôi sự đối sánh "lí thuyết với thực tế" không phải là thiếu đối với các phần, mà cái thiếu liên quan đến *toàn thể*. Lí thuyết chung liên quan đến toàn bộ hệ thống, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội vẫn còn mắc nợ nhất với việc này. Dòng tư duy này thúc đẩy tôi đưa cái gọi là lí thuyết cân bằng chung vào trung tâm của sự xem xét phê phán.

https://thuviensach.vn

Cái, mà ngành kinh tế học gọi là "lí thuyết tân cổ điển", gồm nhiều lí thuyết-thành phần. Các sách giáo khoa đại chúng phương Tây cho tổng quan tốt về, những thứ nào có thể được liệt kê vào đây, các khái niệm quan trọng nhất của nó là gì, lí thuyết muốn trả lời cho các câu hỏi nào, nó dùng các phương pháp như thế nào để chứng minh các khẳng định của mình. Ngày nay lí thuyết tân cổđiển được đánh giá là trào lưu chính của ngành kinh tế học. *Cái lõi* lí thuyết của tập hợp ý tưởng này: lí thuyết cân bằng chung, do nhà kinh tế học Pháp-Thuỵ Sĩ Léon Walras sáng tạo ra vào nửa sau của thế kỉ XIX. Trong thế giới đơn giản hoá của mô hình Walras, các xí nghiệp hoạt động, mà chúng muốn tối đa hoá lợi nhuận. Ngoài ra trong hệ thống có các hộ gia đình, chúng muốn tiêu tiền của mình sao cho, chúng đảm bảo "tính thoả dụng" (utility) cực đại cho mình. Lí thuyết chỉ ra, rằng tồn tại các giá, mà các giá đó đưa cầu và cung của các xí nghiệp và các hộ gia đình đến cân bằng, và hình thành cân bằng tối ưu bên cạnh các điều kiện nhất định. Cân bằng, hài hoà, trạng thái tương đối thuận lợi nhất giữa giữa các khả năng cho trước-đấy là bức tranh xã hội mà lí thuyết ám chỉ.

Mô hình Walras là *độc nhất* trong nhiều mô hình của lí thuyết tân cổđiển, là mô hình thử thâu tóm toàn bộ đời sống kinh tế, cụ thể là không cô đặc lại, như các lí thuyết kinh tế học vĩ mô làm, mà phân rã ra các phần tử của nó. Ởđây xuất hiện những người tham gia vào nền kinh tế và các dòng chảy, xảy ra giữa những người tham gia. Đây là mô hình duy nhất, mô tả nền kinh tế thị trường như một *hệ thống*. Như thế tôi nghĩ một cách có lí: nếu tôi có vấn đề với các câu trả lời nhận được từ lí thuyết tân cổđiển, thì cần phải đưa chính lí thuyết cân bằng chung vào khảo sát phê phán.

Ngay Walras cũng đã trình bày lí thuyết của mình ở dạng toán học, tuy nhiên sau này, nhờ bàn tay của Arrow, Debreu, Koopmans và những người khác mà binh khí toán học của sự chứng minh của lí thuyết trở nên hoàn hảo hơn nhiều. Lí thuyết này có logic nghiêm ngặt – tôi cũng có thể nói: về tính súc tích và tính trong sáng của nó, lí thuyết này "đẹp". Nó làm tất cả mọi người, những người hiểu cặn kẽ, choáng ngợp. Nó cũng làm thế với tôi, cho đến khi những ý kiến phản đối phê phán của tôi chưa nổi lên.

Sự bất bình chủ yếu của tôi là, lí thuyết này và nhiều loại nghiên cứu nảy sinh do tác động của nó, chương trình khoa học tân cổ điển

https://thuviensach.vn

tổng thể không cho câu trả lời đối với các câu hỏi *lớn*, không thúc đẩy sự hiểu biết sâu hơn của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, và không đưa ra cái tay vịn cho việc, phải "cải thiện" thế giới ra sao. Điều này - nếu không phải chính xác các từ này – đã được tôi viết vào lời nói đầu và phần dẫn nhập của cuốn sách.

Những sự giống nhau đáng suy ngẫm

Mô hình Walras-Arrow-Debreu có thể được đối sánh với mô hình Kornai-Lipták, đã được nhắc đến ở chương 8. Chúng mô tả hai nền kinh tế trái ngược nhau hoàn toàn. Nền kinh tế trước phân tán một cách hoàn hảo, cái sau tập trung một cách hoàn hảo. Trong mô hình trước các giá mang thông tin giữa các đơn vị độc lập được phân tán, độc lập với nhau, đồng hạng với nhau. Trong mô hình sau trung tâm đưa ra các chỉ tiêu số lượng cho các đơn vị lệ thuộc, buộc phải phục tùng.

Bây giờ là khẳng định gây sửng sốt. Trong cả hai hệ thống, trong trường hợp tuân thủ các quy tắc nhất định, xuất hiện sự cân bằng. Thậm chí, với những điều kiện nhất định cả hai hệ thống có thể đạt trạng thái tối ưu. Khẳng định này có thể được chứng minh về mặt toán học.

Sự giống nhau này làm tôi bối rối. Theo đấy, chúng ta sống trong nền kinh tế phân tán hay tập trung cũng thếư? Chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa xã hội cũng như nhau ư? Hay sở dĩ chúng ta đi đến sự tương tự gây sửng sốt này, là bởi vì cả hai mô hình đều bỏ qua chính các tính chất của nền kinh tế thực, sống động, mà các tính chất ấy giải thích sự khác biệt giữa chủ nghĩa tư bản có thực và chủ nghĩa xã hội có thực, giữa nền kinh tế thị trường sống thực và nền kinh tế chỉ huy sống thực?

Vài giả thiết -trừu tượng hoá khỏi những đặc trưng cơ bản của thực tế - của cả hai loại mô hình cũng đã được tôi mô tả kĩ trước đây rồi. Đã nhắc đến cả hai rồi trong chương bàn về quy hoạch toán học, nhưng bây giờ tôi phải quay lại chúng.

Giả thiết chung của cả hai mô hình là, những người ra quyết định có thông tin chính xác. Trong thực tế ở cả hai thế giới thông tin đầy rẫy sự méo mó tự phát và méo mó có chủ ý. Nhưng thật may liên quan đến việc này trong thực tế sự giống nhau cũng chấm dứt ở đây, và xuất hiện sự khác biệt căn bản. Trong chủ nghĩa tư bản dựa trên tự do kinh

https://thuviensach.vn

doanh và sở hữu tư nhân, hình thành mối quan hệ giữa thông tin và khuyến khích. Mỗi người vì lợi ích của mình có thể thử sử dụng kiến thức, mà người ấy có hay mua được cho mình. Là lợi ích riêng của mình để chính xác hoá thông tin mà mình sử dụng. Ngược lại trong chủ nghĩa xã hội thì "phải cung cấp" thông tin nằm rải rác cho trung tâm, như hợp tác xã phải nộp thóc gạo, bất kể có thích hay không. Người có thông tin trong tay, người bỗng thấy hay thu lượm được thông tin, người ấy không thể xây dựng việc kinh doanh dựa vào nó, không thể mua thông tin, không biết kinh doanh với nó –mà phải chuyển nó cho trung tâm. Sự liên kết thông tin phân tán và khuyến khích phân tán cho chủ nghĩa tư bản động lực khổng lồ, mà chủ nghĩa xã hội thiếu.

Trong mô hình Walras và mô hình kế hoạch hai mức mọi quá trình đều diễn ra không có ma sát. Sự thích nghi là hoàn hảo. Trong thực tế ở cả hai hệ thống bộ máy thích nghi đều cọt kẹt – nhưng không cùng mức độ. Hệ thống xã hội chủ nghĩa cứng nhắc hơn chủ nghĩa tư bản rất nhiều, vì nhiều lí do. Trong nền kinh tế phân tán đa số quyết định có thể được đưa ra ở mức dưới cùng. Ngược lại trong nền kinh tế tập trung báo hiệu về trở ngại phải đi qua nhiều bậc thang mới đến được cái mức của hệ thống thứ bậc, nơi có thẩm quyền ra quyết định về vấn đề đó – và sau đó thông tin cũng lại phải lần mò qua cùng các mức đó để xuống đến mức, nơi quyết định khắc phục trở ngại được thực hiện. Đấy là con đường dài hơn rất nhiều [gây ra chậm trễ và méo thông tin N.D.]. Thêm vào đấy còn một nhân tố nữa. Các kế hoạch quá căng không cho phép, để hình thành dự trữở mọi điểm sử dụng, mặc dù chỉ có thể thích nghi nhanh, nếu ở mọi nơi đều có dự trữ cần thiết.

Gắn vào đây là một vấn đề khác. Trong cả hai mô hình những người ra quyết định ứng xử một cách duy lí nghiêm ngặt, sử dụng thuật ngữ "duy lí" theo nghĩa như lí thuyết tân cổđiển định nghĩa thuật ngữ này. Các sở thích là không đổi và lựa chọn giữa các khả năng sẵn có một cách nhất quán tương ứng với các sở thích. Tôi cảm thấy các vấn đề nghiêm trọng ở đây. Tôi chỉ nhắc đến một vấn đề ở đây. Mô hình Kornai-Lipták giả thiết, rằng trung tâm lập kế hoạch duy lí nghiêm ngặt, và hoàn toàn nhất quán trong các quyết định của mình. Tôi đã nhiều lần đến uỷ ban kế hoạch ở Budapest, tôi nghe rất nhiều, rằng các nhà lập kế hoạch nhận được các chỉ thị như thế nào từ trung ương đảng. Tính duy lí? Tính nhất quán? Những mong mỏi phi duy lí

https://thuviensach.vn

tách rời khỏi thực tế. Áp lực lên các chuyên gia lập kế hoạch từ phía các lực lượng chính trị khác nhau và từ những người lobby chuyên môn hay địa phương. Các tương quan lực lượng thay đổi và cùng với nó là những ưu tiên thay đổi. Đôi khi vội vã xảy ra bước ngoặt làm đảo lộn mọi sựưa thích cho đến lúc đó. (Muộn hơn sẽ nói về tính duy lí và tính nhất quán của các quyết định cá nhân được đưa ra trong nền kinh tế phân tán).

Hai mô hình tổng quát cũng giống nhau ở điểm, cả hai đều là mô hình tĩnh. Thế mà giữa hai hệ thống kinh tế, cái tạo ra sự khác biệt quan trọng nhất là, động học của chúng khác nhau. Trong chủ nghĩa tư bản cạnh tranh là một động lực, thúc đẩy liên tục các nhà sản xuất đổi mới kĩ thuật. Ngược lại trong chủ nghĩa xã hội, sức mạnh tự phát của cạnh tranh không có tác dụng, nhiều nhất cũng chỉ là dưới tác động của chỉ thị quan liêu từ các nhà lập kế hoạch trung ương thì các nhà sản xuất mới bắt buộc và lừng khừng đưa ra một vài sản phẩm mới.(*)

(*) Vẫn còn một sự khác biệt quan trọng giữa hai hệ thống, mà cả hai mô hình đều trừu tượng hoá (hay bỏ qua). Khi tôi phê phán lí thuyết cân bằng, tôi đã đoạn tuyệt với cấu trúc chính trị áp bức và ý thức hệ chính thức của chế độ cộng sản. Thế nhưng khi đó tôi vẫn chưa hiểu mối quan hệ khá phức tạp, tồn tại giữa nền dân chủ và sự phi tập trung hoá kinh tế, cũng như giữa chế độ độc tài và tập trung hoá kinh tế. Lí lẽ này không những thiếu vắng trong các tác phẩm được công bố của tôi, mà cũng không có tác động rất nhiều đến suy nghĩ khi đó của tôi.

Cái có thể mong đợi và cái không thể mong đợi từ lí thuyết tổng quát

Tôi thử giải thích, vì sao lại hình thành trong tôi ác cảm đối với *cả hai* mô hình. Tuy tôi có vấn đề với cả hai mô hình, nhưng các phản ứng của tôi lại khác nhau. Đầu tiên hãy xét mô hình kế hoạch hoá hai mức. Tôi dè dặt tránh đề cập lí giải lí thuyết ở mức đủ sâu. Bởi vì trong cách tiếp cận đầu tiên – như tôi đã trình bày ở chương 8 và ở dòng tư duy trên – mô hình có thể được hiểu, như mô hình của "kế hoạch hoá tập trung hoàn hảo". Mà bây giờ nếu – chí ít trên bình diện lí thuyết- kế hoạch hoá hoàn hảo là có thể, thì, bất chấpý định của tôi, người đọc nông nổi hay thiên vị có thể tin rằng đây là sự ca tụng hệ thống xã hội chủ nghĩa.

https://thuviensach.vn

Những cân nhắc loại như vậy đã không cản trở tôi phê phán mô hình Walras-Arrow-Debreu.

Với cái đầu *hôm nay* tôi thấy, đã có những sai lầm nghiêm trọng trong xuất phát điểm khoa học luận của phê phán của tôi.(*) Vấn đề mấu chốt liên quan đến việc này là làm rõ, *có thể mong đợi gì từ một lí thuyết trừu tượng*.

Nhà xây dựng mô hình có thể vấp phải nhiều loại sai lầm, nhưng không thể đổ lỗi cho anh ta, rằng anh ta đã trừu tượng hoá khỏi thực tế. Đấy là bản chất của xây dựng lí thuyết. Sự phê phán nắm lấy vấn đề từ phía dễ hơn, nếu nó chỉ ra rằng: thấy chưa mô hình giả thiết *cái này*, mặc dù trong thực tế, như tất cả mọi người đều có thể thấy, cóthể thấy không phải *cái này*, mà là *cái kia* cơ.

Một mô hình lí thuyết có thể được dùng cho nhiều loại nhiệm vụ. Trong số đó tôi nhấn mạnh đến hai nhiệm vụ liên quan với nhau.

Mô hình lí thuyết giúp làm rõ, một khẳng định đúng với những điều kiện như thế nào. Người xây dựng mô hình, trong khi sáng tạo ra lí thuyết của mình, thường không xuất phát từ các tiền đề, mà lại từ, cái sau đó xuất hiện với tư cách "kết luận" trong dòng tư duy. Từ đấy anh ta đi "ngược lại". Cần phải giả thiết cái gì, để cho kết luận này là đúng? Trong chừng mực có thể anh ta muốn xây dựng mô hình một cách tiết kiệm: các điều kiện cần và đủ là gì, để cho khẳng định có thể chứng minh được. Nếu mà cuối cùng nẩy sinh dòng tư duy, thì cái này lại có thể là điểm xuất phát để bác bỏ nhiều khẳng định khác, hay chí ít để nghi vấn chúng.

Thí dụ mô hình Arrow-Debreu khẳng định, rằng cân bằng xảy ra, và – lí giải theo các tiêu chuẩn nhất định - tạo ra trạng thái tối ưu, nhưng chỉ khi, nếu thông tin chảy trong nền kinh tế là chính xác. Điều này không có nghĩa rằng, giả như bản thân Arrow hay Debreu không biết là trong thông tin ẩn chứa bao nhiêu sự bất định và sự không chính xác.(**)Người giải nghĩa mô hình một cách đúng đắn, có thể đọc được lời cảnh báo từ dòng tư duy: nếu thông tin mập mờ, bị méo mó, thì đừng nghĩ rằng, cơ chế thị trường chắc chắn nhất định đưa nền kinh tế đến trạng thái tối ưu. Điều này chỉ có thể xảy ra như thế (thể điều kiện!), *nếu* thông tin là chính xác.

(*)Frank Hahn đã chỉ ra sai lầm này trong bài phê bình sách rất có cơ sở, có độ dài một bài báo, được công bố năm 1973. Ông chọn lời

https://thuviensach.vn

trích Shakespeare làm đầu đề bài viết của mình: *Đầy bất mãn* (*The Winter of Our Discontent*) ám chỉ đến sự bất mãn của tôi, nhưng cả của riêng ông nữa.

(**) Arrow chẳng hạn là một trong những người đầu tiên viết những nghiên cứu quan trọng về tác động của sự bất định và về các khiếm khuyết (thất bại) của thị trường. Ông là người tiên phong của các lí thuyết, chứng minh rằng, ngành y tế chẳng hạn không thể hoạt động được một cách thích hợp với một cơ chế thị trường *thuần tuý*.

Nếu với cách nhìn này chúng ta đi hết tất cả các giả thiết của mô hình Walras-Arrow-Debreu, thì tựu chung trong đó chúng ta không thấy sự biện bạch cho thị trường, mà thấy danh mục của những lời cảnh cáo rất chính xác. Nếu chúng ta bỏđi sự trừu tượng hoá này hay nọ, thì kết luận cuối cùng của lí thuyết không còn hiệu lực nữa, thị trường không còn được đánh giá là cái điều tiết hoàn hảo nữa.(*)

Gắn với điều này là một nhiệm vụ nữa của một số mô hình "thuần tuý", trừu tượng cực đoan, khái quát hoá mạnh: chúng có thể được dùng với tư cách dụng cụđo so sánh, chúng được dùng như mẫu chuẩn (etalon). Nền kinh tế, hoạt động trong chủ nghĩa tư bản thật, là xa mô hình Walras lí tưởng. Nhưng cái lí tưởng là một mẫu chuẩn thích hợp, nếu chúng ta muốn biết, thực tế *xa nó đến thế nào*. Thí dụ chúng ta có thể nói về thông tin thật, rằng nó lệch thế nào khỏi tính chính xác tuyệt đối được mô tả trong mô hình Walras. Hay một thí dụ khác: chúng ta có thể xác định về những ma sát thực tế, chúng khác sự phi ma sát của mô hình Walras ở chỗ nào. Tôi phải thừa nhận, bản thân tôi cũng biết sử dụng tốt mô hình Walras cho các mục đích so sánh như vậy trong cuốn sách *Sự thiếu hụt* của tôi.

Có thể sử dụng mô hình Kornai-Lipták cũng như thế, như tôi đã cho biết ở chương 8. Với mô hình này, như mô hình thuần khiết của "kế hoạch hoá hoàn hảo", có thể so sánh với kế hoạch hoá thực tế, hoàn toàn không thuần tuý, khác xa lí tưởng.

Như thế phải tìm tai hoạ không phải ở trong mô hình "thuần tuý", lí tưởng, mô tả thế giới cực đoan, mà ở chỗ, nhiều người giải nghĩa nó một cách sai lầm, rút ra các kết luận sai từ nó. Trong số những người đọc tác phẩm lí thuyết, thì nhiều người có khuynh hướng thiên về "các bước nhảy vọt" tư duy. Họ quên mất tất cả các giả thiết nghiêm ngặt của mô hình, vì thế họ giải nghĩa sai lầm cái khẳng định, chỉ có hiệu

https://thuviensach.vn

lực *bên trong* mô hình mà thôi. Thí dụ từ mô hình Walras-Arrow-Debreu họ đọc thấy sự ca ngợi thị trường tự do để tự nó, không có bất cứ can thiệp nào của nhà nước- mặc dù trên cơ sở hiểu tường tận mô hình thì *không* rút ra được điều này từ lí thuyết. Sự hiểu lầm này, thậm chí sự giải thích sai này đáng bị phê phán gay gắt.

Không được phép đổ lỗi cho lí thuyết, bởi vì nó lệch khỏi thực tế, mà phải cảnh báo nghiêm khắc hơn nhiều, cái người ta đi cấy lí thuyết vào suy nghĩ của riêng mình, rằng chúng ta trừu tượng hoá cái gì, chúng ta lệch khỏi thực tếở chỗ nào. Phải dạy dỗ những người làm khoa học kinh tế với sự nhấn mạnh lớn hơn nhiều, rằng họ phải rất thận trọng, khi họ muốn rút ra các kết luận thực tiễn từ lí thuyết thuần tuý, và khi họ nói về "các hệ luỵ chính sách kinh tế". Khi như vậy bắt buộc phải suy ngẫm lại tất cả từng giả thiết một. Cái trừu tượng hoá khỏi thự tế, mà ta cần khi sáng tạo ra lí thuyết, có thể gây tai hoạ trong quá trình hoạt động thực tiễn, khi mà chúng ta không thể bỏ qua các hoàn cảnh thật.

Tôi bắt đầu phần này với nhận xét, rằng AE đã chứa sai lầm khoa học luận căn bản. Đã không cần phải phê phán sự tinh khiết của *lí thuyết* (tức là tính trừu tượng, tách khỏi thực tế của các giả thiết của nó). Lẽ ra phải phê phán *trường phái* tân cổ điển. Đối tượng đúng của sự phê phán lẽ ra là: *thực tiễn giảng dạy và chương trình nghiên cứu của trào lưu chính*. Không thể buộc người sáng lập ra lí thuyết thuần tuý phải viết vào công trình của mình lời cảnh cáo như vậy. Thế nhưng có thể quy trách nhiệm tất cả những người, diễn giải và giảng dạy lí thuyết ấy sau này, vì sự bỏ qua giải thích bổ sung này. Họ có dạy tốt lí thuyết hay không? Họ giải thích kĩ cái gì, và cái gì là cái bị họ bỏ qua khi giới thiệu sự giải nghĩa đúng đắn của lí thuyết? Những lời cảnh báo nào là cần thiết, mà các tác giả của các bài báo lí thuyết thường không có thói quen nhắc đến, và những người giảng dạy các môn lí thuyết cũng không? Họ thúc giục nghiên cứu các đề tài nào và các đề tài nào bị đẩy lại phía sau? Đã tốt hơn, giả như nội dung phê phán của cuốn sách đã tập trung quanh các vấn đề như vậy. *Sai lầm khoa học luận* kéo dài suốt *Anti-Equilibrium* đã làm yếu đi sức thuyết phục của cuốn sách ngay cảở chỗ, nơi sự phê phán được trình bày trong cuốn sách đứng vững, và thức tỉnh tư duy.

(*)Theo dòng tư duy này, mà bây giờ tôi áp dụng cho mô hình Walras-Arrow-Debreu, một lần chúng ta đã đi hết lượt rồi ở chương 8

https://thuviensach.vn

của cuốn sách, khi giải nghĩa mô hình lí thuyết hai mức Kornai-Lipták. Ở đó tôi vẫn chưa báo trước, rằng cách tiếp cận này gắn với các vấn đề khoa học luận khó đến thế nào khi giải nghĩa.

Người ra quyết định duy lí

Tôi chuyển sang vài điểm của cuốn sách, mà ngày nay tôi cũng cho là đứng vững. Các giả thiết liên quan đến ứng xử của người duy lí ra quyết định đóng vai trò trung tâm trong mô hình Walras-Arrow-Debreu rất trừu tượng, mà đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất của toàn bộ cách suy nghĩ của trường phái tân cổ điển. Truyền thống của môn kinh tế học cắt nghĩa một cách riêng biệt "tính duy lí" khác với thói quen trong các môn học khác hay trong ngôn ngữ thông thường hàng ngày.

Đối với nhà kinh tế học dòng chủ lưu, thì khái niệm "tính duy lí" hầu như trùng với những đòi hỏi không mâu thuẫn và tính nhất quán theo thời gian, tính trước sau như một.(*)

Trên cơ sở dòng tư duy khoa học luận vừa được trình bày, thì mô hình cực đoan mô tả người ra quyết định nhất quán nghiêm ngặt có thể có ích. Nó cũng có thể dùng làm mẫu chuẩn, khi chúng ta muốn xác định, ứng xử của người ra quyết định *thật* cho thấy sự không nhất quán loại nào: người ấy lệch khỏi người ra quyết định nhất quán *lí tưởng* ở các vấn đề quyết định nào, theo hướng nào, với mức độ nào, với tần suất như thế nào. Đáng tiếc là, AE đã không làm nổi lên đủ vai trò có giá trị này.

Đáng tiếc, trong hàng trăm loại mô hình của trường phái tân cổ điển họ đã không áp dụng mô hình về người ra quyết định duy lí, nhất quán theo giải nghĩa tinh tế này. Thay vào đấy họ mặc nhiên công nhận: mô hình [người ra quyết định] nhất quán nghiêm ngặt, tối đa hoá thoả dụng, tối ưu hoá là mô hình mô tả một cách tốt-tồi, nhưng dù sao vẫn gần đúng ứng xử con người điển hình. Họ cho rằng, họ có trong tay mô hình *phổ quát* giải thích ứng xử của con người. Bất kể thứ gì đều có thể mô tả bằng công cụ này; không chỉ các quyết định kinh tế theo nghĩa hẹp, mà là mọi loại vấn đề lựa chọn từ sự li dị và từ xác định số con đến bầu cử quốc hội. Cuốn sách của tôi có lí do đứng lên chống lại cách tiếp cận sai lầm, đơn giản hoá này. Cái mà ở trên, nhìn chung, tôi đã nói về những sai lầm của giải nghĩa và đào tạo các mô hình tân cổđiển, càng đúng với sự gay gắt đặc biệt đối với các lí thuyết

https://thuviensach.vn

về tối ưu hoá, về các hàm thoả dụng, về sắp đặt sở thích. Nhà kinh tế học đã quen, rằng đây là một mô hình phổ quát, và suy nghĩ trong khung khổ khái niệm này, ngay cả khi không có quyền.

(*) Tôi tóm tắt cái lõi của ý tưởng một cách ngắn gọn cho những người không thành thạo về đề tài này. Người ra quyết định được gọi là duy lí, nếu có những ưa thích của mình và nhất quyết bám lấy chúng. Hoặc ưu tiên lựa chọn khả dĩ "A" đối lại với lựa chọn khả dĩ "B", hoặc ưu tiên "B" đối lại với "A", hoặc bàng quan. Nhưng nếu một lần sở thích đã là "A", thì lần tiếp không thể lựa chọn "B".

Trong đa số các tác phẩm của trường phái tân cổ điển người ta giả thiết, rằng người ra quyết định có một "hàm thoả dụng" (utility function) của mình. Ứng xử của anh ta có thể được mô tả đặc trưng như, tối đa hoá, hay dùng thuật ngữ khác tối ưu hoá "tính thoả dụng". Có thể chứng minh, rằng – bên cạnh các giả thiết xác định-hai loại chủ nghĩa hình thức này (sắp xếp sở thích và tối đa hoá hàm thoả dụng) là tương đương với nhau.

Amartya Sen (1977) biếm hoạ thật trúng cách hiểu này, khi ông viết, rằng "kẻ ngố duy lí" (rational fool) cũng hợp với bức tranh, mà mô hình này vẽ về người ra quyết định duy lí. Ngay cả nếu hắn theo đuổi các định kiến điên rồ, nhưng làm việc này một cách nhất quán – thì cũng được đánh giá là duy lí.

Cuốn *Anti-Equilibrium* xem xét vấn đề này trong hai chương dài, nhưng bây giờ tôi chỉ lựa ra một đề tài duy nhất. AE đưa ra một sự phân biệt quan trọng. Nó phân biệt các quyết định lặp đi lặp lại và các quyết định không lặp đi lặp lại, ngoài ra các quyết định có thể so sánh và các quyết định không thể so sánh với nhau.

Mọi ngày tôi có thể lựa chọn giữa các thức uống, rằng tôi uống thứ nào trong các bữa ăn. Cho dù nếu thức uống cụ thể cũng phụ thuộc vào thực đơn ngày đó, vào tâm trạng của tôi, v.v., nhưng trong ứng xử tiêu dùng của tôi có lẽ có thể chỉ ra một hình mẫu (pattern) ổn định, một mức độ không đổi nhất định của sự ưa thích hay không thích liên quan đến các loại thức uống. Việc lựa chọn thức uống là quyết định lặp đi lặp lại, và vấn đề quyết định hôm nay của tôi trong mọi khía cạnh có thể so sánh với của ngày hôm qua.

Ngược lại với cái này, hãy đối sánh một thế lưỡng nan quyết định khác. Mùa đông năm 1956-1957 biên giới được mở, đã có thể chui

https://thuviensach.vn

khỏi bức màn sắt mà không có mấy rủi ro. Trước đó biên giới bị đóng, và tất cả mọi người đều đoán (như nhìn lại hoá ra là, có lí), rằng nó sẽ mau chóng đóng lại. Đi hay ở? Đây đã là vấn đề quyết định không lặp lại. Sau này cũng có người "di tản", nhưng việc đó đã xảy ra trong hoàn cảnh khác, các rủi ro thất bại cũng khác, và sự chấp nhận ở nước ngoài cũng khác. Vấn đề "đi hay ở" muộn hơn không còn có thể so sánh được với thế lưỡng nan nảy sinh đối với chúng ta vào mùa đông 1956-1957.

Chúng ta có thể đưa thêm hai nhận xét.

Mô hình sở thích tân cổ điển có thể được sử dụng để phân tích các vấn đề quyết định lặp lại và có thể so sánh. Nó thích hợp, thí dụ, để chúng ta đo lường sự không nhất quán với sự giúp đỡ của nó. Ngược lại, liên quan đến các quyết định không lặp lại và không thể so sánh, thì mô hình "lựa chọn duy lí" đơn giản là không thể giải nghĩa được, không thể áp dụng được.

Tất nhiên các quyết định loại đầu, các quyết định "nhỏ" cũng lí thú, đặc biệt đối với các nhà kinh tế. Trên cơ sở này chúng ta xây dựng, chẳng hạn, sự ước lượng của các hàm cầu, dựa trên việc theo dõi có hệ thống ứng xử tiêu dùng, hay các hàm mô tảứng xử của doanh nghiệp, mô tả các quyết định lặp lại của lãnh đạo doanh nghiệp.

Thế nhưng các quyết định "lớn" của đời sống đa phần là các quyết định một lần, không lặp lại. Trong lịch sử của cá nhân và của các dân tộc có các bước ngoặt, các sự kiện không quay trở lại. Thật khốn nạn cho nhà khoa học xã hội nào, muốn dùng sự sắp đặt sở thích sẵn có để giải thích, con người ứng xử ra sao trong trường hợp các quyết định lớn thật sự! Khi, vào các năm 1967-1970, tôi hình thành ý kiến của mình về vấn đề này, và tôi đưa ra sự phân biệt này, thì về cơ bản tôi dựa vào việc tự xem xét nội tâm. Tôi không nhìn được vào tâm hồn của người khác, vào quá trình quyết định của những người khác, nhưng tôi nhìn được vào của riêng tôi. Tôi biết, rằng trong những giây phút đầy kịch tính này, khi tôi quyết định về những cái như, tôi có di tản hay không, tôi có vào lại đảng hay không, tôi hãy làm gì trong những giây phút của cách mạng, và v.v., thì tôi không có các sở thích sẵn cho trước.(*)Hình thành sự tương tác đặc biệt giữa các giá trị (các sở thích) và hoàn cảnh, các khả năng lựa chọn. Việc phân biệt "các ràng buộc" và "các sở thích" là không thể thực hiện được. Vấn đề tính

https://thuviensach.vn

nhất quán nghiêm ngặt theo thời gian cũng chẳng thể được đặt ra, bởi vì trong các thời kì muộn hơn các thách thức lớn của lúc ấy, những hoàn cảnh của các quyết định lớn lúc ấy có thể khác hẳn với các thứ trước kia.

(*)Trong chương 2 tôi đã mô tả quá trình quyết định, đã dẫn tôi đến việc gia nhập đảng cộng sản. Đã không có sẵn các sở thích được hình thành trước của tôi. Nhiều loại động cơ thúc đẩy tôi đi đến quyết định. Còn khi quyết định lớn cho thời kì dài này đã được đưa ra, thì chính cái này đã tạo ra những sở thích của tôi liên quan đến nhiều vấn đề quyết định nhỏ hơn, lặp đi lặp lại trong thời gian tiếp theo.

Ngày nay tôi cũng cho rằng, với sự phân biệt này và nhiều nhận xét phê phán khác tôi đã dò đúng hướng.

Sự chuyển biến của đời sống khoa học trong thời kì từ khi viết AE, xét từ quan điểm đề tài của chúng ta, không thểđáng giá được một cách thống nhất.Có những kết quả đáng khích lệ, chỉ chính xác theo hướng được AE cho là đáng mong muốn. Quan trọng nhất trong số đó là sự hợp tác, hình thành giữa các nhà tâm lí học và các nhà kinh tế học lí thuyết, để nghiên cứu các quá trình ra quyết định nói chung và bên trong đó để xét lại mô hình lí tưởng hoá của "người ra quyết định nhất quán". Nhiều kết quả khoa học có giá trịđã ra đời. Chương trình nghiên cứu, tự gọi mình là *behaviorial economics*,(*)đã trở thành một trường phái, và nó khảo sát với con mắt mới và muốn mô tảứng xử con người bằng các mô hình trung thực hơn với thực tế. Đặc biệt nổi bật lên từ trào lưu này là các công trình của Amos Tversky và Daniel Kahneman, chỉ ra nhiều sự khác thường của lí thuyết, tức là những sự lệch có hệ thống có thể quan sát được khỏi cái, mà theo mô hình người ra quyết định duy lí lẽ ra phải thế. Giải Nobel [2002, N.D.] cho Kahneman bày tỏ sự công nhận của chuyên ngành. (Đáng tiếc, người đồng sáng tạo, Tversky đã không còn sống để được giải [ông mất 1996, N.D.]).(**)

Trong các khía cạnh khác, ngược lại, xuất hiện các hiện tượng đáng lo ngại. Người ta bắt đầu áp dụng mô hình "lựa chọn duy lí" một cách rộng rãi vào xã hội học, chính trị học, thậm chí, xin trời thứ lỗi, vào cả khoa học lịch sử nữa, môn có vai trò đặc biệt trong nghiên cứu các sự kiện không lặp lại. Cụ thể là không theo cách tinh tếđã được nhắc tới ở trước (với tư cách mẫu chuẩn so sánh), mà nhiều khi theo

https://thuviensach.vn

cắt nghĩa khá thô thiển, đơn giản hoá. Lời cảnh cáo và phê phán được viết hàng thập kỉ trước ngày nay vẫn còn nguyên tính thời sự.

Các tín hiệu không mang tính giá cả

Trong lí thuyết bị phê phán chỉ có một loại thông tin duy nhất chảy giữa các đơn vị của hệ thống, và đấy là giá. Tính độc chiếm này làm phiền tôi.

Trong quan hệ giữa các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa các giá hầu như không có ảnh hưởng đến sản xuất và sử dụng. Loại thông tin khác có tác động lớn: các chỉ thị kế hoạch, các tín hiệu do sự tăng lên hay giảm xuống của hàng dự trữ, do độ dài của hàng những người xếp hàng chờ mua sản phẩm và thời gian chờ đợi, do các đơn hàng được tính bằng các đơn vị số lượng và v.v. cung cấp. Nếu tất cả những thứ này bị loại ra khỏi phân tích, thì chúng ta không biết giải thích: cái gì là cái lợi thế đặc biệt, mà các tín hiệu giá cả mang theo mình trong trường hợp cơ chế thị trường được phục sinh.

(*) Chỉ có thể dịch một cách hơi gượng gạo ra tiếng Hungary. Dịch theo nghĩa đen là "kinh tế học ứng xử".

(**) Người ta quen công nhận các kết quả của Tversky và Kahneman với một cái gật đầu, chí ít trong một chú thích. Thế nhưng sau đó đa số các nhà kinh tế học của dòng chủ lưu vẫn tiếp tục, cứ như lí thuyết mới này đã chẳng hề xuất hiện. Họ yên tâm sử dụng các giả thiết quen thuộc, bảo là: người khác cũng làm thế. *Cấy* các kết quả của nhóm Tversky vào mô hình – đây là sự biện bạch quen thuộc – đáng tiếc là khó, làm cho bộ máy toán học quá phức tạp.

Tất nhiên trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, vai trò mang thông tin của các giá cũng chẳng phải là độc nhất. Các tín hiệu không có tính chất giá khác nhau cũng có vai trò lớn ở đó.

AE cũng dò lần đúng hướng bằng phân tích vấn đề này. Đáng mừng là, trong các thập niên vừa qua khảo sát khoa học về vai trò của các tín hiệu, của thông tin đã trải qua sự phát triển khổng lồ.

Cân bằng, thị trường của những người mua và những người bán

"Cái tỏ ra đặc biệt khó trong kinh tế học, là định nghĩa các phạm trù … Sự thiếu tính chính xác luôn luôn xuất phát từ lĩnh vực khái niệm…"[126] – tôi trích dẫn (von) Neumann János trong cuốn sách của mình. Đã có (và nay vẫn có) rắc rối quanh khái niệm cân bằng.

https://thuviensach.vn

Vật lí học và nói chung khoa học tự nhiên sử dụng nó như phạm trù *thực chứng* (*positive category*). Thuật ngữ (đúng như thuật ngữ Latin, Anh hay Đức) gợi nhớ đến cái cân, trên đó các trọng lượng bằng nhau ở cả hai bên. Nếu chúng ta đụng nhẹ làm nghiêng cái cân, thì sau một chút dao động nó quay trở lại trạng thái cân bằng: nếu chúng ta không đụng vào nó, thì tự nó không đu đưa ra khỏi cân bằng (cân bằng tĩnh). Cái cân đứng yên ở một vị trí, vì thế trong ẩn dụ nàyta nói về sự cân bằng tĩnh. Theo nghĩa tương tự chúng ta có thể nói về quỹ đạo cân bằng động. Tuy hệ thống chuyển động, nhưng nếu giả như chúng ta cắt một ô phim từ cuộn phim được quay về nó, chúng ta sẽ thấy hệ thống trong cân bằng trên đó.

Trường phái lí thuyết tân cổ điển sử dụng khái niệm "cân bằng thị trường" theo nghĩa thực chứng này. Trong lí thuyết tĩnh thị trường ở trong trạng thái cân bằng, nếu cung và cầu bằng nhau đối với mọi sản phẩm. Đối với rất nhiều phân tích đây là định nghĩa tạm được. Với sự phổ biến của những kiến thức kinh tế học sơ đẳng, định nghĩa này chuyển vào hiểu biết chung, vào ngôn ngữ của các nhà chính trị kinh tế và của báo chí.

Cũng gắn với điều này là cách tiếp cận *chuẩn tắc* (*normative*) của vấn đề. Đáng mong muốn là thị trường ở trong cân bằng. Xấu, nếu cầu vượt cung, và xuất hiện thiếu hụt, nhưng cũng chẳng tốt, nếu hàng tồn trữ không thể bán được ngày càng tăng

Mặc dù tôi công nhận sức mạnh làm sáng tỏ của cách dùng từ ngữ này, và cả chuyện, với tính đơn giản nó đã chinh phục cả chuyên ngành, lẫn cách nói thông dụng – nhưng vẫn không thoả mãn khi tôi viết AE, và cả ngày nay tôi cũng không cho là thoảđáng.

Đầu tiên hãy xem xét chủ nghĩa tư bản. Những người bán luôn luôn muốn bán nhiều hơn mức – xét tổng thể tất cả những người bán và người mua – thực sự có thể bán với giá có hiệu lực. Riêng từng người bán đều chuẩn bị, để-trong chừng mực nó thành công – có khả năng bán nhiều hơn cho đến nay. Có năng lực dự trữ và kho hàng dự trữ cho việc này. *Trong ý nghĩa này* cung vượt cầu. Cung là bên dài hơn, cầu là bên ngắn hơn, và giao dịch, sự mua bán thật luôn luôn được thực hiện phù hợp với bên ngắn hơn. Nếu giả như chúng ta hiểu thuật ngữ cân bằng theo cách giống như các nhà vật lí, thì *đây* là trạng thái cân bằng của thị trường, chứ không phải trạng thái "cung bằng

https://thuviensach.vn

cầu". Thị trường quay lại trạng thái này hết lần này đến lần khác, ngay cả khi, nếu chu kì kinh doanh làm thị trường lệch khỏi nó. (Thí dụ trong thời kì hưng thịnh những năng lực dưđã biến mất hay co lại mạnh, và hàng tồn trữ thu nhỏ lại một cách bất bình thường). Vì chuyện này không được phép lắc đầu lo lắng, bởi vì một trong những động lực lớn thực sự của chủ nghĩa tư bản ẩn náu chính trong sự bất đối xứng này. Cái này đẩy cạnh tranh, cái này kích thích sự tranh đua. Loại bất đối xứng này cho những người mua ưu thế. Người mua có thể lựa chọn giữa những người bán, chứ không phải người bán giữa những người mua. Và cái quan trọng nhất: cạnh tranh, sự tranh đua bắt buộc phải phát triển kĩ thuật, phải đưa các sản phẩm mới ra thị trường.

Tôi càng cảm thấy sự bất đối xứng này rõ hơn, bởi vì tôi đã sống trong tình hình ngược lại, trong đó người bán có ưu thế, khi người bán có thể chọn lựa giữa những người mua. Trạng thái này không phải là sự lệch tạm thời khỏi cân bằng: dư cầu là lâu bền. Những hoàn cảnh chính trị và kinh tế nhất định liên tục tái sinh ra thiếu hụt. Nền kinh tế thiếu hụt là trạng thái cân bằng thực sự của hệ thống xã hội chủ nghĩa, chứ không phải tình trạng "cung bằng cầu".

Trong AE tôi cho hai tình trạng cân bằng này những cái tên mới, lạ: "ép" và "hút". Trong tình trạng trước người bán ép sản phẩm lên người mua, còn ở trường hợp sau người mua khao khát hút sản phẩm từ các nơi bán. Tôi phải ghi nhận là, cả chuyên ngành lẫn cả ngôn ngữ chung đã không chấp nhận cách gọi này. Trong các tác phẩm sau này của mình tôi đã từ bỏ nó. Thay vào đó tôi đã chuyển sang dùng thuật ngữ "thị trường của những người mua" và "thị trường của những người bán" đã phổ biến trước đó giữa các nhà kinh tế học. Những tên gọi này đã không gây ra sự ác cảm, đã không bị ghét.

Đáng tiếc, tôi phải khẳng định rằng, vấn đề chính không phải là tên gọi không thành công. Bản thân ý tưởng -trạng thái bất đối xứng, không cân, nghiêng về một bên, ưu thế *hoặc* là của người mua, *hoặc* là của người bán – đã không thực sự thấm nhuần. Tôi vẫn tiếp tục kiên trì ủng hộ lập luận này. Tôi lấy làm tiếc, tôi đã không thuyết phục được các đồng nghiệp của mình.

Trong lí thuyết Walras-Arrow-Debreu xuất hiện khái niệm "cân bằng cạnh tranh". Đây là trạng thái, trong đó trên mọi thị trường thành phần cung bằng cầu. Tôi thừa nhận, do có sự chính xác của nó, phạm

https://thuviensach.vn

trù lí thuyết này cũng có thể dùng được như mẫu chuẩn. Nó làm cho việc mô tả một hệ thống thực tế dễ hơn, nếu chúng ta có thể nói: nó lệch khỏi cân bằng cạnh tranh Walras thế này thế nọ. Giá mà đừng có bổ ngữ "cạnh tranh" trong khái niệm này! Chính sự cạnh tranh thực biến mất, nếu ở đây, giả như chủ nghĩa tư bản rơi vào điểm cố định trong trạng thái Walras.(*)Ở đây không còn cần xô đẩy nhau, không cần đổi mới, mỗi cái cọc đã tìm được con trâu của mình, mọi nhà sản xuất-bán hàng với việc sản xuất cho trước đã tìm thấy người mua của mình. May cho nó là, đây không phải là trạng thái cân bằng bình thường, lâu dài của chủ nghĩa tư bản thật sự, mà là sự tranh đua muốn nuốt lẫn nhau của những người sản xuất-bán hàng và cùng với nó là sự liên tục đổi mới cơ cấu sản xuất, đổi mới sản phẩm.

Bây giờ tôi biết cách giải thích đầu đề của cuốn sách, nó đã có hai nghĩa. Một mặt: nó muốn phê phán lí thuyết cân bằng chung (general equilibrium theory). Mặt khác nó muốn chống lại việc, chúng ta coi cái gọi là trạng thái "cân bằng cạnh tranh" yên ả, không thúc đẩy đổi mới là trạng thái đáng mong muốn.

Giải nghĩa lí thuyết cân bằng chung từ quan điểm chính trị

(*) *Tiểu luận* ngắn hơn đã có trước dạng in của AE. Trong *Tiểu luận* phạm trù "cân bằng cạnh tranh" Walras được tôi so sánh với quan hệ nam nữ giữa một phụ nữ lãnh cảm và một đàn ông liệt dương. Muộn hơn dường như tôi thấy lối văn phong tao nhã hơn là thích hợp hơn, bởi vì sự so sánh này đã bị bỏđi trong cuốn sách.

Các nhà phê phán triệt để của chủ nghĩa tư bản lên án trường phái kinh tế học tân cổ điển là, với các lí thuyết của mình nó bảo vệ và ca ngợi hệ thống tư bản chủ nghĩa. Đây là sự khái quát hoá giả mạo.

Lí thuyết tân cổ điển và cái lõi lí thuyết của nó, lí thuyết cân bằng chung, *trung lập về chính trị*. Cả các luận thuyết cơ bản của nó, lẫn hệ thống khái niệm của nó không "thiên vị" xét từ quan điểm chính trị. Trong số những người theo và những người ứng dụng nó có thể thấy những người bảo thủ, tự do và xã hội. AE kiên quyết khẳng định lập trường này, và như thế nó đối đầu với những người trong thời gian đó chẳng biết nói gì về các nhà nghiên cứu thuộc trường phái tân cổ điển khác hơn là "các nhà kinh tế học tư sản", "những kẻ biện hộ của chủ nghĩa tư bản".

https://thuviensach.vn

Tôi đã tìm thấy hai loại lỗi điển hình trong kinh tế học phương Tây đương thời, xét từ quan điểm của nhà nghiên cứu so sánh các hệ thống và muốn thay đổi chế độ hiện hành. Một là: thị trường cám dỗ người ta lí tưởng hoá, nó không nhồi đủ mạnh vào tư duy kinh tế, rằng cần đến nhà nước và các cơ chế điều tiết bổ sung khác. Thứ hai: nó không chỉ ra ưu thế thực sự của thị trường, các động lực thật của chủ nghĩa tư bản, vừa được nói đến ở trên. Nó đồng thời cho bức tranh quá hồng và không đủ hồng về thị trường.

Tôi cẩn trọng thống kê, ở đâu trong các công trình xã hội chủ nghĩa, cấp tiến có thể tìm thấy sự giống nhau với mô hình Walras-Arrow-Debreu và nói chung hơn, với tư duy tân cổ điển.

Thí dụ về điều này trong cuốn sách này đã nhắc đến Oscar Lange, người đã sử dụng bộ máy tư duy Walras để sáng tạo ra lí thuyết xã hội chủ nghĩa nổi tiếng của mình.

Thí dụ mới hơn là trường phái Kantorovich ở Liên Xô. Họ kiến nghị với bộ mặt nghiêm túc rằng, cần phải điều tiết nền kinh tế bằng các giá ngầm (shadow price) nhận được bằng quy hoạch tuyến tính, cứ như là nó thay thế cho các giá được hình thành trên thị trường sống động. Dễ hiểu là, vì sao các nhà kinh tế học phương Tây nhận ra rằng, Kantorovich là họ hàng trí tuệ thân thích của họ; hệ phương trình của ông, ở dạng toán học hơi sửa đi một chút, là một dạng của hệ phương trình Walras.

AE cũng đề cập đến, rằng hệ thống phương trình của tập II *Tư bản luận*, khái niệm cân bằng động của nó cũng có các nét giống với lí thuyết cân bằng chung. Điều này chọc tức các bạn đọc Marxist của tôi.

Bất chấp điều này, ở phía xã hội chủ nghĩa, cấp tiến người ta hoan nghênh AE hơn là người ta xa lánh nó. Họ vui mừng vì "chúng ta có chung kẻ thù". Từ nó họ đã không đọc ra, rằng đây là "sự biện hộ" mạnh hơn nhiều cho chủ nghĩa tư bản, so với sự ca ngợi "cân bằng thị trường" mờ nhạt. Cuốn sách của tôi nhấn mạnh trong số những tính ưu việt của chủ nghĩa tư bản, cái mà Marx và Engels cũng thừa nhận trong *Tuyên ngôn Cộng sản*, và cái là trung tâm của lí thuyết của Schumpeter: các động lực của tiến bộ kĩ thuật, của sự đổi mới liên tục, mà các tính chất nội tại của chế độ tư bản chủ nghĩa liên tục sinh ra.(*)

Cải cách hay cách mạng trong khoa học

https://thuviensach.vn

(*)Cuốn sách công bố bảng chi tiết, rằng các sản phẩm mới quan trọng nhất thực sự cách mạng hoá sản xuất, tiêu dùng và cách sống đã sinh ra khi nào và ở đâu. Thấy rõ từ đó là, các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong thời kì lịch sử dài tồn tại của nó hầu như chỉ tạo ra vài sản phẩm "cách mạng" như thế. Tuyệt đại bộ phận nảy sinh trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Bản thân sự so sánh này cũng là một bản án chống lại nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. [Xem cả bảng 12.7 của *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* tr. 308-309, N. D.].

Xem xét toàn bộ tình hình khi đó của khoa học-kinh tế, tôi nhận ra, rằng nhiều nghiên cứu có kết quả đang xảy ra theo hướng mà tôi đã cho là đáng mong muốn, và bắt đầu lấp các lỗ hổng giữa lí thuyết Walras và thực tế. Thế nhưngtôi cảm thấy sự thay đổi là quá chậm. Thay cho cải cách tư duy khoa học hiện tồn tôi cho cách mạng khoa học là cần thiết. Tôi không phải không khiêm tốn, tôi chẳng hề khẳng định dù một giây, rằng cuốn sách của tôi *có nghĩa* là cách mạng. Tôi đánh giá công trình của mình là bán thành phẩm; là tác phẩm không nhiều hơn sự bày tỏ *mong muốn* cách mạng.

Tôi đã diễn đạt rất gay gắt. Mượn cụm từ của Heisenberg tôi đã gọi lí thuyết cân bằng chung là "pha lê toán học", loại hệ thống tiên đề đóng kín, không thể sửa được.[127]

Tính cách mạng này, với cái đầu hôm nay, tôi coi là bị nhầm lẫn.(*)

Từ khi xuất hiện tác phẩm khoa học luận cổ điển của Kuhn[128] đề tài tranh luận là, liệu các cuộc cách mạng theo nghĩa thật sự của từ có xảy ra hay không trong lịch sử các khoa học tự nhiên. Ngần ấy tuy nhiên có vẻ là chắc chắn, rằng trong sự phát triển của các khoa học xã hội, nếu có các bước ngoặt, các bước nhảy vọt, sự bổ sung của các hệ thống tư duy trước bằng những cái mới đi nữa, thì sự liên tục là tương đối lớn. Các yếu tố của cải cách và cách mạng liên tục đan xen vào nhau.

Khi viết AE tôi đánh giá thấp sự sẵn sàng phát triển và khả năng của trường phái tân cổ điển. Nhiều kết quả, mà tôi đã nhắc đến trong giãi bày ngắn này, cũng như những kết quả không được nhắc đến, chứng minh rằng, dù không có cách mạng ngoạn mục trường phái này cũng đã có thể đi khá xa từ trạng thái đặc trưng của các năm 1960.

Tuy nhiên, tôi cần phải nói thêm rằng: sự sốt ruột khi đó của tôi là có thể hiểu được, và ngày nay cũng chưa hết. Có thể thấy khả năng tự

https://thuviensach.vn

đổi mới, nhưng cũng có thể thấy tính ngoan cố nữa, hầu như là sự gắn bó cố chấp với những sơ đồ tư duy đã được dùng quen và thoải mái, ngay cảở chỗ, nơi nổi lên những sự nghi ngờ có lí chống lại việc sử dụng chúng.

Sự tiếp nhận đầu tiên, tác động dài hạn

Lúc đầu AE đã có tiếng vang lớn. Tôi được nhiều kính trọng. Kenneth Arrow và Hebert Simon trong các bài giảng Nobel của họ đã thống nhất nhắc đến khẳng định này khẳng định nọ của nó.[129] Trong các năm đầu sau khi ra mắt đã xuất hiện nhiều dẫn chiếu khác trong các bài báo và các sách. Có 38 bài phê bình cuốn sách trên các tạp chí chuyên ngành. Khi đó các sinh viên kinh tế tranh luận tỉ mỉ về nó. Chỉ riêng sự thực, rằng một cuốn sách phê phán toàn diện trường phái hầu như độc tôn, đã gây ra sự hồi hộp trí tuệ, và khiến nhiều người tràn ngập niềm vui.

Chỉ có một-hai sự bác bỏ được nhấn mạnh. Tôi đã tin, công trình của mình mang lại thành quả của nó, đã bắt đầu kích sự lên men, sẽ có tác động lớn.

(*) Khi tôi đoạn tuyệt với chủ nghĩa Marx, chủ nghĩa cấp tiến đã thích hợp tốt; việc đầu tiên "tôi xoá sổ thành số không"giá trị vốn trí tuệ lấy từ chủ nghĩa Marx, tôi vất bỏ tất cả, và sau đó chỉ suy ngẫm lại từng cái một, từng luận thuyết và phương pháp một, tôi mới có khuynh hướng chấp nhận lại- với điều kiện, tôi tin chắc vào khả năng sử dụng của chúng. Cũng chủ nghĩa cấp tiến này – mà, có vẻ, tôi có khuynh hướng-đã không thích hợp liên quan đến dòng chủ lưu tân cổđiển. Dòng này (với cách nói của Lakatos Imre) không là một chương trình khoa học thoái hoá, mà vẫn là chương trình có khả năng phát triển.

Đã không xảy ra như thế. Không có những bác bỏ mới tiếp theo những bác bỏ đầu tiên; cũng đúng, các dẫn chiếu tích cực đầu tiên cũng chẳng được tiếp tục. Cuộc tranh luận chấm dứt. Thế chỗ cho sự quan tâm gây xúc động đầu tiên là sự yên lặng. (*)

Tôi đã kể về những nghiên cứu có kết quả được tiến hành trên nhiều lĩnh vực, đúng theo chiều hướng, mà AE đã nêu ra. Đâylà cảm giác vui. Tuy nhiên tôi phải thành thật thú nhận: thật buồn là, các công trình đã không nhắc đến *Anti-Equilibrium* như tiền đề lịch sử của sự phát triển mới.(**)

https://thuviensach.vn

Vì sao cuốn sách đã không tác động mạnh hơn, như tôi đã mong đợi, rằng nó sẽ có ảnh hưởng lớn đến tư duy kinh tế học? Có các công trình của tôi, đã mang lại tác động tôi hi vọng hay còn nhiều hơn tôi mong đợi. Vì sao tôi phải thất vọng với AE?

Một điều không may là phong cách của nó hay tôi có thể nói nếu thích: "thể loại của nó". Đầy rẫy các kí hiệu toán học, mặc dù nó không dùng chúng cho phân tích toán học. Có quá nhiều định nghĩa cầu kì - rồi lại không dùng định nghĩa đã được làm rõ một cách khó khăn cho phân tích nghiêm ngặt. Cuốn sách đầy rẫy "việc đặt tên lại" của các phạm trù. Việc này hiếm khi thành công. Ở đây chắc chắn gậy ông lại đập lưng ông. Nhiều khái niệm mới không lôi cuốn người đọc.

Phiên bản trước, *Tiểu luận* ngắn hơn nhiều, súc tích hơn, hoàn toàn bằng lời nhìn từ nhiều mặt đã có kết quả hơn. Tôi đã hiểu sai tình hình. Thấy nhiều công trình, dùng bộ máy toán học, tôi đã nghĩ: tôi cũng phải làm cho công trình của mình khớp vào thể loại này. Lẽ ra tốt hơn nếu tôi trình bày nội dung của mình theo lối tiểu luận.

Giọng phê phán của tôi lịch sự và văn minh, trong đó không hề có dấu vết của thói dạy đời ngạo mạn Marx-Lenin. Nhưng giọng điệu như thế cũng quá cấp tiến. Đánh trúng tim, khi tôi đọc bài viết của David Laibson và Richard Zeckhauser về Tversky[130], về nhà kinh tế học-tâm lí học lớn của Israel, người cùng với Kahneman đã đóng góp to lớn vào việc hiểu kĩ hơn sự ra quyết định. Tversky đã không mắc những lỗi "ngoại giao", mà tôi đã mắc trong AE. Ông đã không nói: "hãy làm lại từ đầu!", mà ông công nhận tất cả giá trị của mô hình đã được dùng đến lúc đó. "Hãy xuất phát từ đấy và tiếp tục với việc, rằng…" Cách tiếp cận này dễ được chấp nhận hơn nhiều đối với đồng nghiệp nghiên cứu, người mà chúng ta muốn thuyết phục, rằng cần phải thay đổi.

Phân tích các nguyên nhân của thất bại (hay chính xác hơn: nửa thất bại), cũng cần phải để lộ ra các nguyên nhân *nội dung* quan trọng hơn phong cách và "thể loại".

(*)Nhà kinh tế học vĩ mô Pháp-Mĩ nổi tiếng, Olivier Blanchard (1999, tr. 205) đã phỏng vấn tôi cho một tạp chí. Tôi có nhắc đến, rằng *Anti-Equilibrium* "đã biến mất" vài năm sau sự xuất hiện của nó. Ông phản ứng lại các lời của tôi thế này (tôi trích văn bản được công bố của phỏng vấn): "Theo tôi cuốn sách đã rất có kết quả. Ở đất nước tôi, ở nước Pháp, nó đã là một trong những cuốn sách, mà tất cả chúng tôi

https://thuviensach.vn

đều đọc. Nó đã trở thành một phần của tri thức chung, và với tư cách như thế, sau đó hầu như người ta không nhắc đến nữa. Tôi nghĩ rằng, những sáng kiến khác cũng đã có số phận như vậy. Đây có lẽ là dấu hiệu của thành công".

(**) Các nhà kinh tế học có tên tuổi lên tiếng phê phán toàn diện lí thuyết tân cổ điển, trong nhiều điểm lặp lại cùng các quan điểm, mà cuốn sách xuất bản năm 1970 của tôi đã đề cập, mà không hề nhắc đến tiền đề, đến cái đã xảy ra trước. Vì sao sự dẫn chiếu lại bị bỏ đi? Có lẽ là bởi vì, nhà nghiên cứu đã không biết AE, và đã tiến hành những nghiên cứu của mình thực sự độc lập với nó. Hoặc có lẽđã đọc cuốn sách khi nào đó, nhưng đã bị đẩy xuống các tầng dưới của ý thức, và cũng chẳng còn nhớ đến nó, khi viết công trình của mình, khi chuẩn bị bài giảng của mình. Thế nhưng tôi cũng chẳng thể loại trừ, rằng thực ra có nhớ đến nó, rằng ý tưởng do mình trình bày đã xuất hiện rồi trong AE, nhưng không coi là bắt buộc phải thông báo điều này với bạn đọc hay người nghe.

Bản thân phê phán, nhiều nhất có thể làm yếu đi uy tín của một lí thuyết cho trước, và với việc đó làm mềm sự phản kháng trí tuệ đối với một lí thuyết mới. Nhưng chẳng bao giờ có thể dẫn đến việc đánh đổ một lí thuyết đã được chấp nhận, được chuyên ngành sử dụng. Không thể xuất hiện chân không. Thế chỗ cho một lí thuyết cũ chỉ một lí thuyết mới có thể bước vào, nếu chuyên ngành được thuyết phục, rằng nó có thể dùng được tốt hơn.(*)

AE đã không chào một lí thuyết mới; trước hết vì thế nó đã không đột phá.

Tôi chỉ nhắc đến một thí dụ duy nhất. Cuốn sách chỉ ra rằng, mô hình Walras-Arrow-Debreu toả ra bức tranh hài hoà: mỗi người tìm thấy chỗ của mình trong trạng thái cân bằng một cách tốt đẹp và yên bình. Đã đến lúc cần chú ý hơn nhiều đến mô hình hoá các xung đột. Nó cũng đưa ra vài thí dụ về các mâu thuẫn thịnh hành giữa các ngành của bộ máy nhà nước quan liêu hay trong nội bộ xí nghiệp. Nó kiến nghị nghiên cứu các mâu thuẫn - trước xa sự phục hưng của lí thuyết trò chơi.

Chính đấy là vấn đề. Khảo sát các mâu thuẫn bắt đầu có đà cực lớn, chính vào khi theo bước Nash và những người khác người ta phát

https://thuviensach.vn

triển các công cụ lí thuyết mới và bắt đầu sử dụng chúng, bắt đầu xây dựng các cấu trúc lí thuyết mới.

Hầu như không có thí dụ nào về chuyện, *việc khuyến nghị* đơn thuần về một đề tài lớn và quan trọng lại khởi động một chương trình nghiên cứu màu mỡ. Chương trình nghiên cứu có hiệu quả thực sự bắt đầu với một *công trình sáng tạo xây dựng gây hào hứng*. Trong các tài liệu Anglo Saxon người ta thường dùng bổ ngữ "seminal", tức là "hạt giống" sinh sôi, cho các công trình như vậy.

"Hãy tự làm lấy, nếu không có đầy tớ" – như một ngạn ngữ Hungary nói. Trong số các nhiệm vụ nghiên cứu do AE kiến nghị, đa số do tôi thử thực hiện (một mình hay cùng với các cộng sự). Từ một vài trong số những thử nghiệm này cũng đã nảy sinh kết quả lí thuyết mới. (Trong các chương sau sẽ nói về các kết quả này).

Khi tôi ngẫm nghĩ về vấn đề này, thực ra tôi cũng phải suy nghĩ về tổng thành tích khoa học của cả đời tôi. Có loại nhà nghiên cứu, một lần có một sáng kiến lớn, mộtý tưởng thực sự độc đáo và quan trọng, và dành cả cuộc đời mình, để chỉnh lí ý tưởng này, để phát triển tiếp, ứng dụng, truyền bá nó, để tạo trường phái quanh ý tưởng này. Có người đặt cơ sở cho sự nghiệp của mình trên hai hay ba ý tưởng quan trọng, và thực hiện tất cả như tôi vừa nói về hoạt động của loại sáng tạo trước. Lịch sử của lí thuyết chứng minh, rằng chiến lược nghiên cứu tập trung loại như vậy có thể mang lại những kết quả rất lớn. Tôi buộc phải ghi nhận, rằng các khuynh hướng riêng của tôi thúc đẩy theo chiến lược khác. Hếtý tưởng mới này đếný tưởng mới kia liên tục nảy sinh trong tôi. Đáng tiếc, tôi hiếm khi có sự kiên nhẫn, để dừng lại ở ý tưởng này hay ý tưởng khác, và với sự bền chí cực đại và kiên trì để bắt đầu phát triển, áp dụng, truyền bá, xây dựng trường phái quanh ý tưởng. Khi tất cả đã được khởi động (và trong vài trường hợp thật sựđã được khởi động…)-thì tôi đã lao đi tiếp, bởi vì ý tưởng tiếp theo bắt đầu làm tôi hồi hộp. Không phải trong tất cả các trường hợp điều này xảy ra như vậy, thế nhưng có thể đưa ra nhiều thí dụ như thế từ các công trình của tôi. Nội dung và câu chuyện về sau của AE trong mọi trường hợp minh hoạ tốt cho sự "phi nước đại" này. Cuốn sách - bất chấp mọi tính được biên tập cẩn trọng – là sự phóng vun vút từ một ý tưởng được hoàn tất một nửa sang một ý tưởng khác được hoàn tất một nửa.

https://thuviensach.vn

(*) Điều này không trở nên rõ ràng đối với tôi sau khi xuất bản cuốn sách, mà dưới ánh sáng của các phản ứng muộn hơn. Ngay khi thảo luận bản thảo người ta đã lưu ý tôi đến việc đó. Tôi còn lưu trong sưu tập tài liệu riêng của mình một bức thư về vấn đề này. Tôi giử từ Đại học Yale năm 1970 về Budapest cho một đồng nghiệp của tôi, và tôi kể về dư âm của bài giảng của tôi về đề tài AE. Đầu tiên tôi nhắc đến sự công nhận, rồi tôi tiếp tục thế này: "Một nhóm ý kiến khác: hỗn hợp của sự công nhận và không thoả mãn… Một đồng nghiệp, với sự châm biếm rất hóm hỉnh, đã gọi cái sau đây là thái độ tâm thần phân liệt: với một lỗ hổng ý thức của họ, họ biết, cái họ làm là không tốt-nhưng với một lỗ hổng khác họ vẫn tiếp tục phát triển cái họđang làm. Và họ chỉ bỏ cái này sau đó, nếu có ai đó đưa vào tay họ cái tốt hơn".

Có bõ công viết không?

Không nghi ngờ gì, rằng tôi đã gây ra cho mình nhiều khó khăn trên con đường sự nghiệp tiếp của tôi bằng việc, tôi đã viết và đã công bố AE. Trong chuyên ngành của chúng ta có những tín đồ thiển cận, thiên vị, có thành kiến sẵn của trường phái tân cổ điển, những người coi đây là tội lỗi không thể tha thứ được. Hơn nữa, nếu ngày nay tôi có thấy nhiều lỗi và nhiều yếu kém đi nữa trong AE, phần đáng kể các quan điểm được mô tả trong đó cho đến ngày nay tôi vẫn cho là có hiệu lực. Ngày nay tôi cũng chẳng nhìn với tư cách tín đồ mù quáng, mà tôi xem xét trường phái tân cổđiển với con mắt phê phán. Bây giờ tôi thường mô tả đặc trưng chính mình, như tôi nửa chân ở trong trào lưu chính và nửa chân ở ngoài. Có các vấn đề, mà trong cách tiếp cận tôi cùng nhịp với dòng nước, và có những vấn đề khác, trong đó tôi vẫn tiếp tục thử bơi ngược dòng. Tình trạng nửa trong nửa ngoài này đôi khi gây ra những sự va chạm. Trong nhiều trường hợp các bài viết của tôi không phù hợp với khẩu vị của các biên tập viên và những người hiệu đính, những người không khá mở đối với "tính khác".

Làm thế nào tôi lại có can đảm để viết cuốn sách này? Ngay trước khi viết tôi cũng chẳng hề nghi ngờ, rằng tác phẩm phê phán gay gắt này sẽ gây ra nhiều phẫn nộ, chê bai. Chắc chắn có phần trong này là, sau khi thất vọng với chủ nghĩa Marx khuynh hướng nghi ngờ suy ngẫm lại các sự vật đã hồi sinh và mạnh lên trong tôi. Nếu tôi đã một lần mù quáng và không phê phán với chủ nghĩa Marx-thì tôi không muốn mình mù quáng và không phê phán một lần nữa.

https://thuviensach.vn

Trong các chương trước tôi đã viết về chuyện, tôi không thể đi học ở trường đại học tốt, mà tôi buộc phải tự đào tạo mình theo cách tự học, đi cùng những bất lợi thế nào. Thế nhưng việc này cũng có những lợi thế của nó. Tuy tôi đã học lí thuyết của trào lưu chính, nhưng người ta đã không hết lần này đến lần khác, qua hàng chục các bài giảng và các hội thảo và qua chuẩn bị các đợt thi, nhồi vào tôi sâu đến mức, ngay cả trong giấc mơ của mình tôi cũng tự động nhớ đến câu trả lời tân cổđiển đứng đắn cho mọi câu hỏi. Tôi không hề nghĩ đến chuyện so sánh mình với Haydn. Tôi chỉ cảm thấy sự giống nhau nào đó liên quan đến *tình hình của ông*. Haydn đã sống những năm dài xa các trung tâm âm nhạc của thế giới (một cách tình cờ, ở nước ta, Hungary, ở lâu đài Esterházy). Một lần ông viết: "Tôi bị tách khỏi thế giới, như thế tôi đã có khả năng phát triển, khả năng gánh chịu rủi ro. Ở Eszterház đã không có ai đánh lạc hướng chú ý của tôi hay nghi ngờ tôi. Như thế tôi đã có thể trở nên độc đáo…"[131]

Giả như toàn bộ sự nghiệp hàn lâm của tôi đã diễn ra ở các đại học Mĩ, thì cũng vào khoảng tuổi đó, khi tôi viết AE, là thời gian tính đến chuyện phong giáo sư chính thức của tôi. Bản thảo của tôi đã bị các tạp chí hàng đầu quăng trả lại, nếu nó chứa nội dung mới xong một nửa, hơn thế nữa, lại chứa không phải các ý tưởng chính thống, mà là các ý tưởng phê phán các tín điều cơ bản. Thế mà việc phong giáo sư lại phụ thuộc vào số các công trình mà ứng viên đã công bố trên các tạp chí hàng đầu. Có lẽ tôi đã dè chừng, để mình đừng làm phật lòng các đồng nghiệp đúng vào thời gian họ ra quyết định về bản thân tôi, mà ý kiến của những người ấy có trọng lượng trong việc bổ nhiệm tôi. Xét từ quan điểm này thì thật may cho tôi, là tôi đã sống ở Hungary xa xôi. Dẫu nghe có vẻ lạ lùng, nhưng điều này đã tạo điều kiện cho chủ quyền của tôi được lớn hơn. Tôi đã không "bị tập cho quen" với cuộc sống hàn lâm phương Tây, như người ta làm với các thanh niên ở đó khi bắt đầu đào tạo và vào dịp cất nhắc đầu tiên.

Cuối cùng thì câu trả lời cho đầu đề của mục này là gì: tôi có hối tiếc là mình đã viết cuốn sách ấy hay không? Đấy, cũng có thể đưa trường hợp của riêng tôi làm thí dụ cho nhiều loại tính không nhất quán của con người. Đôi khi tôi nghĩ: giá như mình đừng viết cuốn sách ấy! Lúc khác điều này lại hơi thay đổi: về sau tôi cũng chẳng muốn bỏđi phê phán lí thuyết tân cổđiển khỏi danh mục các công trình của mình. Nhưng là tốt, nếu giả như có thể - với mẹo Orwell nào đấy –

https://thuviensach.vn

làm mất đi phiên bản 1970, và thay vào đó giả như tôi có thể viết một phiên bản mới trên cơ sở cách nhìn ngày nay của tôi và hiểu biết ngày nay của tôi. Thật tốt nếu có thể thay các cuốn sách bị bụi bám, bị bỏ xó trong các thư viện bằng phiên bản được xem xét lại. Thế nhưng, như Mikszák đã nói: "cái mà con người đã viết một lần, thì bằng rìu cũng chẳng bao giờ có thể chặt đi".

Nhưng phần nhiều thì tôi nghĩ: chẳng sao cả, là *Anti-Equilibrium* đã ra đời. Nhà phê bình chín chắn nhất, sâu sắc nhất của cuốn sách, Frank Hahn, mà tôi đã nhắc đến, đã viết như sau để kết thúc bài báo của ông, sau khi đã nêu ra tất cả ý kiến phản đối của mình: "…tốt hơn, là chúng ta có cuốn sách này, hơn là không có nó. Kornai đã ngay thẳng đến mức và có thể thấy rõ tính chính trực bác học của ông, để chuyển sự chú ý của tất cả mọi người khỏi những thứ sai lầm trong nội dung của ông sang các thứ tốt. Và trong những cái tốt có vài cái thật sự rất tốt".[132] Tôi cũng còn cảm thấy tự hào một chút về thành tích. Như Hahn đã viết: tốt hơn là có, hơn là không có …Vậy thì cuốn sách này là khả năng của tôi. Có lẽ nó cũng có ích. Chắc là tôi rút ra cả từ việc viết nó, lẫn từ các tranh luận về nó. Trong mọi trường hợp đấy cũng thuộc về cuộc đời của tôi.

Vài nhận xét kết thúc chủ quan

Cuối cùng tôi muốn nhảy ra khỏi thế giới khoa học luận và kinh tế học và đưa ra vài nhận xét cá nhân liên quan đến *Anti-Equilibrium*. Một người đọc đầu tiên của cuốn sách này đã bình luận chương này như sau: "Bàn luận chi tiết như vậy về các nguyên nhân thất bại để làm gì? Cậu hãy bỏ qua, đếm xỉa đến nó làm gì". Người khác thì đưa ra nhận xét này: "Người ta không thích tính tự ái, sự phật lòng… Cái mà cậu viết về những dẫn chiếu, chính là tính hiếu danh của cậu sai bảo. Không phải tất cả mọi người cảm thấy điều này quan trọng đến vậy."

Tôi thừa nhận, sang trọng hơn nếu bằng một cái phẩy tay tôi không đếm xỉa đến tất cả các vấn đề, mà câu chuyện của cuốn sách ấy đã gây ra cho tôi. Thế nhưng tôi lại không thuộc loại người "phẩy tay". Tôi ghen tị với những người, cùng cảm thấy cái, mà bài hát của Edith Piaf diễn đạt thế này: "Không, tôi chẳng tiếc gì cả…" Không thể nói điều này về bản thân tôi. Có cái tôi đã hối tiếc, có cái không. Có không chỉ một bước, mà về sau tôi cũng chẳng thể có phán xét rõ ràng. Có khi là, ngay cả bây giờ tôi vẫn bị cắn rứt về các thế lưỡng nan lựa chọn một

https://thuviensach.vn

thời. Chẳng phải lẽ ra đã nên chọn cách khác hay không? Trong mọi trường hợp tôi trải nghiệm các thất bại sâu hơn nhiều các thành công.

Anti-Equilibrium không phải là khoản duy nhất trong danh mục các công trình của tôi. Đấy là công việc tham vọng nhất tôi đảm nhận làm trong sự nghiệp nghiên cứu của mình. Tôi đã đảm nhận việc lớn hơn, khó hơn cái tôi có khả năng. Tôi đã ghi nhận điều này – nhưng dù sao đấy đúng không phải là ý nghĩ gây sung sướng, mà tôi dễ dàng bỏ qua.

Tôi không bàng quan cả với thành công, lẫn với thất bại. Tôi tin là, về khía cạnh này đa số các nhà nghiên cứu cảm thấy giống như tôi, tuy khá nhiều người không thú thận. Họ sợ, rằng công luận không ưa họ vì điều này. Dù sao vẫn đẹp hơn, nếu với việc đánh giá sau này về sự nghiệp của nhà nghiên cứu tạo ra ấn tượng, rằng chẳng có gì khác thôi thúc cả, mà chỉ có sự tiến bộ khoa học, sự tìm kiếm chân lí thôi thúc mà thôi. Thế nhưng nếu giả như là như vậy, thì sựđa dạng rộng khắp, sinh động của những khen thưởng, phần thưởng, các cấp bậc, những sự công nhận, và các phản ứng tiêu cực như cái đối lập với điều này, từ sự làm thinh yên lặng đến sự chỉ trích và làm nhục công khai phỏng có nghĩa gì trong cả lĩnh vực này nữa, hệt như trong văn học, trong các ngành nghệ thuật khác hay trong thể thao, trong sản xuất và trong thế giới kinh doanh? Có lẽ có những người bị ma bắt và các thánh, những người dửng dưng với tất cảđiều này. Tuy nhiên với đa số người bình thường, dễ hư, thì có quan hệ tích cực chặt chẽ giữa một mặt là sự trải nghiệm sâu thành công và thất bại và mặt kia là "động cơ", sự thúc đẩy. Đúng là, niềm vui của sự hiểu biết, sự tìm kiếm chân lí là động lực *chính* của công việc nghiên cứu. Bên cạnh cái này, tuy vậy, cũng có các động cơ khác, bổ sung, củng cố cho động cơ chính. Người bàng quan với việc, những người khác nói gì về thành tích của mình (và không giả vờ bàng quan một cách giả dối), thì người đó thường ít làm mình kiệt sức.

Trong chương này, nhưng cả ở các phần khác của cuốn sách nữa, tôi cố gắng tự khảo sát mình một cách ngay thẳng. Tôi thử làm rõ, bao nhiêu là tại tôi, mà *Anti-Equilibrium* đã không có được tác động, mà tôi hi vọng. Trong nhiều thứ thì điều này cũng cho tôi cơ sở đạo đức để đặt ra câu hỏi: sự bỏ qua này có phải *chỉ* tại tôi? Không phải "tôi tự ái", khi tôi thử trả lời cho câu hỏi này. Tôi truyền đạt sự phê phán của nhiều nhà nghiên cứu khác, khi tôi lên tiếng trách sự lẩn tránh của

https://thuviensach.vn

chuyên ngành đối với sự phê phán mạnh mẽ, và trách sự ngắn trí nhớ, cái trí nhớ, mà cần phải đánh giá thoảđáng sự xuất hiện lần đầu của các ý tưởng mới quan trọng - đúng là, đôi khi còn thô sơ, vụng về, nhưng vẫn tiên phong.

Tôi đã có thể thoả mãn dễ dàng lời khuyên của hai nhà phê bình. Tôi đã có thể gạch bỏ đi vài đoạn ở đây, ở chương 10 và có lẽ ở vài chỗ khác nữa của cuốn sách – và những ấn tượng có thể tranh cãi sẽ biến mất ngay. Có thể, sau sự gạch bỏ thì cái chân dung hình thành trong bạn đọc, gần hơn với chân dung lí tưởng về "nhà bác học" – nhưng cái chân dung ấy không còn mô tả tôi nữa.

https://thuviensach.vn

Chương 11:VIỆN, ĐẠI HỌC, VIỆN HÀN LÂM

https://thuviensach.vn

1967 –

Từ thế giới lí thuyết thuần tuý bây giờ tôi bước trở lại vào môi trường xã hội nói chung không thuần khiết bao quanh tôi ở Budapest. Khi tôi viết những bản nháp tiếng Hungary đầu tiên của *Anti-Equilibrium*, nơi làm việc chính của tôi vẫn là Trung tâm Kĩ thuật Tính toán, và với nửa sức tôi vẫn tiếp tục nghiên cứu quy hoạch toán học – nhưng tôi đã quay lại làm việc phụở nơi làm việc trước kia của mình, ở Viện Khoa học Kinh tế của Viện Hàn Lâm, nơi mà họđã đuổi tôi năm 1958. Năm 1967 Friss István, giám đốc viện đã mời tôi quay lại viện làm việc toàn thời. Tôi chấp nhận lời đề nghị. Từđó trở đi suốt hơn 25 năm, đây là nơi làm việc của tôi ở Hungary.

Người chỉ đạo số một của khoa học kinh tế chính thống

Vài lời về Friss István, người bây giờ gọi tôi trở lại. Viện Hàn lâm Khoa học Hungary và các viện nghiên cứu của nó được xây dựng theo thứ bậc phức tạp. Friss István đã là chủ tịch Ban IX của Viện Hàn Lâm, ban này chịu trách nhiệm chỉ đạo khoa học kinh tế, pháp luật và vài khoa học xã hội khác. Ông là chủ tịch Uỷ ban Khoa học Kinh tế của Viện Hàn Lâm, mà bên trong Ban IX nó chịu trách nhiệm về chuyên ngành này. Cuối cùng ông là giám đốc của nơi nghiên cứu có uy tín nhất, của Viện Khoa học Kinh tế. Trường hợp hiếm trong hệ thống thứ bậc: có vị trí ở cả ba mức, như thế ông hai lần là thủ trưởng và người kiểm soát của chính mình trong một cơ cấu chính trị, trong đó quyền lực đáng kể được tập trung vào tay những người nắm giữ các chức này.

Ông là một nhân cách mâu thuẫn. Trong tính khí của ông nhiều giá trị đụng độ nhau, trong thái độ của ông nhiều loại hình mẫu, truyền thống, thói quen hoà trộn với nhau, luân phiên nhau. Đầu tiên và trước hết ông là người cộng sản. Kể từ khi ông xa rời môi trường đại tư sản thời thanh niên, và tham gia vào đảng cộng sản hoạt động bí mật, chấp nhận sự lùng bắt, cho đến chết ông đã trung thành không lay chuyển với niềm tin Leninist. Một thời gian ông sống di cư ở Moskva, nơi các dạng thức ứng xử ở đó đã bám vào ông: giữ khoảng cách, nghi ngờ đối với các cộng sự. Nhưng ông không ưa sự sai bảo thô thiển, và ông không thích lộng quyền, to tiếng. Phần lớn việc học hành của mình ông hoàn thành ở Đức và ở Anh, và vẫn luôn luôn còn trong ông tất cả

https://thuviensach.vn

tác phong ăn nói nhỏ nhẹ và cung cách đúng đắn của người quý phái. Với tư cách người làm khoa học, nhà nghiên cứu, ông tỏ ra không có kết quả, đã chẳng có ý tưởng đáng kể, độc đáo nào gắn với ông. Ngược lại, với tư cách nhà tổ chức khoa học ông đã có nhiều công. Nếu có thể (tất nhiên bản thân sự hạn chế này cũng kì cục), ông tôn trọng tự do nêu ýkiến của các nhà nghiên cứu thuộc quyền mình, không ép buộc họ phải hiệu chỉnh theo đường lối của đảng, như không biết bao nhiều người trong cùng cương vị đã làm ở Liên Xô và Đông Âu. Ông đã động viên việc nghiên cứu kinh nghiệm, việc quan sát thực tế với sự thiện cảm đặc biệt.

Giữa Friss István và tôi hình thành một mối quan hệ nước đôi. Ông hơn tôi hai mươi lăm tuổi; thấm vào quan hệ này một chút nét gia trưởng. Chúng tôi xưng hô mày tao với nhau; ông gọi tôi là Jancsi, tôi- như mọi người - gọi ông là đồng chí Friss.

Ở đây, chấp nhận gánh nặng của sự lặp lại, tôi buộc phải tập hợp lại các sự kiện, đã được nhắc tới riêng rẽ trong các chương trước, vào một chùm. Ngay trong thời kì *Szabad Nép* Friss đã truyền đạt xuống tôi những thông tin và chỉ thị liên quan đến chính sách kinh tế của đảng. Khi người ta đuổi tôi khỏi tờ báo, ông đã tiếp nhận, nhưng hạ lương của tôi xuống mức tối thiểu. Khi bằng công việc của mình tôi lại nổi bật lên, ông đã cất nhắc tôi, và nêu tôi ra làm gương để noi theo trước các cán bộ của viện. Trong thời gian cách mạng tháng mười ông đã gọi điện thoại cho tôi, và muốn thuyết phục tôi đến đài phát thanh để ủng hộ sự nghiệp cộng sản, tôi đã từ chối. Sau khi cách mạng thất bại, từ diễn đàn của đảng ông tuyên bố tôi là kẻ phản bội chủ nghĩa Marx. Không phải ông đề xuất việc đuổi tôi ra khỏi viện, nhưng ông đã không ngăn cản, mà ông đã thực hiện nghị quyết đuổi với tư cách một người lính có kỉ luật của đảng. Ngược lại ông đã giúp tôi kiếm việc làm và đồng ý để xuất bản cuốn sách của tôi ở Anh.

Bây giờ ông gọi tôi về viện. Và tiếp tục thì sao? Ông đã bày tỏ bằng nhiều hình thức, rằng ông tôn trọng và kính trọng công việc của tôi đến nhường nào. Khi sau một phẫu thuật tôi phải nằm ở nhà, ông đã đến thăm, và hỏi, sau này tôi có muốn trở thành người kế tục ông trong chiếc ghế giám đốc viện hay không. (Tôi đã không nhận).

Cứ như đã chẳng có gì xảy ra cả

https://thuviensach.vn

Việc đuổi ra khỏi viện đã là một tấn kịch lớn của đời tôi. Việc quay trở lại xảy ra yên lặng, không có sự phô trương nào. Cứ như là đã chẳng có gì xảy ra cả… Friss István không đề cập đến quá khứ, cũng như các lãnh đạo khác của viện, các đồng nghiệp và tôi cũng không.

Nhiều loại ý nghĩ và cảm giác hoà trộn trong tôi. Khi đó việc chuẩn bị "cơ chế kinh tế mới" được đưa vào 1968 đã được tiến hành rất khẩn trương. Một hai năm trước khi tôi về lại viện, thoáng qua tôi đã gặp Nyers Rezső, khi đó là bí thư Trung ương đảng, và lãnh đạo việc cải cách. Đúng là anh ta có nhân tiện nói thêm: "Có phải anh biết là đã được phục hồi?". Tôi trả lời: "Từ đâu mà tôi biết việc ấy? Đã chẳng có ai thông báo cho tôi cả". Trong chuẩn bị cho cải cách có nhiều người tham gia, những người đã đọc sách của tôi khoảng 1956-1957, những người đã tham gia tranh luận về cuốn sách và về kiến nghị cải cách được chuẩn bị vào mùa hè 1956, hoặc những người mà khi đó tôi đã nói chuyện về đề tài. Tôi chắc chắn là,các ý tưởng của tôi đã tác động lên họ. Thế mà, đã chẳng có ai, chẳng bao giờ, cả bằng lời lẫn bằng văn bản, đã nhắc đến ảnh hưởng này. Friss István cũng chẳng quay lại chuyện, bây giờ -chính theo đường lối của đảng đang có hiệu lực– ông ủng hộ cái cải cách, mà vài năm trước nhân danh đảng ông đã lên án những người đi tiên phong của cải cách đó, trong số họ gay gắt nhất là tôi.

Trong lúc đó, nếu giả như họ bắt đầu xoi mói kĩ, quan hệ của tôi ra sao với cải cách kinh tế, thì họ đã làm tôi bối rối. Khi đó tôi đã qua thời kì "nhà cải cách ngây thơ" của đời mình rồi; niềm tin trong tôi đã mạnh lên, rằng các thay đổi dự kiến sẽ không đi xa.

Sự chống đối của tôi với chế độ hiện hành trước hết mang tính chính trị. Tôi nhớ lại các lời kết tội, mà năm 1958 các chính trị viên được điều xuống viện nêu ra chống lại tôi. Họ coi tôi là đối thủ ý thức hệ của họ, *họ đã đúng*: thực ra bằng bài viết của mình tôi đã đóng góp vào việc làm xói mòn thế giới quan cộng sản, hoạt động của tôi là một phần của giai tầng trí thức cách mạng. Nếu họ cảm thấy tôi là không thể tin được, *họ đã đúng*: trong số bạn bè của tôi nhiều người đã ở trong tù, đi di tản hay bịđuổi khỏi nơi làm việc, tôi đã chối bỏ chủ nghĩa Marx, tôi đã không vào lại đảng. Chắc chắn, là không chỉ vì cuốn sách mà họđuổi tôi khỏi viện, mà cũng bởi vì tôi đã quay mặt lại với đảng cộng sản. Chẳng có gì lí giải cho việc, bây giờ họ tuyên bố: tất cả quay trở lại. Theo ý nghĩa *chính tr*ị trong thực hành của các đảng

https://thuviensach.vn

cộng sản chỉ có thể "phục hồi" người, mà bản thân vẫn là người cộng sản ngay cả khi, nếu các đồng chí từ chối danh hiệu này đối với người ấy.(*)

Những người quyết định xếp tôi vào chỗ cũ, đã chẳng muốn rút lại các khẳng định một thời của họ. Còn liên quan đến tôi, tôi không muốn tạo ra ấn tượng, rằng bây giờđã có sự nhất trí giữa tôi và những người, một thời đã đuổi tôi ra và bây giờ lại nhận tôi về. Giải pháp duy nhất, có thể chấp nhận được đối với tất cả các bên là, *đừng làm rõ gì cả*. Đây, tuy vậy là công thức, mà người ta sử dụng rộng rãi trong chế độ Kádár.

Sự lấp liếm này, sự vượt qua quá khứ vẫn để lại cái gai trong tôi. Như một kẻ tạm thời thất bại của cuộc chiến chính trị một thời, tôi đã nghi nhận, rằng đây là giải pháp ít khó chịu nhất. Ai đã bước vào đấu trường chính trị, hãy đừng liếm láp các vết thương riêng của mình. Thế nhưng với tư cách nhà nghiên cứu, người làm khoa học tôi lại thấy: năm 1958 đã có sự xúc phạm nghiêm trọng đối với quyền tự do nghiên cứu. Trong Friss István đã không có sự can đảm đạo đức, để ít nhất nói cái gì đó liên quan đến vụ này.

Sự tin cậy và sự kiên nhẫn

Dưới đây tôi sẽ thử phác hoạ, tôi cảm thấy sự tin cậy đến mức nào đối với các đồng nghiệp của tôi. Tôi loại ra khỏi phân tích này những người, mà trước năm 1967 cũng đã có tình bạn thân thiết nối chúng tôi lại: Nagy András, người cùng bị đuổi ra khỏi viện, và năm 1973 cũng được mời lại, Rimler Judit, người mà tôi đề xuất lấy vào,(**)và Tardos Márton, mà khoảng 1956 chúng tôi trở nên thân hơn, và cuối các năm 1970 trở thành cán bộ của viện. Bây giờ tôi chỉ nói về các mối quan hệ, gắn với các cán bộ khác của viện.

Khi tôi quay lại viện, sự nghi ngờ ngột ngạt đã cản tôi khỏi các cuộc trò chuyện liên quan trực tiếp đến chính trị. Vẫn còn sống động trong tôi sự trải nghiệm của những cuộc hỏi cung, trong đó hoá ra là: một bạn thân của tôi đã khai về những nhận xét mang tính ý thức hệ của tôi đối với bài viết của anh ta cho những kẻ hỏi cung anh. Tôi khó có thể thoát khỏi ý nghĩ: nếu người này, mà tôi trò chuyện với bây giờ, sẽ lại cũng làm thế.

(*)Trong các năm 1950 phổ biến chuyện cười sau. Kohn bị khai trừ ra khỏi đảng. Ban đêm nằm mơ: các đội quân Mĩ chiếm Hungary.

https://thuviensach.vn

Tổng thống Eisenhower, như Horthy Miklós ngày xưa năm 1919, cưỡi con ngựa trắng vào Budapest. Rákosi Mátyás quỳ dâng chìa khoá thành phố lên cho ông ta. Eisenhower lên tiếng ra lệnh: "Rákosi! phải nhận lại Kohn vào đảng!" Nhưng khi đó, năm 1967, tôi đã khá xa giấc mơ khôi hài của Kohn rồi!

(**) Năm 1959, trong thời gian "tôi bị đày" sang ngành công nghiệp nhẹ, tôi đã có cơ hội, để có một trợ lí nghiên cứu. Tôi đã yêu cầu những người quen của mình ở đại học để tôi nhận được sinh viên giỏi nhất của họ. Đấy là Rimler Judit, "trợ lí nghiên cứu" đầu tiên của sự nghiệp nghiên cứu của tôi, người sau này đã trở thành nhà nghiên cứu nổi tiếng. Khi tôi thay đổi chỗ làm việc, tôi luôn luôn làm sao để Jutka cũng có thể sang cùng chỗ làm việc với tôi.

Các cộng tác viên của tôi cũng cảm thấy sự giữ khoảng cách này. Farkas Kati sau này chết ở tuổi còn trẻ, với cô chúng tôi đã cùng làm việc một hai năm và chúng tôi đã cùng quý mến nhau, một lần với cái nhìn dịu dàng, nhìn tôi hơi trách móc, và hỏi: "Này, János, vì sao anh lại ngờ vực như vậy đối với chúng tôi?" Chúng tôi trò chuyện; tôi cố làm cho cô cảm nhận được, cái gì đã gây ra cảm giác này trong tôi. Cũng chẳng đáng kể, các lập luận nào đã được nhắc đến, cái quan trọng là, không khí cuộc trò chuyện đã có tác động thế nào đối với tôi. Tôi bắt đầu cởi mở hơn một chút với những người, mà tôi cảm thấy họ sẽ không lạm dụng lòng tin của tôi. Tuy vậy sự cởi mở này trong tôi là chậm, từ từ và trong đa số trường hợp chỉ xảy ra từng phần.

Muộn hơn cũng chẳng xảy ra chuyện, tôi nói một cách tự phát, buông thả mình, với sự cởi mở hoàn toàn, thí dụ, tôi nghĩ thế nào về một tin chính trị quan trọng trong ngày – mà không suy nghĩ kĩ, tôi nói chuyện với ai. Tôi giữ mình dưới sự tự kiểm soát mạnh mẽ. Tôi ngầm đánh giá tất cả từng người một theo nhân cách riêng, các bài viết, và những lời nói của người ấy – và theo đó tôi phân phối lòng tin của mình một cách dè sẻn hay hào phóng. József Attila đã viết- "Đừng có phung phí lòng tin".[133] Thế đấy tôi thực sự không phung phí!

Nếu tôi có ảnh hưởng đến các đồng nghiệp, nhất là các thanh niên ở xung quanh tôi, thì ảnh hưởng đó không xảy ra bằng con đường bày tỏ các quan điểm chính trị của tôi, mà nhờ các tác động loại khác. Họ nhìn thấy phong cách làm việc của tôi, biết những yêu cầu chuyên môn của tôi qua các cuộc trò chuyện, họ có thể biết được định hướng trí tuệ

https://thuviensach.vn

của tôi từ các bài viết của tôi -người cởi mở với các xung lực này, người đó đã có thể tiếp nhận đủ thứ.

Thời gian càng trôi đi, số người mà tôi vui lòng trò chuyện với càng tăng. Sau vài năm đã có khả năng, để tôi kéo một-hai cộng tác viên về viện. Muộn hơn họ cất nhắc tôi làm trưởng nhóm, và một vài nhà nghiên cứu trẻ tiến hàng công việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tôi. Ở đại học tôi đã dạy hai vợ chồng Gács János-Lackó Mária. Tôi đề xuất một trong hai người có thể chuyển về Viện Khoa học Kinh tế; tôi đã không thể kiếm được hai biên chế. Họ quyết định, Mária sang với tôi. Szabó Judit cũng là học sinh đại học của tôi. Lípták Tamás kiến nghị Simovits András, người khi đó tốt nghiệp ngành toán. Trong thời gian sau Laki Mihály cũng trở thành thành viên của nhóm. Kapitány Zsuzsa, ban đầu là giáo viên toán trung học, đầu tiên cô làm việc với một đồng nghiệp khác ở viện với tư cách kĩ thuật viên tính toán, và khi tôi mời về với chúng tôi, lúc đầu cô cũng đảm nhiệm công việc tương tự. Sau này cô từ từđào tạo lại mình thành nhà nghiên cứu kinh tế. Tất cả những người vừa kể -so với tôi -đều là những người trẻ. Không phải là thành viên của nhóm, nhưng Martos Béla cũng làm việc trong hội chúng tôi, ông thuộc thế hệ tôi và gốc là người được đào tạo làm nhà toán học.

Nhóm-Kornai tất nhiên trước hết là do công việc chung, quan niệm chuyên môn giống nhau kết nối lại.(*)(Trong chương tiếp theo sẽ nhắc tới việc này). Ngoài ra trong khi đó tình cảm con người và tình bạn cũng gắn kết chúng tôi lại. Như tôi đã nhắc đến rồi, tôi chẳng bao giờ thoả mãn với chuyện, nếu chỉ và chỉ riêng có quan hệ công việc với những người xung quanh tôi. Đã là như thếở *Szabad Nép*, đã hình thành như vậy bây giờở Viện Khoa học Kinh tế của Viện Hàn Lâm Khoa học Hungary, và sau này cũng xảy ra như thế ở Đại học Hardvard. Có thể, đây không phải là phương thức tổ chức công việc khá hiệu quả và chuyên nghiệp, và cản trở việc xây dựng mối quan hệ trên-dưới được hình thành chỉ riêng theo các tiêu chuẩn công việc. Tôi vẫn không tiếc các thói quen và những yêu cầu của mình. Đối với tôi sựấm cúng của quan hệ con người, tình bạn và lòng tin là các giá trị không gì thay thế nổi.

(*)Theo cấu trúc tổ chức khi đó của viện nhiều nhóm hoạt động bên cạnh nhau, mỗi nhóm do một nhà nghiên cứu có kinh nghiệm hơn chỉ đạo. Bây giờ tôi sử dụng từ "nhóm" ở đây theo đúng nghĩa *tổ chức*.

https://thuviensach.vn

Đã trở thành truyền thống là, nhóm-Kornai cùng đi ăn trưa, chính xác lúc mười một giờ rưỡi. Thú thực, trước hết là tôi thúc mọi người đi sớm, vì tôi thích ăn sớm, tôi không thích đợi ở nhà ăn, và vì thế tôi cố gắng, để chúng tôi là những người đầu tiên được họ phục vụ. Luôn luôn có khá nhiều người nhập cuộc với chúng tôi. Cơm trưa đa phần không đặc biệt ngon, song cùng hội với nhau và trò chuyện sôi nổi mang lại niềm vui.

Hỗn hợp đặc biệt của quan hệ đồng nghiệp và bạn bè đã đặc trưng mối quan hệ của tôi không chỉ với các thanh niên làm việc trong nhóm của tôi, mà cả với những người khác nữa, những người vào viện trong những năm này. Bauer Tamás, Madarász Aladár, Soós Károly Attila, Major Iván, Köllő János, Pete Péter, Kertesi Gábor, Mihály Péter -đấy là tôi chỉ nhắc đến vài người trong danh sách dài hơn nhiều. Từ khi đó tất cả họ đều có sự nghiệp khoa học đáng chú ý, hầu như tất cả đều đã trở thành giáo sư đại học. Trong số những người được liệt kê cũng có nhiều nhà kinh tế học, đã giữ vị trí chính trị cao một thời gian sau khi thay đổi chế độ. Tôi gặp họ lần đầu tiên, khi tư duy của họ bắt đầu định hình. Có người, mà tôi đã tiến hành hàng loạt cuộc trò chuyện, có người quan hệ ít sâu hơn. Tôi cũng đã dạy ở đại học một vài trong những người được liệt kê. Tôi đã cố gắng không chỉ đọc kĩ lưỡng và bình luận những nghiên cứu của hoở viện (ngày nay tôi vẫn giữ các vở ghi chép của tôi lúc đó), nhưng nhiều vấn đề chung về nghiên cứu, về cải cách kinh tế và ngoài ra về đời sống trí thức và đạo đức cũng được nói đến giữa chúng tôi.

Đối với tôi việc nói chuyện với và đọc những nghiên cứu của các thành viên trong nhóm và những người khác là cực kì bổ ích. Tôi biết rất nhiều thứ về hoạt động của nền kinh tế Hungary, về tranh luận giữa các nhà kinh tế, về bầu không khí của đất nước, về các lựa chọn khả dĩ khác của bức tranh tương lai. Đấy là môi trường trí tuệ hoạt bát tươi trẻ, mà tôi vui lòng tham gia. Vềảnh hưởng ngược lại tôi có thể nói ít hơn; tôi không biết, ảnh hưởng, mà các công trình của tôi và cá nhân tôi gây ra với họ, mạnh đến thế nào -chỉ có họ mới có thể nói. Tuy đôi khi tôi cũng gặp tất cả họ, thậm chí khá thường xuyên với vài người trong số họ, nhưng về vấn đề này, về tính bẽn lẽn có thể hiểu được này, đã không được nhắc đến.

https://thuviensach.vn

Các nhà xã hội học có thể vẽ lên một cách chuyên nghiệp các mạng [lưới] quan hệ bên trong viện, với các nút, với các mũi tên, với các con số chỉ rõ cường độ của mỗi mối quan hệ.

Biểu đồ này chắc sẽ cho thấy, các cụm tụ lại như thế nào, các cluster hình thành ra sao. Các nhân tố khác nhau tạo nên các cụm, các cluster.

Một nhân tố gắn kết, hay tách ra, là sự đánh giá về lợi ích của các phương pháp toán học. Ở khía cạnh này tình hình Hungary đã giống như tình hình, đặc trưng cho bộ môn kinh tế học của một trường đại học Mĩ nhiều thập niên trước: đa số các nhà nghiên cứu lừng khừng, lảng tránh việc áp dụng các mô hình toán học và phân tích kinh tế lượng. Ở nước ta đã có những người khiếp đảm phản đối sự thâm nhập phổ biến của toán học, họ coi là sự bịp bợm trí tuệ. Giữa các nhà nghiên cứu sử dụng các phương pháp toán học có một sự gắn kết đặc biệt- bất luận họ là Marxist hay không - họ có cảm tình với chế độ Kádár hay không có thiện cảm với nó.

Như trong tất cả các tổ chức lớn, ở viện chúng tôi cũng có các nhân vật xuất sắc có sức –hút hay đẩy - tạo ra cụm.

Nhân tố tạo hay phân định các nhóm quan trọng nhất là thế giới quan, là lập trường chính trị.(*) Tuy người ta không đưa ra các tuyên bố chính trị trong nội bộ viện, thế nhưng vẫn có thể biết về mọi người, rằng trái tim họ hướng về các quan điểm nào. Theo cảm tưởng của tôi sự cùng thuộc về -về mặt chính trị-đã có trọng lượng lớn hơn ở ta, so với các nơi làm việc trí tuệ của thế giới phương Tây.

Tổng tất cả các nhà nghiên cứu của viện, xét về quan điểm chính trị, lúc nào cũng rất hỗn tạp, xuất hiện trong đó nhiều loại sắc thái của dải rộng của phổ chính trị. Đã chẳng có ai là Staninist ngoan cố, nhưng làm việc ở đây không chỉ một người cộng sản bảo thủ, theo nếp cũ, cố bám vào các giáo điều của đảng. Nhiều người thuộc về loại "những người cộng sản cải cách" đang sáng tỏ dần, những người muốn thay đổi nhiều thứ: cấy vào hệ thống một liều lớn-nhỏ của kinh tế thị trường, nhiều khả năng phê phán hơn, một chút "dân chủ" – trong khi về cơ bản coi chế độ Kádár là của mình. Và cuối cùng có những người, đã từ bỏ hay đứng xa đảng cộng sản, và nhìn vào chế độ cầm quyền với phê phán gay gắt.

https://thuviensach.vn

Thành phần chính trị của viện thay đổi theo thời gian, một số cán bộ bỏđi, những người mới đến. Tư duy của nhiều cán bộ thay đổi – biến chuyển rất đáng kể không phải trong một trường hợp – theo thời gian. Phù hợp với nó mà kích thước và thành phần của các cụm cũng thay đổi. Thế nhưng dù chọn ra bất kì thời điểm nào từ quá trình động này, chúng ta luôn luôn thấy các tụ hợp phi chính thức trên cơ sở niềm tin chính trị. Quan sát từ gần các cụm này, có thể nói: những người có quan điểm chính trị gần nhau biểu lộ lòng tin chính trị với nhau nhiều hơn nhiều, so với mức mà những người có quan điểm khác nhau có thể cho phép mình. Bản thân tôi cũng thích giữ quan hệ cá nhân với những người, mà sự khác biệt quan điểm không cản trở.(**)

Đúng, đã có các tụ hợp thành cụm, thế nhưng đã không có các công sự, mà từđó người ta bắn lẫn nhau bằng đạn. Những người già hơn và những người trung niên (khi đó tôi thuộc nhóm tuổi sau) vẫn mang trong mọi sợi dây thần kinh của mình chấn thương 1956. Mỗi người tự xử lí trong bản thân mình theo thế giới quan của riêng mình, nhưng cái chung trong các thế hệ trí thức này là, họ không muốn tiến hành chiến tranh chính trịý thức hệ với nhau. Hình thành *Treuga dei* (*đình chiến của Thượng đế*) đặc biệt giữa các tụ nhóm trí tuệ khác nhau: chúng tao không đụng đến chúng mày, và mong, chúng mày cũng đừng sinh sự với chúng tao. *Leben und leben lassen;* sống và để cho sống. Đã không xảy ra các cuộc đụng độ chính trị công khai, gay gắt.

Chúng ta đánh giá thế nào tình trạng này? Mỗi người giữ các nguyên tắc của mình, và không đưa ra những nhượng bộđáng xấu hổ đối với nhau.(***) Mỗi người, tiếp tục cuộc chiến đấu của mình ở "ngoài nhà", nếu tình cờ có tính khí hiếu chiến.

(*) Bởi vì các mạng quan hệ hình thành theo các tiêu chuẩn khác nhau, chúng một phần chồng lên nhau. Một cán bộ đồng thời có thể gắn bó với nhiều tụ nhóm, với các liên kết mạnh hay yếu hơn.

(**) Về phần mình trong thời kì sau, thời kì cởi mở hơn của chế độ Kádár, tôi đã không giữ các ranh giới cụm theo thế giới quan-chính trị một cách cứng nhắc nữa. Đã có một-hai đồng nghiệp, mà hiển nhiên là niềm tin của họ khác với của tôi – nhưng bất chấp điều đó tình bạn đã hình thành giữa chúng tôi.

https://thuviensach.vn

(***) Tôi biết rõ là, không phải tất cả mọi người chia sẻ với quan điểm của tôi. Có một lập trường triệt để, coi những "hiệp định hoà bình" cục bộ này của chế độ Kádár là sự thoả hiệp nhượng bộ không thể chấp nhận được, và cho rằng, những nhượng bộ này đã kéo dài sự tồn tại của chế độ. Có thể tưởng tượng được, rằng chúng đã kéo dài – nhưng chúng cũng đã làm cho cuộc sống của cá nhân có thể chịu được hơn. Sự đánh giá này thực ra dẫn đến vấn đề cơ bản: có thể kì vọng được hay không, để bắt con người đặt việc cải thiện số phận của họ dưới mục đích của cộng đồng lớn – trong trường hợp này là sự thay đổi chế độ càng nhanh càng tốt.

Mỗi người đại diện cho các quan điểm của mình trong sự nghiệp khoa học riêng của mình; có thể biểu lộ bộ mặt riêng của mình nếu có nội dung muốn nói mang tính thời sự và lợi ích chung. Tuy nhiên "bên trong nhà" thì một loại *khoan dung* đặc biệt ngự trị. Đừng hành hạ lẫn nhau, bởi vì nếu chúng ta bắt đầu việc này, và chọc vào tổ ong, thì chúng ta còn chịu nhiều thiệt hại hơn đến từ bên ngoài, từ những người chẳng hề chùn bước trước các hình thức khốc liệt hơn nhiều của chế độ độc tài. Có lẽ nhận thức này- cảm giác về *mối nguy hiểm chung, kẻ thù chung* rình rập từ bên ngoài – là cái, đã tạo ra sự kiên nhẫn đối với nhau, và cái mà ngày nay chúng ta hiếm gặp như vậy, ít như vậy trong cộng đồng trí thức. Giữa các quan hệ quyền lực khi đó trong nội bộ viện thì những người ở trong tình thế được bảo vệ, là những người bằng các cử chỉ công khai đứng về phía chế độ Kádár, và những người tuyên truyền học thuyết Marxist. Tôi ghi nhận với cảm giác tốt, rằng người ta đã không khiêu khích các cuộc tranh luận chính trị từ vị thế quyền lực này, họđã không "vạch trần" các quan điểm chống Marxist, mà họđã để yên những người nghĩ theo cách khác.(*)

Về sau tôi cũng nhìn lại một cách thoả mãn, rằng – trong khi ở bên ngoài biển động – thì viện vẫn là một hòn đảo tương đối yên bình. Đối với tôi nghiên cứu là việc làm quan trọng nhất, đòi hỏi toàn bộ sức lực, tập trung cực đại. Cần sự bình yên cho việc này.(**)

Cuộc cải cách viện bị sẩy

Tôi đi nước ngoài nhiều lần, không chỉ đi một-hai hội nghị hay thuyết trình, mà cả ở lâu hơn nữa. Tôi bắt đầu biết *từ bên trong*, cuộc sống như thế nào, việc nghiên cứu và đào tạo diễn ra thế nào trong các nơi làm việc khoa học nổi tiếng nhất phương Tây. Tôi đã muốn cấy

https://thuviensach.vn

một vài thực tiễn quan sát được ở đó vào viện chúng tôi. Năm 1969 tôi đảm nhiệm thảo kiến nghị cải cách với hai đồng nghiệp, Schmidt Ádám và Kovács János.[134] Tuy những suy nghĩ của cả ba chúng tôi đều xuất hiện trong tài liệu được hoàn thành, tôi gợi ý các kiến nghị khó xử nhất, gây nhiều tranh cãi nhất.

Tôi đã kiến nghị, rằng chúng ta hãy tạo mối quan hệ chặt chẽ hơn nhiều giữa sự thăng tiến chức vụ trong viện với công trình được công bố. Phải đánh trọng số giá trị của các công trình được công bố. Chúng ta hãy cho công bố ở nước ngoài sự đánh giá lớn hơn, ngoài ra chúng ta hãy chú ý đến uy tín trong giới khoa học của nhà xuất bản sách, cũng như của tạp chí đăng bài báo.

Tất cả các thứ này là đòi hỏi hoàn toàn hiển nhiên trong thế giới phương Tây.(***) Ở Hungary tuy vậy tuyệt nhiên chưa phải được chấp nhận rộng rãi. Công bố ở Hungary đã không có nghĩa là một cuộc thi có chất lượng khá nghiêm ngặt. Đã xuất hiện các công trình có trình độ cao và phong phú, nhưng bên cạnh chúng các công trình dễ tính cũng có thể nhận được diễn đàn. Rất ít người công bố ở phương Tây, và còn hiếm hơn là, họ thử công bố trên các tạp chí thực sự có tiếng. Trong khi trong nền kinh tế 'thị trường xã hội chủ nghĩa" đang bắt đầu, người ta thừa nhận: thử thách chất lượng thực sự của sản phẩm là, nó có đứng vững trong cạnh tranh vì thị trường xuất khẩu phương Tây hay không, các sản phẩm nghiên cứu lại không phải đặt dưới sự sát hạch xuất khẩu này.

(*) Chắc chắn trong đó đã có vai trò, mà các giám đốc viện, Friss István, Nyers Rezső, rồi Sipos Aladár bản thân họđã không đề xuất các cuộc thanh trừng chính trị. Thậm chí, khi thí dụ có cuộc tấn công chính trị chống Bauer Tamás, và "từ trên" người ta đòi đuổi anh ta, thì Nyers Rezső, giám đốc khi đó đã bảo vệ.

(**) Bầu không khí yên bình của chỗ làm việc đã giúp tôi nhiều trong thời kì, khi tôi trải qua thời kì khủng hoảng trong đời tư. Cuộc hôn nhân đầu tiên của tôi với Laky Teréz tan vỡ. Năm 1970, sau khi ở Đại học Yale nửa năm tôi quay lại Hungary, và mau chóng chúng tôi chuyển sang căn hộ mới với Dániel Zsuzsz, vợ thứ hai của tôi.

(***)Ở đó khi ấy-và ngày nay nữa- cần phải đấu tranh với thái cực ngược lại: những thái quá của sự chạy đua vì các công trình công bố cũng có thể gây tác hại. Tôi sẽ quay lại vấn đề này ở một chương sau.

https://thuviensach.vn

Không chỉ sự thử thách chất lượng quốc tế nghiêm túc của các công trình được công bố bị lạc hậu. Một bộ phận cán bộ đã có thể sống qua ngày đoạn tháng suốt hàng năm trời ở trong viện, trong khi hầu như hay chẳng công bố gì cả. Người mà một lần được nhận vào viện, có thể bám lấy viện suốt đời ngay cả khi, có những nhà nghiên cứu có tài năng hơn và có kết quả hơn, những người sẵn sàng thế chỗ cho họ.

Tôi còn phải nhắc đến một vấn đề nữa. Nhiều trong số những người có các công trình được công bố, đã làm việc với hiệu suất rất thấp nếu đo bằng thước đo phương Tây. Tuy việc dạy học không chiếm mất một phần năng lực của họ, như của các nhà kinh tế học ở đại học phương Tây, số các công trình được công bố -ngay cả nếu chỉ xét đơn thuần đến số lượng-chỉ là một phần nhỏ của số, mà các đồng nghiệp phương Tây cùng tuổi, hoạt động ở các đại học hàng đầu công bố.

Các đòi hỏi được tóm tắt ngắn gọn ở đây, được diễn đạt trong tôi không chỉ do tác động của kinh nghiệm nước ngoài. Tôi đã thửđòi hỏi đạo đức công việc và các tham vọng chuyên môn của riêng tôi từ những người khác. Như theo câu tục ngữ: ai sống thế nào, thì phân xử như thế. Tôi sẵn sàng dành một phần nhỏ ngày làm việc của mình để trò chuyện, nhưng phần lớn thời gian tôi muốn dành cho công việc nghiên cứu có kết quả. Tôi cáu tiết quan sát thấy, nhiều người nói chuyện bất tận hàng giờ hàng ngày. Đúng là, các cuộc đối thoại và tranh luận ở đằng sau các cửa được đóng, phần nào bổ sung cho sinh hoạt xã hội công khai, cho thảo luận trí tuệ và chính trị tự do, giúp cho sự làm rõ tư tưởng, thức tỉnh các ý tưởng mới trong những người tham gia và truyền bá những kiến thức mới. Thế nhưng cái thúc đẩy lên phía trước trong các cuộc nói chuyện này, bị trộn lẫn một cách không thể tránh khỏi với lời nói huyên thuyên không hiệu quả và tự lặp lại mình, và lấy mất thời gian nghiên cứu quý giá.

Lãnh đạo kinh tế của viện đã thử tạo kỉ luật lao động bằng việc, bắt đầu ghi sổ ai đến viện lúc nào, và đi khỏi viện khi nào. Việc ghép vào kỉ luật hành chính kì cục này hiển nhiên chẳng đạt được gì. Động lực phải đến *từ bên trong*. Cân nhắc kinh nghiệm phương Tây, tôi nghĩ, rằng với nhiều nhà nghiên cứu, động cơ bên trong không độc lập với các khuyến khích bên ngoài, với các điều kiện để nhận vào viện, để ở lại nơi làm việc, để cất nhắc trên bậc thang cấp bậc và để được khen

https://thuviensach.vn

thưởng chính thức và phi chính thức của viện. Đề xuất đã kiến nghị những thay đổi sâu sắc về các phương pháp khuyến khích và cất nhắc.

Sự tiếp nhận kiến nghị cải cách là khá hỗn tạp. Sựậm ừ công nhận – nhưng sự thật là đa số cán bộ không có thiện cảm với kiến nghị. Đã có người, lập luận, rằng các tạp chí và nhà xuất bản phương Tây quẳng lại các công trình, mà các nhà Marxist viết. (Không đúng, có thể đưa ra nhiều phản thí dụ). Những người khác thì bày tỏ: phương Tây không quan tâm đến, cái xảy ra ở phương Đông. (Không đúng. Khả năng được công bố phụ thuộc khá nhiều vào, nhà nghiên cứu thảo luận đề tài ở trình độ chuyên môn nào).

Còn những người khác, chủ yếu khi mặt đối mặt, thì lí lẽ, rằng họđã đi khá xa trong phê phán hệ thống, song nội dung muốn nói của họ không thể công bố được một cách hợp pháp. (Đây là một lí do nghiêm túc – và tôi sẽ đề cập đến chi tiết ở một chương sau).

Khi đó tôi cũng chẳng nghĩ, rằng cơ chế chọn lọc của các tạp chí phương Tây hoạt động không sai sót, và ngày nay tôi càng theo dõi thực tiễn biên tập với con mắt phê phán hơn. Đôi khi vô cớ họ bỏđi các bài tiên phong, nêu ra các ý tưởng lạ, và như thế họ cản trở việc công bố các kết quả quan trọng. Cũng không hiếm sai lầm ngược lại. Các công trình không mấy giá trị lại lọt qua các bộ lọc, bởi vì – dù không có nội dung thực sự quan trọng và mới mẻ -chúng thích hợp theo cách tuân thủ thế giới trí tuệ của trào lưu chính, và bắt chước phong cách và phương pháp luận của trào lưu chính. Bất chấp những yếu kém và sai sót, có tương quan dương chặt chẽ giữa một mặt là giá trị khoa học thật sự của các công trình và việc công bốở các tạp chí quốc tế hàng đầu. Vì thế nhìn lại tôi cũng vẫn cho là đúng, rằng tôi đã thử củng cố ý định công bố trong các tạp chí có uy tín trong giới các đồng nghiệp của tôi.

Trong tranh luận, người ta còn đưa ra một lí lẽ nữa chống các kiến nghị của chúng tôi. Vì sao chúng ta lại đề cao việc công bố đến như vậy? Chí ít cũng quan trọng như vậy hay có lẽ còn quan trọng hơn là, cán bộ tham gia ở mức độ nào vào việc hình thành các chính sách kinh tế, đóng vai trò nào với tư cách chuyên gia, nhà tư vấn, trong khi tên anh ta tất nhiên không xuất hiện trong các nghị quyết của đảng và trong văn bản quy định pháp luật được công bố. Chúng tôi cũng lao vào tranh luận với lí lẽ này. Đúng, hoạt động chính sách kinh tế có thể

https://thuviensach.vn

là một thành tích đáng trân trọng và quan trọng – nhưng không đủ để, ai đó tiến thân trên con đường *khoa học*.

Trong điểm trước, tôi đã viết về sự tồn tại của các cụm được phân định theo các quan điểm chính trị-thế giới quan. Bây giờ kiến nghị cải cách này cắt ngang các ranh giới cụm chính trị, và tái tập hợp đội ngũ cán bộ thành cụm. Có số khá đông, ủng hộ những thay đổi do chúng tôi kiến nghị, bởi vì bản thân họ cũng đã công bố thành công ở các tạp chí có uy tín, hay có thiện cảm với tinh thần của kiến nghị, và có hoài bão, rằng trong tương lai họ sẽ xuất hiện với các tác phẩm của mình trước công luận quốc tế.(*)Ngược lại kiến nghị bị phản đối bởi những người – không tính đến lập trường chính trị-thiếu tài năng, hay sự chăm chỉ, hay khát vọng để tiếp thu các tiêu chuẩn chuyên môn phương Tây. Những người không muốn tham gia vào cuộc đua công bố để chứng minh (ít nhiều đáng tin cậy) thành tích khoa học.

Kiến nghị cải cách trên thực tế bị bỏ qua. Viện đã không thay đổi các tiêu chuẩn và thủ tục hoạt động chính thức của nó theo tinh thần chúng tôi kiến nghị. Tất cả vẫn như cũ.

Việc cá nhân các cán bộ quyết địnhrasao, từng người một, về chiến lược sống chuyên môn riêng của mình, lại là vấn đề khác. Đã có những người, đúng là tương đối ít, đã đảm nhận sự đọ sức với chuyên môn phương Tây một cách nghiêm túc và nhất quán. Trong nhận thức này họđã thử, khi thành công, khi không, công bốở nước ngoài, và giới thiệu với giới chuyên môn phương Tây bằng các thuyết trình hội nghị của mình. Đa số họ, tuy vậy, đã chẳng đăng kí dự thi. Tôi đã nói chuyện với nhiều đồng nghiệp một thời, những người sau khi thay đổi chế độ đã thú nhận, họđã phạm sai lầm lớn. Tuy nhiên sự tụt hậu đã không thể khắc phục được vì sự chậm trễ nhiều năm hay nhiều thập kỉ.

(*) Nhiều nhà kinh tế học Hungary, trong số đó có nhiều đồng nghiệp ở viện đã đạt thành tích công bố đáng chú ý trước khi nộp kiến nghị cải cách, và sau này số họ càng tăng. Thế nhưng thành tích công bố chỉ sau tranh luận nêu trên nhiều năm, mới dần dần trở thành một trong những tiêu chuẩn chính của đánh giá chuyên môn và cất nhắc.

Họ đã cấm – tôi vẫn dạy

Tôi đã nhắc tới trước rồi, khi các chính trị viên của đảng xem xét lại đội ngũ cán bộ của viện năm 1958, Háy László đã tuyên bố: “Chừng nào tôi còn là hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Kinh tế,

https://thuviensach.vn

Kornai không thể dạy ở đây". Không chỉ ông ta đã giữ lời, mà cả những người kế tục ông cũng đã trung thành với quyết định của người tiền nhiệm. Nhiều đại học nước ngoài có tiếng niềm nở tiếp nhận, nếu tôi dạy ở trường họ. Thế nhưng, cái trường đại học, khi đó có độc quyền đào tạo kinh tế ở Hungary, Trường Đại học Khoa học Kinh tế Karl Marx (MKKE) suốt hàng thập kỉ đã không đề nghị cho tôi chức giáo viên. Tôi giả thiết, rằng các giới chóp bu của đảng đã nhắc nhở hay chí ít đã phê chuẩn ý tưởng, theo đó Kornai có thể nghiên cứu, nhưng dù sao phải giữ cách xa thanh niên.(*)

Sự suy đồi của chế độ Kádár đã khá trầm trọng rồi, khi năm 1987 tôi nhận được đề nghị đầu tiên của đại học Hungary từ hiệu trưởng khi đó, Csáki Csaba. Tôi trích thư trả lời của tôi cho Csáki Csaba.[135] "Đề xuất của Anh đưa ra sau khi … tôi đã chấp nhận lời mời của Đại học Harvard. Tôi biết ơn sự quan tâm của Anh, nhưng tôi phải nói: việc này đã đến quá chậm. Một người chỉ sống suốt đời một lần; tôi không biết, đời mình đã hình thành ra sao, giả như nếu MKKKE đã đề xuất sự tham gia của tôi sớm hơn. Tôi có thể tuyên bố: trước khi cuối cùng tôi cũng đã chấp nhận lời mời của Harvard, bất kể lúc nào trong ba thập niên trước tôi cũng đã sẵn sàng dành phần đáng kể sức lực của mình để phục vụ MKKE. Suốt sự nghiệp khoa học của tôi cảm giác thật cay đắng và đau đớn là, ở nơi người ta đào tạo các nhà kinh tế học Hungary trẻ tuổi, người ta đã không mời tôi làm giáo viên; họ đã chẳng muốn cho tôi các quyền và ảnh hưởng tinh thần đi cùng với nghề giáo, cũng chẳng cho tôi khả năng tiếp xúc với thanh niên. Đây là sự thiệt thòi không thể bù được đối với tôi, cái mà các kết quả giảng dạy và nghiên cứu khác không bù được".

Dù tôi không nhận được chức giáo sư đi nữa, khi dưới hình thức này lúc dưới hình thức khác vẫn thành công đào tạo ở MKKE. Năm 1968 tôi nhận được chức danh "giáo sư đại học danh dự". Chức danh này không cho các quyền gắn với chức giáo sư và ảnh hưởng lên đời sống của đại học, nhưng tạo khả năng, để tôi thông báo một seminar hay một loạt bài giảng. Tôi hướng dẫn cái gọi là "seminar chuyên môn" ở ba năm học. Tôi đã không biết hình mẫu, mà tôi có thể noi theo, bản thân tôi thử nghĩ ra, tôi dạy gì và dạy thế nào. Qua mỗi năm chúng tôi đã đề cập sâu đến các vấn đề, mà tôi biết chủ yếu từ những nghiên cứu riêng của mình. Tôi rất thích công việc này, và các kỉ niệm đáng mến và tình cảm nồng ấm gắn tôi với các thành viên tham gia

https://thuviensach.vn

seminar cho đến ngày tận nay. Tôi đã hi vọng, rằng bên cạnh nhiều học liệu theo quy định chính thức và nhiều khi được trình bày theo thói quen, như liều thuốc tiêm chủng, sẽ có ích cho sinh viên để trực tiếp làm quen với các ý tưởng riêng của một nhà nghiên cứu, và kiếm được những hiểu biết không chính thống, mà trong khuôn khổ học liệu chính thức họ không thể học được. Tôi đã cố gắng không phải để truyền đạt kiến thức, mà hơn là, để đánh thức tinh thần tư duy phê phán trong họ. Từ số các sinh viên của các seminar đã trưởng thành khá nhiều nhà nghiên cứu kinh tế, nhà giáo và nhà lãnh đạo kinh tế có hạng.

Tôi đặc biệt đánh giá cao các mối quan hệ, gắn với Học viện Rajk (Kollégium) được hình thành năm 1970. Ở Hungary, tại đây giám đốc Chikán Attila đã tạo ra một nơi làm việc trí tuệ có một không hai. Phương thức hoạt động Học viện Rajk đã vay mượn nhiều truyền thống của các học viện nhân dân bị giải tán trong thời kì Rákosi và của Học viện Eötvös, cũng như từ kinh nghiệm của các trường ưu tú (*grandes écoles*) ở Paris và các học viện ở Oxford-Cambridge, và những kinh nghiệm này được ông sửa đổi hay bổ sung bằng những sáng kiến riêng của mình. Học sinh của học viện là các sinh viên tốt nhất của MKKE, trên cơ sở lựa chọn cẩn thận. Người ta dạy ở đây những kiến thức hiện đại, mà các sinh viên không nhận được trong khuôn khổđào tạo đại học. Họ giáo dục sinh viên suy nghĩ độc lập, xa rời các học thuyết. Điều này giữa các thứ khác cũng được biểu lộở việc, họ mời ai đến giảng. Trong danh sách được mời có thể thấy các trí thức nổi tiếng, những người vài năm trước vẫn ngồi trong nhà tù, rồi đến các lãnh tụ tinh thần của phong trào phản kháng đối đầu với chế độ cộng sản, phong trào "đối lập dân chủ" được tổ chức trong các năm 1970.

(*) Các nhà lãnh đạo đảng nhớ lại, giới sinh viên học sinh đã đóng vai trò gây men thế nào tháng mười năm 1956. Như thế họ đã cố gắng cách li khỏi giới sinh viên những trí thức, mà họ cảm thấy ảnh hưởng tinh thần của những người ấy là rủi ro. Họ đã cho phép thí dụ, nhiều người trong số những người bị kết án 1956 nghiên cứu trong viện nghiên cứu của Viện Hàn Lâm-nhưng chẳng ai trong số họ có việc làm ở đại học.

Tôi cũng nhiều lần thuyết trình ở đây. Nếu có một công trình mới của tôi được hình thành, tôi sẵn sàng thử nội dung muốn nói của mình

https://thuviensach.vn

bằng việc, đầu tiên tôi trình bày trước thính giả biết lắng nghe, biết đánh giá của Học viện Rajk.

Đào tạo sau đại học (*graduate*), cần để đạt học vị PhD, trong đa số các nước phương Tây do các đại học tiến hành. Trong chương 5, gắn với sự nghiệp riêng của mình tôi đã kể, rằng trong các nước theo hình mẫu soviet thủ tục là khác. Việc đào tạo để đạt học vị phó tiến sĩ tương đương với PhD, đào tạo nghiên cứu sinh, không do đại học tổ chức, mà do một cơ quan trung ương tách biệt khỏi đại học, được hình thành cho riêng mục đích này, Uỷ ban Đánh giá Chất lượng Khoa học, tiến hành. Uỷ ban này cử người hướng dẫn tinh thần của nghiên cứu sinh, "thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh". Vai trò này đại loại tương đương với vai trò, mà *adviser* của sinh viên-graduate ở phương Tây đóng. Bên cạnh những khác biệt khác, sự khác biệt quan trọng nhất là, adviser do sinh viên lựa chọn, còn thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh do cơ quan được giao phó việc này chỉ định, trên cơ sở nhiều loại tiêu chuẩn – mà các quan điểm chính trị không ở hàng cuối cùng.(*)

Bản thân tôi sau này, ở Đại học Harvard tôi đã giúp công việc của nhiều sinh viên graduate với tư cách adviser. Ở Hungary tình hình lại khác. Năm 1956 tôi nhận được học vị phó tiến sĩ, kể từ đó – theo các quy định pháp luật có hiệu lực ở Hungary-tôi có trình độ chuyên môn và quyền- để trở thành thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh. Thế nhưng, Uỷ ban Đánh giá Chất lượng Khoa học, trong gần nửa thế kỉ tồn tại của nó, đã không lần nào cử tôi làm nhiệm vụ này. Dịch sang ngôn ngữ phương Tây: ở Hungary người ta đã chẳng bao giờ giao cho tôi một sinh viên-graduate nào.

Nghĩ đến chuyện này là cảm giác đau đớn. Theo ngôn ngữ của các đại học phương Tây giáo sư thường sử dụng cụm từ "…đã là học trò của tôi" liên quan đến ai đó, chỉ khi đã giúp người ấy với tư cách adviser trong khuôn khổ chương trình-graduate PhD. *Theo nghĩa này* tôi chẳng thể nói về bất kì ai ở Hungary, rằng người ấy đã là học trò của tôi. Bù lại đôi chút là việc biết rằng, có các nhà kinh tế học, những người thừa nhận: họ coi mình là học trò của tôi.

Tôi trở thành viện sĩ thế nào?

Viện Hàn Lâm Khoa học Hungary, theo hình mẫu soviet, có nhiều loại vai trò. Với tư cách cán bộ của một viện nghiên cứu của Viện Hàn Lâm, tôi đã là nhân viên được trả lương của Viện Hàn Lâm. Viện Hàn

https://thuviensach.vn

Lâm Khoa học Hungary đã là người sử dụng lao động, có hơn mười ngàn người làm.

(*)Trong mỗi hệ thống cũng không có chuyện quyết định một chiều: trong cả hai, sự uỷ nhiệm *phải được* adviser, cũng như thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh *chấp nhận*.

Viện Hàn Lâm Khoa học Hungary đồng thời cũng đóng vai trò truyền thống của các Viện Hàn Lâm quốc gia: nó tự tuyên bố về mình, rằng đâylà hội đồng của các nhà bác học xuất sắc nhất đất nước. Thế nhưng ai được đánh giá là xuất sắc nhất? Nếu chỉ đọc câu chữ của điều lệ Viện Hàn Lâm, thủ tục đánh giá giống như thủ tục, mà các Viện Hàn Lâm lớn phương Tâyáp dụng. Trên cơ sở đánh giá sơ bộ cẩn trọng, bản thân các thành viên của Viện Hàn Lâm bầu ra các thành viên mới một cách tự quyết, với đa số phiếu, bằng bỏ phiếu kín.(*)Thế nhưng bõ công khảo sát từ gần hơn, việc bầu được tiến hành thế nào *trong thực tế*. Điều này được minh hoạ tốt bằng câu chuyện của tôi.

Nếu chúng ta đọc kĩđiều lệ khi đó của Viện Hàn Lâm, hoá ra là: người ta mong đợi ở các thành viên Viện Hàn Lâm, rằng họ coi "thế giới quan tiến bộ nhất" là của mình.(**)Những người muốn giới thiệu tôi làm viện sĩ, đã gặp gay go ngay ở đây rồi.(***) Từ các tuyên bố của chính tôi, được ghi lại trên hồ sơ cán bộ của tôi, trở nên rõ ràng, tôi không là người Marxist-Leninist. Bất kể bạn đọc chuyên gia nào của các tác phẩm của tôi cũng có thể xác định cùng điều này.

Khi vấn đề tư cách viện sĩ của tôi bắt đầu nổi lên vào đầu các năm 1970 trong giới các viện sĩ khi đó, tôi đã có tên tuổi không chỉở trong nước, mà cảở nước ngoài nữa. Thậm chí, cái có lẽ khó chịu nhất đã là: tôi đã là thành viên được bầu của Viện Hàn Lâm Khoa học Mĩ, và tôi cũng được những công nhận quốc tế khác nữa. Chúng ta đã ở trong cái thời kì của chế độ Kádár, khi mà nó muốn chứng tỏ một cách hào nhoáng, nước Hungary có cuộc sống tinh thần văn minh, có văn hoá, "phương Tây" đến thế nào. Nhìn mình ra sao, khi một nhà nghiên cứu Hungary là thành viên của Viện Hàn Lâm Mĩ, nhưng không là thành viên của Viện Hàn Lâm Hungary? Họ không thể trì hoãn tiếp việc thảo luận tư cách viện sĩ của tôi.

Tôi buộc phải mô tả tương đối dài dòng quá trình bầu hình thức, bởi vì thiếu nó thì không hiểu được, cái gì thực sự xảy ra. Quá trình bầu hợp pháp về pháp lí (*de jure*) xảy ra theo hai bước. Đầu tiên ban

https://thuviensach.vn

của Viện Hàn Lâm chịu trách nhiệm về chuyên ngành của ứng viên (trong trường hợp của tôi là ban IX có thẩm quyền trong công việc của khoa học luật, kinh tế học và các khoa học xã hội khác) phải quyết định bằng bỏ phiếu kín về việc, ban đệ trình ai làm ứng viên cho hội nghị toàn thể. Cho việc này ứng viên phải nhận được đa số phiếu đơn thuần. Sau đó hội nghị toàn thể của tất cả các viện sĩ của Viện Hàn Lâm, bầu ra các thành viên mới, lại với phiếu kín, trong số các ứng viên do các ban đệ trình. Việc bỏ phiếu ở hội nghị toàn thể khá máy móc, các ứng viên của các ban thường nhận được đa số áp đảo. Cuộc chiến đấu thật sự vì thế xảy ra ở chỗ, ban tiến cử ai lên hội nghị toàn thể.

(*) Có hai cấp viện sĩ. Cấp thấp hơn là viện sĩ thông tấn, cấp cao hơn là viện sĩ chính thức. Việc đạt cấp thấp hơn là "bước nhảy vọt". Đây là cái cần thúc đẩy bởi người muốn đưa ai đó thành viện sĩ. Bước tiếp theo thì không có vấn đề. Các viện sĩ thông tấn sau một thời gian hầu như tự động trở thành viện sĩ chính thức.

(**) Mục (1) của điều 1 trong điều lệ của Viện Hàn Lâm Khoa học Hungary quy định: Viện Hàn Lâm Khoa học Hungary tiến hành hoạt động của mình "trên cơ sở thế giới quan khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng".

(***) Đã luôn luôn có "những người tự ứng cử", bản thân họ vận động vì tư cách viện sĩ của mình, cố gắng kiếm được các lời giới thiệu, và thuyết phục các viện sĩ hãy bỏ phiếu cho mình. Những người khác thì cảm thấy loại tự quảng cáo như vậy là không xứng đáng, và để tuỳ lương tâm chuyên môn của các đồng nghiệp, tuỳ họ bầu cho ai. Liên quan đến thái độ của riêng tôi - bất luận về tư cách thành viên Viện Hàn Lâm, hay về những khen thưởng khác – tôi luôn luôn thuộc loại thứ hai. Những người ủng hộ tư cách viện sĩ của tôi trong các năm 1970, họ làm việc ấy trên cơ sở đánh giá chuyên môn của riêng họ, đề xuất của riêng họ.

Phần lớn các viện sĩ đã là đảng viên. Ai cũng biết, rằng trước phiên họp giới thiệu ứng viên "chính thức" có cuộc họp của các viện sĩ đảng viên của ban. Trong cuộc họp này các đảng viên thoả thuận, rằng trong số những người có thể tính đến thì họ bỏ phiếu thuận cho ai và phiếu chống cho ai. Bởi vì họ chiếm đa số, cuối cùng các đảng viên cộng sản có thể quyết định, ai sẽ trở thành viện sĩ.

https://thuviensach.vn

Việc giới thiệu tôi trong dịp thử đầu tiên, khi chuẩn bị bầu viện sĩ thì ngay ở mức đầu tiên, ở cuộc họp các đảng viên, đã bị thất bại. Như bây giờ tôi có thể xác định từ tư liệu lưu trữ có thể tiếp cận được, ban hữu quan của trung ương đảng đã làm báo cáo cho cơ quan chóp bu ra quyết định của đảng, cho Bộ Chính trị về công việc chuẩn bị hội nghị toàn thể năm 1973 của Viện Hàn Lâm.[136] Trong đó báo cáo về, các đảng viên ủng hộ việc giới thiệu ai và bác bỏ ai. Friss István ủng hộ việc giới thiệu tôi, nhưng đa số các đảng viên (trong số họ có Háy László, người đã cấm tôi dạy đại học sau 1956) phản đối.(*) Bộ Chính trị giữ lập trường trong vụ việc của tôi: "không ủng hộ" (hãy hiểu: cấm) giới thiệu tôi.[137]

Đợt bầu cử tiếp theo đến kì hạn vào hội nghị toàn thể 1976. Cũng đã có quá trình chuẩn bị quen thuộc trước đó. Khi đó trong họp các đảng viên thì những người không ủng hộ tôi chỉ có đa số ít ỏi. Thế nhưng đa số này cũng đủ, để nghị quyết của cuộc họp các đảng viên bác bỏ sự giới thiệu tôi.

Theo thông lệ ban hữu quan của trung ương đảng, tháng mười 1975 cũng đệ trình báo cáo về chuẩn bị hội nghị toàn thể năm 1976 của Viện Hàn Lâm. Ở đây giữa những thứ khác cũng có vụ việc của tôi. Báo cáo nhắc lại quyết định phủ định hai năm trước của Bộ Chính trị, và chua thêm lời bình luận: "tình hình cơ bản không thay đổi".[138] Lần này Bộ Chính trị không quyết định ngay về những đề cử, mà quyết định rằng, muộn hơn sẽ quay lại vấn đề này.

Sau đó câu chuyện có bước ngoặt bất ngờ. Không lâu sau xảy ra hội nghị của các viện sĩ kinh tế và luật trong khuôn khổ ban IX của Viện Hàn Lâm Khoa học Hungary. (Gợi nhớ lại: trong cuộc họp này không chỉ các đảng viên, mà tất cả các viện sĩ đều tham gia. Như tôi đã nhắc đến, *de jure* hội đồng này là người "quyết định" về việc đề cử). Theo dự đoán ở đây, trong bỏ phiếu kín tôi chẳng thể nhận được đa số, nếu tất cả các viện sĩ đảng viên bỏ phiếu phù hợp với thoả thuận trước của họ, tức là bỏ phiếu chống tôi.

Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người họ đã đề cử tôi với đa số đầy ấn tượng. Như thế là đã có các viện sĩ đảng viên, những người trong cuộc họp hẹp của riêng họ đã không nêu ý kiến ủng hộ đề cử tôi, nhưng bằng bỏ phiếu kín - dưới sự bảo vệ của tính bí mật đã vi phạm kỉ luật đảng - vẫn bầu cho tôi.

https://thuviensach.vn

Ngoài tôi ra còn một nhà kinh tế học nữa, người mà đảng không có vấn đề chính trị gì, đã nhận được đa số cần thiết.

Nhưng làm phức tạp tình hình là, cũng lúc đó thêm hai nhà kinh tế học nữa, những người mà trung ương đảng hết sức ủng hộ, lại được chính xác 50% trong quá trình bỏ phiếu kín. Nếu người ta theo đúng câu chữ của điều lệ Viện Hàn Lâm, thì không được phép đề cử họ lên hội nghị toàn thể, bởi vì họ đã không được đa số phiếu.

(*)Trưởng ban hữu quan của đảng, Kornidesz Mihály, khi năm 1975 lại nổi lên việc giới thiệu tôi, đã nhắc lại những ý kiến, mà năm 1972 trong dịp giới thiệu đầu tiên đã chuyển lên cho họ về sự nghiệp công trình của tôi. Tôi trích theo biên bản (MOL M-KS 288. f. 5/682. ő.e. tr. 3) lời của anh ta nói trước Bộ Chính trị: "… khi lần đầu tiên xuất hiện tên anh ta, chúng tôi nghe thấy các ý kiến mâu thuẫn nhau về anh ta. Đã có những người, nói rằng, yếu về mặt chuyên môn, không đạt trình độ, chỉ vùi đầu vào sách vở tách rời thực tiễn, và họ coi là không thể tin được về mặt chính trị…"

Tình huống khó xử -các quan chức chịu trách nhiệm về công việc của Viện Hàn Lâm cảm thấy vậy. Kornai, con người khả nghi này, nhận được đa số, còn hai người có thể tin cậy được của chúng ta thì không. Đây tỏ ra là thế lưỡng nan nghiêm trọng, đến nỗi không chỉ không thể giải quyết nổi ở địa điểm thực sự ra quyết định, ở bên trong Viện Hàn Lâm, mà ngay cả ở cấp trung chỉ đạo chính trị cũng không. Ở đây cơ quan chính trị chóp bu, Bộ Chính trị, phải đưa ra lời nói quyết định.

Tháng 1-1976 Bộ Chính trị lại bàn về việc đề cử viện sĩ. Một đề xuất mới được đưa ra, và trong thảo luận người trình báo cáo đã nói: họ quan tâm nhiều phía đến sự nghiệp của tôi, và lần này họ nhận được các ý kiến tích cực.[139] Cuối cùng Kádár János nêu lập trường thế này (tôi trích nguyên văn biên bản): "Liên quan đến những thay đổi này, theo tôi Kornai có thể chấp nhận được, bởi vì cân nhắc chính trị không quan trọng đến vậy. Khó so sánh, nhưng đâu phải là về chức vụ đảng, về tư cách đảng viên, mà là về Viện Hàn Lâm, nơi cũng có thể hình dung được người có chút vấn đề chính trị, tuy vậy nếu công trình khoa học của người ấy tích cực, màu mỡ, có ích sẽ là viện sĩ. Như thế không phải là lí do loại trừ, nếu không đạt mức độ vững vàng ngyên tắc của đảng viên cũ".[140]

https://thuviensach.vn

Như thế vấn đề đã được quyết định. Bây giờ vụ việc tư cách viện sĩ của tôi đã có thể tiến triển theo con đường của nó.

Tuy nhiên ở Trung ương đảng họ lại thấy: cần phải đảm bảo, nhằm mục đích cân bằng cần thiết, rằng - bất chấp điều lệ thế này điều lệ thế kia - họ cũng giới thiệu hai ứng viên được 50%, rồi bỏ phiếu tán thành ở hội nghị toàn thể. Nếu bên cạnh Kornai, ba người mới, tử tế, đáng tin cậy cũng vào Viện Hàn Lâm, thì sẽ có đối trọng cần thiết. Cũng đã xảy ra đúng như thế; trong năm ấy, năm 1976 Viện Hàn Lâm bầu bốn nhà kinh tế học làm viện sĩ thông tấn mới.

Nhìn từ gần, thì tính tự trị, việc bầu cử bí mật tự quyết, sự thực thi điều lệ của Viện Hàn Lâm hoạt động như thế đó trong các năm 1970. Trong chọn lọc, sự đánh giá thành tích khoa học thật bị trộn lẫn theo cách đặc biệt với chuyện, đảng cộng sản ở đây cũng muốn thực thi các quan điểm quyền lực của mình như trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Ảnh hưởng mạnh của sự lựa chọn theo các tiêu chuẩn chính trịđã tác động đến, để lại dấu ấn lên cơ cấu của hội đồng viện sĩ, và việc này cho đến tận ngày nay vẫn có những hậu quả của nó.

Cái xảy ra trong trường hợp của tôi, đại loại tương ứng với việc, giả như thí dụ ở Hoa Kì chính phủ điều hành đất nước lại đi bàn, rồi tổng thống đi quyết định về: nhà bác học X. Y. có thể là, hay nên là thành viên của National Academy hay của American Academy hay không. Chỉ cần suy nghĩ kĩ sự tương tự, để chúng ta cảm thấy tính lố bịch của thủ tục. Bên cạnh việc cắt xén tính tự trị của Viện Hàn Lâm, câu chuyện còn minh hoạ một hiện tượng quan trọng nữa, khuynh hướng thương lượng, dàn xếp đặc trưng cho chính sách văn hoá Kádár-Aczél. Hội Kádár không chùn bước trước một vài nhân nhượng. Loại nhân nhượng như vậy là "để cho tôi vào" Viện Hàn Lâm, nếu mà một bộ phận các đảng viên phản lại lệnh dưới sự bảo vệ của bỏ phiếu kín muốn đúng điều này. Cùng lúc đó họ muốn đảm bảo, rằng các vị trí chỉ đạo vẫn nằm trong tay họ, ngoài ra - nếu bên trong các tổ chức "tự trị" đây là điều kiện hình thức của sự thực thi ý định chính trị của họ -thì đa số trung thành theo đường lối của đảng mọi thời kì hãy là của họ.

Những đặc ân của viện sĩ

Trong hệ thống cộng sản các viện sĩ viện hàn lâm khoa học quốc gia ở trong tình trạng ngoại lệ. Họ nhận lương cao, và được hưởng nhiều ưu đãi khác.

https://thuviensach.vn

Ở Liên Xô danh tiếng của tước hiệu viện sĩ còn lớn hơn – trong thang uy tín tương đối của các tước vị và danh hiệu – so với ở Hungary khi đó. Không lâu sau khi được bầu, theo đề xuất của các bạn soviet của tôi, những người biết sự nghiệp công trình khoa học của tôi, và đích thân muốn gặp tôi, tôi nhận được lời mời của Viện Hàn Lâm Khoa học Liên Xô để thăm Moskva. Khi tôi đến, chẳng có ai đợi ở sân bay, nhưng bằng cách nào đấy tôi đã giải quyết được (lúc đó là một nhiệm vụ không dễ) để đi về nơi ở. Ngày hôm sau chuông điện thoại reo; bên kia đầu dây là một người từ vụ quan hệ quốc tế của Viện Hàn Lâm, liên tục xin lỗi. Hôm qua họ vẫn tin, rằng tôi chỉ là "tiến sĩ khoa học". Hôm nay họ biết rằng trong những ngày qua tôi đã được bầu làm viện sĩ. Họ xin lỗi, lẽ ra đã phải cử xe ra đón tôi ở sân bay. Kể từ đấy có một xe công vụ với lái xe phục vụ tôi.

Danh hiệu viện sĩ cũng có sức nặng đáng kể. Trước khi được bầu vài năm chúng tôi đã chuyển từ căn hộ nhỏ có điện thoại sang một căn hộ mới, rộng hơn. Bên cạnh nhiều ưu điểm của căn nhà mới, chúng tôi cũng có thiệt hại: ở đây không có điện thoại. Các bạn đọc trẻ hơn, không chịu rời bỏ điện thoại di động khỏi tay mình dù chỉ một phút, và bị các công ti điện thoại cạnh tranh nhau cám dỗ gọi càng nhiều càng tốt, chẳng thể tưởng tượng được, rằng trong thời kì đó phải đợi hàng năm, để một cặp vợ chồng nhận được điện thoại. Có lẽ mối quan hệ cũng có thể giúp. Sau khi chuyển nhà, năm 1975 tôi nhờ giám đốc mới của viện chúng tôi, Nyers Rezső, thử giúp chúng tôi đặt điện thoại. Cách đấy không lâu ông là bí thư nhiều quyền lực của trung ương đảng, bây giờ mọi người làm kinh tế vẫn chú ý đến lời ông. Ông cũng đã nói chuyện với những người hữu quan vì quyền lợi của tôi, rồi – theo lời khuyên của những người quen của ông ở bưu điện – ông đưa ra đề xuất sau. Vẫn chưa phải là thời điểm thích hợp, để tôi nhận được điện thoại một cách ngoại lệ. Hãy đợi, đến khi tôi lên một bậc nữa, và sẽ là thành viên của Viện Hàn Lâm, khi đó chúng ta thử lại. Và cũng đã xảy ra như thế. Tôi trở thành viện sĩ, Nyers Rezső lại gọi điện thoại – và đấy, vài ngày sau xuất hiện những người lắp đặt điện thoại.

Được ưu đãi -việc này làm nảy sinh thế lưỡng nan đạo đức. Nhiều loại cảm giác pha trộn trong tôi. Gây lo lắng là nhận thức của tôi, rằng tôi nhận được những trợ cấp, mà nhiều nhà nghiên cứu Hungary xứng đáng, nhiều người của giới trí thức không nhận được.(*)Thế nhưng tôi đánh giá, rằng cái mà tôi nhận được không phải là không xứng đáng.

https://thuviensach.vn

Các nhà bác học đã đấu tranh vì việc bầu tôi là những người tôn trọng chân thành công việc của tôi. Tôi cảm thấy: với lương tâm thanh thản tôi có thể nhận những ưu đãi đi cùng với tư cách viện sĩ.

(*)Nói chuyện với các đồng nghiệp phương Tây tôi nghiệm thấy lặp đi lặp lại, rằng những tưởng tượng của họ về các ưu đãi vật chất của các viện sĩ là hoàn toàn sai lầm. Nhiều trong số họ đã tin, rằng đo bằng các thước đo phương Tây những người này sống mức sống đặc biệt cao. Đấy tất nhiên là xa với thực tế. Lương "cao" của viện sĩ chỉ bằng một phần nhỏ lương của họ. Các nhà nghỉ mát cho các bác học có lẽ đạt mức chất lượng của khách sạn hai-ba sao, trong khi đó các giáo sư phương Tây có thể cho phép mình ở khách sạn có chất lượng cao hơn nhiều. Đúng, không có xe công vụ ra đón họ ở sân bay, nhưng họ có thể bắt taxi chẳng khó khăn gì. Bên cạnh đó họ chẳng cần chiếu cố gì để có điện thoại sau nhiều năm chờ đợi.

Cái xảy ra với các viện sĩ, cũng xảy ra với các nhóm được ưu đãi khác của hệ thống xã hội chủ nghĩa là: so với mức sống thấp trung bình của nhà nghiên cứu họ được hưởng các ưu đãi vật chất. Về phần mình tôi cảm thấy ưu thế quan trọng nhất của địa vị viện sĩ là, nó nới lỏng đôi chút (tuy không xoá bỏ) những bó buộc và ràng buộc đi lại.

https://thuviensach.vn

1971 –1976
SỰ TĂNG TRƯỞNG CƯỠNG ÉP, ĐIỀU TIẾT MÀ KHÔNG CÓ BÁO HIỆU GIÁ

Cuốn sách *Anti-Equilibrium* của tôi được xuất bản năm 1970. Trong sáu-bảy năm tiếp theo, nhiều loại xung lực trí tuệ đã tác động lên tôi: các tài liệu đọc, các tranh luận, những nghiên cứu riêng của tôi được khởi động theo nhiều hướng khác nhau, các chuyến đi, những kinh nghiệm cá nhân thu được với tư cách người tiêu dùng và người xây dựng nhà riêng của chúng tôi. Với cái đầu hôm nay nhìn lại thời kì này, tôi có thể khẳng định: tất cả các tác động đã giúp tôi chuẩn bị cho việc, năm 1976 tôi bắt đầu phân tích toàn diện nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, và tôi đã có nhiều ấn tượng để lại dấu ấn lên toàn bộ đời sống tiếp theo của tôi, lên cả các công trình muộn hơn nhiều của tôi. Thế nhưng chỉ nhìn lại tôi mới có thể gọi thời kì này là "sự chuẩn bị" cho cuốn sách sẽ được viết vài năm sau. Năm 1971 trong đầu tôi vẫn chưa hề có ý tưởng, rằng sau này tôi sẽ viết một cuốn sách chuyên khảo, mà chủ đề của nó sẽ là nền kinh tế thiếu hụt. Một trong những mục đích của tiểu sử tự thuật của tôi là giới thiệu việc- với sự xem xét nội tâm, dựa vào những kinh nghiệm riêng của tôi -, quá trình sáng tạo xảy ra như thế nào trong quá trình nghiên cứu; nhận thức và sự hiểu biết tiến triển như thế nào, cũng như lầm lẫn vào ngõ cụt thế nào, bỗng dừng lại ra sao. Vì mục đích này tôi sẽ cho biết quan hệ giữa ấn tượng trí tuệ tươi mới và các công trình muộn hơn. Ngược với các chương khác của cuốn sách, nội dung của chương này không thể sắp xếp được vào một cấu trúc logic. Nhiều loại kinh nghiệm sống kế tiếp nhau hay xảy ra đồng thời, sức mạnh cố kết của xung lực trí tuệ là kết quả cuối cùng, cuốn sách hoàn thành năm 1980.

Trong những năm này đã xảy ra các sự kiện quan trọng trong nền kinh tế Hungary. Cuộc cải cách được bắt đầu năm 1968 với đà to lớn bỗng dừng lại vào đầu các năm 1970, thậm chí một thời gian cán cân quyền lực chính trị đã lệch về phía các lực lượng kéo lại, chống cải cách. Ở vài điểm họ đã lùi lại so với những thay đổi đã nhắc đến. Trong đời sống tinh thần, và trên mặt trận ý thức hệ cũng đã có thể cảm nhận đượcý định lập lại những sự thắt chặt trước kia. Giữa chừng,

https://thuviensach.vn

tất nhiên, môi trường bao quanh đã tác động mạnh lên tôi, các xung lực khác cũng đến, mà chúng không phải không có ảnh hưởng.

Tăng trưởng cưỡng ép hay hài hoà

Giáo sư Hà Lan Jan Tinbergen, người chia nhau với nhà bác học Na Uy Ragnar Frisch giải Nobel kinh tế lần đầu tiên, đã mời tôi trình bày bài thuyết trình năm 1971 của "loạt bài giảng De Vries" tại đại học Rotterdam.

Tinbergen là một trong những người tuyệt vời nhất, mà tôi đã từng gặp. Sự hiểu biết khác thường của ông, tính độc đáo trong cách tư duy của ông kết hợp với sự giản dị vô cùng của ông, với tính khiêm tốn và lòng tốt chân thành thực sự của ông. Có lẽ tôi chỉ thấy một yếu điểm con người duy nhất trong ông. Ông tin đến mức ngây thơ, rằng những người khác cũng như ông: duy lí đến vậy, tử tế đến vậy, hào hiệp đến vậy.

Như mọi lúc, bây giờ tôi cũng rất hồi hộp trước sự trình diễn đặc biệt vinh dự này, và như lúc khác, bây giờ tôi cũng cảm thấy, mình phải xuất hiện bất ngờ với đề tài mới. Khi đó tôi đã quan tâm một thời gian dài đến các khả năng kế hoạch hoá dài hạn, tôi đã tham gia các tranh luận về các chiến lược tăng trưởng. Tôi chọn chủ đề bài thuyết trình ở Hà Lan từ nhóm đề tài của *lí thuyết tăng trưởng*.[141]

Tôi bắt đầu với một sự tương tự: "Người, mà ở phần trên mặc áo sơ mi bằng vải đẹp, đeo cravát sành điệu, khoác áo veston sang trọng; còn bên dưới mặc quần bị sờn, nhưng vẫn có thể chấp nhận được, chân thì đi giày thủng đế, là người gây ấn tượng không hài hoà".[142] Các nước, mà sự phát triển xảy ra không đều ở các khu vực khác nhau, gây ra ấn tượng không hài hoà loại như vậy. Bài thuyết trình của tôi là sự phê phán của cái gọi là lí thuyết "công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa", lí thuyết thử rèn ra đức hạnh từ một nỗi lo nghiêm trọng, từ sự mất cân đối và không hài hoà hình thành do tăng trưởng. Từ *rush* (vội vã, gấp rút) trong đầu đề tiếng Anh của bài thuyết trình có lẽ diễn đạt rõ hơn thuật ngữ Hungary "tăng trưởng cưỡng ép". Chúng ta lao lên, nhịp độ tăng trưởng càng cao càng tốt, đặc biệt trong công nghiệp nặng, ngay cả với cái giá là, giữa chừng chúng ta bỏ rơi việc tăng mức sống của dân cư, sự bảo trì bảo dưỡng cẩn thận các tài sản quốc gia đã hình thành đến nay, các toà nhà, các máy móc, các thiết bị, đường sá, y tế,

https://thuviensach.vn

giáo dục, bảo vệ môi trường, và không hình thành dự phòng cần thiết cho trường hợp những khó khăn không dự kiến trước được.

Bài thuyết trình, ở dạng sách có đầu đề *Tăng trưởng cưỡng ép hay hài hoà*, tranh luận với lí thuyết tăng trưởng ủng hộ mất cân bằng, gây ấn tượng mạnh thời đó của Albert Hirschman và Paul Streeten.[143] Theo họ, dứt khoát có lợi, nếu trong các nước đang phát triển hình thành các chỗ hẹp, thiếu hụt, các trạng thái mất cân bằng, bởi vì những cái này tạo một sự thúc đẩy mạnh mẽ choxã hội biếng nhác để khôi phục lại sự cân đối và cân bằng. Ngược lại, trên cơ sở những kinh nghiệm cay đắng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa tôi lại thấy, rằng từ những mất cân đối này phát sinh nhiều tai hoạ, hơn là lợi ích.(*) Sai lầm của các kế hoạch được vạch ra trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa không phải là, chúng sinh ra tính biếng nhác, mà ngược lại, tức là, chúng thúc đẩy tính siêu hiếu động, thúc đẩy các khoản đầu tư quay nhanh một cách cưỡng ép. Tiểu luận đụng đến mối quan hệ của tăng trưởng méo mó, vội vã và sự thiếu hụt tràn lan -thế nhưng ở đây sự phân tích các quan hệ nhân quả giữa hai nhóm đề tài vẫn chưa được tiến hành.

Gắn với khảo sát lí thuyết của tăng trưởng cưỡng ép, cộng tác với nhiều đồng tác giả, tôi đã xem xét việc thiết kế và áp dụng các mô hình mô phỏng động, sử dụng các số liệu thống kê Hungary. Khi đó tôi bắt đầu làm quen với mô phỏng tiến hành trên máy tính, với phương pháp linh hoạt, rất thích hợp cho phân tích này. Một trong những tính toán,

(*)Cuốn sách đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trong đó cả tiếng Trung Quốc nữa. Mới đây tôi có đi Trung Quốc, và trong các cuộc trao đổi ở đó lại đề cập một cách nhấn mạnh đến phân tích của cuốn sách. Hoá ra là, ở đó các mặt tiêu cực và những thiệt hại xã hội của sự tăng trưởng cực kì nhanh, quá nóng và của "bệnh cuồng tăng trưởng" phiến diện đi kèm, đang biểu lộ một cách gay gắt; việc nhấn mạnh những yêu cầu của tăng trưởng hài hoà có tính thời sự hơn bao giờ hết.

mà chúng tôi gọi là *dò kế hoạch*, đã phản ánh những hậu quả tai hại một cách quá đáng của tăng trưởng không hài hoà, trong đó trước hết của sự sao nhãng hạ tầng cơ sở.(*)

Lời mời đến Cambridge Anh

Năm 1971 tôi tham gia một hội nghịở Geneve, trong đó có mặt Richard Stone, nhà kinh tế học Anh xuất sắc. Dịp thăm Anh đầu tiên

https://thuviensach.vn

của tôi, năm 1963 chúng tôi quen nhau.(**)Ông mời tôi đến nói chuyện tay đôi, ở đó ông thông báo: họ vui lòng mời tôi đến đại học Cambridge, một cách thường trực. Trong bộ môn sự căng thẳng giữa hai nhóm các nhà kinh tế học mạnh lên. Lãnh đạo tinh thần của nhóm các nhà toán kinh tế học là Frank Hahn, của nhóm chống các phương pháp toán học thì là Joan Robinson và đồng hương của tôi, Káldor Miklós (sau này trở thành Lord Kaldor). Theo những cuộc trao đổi của ông đến lúc đó ông thấy là, cả hai phái đều vui vẻ với sự bổ nhiệm giáo sư của tôi. Có lẽ cũng giúp cho tháo gỡ căng thẳng. Như thế ông đề nghị chức giáo sư không phải nhân danh cá nhân, mà với sự uỷ thác của các đồng nghiệp nữa.

Cambridge! Thành trì của khoa học-kinh tế, nơi Keynes đã làm việc và dạy. Đó là địa điểm, nơi tôi lần đầu tiên bước vào thế giới khoa học phương Tây, thế giới của các college [học viện] tuyệt vời nhiều trăm tuổi, của các công viên đầy hoa và của bờ sông với sự yên bình thân thiết. Khả năng di cư lại nổi lên lần thứ hai bây giờ. Nhưng đây không còn là thời kì đầy bất trắc của làn sóng trốn chạy 1956-1957. Từ khi đó đã mười lăm năm trôi qua, và bây giờ người ta đề nghị chức giáo sư cho toàn bộ phần còn lại của đời tôi, mà cụ thể là ở một trong những đại học thanh thế nhất thế giới.

Tôi xin thời gian suy nghĩ ngắn, tôi bàn với vợ, cô cũng tham gia hội nghị. Sau đó, cảm ơn vinh dự lớn lao, tôi từ chối. Trong một phần sau của cuốn sách tôi sẽ quay lại chi tiết hơn thế lưỡng nan của quyết định "di cư hay ở lại". Tại đây bây giờ tôi chỉ muốn đánh dấu sự kiện theo trình tự thời gian.

Bó bột đến thắt lưng – Keynes và Hirschman

Đầu 1972 người ta tiến hành hai phẫu thuật trên tôi. Trước các phẫu thuật cả hai vai tôi bị trẹo khớp nhiều lần và ngày càng thường xuyên; đã phải chấm dứt căn bệnh rất đau này bằng can thiệp phẫu thuật. Suốt hàng tuần- với việc bó bột nửa thân trên – tôi bị hạn chế đi lại.(***) Dịp lí tưởng để đọc! Trong bệnh viện tôi nằm trong một phòng mười giường chật chội, không còn chỗ cho ngay cả một chiếc ghế.

(*) Trong công trình này vợ tôi, Dániel Zsuzsa, cũng như Martos Béla và Jónás Anna đã là các đồng tác giả.

https://thuviensach.vn

(**)Stone không phải là nhà nghiên cứu vùi đầu vào sách vở quan tâm đến các lí thuyết trừu tượng, mà quan tâm hơn đến những nghiên cứu giúp đỡ trực tiếp cho thực hành.

Hệ thống thanh toán-thống kế được thiết kế với sự chỉ đạo của ông, mà Liên Hợp Quốc cũng chấp nhận, và từ khi đó cũng đảm bảo cho sự nhất trí và tính có thể so sánh được của thống kê kinh tế quốc tế. Vài năm sau Stone được giải Nobel. Sự tận tâm vì công việc khoa học và hưởng thụ những thú vui thường nhật của cuộc sống hợp tốt với tính cách của ông. Ông ăn mặc sang trọng đặc biệt, ông thích các thức ăn và thức uống ngon. Ông giữ nhiều vai trò xã hội khác nhau, trong sốđó ông nhấn mạnh với sự tự hào đặc biệt, rằng ông là chủ tịch của "Uỷ ban rượu" của King's College. Thuộc thẩm quyền của uỷ ban này là quyết định, người ta mua các loại rượu nào cho hầm rượu của trường.

(***)Nhìn tôi có vẻ khá kì quặc. Trong thang máy ở nhà một đứa trẻ đã oà lên khóc, khi nhìn thấy tôi. Người ta cố định tay tôi trong trạng thái bẻ ngang, giơ ra phía trước. Con trai Gábor của tôi, nó nổi tiếng về tính khôi hài, một lần nó nhận xét: tay tôi bị gấp lại cứng nhắc phù hợp tuyệt vời cho việc dùng làm cái mắc quần, và ngay lập tức nó ướm thử một chiếc quần để minh hoạ kiến nghị của mình.

Khi người ta cho phép tôi dậy, phần lớn thời gian tôi ngồi ngoài hành lang. Muộn hơn trong thời gian bình phục họ cho tôi về nhà. Các bạn tôi, những người đến thăm tôi ở bệnh viện và sau đó ở nhà, đã ngạc nhiên, rằng thay cho các truyện trinh thám giải trí họ thấy tác phẩm cơ bản của Keynes, *Lí thuyết chung về việc làm, tiền lãi và tiền* trong tay tôi.

Nhiều năm trước đó, khoảng 1957-1958, trong quá trình tự "học đại học" của mình một lần tôi đã làm quen với kinh tế học vĩ mô hiện đại, nhưng khi ấy tôi đã bỏ vào một xó nào đó của trí nhớ của mình. Đọc lại Keynes khi đó tôi dần nhận ra ý tưởng, rằng nền kinh tế thiếu hụt của chúng ta là ảnh đối xứng của tình trạng mất cân bằng của Keynes. Đối với Keynes *nạn thất nghiệp* tạo ra cái hiện tượng ai cũng có thể quan sát thấy, mà qua đó ông có thể giới thiệu và khảo sát các căn bệnh của chủ nghĩa tư bản, đối với tôi thì triệu chứng ngược dấu, *sự thiếu hụt* có thể đóng vai trò này trong phân tích. Ông mô tả cái tình trạng của nền kinh tế, trong đó *ràng buộc cầu* hạn chế các giao dịch giữa người bán và người mua. Nhà sản xuất có thể sản xuất thêm nữa,

https://thuviensach.vn

với giá cho trước, nhưng cầu không đủ. Tôi thì muốn hiểu và giải thích ảnh đối xứng của nó, tình trạng đối ngược với nó, trong đó *ràng buộc cung* hạn chế các giao dịch giữa người bán và người mua. Người tiêu dùng có thể mua thêm nữa, với giá cho trước, nhưng cung không đủ.

Một ấn tượng văn học khác có được cùng khoảng thời gian này cũng đã để lại trong tôi dấu vết sâu: cuốn sách nhỏ sáng ngời của Albert Hirschman, *Rút khỏi, lên tiếng, sự trung thành*. Một thí dụ đơn giản có thể minh hoạ tốtý tưởng cơ bản. Một khách thường xuyên của một tiệm ăn hết lần này đến lần khác không thoả mãn với thức ăn được mang lên. Khách có thể làm được gì? Một: khiếu nại với trưởng nhà hàng (lên tiếng). Hai: chạy sang tiệm ăn khác (rút khỏi). Thế nhưng, có lẽ quan hệ nhiều năm gắn với chỗ quen thuộc đến nay sẽ cản việc [bỏ đi] này (sự trung thành).

Nhiều tình huống giống sơ đồ này. Trong trường hợp bất bình, người mua ở cửa hàng quen thuộc, chủ sở hữu cổ phần trên sở giao dịch chứng khoán, học sinh và gia đình trong trường học cho đến nay, đối mặt với thế lưỡng nan này. Họ có nghe khiếu nại, và làm cái gì đó để loại trừ nỗi phiền toái hay không? Có rủi ro gì cho người lên tiếng hay không? Ảnh hưởng của việc rút khỏi là gì? Và nói chung có phương thức để rút khỏi hay không? Chính các câu hỏi thức tỉnh tư duy, khiêu khích này của Hirschman đã dẫn tôi đến các vấn đề của nền kinh tế thiếu hụt. Các nhà lãnh đạo của Fiat hay Citroën đằng nào cũng tính toán, nếu hàng loạt chủ xe hơi phàn nàn về chất lượng xe của họ, họ còn kinh hoàng hơn, nếu những người mua trung thành đến lúc đó -chẳng nói chẳng rằng -chạy sang Toyota hay Volkswagen. Thế nhưng các lãnh đạo của Trabant hay Škoda đâu thèm để ý đến tiếng nói của người mua. Vì sao lại phải sợ sự thay đổi của họ, nếu họ sẵn sàng xếp hàng chờ hàng năm trời [để mua xe của họ]? Trong nền kinh tế thiếu hụt kinh niên thì không có sự phản đối có hiệu quả, cũng chẳng có sự bỏđi hăm doạ. Ăn, hay không ăn– không có cái khác.

Hirschman nhấn mạnh: gắn với cả phản đối, khiếu nại, cũng như với rút khỏi, bỏđi, với tư cách báo hiệu – trong trường hợp tốt-có sự phản hồi. Nếu cơ chế hoạt động tốt, thì tình hình được cải thiện dưới tác động của các báo hiệu này. Hệ thống hay hệ thống con hoạt động hữu hiệu, khi cả hai loại báo hiệu có thể tự do phát huy tác dụng và cả hai đều công hiệu.

https://thuviensach.vn

Các ý tưởng của Hirschman còn vượt quá lĩnh vực kinh tế. Bản thân ông cũng nhắc đến tình hình nghiêm trọng của đảng viên đảng Stalinist cầm quyền: trong các vấn đề thực sự quan trọng đảng viên không thể lên tiếng, nhưng tự nguyện cũng chẳng thể bỏ được đảng, bởi vì làm thế có thể phải chịu trừng trị nặng. Chính sự bóp nghẹt các phản hồi gây ra sự cứng nhắc hoàn toàn, sự thoái hoá nghiêm trọng của đảng Stalinist. Hoặc sự rẽ nhánh khác của dòng tư duy: thế lưỡng nan của sự di cư. Ở lại trong nước, và lên tiếng đối với sự bất bình ở đó, hay chọn việc di tản, bỏ đất nước ra đi, và bằng cách đó cũng phản đối chống lại tình hình trong nước?

Khi đó tôi mới biết Albert Hirschman từ các bài viết của ông. Mười năm sau đính thân chúng tôi cũng đã gặp nhau, khi ông mời tôi đến *Institute for Advanced Study* ở Princton. Cách nhìn độc đáo, giữ khoảng cách với các trào lưu thời thượng của ông, hiểu biết và kiến thức đọc rộng đến loá mắt của ông gây ấn tượng trí tuệ lớn đối với tôi.

Sau các phẫu thuật trở về nhà, nhưng vẫn bị bó bột đến thắt lưng tôi dự buổi lễ gia đình mừng sinh nhật mẹ tôi 80 tuổi. Munyó rất hồi hộp đợi ngày này; hơi phập phồng lo, không biết có được hưởng sự kiện ấy hay không. Các bức ảnh được chụp, trong đó tất cả các thành viên gia đình vây quanh bà với tình yêu thương nồng ấm. Vài tháng sau bà yên bình ngủ thiếp đi, và không bao giờ thức lại nữa. Trong các năm cuối đời bà, chúng tôi gặp nhau rất nhiều lần và ngày nào chúng tôi cũng trò chuyện. Một sự mất mát không thể nói nên lời, rằng tôi không còn nghe thấy giọng vui vẻ của bà. Tôi nhớ, bà nói đặc biệt trân trọng đến các giáo sư bác sĩ, những người điều trị thành viên nào đó của gia đình, và những người được bà nhắc đến như "thầy giáo nổi tiếng". Bà coi đấy là địa vị cao hơn rất nhiều, so với, cái tài sản hay chức vụ nhà nước có thể mang lại cho con người. Thật tiếc, bà đã không thể sống đến lúc, con trai bà cũng trở thành thầy giáo! Thật tiếc, bà đã không thể đến thăm chúng tôi ở Mĩ! Bà đã có thể hãnh diện đến thế nào kể về chuyện đó cho các bà bạn già của bà, khi bà uống cà phê ở tiệm bánh Szalay ở đại lộ Szent István.

Dạy học ở Princeton

Khoẻ khoắn sau các phẫu thuật năm 1972 chúng tôi đi Hoa Kì cả một năm.(*)Trạm đầu tiên cho nửa học kì đầu là đại học ở Princeton. (**)Thật lí thú để chú ý đến các loại sinh viên kinh tế trẻ khác nhau.

https://thuviensach.vn

Nhiều học sinh châu Âu tham gia khoá học của tôi, những người đã suy nghĩ nhiều về những hiện tượng trái ngược khác nhau của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, và sẵn sàng muốn thấy một phiên bản được cải thiện, chuyển theo hướng nhà nước phúc lợi. Phạm vi tư tưởng nàylàm họ chú ý đến kế hoạch hoá, và vì thế họ đặc biệt quan tâm: người đã nghiên cứu nền kinh tế kế hoạch "từ bên trong" nhìn nhận thế nào. Tôi thật vui nhớ lại, rằng hai học sinh của khoá học, mà đích thân chúng tôi cũng kết bạn với nhau ở Princeton, sau này đã thành đạt đến thế nào. Một trong số họ, Louka Katseli, đã là chủ nhiệm uỷ ban kế hoạch Hi Lạp vào đầu các năm 1980, trong thời của chính phủ-Papandreu theo đường lối xã hội. Còn sinh viên khác, Kermál Dervis thì trở thành phó chủ tịch Ngân hàng Thế giới, rồi người ta mời ông quay về Thổ Nhĩ Kì để giải quyết khủng hoảng kinh tế trầm trọng, nơi với khuynh hướng dân chủ xã hội ông đã làm việc với tư cách bộ trưởng bộ tài chính trong những năm khó khăn nhất. Xung đột Thổ Nhĩ Kì -Hi Lạp có quá khứ lịch sử dài, mà vì các lí do khác nhau lại bùng lên hết lần này đến lần khác. Là cảm giác tốt lành để thấy, rằng trong bầu không khí trí tuệ đứng trên các quốc gia của thế giới đại học tình bạn có thể nảy nở giữa một học sinh Hi Lạp và một học sinh Thổ Nhĩ Kì và các bà vợ của họ.

(*) Trước đây tôi đã hứa với các bạn đọc, tôi sẽ không làm khổ họ bằng các chuyện kể về chuyến đi. Tôi giữ lời hứa. Tuy nhiên trong chương này(và cả ở các phần sau của cuốn sách nữa) tôi nhắc đến nhiều trạm ở nước ngoài của tôi, tôi không kể về các ấn tượng du lịch của mình, mà về các ấn tượng trí tuệ và những kinh nghiệm chính trị thu được ở nơi này nơi nọ.

(**) Với lòng biết ơn và tình thân ái tôi nhớ lại sự chăm sóc chu đáo và sự giúp đỡ thân tình, mà một người con của tổ quốc chúng ta, giáo sư Richard Quandt, tác giả của nhiều tác phẩm kinh tế vi mô nổi tiếng, đã dành cho chúng tôi.

Louka Katseli, Kermál Dervis và nhiều sinh viên khác suy nghĩ giống họ đã có cảm tình với *cải cách* theo hướng cánh tả của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện đại. Họ không muốn thủ tiêu hệ thống và thay thế bằng hệ thống khác, xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh các thứ khác các căn bệnh nghiêm trọng của hệ thống cộng sản cũng đã ngăn cản họ khỏi các tư tưởng cách mạng. Thế nhưng ở đó, ở Princeton cũng đã có một nhóm sinh viên khác. Họ gọi mình là "các nhà kinh tế học cấp

https://thuviensach.vn

tiến". Họ chăm chỉ đọc *Tư bản luận* (tuy không chắc, là cặn kẽ đến mức như tôi đã đọc 25 năm trước, từng câu một). Họ biết, tôi là ai, tôi đến từ đâu, và biết cả việc, các giờ giảng của tôi là về các vấn đề của chủ nghĩa xã hội *hiện tồn*.(*) Bất chấp điều đó (hay chính vì thế) chẳng ai trong số họ đã tham gia khoá học của tôi. Ngược lại, một lần họ đã mời tôi đến một cuộc gặp mặt tự học ngoại khoá của họ. Họ tỏ ra là những thanh niên có niềm tin chân thành và có thiện ý ngây thơ.

(*) Nhiều nhà trí thức sử dụng bổ ngữ "hiện tồn" một cách mỉa mai. Theo tôi tên gọi rất trúng, và tôi vui vẻ dùng, mà không có dấu ngoặc kép. Chủ nghĩa xã hội đã tồn tại – và nó đã là thế như nó đã là (và không như các tín đồ của tư tưởng xã hội chủ nghĩa ban đầu tưởng tượng).

Tôi đi đến buổi nói chuyện mà không chỉ được trang bị bằng kinh nghiệm phương đông. Ngay thời gian thăm Mĩ năm 1968 ở một trong những cái nôi của của *New Left* (Cánh tả Mới), ở California, tôi đã làm quen với các tư tưởng của khuynh hướng này. Các cuộc nổi loạn sinh viên ở Paris 1968 đã qua rồi. Tại nhiều nơi trong nhiều nước Châu Âu và ở trong nước, ở Budapest tôi cũng đã gặp "những người cánh tả mới", và nơi thì kiên nhẫn nơi thì bực tức tôi đã tranh luận với họ hết lần này đến lần khác. Sự phản đối của họ đối với "chủ nghĩa xã hội tủ lạnh" làm tôi bực mình, trong khi sự gò bó của nền kinh tế thiếu hụt được nới lỏng một chút, và người tiêu dùng cuối cùng đã có thể có được các mặt hàng mà trước kia không thể kiếm được, đấy có nghĩa là sự cải thiện nào đó của điều kiện sống của bao nhiêu con người ở Hungary. Trong con mắt của tôi, các bước tiến về phía mở rộng nền kinh tế thị trường không có nghĩa là sự phản bội các tư tưởng cao cả, mà là sự thắng thế của đầu óc tỉnh táo, nhằm cải thiện cuộc sống con người.

Khoảng khi đó tôi đọc cuốn sách vừa mới xuất bản của nhà kinh tế học Thuỵ Điển Assar Lindbeck, cuốn *Chính trị Kinh tế học của Cánh tả Mới:Cái nhìn của một người ngoài* (*The Political Economy of the New Left: An Outsider's View*). Cuốn sách tóm tắt một cách súc tích và khôn khéo những quan điểm của cánh tả mới và dòng tư duy tự do đối lập với nó.

Khi tôi gặp "những người cấp tiến" trẻ ở Princeton, chuẩn bị cho lập trường của họ tôi đã thử đưa ra các phản lí lẽ. Không thành công.

https://thuviensach.vn

Không có sai với chủ nghĩa xã hội- họ lớn tiếng-, mà cái sai là, ở Liên Xô và các nước phương đông khác *người ta áp dụng tồi* các tư tưởng xã hội chủ nghĩa đúng đắn. Phải làm tốt… Cuộc trò chuyện này ở Princeton, và nhiều buổi gặp tương tự với những người cánh tả mới của các nước đã phát triển cũng chứng minh, cái mà trong các chương trước của cuốn sách này trên cơ sở thí dụ của bản thân tôi đã khẳng định: lòng tin có khả năng mạnh hơn lí lẽ duy lí. Lòng tin trong ai đó rất sâu và chân thành, với người đó thường chỉ có ấn tượng sống mạnh nào đó mới có thể mang lại bước ngoặt, một cú sốc nào đấy làm lung lay tận gốc rễ niềm tin trước đó.

Trong thời gian chúng tôi ở Princeton ba con chúng tôi đã ở với chúng tôi mỗi đứa hai tháng: Gábor, Judit và András. Trong khi với tư cách thầy giáo tôi có được kinh nghiệm về, học sinh Mĩ, Hi Lạp hay Thổ Nhĩ Kì nghĩ gì về chủ nghĩa xã hội, với tư cách cha mẹ chúng tôi quan sát thấy, cuộc gặp gỡ đầu tiên với nước Mĩ là ấn tượng sống như thế nào đối với ba đứa trẻ tuổi vị thành niên Hungary. Tất nhiên mỗi đứa là một nhân cách khác, vì thế mỗi đứa xử lí kinh nghiệm sống một cách khác nhau, theo cách riêng của nó. Thế nhưng cũng có những sự giống nhau. Hiển nhiên, là – như mọi khách du lịch – chúng cũng kinh ngạc ngắm các toà nhà chọc trời ở New York, các phòng trưng bày tranh hay khu trường đại học Princeton xinh đẹp. Tốt hơn ở đây tôi chỉ nhắc đến những phản ứng, mà với tư cách nhà nghiên cứu nền kinh tế thiếu hụt và hệ thống xã hội chủ nghĩa tôi cảm thấy là đặc trưng. Chí ít trong những ngày đầu tiên hầu như chúng ngấu nghiến các thức ăn và thức uống, mà ở nhà, trẻ con Hungary không thể có được. Một đứa không thể cưỡng lại được kem và thứ nước hổ lốn có tên "Dr. Pepper", đứa khác thì ăn đến tức bụng cornflakes (bánh bột ngô). Một đứa thì bị cung vô tận của các kênh truyền hình làm cho mê hoặc, và hầu như dính vào màn hình. Đứa khác thì bị quyến rũ bởi nhạc rock, và các sao âm nhạc, một vài trong số đó bây giờ nó cũng có thể nghe và xem trực tiếp bằng xương bằng thịt trong buổi hoà nhạc. András và Judit đi học trung học vài tuần ở Princeton, còn Gábor thì đã có thểở vài tuần trong một trường của đại học Yale. Trong số những kinh nghiệm sống ở trường, chúng đánh giá hay nhất có lẽ là các khả năng lựa chọn tự do của học sinh -thoáng hơn nhiều so với học sinh Hungary. Ấn tượng của sự gặp gỡ lần đầu với cuộc sống Mĩ đã có tác động mạnh lên cả ba đứa trẻ, và khi chúng về nước, cần một ít thời gian để chúng quen lại. Tuy

https://thuviensach.vn

nhiên muộn hơn, khi chúng trở nên chín chắn hơn, ảnh hưởng trí tuệ có ích của những kinh nghiệm sống ấy mạnh lên trong chúng. Ngày nay cả chúng, lẫn chúng tôi, cha mẹ, cũng thấy là: chuyến đi Mĩ đầu tiên đã góp phần vào tính cởi mở của cách suy nghĩ của chúng và vào sự hình thành thang giá trị yêu tự do của chúng.

Còn cần phải nói thêm một lời cuối đối với thời kì ở Princeton 1972. Năm 1974 tôi nhận được lời mời từ đại học Princeton để giữ chức giáo sư thường xuyên; giống như chức mà trước đó trường đại học ở Cambridge Anh đã đề nghị.[144] Ngay cả khung cảnh cũng hơi giống; phong cách của các toà nhà của khu đại học Princeton, công viên đẹp gợi nhớ lại không khí của các trường của Cambridge Anh và Oxford. Lại một đề nghị cám dỗ-và tôi lại đưa ra một câu trả lời từ chối.

Tiếp tục ở Stanford và ở Washington

Học kì hai của năm học 1972-1973 chúng tôi ở Đại học Stanford. Nhiều loại kinh nghiệm sống của tôi gắn với thời kì này. Bên cạnh các mối dây bạnbè gắn với Kenneth Arrow, Alan và Jackie Manne bây giờ chúng tôi đến gần Scitovsky Tibór và vợ ông, Erzsébet. Ngay năm 1970, ở Đại học Yale tôi đã làm quen với họ, nhưng thực ra trong thời kì này quan hệ trở thành tình bạn thân thiết.

Tibor sinh ra và lớn lên ở Hungary. Cha ông là một nhân vật xuất sắc của đời sống xã hội và của giới kinh doanh Hungary, giữa những thứ khác ông đã phục vụ với tư cách bộ trưởng bộ ngoại giao, cũng như chủ tịch của ngân hàng thương mại lớn nhất Hungary.

Ông là một quý ông có quan điểm bảo thủ. Tibor, trong khi quan hệ của anh vẫn kính cẩn đối với cha mẹ, xét về thế giới quan, anh khá mau chóng lệch khỏi họ. Anh trở thành người có đầu óc tự do, người với sự đồng cảm luôn luôn theo dõi đời sống của những người nghèo, của những người có hoàn cảnh bất lợi, và liên quan đến các khu vực của thế giới, sự phát triển của các nước lạc hậu. Anh lên tiếng bênh vực loại chính sách kinh tế cải thiện tình hình của các tầng lớp và của các nước này.

Khi chúng tôi đến gần nhau hơn, anh sống ở Hoa Kì đã hàng thập niên. Là một người tinh tế, nhỏ nhẹ, luôn luôn vui vẻ; là sự kết hợp đặc biệt của cái tốt nhất trong văn hoá châu Âu và Mĩ. Khi đó vẫn chỉ trong khuôn khổ các cuộc trò chuyện, chúng tôi trao đổi với nhau về

https://thuviensach.vn

nhiều người Mĩ, trong khi sống rất sung túc, nhưng thực ra không biết tận hưởng cuộc sống: không hay đi nhà hát, đi nghe hoà nhạc, ngấu nghiến ăn "fast food" vô vị, thay cho việc ăn thức ăn ngon và tốt cho sức khoẻ hơn. Nhiều năm sau những nhận thức phê phán rõ này xuất hiện ở dạng được hỗ trợ bởi các số liệu thống kế được sắp xếp một cách khoa học trong cuốn sách tuyệt vời của Tibor, trong *Nền kinh tế Không vui*.(*)

Đáng tiếc khi đó, năm 1973 vẫn chưa đề cập đến việc phân tích hoạt động của thị trường trong các cuộc trò chuyện của chúng tôi. Nhiều năm sau, sau khi *Sự thiếu hụt* đã viết xong rồi, mới hoá ra là, suy nghĩ của chúng tôi có một điểm tiếp giáp quan trọng. Cả hai chúng tôi đều quan tâm đến *sự bất đối xứng* của tình thế của người mua và người bán. (Ngược với cách tiếp cận quen thuộc, có khuynh hướng coi các bên ở hai phía của giao dịch là hoàn toàn đối xứng, là ảnh đối xứng của nhau). Scitovsky đã làm rõ một khía cạnh quan trọng của sự bất đối xứng giữa người bán và người mua trong một tiểu luận sớm hơn nhiều của anh: anh đã phân biệt vai trò và ứng xử của *price maker* (người quyết định giá) và của *price-taker* (người chấp nhận giá). Về Tibor khi đó, năm 1973 tôi vẫn chưa biết, rằng anh đưa sự phân biệt này vào khoa học kinh tế. Anh khiêm tốn cũng chẳng nhắc đến (có lẽ vì thế mà đề tài đã bị lãng quên trong các cuộc trò chuyện của chúng tôi).

Kết thúc năm học chúng tôi đi Washington một tháng. Khi đó những người đông Âu vẫn chưa đến thăm các định chế tài chính quốc tế ở Washington. Nếu tôi nhớ kĩ, tôi là nhà nghiên cứu kinh tế Đông Âu duy nhất, người từ 1968 đã tham gia vào công việc của bộ phận nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (bị các chế độ cộng sản lên án là cơ quan của chủ nghĩa đế quốc). Tôi làm hai nghiên cứu cho họ. Cả hai đều được xuất bản, và tôi đã đảm nhận việc công bố trước công chúng, rằng chúng được hoàn thành do sự uỷ thác của Ngân hàng Thế giới.

Trong thời gian chúng tôi ở Washington thì nổ ra vụ Watergate. Khi đó tôi đã biết khá về đời sống của Hoa Kì. Trước đó việc đọc *New York Times* hay *Washington Post* cũng đã có tác động lớn đối với tôi rồi. Những người viết các bài xã luận được công bố không tên, đa phần họ trình bày lập trường tự do, mà tôi có cảm tình, một cách súc tích, với logic sáng sủa, dựa vào những thông tin đáng tin cậy. Trang *op-ed* của các tờ báo này,(**)những tranh luận công khai, các quan điểm đối

https://thuviensach.vn

chọi nhau được đăng ở đây cũng gây ấn tượng không kém. Có tác động tương tự lên tôi là bản tin tối của kênh truyền hình *Public Channel* (không mang tính thương mại, chủ yếu được tài trợ bằng các khoản tiền hiến tặng tư nhân), [Giờ] MacNeil-Lehrer Hour nổi tiếng, trong đó bên cạnh việc giới thiệu tin tức một cách khách quan -thường có một-một tranh luận nữa.

(*) Có vẻ là, kể từ khi cuốn sách xuất hiện, trong một-hai thập niên cuối đã có sự phát triển đáng kểở Mĩ để

khắc phục những méo mó tiêu dùng xuất hiện rành rành trước đó.

(**) *Opinions and editorials*, các ý kiến [của bạn đọc] và những lập trường của toà soạn.

Nếu là về chính sách đối nội, thì hai chính khách trình bày ý kiến của đảng dân chủ và của đảng cộng hoà ngồi cạnh nhau, nếu là về xung đột Ấn Độ-Pakistan, thì có đại sứ Ấn Độ và Pakistan ở đó. Các quan điểm đối lập với nhau, từng quan điểm một, có thể nêu tiếng nói của mình, và tiếng nói này cũng văn minh đối với đối thủ. Người dẫn chương trình không đưa ra lập trường, nhưng đặt ra tất cả các câu hỏi hóc búa. Trong các bình luận về các sự kiện hàng ngày tôi biết được, quyền tự do ngôn luận, văn hoá tranh luận có nghĩa là gì. Tất cả là một trong những trường của dân chủ đối với tôi.(*)

Như vậy khi vụ Watergate bắt đầu, tôi đã có khái niệm nào đó về, báo chí tự do hoạt động ra sao. Nhưng tất nhiên ngay cả ở đó nữa, nơi quyền tự do báo chí từ hàng trăm năm đã là phần hữu cơ của đời sống công dân, vẫn là sự kiện lạ, rằng một nhật báo lại đánh trúng điểm dễ bị tổn thương của một tổng thống đáng ghét, đè nén các quyền tự do. Sau đó thì với sự bền bỉ dẻo dai của chó công an, nó đánh hơi các dấu vết, để đưa ra những tố giác mới hơn và mới hơn. Ở bên nước ta, các bình luận viên, mà không chỉ là các đại diện cho đường lối chính thống, mà cả các trí thức độc lập không hiểu tường tận tình hình lại đưa ra nhận xét, chắc là những kẻ cực kì phản động đã tấn công Nixon, vì Nixon đã làm dịu bớt thái độ cứng rắn của Mĩ đối với Trung Quốc và Liên Xô. Ngược lại bản thân tôi đã có khả năng ở mức độ nhất định nhìn và hiểu "từ bên trong", cái gì xảy ra ở Mĩ. Sự tấn công đúng là đến từ phía ngược lại. Những người muốn tống cổ Nixon khỏi chức vụ của ông ta, là những người lo ngại nền dân chủ và các quyền tự do của con người bị tổn hại bởi một tổng thống nghi ngờ mọi người, có bàn

https://thuviensach.vn

tay cứng rắn, sử dụng các phương pháp chạm vào hay vượt quá các giới hạn của sự hợp pháp, đam mê quyền lực. Hoặc đã tấn công không chỉ vì hành động bất hợp pháp trước bầu cử, mà muộn hơn vì cả các mưu toan để thử xoá bỏ các dấu vết, để thúc đẩy những người tham gia và các nhân chứng cung khai giả mạo, để *cover-up* [che đậy], để dấu diếm các lỗi lầm hay từ chối hoàn toàn. Cứ như là chúng tôi theo dõi một phim trinh thám hồi hộp vậy, chúng tôi ngồi trước màn hình như bị bỏ bùa mê, và xem những lời khai làm chứng và những điều tra của quốc hội.

Trước khi xảy ra hồi kết trong vụ Watergate, chúng tôi đã rời Mĩ. Ở nhà với sự yên tâm chúng tôi nhận tin Nixon đã từ chức.

Điều tiết thực vật

Sau khi xuất bản *Anti-Equilibrium*, đầu các năm 1970 cùng với vài cán bộ của tôi, Martos Béla, Sinmonovits András và Kapitány Zsuzsa, ngay lập tức chúng tôi bắt đầu mô hình hoá toán học mộtvài ý tưởng của cuốn sách.(**) Năm 1973 công bố chung đầu tiên với Martos Béla trong nhóm chủ đề này đã xuất hiện với đầu đề *Sự hoạt động thực vật của các hệ thống kinh tế*. Năm 1973 *Econometrica* công bố bằng tiếng Anh.[145]

(*)Tôi không xem báo lá cải và tôi không xem các chương trình truyền hình vô vị được bày ra với số lượng không đếm xuể. Cái mà tôi cởi mở với, là tinh hoa của báo và truyền hình Mĩ, là hoạt động báo chí có trình độ cao nhất. Nhưng tôi mau chóng hiểu ra, rằng *hai thứ cùng đi với nhau*. Tự do báo chí tạo khả năng cho sự lên tiếng có tính cầu toàn, khắt khe, sự phê phán gay gắt chính phủ mọi thời kì – nhưng đồng thời cũng mở các cửa cống trước dòng văn hoá nhơ bẩn. Những cái này, đáng tiếc, là các sản phẩm sinh đôi. Quyền tự do báo chí kết hợp với nền kinh tế thị trường, với quyền tự do kinh doanh, thế mà sản xuất và bán các sản phẩm văn hoá vô vị chào mời các cơ hội kinh doanh khổng lồ.

(**)Không ngẫu nhiên là trong phần này tôi dùng ngôi thứ nhất số nhiều, bởi vì tôi kể về các tư tưởng chung của nhóm tiến hành nghiên cứu. Sinmonovits András trong bài báo viết năm 2003 của mình đã gọi trào lưu nghiên cứu được mô tảở đây là "trường phái lí thuyết điều tiết Hungary".

https://thuviensach.vn

Chúng tôi mượn ẩn dụ từ lí thuyết về hệ thống thần kinh của các cơ thể sống cấp cao, thí dụ của con người. Các nhiệm vụ mức cao hơn của điều tiết (điều khiển) do hệ thống thần kinh trung ương thực hiện, các nhiệm vụ đơn giản hơn, thí dụ như thở, tiêu hoá, lưu thông máu, hoạt động tự động của tim, phổi, dạ dày, ruột, thận thì do hệ thần kinh thực vật (với thuật ngữ thông dụng trong ngôn ngữ y học Anh: tự trị) điều tiết. Có thể thấy sự phân công lao động tương tự trong hệ thống kinh tế. Nhiều nhiệm vụđiều tiết nhiều khi lặp lại, hầu như tự động được thực hiện bởi các cơ chế hết sức đơn giản.

Bài báo trình bày ý tưởng này ở dạng tổng quát, rồi trình bày chi tiết một thí dụ, ở dạng toán học: điều tiết dựa trên báo hiệu hàng tồn trữ. Hãy nghĩ thí dụ về một siêu thị. Để bổ sung liên tục không bỡ đợi cho đến khi, giá sản phẩm tăng hay giảm do dư cầu hay dư cung, lãi gộp tăng hay giảm. Là đủ đi theo dõi hàng tồn trữ của mặt hàng được nhắc đến ấy. Nếu hàng tồn của một sản phẩm giảm, thì bõ công đặt thêm hàng đó. Nếu kho hàng tồn trữ phồng lên trên mức bình thường, thì hãy đợi, cho đến khi nó vơi đi, khi đó mới đặt hàng tiếp, và v.v. Trong quá trình kinh doanh bình thường chỉ cần quan sát sự phình lên-ọp xuống của các kho hàng tồn trữ mà không có tín hiệu giá, là có thể đảm bảo cung cấp hàng đều đặn, không có rắc rối, cho người mua.

Chúng tôi đề cập đến nhiều loại báo hiệu. Một báo hiệu quan trọng khác, không có tính chất giá là tổng số đơn hàng, hay thông tin khác thân thuộc với báo hiệu này: độ dài của hàng [của những người xếp hàng] chờ mua mặt hàng đó. Hàng chờ có một độ dài "bình thường". Nếu hàng chờ dài hơn bình thường, thì phải đưa ra nhiều sản phẩm hay dịch vụ hơn. Nếu có "quá ít" người xếp hàng, thì bõ công bố trí lại nguồn lực sang nơi, mà hàng chờ dài hơn bình thường. (*)

Có thể rút ra nhiều loại kết luận từ những quan sát này.

Nhiều tác giả nhìn thấy nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, cứ như là mọi sự điều tiết đều dồn vào tay trung ương. Điều này không đúng. Thực ra -bất luận hệ thống này có tập trung cực đoan đến thế nào -nhiều quá trình vẫn được điều tiết một cách phân tán, nhờ các cơ chếđiều tiết "thực vật" đơn giản, thô sơ được phác hoạ ở trên.

Đúng là, loại phi tập trung hoá "thực vật" này không có khả năng phân bổ các nguồn lực một cách *có hiệu quả*. Nó không thích hợp, để điều khiển sự thích nghi với sự phát triển kĩ thuật, với các nhu cầu đối

https://thuviensach.vn

với các sản phẩm mới. Cho các chức năng điều tiết sau thì không thể thiếu các giá phản ánh tốt sự khan hiếm tương đối, cũng như những khuyến khích đáp ứng lại giá cả, chi phí, lợi nhuận. Điều tiết thực vật chỉ có khả năng điều phối bên cạnh công nghệ, sự kết hợp đầu vào-đầu ra, cơ cấu sản phẩm đã hình thành của cung và cầu quen thuộc. Chúng ta có thể nói: nó chỉ có thể đảm bảo sự phối hợp sơ đẳng của sự thích nghi để duy trì các hình mẫu bảo thủ đến nay – song nó thực sự có khả năng làm việc này. Tức là, nó thích hợp, để vận hành tốt hay tồi nền kinh tế, nhưng vận hành được.

Một trong những khái niệm trung tâm của nghiên cứu của chúng tôi đã là "khả năng hoạt động" (*viability*).(**)Chúng tôi đã muốn hiểu, làm sao lại có thể, rằng bất chấp giá cả méo mó và các khuyến khích sai lầm rốt cuộc mỗi ngày nó vẫn sống qua được ngày hôm trước. (Nhảy qua thời gian tôi nhận xét: sau khi thay đổi chế độ trong ngôn ngữ thông dụng, nhưng cả trong giới chuyên môn cũng phổ biến khẳng định, theo đó sở dĩ chủ nghĩa xã hội sụp đổ là vì, nó "đã không hoạt động". Khẳng định này nghe thì hay, nhưng không đúng. Các quá trình cơ bản của hệ thống "đã hoạt động" cho đến ngày cuối cùng, người ta đã đến nơi làm việc của mình và làm việc, họ phục vụ những người mua trong các cửa hàng, họ dạy trẻ em trong trường học, chăm sóc bệnh nhân trong bệnh viện và v.v. Hệ thống đã không hoạt động *tốt*, các đặc điểm rối loạn chức năng của nó đã làm yếu hệ thống, các tín đồ của nó đã bị lung lay, nó không còn có thể chống lại áp lực bên ngoài - và chúng ta còn có thể tiếp tục liệt kê để phân tích thực sự các lí do sụp đổ. Thế nhưng từ đầu đến cuối nó đã có thể thoả mãn các nhu cầu cơ bản của khả năng có thể hoạt động được). Vì sao? Cho câu trả lời, là không đủ để nghĩ đến các chỉ thị kế hoạch trung ương, cũng như đến tác động cảnh cáo của sự áp bức. Điều tiết thực vật cho phần đáng kể của câu trả lời.

(*) *Sự thiếu hụt* còn nhắc đến một thông tin không có tính giá cả đáng chú ý nữa: báo hiệu "tai hoạ". Người ta trì hoãn các quyết định nhất định cho đến khi tai hoạ nghiêm trọng không xảy ra. Sau đó khi tai hoạ nổ ra, họ thông qua các biện pháp.

(**)Khả năng hoạt động được là điều kiện của tính hiệu quả và tối ưu. Tuy vậy khẳng định không thể đảo ngược được. Hệ thống không hiệu quả, không tối ưu cũng có thể có khả năng hoạt động được.

https://thuviensach.vn

Tuy chúng tôi tập trung vào khảo sát nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, thực ra nội dung của chúng tôi chỉ quá các đường ranh giới này. Trong *mọi* nền kinh tế tồn tại sựđiều tiết thực vật, và trong mỗi nền kinh tế sựđiều tiết này thực hiện phần đáng kể các chức năng điều tiết sơ đẳng, cơ bản.

Khi thiết kế một vài mô hình chúng tôi xuất phát từ ý tưởng, rằng sựđiều tiết một số quá trình sơ đẳng của nền kinh tế hơi giống cơ chế, mà thí dụ người ta sử dụng trong các nhà ở để điều khiển sưởi ấm trung tâm. Ở đó chúng ta chỉnh nhiệt kế ở nhiệt độ trung bình mong muốn. Hãy gọi nhiệt độ này là *chuẩn* của nhiệt độ. Nếu nhiệt độ thật cao hơn chuẩn, thì cắt sưởi trung tâm, nếu nhiệt độ sụt, thấp hơn chuẩn, thì bật sưởi trung tâm và nhiệt độ tăng lên. Chúng ta gọi việc này là *điều khiển theo chuẩn*. Chúng tôi thấy, rằng nhiều loại quá trình của nền kinh tế (thậm chí, của các lĩnh vực phi kinh tế của xã hội) được điều chỉnh bởi loại cơ chế như vậy. Chúng tôi không thảo luận, các chuẩn hình thành ra sao. Thế nhưng khi chúng được cho trước, thì điều chỉnh theo chuẩn *có khả năng hoạt động được*.

Hàng trăm loại kinh nghiệm chứng tỏ, rằng tồn tại các chuẩn, và rằng xã hội lái những người và các tổ chức lệch khỏi các chuẩn bằng những cách khác nhau trở lại quanh các chuẩn. Chúng tôi đã thấy điều này quanh chúng tôi trong chủ nghĩa xã hội, mà nó chẳng mấy khi chịu để cho người ta "nhô ra khỏi hàng", để cho ứng xử của họ lệch khỏi tiêu chuẩn. Chúng tôi đã tin, rằng đây là hiện tượng tổng quát hơn nhiều, hiện tượng cũng được biểu lộ theo nhiều cách khác nhau trong các hệ thống khác nữa.(*)Chúng tôi đã công bố các kết quả nghiên cứu của mình đầu tiên trong các bài báo tạp chí, rồi chúng tôi đã tổng kết trong một cuốn sách. Cuốn sách này được xuất bản muộn hơn giai đoạn được nêu trong đầu đề của chương nhiều, vào năm 1981, với đầu đề *Điều tiết mà không có các báo hiệu giá*.[146] Liên quan đến nó ở đây bõ công tổng kết các nhận xét của tôi liên quan đến toàn bộ nghiên cứu kéo dài trong thời kì gần mười năm. Nếu đo các kết quả của chúng tôi chỉ bằng hạng của các bài báo công bố học thuật, thì không có lí do để chúng tôi không hài lòng.

(*) Một cơ chế điều tiết thực vật khác cũng được biết đến, trong đó biến số được quan sát chỉ có thể chuyển động giữa các cận dưới và cận trên xác định. Đấy là các *giới hạn dung sai* (*tolerance*) của hệ thống.

https://thuviensach.vn

Nhà nghiên cứu Ba Lan-Pháp, Irena Grosfeld, khi đó mới vào nghề (từ đó đã có tiếng lớn về chuyên môn) đã phát triển các mô hình toán học của các cơ chế hoạt động với các giới hạn dung sai. Cơ chế này hoạt động trong phạm vi hết sức rộng không chỉ trong lĩnh vực kinh tế theo nghĩa hẹp, mà cả trong chính trị và trong điều tiết ứng xử xã hội nữa.

Các tạp chí có uy tín đã công bố các bài báo của chúng tôi, một trong những nhà xuất bản uy tín nhất, North-Holand công bố cuốn tiểu luận của chúng tôi trong "loạt sách xanh"(*) nổi tiếng của nó.[147] Tuy thế tôi vẫn không thể làm thinh, rằng tôi đã mong đợi dư âm lớn hơn, khi hướng nghiên cứu này được khởi động. (**)

Theo phỏng đoán của tôi việc này có thể có nhiều lí do. Một lí do là, phần lớn các nhà kinh tế học nghiên cứu so sánh các hệ thống xã hội-chính trị-kinh tế quan tâm hơn đến những nghiên cứu, trong đó có một lượng ý thức hệ-chính trị nào đấy, hay chí ít có "tiếng ngân phụ" loại như thế. Thị trường đối lại kế hoạch hoá tập trung, giá cả đối lại các mệnh lệnh, tập trung đối lại phân tán - đấy là các đề tài thực sự hồi hộp, bất luận nhà nghiên cứu đứng ở bên nào đi nữa trong chính trị. Loại hiện tượng tồn tại trong mọi hệ thống, ít làm cho các nhà soviet học, các nhà kinh tế học chuyên về nghiên cứu Đông Âu hay Trung Quốc xao xuyến.(***) Lời giải thích này đặc biệt hợp lệ đối với các nhà nghiên cứu (cho dù ở bên trong thế giới xã hội chủ nghĩa, hay ở ngoài) chống đối lại hệ thống cộng sản. Họ thích thấy các mô hình giới thiệu những bất bình thường của hệ thống xã hội chủ nghĩa (và trong các công trình khác của mình tôi cũng tạo ra các mô hình như thế). Họ ít quan tâm hơn nhiều đến lí do, vì sao nền kinh tế xã hội chủ nghĩa lại có khả năng tiếp tục sống qua ngày đoạn tháng bất chấp các đặc điểm loạn chức năng của nó. (Chính trong quan hệ này thì bổ ngữ "thực vật-vegetative-lay lắt" tỏ ra trúng đến thế nào).(+)

Bây giờ hãy xem xét một phân nhóm khác của ngành kinh tế học: các nhà lí thuyết. Tôi còn có thể hiểu dễ dàng việc, thí dụ ở Viện Khoa học Kinh tế các nhà nghiên cứu lí thuyết có ác cảm với việc ứng dụng các phương pháp toán học là những người theo dõi nghiên cứu của chúng tôi với tâm tính rối bời. Nhưng chẳng biết vì sao lại không gây ra tiếng vang lớn hơn trong các giới Hungary và nước ngoài, những người mà bản thân họ cũng là các tín đồ của phân tích lí thuyết được

https://thuviensach.vn

hình thức hoá? Không thể biện bạch được bằng việc, họđã không có cơ hội để tìm hiểu, bởi vì *Econometrica* hay "các cuốn sách xanh" của North-Holand thuộc về các tạp chí và sách đọc thường xuyên của họ. Có tác phẩm của tôi, mà sự thiếu vắng của hình thức hoá toán học đã cản trở hay gây khó khăn cho việc chấp nhận. Ở đây không phải thế, bởi vì chúng tôi đã trình bày các ý tưởng của mình bằng ngôn ngữ của các mô hình toán học, với sự hình thức hoá hiện đại -thậm chí tôi có thể nói – sang trọng.

Theo ý tôi có lẽ phải tìm lời giải thích trước tiên *trong bộ máy lí thuyết*. Trong các tác phẩm của chúng tôi không có "các tiêu chuẩn tối ưu". Chúng tôi không nói về, những người tham gia của nền kinh tế có các hàm thoả dụng của họ hay không, có các mục đích, mà họ muốn đạt hay không. Chúng tôi ánh xạứng xử của các tác nhân của hệ thống kinh tế bằng các mô hình đơn giản hơn, mang tính sơ đẳng hơn (và vì thế có hiệu lực tổng quát hơn xét từ nhiều quan điểm). Xung lực như thế nào đó tác động đến người ra quyết định, mà anh ta phản ứng lại với sự đều đặn nào đó. Bộ máy toán học được sử dụng phù hợp với công thức (xung lực → phản ứng) đơn giản này: các phương trình vi sai hay vi phân. Chúng tôi không tìm các lời giải tối ưu, mà tìm xem, bên cạnh cơ chếđiều tiết cho trước, hệ thống có các quỹ đạo động có thể được duy trì hay không, và nếu có, thì các tính chất đặc trưng của chúng là gì. Như thế các mô hình của chúng tôi muốn ánh xạ các định luật chuyển động đơn giản của hệ thống kinh tế hay của hệ thống con. Thực ra chúng có nhiều nét giống với cách nhìn nhận, mà nhiều khoa học tự nhiên áp dụng.

(*) Đấy là loạt sách có đầu đề *Contribution to Economic Analysis*, mà cuốn sách của chúng tôi là cuốn thứ 133.

(**) Tại đây, khi đối sánh giữa những mong đợi và việc thực hiện tôi chỉ có thể nói nhân danh bản thân tôi. Tôi không biết các thành viên khác của nhóm có chia sẻ ý kiến của tôi hay không.

(***) Có thể là, trong giới này có rất nhiều nhà kinh tế học, những người bị bộ máy toán học được sử dụng trong các tác phẩm của chúng tôi làm cho hoảng sợ. Tôi sẽ đề cập ngay đến việc làm rõ chuyện, các nhà kinh tế học sẵn sàng đọc các tác phẩm được viết bằng ngôn ngữ hình thức của các mô hình toán học, thì lại không thích cách tiếp cận toán học *đặc biệt* do chúng tôi áp dụng.

https://thuviensach.vn

(+) "Vegetative" bên cạnh nghĩa là "thực vật", còn có nghĩa là "lay lắt" nữa, N.D.

Đã ăn sâu trong đầu óc các nhà nghiên cứu của các trào lưu chính của khoa học kinh tế, và trong đó đặc biệt trong đầu óc các nhà kinh tế học lí thuyết sử dụng các phương pháp toán học, cái thói quen nghề nghiệp, rằng không có mô hình mà không có tối ưu hoá. Không có kinh tế học vi mô có ý nghĩa nếu chúng ta không nói, hàm thoả dụng của những người ra quyết định là gì. Bắt buộc phải chứng minh, rằng sự đều đặn vĩ mô nào đấy phù hợp tốt với "việc đặt cơ sở vi mô", hãy hiểu là, với các điều kiện tân cổ điển liên quan đến người ra quyết định "duy lí" tối đa hoá tính thoả dụng. Trong các thập niên gần đây đòi hỏi này không những không dịu đi, mà còn trở nên gây cấn hơn. Đã qua rồi các tình trạng lơi lỏng, khi với cảm hứng keynesian trên cơ sở quan sát kinh nghiệm thuần tuý có thể nói về, một xung lực (thí dụ nâng lãi sất lên) thì gây ra phản ứng như thế nào. Hãy chứng minh, rằng sự đều đặn quan sát được có phù hợp với cơ sở lí thuyết tân cổ điển của ứng xử vi mô hay không! Họ mô hình của chúng tôi trật hẳn khỏi kỉ luật nghiêm khắc này, khác hẳn thế giới của những cơ sở lí thuyết quyết định chính thống này.

Tình hình làm mất hứng-nhưng có lẽ không vô vọng. Tôi không phải một mình, mà những người khác cũng chia sẻ niềm tin của tôi, rằng tình trạng độc quyền của một lí thuyết hẹp và có hiệu lực hạn chế sớm muộn cũng kìm hãm quá trình nhận thức. Có thể giải thích tốt nhiều thứ xuất phát từ các trạng thái vi mô giáo điều. Thế nhưng để giải thích nhiều hiện tượng khác của nền kinh tế và của xã hội, thì sự đặt cơ sở này hoặc là quá khắt khe không cần thiết (thí dụ về việc này là "điều tiết thực vật"), hoặc chính là sự đánh lạc hướng. (Đây là tình hình thí dụ trong khảo sát lĩnh vực chính trị, cũng như các quan hệ giữ chính trị và kinh tế). Và nếu nhiều người cảm thấy thế, thì sớm muộn nghiên cứu cũng bứt phá ra khỏi các gông xiềng này.

Bộ máy thích nghi cọc cạch

Năm 1974 tôi đã viết một tiểu luận với nhan đề *Bộ máy thích nghi cọc cạch* (dưới đây tôi nhắc đến ngắn gọn như *Cọc cạch*).[148] Tiểu luận này đã ứng trước nhiều ý tưởng của cuốn *Sự thiếu hụt.* Tên của tiểu luận rất trúng. Thế nhưng trong văn bản vẫn còn nhiều vụng về, dòng tư duy vẫn ở trạng thái chưa chín, bộ máy khái niệm vẫn chỉ mới xong

https://thuviensach.vn

một nửa. Trong quá trình thảo luận ở viện một vài người đã thấy các giá trị nội tại trong *Cọc cạch*, nhưng tiểu luận cũng nhận được những phê phán khó chịu, thô bạo. Trong việc này, đồng nghiệp Erdős Péter của tôi đi đầu.

Tôi đã nhắc đến tên anh nhiều lần rồi. Là một người đối thoại lí thú, khi lần đầu tiên, năm 1955 tôi vào viện và chúng tôi trở thành những người cùng phòng. Một thời gian tôi được phân về với anh với tư cách cộng tác viên phụ. Muộn hơn chúng tôi khá tách xa nhau, đặc biệt khi, anh là một trong những người đầu tiên vào lại đảng năm 1957, còn tôi thì lẩn tránh việc này. Tuy nhiên quan hệ của chúng tôi vẫn thân thiện.

Đầu óc Péter sắc như dao cạo. Trình độ Marxist của anh kết hợp với sự hiểu biết cặn kẽ tài liệu phương Tây, trước hết là Keynes. Anh là một sự kết hợp đặc biệt của tính cởi mở trí tuệ, của cách nhìn phê phán tình trạng chính trị-kinh tế hiện hành và sự gắn bó vô điều kiện với tư tưởng cộng sản. Không phải một lần anh bị xếp ra rìa, còn bị khai trừ ra khỏi đảng một thời gian, thế nhưng anh một mực kiên trì cho đến khi chết.

Nếu anh không thích một tiểu luận, anh không đơn thuần phê phán, mà bới lông tìm vết theo đúng nghĩa của từ. Để làm việc này anh sử dụng không chỉ các công cụ của lí lẽ duy lí, mà của cả lời chế nhạo ngạo mạn nữa. Đã có người để anh học kiểu cách này, học từ Marx, Lenin – nhưng về khoản này có lẽ anh còn vượt các bậc thầy của mình. Tuy vậy tôi bắt gặp loại tính ác dâm trí tuệ như vậy không chỉ giữa những người Marxist, mà cả ở các giới khác nữa. Có người thực sự khoái trá rỉa rói công trình, hạ nhục trí tuệ của người khác. Tôi cũng kinh tởm sự tàn sát dã man kiểu Erdős, khi anh ta chọn công trình của người khác. Bây giờ *Cọc cạch* của tôi bị tấn công.

Tôi đã vượt qua chuyện này. Dù sao tôi có thể biết ơn sự phê phán của anh nữa. Tốt là, tôi đã không đưa công trình mới xong một nửa này cho nhà xuất bản, và muộn hơn tôi đã cho xuất bản cuốn *Sự thiếu hụt* chín muồi hơn nhiều. Nhưng để nhà nghiên cứu sẵn sàng xem xét lại kĩ lưỡng công trình của mình, thì không cần phải làm nhục về mặt trí tuệ.(*) Lời phê phán có lí cũng có thể được nói theo cách, nhà phê bình, bên cạnh sự phân tích các sai lầm, nhận ra và nhấn mạnh những kết quả và giá trị mới loé lên trong công trình, và chủ yếu là triển vọng

https://thuviensach.vn

tiềm ẩn trong nó (nếu thực sự là công trình có triển vọng), và khích lệ nhà nghiên cứu để tiếp tục suy nghĩ, để diễn đạt lại.

Sau sự phê phán tàn nhẫn nhà nghiên cứu phải cắn răng lại và khăng khăng một mực, nếu không muốn bị làm mất hứng vĩnh viễn đối với việc tiếp tục công việc. Tôi vui là, trong tôi đã có sự quyết tâm và niềm tin vào tính đúng đắn của việc định hướng các công trình của mình cần thiết cho việc này.

Song song với *Cọc cạch* tôi cũng hướng dẫn một nghiên cứu khác. Nghiên cứu này là việc làm quá tham vọng muốn xây dựng mô hình mô phỏng vĩ mô khổng lồ dựa trên các số liệu Hungary. Việc nghiên cứu bị mắc kẹt, bị bỏ giữa chừng. Tôi tiếc công sức to lớn, mà tôi đã bỏ vào, và có lẽ còn hơn thế là tiếc sức lực, mà các phụ tá trẻ của tôi, trước tiên là Gács János và Lackó Mária, đã dành cho nhiệm vụ này.

Nếu phải mô tả đặc trưng "hình mẫu ứng xử" nghiên cứu của riêng tôi, thì việc này có thể được minh hoạ bằng giai đoạn 1971-1976. Công việc của nhiều nhà nghiên cứu phương Tây dễ hơn, khi khảo sát một vấn đề nào đó của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, bởi vì đã có sẵn cái kết cấu tư duy, mà anh ta phải đặt thêm viên gạch của mình vào. Cho giải thích của hệ thống xã hội chủ nghĩa, thì không có cái kết cấu sẵn như vậy. Aimuốn đạt đến sự hiểu biết thật sự, người đó phải đi trên những con đường chưa hề có ai đi – và hầu như không thể tránh khỏi là, cũng lạc vào các ngõ cụt, từđó phải quay lại, và phải tìm con đường mòn mới.

Tôi tin, tôi có thể nói: tôi đã không nản chí tìm các con đường mới. Tôi đã đồng thời bắt tay đảm nhận nhiều công việc, mà bất cứ việc nào trong sốđó có thể chiếm hết toàn bộ thời gian của một nhà nghiên cứu một cách dư dả cho một thời gian dài. Cái có vấn đề trong cung cách làm việc này là, *bề rộng* tuyến đầu của sự tiến lên. Tôi chẳng có lí do để xấu hổ vì số lượng của đầu ra nghiên cứu, cũng chẳng vì chất lượng. Thế nhưng tỉ lệ đầu vào-đầu ra, nhìn lại, thì khủng khiếp. Tôi có nhiều tác phẩm được công bố, thế nhưng cũng có nhiều bán sản phẩm bị đình lại, trước khi trở thành chín để công bố. Nhiều đề án của tôi có nhiều cán bộ tham gia bị gián đoạn. Nhiều kết quả của những nghiên cứu song song vừa được liệt kê cuối cùng cũng được gài một cách hữu cơ vào *Sự thiếu hụt* - ngược lại những kết quả khác thì bị mất vĩnh viễn. Như khi nhà điêu khắc bắt đầu công việc của mình trên một

https://thuviensach.vn

khối cẩm thạch quá lớn: quá nhiều vật liệu có giá trị và thời gian bị mất đi, cho đến khi tạc xong bức tượng.

(*)Có thể nổi lên câu hỏi: vì sao tôi lại không bỏ qua ấn tượng cũ này với một cái nhún vai hay với một chút tự châm biếm. Tôi sẽ không chân thành với bạn đọc, nếu tôi làm điều này. Mới đây tôi có đọc cuốn sách đáng tham khảo của D. Draaisma về bản chất của trí nhớ. Có thể chỉ ra rằng, trí nhớ con người lưu giữ với độ sắc nét đặc biệt những trải nghiệm của sự bị làm nhục, đa phần chi tiết và chính xác hơn các giây phút thành công và vui sướng nhiều. "Có vẻ là -Draaisma viết (2003, tr. 169)-, cứ như là những sự nhục mạ nở ra giữa nhiều kỉ niệm khác, hay còn đúng hơn: cứ như chúng không co lại cùng với các kỉ niệm khác. Chúng giữ nguyên kích thước ban đầu của chúng, mà cả màu sắc, hương vị và độ sắc nét của chúng nữa. Ngay cả vào tuổi già chúng vẫn còn hoàn toàn sống động – mà lẽ ra đặc ân này tốt hơn chúng ta dành cho các kỉ niệm khác."

Không phải bây giờ tôi mới nhận ra điều không may này; tôi đã biết rõ nó từ lâu rồi. Dường như, tôi đã và vẫn không có khả năng thay đổi nó. Hết lần này đến lần khác, cho đến tận nay, tôi nhận thấy "sự lãng phí" tương tự ở mình.

Chúng tôi xây nhà mới

Trong khi tôi thực hiện công việc nghiên cứu của mình với sự hăng hái lớn lao, một loại công việc khác chiếm mất nhiều sức lực của chúng tôi: xây nhà ở. Năm 1974 việc xây nhà chung cho chúng tôi và bốn gia đình khác hoàn thành. Hình thức pháp lí-tổ chức, theo đó công việc diễn ra, khi đó người ta gọi là: việc xây dựng được hoàn thành "theo thiết kế riêng". Việc này có nghĩa, rằng đã không có nhà thầu chính, mà mọi mối đều dồn vào tay người ấy. Với tư cách những người chủ tương lai của ngôi nhà bản thân chúng tôi thuê các chuyên gia: các thợ thủ công có giấy phép của chính quyền hay "các thợ [làm] chui" thuộc "nền kinh tế ngầm". Cũng chúng tôi phải kiếm phần lớn vật liệu và thiết bị.

Theo tiến triển ì ạch của công việc, vợ tôi và tôi ngày càng trở thành các nhà quản lí xây dựng bất đắc dĩ. Chúng tôi đối mặt với chuyện: có nghĩa là gì, nếu hầu như không thể kiếm được vật liệu cần thiết; nếu cần mua gạch nung già hay gạch men ốp tường phòng tắm, dàn xếp, chạy chọt dài dòng -chừng nào tỏ ra là không thể tránh khỏi -

https://thuviensach.vn

chịu những thoả hiệp khó chịu về chất lượng. (*)Chúng tôi đã đi hết tất cả các giai đoạn của việc mua xảy ra trong nền kinh tế thiếu hụt, mà sau này *Sự thiếu hụt* đã xếp vào trật tự tư duy. Chúng tôi đã có thể lựa chọn giữa tìm kiếm, chờ đợi, thay thế bắt buộc do thiếu gây ra hay từ bỏ ý định mua. Bên cạnh sự thiếu các sản phẩm bản thân chúng tôi nghiệm thấy, thiếu sức lao động có nghĩa là gì, khi lúc thì thợ này lúc thì thợ kia không có mặt, và vì thế toàn bộ việc xây dựng bị gián đoạn. Chúng tôi đã phải phát hiện ra, sự thiếu hụt gây ra tham nhũng như thế nào. Chúng tôi học được, ở nhà máy nào cần cho thủ kho bao nhiêu, để chúng tôi có thể nhận được vật liệu bị thiếu, và viên chức phụ trách có thẩm quyền của uỷ ban quận, người sẽ cấp các giấy phép, thích loại rượu cô nhắc nào.(**)

Trong các năm này tôi đã khá thường xuyên đi phương Tây. Mỗi lần tôi đều đi với một danh mục mua sắm trong túi. Danh mục không được soạn theo, cái gì là cái ở nước ngoài rẻ hơn trong nước, hay cái gì là cái đáng mua, bởi vì là một món đặc trưng đặc biệt của địa phương. Quan điểm chỉ đạo của danh mục đã là: cái gì không thể mua được ở nhà, nhưng có thể kiếm được trong một nền kinh tế thị trường hoạt động bình thường.

(*) Đã cần phải huy động đến "các mối quan hệ" của mẹ vợ tôi sống ở Szolnok, để bà mua cho chúng tôi một cái bồn tắm. Bà chỉ có thể kiếm được bồn tắm loại hai, hơi bị lỗi, rồi sau đó phải chở từ khoảng cách 100 km về Budapest.

(**) Kenedi János viết một cuốn sách như nhật kí về những kinh nghiệm tương tự thu được trong quá trình xây dựng "cá thể". Một cách hóm hỉnh ông đã chọn khẩu hiệu một thời của Rákosi Mátyás làm nhan đề cuốn sách: *Tiéd az ország, magadnak épited* (*Đất nước là của mày, mày xây cho chính mày*). Cuốn sách xuất hiện trong loạt "Các Tập Sách mỏng Hungary" do kiều dân ở Paris xuất bản.

Đối với tôi một kinh nghiệm sống ở Moskva diễn đạt một cách tượng trưng sự khác nhau xuất hiện trong mối quan hệ giữa người mua và người bán. Tại các sân bay ở nửa phía tây của thế giới các xe taxi đứng xếp hàng. Các hành khách lần lượt ngồi vào taxi, xe này sau xe kia, và bảo lái xe, họ muốn đi đâu. Ở Moskva thi thoảng có một taxi đỗ. Các hành khách xô nhau đến, và hỏi lái xe: taxi đi đâu. Nếu đích

https://thuviensach.vn

mà người lái taxi chọn mà phù hợp với ai đó, người ấy ngồi vào. Ai xác định đích của đường đi: hành khách hay lái xe taxi?

Mọi người đều có những kinh nghiệm sống loại như thế về nền kinh tế thiếu hụt, mà liên tục có. Tôi nói chuyện với bất kể ai, từ nhà nghiên cứu khoa học đến cô quét dọn, từ giám đốc xí nghiệp đến lái xe, đều đầy những mẩu chuyện liên quan đến nền kinh tế thiếu hụt, những nỗi bực dọc nho nhỏ và những thử thách to lớn. Những cái này đều đọng lại trong tôi, và chúng hiện ra, khi tôi ngồi xuống viết cuốn sách về thiếu hụt.

Cải cách theo hướng thị trường - với con mắt của các Maoist ở Calcuta

Năm 1975 theo đề xuất của các nhà kinh tế học Ấn Độ, tôi cùng vợ tôi, đi Ấn Độ một chuyến nghiên cứu và thuyết trình hai tháng. Tôi có thể dành cả một chương cho ấn tượng sống này, nhưng tôi chỉ lựa ra một tình tiết.

Từ các số liệu thống kê tôi đã biết rõ trước khi đến Ấn Độ, đất nước khổng lồ, có những truyền thống văn hoá tuyệt vời này đang ở đâu trong phát triển kinh tế. Tôi biết các nhà kinh tế học Ấn độ xuất sắc; chúng tôi đã kết bạn với Chakravarty, sau này là chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch, trong chuyến đi Anh đầu tiên của tôi năm 1963, với Shrinivasan (hay như các bạn ông gọi là T. N.) năm 1968 ở Stanford. Họ đã giải thích trước cho tôi nhiều thứ, trước khi họ hướng dẫn tôi ở Ấn Độ. Thế nhưng lời nói và chữ viết là khác cái con người thấy bằng chính mắt mình. Thực sự gây sốc, khi tôi thấy các gia đình sống trong lều tồi tàn được dựng trên rìa vỉa hè ở Calcuta, thấy những người đàn bà rửa nồi niêu bằng nước cống bẩn thỉu, thấy những người sắp chết nằm dài trên phố. Các chuyên gia nói rằng, Calcuta là thành phố lớn chật chội nhất Ấn Độ, nơi sự khốn cùng thể hiện mình đậm đặc nhất.

Đảng cộng sản Ấn Độ khi đó đã tách ra làm đôi. Có một cánh thân Moskva, rất chậm chạp, nhưng xét cho cùng vẫn cải cách, có cảm tình với Liên Xô và một cánh Maoist cấp tiến, cách mạng, thân Trung Quốc. Trong cánh sau đã có các nhóm không không chùn bước dùng những công cụ của chủ nghĩa khủng bố. Calcuta đã là trung tâm tinh thần của các Maoist.

Tôi trình bày một loạt bài giảng, nhưng đặc biệt tranh luận của một bài giảng đã lưu lại trong trí nhớ tôi.(*) Tôi đã nói về cải cách Hungary

https://thuviensach.vn

năm 1968 và về các thế lưỡng nan nảy sinh trong quá trình thay đổi. Trong tranh luận nhiều người phát biểu đã gay gắt– hay đúng hơn tôi có thể nói: phẫn nộ -bác bỏ mọi ý tưởng dịch chuyển hệ thống xã hội chủ nghĩa theo hướng kinh tế thị trường. Chúng tôi thà chấp nhận hệ thống tem phiếu, các khẩu phần eo hẹp, sự thiếu hụt – nhưng hãy để mọi người được cung cấp giống nhau theo tem phiếu! Chúng tôi phản đối sự vô tổ chức của thị trường! Họ không lập luận ủng hộ những ưu thế tổ chức của nền kinh tế kế hoạch; họ đã sẵn sàng tin, rằng liên quan đến việc đó có thể nảy sinh những khó khăn. Họ không quan tâm đến, chính sách kinh tế vĩ mô như thế nào và những khuyến khích kinh tế vi mô như thế nào sẽ làm tăng sản xuất và tăng cung. Cái thực sự làm cho những suy nghĩ và các xúc cảm của họ bận tâm là, sự công bằng của phân phối. Tôi hoàn toàn hiểu, rằng ai sống giữa sự khốn cùng của Calcuta -cho dù là giáo sư đại học đi nữa-, cũng nhĩ như vậy. Khi đó cũng thế, bây giờ tôi cũng tin, rằng con đường bền vững dẫn ra khỏi đói nghèo dẫn qua không phải cải cách phân phối, mà là qua cải cách sản xuất. Hệ thống tem phiếu chia đều sự khốn cùng cho tất cả mọi người tạm thời có thể làm yên cảm giác công phẫn về chân lí, nhưng chẳng giải quyết được gì cả.

(*)Khi đó lần đầu tiên tôi thử trình bày dòng tư duy, mà sau này tôi diễn đạt trong bài báo của tôi có nhan đề *Tính hiệu quả và đạo đức xã hội chủ nghĩa*.

Cuộc tranh luận được tiếp tục muộn hơn tại nhà ở của một giáo sư, trong phạm vi hẹp hơn, bây giờ trên bình diện chính trị. Ấn Độ khi đó là nước đang phát triển duy nhất, trong đó có nền dân chủ nghị viện hoạt động. Chính phủ có phe đối lập hợp pháp, trong các cuộc bầu cử có thể hạ bệ đảng cầm quyền, báo chí có thể phê phán những người đang cầm quyền, toà án độc lập với các đảng và với chính phủ. Thế nhưng những kẻ thù cấp tiến của chủ nghĩa tư bản miệt thị nói vềđiều này. Những cái khung rỗng của nền dân chủ hình thức đáng giá gì, khi hàng triệu người bị đói? Tốt hơn thà có nền độc tài, nhưng hãy phân phối công bằng và nhờ thế đừng bao giờ có nạn đói nữa, hơn là dân chủ tư sản sáo rỗng và cùng với nó là sự khốn cùng của số đông và nạn đói.

Nhiều năm sau mới té ra là, ở Trung Quốc dưới thời cai trị của Mao đã có nạn đói làm chết hàng triệu người. Sở hữu xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế kế hoạch đã không có khả năng ngăn cản sự huỷ diệt

https://thuviensach.vn

khủng khiếp. Chế độ độc tài đã chỉ thích hợp, để họ giấu kín biến cố rùng rợn trước dư luận Trung Quốc và quốc tế, và bằng việc đó cũng ngăn cản ngay cả sự làm nhẹ bớt tai hoạ.

Trong thời gian tôi thăm Ấn Độ tôi vẫn chưa biết tí gì về tất cả chuyện này, mà lẽ ra đã là một lí lẽ quan trọng trong cuộc tranh luận. Chúng tôi đã tranh luận, nhưng đã không thành công thuyết phục lẫn nhau.

https://thuviensach.vn

1976 –1980
SỰ THIẾU HỤT

Đầu mùa thu 1976 chúng tôi đến Stockholm một thời gian dài, giáo sư Assar Lindbeck đã mời tôi đến Viện Nghiên cứu Khoa học Kinh tế Quốc tế của đại học với tư cách nhà nghiên cứu được mời. Cuộc sống của chúng tôi bắt đầu với các điểm gở. Một thời gian dài chúng tôi không kiếm được nhà ở phù hợp, chúng tôi cảm thấy không thoải mái trong phòng khách sạn. Tôi để quên ở tàu điện ngầm các tập hồ sơ dày, trong đó tôi thu thập các vở ghi chép về các tài liệu đã được nghiên cứu qua nhiều năm. Thời tiết cũng trở nên ngột ngạt lúc ấy, vào mùa thu ở Skandinave. Một buổi sáng mưa gió, trên đường đến đại học tôi oà lên: thôi đừng ở Stockholn nữa, tốt hơn hãy về nhà.

Thật tiếc nếu đã làm thế.(*) Thư kí sẵn lòng giúp đỡ của viện, Birgitta Eliason, với sự dàn xếp không mệt mỏi, cuối cùng đã tìm được nhà ở ấm cúng cho chúng tôi. Các cuốn vở của tôi cũng tìm lại được. Môi trường Stockholm đã tạo ra các điều kiện lí tưởng – theo đánh giá riêng của tôi-cho giai đoạn có kết quả nhất trong sự nghiệp nghiên cứu của tôi; cuốn sách của tôi có nhan đề *Sự thiếu hụt* đã sinh ra ở đây.

Môi trường gây cảm hứng

Bây giờ có nhiều tranh luận trong đời sống khoa học về, phải tài trợ cho khoa học thế nào. Nơi việc phân chia các công cụ tiền tệ nằm trong tay các bộ máy nhà nước hay liên quốc gia, ở đó chế độ quan liêu thường nhất quyết, rằng nhà nghiên cứu xin tiền hãy đưa ra một kế hoạch "dự án"; hãy nói trước một cách chính xác, mình muốn làm gì, đảm nhận thời hạn và đến thời hạn xác định hãy giao "sản phẩm". Ngày càng nhiều quỹ tài trợ công và tư nhân cũng bám lấy cách làm tương tự.

Nếu giả như người ta đã muốn siết công việc ở Stockholm của tôi vào cái giường-Prokrustes(+)này, chắc tôi đã thất bại. Trước khi tôi đến Stockholm, tôi đã không biết diễn đạt chính xác đề tài của dự án của tôi. Trong đầu tôi lớn vởn diễn đạt chung đại loại như: *Suy nghĩ lại – Anti-Equilibrium*. Cần vài tuần yên tĩnh, và sự ổn định hoàn cảnh của tôi ở Stockholm, để đề tài hình thành rõ nét hơn trong tôi. May là những người trao nhiệm vụ cho tôi đã là những người rộng lượng hơn

https://thuviensach.vn

các nhà quan liêu được nhắc đến rất nhiều. Họ mời tôi không phải để thực hiện một dự án, mà họ đồng ý, tôi muốn làm gì thì làm.

(*) Nếu lúc đó chúng tôi quay về, thì con gái chúng tôi đã không lấy chồng ở Thuỵ Điển, không sinh hai cháu Thuỵ Điển-Hungary của chúng tôi, Zsófi và Anna. May là, chúng tôi đã không theo cảm tưởng đầu tiên gây chán nản.

(+) Theo thần thoại Hi Lạp, Prokrustes là kẻ bất lương huyền thoại chuyên giả vờ hiếu khách để cám dỗ lữ khách, rồi siết họ vào giường của hắn và cắt hay kéo người họ cho vừa giường của hắn.

Tôi đã làm việc nhiều -ở nhà, trong nhà ở của riêng tôi. Tôi chỉ thi thoảng mới vào viện, khi cần giải quyết gì đó, hay ai đó có một thuyết trình hay. Ban đầu họ mời 12 tháng, khi tôi không xong và yêu cầu kéo dài 3 tháng, họ cho ngay mà không hề do dự.

Ở nhà, công việc được tiến hành tách khỏi những người khác, được bổ sung một cách may mắn bởi môi trường trí tuệ sôi động và lí thú.(*) Tôi đã có thể nói chuyện với các đồng nghiệp có hiểu biết rộng. Tôi tự nguyện đảm nhận giảng một loạt bài ở đại học về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Các sinh viên sau đại học, cũng như các thầy giáo ngồi lẫn giữa các sinh viên đã là các đối tượng thí nghiệm, mà lần đầu tiên tôi thử, xem những suy nghĩ của tôi gây ra những phản ứng như thế nào trong họ. Sau mỗi bài giảng họ quây quanh tôi, với sự sẵn lòng giúp đỡ thân thiện họ đưa ra những nhận xét và kiến nghị của họ.

Sau này một vài bạn đọc, người-biết được từ lời nói đầu của cuốn sách, rằng tôi viết ở Thuỵ Điển – đã hỏi, có thiếu môi trường Đông Âu, thiếu kinh nghiệm sống cá nhân hàng ngày hay không, khi tôi viết về nền kinh tế thiếu hụt về hệ thống xã hội chủ nghĩa. Không! Khi tôi đến Stockholm, những kinh nghiệm sống đã tích tụ đủ trong tôi. Cái mà tôi thực sự cảm thấy cần trong khi viết, là sự yên tĩnh, là sự đứng xa các xung đột cay đắng, các cuộc đương đầu nhiều khi nhỏ nhen của cuộc đời, xa sự lôi kéo đây-đó, xa ảnh hưởng làm sởn tóc gáy của các tin tức hàng ngày.

Trong chương trước tôi đã kể về nhiều ấn tượng sống -về các tài liệu đọc, về các tranh luận, về những kinh nghiệm cá nhân -, những cái dường nhưđã chuẩn bị cho cuốn sách. Thậm chí, sự quan tâm đến nền kinh tế thiếu hụt trong suy nghĩ riêng của tôi thực ra còn ngược trở lại xa hơn rất nhiều, bởi vì ngay luận văn phó tiến sĩ của tôi đã dành hẳn

https://thuviensach.vn

một chương cho vấn đề này. Suốt hai mươi năm tôi quay lại vấn đề đó hết lần này đến lần khác, từ những mặt khác nhau. Thế nhưng tất cả công việc nhiều năm này chỉ tạo ra các đoạn, các miếng, được lưu giữ chồng chất lên nhau trong đầu tôi. Tuy vậy, bây giờ trong sự yên bình của cuộc sống của chúng tôi tại ThuyĐiển, bức tranh bỗng nhiên được hình thành từ các miếng khảm ấy.

Khi tôi bắt tay vào viết cuốn sách, tôi tiến với tốc độ chóng mặt: thường mỗi tuần xong một chương. (**)Nhiều thứ hầu như đã có sẵn trong đầu tôi, chỉ cần viết ra. Như khi khác cũng đã xảy ra với tôi, theo nhịp tôi tiến bước, nhiều vấn đề được sáng tỏ trong tôi trong quá trình viết, các mối phụ thuộc lẫn nhau như thế nào.

Nhiều tác phẩm kinh tế học trước đây đã đụng chạm đến vấn đề của các hiện tượng thiếu hụt có thể quan sát thấy trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Người ta dành có lẽ một vài đoạn trong các bài báo, đôi khi cả một chương cho chủ đề trong một số cuốn sách. Thế nhưng, *Sự thiếu hụt* là cuốn chuyên khảo đầu tiên, dành toàn bộ để bàn về vấn đề này. Khi soạn cuốn sách, bằng đèn soi tôi tìm kiếm các tác phẩm, mà tôi có thể dẫn chiếu đến như các tài liệu tiền đề. Ở nơi tôi tìm thấy lác đác các tiền bối lí thuyết, ở đó, theo các quy tắc đứng đắn, tôi ghi các dẫn chiếu vào văn bản.

(*) Trong chương trước tôi đã nhắc đến, rằng chú ý theo dõi đời sống xã hội Mĩ đã là trường học dân chủ đối với tôi. Việc này được tiếp tục bây giờ ở Thuỵ Điển. Cảnh mặt thủ tướng Olof Palme xuất hiện trên màn hình là cảnh không thể quên được. Sau 44 năm cầm quyền của đảng dân chủ xã hội, lần đầu tiên đảng thua trong các cuộc bầu cử. Chắc chắn đó là một sự kiện chấn động đối với ông, nhưng ông hoàn toàn ghép mình vào kỉ luật. Với nụ cười trên mặt ông thừa nhận sự thất bại, và tuyên bố theo cách tự nhiên nhất, rằng sẽ chuyển giao quyền lãnh đạo đất nước cho những người thắng. Khi đó hằn sâu vào trong tôi: cách dễ nhất để nhận ra nền dân chủ là, có thể hạ bệ chính phủ bằng con đường văn minh, và chính phủ đó sẵn sàng chuyển giao quyền lực.

(**) Cho mỗi chương vợ tôi thưởng một hộp kẹo plariné (kẹo bọc sôcôla) ngon của Thuỵ Điển. (Khi đó tôi vẫn chưa phải kiêng vì cholesterol). Có thể, việc này cũng đã ảnh hưởng đến nhịp độ viết?

https://thuviensach.vn

Cũng tương tự trong cuốn sách tôi đã liệt kê những người đã cho các lời khuyên hay đã hợp tác trong những nghiên cứu chuẩn bị, và tôi đã tỏ lời cảm ơn sự giúp đỡ của họ.(*)Như thế tôi không khẳng định, rằng tất cả các ý tưởng xuất hiện trong cuốn sách đều do tôi nghĩ ra hay mô tả lần đầu tiên. Nhưng tôi có thể khẳng định: về cơ bản không phải các lập luận do những người khác đã trình bày trước về đề tài này đã gây cảm hứng cho tôi. Tôi không biết đưa ra một tác phẩm duy nhất nào, mà tôi có thể nói: đấy, tác phẩm này là tác phẩm, mà *Sự thiếu hụt* là sự tiếp tục của nó. Rằng có các tác phẩm có ảnh hưởng gián tiếp mạnh mẽ lên việc viết *Sự thiếu hụt*, thí dụ các công trình của Marx, Keynes, Hirschman, lại là vấn đề khác.(**)Trong các chương trước đã nói về những ảnh hưởng này rồi. Thế nhưng các tác phẩm này không nói về sự thiếu hụt kinh niên tồn tại trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Khi viết cuốn sách, đã ảnh hưởng lạnh lên tôi tất cả kiến thức lí thuyết, mà từ 1955 tôi đã thấm nhuần được từ các tài liệu đọc của tôi, từ những nghiên cứu kinh nghiệm ở Hungary, cũng như từ các cuộc nói chuyện cá nhân, từ việc nghe các bài thuyết trình, từ các tranh luận ở các hội nghị, từ những kinh nghiệm ở nước ngoài một thời gian dài hơn. *Sự tập trung quá mức* được viết bởi một nhà nghiên cứu *ngây thơ* quan sát với con mắt mở; còn *Sự thiếu hụt* thì đã được viết bởi một nhà kinh tế học chuyên nghiệp, một thành viên được chuẩn bị thường xuyên của chuyên ngành, người bây giờđã hiểu tường tận hơn thế giới kinh tế, xã hội và chính trị với sự giúp đỡ của các tài liệu chuyên môn và trên cơ sở kinh nghiệm sống của riêng mình.

Ở đây tôi quay lại một phút đến cái tôi đã nhắc tới ở đầu chương: tôi đã mang theo mình đến Stockholm các sổ ghi chép nặng hàng kí được hình thành trên cơ sở các tài liệu tôi đã đọc. Thú thực, trong khi viết cuốn sách hầu như tôi không ngó đến các ghi chép này. Tôi cũng quen làm tương tự như vậy với các tác phẩm khác của tôi. Hiển nhiên các ý tưởng lấy từ các tài liệu được lưu ở đó trong trí nhớ của tôi, và lúc cần đã thành công gọi chúng ra. Còn chỉ quấy rầy, nếu tôi lật giở bản thân các tác phẩm nguồn hay các vở ghi chép về chúng trong thời gian viết. Khi đó có lẽ tôi quá dính vào chúng, thay cho việc tôi nghĩ bằng chính cái đầu của mình. Thường tỏ ra là đủ để lấy chúng ra, khi bản nháp đầu tiên đã hoàn thành và sau đó tôi muốn chính xác hoá các dẫn chiếu.

Thông điệp của cuốn sách

https://thuviensach.vn

Tôi đặt ra hai loại mục tiêu. Một mặt: tôi muốn cho một bức tranh toàn diện về hoạt động của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Mặt khác: tôi muốn giới thiệu một cách có phương pháp các hiện tượng của nền kinh tế thiếu hụt, các nguyên nhân và các hậu quả của nó. Hay có lẽ diễn đạt rõ hơn công thức "một mặt-mặt khác", nếu tôi nói: nói về nền kinh tế thiếu hụt tôi đã muốn giới thiệu nhiều hơn, rộng hơn, sâu hơn việc giới thiệu đơn thuần các nguyên nhân và tác động của hiện tượng bộ phận này. Nền kinh tế thiếu hụt là cái *hiện tượng bộ phận*, qua đó có thể giới thiệu cái *toàn thể*. Bởi vì hàng ngày mọi công dân của các nước xã hội chủ nghĩa bắt gặp các hiện tượng thiếu hụt, họ sẽ cảm thấy: bây giờđang nói về họ, về đời sống của họ. Ngay với việc chọn đầu đề tôi cũng đã muốn khiêu khích, đi thẳng ngay vào vấn đề.Ý định của tôi là, tôi thử khái quát hoá *kinh nghiệm hàng ngày*, đưa lên mức một lí thuyết toàn diện.

(*) Hai phụ lục toán-kinh tế gắn với cuốn sách. Jörgen Weibull và Simonovits András đã cộng tác viết các phụ lục này với tư cách các đồng tác giả.

(**) Tôi nhấn mạnh riêng đến sự truyền cảm hứng, mà tôi tìm thấy từ *Tư bản luận*. Marx đã coi nạn thất nghiệp không phải là thiếu sót ngẫu nhiên của sự thích nghi thị trường, cũng chẳng phải là hậu quả của chính sách kinh tế sai lầm, mà là nét *đặc trưng hệ thống* của chủ nghĩa tư bản. Marx đã là một trong những nhà tiên phong vĩ đại của cách tiếp cận, thử phát hiện ra và giải thích các tính chất loạn chức năng riêng biệt, đặc trưng sâu sắc của các hệ thống kinh tế-xã hội-chính trị. Trong khía cạnh này ông đã và vẫn là tấm gương của tôi. Sự kính trọng này hoà hợp tốt với chuyện, tôi triệt để đoạn tuyệt với chủ nghĩa Marx với tư cách lời giải thích toàn diện thế giới, với tư cách cương lĩnh chính trị.

Có lẽ tôi đã có thể thoả mãn ý định sau dễ dàng hơn, nếu tôi bắt đầu mô tả hiện tượng ở lĩnh vực tiêu dùng, bởi vì tất cả mọi người, không có ngoại lệ, thường xuyên đóng vai trò người tiêu dùng. Thế nhưng điều này sẽ không đúng nhìn từ quan điểm logic lập luận, bởi vì gốc rễ của vấn đề vươn xuống đến sản xuất. Vì thế tôi bắt đầu cuốn sách bằng giới thiệu hoạt động của lĩnh vực doanh nghiệp, nơi người ta kiếm các đầu vào cần thiết cho sản xuất. (Như một sự nhắc nhở: trong

https://thuviensach.vn

lĩnh vực này tôi cũng có chút kinh nghiệm sống còn sốt dẻo với tư cách người mua vật tư bất đắc dĩ của ngôi nhà chung của chúng tôi).

Các hiện tượng thiếu hụt xảy ra trong mọi nền kinh tế. Hành khách không thểđi kịp thời, bởi vì người ta mua chiếc vé cuối cùng của tuyến đi ngay trước mặt mình. Phải xếp hàng trước cửa rạp chiếu phim, nếu chúng ta muốn xem một phim thành công vừa được giới thiệu. Đây là các sự kiện thi thoảng, kéo dài một thời gian ngắn, và không nghiêm trọng mấy. Có lí để nói đến *nền kinh tế thiếu hụt* khi, nếu các hiện tượng thiếu hụt xuất hiện trong *mọi* (hay hầu như trong mọi) lĩnh vực của nền kinh tế: cả trong khu vực doanh nghiệp lẫn hộ gia đình; cả trong phân bổ các sản phẩm và dịch vụ, lẫn trong phân bổ lực lượng lao động; cả trong sử dụng hiện thời, lẫn trong các khoản đầu tư. Sự thiếu hụt không phải tạm thời, mà là *kinh niên*. Sự thiếu cung so với cầu không ở mức độ nhỏ bé, mà nhiều khi rất lớn, nói cách khác, sự thiếu hụt cực kì *sâu rộng*.

Ngắn gọn, sự thiếu hụt kinh niên, sâu rộng, bao trùm toàn bộ nền kinh tế biểu thị đặc tính nền kinh tế thiếu hụt. Thị trường trong nền kinh tế này không tạm thời giao động xung quanh điểm cân bằng của cầu và cung. Nó ở xa cái, mà trong một chương trước tôi đã gọi là "cân bằng Walras", lâu dài. Sự thiếu hụt kinh niên không phải là sự kiện đặc biệt ở đây, mà đây là *trạng thái bình thường* của hệ thống.

Vì thiếu nên người mua thường xuyên buộc phải mua cái khác với cái ban đầu dự định mua. Sự thay thế bắt buộc này làm tiêu tan niềm vui tiêu dùng. Kiếm hàng khan hiếm đi cùng với sự chạy chọt, tìm cách giải quyết, tìm kiếm mệt mỏi. Đứng xếp hàng làm mất nhiều thời gian. Cùng khối lượng tiêu dùng đạt được ít phúc lợi hơn, nếu người tiêu dùng đạt được trong một nền kinh tế thiếu hụt, so với giả như sống trong nền kinh tế thị trường được cung ứng tốt.

Sự bổ sung khập khiễng, không đầy đủ của các nguyên liệu, các bán sản phẩm, các bộ phận, cũng như sự thiếu hụt sức lao động gây ra nhiều va chạm và ngưng trệ trong sản xuất, và làm giảm sút hiệu suất lao động. (*)

Trong nền kinh tế thiếu hụt các nhà sản xuất có thể bán sản phẩm của mình mà không phải lo nghĩ gì, bởi vì người mua bị bỏ đói đang mong chờ họ. Không có sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất để giành giật người mua. Như thế sự thiếu hụt tước mất một trong những lực

https://thuviensach.vn

kích thích quan trọng nhất của phát triển kĩ thuật; đây là một nguyên nhân cơ bản của sự trì trệ kĩ thuật của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

(*)Nhiều nhân tố cùng đóng góp vào việc, sau thay đổi chế độ khả năng lựa chọn của các sản phẩm đã trở nên rộng hơn, sự tăng hiệu suất lao động và phát triển công nghệ nhanh hơn. Nhiều nghiên cứu trên cơ sở phân tích thống kế kĩ lưỡng đã chứng minh, rằng nhân tố *quan trọng nhất* tỏ ra là sự cạnh tranh của những người sản xuất để giành được những người mua. Đọc các tiểu luận được viết năm 2001 của Carlin và các đồng tác giả hay của Djankov và Murrel viết năm 2002 tôi nhận thấy, rằng những kết quả sản xuất của sự chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa ủng hộ một trong những khẳng định chính của *Sự thiếu hụt.*

Ở trên tôi đã liệt kê những tổn thất kinh tế theo nghĩa hẹp do sự thiếu hụt gây ra. Thế nhưng tác động, mà nó ảnh hưởng đến cảm giác chung, cũng không kém quan trọng. (*)Ưu thế sức mạnh của các nhà sản xuất-người bán đi cùng với sự thoái hoá của các quan hệ con người. Người mua bị phó mặc cho nhà sản xuất, hay người bán, điều đó nhiều khi đẩy người mua vào tình thế bị làm nhục. Đối với nhiều sản phẩm và dịch vụ việc phân phối không thể giải quyết bằng cách khác ngoài hình thức hệ thống tem phiếu hay phân phát hành chính nào đó. Việc này đưa một công cụ quan trọng vào tay bộ máy quan liêu, mà nó có thể sử dụng để củng cố sự thống trị của nó trên dân chúng.

Khẳng định cuối này có thể gợi ý, rằng người ta tạo ra nền kinh tế thiếu hụt với các ý định được cân nhắc trước vì lợi ích quyền lực. Không phải vậy. Đúng là, người bán được lợi thế, bởi vì người mua không thể kén chọn, không thể quăng hàng lại. Thế nhưng, mọi người bán cũng là người mua, là người sử dụng hàng trăm loại hàng hoá và dịch vụ, và trong vai này người ấy rơi vào tình thế yếu và bị làm nhục. Nhiều thành viên của bộ máy quan liêu, nếu không thuộc về những người được đặc biệt ưu đãi, bản thân họ cũng phải chịu đựng nền kinh tế thiếu hụt. Thực ra chẳng ai muốn cả -và nó vẫn phát sinh. Nếu giả như chỉ phụ thuộc vào ý chí của vài người, có lẽđã có thể buộc những người đó chấm dứt nó, để thay đổi các quan hệ sức mạnh thị trường. Thế nhưng không phải ý muốn của một vài người gây ra nó, mà là *bản thân hệ thống*. Bất luận những người tham gia có muốn, hay không,

https://thuviensach.vn

nền kinh tế thiếu hụt kinh niên nảy sinh, và sau đó liên tục được tái tạo.

Không thể lấy ra một nhân tố duy nhất, nhân tố cho giải thích đầy đủ về sự nảy sinh và tái tạo thiếu hụt. Phải hiểu cơ chế nhân quả phức tạp, gồm nhiều nhân tố, để chúng ta đi đến lời giải thích đầy đủ. Một trong những mắt xích quan trọng của chuỗi nhân-quả là hiện tượng, mà khi viết *Sự thiếu hụt* tôi đã gọi là "ràng buộc ngân sách mềm". Khái niệm này và lí thuyết giải thích gắn với nó đã tạo ra tiếng vang lớn; bắt đầu có cuộc sống riêng của nó vượt quá phạm vi ảnh hưởng của *Sự thiếu hụt.* Vì thế tôi sẽ đề cập đến nó trong một chương riêng.

Mắt xích cuối cùng của chuỗi nhân quả: hệ thống thể chế của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tôi trích từ các trang cuối của cuốn sách, từ *Các nhận xét kết thúc:* "…các quan hệ xã hội, những điều kiện thể chế xác định đẻ ra các dạng ứng xử, những sự đều đặn kinh tế, các chuẩn mực nhất định. Không thể đặt những cái này ra ngoài hiệu lực bằng quyết định nhà nước. Không phải quyết định của chính phủ hay kế hoạch nhà nước quy định, rằng hãy có căng thẳng đầu tư, sự thiếu hụt sức lao động kinh niên, khuynh hướng đẩy giá lên và v.v. – và không có quyết định của chính phủ hay kế hoạch nhà nước nào có thể chấm dứt những cái này, trong khi các điều kiện, liên tục tái tạo ra các hiện tượng này, vẫn tồn tại".[149] Nền kinh tế thiếu hụt là tính chất nội tại, đặc thù hệ thống của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Các cuộc cải cách có thể làm nhẹ bớt các vấn đề, nhưng không chấm dứt chúng.

Đấy là thông điệp của cuốn *Sự thiếu hụt*.

(*) Các sinh viên nước ngoài (nhưng tôi có thể nói thêm: thanh niên Hungary ngày nay) chẳng hề có khái niệm về, sự thiếu hụt có thể gây ra những sự khổ nhục như thế nào. Khi tôi muốn minh hoạ những hệ quả của thiếu nhà ở trong các bài giảng của tôi, tôi luôn lấy làm thí dụ trường hợp của đôi vợ chồng, những người đã li dị nhau một cách hợp pháp, nhưng sau đó buộc phải ở trong căn hộ chung. Thiếu nhà ở buộc người vợ cũ và người vợ mới phải chia nhau cùng nhà bếp và nhà tắm. Khi tôi kể câu chuyện đến đó, trong mọi trường hợp nổ ra sự vui cười trong giới người nghe. Họ cảm thấy tình trạng ngột ngạt và làm nhục này là khôi hài.

Tự kiểm duyệt

https://thuviensach.vn

Cuốn sách công bố các sự thật quan trọng. Tôi ghi lên giấy mọi từ của nó với lòng tin, rằng tôi viết sự thật, và chỉ sự thật mà thôi. Nhưng tôi cũng đã biết rất rõ là, cuốn sách không chứa *toàn bộ* sự thật.

Chúng tôi đã sống ở một vùng ngoại ô Stockholm, ở Lidingö, trên một trong những hòn đảo của vịnh. Tôi nhớ một cách sinh động đến các cuộc dạo chơi dài trong rừng dọc bờ biển, khi với vợ tôi chúng tôi bàn đi bàn lại, hãy để cái gì trong cuốn sách, và bỏ cái gì ra khỏi nó.

Điểm xuất phát đã là, - đầu tiên-cuốn sách dành cho bạn đọc Hungary, và sau Thuỵ Điển chúng tôi lại sẽ sống ở Hungary.(*) Có thể đi đến đâu trong một bản thảo, mà đầu tiên tôi muốn công bố ở trong nước, cụ thể là trong một cuốn sách được in một cách hợp pháp, được phát hành một cách hợp pháp? Ngay từ đầu tôi cũng đã suy nghĩ, số phận của cuốn sách sẽ thế nào ở các nước xã hội chủ nghĩa khác. Sẽ có thể được xuất bản hay không? Hay nếu không, người ta có tuyên bố là tác phẩm "thù địch" hay không, và người ta có săn đuổi người cầm nó trên tay hay không?

Ngay cả trước khi đi Thuỵ Điển tôi đã xem bộ phim *Những bức tường* nổi tiếng của Kovács András. Ở đó nói đến chuyện các võ sĩ đấu kiếm trong phòng tối, những người sợ đụng vào các tường bao quanh họ -nhưng họ không biết, bức tường ở đâu. Vì thế họ chỉ dám di động ở giữa phòng.(**) Các khán giả hiểu rõ, Kovács András nghĩ đến cái gì.

Tôi đã biết rõ không chỉ, rằng tồn tại các bức tường, mà biết rõ cả, chúng *ở đâu*. Tuy khi đó tại Hungary trường chuyển động rộng hơn nhiều so với ở Rumani hay ở Albani, nhưng dù sao ở đây cũng vẫn có các hạn chế chính trị về nội dung của các tác phẩm được công bố hợp pháp.

Tôi cũng đã tính đến, rằng khi đó, vào nửa sau của các năm 1970, tôi đã có tên tuổi và uy tín quốc tế khá đáng kể rồi, cái đó cũng cho tôi một mức độ bảo vệ nhất định. Điều này như thế đẩy các bức tường ra một chút, những cái đặc biệt có thể cản trở việc nói ra những điều tôi muốn nói. Tôi nói thêm: tôi không chỉ muốn đi đến tận các bức tường "riêng" của mình, mà tôi thử vượt quá chúng. Chính bằng cuốn sách này tôi muốn tiếp tục nới rộng không gian bị các bức tường bao bọc, đẩy tiếp các giới hạn ra xa tôi – và nhờ trường hợp của tôi, mà xa cả những người khác- hơn nữa.

https://thuviensach.vn

Thế nhưng cho dù tôi có tính tất cả những thứ này đi nữa, nhiều nhất tôi có thể nói: tôi có một trường di động nhất định, nhưng không thể nói, rằng trong cuốn sách dành cho công bố hợp pháp tôi có thể viết *tất cả*, cái tôi nghĩ về đề tài.

Tôi đã muốn tránh ba vấn đề. Thứ nhất: tôi đã không muốn nói, ở dạng tường minh, về Liên Xô, về các mối quan hệ của các nước thuộc khối Soviet gắn với Liên Xô. Thứ hai: tôi đã không muốn bày tỏ, vai trò của đảng cộng sản là gì trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Thứ ba: tôi đã không muốn nói ra, tình hình sẽ thay đổi như thế nào, nếu sở hữu tư nhân thay thế cho sở hữu nhà nước.

(*)Chúng tôi bàn chi tiết các vấn đề này với vợ tôi, và cuối cùng luôn luôn thành công hình thành ý kiến chung. Tuy nhiên, với tư cách tác giả, tôi chịu *hoàn toàn trách nhiệm cá nhân* về cái xuất hiện trong cuốn sách. Chính vì thế tôi cho là có lí, rằng trong phần tiếp theo tôi chép lại dòng tư duy làm cơ sở cho quyết định nhân danh cá nhân tôi.

(**)Tôi trích kịch bản (Kovács 1968, tr. 37). Văn bản in nghiêng là chỉ dẫn của kịch bản. Trong khi một nhân vật chính, Benkő, bình luận sự việc xảy ra.

"Hai người đấu kiếm bắt đầu tìm nhau.

Benkő: Hãy để ý, họ sợ các bức tường? Thế mà chúng thì ở xa.

Họ tiếp tục chơi, lẩn tránh nhau, nhưng luôn luôn sao cho họ chỉ di chuyển ở giữa phòng

Benkő: Phòng rộng hơn nhiều. Nhưng họ không tận dụng, do đó họ có vẻ vụng về hơn so với thực tế."

Đấy hiển nhiên không phải là các vấn đề thứ yếu, mà chúng có vai trò cơ bản trong việc hiểu hệ thống xã hội chủ nghĩa. Tôi đã không muốn nói nửa sự thật về các chủ đề này, còn tôi cảm thấy là không thể cho phép được, rằng tôi nói một đằng nghĩ một nẻo. Tôi cho là hợp lí nhất, nếu tôi *im lặng* về các chủ đề này.

Một cách gián tiếp tôi đã muốn lưu ý vấn đề cho bạn đọc thính tai, tinh ý. Phần *Dẫn nhập* nhấn mạnh, cái gì là cái cuốn sách *không* đề cập đến, như thế giữa những thứ khác là vai trò của đảng. Nó chỉ ra, rằng nó chỉ nói về các doanh nghiệp nhà nước, và thí dụ "nền kinh tế thứ hai", "khu vực phi chính thức" bị bỏ ra khỏi phân tích.

Tôi coi quan trọng hơn những ám chỉ này là, nếu dòng lập luận cuốn hút bạn đọc, nếu bạn đọc biến logic của cuốn sách thành của mình – thì với sức mạnh trí tuệ của riêng mình bạn đọc sẽ có khả năng

https://thuviensach.vn

suy nghĩ tiếp. Cuốn sách kết thúc ở chương thứ 22. Có sự cân nhắc dài và cẩn trọng trước khi quyết định, rằng kết thúc chính ở đó, ở chương 22, nhưở trong cuốn sách. Giữa những cân nhắc là hi vọng: chương 23 không được viết sẽ tự phát được diễn đạt trong đầu bạn đọc. Trong cuốn sách không thể đọc được, rằng nguyên nhân của nền kinh tế thiếu hụt phổ biến, sâu rộng và kinh niên là hệ thống cộng sản và vì thếđiều kiện chấm dứt vĩnh viễn nó là sự thay đổi chế độ. Cuốn sách đã không mô tả, rằng hệ thống, xét các nét đặc trưng cơ bản của nó, thực sự là không thể cải cách nổi. Thế mà nhiều độc giả lại đọc thấy điều này một cách rõ ràng từ cuốn sách.(*)

Bây giờ tôi vẫn chỉ mô tả khách quan việc tự kiểm duyệt đã có hiệu lực như thế nào khi soạn *Sự thiếu hụt*. Cuối chương tôi sẽ quay lại các thế lưỡng nan chính trị và đạo đức gắn với vấn đề này.

Hiệu đính-Phản biện

Những người phương Tây không biết hoạt động của hệ thống cộng sản nhiều khi tin, rằng có các cơ quan có thẩm quyền kiểm duyệt được lập ra cho riêng mục đích này. Đã có cơ quan như thế ở một số nước, trong giai đoạn ban đầu của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Hệ thống được củng cố đã không cần đến nó nữa. Phạm vi nhiệm vụ kiểm duyệt được uỷ thác cho những người, mà cá nhân họ chịu trách nhiệm về các từ được in ra (hay được nói ra trên vô tuyến truyền hình, đài phát thanh). Tổng biên tập của tạp chí hay tờ báo, giám đốc nhà xuất bản, chủ tịch truyền hình hay đài phát thanh là những người chịu trách nhiệm về cái được công bố. Nhiệm vụ này bản thân người ấy, theo cách quen thuộc, lại có thể uỷ thác tiếp cho các nhân viên của mình, thế nhưng việc này không miễn cho họ khỏi trách nhiệm. Phải báo cáo cho các thượng cấp của mình và chịu trách nhiệm về những công bố. (Thí dụ các giám đốc nhà xuất bản nhà nước dưới quyền Vụ Xuất bản của Bộ Đào tạo và Văn hoá). Tuy vậy, cuối cùng, như lãnh đạo của tất cả các cơ quan nhà nước, phải chịu trách nhiệm với đảng. Nếu trong đảng (thực tế có nghĩa là lãnh đạo đảng, hay cán bộ phụ trách có liên quan của bộ máy trung ương đảng nào đó) có ai đó không thích bản thông báo, thì có cách để can thiệp trước hay về sau đưa ra các trừng phạt.

(*) Mới đây một trong những bạn đọc cuốn sách khi đó, một nhà vật lí quan tâm đến chính trị và kinh tếđã kể cho tôi: việc đọc *Sự thiếu hụt* khi đó đã là một ấn tượng như thế nào đối với anh ta, và khẳng

https://thuviensach.vn

định của cuốn sách, rằng cần phải thay đổi chế độ, đã làm anh ta chấn động đến thế nào. Anh nhớ dứt khoát - với tầm một phần tư thế kỉ, rằng khẳng định này có trong cuốn sách – cho đến khi tôi không chỉ cho anh ta, rằng tuyên bố này, đúng theo chữ, không thể đọc được trên các trang được in.

Trong những thời kì khắt khe hơn họ giữ rất chặt dây cương. Nếu bài được nộp chỉ có chút vấn đề, thí dụ phê phán gay gắt hơn mức cần thiết hay tỏ ra có "lệch lạc" khác, bản thân tổng biên tập có thẩm quyền thi hành vai trò người kiểm duyệt nghiêm khắc, và vứt bài viết lại. Hoặc nếu do dự, thì gửi tiếp lên trung ương đảng, để xin ýkiến. Chẳng đời nào lại đi chịu trách nhiệm riêng về việc công bố, bởi vì nếu có nổ ra tai tiếng chính trị gì vì việc đó, thì có thể bị trừng trị nặng.

Khi tôi hoàn thành bản thảo cuốn sách, thì chúng ta đã ở trong thời kì khá mềm đi của chế độ Kádár. Chúng ta hãy xem lần lượt, "sự kiểm tra" chính thức cuốn sách của tôi đã diễn ra như thế nào.

Giám đốc nhà xuất bản không muốn cản đường công bố. Tổng biên tập, Fébó László sốt sắng vì cuốn sách, và làm mọi việc để nó có thể được xuất bản. Ở phương Tây các tác giả các công trình khoa học quen với việc, nhà xuất bản – mà không có thoả thuận với họ-chỉ định những người phản biện, và mong đợi ý kiến khách quan từ họ. Sự nặc danh bảo vệ họ khỏi chuyện, có thể vì ý kiến không tán thành mà tác giả "giận" họ. Ngược lại, trong các nước xã hội chủ nghĩa người ta nêu tên người phản biện-hiệu đính trên trang bìa, bởi vì họ phải công khai chịu trách nhiệm về chuyên môn và – còn "rầy rà" hơn nhiều- về chính trị đối với cuốn sách được xuất bản. Cái xảy ra bây giờ, không xảy ra trong mọi trường hợp, nhưng cũng không hiếm: tổng biên tập, cứ như nhận làm đồng loã, đã thảo luận với tôi, ai là phản biện-hiệu đính. Không thể hợp nhất tất cả tính chất cần thiết vào một người duy nhất. Hãy có một người có uy tín chuyên môn, và một người khác có trọng lượng chính trị.

Theo tinh thần bàn bạc của chúng tôi nhà xuất bản mời Bródy András, đồng nghiệp của tôi ở viện, đóng vai đầu tiên.[150] Chẳng ai có thể nghi ngờ trình độ chuyên môn của anh, bởi vì khi đó anh đã có tên tuổi uy nghi không chỉở trong nước mà cảở nước ngoài nữa. Tình bạn thân thiết đã gắn tôi một thời với Bródy. Sau này có hơi lỏng một chút. Tôi biết, anh đã không thực sự thích một-hai công trình trước đây của

https://thuviensach.vn

tôi. Thế nhưng Bródy, chấp nhận rủi ro chính trị, đã hoàn toàn ủng hộ cuốn sách. Anh diễn đạt ý kiến phản biện với sự rộng lượng xứng đáng với nhà bác học chân chính. Anh tuyên bố: như Adam Smith giới thiệu chủ nghĩa tư bản, tôi giới thiệu chủ nghĩa xã hội như thế trong *Sự thiếu hụt*. Ngày nay tôi vẫn biết ơn nhớ lại sự động viên và ủng hộ của Bródy.

Nhà xuất bản mời Faluvégi Lajos làm phản biện thứ hai, khi đó ông là bộ trưởng bộ tài chính.[151] (Sau này ông giữ chức còn cao hơn; ông trở thành chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch). Ông là một chuyên gia kinh tế chứ không phải cán bộ đảng, nhưng trong các giới đảng cấp cao người ta đánh giá cao ông, và tin vào nhận xét của ông. Ông là một trong các nhà cải cách tận tâm. Tôi hơi bối rối, khi bây giờ - lần đầu tiên – tôi kể câu chuyện về bản phản biện của Faluvégi Lajos. Một trợ lí thân cận của bộ trưởng là một bạn đáng mến của tôi, Deák Andrea. Thường xảy ra với các vị lãnh đạo nhà nước cấp cao là, các tài liệu được đưa vào nhân danh họ, các bài phát biểu do họ nói không phải do họ viết, mà do trợ lí nào đó của họ viết. Bộ trưởng giao việc soạn ýkiến phản biện về *Sự thiếu hụt* cho Deák Andrea. Thế nhưng, văn bản không do Andrea, mà do tôi soạn. Tôi không còn nhớ, ai đã đi bước đầu tiên: Andrea nhờ tôi hay bản thân tôi đề nghị. Trong mọi trường hợp hiển nhiên là, tôi biết kĩ cuốn sách hơn cô, thế nên viết văn bản đối với tôi là dễ hơn. Tôi cũng đã viết xong, với giọng giữ mức độ, công nhận (nhưng không khen ngợi quá) các ưu điểm của nó, và chẳng nói một lời về các kết luận sâu rộng có thể rút ra được từ cuốn sách.

Tất cả chuyện này xảy ra hoàn toàn bí mật. Cả nhà xuất bản, lẫn người khác, chẳng ai biết, ai là tác giả thật của ýkiến phản biện. Và thực ra điều này cũng không quan trọng. Andrea khi giao cho thủ trưởng của mình, cô chịu trách nhiệm về nội dung văn bản. Nếu giả như có tai hoạ xảy ra, Faluvégi sẽ hỏi cô. Và cái còn quan trọng hơn: Faluvégi, hiển nhiên đã xem cuốn sách, trước khi ông kí bản nhận xét, là người đã phải chịu trách nhiệm, nếu sau này có trách móc gì đó trong các giới cao hơn của đảng.

Nhà xuất bản như thế đã có trong tay hai ý kiến phản biện thuận lợi, ủng hộ việc xuất bản. Cuốn sách đã vượt qua "sự kiểm duyệt Hungary". Các biên tập viên và các phản biện của cuốn sách (các nhà kiểm duyệt) đã không đòi hỏi ở tôi sự thay đổi nào dù chỉ một nét bút.

https://thuviensach.vn

(*) Tôi đã đo khéo, các bức tường ở đâu. Cần phải tự bỏ bớt bao nhiêu trên những suy nghĩ của riêng tôi, bản thân tôi đã làm việc này trước, theo cách phòng ngừa.

Những ảnh hưởng đầu tiên

Tôi nhớ giây phút đầy vui sướng, khi năm 1980 trên quảng trường Đại học, cùng vợ mình chúng tôi lần đầu tiên nhìn thấy cuốn sách trong tủ kính của hiệu sách. Lần xuất bản đầu tiên bán hết nhanh chóng. Tờ Đời sống và Văn học đăng bài giới thiệu ngắn với đầu đề *Khan hiếm Sự thiếu hụt*.[152] Tổng cộng cuốn sách được in ba lần (tái bản hai lần) bằng tiếng Hungary.

Hầu như đồng thời với lần xuất bản bằng tiếng Hungary, cuốn sách cũng xuất hiện bằng tiếng Anh. Chúng tôi đã thoả thuận trước với biên tập viên hiểu kĩ và sẵn lòng giúp đỡ của nhà xuất bản North-Holland, rằng họ xuất bản *Sự thiếu hụt* ngay cả khi, nếu vì bất cứ lí do gì mà việc xuất bản bằng tiếng Hungary có bị ngắc ngứ đi nữa.

Muộn hơn là đến xuất bản bằng tiếng Pháp và Ba Lan, rồi đến tiếng Trung Quốc. Lần xuất bản tiếng Trung quốc xuất hiện với số lượng 100.000 bản; trong năm tiếp sau lần xuất bản, ở Trung Quốc nó nhận được danh hiệu "sách bán chạy nhất năm" trong thể loại tác phẩm không phải văn học. Họ cũng xuất bản ở Czeckslovakia, nhưng không được phát hành trong mạng lưới thương nghiệp, mà chỉ chuyền tay nhau trong các viện nghiên cứu khoa học. Bản dịch tiếng Nga đầu tiên được lưu hành ở dạng sách in chui "samizdat tự xuất bản". Đã cần phải đợi một thời gian dài, đến cuối thời đại Gorbachev, mới có thể xuất hiện ở dạng sách in được lưu hành hợp pháp. Khi đó, tuy nhiên, đã khá thành công với 70.000 ấn bản.

Đã thúc đẩy sự truyền bá các ý tưởng của cuốn sách là việc, trong các bài phát biểu của tôi với tư cách chủ tịch Hội Kinh tế lượng Quốc tế ở hội nghị năm 1978 tôi đã tóm tắt nội dung chính của cuốn sách và bài nói đã được tạp chí *Econometrica* công bố.[153]

(*) Các hoạ sĩ của nhà xuất bản, khi chúng tôi thảo luận về trang bìa của cuốn sách, họ mỉm cười giới thiệu hai phiên bản. Một phiên bản, trên đó chỉ có các chữ, và sau đó thực sự được in trên bìa sách. Trên phiên bản thứ hai có thể thấy hình vẽ màu: một kẻ trần truồng đứng trước gương. Ông vua cởi truồng. Hình vẽ dễ thương ngày nay vẫn treo trên tường phòng của tôi ở viện.

https://thuviensach.vn

Vợ tôi bí mật giới thiệu một seminar thực sự về *Sự thiếu hụt* cho Kass János, hoạ sĩ đồ hoạ xuất sắc, người do cảm hứng của cuốn sách đã tạo ra một chuỗi bức hoạ tuyệt vời. Tôi nhận được các bức hoạ như món quà sinh nhật của Zsuzsa, và chúng được treo trên tường nhà chúng tôi. Sau này hoạ sĩ tiếp tục chuỗi bức hoạ. Người ta cũng đã dùng các bức tranh để minh hoạ trong những lần xuất bản sưu tập tiểu luận của tôi ở Hungary và Nhật Bản.

Các bài điểm sách đã xuất hiện trên nhiều tạp chí khoa học-kinh tế hàng đầu của thế giới phương Tây, và hầu như tất cả đều khen ngợi hết lời. Tuỳ thuộc vào độ cứng rắn-độ mềm của chế độ, mà người ta đăng bài giới thiệu ở nước xã hội chủ nghĩa nào. Tôi cho là đặc biệt quan trọng, rằng ở Liên Xô cũng có nhà kinh tế học, R. G. Karagedov, đã dũng cảm, và công bố bài khen ngợi chi tiết về *Sự thiếu hụt*.[154] Bài viết của ông đã làm cho việc truyền bá dễ dàng hơn sách in chui được nói tới ở trên.

Ngày càng thường xuyên hơn và trong vòng vài năm đã có thể đọc được hàng trăm dẫn chiếu trong các tác phẩm của các nhà kinh tế học cả phương Tây lẫn phương Đông. Người ta bắt đầu dùng cuốn sách trong dạy học. Tôi rất vui, khi biết, rằng ở Học Viện Rajk hàng năm họ tổ chức "semimnar-Sự thiếu hụt", trong đó họ thảo luận cuốn sách của tôi từ chương này sang chương nọ.

Đây là trường hợp đầu tiên họ mời tôi đến Đại học Khoa học Kinh tế: để trình bày loạt bài giảng công khai về *Sự thiếu hụt* cho lượng thính giả lớn. (Trước đó tôi chỉ có thể làm seminar, trong giới hẹp). Mỗi tuần giảng đường lớn chật ních sinh viên và những người ngoài. (*)

Tranh luận với trường phái "disequilibrium"

Tôi không muốn tạo cảm tưởng, cứ như cuốn sách của tôi trong đám rước mừng chiến thắng đi diễu hết con đường của nó. Đã có người làm bộ rầu rĩ; đã có người coi việc chọn đề tài là không xác đáng. Có khá nhiều người, cả ở Hungary, lẫn ở nước ngoài, đã lên tiếng bảo lưu, hay thực sự đưa ra những nhận xét phê phán gay gắt. Để minh hoạ các ý kiến ngược trong chương này tôi giới thiệu hai tranh luận. (Trong một chương muộn hơn tôi sẽ còn đề cập chi tiết đến tranh luận, trong đó những người ủng hộ và phản đối cải cách chỉ đạo kinh tế Hungary đã choảng nhau xung quanh việc giải nghĩa *Sự thiếu hụt*).

https://thuviensach.vn

Đầu các năm 1970 hai nhà kinh tế học Mĩ, Robert J. Barro và Herschel I. Grossman đã thiết kế mô hình mới để nghiên cứu các thị trường không ở trong cân bằng (Walras), mà ở trong trạng thái hoặc dư cầu hoặc dư cung.[155] Các mô hình này được họ gọi là *các mô hình không cân bằng* (*disequilibrium*). Dễ nhận thấy sự giống nhau của cách đặt vấn đề với các vấn đề, mà tôi đã nêu lên trước đây trong *Anti-Equilibrium*, và sau này, ở dạng trau chuốt hơn nhiều, trong *Sự thiếu hụt*.

Nhà kinh tế học Anh Richard Portes, người khi đó tập trung sức mình vào nghiên cứu nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, sau này đã coi cấu trúc lí thuyết của mô hình Barro-Grossman là của mình và đã sử dụng nó cho các mục đích tính toán kinh tế lượng. Portes đã tạo ra trường phái: ông, cũng như các cộng sự của ông và những người theo ông đã lần lượt lập các mô hình-disequilibrium cho các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa khác nhau.

Tôi biết Richard, khi cuối các năm 1950 với tư cách sinh viên cao học anh nghiên cứu kế hoạch hoá ở Budapest. Thỉnh thoảng chúng tôi có gặp nhau, và đa phần chúng tôi đánh giá giống nhau các vấn đề kinh tế học nảy sinh. Tuy nhiên bây giờ hình thành tranh luận gay gắt giữa chúng tôi.

(*) Được tán thưởng trong bài giảng đầu tiên, khi để mô tả đặc trưng của sự thích nghi bắt buộc, của sự khuất phục và sự ngoan ngoãn tuân theo của con người tôi đã trích bài hát của nhạc sĩ–ca sĩ được ưa chuộng, Sztevanovity Zórán: "… bia thì âm ấm, nhưng với chúng ta thế cũng ngon…"

Tôi phản bác, rằng Barro và Grossman, rồi theo bước chân họ là Portes và những người theo ông đã mô tả thị trường tiêu thụ *như tổng vĩ mô* (*macroaggregate*). Trạng thái của thị trường-trong cái gương méo mó này, mà loại mô hình đặc biệt này đặt ở trước mặt – khi thì ở trạng thái dư cầu phổ biến, lúc thì ở trạng thái dư cung phổ biến, và có thể lượn qua lượn lại giữa hai trạng thái không cân bằng này. Làm sao lại có thể khẳng định về một nền kinh tế, thí dụ của Ba Lan, nơi người dân chịu đựng các hiện tượng thiếu hụt nặng nề, rằng cho dù chỉ trong thời gian ngắn nó lại ở trong tình trạng dư cung *phổ biến* được? Điều này dù sao chỉ có thể được chứng minh bằng tính toán kinh tế lượng,

https://thuviensach.vn

bởi vì khi xây dựng mô hình họ xuất phát từ các giả thiết và định nghĩa sai lầm.

Cuốn sách của tôi nhấn mạnh, rằng sự thiếu hụt không thể được đặc trưng một cách thoảđáng bằng các sốđo tổng hợp. Chính cái đặc trưng đối với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là, đồng thời có thiếu hụt và dư thừa. Vì sự thích nghi tồi hai cái không loại trừ lẫn nhau: trong khi về một số sản phẩm và dịch vụ có thiếu hụt não nề, trong lúc đó hàng hoá không thể bán được có thể tích tụ một cách lãng phí và các năng lực dịch vụ nằm ỳ không được sử dụng.

Vả lại sự thiếu hụt cũng chẳng thểđo lường được bằng các chỉ số thông thường, mà Portes và các đồng sự của ông đặt cơ sở cho những tính toán của họ. Nếu sự mua thật sự trùng với cầu, thì các số liệu mua-bán quan sát được sẽ phản ánh cầu một cách phù hợp. Thế nhưng nếu người mua không thành công thực hiệný định mua của mình, thì ai biết, cầu thật, ban đầu, không được thoả mãn là bao nhiêu? Chúng ta càng ít biết câu trả lời, nếu càng thường xuyên xảy ra chuyện, người mua phản ứng với sự thiếu hụt lại đi mua thứ khác với thứ ban đầu mình muốn mua. Sự thay thế bắt buộc thấm hút dư cầu vào. Sự phản đối tiếp theo của tôi là, các mô hình của hội Portes chỉ mô tả thị trường tiêu dùng, và họ cách li nó với thị trường đầu tư. Thế mà đầu mối của những tai hoạ chính lại là sự căng thẳng thường xuyên xuất hiện trong lĩnh vực đầu tư: "đói đầu tư", sự thúc đẩy bành trướng là không thể dập tắt được trong các nhà chỉ đạo kinh tế và các nhà lãnh đạo doanh nghiệp, và vì thế trên thị trường các hàng hoá đầu tư cầu luôn luôn vượt cung của các nguồn lực.

Hội Portes đã có ưu thế khổng lồ đối với tôi trong các cuộc tranh luận: trong các tính toán họđã sử dụng các số liệu, mà đã có thể đọc ra từ các thống kê sẵn có. Như thế sau đó họđã có khả năng thực hiện những tính toán toán học-thống kê, và điều này hiển nhiên làm tất cả mọi người kính phục. Tôi không thể làm được gì khác, ngoài việc kêu gọi cảm hứng của các đồng nghiệp – tôi có thể nói: kêu gọi đầu óc tỉnh táo -, nhưng đối mặt với các mô hình Portes đủ tư cách tôi đã không thể dùng các mô hình Kornai cũng đủ tư cách để đối sánh.(*)

Đã cần đến các phương pháp mới, để chúng ta có thể thực sựđo lường được các hiện tượng thiếu hụt. Chúng tôi cũng đã bắt đầu tổ chức việc đo đạc loại mới. Một thí dụ tốt cho việc này là sốđo, mà

https://thuviensach.vn

Chikán Attila, giám đốc Học viện Rajk đã phát triển, và cùng với các cộng sự của mình trên cơ sở số liệu Hungary ông cũng đã xác định sốđo này bằng số. Trong nền kinh tế thiếu hụt các hàng tồn của xí nghiệp xẹp xuống ở bên đầu ra, bởi vì những người mua cố gắng mua mọi thứ có thể mua được. Ngược lại hàng tồn ở bên sử dụng (đầu vào) lại phình lên, bởi vì xuất hiện khuynh hướng "tích trữ". Xí nghiệp, lo sợ khan hiếm trong tương lai, gom góp nguyên liệu và các bán thành phẩm. Tỉ lệ hàng tồn đầu ra-đầu vào là một chỉ số biểu thị: nếu giảm, nó báo hiệu cường độ thiếu hụt tăng lên, nếu tăng nó báo hiệu sự nhẹ bớt của thiếu hụt.

(*)Đã có những kết quả ban đầu nhiều hứa hẹn. Tại Hungary trước hết là các cộng sự và các học trò của tôi đã bắt đầu những nghiên cứu kinh nghiệm theo tinh thần lí thuyết được trình bày trong *Sự thiếu hụt*. Ở nước ngoài cũng đã có các nhà nghiên cứu, những người xuất phát từ lí thuyết này đã tiến hành những khảo sát của họ. Trong số này đáng nhấn mạnh đến các bài báo được đăng năm 1987 và 1990 của Gérard Roland.

Đã bắt đầu việc theo dõi và thu thập các chỉ số thiếu hụt khác (thí dụ thời gian xếp hàng chờ đối với các sản phẩm và dịch vụ khác nhau, hàm phân bố và tần suất của những sự thay thế bắt buộc). Cần ít nhất năm hay mười năm, để công việc lớn lao này chín tới, bởi vì cần phải quan sát các chuỗi thời gian dài hơn, để có thể dùng các số liệu nhằm lập các mô hình kinh tế lượng. Chúng tôi vừa bắt đầu công việc, thì nền kinh tế thiếu hụt tuột khỏi dưới chân chúng tôi! Ơn trời, là đã xảy ra như vậy -nhưng vì thế cuộc tranh luận vĩnh viễn không thể quyết định được. Về phần mình tôi kiên trì lập luận logic của mình, nhưng tôi không biết (và bây giờ tôi cũng sẽ không bao giờ biết) bác bỏ các tính toán của hội Portes bằng những tính toán khác, thuyết phục hơn.

Tại Hungary loại tranh luận như vậy đã không chỉ một lần đã đầu độc quan hệ con người giữa các phe đối lập nhau. May là điều này không xảy ra trong quan hệ, tồn tại giữa Portes (mới đây đã là: Sir Portes) và tôi. Quan hệ này vẫn chân thành và thân thiện, như trước cuộc tranh luận.

Tranh luận với một nhà kinh tế học soviet chính thống

Cuộc tranh luận khác xảy ra 1981 ở Athens, tại hội nghị bàn tròn của Hội Kinh tế học Quốc tế. Chủ toạ hội nghị là Sir John Hicks, nhà

https://thuviensach.vn

kinh tế học lớn người Anh.(*)Trong bài thuyết trình tôi tóm tắt các ý tưởng chính của cuốn sách khi đó vẫn còn mới của tôi, và tôi nhấn mạnh, rằng sự thiếu hụt là sự bất bình thường có tính đặc thù hệ thống của nền kinh tế kế hoạch xã hội chủ nghĩa. Trong tranh luận giáo sư V. R. Hatchaturov, chủ tịch Hội Kinh tế học Soviet lúc đó, đã phát biểu và gay gắt bác bỏ lập trường của tôi. Ông không phủ nhận, rằng có thể xuất hiện các hiện tượng thiếu hụt. (Có thể xuất hiện? Nước Hungary khi đó đã là nước sung túc so với Liên Xô, trong đó không chỉ có thiếu hụt nhà ở trầm trọng, mà các thực phẩm và các mặt hàng quần áo quan trọng cơ bản cũng thường xuyên thiếu trong các cửa hàng). Thế nhưng các hiện tượng thiếu hụt này xuất hiện là do các sai lầm của kế hoạch hoá. Phải nâng cao trình độ lập kế hoạch, và việc này sẽ loại trừ tai hoạ.

Leonid Kantorovitch, nhà toán-kinh tế học xuất sắc, người đi tiên phong đầu tiên của lí thuyết quy hoạch tuyến tính, người vài năm trước được giải Nobel, cũng có mặt trong hội nghị. Ông ở đó và đã im lặng.

Trong những lời kết luận mình Hicks nhắc đến bài thuyết trình của tôi với nhấn mạnh tán thành, nhưng ông không cảm thấy thích đáng, để dính vào tranh luận của hai nhà kinh tế học đến từ các nước xã hội chủ nghĩa.(**)

Sự gay gắt của những lời và giọng điệu của Hatchaturov càng củng cố cái, mà tôi đã rõ ngay từ đầu: Nội dung của *Sự thiếu hụt* mang nặng chất chính trị.

(*) Tôi đã nhắc đến tên ông: ông đã ủng hộ việc xuất bản cuốn sách đầu tiên của tôi ở Anh.

(**) Trong hội nghị này lần đầu tiên tôi gặp giáo sư Wu Jinglian, sau này ông trở thành một trong những nhà cải cách chủ chốt của Trung Quốc. Ông bảo tôi, ông cảm thấy lập luận của tôi là thuyết phục. Ông bày tỏ hi vọng, rằng ở Trung Quốc người ta sẽ biết đến các ý tưởng của tôi và sẽ có ảnh hưởng đến sự phát triển của Trung Quốc. Từ đó chúng tôi đã gặp nhau nhiều lần. Ông là một trong những người thúc đẩy việc xuất bản các cuốn sách của tôi ở Trung Quốc.

Đóng góp vào sự làm xói mòn hệ thống

Trên đây tôi đã cho một chút khai vị vềảnh hưởng có thể nhìn thấy có thể nghe thấy của cuốn sách: tôi đã kể về các công trình được xuất bản, về số lượng in, về các bài điểm sách và về những dẫn chiếu. Thế

https://thuviensach.vn

nhưng quan trọng hơn ảnh hưởng "có thể sờ mó" được này là, nó đã ảnh hưởng như thế nào đến tư duy của giới trí thức sống trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Nhiều năm sau, khi tôi lần đầu tiên kiếm bác sĩ gia đình mới của chúng tôi, ông đã chào mừng nhiệt tình và như người quen cũ. Khi đó ông đã đọc *Sự thiếu hụt*, và – tôi trích lời ông – ông có thể nói mà không phóng đại, rằng cuốn sách đã làm thay đổi thế giới quan của ông. Kể từđó ông nhìn nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với con mắt mới. Không lâu sau tôi đi Crakow, và ở đó một nhà xã hội học Ba Lan nói với tôi hầu như cũng hệt như vậy.

Tôi có thể làm sống động lại không chỉ những đối thoại cá nhân, mà tôi có thể trích các văn bản xuất hiện trong các ấn phẩm nữa. Ở đây bây giờ tôi chỉ giới hạn lại ở những hồi ức của các nhà kinh tế học Nga.(*)Trong cuốn sách được xuất bản năm 1998, viết về sự thay đổi chế độ của Daniel Yergin và Joseph Stanislaw, họ ghi lại một trao đổi với Jegor Gajdar, thủ tướng chỉ đạo bước ngoặt kinh tế lớn. Các tác giả đã tóm tắt ý kiến của Gajdar như sau. "Nhà kinh tế học còn sống duy nhất, người có thể nói về mình, rằng đã có ảnh hưởng đến cách tư duy của toàn bộ một thế hệ trí thức sống trong chế độ cộng sản chủ nghĩa, là Kornai. Ông đã mổ xẻ chi tiết nền kinh tế kế hoạch, và chứng minh tính phi duy lí và tính tự huỷ của nó. Ông cũng chứng minh tính không thể sử dụng được của xã hội chủ nghĩa thị trường, một biến thể tiềm năng của chế độ cộng sản". Trong các phần tiếp họ trích nguyên lời Gajdar: "Ảnh hưởng của ông là lớn nhất đối với tất cả chúng ta trong các năm 1980. Phân tích của ông về nền kinh tế thiếu hụt đầu các năm 1980 đã có ảnh hưởng lớn đến tất cả chúng ta. Ông đã đối mặt với các vấn đề của chúng ta. Chúng ta biết tất cả các cuốn sách của ông".[157]

Phóng viên ở Moskva một thời của tờ *Washington Post*, David E. Hoffman vài năm qua đã viết cuốn sách có đầu đề *Bọn Đầu sỏ* (*The Oligarchs*). Kể về những hồi ức của các nhà kinh tế học Soviet trẻ tụ tập quanh Jegor Gajdar và Anatolij Tschubajs. Tôi trích cuốn sách: "Khi đó cảm hứng đột nhiên đến như sét đánh. Họ nhận được gợi ý sâu sắc từ một cuốn sách một tập dày 630 trang, mà một giáo sư kinh tế học Hungary, Kornai János công bố. *Sự thiếu hụt*, hơn bất kể công trình nào khác, đã cho cái nhìn vào sự thất bại của nền kinh tế soviet". Hoffman trích lời một thành viên của nhóm các nhà kinh tế học: "Cuốn

https://thuviensach.vn

sách lần đầu tiên đến từ Leningrad, trên các bản photocopy được đưa lén vào và ngay lập tức trở thành «kinh thánh». Ngay từ đầu chúng tôi đã có những ý tưởng riêng, nhưng cuốn sách đã mang lại mội loại phấn chấn. Nó đã thúc đẩy tư duy của chúng tôi lên phía trước. Bạn gặp ai đó và nói: «Đã đọc Kornai chưa? Rồi à?» Và đấy trở thành xuất phát điểm của cuộc trò chuyện".[158]

(*) Chikán Attila đã xem xét tiếng vang ở Hungary trong bài báo của ông đăng năm 2004. Liên quan đến ảnh hưởng trong nước tôi muốn nhắc thêm đến một dãy số liệu thống kê. Hai nhà nghiên cứu Hungary, Such György và Tóth István János cho đăng một nghiên cứu "khoa học lượng" năm 1989, trong đó họ phân tích chi tiết, người ta trích dẫn ai với tần suất thế nào trong các tài liệu kinh tế học Hungary. Giữa những thứ khác họ công bố một bảng (tr. 1207), trình bày thứ hạng được trích dẫn của các tác giả phân ra các giai đoạn 5 năm một. Marx đứng đầu trong hai giai đoạn giữa 1963 và 1972. Giữa 1973 và 1978 Marx đứng đầu, Lenin thứ hai, Kornai thứ ba. Giữa 1978 và 1982 thứ tự đảo ngược và thứ hạng được trích dẫn của tôi lên đầu. Giữa 1983 và 1987 thứ tự mới được giữ nguyên. Khi đó số trích dẫn đến các công trình của tôi bằng hai lần số trích dẫn Marx trong các bài báo được đăng của các nhà kinh tế học Hungary.

Nếu giả như được hỏi, tôi nhìn lại thành tích nào của đời mình một cách tự hào nhất, thì tôi sẽ trả lời: công trình này! Tôi vui là, việc làm quen với cuốn sách của tôi đã làm chấn động nhiều nhà trí thức, nhà kinh tế học, nhưng cả những người thuộc chuyên ngành khác nữa, và đã giúp trong việc, họ nhìn hệ thống xã hội chủ nghĩa với con mắt khác.

Sau khi bức tường Berlin sụp đổ đã lan truyền nhiều loại lí thuyết về các tiền đề của biến cố. Các lực lượng chính trị khác nhau, cả ở phía đông lẫn phía tây bức màn sắt, đều đòi công trạng cho mình. Đã có người cho biến cố là do sự cứng rắn của Reagen, do áp lực quân sự của Mĩ, lại có người cho là do sự thấu hiểu thông minh của Gorbachev. Một số người thì cho sự xuất hiện của những người phản kháng, những người bất đồng quan điểm – Shakharov, Havel, Michnik và những người khác – là nhân tố quan trọng nhất, những người khác thì xếp vai trò của "những người cộng sản cải cách" lên hàng đầu. Tôi thì cho bản thân cách đặt vấn đề là sai. Biến cố 1989-1990, tuy đã xảy ra một cách

https://thuviensach.vn

hết sức nhanh chóng, đi trước nó là một quá trình suy yếu-tan rã kéo dài. Như không có ngoại lệ, tất cả các quá trình lịch sử lớn phức tạp, sự xói mòn này cũng được cắt nghĩa cùng nhau bởi *nhiều nhân tố*. Đối với tôi theo ý nghĩa trí tuệ thì mọi sự cắt nghĩa nhân quả "một nhân tố" đều đáng ngờ, vì nó vô cùng đơn giản hoá độ phức tạp của các quá trình lịch sử. Thường thì cái đuôi về ý đồ chính trị hay tự tuyên truyền lại lòi ra ngay từ những giải nghĩa phiến diện loại như vậy.

Không phải như nguyên nhân đặc biệt hay quan trọng nhất, nhưng sự biến đổi sâu rộng, đã diễn ra một cách từ từ trong tư duy của giới lãnh đạo chính trị, kinh tế và văn hoá của hệ thống xã hội chủ nghĩa là *một trong những* nhân tố cắt nghĩa đáng kể, đóng vai trò chuẩn bị quan trọng. Không quyền lực nào, ngay cả một chế độ độc tài cũng không thể tồn tại được, mà không có một nhóm các tín đồ, tin vào tính chính đáng và khả năng sống của chế độ. Một trong những hòn đá tảng của toà nhà hệ thống xã hội chủ nghĩa là, có những người cộng sản tin vào sự nghiệp, coi những sai lầm nhiều nhất chỉ là tạm thời, và ý thức sứ mạng cứu thế của họ thúc đẩy họ chịu hi sinh. Hitler và những kẻ đồng loã của hắn đã có thể tiếp tục chiến tranh cho đến phút cuối cùng không chỉ bằng đàn áp, bằng mệnh lệnh quân sự, mà bởi vì đã luôn luôn có những người tin vào sự nghiệp của chúng ngay cả đến hồi kết. Một trong những người đào mồ của hệ thống xã hội chủ nghĩa đã là sự tan thành cát bụi của tín điều và lòng tin vào hệ thống. Phòng tuyến của những người có cảm tình với chủ nghĩa xã hội bị tan rã, giới nội bộ, các cán bộ đã mất lòng tin, đã bắt đầu tìm những con đường khác.

Sự xói mòn trí tuệ này trước hết do kinh nghiệm trực tiếp gây ra: những tai hoạ của nền kinh tế, những thất bại của chiến tranh Afganistan, sự cảm nhận tâm trạng chua xót của dân chúng. Sự tan rã này được đẩy nhanh bởi các bài viết giúp cho sự cắt nghĩa những kinh nghiệm, các bài viết đã đến tay giới trí thức tranh luận về chính trị trong thời gian đó. Nhiều loại tác phẩm được liệt kê vào loại này. Trước hết là *Hòn đảo Gulag* của Solzhenitsyn ùa vào khi đó như cuốn sách gây chấn động, nhưng các tác phẩm của Orwell và Koestler, dù chậm hàng thập kỉ, cũng đã đến tay nhiều người lúc đó. *Sự thiếu hụt* đã đưa thêm một sắc thái riêng vào bức tranh vẽ về chủ nghĩa cộng sản. Cả ba cuốn sách được nhắc đến trước hết đã vạch trần sự tàn nhẫn, quỷ quyệt của chế độ áp bức và tính dối trá và vô nhân đạo của chế độ. Giọng bình tĩnh và khách quan của cuốn sách của tôi đã làm xáo động

https://thuviensach.vn

các tầng khác trong tư tuy và tình cảm của bạn đọc. Nó làm xói mòn nền tảng của ý tưởng ngây thơ, rằng biến chủ nghĩa xã hội trở thành "có bộ mặt con người" sẽ là đủ, để nó có thể hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình. Lenin khẳng định-hoàn toàn có lí-, rằng chủ nghĩa xã hội sẽ chiến thắng, nếu nó đảm bảo năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản. Ai đã đọc *Sự thiếu hụt*, người đó hiểu rõ: ưu thế chiến thắng này sẽ chẳng bao giờ xuất hiện.

Tôi không biết, trong giới trí thức bàn luận về chính trị có bao nhiêu người đã biết, trực tiếp hay qua người khác, đến công trình của tôi, và bao nhiêu người hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của nó. Về việc này đã chẳng bao giờ, về sau cũng không có sựđo lường có thể tin cậy được. Thế nhưng bản thân tôi cũng có thể khẳng định được, rằng có những người mà tôi đã giả sử là, chắc là biết đến cuốn sách bởi vì một vài tháng nó "đã là mốt" và người ta đã bàn tán về nó trong nhiều "salon" trí thức, vẫn chẳng hề sờ đến nó.(*)Điều này cũng chống lại việc tôi đánh giá quá đáng ảnh hưởng của cuốn sách. Thế nhưng nếu chúng ta chỉ hạn chếở mức thực tế khiêm tốn về ước lượng liên quan đến độ rộng và sức mạnh của ảnh hưởng, thì cũng có thể nói: ảnh hưởng là đáng kể.

Một lần nữa về thế lưỡng nan chính trị và đạo đức của việc công bố

Chúng tôi gặp Donáth Ferenc, một trong những thủ lĩnh của phong trào trí thức chống đối chế độ Kádár, người được nhắc đến nhiều lần trong các chương trước, ở khu nghỉ mát Mátraháza của Viện Hàn Lâm sau khi tôi trở về từ chuyến đi Stockholm. Tôi viết các chương cuối cùng của *Sự thiếu hụt* ở đó. Chúng tôi ăn trưa cùng bàn, nhiều lần chúng tôi đã dạo chơi với nhau trong rừng, nói chuyện thân mật về khoa học, chính trị, kinh tế.

Cuối một cuộc dạo chơi Donáth thông báo: họ biên soạn một tập sách kỉ niệm tôn vinh Bibó István.(**)Nhiều người có tiếng đã xung phong viết trong tập sách. Tôi có nhận viết hay không? Tôi nói không dứt khoát và rõ ràng. Bởi vì Feri biết kĩ lập trường chung của tôi về vấn đề công bố hợp pháp và bất hợp pháp, và ông cũng biết, tôi đang làm gì, nên ông không cố nài. Ông ghi nhận câu trả lời từ chối mà không có day dứt gì đặc biệt.

https://thuviensach.vn

Tôi không cảm thấy bất cứ mảy may chê trách nào từ những lời của ông khi đó lẫn sau này. Sau đó chúng tôi cũng gặp nhau nhiều lần, chúng tôi đã tiến hành những trao đổi lí thú và thân thiết. Hè 1983, khi tôi ở Münich, ông đến thăm tôi. Các bác sĩở đó đã khám bệnh cho ông. Muộn hơn ở Budapest khi tôi đến thăm ông trong bệnh viện, thật sốc khi thấy ông chịu đựng sựđau đớn, do căn bệnh chết người gây ra, một cách anh dũng thế nào, với nụ cười mỉa mai quen thuộc. Chúng tôi đã theo đuổi hai loại chiến lược sống rất khác nhau -thế nhưng điều này không loại trừ tình bạn và sự kính trọng đối với nhau.

(*) Tôi đã đọc nhật kí của một nhà văn Hungary nổi tiếng, Karihthy Ferenc, ngoài những thứ khác cũng kể về các ấn tượng đọc của ông. Chúng tôi đích thân quen nhau, điều này cũng đã có thể khêu gợi sự quan tâm của ông. Hoàn toàn rõ ràng là, Karihthy đã không đọc *Sự thiếu hụt*, và trong hội bạn bè của ông cũng chẳng nói đến nó.

Klaniczay Gábor, nhà sử học có tiếng đã công bố những hồi ức rất lí thú về các tác phẩm nào đã ảnh hưởng đến thế hệ ông, các trí thức Hungary sinh ra trong các năm 1950. Các tác phẩm của tôi không có trong số đó.

(**) Khởi đầu Kenedi János đề xuất, hãy làm một "Festschrift-sách mừng" sinh nhật thứ 70 của Bibó. Việc tổ chức cuốn sách được khởi động sau cái chết của Bibó. Donáth Ferenc đảm nhận chức chủ tịch ban biên tập, Bence György, Kis János và Szűcs Jenő trở thành các thành viên của ban biên tập. Họ đề nghị Nhà xuất bản Tư duy xuất bản một cách hợp pháp. Sau khi nhà xuất bản, hiển nhiên trên cơ sở thảo luận với các giới cấp cao của đảng, cự tuyệt việc này, năm 1981 nó xuất hiện ở dạng "samizdat" (in chui). Sau thay đổi chế độ, năm 1991, nó lại xuất hiện, bây giờ được in hẳn hoi bởi nhà xuất bản Cuối Thế kỉ, do Réz Pál lo liệu.

Không chỉ Donáth Ferenc, mà cả những người khác nữa, những người tham gia vào các tổ chức bất hợp pháp hay nửa bất hợp pháp ở Hungary và tôi biết họ từ gần, đều ghi nhận các lựa chọn của tôi một cách ý tứ và với sự thông cảm con người. Tôi luôn cảm thấy: họ tôn trọng con đường mà tôi đã chọn cho chính mình và đánh giá cao các kết quả của tôi.

Nếu bạn đọc lật lại các chương 5 và 7, thì có thể nhớ lại, rằng ngay khoảng 1955-1956 đã chín muồi và vào năm 1957 lại được củng cố

https://thuviensach.vn

trong tôi quyết tâm: tôi không thử tác động lên diễn tiến của các sự kiện bằng các tác phẩm công bố bất hợp pháp. Ngay khi đó tôi đã định ra cho mình con đường, mà tôi muốn đi: tôi muốn trở thành một nhà kinh tế học am hiểu, thành viên của chuyên ngành phương Tây, người muốn có ảnh hưởng bằng các tác phẩm được in một cách hợp pháp. Để làm điều này ngay từ đầu đã dòi hỏi những nhượng bộ. Tôi đã sẵn sàng nhượng bộ, khi những cái đó không vấp vào những điều cấm kị của lương tâm tôi.

Tôi đã cố thực hiện chiến lược sống này một cách nhất quán, và cả việc tôi viết *Sự thiếu hụt*, lẫn cả việc tôi không viết cho tập sách kỉ niệm Bibó đều khớp với chiến lược này một cách nhất quán.

Sự tự kiểm duyệt đòi hỏi từ tôi những hi sinh cay đắng. Có lẽ có nhà nghiên cứu khoa học xã hội, và còn đúng lơn là nhà văn hay nhà thơ, người cảm thấy khoái trá trong việc, ẩn giấu nội dung vào giữa các dòng viết, và ranh mãnh qua mặt những kẻ kiểm duyệt chính trị. Tôi thì không thấy vui sướng gì trong chuyện đó. Gần như bị ma bắt, tôi đã cố và cố gắng để sao cho cái tôi diễn đạt là sáng sủa và đơn nghĩa. Tôi cảm thấy là sự tự huỷ hoại đau đớn, rằng tôi phải giao cho bạn đọc: hãy đoán ra cái, mà tôi không nói ra. Tự kiểm duyệt là một quá trình làm nhục; chính vì thế giữa những thứ khác tôi cảm thấy sự thay đổi chế độ là sự giải phóng mới, bởi vì nó tha cho cái cảm giác cay đắng thường xuyên lặp lại này.

Những người viết vì mục đích công bố bất hợp pháp, họ có thể cảm thấy, một cách có lí, rằng chẳng có gì có thể cản ngòi bút của họ. Họ có thể viết tất cả những cái, mà khi đó họ cảm thấy là *toàn b*ộ sự thật. Tôi ghen tị với họ vì khả năng này.(*)

Nói không với một người bạn, người mà về khía cạnh các mục đích chính trị là trên cùng làn sóng với mình - đấy là ấn tượng sống day dứt, đau đớn. Cứ như là tôi bỏ mặc người bạn, mà tôi cùng chiến đấu. Tôi rơi vào tình cảnh này không phải một lần: khi thì người ta đợi tôi viết bài cho ấn phẩm samizdat, lúc thì họ yêu cầu chữ kí của tôi cho một lá thư phản đối. Tôi đã từ chối những yêu cầu này một cách nhất quán.

Tôi đã không muốn nhảy qua nhảy lại giữa hai loại chiến lược sống. Tôi không chỉ muốn tránh "những sự cấm đoán" khác nhau, những sự cấm đoán công bố. Tôi cũng đã muốn giữ gìn cái quyền khi

https://thuviensach.vn

đó vẫn được cho là đặc ân, khả năng đi phương Tây nữa. Tôi có thể bình thản nói, rằng không phải vì kinh nghiệm sống du lịch, mà bởi vì mỗi chuyến đi nước ngoài mới của tôi lại càng củng cố nhận thức trước đây của tôi, rằng mình chỉ có thể là một thành viên am hiểu, ngang hàng của ngành kinh tế học, nếu tôi thường xuyên gặp gỡ các đồng nghiệp phương Tây, nếu tôi ở các giai đoạn dài trong các thành trì hàn lâm của thế giới phương Tây và tôi kiếm được những hiểu biết hiện đại từ các nguồn đầu tiên. Nếu ai đó không đi ra khỏi quần thể được lai cùng dòng của đời sống trí tuệđôngÂu, người đó mắc nguy cơ, rằng tư duy của mình vẫn chỉ mang tính tỉnh lẻ. Trong số các thành viên của thế hệ tôi, những người chỉ bước vào thế giới khoa học quốc tế sau khi thay đổi chế độ, những người đó có thể nhiệm thấy, họ bắt đầu với bất lợi nhịp độ đến thế nào.

(*)Nhiều năm sau khi tôi xa rời chủ nghĩa Marx và các quan điểm của tôi liên quan đến các tư tưởng của Marx đã chín muồi, lẽ ra tôi nên có một bài bút chiến. Bài này, nếu có viết, tôi đã không thể công bố một cách hợp pháp. Như thế tiểu luận này vĩnh viễn mắc kẹt trong tôi.

Có người, về sau muốn biện bạch cuộc sống riêng trước bản thân mình, rằng sự lựa chọn của bản thân mình được cho là quyết định duy nhất có thể chấp nhận được, cóthể biện minh được về mặt đạo đức. Thế nhưng nếu ai đó cấp tiến hơn mình nhiều, thì với những "sự bồng bột không cân nhắc kĩ", "ấm đầu" của người ấy gây hại nhiều hơn là có lợi. Còn nếu nhượng bộ chính quyền hiện hành nhiều hơn mình, thì bị coi là "kẻ thoả hiệp", "kẻ nhượng bộ quyền lực".

Tôi hình thành các phán xử đạo đức riêng của mình một cách khoan dung hơn hoạt động của những người khác. Tôi không chấp nhận chủ nghĩa tương đối đạo đức mênh mông. Vâng đúng là có sự nhượng bộđi quá xa, được coi là sự phản bội trong con mắt tôi. Và ai đó có thể là kẻ giang hồ hảo hán, người với sự làm bộ làm tịch của mình chẳng ích lợi gì cho bất cứ sự nghiệp nghiêm túc nào. Tôi đặc biệt khinh bỉ những con tắc kè hoa chính trị, những kẻ thay đổi thế giới quan của họ, cứ như người ta thay đồ lót, và những kẻ bất cứ lúc nào cũng có thể từ bỏ các nguyên tắc của mình với hi vọng quyền lực chính trị hay kinh doanh béo bở.

Tuy nhiên tôi thừa nhận với lòng tin, rằng có không chỉ một, mà có nhiều chiến lược sống *có thể chấp nhận được về mặt đạo đức*. Thậm

https://thuviensach.vn

chí, không chỉ có một, mà có nhiều chiến lược sống đáng *kính trọng*. Tôi khâm phục và kính trọng sâu sắc những người, mạo hiểm những khả năng làm việc yên bình của mình, tự do của mình, và nếu cần, tính mạng của mình trong cuộc đấu tranh bất hợp pháp chiến đấu vì dân chủ, vì quyền con người.

Hãy quay lại gần hơn với các vấn đề lựa chọn của tôi. Có lẽ sẽ chỉ là lập luận phiến diện từ phía tôi để nói rằng, một ấn phẩm samizdat nhiều nhất chỉ được truyền bá với vài trăm bản, và đa phần chỉở bên trong biên giới của một nước, còn *Sự thiếu hụt* (tự kiểm duyệt) được công bố một cách hợp pháp thì đã đến với hàng chục ngàn người, cả ngoài các đường biên giới nữa, trong nhiều nước trên thế giới. Đúng – nhưng ngay lập tức có thể đưa ra phản lập luận, rằng ấn phẩm samizdat có thể tuyên bố một cách triệt để hơn cái, mà tôi nhiều nhất cũng chỉ có thể ám chỉ. Tôi coi hai loại công cụ công bố này, giữa những điều kiện của chế độ chuyên chế, không phải là các đối thủ cạnh tranh nhau, mà là các hình thức *bổ sung cho nhau*. Tôi thành thật vui mừng, rằng đã có những người tự hi sinh, dũng cảm, những người đã làm và truyền bá báo bất hợp pháp. Với tư cách tín đồ của nền dân chủ Hungary, tôi tự hào, rằng đã có những người cùng thời đại của tôi như vậy. Tôi sống trong ý thức bình thản, rằng các bài viết của họ và các công trình của tôi tăng cường tác động của nhau lên.

https://thuviensach.vn

1979 –
RÀNG BUỘC NGÂN SÁCH MỀM

Vài ngày trước khi tôi bắt đầu viết chương này, đã xuất hiện trên tạp chí được nhiều người đọc nhất của ngành kinh tế học, trên *Journal of Economic Literature* tiểu luận của chúng tôi viết chung với Eric Maskin và Gérar Roland, trong đó chúng tôi xét tổng quan các tài liệu đề cập đến ràng buộc ngân sách mềm.[159]

Tôi sử dụng khái niệm này lần đầu tiên năm 1979 trong tài liệu in; trong hai mươi lăm nămý tưởng đã được phổ biến ở phạm vi rộng rãi.

Ý nghĩa và tầm quan trọng của khái niệm

Tôi lấy thuật ngữ "ràng buộc ngân sách" từ lí thuyết kinh tế vi mô của hộ gia đình. Hãy giả thiết, rằng hộ gia đình sửa soạn ngân sách. Phải lên kế hoạch các khoản chi tiêu, sao cho có mức đảm bảo từ các khoản thu, có thể được tăng thêm bằng số tiền mặt khởi đầu được tích tụ từ các khoản tiết kiệm trước đó. Tổng nguồn lực tài chính sẵn có của hộ gia đình tạo thành ràng buộc (giới hạn) ngân sách; các khoản chi không thể vượt quá giới hạn này.

Sau đấy chúng ta hãy xem xét việc làm ăn của doanh nghiệp nhà nước giữa những khung khổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Nếu mọi việc đều trôi chảy, nề nếp, các khoản thu đảm bảo cho các khoản chi, và cũng có lợi nhuận nữa. Thế nhưng cái gì sẽ xảy ra, nếu các khoản chi vượt quá các khoản thu, và các khoản tiền dự phòng ban đầu cũng cạn kiệt? Chúng ta phân biệt hai trường hợp. Trong một trường hợp họ bỏ mặc doanh nghiệp. Ràng buộc ngân sách của nó *cứng*, và như thế vì lỗ liên tục doanh nghiệp sớm muộn sẽ phá sản. Hoặc tổ chức cấp trên nào đó vội vã giúp nó, và cứu nó khỏi tai hoạ. (Ngôn ngữ chuyên môn tiếngAnh gọi là *bail-out:cứu trợ*). Trong trường hợp sau ràng buộc ngân sách là *mềm*; thực ra nó không hạn chế các khoản chi. Ngay cả nếu trong thời gian dài các khoản chi vượt quá các khoản thu và khoản tiền mặt ban đầu, doanh nghiệp thua lỗ lâu dài vẫn còn sống.

Câu chuyện nghe quen thuộc với mọi người, người biết việc quản lí xảy ra như thế nào trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Vấn đề là hết sức rõ ràng, đặc biệt ở nơi – thí dụ như ở Hungary-người ta đã bắt đầu, với các bước do dự, theo hướng cải cách, và đã đưa ra khuyến khích

https://thuviensach.vn

cho các lãnh đạo doanh nghiệp quan tâm đến tăng lợi nhuận. Đã vang lên những lời lẽ to tát về tầm quan trọng của lợi nhuận, thực ra thì chúng làm xói mòn sức mạnh khuyến khích thật sự của nó. Nếu doanh nghiệp sinh lời, thì ổn cả. Thế nhưng nếu lỗ, khi đó cũng chẳngcó taihoạ lớn, bởi vì bằng cách nào đó họ vẫn cứu nó khỏi sự vỡ nợ. Ởđây nhìn thấy thật rõ, một nền kinh tế giả thị trường khác thế nào với nền kinh tế thị trường thật sự -trong trường hợp sau cạnh tranh không chỉ có những kẻ thắng, mà có cả những người thua nữa.

Tính mềm của ràng buộc ngân sách gây ra những tổn hại nghiêm trọng. Ngay cả nếu các giá có hợp lí đi nữa, doanh nghiệp không *nhạy cảm* mấy đối với các báo hiệu của giá cả, chi phí, lợi nhuận. Tính cứng của ràng buộc ngân sách tự động định ra sự trừng phạt nghiêm ngặt đối với người không giữ vững vị trí của mình trong cạnh tranh, và bị thua lỗ. Tính mềm của ràng buộc ngân sách cho sự miễn dịch khỏi sự trừng phạt này và cam chịu hiệu quả thấp. Nhà sản xuất có khuynh hướng đưa ra các đơn đặt hàng vô trách nhiệm (tức là cầu của nó sống một cách phi lí), bởi vì nếu bản thân nó không trả được, rồi người đi cứu nó sẽ thanh toán hoá đơn. Đây là một trong những lí giải chính của các kế hoạch đầu tư quá cỡ: các khoản đầu tư thường xuất phát với các chỉ tiêu chi phí thấp và kết thúc với những khoản vượt ngân sách khủng khiếp.

Rốt cuộc tính cứng hay tính mềm của ràng buộc ngân sách hướng dẫn các lãnh đạo doanh nghiệp nên chú ý thực sự đến cái gì. Nếu ràng buộc ngân sách là cứng, thì trước hết phải quan tâm đến tính hiệu quả và tính sinh lời của sản xuất. Còn nếu nó mềm, thì quan trọng nhất là, các thủ trưởng của doanh nghiệp hãy có những quan hệ tốt với "cấp trên", từ nơi họ có thể kì vọng hỗ trợ tài chính và sự cứu trợ trong trường hợp có tai hoạ. Có lợi hơn để xuất hiện ở các hành lang của chính quyền và trong phòng ngoài của các cấp trên, hơn là trong các phân xưởng nhà máy.

Vì sao ý tưởng này gây ra ấn tượng mạnh, và vì sao nó lan truyền rộng rãi? Trước hết là bởi vì, nó nắm bắt một hiện tượng xác đáng xảy ra trước mắt mọi người; một hội chứng, mà các nguyên nhân, những tính đều đặn và các hậu quả của nó là dễ hiểu, có thể giải thích được, và các hậu quả này rõ ràng là nghiêm trọng. Ngay từ đầu tôi đã nhấn mạnh, rằng – tuyhiện tượng này phổ biến hơn nhiều trong chủ nghĩa xã hội, so với các nền kinh tế khác – cũng chẳng phải không được biết

https://thuviensach.vn

đến trong nền kinh tế thị trường dựa vào sở hữu tư nhân. Tuy, đặc biệt lúc ban đầu, tôi đã cố gắng chỉ ra sự hiện diện của ràng buộc ngân sách mềm trong ứng xử của doanh nghiệp, tôi đã lưu ý, rằng cũng có thể thấy vấn đề tương tựở các tổ chức khác nữa, thí dụ trong các cơ quan y tế hay giáo dục, trong các tổ chức phi lợi nhuận hay trong quản lí của các chính quyền tự quản địa phương. Thậm chí trong nền kinh tế của tất cả các nước cũng có thể thấy các triệu chứng của hội chứng này, nếu trở thành thói quen, khi một nước lâm vào tình trạng vỡ nợ tài chính, thì các tổ chức tài chính quốc tế và cộng đồng giới tài chính đứng ra giúp đỡ.

Nhưng không chỉ tính xác đáng thực tiễn của sự hiểu biết giải thích cho sự phổ biến củaý tưởng, mà cả hoàn cảnh may mắn, rằng cấu trúc lí thuyết của nó khớp vừa khéo với cách tư duy của trào lưu chính của bộ môn kinh tế học. Tất cả mọi người, ai đã từng học kinh tế học vi mô, đã biết khái niệm ràng buộc ngân sách ngay từ một trong những giờ học đầu tiên nào đó. Dễ xuất phát trong một dòng tư duy theo cách, chúng ta bắt đầu mở rộng và chính xác hoá ý nghĩa của một khái niệm quen biết. Trong một chương trước tôi đã rút ra kết luận, rằng những suy nghĩ của chúng tôi liên quan đến điều tiết thực vật có lẽ sở dĩ không có khả năng lan truyền, bởi vì ở một vài điểm mấu chốt nó không khớp với thói quen của trào lưu chính đã hằn sâu trong đầu các nhà kinh tế học. Tình hình ở đây bây giờ -may thay- lại ngược lại. Lí thuyết dựa vào "vết hằn" này, vào khái niệm "ràng buộc ngân sách" nghe có vẻ quen tai này đã gây ra tiếng vang có thiện cảm và quan tâm dễ dàng hơn.

Các tiền đề

Các tiền đề của lí thuyết về ràng buộc ngân sách mềm quay ngược trở lại các thời kì dài hơn trong suy nghĩ riêng của tôi. Tại chương 7 của cuốn sách tôi đã nhắc đến, rằng khi người ta bắt đầu đưa sự quan tâm đến lợi nhuận vào Hungary, các xí nghiệp bắt đầu vòi vĩnh ngay lập tức, rằng hãy bù cho họ trong trường hợp thua lỗ. "Có cần chỉnh sửa sự hưởng một phần lợi nhuận hay không?"-tôi viết bài báo với đầu đề này năm 1958. Vấn đề đã không để tôi yên kể từđó; tôi đã cảm thấy, chúng ta đối mặt với một hiện tượng quan trọng.

Năm 1972 Andreas Papandreu, đã gửi cho tôi cuốn sách của ông có đầu đề *Chủ nghĩa Tư bản Gia trưởng* (*Paternalistic Capitalism*) với

https://thuviensach.vn

lời đề tặng trìu mến. Khi đó ông vẫn chưa là thủ tướng Hy Lạp, mà là giáo sư đại học ở Canada. Cuốn sách đã hướng sự chú ý của tôi đến hiện tượng xã hội đặc biệt quan trọng này. Có thể quan sát thấy các nét gia trưởng trong nhiều loại xã hội; tôi tất nhiên quan tâm nhất đến, chúng xuất hiện thế nào trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Ngay cả trong thời kì áp bức tàn bạo nhất, thì kẻ độc tài tay vấy máu cũng thích thú đóng vai "cha già kính yêu của dân tộc". Khi ở Hungary chế độ độc tài bắt đầu mềm dần đi, vai cha già chuyển từ bộ mặt hà khắc sang bộ mặt vui vẻ hơn. Chủ nghĩa gia trưởng, xét từ khía cạnh cấu trúc chính trị, có nghĩa là, trung tâm quyền lực giữ trong tay mình những quyền quyết định, mà trong một chế độ xã hội khác, không gia trưởng, thì nằm trong tay của cá nhân, gia đình, cộng đồng nhỏ hơn hay của tổ chức ở tầng thấp nhất (thí dụ doanh nghiệp). Cũng hệt như trong cuộc sống gia đình của các thời kì lịch sử trước đây, quyền quyết định là của người bố, nhưng lo cho gia đình cũng là nghĩa vụ của ông ta. Xã hội gia trưởng chủ nghĩa coi mọi thành viên của mình là đứa trẻ vị thành niên, hầu như là con nít. Nó không mong đợi ở chúng sự tự lo liệu, mà coi là tự nhiên, rằng đối với mọi rắc rối chúng đợi sự giúp đỡ.

Hiện ra trong đầu tôi dòng tư duy, kết nối hiện tượng chủ nghĩa gia trưởng với sự cứu trợ các doanh nghiệp gặp rắc rối – và tôi trình bày điều này lần đầu tiên năm 1975 trong bài thuyết trình giảng tại đại học Oslo. Tôi sử dụng sơ đồ của gia đình và việc nuôi dạy trẻ như sự tương tự để mô tả quan hệ giữa nhà nước và doanh nghiệp. Tôi phân biệt năm cấp độ của chủ nghĩa gia trưởng, bắt đầu với cấp bốn và kết thúc ở mức không. Cấp độ 4: *trợ cấp bằng hiện vật, chấp nhận thụ động*. Điều này đặc trưng cho tình cảnh của đứa trẻ mới sinh, nhận mọi thứ từ cha mẹ, và ngay cảđòi cũng chưa biết. Cấp độ 3: *trợ cấp bằng hiện vật, đòi hỏi thiết thực*. Đứa trẻ lớn hơn. Vẫn nhận được mọi thứ từ cha mẹ-nhưng đã nói được rồi, và nêu những đòi hỏi của mình với cha mẹ. Giống cấp độ này là tình hình của doanh nghiệp trong nền kinh tế tập trung nghiêm ngặt. Người ta quy định từ trung ương kế hoạch sản xuất và phân bổ các nguồn lực. Nếu chế độ độc tài cực kì rắn tay, thì người ta cũng chẳng thèm hỏi doanh nghiệp (cấp độ 4); nếu sự áp bức nhẹ bớt đi một chút, thì đã có thể thử mặc cả kế hoạch (cấp độ 3).

Tên của cấp độ 2: *chu cấp tiền*. Đứa trẻ đến cấp độ này (thí dụ như sinh viên đại học Mĩ điển hình), khi đã chuyển khỏi nhà, nhưng bản

https://thuviensach.vn

thân nó vẫn chưa kiếm được tiền. Cha mẹ chu cấp tiền cho chúng. Nếu hết tiền, chúng yêu cầu cha mẹ gửi cho, và họ thường làm theo ý chúng. Tình trạng kinh tế tương tự: doanh nghiệp nhận hạn mức tiền cho một dự án đầu tư. Bản thân nó phải quản lí, nhưng nếu hết tiền, người ta vẫn trả các biên lai.

Tôi gọi cấp độ 1 như thế này: *tự túc-với sự trợ lực*, tên của cấp độ 0: *tự túc-bị bỏ mặc*. Đứa trẻ trở thành người lớn. Kiếm được tiền, thường là đủ để tự cung cấp cho bản thân.

Cái gì xảy ra, nếu gặp rắc rối tài chính? Có thể gia đình vẫn giúp (cấp độ 1). Hoặc gia đình có thể quyết định, rằng mỗi người chịu trách nhiệm về số phận của mình. Rắc rối tiền bạc rốt cuộc là vấn đề riêng của thành viên đã trưởng thành của gia đình, bản thân phải tự giải quyết lấy (cấp độ 0). Từ ẩn dụ gia đình chuyển sang đời sống của doanh nghiệp: cấp độ 1 phản ánh hoàn cảnh của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa định hướng thị trường, được cải cách một nửa, trong đó các doanh nghiệp tự lập, thế nhưng người ta sẽ trợ giúp trong trường hợp thua lỗ dài. Cấp độ 0 có hiệu lực giữa những điều kiện của cạnh tranh thị trường khắt khe, không có chủ nghĩa gia trưởng. Nếu mày bị phá sản, đấy là tai hoạ của mày - đừng có tính đến bất cứ ai đi trả cho các khoản thua lỗ của mày.

Sự mô tả mang tính hình tượng dễ hiểu này về các cấp độ của chủ nghĩa gia trưởng, sự tương tự của gia đình và xã hội muộn hơn đã được đưa vào cuốn *Sự thiếu hụt*. Tại Oslo tôi vẫn chưa dùng các thuật ngữ ràng buộc ngân sách mềm và cứng. Còn cuốn sách thì đã gắn thuật ngữ mới này vào mô hình chủ nghĩa gia trưởng. Cấp độ 2, và đặc biệt cấp độ 1 của chủ nghĩa gia trưởng là hiện tượng, mà tôi gọi là ràng buộc ngân sách *mềm*, còn cấp độ 0 thì tương ứng với ràng buộc ngân sách *cứng*.

Tên gọi đã *không* hình thành trong đầu tôi cứ như, tôi đã bắt đầu suy nghĩ đến vai trò của ràng buộc ngân sách, đã thử trau chuốt nó. Điểm xuất phát đã là *hiện tượng kinh tế thực tế, là sự quan sát thực tiễn*. Bản thân tên gọi hầu như hiện ra đột ngột. Tôi sửa soạn những ghi chép của bài giảng thứ 12 của loạt bài giảng ở đại học Stockholm. Tôi chuẩn bị, để viết mô hình hoạt động của doanh nghiệp lên bảng, ở dạng các bất phương trình toán học, trong đó với các ràng buộc dưới (cận dưới) liên quan đến phát hành (đầu ra) và với các ràng buộc trên

https://thuviensach.vn

(cận trên) liên quan đến các nguồn lực có thể sử dụng được. Vì mục đích cầu toàn tôi đã phải nghĩ, rằng hiển nhiên cũng có những ràng buộc tài chính nữa. Tuy trong mô hình chuẩn của doanh nghiệp tối đa hoá lợi nhuận, người ta không quen phân vai cho ràng buộc ngân sách, thế mà tôi vẫn cứ viết vào mô hình. Thế nhưng, tôi cũng nhận ra ngay: bởi vì đây không là ràng buộc hữu hiệu! Doanh nghiệp không thể vi phạm ràng buộc (giới hạn) vật chất, còn ràng buộc ngân sách thì mềm, bởi vì nó biết, rằng trong trường hợp rắc rối thì cơ quan cấp trên sẽ chi trả.

Khi tôi giảng, tôi đã dùng thuật ngữ ràng buộc ngân sách mềm. Tôi nhớ, trong số các giáo viên ngồi nghe có hai người, nhà kinh tế học Thuỵ Điển Bengt-Christer Ysander và nhà kinh tế học Mĩ Hary Lapham, cũng như một sinh viên, Lars Svensson (sau này trở thành nhà nghiên cứu nổi tiếng) đã đến gặp tôi sau bài giảng và nói: họ rất thích ý tưởng liên quan đến tính mềm của ràng buộc ngân sách. Vài lời động viên này cũng đã khiến tôi suy nghĩ kĩ lưỡng hơn thuật ngữ, và nghiên cứu tiếp các vấn đề lí thuyết liên quan.

Kể từ đấy, trong các bài giảng và các bài báo của tôi về nền kinh tế thiếu hụt và nói chung về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, việc mô tả và phân tích tính mềm của ràng buộc ngân sách có vai trò quan trọng như một trong những nét loạn chức năng đặc trưng của hệ thống.

Chắc chắn trong lịch sử nhận thức có các lí thuyết, loé lên ở dạng đã xong xuôi, hoàn toàn chín muồi, từ đầu của người sáng lập ra chúng. Với tôi điều này đã chẳng bao giờ xảy ra cả. Nếu tôi bắt đầu câu chuyện với bài báo năm 1958 ở Hungary vừa được nhắc đến và kết thúc với bài báo đăng năm 2003 trong *Journal of Economic Literature*, từ đầu chí cuối *ý tưởng cơ bản* vẫn là thế, nhưng trong 45 năm đã trôi qua thì cách mô tả, lí giải nhân quả và giới thiệu các hậu quả đã trải qua những thay đổi đáng kể. Lập trường ngày nay của tôi được phản ánh trong bài báo đăng năm 2003, cũng như trong cuốn sách tổng kết được xuất bản năm 1992 của tôi, cuốn *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa*. (Tôi sẽ còn đề cập chi tiết đến cuốn sách này muộn hơn). Tôi nhấn mạnh đến hai sự thay đổi, mà nó phân biệt trạng thái hiện tại của sự giãi bày ý tưởng so với các giai đoạn trước, bởi vì những cái này vượt quá các quan điểm chuyên môn hẹp.

https://thuviensach.vn

Trong giải thích các nguyên nhân của tính mềm của ràng buộc ngân sách vào thời gian của các công trình công bố đầu tiên, vai trò gia trưởng chủ nghĩa của nhà nước đã nhận được sự nhấn mạnh lớn. Nhà nước không thể bỏ mặc "đứa con của chính mình", doanh nghiệp sở hữu nhà nước, mà nó lập ra, nó chịu trách nhiệm về cuộc sống của xí nghiệp, và nó phải chăm lo cho sự an ninh sinh tồn của những người lao động ở đó. Nhiều người đọc thấy từ đấy, rằng trong đầu tôi sự phân tích cũng chấm dứt ở đó. Thế nhưng đâu có chuyện này! Ngay thời gian đó tôi cũng đã đặt ra cho mình một cách gay gắt câu hỏi: *vì sao* nhà nước của hệ thống xã hội chủ nghĩa lại ứng xử như thế? Sự đảm nhận vai "chăm lo" gắn liền với đòi hỏi quyền lực, mà là quyền lực không thể chia sẻ, như thế nào? Tất cả những thứ này ăn khớp với cấu trúc chính trị và ýthức hệ chính thống của hệ thống ra sao? Sau chương 22 về chủ nghĩa gia trưởng của *Sự thiếu hụt* lẽ ra tiếp theo là phần chưa được viết ra của cuốn sách, mà giữa những thứ khác cũng thảo luận các mối liên hệ này - thế nhưng, như tôi đã bày tỏ trong chương trước rồi, sự tự kiểm duyệt đã ngăn tôi viết những điều này. Tôi đã nhắc đến ở đó: may mắn là đã có nhiều người, những người đã ít nhiều tưởng tượng được trong bản thân họ, dòng tư duy của *Sự thiếu hụt* có thể sẽ tiếp tục ra sao. Thế nhưng không phải tất cả mọi người đều đã có khả năng xâu chuỗi tiếp dòng tư duy. Họ hình dung, rằng tôi không có nội dung muốn nói khác về vấn đề này.(*) Họ đã giả thiết: về chủ nghĩa xã hội tôi tin, rằng nó là gia trưởng chủ nghĩa, trong khi tôi chẳng hề nhận ra, rằng trong hệ thống này đảng cộng sản thực hành chuyên chế, và các quan hệ chính trị-quyền lực có ảnh hưởng đến quan hệ giữa các mức trên và dưới của hệ thống thứ bậc, đến quan hệ giữa nhà nước và các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Tôi đã thử ám chỉ giữa các dòng chữ một cách vô ích. Trong các trang kết thúc cuốn sách, với diễn đạt rất chung, đã nhắc đến vai trò của "hệ thống thể chế". Có vẻ như, điều này đã là không đủ đối với những người đọc kém giầu trí tưởng tượng.

Trong chương trước tôi đã trình bày, tôi đã phải trả cái giá chua xót đến thế nào cho việc, *Sự thiếu hụt* và các công trình khác của tôi có thể được xuất bản một cách hợp pháp. Quyết định của tôi, rằng tôi cắt chuỗi nhân quả của sự thiếu hụt ở chủ nghĩa gia trưởng, đã gây ra những hiểu lầm đối với nhiều người. Tôi coi điều này, như một trong những thành phần đáng tiếc của "cái giá" của sự hợp pháp. Ngay khi

https://thuviensach.vn

các bức tường của sự tự kiểm duyệt sụp đổ, và tôi đã có thể viết *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa*, cuối cùng tôi đã có thể nói *toàn bộ* dòng tư duy của mình liên quan đến giải thích ràng buộc ngân sách mềm.

Tôi chuyển sang sự thay đổi khác. Trước kia ý kiến của tôi cũng đã là, và bây giờ tôi cũng thấy thế, rằng có quan hệ nhân quả giữa ràng buộc ngân sách và sự thiếu hụt, nhưng bây giờ tôi cho sức mạnh của mối quan hệ này một *trọng lượng khác*.

Trong một nước để hình thành nền kinh tế thiếu hụt kinh niên, sâu rộng, bao quát toàn bộ nền kinh tế, thì điều kiện *cần* là, ràng buộc ngân sách của doanh nghiệp là mềm trong phần lớn sản xuất. Đấy là điều kiện cần nhưng không đủ. Các nhân tố khác cũng cần tác động: sự cấm đoán kinh doanh tự do, sự hạn chế hành chính của cạnh tranh nhập khẩu, sự méo mó của hệ thống giá, v. v. *Sự thiếu hụt* nhấn mạnh một chiều đến tính mềm của ràng buộc ngân sách. Điều này không thể giải thích được bằng sự tự kiểm duyệt, bằng sự tự cắt bỏ phân tích nhân quả nhằm mục đích được công bố một cách hợp pháp. Lời giải thích ở đây trước tiên là, sự suy nghĩ kĩ vấn đề vẫn đã chưa thật chín.

(*) Ấn tượng trở đi trở lại của tôi suốt hàng thập kỉ là, một bộ phận các đồng nghiệp phương Tây của tôi chẳng hề để ý đến, rằng sự kiểm duyệt hay tự kiểm duyệt có thể hạn chế tôi, một công dân của một nước cộng sản. Hết lần này đến lần khác tôi lấy làm sửng sốt về chuyện này, khi tôi lại đối mặt với sự non nớt kì lạ này.

Một ảnh hưởng khác của tính phiến diện này thể hiện trong trình bày những hậu quả của ràng buộc ngân sách mềm. Bởi vì thiếu hụt đã là chủ đề chính của cuốn sách, khi đó tôi quan tâm trước hết đến, hội chứng này tác động thế nào đến "sự sống cầu". Tác động này là hết sức quan trọng. Thế nhưng còn quan trọng hơn thế là cái, mà muộn hơn tất cả các tác giả nghiên cứu về vấn đề này đều lưu ý nhất: tác động tai hại của ràng buộc ngân sách mềm lên hiệu suất, lên tinh thần cạnh tranh, lên khuyến khích. *Sự thiếu hụt* cũng đã chỉ ra các điều này, tuy nhiên bây giờ tôi đặt lên vị trí thứ nhất với sự nhấn mạnh lớn hơn trong xếp hạng các tác động tai hại.

Sự chứng thực kinh nghiệm

Tôi cho là quan trọng, rằng chúng ta cũng chứng thực sự nhận thức bằng con đường kinh nghiệm. Với một cô giáo trẻ của Trường Đại học Khoa học Kinh tế, Matits Ágnes, chúng tôi bắt đầu xây dựng một cơ

https://thuviensach.vn

sở dữ liệu, chứa các số liệu tài chính chủ yếu, quay lại nhiều năm, của tất cả các doanh nghiệp nhà nước Hungary. Theo ước lượng của chúng tôi khi đó đã thu thập được khoảng 1,3 triệu dữ liệu trong các máy tính của chúng tôi (kém hiệu quả hơn máy tính ngày nay rất nhiều); Ágnes và các cộng sự của cô đã sắp xếp một cách tuyệt vời các số liệu vào dạng có thể xử lí được. Chúng tôi đã tiến hành những phân tích kinh tế lượng có thể rút ra bài học, chúng cho thấy, người ta bố trí lại lợi nhuận doanh nghiệp hết lần này đến lần khác qua nhiều loại kênh phức tạp đến thế nào. Chẳng thể nhận ra cái tổng số, mà ở cuối sự tái phân phối quan liêu zích-zắc này xuất hiện dưới khoản mục "lợi nhuận cuối cùng", tách rời khỏi điểm xuất phát, lợi nhuận hay lỗ phát sinh ban đầu đến mức nào. Tuy nhiên ngần ấy là chắc chắn-và chúng tôi có thể chứng thực điều này bằng những tính toán của mình-, rằng như kết quả của sự tái phân chia quan liêu người ta lấy đi phần đáng kể lợi nhuận từ các doanh nghiệp, mà bản thân chúng khởi đầu sinh lời nhiều nhất, và chuyển cho nơi, khởi đầu bị lỗ. Những người tạo ra nhiều lợi nhuận như thế "bị phạt", còn những kẻ thua lỗ thì được thưởng. Như vậy là chúng tôi đã có trong tay một trong những bằng chứng của ràng buộc ngân sách mềm. Chúng tôi đã công bố những kết quả tính toán của mình trong cuốn sách *Tái phân chia lợi nhuận của các doanh nghiệp một cách quan liêu* viết cùng với Matits Ágnes.

Trước thay đổi chế độ các tác giả khác cũng công bố vài công trình kinh nghiệm để kiểm chứng các lí thuyết liên quan đến ràng buộc ngân sách, nhưng chỉ khá lác đác. Nhảy trước theo thời gian, có thể thấy, những nghiên cứu thực sự đã lấy được đà mới trong các năm 1990. Khi đó đã xảy ra sự đột phá tư duy: các chuyên gia phương Tây đến thăm các nước hậu xã hội chủ nghĩa đột nhiên đã nhận ra, rằng tính mềm của ràng buộc ngân sách là một trong những hủ bại của nền kinh tế di truyền lại từ chế độ trước. Cùng với việc này ngày càng nhiều người bắt đầu hiểu, rằng làm cứng ràng buộc này là một nhiệm vụ then chốt của cải cách. Người ta lần lượt tiến hành những nghiên cứu dựa trên cơ sở thu thập số liệu thống kê cẩn trọng và những khảo sát kinh tế lượng. Vượt quá những nghiên cứu, trong thời kì này hầu như không báo cáo nào có thể được soạn thảo ở Ngân hàng Thế giới hay ở Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu về các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hay hậu xã hội chủ nghĩa mà không đề cập đến những ràng buộc ngân sách của các doanh nghiệp của khu vực ấy.

https://thuviensach.vn

Mô hình hoá toán học của hiện tượng

Đúng như trong trường hợp những khảo sát kinh nghiệm, liên quan đến mô hình hoá toán học hội chứng ràng buộc ngân sách mềm tôi cũng cảm thấy: bản thân mình phải bắt tay khảo sát lí thuyết được hình thức hoá. May là tôi tìm được cộng sự giúp đỡ xuất sắc ở Jörgen Weibull.(*) Jörgen không thích thuật ngữ ràng buộc ngân sách mềm, nhưng đã làm quen với ý tưởng chủ nghĩa gia trưởng. Đã thành công soạn một mô hình toán học chứng minh rằng: nếu người ta cứu các doanh nghiệp thua lỗ theo cách gia trưởng chủ nghĩa, thì khu vực doanh nghiệp ít thận trọng trong các đơn đặt hàng, và như thế cầu của nó phình lên to hơn, giả như họ để mọi doanh nghiệp giữ vững vị trí của mình trong cạnh tranh.[160]

Việc xây dựng mô hình lí thú cũng diễn ra ở Princeton. Richard Quandt, người đã giúp đỡ tôi với bao tình thân ái, khi tôi dạy ở đó, bây giờ quay sang lí thuyết ràng buộc ngân sách mềm với sự quan tâm của nhà bác học. Ông và các đồng nghiệp của mình đã viết hàng loạt tiểu luận trong nhóm đề tài này, trong đó có giới thiệu "hiệu ứng Kornai", tức là chứng minh mối quan hệ lí thuyết tồn tại giữa tính mềm của ràng buộc ngân sách và sự tăng cầu đầu vào của doanh nghiệp.[161]

Trong công trình lí thuyết thì sự ra đời của mô hình, gắn với tên Eric Maskin, giáo sư kinh tế học của Đại học Harvard, và nghiên cứu sinh PhD khi đó Mathias Dewatripont, đã mang lại bước ngoặt.[162] Khi đó tôi đã dạy ở Hardvard, và chúng tôi trò chuyện nhiều với Eric về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong đó cả về các vấn đề của ràng buộc ngân sách mềm nữa. Dewatripont và ông khi đó đã quan tâm từ lâu đến một đề tài nổi tiếng của lí thuyết trò chơi, với vấn đề của "commitment" (cam kết). Quan hệ của "những người chơi" (chúng ta cũng có thể nói: của những người tham gia hợp tác với nhau hay đối chọi nhau trong một tình huống cho trước) hình thành khác đi, nếu bên nào đó giữ đúng cam kết đã nhận trước, hay nếu ngược lại, sau đó lại thay đổi lập trường của mình, và không giữ lời hứa. Ứng xử của anh ta có nhất quán hay không theo thời gian trôi đi? Hai nhà kinh tế học lí thuyết khám phá ra, rằng ràng buộc ngân sách mềm của tôi là *hiện tượng không nhất quán đặc biệt.*

Hãy xem một thí dụ đơn giản. Một ngân hàng lớn cho vay để tài trợ đầu tư của một doanh nghiệp. Nó hứa sẽ buộc bên vay tuân thủ hợp

https://thuviensach.vn

đồng tín dụng ban đầu. Cho dù bất cứ gì xảy ra, nó để mặc doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư, và mong đợi doanh nghiệp có khả năng đứng vững trên đôi chân của chính mình. Doanh nghiệp gặp rắc rối tài chính, không có khả năng thực hiện các điều kiện ban đầu. Và đấy, bất chấp lời hứa của mình ngân hàng vẫn giúp đỡ nhà đầu tư gặp rắc rối, sẵn sàng thay đổi các điều kiện của khoản vay, cho vay mới.

(*) Số phận run rủi là Jörgen, người tôi quen với tư cách một người nghe seminar của tôi ở ThuyĐiển, đã không chỉ trở thành đồng tác giả của tôi trong viết hai bài báo, mà cũng trở thành chồng của con gái chúng tôi và bố của hai cháu ThuyĐiển của chúng tôi.

Tiểu luận về chủ nghĩa gia trưởng của chúng tôi hoàn thành vào đầu các năm 1980. Chúng tôi bắt đầu nghiên cứu nó trong một dịp Jörgen thăm Budapest, rồi với trao đổi thư từ bắc cầu qua khoảng cách Stockholm Budapest chúng tôi hoàn thành bài báo. Ngày nay, trong thời đại e-mail, thì chẳng có gì lạ nữa: việc cùng viết báo của các đồng tác giả sống xa nhau ngày càng trở nên thường xuyên hơn.

Phân tích được tiến hành với mô hình đã chỉ ra, rằng những lợi ích tài chính riêng theo nghĩa hẹp nhất của ngân hàng cũng ủng hộ "sự cứu trợ". Nếu lúc đầu đã cấp tiền cho đầu tư, thì có thể là hợp lí để "chạy theo tiền của mình".

Mô hình Dewatripont-Maskin đặc biệt lí thú và quan trọng vì hai lí do. Một mặt, nó làm giầu sự phân tích nhân quả. Không cần phải giới hạn ở các trường hợp, khi các quan điểm chính trị, kinh tế vĩ mô hayxã hội thúc đẩy cái tổ chức đi cứu trợ doanh nghiệp thua lỗ. Đơn thuần các lợi ích kinh tế riêng cũng có thể thúc đẩy một ngân hàng hướng theo lợi nhuận đi cứu một tổ chức thua lỗ. Vả lại điều này cũng có thể quan sát được trong đời sống kinh tế thực tiễn. Ai cũng biết, rằng các ngân hàng lớn – chí ít tạm thời trong một thời gian ngắn- cứu các khách hàng thực hiện tồi, khó tin cậy. Bởi vì việc này có thể gây ra thiệt hại ít đau đớn hơn và nhỏ hơn, so với xoá khoản nợ.

Sức hấp dẫn khác của mô hình Dewatripont-Maskin ẩn náu ở chỗ, đột nhiên vấn đề trở nên có thể xử lí được bằng bộ máy của lí thuyết trò chơi toán học. Chúng ta ở vào các năm 1990; sự chú ý của chuyên ngành đổ vào lí thuyết trò chơi, hàng trăm nhà nghiên cứu vui lòng sử dụng phương pháp luận này. Với cách nói "lóng" chuyên môn Mĩ: đây thực sự là hướng nghiên cứu "nóng". Như thế ai vui lòng sử dụng lí

https://thuviensach.vn

thuyết trò chơi, và hiểu được kĩ thuật đẹp mê hồn và mềm dẻo của nó, bây giờđã có thể mô tả hội chứng ràng buộc ngân sách mềm bằng các mô hình có thể giải nghĩa tốt.

Sau mô hình Dewatripont-Maskin đầu tiên các biến thể của nó lần lượt được tạo ra. Mỗi mô hình, nhìn từ các phía khác nhau, làm sáng tỏ nhiều loại quan hệ của vấn đề, các nguyên nhân và ảnh hưởng của hội chứng.

Câu chuyện về bài báo tổng kết đầu tiên

Hãy quay lại theo thời gian. Sau khi trong nhiều bài báo và trong *Sự thiếu hụt* – bên cạnh các vấn đề khác – đã nhắc đến ràng buộc ngân sách mềm, năm 1984 tôi thấy đã đến lúc nên viết một bài báo chỉ về đề tài này, tổng kết nội dung tôi muốn nói. Tôi đã muốn, nếu bài viết nhận được sự quảng bá lớn, mà cụ thể là không chỉ trong giới các nhà Soviet học, các nhà nghiên cứu Đông Âu. Tôi hi vọng, rằng nếu các nhà nghiên cứu khác của chuyên nghành cũng làm quen vớiý tưởng này khi đó vẫn chưa phổ biến lắm, gây hứng khởi cho họ để áp dụng cả vào nền kinh tế thị trường nữa. Bài báo không chứa mô hình toán học, từ đầu đến cuối tác giảđã trình bày nội dung muốn nói của mình bằng lời. Nó công bố vài bảng minh hoạ, nhưng để cho các dữ liệu tự nói về mình. Nó không công bố sự phân tích toán thống kê của các số liệu, để trụ đỡ cho các khẳng định nó đã không sử dụng phân tích kinh tế lượng.

Tôi nộp cho một trong những tạp chí có tiếng nhất, cho *American Economic Review*. Vài tháng sau tôi nhận được thư của tổng biên tập. Ba phản biện đã đọc bài báo. Một trong số họ, kiến nghị cho đăng với những thay đổi nhỏ, hai người khác phê phán gay gắt. Tổng biên tập nhận xét, rằng giọng hai bài phê phán là thô, có lẽ quá thô. Tuy nhiên ông thấy đúng hơn, nếu tôi công bố các ý tưởng của mình ở dạng một bài tổng quan (survey) không phải trong tạp chí của họ, mà trong *Journal of Economic Literature*. Ông biết, rằng tạp chí sau cũng đã thoả thuận với tôi để viết một bài báo như vậy.[163]

Sự lảng tránh đăng lịch sự này dựa vào sự hiểu lầm sự việc. Thực sự, khi đó tôi đã làm khá nhiều trên một tiểu luận cho tạp chí được nhắc tới đó, thế nhưng đề tài của nó là khác: tổng quan và đánh giá toàn diện về cải cách kinh tế Hungary. (Trong chương tiếp tôi sẽ đề cập đến nó). Giữa hai bài báo hầu như không có sự chồng chéo.

https://thuviensach.vn

Nói một cách rõ ràng, *American Economic Review* đã từ chối đăng bài báo của tôi. Tôi giử cho tạp chí *Kyklos* như lần thử thứ hai, tạp chí này đã chấp nhận và đăng mà không có thay đổi gì.[164] Đây trở thành một trong những bài viết được trích nhiều nhất trong số các công trình công bố của tôi.

Tôi có thể dễ dàng tự an ủi mình, rằng việc từ chối tương tự cũng đã xảyra với những người khác, với những người nổi tiếng hơn. Muộn hơn nhiều hai nhà nghiên cứu Mĩ, Joshua S. Gans và George B. Sheperd đã hỏi nhiều nhà kinh tế học nổi tiếng về những loại kinh nghiệm như vậy.(*) Từ Roy Harrod, nhà tiên phong người Anh của lí thuyết tăng trưởng hiện đại đến Milton Friedman và đến Paul Samuelson, hai nhà kinh tế học Mĩ nổi tiếng nhất thế kỉ XX, nhiều người đã có kinh nghiệm sống tương tự: tạp chí hàng đầu nào đó đã từ chối các bài của họ được nộp vào toà soạn, trong số đó có nhiều công trình sau này được lịch sử lí thuyết kinh tế học đánh giá là "kinh điển". Với nhận thức an tâm, rằng sự kiện này cũng không đặc biệt gì mấy, tôi cũng có thể không nhắc đến nữa.

Thế nhưng câu chuyện lại có sự tiếp tục lí thú của nó. Vài năm sau Yingyi Qian (khi đó vẫn là sinh viên cao học ở Harvard, bây giờ là giáo sư University of California) đã nộp một bài báo cho chính tạp chí *American Economic Review*. Đề tài của bài báo như sau: sự thiếu hụt xuất hiện ở hệ thống xã hội chủ nghĩa quan hệ thế nào với tính mềm của ràng buộc ngân sách.[165] Anh đã khảo sát mối quan hệ này với sự giúp đỡ của một mô hình toán học được lập ra một cách thông minh, bằng một biến thể được sửa đổi của mô hình Dewatripont-Maskin được giới thiệu ở trên. Như quen thuộc trong các bài báo của anh: anh công bố các định lí lí thuyết được diễn đạt một cách chính xác, bằng ngôn ngữ hình thức toán học, cùng với sự chứng minh nghiêm ngặt của chúng.

Bài báo đã dẫn chiếu đứng đắn đến các nguồn trí tuệ của công trình: đến *Sự thiếu hụt*, đến bài báo *Kyklos*, đến tiểu luận Dewatripont-Maskin. Bài báo là một phần quan trọng của luận văn tiến sĩ của Yingyi. Eric Maskin và tôi là các thầy của anh, các cố vấn được mời chính thức (*thesis adviser*). Cả hai chúng tôi đã đọc bản thảo nhiều lần, và – như được kì vọng ở các thesis adviser – chúng tôi đã giúp đỡ bằng

https://thuviensach.vn

các lời khuyên của mình. Trong bài báo tác giả bày tỏ lời cảm ơn về sự giúp đỡ đó.

Bài báo của Yingyi Qian nêu lên các câu hỏi xác đáng, đưa thêm những ý tưởng độc đáo vào số tài liệu chuyên môn rộng lớn của đề tài. Trình bày chính xác và rõ ràng đáng làm kiểu mẫu. Ban biên tập tạp chí, theo tôi, đã làm đúng, rằng đã chấp nhận và cho đăng. Tôi có thể khẳng định với lương tâm thư thái, rằng không hề có dấu vết của sự ghen tị mà người già hơn cảm thấy đối với người trẻ. Với Yingyi ngay từ thời sinh viên của anh chúng tôi đã hình thành quan hệ thân thiện, và mối quan hệ này từđó càng sâu thêm. Tôi luôn luôn cố gắng mở đường cho anh, và tôi cũng nhận được từ anh sự giúp đỡ chuyên môn dưới nhiều hình thức và sự chu đáo thân tình quý mến trong các dịp gặp nhau của cá nhân chúng tôi.(**) Tôi tràn đầy niềm vui, rằng tiểu luận của một trong những học trò quý mến nhất và xuất sắc nhất của tôi đã có thể xuất hiện trên diễn đàn công bố bậc nhất.

(*) Họ cũng hỏi cả tôi, nhưng tôi lẩn tránh công bố câu chuyện. Bây giờ, khi trên các trang của *Journal of Economic Literature* và *Közgazdasági Szemle (Tạp chí Kinh tế)* chúng tôi có thể kể lại sự phổ biến của ý tưởng về ràng buộc ngân sách mềm, tôi thấy: đã đến lúc đưa tình tiết này ra công khai. Tiểu sử tự thuật của tôi cho việc này khung khổ phù hợp nhất, bởi vì bối cảnh, trong đó sự kiện này xảy ra, hiện ra đầy đủ hơn.

(**) Vào dịp chuyến đi thứ hai của chúng tôi đến Trung Quốc – anh hi sinh thời gian rỗi của mình- đi từ Mĩ về Trung Quốc chỉ để giúp tôi trong giao tiếp với các đồng nghiệp Trung Quốc. Chúng tôi có nhiều lo nghĩ với các phiên dịch. Anh đã sẵn sàng dịch ở nhiều nơi. Như anh bông đùa nhận xét, anh biết nói ba thứ tiếng: tiếng Hoa, tiếng Anh và "tiếng-Kornai".

Thế nhưng vẫn cần suy ngẫm, tại sao tạp chí lại từ chối bài viết đầu tiên, và vì sao lại đăng bài thứ hai? Tuy tôi đặt câu hỏi liên quan đến việc, kinh nghiệm đau đớn của sự khước từ đụng chạm đến tôi, câu chuyện đơn lẻ dẫn đến các vấn đề *chung*. Những người được uỷ quyền, họ quyết định việc công bố dựa trên các tiêu chuẩn nào? Việc công bố và sự nghiệp khoa học liên quan với nhau thế nào? Và câu hỏi còn sâu hơn: thực tiễn ngày nay về công bố và bổ nhiệm-cất nhắc kích thích thái độ của nhà nghiên cứu như thế nào?

https://thuviensach.vn

... và vài bài học của câu chuyện

Trước khi bắt tay vào trả lời, tôi muốn khẳng định: tôi đã nêu ra các câu hỏi cực kì lớn và bao quát, và không phải là nhiệm vụ của tiểu sử tự thuật này đi cho câu trả lời đầy đủ. Sự phân tích nhân quả sẽ mang tính một phần, và tôi chỉ nhắc đến bấy nhiêu, ở mức bao nhiêu gắn với câu chuyện của tôi.(*)Tôi không đề cập đến các phương diện muôn vẻ khác, không kém quan trọng hơn các mặt được đề cập ở đây, của ảnh hưởng hữu ích hay có hại của các tiêu chuẩn chọn lọc được dùng để xét công bố. Thí dụ tôi không thảo luận việc – tuy tôi cho là rất quan trọng-, có những ảnh hưởng thuận lợi như thế nào của tính khắt khe mà các biên tập viên và các phản biện của các tạp chí đặt ra đối với các bài báo được chấp nhận đăng.

Quá trình, trong đó người ta quyết định bài báo nào xuất hiện trên các tạp chí hàng đầu, có chứa các yếu tố ngẫu nhiên. Hiển nhiên là, xảy ra cả hai loại lỗi lầm: người ta từ chối các bài báo đáng được đăng và ngườita cũng đăng những bài không xứng đáng. Những con người ra quyết định, và chẳng ai là không thể không nhầm lẫn.(+) Câu hỏi là, có các lỗi *có hệ thống* hay không? Có sự méo mó có phương pháp thuộc loại nào đó trong thực tiễn chấp nhận-từ chối hay không? Nhiều người nghĩ, rằng có nhiều loại xu hướng gây méo mó, và trong sốđó ở đây tôi chỉ muốn thảo luận chi tiết hơn một nhóm hiện tượng duy nhất.

Các ý tưởng thực sự mới, quan trọng, thúc đẩy sự phát triển lên phía trước của khoa học xã hội hiếm khi ra đời trong diễn đạt hoàn toàn chính xác, không sai sót.(**)Nó thường xuất hiện ở dạng phỏng đoán mơ hồ hay nửa sáng sủa ở đầu một quá trình nhận biết-hiểu biết dài. Đôi khi một khẳng định sai, nhưng thức tỉnh tư duy lại khởi động một vỉa màu mỡ nào đấy của sự khảo sát, và các thử nghiệm với mục đích bác bỏ lại đưa gần hơn đến chân lí.

(*) Trong những giãi bày của mình tôi chỉ xét đến các vấn đề của các khoa học xã hội. Tôi không biết kĩ các phương pháp làm việc của các nhà nghiên cứu khoa học tự nhiên và những quá trình dẫn đến các phát minh của họ.

(+) Hai loại lỗi tương tự rất phổ biến trong mọi hệ thống kĩ thuật (liên quan đến quyết định), và không chỉ con người, máy móc cũng vậy. Có thể nói tính không thể sai không tồn tại, tính có thể sai là phổ quát. (N.D.)

https://thuviensach.vn

(**) Chắc chắn có các ngoại lệ. "Định lí không thể thực hiện được" của Arrow có lẽ là ngoại lệ như vậy: một phát minh thật sự thiên tài, độc đáo, xuất hiện ngay lập tức ở dạng toán học chính xác.

Kể từ khi toán học lọt vào kho tàng công cụ của khoa học-kinh tế, nó đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu. Thế mà, trong chừng mực tôi có thể lần theo dấu vết, diễn đạt đầu tiên của những phát hiện mới, hồi hộp nhất, xác đáng nhất thường *không* được nhà nghiên cứu tiên phong trình bày ở dạng các mô hình toán học, mà được diễn đạt bằng lời. *Đầu tiên* đã là "văn xuôi" của Adam Smith về hoạt động điều phối của bàn tay vô hình, và chỉ muộn hơn nhiều Walras mới phát triển ánh xạ toán học của nó (lí thuyết cân bằng toán học được đánh giá là hơi không chính xác theo hiểu biết ngày nay). Rồi còn muộn hơn Arrow và Debreu mới đến, đã với độ chính xác hoàn hảo. *Đầu tiên* đã là Keynes vớicác ý tưởng (ít nhiều không chính xác) của ông về lãi và về các sở thích giữ tiền mặt, sau đó mới đến mô hình LM (Liquidity-Money) [mô hình tiền mặt-lãi suất] của Hicks.[166] *Đầu tiên* đã là Rawls trình bày lí thuyết của mình về công lí, và chỉ sau đó Arrow mới đề cập đến việc hình thức hoá một định lí của Rawls.[167] *Đầu tiên* đã là Schumpeter viết cuốn sách về vai trò của doanh nhân mà chẳng hề có phân tích toán học nào,[168] và chỉ hàng thập kỉ muộn hơn Philippe Aghion và vài nhà kinh tế học khác mới đến, để diễn đạt các tư tưởng Schumpeterian vào dạng súc tích, vào các mô hình toán học nghiêm ngặt.[169]

Tuy tôi đưa ra sự đơn giản hoá cực kì mạnh, tôi thử phân nghiên cứu kinh tế học– phân sự ra đời và cuộc sống tiếp theo của những nhận thức mới thực sự quan trọng-ra làm ba pha kế tiếp nhau (tuy nhiên đôi khi chồng lên nhau). Pha đầu tiên là phát hiện ra và diễn đạt vấn đề, và cùng với nó là khởi thảo ra các phỏng đoán để giải "câu đố". Pha thứ hai là sắp xếp lại, "làm sáng tỏ" dòng tư duy, chính xác hoá bộ máy khái niệm, diễn đạt chính xác các khẳng định, làm rõ và phát biểu các điều kiện, những trừu tượng hoá cho phép chứng minh khẳng định, cũng như chứng minh logic các định lí. Cuối cùng pha thứ ba là rút ra những kết luận. Điều này có thể dẫn đến việc nêu ra các vấn đề lí thuyết tiếp nữa, bên cạnh đó cũng có thể rút ra những bài học chính sách kinh tế thực tiễn.

https://thuviensach.vn

Trong pha đầu tiên trực giác có vai trò to lớn, khả năng nhận biết vấn đề, sức tưởng tượng, sự gắn kết những quan sát và các khẳng định đến nay vẫn chưa được kéo lại gần nhau vào các mối quan hệ mới. Phân tích với sự giúp đỡ của các mô hình toán học chủ yếu xuất hiện ở pha thứ hai ở giữa; là một công cụ đặc biệt quan trọng - ở một số đề tài thực sự là công cụ không thể thiếu được. Trong pha thứ ba, ở tuyến của các kết luận lí thuyết, xảy ra các quá trình nhận thức tương tự như trong pha đầu tiên. Cái liên quan đến rút ra các kết luận thực tiễn, chủ yếu cần đến sự hiểu biết thực tế cặn kẽ, đến năng khiếu phê phán cần cho đối sánh định lí lí thuyết và ứng dụng thực tiễn.

Theo kinh nghiệm của tôi các bậc vĩ đại thực sự của môn kinh tế toán học hoàn toàn hiểu rõ việc phân các vai này. Từ miệng Arrow hay Koopmans tôi đã chẳng hề bao giờ nghe thấy loại nhận xét bất kính về các ý tưởng có thể mới chỉ được trình bày chính xác một nửa, nhưng chứa đựng sự nhận biết quan trọng và về những người tạo ra chúng. (*)Theo cách diễn đạt hóm hỉnh của một nhà kinh tế học Anh, Wildon Carr[170]: "It is to be vaguely right than precisely wrong" [Thà ang áng đúng còn hơn chính xác sai].(**)

(*) Ngược lại tôi nhớ kĩ chuyện, khi một nhà kinh tế toán học khá tầm thường lại nhận xét một cách miệt thị về tác phẩm *Rút khỏi, lên tiếng, sự trung thành* của Hirschman, mà tôi đã giới thiệu trước đây hai chương. Cuốn sách nhỏ trình bày theo cách mới những ý tưởng mới kiệt xuất, thế nhưng nhà kinh tế học được nói đến ấy lại không đánh giá cao, viện cớ: đầy rẫy những diễn đạt dài dòng, cẩu thả. Cứ nhưđã phí đi viết dài như vậy về chủđề đơn giản này.

(**) Không thành công dịch câu tiếng Anh với sự súc tích và mỉa mai gốc của nó sang tiếng Hung [có lẽ cả tiếng Việt nữa, N.D.]. Nghĩa của nó là: "Tốt hơn, nếu khẳng định của chúng ta gần đúng (hơi mơ hồ-hơi nhoà), hơn là khẳng định chính xác nhưng sai".

Bây giờ tôi có thể quay về các tiêu chuẩn chọn lọc của các tạp chí khoa học. Các ý tưởng có giá trị, mới, nhưng mới xong một nửa được đăng ở đâu? Chỉ các tác phẩm chính xác, đã chín hẳn mới nhận được sự công khai được in ra trên các tạp chí có thanh thế nhất? Chỉ được phép công bố một bài viết trên các tạp chí quý phái bậc nhất này, nếu chắc chắn chí tử, rằng tác giả của nó không sai lầm?(*)

https://thuviensach.vn

Không nảy sinh bất cứ chuyện gì, nếu chẳng hạn *American Economic Review* được chuyên môn hoá, để chỉ công bố các sản phẩm của quá trình ở giữa mà trên đây tôi đã gọi là pha thứ hai. Cũng chẳng sao, nếu như có các tạp chí khác, *không kém uy tín*, lại cũng tạo không gian cho các sản phẩm của "pha đầu tiên" nữa; như thế trong đó có thể xuất hiện (bên cạnh các bài viết khác, đã chín muồi hơn) cả những bài báo trình bày các phỏng đoán đầu tiên, các ý tưởng nửa chừng của tác giả.(**)

Tôi vừa nhấn mạnh bổ ngữ tạp chí "không kém uy tín". Vâng, may là có các tạp chí muốn công bố các tác phẩm mới xong một nửa. Những tạp chí này tuy vậy thường có sức nặng ít hơn nhiều, khi nói đến chuyện bổ nhiệm hay cất nhắc các nhà nghiên cứu. Tại điểm này hai nhóm vấn đề quấn vào nhau: các tiêu chuẩn lựa chọn của các tạp chí hàng đầu và của các đại học hàng đầu. Tôi nhớ, tôi đã sửng sốt đến thế nào, khi lần đầu tiên tôi nghe tuyên bố sau, nửa mỉa mai, nhưng dù sao cũng nửa nghiêm túc từ một nhà nghiên cứu Thuỵ Điển: Tại Thuỵ Điển hai bài báo trong *Econometrica* là đủ cho việc bổ nhiệm giáo sư. Ngay nếu điều này không chính xác là như vậy, nhưng tuy nhiên gần đúng thế. Nếu một nhà nghiên cứu vừa có bằng PhD muốn tiến thân nhanh trong sự nghiệp hàn lâm trong thế giới phương Tây, thì đừng có đưa ra các ý tưởng mới mang tính cách mạng, nhưng còn thô. Đừng có nghĩ nát óc về những phát minh lớn. Con đường chắc chắn: phải lấy ra một lí thuyết đã được biết kĩ, được chuyên ngành chấp nhận, và một mô hình toán học của nó đã được biết đến và được chấp nhận. Trên đó cần thay đổi chút ít, sao cho mọi định nghĩa là thật chính xác, mọi chứng minh của mọi định lí đều không hề sai sót. Có nhiều khả năng là, bài viết này sẽ được một tạp chí hàng đầu nào đó công bố. (***)Càng có nhiều công trình công bố trong các tạp chí "top-đỉnh cao" được biên tập theo các tiêu chuẩn trên – đây là bàn đạp tốt nhất cho con đường danh vọng tiếp theo.

Theo lòng tin của tôi, các nét được mô tả trên của quá trình chọn lựa là có hại. Chúng đánh mất hứng thú làm thử của những người có tài. Độ rủiro của sai lầm là quá lớn -thế mà chỉ giữa những lần thử sai lầm thì mới có thể đến một lần "trúng đích". Nó tập cho nhà nghiên cứu quen với tính thận trọng lẩn tránh ở cạnh tường, thay cho việc dạy đỗ tính dũng cảm. Đơn thuần đầu đề của bài báo được đăng năm 2003 của nhà kinh tế học Thuỵ Sĩ, Bruno Frey, cũng làm cho những người

https://thuviensach.vn

đọc chợt thấy được vấn đề với sức mạnh gây sốc: *Công bố như Làm đĩ? Chọn giữa các Ý tưởng Riêng của mình và Thành công Học thuật (Publishing as Prostitution? Choosing between One's Own Ideas and Academic Success).*

(*) Nếu một lí thuyết đáng kể đã sinh ra rồi, thậm chí người ta có thể đã phát triển mô hình nào đấy của lí thuyết ấy, thì không cần sự tinh tường lớn về biên tập và phản biện để xác định: một cú vặn nhẹ mới nào đó của lí thuyết đã có tiếng, được nhiều người biết đến, của mô hình đã được thử thách rồi có suôn sẻ hay không. Cần con mắt thực sự sắc sảo, để biên tập viên và người phản biện có khả năng lựa chọn tốt giữa các lí thuyết mới xong nửa chừng và giữa các phỏng đoán, để phân biệt được cái có triển vọng, có thể trở thành một lí thuyết chín muồi hơn- với cái vô giá trị, không đáng quan tâm và vô nghĩa. Hãy sẵn sàng công bố cái trước, và chỉ vứt bỏ cái sau.

(**)Tôi có thể đưa ra một thí dụ từ lịch sử các tác phẩm được công bố của mình. Năm 1978 tại các hội nghịở Chicago và Geneve của Hội Kinh tế Lượng tôi đã trình bày vài ý tưởng chính của *Sự thiếu hụt* đang hình thành. Đó là bài viết được diễn đạt bằng "văn xuôi" từ đầu đến cuối, không chứa mô hình toán học nào. Bất chấp điều này tổng biên tập khi đó của *Econometrica* [*Kinh tế Lượng*, mà hầu như tất cả các bài đăng ở đây đều sử dụng các công cụ toán học, N.D.], Hugo Sonnenschein đã kiến nghị, rằng ông sẽ đăng trên tạp chí của mình. Tôi tin, việc đăng một tiểu luận "khác loại" đến như vậy, hoàn toàn không có toán học là sự kiện khá ngoại lệ trong lịch sử của *Econometrica*, việc đó là nhờ tính sẵn sàng khởi xướng, và tính mở trước các ý tưởng mới và lạ của giáo sư Sonnenschein.

(***) Không bõ đụng đến đề tài mới *lớn* sở dĩ chỉ bởi vì, hầu như không thể tránh khỏi là nhu cầu giãi bày nhiều hơn, thế mà các tạp chí hàng đầu lại ưu tiên các bài ngắn, súc tích.

Họ cũng chẳng cho ngay cả cơ hội thật sự để nhà nghiên cứu trẻ có thể thửđi thử lại những cái cánh của mình. Ngay lập tức họ siết vào giữa các giới hạn, mà tôi vừa mô tả. Và đây là một quá trình bành trướng tự kích. Càng nhiều tạp chí thử trở thành *American Economic Review* "mini", bắt chước các nguyên tắc biên tập của nó. Càng nhiều đại học loại hai và loại ba thử bắt chước tấm gương của năm hay mười đại học hàng đầu, và đòi hỏi ở các ứng viên phụ giáo để ép tất cả các tế

https://thuviensach.vn

bào não của họ qua cái cối xay thịt công bố, và ngay cả chỉ một vài tế bào cũng chẳng để lại cho các ý tưởng "mạo hiểm" theo quan điểm công bố trên. Và rồi trong số các thanh niên được lọc như vậy, họ chọn ra các nhà phản biện tương lai của các tạp chí hàng đầu, những người sau đó sẽ ưa thích các bài viết giống hoạt động khoa học riêng của họ. Sở thích cho trước được bảo tồn. Các tạp chí bị đồng đều hoá ở mức độ lớn về phong cách, về nội dung, về hình thức, về cấu trúc thảo luận, về phương pháp luận được dùng.

Tôi đi tiếp: tấm gương Mĩ phiến diện này ngày càng được các tổ bộ môn kinh tế học và các tạp chí noi theo ở các nước khác nữa. Và có lẽ cái còn là mối hiểm nguy lớn hơn, các khoa học xã hội khác, trong đó có xã hội học và khoa học chính trị, cũng bắt đầu bắt chước tấm gương xấu phổ biến trong khoa học kinh tế, ở Mĩ, nhưng cảở nơi khác nữa. Có nơi bây giờ người ta đòi hỏi một cách cưỡng bức những người làm các chuyên ngành khoa học này: hoặc hãy mô tả hiện tượng anh nghiên cứu bằng các mô hình, hoặc chúng tôi không coi cái anh làm là thực sự khoa học. Trước hết trong khoa học kinh tế, nhưng ngày càng trong các khoa học xã hội khác nữa, việc sử dụng các công cụ toán học cho bài viết uy tín. Ngay cả nếuý tưởng có thể được nói ra một cách đơn giản đi nữa, bằng những lời bình thường, khi đó cũng thích hợp hơn để trình bày nó một cách phức tạp hơn–thông qua các công thức toán học. Ngay cả nếu như thế người ta có khó hiểu hơn, bằng cách ấy có thể tạo ra vẻ khoa học. Nhiều khi công thức hay phương trình chỉ bám vào sự trình bày, như một viền tua trang trí trên quần áo, nó không có chức năng giải thích thật sự - nhưng họ vẫn để vào đó, bởi vì họ tin, như thế oai vệ hơn.

Tất cả, cái mà ở đây tôi trình bày với mũi nhọn phê phán, không hướng chống lại việc hình thức hoá các lí thuyết, việc sử dụng kĩ thuật toán học. Tôi đã là và vẫn sẽ là tín đồ và người mở mang khiêm tốn của việc này. Tôi chỉ lên tiếng chống lại sự thái quá và sự phiến diện, chống lại độc quyền được áp đặt một cách hung hăng của bất cứ phương pháp hay cách tiếp cận nào. Và cái quan trọng nhất: tôi muốn, nếu sự thử, thử nghiệm tư duy, sự đổi mới, tính độc đáo nhận được sự động viên nhiều hơn và được tôn trọng lớn hơn.

Nhiều khi buồn bã tôi nghĩ: thật tiếc là tôi đã không thể sống trong thế giới đại học Mĩ yên bình. Tôi có đủ lòng tự tin, để tin rằng: ở đó tôi cũng tiến được từ chức phụ giáo đến chức giáo sư. Tôi đã có thể tránh

https://thuviensach.vn

được nhiều đường vòng và ngõ cụt, và tôi đã có thể tiến thẳng tắp lên phía trước! Khi khác tuy vậy tôi lại nghĩ: có lẽ rốt cuộc tốt cho tôi là, đã không xảy ra như thế. Kể từ khi tôi bước vào con đường nghiên cứu, tôi đã chẳng bao giờ chịu tuân theo kỉ luật của bất kể giáo điều nào được áp đặt từ bên ngoài lên cho tôi. Tôi thà chấp nhận vai trò người đứng ngoài, nhưng tôi không trở thành "kẻ noi gương" máy móc. Có thể, vì thế tôi đã trượt sang bên nhiều lần và bị các ấn tượng thất bại, nhưng ngần ấy là chắc chắn, tôi đã có khả năng giữ tính độc lập suy nghĩ của mình.

Trong thời gian gần đây đã mở ra cuộc tranh luận quốc tế rộng rãi về vấn đề - về thực tiễn chọn lựa của các tạp chí hàng đầu và về tác động của nó đến sự phát triển của khoa học kinh tế.(*) Tôi hi vọng, những giãi bày của tôi có thểđóng góp cho tranh luận. Sở dĩ tôi đã dành khuôn khổ dài hơn để phân tích hiện tượng, bởi vì tôi tin, rằng câu chuyện về bài báo của tôi chỉ quá, vượt quá trường hợp đơn nhất, vượt quá sự phàn nàn cả trăm lần của tác giả bực bội vì sự từ chối, và đã cho tôi dịp để bày tỏ ý kiến của mình về một hiện tượng quan trọng và phổ biến.

Trước đây vài chương tôi đã kể về kiến nghị cải cách, mà tôi đưa ra năm 1969, ở Viện Khoa học Kinh tế. Tại đó tôi cố đòi cho được, rằng phải cho tiêu chuẩn công bố một trọng lượng lớn hơn trong các quá trình bổ nhiệm, cất nhắc. Nhà nghiên cứu Đông Âu hãy đọ sức mình trong các tạp chí quốc tế lớn! Tôi không phủ nhận, rằng 35 năm trước tôi ít cảm thấy những méo mó xuất hiện trong các quá trình lựa chọn của chuyên ngành kinh tế phương Tây hơn bây giờ. Tuy thế, biết tất cả những méo mó tai hại, mà tôi đã viết ở trên, nhìn lại tôi cũng chẳng rút lại lời khuyên khi đó của tôi: các tác giả Đông Âu hãy cố gắng công bố trong các tạp chí thứ hạng quốc tế. Tôi tiếp tục ẩn dụđã được dùng ở chương 11, thí dụ về xuất khẩu sang thị trường phương Tây. Để cải thiện chất lượng sản phẩm Hungary (và Đông Âu, nói chung), thì nhất thiết cần để chúng đọ sức mình trên các thị trường phương Tây khắt khe. Phải làm điều này ngay cả khi chúng ta biết, rằng thị trường chắc chắn không hoàn hảo, so với sự lựa chọn kinh tế thị trường lí tưởng có nhiều nhân tố gây méo mó tác động: các độc quyền, ưu thế sức mạnh của các hãng khổng lồ, thành kiến của người mua đối với nhà sản xuất chưa được biết tới và v.v. Không được phép thu lu co mình giữa các đường biên giới quốc gia, không được phép quê mùa thiển cận, và thoả

https://thuviensach.vn

mãn với thành tích đạt được trên sân nhà, bởi vì nó có thể dẫn đến đình đốn, giảm các đòi hỏi chất lượng.

Vì thế tôi vẫn giữ những kiến nghị của mình liên quan đến công bố, và – bất chấp lập trường phê phán của tôi liên quan đến chuyên ngành quốc tế -ngày nay tôi vẫn lên tiếng ủng hộ, nếu đấy là về việc cất nhắc các nhà nghiên cứu, về phong giáo sư hay bầu cử Viện Hàn Lâm ở Hungary.

(*) Một trong những người khởi xướng chủ yếu của tranh luận là Glenn Ellison, người cho đến gần đây đã là tổng biên tập của tạp chí lí thuyết, toán kinh tế hàng đầu, của *Econometrica*, ông nêu ra các vấn đề của thực tiễn công bố hiện thời với sự phê phán gay gắt.

https://thuviensach.vn

1968 –1989
QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH HUNGARY: NHỮNG ẢO ẢNH, CÁC HI VỌNG VÀ HIỆN THỰC

Nam Tư ngay trong năm 1949, sau khi đã tách khỏi khối do bá chủ Soviet thống trị, đã đoạn tuyệt với trật tự chỉ đạo kinh tế Stalinist, và đã tạo ra mô hình "tự quản" của riêng mình. Bên trong khối Soviet, Hungary là nước đầu tiên đã thử thực hiện sự kết hợp hệ thống chính trị cộng sản và nền kinh tế thị trường. Năm 1968 người ta đã thủ tiêu "nền kinh tế chỉ huy". Người ta đã chấm dứt việc, trung ương quyết định, các doanh nghiệp sản xuất cái gì và trung ương phân chia nguyên liệu, năng lượng, số người và quỹ lương. Cái kết cấu được tạo ra thế chỗ cho mô hình Stalinist "cổ điển", được họ gọi là "cơ chế kinh tế mới".

Có thể nói mà không có sự thiên vị dân tộc: quá trình cải cách Hungary đã có tầm quan trọng vượt quá các biên giới quốc gia. Nó khơi dậy những hi vọng ở mọi nơi, nơi cho đến nay hệ thống cứng nhắc, làm tê liệt các sáng kiến của nền kinh tế chỉ huy đã ngự trị. Trong thời kì này Hungary đã là tấm gương trong con mắt nhiều người. Kinh nghiệm cải cách Hungary đã tác động đến cải cách Trung Quốc, đến tư duy kinh tế Soviet và Đông Âu,và cũng gây sự quan tâm sôi nổi của các nhà kinh tế học phương Tây chuyên nghiên cứu các nền kinh tế cộng sản.

Các hi vọng được thực hiện một nửa, bị thất bại một nửa

Sau bước ngoặt lớn 1968 tiếp theo là hai thập kỉ rầu rĩ. Quá trình cải cách tuỳ thuộc vào tương quan lực lượng chính trị khi thì dừng sững lại, lúc tiến lên, khi thì dưới tác động của các lực lượng chống cải cách đã xảy ra những sự sắp xếp lại từng phần theo hướng cũ. Tựu chung xu hướng tiến lên phía trước đã tỏ ra mạnh hơn; vào cuối các năm 1980 trên bộ mặt kinh tế Hungary các nét kinh tế thị trường không nghi ngờ gì đã trở nên sắc nét hơn nhiều so với 1968. Thế nhưng cho đến đoạn đầu của sự thay đổi chế độ, vẫn là lai tạp, là sự kết hợp của chế độ quan liêu và thị trường đầy những mâu thuẫn.

Đã có cái gì đó xảo trá, được dựng lên một cách giả tạo, "bắt chước" trong cái, đã hình thành trong khu vực kinh tế nhà nước

https://thuviensach.vn

Hungary. Đã chấm dứt các chỉ thị kế hoạch vụn vặt, chi tiết, quyền quyết định đã vào tay giám đốc. Đúng, nhưng chúng ta có thể nói về loại tự chủ nào, khi giám đốc do đảng uỷ và bộ lựa ra, và quyền bổ nhiệm và cách chức nằm trong tay họ. Trên thị trường thật, giá cả do sự thoả thuận của người bán và người mua xác định. Ở đây phần đáng kể các giá không phải do người mua và người bán quyết định trực tiếp, mà vẫn do uỷ ban giá trung ương quyết định. Trong trường hợp tốt hơn họ thử "bắt chước" giá thị trường, tìm ra cái giá phù hợp với tỉ lệ cầu-cung. Trong trường hợp tồi hơn, họ chẳng thèm "bắt chước" giá thị trường, mà xác định chúng ngay từ trước đến nỗi một số sản phẩm hay thậm chí toàn bộ một số doanh nghiệp thua lỗ dài, còn ở những sản phẩm hay doanh nghiệp khác thì giá cao đảm bảo lợi nhuận ngay từ trước. Vai trò của lợi nhuận đã tăng lên; lãnh đạo doanh nghiệp đã bắt đầu quan tâm hơn nhiều đến tính sinh lợi, so với trước kia. Nhưng sự quan tâm đến lợi nhuận này cũng đã chẳng là thật sự, một phần vì nhữngméomó của các giá, vừa được nhắc tới vài dòng ở trên, một phần thì do sự tái phân chia quan liêu của lợi nhuận. Nếu một doanh nghiệp có "quá nhiều" lợi nhuận, thì họ lấy đi và chuyển cho doanh nghiệp thua lỗ. Đây là loại cạnh tranh, mà tuy có những người thắng của nó, nhưng không thể có những kẻ thua. Nói cách khác ràng buộc ngân sách vẫn mềm.

Những người hi vọng vào sự lan rộng của cơ chế thị trường, những người đó chỉ có thể thoả mãn một nửa. Những người đã muốn rằng, bất chấp sự phi tập trung từng phần quyền lực trung ương về chí ít các quyết định quan trọng nhất vẫn còn, họ cũng tràn đầy cảm giác nửa được thực hiện, nửa thất vọng. Ý tưởng đã là, sự điều tiết *gián tiếp* sẽ thay thế cho điều tiết, chỉ thị kế hoạch *trực tiếp* trước kia. Các công cụ chính sách tiền tệ và tài chính, lãi suất, tỉ giá hối đoái, thuế suất, các khoản trợ cấp nhà nước sẽ truyền đạt các ý định của sự chỉ đạo kinh tế trung ương đến các nhà sản xuất và những người sử dụng.

Thế nhưng đây tỏ ra là ảo mộng hão.(*) "Ảo ảnh hình thành trong tôi- tôi viết năm 1982-- cứ như là, đầu tiên tôi bước vào phòng điều vận hiện đại của một nhà máy, trong đó có các «bộ phận điều tiết» khác nhau: các nút, hàng trăm công tắc, các máy đo và các đèn báo hiệu nhấp nháy. Những người điều vận chạy ngược chạy xuôi: khi thì nhấn nút này, lúc thì xoay cái cần nọ. Sau đó tôi đi vào phân xưởng: đấy, người ta đẩy nguyên liệc bằng xe cút kít, quản đốc phân xưởng

https://thuviensach.vn

gào khản cổ. Đúng, có sản xuất-nhưng hoàn toàn không phụ thuộc vào ở phòng điều vận uy nghi người ta ấn nút nào. Chẳng có gì lạ, bởi vì phòng điều vận và phân xưởng không được nối với nhau bằng mạng dây dẫn".[171] Thiếu dây dẫn kết nối: lãi suất hay tỉ giá hối đoái có nghĩa gì, nếu các doanh nghiệp vẫn chẳng nhạy cảm mấy đối với giá cả và chi phí? Tính sinh lời vẫn chẳng là vấn đề sống còn vì sự tái phân chia lợi nhuận quan liêu của trung ương, điều đó làm cùn sự nhạy cảm đi. Sự nghiệp quản lí đúng ra phụ thuộc nhiều hơn vào các quan hệ với cấp trên, chứ đâu phụ thuộc vào thành công thị trường.

Họ đã thử thúc các nhà lãnh đạo kinh tế bằng các dây cương chùng. Việc này cũng có lợi thế của nó: còn lại một ít phạm vi hoạt động cho sáng kiến doanh nghiệp, và xét cho cùng vẫn có tác động nào đó của các xung lực đến từ phía thị trường. Đã chấm dứt sự thiếu hụt về nhiều sản phẩm và dịch vụ, tuy trong một vài lĩnh vực có tầm quan trọng cơ bản – thí dụ trong buôn bán nhiều hàng nhập khẩu, trong khu vực nhà ở, trong dịch vụ điện thoại và trong y tế - nền kinh tế thiếu hụt vẫn tồn tại.

(*)Atal László (1982), biểu thị đặc tính một cách rất đúng hiện tượng này là "ảo tưởng điều tiết".

Song song với sự phi tập trung có hiệu lực trong phạm vi rộng rãi hơn ở mức vi mô, kỉ luật kinh tế vĩ mô trở nên lỏng lẻo hơn. Khi khu vực đến ngưỡng cửa của sự thay đổi chế độ, chính ở các nước thử nghiệm cải cách phi tập trung hoá, ở Hungary, rồi muộn hơn ở Ba Lan lạm phát đã tăng tốc nhanh nhất, các cơ chế kìm hãm lương đã bất lực và vòng xoáy nợ nần nước ngoài đã tăng tốc độ quay. Kỉ luật hành chính Stalinist cũ *đã* không kìm được các xu hướng kinh tế vĩ mô bất lợi này, nhưng sự quan tâm đến lợi nhuận thực sự, cạnh tranh thực sự, tác động thị trường thật sự *vẫn* chưa có tác động khép vào kỉ luật cần thiết. Liên quan đến các chỉ số quan trọng này, thành tích của các nước thực hiện những cải cách nửa vời tỏ ra xấu hơn các chế độ độc tài cộng sản có bàn tay sắt, Tiệp Khắc của Husák hay Rumani của Ceauşescu, nơi với cái giá làm giảm mức sống của dân chúng họ đã cưỡng ép cán cân thanh toán vãng lai thuận lợi hơn, và mức giá và lương cứng rắn hơn.

Cải cách 1968 tập trung chú ý vào thiết lập cơ chế kinh tế mới của khu vực nhà nước. Hầu như là kết quả phụ của quá trình cải cách, rằng

https://thuviensach.vn

trong nền kinh tế cái khu vực sản xuất và dịch vụ đã được mở rộng, trong đó các hình thức sở hữu *không thuộc nhà nước* hoạt động. Đây là một tập hợp hỗn tạp. Từ các hợp tác xã nhỏ ít nhiều đã thực sự tự chủ, và ở mức độ ấy chúng khác các tổ chức được gọi là hợp các xã, thực ra là các tổ chức được chỉ huy bởi các lãnh đạo do đảng nhà nước bổ nhiệm. Từ những công việc kinh doanh tiểu thủ công, tiểu thương hay dịch vụ khác dựa trên sở hữu tư nhân thực sự. Từ các cộng đồng lao động kinh tế doanh nghiệp, các sản phẩm đặc biệt tạo thành các hòn đảo cá thể nhỏ bên trong vũng nước tù của doanh nghiệp nhà nước. Cuối cùng là "nền kinh tế thứ hai" ngày càng xum xuê hơn, lan ra theo nhiều loại hình thức, trong đó hàng chục ngàn người hay (ai biết được?) hàng trăm ngàn người hoạt động, giữa chừng vẫn giữ chỗ làm việc của mình, và cũng vẫn tiếp tục làm việc (làm ít hay nhiều) trong "nền kinh tế thứ nhất". Một trong những đặc trưng quan trọng nhất của quá trình cải cách Hungary là, -nếu dù không khuyến khích, nhưng- đã nhắm mắt đồng loã trước hiện tượng quan trọng nhất, hiện tượng dịch chuyển khỏi chủ nghĩa xã hội cổđiển: đã chấm dứt độc quyền của sở hữu nhà nước, thậm chí ngày càng đến cả ưu thế của nó nữa.

Từ nhà cải cách ngây thơ thành nhà phân tích phê phán

Vài trang trên không thể cho bức tranh chi tiết về các mối quan hệ hết sức phức tạp đặc trưng cho quá trình cải cách Hungary. Đúng hơn, nó chỉ chợt tái hiện cái khi đó (và cả bây giờ nữa) tôi coi là các nét đặc trưng nhất của "cơ chế kinh tế mới". Sự mô tả ngắn gọn cũng chẳng thể đảm nhận việc theo dõi từ đầu đến cuối động học của quá trình cải cách, thay vào đónócô cứng trạng thái đặc trưng cho cơ chế kinh tế Hungary trong các năm 1980 vào "bức tranh tĩnh". Nói về cải cách trong cuốn sách này trước hết tôi phải kể về thái độ của tôi thế nào với quá trình đổi mới hệ thống xã hội chủ nghĩa. Tôi nghĩ về nó thế nào, và tôi đã hành động ra sao?

Đầu đề của chương coi 1968 là năm khởi đầu, vì khi đó xảy ra sự thủ tiêu nền kinh tế chỉ huy; về mặt chính thức đây là năm khởi đầu của "cơ chế kinh tế mới". Tuy nhiên câu chuyện được bắt đầu sớm hơn nhiều. Tuy tôi đã đề cập đến chủ đề ở các chương trước, chấp nhận rủi ro lặp lại tôi phải nói về tiền sử của câu chuyện, về vai trò của tôi trong đó.

https://thuviensach.vn

Từ 1954 tôi ngày càng quan tâm hơn, với niềm tin và sự hào hứng, đến ý tưởng đổi mới nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Niềm tin này đã thấm ngang thấm dọc suốt cuốn sách của tôi viết về sự tập trung quá mức, tuy chủ đề là phân tích thực chứng cơ chế cũ. Thế giới tư duy xã hội chủ nghĩa cải cách đã hướng dẫn tôi ngay cả khi tôi thảo cương lĩnh kinh tế của Nagy Imre trong những ngày đầu cách mạng.

Niềm tin này đã bị sự bẻ gãy cách mạng và sự khủng bố lan ra sau đó làm tan thành mây khói. Giai đoạn cuộc đời, trong đó tôi là "nhà cải cách ngay thơ",(*)đã chấm dứt. Cái niềm tin, mà trong các thời kì trước đã tiếp sức sống cho tôi, đã chẳng bao giờ phục sinh. Từ đó trở đi tôi đã không hi vọng, rằng một nền kinh tế phù hợp với các quyền tự do con người lại có thể hoạt động với sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Những cân nhắc *chính trị* và *đạo lí* đã làm tôi vỡ mộng với biến thể Đông Âu của "chủ nghĩa xã hội thị trường", mà một mặt muốn giữ quyền lực của đảng cộng sản (hay chí ít yên phận, rằng vẫn còn), và, vì tính hiệu quả, lại muốn gán ghép *điều này* với điều phối thị trường đã thành công tốt ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Năm 1957 tôi đã chẳng phải suy nghĩ nhiều, tôi trả lời thế nào, khi người ta gọi từ trung ương đảng: tôi hãy tham gia vào uỷ ban cải cách đang hình thành lúc đó. Tôi không muốn chơi trò uỷ ban với *những kẻ* đã lê bước trở lại sau các xe tăng Soviet, những kẻ đã bỏ tù các bạn của tôi, những kẻ khao khát trả thù.

Ác cảm sâu sắc này từ đầu chí cuối vẫn còn trong tôi, và muộn hơn cũng đã cản tôi tham gia vào các uỷ ban do trung ương đảng tổ chức vào các năm 1960. Lưng tôi sởn gai ốc vì chuyện, dựa vào thông tin thì thầm rỉ tai, tôi phải đoán ra, liệu đồng chí X, lãnh đạo đảng phụ trách kinh tế, trong ngày cho trước ấy có thể thuyết phục được hay không cho ý tưởng tỉ giá hối đoái phù hợp với nguyên tắc chi phí biên, hay ông ta vẫn cố bám lấy nguyên tắc chi phí trung bình. Tôi đã không muốn tham gia thảo ra các kiến nghị thoả hiệp của uỷ ban, mà cuối cùng sẽ do một hội nghị đảng thảo luận và phê chuẩn trong trường hợp may mắn.

Trong thời kì Kádár nhiều nhà trí thức Hungary hàng đầu dưới hình thức nào đó đã có quan hệ cá nhân với Aczél György(+). Không phải nhiệm vụ của bài viết này đi đánh giá sự nghiệp của Aczél, và đưa lên cân tiểu li, khi nào và lợi bao nhiêu hại bao nhiêu. Tôi không phán

https://thuviensach.vn

xét những người thường xuyên hay thi thoảng ăn tối với ông, những người gõ cửa ông vì sựưu tiên chiếu cố hay –hoàn toàn vô tư-thử nhờ ông can thiệp giúp các bạn mình đang ngồi tù. Tôi chỉ coi là có tầm quan trọng tượng trưng, rằng tôi thuộc số ít "nhà trí thức hàng đầu", những người đã chẳng bao giờ tìm đến Aczél.(**)

(*) Tôi dùng cụm từ này lần đầu tiên trong bài viết năm 1986 (1986c) cho tạp chí Mĩ *Journal of Economic Literature* (JEL). Đầu đề của chương này gợi nhớ đến đầu đề của bài báo JEL. Trong bài báo tôi gọi Péter György, cha đẻ củaý tưởng cải cách Hungary, Włodzimierz Brust, nhà trí thức dẫn đầu của xu hướng cải cách Ba Lan, Ota Sik, nhà kinh tế học chính của mùa xuân Praha. Tôi liệt cả Gorbachev vào đây. Nhiều nhà kinh tế học đã trải qua pha "nhà cải cách ngây thơ", trong khi ở tất cả họ pha này có thể được giới hạn vào các thời điểm bắt đầu và kết thúc khác nhau. (Có người đã chẳng bao giờ từ bỏ niềm tin ngây thơ của mình).

(+) Uỷ viên Bộ chính trị đảng cộng sản, phụ trách văn hoá tư tưởng và công tác lí luận

(**) Mùa thu năm 1980 Aczél nhắn tin cho tôi, qua chủ tịch uỷ ban kế hoạch Faluvégi Lajos. Ông bày tỏ sự không vừa ý của mình liên quan đến bài báo, mà tôi viết về mâu thuẫn giữa đạo đức xã hội chủ nghĩa và nguyên tắc hiệu quả. (Rồi mau chóng hoá ra là, ông không phải là người duy nhất chê trách bài báo). Tôi nghe hết lời nhắn, và tôi chỉ trả lời ngắn này: dường như chúng ta đã không thống nhất. Muộn hơn tôi cũng nhận được nhận xét phê phán bằng văn bản từ Faluvégi Lajos.

Tôi thừa nhận, rằng thái độ của tôi về khía cạnh này đã không nhất quán. Tôi đã tránh xa hội Aczél. Ngược lại – như tôi đã nhắc đến – tôi đã không xấu hổ đi yêu cầu Nyers Rezső giúp kiếm điện thoại. Mà Nyers xét cho cùng vẫn là uỷ viên Ban chấp hành Trung ương, sau khi bị đá ra khỏi ban lãnh đạo tối cao của đảng, và về chỗ chúng tôi làm giám đốc. Tôi đã không tham gia vào các "ban chuyên môn", các uỷ ban hoạt động bên cạnh trung ương đảng. Thế nhưng giữa chừng tôi không tránh việc tôi cảm thấy tình bạn thân thiết với đồng nghiệp, người là uỷ viên ban lãnh đạo đảng ở nơi làm việc của tôi, thậm chí một thời gian đã giữ chức bí thư đảng. Tôi không đánh giá con người theo, họ có là đảng viên hay không. Tuy nhiên, có lẽ vẫn hơi không

https://thuviensach.vn

nhất quán, trước hết sở dĩ tôi đã lẩn tránh công tác cải cách tích cực, bởi vì *về mặt tổ chức* nó cũng gắn với sự lãnh đạo của đảng, và –tôi cảm thấy – nó sẽ đưa tôi vào cái vòng gồm "các bạn đường" vây quanh trung ương đảng. (*)

Như cái thứ hai tôi nhắc đến, nhưng là số một, tính chất của hình thức cư xử và của phạm vi nhiệm vụ gắn mật thiết nhất với nhân tố chính trị, mà tôi đã vạch ra cho mình sau 1956. Tôi đã phân biệt nghiêm ngặt (tôi phải thú nhận, đôi khi quá nghiêm ngặt) hai loại nghề nghiệp khả dĩ, nghề của "nhà hoạt động" ra quyết định chính trị hay muốn ảnh hưởng đến các quyết định đó và của nhà nghiên cứu khoa học.(**)Hai phạm vi hoạt động này cần các năng khiếu khác nhau, và tạo ra các hình mẫu ứng xử khác nhau trong người thực sự hết lòng hết sức cho vai trò này hay vai trò kia. "Nhà hoạt động" phải là người khôn khéo, có chiến thuật, có tài mánh khoé, có mưu, uyển chuyển và sẵn sàng thoả hiệp, nếu thành công đòi hỏi điều này. Tất cả những thứ này là có giá trị trong chính trường, nhưng đi liền với những nguy hiểm trầm trọng trong nghiên cứu khoa học. Trong lĩnh vực chính trị "sự toả [sáng]" của người đó mạnh lên, người tin kiên định vào cái mình nói và làm. Còn nhà khoa học thì phải khách quan; phải cân nhắc các lí lẽ và phản lí lẽ không dựa vào niềm tin mà vào lí trí, và luôn luôn phải giữ trong mình một liều lượng lớn nghi ngờ ngay cả đối với các thuyết được mình chấp nhận nữa. Người muốn cải tạo xã hội theo tầm nhìn riêng của mình với cảm giác sứ mệnh cứu thế, khó có khả năng giữ trong mình các tính chất, có thể mong đợi từ người làm khoa học.

Tôi không thích làm bất cứ thứ gì với nửa trái tim. Tôi không có khả năng bằng nửa khối óc và trái tim của mình đồng nhất với vai trò của nhà hoạt động, còn bằng nửa kia thì với vai trò của nhà nghiên cứu khoa học. Người khác có lẽ có khả năng, tôi thì không. Tôi sợ, nếu thử, thì tôi sẽ bị vấp trong cả hai vai.

Tôi xin lỗi bạn đọc là tôi nêu đi nêu lại thế lưỡng nan này. Tôi cũng chẳng thể hứa, rằng trong phần còn lại của cuốn sách tôi sẽ không bao giờ quay lại nữa, bởi vì nó kéo suốt cuộc đời tôi. Trong các tình huống lịch sử khác nhau, liên quan đến vấn đề lựa chọn cụ thể khác nhau, hết lần này đến lần khác lại luôn nổi lên đối với tôi các thế lưỡng nan khó xử, giữa đóng vai trò chính trị và tập trung hoàn toàn cho công tác khoa học. Điều này giải thích, rằng như một trong những chủ đề chủ

https://thuviensach.vn

đạo, nó cũng đi khắp tiểu sự tự thuật của tôi, điều đó không tránh khỏi kéo theo sự lặp lại.

(*)Chắc chắn do sự động viên của nhà kinh tế học, viện sĩ nào đó mà Szentágothai János, chủ tịch Viện Hàn Lâm Khoa học Hungary cũng đã nhận xét một cách mỉa mai: "Vì sao cậu lại khắt khe đến vậy? Vì sao cậu lại sợ đến mức là bùn sẽ vấy lên áo choàng sạch sẽ của cậu?"

(**) Tôi đã do dự trong việc lựa chọn thuật ngữ, rồi cuối cùng tôi đã quyết định dùng từ "activist-nhà hoạt động" thường dùng trong ngôn ngữ thông thường chính trịở Mĩ. Vai trò này trùng đáng kể với cái, người ta quen gọi là của "nhà chính trị", nhưng từ nhà chính trị tôi dành cho những người làm chính trị với tư cách là nghề chính (thí dụ với tư cách lãnh đạo của một đảng hay một phong trào, nghị sĩ, hay giữ chức cao trong chính quyền). Người mà tôi gọi là "nhà hoạt động", có nghề dân sự nào đấy, sống bằng nghềđó, nhưng phần đáng kể (mà là phần tích cực nhất) năng lực của mình được dành cho ảnh hưởng đến các sự kiện chính trị.

Như thế tựu chung - vượt quá giai đoạn "nhà cải cách ngây thơ" của đời mình – tôi đã trở thành nhà phân tích phê phán của cải cách kinh tế xã hội chủ nghĩa. Hoàn toàn không có chuyện, tôi quay lưng lại với vấn đề. Nó làm tôi quan tâm mạnh mẽ ngay cả trong các năm, khi tôi chẳng viết một dòng nào về nó. Tôi có đọc bao nhiêu cuốn sách hay bài báo, thì hết lần này đến lần khác tôi cân nhắc: suy ra cái gì từ chúng liên quan đến nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó không chỉ khi học, thì sự quan tâm đặc biệt này mới sống trong tôi. Tôi tỉnh táo theo dõi những thay đổi nào xảy ra trong thực tiễn chỉ đạo kinh tế.

Vài năm sau lĩnh vực vấn đề cải cách cũng nổi lên hàng đầu trong công việc nghiên cứu của tôi. Ngay cả *Anti-Equilibrium* cũng đụng đến chủ đề ở nhiều điểm. Khi viết *Sự thiếu hụt* tôi đã ám chỉ ý tưởng, rằng các nét loạn chức năng đặc trưng nhất cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có thể được giải thích bằng các tính chất *cơ bản* của chủ nghĩa xã hội, và những cải cách từng phần ở *bên trong* hệ thống, nhiều nhất có thể làm nhẹ bớt chúng, nhưng không thể chấp dứt chúng. Chính việc nghiên cứu nền kinh tế Hungary được cải cách nửa vời, bề ngoài có vẻ hướng theo lợi nhuận, đã lưu ý tôi đến hiện tượng *ràng buộc ngân sách mềm*.

https://thuviensach.vn

Muộn hơn tôi đã viết nhiều tiểu luận, mà chủ đề chính là mô tả và phân tích cải cách. Như thế liên quan đến *chủ đề*, các bài viết này giống như các công trình, mà các đồng nghiệp thường được gọi là "các nhà kinh tế cải cách" đã trình bày. Chúng tôi công bố trên cùng các tạp chí Hungary. Cũng đã xảy ra là, chúng tôi đã trình bày nội dung muốn nói của mình trong cùng diễn đàn Hungary hay quốc tế.

Các bài viết và bài trình bày của tôi bày tỏ một cách rõ ràng, rằng tôi có thiện cảm với ý tưởng cải cách. Tôi đã không là "người cổ vũ ngược", mà chính là ngược lại: tôi đã vui, nếu sự nghiệp cải cách ngày càng tiến triển thành công. Chẳng có gì lạ trong chuyện, tôi phê phán tình trạng cải cách, "các nhà kinh tế học cải cách" cũng làm việc này, với những lời lẽ không kém gay gắt. Tuy nhiên đã có sự khác biệt căn bản giữa cách tiếp cận của họ và của tôi. Câu then then chốt của nhà cải cách tin tưởng là: "*vẫn* chưa…" Hệ thống giá vẫn chưa đủ tốt. Bộ máy nhà nước quan liêu vẫn chưa tránh đủ xa đời sống của các doanh nghiệp. Thị trường vốn vẫn chưa hoạt động v.v. và v.v. Vẫn chưa… nhưng đây chỉ là tạm thời. Tất cả trước sau rồi sẽ có thể trở nên tốt hơn.

Ngược lại, tôi không tin vào kịch bản lạc quan này. Theo mẫu của công thức "hoài nghi châu Âu" tôi có thể gọi những linh cảm khi đó của mình là "hoài nghi cải cách". Bạn tôi Laki Mihály, với sự châm biếm ý nhị, đã gọi mình, gọi tôi, và vài đồng nghiệp khác, những người suy nghĩ giống vậy, là "rầu rĩ cải cách". Chúng tôi kinh tởm cái mà từ cải cách chúng tôi cảm thấy là gian giảo, là giả mạo, là "làm ra vẻ", là giả vờ. Đây không phải là nền kinh tế thị trường *thật*! Như thế cũng chẳng thể trở thành thật được!

Chúng ta đang trong các năm 1970 và 1980. Thời gian đã trôi lâu kể từ khi, sự thanh tâm, giải toả (catharsis) *chính trị-đạo lí* đã bẻ gãy trong tôi niềm tin vào sự đổi mới của chủ nghĩa xã hội. Từđó việc nghiên cứu các tài liệu chuyên môn phương Tây, việc làm quen trực tiếp với nền kinh tế phương Tây hiện đại, sự suy nghĩ phê phán các mối quan hệ giữa sở hữu công, sở hữu tư, bộ máy quan liêu và thị trường trên bình diện duy lí, với tư cách nhà kinh tế học và nhà nghiên cứu xã hội cũng đã thuyết phục tôi rằng: nền kinh tế dựa vào ưu thế của sở hữu công không phù hợp với chuyện, thị trường đóng vai trò chính trong điều phối các quá trình kinh tế. Vấn đề không phải là, tính

https://thuviensach.vn

chất thành phần đặc trưng này hay nọ của nền kinh tế thị trường "vẫn chưa…" có hiệu lực. Sự thực là, chỉ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa mới có thể là nền kinh tế thị trường *thật* (chứ không phải giả tạo, giả vờ). (*)

(*) Học thuyết kinh tế của Marx xúi bẩy sự nghi ngờ chống lại thị trường. Những người Marxist-Leninist trung thành hoàn toàn đúng, khi họ tuyên bố, rằng những người ủng hộ cải cách thị trường là những người có quan điểm "chống Marxist". Tôi đã tránh chuyện, trong các bài viết của mình bản thân tôi cũng nói cùng điều này, bởi vì tôi đã không muốn bằng việc này gây ra sự cắn rứt lương tâm trong các nhà cải cách vui lòng tự gọi mình là các nhà Marxist.

Niềm tin này làm cho quan hệ của tôi liên quan tới các kiến nghị của chính các nhà cải cách nhiệt tình nhất trở nên mang tính nước đôi. Liệu các kiến nghị này đưa việc thực hiện nền kinh tế thị trường thật đến gần hơn ở mức độ nào? Chúng không gây ra các ảo tưởng sai lầm hay không? Trong nhiều người ngây thơ, có thiện ý, một phần nào đấy có niềm tin xã hội chủ nghĩa, chúng không tiếp sức sống cho hi vọng (sai lầm, hi vọng hão huyền), theo đó sự tồn tại của cấu trúc chính trị tuyên truyền các nguyên tắc Marxist-Leninist, thuyết giáo ý thức hệ "chống tư bản chủ nghĩa", ưu thế của sở hữu nhà nước, lại có thể dung hoà được với thị trường? Họ có thể nghĩ, rằng cần thêm vài biện pháp cải cách cương quyết, và khi đó chúng ta có thể bước sang "con đường thứ ba", cũng là xã hội chủ nghĩa, và cũng chẳng là xã hội chủ nghĩa, là nền kinh tế thị trường-tuy nhiên không có chủ nghĩa tư bản thật sự với tất cả tính chất xấu xa của nó. Sự khác biệt *lí thuyết* cơ bản đã tách tôi khỏi các nhà kinh tế học cải cách, những người vẫn tiếp tục tin, rằng chủ nghĩa xã hội thị trường là có thể thực hiện được.

Tôi đã lâm vào nhiều loại tranh luận. Trong vài trường hợp đối thoại đã xảy ra mặt đối mặt. Khi khác, đúng hơn họ chỉ tranh luận với tôi một cách gián tiếp, ám chỉ đến các quan điểm hay thái độ của tôi. Các mũi tên đổ ào ào lên tôi từ nhiều phía. Tôi kể vài tình tiết đặc trưng; như thế bạn đọc có thể hình dung rõ hơn, tôi đứng ở đâu khi đó.

"Đáng lẽ ra anh ta phải bảo, chúng ta hãy làm gì…"

Một trong những nhân vật huyền thoại của thời cải cách là Liska Tibor. Chúng tôi đã đụng chạm nhau gay gắt nhiều lần, nhưng ngày nay tôi vẫn thân mến hồi tưởng lại các bài phát biểu lôi cuốn, bốc lửa

https://thuviensach.vn

từ niềm tin, tôi kính trọng sự sắc sảo, thông minh và tính thẳng thắn, sự trung thành với nguyên tắc không dùng chiến thuật rẻ tiền của ông. Liska là một nhà tiên tri lạ lùng của chủ nghĩa tư bản xã hội chủ nghĩa hay của chủ nghĩa xã hội tư bản chủ nghĩa. Theo tầm nhìn của ông, mọi công dân hãy nhận được phần của mình từ tài sản tập thể của nhân dân. Đấy hãy là vốn ban đầu, mà sau đó công dân sử dụng với tư cách doanh nhân trong nền kinh tế hoạt động theo các quy tắc thị trường. (*)Liska đã phác hoạ một sốđiểm của kế hoạch với sự kĩ lưỡng cực kì chi tiết, các phần khác, ít quan trọng hơn thì vẫn hoàn toàn mơ hồ. Lòng tin trong trắng của Tibor vào yêu cầu đạo đức cao thượng về các cơ hội bình đẳng, sự tôn trọng của ông đối với sáng kiến kinh doanh đặc trưng cho chủ nghĩa tư bản, và niềm tin của ông rằng bất cứđiều không tưởng nào cũng có thể thực hiện được, chỉ cần ham muốn mạnh mẽ, đã hoà trộn trong dự định.(**)

(*) Có thể hiểu được, rằng thành viên này thành viên nọ của giáo phái Liska sau khi thay đổi chế độ đã cốđòi kì được việc chia không tài sản nhà nước [cho công dân], ủng hộ "tư nhân hoá theo cupon".

(**)Tác phẩm được nhắc đến nhiều lần của Liska, *Ökonosztát*, được ông viết vào năm 1966, nhưng suốt 22 năm chỉ được truyền tay ở dạng samizdat, tự xuất bản chui. Trong những ngày cuối của thời kì Kádár, 1988 lần đầu tiên được xuất bản ở dạng sách in. Tuy thế Liska chẳng bao giờ tổng kết tầm nhìn cải cách của ông ở dạng ngay ngắn và súc tích. Bạn đọc ngày nay có thể có được cái nhìn tổng quan tốt nhất từ bài báo viết năm 1988 của F. Liska Tibor.

Liska đã là "guru", được các tín đồ say mê bao quanh. Ông tổ chức các buổi họp, đến đó ông mời các nhà kinh tế học có tiếng, những người thử lí lẽ với giọng chắc chắn -thế nhưng Liska, với vài cú đấm lập luận mạnh mẽ, ông luôn luôn đo ván họ, và thắng knock-out. Một lần ông cũng đã thách tôi đến trận đấu bốc trí tuệ. Tôi trình bày nội dung muốn nói của mình theo cách quen thuộc của tôi, cân nhắc một cách khách quan tình trạng của nền kinh tế Hungary được cải cách nửa vời, ngoài ra các ưu điểm và khuyết điểm củaý tưởng của Liska, những khả năng thực tế và các hạn chế của cải biến xã hội.[172] Tibor trở nên tức giận. Thật thú vị trích nguyên lời ông, nhưng đã không còn biên bản chính xác. Vì thế không dựa vào kí ức của bản thân tôi, mà dựa vào hồi cứu của Liska Tibor tôi thử tái hiện cái ông đã nói: "… đấy là cái kiểu học giả dạy đời [tức là bài thuyết trình của Kornai], mà nó xem, cứt lên chính xác đến đâu, và cứt như thế nào, chứ không phải, làm sao có thể bò ra khỏi đống cứt này. Cái khác biệt cơ bản, bởi vì nếu ai đó muốn phân tích cứt, và muốn hí hoáy đo cứt, xem đã lên đến

https://thuviensach.vn

cổ hay chưa, hoặc đã chảy vào mồm mình hay chưa, và có chảy vào mắt mình hay chưa và có làm xót mắt hay không – là cách tiếp cận loại hoàn toàn khác với loại, bảo rằng: cũng hoàn toàn như nhau cả thôi, dù cứt có lên đến đâu, đơn giản là phải bò nhanh ra khỏi đấy".[173]

Tốt biết bao nhiêu, nếu giả như lúc đó tôi đã nhớ một cú đánh trả sắc sảo và ý nhị nào đấy – nhưng cuộc đấu như vậy chẳng bao giờ là thế mạnh của tôi. Tôi đã chỉ có khả năng diễn đạt các phản lí lẽ điềm đạm, khô khan – và tách nhanh khỏi những người nghe rừng rực -, rằng nhiệm vụ của khoa học là quan sát và hiểu thực tế. Các nhà kinh tế học Hungary không cần phịa ra các ảo tưởng rối ren, mà phải hiểu biết cặn kẽ hiện thực của Hungary và hiện thực của nền kinh tế thị trường, để chọn ra con đường thực tế nhằm xoay chuyển tình hình.

Một trong những thủ lĩnh xuất sắc của các nhà kinh tế học cải cách Hungary đã là Antal László, cán bộ hàng đầu của Viện Nghiên cứu Tài chính. Ngược với Liska ông đã không phải là nhà tiên tri, mà là nhà quan sát có con mắt sắc sảo, một người hiểu biết tốt nhất nền kinh tế Hungary mọi thời, nhà phân tích có suy nghĩ thực tế và có khả năng đánh giá tốt. Ngược với tôi, ông là nhà "hoạt động" đến tận xương tuỷ, mà sự ham mê, ý nghĩa thực sự của ông đã là (và tôi tin, vẫn là) tham gia vào hình thành các quyết định. Đối với ông đã quan trọng hơn là việc, ở hậu trường ông đưa ra các lời khuyên cho những người có thực quyền quyết định trong tay, hơn là chú ý đến các bài được công bố trong nước. Còn nói chung ông không cho việc, trình bày các ý tưởng của mình cho các đồng nghiệp nước ngoài, một tầm quan trọng nào. Năm 1983 tạp chí *Đời sống và Văn học* đã phỏng vấn ông. Phóng viên, Szénási Sándor, đã hỏi ông: "Ông thích gọi mình là nhà kinh tế học cải cách. Cái này so với người »trung bình« có nghĩa là trạng thái đặc biệt như thế nào?" Antal trả lời như thế này:

"Nếu tôi phải đưa ra sự phân biệt, tôi có thể nói, rằng có các nhà kinh tế học, những người chỉ đảm nhận vai trò quan sát, mô tả, và từ một vị thế đạo lí, thêm nữa không rủi ro để đưa ra các chẩn đoán – nhưng không đưa ra các kiến nghị. Tuy tôi thừa nhận, rằng họ có quyền đó, lập trường cơ bản này làm tôi bực mình. Tôi cố gắng tác động đến các quyết định một cách công khai và được thú nhận".[174]

Ai không có tật, thì đừng giật mình.(+) Thế mà khi đó tôi cũng đã giật mình, đã khoác lời nhận xét của Antal vào mình. Tôi đã cảm thấy,

https://thuviensach.vn

không chỉ Antal, mà khá nhiều nhà kinh tế học cải cách nữa cũng không ưa thái độ của tôi liên quan đến cải cách một cách tương tự.

(+) Thành ngữ Hungary, nguyên văn là: Không phải áo của mình, thì đừng khoác vào.

Tại chỗ này tôi phải lặp lại mộtý tưởng, mà trong một chương trước, tôi đã trình bày khi nói về "việc xuất bản chui-samizdat". Về phần mình tôi coi không phải một loại thái độ *duy nhất* là chính đáng về mặt đạo lí, cụ thể là của bản thân tôi, trong khi các loại thái độ khác "gây bực mình". Có các loại thái độ, mà tôi khinh bỉ, mà tôi lên án về mặt đạo đức. Mặt khác tôi cảm thấy không phải một thái độ duy nhất, mà nhiều loại thái độ là có thể chấp nhận được về mặt đạo đức. Tốt, là đã có những người hoạt động chính trị tích cực trong di tản ở hải ngoại. Tốt, là ở trong nước đã có các chiến sĩ bí mật chấp nhận sự săn đuổi của công an. Tốt, là đã có "các nhà cải cách", những người bằng lời mình thử đưa các nhà chỉ đạo chính thống của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sang con đường tốt hơn. Thế nhưng cũng tốt, là đã có các nhà phân tích khách quan, những người bằng khảo sát khoa học đã thử vạch ra bản chất thực của hệ thống. Rốt cuộc cũng tốt, là giữa các dạng thái độ và cách sống này đã có thể hình thành sự phân công lao động có ý nghĩa.

Đôi khi trong tôi cũng lấn át cái tâm trạng tức tối do những nhượng bộ mà "các nhà kinh tế học cải cách" đã thoả hiệp với các ông chủ quyền lực gây ra, nhưng cuối cùng đã thành công kìm nén các xúc cảm này trong bản thân mình, và tôi đã không lên tiếng công khai. Sự nhìn nhận, rằng trong hoạt động của họ, có nhiều cái lợi hơn là cái hại mà những nhượng bộ của họ có thể gây ra, đã thắng thế trong tôi. Có thể là, cách nhìn nhận này không tìm thấy sự báo đáp ở người này-người nọ trong số "các nhà kinh tế học cải cách". Chỉ có thể lần theo dấu vết của lời được nói ra và được viết ra. Tôi không thể biết, cái gì đã xảy ra trong tâm hồn sâu thẳm của các đồng nghiệp này.

Tôi muốn thêm một nhận xét nữa vào tranh luận về thái độ. Trong giãi bày ở trên tôi đã đưa *tính hữu ích* của phân tích có tính khắt khe khoa học về hệ thống xã hội chủ nghĩa như lí lẽ ủng hộ con đường tôi đã chọn. Bây giờ cũng, nhưng trong các chương trước tôi cũng đã nhấn mạnh, rằng phê phán lí thuyết đã tỏ ra là *công cụ* có thể sử dụng được trong quá trình làm suy yếu các nền tảng của chế độ cộng sản, và cuối

https://thuviensach.vn

cùng đã dẫn đến sự sụp đổ và vượt quá chế độ này. Cho dù chức năng này có quan trọng đến thế nào, tôi không muốn bó hẹp vai trò của khoa học xã hội ở chuyện, nó có thể dùng được như công cụ chính trị cho mục đích của sự nghiệp tốt đẹp. Sự nhận thức *bản thân nó cũng có giá trị của nó*. Có người, mà nhận thức và sự hiểu biết cũng tạo ra niềm vui. Điều này đã luôn là thế và vẫn là thế, chừng nào đã có và sẽ có những người, coi công tác khoa học là sự nghiệp của đời mình.

Tính hiệu quả và đạo đức xã hội chủ nghĩa

Năm 1979 người ta mời tôi đến Ireland với tư cách diễn thuyết viên của "Greary Lecture" được tổ chức hàng năm để tôn vinh R. C. Greary, nhà kinh tế học và thống kê học nổi tiếng. Ở đó tôi giới thiệu, ở dạng đã chín muồi hơn, dòng tư duy mà phác thảo đầu tiên tôi đã trình bày ở Ấn Độ.(*)

Tôi đặt hai loại hệ thống giá trị đối mặt với nhau. Một là: cần phải thoả mãn những đòi hỏi nào, để cơ chế thị trường càng thúc đẩy tính hiệu quả của các hoạt động kinh tế. Cái thứ hai: đạo đức xã hội chủ nghĩa đưa ra những đòi hỏi như thế nào. Việc giãi bày dẫn đến kết luận, rằng không thể đồng thời thoả mãn hoàn toàn cả hai hệ thống yêu cầu. Tôi đã không có khả năng chứng minh bằng mô hình toán học nghiêm ngặt "định lí bất khả thi" này. (Cho đến nay tôi lấy làm tiếc, rằng đã chẳng có ai xử lí vấn đề này). Đúng hơn tôi chỉ lập luận ủng hộ phỏng đoán này, và đưa những sự không nhất quán của cải cách Hungary làm minh hoạ. Thí dụ sựđoàn kết, nghĩa vụ giúp những người yếu có thể mâu thuẫn với cạnh tranh kinh tế, trong đó những người bị rớt lại lâm vào tình thế bất lợi thật sự và chịu những thiệt thòi đau đớn.

(*) Trong đời mình chẳng lần duy nhất nào tôi đã trình bày bằng cách đọc văn bản đã chuẩn bị trước. Tôi đã cố, rằng mỗi giãi bày tôi đều trình bày bằng lời, nếu có thể nhiều lần. Rút ra bài học từ phản ứng của những người nghe tôi cố gắng cải thiện, làm chín việc giãi bày từ bài giảng này sang bài giảng nọ. Và chỉ khi tôi cảm thấy đã đủ chín, thì tôi mới bắt đầu diễn đạt bằng văn bản.

Nội dung muốn nói trước hết tôi dành cho những người, đã dàn hoà quá dễ dàng trong bản thân mình niềm tin xã hội chủ nghĩa và sựủng hộ cải cách thị trường; cứ như là sự cộng sinh lạ lùng này chẳng hề có nan giải gì.

https://thuviensach.vn

Khi tôi đến cuối bài phát biểu của mình, người được tôn vinh xin phát biểu, và đặt câu hỏi cho tôi. Ông rất thích, là ở các nước xã hội chủ nghĩa không có thất nghiệp, thậm chí có thể nhận thấy thiếu sức lao động. Mặt khác ông thấy tốt là, trong thế giới tư bản chủ nghĩa không có thiếu hụt hàng hoá, có thể mua được mọi thứ. Liệu không thể kết hợp các ưu điểm của hai hệ thống này ư, mà không có các nhược điểm của chúng?

Tôi đã trả lời, mà muộn hơn trong lời kết của bài báo được đăng năm 1980 tôi cũng đã diễn đạt bằng văn bản: "… nảy ra ý tưởng: phải thiết kế một «hệ thống kinh tế tối ưu»… Ai cố làm điều này, đại loại tưởng tượng, rằng mình có thể đi thăm một siêu thị. Trên các kệ có thể thấy các yếu tố cơ chế khác nhau, những hiện thân của các tính chất có lợi thuộc loại khác nhau của các hệ thống. Trên một kệ là toàn dụng lao động, công ăn việc làm đầy đủ, như đã được thực hiện ở Đông Âu. Trên kệ khác là tính tổ chức xí nghiệp ở trình độ cao và kỉ luật được biết đến ở Tây Đức hay Thuỵ Sĩ. Trên kệ thứ ba là tăng trưởng kinh tế không có suy thoái, trên kệ thứ tư là sự ổn định giá cả, trên kệ thứ năm là sự thích ứng nhanh của sản xuất trong nước với các nhu cầu thị trường nước ngoài. Nhà thiết kế hệ thống chẳng có việc gì khác, ngoài việc đẩy xe mua hàng trước mặt mình và gom «các yếu tố tối ưu», rồi đi về nhà và ráp chúng thành «hệ thống tối ưu». Chỉ có điều, đây là giấc mơ hão huyền ấu trĩ. Lịch sử không duy trì loại siêu thị như vậy, trong đó chúng ta có thể chọn tuỳ ý. Chỉ có thể lựa chọn giữa các gói «kết nối hàng hoá» khác nhau, được ráp sẵn trước, đối với ai, muốn bày tỏ lập trường về, mình ưu tiên hệ thống nào hơn…"[175]

Khi tiểu luận xuất hiện năm 1980 trong *Valóság [Sự thật]* (rồi sau đó ở nước ngoài, bằng nhiều thứ tiếng), đã gây ra tiếng vang lớn, bởi vì nó bơi ngược dòng, ngược tầm nhìn của "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" hoạt động hài hoà.

Tôi không thể dừng lại, mà không đi một đoạn đường rẽ ngắn ở đây. Tôi muốn làm sống lại một tình tiết, gắn chính với tiểu luận vừa được nhắc đến. Khoảng khi đó bỗng xuất hiện trong đời sống xã hội Hungary Lengyel László. Đầu tiên anh ta mài bút của mình lên Berend T. Iván và Ránki György, những người đã bác bỏ những nhận xét của anh ta. Sau đó, kết hợp với Polgár Miklós, anh ta bày tỏ ý kiến về bài tính hiệu quả-đạo đức của tôi. Hội Lengyel trình bày hai ý tưởng. Thứ

https://thuviensach.vn

nhất, đứng đằng sau mọi quan niệm đạo đức đều là các lợi ích nhóm xác định. Thứ hai, không đúng, rằng các mâu thuẫn được thảo luận trong bài báo của tôi gây ra các tai hoạ của cải cách.

Chủ nghĩa Marx thông tục quá đáng của khẳng định thứ nhất đơn giản tôi còn giải quyết được trong mình bằng một cái phảy tay. Với cái thứ hai, tuy vậy, tôi không muốn bỏ qua mà không có lời nào. Tôi đã trả lời rất gay gắt, và tôi đòi các tác giả tôn trọng tính chính trực của tranh luận. Chính vì ngay trong dẫn nhập bài báo tôi đã khẳng định: *không* tiến hành phân tích *nhân quả*. Trong tiểu luận của tôi chẳng hề có chuyện, tôi giải thích các tai hoạ của nền kinh tế hay những khó khăn của cải cách Hungary bằng sự xung đột giữa hai loại hệ giá trị. Góp ý cũng đã bẻ cong nội dung của bài báo của tôi ở các điểm khác nữa.

Người ta viết những nhận xét phê phán về tôi vô số lần, và tôi không có thói quen phản ứng lại. Nếu tôi không đồng ý với cái gì đấy, hầu như trong mọi trường hợp tôi cho qua mà không có tranh luận; còn nếu tôi coi bài phê bình là có thểđáng chú ý đến, thì ảnh hưởng của nó tốt nhất có thể đọc được từ nội dung của các bài viết muộn hơn của tôi. Cái mà tôi cảm thấy không thể chấp nhận được trong bài viết của Lengyel và Polgár, đã là sự vi phạm đạo đức bất thành văn của tranh luận.(*)

Trong phỏng vấn tiểu sử tự sự của mình với Hankiss Elemér, Lengyel László đã quay lại vụ khó chịu này. Anh ta nói, rằng –tôi trích-"kiểu tranh luận của chúng tôi đã phát sinh từ phong cách Marxian không khoan nhượng, châm biếm, coi khinh, hay đúng hơn từ tính vô lễ khoa học… Trong các năm bảy mươi tôi đã châm biếm tấn công vào Kornai, Berend, Ránki. Dù tôi đã đúng đến thế nào trong nhiều thứ, tôi thừa nhận, rằng tôi đã muốn mạt sát cá nhân họ".[176] Giọng tự phê bình chân thật đáng được coi trọng. Nhưng tôi vẫn quay lại một tình tiết, bởi vì tôi thấy, Lengyel chỉ lên án phong cách cẩu thả của mình khi ấy. Chỉ có điều ở đây không chỉ có vấn đề với *phong cách* của bài phê bình, mà trước hết là với *phương pháp* không thể dung tha được của nó. Lengyel nhớ tôi, khi ông mô tả đặc trưng lập trường riêng của mình khi tranh luận với tôi: "dù tôi đã đúng đến thế nào trong nhiều thứ…" Đọc lại tranh luận xảy ra lúc đó, ngày nay tôi cũng thấy: *Trong nội dung* của các nhận xét phê phán, họ cũng đã

https://thuviensach.vn

chẳng đúng. Bóp méo lập luận của tôi họđã tự ý bày ra các khẳng định, mà họ đổ cho tôi – và sau đó họ tranh luận với chúng. Sở dĩ tôi quay lại tranh luận cũ này, bởi vì cái "kĩ thuật tranh luận" loại này ngày nay vẫn còn sống, thậm chí chỉ bây giờ mới phổ biến thật sự trong phạm vi rộng. Không thể chấp nhận được, rằng trong đời sống xã hội Hungary ngày nay, trong báo chí, trong các sản phẩm trí tuệđã trở thành chuyện cơm bữa, rằng người ta bẻ cong nội dung của đối thủ, rồi sau đó đi phủ nhận hay bác bỏ cái khẳng định bị làm giả mạo ấy.

Tầm quan trọng của các quyền sở hữu

Năm 1983 Szegő Andrea nhà xã hội học-kinh tế học đã bày tỏ ý kiến trên các cột báo của *Valóság* đối với tranh luận về cải cách.[177] Bà nhấn mạnh, rằng bà không đòi hỏi sự phục hồi Stalinist, nhưng cũng lúc đó bà ủng hộ sự tập trung mạnh hơn – và được thực hiện bằng các công cụ hiện đại hơn. Trong bài viết của mình, bà phê phán quá trình cải cách "từ phía tả", nhiều lần dẫn chiếu một cách tán thành đến *Sự thiếu hụt*. Bà đọc thấy từ tác phẩm của tôi, rằng sở hữu công sinh ra nền kinh tế thiếu hụt, tức là hiện tượng, mà sản xuất không do cầu, mà do các nguồn lực giới hạn. Như thế chừng nào sở hữu công còn chiếm ưu thế, cải cách chẳng thể làm thay đổi bản chất cơ bản của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Điều tiết tập trung thích hợp hơn với sở hữu công, hơn là cơ chế thị trường. (**)

(*)Thời gian đó tôi đã bị nhục mạ nghiêm trọng, khi các nhà tư tưởng của chế độ áp bức Kádár đã phỉ nhổ tôi. Trong con mắt tôi sự phê phán là không thể chấp nhận được về mặt chính trị và trí tuệ - nhưng tôi không cảm thấy công phẫn *đạo đức*. Họ đứng ở phía bên kia chiến hào trí tuệ, và họđã không giả mạo các ý tưởng của tôi. Họ đã lên án cái, mà tôi đã thực sự khẳng định và tôi đã thực sự nghĩ.

(**) Muộn hơn, năm 1991 từ quan điểm " kiểu Kalecki" Szegő Andrea đã phê phán *Sự thiếu hụt*, và tách mình khỏi các lí thuyết của tôi.

Không bao lâu sau các nhà kinh tế học cải cách lao vào tranh luận với Szegő Andrea. Khá độc đáo từ quan điểm này là bài báo được công bố năm 1983 của Bácskai Tamás và Terták György. Bác bỏ sự diễn giải "tả khuynh" các ý tưởng của tôi, họ đã bênh vực tôi, và nhấn mạnh rằng, các công trình của tôi ủng hộ cải cách.(*)

https://thuviensach.vn

Tôi cảm thấy dằn vặt khi đọc tranh luận. Đúng, tựđáy lòng tôi mong cải cách càng thành công hơn.Tôicoi bất cứ loại phục hồi "tả khuynh" nào là có hại. *Theo nghĩa này* tôi đã đứng về phía các nhà cải cách. Cùng lúc đó, tuy nhiên Szegő Andrea mới là người hiểuý tưởng lí thuyết cơ bản của các công trình của tôi, chứ không phải những người muốn bênh vực tôi đối lại với bà. Nếu muốn thị trường, thì cũng phải muốn sở hữu tư nhân. Ngược lại nếu cố bám lấy ưu thế của sở hữu công, thì đừng ngạc nhiên, rằng điều tiết quan liêu lấy lại sức hết lần này đến lần khác. Cái trò tỏ vẻ khéo cải cách, muốn làm mối cho sở hữu công và điều phối thị trường, không có khả năng hoạt động lâu dài, trơn tru, không có các rắc rối lớn. Trong một bài viết muộn hơn tôi cũng trình bày chi tiết: có ái lực tự nhiên giữa sở hữu tư nhân và điều phối thị trường, cũng như giữa sở hữu công và điều phối quan liêu.[178] Họ muốn bù cho ái lực tự nhiên bằng các quy tắc được vẽ ra một cách nhân tạo, khi giữa sở hữu công và thị trường họ tạo ra cuộc hôn nhân bắt buộc.

Trong các tiểu luận của tôi được công bố năm 1981 và 1986-1987, mà trong đó tôi đã đánh giá tổng kết quá trình cải cách Hungary, tôi đã cho thấy, rằng về phía mình tôi coi sự xuất hiện và tăng trưởng của khu vực phi nhà nước, sôi động, muôn màu muôn vẻ là đặc biệt quan trọng. Ởđây và chỉở đây thị trường mới là thật!

Trong các năm 1980 các tín đồ cấp tiến của cải cách đã đưa "cải cách sở hữu" vào chương trình nghị sự.[179] Tardos Márton, một thủ lĩnh trí tuệ của các nhà kinh tế học cải cách đã kiến nghị, rằng hãy lập ra các "holding" [công ti mẹ] -giống hình thức công ti cổ phần quen biết trong chủ nghĩa tư bản hiện đại. Các doanh nghiệp hãy nằm dưới sự chỉ đạo của các holding này (chứ không phải các bộ). Theo cách suy nghĩ này lãnh đạo của các holding đại diện cho "các lợi ích chủ sở hữu".

"Sự bắt chước" chủ nghĩa tư bản thật, theo kiểu đồ giả hào nhoáng, ở đây đã đến cực độ. Hãy tưởng tượng: các lãnh đạo của bộ máy quan liêu bổ nhiệm các nhà quan liêu khác, và đưa họ lên đường với lời chỉ bảo: "Hãy làm, cứ như các anh là các ông chủ…" Trong bài báo của tôi, bài đối sánh các ảo ảnh của chủ nghĩa xã hội cải cách với thực tế, tôi đã nêu câu hỏi: "Một hội đồng được lập ra một cách nhân tạo có thể bắt chước được hay không các lợi ích chủ sở hữu, hội đồng mà người

https://thuviensach.vn

ta (ai, bộ máy quan liêu?) ban cho việc đại diện cho xã hội, với tư cách »chủ sở hữu«?"[180]

Muộn hơn, trong thời gian thay đổi chế độ tôi tiếp tục tranh luận với các tư tưởng của "chủ nghĩa xã hội thị trường". Đề tài không bị loại ra khỏi chương trình nghị sự, mà đơn giản sở dĩ vẫn không, bởi vì ở Trung Quốc, Việt Nam và Cuba người ta vẫn tiếp tục tìm con đường để tổ chức lại xã hội, chính trị và nền kinh tế, và ảo ảnh của chủ nghĩa xã hội thị trường vẫn tiếp tục có sức quyến rũ của nó.

Mô hình-Lange và sự thật của cải cách Hungary

(*) Cả đồng tác giả, lẫn các bạn đọc, trong đó có tôi, đã chẳng thể đoán được khi đó, rằng nhà cải cách nhiệt tình Bácskai Tamás – như tôi đã kể ở chương 9 - suốt nhiều năm đã là kẻ chỉ điểm của công an. Cũng vẫn Bácskai Tamás này đã "bênh vực" tôi bây giờ, kẻ năm 1960 đã coi là quan trọng để thông báo cho công an chính trị, rằng tôi đã từ bỏ chủ nghĩa Marx.

Không chỉ ở Hungary, mà ở phương Tây người ta cũng tranh luận về cải cách Hungary. Ở trong nước, tất cả những ai đã tham gia thật sự vào các cuộc trao đổi, ít nhiều biết tình hình. Đúng hơn, các quan niệm trong tranh luận khác nhau ở chỗ: *có thể mong đợi* gì từ cải cách, các triển vọng như thế nào? Ngược lại, ở nước ngoài tôi thường xuyên bắt gặp những trình bày nông cạn, nặng mùi sách giáo khoa. Sách giáo khoa được đọc nhiều nhất của lí thuyết hệ thống kinh tế so sánh, tác phẩm của Paul R. Gregory và Robert C. Stuart năm 1980 viết như sau về cải cách kinh tế Hungary: "Nhìn chung cơ chế kinh tế mới rất giống mô hình-Lange".[181] Sai lầm nghiêm trọng! Tôi lưu ý bạn đọc nhớ đến một chương trước, trong đó đã nói về lí thuyết chủ nghĩa xã hội của Oscar Lange. Ông tưởng tượng một nền kinh tế, trong đó mọi doanh nghiệp đều thuộc sở hữu công. Trung ương tác động đến doanh nghiệp theo một phương thức duy nhất: tăng hay giảm giá tuỳ thuộc vào phản ứng với dư cầu hay dư cung.

Thực tiễn Hungary là hoàn toàn khác. Sự điều tiết giống mô hình-Lange chỉ diễn ra trong một lát hẹp của các quá trình điều phối nền kinh tế: ở đó, nơi trung ương quy định các giá, và các giá cũng không được cố định cứng, mà họ thường xuyên thay đổi. Phần lớn giá được hình thành theo cách khác. Ngoài ra bộ máy nhà nước quan liêu cũng can thiệp vào các quá trình kinh tế bằng hàng trăm loại công cụ khác.

https://thuviensach.vn

Giữa các doanh nghiệp đã không xảy ra cạnh tranh thật, bởi vì tính mềm của ràng buộc ngân sách đã làm méo mó cạnh tranh. Cuối cùng, cái có lẽ là sự khác biệt quan trọng nhất khỏi thế giới của mô hình-Lange: sở hữu công đã không còn độc quyền thống trị, mà (may thay) khu vực tư nhân đã xuất hiện và với nó là cả thị trường thật, chứ không phải cái được mô phỏng.

Đáng tiếc sự rối loạn khái niệm đã là và vẫn là rất lớn; sự làm rõ có vẻ là vô vọng. Nếu chúng ta giữ tên gọi "chủ nghĩa xã hội thị trường", trung thành với cách tưởng tượng ban đầu của Lange, cho loại nền kinh tế, kết hợp sở hữu công và điều phối thị trường, thì nền kinh tế Hungary của giai đoạn 1968-1989 đã *không phải* là chủ nghĩa xã hội thị trường. Thế nhưng "chủ nghĩa xã hội thị trường" không phải là một thương hiệu được đăng kí, mà chỉ được phép dùng theo ý nghĩa của Lange. Hãy đảo ngược thủ tục gọi tên! Cho trước một hệ thống, trong đó đảng cộng sản nắm quyền và chính thức gọi mình là xã hội chủ nghĩa. Bên trong hệ thống này xuất hiện một số yếu tốđiều phối thị trường – trong phạm vi hạn chế, và bị nhiều loại tác động quan liêu làm méo mó. Ai có thể cấm các nhà tư tưởng riêng của cái kết cấu lai tạp được hình thành như vậy, đi gọi nó là "chủ nghĩa xã hội thị trường"? Hay nếu họ không thích tên gọi này, thì họ sắp xếp các từ theo cách khác, và gọi nó là "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa'? Quyền này là không thể bị bác bỏ đối với bất cứ chế độ nào. Tuy nhiên quan trọng (và tôi cố gắng nhấn mạnh điều này trong các công trình của mình) là, khi chúng ta dạy lịch sử tư duy kinh tế trong các phòng học, chúng ta đừng lẫn lộn mô hình lí thuyết và sự thể hiện lịch sử.

Rẽ ngang: một mẩu khác của sự thật Hungary

Các từ "sự thật Hungary" có thể đọc được trên đầu đề của điểm trước. Nếu đã nói về vấn đề này, hãy đừng chỏ trong thế giới đầy ánh nắng của những giãi bày lí thuyết tầm cao, nêu trên. Ở đâu đó, dưới sâu, trong bóng tối cũng xảy ra các sự kiện loại khác. Trong khi tại một seminar Hungary-Mĩ hay tại một thuyết trình của mình ở New York tôi trình bày các ý tưởng của mình về chủ nghĩa xã hội thị trường và về cải cách Hungary, một người nghe nào đó cần mẫn ghi chép.

Bây giờ, khi tôi thu thập tư liệu để viết tiểu sử tự thuật của mình và tìm kiếm trong các tài liệu lưu trữ của các cơ quan mật vụ thời đó, tôi tìm thấy các tài liệu, mà qua đó tôi được biết, rằng liên quan đến bài

https://thuviensach.vn

giảng này bài giảng nọ của tôi đã có những tố cáo từ các điệp viên ở nước ngoài của công an chính trị.

Một tố giác đã được đưa vào "Báo cáo Thông tin Điều hành Hàng Ngày" ngày 10-121981.[182] Báo cáo hàng ngày này tóm tắt các thông tin sốt dẻo quan trọng nhất đến từ nhiều ngàn cộng sự của mạng lưới điệp viên khổng lồ và của bộ máy công an chính trị. Người nhận số một là người quản lí cấp cao nhất trong hệ thống thứ bậc của công an chính trị, là bộ trưởng bộ nội vụ. Các lãnh đạo bộ máy công an mật-nội vụ nhận được các bản sao, các nhà lãnh đạo đảng và nhà nước nhận được bản tóm tắt. Đấy, điểm số 6 của báo cáo ngày 10-12 kể về chuyện, tại seminar Hungary-Mĩ vừa được tổ chức ở Budapest-tôi trích – "Kornai János, nhà chuyên môn có tiếng Hungary đã thông báo cẩn mật và chi tiết cho những người Mĩ về tình hình nội bộ của SEV [Hội đồng Tương trợ Kinh tế], về những khó khăn kinh tế của Liên Xô, cũng như về những bất ổn tồn tại trong các quan hệ của đất nước chúng ta và một số nước xã hội chủ nghĩa. Kornai đã phân tích chi tiết các khó khăn, các vấn đề kinh tế của nước ta. Trước khi đến Budapest các nhà kinh tế học Mĩđã thăm Ba Lan. Họ cố gắng kiểm tra tính chân thực của những thông tin thu được ở đó với sự giúp đỡ của Kornai – với thành công, theo nguồn tin cho biết".[183]

Ngay lập tức một cuộc điều tra được khởi động, mà tất nhiên khi đó tôi chẳng hề biết gì. Cuối cùng họđã xác định, tôi đã không vi phạm bí mật quốc gia, cho nên họ đã không khởi động thủ tục chống lại tôi. (Tôi ghi chú, nguyên tắc nghiêm ngặt của tôi là, tôi không sử dụng bất cứ số liệu mật nào trong bài thuyết trình nào hay trao đổi nào cả; ngay cả khi, nếu cảm thấy sự giữ bí mật số liệu nào đó là nực cười đi nữa tôi cũng không).

Cũng tìm thấy từ kho tư liệu mật một "Báo cáo Thông tin Điều hành Hàng Ngày" nữa, đề ngày 26-4-1985.[184] Theo điểm 7, ngày 7-3 tôi đã có một bài thuyết trình ở viện New York. Theo họ viện này hoạt động (tôi trích) dưới "sự đỡ đầu của CIA". Theo lệnh của thiếu tướng Y. Y., phó tổng cục trưởng, người ta lại tiến hành điều tra. Tất nhiên, hệt như trong trường hợp khác vừa được nhắc đến, tôi lại chẳng hề biết tí gì về chuyện này. "Phòng III/II-1 hãy kiểm tra Kornai"-thiếu tướng ra lệnh. "Kiểm tra" có nghĩa, rằng- họ lại lôi các hồ sơ của tôi ra,(*) trên cơ sở tài liệu đầu tiên lôi ra cái thứ hai và thứ ba v.v., như thế là tất

https://thuviensach.vn

cả các tài liệu, trong đó họ chứa các số liệu buộc tội đối với tôi. Tôi không biết họ lấy ra các hồ sơ theo thứ tự nào. Có vẻ chắc, là họ lại lấyra bản tóm tắt, mà họ tổng hợp lại liên quan đến báo cáo 1981, vừa được nhắc đến. Trên tờ các tông tóm tắt vụ của tôi có thể đọc được bằng chữ viết tay các dữ liệu chính của tôi (tôi trích nguyên văn): "Kornai János, nhà kinh tế học Hungary, cộng tác viên V. Ng.c. Kh. Kt. VHLKH Hungary, giáo sư danh dự (tuyển mộ bị thất bại)". Sau đó liệt kê các số hồ sơ của các tập tài liệu, chứa các dữ liệu liên quan đến tôi. Ghi chú bằng tay cuối cùng trên tờ giấy này là:[185] "III/II-20: 85 giáo sư khách mời ở Mĩ. Họ đã mời đến CIA ea".(**)

Bõ công làm sống lại các sự kiện này, khi nhìn lại chúng ta thử đánh giá: kết cấu chính trị-xã hội đã như thế nào, mà giữa các khung khổ của nó cải cách đã xảy ra. Ở phía trước, trước cánh gà trên sân khấu, giới trí thức Hungary và phương Tây kết bạn với nhau, và chúng tôi rất nghiêm túc tranh luận về Oscar Lange và về giá cả. Ở phía sau, sau cánh gà, xảy ra việc chỉđiểm, đánh hơi, sự phản bội.

(*)"Họ có thể theo dõi, tôi nói điện thoại cái gì/ và khi nào, vì sao, cho ai./ Họ viết vào hồ sơ, tôi mơ thấy gì,/ và cả chuyện, ai hiểu nữa./ Và tôi chẳng thểđoán ra, khi nào đủ lí do,/ để lôi hồ sơ ra,/ chuyện đó phạm quyền của tôi". (Từ bài thơ *Không khí* của József Attila, viết năm 1934; 2003, tr. 434-435).

(**) Tôi giả thiết, "ea: có nghĩa là *e*lő*a*dás (buổi thuyết trình, giảng bài). Ởđây chắc là họ làm nhớ lại bản thân sự tố giác 1985, và như họ xác định sự thật hiển nhiên gì đấy, rằng đấy là một "buổi thuyết trình CIA".

Nhìn lại với con mắt hôm nay

Tôi quay trở lại thế giới cải cách kinh tế. Đọc lại các tiểu luận của mình viết về cải cách Hungary, với sự yên tâm tôi có thể khẳng định, với con mắt hôm nay tôi cũng đảm nhận cái, tôi đã viết khi đó. Nếu giả như ngày nay tôi công bố lại các công trình này, nhiều nhất đây đó tôi cần thêm một chú thích bổ sung hay giải thích, mà cụ thể là ở các chỗ, nơi sự tự kiểm duyệt đã ngăn tôi nói thẳng. Đã hoàn toàn có lí, rằng các công trình của tôi lưu ý đến tính nửa vời của quá trình cải cách, và đã cố gắng xua tan các hi vọng giả.

Nhìn lại tôi có thể cho sự xác nhận này, liên quan đến mô tả thực chứng và phân tích tình hình. *Sự đánh giá* lại là vấn đề khác. Đối với

https://thuviensach.vn

kết quả của cải cách, ngày nay tôi cho điểm cao hơn. Về sau tất nhiên dễ để là thông minh, người ta thường nói. Cái biện bạch cho tôi là, ở đây là về các loại hiện tượng, mà sựđánh giá công bằng về chúng không thể tránh khỏi là, chỉ có thể đưa ra sau khi đã biết các sự kiện muộn hơn.

Hãy giả sử trong giây lát, rằng giả nhưđã không xảy ra sự sụp đổ của đế chế Soviet, và ở Đông Âu vẫn tồn tại sự thống trị của nhà nước đảng. Có thể là, cải cách nửa vời, với ý thức hệ đánh lạc hướng, gây ảo tưởng đặc biệt và với những kết quả từng phần của nó, đã có thể tạo điều kiện cho sự bảo tồn của chế độ Kádár. Những nhượng bộ bị cưỡng bức của các nhà cải cách đã có thể trì hoãn sự thay đổi triệt để thật sự.(*)

May cho chúng ta, là đã không xảy ra như vậy. Còn nếu sự thay đổi hệ thống đã xảy ra, thì – từ hôm nay nhìn lại – ngay cả cải cách nửa thị trường, lai tạp cũngcó thể đánh giá là trường học tốt. Đội ngũ lãnh đạo kinh tế của chủ nghĩa xã hội cải cách, hay chí ít phần có tài năng nhất, có trình độ chuyên môn nhất của tầng lớp ưu tú kinh tế, khi đó cũng đã hơi quen với chuyện, thị trường hoạt động ra sao, vì sao phải chú ý đến chi phí, đến giá cả, đến lợi nhuận, thoả thuận tư, hợp đồng tư có nghĩa là gì, và v.v. Trong thời kì cải cách nhiều người đã học được, là doanh nhân có nghĩa là gì. Nhờ "trường cải cách", mà Hungary về khía cạnh này đã xuất phát với lợi thế so với các nền kinh tế hậu xã hội chủ nghĩa khác.

Đáng tiếc, khi mười lăm năm đã trôi qua, lợi thế này hầu như đã bị mai một hết. Cái này giống như lợi thế, mà một trường tốt có nghĩa trong sự nghiệp của một cá nhân. Không nghi ngờ gì, nó làm cho sự khởi hành dễ hơn. Thế nhưng, ai bất chấp trình độ đào tạo yếu hơn của mình sau này lại chạy nước rút tốt và có may mắn, thì có thể đuổi kịp, thậm chí cũng có thể vượt qua những người được học hành tốt hơn mình. Điều này cũng xảy ra trong sự thay đổi kinh tế của các nước. Tiệp Khắc, nơi năm 1968 người ta đã bóp nghẹt các thử nghiệm cải cách, là một trong những chế độ độc tài cứng rắn nhất và nền kinh tế tập trung mạnh nhất. Ngoài ra, sau sự thay đổi chế độ không lâu, đất nước bị tách ra làm đôi. Thế mà, ngày nay không tồi hơn trong việc thuần dưỡng các định chế của nền kinh tế thị trường và trong vận hành chúng, so với Hungary đi đầu trong cải cách chủ nghĩa xã hội.

https://thuviensach.vn

(*) Hơi giống cái, mà cải cách của Trung Quốc ngày nay cũng đi cùng các tác động có hai nghĩa: ở một mức độ nào đó nó ổn định hoá và chính đáng hoá quyền lực của đảng cộng sản.

Tại đây chúng ta đến một trong những vấn đề quan trọng của việc đánh giá. Thực ra chúng ta "cho điểm" cái gì? Phải chăng cho cái, rằng những việc xảy ra trong các năm 1970 và 1980 có ý nghĩa gì, nhìn từ quan điểm *tương lai* của quốc gia muộn hơn sau hai mươi năm? Có thể là, sựđánh giá suy nghĩ trong tầm hàng thế kỉ, thổ lộ triết lí tập thể chủ nghĩa phải dựa trên cơ sở này để phán xử. Thế nhưng mỗi người chỉ có một cuộc đời duy nhất. Nếu với con mắt ngày nay và với các cảm nhận ngày nay tôi so sánh các năm dài sống giữa 1968 và 1989 của những người Hungary và người Czech, tôi có thể nói: của người Hungary đã dễ chịu hơn. Bầu không khí tự do hơn, đi lại dễ dàng hơn, nhiều hàng hoá hơn và nhiều văn hoá hiện đại đã chảy vào từ phương Tây, cuộc sống có thể sống được hơn.(*) Tầm thường, nhưng đúng: trong [doanh] trại Hungary đã là cái lán gỗ vui hơn Tiệp Khắc, Cộng hoà Dân chủ Đức hay Rumani. Sự nới lỏng này của tính khắc nghiệt và cứng rắn của thời kì Stalin đã gắn chặt với các cuộc cải cách xảy ra trong nền kinh tế. Nhìn lại, ngày nay tôi coi đây là kết quả lớn hơn, có giá trị hơn, so với lúc đó tôi cảm thấy đồng thời với các sự kiện.

May cho chúng tôi, đã không có vấn đề như vậy. Chúng tôi đã có khả năng nói về các vấn đề chính trị tế nhị với cả các con nữa. Chúng tôi ở trên cùng làn sóng với chúng. Sự xung đột thế hệ, hình thành trong nhiều gia đình giữa cha mẹ và con cái về các vấn đề chính trị và đạo đức cơ bản, không có trong gia đình chúng tôi. Hình thành sự hiểu biết lẫn nhau cũng đã được làm cho dễ dàng hơn bởi tình hình, khi con cái chúng tôi bắt đầu quan tâm đến các vấn đề chính trị và xã hội, thì bầu không khí đã đỡ nghẹt thở hơn, đã có thể nói cởi mở hơn không chỉở nhà, mà cảở nơi khác nữa. Đấy cũng thuộc về cái, mà ở trên tôi mô tả đặc trưng thế này: cuộc sống có thể sống được hơn.

(*)Các bậc cha mẹ, những người có tư duy ngược với chế độ và những người tình cờ có con em nhỏ hay ở tuổi dậy thì trong chính thời kì áp bức khốc liệt nhất, họ đứng trước những thế lưỡng nan khó giải. Nếu ở nhà họ nói chuyện hoàn toàn công khai, thì đứa trẻ vẫn chưa hoàn toàn chín, chưa đủ thận trọng có thể nói về quan điểm của cha mẹ ở nơi, lẽ ra không nên nói. Nếu ngược lại vì thận trọng và tự bảo vệ mà lại không nói thẳng thắn với gia đình, thì họ bỏ qua mất sự khai sáng

https://thuviensach.vn

chính trị rất cần thiết, không bù lại tác động gây lầm đường lạc lối, do báo chí, do bộ máy tuyên truyền và trong nhiều trường hợp do nhà trường trình bày.

https://thuviensach.vn

Mùa thu 1983 khi tôi thong thả dạo chơi trong công viên của *Institute for Advanced Study* ở Princeton, thì đột nhiên Albert Einstein đến đối diện với tôi, trong áo sơ mi, chân trần, đi dép xăng đan. Tôi không thể tin vào mắt mình. Tất cả đều phù hợp chính xác: khuôn mặt, mái tóc trắng bồng bềnh, cái nhìn, quần áo. Tôi sửng sốt. Cái gì đây? Ma? Ảo ảnh?

Tất nhiên, hoá ra là, người ta làm phim, ở đúng địa điểm lịch sử. Einstein đã làm việc ở viện này kể từ khi ông đến Mĩ; ông thích dạo chơi trong công viên này, đắm chìm trong những suy nghĩ của mình.

Khi đó chúng tôi ở đây đã vài tuần, ở số 45 Phố (Drive) Einstein, trong một căn hộ nhỏ của khu nhà ở do Breuer Marcell, người con của tổ quốc chúng ta, thiết kế.

Princton, Institute for Advanced Study

Chuyện thần thoại-Einstein ngày nay vẫn sống động ở Princeton, tinh thần ông tác động một cách phấn khích lên những người đến được đây. Trước khi chuyển sang các ấn tượng cá nhân của mình, bằng vài lời tôi phải giới thiệu viện Princeton. Ở Mĩ hiếm có viện nghiên cứu hoạt động ngoài khuôn khổ đại học. Việc dạy học hầu như chiếm phần đáng kể thời gian của mọi nhà khoa học. Nhiều đồng nghiệp Mĩ coi các cán bộ của các viện nghiên cứu hàn lâm Soviet và Đông Âu là đáng ghen tị, những người được miễn (bị cấm?) dạy học. Khi Einstein đến Mĩ, các nhà bác học chủ nhà đã nghĩ: ấy quả thực không thể ép buộc ông bận rộn suốt ngày với việc dạy học sinh. Như thế phải thành lập một viện, trong đó Einstein có thể dành hết năng lực của mình chỉ cho nghiên cứu. Và nếu việc tìm thêm một Einstein thứ hai và thứ ba là không thể, cho nên cần chiêu mộ vào viện thêm vài nhà bác học xuất sắc khác nữa, với tư cách cán bộ thường trực. Sau đó thì, vào vòng toả sáng trí tuệ của họ, có thể mời các khách nghiên cứu tài giỏi từ mọi nơi trên thế giới, mỗi người có thểở đây một năm. Xa đại học hay viện của riêng họ, được miễn mọi nhiệm vụ giảng dạy và hành chính, họ có thể dành tất cả năng lực của mình cho nghiên cứu đề tài yêu thích được họ lựa chọn một cách tự do.

Từ tiền của các nhà tài trợ Mĩ giàu có và hào phóng đã hình thành một quỹ, và chẳng bao lâu sau Institute (Viện) đã bắt đầu công việc

https://thuviensach.vn

của mình. Thoạt đầu chỉ các nhà vật lí lí thuyết và các nhà toán học tìm thấy ở đây nơi nghiên cứu lí tưởng. Suốt các năm sống ở Mĩ, Neumann János [John von], thiên tài toán học Hungary, đã làm việc ở đây. (Người ta lấy tên ông đặt cho một phố khác của khu dân cư, Neumann Drive). Gödel, thiên tài logic toán học, đã hoạt động ở đây. Oppenheimer, sau khi ngườitaépông rời khỏi Uỷ ban Năng lượng, từ 1946 đến 1966 đã là giám đốc của viện Princeton.

Năm 1969 hình thành "trường" các khoa học xã hội. Trong *School of Social Science* mỗi ngành khoa học đại diện bởi một giáo sư. Trong năm, mà tôi ở đó, Albert Hirschman là cộng sự nội bộ thường trực chịu trách nhiệm về kinh tế học, Michael Waltzer về chính trị học, còn Clifford Geertz về nhân chủng học; cả ba, mỗi người đều là một trong những học giả uy tín nhất trong chuyên ngành của mình.

Số người của viện đã tăng qua các năm, nhưng cấu trúc đặc trưng vẫn được duy trì: số cán bộ thường trực ít và quanh số đó là năm-sáu lần số khách nghiên cứu, thay phiên nhau hàng năm, do các thành viên thường trực mời. Kể từ đầu, những người khai phá của nhiều loại ngành khoa học đã tụ tập ở đây; một trong những sức hấp dẫn chính của viện là tính liên ngành của công việc.

Tôi cảm thấy lời mời là vinh dự lớn, và tôi đã ở đó một năm lí thú nhất, hứng khởi nhất của đời mình. Nếu ở thế giới bên kia người ta muốn tạo ra thiên đường đặc biệt cho những người làm khoa học, thì phải lấy viện Princeton làm mẫu. Công viên khổng lồ bao quanh các toà nhà, ở giữa có một cái hồ nhỏ, nếu đi tiếp một chút, chúng ta tới rừng riêng của viện. Suối cắt ngang, các đường mòn giữa rừng cây rậm rạp; chỗẩn náu lí tưởng cho người, như cả tôi nữa, thích lững thững dạo chơi trong thiên nhiên quang thoáng, chìm đắm trong những ýnghĩ của mình.

Ai ao ước hội bạn bè, giữa bữa ăn trưa (rất ngon!) có thể gặp các đồng nghiệp của mình. Trong viện, sự lựa chọn dựa một phần vào các đơn xin, một phần vào sự đánh giá cá nhân của các cán bộ thường trực. Trong năm học 1983-1984 Albert Hirschman chỉ tập hợp các nhà kinh tế học, những người hơi lồi ra khỏi hàng, trệch khỏi giáo lí tân cổ điển ở điểm quan trọng nào đấy. Một nhóm lí thú đã tập hợp lại. Axel Leijonhufvud, giáo sư ThuyĐiển-Mĩ, người trở thành nổi tiếng với việc đánh giá lại Keynes,[186] đã ở đây. Chúng tôi đã trò chuyện với

https://thuviensach.vn

George Akerlof, một trong những người sáng lập ra lí thuyết bất đối xứng thông tin với bài báo hóm hỉnh về "chanh" (xe cũ theo tiếng lóng Mĩ) của mình. Vì công trình này muộn hơn ông đã được giải Nobel. Don McCloskey giữ hội bạn bè với cách nói lắp và luôn luôn với nội dung lí thú và mới; anh gây chú ý lớn với các công trình của mình viết về "lối khoa trương" của kinh tế học. (Đơn giản hoá lập luận của anh đến cực độ: cái và chỉ cái được tính là "chân lí" trong khoa học xã hội, mà về lẽ phải của nó bạn có thể thuyết phục được các đồng nghiệp của mình với sự giúp đỡ của chính cái phương pháp thời thượng và được chấp nhận).(*)

(*)Chúng tôi đã không có khả năng tưởng tượng về Don với thân hình lực lưỡng, rằng vài năm sau anh phẫu thuật mình thành phụ nữ, và với tư cách Deirdre McCloskey cô tiếp tục sự nghiệp khoa học sáng chói của mình. Đáng kính trọng lòng can đảm, mà McCloskey đã đảm nhận, và đưa ra quyết định khó khăn không thể tin nổi.

Thú thực, tôi đã ở trong một loại "khủng hoảng sáng tạo". Tôi đã vượt quá những công việc, mà tôi đã muốn viết liên quan đến *Sự thiếu hụt*, và tôi vẫn chưa biết, nhiệm vụ lớn tiếp theo sẽ là gì. Tôi đã vật lộn vất vả với những nỗi lo tìm đường.

Trong các năm "bình thường" các tác phẩm đọc của tôi thường gắn chủ yếu với chính những nghiên cứu của tôi đang trong quá trình. Bây giờ, tuy vậy, tôi đã dùng kì nghỉ thiên đường ở Princeton tốt hơn cho việc tìm hiểu và học hỏi chung. Các công trình của Dahl[187] và Lindblom[188] về dân chủ và về "polyarchy"(+), lí thuyết của Rawls về công lí, và các ý tưởng sắc sảo của Schelling về chiến lược,[189] và tất nhiên các công trình của các bạn trong viện, của Leijonhufvud, Akerlof, McCloskey, và cả những sách của các bác học đến thăm viện, thuyết trình seminar, của Amartya Sen, Oliver Williamson – là vài thí dụ về các tác phẩm, đã tạo ấn tượng trí tuệ lớn cho tôi trong năm đó. (*)

Trong thời gian đó thì ý tưởng trong tôi chín dần: tôi thử *tổng kết* trong một bài viết lớn duy nhất tất cả những thứ, tôi đã biết và đã học được về hệ thống xã hội chủ nghĩa bằng công việc nghiên cứu của hàng thập kỉ. Trong viện Princeton đã hoàn thành phác hoạ đầu tiên của cuốn sách, cuốn đã xuất hiện với đầu đề *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* sau cả một thập kỉ.

https://thuviensach.vn

Chính đây là cái tuyệt vời nhất trong khuôn khổ tổ chức và tài trợ hào phóng này, mà các tổ chức thuộc loại Institute for Advanced Study cung cấp cho công tác khoa học! Đây này, ở trường hợp riêng của mình, trong đầu tôi vẫn chưa rõ, tôi muốn làm gì nữa, khi tôi đến đây. Tại đó, giữa chừng các kế hoạch khoa học dài hơi của tôi mới rõ dần, và trong thời kì ở Princeton tôi đã đến các phác hoạ đầu tiên. Thế nhưng cuối cùng vẫn cần tám đến mười năm, để cho các ý tưởng đầu tiên nảy sinh ở Princeton chín hoàn toàn, và tôi có thể đặt cuốn sách đã xong lên trên bàn. Khi nhà nghiên cứu gõ cửa một quỹ công hay tư để nhờ hỗ trợ, buộc phải nói trước một cách cụ thể, sẽ làm gì. Rất cần, để hình thức khác cũng để ngỏ, hình thức không quy định trước những điều kiện cứng nhắc.(**)Ai được mời đến viện, người đó tất nhiên cho biết trong đơn xin, rằng mình thích làm gì. Điều này tuy vậy không phải là "hợp đồng công việc" quan liêu, bắt buộc về mặt pháp lí, theo đó phải hoàn thành tiểu luận đã hứa vào một thời điểm xác định. Như trường hợp riêng của tôi cũng cho thấy, người đã có thể đến được đây, hầu như được hưởng sự tự do không giới hạn. Viện đi mời cũng đảm nhận cả sự rủi ro, rằng sự hỗ trợ hào phóng có thể chẳng sinh ra một kết quả cụ thể nào. Sự đảm bảo chỉ là ngần này, rằng - nếu họ chọn kĩ người họ mời – nhà bác học, mà niềm say mê đằng nào cũng là việc nghiên cứu, sẽ lợi dụng khả năng do sự tự do mang lại, và tận dụng tốt thời gian của mình.(***)

(+)"Nền đa trị", cai trị bởi nhiều người, nhiều tổ chức là khái niệm khoa học chính trị do Dahl đưa ra (từ *monarchy* [quân chủ] sự cai trị của một người, đến *oligarchy* [chính thể đầu sỏ] sự cai trị của một số ít kẻ đầu sỏ, tới *polyarchy*). Nó có sáu đặc trưng: 1) có các quan chức được bầu; 2) bầu cử tự do và công bằng; 3) bao gồm quyền bầu cử; 4) quyền chạy đua vì chức vị; 5) có thông tin lựa chọn; 6) tự trị hiệp hội.

(*) Các sách đọc của tôi cũng báo hiệu, rằng khi đó tôi đã quyết định: vượt quá chủ đề của *Sự thiếu hụt*, và tôi kéo các vấn đề của cấu trúc chính trị, ý thức hệ và các quan hệ xã hội vào những phân tích của tôi.

(**) Tôi có thể nói mình may mắn, rằng trong đời mình tôi đã nhiều lần được các lời mời phương Tây tạo khả năng nghiên cứu không bị bó buộc tương tự. Trong chương nói về *Sự thiếu hụt* tôi đã

https://thuviensach.vn

nhắc tới, rằng thí dụ ở Viện Nghiên cứu Khoa học Kinh tế Quốc tế tại đại học Stockholm tôi cũng đã chẳng có sự bó buộc nào.

(***) Sở dĩ tôi viết hơi chi tiết về phương thức hoạt động của viện Princeton (về các điều kiện của giấy mời, về nhữngkì vọng đối với nhà nghiên cứu, v.v.), bởi vì Princeton là tấm gương cho tất cả các Institute for Advanced Study, trong số đó cho cả Collegium Budapest được thành lập đầu tiên ở đông Âu, mà từ khi thành lập tôi là một cộng sự (cán bộ) thường trực.

Một hôm ở viện Princeton tôi có điện thoại. Trưởng bộ môn kinh tế học của Đại học Harvard, Michael Spence, tìm tôi, và mời tôi trình bày một bài giảng trước công chúng.(*) Khi tôi nhắc đến cú điện thoại cho Albert Hirschman, người đã là giáo sư Havard trong thời gian dài trước Princeton, một nụ cười lạ lùng nở trên khuôn mặt ông, mà khi đó tôi chẳng biết là thế nào. Trong mọi trường hợp tôi vui vẻ nhận lời mời, và tôi đã thuyết trình vài tuần sau đó.

Người ta bổ nhiệm các giáo sư của Đại học Harvard thế nào?

Trước khi tôi bắt đầu câu chuyện bổ nhiệm riêng của mình, tôi nhảy trước thời gian. Tôi kể, thủ tục bổ nhiệm giáo sư là gì ở Đại học Havard - đại loại như bản thân tôi cũng đã thấy, đã trải nghiệm, khi với tư cách thành viên của bộ môn tôi đã tham gia trong lựa chọn các ứng viên khác. Tôi muốn nhấn mạnh, rằng tại Hoa Kì không có quy tắc thống nhất bắt buộc cho việc, phải chọn các giáo sư đại học như thế nào. Dưới đây tôi chỉ bàn đến thực tiễn bổ nhiệm của Đại học Harvard.

Sự an toàn nơi làm việc của "giáo sư đại học chính thức" (full professor) Mĩ được bảo vệ bởi một hợp đồng lao động bất đối xứng độc đáo, mà người ta gọi là *tenure*. Một giáo sư tenured [được tenure, được bổ nhiệm] bất kể lúc nào có thể từ bỏ, nếu cảm thấy không thoải mái ở nơi làm việc, hay được người ta chào cho cơ hội tốt hơn ở nơi khác.(**) Ngược lại, người sử dụng lao động, trường đại học không thể sa thải, ngay cả khi không thoả mãn với thành tích của giáo sư cũng chẳng thể.(***)

(*) Tổ chức của Đại học Harvard, đúng như của các trường đại học Mĩ khác được phân ra theo cách khác với các trường đại học lục địa châu Âu nói chung, trong đó có các trường Hungary, và phù hợp với điều này tên gọi của các đơn vị cũng khác. Cái ở Hungary người ta gọi là "khoa", ở Havard họ gọi là school [trường] hay faculty [khoa].

https://thuviensach.vn

Đứng đầu nó là một dean (trưởng khoa). Thí dụđào tạo kinh tế học thuộc khuôn khổ của Faculty of Arts and Sciences, cùng với tất cả khoa học xã hội và tự nhiên. Bên trong school tên của đơn vị hẹp hơn là department (phòng). Đây thực ra là đơn vị lớn và bao trùm hơn rất nhiều, so với cái ở Hungary người ta gọi là "bộ môn". Đứng đầu department là chairman (chủ tịch). Người này chịu trách nhiệm về phối hợp hoạt động đào tạo và vềđiều phối hành chính của department, nhưng không là "thủ trưởng" của các giáo viên. Chỉ là người đầu tiên giữa những người ngang nhau. Ngay cả phụ giáo cũng không là nhân viên của chairman, mà là nhà giáo và nhà nghiên cứu tiến hành công việc của mình một cách độc lập. Department Mĩ khác cơ bản ngần ấy so với Lehrstuh của Đức hay bộ môn của Hungary, nơi giữa trưởng bộ môn và các thành viên có mối quan hệ dọc cấp trên-cấp dưới.

Bất chấp nội dung khác biệt của các từ tôi coi là thích hợp, rằng trong văn bản tiếng Hungary [và cả trong bản dịch tiếng Việt, với sự lưu ý rằng tổ chức của các đại học Việt Nam về cơ bản cũng theo mô hình châu Âu, nhưng, về quy mô, khoa và bộ môn ở Việt Nam nhỏ hơn nhiều so với ở Hungary, N.D.] tôi nói về "khoa", "bộ môn" và "trưởng bộ môn", thay cho dùng các từ "trường", "phòng" và "chủ tịch" nghe lại tai đối với người Hungary trong quan hệ đời sống đại học.

Người lãnh đạo số một của đại học ở Mĩ được gọi là president (chủ tịch), ở Hungary và nhiều nước khác người ta gọi là hiệu trưởng. Để gọi tên phạm vi công việc này trong văn bản tiếng Hungary tôi vẫn giữ tên gọi chủ tịch [bản dịch tiếng Việt cũng thế, N.D.].

(**) Ở Harvard và vài trường đại học khác chỉ có nhà giáo cấp cao nhất, giáo sư mới được hưởng ưu đãi tenure. Tuy vậy phổ biến hơn là loại đại học, mà ngay cả nhà giáo cấp trung, phó giáo sư (associate professor) cũng được ưu đãi này.

(***) Tất nhiên, phù hợp với các đòi hỏi của đầu óc tỉnh táo, có những trường hợp ngoại lệ, thí dụ nếu giáo sư phạm tội.

Tuy tính hợp lí của quan hệ pháp lí này có thể còn phải tranh cãi, nó được ủng hộ khá rộng rãi, bởi vì người ta coi sự an toàn đầy đủ là sự bảo đảm quan trọng nhất của quyền tự do hàn lâm. Như thế vì các quan điểm chính trị hay khoa học của mình chẳng ai phải chịu sự đe doạ tồn tại. Người ta thường dẫn chiếu đến thời kì McCarthy, khi

https://thuviensach.vn

tenure đã bảo vệ không chỉ một giáo sư đại học Mĩ khỏi sự xua đuổi phù thuỷ chính trị.

Thế nhưng nếu khó đến vậy để thoát khỏi một giáo sư đại học, thì cũng cần suy nghĩ trăm lần việc, lựa chọn ai cho lĩnh vực công tác này. Không có các quy tắc thống nhất, do pháp luật quy định, liên quan đến mọi đại học Mĩ, vì thế tôi cũng chỉ giới thiệu thủ tục quen thuộc ở Harvard. Bên cạnh những kinh nghiệm của mình tôi sẽ sử dụng và trích cuốn sách của Henry Rosovsky: *Trường đại học-Cẩm nang sử dụng (The University – An Owner's Manual)*. Tác giả suốt thời gian dài đã là trưởng khoa của khoa lớn nhất, của Faculty of Arts and Sciences; nếu có ai đó, người đã nhìn sâu vào cái bếp phù thuỷ của đời sống đại học, thì đấy là Henry Rosovsky.

Hãy xuất phát từ một thí dụ mang tính giả thuyết: ở bộ môn kinh tế học cần một giáo viên, có thể dạy về tài chính kinh doanh. Sự lựa chọn, ở mức đầu tiên, chỉ thuộc về hội đồng các giáo sư chính thức. Cả các giáo viên cấp thấp hơn, lẫn sinh viên đều không tham gia vào quá trình này. Cuộc họp giáo viên thường lệ hàng tháng đầu tiên bàn về bản thân đề xuất. Có đúng là chính lĩnh vực này cần được củng cố? Nếu câu trả lời là có, thì họ lập ra một "uỷ ban tìm kiếm" (search committee). Từđó trở đi nhóm nhỏ này quan tâm đến vấn đề này suốt nhiều tháng. Các thành viên uỷ ban đọc các tài liệu mới thuộc về đề tài, định hướng, rồi sau các cuộc tranh luận được lặp lại họ đưa ra tên của một ứng viên. Họ đặt xà lên mức cao nhất có thể tưởng tượng được. Tôi trích Rosovsky, người diễn đạt tiêu chuẩn lựa chọn thế này: "Ai thông minh nhất, lí thú nhất, triển vọng nhất? Ai giỏi nhất trên thế giới, phù hợp với sự mô tả phạm vi nhiệm vụđang được nói đến? Ai là »chuyên gia có uy tín hàng đầu« của đề tài trên phạm vi thế giới?"[190] Một đồng nghiệp cũ ở đại học Harvard đã diễn đạt như thế này, người ta mong đợi gì ởứng viên: "đã thực hiện các công trình, mà dưới ảnh hưởng của nó vẻ mặt nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực riêng của mình đã trở nên *khác*, so với vẻ mặt trước hoạt động của người ấy".

Uỷ ban tìm kiếm không chỉ bỏ một cái tên vào, đi kèm một vài lời giới thiệu. Chủ tịch uỷ ban thuyết trình quy củ về hoạt động khoa học của ứng viên. Cần phải thuyết phục các giáo sư khác của bộ môn, rằng người được giới thiệu, phù hợp với các tiêu chuẩn cao. Tất cả các thành viên của uỷ ban tìm kiếm góp ý, và nói ý kiến cá nhân của mình.

https://thuviensach.vn

Sau đó bắt đầu tranh luận. Những người đích thân biết ứng viên hay trước đó đã đọc các công trình của ứng viên, trình bày lập trường của họ. Những kết quả nghiên cứu của ứng viên có thực sự xuất sắc, mang tính mở đường đến vậy, như các thành viên của uỷ ban tìm kiếm đánh giá hay không? Ai có ý kiến phản đối, người đó cũng phát biểu, và trình bày những e dè của mình. Bàn cả chuyện cá nhân ứng viên như thế nào. Nếu ai đó biết gì đó về, thích hợp ra sao với tư cách giáo viên, sinh viên có thích hay không, họ cân nhắc cảđiều này nữa. Đây tuy vậy-một cách ngạc nhiên đối với tôi – không được đánh giá là tiêu chuẩn có ý nghĩa quyết định. Cái thực sự quan trọng, có thẩm quyền, là thành tích khoa học và "tiềm năng" nghiên cứu có thể mong đợi trong tương lai.

Tiếp đến là tranh luận dài – và sau đó vẫn chưa có quyết định. Đầu tiên trưởng bộ môn gửi một lá thư cho nhiều đại diện nổi tiếng của tiểu chuyên ngành (trong thí dụ của chúng ta, môn tài chính doanh nghiệp). Bức thư chứa nhiều tên, trong đó có cả kiến nghị của uỷ ban tìm kiếm, nhưng không được nói ra: ai là người mà họ nghĩ sẽ được bổ nhiệm. Họ yêu cầu những người nhận thư: hãy xếp thứ tự danh sách, và lí giải, vì sao thứ tự lại được xếp như thế. Bởi vì họ không biết tên được Harvard lựa chọn, họ gọi các thư trả lời là "thư mù". Như thế ở đây người ta tiến hành thăm dò dư luận kín trong giới những người hiểu biết nhất của lĩnh vực.

Họ phân phát lí lịch, danh mục công trình và hai-ba tiểu luận của ứng viên cho các giáo sư nghiên cứu, các công trình khác của ứng viên cũng sẵn có cho các đồng nghiệp tham khảo. Bài tập về nhà: phải trực tiếp làm quen với hoạt động khoa học của ứng viên. Vài tháng sau kiến nghị lại được đưa ra cuộc họp giáo viên. Lại bắt đầu trao đổi. Có lẽ bây giờ, trong cuộc họp thứ hai họ đi đến thống nhất. Nếu không, người ta sẽ đưa vấn đề vào chương trình nghị sự một lần nữa. Cuối cùng, khi các ý kiến đã chín mùi, thì tiến hành bỏ phiếu công khai, và ghi vào biên bản phiếu bàu của mọi người. Nếu ứng viên được đa số phiếu, thì chấm dứt -ấy không phải vở kịch lựa chọn, mà chỉ là chấm dứt màn đầu tiên của nó. Chỉ bây giờ trưởng bộ môn mới chính thức hỏi ứng viên: có muốn đến không? Không thể nộp đơn tranh chức vụ. (*)Người ta *mời* giữ cưng vị giáo sư chính thức của Harvard, người mà các đồng nghiệp tương lai đánh giá là thích hợp. Đa phần trả lời của ứng viên là đồng ý. Nhưng tất nhiên cũng xảy ra, là người đó cảm ơn

https://thuviensach.vn

vinh dự, nhưng từ chối, thí dụ bởi vì cảm thấy thoải mái ở chỗ đến nay, hay vì các lí do gia đình không muốn chuyển chỗ. Nếu tình hình là thế, thì tất cả lại bắt đầu từ đầu: uỷ ban tìm kiếm đưa ra tên mới, và v.v.

Hãy giả sử, rằng ứng viên sẵn sàng chấp nhận việc bổ nhiệm. Bây giờ người này chỉ bày tỏ mong muốn nguyên tắc, biết rõ, rằng màn thứ hai và thứ ba của thủ tục bổ nhiệm vẫn còn ở phía sau. Bước tiếp theo: đàm phán với trưởng khoa về các điều kiện vật chất của sự bổ nhiệm. Bộ môn không can thiệp vào, cũng không thể nhúng vào. Lương là chuyện riêng tư nghiêm ngặt. Các thành viên khác của bộ môn, đến cả trưởng bộ môn cũng không biết, đồng nghiệp của họ nhận được bao nhiêu. Việc này chỉ thuộc vềứng viên và trưởng khoa. Nhà kinh tế học tương đối "rẻ", bởi vì chỉ phải trả lương, có thể thêm hỗ trợ vật chất để kiếm nhà, nếu chuyển từ nơi khác đến.(**)Đầu tư thật sự đắt là nhà vật lí hay hoá học, người có thể yêu cầu phòng thí nhiệm nhiều triệu đôla và đội ngũ giúp việc. Không có một thang lương cố định trước cho các giáo sư chính thức, mà có thể khớp lương của giáo sư mới vào. Lương và tất cả các điều kiện vật chất khác được thoả thuận của trưởng khoa và nhà bác học được mời vào vị trí giáo viên trong khuôn khổ các cuộc đàm phán.

Nếu trưởng khoa và ứng viên đã thoả thuận, thì trưởng khoa đề nghị chủ tịch đại học bổ nhiệm. Mỗi thành viên của bộ môn đều viết một thư cho trưởng khoa, trong đó lí giải phiếu bầu- đồng ý hay phản đối- của mình. Chủ tịch nhận được các tuyên bố của các thành viên bộ môn, cũng như các "thư mù" nữa.

Đa số phiếu bầu của bộ môn và sự đồng ý của trưởng khoa là điều kiện cần cho sự bổ nhiệm. Điều kiện cần, nhưng không đủ. Trường đại học muốn chắc chắn, rằng trong bộ môn có hình thành hay không và có bè nhóm khoa học, thế giới quan, chính trị hay bạn hữu nào đó có chiếm được ưu thế hay không, mà bản thân nó muốn kéo bè kéo cánh. Cần sự kiểm tra mới, hoàn toàn vô tư. Cho mục đích này chủ tịch cử ra một uỷ ban ad hoc (đặc biệt). Một trong những thành viên của nó là một giáo sư Harvard, người hiểu đề tài, nhưng làm việc ở một bộ môn khác nào đó của đại học. (Thí dụ một nhà kinh tế học, nhưng dạy ở Business School). Ngoài ra người ta mời thêm hai chuyên gia có uy tín, từ các đại học khác; cũng có thể xảy ra, là từ nước ngoài. Các thành viên uỷ ban ad hoc nhận được trước nhiều công trình của ứng viên.

https://thuviensach.vn

(*) Phần lớn các chức giáo sư chính thức mới là do các bác học được mời từ ngoài chiếm giữ. Thủ tục hơi khác trong trường hợp, nếu họ cất nhắc người trong nội bộ. Bản thân phó giáo sư (associate professor) quyết định, có chịu theo thủ tục "tenure review" hay không. Đây là quyết định mạo hiểm, bởi vì nhiều trường hợp kết thúc với sự từ chối tenure, và việc này đi cùng với chấn thương tinh thần kinh khủng. Nhiều người tốt hơn tránh việc này và chuyển sang đại học khác, nơi người ta đề nghị trước việc cất nhắc, chức vụ cao hơn hiện nay.

(**) Lại là vấn đề khác, rằng trong khía cạnh lương bên trong nội bộ thế giới hàn lâm các nhà kinh tế học thuộc loại có thu nhập cao nhất, bởi vì trên thị trường lao động có cầu lớn về các dịch vụ của họ. Khu vực chính phủ và kinh doanh đều có nhu cầu đối với những người giỏi nhất, và việc này đẩy lương [của họ] lên.

Sau đó chủ tịch, trưởng khoa và các thành viên của uỷ ban ad hoc, với sự giữ bí mật hoàn toàn, tụ tập lại ở văn phòng của chủ tịch. (Bản thân tôi cũng đã là một thành viên của uỷ ban ad hoc trong một vụ bổ nhiệm đang trong quá trình của một bộ môn khác, như thế tôi đã có cơ hội quan sát thủ tục). Sự kiện bắt đầu với việc nghe các "nhân chứng" (witnesses). Trưởng bộ môn không tham gia họp; mà là nhân chứng đầu tiên, người tóm tắt lập trường đa số của bộ môn. Những người tham gia họp đưa ra các câu hỏi, rồi [sau khi trả lời xong] trưởng bộ môn đi ra. Sau đó đến "các nhân chứng" khác, trước hết là các chuyên gia của tiểu chuyên ngành đang được nói đến đó. Họ nghe "với tư cách nhân chứng" cả những người phản đối sự bổ nhiệm. Những người tham gia họp muốn biết càng cặn kẽ hơn lập luận của những người có ý kiến phản đối. Khi việc nghe các nhân chứng kết thúc, chủ tịch lần lượt yêu từng thành viên của uỷ ban ad hoc đưa ra lập trường của mình và lí giải, vì sao ủng hộ hay phản đối việc bổ nhiệm. Ở đây không có bỏ phiếu- uỷ ban này không được uỷ quyền quyết định. Sau đó chủ tịch mời cả hội đi ăn trưa, và với việc này cuộc họp kết thúc.

Và bây giờ đến pha cuối cùng: chủ tịch quyết định.(*) Trong tuyệt đại đa số trường hợp chủ tịch chấp nhận kiến nghị của bộ môn và trưởng khoa, nhưng tuy nhiên cũng xảy ra, là bị bác bỏ. Quyết định phủ định của chủ tịch luôn luôn gây ra sự xôn xao lớn.

https://thuviensach.vn

Giai đoạn bắt đầu bằng việc xác định phạm vi công tác cần được bổ sung và kết thúc bằng việc bổ nhiệm chính thức có thể kéo dài một-hai năm.

Việc làm quen với thủ tục này đã tác động lên tôi như sự bất ngờ có sức mạnh thiên nhiên mãnh liệt. Ở trong nước tôi đã quen với việc xử lí thiên vị và nhiều khi vô liêm sỉ của "những công việc nhân sự". Tất nhiên, các tiêu chuẩn chuyên môn cũng có vai trò ở nước ta, nhưng cái thực sự có ý nghĩa, là hệ thống quan hệ của cá nhân sẽ được cất nhắc. Các thế lực nào thử nâng đỡ hay cản trở? Trên cơ sở các quan điểm chính trị? Như sự báo đáp lại của sự trung thành cá nhân, hay đơn giản do sự thân quen cánh hẩu, hay có thể như sự báo đáp lại trực tiếp hay gián tiếp của một sự làm ơn đã nhận được hay hi vọng nhận được sau này? Gây cho tôi ấn tượng sâu sắc, rằng tiêu chuẩn của Đại học Harvard là thành tích khoa học hàng đầu. Từ đáy lòng mình các giáo sư đồng nhất với các quan điểm uy tín của đại học: họ muốn lựa chọn sao cho, họ giữ vững thứ hạng Nº 1 của Harvard.(**) Họ dành nhiều thời gian của nhiều người đằng nào cũng bận rộn, dành nhiều cuộc họp để cho việc lựa chọn hãy thật tốt. Hội đồng giáo viên của trường đại học cảm thấy: đây là công việc *quan trọng nhất* phải quyết định. Nếu các giáo viên giỏi, thì tất cả đều sẽổn. Nếu không tốt, thì đại học không thể tránh khỏi sụt xuống mức tầm thường.

(*) Nghiêm túc mà nói hội đồng lãnh đạo tối cao của đại học ra quyết định chính thức, trên cơ sở kiến nghị của chủ tịch. Việc này tuy vậy chỉ là hình thức, quyết định cuối cùng thực sự nằm trong tay chủ tịch.

(**) Phần lớn dư luận Mĩ theo truyền thống coi Harvard là trường đại học uy tín nhất. Hiện nay nhiều tổ chức tiến hành phân hạng các đại học, sử dụng nhiều loại phương pháp đo lường. Ởđây tôi chỉ trích duy nhất một nguồn: *The Higher Education Supplement*, nó thường xuyên xếp hạng các trường đại học của thế giới trên cơ sở cân nhắc nhiều tiêu chuẩn cùng nhau (thăm dò dư luận trong giới bác học, tần suất dẫn chiếu đến các công trình của các giáo viên, tỉ lệ giáo viên/sinh viên, v.v.). Theo đo lường năm 2004 Harvard đứng đầu; coi sựđánh giá của nó là 100 điểm, đại học đứng thứ hai được 88, thứ ba được 79 điểm.

https://thuviensach.vn

Chẳng ai khẳng định, rằng thủ tục được hình thành và được giữ gìn theo truyền thống hoạt động một cách hoàn hảo. Các sai lầm có xảy ra. Có người, về sau hoá ra là: không thực hiện được những kì vọng đề ra. Và có người, không được mời làm giáo sư, và sau đó đã có sự nghiệp chói lọi. Những huyền thoại thêu dệt quanh câu chuyện của Paul Samuelson. Ông học ở Harvard, với sự hướng dẫn của Schumpeter. Ông đã nộp tác phẩm cổđiển của mình, *Những Cơ sở của Phân tích Kinh tế học (Foundation of Economics Analysis)*,[191] như luận văn PhD. Ông đã là một nhà toán học lỗi lạc trong một thời đại, khi điều này đâu đã phải là kiến thức được kì vọng chung trong ngành kinh tế học. Tuy vậy Harvard vẫn không đề nghị việc làm cho ông.(*)Ông sang trường kĩ thuật Cambridge, sang MIT, ở đó ông đã lập ra bộ môn kinh tế học. Samuelson là nhà kinh tế học Mĩ đầu tiên được giải Nobel.

Có thể là, tiêu chuẩn được đưa lên cao một cách nhấn mạnh góp phần vào cái, mà những người đứng ngoài đánh giá là "tính kiêu ngạo Harvard". Điều này như thường xảy ra với các tổ chức tự hào về các truyền thống và thành tích của mình, bản thân các giáo sư Harvard không cảm thấy, rằng họ vểnh mũi lên – tuy nhiên những người khác thường nhắc đến điều này một cách nhạo báng, và không thích.

Dẫu nếu thủ tục bổ niệm cũng có các mặt trái của nó, tôi cảm động theo dõi và phục vụ với niềm vinh dự, cho đến tận lúc tôi còn tham gia.

Chúng tôi chuyển về Cambridge

Bây giờ tôi đã có thể quay trở lại câu chuyện bổ nhiệm của riêng tôi. Chuẩn bị cho tiểu sử tự thuật của mình nảy sinh trong tôi ý nghĩ: có lẽ với thời gian trôi đi dài như vậy tôi có thể tiếp cận được đến các văn bản, biên bản, "thư mù" được hình thành trong thủ tục. Tôi đã xin lời khuyên từ các đồng nghiệp có kinh nghiệm, những người này đã dứt khoát khuyên tôi đừng nêu ra yêu cầu ấy. Họ nhắc nhở tôi cái, mà thực ra tôi cũng biết: một trong những nền tảng của thủ tục là tính bí mật. Những người có ý kiến vào việc lựa chọn một ứng viên, họ làm việc đó với ý thức chắc chắn, rằng các ý kiến của họ không bao giờ, không trong bất cứ tình huốngnào cóthể quay lại với cá nhân liên quan. Điều này khuyến khích họ yên tâm nói cả ý kiến chê trách của họ nữa. Bằng cách ấy không đe doạ quan hệ đồng nghiệp, nếu tình cờ họ làm việc cùng một chỗ hay cùng tham gia các hội nghị trong tương lai.

https://thuviensach.vn

Nguyên tắc bí mật này không bị vi phạm- họ khuyên như vậy-, nếu tôi chỉ hỏi bạn này bạn kia của tôi trong bộ môn ngần ấy, rằng anh ta nhớ lại các sự kiện như thế nào.

Dựa vào sự hiểu biết thu được sau này về các pha khác nhau của thủ tục, nhìn lại, bây giờ câu chuyện đã hiện ra trước mặt tôi chí ít trong những đường nét chính. Lúc nào đó trong 1983-1984 đã có thể được nêu lên ở bộ môn kinh tế học của Harvard, rằng có lẽ cần đến ai đó, người chuyên đi nghiên cứu các nền kinh tế cộng sản. Việc tìm kiếm càng trở nên thời sự, bởi vì Abram Bergson, nhà bác học có uy tín nhất của ngành Soviet học Mĩ, người bên cạnh lĩnh vực quan trọng này cũng ghi tên mình vào lịch sử lí thuyết kinh tế học phúc lợi với việc sáng tạo ra hàm phúc lợi mang tên mình, chuẩn bị về hưu. Trong một trạm nào đó của quá trình tìm kiếm tên tôi đã có thể được nhắc đến. Đã có các đồng nghiệp ở nhiều đại học Mĩ, những người đích thân biết kĩ tôi; đã có người tôi có thể gọi là bạn của mình, nhưng tình cờ ở Harvard đã chẳng có ai mà tôi có quan hệ gần hơn. Nhiều nhất tôi chỉ gặp thoáng qua giáo sư này giáo sư nọ. Như thế họ muốn làm quen với tôi.

(*)Vì sao không? Có người giải thích bằng chủ nghĩa bài Do Thái lúc đó vẫn khá sinh động. Những người khác nghĩ rằng: các giáo sư không hiểu toán học, có đầu óc cũ kĩđã sợ trí tuệ sắc sảo của Samuelson, sợ các ý kiến phê phán của ông.

Đầu tiên họ mời tôi trình bày một bài giảng, tiếp theo là bữa ăn tối, và trò chuyện chuyên môn quanh bàn ăn. Bước tiếp theo: mời làm giáo sư khách mời trong một năm. Họ kiến nghị chức "Taussig Professorship" có uy tín lớn cho năm học 1984-1985. Tôi hãy chuyển đến đó, bộ môn sẽ lo nhà ở, tôi chỉ phải dạy một cua, và thời gian còn lại tôi có thể dành cho nghiên cứu.Tôi rất vui vẻ nhận lời. Chúng tôi chuyển từ Princeton đến Cambridge.

Lần đầu tiên tôi tiến hành loạt bài giảng, mà sau đó tôi đã sửa đi sửa lại, mở rộng từng năm một– từ đấy cho đến khi cuối cùng tròn trĩnh thành cuốn *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa.* Tôi đã làm quen với Harvard, và giữa chừng – bây giờđã hiển nhiên – các nhà kinh tế học của Harvard cũng đã làm quen với tôi. Ngay từ dịp mời tôi làm giáo sư khách họ yêu cầu lí lịch và nhiều công trình công bố của tôi. Theo

https://thuviensach.vn

phỏng đoán của tôi số tài liệu này đã được truyền qua tay nhiều người trong quá trình tìm kiếm.

Cuối cùng đã đến ngày, mà tôi vừa mô tả ở trên: kết thúc màn một. Trưởng bộ môn kinh tế học của Đại học Harvard, giáo sư Jerry Green thông báo với tôi: bộ môn đã quyết định mời tôi làm giáo sư. Trưởng khoa sẵn sàng đàm phán với tôi về các điều kiện.

(Bây giờ, sau hai mươi năm, tôi viết thư hỏi Jerry Green, cái gì, là cái ông có thể nói về các sự kiện khi đó. Tôi trích từ trả lời của ông: "Chúng tôi đã giao cho một tiểu ban đọc vài công trình của anh, và báo cáo về chúng. Kết quả đã không nghi ngờ gì. Cuộc họp giáo viên đã nhất trí quyết định về sự bổ nhiệm anh. Tôi không tin, rằng đã có bất cứ ai phản đối, nếu tôi có thể kể ngần ấy, sau nhiều năm đến vậy …")[192]

Khi những diễn tiến đã đến đó, đã có ba kiến nghị làm việc đến với tôi. Trường đại học, mà tôi thăm đầu tiên ở phương Tây, London School of Economics đã mời; UCLA, trường đại học ở Los Angeles của mạng lưới đại học nhà nước California đã mời. Cuối cùng, thực sự cạnh tranh với lời mời của Harvard: Stanford đợi với đề nghị sẵn sau khi đã qua bỏ phiếu ở bộ môn. Chúng tôi gặp trưởng khoa của Đại học Harvard, rồi cùng vợ tôi chúng tôi đi Stanford, để tìm hiểu những khả năng ở đó. Chúng tôi thu hẹp phạm vi lựa chọn lại: Harvard hay Stanford.

Nhiều thứ quyến rũ đến Stanford. Ở Harvard tôi hầu như chẳng quen ai, còn ở đại học Stanford thì có nhiều người, mà tình bạn gắn bó: Kenneth Arrow, Scitovsky Tibor, Alan Mane và Masahiko Aoki, người mà tôi thân quen trong thời gian ở thăm lần đầu năm 1968. Một hội tuyệt vời tụ hợp ở đó, bộ môn được tính là kình địch thường xuyên của Harvard và MIT. Và thiên nhiên, vẻ đẹp của California, biển, rừng, San Francisco hấp dẫn. Khi các lựa chọn là tuyệt vời như vậy, rất khó chọn!

Theo đúng nghĩa đen của từ chúng tôi đã phát ốm vì sự căng thẳng của quyết định. Trưởng bộ môn Stanford cho mượn nhà nghỉ mát của ông ở bờ biển. Chúng tôi đã ở đó– và tôi đột nhiên bị đau lưng khủng khiếp, tôi di chuyển rất khó nhọc. Chắc là stress gây ra cơn đau. Cùng lúc đó vợ tôi bị sốt do nhiễm trùng. Nhà Scitovsky đã mang xe đến chở chúng tôi về Stanford.

https://thuviensach.vn

Cuối cùng, sau nhiều trăn trở, chúng tôi đã quyết định chọn Đại học Harvard. Các lí do chuyên môn xác đáng đã ủng hộ việc này. Ở đó sự tập trung lực lượng trí tuệ có lẽ hứa hẹn còn lớn hơn, so với bất kể đại học nào, đặc biệt nếu chúng ta tính cả MIT và các đại học khác của khu vực Boston nữa. Khẳng định này chắc hẳn là đúng liên quan lĩnh vực chuyên môn của tôi: ở Harvard và các viện nghiên cứu gần đó có nhiều người nghiên cứu về Liên Xô, Đông Âu và Trung Quốc, cũng như về so sánh các hệ thống, hơn ở Stanford rất nhiều.

Chúng tôi mê California, nhưng bây giờ chúng tôi đã làm quen và yêu thích cả Boston nữa, thành phố Anh nhất, Âu châu nhất trong tất cả các thành phố Mĩ. Ởđây chúng tôi có thể cảm thấy ấm cúng hơn. Chúng tôi cũng tính đến một khía cạnh quan trọng nữa. Cả ở hai nơi tôi đã ra điều kiện, rằng tôi chỉở Mĩ một nửa thời gian. Nửa kia tôi nghỉ không lương và khi đó tôi có thể làm việc ở Hungary. Cả hai đại học đều đã chấp nhận điều kiện này, tuy không vui vẻ, bởi vì họ muốn, tôi có mặt ở đó với toàn bộ năng lực của mình. Và nếu chúng tôi đã quyết định, rằng chúng tôi luân phiên chỗ làm việc, quãng đường sẽ ngắn hơn một lục địa, nếu từ Châu Âu chỉ cần đi đến Boston, chứ không phải đến San Francisco.

Tôi đã thoả thuận với trưởng khoa. Họ hứa sẽ giúp kiếm nhà ở thường xuyên và trang bị. Ngoài lương họ còn chịu các chi phí đường hàng không Budapest-Boston hàng năm cho cả hai chúng tôi. Cùng lúc đó họ lưu ý: đây trước mắt mới chỉ là kiến nghị và tôi phải đợi quyết định cuối cùng, mà cũng có thể là quyết định từ chối.

Biết rõ điều này, các tuần tiếp theo trôi đi trong sự chờ đợi căng thẳng. (Như sau này trở nên rõ ràng đối với tôi: chắc khi đó xảy ra cuộc họp của uỷ ban ad hoc). Và cuối cùng họ thông báo quyết định cuối cùng: Đại học Harvard bổ nhiệm tôi làm giáo sư.

Chúng tôi bắt đầu tìm nhà ở và cuối cùng chúng tôi đã chọn một căn nhà của một ngôi nhà chung đang xây sắp xong. Theo tập quán Anglo-Saxon họ cũng đặt tên cho ngôi nhà; người ta gọi nơi ở sắp tới của chúng tôi là *University Green*. Nó nằm ở phần của Phố Mount Auburn, gần campus [khu] của trường đại học và Harvard Square [Quảng trường Harvard]. Quảng trường nổi tiếng này là trung tâm của đời sống Cambridge. Một bên của quảng trường là trung tâm của tổ hợp đại học, trong đó có Harvard Yard [Sân], công viên bao quanh các

https://thuviensach.vn

giảng đường cổ nhất, các toà nhà văn phòng chính và các kí túc xá của trường đại học. Ở các phần khác của quảng trường có các toà nhà văn phòng, các tiệm ăn, các ngân hàng, các cửa hiệu – và cái quan trọng nhất, các cửa hàng sách mở cửa đến tối khuya. Thứ bảy và chủ nhật các nhạc công, các hoạ sĩ, những người bán hàng tràn khắp quảng trường, đôi khi diễn ra sự dỡ hàng thật sự như hội chợ sôi động. Được ở gần nhịp đập quyến rũ độc đáo của Harvard Square - điều này làm cho căn nhà ở được chọn trở nên đặc biệt hấp dẫn.

Chúng tôi về nước trong năm học 1985-1986. Khi mùa thu 1986 chúng tôi quay lại Cambridge, những ngày đầu tiên chúng tôi ở câu lạc bộ của trường đại học. Chúng tôi không còn chịu được, để cuối cùng chuyển vào nhà ở mới. Đã xong nhưng hoàn toàn trống rỗng. Chúng tôi mượn được các bạn bè hai chiếc đệm; và chúng tôi ngủ trên đó những đêm đầu tiên, cho đến khi chúng tôi mua được đồ gỗ.

Niềm vui và những khó khăn của dạy học

Số phận tôi đưa đẩy, rằng tôi bắt đầu dạy học như nghề chính ở lứa tuổi, mà những người khác giảng bài với sự thành thạo đã thành thói quen hàng chục năm, hầu như không cần chuẩn bị mấy.

Hãy so sánh tình hình của tôi với của một đồng nghiệp đại học Harvard, người dạy kinh tế học vi mô chẳng hạn. Anh ta đã nắm vững cặn kẽ học liệu từ thời sinh viên, và vì đã học xong đại học, anh ta cũng đã có thể quan sát, các thầy giáo của mình đã giảng các khoá học ra sao. Khi vẫn chưa đến 30 tuổi thì được bổ nhiệm làm phụ giáo. Bây giờ giữa tuổi 50 và 60 thì đã giảng cùng một thứ đã hai ba thập kỉ. Mỗi năm chỉ cần thay đổi ít nhiều, ở mức các tài liệu khoa học đã tạo ra ý tưởng mới và đáng dạy, nhiều nhất còn cần đổi mới các số liệu thống kê của các thí dụ trong các bài giảng. Có thể dễ dàng lồng các kết quả nghiên cứu riêng của mình vào bài giảng này hay bài giảng nọ. Hoàn toàn cho phép, và là thực tiễn khá phổ biến, rằng giáo viên lấy sẵn cấu trúc của một cuốn sách giáo khoa đã được thử thách, có thể "biên tập" kết cấu của chuỗi bài giảng của mình từ các sách giáo khoa khác nhau, bổ sung bằng những kết quả độc đáo của riêng mình.

Với cái đầu 56 tuổi tôi phải làm mọi thứ từ đầu. Môn chính, mà tôi giảng, có tên là: *Chính trị kinh tế học của hệ thống xã hội chủ nghĩa*. Tôi chỉ dạy các học sinh cao học, tức là các sinh viên của chương trình nhằm lấy học vị Master hay PhD [Thạc sĩ hay Tiến sĩ]. Có những sách

https://thuviensach.vn

giáo khoa phương Tây liên quan; tôi cũng kiến nghị một vài chương của chúng làm tài liệu đọc tham khảo – tuy nhiên tôi đã muốn cho tổng quan về chủ đề theo cách của tôi. Tôi đã chẳng bao giờ tham dự chuỗi bài giảng nào của giáo viên khác về chủ đề của tôi; tôi đã không thể biết, người khác làm ra sao cái việc, mà bây giờ tôi phải làm. Tất nhiên tôi đã sử dụng lượng tài liệu chuyên môn khổng lồ, nhưng cái tôi muốn nói, và cách tôi trình bày, cuối cùng cũng do bản thân tôi soạn ra từ câu đầu đến câu cuối.

Vả lại ở đây không có chuyện về một môn đã chín mùi, chẳng hạn như kinh tế học vi mô hay kinh tế học vĩ mô chuẩn. Ở đó thực tế do lí thuyết mô tả là khá vững chắc, thay đổi từ năm này sang năm kia ở mức độ khó cảm nhận được. Ngược lại nói về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đã là loại nhiệm vụ, như bắn vào một mục tiêu di động. Tôi bắt đầu dạy ở Harvard vào giữa các năm 1980. Khi đó thế giới sôi sục trong phe xã hội chủ nghĩa, các sự kiện có ý nghĩa lịch sử thế giới đã lần lượt kế tiếp nhau. *Glasnost* và *perestroika* đã bắt đầu ở Liên Xô. Hàng triệu người biểu tình trên quảng trường Thiên An Môn ở Bắc Kinh, sau đó là sự trừng trị.(*) Cuối cùng là bước ngoặt lớn: tường Berlin sụp đổ. Tôi đã phải đổi tên khoá học: *Chính trị kinh tế học của hệ thống xã hội chủ nghĩa và của chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa*. Đúng, cái trước kia, trước thay đổi chế độ, tôi đã nói, tiếp tục vẫn đúng và có thể giảng cho sinh viên. Thế nhưng phải cắt ngắn phần đầu của chuỗi bài giảng, và phải để thời gian cho phần hai, cho giải thích các vấn đề của chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa. Không thiếu thông tin, các tin tức sốt dẻo nhất đến hàng loạt, nhưng tất nhiên từ bục giảng đại học không thể trình bày điểm báo qua loa. Phải thử phân tích có hệ thống, sâu hơn.

Tôi cho rằng, các bạn giáo viên ở bộ môn của tôi đã chẳng cảm thấy, tôi phải vật lộn với thách thức khó khăn đến thế nào. Tôi đã phải bù lại lợi thế bước đi, mà kiến thức và kinh nghiệm thu được ở các đại học phương Tây đã cho những người khác. Giữa chừng phải làm chủ những khó khăn trí tuệ to lớn của chủ đề. Tôi phải khắc phục nhiều sự hoài nghi, sự vật lộn bên trong, và cảm giác tự ti trong tôi không phải chỉ một lần, để tôi dám đứng trước các sinh viên Harvard. Trước những thanh niên, những người được lựa chọn với sự khắt khe nhất từ nhiều ứng viên xuất sắc, và những người quen nghe mọi bài giảng với tinh thần phê phán.

https://thuviensach.vn

(*)Trong thời gian các sự kiện bi thảm ở Bắc Kinh cùng với vợ tôi chúng tôi hầu như dán mắt vào màn hình TV, nơi chúng tôi có thể nhìn thấy "trực tiếp" đầu tiên là sự bùng nổ của phong trào sinh viên, rồi đến sự bẻ tan nó. Đối với ai, người đã sống qua năm 1956 ở Hungary, bức tranh là quen thuộc nhìn từ nhiều góc độ. Chúng tôi đồng cảm sâu sắc với các học sinh Trung Quốc của tôi, chúng tôi cùng họ hồi hộp theo dõi hết các sự kiện.

Chắc chắn tôi đã phạm những lầm lỗi. Giọng Hungary không thể sửa được của tôi không tạo ra mấy niềm vui cho thính giả. Tuy vậy tôi có thể mãn nguyện xác định, rằng tôi đã thành công chiếm được sự chú ý và sự kính trọng của sinh viên. So với số lượng quen thuộc của các khoá học không bắt buộc thì số người tham gia đã là cao nổi bật. Số lượng khởi đầu không những không bị mai một, mà thường còn tăng nữa.(*) Sở dĩ thế, cũng vì các sự kiện chính trị thế giới đã ngày càng đưa các vấn đề của hệ thống cộng sản lên hàng đầu. Nhưng cái cũng đã có thể có vai trò, là các giờ của tôi đã có tiếng tăm.

Ở Đại học Harvard không chỉ giáo viên cho điểm học sinh. Cuối năm người ta phân phát các bản câu hỏi cho sinh viên, những người-dưới sự bảo vệ của sự nặc danh-nêu ra ý kiến của mình về công việc của giáo viên và các bản câu hỏi ấy được nộp cho bộ môn. Bây giờ tôi cũng tự hào giữ các bản góp ý kiến đó. Đã có những ý kiến chê trách lặp trở lại, thí dụ nhiều người bất bình với sự lựa chọn các tài liệu bắt buộc và tham khảo. Tôi đã sợ là, nhiều người sẽ cảm thấy thiếu, vì sao tôi không viết các công thức lên bảng hay không trình bày các mô hình toán học. Đối với vài học sinh đúng là chuỗi bài giảng đã không "mang tính kĩ thuật" đủ, nhưng phê phán này tương đối hiếm. Thường xuyên hơn là những nhận xét ngược lại. Nhiều người vui vẻ đến các giờ giảng của tôi chính vì, họ cảm thấy cách giảng "văn xuôi" làm tươi mát, hồ hởi. Nhiều lần tôi chen vào bài giảng những kinh nghiệm sống cá nhân, những quan sát trực tiếp. Đôi khi tôi dẫn các phim hay tiểu thuyết, mà từđó các sinh viên có thể nhận được bức tranh sinh động về những nét đặc trưng của hệ thống cộng sản. Cách tiếp cận có tầm nhìn rộng hơn này được học sinh đánh giá cao, bởi vì nó làm cho báo cáo về thế giới ở xa họ đến vậy trở nên đáng tin cậy. Điều cũng làm tăng sức thuyết phục của bài giảng là, tôi luôn luôn chân thành trả lời các câu hỏi, nhiều khi cả các câu hỏi rất cá nhân, tò mò nữa.

https://thuviensach.vn

Triết lí và phương pháp luận, mà các bài giảng bằng lời và các bài viết dùng làm tiểu luận của tôi dựa vào, trong nhiều khía cạnh khác với triết lí và phương pháp luận người ta dạy trên phần lớn các khoá học. Điều này không những không làm cho sinh viên hoảng hốt, mà một trong những sức hấp dẫn của các bài giảng của tôi nằm chính ở đây. Họ đặc biệt đánh giá cao trong nhiều bản hỏi ýkiến, rằng cái tôi dạy, không phải là kinh tế học theo nghĩa hẹp, mà bao gồm cả sự phân tích cấu trúc chính trị, ý thức hệ, các quan hệ xã hội của hệ thống xã hội chủ nghĩa nữa. Ngày xưa một trong những nhân vật lỗi lạc nhất của khoa học xã hội được tích hợp, Schumpeter, đã từng dạy ở tổ bộ môn này-nhưng ngày nay, nửa thế kỉ sau học sinh khá hiếm khi gặp cách nhìn nhận liên ngành.

Tôi không muốn đánh giá quá giá trị báo hiệu của phản hồi xuất hiện từ các bản mẫu hỏi ý kiến. Đây không phải là thăm dò dư luận của *toàn b*ộ sinh viên PhD Harvard. Ở đây là trường hợp, mà các nhà nghiên cứu dư luận gọi là các mẫu tự chọn. Khoá học của tôi không thuộc các môn học bắt buộc. Sinh viên tự chọn, nhưng nếu đã chọn, đã đăng kí tên mình vào rồi, thì phải học hết và phải thi. Những người đăng kí học tôi, là những người quan tâm đến chủ đề ngay từ trước, và những người đã ít nhiều biết từ tin tức, dựa vào lời kể của các sinh viên các năm học trước, họ có thể mong đợi gì. Như thế tôi không khẳng định rằng, cách tiếp cận của tôi đã là hấp dẫn đối với các học sinh Harvard. Tôi rút ra kết luận khiêm tốn hơn thế nhiều. Giữa nhiều sự hồi hộp và trăn trở từ năm này qua năm khác tôi bình tâm nghiệm thấy: đã có học sinh, cũng không ít, đã tìm thấy niềm vui trí tuệ trong các khoá học của tôi, và nhận được từ các bài giảng và các bài viết của tôi những câu trả lời thức tỉnh tư duy cho các câu hỏi của họ.

(*) Đầu mỗi năm tôi đều đánh cá với vợ tôi: bao nghiêu người sẽ đăng kí theo khoá học. Cả hai chúng tôi đều cho vào phong bì một con số, và số của ai gần nhất với số thực tế, người đó thắng. Kì vọng của tôi luôn luôn bi quan hơn của vợ tôi; trong mọi trường hợp vợ tôi đều đã thắng. Người thắng có thể chọn ra tiệm ăn, mà chúng tôi cùng đi ăn bữa tối ngày lễ.

Tính muôn hình muôn vẻ và sự khoan dung

Tuy tinh thần các bài giảng của tôi khác của những người khác nhiều, điều này nói chung không được đánh giá là hiện tượng hiếm có.

https://thuviensach.vn

Đại học Harvard -giống nhiều tổ chức khác của nền đào tạo đại học Mĩ – đặc biệt cố gắng, để là muôn hình muôn vẻ. Học sinh có thể lựa chọn giữa các trào lưu tư tưởng, các triết học, các trường phái khoa học khác nhau.

Amartya Sen chia thời gian của mình giữa tổ bộ môn kinh tế học và triết học. Qua nhiều năm Robert Nozick đã hướng dẫn seminar triết học chung. Khi Nozick xuất hiện với cuốn sách *Vô Chính phủ, Nhà nước và Không tưởng (Anarchy, State and Utopia)* trên bầu trời triết học, người ta đã coi ông là một ngôi sao mới rực rỡ của thế giới quan tự do chủ nghĩa.(*) Sen thì đứng ở phía đối diện của phổ chính trị: ông nghiên cứu các vấn đề đói nghèo, và đòi hỏi vô điều kiện sự đảm nhiệm vai trò tái phân phối của nhà nước. Sự khác biệt quan điểm của họ đã không phá rối tình bạn chân thành của họ, và chính điều này làm cho seminar chung trở nên hồi hộp nảy lửa.

Bên trong bộ môn của chúng tôi cũng có thể thấy các trào lưu lí thuyết kinh tế học khác nhau, và những đại diện của các quan điểm chính trị không những khác nhau, mà kình địch nhau gay gắt. Đã dạy ở đây Steve Marglin, một nhà kinh tế học cánh tả cực đoan, và vài Keynesist theo nếp cũ. Cùng lúc đó giữa chúng tôi có Robert Barro, người không chỉđã tiến hành những nghiên cứu lí thuyết có ý nghĩa tiên phong, mà thường xuyên góp ý cho các vấn đề chính sách kinh tế hàng ngày trên tờ nhật báo bảo thủ nhất, trên *Wall Street Journal*. Thầy giáo này thầy giáo kia đã đảm nhận chức vụ trong chính phủ một thời gian dài hay ngắn, rồi quay lại đại học. Galbraith đã quá tám mươi tuổi khi tôi đến đây, đã về hưu, nhưng dù sao đôi khi vẫn vào bộ môn (và ở bể bơi chúng tôi cũng thường xuyên thấy hình dáng lênh khênh như que củi của ông). Ông vô cùng nổi tiếng không chỉ với những cuốn sách của mình, mà cả với chuyện, ông thuộc về giới thân cận của các tổng thống Kenedy và Johnson, và đã đại diện cho Hoa Kì với tư cách đại sứở Ấn Độ. Marty Feldstein lo công việc tổ chức và giảng dạy có quy mô khổng lồ, giảng dạy kinh tế học cơ bản cho các sinh viên đại học. Ông có lập trường chính trị ngược lại, suốt nhiều năm ông đãlà cố vấn chính của tổng thống Reagan. Larry Summers đã là đồng nghiệp của chúng tôi, khi ông vẫn chưa thay việc dạy học bằng phục vụ công: đầu tiên là phó chủ tịch Ngân hàng Thế giới, rồi làm thứ trưởng, và cuối cùng làm bộ trưởng bộ tài chính của chính quyền Clinton. Khi nhiệm kì tổng thống của Clinton chấm dứt, Larry Summers quay lại

https://thuviensach.vn

Harvard. Tuy về danh nghĩa ông vẫn là thành viên của bộ môn kinh tế học, ông trở thành chủ tịch của trường đại học. Hệt nhưở bộ môn triết học, trong đào tạo kinh tế học cũng có cặp giáo viên – Robert Barro bảo thủ và Gregory Mankiw tự do-, những người đối chọi những quan điểm đối lập nhau trước các sinh viên trong các seminar chung.

(*)Muộn hơn, trong nhiều vấn đề Nozick đã thay đổi các quan điểm tự do chủ nghĩa cực đoan trước kia của mình thời ông còn trẻ hơn. Đáng tiếc, con người đáng mến, có suy nghĩ táo bạo, viết tài ba, có tính hài hước nồng ấm này đã mất năm 2002 khi còn tràn đầy trí lực.

Tuy trong giảng dạy, trong các cuộc thuyết trình, trong những lần xuất hiện công khai đã có nhiều tranh luận gay gắt, và ai cũng biết về các giáo viên, rằng họ thiện cảm với các chiều hướng khác nhau của phổ chính trị, trong các cuộc họp giáo viên đã chẳng bao giờ xảy ra cãi cọ do những quan điểm chính trị hay thế giới quan khác nhau gây ra. Tranh luận, sự khác nhau về quan điểm không loại trừ sự hợp tác hiệu quả. Có lẽđã chỉ có tôi ngạc nhiên về việc này, tất cả những người khác coi đấy là tự nhiên.

Giữa các bạn thân mến của chúng tôi có một cặp vợ chồng: chồng theo cộng hoà, vợ theo dân chủ. Chúng tôi tiêu khiển thật vui về chuyện, bà vợ chanh chua đưa ra những nhận xét châm chọc về các quan điểm bảo thủ của chồng mình trước mặt hội bạn bè. Tất cả việc này đã không quấy rầy họ "chung sống hoà bình" với nhau hàng thập niên. Chúng tôi nhớ đến một người bạn Hungary của chúng tôi, người sau khi thay đổi chế độ đã buồn bã kể, rằng khó tụ họp ăn trưa với những đứa con lớn, các cặp vợ chồng trẻ không chịu được các quan điểm chính trị của nhau.

Tính nghiêm khắc đạo đức

Đã tạo ấn tượng mạnh lên tôi là, các giáo viên Harvard coi việc tuân thủ các yêu cầu đạo đức liên quan đến công việc là quan trọng đến thế nào. Lí thú và gây vui cười đi kể về, cái gì đã thay đổi ở các trường đại học Mĩ, kể từ khi người ta đứng lên gay gắt chống lại việc quấy rối tình dục đối với các nữ sinh, và người ta nghiêm ngặt cấm thầy giáo đến gần nữ sinh với ý định như vậy.(*) Tôi đã không có kinh nghiệm trực tiếp, và chắc chắn các chuyện đơm đặt lan truyền ngang dọc cũng đã chẳng đến tai tôi. Trong các năm quá hung hăng này thì

https://thuviensach.vn

thái độ đứng đắn thận trọng (politically correct) là, thầy giáo ngay trong tác phong của mình cũng phải giữ khoảng cách với các đồng nghiệp nữ của mình, và phải làm, cứ như là chẳng hề nhận ra họ là đàn bà nữa. Tôi - hệt như ở Budapest - ở Harvard tôi cũng không do dự khen quần áo hay mái tóc mới của các cộng sự nữ thân thiết của mình, nếu tôi thấy đẹp, hay đưa ra lời châm chọc, nếu tình cờ tôi không thích, và tôi chẳng quan tâm lắm đến chuyện, cách này có politically correct hay không. Tôi thấy, các đồng nghiệp nữ cũng vui vẻ chấp nhận giọng con người, hơn là sự nhẫn nhục giả thánh.

Thế nhưng không đáng bàn chi tiết đến chủ đề này, mà đúng hơn đến các vấn đề đạo đức liên quan đến giảng dạy và nghiên cứu.

Trong những ngày này việc nghiên cứu lí thuyết cơ bản gắn chặt với việc áp dụng những nghiên cứu được tiến hành vì mục đích ứng dụng thực tiễn và các kết quả nghiên cứu cho các mục đích kinh doanh. Hoạt động hàn lâm được tiến hành một cách vị tha vì khoa học thuần tuý kết thúc ở đâu, và công việc do lợi nhuận thúc đẩy bắt đầu ở đâu? Tại Đại học Harvard người ta không muốn né trách vấn đề này một cách giả nhân giả nghĩa.(**)Những đơn hàng nhận được từ giới kinh doanh tạo thành các nguồn vật chất quan trọng của công việc nghiên cứu. Chính vì thế họ thử quy định một cách thực tiễn bằng các quy tắc, rằng – ngoài việc hoạch định hoạt động có thể được phép và bị cấm *về mặt pháp luật*– thì cái gì, là cái có thể chấp nhận được hay không thể chấp nhận được *về mặt đạo đức*.

(*) Galbraith đã viết một lá thư ăn năn hối lỗi trong báo sinh viên, trong đó ông thú nhận, rằng ở thời trẻ khi ông còn là phụ giáo, ông đã phạm phải tội này. Cô nữ sinh, mà ông đã đến gần khi đó, chẳng bao lâu sau ông đã lấy làm vợ, và họ vẫn sống với nhau từ đó.

(**)Hình thành một uỷ ban gồm các giáo sư, do một quan chức lãnh đạo của Đại học Harvard làm chủ tịch, uỷ ban làm báo cáo chi tiết về vấn đề này, và đưa ra những kiến nghị cụ thể để giải quyết sự tiếp xúc, cũng như hợp tác giữa đại học và giới kinh doanh, các nguyên tắc để giải quyết các xung đột lợi ích có thể có.

Tại đại học người ta phân biệt hai loại tình thế xung đột: xung đột lợi ích và xung đột cam kết (conflict of interest và conflict of commitment). Nghĩa vụ đạo đức của giáo viên của trường đại học hay cán bộ khác được trường đại học uỷ quyền, là phải tôn trọng lợi ích vật

https://thuviensach.vn

chất của trường. (Thí dụ không thể sử dụng các trang bị phòng thí nghiệm của trường cho nghiên cứu được tiến hành cho một hãng tư nhân trả tiền riêng cho nghiên cứu ấy, mà không có bồi thường cho trường). Nếu nhận hai loại công việc song song nhau (thí dụ bên cạnh hoạt động ở trường còn tiến hành một việc cho một công việc kinh doanh theo hợp đồng tư), thì việc đó không được gây hại cho nghĩa vụ đối với trường.

Các cơ quan tình báo và các cơ quan mật vụ đôi khi trao cho những người ở đại học các nhiệm vụ. Không phải là hoạt động gián điệp quen thuộc từ các phim, khi điệp viên mật đột nhập vào văn phòng của người lạ và đánh cắp số liệu quân sự. Hãy ở lại với các nhà kinh tế học: ai cũng biết, CIA thường xuyên nhờ các chuyên gia Mĩ lập ra các ước lượng về GDP của Liên Xô, bởi vì họ, có lí, coi các ước lượng thống kê của Liên Xô là không tin cậy được. Đây là một nhiệm vụ khoa học nghiêm túc, và nhà kinh tế học Mĩ, người cảm thấy có nghĩa vụ về mặt chính trị với đất nước mình, không thấy sai trái gì ở việc đảm nhận loại nhiệm vụ như vậy. Đúng, thế nhưng tính độc lập và sự toàn vẹn chính trị của trường đại học sẽ ở đâu, nếu các cán bộ của nó hoạt động cho các tổ chức tình báo? Có thể cho phép được không, rằng những người của đại học nhận hỗ trợ tiền bí mật cho công việc nghiên cứu của họ từ quân đội hay các cơ quan tình báo? Loại thực tiễn như vậy sẽ tạo ra diện tấn công chính trị như thế nào ở trong nước và trên trường quốc tế?

Trường đại học đã phân tích vấn đề này, và đề ra quy tắc như sau. Bên trong campus của trường không được phép tiến hành nghiên cứu được đánh giá là "mật". Cái liên quan đến công việc tư vấn, mỗi người hãy quyết định theo lương tâm của mình, rằng có chấp nhận hay không sự hỗ trợ vật chất của quân đội hay các cơ quan tình báo cho công việc nghiên cứu được tiến hành dưới tên riêng của mình. Thế nhưng có nghĩa vụ thông báo công khai việc này. Thí dụ nếu công bố các kết quả nghiên cứu, thì bắt buộc phải nói rõ, rằng công việc của mình do Pentagon hay CIA cấp tiền.

Các quy định và quy tắc dù có cân đối, có được suy nghĩ chín chắn và chi tiết đến thế nào, cũng vẫn có các trường hợp ở ranh giới giữa đúng và sai. Tính đến chuyện này ở Harvard người ta lập ra các uỷ ban đạo đức khác nhau. Giáo viên hay cán bộ khác của Harvard có thể tự nguyện xin lời khuyên từ uỷ ban hay – trong các trường hợp đơn giản-

https://thuviensach.vn

từ một thành viên của uỷ ban.(*) Uỷ ban cũng có thể tiến hành điều tra, nếu biết trường hợp, mà theo đánh giá của nó là có vấn đề về mặt đạo đức.

Những người thông thạo biết, rằng ở Harvard (và tương tự, ở các đại học Mĩ hàng đầu khác) cũng xảy ra các trường hợp có vẻ khả nghi, có vẻ có vấn đề về quan điểm đạo đức. Tôi không khẳng định, rằng không có các lỗ hổng trong hệ thống thể chế được lập ra để bảo vệ tính trong sạch đạo đức của việc nghiên cứu và giảng dạy. Vẫn còn việc phải làm. Tuy vậy ngần ấy tôi có thể nói: nếu lần này hay lần khác xuất hiện sự kiện có vẻ khả nghi nào đó, thì những người hàn lâm mà tôi đã tiếp xúc, không giải quyết nó với một cái nhún vai vô liêm sỉ. Họ bày tỏ hết lần này đến lần khác, cả công khai lẫn trong các cuộc trò chuyện riêng tư, rằng Đại học Harvard mong đợi vô điều kiện tất cả cán bộ của mình ứng xử có đạo đức.

(*) Một lần tôi cũng đã xin lời khuyên. Tôi nhận được món quà từ một sinh viên, và tôi đã không chắc chắn, rằng tôi có thể nhận hay không. Bởi vì món quà đúng ra chỉ là sự quan tâm, sự chu đáo mang tính tượng trưng, giá trị vật chất không đáng kể, ngoài ra học sinh đã thi xong rồi, họ khuyên, hãy bình tâm mà nhận, đừng xúc phạm sinh viên với việc từ chối.

https://thuviensach.vn

1985 –

Khi Đại học Harvard đưa ra khiến nghị việc làm, họ đã muốn, tôi làm việc với toàn bộ năng lực ở đó. Sau đó họ đã lặp đi lặp lại nêu ra yêu cầu này. Họ đã làm cho tôi rõ, là trường đại học ủng hộ tôi hết lòng, nếu tôi muốn xin nhập quốc tịch Mĩ. Hoặc nếu tôi không muốn điều này, thì chí ít tôi hãy xin, với sự ủng hộ của đại học, giấy phép cư trú dài hạn, dưới cái tên quen thuộc là "thẻ xanh". Tôi đã từ chối tất cả các kiến nghị. Như tôi đã nhắc đến ở trước: trong quá trình các cuộc đàm phán tôi đã khăng khăng, rằng tôi có thể sử dụng một nửa thời gian của mình ở Hungary.Vì sao?

Cái gắn bó với Hungary

Bây giờ tôi muốn thoả mãn lời hứa của tôi nêu ra trước đây trong cuốn sách, và quay lại vấn đề di cư. Tôi đã không bỏ đất nước trong làn sóng trốn chạy lớn sau sự bẻ tan cách mạng 1956. Tôi đã từ chối kiến nghị việc làm của Đại học Cambridge Anh và Đại học Princeton Mĩ, gắn cùng với việc rời bỏ Hungary. Năm 1985, khi tôi đàm phán với Harvard (và đồng thời với các đại học Mĩ khác đã đưa ra kiến nghị), tôi lại nói không đối với khả năng di cư. (Sở dĩ tôi viết năm 1985 như năm bắt đầu trong đầu đề của chương, bởi vì lúc đó vấn đề lại nổi lên trên chương trình nghị sự -mà cụ thể là ở dạng gay gắt, ở dạng buộc phải quyết định). Tôi không thể viện dẫn đến các lí do gia đình trong mối quan hệ này. Chúng tôi có ba người con: một ở Hungary, đứa khác ở Thuỵ Điển, đứa thứ ba ở Hoa Kì.(*)Cùng với chúng bảy đứa cháu của chúng tôi cũng sống ở ba nước khác nhau.

(*)Con trai Gábor của chúng tôi đã học kinh tế học, nhưng thực sự không phải ở trường đại học, mà trong hoạt động thực tiễn nó học được, lập và điều hành thành công doanh nghiệp có nghĩa là gì. Nó thấy niềm vui to lớn trong chuyện – bên cạnh việc chỉ huy hãng tin học thành công của mình, hi sinh thời gian rỗi còn lại – nó dạy quản lí ở trường đại học Pécs. Con gái Judit của chúng tôi cũng đã tốt nghiệp đại học kinh tế Budapest, bây giờ nó tổ chức việc đào tạo các nhà lãnh đạo doanh nghiệp với tư cách giám đốc chương trình của business school ở trường đại học kinh tế Stockholm. Con trai Andris của chúng tôi là người duy nhất đã rẽ khỏi thế giới các nhà kinh tế: nó có bằng

https://thuviensach.vn

PhD về toán học và ngôn ngữ. Hiện nay nó tiến hành hoạt động nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực lí thú nhất – phát triển internet -ở Mĩ. Nó vui vẻ về Budapest, và với tư cách giáo viên của trường Bách khoa nó giúp các nghiên cứu sinh.

Khó nhịn được một chút tự hào của cha mẹ. Chúng tôi vui nhất, là cả ba đứa con chúng tôi làm việc siêng năng, và luôn luôn đứng vững trên đôi chân của chúng.

Nếu chúng tôi ở gần một đứa và gia đình nó, thì chúng tôi xa những đứa khác. Các nhân tố khác đã quyết định sự lựa chọn của chúng tôi.

Chúng tôi bàn về các quyết định hết lần này đến lần khác với vợ tôi, và ý kiến của chúng tôi đã thống nhất không chỉ trong những kết luận cuối cùng, mà cả trong lí giải được diễn đạt ở bên trong bản thân chúng tôi nữa. Tuy nhiên, theo phong cách đến đây của sự hồi tưởng, tôi tiếp tục nhân danh riêng mình, bởi vì tôi muốn kể lại những mẩu chuyện xảy ra bên trong thế giới tư duy và cảm xúc của riêng tôi.

Hàng trăm loại sợi dây tình cảm gắn với đất nước. Cảnh đẹp tuyệt vời xúc động luôn tràn ngập lòng tôi, khi từ nước ngoài trở về, xe chạy qua cầu Lánchid hay cầu Erzsébet, và tôi nhìn thấy quang cảnh thành phố. Các tác phẩm của Arany, Ady, József Attila và của các thi sĩ Hungary khác, các tác phẩm của Karinthy đều có hai bản; một ở nhà chúng tôi ở Budapest, một bản khác ở nhà chúng tôi bên Mĩ. Chân dung Bartók được treo trên tường phòng tôi ở Harvard.

Tôi nghĩ bằng tiếng Hung. Tôi không đọc các bài giảng bằng tiếng Anh của mình, mà tôi nói tự do. Tôi có khả năng diễn đạt bằng tiếng Anh mà không có khó khăn gì, nhưng tôi viết bằng tiếng Hung thích thú hơn nhiều (và tốt hơn), và trước khi công bố các cuốn sách của mình tốt hơn tôi nhờ phiên dịch chuyên nghiệp dịch văn bản tiếng Hung [ra tiếng nước ngoài]. Tôi tính toán bằng tiếng Hung, tôi mơ bằng tiếng Hung, tuy rất hiếm khi tôi có thể nhớ những giấc mơ của mình.

Không có ý nghĩa khi tôi nói, rằng tôi yêu nhân dân Hungary. Trên cơ sở triết lí được thừa nhận một cách có ý thức của mình và cũng như vì các lí do tình cảm, tôi lộn tiết, để đưa ra bất cứ tuyên bố chung nào về bất kể nhóm người nào. Có các công dân Hungary, mà tôi yêu thích, và những người khác mà tôi bàng quan hay những người mà tôi khinh

https://thuviensach.vn

bỉ, tôi giận, những người mà tội lỗi của họ tôi cho là không thể tha thứ được. Tôi là vậy với những người Mĩ, người Đức hay người Israel. Tôi có những người bạn ở Hungary, cả ở nước ngoài nữa, những người bạn thật sự, chân thành. Thế nhưng, những người bạn, mà "chúng tôi hiểu nhau từ nửa câu nói", những người mà cả quá khứ gắn chúng tôi lại, tôi chỉ có thể tìm thấy ở Hungary.

Hungary là nước, mà số phận của nó tôi quan tâm đến nhất. Tôi biết nhiều hơn về lịch sử của nó, so với lịch sử của nước khác. Kể từ khi tôi biết suy nghĩ, tôi trước hết hồi hộp vìcái gì xảy ra trong đất nước này. Khi ngay cả tôi đã sống cả năm ở Mĩ, khi đó ở một chừng mực tôi vẫn theo dõi "từ bên ngoài" (đúng, với sự thấu cảm lớn), cái gì xảy ra ở đó. Mặt khác chúng tôi cũng đặt báo Hungary ở đó, và kể từ khi có internet, ở đó chúng tôi cũng liên tục theo dõi tin tức Hungary. Tôi thực sự quan tâm "từ bên trong", cái gì xảy ra ở nước Hungary.

Xa lạ với tôi bất kể cảm giác tự cao dân tộc nào. Thế nhưng tôi vẫn tràn đầy niềm vui, khi phim của Szabó István đoạt giải Oscar, khi tôi thấy vận động viên thể thao Hungary trên bục olimpic, khi tôi có thể trao đổi với các bạn Mĩ của mình về vở Galilei của Németh László, khi nói đến chuyện trường học ở Budapest, nơi Neumann, Wigner và Fellner Vilmos đã học, khi trong *New York Times* người ta viết những lời hào hứng về phim *Thế kỉ Hai mươi của Tôi* của Enyedi Ildikó hay về buổi hoà nhạc dương cầm của Schiff András. Luôn luôn vui, nếu ở nước ngoài, dù ở Mĩ, dù ở Trung Quốc hay Liên Xô, người ta nói một cách khen ngợi về vai trò tiên phong của các nhà kinh tế học Hungary trong các cuộc trao đổi quốc tế về chủ nghĩa xã hội. Không có cách nào tốt hơn nên tôi phải sử dụng cụm từ này cho cảm giác ấy: lòng tự hào dân tộc.

Tôi không thích những diễn đạt lâm li; tôi không viện dẫn đến lời răn "phải sống ở đây, chết ở đây". Tốt hơn tôi nói bằng ngôn ngữ khô khan hơn của nhà kinh tế học về đòi hỏi của *tính nhất quán* đối với bản thân mình. Về việc này trước đây tôi cũng đã nói, trong mối quan hệ khác. Tôi đã giữ nguyên hộ chiếu Hungary, khi suốt nhiều năm họ từ chối cho tôi đi nước ngoài, và mỗi lần tôi muốn đi, lần nào cũng phải xin lại "cửa sổ" cho phép xuất cảnh - vậy chính bây giờ tôi lại đổi sang hộ chiếu khác, khi việc đi nước ngoài đã trở nên dễ hơn? Tôi đã đảm nhận ở lại Hungary trong thời gian áp bức và hạn chế tự do, cùng với những phân biệt bất lợi đi cùng với tư cách công dân Hungary – và tôi

https://thuviensach.vn

hãy ra đi vào lúc, khi đầu tiên hệ thống cũ ít nhiều lỏng lẻo, rồi tan rã muộn hơn?

Trong những lí do của các quyết định của tôi, các ràng buộc tình cảm chiếm ưu thế. Tuy nhiên phải nói thêm là, những cân nhắc chuyên môn cũng ủng hộ quyết định cự tuyệt di cư. Tôi đã chuyên về nghiên cứu hệ thống xã hội chủ nghĩa, rồi về nghiên cứu chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa. Ở phương Tây cũng có nhiều người nghiên cứu chủ đề này. Cái cho các công trình của tôi, từ cuốn sách đầu tiên đến bài báo cuối cùng, tính xác thực đặc biệt là, chúng do ai đó viết, người mà bản thân mình sống ở đó, bằng con mắt của chính mình nhìn thấy, bản thân mình cũng đã kinh qua, cái xảy ra ở đó. Tôi đã thực hiện nhiều nghiên cứu về chủ đề *chung*, nhưng trên cơ sở *bài học Hungary.* Nhiều bài báo của tôi cũng biểu lộđiều này; đầu đề lớn xác định chủ đề tổng quát và đầu đề phụ đưa thêm loại hạn chế nào đấy: "dưới ánh sáng kinh nghiệm Hungary". Đã chẳng bao giờ xảy ra, là vì thế mà người ta coi những phân tích của tôi mang tính địa phương tỉnh lẻ. Tôi cảm thấy chính việc nhìn thấy cái *phổ quát* trên cơ sở quan sát cái bộ phận – sau sự khám phá sự thật, so sánh thích đáng và thu thập kiến thức rộng rãi – là sự thách thức trí tuệ.

Là quyền tự chủ của cá nhân để quyết định, mình muốn sống ở đâu. Theo thang giá trị của riêng tôi, hoàn toàn có thể chấp nhận được về mặt đạo đức, nếu trong đời mình một người sinh ra ở Hungary quyết định di cư ra nước ngoài. Có thể có nhiều loại lí do cho việc này, trốn chạy sự săn đuổi, chán ngán môi trường xã hội đến nay, hay đơn giản chỉ là cảm thấy: có lẽ hạnh phúc hơn ở nơi khác.

Nếu là về người trí thức làm chính trị, bằng việc di cư có thể bày tỏ sự phản đối chính trị của mình, như thí dụ Kossuth Lajos, Károlyi Mihály, Jászi Oszkár, Bartók Béla và sau này nhiều nhà chính trị dân chủ di tản của thời kì sau 1945 đã làm. Về phía họđây đã là hành động dũng cảm, đi cùng với nhiều hi sinh. Tôi hoàn toàn không coi các lối sống này là loại thấp hèn hơn loại ở lại trong nước – nhưng cũng chẳng cao hơn. Phải chăng người đối mặt với một chế độ áp bức, chỉ có thể biểu lộ sự phản kháng bằng cách xuất dương? Còn người không đi – có thể rút ra từ dòng lập luận– đơn thuần bằng sự thực ở lại trong nước của mình cũng chứng tỏ, rằng co mình tuân phục. Đối với tôi cách phân loại này là không thể chấp nhận được. Trong xuất dương cũng có thể còng lưng hèn nhát, và có thể tiếp tục sống thẳng lưng trên quê

https://thuviensach.vn

hương. Nếu ai đó muốn hình thành phán xét đạo đức về lối sống của bất kì ai khác, thì hãy đánh giá những hành động thật sự của người ấy, thay cho việc phân loại đơn thuần chỉ theo, người ấy chọn nước nào làm nơi cư ngụ.

Những so sánh: cuộc sống thường nhật ở Cambridge và ở Budapest

Nửa năm ở đây, nửa năm ở đó- sự luân chuyển thường xuyên hầu như ép buộc so sánh thường xuyên. Cái gì tốt hơn và cái gì tồi hơn ở đó, so với ở đây, hay cái gì, là cái đơn giản chỉ khác. Tôi không so sánh "Mĩ" với "Hungary" hay với "Đông Âu", mà chỉ là một lát hẹp từ tập hợp sự kiện khổng lồ của hai loại thế giới, mà tôi đã gặp. Tôi không so sánh hai hệ thống hay hai loại văn hoá ở đây, nhiều trăm cuốn sách và tiểu luận làm việc này; bản thân tôi cũng đã viết cái này cái khác. Trong một dịp thăm dò dư luận họđã hỏi tôi, tôi hãy nói ba hiện tượng, mà tôi thích và ba thứ, mà tôi không thích ở Mĩ. Đây có vẻ là khung khổ phù hợp.

Nụ cười trên khuôn mặt người Mĩ làm tôi nhớ mãi. Tôi không nghĩ đến "keep smiling -giữ nụ cười" hình như bắt buộc, mà nghĩ đến vẻ hớn hở tựđáy lòng trên khuôn mặt của các giáo sư và sinh viên, của những người bán hàng và bồi bàn, của các phóng viên và những người được phỏng vấn có thể thấy trên chương trình TV buổi sáng, hơn ở trong nước chúng ta. Chắc chắn họ cũng có những mối lo âu của mình, nhưng họ không muốn đổ ngay sự bực dọc của mình lên người họ vừa gặp. Nữ thư kí Mĩ đầu tiên của tôi, Madeline LeVasseur, với sự quên mình vô biên, đầu tiên đã chăm sóc mẹ đẻ mắc bệnh thập tử nhất sinh, rồi đến chăm chồng cô vật lộn với cái chết trong thời gian dài. Cô sống một cuộc đời vất vả. Thế mà, khi tôi bước vào phòng cô, nụ cười vẫn luôn trên khuôn mặt cô; không một lời than phiền. Một nữ thư kí khác ở bộ môn, một thiếu phụ xinh xắn, trải qua phẫu thuật ung thư, và tóc cô bị rụng do điều trị hậu phẫu. Bông đùa, cô mỉm cười chỉ bộ tóc giả và cái mũ mới của mình, và hỏi với sự tự nhiên dễ thương, chúng hợp với sắc mặt của cô thế nào.

Khi sau mỗi thời kì sống ở nước ngoài trở về, thường thường những lời phàn nàn dồn dập đổ lên chúng tôi. Mỗi lời than thở là hoàn toàn có lí – tuy nhiên, không chỉ tính đến sự trầm trọng của mối lo lúc như vậy, mà cả chuyện, thái độ của mỗi người với rắc rối của mình thế

https://thuviensach.vn

nào. Khi chúng tôi vẫn còn là những người mới đi đi về về, và quay về Budapest người ta hỏi "Cậu thế nào?" tôi đã dám trả, với vẻ mặt hớn hở: "Tốt!, khoẻ!", họ hỏi lại: "Thật à? Tất nhiên, dễ cho cậu, bởi vì cậu sống ở Mĩ …" Sau này tôi đã thận trọng hơn. Tôi chuẩn bị để nói vài lời phàn nàn, và sau khi tôi biểu diễn những lời ca thán ấy, ngay lập tức chúng tôi đã ở trên cùng làn sóng.

Một cách thoải mái chúng tôi nghiệm thấy, rằng những người Mĩ, mà chúng tôi có việc với, họ hành động theo cách đứng đắn và ngay thẳng. Bây giờ tôi không thử so sánh, rằng trong hệ thống xã hội nào hay trong nước nào sự lạm dụng quyền lực ở cơ quan, sự tham nhũng hay sự dối trá chính trị là thường xuyên hơn. Tôi nghĩ đến những sự kiện nhỏ nhặt của đời sống. Nếu tôi trả tiền trong một cửa hàng, họ có trả lại tiền một cách chính xác hay không? Nếu một thợ thủ công hứa đến vào 9 giờ thứ tư, anh ta có thật sự có mặt lúc 9 giờ sáng thứ tư hay không? Nếu người ta cung cấp dịch vụ thông tin trên điện thoại, câu trả lời có chính xác hay không? Nếu tôi để yêu cầu gọi lại trên máy ghi tin nhắn, họ có gọi lại hay không? Chúng tôi thất vọng về tính đúng đắn và sựđáng tin của con người ở Cambridge hiếm hơn rất nhiều so với ở Budapest.

Ở Mĩ cũng tồn tại nền kinh tế "xám" [phi chính thức], tuy trên lĩnh vực hẹp hơn, so với ở Đông Âu. Nếu chúng tôi có bắt gặp nó đi nữa, ngay cả nó bằng cách nào đấy cũng "đứng đắn hơn" ở nước ta. Khi chúng tôi chuyển vào nhà mới, chúng tôi đã cần đến một thợ "vạn năng" làm những việc lặt vặt, khoan lỗ trên tường, chuyển chỗ ổ cắm điện, lắp giá sách. Steve có mặt sau giờ làm việc, anh làm mọi việc - trừ việc mắc rèm. Ban ngày anh làm việc ở một hãng làm rèm, và anh cảm thấy, sẽ không đứng đắn tạo ra sự cạnh tranh cho người sử dụng lao động của chính anh bằng hoạt động "kinh tế xám" của mình.

Tính chuyên nghiệp và kỉ luật lao động nghiêm túc của những người Mĩ làm tôi cảm phục. Chúng tôi có quan hệ với ai đó trong bất cứ lĩnh vực hoạt động nào và bất kể ở mức nào, đã đều có thể cảm thấy, rằng người ấy am hiểu công việc mình làm, và tận tâm tiến hành công việc của mình. Có thể nói đều này không chỉ về các chuyên gia có trình độ cao, như thí dụ "primary care physician" của chúng tôi (phạm vi công việc đại loại như của bác sĩ gia đình ở nước ta), người giữ bước cập nhật với những kết quả mới nhất của khoa học, và ngay lập tức chú ý đến việc, nếu lập trường liên quan đến cách điều trị hay

https://thuviensach.vn

thuốc nào đó đã thay đổi. Thợ sửa videocamera, thợ sửa chữa ô tô hay thợ sơn phòng - chí ít đấy là cảm tưởng của chúng tôi - cũng được chuẩn bị kĩ hơn và tập trung hơn vào công việc của mình, so với các đồng nghiệp Hungary của họ. Ít bê trễ, chểnh mảng và nói huyên thuyên hơn ở nơi làm việc. Hiện ra trước mặt chúng tôi một loại người: "hard working American", người Mĩ siêng năng. Ởđó cũng chẳng phải mọi người đều thuộc loại này, và tất nhiên ở nước ta cũng chẳng phải không có người làm việc siêng năng và am hiểu, và hiện nay hình như số họ cũng đang tăng lên – nhưng tôi không tin, rằng tôi lầm, nếu tôi khẳng định, rằng ở đó hiện tượng này phổ biến hơn nhiều. Đây là một trong những nguồn quan trọng nhất của sự tăng trưởng, của năng suất cao của Mĩ.

Và bây giờ tôi quay sang ba kinh nghiệm dở. Tôi bắt đầu với ngôn ngữ, mà tôi có nhiều cái lo. Tất nhiên tiếng Anh diễn đạt tuyệt vời chẳng thể làm gì về chuyện này, nhiều nhất chỉ ở mức độ, rằng đối với người sinh ra và lớn lên ở nước ngoài thì việc phát âm là không thể học được và từ vựng của nó phong phú kinh khủng. Hiển nhiên là khiếu ngoại ngữ của tôi có vấn đề. Đây, là hai trong chuỗi các lỗi lầm tôi đã mắc phải trong các năm đầu. Trong buổi thi luật lệ đi đường (thi lái xe) ở Boston cảnh sát chỉ vào các biển hiệu khác nhau, còn tôi thì phải nói, chúng có nghĩa là gì. Khi họ chỉ một bảng, biển hiệu "No hitchhiking" (cấm vẫy xe đi nhờ), tôi không hề do dự nói ngay: "No hijacking" (cấm bắt cóc xe hay máy bay). Cả hội cảnh sát giao thông dồn lại cười ha hả -ấy vậy mà tôi vẫn nhận được bằng lái xe. Trong một giờ giảng của tôi ở đại học tôi nói về các vấn đề kho dự trữ. Khi đã ba lần tôi nói "whorehouse" (nhà thổ) thay cho "warehouse" (nhà kho), những người nghe cười rộ. Sau này chắc chắn hiểu biết ngôn ngữ của tôi đã phát triển hơn, nhưng cho đến ngày cuối cùng ở đó tôi đã có những khó khăn, nếu tôi phải giải mã tiếng Anh lạ kì của các sinh viên Nhật Bản hay Trung Hoa, hoặc khi tôi cố hiểu thông tin nói lắp bắp trên điện thoại.

Thứ hai, tôi nhắc đến vấn đề nghiêm trọng hơn thế. Quấy rầy tôi là, một loại tính địa phương, tỉnh lẻ đặc biệt thấu suốt cách suy nghĩ chung đến vậy. Đúng là, về một "tỉnh" có kích cỡ lớn đến như thế. Ấy thế mà, so với chuyện Hoa Kì đóng vai trò trung tâm đến thế nào trong đời sống chính trị, kinh tế và khoa học của thế giới, nó hướng nội quá mạnh. Để nắm hiện tượng này thì một công cụ tốt là phân tích các bản

https://thuviensach.vn

tin tối của ba mạng lưới truyền hình lớn tạo dư luận xã hội một cách mạnh mẽ. Rất hiếm khi có tin, không nói về Mĩ. Nếu tình cờ vẫn có đưa tin về sự kiện nước ngoài, thì hầu như chắc chắn, là tin có quan hệ gì đấy với Mĩ. Châu Âu, và đặc biệt các nước nhỏ hơn cởi mở hơn nhiều với thế giới.

Cuối cùng là một hiện tượng đặc trưng, mà tôi có thái độ nước đôi: chủ nghĩa lạc quan vô cùng tận và niềm tin vào hành động của những người Mĩ. Nếu thiên tai giáng xuống một vùng, và người ta bảo những người ở đó lên tiếng, thì đại đa số không phản ứng với giọng đau buồn ủ rũ, và không đòi hỏi sự can thiệp hay hỗ trợ của nhà nước. Thay vào đó thường nghe từ họ đại loại như: "Rồi chúng tôi sẽ làm chủ bằng cách nào đấy… Rồi chúng tôi sẽ giải quyết… Đúng, chúng tôi bắt đầu từ đầu …" Và họ cũng nói ngay, họ bắt tay vào thế nào, kế hoạch của họ là gì. Loại thái độ "Hãy tự cứu mình" đối với các tai hoạ là tuyệt vời và đáng noi theo.

Thế nhưng sự sẵn sàng hành động này không hiếm khi đi cùng với sự ngây thơ và với sự coi thường tình hình cho trước. Nếu người Mĩ thấy một vấn đề, tin chắc, rằng có thể được giải quyết. Không thể tưởng tượng nổi, rằng có thể có vấn đề, mà lại không có lời giải. Có khuynh hướng đưa ra ngay một kiến nghị, giải quyết ngay được vấn đề. Đáng tiếc, trong nhiều trường hợp, ý tưởng ấy dựa trên mô tả tình hình quá đơn giản hoá và kiến nghị những giải pháp thô thiển.

Sự sẵn sàng hành động nhanh nhiều khi có khả năng phi thường; còn các Hamlet và những Oblomov châu Âu thì lưỡng lự hay yên phận trong sự không thể thay đổi được, những người Mĩ thì huy động sức lực. Ngược lại, trong các trường hợp khác nó có thể dẫn đến hành động đột ngột và không suy tính kĩ. Chúng ta hãy chỉ nhớ (và ở đây tôi chạy trước thời gian) đến các cố vấn Mĩ, những người sau sự sụp đổ của chế độ cộng sản đã ngay lập tức biết, phải làm gì, và kiến nghị cùng các giải pháp ở khắp nơi. Có nơi thích hợp, và đã có nơi đi cùng với những hậu quả tai hại.

Tại một trong những trung tâm của văn hoá thế giới

Tôi cảm thấy là sự lầm thước đo to lớn, khi các trí thức Hungary ra vẻ làm sang, với sự coi thường trịch thượng, nói về tính ngớ ngẩn và vô văn hoá của những người Mĩ. Tất nhiên, có những người Mĩ vô văn hoá và thô thiển, như cũng có nhiều người như vậy ở Hungary hay ở

https://thuviensach.vn

bất cứ nước châu Âu nào. Tuy nhiên tôi đã ở trong tình thế may mắn, rằng tôi đã lọt vào một trong những trung tâm của khoa học và văn hoá thế giới. Tại Boston và ở các vùng ngoại ô của nó có bảy trường đại học hoạt động; trên cùng một đại lộ, trên Massachusetts Avenue, có thể thấy hai trong những trường đại học hàng đầu, trường Harvard, và cách đấy mười phút là trường MIT. Tôi đã gặp các nhà nghiên cứu có hiểu biết lớn ở nhiều nơi trên thế giới, nhưng có lẽ không phải sự thiên vị nói ra từ tôi, khi tôi đánh bạo khẳng định: độc nhất vô nhị là sự tập trung của đầu óc sắc sảo, của tài năng, của văn hoá, cô đặc lại ở đây.

Viện bảo tàng Mĩ thuật của chúng ta chắc sẽ hạnh phúc, nếu có được các bức tranh Van Gogh, Gauguin, Beckmann, Klint hay ngay cả các bức tranh Moholy-Nagy, mà có thể thấy trong bảo tàng của Harvard, nói chi đến các báu vật của phòng trưng bày tranh lớn ở Boston.

Chúng tôi chỉ cần xuống tàu điện ngầm, và vài phút sau chúng tôi đã đến Symphony Hall, phòng hoà nhạc của một trong những dàn nhạc xuất sắc nhất thế giới, của dàn nhạc Giao hưởng Boston. Chúng tôi đã nghe ở đây những buổi hoà nhạc tuyệt vời làm sao! Nghệ sĩ nổi tiếng nào có mặt ở Mĩ, đều coi là vinh dự, nếu người ta mời đến Boston. Chúng tôi cũng có hai phòng hoà nhạc dễ thương khác: Jordan Hall tường lát gỗ, có âm thanh ấm áp và đại giảng đường của Harvard, Sanders Hall. Khi đã hai năm chúng tôi đi nghe nhạc, chúng tôi phát hiện ra nhiều gương mặt quen trong các dãy ghế của thính phòng ở đó, hơn ở Nhạc viện trong nước.

Chúng tôi đi xem phim nhiều. Bất luận cung về thuê video có lớn đến thế nào đi nữa, cái này không thay thế được sự thích thú của rạp chiếu phim. (Khi đó cái cũng mang lại niềm vui riêng, là khi người ta vừa giới thiệu một phim mới, chúng tôi đã có thể đi xem ngay. Ngày nay chẳng cần đi xa như vậy. Các phim mới cũng đến rạp ở Budapest hầu như đồng thời). Có vài phim, đã chẳng bao giờ đến được Budapest và gây cho chúng tôi ấn tượng lớn, thí dụ chuyển thể đặc biệt quyến rũ về bác Vanya của Chekhov, *Vanya on 42nd Street (Vanya ở đường số 42)* hay *Thirty Two Short Films about Glenn Gould (Ba mươi hai Phim ngắn về Glenn Gould)*, giới thiệu thiên tài dương cầm lạ lùng.

Và sách! Từ nhà chúng tôi vài phút là đến ba cửa hàng sách khổng lồ trên Harvard Square, với cung sách vô tận. Luôn luôn đầy sinh viên

https://thuviensach.vn

và những bạn đọc bị ám ảnh khác. Cả ban đêm cũng mở cửa. Khi các cháu Thuỵ Điển của chúng tôi đến thăm chúng tôi, việc đầu tiên là chúng lao ra square, vào các hiệu sách. Lật các cuốn sách, lọt vào tay chúng tôi những sách mới, với những lời ca ngợi ở bìa sau. Nếu muốn có định hướng tốt hơn, chúng tôi đợi phụ lục chủ nhật của tờ *New York Times*, và trong đó là *Book Review (Điểm sách)*, và cả một trong những cả tạp chí thanh thế nhất, lí thú nhất, *New York Review of Books* nữa. Nếu các báo và tạp chí này nói về một cuốn sách với những lời khen ngợi, thì chúng tôi cảm thấy: chúng tôi có thể chắc chắn.

Nếu đối với chúng tôi là không đủ, cái mà văn hoá của Boston mang lại, thì New York và Washington ở trong tầm có thể đến được. Hầu như đã chẳng có năm nào, mà chúng tôi đã không đến chí ít một trong hai thành phố ấy vài ngày. Nếu tôi cộng cung của các phòng hoà nhạc, các nhà hát opera, các nhà hát, các phòng trưng bày tranh của hai thành phố này vào của Boston – thì sự lựa chọn hầu như là vô tận. Chúng tôi luôn cảm thấy, thật có lí, rằng chúng tôi bỏ lỡ cái gì đó, cái cần phải xem hay nghe, nhưng chúng tôi đã không làm vậy- bởi vì không đủ thời gian, vì các nhiệm vụ khác, những việc làm khác chiếm thời gian của chúng tôi.

Những mối dây bạn bè

Nhu cầu tồn tại của tôi là tình bạn. Những quan hệ bạn bè khác nhau tất nhiên có thể khác nhau về cường độ tình cảm, về độ chân thành, về tính thường xuyên của việc sống cùng nhau. Thế nhưng như vậy cũng vẫn có một đường ranh giới có thể cảm nhận được, phân biệt những người quen với những người bạn. Tôi tràn đầy cảm giác dễ chịu, nếu chúng tôi thân nhau với ai đó, người ở quanh tôi trong bất cứ cương vị gì.

Như tôi đã nhiều lần nhắc đến, lúc ấy tôi cảm thấy thoải mái ở một nơi làm việc, nếu tình bạn gắn với các cộng sự trực tiếp của tôi. Cảở Harvard tôi cũng đã rất may mắn về mặt này. Những người đáng yêu, dễ thương đã là các nữ thư kí của tôi. Trước đây tôi cũng đã nói về người đầu tiên, về Madeline. Với Kate Pilson ngày làm việc của chúng tôi thường bắt đầu bằng việc, chúng tôi không chỉ bàn về những việc cần làm của ngày hôm ấy, mà cũng nói chuyện về các sự kiện chính trị, về các phim và về các ấn tượng văn học của chúng tôi nữa. Lauren LaRosa đưa cho tôi một cuốn sổ nhỏ, trong đó cô tập hợp các bài thơ

https://thuviensach.vn

riêng của mình: tôi cảm thấy điều này là dấu hiệu của sự tin cậy dễ thương. Đã nhiều năm tôi chưa gặp ai trong số họ, nhưng bây giờ tôi cũng trao đổi thư với cả ba cô, và đôi khi chúng tôi cũng nói chuyện điện thoại.

Tôi đã chưa lần nào ở vị trí lãnh đạo, nhưng khi thì một, khi thì nhiều "trợ lí nghiên cứu" đã giúp công việc của tôi. Tôi cảm thấy là đặc ân, rằng Kovács Mária đã là cộng sự của tôi từ 1985 đến 1997. Cô đã học xong Đại học Khoa học Kinh tế với tư cách thành viên học viện Rajk, và đã đảm nhận làm việc với tôi toàn bộ thời gian làm việc của cô. Cô đã giúp tôi mọi thứ: thu thập dữ liệu, biên tập các bản thảo của tôi, giữ các mối quan hệ, quản lí giấy tờ của tôi. Cô biết mọi chi tiết công việc của tôi đến mức, hầu nhưđã chẳng cần phải bảo, và cô luôn luôn biết, phải làm gì. Khi công việc Harvard bắt đầu, Marcsi cũng đã đảm nhận hoán chỗ làm việc cùng tôi: khi chúng tôi đi Mĩ, cô cũng luôn đi cùng chúng tôi.

Đầu tiên Benedict Ágnes, rồi đến Varga János đã thay thế Marcsi. Giống như Kovács Marcsi họ cũng hoán chỗ cùng với chúng tôi giữa Budapest và Đại học Harvard. Khi vào làm việc, đầu tiên họ chỉ đảm nhận mỗi người2 năm, nhưng sau đó cả hai đều tự nguyện kéo dài thêm một năm.

Ba người trẻ này đã không phải là "nhân viên cấp dưới" của tôi, mà là bạn dễ thương, cùng với vợ tôi, chúng tôi coi cứ như là con hay cháu của chính mình. (Tuổi họđúng là ở giữa tuổi con và tuổi cháu). Chúng tôi vui, rằng - nếu họ có lo âu gì – chúng tôi đã có thể giúp họ, rằng chúng tôi cũng đã gặp nhau nhiều lần ngoài đại học, rằng họ vui vẻăn các món do Zsuzsa nấu.

Quan hệ thầy-trò đã trở thành quan hệ bạn bè với những học trò, mà tôi đã không chỉ là PhD adviser của họ, mà họ cũng đã giúp trong những nghiên cứu của tôi, trong viết các sách của tôi với tư cách trợ lí nghiên cứu. Tên của Szeleny Anna, Yingyi Qian, Chengang Xu, Carla Krüger, Jane Prokop, Alexandra Vacroux, Karen Eggleston, John McHale xuất hiện không chỉ trong những lời cảm ơn của các bài viết của tôi hay với tư cách đồng tác giả, mà họ có chỗ trong những kí ức được giữ gìn với tình quý mến của tôi. Bên cạnh đại học chúng tôi cũng đã gặp tất cả họ trong khuôn khổ gia đình. Khi họ cũng, tôi cũng

https://thuviensach.vn

rời khỏi Đại học Harvard, có người tôi nói chuyện với thưa hơn, có người thường xuyên hơn, nhưng các mối quan hệ ngày nay vẫn tồn tại.

Chúng tôi đã cần đến sự giúp đỡ nội trợ. Trên một cây chúng tôi thấy một tờ rao vặt, chúng tôi gọi số điện thoại đã cho, và không bao lâu có mặt ở nhà chúng tôi một cô gái có duyên, Susan Ryan-Vollmar. Cô vừa học xong college (trung học), thỉnh thoảng viết các bài báo nhỏ và làm thơ, bên cạnh việc duy trì tham vọng văn chương cô muốn kiếm sống bằng công việc nội trợ. Chúng tôi đã thoả thuận, và từ đấy cô đến chỗ chúng tôi dọn dẹp. Khi chúng tôi đã kết bạn với nhau, chúng tôi bắt đầu thuyết phục: đừng bỏ học, hãy đăng kí lại vào đại học. Cũng đã xảy ra như thế. Cô đã tham gia đào tạo nhà báo bậc cao, rồi nhận được việc làm, đầu tiên ở một tờ báo nhỏ, muộn hơn ở một tờ báo hàng đầu của Boston, nơi ngày nay cô đã là phó tổng biên tập.

Khi đã dọn dẹp ở chỗ chúng tôi một thời gian, cô xin sự đồng ý của chúng tôi, để về sau cô cùng có mặt với một người bạn của mình. Kể từ đấy hai người dọn dẹp căn hộ nhỏ: Susan, nữ nhà báo và bạn đời của cô, Linda Croteau, cô giáo trung học. Họ đã trung thành với chúng tôi; bất kể sự nghiệp của Susan có vút cao đến thế nào đi nữa, việc dạy học dù có bận đến thế nào với Linda, cảm giác bạn bè đã thúc đẩy họ giúp chúng tôi từ đầu đến cuối trong công việc nội trợ. Đấy là những lúc sống cùng nhau lí thú. Họ làm việc siêng năng, cả hai đã là những cô quét dọn chính xác và hiệu quả không thể theo kịp được.(*)Khi họ dừng lại cho một đợt giải lao ngắn, chúng tôi trao đổi về các sự kiện chính trị sốt dẻo, hay về các cuốn sách mà chúng tôi đọc khi đó. Nếu tôi diễn đạt bằng tiếng Anh, và có khó khăn ngôn ngữ gì đấy, thì tôi nói với Linda hay Susan, nhờ chỉ dẫn. Chúng tôi cảm thấy như niềm vui gia đình của chính mình, khi họ thông báo: Susan sẽ có con. Chỉ sau khi rời Mĩ, chúng tôi mới biết qua điện thoại, rằng bây giờ họ đã hai lần đợi sinh con.

(*)Khi Đại học Harvard, tổ chức bữa tiệc tối chiêu đãi tôi, nhân dịp tôi về hưu, tất nhiên Susan và Linda cũng đã được mời. Những người tham gia ngồi quanh một bàn tròn lớn, và những người ngồi cạnh nhau đã hỏi nhau, ai là ai. Từ mọi phía các giáo sư đại học bao quanh nhà Susan, và khi nói đến nghề của họ, câu trả lời đầu tiên của họ là: chúng tôi là những người quét dọn của Kornai János. Những người xung quanh hơi ngạc nhiên, bởi vì ngay cả ở Harvard rất tự do thì sự hiện

https://thuviensach.vn

diện của các cô quét dọn cũng vẫn tỏ ra khác thường trong bữa tiệc tối. Muộn hơn mới tỏ ra là, một biên tập viên và một cô giáo ngồi cạnh họ.

Trong bể bơi một thiếu phụ đẹp, tóc trắng như tuyết, có hình dáng được rèn luyện bắt chuyện với Zsuzsa. Từ những cuộc nói chuyện tình cờ hình thành sự quen biết, rồi tình bạn. Chúng tôi liệt Mimi Berlin, chị dạy lịch sử Nga ở đại học ban đêm của Harvard, và Gerry Berlin, anh là luật sư hàng đầu, người chơi kèn clarinet nghiệp dư và chiến sĩ dân quyền một thời, vào giữa những người bạn thân nhất của chúng tôi. Hình thành một truyền thống, rằng khi chúng tôi từ Châu Âu đến Cambridge, tối đầu tiên chúng tôi đều ăn tối ở nhà họ, và nếu chúng tôi rời đi, buổi tối chúng tôi ở nhà họ, chúng tôi chia tay Cambridge với món nấu ngon của Mimi. May là chúng tôi đã gặp hoở Budapest nữa, kể từ khi chúng tôi rời Mĩ.

Chúng tôi đã có nhiều buổi tối lí thú với Robert và Bobby Solow, chúng tôi cùng nhau đi nghe hoà nhạc nhiều lần. Nghe ông giảng gây cảm tưởng mê say(*). Tôi chẳng biết ai, người có khả năng trình bày những ý tưởng khó và phức tạp một cách trong sáng như pha lê đến mức như vậy, không hề làm ra vẻ quan trọng hoá, pha thêm chút hóm hỉnh và hài hước sinh động. Bên cạnh bàn ăn chúng tôi cũng tận hưởng cùng trí năng tuyệt vời ấy, và ngoài ra là tính chu đáo, sự quan tâm và sự sẵn lòng giúp đỡ đầy tình người, mà ông biểu lộ đối với các bạn mình.

Các bạn khác của chúng tôi cũng chủ yếu từ trong số các đồng nhiệp đại học. Zwi Grilches đã mất từ khi đó và rất nhớ ông, và vợ ông, Diana, Dale và Linda Jorgenson, người con của đất nước chúng ta, Francis Bator (tức là Bátor Feri) và Jae Roosevelt, Amartya Sen và Emma Rothschild, Robert và Nancy Dorfmann, Frank và Mathilda Holzmann, Robert Schulman và vợ ông, Fejes Judit – và tôi còn có khả năng kể ra nữa.

Ở Mĩ hình thức nhóm hội bạn bè phổ biến là “party”. Nhiều người tụ tập lại, người ta đứng lâu một thời gian dài, tay cầm li, lúc ghé chỗ này khi qua chỗ nọ, nói chuyện với người này hay với người kia. Sau chuyện huyên thuyên hời hợt, thường là đến bữa tối “xếp chỗ ngồi”, trong đó mỗi người nên luân phiên đàm đạo với hai người ngồi cạnh mình (đôi khi là người hoàn toàn lạ), có khi suốt một hai giờ. Nếu ai

https://thuviensach.vn

đó không có may mắn với những người cạnh mình, thì cuộc nói chuyện lịch sự có thể trở nên vô cùng buồn tẻ.

Tôi thông báo một cách tự trọng: trong nhiều năm dài ở Mĩ chúng tôi đã không tổ chức "party" một lần duy nhất nào. Nếu người ta mời chúng tôi đến cuộc gặp gỡ loại như vậy, trong các giới hạn của phép lịch thiệp đa phần chúng tôi lảng tránh. Chúng tôi thích loại gặp gỡ, trong đó có hai-ba-bốn khách, ngoài những người chủ nhà. Chỉ hình thành một nhóm nói chuyện duy nhất. Nếu nói đến gì đó, thì - nếu có thể -chúng tôi nói chuyện nghiêm túc về nó, tranh luận về nó, thay cho cứ năm phút một lại nhảy từ chủ đề này sang đề tài khác.

(*) Judit con gái chúng tôi vẫn do dự, thử vào trường đại học nào, khi năm 1972, trong chuyến đi Mĩ đầu tiên của nó, nó đi cùng đến một hội nghị, trong đó giữa những thứ khác Robert Solow thuyết trình. Nếu đấy là môn học lí thú đến vậy, thì đáng đăng kí vào Trường đại học Khoa học Kinh tế-nó nghĩ lúc đó. Sau này nó phải thất vọng đôi chút; đội ngũ giảng viên của ngành kinh tế học không gồm toàn những Solow.

"Small talk", nói huyên thuyên làm tôi bực mình. Ai đó đã giải thích cho chúng tôi, rằng trong giới trí thức Mĩ không nên nói về các vấn đề chuyên môn riêng của mình trong nhóm hội, bởi vì điều này là bất lịch sự đối với những người có mặt không cùng nghề. Một lần khách của chúng tôi là ba đôi vợ chồng, trong đó có hai nhà kinh tế học lớn và một nhà chính trị học cũng rất có tiếng, cùng với vợ họ, các bà cũng là các nhà nghiên cứu, hay là nghệ sĩ. Đáp lại lời mời của họ chúng tôi tổ chức cuộc gặp này ở nhà mình. Chúng tôi mừng trước, rằng chúng tôi sẽ được phần trong ấn tượng trí tuệ đến thế nào. Thay cho điều này suốt buổi chỉ là trò chuyện nhạt nhẽo, bởi vì các vị khách của chúng tôi tránh xa các vấn đề chuyên môn. Chúng tôi rút ra bài học từ trường hợp này. Muộn hơn chúng tôi đã cố lái câu chuyện, bằngnêura một câu hỏi hay tham gia ý kiến ở thời điểm thích hợp, để hình thành các cuộc trò chuyện lí thú và đáng tham khảo về mặt trí tuệ. Và sau khi các bạn của chúng tôi thấy, rằng chúng tôi thích loại đời sống xã hội này, họ tôn trọng những nhu cầu của chúng tôi. Các lời mời dự party ngày càng thưa dần, thay vào đó họ mời chúng tôi đến các cuộc gặp gỡ "trò chuyện" thân mật, có phạm vi hẹp, mà chúng tôi thích. Nếu phải xếp hạng, cái gì là cái chúng tôi cảm thấy thích thú nhất ở Cambridge, thì cuộc sống nhóm hội bạn bè sống động tưng

https://thuviensach.vn

bừng, giàu ấn tượng trí tuệ, muôn màu muôn vẻ sẽ nhận được một trong những vị trí đầu tiên.

Sở dĩ các vị khách cũng vui lòng đến nhà chúng tôi, bởi vì họ luôn luôn nhận được các món ăn đặc biệt ngon. Một trong những bánh nướng của Zsuzsa đã có tiếng khắp Cambridge. Một người quen xa hỏi thăm, làm sao có thể nhận được lời mời đến nhà Kornai, vì cũng thích nếm thử bánh ga tô hạnh nhân.

Tôi cảm thấy thoải mái trong Faculty Club [Câu lạc bộ Khoa] của Harvard. Hiếm khi có tuần nào, mà ở đó không có một hai bữa ăn trưa với các đồng nghiệp hay các khách đến thăm. Ai sống cả đời trong thế giới đại học phương Tây, đối với người đó việc này chắc là hoàn toàn hiển nhiên. Tôi quen hình thức gặp gỡ này ở đó: nói chuyện trí tuệ thân mật quanh bàn ăn, khi chúng tôi trước hết nói chuyện về các vấn đề chuyên môn, nhưng cũng đụng đến nhiều thứ khác nữa, chính trị, văn hoá, những việc cá nhân.

Thế nhưng, cho dù có nảy nở các mối dây bạn bè chặt chẽ đến đâu với các bạn Mĩ mới của chúng tôi, vẫn thiếu cái gì đó trong các mối quan hệ: quá khứ chung. Năm tháng đã làm tiêu hao nhiều tình bạn của chúng tôi ở Hungary. Đã có người bỏđi, có người bị chúng tôi bỏ, bởi vì chúng tôi đã xa nhau về tinh thần hay vì những suy nghĩ và hoạt động xã hội của chúng tôi đã đi theo những hướng khác nhau. Tình bạn trải qua *những thử thách*. Lịch sử là người chấm thi nghiêm ngặt của tính trung thành, của sự trung kiên, của đặc tính. Thế nhưng, những tình bạn, đã vượt qua được các thử thách này, được tôi luyện mạnh hơn- mạnh đến mức, không thể so sánh được với cường độ tình cảm của những tình bạn được bén rễ ít sâu hơn nhiều, được hình thành muộn hơn.

Nếu trong một nhóm hội Mĩ xuất hiện vấn đề, sự đàn áp có nghĩa là gì trong một nước cộng sản, thì các bạn của chúng tôi nhắc đến thời kì McCarthy. Ngược lại lúc như vậy chúng tôi nhớ đến, việc quấy rầy vài trăm người, sự xua đuổi họ khỏi nơi làm việc làm sao có thể so sánh với sự đàn áp dã man của thời kì Rákosi, hay với sự báo thù tàn bạo năm 1956-1957, đã giết 229 người với tuyên án của toà trong một nước nhỏ và bỏ tù hàng ngàn người nhiều năm vì mười ngày của cách mạng.[193] Họ biết gì về, hệ thống toàn trị có nghĩa là gì? Họ đã thấy, rằng chúng ta không có khả năng cảm thấy, sự đe doạ và sự cắt xén có

https://thuviensach.vn

tổ chức các quyền này có nghĩa là gì đối với một xã hội đã quen với quyền tự do. Họ cũng, chúng ta cũng vô vọng để hiểu được người khác *có thể* cảm thấy cái gì dựa vào các dòng tư duy duy lí và những hiểu biết lịch sử. Điều này không hoàn toàn như, cái khi mỗi người tự mình *trải nghiệm*, sự áp bức có nghĩa là gì cho bản thân mình và cho những người quanh mình.

Chúng tôi cũng cảm thấy tương tự với kinh nghiệm holocaust [tàn sát hàng loạt người Do Thái thời Hitler]. Tất nhiên tất cả các bạn chúng tôi, những người Do Thái và những người không Do Thái, đều thông cảm sâu sắc và lên án tội ác chính trị khủng khiếp này.

Nhưng chẳng ai trong số họ đã đeo trên áo của chính mình ngôi sao vàng. Nhiều bạn Mĩ của chúng tôi quan tâm đến số phận Do Thái nhiều hơn chúng tôi nhiều -thế nhưng, sự thấu cảm, cảm giác trách nhiệm đạo đức và tình đoàn kết, là khác, và việc đích thân trải nghiệm chấn thương lại là khác.

Những kinh nghiệm chung của những số phận nhọc nhằn- đấy là những thành tố của các mối dây kết nối nhau lại, những cái chỉ có thể hình thành trong các tình bạn của chúng tôi ở nước Hungary. Khi sau một đợt đi xa dài ngày trở về, chúng tôi khó lòng đợi được, để nghe chuyện của các bạn chúng tôi. Với niềm hồi hộp chung chúng tôi đã trải nhiệm sự tăng tốc của các sự kiện, các dấu hiệu dồn dập của sự yếu đi của chế độ Kádár giai đoạn cuối, của sự tan rã của đế chế Soviet. Không những chỏ Cambridge, mà cảở Budapest chúng tôi cũng tránh các party và các "salon trí thức" đang trở thành mốt thời thượng ở nước ta nữa. Ởđây chúng tôi cũng chỉ thích các cuộc gặp gỡ có phạm vi hẹp, các cuộc trò chuyện có ý nghĩa được tiến hành trong hội bạn bè thân mật. Chúng tôi tụ họp lại cho mỗi buổi trò chuyện dài khi thì với Hanák Péter và Kati, lúc thì với Lőcsei Pál và Kende Éva, khi thì với Nagy András và Losonczy Ágnes.(*) Với nhà Liván chúng tôi gặp nhau không chỉ ở nhà của chúng tôi và nhà họ, mà cả khi dạo chơi ở Normafa nữa. Chúng tôi rất thích hội của các cộng sự-học trò một thời của tôi, của Laki Mihály, Farkas Kati, Bauer Tamás, Gács János, Lackó Mari, Simonovits András, Kapitány Zsuzsa. Theo thói quen dễ chịu của các bữa ăn trưa ở câu lạc bộở Cambridge tôi cũng vui vẻ gặp gỡ cạnh bàn ăn với Csató Éva, người mà tôi đã quen từ thời ở *Szabad Nép*, với Lukács Ilus, một trong những người dịch *Sự thiếu hụt* hay với Matits Ágnes, người mà chúng tôi đã cùng thực hiện khảo sát kinh

https://thuviensach.vn

nghiệm to lớn liên quan đến ràng buộc ngân sách mềm. Chúng tôi đã quen biết tất cả họ qua công việc, và tất cả các mối quan hệđã trở thành tình bạn lâu dài. Ở đây, trong giới các bạn Hungary của chúng tôi, chúng tôi nhận được cái gì đó, mà không quan hệ Mĩ nào có thể bù được.

Tham gia vào cộng đồng các nhà kinh tế học châu Âu và thế giới

Tính thời gian ở, từ 1983, bắt đầu từ chuyến đi Princeton tôi đã sống khoảng nửa đời mình ở Mĩ. Thế mà tôi vẫn không trở thành nửa Mĩ. Rất nhiều mối dây cũng đã nối tôi với các phần khác của thế giới, với các công dân của những nước khác.

Tôi đã làm quen với cảm giác trách nhiệm vượt qua các biên giới quốc gia sớm hơn nhiều, khi – theo kiến nghị của Tinbergen -người ta bổ nhiệm tôi làm phó chủ tịch của Uỷ ban Kế hoạch Phát triển của Liên Hợp Quốc năm 1972. Tôi đã giữ chức này cho đến năm 1977. Cùng với các nhà kinh tế học Ấn Độ, Mexico, Pháp, Soviet, Hà Lan, Ba Lan chúng tôi đã thử cân nhắc: chúng tôi có thể đưa ra những kiến nghị như thế nào cho chính sách kinh tế của các nước đang phát triển, chúng tôi có thể đệ trình những kiến nghị thế nào ra trước các tổ chức khác của Liên Hợp Quốc.

(*) Các cuộc gặp gỡ của tôi với Kende Péter và vợ anh, Kende B. Hanna tạo thành trường hợp ngoại lệ. Péter cho đến khi thay đổi chế độ đã không thể trở về Budapest. Vì thế chúng tôi chớp lấy mọi cơ hội, để nhân dịp các chuyến đi nước ngoài của tôi chúng tôi thu xếp một cuộc gặp gỡ.

Muộn hơn tôi đã đảm nhận vai trò tích cực trong tổ chức quốc tế của các nhà toán kinh tế học, trong Hội Kinh tế Lượng. Đầu tiên họ bầu tôi vào ban chấp hành, rồi năm 1978 bầu tôi làm chủ tịch hội.(*) Với tư cách chủ tịch bên cạnh việc hoàn thành các nhiệm vụ chung, một cách riêng biệt tôi cũng đã coi là việc thân thiết của mình, rằng các nhà kinh tế học của các nước xã hội chủ nghĩa có thể tham gia trong các cuộc hội nghị của chúng tôi và bằng cách này có thể tham gia vào các trào lưu kinh tế học của thế giới phương Tây.(+)

Tuy vậy tôi cũng đã cố gắng làm việc này bằng cách khác: hễ ở đâu có cơ hội là tôi thúc giục sự tham gia của các đồng nghiệp Hungary, Đông Âu khác và Soviet trong các buổi họp mặt quốc tế, tôi đã kiến nghị họ làm nhà nghiên cứu khách hay giáo viên khách.

https://thuviensach.vn

Hoạt động của tôi trong Hội Kinh tế học Châu Âu đã rơi vào thời kì Harvard. Khi giáo sư Bỉ, Jacques Drèze, người mà tôi kính trọng không chỉ vì thành tích khoa học xuất sắc của ông, mà cả vì hoạt động xã hội được cam kết của ông nữa, đề xuất việc thành lập hội, tôi cũng đứng cạnh công, và tôi là một trong những người sáng lập. Không phải lúc gia nhập liên hiệp châu Âu là lúc tôi khám phá ra tính châu Âu. Vẫn còn bức màn sắt, khi năm 1986, hội được thành lập với Drèze làm chủ tịch. Năm thứ hai người ta đưa ra hai ứng viên cho chức chủ tịch: Frank Hahn và tôi. Tôi quen với Hahn trong chuyến đi Anh đầu tiên, ở hội nghị Cambridge năm 1963. Ông đã viết bài *The Winter of Our Discontent (Đầy Bất mãn)*, phê phán gay gắt cuốn *Anti-Equibrium* của tôi. (Trong chương 10 tôi đã nói về bài này). Chúng tôi đã có quan hệ bạn bè; ông đã sẵn lòng giúp đỡ, khi tôi yêu cầu ông hỗ trợ việc làm cho Lipták Tamás khi anh di tản. Quay lại việc bầu cử, lúc như vậy họ hỏi cả hai ứng viên: có đảm nhận cạnh tranh không. Cả hai chúng tôi đều đảm nhận, và tôi được đa số phiếu.

Hệt như trước đây trong Hội Kinh tế Lượng, ở đây trước hết tôi cũng thúc giục sự tham gia của các đồng nghiệp sống ở các nước xã hội chủ nghĩa. Đã thành công, để các nhà nghiên cứu có nhiều hứa hẹn, mà tên tuổi họ vẫn chưa được biết đến trong thế giới phương Tây, nhận được giấy mời đến hội nghị đầu tiên của hội ở Viên: giữa những người khác có Leszek Balcerowicz, khi đó vẫn còn là nhà kinh tế học Ba Lan trẻ, người muộn hơn đã trở thành một trong những thủ lĩnh của sự thay đổi chế độ ở Ba Lan, nhà xã hội học Tatjana Zaslavskaya, người đã trở nên nổi tiếng thế giới vì các tiểu luận phân tích phê phán hệ thống Soviet, và Vladimír Dlouhý trẻ, người trở thành thủ lĩnh đảng và bộ trưởng trong chính phủ Czech sau khi thay đổi chế độ.

Tại hội nghị năm 1987, trong báo cáo của chủ tịch giữa những thứ khác tôi đã nói những điều sau: “Tôi là công dân của một nước xã hội chủ nghĩa. Có thể hiểu được, rằng sự tham gia của các nhà kinh tế học Đông Âu vào hội chúng ta là đặc biệt quan trọng trong con mắt của tôi”. Tôi đã liệt kê những khó khăn riêng, mà những người Đông Âu phải đương đầu với, rồi tôi yêu cầu sự giúp đỡ của các thành viên phương Tây của hội– tôi trích – “những người khá may mắn, rằng họ xa lạ với những nỗi lo âu, mà các đồng nghiệp phương đông của họ phải đối mặt. Trong nhiều người chúng tôi, trong các công dân Đông Âu thường tái diễn cảm giác cay đắng, rằng trí thức phương Tây đồng

https://thuviensach.vn

nhất Châu Âu với Tây Âu. Tôi nhắc nhở tất cả chúng ta: biên giới của lục địa không chạy dài dọc sông Elba. Chúng tôi mong, rằng hãy cũng coi chúng tôi là những người châu Âu".[194]

(*) Trong Hội Kinh tế Lượng việc bầu cử diễn ra trong hai bước. Đầu tiên, từ nhiều ứng viên người ta bầu ra *President Elect*, tức là "chủ tịch tương lai", người hoạt động tích cực trong cương vị này một năm, và làm quen với những công việc của mình. Năm tiếp theo thì duy nhất tên người này xuất hiện trên phiếu bầu với tư cách ứng viên chủ tịch.

(+)Sau này khi làm chủ tịch Hội Kinh tế học Quốc tế ông cũng thế, ông đã rất muốn chú ý đến sự hội nhập của các Hội Khoa học Kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây (kể cả hội của Việt Nam, đáng tiếc không có hồi âm tích cực). N.D.

Đặc ân và trách nhiệm của chủ tịch là vạch ra ý tưởng khoa học chủ đạo của đại hội hàng năm. Bài phát biểu của chủ tịch và nội dung của hai báo cáo chính được nhấn mạnh sẽ tập trung quanh chủ đề chính này. Tôi đã nghĩ: đối với chúng ta cái quan trọng nhất bây giờ, là chúng ta hãy bàn về *quyền tự do*. Đầu đề bài phát biểu của riêng tôi đã là: *Quyền tự do Cá nhân và Cải cách Nền kinh tế Xã hội Chủ nghĩa (Individual Freedom and Reform of the Socialist Economy)*.[195] Tôi đã mời Amartya Sen làm một người trình bày chính, ông đã chọn đề tài như sau: *Quyền Tự do Lựa chọn: Khái niệm và Nội dung (Freedom of Choice: Concept and Content)*.[196] Tôi đã yêu cầu Assar Lindbeck làm người thuyết trình chính khác, tiểu luận của ông mang đầu đề: *Quyền tự do Cá nhân và Chính sách Nhà nước Phúc lợi (Individual Freedom and Welfare State Policy)*.[197]

Trong bài báo cáo của riêng mình dựa trên thí dụ Hungary tôi đã cố làm rõ, là sự phi tập trung hoá, sự phổ biến của sở hữu tư nhân, sự dịu bớt của các hiện tượng thiếu hụt, sự nới lỏng các hạn chế quan liêu của thị trường lao động không chỉ có thể phục vụ cho tính hiệu quả, mà cũng làm tăng quyền tự do cá nhân, khả năng lựa chọn. Như kết quả quan trọng tôi đã nhấn mạnh, rằng thế giới xã hội chủ nghĩa đã chuyển dịch từ trạng thái "nhà nước cực đại" theo hướng giảm vai trò nhà nước và tăng quyền tự do cá nhân.

Đi Trung Quốc

Hè năm 1985 theo lời mời của Viện Hàn Lâm Khoa học Trung Quốc và Ngân hàng Thế giới cùng với vợ tôi chúng tôi đã ở Trung

https://thuviensach.vn

Quốc bốn tuần. Đầu tiên chúng tôi tham gia một hội nghị ở Bắc Kinh, thảo luận về các vấn đề của các doanh nghiệp quốc doanh. Hội nghị này cũng đáng rút ra bài học, thế nhưng ấn tượng thực sự đặc biệt chỉ sau đấy mới bắt đầu. Tôi đã tham gia nhiều hội nghị, nhưng những cái xảy ra ở đây không thể so sánh được với ấn tượng nào trước đây của tôi.

Những người Trung Quốc đã mời bảy nhà kinh tế học nước ngoài, để họ cho ý kiến về tình hình và tương lai của đất nước: James Tobin, giáo sư đại học Yale, nhà bác học Mĩ lớn về kinh tế vĩ mô, người vài năm sau nhận được giải Nobel, Otmar Emminger, cựu chủ tịch ngân hàng [trung ương] Tây Đức Bundesbank, Michel Albert, nguyên chủ tịch uỷ ban kế hoạch Pháp, Sir Alexander Cairncross giáo sư Oxford, người đã lãnh đạo cơ quan kinh tế của chính phủ Anh trong các năm 1960 và hoạt động với cương vị một trong những cố vấn kinh tế chính của đảng Lao động Anh, giáo sư Aleksander Baj, người được biết đến như chuyên gia của chế độ công nhân tự quản của Nam Tư, giáo sư Mĩ Leroy Jones, người đã viết sách về kế hoạch hoá Nam Triều Tiên [Hàn Quốc] và tôi.(*)

Thủ tướng Triệu Tử Dương đã tiếp bảy nhà kinh tế học này và các đồng nghiệp Trung Quốc đi cùng, và ông đã nói chuyện suốt hai giờ với chúng tôi.(**)Ông đã thông báo, họ quan tâm đến những vấn đề như thế nào và họ mong đợi câu trả lời từ các nhà bác học nước ngoài cho việc gì.

(*) Một trong những người chuẩn bị chính của cuộc gặp của các nhà kinh tế học Trung Quốc và phương Tây là Ed Lim, người khi đó lãnh đạo đại diện của Ngân hàng Thế giới ở Trung Quốc. Hoạt động của ông là một tấm gương tốt cho việc, làm thế nào để cố vấn phương Tây phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp chuyển đổi trong một nước xã hội chủ nghĩa. Ông không đưa ra các đơn thuốc sẵn có của riêng mình, mà bằng mọi giá muốn thuyết phục những người địa phương. Thay vào đó ông đã cố cho thấy tính đa dạng của các khả năng. Từ danh mục trên có thể thấy, những người Trung Quốc đã muốn làm quen – và Ed Lim đã giúp họ trong việc này - với cả những kinh nghiệm Mĩ, Tây Âu, Đông Á, cả với những ý tưởng cải cách đông Âu.

(**)Triệu Tử Dương là một trong các nhà tiên phong của cải cách. Đặng Tiểu Bình đã là người chỉ đạo tối cao của những thay đổi, nhưng

https://thuviensach.vn

người ta coi Triệu Tử Dương là người thầy, là nhà tổ chức quan trọng nhất của các cải cách cơ bản. Trong dịp biểu tình của hàng triệu học sinh kéo dài hàng tuần ở quảng trường Thiên An Môn năm 1989, ông là thành viên duy nhất của ban lãnh đạo Trung Quốc đã xuống giữa những người biểu tình và nói chuyện với các lãnh tụ sinh viên. Sau khi dẹp tan biểu tình người ta đã hạ bệ Triệu Tử Dương khỏi chức thủ tướng và quản thúc ông ở nhà. Ông đã sống phần đời còn lại của mình như vậy, cho đến khi ông mất tháng giêng năm 2005.

Ngày hôm sau bằng máy bay người ta đưa tất cả các khách mời và một nhóm các nhà kinh tế học Trung Quốc đến Trùng Khánh. Ở đó tất cả mọi người xuống tàu thuỷ, tàu khởi hành, với nhịp độ thong thả êm xuôi dòng sông Dương Tử hùng vĩ. Chúng tôi lọt vào hoàn cảnh xa hoa phục vụ tiện nghi của các khách du lịch, trong nhà ăn họ phục vụ những món ăn Trung Quốc tuyệt vời, và cũng có cả bể bơi trên boong tàu cho chúng tôi nữa. Thế nhưng không còn nhiều thời gian cho nghỉ ngơi và tiêu khiển.

Các chủ nhà của chúng tôi đã bắt chúng tôi làm việc siêng năng. Mỗi khách nước ngoài có một cuộc toạ đàm nửa ngày. Bắt đầu với bài trình bày của khách mời, rồi các đồng nghiệp Trung Quốc nêu ra các câu hỏi. Cuộc họp do Csang Jin-fu, uỷ viên Hội đồng Nhà nước, một trong những người chỉ đạo cao nhất của nền kinh tế Trung Quốc chủ trì. Ông đã có mặt suốt từ đầu đến cuối, ghi chép, nhưng ngoài việc mời người muốn nói, ông đã chẳng nói thêm một lời duy nhất nào. Một vài nhà kinh tế Trung Quốc hàng đầu hỏi liên tiếp những câu hỏi thông thạo, nhưng họ cũng chẳng muốn công khai nêu lập trường. Họ đến để học chứ không phải để tranh luận. Những người trẻ, chắc có lẽ, ngay cả câu hỏi cũng không nên đặt ra. Hiển nhiên họ đã quyết định, rằng - rồi khi các khách ngoại quốc về nước- họ sẽ thảo luận với nhau, đáng rút ra những kết luận gì.

Khi đó Trung Quốc đã qua pha đầu tiên của cải cách. Tuy bản thân họ diễn đạt điều này theo cách khác bằng ngôn ngữ hợp tốt hơn với đường lối của đảng, thực ra họ đã thủ tiêu nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa – trong đó cả sáng kiến vĩ đại của Trung Quốc, "các công xã nhân dân" - và thay vào chỗ nó, nền nông nghiệp dựa trên sở hữu tư nhân đã lại phục sinh, như kết quả của phong trào nông dân quét sạch mọi lực cản. Và nó hồi sinh đến thế nào! Thực sự nở hoa; sự phong phú dồi dào thay cho sự thiếu thực phẩm khó chịu. Liên quan đến nông

https://thuviensach.vn

nghiệp, Trung Quốc đã vượt xa cái, mà ở Hungary đã xảy ra đến lúc đó; cũng chẳng nói đến sự khác biệt, tồn tại giữa nông nghiệp Trung Quốc có sức sống và hệ thống kolkhoz Soviet hôn mê, không có khả năng phát triển. Sau thành công lớn của cải cách nông nghiệp, bây giờ câu hỏi ở Trung Quốc là: họ tiếp tục tiến như thế nào trong những phần khác của nền kinh tế?

Vẫn ở Mĩ khi chuẩn bị cho bài thuyết trình của mình, tôi đã cố gắng tìm hiểu càng cặn kẽ hơn về tình hình Trung Quốc. Tôi cảm thấy đặc biệt quan trọng, là tôi làm rõ trong bản thân mình, Trung Quốc giống Hungary ở điểm nào và khác như thế nào. Không chỉ phải nghĩ đến sự khác biệt hiển nhiên, giữa một nước hơn một tỉ dân và một nước mười triệu dân, và cũng không chỉ đến sự khác biệt giữa văn hoá Á châu và Âu châu, giữa quá khứ lịch sử Trung Quốc và Hungary (hay Đông Âu). Họ trước hết mong đợi tôi phân tích, họ có thể học được gì từ những kinh nghiệm cải cách Hungary: cái gì là đáng học, và các căn bệnh nào, nên phải tránh. Khi chuẩn bị bài phát biểu của mình tôi đã phải phân tích những sự giống nhau và khác nhau giữa tình hình và các khả năng của cải cách Hungary và Trung Quốc.

Ngay trong hội nghị đầu tiên ở Bắc Kinh, và muộn hơn, khi chúng tôi nói chuyện với các nhà kinh tế học và các nhà lãnh đạo kinh tế Trung Quốc, tôi đã cảm thấy, rằng khoảng cách xa xôi và sự khác việt lịch sử không có ý nghĩa – theo một nghĩa nào đấy tôi cảm thấy quen biết như ở nhà. Tất cả các hiện tượng, được nói đến, tất cả các mối lo ngại và vấn đề đều quen thuộc. Họ cũng đương đầu với cùng những khó khăn, như chúng tôi, những người Hungary. Chắc chắn họ có thể học được nhiều thứ lí thú từ chuyên gia Mĩ về kinh tế học vĩ mô hay từ nhà lãnh đạo của ngân hàng trung ương Đức – nhưng chúng tôi, những người Đông Âu hiểu tốt nhất cái thế giới tư duy, mà cũng là của riêng họ nữa.

Tại Hungary năm 1968 người ta đã thủ tiêu nền kinh tế chỉ huy dựa trên các chỉ thị kế hoạch trung ương rồi. Đã tỏ ra là đúng, rằng hệ thống kinh tế được đảng cộng sản chỉ đạo, dựa trên ưu thế của sở hữu nhà nước, mặc dù vậy, vẫn có khả năng hoạt động. Cơ chế quan liêu và cơ chế thị trường, mặc dù với những cọ xát lớn, có khả năng chung sống với nhau. Trong khi ở Budapest tôi đã nhìn tính nửa vời của cải cách với con mắt rất phê phán, tôi nghĩ: đối với Trung Quốc chỉ riêng việc xoá bỏ nền kinh tế chỉ huy cũng sẽ có nghĩa là một bước lớn trong

https://thuviensach.vn

thúc đẩy quá trình cải cách lên phía trước. Đây là bài học tích cực, mà tôi đã muốn nhấn mạnh đối với ban lãnh đạo Trung Quốc. Bên cạnh đó tôi cũng phải lưuý họ đến những nỗi băn khoăn và nguy hiểm nữa: đến tính nửa vời của cải cách Hungary, đến "ràng buộc ngân sách mềm", đến những méo mó của hệ thống giá. Trong thời gian này Trung Quốc đưa ra những kế hoạch tăng trưởng dài hạn cực kì tham vọng. Tôi đã chỉ ra những rủi ro của sự thúc ép tăng trưởng: đi cùng với hiểm nguy lạm phát, với sự bỏ qua, sao nhãng một số khu vực ở mức độ như thế nào. Tôi đã nhắc nhở các đồng nghiệp của mình, rằng trong nếp suy nghĩ và văn hoá Trung Hoa yêu cầu *hài hoà* đóng vai trò quan trọng như thế nào. Tôi đã khuyên, rằng họ hãy nỗ lực để phát triển hài hoà thay cho tăng trưởng ép buộc, thay cho sự thúc bách.

Trong các hội nghị châu Âu hay Mĩ thông thường, dựa trên không khí của phòng họp, trên nét mặt của thính giả và tất nhiên trên những lời phát biểu, thì dễ đo xem, họ có thích, cái người trình bày nói hay không. Ở đó, trên tàu thuỷ đã không thể xác định được điều này. Tôi đã chẳng thể đọc được bất cứ gì từ nét mặt của chủ tịch hay của những người tham dự. Tôi buộc phải dựa vào các chỉ số khác của thành công hay thất bại. Trong các giờ giải lao nhiều nhà kinh tế học Trung Quốc trẻ vây quanh tôi. Với trình độ tiếng Anh không thật tốt, nhưng dù sao họ cũng làm cho có thể hiểu được mình, họ hồi hộp đặt ra các câu hỏi. Họ bắt đầu thảo luận với tôi, rằng họ sẽ đề xuất việc xuất bản các sách của tôi. Rồi tôi sẽ quay lại chuyện này, trong lúc này hãy ở lại trên tàu.

Thỉnh thoảng, chúng tôi dừng lại nghỉ mỗi lần nửa ngày, và tàu thuỷ cập bến. Một hôm chúng tôi đi đến chợ của một thành phố nhỏ ven sông. Bằng chính con mắt mình chúng tôi đã có thể nhìn thấy kết quả của cải cách nông nghiệp: cung dồi dào, hoa quả tuyệt vời, các loại rau, cá, tôm, ba ba, nhiều loại thịt phong phú. Một ngày khác họ đưa chúng tôi đến Eo Tam Hiệp, đến một trong những thắng cảnh lừng danh nhất Trung Quốc. Chúng tôi chuyển sang những chiếc xuồng và hưởng thụ cảnh quan của hiện tượng tự nhiên này. Khi đó người ta đã kháo nhau, rằng khi xây dựng nhà máy thuỷ điện khổng lồ được dự kiến người ta sẽ làm ngập khu vực này, và Eo Tam Hiệp sẽ chìm dưới nước. Và đúng thế, vài năm sau họ đã xây dựng nhà máy thuỷ điện, và đã không còn thể nhìn thấy kì quan tự nhiên này. Chúng tôi chấm dứt chuyến đi ở Vũ Hán, ở đây tôi cũng đã có một bài giảng ở đại học.

https://thuviensach.vn

Sau này trở nên rõ ràng, là "hội nghị tàu thuỷ", theo tiếng Trung Hoa *Bashan Lun* (người ta gọi như vậy sau này trong báo chí chuyên môn ở đó) đã có tác động mạnh lên tư duy kinh tế Trung Quốc. Tài liệu hội nghị được xuất bản ở dạng sách, họ giới thiệu các bài phát biểu trong các tạp chí.[198] Các nhà kinh tế học Trung Quốc đã nhiều lần dẫn chiếu đến những lời khuyên nhận được từ những người tham gia và cả ngày nay người ta nhắc đến hội nghị tàu thuỷ như một sự kiện nổi bật.

Một năm sau, năm 1986 cuốn *Sự thiếu hụt* của tôi được xuất bản bằng tiếng Trung Hoa, rồi năm 1998 họ lại tái bản. Khi người ta thủ tiêu nền kinh tế chỉ huy, thì cuốn sách này được dùng như nền lí thuyết. Tất cả mọi nơi, những nơi có đào tạo kinh tế học, họ đều sử dụng như sách giáo khoa. Kể cả công trình này, tổng cộng họ đã công bố tám tác phẩm của tôi bằng tiếng Trung Hoa. Khi nhiều năm sau tôi lại đến thăm Trung Quốc, một cảm giác thật đặc biệt khi nghe hết lần này đến lần khác từ các giáo viên đại học, từ một thị trưởng thành phố, từ các giám đốc doanh nghiệp: "Tôi là học trò của Ngài …"

Tổ ấm ở nơi đâu?

Tổ ấm số một của chúng tôi luôn luôn đã và vẫn là nước Hungary. Trong khi đó chúng tôi đã nỗ lực, để chúng tôi sống ở Cambridge đừng với cảm giác tạm bợ. Nhà ở tại đó của chúng tôi cũng được bố trí cẩn thận hệt như nhà ở của chúng tôi tại Budapest. Chúng tôi mang sang đó các bức tranh, những vật kỉ niệm riêng. Ở đó chúng tôi cũng kết bạn không chỉ với các bạn theo nghĩa hẹp của từ, mà với tất cả những người, từ người gác cổng nhà, đến thợ cắt tóc, từ bác sĩ đến người giám sát bể bơi, những người mà chúng tôi gặp trong cuộc sống hàng ngày. Chúng tôi cảm thấy thoải mái như ở nhà, tại Harvard, ở Cambridge, tại Boston, ở Mĩ.

Bây giờ ở đây tôi lại chuyển sang số nhiều. Cùng với vợ tôi chúng tôi đã không chỉ phản ứng tự phát như thế đối với rất nhiều chuyến đi ngắn-dài, trong đó nhiều lần lưu lại ở nước ngoài nhiều tháng trời, mà sau một thời gian điều này đã trở thành chương trình có ý thức. Chúng tôi đi đâu, ở đó chúng tôi muốn cảm thấy mình như ở nhà. Nếu chỉ có thể về mặt kĩ thuật và vật chất, chúng tôi cố làm cho môi trường vật lí và xã hội của chúng tôi càng riêng càng tốt. Tất nhiên việc này được làm cho dễ dàng bởi việc, chúng tôi thuộc về thế giới hàn lâm. Đúng,

https://thuviensach.vn

những sự khác biệt giữa các nền văn hoá dân tộc và những truyền thống lịch sử là lớn. Tuy nhiên, dù ở Ấn Độ, dù ở Nhật Bản, dù ở Mexico chúng tôi gặp các giáo sư kinh tế hay các sinh viên, luôn luôn hoá ra là, chúng tôi hiểu nhau dễ thế nào, có bao nhiêu điểm chung trong lối sống và mối quan tâm của chúng tôi.

Trong nhiều nước có một-hai người bạn của tôi, người tự nguyện đảm nhiệm vai "đại lí văn học": liên hệ với các nhà xuất bản, đảm nhận việc dịch hay biên tập các tác phẩm của tôi. Tại Pháp Marie Lavigne, Bernard Chavance và Mehrdad Vahabi, ở Trung Quốc Xiaomeng Peng, ở Việt Nam Nguyễn Quang A, ở Nhật Bản Tsuneo Morita, ở Czech Karel Kouba, ở Ba Lan Tadeusz Kowalik và Grzegorz Kolodko đã giúp đỡ tận tâm, với sự hi sinh cực kì nhiều thời gian và năng lực, để các tác phẩm của tôi đến được các bạn đọc của mình.

Trong thế giới hàn lâm "toàn cầu hoá" ở mọi nơi chúng tôi đều cảm thấy thoải mái như ở nhà. Thế nhưng tôi không muốn giới thiệu cảm giác này một cách phiến diện. Việc hoán chỗ làm việc giữa Hungary và Mĩ, các chuyến đi thường xuyên đến mọi phần của thế giới cũng đi kèm với việc, rằng – trong khi ở mọi nơi tôi đều quen thuộc- ở mọi nơi tôi đều hơi xa lạ. Chẳng ở đâu có thể hoàn toàn ấm cúng, bởi vì báo động đã lại ngân lên: phải xuất phát đến nơi kế tiếp. Nếu chúng tôi về đến Budapest, chúng tôi đau lòng vì phải bỏ lại các bạn Mĩ ở đó, tôi không thể gặp các sinh viên của tôi, chúng tôi không thể nghe được buổi hoà nhạc ấy vào tháng sau, mà lẽ ra chúng tôi sẵn sàng đi nghe. Hết lần này đến lần khác chúng tôi lại đau lòng vì, trong khi chúng tôi ở một nơi, chúng tôi lại bỏ qua mất chính cái xảy ra ở nơi kia. Liên tục phải chia tay. Khi sau một đợt vắng mặt dài chúng tôi lại có mặt ở Budapest (hay Cambridge), thậm chí chúng tôi đã ở đó vài tháng rồi, với sự ngạc nhiên lớn một vài người quen bảo: "À thế ra cậu ở đây à? Mình cũng chẳng tìm cậu, mình cho rằng, cậu ở bên ấy…"

Vào các năm 1970 và 1980 người ta nhiều lần trích dẫn một chuyện cười ở Budapest. Bác Kohn già di cư sang Mĩ. Ông sống ở đó một thời gian, không thấy thoải mái, và quay về Budapest. Ở đây ông cũng chẳng ở lâu, lại đi, lại về. Khi ông lại yêu cầu hộ chiếu xuất ngoại, họ hỏi ông:(*)"Bác Kohn hãy nói thật, thực ra bác thích ở đâu?" Câu trả lời: "Giữa đường …"

https://thuviensach.vn

Đôi khi, nếu ở một nơi, hay nơi kia vì lí do nào đó chúng tôi cảm thấy khó chịu, chúng tôi dẫn đi dẫn lại chuyện tiếu lâm này. Những người khác cũng đã nhắc đến, với đôi chút ác ý, khi nói đến chuyện thường xuyên "hoán đổi chỗ" của chúng tôi: hình như, chúng tôi cũng thích ở trên đường.

Không chỉ mệt mỏi vì, mỗi lần thay đổi chỗ thì phải đóng gói nhiều đồ lặt vặt, sổ, sách, v.v. ở một nơi và mở ra ở nơi khác; mỗi lần đi lại bắt đầu từ đầu việc xin thị thực và tất cả những việc hành chính khác, liên quan đến chuẩn bị chuyến đi. Sự thích nghi với chênh lệch thời gian luôn làm chúng tôi kiệt sức.(**)

Tôi cũng không chỉ nghĩ đến sự mệt mỏi thể chất liên quan đến đi lại, tăng lên với tuổi già. Sự nhân đôi của cuộc sống chúng tôi là gánh nặng lớn hơn nhiều so với các nỗ lực do thay đổi chỗ gây ra. Mọi hoạt động, mà chúng tôi tiếp tục ở Hungary, mỗi mối dây kết nối với Hungary, sinh ra một cái tương tự ở Mĩ. Ở đây chúng tôi cũng có nhà ở, ở đó cũng thế, ở đây chúng tôi cũng có xe hơi, ở đó cũng vậy,(***) ở đây cũng phải đóng thuế xe và trả bảo hiểm và ở đó cũng thế, ở đây cũng phải khai thuế thu nhập cá nhân, ở đó cũng vậy, ở đây tôi cũng có tiền gửi ngân hàng, ở đó cũng có, ở đây cũng có các hồ sơ được đánh số, phân loại mục lục để lưu trữ các tài liệu của tôi, ở đó cũng có – tôi không liệt kê tiếp. Tuy tôi luôn luôn chỉ nhận lương từ một người sử dụng lao động, trong khi ở nơi làm việc kia tôi nghỉ phép không lương, (****) điều này không có nghĩa rằng, tôi chỉ phải quan tâm đến những lo lắng của một nơi làm việc. Tôi luôn luôn mang theo mình nhiều vấn đề và trách nhiệm của chính nơi làm việc ở xa, và thông qua e-mail, thư, fax hay điện thoại tôi làm những công việc của lĩnh vực công tác khác. Điều này không có nghĩa là gánh nặng 50% cộng 50%, mà chắc là hơn 100%.

Zsuzsa bất chấp việc thay đổi chỗ liên tục cũng vẫn bền bỉ làm những nghiên cứu riêng của mình, khảo sát phân chia nhà ở và chính sách nhà ở của Hungary. Trong khi cố gắng dùng thời gian ở Cambridge của chúng tôi để làm quen với những kinh nghiệm phương Tây và so sánh quốc tế, bất chấp những khó khăn do vắng mặt gây ra Zsuzsa vẫn kiên trì, rằng trong những thời kì ở Mĩ cũng tiếp tục làm việc trên đề tài Hungary.

https://thuviensach.vn

(*)Chuyện tiếu lâm vẽ ra bức tranh hơi thơ mộng về những khả năng di cư. Đúng, là lúc đó, ai không bị cấm xuất cảnh, thì có thể ra đi mà không mấy khó khăn. Và nếu không thông báo trước, rằng muốn ở lại ngoài đó, trong thực tế có thể làm như vậy. Mặt khác việc cho phép lưu trú lâu dài ở Mĩ cũng chẳng hiển nhiên.

(**) Nếu có thể, từ Cambridge về Châu Âu chúng tôi dừng ở Stockholm, và chúng tôi ở vài ngày với Judit, Zsófia và Anna. Judit đợi chúng tôi với các món ăn ưa thích của chúng tôi, lo cho chúng tôi với tình thương trìu mến và giúp đỡ "việc qua cửa cống điều hoà mực nước". Nó tế nhị bỏ qua, rằng đôi khi giữa bữa tối tôi cũng thiêm thiếp ngủ, bởi vì tôi vẫn chưa quen lại với biểu thời gian mới. Với những câu chuyện ấm cúng không có hồi kết, bây giờ chúng tôi đã nghỉ hết mệt và có thể tiếp tục về Budapest.

(***) Một chiếc xe Volkswagen Golf cũ, đời 1980. Chúng tôi rất thích và nó trung thành với chúng tôi, với thân xe ọp ẹp, nhưng động cơ quay tốt đến 2002, đến khi chúng tôi rời Mĩ.

(****) Nhiều người quanh tôi cũng chẳng biết việc này, mà họ tin, rằng tôi lấy lương song song cả từ hai nơi.

Cuộc sống kép đặc biệt này, sự hoán đổi nơi làm việc thường xuyên và nhiều chuyến đi đến những điểm khác của thế giới cũng đòi hỏi sự nỗ lực lớn.(*) Nhưng đáng làm! Tôi đã trực tiếp nhận được nhiều thành tựu của cuộc sống phương Tây, tôi đã có phần trong một cộng đồng hàn lâm, đi đầu trong ngành kinh tế học, trong khi những cội rễ trong nước của tôi vẫn còn.

Tại Hungary, nhưng cảở nhiều nơi khác nữa, người ta nói nhiều về "chảy máu chất xám". Các nước giàu nhất thế giới, trước hết là Hoa Kì đã hút những tài năng và bằng cách đó làm yếu sức lực trí tuệ của quê hương bị bỏ rơi. Cái lối sống, mà tôi đã lựa chọn với sự chấp nhận bổ nhiệm ở Harvard, chứng minh một trong những giải pháp có thể sử dụng được để chống đỡ "sự chảy máu chất xám". Như thế có thể ở đó, với một chân, ở Mĩ, và trong khi với chân kia chúng ta ở lại đây, ở nơi chúng ta sinh ra và lớn lên.(**)

Nhiều lần chúng tôi đã nghe từ các bạn Mĩ của chúng tôi thành ngữ sau để mô tả đặc trưng cho lối sống đặc biệt của chúng tôi: *Enjoying the best of both worlds*. Hưởng thụ cái tốt nhất của cả hai thế giới. Vâng. Tôi biết, Harvard, Cambridge, Boston không phải là "Mĩ", mà

https://thuviensach.vn

có lẽ là cái tốt nhất (nếu điều này chỉ là "sự kiêu ngạo Harvard" xui khiến tôi nói ra, thì tôi có thể diễn đạt khiêm tốn hơn: là một trong những cái tốt nhất), mà Mĩ có thể cung cấp cho một nhà trí thức khát khao khoa học và văn hoá. Và trong thế giới khác, nước Hungary đã là "cái lán vui nhất trong doanh trại". Ngoài ra ở bên trong Hungary được làm nhà nghiên cứu khoa học khiến cho cuộc sống lí thú hơn đẹp hơn là có thể, so với cái mà đại đa số công dân của các nước cộng sản có thể được hưởng. Tôi biết ơn số phận, đã làm cho điều này là có thể đối với tôi.

(*)Có nghĩa là một sự dễ dàng lớn hơn nhiều, rằng tại cả hai trạm làm việc của tôi đã có những cộng sự, những người với sự có mặt hay vắng mặt của tôi cũng đã sẵn sàng giúp đỡ. Tôi đã nói đến các nữ thư kí và các trợ lí nghiên cứu Mĩ của tôi rồi. Ở Budapest đầu tiên là Fazekas Ica, muộn hơn là Szabó Kati đã làm mọi thứ để khiến cho công việc của tôi được dễ dàng. Parti Julianna đã là biên tập viên và người chăm sóc chu đáo mọi bài viết của tôi, chồng cô, Brian McLean thì là người dịch thường xuyên các văn bản viết bằng tiếng Hungary của tôi. Hầu như bằng điều khiển từ xa tôi đã có thể chuyển các câu hỏi của mình, họ hiểu công việc của tôi đến vậy, và với bao nhiêu tận tuy họđã cố gắng làm nhẹ bớt việc thực hiện các nhiệm vụ của tôi ngay cả trong những thời kì tôi vắng mặt. Liên quan đến sự giúp đỡ của những người bạn-cộng sự, tôi đã ở trong tình trạng đáng ghen tị, tốt hơn nhiều so với cả các đồng nghiệp phương Tây nữa.

(**)Không đáng làm ngơ, rằng sự lựa chọn này có những hậu quả vật chất của nó. Hãy chỉ nói về các nhà nghiên cứu Hungary, những người thực sự được người ta chào cho một vị trí ở đại học Mĩ. Ai chọn việc làm Mĩ hoàn toàn, và với nó là sự di cư – và nhiều nhà nghiên cứu Hungary đã quyết định như vậy-, người đó nhận được phần dưđáng kể cả trong thời gian làm việc tích cực của mình, cả muộn hơn, với tư cách người về hưu, so với các đồng nghiệp của mình ở lại Hungary. Giải pháp tôi đã lựa chọn, mà như một khả năng tôi muốn lưu ý những người khác nữa, đại khái làm cho phần dư giảm đi một nửa. Nhà nghiên cứu chọn giải pháp nửa này-nửa kia vì muốn ở lại quê nhà một nửa, phải hi sinh phần đáng kể của số dư được chào cho mình. Trong khi đó, tất nhiên, có như thếđi nữa, thì vẫn ở trong trạng thái vật chất khá hơn rất nhiều, so với người chỉ có thu nhập của nhà nghiên cứu ở Hungary.

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

1988 –1993
HỆ THỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Ngay năm 1983, ở viện Princeton đã chín trong tôi quyết định, rằng tôi sẽ viết một tác phẩm tổng kết về hệ thống xã hội chủ nghĩa. Các sách đọc của tôi ở đó đã phục vụ cho việc chuẩn bị trí tuệ cho việc này và ngay ở đó tôi đã thảo ra những phác thảo đầu tiên.

Công việc có được đà mới, khi tôi bắt đầu dạy học ở Đại học Harvard. Lần đầu tiên năm 1984 tôi giảng một khoá trình bày tổng quan khái quát về chính trị kinh tế học xã hội chủ nghĩa. Năm 1986 tôi cũng đã đưa vào tay sinh viên giáo trình được in nhân bản; đây có thể được coi là tiền đề được viết đầu tiên của cuốn sách.

Tại đại học các sinh viên quốc tế tham dự bác bài giảng của tôi. Ngồi ở đó trong phòng học là Chengang Xu (bây giờ là giáo sư của LSE), người dưới thời Mao đã bị đày đi nông thôn hàng năm trời, là một nhà kinh tế học trẻ người Ba Lan, người biết từ bên trong thế giới của nền kinh tế kế hoạch, và có mặt nhiều người khác, những người chẳng hề biết tí gì về hoạt động của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Trong số sinh viên đã có những người có niềm tin chống cộng gay gắt, nhưng cũng có "những người cánh tả mới" Đức và Mĩ nữa, những người bám lấy những lí tưởng của mình với niềm tin ngây thơ và chẳng biết tí gì về bản chất thực của chủ nghĩa toàn trị. Tôi đã nhiều lần trình bày khoá học, được hình thành và phát triển từ năm này quan năm khác. Các câu hỏi và những tranh luận đã thúc đẩy, để tôi cố làm cho nội dung muốn nói của mình trở nên sáng tỏ đối với nhiều loại sinh viên (và muộn hơn đối với nhiều loại bạn đọc). Không có cách chuẩn bị tốt hơn của một tác phẩm (tình cờ cũng có thể sử dụng như sách giáo khoa), là giảng vài lần nội dung đó cho giới sinh viên quan tâm.

Cuốn sách được hoàn thành thế nào?

Xuân 1988 tôi thảo ra bản phác hoạ của cuốn sách, phân chia các chương. Không lâu sau tôi có được cơ hội tuyệt vời để tiếp tục công việc một cách yên tĩnh. Liên Hợp Quốc có một viện nghiên cứu kinh tế học của mình, viện WIDER, hoạt động ở Helsinki. Giám đốc viện, đã quá cố kể từđó, Lal Yajawardena, đã kiến nghị, rằng tôi hãy tiến hành công việc của mình trong các khuôn khổ của viện ông. Tháng năm

https://thuviensach.vn

1988 chúng tôi chuyển đến đó, và chúng tôi ở đó ba phần tư năm. Chúng tôi nhận được mọi hỗ trợ có thể: nhà ở tiện nghi và ấm cúng, các điều kiện làm việc hoàn hảo.

Sự yên tĩnh lí tưởng bao quanh. Ở Helsinki mùa hè thường khá mát lạnh, tuy nhiên bây giờ lại ấm dễ chịu, chúng tôi đã không chỉ có thể tắm ở bể bơi olimpic, mà cả ở biển Baltic nữa. Đối với chúng tôi, những công dân của một nước bị tách rời khỏi biển, thì được sống trực tiếp gần biển vài tháng, thưởng ngoạn những sắc màu hoàng hôn là một kinh nghiệm sống thú vị. Cuối những ngày làm việc dài, ngay cả mười giờ tối chúng tôi vẫn có thể dạo chơi trên bờ biển trong ánh sáng ban ngày, trên đảo skanzen (bảo tàng nhân chủng học ngoài trời) hay cạnh một vịnh nào đấy và có thể trò chuyện với vợ tôi về các đề tài viết của ngày ấy hay của hôm sau. Giữa nỗ lực "nước rút" lớn, chúng tôi tìm thấy sự nghỉ ngơi thoải mái trong nhiều thứ: chúng tôi mua cá tươi từ các thuyền vừa cập bờ cạnh chợ, chúng tôi đến thăm lâu đài Finlandia hay đến nhà thờ đá nghe nhạc, chúng tôi đi tham quan các hồ quyến rũ, mê hoặc của Phần Lan.

Từ khắp nơi trên thế giới các nhà kinh tế học vui lòng tìm đến WIDER, trong sốđó có các bạn của chúng tôi nữa, những người tất nhiên cũng đến thăm chúng tôi. Jaques Drèze cũng đã tạm ngừng chuyến đi thuyền buồm lớn của ông trên biển ở đây. Trong số các bạn Harvard của chúng tôi Steve Marglin và Amartya Sen đã đến với chúng tôi, một dịp khác người đỡ đầu các công trình đầu tiên của tôi, Edmond Malinvaund đã ăn tối tại nhà chúng tôi. Ởđây chúng tôi cũng gặp nhà kinh tế học Ấn Độ xuất sắc, Sukhamoy Chakravarty và bạn ThuyĐiển thân mến của chúng tôi, Beng-Christer Ysander.(*)Chúng tôi cũng đã có nhiều cuộc trò chuyện lí thú và đáng suy ngẫm với người địa phương, với giám đốc và các cán bộ của viện, với các đồng nghiệp Phần Lan.

Sự yên tĩnh trời cho, môi trường tự nhiên và trí tuệ truyền cảm hứng chắc đã tạo điều kiện, để công việc chạy với nhịp độ rất nhanh; tôi lại đạt cái tốc độ, mà tôi đã viết *Sự thiếu hụt* ở ThuyĐiển: hầu như mỗi tuần xong toàn bộ một chương. (**)Bên cạnh hoàn cảnh bên ngoài lí tưởng, còn một nhân tố nữa đã đóng góp vào nhịp độ nhanh. Cuốn sách này tổng kết những kết quả của toàn bộ sự nghiệp nghiên cứu của tôi đến lúc đó; theo nghĩa này công việc của 32 năm đã đi trước. Nếu chỉ tính thời kì chuẩn bị trực tiếp đi nữa, cũng đã trải qua gần5 năm.

https://thuviensach.vn

Khi tôi ngồi trước máy tính đặt ở trên bàn tại Helsinki, gần như tôi gõ liên hồi trên bàn phím, bởi vì cái tôi muốn viết ra, hầu nhưđã xong sẵn trong đầu tôi.

Trong cuốn sách không chỉ xuất hiện những ý tưởng của tôi đã chín mùi qua nhiều năm, mà một "bộ máy" lớn cũng hỗ trợ nội dung muốn nói: nhiều bảng, hình vẽ, số liệu thống kê, dẫn chiếu tài liệu tham khảo, trích dẫn, thư mục tham khảo. Tôi cảm thấy may mắn, rằng cả một đội quân nhỏđã giúp tôi. Các thành viên tụ hợp lại từ những học trò của tôi ở Hungary và ở Mĩ, tính vào đây không chỉ những người, đã là học trò của tôi theo nghĩa hẹp của từ, mà cả những người khác nữa, những người tự coi mình là người đi theo các tư tưởng của tôi và những người mà trước đây các sợi dây bè bạn đã kết nối chúng tôi lại. Sự gần gũi trí tuệ này đã làm cho là có thể, rằng – cho dù tôi ở đâu đi nữa, ở Helsinki, ở Budapest hay ở Cambridge -họ đã có khả năng hoàn thành những yêu cầu của tôi một cách nhanh chóng và uyển chuyển.

(*) Lần cuối chúng tôi gặp Chakravarty và Ysander ở Helsinki. Cả hai đã mất ở đỉnh sức lực sáng tạo của họ.

(**) Tất nhiên, cái xong nhanh đến như vậy, đã chỉ là *bản thảo thô đầu tiên*. Hệt như bản thảo đầu tiên của *Sự thiếu hụt*, bản này cũng còn được tôi sửa trong nhiều đợt. Như thế giữa các thứ khác là các đồng nghiệp được mời đã đọc bản thảo, và đưa ra những nhận xét, mà tôi đã sử dụng nhiều trong sốđó trong quá trình của các phiên bản lặp lại.

Đến từ trong nước những tin tức về sự tan rã của hệ thống, về sự mạnh lên của phản kháng trí tuệ và chính trị. Đến lúc chúng tôi ở Helsinki, các sự kiện trong nước đã tạo ra ấn tượng lên tôi giống như, khi từ chiến tuyến, nghe thấy tiếng đại bác ì ầm từ xa. Một hai cuộc điện thoại với Budapest đã làm cho tôi trật nhịp một thời gian ngắn và làm tôi thức tỉnh về tình trạng thực tức thời của hệ thống xã hội chủ nghĩa, về hồi kết của các chế độ đông Âu, về nỗi chua xót của dân chúng, về các cuộc đấu tranh chính trị. Thế nhưng tôi đã cố gắng một cách có ý thức để rút những suy nghĩ của tôi khỏi những ảnh hưởng này. Trong những tháng này tôi tập trung mạnh vào việc viết cuốn sách của mình đến mức, hầu như tôi hoàn toàn hoà đồng vào công việc. Ý thức tràn ngập trong tôi, rằng công việc chạy tốt, và rằng - bất cứ gì xảy ra đi nữa – cái tôi đang làm là thực sự quan trọng. Khi đó tôi cũng

https://thuviensach.vn

cảm thấy, và bây giờ, sau một thập kỉ rưỡi tôi cũng nhớ lại như vậy: vài tháng ở Helsinki đã là một trong những thời kì hay *là* thời kì hạnh phúc nhất của đời tôi. Tất cả mọi người, người yêu thích nghề của mình, dù là thợ mộc, nhà điêu khắc hay người xây đường, đều tràn đầy niềm vui với cảm giác, rằng đã thành công sáng tạo ra cái gì đó. Tôi có thể nói mình may mắn, rằng trạng thái đầy niềm vui này đã tràn ngập tôi nhiều lần – nhưng có lẽ chẳng bao giờ mạnh đến như vậy, không thể quên đến như vậy, như mùa hè ở đó, ở Helsinki.

Mùa thu năm 1988 chúng tôi về nước, về Budapest. Bây giờ tiếng đại bác đã vang lên không xa, nhưng cũng không rất gần. Tôi đã vượt quá nửa cuốn sách, nhưng vẫn còn lại nhiều việc. Kể từ đây việc viết được tiếp tục lận đận hơn nhiều, đầu tiên ở Budapest, rồi nửa đầu 1989 ở Cambridge. Nửa sau của năm 1989 tôi hoàn toàn xếp *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* sang một bên. Tôi cảm thấy: tôi phải lên tiếng về sự nghiệp thay đổi chế độ. Tôi thấy thời gian đã đến, để mình đưa ra những kiến nghị chính sách kinh tế thực tiễn, vì thế tôi đã viết cuốn sách có đầu đề *Đề cương cuồng nhiệt vì quá độ kinh tế* (dưới đây sẽ nhắc đến đơn giản như *Con đường* [theo đầu đề của bản tiếng Anh. N.D.]). Đấy sẽ là chủ đề của chương tiếp theo. Bây giờ sở dĩ tôi nhắc đến, chỉ bởi vì khi đó hầu như song song tôi làm việc một mặt trên *Con đường*, rồi trên các bản và các phiên bản xuất bản bằng các thứ tiếng khác nhau của nó, cũng như trên các tiểu luận và bài giảng khác liên quan đến những nhiệm vụ của thay đổi chế độ, mặt khác trên các chương tiếp theo của *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa*. Hay có lẽ chính xác hơn thay cho từ "song song" là mô tả tình hình bằng các từ khác: tôi lựa chọn một cách hồi hộp và sốt ruột những công việc này, những việc mà thời gian và khả năng hoàn thành của tôi (cùng với việc giảng dạy của tôi ở Harvard) định ra thời hạn. Khi tôi quan tâm đến các đề tài thời sự tức thời, thì tôi đau lòng, rằng công việc tổng kết lớn bị bỏ dở đang đợi. Thế nhưng nếu tôi ngồi lại để viết *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa*, thì lương tâm tôi cắn rứt, rằng tôi đã không quan tâm đủ tới các vấn đề chính sách kinh tế hàng ngày. Vật lộn như vậy với hai loại nghĩa vụ, rốt cuộc, khi ở Budapest, lúc thì ở Cambridge vẫn thành công dành ra những ngày hay những tuần, rồi vào hè năm 1991 cả hai tháng để viết cuốn sách. Tôi cảm thấy khích lệ, rằng khi - để sự chú ý và hoạt động của tôi đến hiện thực tức thời sang một bên – tôi đã hết lần này đến lần khác lấy ra văn bản đã hoàn thành đến lúc đó, tôi cảm

https://thuviensach.vn

thấy cái mình viết đến đó đứng vững được với thời gian, là "vững vàng". Giữa 1989 và 1991 Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã sụp đổ. Rất nhiều người, trong đó cả phần lớn các chuyên gia cũng đều cảm thấy rằng: phải xét lại cái mà đến lúc đó người ta đã nói về chủ đề này. Tôi có thể yên tâm khẳng định, rằng trên phần đầu đã hoàn toàn xong của cuốn sách hầu như tôi không cần phải sửa một nét bút nào. Bài viết và sự phân tích đã vượt qua được thử thách vũ bão này của lịch sử. Nửa kia của cuốn sách, nói về các cuộc cải cách, đã phải thay đổi ở nhiều điểm và phải bổ sung bằng các đoạn mới. Đúng là, bản thảo gốc cũng đã đưa ra triển vọng không thể thực hiện được của những cải cách nửa vời- điều này tuy thế vẫn khác, khi sự kiện này (tức là sự không thể thực hiện được) đã thực sự xảy ra.

Cuối cùng, năm 1991, sau ba năm, tôi đã hoàn thành việc viết. Tuy văn bản tôi viết bằng tiếng Hung, chẳng bao lâu bản dịch tiếng Anh cũng đã xong. Đây là một trong những tác phẩm hiếm hoi của tôi, mà đầu tiên xuất hiện bằng tiếng Anh và chỉ muộn hơn một chút mới xuất hiện bằng tiếng Hung.

Ý định tổng kết

Mục tiêu đầu tiên của tôi đã là, tôi tổng kết các kết quả chủ yếu của những nghiên cứu riêng của tôi. Qua hàng thập kỉ tôi đã làm nhiều loại đề tài, tôi đã cố trả lời cho các câu hỏi mới và mới, hầu như tôi đã phóng vùn vụt hết các chương khác nhau của kinh tế học. Những công trình tách biệt nhau này đã bổ sung cho nhau, đã bao phủ một-một lãnh vực bộ phận quan trọng. Bên cạnh đó tôi lặp đi lặp lại quay về cùng những đề tài (thí dụ các hiện tượng bất cân bằng), mà cụ thể là –theo đánh giá của tôi – ngày càng ở dạng trau chuốt hơn. Có lẽ tôi có thểđánh bạo để đưa ra khẳng định, rằng chuỗi các công trình bộ phận ấy đã có "tay sách" như thế nào đó của nó. Bây giờ tôi muốn phát triển một khung khổ phân tích, trong đó những khẳng định bộ phận đến nay vẫn tách biệt nhau của các công trình đến nay của tôi có thể được sắp xếp một cách logic.(*)

Trong khi đó tôi không chỉ giới hạn công trình ở tổng kết các kết quả khoa học của riêng tôi. Tôi muốn cấy vào cấu trúc tư duy đang được tạo ra tất cả những khẳng định và các ý tưởng, mà những người khác đã tạo ra, nhưng tôi cũng cảm thấy là quan trọng. Liên quan đến các kết quả của những người khác: tôi không dự định viết lịch sử lí

https://thuviensach.vn

thuyết, trong đó nói một cách cân đối về các lập trường tranh luận với nhau, về các lập trường lựa chọn khả dĩ có thể không tương thích với nhau. Tôi muốn lồng vào tổng kết chỉ riêng cái, mà tôi cũng đồng ý. Tất cả mọi khẳng định và kết luận đều qua cái bộ lọc của tôi. Ở chừng mực đó, như thế chủ đề của cuốn sách là hệ thống xã hội chủ nghĩa – theo cách nhìn của *tác giả*.

Khi tôi xuất bản cuốn *Sự thiếu hụt*, ngay ở lời nói đầu tôi cũng đã nhấn mạnh, rằng nó không bao trùm toàn bộ chính trị kinh tế học của xã hội chủ nghĩa, mà chỉ một phần của nó. Ngay cả bằng số tôi cũng đã muốn minh hoạ sự cảnh báo: nếu chúng ta coi một cuốn sách giới thiệu toàn diện nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là 100%, thì *Sự thiếu hụt* chỉ chứa 30%. Bây giờđã đến lúc, để tôi cố gắng đến tính trọn vẹn, đầy đủ, và tôi viết một cuốn sách đảm nhận việc giới thiệu 100%. Tất nhiên không phải theo nghĩa, rằng tác phẩm mở rộng ra mọi chi tiết. Điều này không chỉ là không thể, nhưng cũng không thể là mục đích của công trình khoa học nỗ lực hướng tới sự cô đọng và khái quát hoá. (**) Phân tích hãy là trọn vẹn theo nghĩa, nó nêu ra tất cả các đặc tính *cốt yếu* của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Như thế cuốn sách phải thảo luận tất cả các tính chất, cần và đủ, để cái tổ chức chính trị xã hội-kinh tế ấy hình thành và hoạt động, cái mà chúng ta gọi là hệ thống xã hội chủ nghĩa.

(*) Tôi muốn tổng kết không chỉ những công trình khoa học trước đây của mình, mà cả những kinh nghiệm được trực tiếp trải nghiệm nữa. Ai đã đọc tiểu sự tự thuật của tôi đến đây, thì không cần phải thuyết phục người đó: không chỉ những kiến thức thu được từ các sách, mà cả kinh nghiệm sống cũng đã gây cảm hứng thí dụ cho cái, mà tôi đã viết về sự tập trung quyền lực và về tính chất toàn trị, về các hiện tượng thiếu hụt, về sự tan rã dần của niềm tin vào tư tưởng xã hội chủ nghĩa và về nhiều hiện tượng khác.

(**) Trong lời nói đầu của *Sự thiếu hụt*, vì mục đích minh hoạ, tôi đã tính "theo chiều ngược". Nếu một cuốn sách 600 trang có nghĩa là 30% của phân tích thật sự toàn diện, thì để thực hiện công việc sau cần đến một tác phẩm 2000 trang. Thế nhưng cuối cùng khi tôi viết cuốn sách có nỗ lực cầu toàn, tôi đã cố gắng cô đọng ở mức độ lớn hơn. Tôi đã cố đến mức, cuốn sách toàn diện không dày 2000 trang, mà "chỉ có" 600 trang. Sự chồng lên *Sự thiếu hụt* ít hơn 30%. Những ý tưởng, mà *Sự thiếu hụt* trình bày một cách chi tiết, thì *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* gồm 24 chương đã cô đọng vào hai hay ba chương.

Sự thiếu hụt đã không thảo luận cấu trúc chính trị và ý thức hệ của hệ thống. Ngược lại *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* – sau các chương dẫn

https://thuviensach.vn

nhập-bắt đầu sự phân tích với chính đề tài này. Giữa những thứ khác nó khác nhiều công trình tổng kết quen thuộc của "kinh tế học so sánh" ở chỗ, nó không xuất phát từ kế hoạch hoá tập trung, nhưng cũng chẳng xuất phát từ sở hữu nhà nước, mà xuất phát từ các nét đặc trưng nhất của lĩnh vực chính trị, từ sự thống trị độc quyền của đảng cộng sản. Trước đây, ở chương nói về *Sự thiếu hụt*, tôi đã kể rồi về, khi đó môi trường chính trị và sự tự kiểm duyệt buộc phải hoạt động dưới ảnh hưởng của nó, đã đẩy đề tài này ra như thế nào. Tuy vậy năm 1983 khi tôi bắt đầu làm việc trên phác thảo của cuốn sách mới, tôi đã quyết định trong mình, rằng tôi sẽ vượt quá những giới hạn này. Trong các bài giảng ở Harvard, từ 1984 trở đi, tôi đã trình bày nội dung muốn nói của mình về vai trò của đảng cộng sản, của cấu trúc chính trị và của ýthức hệ chính thống mà không có những hạn chế bên trong. Cuốn giáo trình được in nhân bản dành cho sinh viên năm 1986 – tương tự như văn bản được in xuất bản sau này -khởi động dòng tư duy bằng việc giải thích vai trò của đảng cộng sản. Rốt cuộc theo ý nghĩa này tôi cũng đã viết chính trị kinh tế học *thật sự*.

Tôi đã muốn gộp vào sự phân tích không chỉ các chủ đề liên quan, tiếp giáp với nhau, chồng lấn lên nhau của khoa học kinh tế và chính trị học, mà cả những quan điểm của các môn bạn khác của khoa học xã hội, trong đó của xã hội học, của tâm lí học xã hội và triết học chính trị nữa. Tôi đã cố gắng, để cuốn sách không chỉ được đánh giá là một công trình kinh tế học, mà là một công trình *khoa học xã hội* tổng hợp tất cả các chuyên ngành.

Đa số các tác phẩm bàn về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa chỉ tiến hành phân tích *từng phần*; chỉ khảo sát lĩnh vực có thể được giới hạn rõ ràng hay nét đặc trưng nào đó của hệ thống. Cái mà bây giờ tôi đưa thành mục tiêu, để làm rõ: *cái toàn th*ể được hình thành từ các thành phần như thế nào. Giữa chính trị, nền kinh tế, các quan hệ xã hội, ý thức hệ có sự tương tác chặt chẽ, và cùng nhau tạo ra những sự đều đặn vềứng xử của các nhóm và của các nhóm vai trò xã hội khác nhau. Tôi vui lòng gọi cách tiếp cận này là *khung mẫu hệ thống (systemparadigm)*.(*)Việc áp dụng khung mẫu này có một lịch sử dài của nó, mà nhân vật vĩ đại đầu tiên là Marx. Ông đã viết nhiều tiểu luận từng phần, nhưng trong tác phẩm chính của ông, *Tư bản luận*, ông đã muốn giới thiệu chủ nghĩa tư bản như một hệ thống. Ông quan tâm đến các quan hệ đặc trưng khác nhau của xã hội thời đại ông phụ thuộc

https://thuviensach.vn

lẫn nhau thế nào, xác định sự tồn tại lẫn nhau ra sao. Lời nói đầu của *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* nhấn mạnh, Marx đã có ảnh hưởng to lớn đến thế nào đối với tư duy của tôi. (Năm viết lời nói đầu 1991; là năm, khi chính việc trích dẫn Marx đã trở nên lỗi thời. Cả những người, mà trong quá khứ liên tục nhắc đến ông, cũng đột nhiên bỏ thói quen này). Ảnh hưởng của Marx lên tôi trước hết được thể hiện trong việcáp dụng cách nhìn hệ thống.

(*)Trong ngôn ngữ thông thường người ta làm mất uy tín của từ "paradigm-khung mẫu" bằng cách, khắp mọi nơi họ sử dụng nó với nhiều loại nghĩa mập mờ. Khái niệm được Kuhn đưa vào khoa học luận hiện đại trong cuốn sách nhỏ thiên tài của ông được xuất bản năm 1962- và tôi sử dụng thuật ngữ này theo cách hiểu của ông. Cách tiếp cận đặc biệt, cách nhìn nhận, phương pháp luận, bộ máy và cách lập luận được tôi gọi là khung mẫu, mà một nhóm các nhà nghiên cứu áp dụng chung nhau hay áp dụng một cách rất giống nhau.

Trong lời nói đầu bên cạnh Marx, tôi đã nhắc đến tên Schumpeter và Hayek. Các cuốn sách có đầu đề Chủ nghĩa Tư bản, Chủ nghĩa Xã hộ ivà Nền dân chủ (Capitalism, Socialism and Democracy) của Schumpeter và Con đường dẫn tới Chế độ Nông nô (The Road to Serfdom) của Hayek là các tác phẩm mẫu mực của khung mẫu hệ thống, mà ở khía cạnh này cũng đã có ảnh hưởng lớn đến tư duy của tôi.(*)

Khi tôi làm việc trên công trình tổng kết của mình, tôi không thể thoả mãn bằng cách, tôi đơn giản "tham gia vào" một trường phái lí thuyết xã hội nào đấy. Ai muốn cố nhồi *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* vào một cái hộp quen biết nào đấy, sẽ bị lúng túng. Chẳng thể gọi là tác phẩm kiểu Marxist, cũng không phải tân cổ điển, chẳng phải Keynesist, cũng chẳng phải Hayekist.

Trong cuốn sách của mình tôi đã muốn tổng kết không chỉ nội dung muốn nói của tôi liên quan đến đề tài cụ thể, cụ thể là liên quan đến hệ thống xã hội chủ nghĩa, mà với việc phân tích hệ thống này tôi cũng muốn minh hoạ, cách tiếp cận nào, *phương pháp luận khoa học* nào, mà sự áp dụng của nó được tôi thúc giục.

Phân tích thực chứng và các giá trị

Khi viết cuốn sách của mình tôi đã muốn trách cách tiếp cận *chuẩn tắc*. Tôi không đặt ra câu hỏi: "xã hội tốt đẹp" nên như thế nào, cũng

https://thuviensach.vn

chẳng nêu câu hỏi, liệu ảo ảnh xã hội chủ nghĩa, phác hoạ xã hội chủ nghĩa mà Marx, Lenin hay những người kế tục đã vạch ra liệu có phù hợp với việc thực hiện "xã hội tốt đẹp" hay không? Tôi tránh xa các câu hỏi này. Tôi cố gắng dùng cách tiếp cận *thực chứng*. Cho trước một nhóm các nước, trong đó đảng cộng sản nắm độc quyền quyền lực một thời gian khá dài. Vào giữa các năm 1980 có 26 nước thuộc về nhóm này, một phần ba dân số thế giới đã sống ở đây. Tôi đã muốn và chỉ muốn mô tả: *trong thực t*ế cái gì đặc trưng cho đời sống chính trị, xã hội, kinh tế của nhóm các nước này -chứ không phải, lẽ ra nó nên như thế nào, nếu giả như nó hoạt động, theo như cách các tín đồ của chủ nghĩa xã hội mong muốn.

Không phải là mục đích của cuốn sách, để "phán xử". Đấy là việc rẻ tiền và không mạo hiểm, sau khi bức tường Berlin đã đổ. "… ngày nay hầu như cần đến một chút dũng cảm – tôi đã viết trong lời nói đầu -, để ai đó viết với giọng khách quan về hệ thống xã hội chủ nghĩa, bỏ qua những tính ngữ lớn tiếng chỉ trích:.[199]

Ý định phân tích thực chứng khách quan, tuy vậy, không loại trừ, việc mô tả các nét cốt yếu của hệ thốngxã hội chủ nghĩa thấm nhuần *các giá trị* tạo thành những nền tảng thế giới quan của tôi. Trong con mắt tôi giá trị của quyền tự do, của các quyền con người, của phẩm giá con người, của quyền tự chủ cá nhân là cao. Bất cứ tôi đã cố gắng diễn đạt khách quan đến bao nhiêu, tôi thấy là hợp lệ, để nói về sự vi phạm những giá trị này bằng những lời lên án gay gắt.

Trong thứ bậc của thang giá trị của tôi, thành tích kinh tế tuy đứng ở mức thấp hơn, nhưng ngay cả như thế cũng vẫn có giá trị cao. Tôi khảo sát cái này bằng các tiêu chuẩn kinh tế quen thuộc: phúc lợi của dân chúng hình thành ra sao, nhịp độ tăng trưởng thế nào, sự phát triển kĩ thuật nhanh đến mức nào, nền kinh tế có khả năng thế nào để tạo ra và áp dụng các sáng kiến. Rốt cuộc tôi áp dụng tiêu chuẩn, mà Lenin đã vạch ra ở đầu sự chuyển đổi xã hội chủ nghĩa: trong cuộc cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội kẻ thắng là người đạt năng suất cao hơn. Cuốn sách đã chỉ ra, vì sao sự thất bại của hệ thống xã hội chủ nghĩa – chính dựa trên tiêu chuẩn của Lenin - lại không thể tránh khỏi.

(*) Lời nói đầu cũng liệt Keynes vào giữa những người đã có ảnh hưởng trí tuệ lớn lên tôi. Tình hình đúng là thế, nhưng ông trước hết đã

https://thuviensach.vn

cho sự giúp đỡ không thểđánh giá hết được để suy nghĩ lại các vấn đề của kinh tế học vĩ mô và của bất cân bằng. Các công trình của Keynes đã không được thấm nhuần bởi cách tiếp cận, mà tôi gọi là khung mẫu hệ thống, vì thế tôi không nhắc đến tên ông ở chỗ này.

Tôi đã do dự, tôi dùng tên gọi nào: tôi gọi đối tượng của cuốn sách là hệ thống xã hội chủ nghĩa hay cộng sản chủ nghĩa. Ngôn ngữ văn học chính trị và ngôn ngữ thông thường của thế giới phương Tây dùng từ "cộng sản chủ nghĩa". Ngược lại các đảng cộng sản nắm quyền, theo cách dùng từ Marxian, họ để dành tên gọi "chủ nghĩa cộng sản" cho chế độ không tưởng không thể thực hiện được, trong đó mọi người [làm theo năng lực] hưởng theo nhu cầu. Bản thân họ dùng từ "chủ nghĩa xã hội" hứa hẹn ít hơn nhiều để đặt tên cho hiện tại. Khi tôi lựa chọn giữa hai thuật ngữ, tôi đã xuất phát từ việc, nếu các doanh nghiệp, các hiệp hội, các đảng, các nước có thể quyết định về tên của riêng mình, thì quyền này cũng không thể từ chối được đối với một thực thể lớn hơn, đối với hệ thống xã hội chủ nghĩa. Nếu hệ thống này tự gọi mình là xã hội chủ nghĩa (hay đội ngũ lãnh đạo gọi hệ thống mà họ chỉ huy là như thế), thì cứ để vậy! Tôi chẳng có lí do gì, để dành cái tên này cho sự hình dung chuẩn tắc lí tưởng hoá nào đấy, cho chủ nghĩa xã hội "thật sự", và tước đoạt mất của thế giới thực của 26 nước. 26 nước này tạo thành "chủ nghĩa xã hội hiện tồn", vì thế tôi cũng gọi họ như thế.

Các mô hình tổng quát

Kinh tế học so sánh (comparative economics) thường tập trung chú ý vào khảo sát Liên Xô, mô tả các tiền đề của cách mạng 1917, rồi sự hình thành của hệ thống Soviet mới, sự ổn định, sự phát triển và tan rã của nó. Sau đó lịch sử phát triển của các nước chư hầu bổ sung cho cái này. Nhiều khi họ cũng dùng cái này như tên gọi: "nền kinh tế kiểu Soviet". Người ta cũng thường khảo sát riêng Trung Quốc với tư cách trường hợp đặc biệt.

Cách tiếp cận này, cách tiếp cận muốn nắm lấy mỗi nước theo tính độc nhất cụ thể của nó, theo sự phát triển lịch sử khác với các nước khác của nó, có quyền tồn tại của bản thân nó, và có thểđóng góp cho việc hiểu hệ thống xã hội chủ nghĩa. Trong công trình tổng kết của mình, tuy vậy, tôi đã muốn dùng cách tiếp cận khác. Tôi cố gắng khái quát hoá: chúng ta hãy bỏ qua nhiều loại khác biệt giữa 26 nước, và

https://thuviensach.vn

"lọc ra" cái là chung trong chúng. Nếu chúng ta tìm thấy các đặc điểm chung cốt yếu, các đặc điểm phân biệt một cách đặc trưng các nước này khỏi những phần khác của thế giới, thì có quyền nói về tập hợp các nước này như hệ thống riêng đặc biệt. Khi đó nhiệm vụ là, chúng ta lấy ra và nhấn mạnh các đặc điểm cốt yếu (và *chỉ* các đặc điểm cốt yếu).

Khi lập ra mô hình tổng quát mục đích không phải là, chúng ta cho mô tả càng chi tiết càng tốt. Ở lại với chủ đề của cuốn sách của mình, tôi đã không nỗ lực, để kể câu chuyện của Liên Xô, rồi của Đông Âu, rồi đến của Trung Quốc và Việt Nam và ngàn loại đặc trưng đơn nhất lí thú của chúng. Ngược lại, tôi chỉ muốn giới thiệu ngần ấy, cái là *chung* trong hoạt động của nền chính trị và nền kinh tế Soviet, Albani và Mông Cổ. Trong sáng tạo ra mô hình tổng quát "nghệ thuật" chính là, đã thành công ra sao để tiết kiệm, thậm chí keo kiệt trong lựa chọn các đặc điểm chính.(*)Càng ít đặc điểm chủ yếu- bấy nhiêu, nhưng chỉ bấy nhiêu, bao nhiêu vừa đủ để mô tả đặc trưng!

(*) Với tính từ "keo kiệt" (tiếng Anh: parsimonious) tôi muốn dẫn chiếu đến nguyên lí thiết kế lí thuyết, xuất hiện trong dòng tư duy được biết đến với cái tên "dao cạo Occam [razor]". (Gắn với tên nhà triết học Anh thế kỉ XIV William of Occam hay Ockham). Theo đó một lí thuyết hãy luôn luôn dựa trên giả thiết ít nhất có thể, nói cách khác hãy đối xử một cách keo kiệt với các giả thiết.

Trong khuôn khổ thảo luận tổng quát, tôi chia lịch sử của hệ thống xã hội chủ nghĩa ra làm ba giai đoạn. Quá độ đầu tiên là từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội chín mùi. Ở Liên Xô giai đoạn này kết thúc với tập thể hoá nông nghiệp và với các vụ án lớn đầu tiên giáng dứt khoát xuống nhóm chống đối trong nội bội đảng (1936-1938). Tại Liên Xô như vậy là về một quá trình kéo dài khoảng hai thập kỉ (sau đó, như đường quay lại, là quá độ từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản). Tại Đông Âu, do ảnh hưởng của sự chiếm đóng Soviet, giai đoạn đầu xảy ra trong thời gian ngắn hơn nhiều, so với Liên Xô với tư cách nước đầu tiên bước vào con đường xã hội chủ nghĩa.

Cuốn sách gọi hệ thống tồn tại trong giai đoạn thứ hai là *chủ nghĩa xã hội cổ điển*. Ở đây mọi đặc điểm chính của hệ thống đã xuất hiện một cách được củng cố rồi. Có bạn đọc, mà tính từ "cổ điển" làm cho ngứa tai. Hoặc bởi vì cảm thấy âm vang khen ngợi toát ra từ nó, tuy nó

https://thuviensach.vn

không chứa sự phán xét giá trị nào, mà chỉ muốn cho thấy, rằng chế độ trước đây còn trong cội nguồn nay đã vững chắc; tất cả các nét đặc trưng đã cùng tồn tại. Những người khác thì có sự gắn bó tình cảm với từ chủ nghĩa xã hội, và thấy khó chịu khi đọc, rằng các vụ án lớn, các vụ xử tử, sựđày ải hàng loạt và nhà tù lại báo hiệu khởi đầu của giai đoạn cổ điển.

Trong giai đoạn thứ ba các nước xã hội chủ nghĩa dịch chuyển khỏi trạng thái cổ điển. Sự dịch chuyển, *cải cách* vẫn nằm trong khuôn khổ hệ thống xã hội chủ nghĩa, có các xu hướng khác nhau của nó. Có nơi, người ta thích "hoàn thiện hoá" kế hoạch hoá tập trung bằng sự tổ chức lại và bằng kĩ thuật tính toán hiện đại. Ở Nam Tư họ thử nghiệm với tự quản. Ở đó cũng thế, rồi ở Hungary, và muộn hơn ở các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng vậy, họ muốn kết hợp cơ chế thị trường với độc quyền quyền lực của đảng cộng sản và với việc duy trì ưu thế của sở hữu nhà nước. Mọi xu hướng đều đi cùng với sự nới lỏng đàn áp một chút. Hiện tượng đi kèm của cải cách là sự tan rã của hệ thống.

Như vậy với sự phân ba giai đoạn này cuốn sách có một chiều [kích] *lịch sử* của nó. Điều này tuy vậy lại mang tính mô hình: nó không kể lại câu chuyện cụ thể, độc nhất của mỗi nước, mà kể lại đường đời của *hệ thống*.

Những tư tưởng của Marx, Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông và của những người khác đã tác động đáng kể đến sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa. Cuốn sách tranh luận thí dụ với những người, muốn miễn trách nhiệm trí tuệ cho Marx vì việc, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã hoạt động với năng suất thấp. Marx đã không muốn như vậy, chỉ tại người ta thực hiện tồi các ý tưởng của ông. Sự thật là, yếu tố quan trọng nhất của cương lĩnh cải biến xã hội do Marx kiến nghị là sự thủ tiêu sở hữu tư nhân và thị trường và thay chúng bằng sở hữu công và điều phối quan liêu. Cuối cùng *vì* việc thực hiện cương lĩnh Marxian mà chủ nghĩa xã hội đã thất bại – và người phải chịu trách nhiệm trí tuệ về việc đó, chính là người đã tuyên truyền cương lĩnh này với lòng tin cứu thế bị ám ảnh.

Thế nhưng tôi không vào hùa với những người, khẳng định rằng, cái đã sinh ra, được hình thành chỉ theo gợiý của những tư tưởng, và đã thực hiện *chính xác cái*, mà các nhà tiên tri và các lãnh tụ của chủ nghĩa xã hội đã thiết kế sẵn từ trước. Sự phát triển tự phát, mang tính

https://thuviensach.vn

tiến hoá cũng đã có vai trò lớn. Trong *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* tôi đã trình bày ý tưởng, rằng đảng cộng sản, khi lên nắm quyền, bắt tay vào thực hiện cương lĩnh của mình, cương lĩnh bao gồm việc thủ tiêu sở hữu tư nhân và thị trường. Điều này đã tác động, như một "mã di truyền", nó khởi động và bắt đầu điều khiển một quá trình. Kể từ đây tuy vậy sự lựa chọn tự nhiên của các định chế cũng bắt đầu hoạt động. Họđã thử nghiệm với những hình thức khác nhau của việc xây dựng nhà nước và chỉ đạo nền kinh tế. Cái tỏ ra không có khả năng sống giữa hoàn cảnh cho trước, sớm muộn cũng biến mất, còn cái phục vụ tốt cho hoạt động của hệ thống, cái đó được cấy vào hệ thống. Marx và Engels đã không soạn ra bản kế hoạch chi tiết, cũng đã chẳng đưa ra hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch hiện vật bắt buộc, cũng chẳng quy định, rằng phòng tổ chức nhân sự của mọi tổ chức phải gắn liền với công an chính trị. Điều này hình thành như vậy trong quá trình vận hành, logic của các sự vật tạo ra nó.

Một trong những ý tưởng cơ bản của cuốn sách là, giữa các bộ phận khác nhau của hệ thống xã hội chủ nghĩa có ái lực – không phải chủ yếu như kết quả của sự chọn lọc tự nhiên của các định chế, của sự phát triển tiến hoá. Như các bánh xe răng cưa, khớp khéo với nhau trong bội máy của chế độ chuyên chế. Chủ nghĩa xã hội cổđiển toàn trị thực hiện sự áp bức tàn bạo – nhưng tạo thành cái toàn bộ *cố kết chặt chẽ*.

Các quá trình cải cách phá mất tính cố kết này. Áp bức nhẹ bớt, sự tập trung nới lỏng. Điều này làm cho cuộc sống có thể chịu đượng được hơn – nhưng đồng thời làm xói mòn những nền tảng của hệ thống. "Chủ nghĩa xã hội có bộ mặt người", khẩu hiệu đẹp đẽ của mùa xuân Praha, chỉ là giấc mơ hão huyền. Càng hiền dần thành có bộ mặt người hơn, nó càng ít có khả năng hoạt động hơn.

Nếu niềm tin mù quáng của những người chân thành tự nhận mình là cộng sản chấm dứt, thì hệ thống không còn cái đỡ. Nếu "cải cách chính trị" tiến triển, và thực sự có thể lựa chọn giữa các ý thức hệ, các tín điều, các đại diện chính trị, thì đa số nhân dân *không* chọn hệ thống ngự trị đến lúc đó.

Nửa thứ hai của *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* trình bày chi tiết dòng tư duy này, trình bày lần lượt các xu hướng cải cách khác nhau và chỉ ra những ngõ cụt mà chúng dẫn tới.

https://thuviensach.vn

Bị muộn? Quá sớm?

Sau khi *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* tiếng Hungary được xuất bản, Karsai Gábor có phỏng vấn tôi. Anh viết lời đánh giá thông thạo và khen ngợi về cuốn sách trên tuần báo *Figyelő [Người quan sát]*. Trong khi trao đổi anh đã hỏi tôi: liệu tôi có bị muộn với cuốn sách này? Tôi thú nhận, câu hỏi được nêu ra vớiý định tốt nhất này đã chạm đến tôi một cách sâu sắc. Bài báo diễn đạt thế này: "Nếu giả như Kornai đã thành công hoàn thành cuốn sách của mình bốn-năm năm trước, và tất nhiên cả công bố bằng tiếng Hungary nữa, thì -giống như »Sự thiếu hụt«-nó đã trở thành sách kinh tế học bestseller, bán chạy nhất. Cuốn sách, mà người trí thức coi mình là có văn hoá sẽ đọc ngấu nghiến, phe đang tích cực khi đó của những người muốn thay đổi chế độ sẽ coi là cơ sở khoa học để dựa vào". Còn vài dòng trước thì là câu này: "… ngày nay ai có thời gian để đọc một cuốn sách chuyên môn dày gần 700 trang, dù sao vẫn nói về quá khứ?"[200]

Trong lời nói đầu của *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* tôi đã công bố một trích dẫn từ công trình khoa học lịch sử lí thú được xuất bản lúc đó của Simon Schama về cách mạng Pháp: "Khi người ta hỏi Chu Ân Lai, thủ tướng Trung Quốc, rằng ông nghĩ gì về ý nghĩa của cách mạng Pháp, hình như ông đã trả lời: »Vẫn còn quá sớm để nói điều đó«. Sau hai trăm năm có lẽ vẫn luôn luôn quá sớm (hay quá muộn) để nói điều này".[201] Lời trích Schama đến đấy. Tôi nói thêm vào trong lời nói đầu: "Tôi tham gia vào chính nhận xét mỉa mai có hai nghĩa của Schama: là quá sớm –haycó lẽ quá muộn-, nếu sau 200 năm nhà nghiên cứu xã hội mới nói về sự kiện vĩ đại. Ngần ấy là chắc chắn: tác giả của cuốn sách này không muốn đợi. Tôi đảm nhận tất cả sự nguy hiểm và bất lợi đi cùng với việc tôi ở gần các sự kiện".[202]

Tôi đã không *có khả năng* hoàn thành cuốn sách sớm hơn, muộn hơn thì tôi không *muốn*.

Tôi cần đến sự chuẩn bị dài, bởi vì tôi đã bắt tay vào công việc cực kì tham vọng. Tôi đã phải nghĩđi nghĩ lại việc tổng hợp. Đã có bao nhiêu bài viết cẩu thả xuất hiện vào đầu các năm 1990, trong đó các tác giả hấp tấp công bố vài luận đề đúng hay nửa đúng về chủ nghĩa cộng sản! Tôi đã muốn đưa ra khỏi tay mình một tác phẩm bậc thầy, trong đó mọi lập luận đều được cân nhắc kĩ lưỡng và có logic nghiêm

https://thuviensach.vn

ngặt, trong đó mọi dẫn chiếu đều chính xác, được nhiều số liệu thuyết phục minh hoạ.

Tôi đã cảm thấy, mình phải vội. Tôi nhớ, rằng trong Harvard Faculty Club tôi đã có một khách, một nhà xã hội học, một nhân vật đối lập dân chủ nổi tiếng đến thăm từ Budapest. Ông đã hỏi tôi đang làm gì, và tôi bảo: tôi viết cuốn sách tổng kết của mình về hệ thống xã hội chủ nghĩa. Tôi không quên cái nhìn ngạc nhiên của ông lên tôi. Ông chẳng nói gì, nhưng tôi đọc được từ cái nhìn đó: "Cậu điên ư? Cậu dùng thời gian của mình làm việc này sao? Bây giờư?" Đã có thể hiểu được cái nhìn chế diễu. Tôi đã vừa kể, rằng sau 1989-1990 các nhiệm vụ thời sựđã liên tục làm tôi sao lãng việc viết sách. Nếu *khi đó* tôi không có khả năng tự ép mình, để - dẫu cái nhìn của những người khác có loé lên như thế nào đi nữa- rốt cuộc tôi vẫn viết xong *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa*, thì nó đã mắc kẹt trong tôi, không được viết ra. Đã cần đến kỉ luật tự giác và đến chí hướng nảy sinh từ bên trong, để cuối cùng, với bảng cuối cùng và tài liệu tham khảo cuối cùng cũng được gắn vào, cuốn sách đã hoàn thành và có thể đưa đến nhà in.

Thật tiếc nếu để mất đi công trình này. Đúng, những người khác, muộn hơn, rồi sẽ viết về thời đại này. Có lẽ sẽ có, những người nắm toàn cảnh nhiều thế kỉ nhưđòi hỏi của Chu Ân Lai, sẽ có khả năng nêu lập trường một cách khách quan hơn chúng ta nhiều. Thế nhưng họ cũng bắt buộc phải dùng các công trình của chúng ta với tư cách công trình nguồn. Chúng ta là các nhân chứng. Ởđây lời khai làm chứng của thế hệ tôi, chí ít ở Đông Âu, có tầm quan trọng đặc biệt, bởi vì chúng ta đã ở đó, với tư cách người quan sát và người tham gia tích cực từ đầu đến cuối.

Sự thừa nhận từ Phương Tây và Phương Đông...

Cuốn sách đã gây ra tiếng vang chuyên môn nghiêm túc. Đã có hơn bốn mươi bài phê bình về nó, hay ít nhất tôi biết đến ngần ấy. Người ta đã dịch ra tiếng Đức và tiếng Pháp, rồi đã xuất hiện trong nhiều nước một thời đã là (hay bây giờ vẫn) là xã hội chủ nghĩa: ở Nga, Bulgary, và Việt Nam. Đặc biệt lí thú là sự thực trần trụi của trường hợp sau cùng. Chúng ta hãy hình dung, ở một nước, nơi ngày nay đảng cộng sản vẫn còn độc quyền chính trị, lại xuất hiện một cuốn sách, thảo luận về: cấu trúc chính trị này đi cùng với các hậu quả loạn chức năng như thế nào đối với nền kinh tế và đối với các lĩnh vực khác

https://thuviensach.vn

của xã hội. Trong một nước, nơi đường lối chính thức của đảng là "chủ nghĩa xã hội cải cách", lại xuất hiện một cuốn sách, nhấn mạnh đến tính nửa vời của quá trình cải cách.(*)

(*) Tại Trung Quốc họ cũng đã đề xuất việc xuất bản cuốn sách. Bản dịch đã xong, nhưng trước mắt không chắc chắn, rằng nhà xuất bản có nhận được sự đồng ý chính thức cho việc xuất bản cuốn sách hay không.

Phần lớn các bài phê bình đánh giá rất cao. Tôi trích hai trong số đó. Alec Nove, bậc thầy số một của nghiên cứu Liên Xô ở Anh (đáng tiếc đã mất kể từ đó) bắt đầu bài viết của mình như sau: "Cuốn sách của Kornai không nghi ngờ gì là thành tích đáng chú ý. Là tài liệu đọc đáng tham khảo như nhau cho cả những người phương Đông và phương Tây, cho các nhà kinh tế học và những người quan tâm đến chính trị, cho các chuyên gia về các hệ thống cộng sản và những người bây giờ bắt đầu những nghiên cứu của mình. Tác phẩm là mẫu mực về sự trình bày rõ ràng, được xây dựng khéo, chứng tỏ sự hiểu biết kiêu hãnh về chủ đề. Tác giả chau chuốt hiểu biết cặn kẽ của mình thu được về hoạt động của các định chế »phương Đông« với sự hiểu biết toàn diện đáng nghen tị của các lí thuyết kinh tế học có liên quan".[203] Bài báo kết thúc như thế này: "…đưa ra sự mô tả và sự giải thích có trình độ cao như vậy về các đặc trưng cơ bản của các hệ thống xã hội chủ nghĩa và về sự thất bại nổi bật của các thử nghiệm cải cách, vì thế được sự cảm ơn -và được đông bạn đọc".[204]

Richard Ericson, giáo sư Đại học Columbia ở New York đã diễn đạt như sau: "Đây thực sự là tác phẩm bất hủ, tổng kết những ý tưởng của toàn bộ một cuộc đời. Một công trình bậc thầy, đầy sự uyên thâm và sự tinh tường".[205]

và sự bác bỏ, từ cánh hữu và cánh tả

Các bài phê bình khen ngợi, một cách tự nhiên, cũng chứa những nhận xét chuyên môn phê phán. Tuy nhiên cũng đã có những hồi âm, đi xa hơn thế nhiều và bác bỏ hoàn toàn nội dung muốn nói của tôi. Hệt như những lời khen ngợi, tôi cũng minh hoạ những sự bác bỏ bằng hai thí dụ.

Václav Klaus và Dušán Tříška đã viết bài phê bình dài về cuốn sách. Klaus khi soạn thảo bài viết của họđã là bộ trưởng bộ tài chính và thủ lĩnh của đảng riêng của ông. Sau này sự nghiệp của ông còn tiếp

https://thuviensach.vn

tục vút cao, trở thành thủ tướng, và hiện nay ông là tổng thống Cộng hoà Czech. Tříška khi viết bài phê bình thì là bộ trưởng bộ tư nhân hoá.

Về cuốn sách của tôi họ đã chẳng hề có một lời tốt đẹp nào. Sự phản đối chủ yếu nhất của họ -và như họđã nhấn mạnh: không chỉ đối lại với *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa*, mà với toàn bộ các công trình của tôi – đã là, tôi đã đi trệch một cách vô căn cứ khỏi hệ thống khái niệm và phương pháp đã được thử thách tốt của trào lưu kinh tế học chính. Theo ý kiến họ việc này là hoàn toàn thừa. Chế độ cộng sản chẳng biểu lộ một đặc điểm duy nhất nào, mà không thể được khảo sát theo cách quen thuộc, bằng kho tàng công cụ của các mô hình tối ưu, của kinh tế học vi mô và vĩ mô.

Giọng phê phán trở nên bực tức đặc biệt, khi họ đụng đến sự phân tích về đảng cộng sản trong cuốn sách của tôi. Theo họ lí thuyết lựa chọn công [public theory of choice] đã làm rõ hoàn toàn vai trò của lĩnh vực chính trị, lí thuyết khẳng định với hiệu lực phổ quát, rằng nhà chính trị biểu lộứng xử phục vụ quyền lực và các lợi ích vật chất riêng của mình một cách tối đa. Nhiều nhất chỉ cần bổ sung lí thuyết này bằng lí thuyết kinh tế học rất quen thuộc của độc quyền, áp dụng cho trường hợp của đảng cộng sản. Đảng cộng sản, như mọi nhà độc quyền, cản trở sự gia nhập tự do vào thị trường chính trị.

Nếu chúng ta nghe theo bài phê bình này, thì các viện nghiên cứu khoa học chính trị của các trường đại học tự giải tán ngay lập tức, và các nhà nghiên cứu tái đào tạo mình thành các nhà kinh tế học tân cổ điển.

Tôi không quen tranh luận với các bài phê bình. Vả lại tiểu sử tự thuật là khung khổ đặc biệt không thích hợp cho tranh luận chuyên môn. Tốt hơn tôi chỉ nêu ra một câu hỏi – cũng chẳng phải câu hỏi kinh tế học, mà là câu hỏi tâm lí học. Đáng suy ngẫm, cái gì đã có thể thúc đẩy hai nhà chính trịđang ở trên đỉnh cao quyền lực này, những người chắc chắn bị ngập đến cổ trong những công việc quan trọng của nhà nước và đảng, lại đi viết một bài phê bình có giọng tấn công cá nhân, đi sâu vào các chi tiết vụn vặt về một công trình khoa học?

Sự bác bỏ gay gắt khác đến từ đầu kia của phổ chính trị, từ ngòi bút của nhà sử học Hungary, Krausz Tamás.(*)Giữa nhiều loại ý kiến phản đối của ông có lẽ cái quan trọng nhất là, công trình của tôi thiếu

https://thuviensach.vn

cách tiếp cận lịch sử thật sự. Ông bài bác việc áp dụng "các mô hình được khử trùng, bị tước mất các cơ sở lịch sử cụ thể". Ở một chỗ khác ông khẳng định: "Nhìn từ quan điểm lịch sử khuyết điểm phương pháp luận cơ bản nhất của công trình của Kornai không mang tính kĩ thuật, mà là, nó xem xét nền kinh tế thế giới không như một cái toàn thể có cấu trúc, trong đó ngự trị những cái đã được xác định về cấu trúc được hình thành về mặt lịch sử (thí dụ như hệ thống quan hệ gắn các nước trung tâm, nửa ngoại vi và ngoại vi lại với nhau, cơ cấu phân công lao động, các quan hệ loại trừ và bóc lột, các quan hệ trao đổi không bình đẳng và các quan hệ chính trị-thống trị không bình đẳng, v. v.)." Tôi không có khả năng cưỡng lại, để đừng công bố một trích dẫn nữa:[206] "Đế chế «tốt» và «xấu» xuất hiện trong tác phẩm, cứ như là cuộc chiến đấu của hai nguyên lí cơ bản trong thế giới: một mặt là tính duy lí kinh tế, logic thị trường sáng sủa, mặc khác là sự bóc lột nhà nước phi duy lí".(**)

Trong con mắt của Klaus và Tříška tai hoạ của cuốn sách của tôi là, nó đã không bám trung thành vào thế giới tư duy và bộ máy của trào lưu tân cổ điển chính. Trong con mắt của Krausz ngược lại (tôi trích) tôi là "thủ lĩnh ở nước Hungary của kinh tế học tự do".[207]

Không thể đồng thời được lòng tất cả mọi người. Ai có chân dung (profile) trí tuệ riêng của mình, có quan điểm riêng của mình được diễn đạt một cách sắc sảo, người đó phải tính đến, công trình của mình không tạo ra sự nhất trí và sự công nhận trọn vẹn. Chẳng ngạc nhiên, mà hoàn toàn có thể hiểu được – và đối với tôi đúng là làm yên tâm hơn, chứ không phải gây rầu rĩ -, rằng *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* đã không làm vừa lòng cả Václav Klaus lẫn Krausz Tamás.

Một tình tiết kì cục

Vào cuối 1988 họ thông báo, rằng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ nhận được huân chương có tên "Vì Nước Hungary Xã hội Chủ nghĩa". Tôi cảm thấy đặc biệt lạ lùng, rằng trong khi tôi say sưa viết cuốn sách của mình bác bỏ hệ thống xã hội chủ nghĩa – thì người ta thưởng tôi huân chương "Vì Nước Hungary Xã hội Chủ nghĩa".

Tôi điện thoại cho một trong những lãnh đạo của Viện Hàn Lâm, và tuyên bố, tôi không muốn chấp nhận phần thưởng. Giải pháp may mắn hơn cả có lẽ là, nếu họ can thiệp, và dừng hành động lại giữa chừng trong quá trình. Chúng tôi đã tranh luận. Ông ta lập luận bằng

https://thuviensach.vn

cách: khi đó vì sao tôi đã chấp nhận Giải thưởng Nhà nước? Tôi trả lời rằng, bởi vì tôi nhìn thấy trong đó sự công nhận của thế giới khoa học. Còn chính phủ muốn cho phần thưởng này bây giờ, mà cụ thể là với mục tiêu chính trị rõ ràng. Tôi vội vã cũng đã viết thư nêu lập trường của mình nữa cho nhiều lãnh đạo của Viện Hàn Lâm.

(*)Không phải là nhiệm vụ của cuốn sách này đi xếp đặt sự nghiệp công trình của Krausz Tamás bên trong giới các tụ hợp tinh thần xã hội chủ nghĩa cực đoan. Tôi chỉ báo hiệu ngần này, rằng trong các quan điểm của ông liên quan đến cuốn sách của tôi, tôi thấy nhiều sự giống nhau với các tư tưởng của trào lưu được gọi là "cánh tả mới" theo cách dùng từ phương Tây.

(**) Tôi tìm kiếm nhiều lần trong cuốn sách của chính mình, mong tìm thấy: ở đâu nói về tính phi duy lí và đặc trưng bóc lột của nhà nước. Tôi đã không tìm thấy.

Sự can thiệp của tôi đã không thành công; ban lãnh đạo Viện Hàn Lâm đã không có khả năng hay đã không muốn dừng quá trình khen thưởng. Bây giờ tôi đã nhận được thông báo từ chủ tịch Hội đồng Chủ tịch, từ bạn viện sĩ của tôi, từ Straub F. Brunó, rằng tôi hãy đến nhận phần thưởng. Bản tin cũng đã xuất hiện trong *Công báo Hungary*. Tôi gửi thư cho chủ tịch Hội đồng Chủ tịch: "Tôi trân trọng tuyên bố, rằng tôi không chấp nhận phần thưởng. Phần thưởng có tính chất chính trị và có vẻ chính trị. Tôi không tán thành cương lĩnh, chính sách chung và chính sách kinh tế của chính phủ. Nhiều thập kỉ tôi đã tránh trình bày sự tách biệt của mình ở dạng các cuộc vận động mang tính đối lập. Tôi cũng muốn trách không kém khỏi làm điều ngược lại: với sự chấp nhận khen thưởng của chính phủ dù chỉ lặng lẽ cũng bày tỏ sự tán thành".[208]

Với sự từ chối huân chương "Vì Nước Hungary Xã hội Chủ nghĩa" và với việc viết cuốn sách tổng kết sự nghiệp của mình tôi từ biệt ấn tượng sống quyết định của đời tôi, từ biệt hệ thống xã hội chủ nghĩa.

https://thuviensach.vn

1989 –1992
CON ĐƯỜNG

Ngày 10-11-1989 người ta bắt đầu dỡ bỏ bức tường Berlin. Người ta đã nhiều lần nêu cho tôi câu hỏi: tôi đã tính đến hay không, rằng điều này có thể xảy ra? Hay diễn đạt câu hỏi theo cách khác: tôi có đoán được trước hay không, rằng hệ thống xã hội chủ nghĩa Soviet và Đông Âu sẽ sụp đổ?

Tháng 11-1989 cuốn sách có nhan đề *Đề cương cuồng nhiệt vì quá độ kinh tế* [được nhắc đến theo đầu đề tiếng Anh như *Con đường*]. Có lẽ có hiệu quả, nếu tôi trả lời: một cuốn sách không được hoàn thành trong mấy ngày. Đấy, bằng chứng, rằng tôi đã tính đến sự sụp đổ của nó, mà cụ thể là trước sự xảy ra của nó khá lâu.

Câu chuyện thực sự tuy vậy phức tạp hơn thế nhiều. Tôi cố gắng kể một cách trung thành.

Các giới hạn của dự đoán

Tôi có nhìn thấy trước sự sụp đổ của hệ thống hay không? Có và không.

Có. Cuốn *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* suốt nhiều trăm trang đã chứng minh luận điểm, rằng các cuộc cải cách nội bộ không có khả năng cứu hệ thống, mà ngược lại, làm xói mòn các nền tảng của nó. Sự áp bức càng dịu đi, kỉ luật được áp đặt một cách quan liêu càng lỏng lẻo, thì các quan hệ quyền lực cũ càng trở nên không thể tồn tại được.

Không. Cuốn sách của tôi, và bất cứ công trình có nhu cầu khoa học khác nào, công trình khảo sát hệ thống xã hội chủ nghĩa, chẳng nói gì – cũng không thể nói - về, sự kết thúc xảy ra *khi nào*.

Ở đây chúng ta đến một vấn đề triết học khoa học quan trọng, mà ở chỗ này tôi có thể chạm đến ở mức vài câu. Giữa những thứ khác người ta cũng đã có thể kiểm chứng lí thuyết tương đối của Einstein bằng cách, từđó có thể dẫn ra một dự đoán: Mặt trời làm cong ánh sáng của các ngôi sao như thế nào. Các nhà thiên văn học đã có thể khiểm tra khẳng định của lí thuyết vào dịp nhật thực ngày 29-5-1919.[209] Cả thế giới mừng Einstein, khi tiên đoán hoá ra đã rất chính xác. Nhưng sự di chuyển của các vì sao xảy ra theo các quy tắc đơn giản hơn một cách không thể so sánh nổi với chuyển động lịch sử của

https://thuviensach.vn

xã hội bao gồm hàng trăm triệu người. Nhà khoa học xã hội sẽ biểu lộ tính kiêu ngạo trí tuệ không thể chấp nhận được, nếu nói về mình rằng, *dựa trên lí thuyết khoa học* có khả năng nói trước: một cuộc cách mạng hay chiến tranh nổ ra ở đâu và khi nào.

Có. Từ 1986, từ 1987 những người biết kĩ hệ thống xã hội chủ nghĩa từ bên trong đã cảm thấy các dấu hiệu tan rã tăng lên. Không phải những khó khăn kinh tế biểu thị sự khủng hoảng, bởi vì nền kinh tế Soviet đã ở trong tình trạng tồi tệ hơn thế nhiều, thí dụ khi các đội quân của Hitler chớp nhoáng chiếm phần tây của đất nước. Mà tín hiệu quan trọng hơn đã là sự chán ngán ngày càng tăng với chế độ cũ của người dân, đặc biệt của giới ưu tú chính trị-kinh tế-quân sự.(*)

Khi chúng ta tiến đến gần sự kiện vĩ đại của sự sụp đổ tường Berlin, mà sau này theo quy ước chung được coi là ngày bắt đầu của thời đại lịch sử mới, đã xuất hiện rồi những quá trình báo hiệu sự kết liễu của chế độ cũ: các cuộc đàm phán về công việc bầu cử quốc hội Ba Lan giữa những người đang nắm quyền và phe đối lập, rồi đến các cuộc đàm phán bàn tròn Hungary.

Tuy nhiên nhìn từ quan điểm của sự sụp đổ lớn thì cái xảy ra ở Hungary hay ở Ba Lan không phải là quan trọng nhất, tuy tất nhiên cũng đã đóng vai trò trong việc nghiền nát hệ thống. Chuỗi sự kiện quyết định đã là cái xảy ra ở Liên Xô. Mặc dù những cải cách được đưa ra trong nửa sau của các năm 1980 đã không đạt được cái mà Gorbachev, người chỉ huy những thay đổi, đã hi vọng, đã không dẫn đến sự đổi mới của chủ nghĩa xã hội, đến sự mạnh lên của Liên Xô, ảnh hưởng của chúng vẫn tỏ ra có ý nghĩa lịch sử. Bầu không khí trở nên tự do hơn, hệ thống "đã mềm đi", và cùng với nó đã xảy ra bước ngoặt cơ bản trong chính sách đối ngoại và trong học thuyết quân sự Soviet. Trước đây người ta đã điều động các xe tăng Soviet đến Hungary, Czechslovakia, thậm chí đến cả Afganistan nữa. Ngay cả vài năm trước sự sụp đổ cuối cùng của đế chếđã có vẻ là, họ sẽ không có khả năng làm việc này một lần nữa, không ở bên ngoài các đường biên giới của họ, cũng chẳng ở bên trong chúng. Đây là "linh cảm", chứ không phải là dựđoán chính xác, có cơ sở khoa học về sự sụp đổ. Để có cái nhìn thấy trước loại như vậy tất nhiên cần đến sự hiểu biết cặn kẽ hệ thống, bởi vì thiếu nó thì không thểđánh giá được ý nghĩa của những quan sát khác nhau, thế nhưng cũng cần đến liều lượng trực

https://thuviensach.vn

giác lớn. Tôi cũng liệt kê bản thân mình vào giữa những người, đã phỏng đoán, rằng chúng ta đi, thậm chí lao về phía khủng hoảng.

Và một lần nữa *không*. Trong khi chúng tôi đã cảm thấy tốc độ của các sự kiện, thực ra đã chẳng ai có khả năng thấy trước sự tăng tốc đột ngột của chúng. Về sau nhìn lại thì dễ để là thông minh, và ngay cả bằng mô hình toán học cũng có thể mô tả được. Cái gọi là lí thuyết hỗn độn mô tả các hệ thống phức tạp, mà với những tham số nhất định tỏ ra khá ổn định, nhưng sự thay đổi tương đối nhỏ của một số ít tham số làm cho hệ thống bị lật hoàn toàn khỏi sự cân bằng của nó. Điều này đã xảy ra.

Tất cả mọi người đã chỉ có thể đoán mò. Có lẽ có các chuyên gia về chủ nghĩa cộng sản, những người với các bài viết của mình, với những lời nói của mình, đã có khả năng chứng minh: họđã dựđoán trước sự sụp đổ chính xác đến tháng. Điều này chẳng chứng minh được gì cả liên quan đến chuyện, liệu một sự kiện đơn nhất, chưa bao giờ thấy trong lịch sử như vậy có thể được dựđoán khi nào và chính xác đến đâu. Tóm lại trong các trò chơi xổ số có xác suất một phần triệu cũng thường hay có trúng số độc đắc.

Sự tăng tốc của các sự kiện – tôi không xấu hổ thú nhận– cũng đã vượt xa các giấc mơ táo bạo nhất của tôi.

(*) Đã có người nhớ đến lời của Lenin (1974 [1920]): "để có cách mạng là không đủ, rằng quần chúng bị bóc lột nhận ra là họ không thể tiếp tục sống như cũ, và đòi hỏi sự thay đổi; để có cách mạng cũng cần là, những kẻ bóc lột không có khả năng sống và lãnh đạo theo kiểu cũ.

Những quyết định trong vườn của Business School và trên núi Gellért

Tôi đã cố gắng chuẩn bị về mặt trí tuệ cho việc, rằng những thay đổi sâu sắc có thể diễn ra. Tôi kiếm các sách nói về những kinh nghiệm ban đầu của các nền dân chủ thế chỗ cho các chế độ độc tài quân sự Mĩ-Latin. Tôi lại cầm trên tay các sách giáo khoa kinh tế học vĩ mô, để ôn lại những hiểu biết của mình. Tôi nói chuyện với các nhà sử học và hỏi họ: sự tan rã và sụp đổ của các đế chế lớn đã xảy ra như thế nào.(*)

Nhiều lần tôi đã trao đổi về những khả năng thay đổi triệt để với bạn giáo sư Harvard của tôi, Jeffrey Sachs. Ông và vợ ông, Sonia gốc Czech là các bạn tốt của chúng tôi. Khi chúng tôi đến Boston họ đã

https://thuviensach.vn

giúp đỡ trong việc hoà nhập, thích nghi, họ đưa chúng tôi thăm thú Boston. Sachs được tiếng lớn, khi dựa trên những lời khuyên của ông người ta đã chế ngự được lạm phát phi mã ở Bolivia. Có thể Lech Wałesa và các cố vấn kinh tế của ông đã nhớ đến việc này, khi Công đoàn Đoàn kết, khi đó vẫn bị chế độ cộng sản truy nã, đã mời ông làm cố vấn kinh tế. Khoảng thời gian này Sachs bắt đầu hăng hái quan tâm đến Đông Âu, còn tôi thì đến ổn định kinh tế vĩ mô. Như thế đã có cái để chúng tôi nói chuyện.

Quan trọng hơn sự chuẩn bị chuyên môn là việc cân nhắc: tôi hãy có thái độ như thế nào, nếu xảy ra bước ngoặt chính trị. Cuối chương 7 tôi đã viết về việc sau 1956 tôi đã đặt ra cho mình "chiến lược sống" như thế nào. Đến gần 1989 tôi có thể có quyền nói: trừ những bất nhất không quá quan trọng, tôi đã hành động theo như khi đó tôi đã định ra cho mình. Bây giờ tuy vậy bắt đầu một thời đại mới.

Cho đến đấy tôi đã sống dưới chế độ chính trị, mà tôi chống đối, với trí tuệ duy lí, cả trên cơ sở đạo đức lẫn tình cảm. Nhưng bây giờ có hi vọng, rằng nền dân chủ sẽ ra đời, một trật tự chính trị và kinh tế, mà tôi cho là có thể chấp nhận được. Như thế có lí do xác đáng và có tính thời sự để cân nhắc, "chiến lược sống" tương lai của tôi nên như thế nào. Tôi có tiến hành sửa đổi quỹđạo đáng kể nào đó hay không?

Tôi không thích ứng biến. Nếu tôi buộc phải phản ứng mà không có chuẩn bị, lần đầu không luôn thành công đưa ra ngay quyết định tốt. Nhưng tôi có khả năng cân nhắc trước xa, có thể xuất hiện các tình huống nào, và tôi thích vạch ra trước cho mình những tiêu chuẩn chung của sự lựa chọn, trên cơ sở đó tôi có thể ra các quyết định cụ thể.

Với Zsuzsa một trong những nơi dạo chơi yêu mến của chúng tôi ở Cambridge là công viên của Harvard Business School nằm ở bờ bên kia sông. Đầu xuân năm 1989 dạo chơi ở đó chúng tôi nêu đi nêu lại những tình thế khó xử này. Đến từ Budapest những tin tức làm xáo động cuộc sống trong nước – và cả cuộc sống của chúng tôi nữa. Ngày 22 tháng Ba: hình thành Bàn tròn Đối lập. Ngày 10 tháng Sáu: thoả thuận với Đảng Công Nhân Xã hội Chủ nghĩa Hungary về bắt đầu các cuộc đàm phán ba bên, trong đó đảng đang cầm quyền, phe đối lập chính trị và các đại diện của các tổ chức phi chính phủ "với tư cách bên thứ ba" tham gia. Rồi sự kiện xúc động nhất, mà khi đó chúng tôi

https://thuviensach.vn

chỉ thấy thoáng qua trên màn hình TV Mĩ, 16 tháng Sáu: lễ an táng lại Nagy Imre và các liệt sĩ bạn ông, trong đó có Gimes Miklós vẫn tiếp tục sống trong những kí ức của tôi.

(*)Tôi nhớ một cuộc nói chuyện, khi vào khoảng 1987 trong một hội bạn bè, trước mặt hai nhà sử học nổi tiếng Hungary tôi đã nêu ra câu hỏi này. Họ ngạc nhiên nhìn tôi. Mặc dù họđã là những người hoạt động chính trị tích cực, họđã không suy ngẫm về sự tương tự này.

Kết thúc năm học chúng tôi về nước. Bây giờ các tin tức quan trọng ập lên chúng tôi hầu như hàng ngày. Tôi chỉ nhắc đến một cái. Ngày 1 tháng Tám chính phủ tháo đường biên giới bị đóng ở phía Tây. Hàng loạt người Đông Đức bắt đầu đổ dồn qua biên giới Hungary-Áo, những người trước đây đã không thể bước qua biên giới Tây Đức ở chính nước họ, và đã muốn đến phương Tây qua đường Hungary. Họ đổ dồn vào nước chúng ta ngày càng đông, nhiều người đã đọng lại ở đây hàng tuần, khi cuối cùng chính phủ Hungary đã đi đến quyết định lớn: mở bức màn sắt, và cho những người Đông Đức đi qua.

Tại Budapest sườn núi Gellért là một trong những nơi dạo chơi ưa chuộng của chúng tôi. Chúng tôi đã phải đối mặt với những thế lưỡng nan tình cảm và đạo đức khó khăn- về chúng muộn hơn còn được nói tới nhiều lần. Tại đây, trong một cuộc dạo chơi chúng tôi đạt đến, rằng các quyết định quan trọng nhất đã được diễn đạt chung trong chúng tôi, mà với tư cách người đóng vai trò xã hội tích cực tất nhiên trước hết liên quan đến tôi.

Quyết định quan trọng nhất: tôi không tiến hành thay đổi căn bản quỹ đạo. Trong lựa chọn "chính trị gia hay nhà nghiên cứu khoa học" cho đến đây, suốt 32 năm qua tôi đã chọn vai sau, và tôi vẫn tiếp tục giữ nguyên trong tương lai nữa.

Năm 1956 tôi đoạn tuyệt với đảng cộng sản, và suốt 32 năm tôi đã không tham gia bất cứ phong trào nào. Tôi tiếp tục giữ vững việc này. Tôi chẳng gia nhập bất cứ đảng nào đang được thành lập bây giờ, tôi cũng chẳng tham gia phong trào nào cả.

Quan niệm chính sách kinh tế của tôi, các lí tưởng chính trị của tôi, thang giá trị của tôi, thế giới quan của tôi đã chín mùi, đã thành thục. Tôi không có lí do để thay đổi chúng; tôi muốn trung thành với lập trường đến nay của mình.

https://thuviensach.vn

Sự tiếp tục con đường trước đây trước hết là do *các nguyên tắc* sai khiến, chứ không phải do loại tính ương ngạnh nào đó, do sự bất lực với thay đổi. Trước đây tôi cũng đã viết về việc này, nhưng bây giờ, khi nói về các quyết định của tôi trong thời kì bước ngoặt đổi đời, tôi phải lặp lại, bởi vì đây là một trong những tư tưởng chỉ đạo của đời tôi: trong các phán xử riêng của mình, tôi hình thành ý kiến dù về chính mình, dù về những người khác, thì *tính nhất quán, tính trước sau như một* có giá trị riêng của nó. Có thể xảy ra tình thế, khi những người vượt qua cả thử thách đạo đức cao nhất cũng cảm thấy, cần phải thay đổi ý kiến của họ về những vấn đề cơ bản của cuộc sống, thay đổi thang giá trị của họ. Thế nhưng tôi kinh tởm, khi những người thay đổi xoành xoạch thế giới quan của họ một cách dễ dàng do say mê quyền lực hay tiền.

Bước ngoặt đòi hỏi một sự thay đổi quan trọng duy nhất, rằng thay cho hệ thống một đảng chúng ta đang hướng tới một nền dân chủ nghị viện dựa trên hệ thống đa đảng và trên các cuộc bầu cử tự do: tôi cần phải cởi mở, để bằng những kiến nghị của mình tôi hãy giúp đất nước đứng dậy về mặt kinh tế và chuyển đổi theo hướng nền kinh tế thị trường. Cho đến đây tôi đã chỉ tập trung vào công việc khoa học thực chứng. Kể từ nay trở đi, cách tiếp cận chuẩn tắc, sự cân nhắc các nhiệm vụ chính sách kinh tế cũng hãy nhận được phần xứng đáng.

Con đường được hoàn thành thế nào?

Đầu tháng tám 1989 tôi nhận được lời mời: hãy nói những suy nghĩ của tôi về các nhiệm vụ kinh tế tới đây của đất nước. Phòng hội thảo lớn của Kopint (Viện Nghiên cứu Thị trường và Cơ hội) chật ních người nghe buổi thuyết trình. Trong các hàng của những người nghe có nhiều lãnh đạo và chuyên gia kinh tế của các đảng và các phong trào đang hình thành khi đó hay đã hoạt động một thời gian, các tổ chức tạo thành phe đối lập của chế độ hiện hành, và nhiều nhà nghiên cứu khoa học, trong số họ khá nhiều người đã có những chức vụ chính trị cao sau này.

Tôi đã suy ngẫm về đề tài của buổi trình bày từ nhiều tháng nay rồi. Tôi cố thử theo dõi, trong giới các chuyên gia và các đảng đang hình thành bây giờđã hình thành những dự định gì, họ đưa vào cương lĩnh của họ những ý tưởng kinh tế như thế nào.

https://thuviensach.vn

Tôi đã chuẩn bị kĩ lưỡng cho buổi nói chuyện. Tuy thế tôi đã đi trong tình trạng tâm lí cực kì căng thẳng, hồi hộp, mặc dù điều này đã không toát ra từ tôi trong buổi họp mặt và đã không thể nghe được từ giọng của tôi. Trong số những người nghe đã có nhiều người, trong những ngày này chạy từ cuộc nói chuyện này sang cuộc nọ, và đối với họ buổi nói của tôi có thể suy đoán là một trong nhiều cuộc đó. Ngược với điều này tôi lại trải qua nó như một sự kiện đặc biệt. Ba mươi ba năm trước, hè1956 với tư cách một nhà cải cách trẻ tôi đã trình bày các kiến nghị toàn diện của tôi ở Viện Khoa học Kinh tế. Vài tuần sau do sự uỷ thác của các cộng sự thân cận nhất của Nagy Imre tôi đã chuẩn bị cương lĩnh kinh tế chẳng bao giờ được hoàn thành, chẳng bao giờ được trình bày của chính phủ cách mạng trước quốc hội. Kể từđó tôi đã không đưa ra kiến nghị cương lĩnh toàn diện. Trong sự nghiệp cá nhân của tôi cuộc thuyết trình này mở ra một giai đoạn mới, còn tôi thì trải qua giây phút ấy với sự chấn động nội tâm sâu sắc.

Tiếp theo bài trình bày của tôi kéo dài một giờ là tranh luận sôi nổi, đã có những phát biểu tán thành và tranh luận, các câu hỏi và câu trả lời.

Hai ngày sau tôi bị co rút đau kinh khủng, ở phần dưới lưng. Tôi bị căn bệnh, mà ở Hungary người ta thường gọi là "lumbágó – đau lưng". Thuật ngữ Đức trúng hơn: ở đó người ta gọi là "Hexenschuss", là phát bắn phù thuỷ. Lúc như vậy bệnh nhân cảm thấy, ngay cả một milimet cũng chẳng thể di chuyển. Tôi khó nhọc lết đến giường – và kể từ đấy tôi ở đó gần mười tuần, buộc phải nằm. Họ xác định, rằng một dây thần kinh bị kẹp vào giữa các đốt sống của tôi, và cái này gây ra sựđau đớn kinh khủng, muộn hơn cũng chỉ dịu dần. Tôi đã nhận được nhiều loại điều trị: tiêm, các thuốc mạnh, muộn hơn thể dục chữa bệnh và bơi đã giúp làm nhẹ bớt sự co rút.

Nhảy trước thời gian tôi nhắc đến: năm 1990 tôi tìm giáo sư John Sarro ở New York, ông - đứng hơi ngoài trào lưu chính của các nhà thấp khớp học (trong ngành đó cũng có trào lưu chính!) – đã phát triển một lí thuyết về, căng thẳng tâm lí, trạng thái stress có thể dẫn thế nào đến các cơn co rút và những bất thường khác của các cơ quan vận động. Tôi đã nhận được lời khuyên hữu ích từ ông để tránh những vấn đề tương tự. Với tư cách lang băm tự chữa bệnh, tôi có thể khẳng định: với tôi chắc chắn điều này lại xảy ra vào mùa hè 1989. Tôi đã mắc bệnh theo đúng nghĩa đen của từ bởi sự trải qua cảm giác trách nhiệm

https://thuviensach.vn

to lớn, rằng bây giờ tôi có khả năng – trên cơ sở sự sai khiến bên trong tôi cảm thấy: mình *phải* đóng góp cho chương trình vực đất nước dậy. Nếu lí do khác không phản đối, thì hầu như chỉ mình kinh nghiệm này cũng là lí do xác đáng chống lại việc đảm nhiệm vai trò chính trị gia. Cái gì sẽ xảy ra, nếu mỗi lần thủ vai quan trọng làm cho một chính trị gia bị ốm?

Ngay khi sự đau trở nên có thể chịu được hơn một chút, tôi đã muốn bắt tay vào công việc. Đầu tiên tôi định viết một bài báo về cuộc thuyết trình, nhưng ngay khi tôi bắt tay vào diễn đạt, nhanh chóng tỏ ra là: từ nó không phải sẽ là bài báo, mà là một cuốn sách. Tất cả các tiểu luận và sách của mình tôi đều tự tay viết, trước kia thì dùng máy chữ, muộn hơn dùng máy tính. Bây giờ tôi không có sự lựa chọn, đối với tôi theo cách rất lạ, tôi phải đọc chính tả văn bản. Các cộng sự của tôi thực hiện cái nhiệm vụ khó nhọc, rằng từ các từ ngữ đọc chính tả ở trên giường trở thành văn bản viết sẵn sàng đưa vào nhà in. Công việc kéo dài hàng tuần.

Là cảm giác làm ấm lòng khi tôi nghĩ lại những cử chỉ đầy yêu thương và sẵn sàng giúp đỡ, mà khi đó bao quanh tôi. Bạn bác sĩ quý mến của tôi, dr. Bálint Géza nhiều lần đã đến giường bệnh của tôi, và đích thân chăm sóc cho tôi. Khi tôi bắt đầu bình phục, bạn chúng tôi nhà thể dục chữa bệnh, Draskóczy Eszter bắt đầu công việc. Nếu vợ tôi có việc phải đi, và tôi – lúc đầu của trận ốm- vẫn không thểở một mình mà không có người theo dõi, chị dâu tôi, Dicker Mariann hay người bạn nào đấy của chúng tôi đã luôn sẵn sàng giúp đỡ. Những người thăm lần lượt đến, và khi bản thảo tiến triển, tôi đã đưa cho nhiều người xin ý kiến. Các nhà kinh tế học của nhóm chính trị này nhóm chính trị kia cũng đến hỏi ý kiến. Các nhà báo xuất hiện. Tôi nhớ, khi Bossányi Kati chẳng thể nào quên, người tôi thấy lần đầu, với sự tự nhiên thoải mái cứ thế ghé ngồi lên cạnh giường tôi, hướng microfon về phía tôi, và làm một phỏng vấn dài với tôi.

Cuối tuần thứ sáu trên giường, ngày 11 tháng Mười thì xong *Con đường*. Đã chẳng bao giờ tôi có một biên tập viên cương nghị và có lương tâm như vậy, như Erényi Ágnes, người đã chăm sóc cuốn sách, và đạt được – là sự kì diệu thực sự giữa hoàn cảnh bấy giờ! -, để đến giữa tháng 11 đã có thể mua được ở các hiệu sách.

Những phản ứng đầu tiên

https://thuviensach.vn

Hầu như mấy ngày sau khi xuất bản đã xuất hiện các bài viết về cuốn sách trong báo chí, trong các nhật báo và tuần báo, trong các tạp chí Hungary. Tamás Gáspár Miklós đã viết bài ca ngợi nhỏ với đầu đề: *quả bom-Kornai*. Đúng, tuy đã có tranh luận theo nhiều hướng bằng lời và bằng văn viết về xử lí khủng hoảng kinh tế và về sự thay đổi tương lai, *Con đường* đã nổ tung vào cuộc tranh luận như một quả bom thực sự.

Một bác sĩ điều trị của tôi, trong những phút giây giữa sờ lần trên lưng tôi và tiêm ông đã nhận xét: "Bây giờ ngay cả từ vòi cũng thấy Kornai chảy ra". Trong vài tuần đã có ít nhất 50 bài viết xuất hiện gắn với cuốn sách của tôi. Nghe thấy đủ loại âm thanh. Nhiều người tán thành một cách rất nhiệt tình. Những người khác đưa ra quan điểm "một mặt, mặt khác". Thế nhưng cũng có ý kiến chống đối gay gắt các kiến nghị của tôi. Các ý kiến phản bác đa phần được lập luận, trình bày ở dạng có văn hoá, nhưng cũng có bài viết thô bạo, có giọng chỉ trích cá nhân nữa. Ởđây tôi lại đối mặt với cái "kĩ thuật tranh luận" cũng không phải chỉ trong một bài viết, mà ở một chương trước đã được nói đến: "Hãy lôi nội dung của đối tác tranh luận ra, hãy vặn một nhát ở những điểm quan trọng, hãy bứt nó khỏi các mối quan hệ - và sau đó hãy tranh luận với cái khẳng định *này*!"

Cuốn sách trở thành "bestseller" trong những tháng ấy, họ cũng in lại nhiều lần. Với đỉnh cao thực sự tranh luận đã kéo dài khoảng ba tháng. Sau đó lặng dần đi. Báo chí và công luận đưa ra các đề tài tranh luận khác.

Lẽ ra tôi đã phải quay lại Mĩ vào đầu năm học, vào tháng Chín, nhưng vì tôi ốm nên không thể. Chúng tôi chỉ sang Cambridge vào cuối năm theo lịch, và chúng tôi đã theo dõi từ xa sự lắng xuống của tranh luận. Giữa chừng văn bản tiếng Anh của cuốn sách đã hoàn thành.

Cuốn sách tiếng Anh có đầu đề khác: Con đường đến một Nền kinh tế Tự do. Chuyển dịch từ một Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa: Thí dụ của Hungary (The Road to a Free Economy. Shifting from a Socialist System: The Example of Hungary). Đầu đề chính gợi nhớ đến đầu đề của cuốn sách kinh điển của Hayek – Con đường đến Chế độ Nông nô (The Road to Serfdom) – trong trí nhớ của bạn đọc. Đầu đề của lần xuất bản ở Mĩ và lời nói đầu của nó đã lưu ý bạn đọc, rằng các kiến

https://thuviensach.vn

nghị cụ thể của cuốn sách tuy dành cho nước Hungary, nhưng tác giả cố gắng, để có thể rút ra những bài học chung liên quan đến sự chuyển đổi kinh tế của các nước khác từ những thông điệp của cuốn sách. Sau lần xuất bản tiếng Anh lần lượt tiếp theo các thứ tiếng khác. Theo thứ tự thời gian xuất bản: tiếng Nga (xuất bản ba lần, ở ba nhà xuất bản khác nhau), Czech, Slovak, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Ba Lan, Ukrain, Estoni, Serbi, Tamil, Singalez (hai thứ tiếng sau được dùng ở Sri Lanca), Trung Hoa (đầu tiên ở Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, rồi một nhà xuất bản khác ở Đài Loan) và cuối cùng tiếng Việt Nam.(*)

Cuốn sách đã gây ra tiếng vang lớn và nhanh ở mọi nơi nó xuất hiện. Các tờ báo lớn của thế giới cũng viết về nó, từ *New York Times* đến *Le Mond,* từ *Neue Züricher Zeitung* đến *Financial Times*.[210] Sự đón nhận ở nước ngoài cũng bị chia rẽ, hệt như ở Hungary; từ ca ngợi nhiệt thành, qua lập trường nửa khen ngợi, nửa dè dặt, đến phẫn nộ bác bỏ, có thể thấy mọi loại trong số đó. Chủ yếu nó không làm vừa lòng những người muốn thấy trong khu vực xã hội chủ nghĩa trước kia một hệ thống không cộng sản chủ nghĩa nhưng cũng không tư bản chủ nghĩa thay cho chủ nghĩa tư bản.

Cho mục đích của lần xuất bản tiếng Anh tôi đã sửa đổi văn bản gốc tiếng Hungary. Tôi chêm vào vài sửa đổi và bổ sung, chú ý đến những ý kiến nhận được cho cuốn tiếng Hungary. Những thay đổi cũng được tôi công bố trong *Közgazdasági Szemle*.[211] Tất cả các lần xuất bản tiếp theo bằng tiếng nước ngoài đã đều dựa vào lần xuất bản tiếng Anh.

Khi đó tôi đã trình bày nhiều bài giảng liên quan mật thiết với *Con đường*, trình bày nội dung của nó chi tiết hơn ở điểm này điểm nọ, tình cờ có thể bổ sung, và các bài viết này tôi cũng công bố trong các tạp chí.

Năm 1990 người ta mời tôi tham gia thuyết trình hàng năm được tổ chức ở Hà Lan để tôn vinh Jan Tinbergen. Tôi được may mắn, rằng một lần nữa tôi có thể nhìn thấy giáo sư Tinbergen thân thể đã mệt mỏi, nhưng vẫn luôn trong trạng thái tinh thần minh mẫn, một trong những người đỡ đầu sự nghiệp của tôi lúc ban đầu. Tôi lợi dụng khung khổ bài giảng, để trình bày những quan điểm của tôi về các nguyên tắc tư nhân hoá.[212]

https://thuviensach.vn

Hội Kinh tế học Mĩ dành cho tôi vinh dự lớn, đã mời tôi trình bày một bài thuyết trình chính của hội nghị năm 1992, bài giảng Ely Lecture. Ởđây tôi nói về vai trò của nhà nước trong thời gian chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa.[213] Trong bài trình bày này đã vang lên câu nói, mà vì nó từ đấy tôi bị tấn công nhiều, thế nhưng tôi vẫn cho là xác đáng: hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tạo ra nhà nước phúc lợi bị đẻ non.

Ở Stockholm người ta tổ chức hội nghị hàng năm để tôn vinh nhà kinh tế học lớn của ThuyĐiển, Gunnar Myrdal. Người ta mời tôi đến Myrdal Lecture 1992. Tôi đã nói về thắt chặt kỉ luật tài chính và về cứng hoá ràng buộc ngân sách.[214]

Khi ở dưới đây tôi bàn về nội dung của *Con đường*, thì tôi kể cả nội dung của các bài giảng này. Vì thế tôi mà tôi đưa năm 1992 trong đầu đề của chương như năm kết thúc.

Tiếp theo tôi tóm tắt ngắn gọn các kiến nghị quan trọng nhất của cuốn sách và của các bài giảng gắn với nó, chua thêm vài phản ứng ngay sau khi cuốn sách xuất hiện.

(*)Như thế tổng cộng sách được xuất bản bằng 17 thứ tiếng. Theo hiểu biết của tôi trong số các công trình khoa học xã hội do tác giả Hungary viết người ta đã dịch công trình này ra nhiều tiếng nước ngoài nhất.

Giả vờ thế là đủ rồi!

Cuốn *Con đường* phê phán gay gắt những ý tưởng vô lí [như vòng sắt làm bằng gỗ] nảy sinh liên quan đến các quan hệ sở hữu ở giai đoạn cuối của chủ nghĩa xã hội cải cách. Hãy có thị trường vốn mà không có vốn tư nhân; một doanh nghiệp nhà nước trở thành cổ đông của một doanh nghiệp nhà nước khác bằng sở hữu chéo, và ngược lại; hãy có các "holding" do các quan chức quan liêu của nhà nước lãnh đạo, các "công ti mẹ" này ứng xử cứ như là các chủ sở hữu; hãy có sự tự quản xí nghiệp như của những người Nam Tư, và v.v. Cuốn sách đã nổi nóng không tự chủ được: "…giả bộ thế là đủ rồi. Chúng ta đã thử đủ loại giả bộ rồi. Nào là doanh nghiệp nhà nước giả bộ hoạt động như doanh nghiệp tối đa hoá lợi nhuận. Chính sách công nghiệp «cải tổ cơ cấu» quan liêu giả bộ cạnh tranh. Uỷ ban vật giá nhà nước giả bộ việc định giá thị trường. Bây giờ lại có thêm công ti cổ phần giả tạo, thị trường vốn giả tạo và sở giao dich chứng khoán giả tạo. Theo quan điểm của tôi, đây chỉ là loại Wall Street hàng mã mà thôi! … Đây

https://thuviensach.vn

không phải là ngân hàng thật sự, công ti cổ phần thật sự, sở giao dịch chứng khoán thật sự. Đây chỉ là trò chơi Capitaly đặc biệt mà thôi. Đặc biệt, bởi vì không phải trẻ con chơi bằng tiền giả, mà là các quan chức đã trưởng thành chơi bằng tiền của nhà nước".[215]

Đây đã là lời phê phán, mà các nhà kinh tế học Hungary đã xì xào, những người, hợp tác chặt chẽ với những người có học thức, có xu hướng thay đổi nhất của giới ưu tú kinh tế và đảng, đã lê bước tiến sâu đo trong cải cách lại nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Những người tham gia tích cực, những người tổ chức – và đồng thời là các nhà tư tưởng chính - của quá trình này. Trong một chương trước tôi đã nói chi tiết về, tôi đánh giá hoạt động của họ thế nào, và nhóm này quan hệ với sự nghiệp công trình của tôi ra sao. Bây giờ sau 15 năm đọc lại tiếng vang khi đó của *Con đường* tôi có thể khẳng định: "các nhà kinh tế học cải cách" hàng đầu đã bác bỏ một cách dứt khoát nhất các kiến nghị của tôi - một vài trong số họ với giọng điệu chỉ trích cá nhân thô bạo không xứng với tranh luận trí thức.

Szegvári Iván đã viết như sau: "cuốn sách của Kornai đến nay đã gây ra sự sửng sốt, ác cảm mạnh và những rối loạn tiêu hoá trí thức trong giới các nhà kinh tế học trong nước. Sự rối loạn trước hết là do Kornai đã đặt dấu hỏi nghi ngờ nhiều tiên đề của kinh tế học cải cách Hungary. Điều này nhìn ngược lại và liên quan đến tương lai thì cực kì không thuận lợi. Bởi vì, nhìn ngược lại, nó buộc ta phải đối mặt với thái độ cải cách quá thoải mái về mặt trí tuệ, rằng chân lí, tức là nội dung của cải cách thật sự là biết trước, và cái này bị phá hoại »chỉ« bởi chính trị, quản lí nhà nước, cũng như các lực lượng bên trong và bên ngoài của cải cách…"[216] Semjén András đã nhìn thấy hiện tượng tâm líxã hội trong phản ứng dận dữ: sự quy giản của sự bất hoà nhận thức của xã hội-nhà kinh tế học. Cuốn sách của Kornai – Semjén viết – "tuyên bố, rằng vua trần truồng, rằng chúng ta vô ích đi hoá trang cho sở hữu nhà nước, đi khoác lên nó bất cứ loại quần áo lạ kì nào, nó cũng sẽ chẳng ứng xử như sở hữu tư nhân. Như thế việc chúng ta quên pg(*)đi đã là không đủ, nhưng ngày nay nhiều «thành quả» của tư duy kinh tế-cải cách của chúng ta được hình thành phản lại với cái này cũng hoá ra là chẳng khác gì bì thừa, mà chúng ta phải giải thoát khỏi càng nhanh càng tốt!"[217]

https://thuviensach.vn

(*) Giảng giải cho các thế hệ trẻ hơn: pg = pégé là tên gọi tắt môn "chính trị kinh tế học xã hội chủ nghĩa" trước đây người ta đã dạy chính thức.

Nếu tôi muốn xếp thứ tự các thông điệp được công bố trong cuốn sách, thì cái tôi đánh giá là quan trọng nhất là: đã đến lúc từ bỏ sự vá víu chủ nghĩa xã hội. Không có con đường thứ ba. Văn bản tiếng Hungary đã đưa ra lập trường này với sự dứt khoát hoàn toàn. Trong bản tiếng Anh tôi đã muốn cho thông điệp sự nhấn mạnh thêm nữa với sự diễn đạt đầu đề. Tôi chủ ý dùng quán từ xác định (The) chứ không phải quán từ không xác định (A) ở trong đầu đề cuốn sách: *The* (chứ không phải *A*) *Road*...Ngay với từ đầu tiên tôi đã muốn làm rõ: theo tôi không có con đường thứ ba. Khi các nước này đoạn tuyệt với hệ thống xã hội chủ nghĩa, họ phải bước lên con đường, dẫn tới hệ thống tư bản chủ nghĩa.(*)

Một thời gian chủ đề hầu như đã không còn trên chương trình nghị sự. Thực ra ảo tưởng về "con đường thứ ba" là không thể tiêu diệt được, và chính bây giờ ngày của nó lại rạng lên. Chủ nghĩa tư bản không thể tránh khỏi đầy rẫy bất công, đầy rẫy sự vi phạm phẩm giá con người. Chính khi có những tai hoạ kinh tế, con người càng bực tức với các quan hệ hiện tồn. Đa số người dân không muốn trở lại hệ thống cũ, thế nhưng với thiện cảm nhiều người hướng về các ý tưởng cũng bác bỏ hệ thống mới. Trong đống lộn xộn các ý tưởng xuất hiện tất cả các biến thể quen biết từ lâu: tư tưởng lãng mạn "nhân dân" chống chủ nghĩa tư bản, sự chống đối nhà bank sặc mùi nazi, xúi bẩy chống lại bọn tài phiệt và tư bản diều hâu, hay ảo tưởng cánh tả mới quỷ sứ hoá các doanh nghiệp đa quốc gia và toàn cầu hoá. Có loại lập trường, cần phê phán không phải vì nội dung kinh tế của nó, mà vì sự phân tích mơ hồ và rối loạn khái niệm của nó. Đây là tình hình với những kiến nghị dân chủ xã hội ôn hoà, mà thực ra không đi xa hơn việc cải cách êm dịu quan hệ giữa nhà nước và nền kinh tế-nhưng nghe có vẻ hay hơn, nếu người ta cũng gọi nó là "con đường thứ ba".

Với con mắt hôm nay tôi vẫn coi là một giá trị quan trọng của *Con đường*, rằng trong một giây phút lịch sử, khi tư duy kinh tế Đông Âu đầy rẫy những khái niệm và ý tưởng bị vấy bẩn, mơ hồ, nó đã cố nói lên sự thật bằng các từ đơn giản, rõ ràng và đơn nghĩa. Hãy gọi đứa trẻ bằng chính tên của nó! Ngày nay cũng là đòi hỏi có tính thời sự.

https://thuviensach.vn

Vì sự phát triển lành mạnh của khu vực tư nhân

Cuốn sách coi sự thay đổi các quan hệ sở hữu là nhiệm vụ quan trọng nhất của chuyển đổi hệ thống kinh tế. Tôi theo dòng tư duy được trình bày trong *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa*, mà nó chỉ ra rằng, các quan hệ sở hữu nghĩa là tầng sâu hơn, quyết định hơn của hệ thống nào đó, so với các hình thức điều phối (thí dụ tỉ trọng tương đối của cơ chế thị trường hay điều tiết quan liêu). Phải thiết lập không phải nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, cũng chẳng hề phải là nền kinh tế thị trường "không có bổ ngữ" (lúc đó điều này đang là mốt thịnh hành), mà đúng là "có bổ ngữ": nền kinh tế thị trường *tư bản chủ nghĩa*, trong đó sở hữu tư nhân có vai trò thống trị.

(*) Năm 1991 tôi được phần đặc biệt vinh dự: người ta mời tôi trình bày bài giảng Tanner Lecture tại Stanford. Những thuyết trình viên trước đây của Tanner Lecture có Raymond Aron, Kenneth Arrow, Saul Bellow, Josif Brodskij, Michael Foucault, Jürgen Haberman, Václav Havel, Robert Nozick, Karl Popper, John Rawls, Robert Rorty và Helmut Schmidt. *Suy nghĩ lại chủ nghĩa xã hội thị trường (Market Socialism Revisited)* là đầu đề của bài thuyết trình của tôi. Ởđây tôi đã có thể trình bày chi tiết hơn cái, mà các bài viết trước của tôi và cuốn *Con đường* chỉ có thể bàn tới ngắn gọn: những nhân tố xã hội và chính trị nào ngăn cản việc, ảo tưởng lí thuyết của Oscar Lange có thể trở thành hiện thực.

Tại chỗ này tôi muốn dời quan điểm được trình bày trong cuốn sách của tôi sang chỗ khác trên mặt bằng tranh luận quốc tế. Các nhà kinh tế học đã kiến nghị hai lựa chọn khả dĩ. Một chiến lược, mà đầu tiên được *Con đường* kiến nghị, ủng hộ *sự phát triển hữu cơ của khu vực tư nhân*. Quan trọng nhất là dỡ bỏ các rào cản chất cao ngất ngưởng trước việc kinh doanh tư nhân, là sự tự do hoá tham gia sản xuất. Phải động viên, ngoài ra thậm chí nhà nước phải giúp đỡ sự hình thành các doanh nghiệp tư nhân mới. Không được phép bán rẻ quyền tài sản của doanh nghiệp nhà nước, mà phải bán với giá tử tế. Cần phải tránh chia chác [cho] không tài sản nhà nước. Nếu doanh nghiệp nhà nước không có khả năng sống, thì phải thanh lí. Phải bổ sung cho tất cả những thứ này bằng cứng hoá ràng buộc ngân sách.

Sự thay đổi các quan hệ sở hữu theo như trên không thể xảy ra với nhịp độ ồ ạt, mà chỉ từ từ. Vì thế trong các tranh luận ở phương Tây

https://thuviensach.vn

người ta gọi chiến lược này là chiến lược *từ từ*.

Kiến nghị kình địch nhấn mạnh đến việc xoá bỏ sở hữu nhà nước càng nhanh càng tốt. Đây là chiến lược *tư nhân hoá tăng tốc*. Bởi vì việc bán các doanh nghiệp nhà nước cũ không thể tiến hành được trong thời gian ngắn, không cần phải tìm người mua. Phải chia tài sản nhà nước, ở dạng các phiếu chứng nhận (cupon hay voucher) cho dân chúng; mọi công dân đều có phần thừa kế của mình theo tỉ lệ tài sản nhà nước phân cho mình. Phiếu chứng chỉ - với sự môi giới của các quỹđầu tư – có thể được đổi thành cổ phần của các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước trước kia. Những người tuyên truyền chiến lược này, tất nhiên không phản đối sự hình thành các doanh nghiệp tư nhân mới, thế nhưng họ không tập trung sự chú ý của đời sống chính trị, của ngành kinh tế học và của bộ máy nhà nước vào việc này, mà tập trung vào tư nhân hoá theo cupon. *Con đường* đã chống lại kịch liệt kế hoạch chia chác cho không này. "Theo đánh giá của tôi, đây là mộtý tưởng quái gở. Nó làm cho người ta liên tưởng đến cảnh, hình như cha của tất cả chúng ta là nhà nước đột ngột chết đi, và chúng ta, những đứa con mồ côi, chia đều nhau của thừa tự… Điểm mấu chốt không phải là chia chác, mà là chuyển quyền sở hữu sang cho người chủ thực sự giỏi hơn".[218]

Về nhịp độ tư nhân hoá tôi đã có thể biết được ý kiến của hai nhà kinh tế học lớn và đối với dư luận rộng hơn có lẽ là các bác học nổi tiếng nhất người Mĩ, Milton Friedman và Paul Samuelson.(*) Milton Friedman đã nêu ý kiến của mình trong thư. Ông nói về sự nghiệp công trình của tôi với giọng rất khen ngợi, và đồng ý với nhiều kiến nghị của cuốn sách. Nhưng ông không tán thành quan điểm từ từ của tôi liên quan đến tư nhân hoá.(**)"Về khía cạnh này, tôi cho rằng, ngài Kornai đã không thật triệt để. Cần đến liệu pháp sốc. Xét các chi tiết, trong khi tôi đồng ý với ông ở chỗ, không đáng mong mỏi đi bán tài sản nhà nước với giá bán tống bán tháo cho những người nước ngoài, tôi không đồng ý với ông liên quan đến nhịp độ chậm của tư nhân hoá các doanh nghiệp hiện nay do nhà nước chỉ đạo".

Trong trả lời của mình tôi đã lập luận giữ lập trường của tôi, không chỉ về nhịp độ tư nhân hoá, mà cả liên quan đến các vấn đề khác nữa, rồi tôi bổ sung thêm như sau: "… sự bất đồng quan điểm của chúng ta có nguyên nhân chung, và đấy là khoảng cách đến cái vùng, mà chúng

https://thuviensach.vn

ta tranh luận. Tôi nhìn vào vùng này từ bên trong, từ Budapest, Varsawa và Praha, và tôi cảm thấy, rằng cần phải tính đến điểm xuất phát một cách thực tiễn. Trong lúc đó tôi công nhận, ai đấy, nhìn vào các nước này từ xa hơn nhiều, người ấy có thể thấy các vấn đề quan trọng, mà những người gắn quá sâu vào tình hình địa phương không để ý tới. Vì thế tôi cảm ơn những nhận xét phê phán của ngài và chắc chắn tôi sẽ cân nhắc kĩ lại chúng?.[219]

(*)Ngoài họ còn có Kenneth Arrow, Martin Feldstein, Robert Musgrave và Jeffrey Sachs đã góp ý cho bản dịch thô của *Con đường*. Vì giới hạn độ dài nên tôi không có khả năng đề cập đến những ý kiến của họ.

(**) Friedman còn tách mình khỏi tôi trong một vấn đề nữa: ông kịch liệt phản đối kiến nghị, rằng trong thời kì bước ngoặt nhà nước hãy cố định tỉ giá hối đoái. Ông coi việc này là không thể dung hoà được với đòi hỏi của quyền tự do thị trường. Tôi không thể lấy lập trường của ông làm của mình được. Cùng với những người khác tôi đã tin, rằng trong các năm vũ bão đầu tiên cần đến tỉ giá hối đoái cố định. Cái "neo" này sẽ giúp sự hình thành các tỉ lệ mới và sựổn định.

Samuelson đầu tiên thông báo nhận xét của ông bằng lời, trong cuộc trò chuyện giữa bữa ăn trưa tại Faculty Club của MIT, vài tuần sau thì ông viết bài báo cho một nhật báo Mĩ.(*)Phần đầu của bài báo đề cập đến cải cách ở Trung Quốc, rồi chuyển sang cuốn sách mới của tôi. "Tôi vừa thấy bản dịch tiếng Anh của cuốn sách [tức là *Con đường*] và tôi nồng nhiệt giới thiệu". Ông trình bày vài kiến nghị của cuốn sách, trong sốđó giới thiệu các đề xuất nhằm phát triển khu vực tư nhân: "Kornai khuyên một cách nhấn mạnh, rằng dân cư hãy bày tỏ »sự kính trọng xã hội« đối với khu vực tư nhân. Sự ghen tị, và sự đồng nhất hoá những người kinh doanh chạy theo lợi nhuận với bọn lừa đảo và những con cá mập ăn thịt dữ tợn là phản tác dụng, là chống lại sản xuất. *Hungary cần một giai cấp trung lưu mới*. [Đây là nhấn mạnh của Samuelson]. Napoleon đã khinh bỉ nói về nước Anh như dân tộc của những tiểu thương. Kornai không phải là Napoleon".[220]

Quay lại hai loại chiến lược tạo ra khu vực tư nhân: ẩn đằng sau các lựa chọn khả dĩ cũng là lựa chọn giá trị. Những người ủng hộ sự phát triển hữu cơ cảm thấy sự tái phân tầng xã hội, sự tư sản hoá, sự hình thành tầng lớp trung lưu mới, tầng lớp doanh nhân mới là đặc biệt

https://thuviensach.vn

quan trọng. Ngược lại những người chủ trương chia chác cho không thì sùng bái *tốc độ*. "Tốc độ là cái chúng tôi cho là bản chất tuyệt đối – Klaus và Tříška viết trong bài báo của họ về *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* -, vì thế chúng tôi chẳng thể coi chiến lược duy nhất nào là có thể thực hiện được, mà lại không có khả năng đạt kết quả nhanh".[221]

Trong các cuộc tranh luận chuyên môn phương Tây lúc đó, diễn ra tại các tổ chức tài chính quốc tếở Washington, trong các giới chính trị và trong các bộ môn kinh tế học của các đại học hàng đầu, lập trường của "những người tăng tốc" đã giành phần thắng. Vài người đã nghĩ giống như tôi, và tán thành chiến lược từ từ, nhưng bên trong chuyên nghành phương Tây đây đã là lập trường thiểu số. Các cố vấn phương Tây, những người đã có ảnh hưởng đến chính phủ của các nước liên quan về công việc chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa, đa phần đã gợiý tư nhân hoá nhanh chóng.

Diễn tiến thực của các sự kiện đã khác nhau tuỳ từng nước. Đã có nước, nơi tỉ lệ phần tài sản nhà nước bị chia chác cho không là cao, có nước nơi tỉ lệ là thấp hay hầu như chẳng có gì. Thí dụ sắc nét nhất của tư nhân hoá với nhịp độ cưỡng ép đã là nước Nga. Chiến lược này đã góp phần đáng kể vào quá trình bất hạnh, có tầm quan trọng lịch sử, hầu như không thể đảo ngược, quá trình đã dẫn đến sự tập trung đột ngột của phân bổ của cải, đến sự thống trị của "bọn đầu sỏ-oligarch".

Ở Hungary cũng đã có những người ủng hộ lớn tiếng và có ảnh hưởng của sơ đồ chia chác. Ngay cả trước quốc hội người ta cũng đã đệ trình kiến nghị về vấn đề này. Tựu chung tuy vậy chiến lược tư nhân hoá nhanh đã không được thực hiện ở nước chúng ta; diễn tiến thực sự của các sự kiện gần hơn nhiều với cái, *Con đường* đã kiến ghị. Chẳng ai có thể nói, rằng cuốn sách có vai trò của nó hay không trong chuyện này.

Ngày nay, sau một thập kỉ rưỡi, đại đa số chuyên gia cho rằng: những người ủng hộ lập trường từ từđã đúng.(**)

(*)Ngay đầu đề của bài báo cũng cực kì thuận lợi: "*For Plan to Reform Socialism, listen to János Kornai*". Đại loại có thể dịch thế này: "Nếu các bạn chuẩn bị cải cách chủ nghĩa xã hội, hãy nghe Kornai János."

(**)Jeffrey Sachs ban đầu đã đồng ý với tôi, nhưng muộn hơn ông đã đứng vào hàng ngũ những người ủng hộ "tăng tốc". Tôi nhớ đến

https://thuviensach.vn

những cuộc nói chuyện, mà chúng tôi đã cố thuyết phục nhau, nhưng không thành công. Muộn hơn nhiều, nhìn thấy những diễn biến ở Hungary, ông thừa nhận, trong các cuộc tranh luận này tôi đã đúng.

Nói về những giãi bày về sở hữu của *Con đường*, tôi đáng nhắc đến một lỗi. Các kiến nghị của tôi đã không né tránh sự chảy vào của vốn nước ngoài, đã chỉ ra sự hữu ích của đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy vậy việc này đã không nhận được sự nhấn mạnh cần thiết; tôi đã không thấy trước, rằng đây sẽ là động cơ quan trọng nhất của nền kinh tế Hungary, trong đó của khu vực tư nhân mới, sẽđóng vai trò then chốt trong xuất khẩu và phát triển kĩ thuật.

Trách nhiệm vì tiền chung

Nếu tỉ lệ phần của khu vực tư nhân chỉ tăng dần dần, chứ không tăng nhờ một cú nhảy vọt duy nhất, thì khu vực nhà nước cũng không thể chấm dứt ngay tức khắc. Sở hữu nhà nước và tư nhân còn sống cạnh nhau một thời gian dài. *Con đường* bày tỏ, tôi không tin vào sở hữu nhà nước đến thế nào. Tôi phản đối việc coi lãnh đạo một doanh nghiệp nhà nước là nhà doanh nghiệp, và cùng được hưởng quyền tự chủ và quyền tự do kinh tế hệt như nhà quản lí, mà các chủ sở hữu tư nhân thực sự có thể quy trách nhiệm về thành tích. Ai quản lí tiền nhà nước, người đó không phải là doanh nhân. Tôi cũng đặc biệt sợ các chương trình muốn chuyển quyền sở hữu cho những người lao động của các xí nghiệp, trên thực tiễn là đánh tráo sang tay nó cho các nhà quản lí.

Phải nhìn vào móng vuốt của các lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước – tôi đưa ra đòi hỏi này. Kinh nghiệm sau này đã chứng minh cho tính xác đáng của lời kêu gọi. Đáng tiếc, rằng tôi đã thử diễn đạtý tưởng cơ bản đúng đắn này một cách vụng về sang ngôn ngữ của các quy chế thực tiễn. (Thí dụ tôi đã kiến nghị, rằng quốc hội hãy thông qua các chỉ tiêu cơ bản đối với khu vực nhà nước). Những người, trong quá trình cải cách xã hội chủ nghĩa đã chiến đấu suốt đến đó vì quyền lực lớn hơn của các lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước, đã kể tội tôi với lời chế nhạo châm chọc, rằng tôi muốn phục hồi hệ thống chỉ thị kế hoạch thời Stalin.(*)

Đáng tiếc, nội dung thực sự của những lời cảnh cáo của *Con đường* đã gặp phải những cái tai điếc. Nhiều sự lạm dụng và tham nhũng đã dính chặt vào hoạt động và tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước có

https://thuviensach.vn

số lượng thu hẹp dần, nhưng dù sao vẫn lớn đáng kể. Sự kiểm tra nhà nước và chính trịđã không đủ chặt, các thủ tục tư nhân hoá đã không minh bạch, báo chí, xã hội dân sự đã không có khả năng theo dõi. Tất nhiên, đây không là hiện tượng riêng của Hungary, mà nó đi kèm suốt việc tư nhân hoá trong tất cả các nước của khu vực.

(*)Đáng suy ngẫm, rằng phần liên quan đến các doanh nghiệp nhà nước của cuốn sách của tôi chỉở Hungary mới gây tâm trạng bực tức, bởi vì nó tước đoạt mất những đặc ân của các lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước, những đặc ân thật khó khăn mới giành được trong quá trình cải cách. Trong hồi âm ở nước ngoài của cuốn sách đã có nhiều loại phê phán, nhưng về vấn đề này thì không đả động đến.

Thực ra cuốn sách của tôi muốn hướng sự chú ý đến một vấn đề tổng quát hơn rất nhiều: cần phải kiểm tra một cách công khai bằng các thủ tục dân chủ việc sử dụng tiền chung (tiền công, tiền nhà nước). Giám sát các doanh nghiệp nhà nước chỉ là một trong những vấn đề thành phần – tuy cực kì quan trọng - của nó. Tôi đã minh hoạ thông điệp liên quan đến các khoản tiền công cộng bằng một vấn đề thời sự. "Người ta tranh luận, liệu nước Hungary có nên đảm nhiệm tổ chức Triển lãm Thế giới hay không. Việc này theo kế hoạch sẽ đưa ra trước quốc hội;… Tôi kiến nghị như sau:

Các cơ quan chính phủ, các thành viên uỷ ban, các uỷ viên các bộ, những người chịu trách nhiệm đệ trình kế hoạch, những người ấy hãy đưa tài sản cá nhân của họ làm tài sản thế chấp: nhà ở sở hữu tư của họ, nhà nghỉ mát của họ, xe hơi của họ, các đồ mĩ nghệ của họ. Giá trị này hãy là lớn, không phải so với các khoản đầu tư dự kiến, bởi vì hiển nhiên chỉ có thể là phần rất nhỏ của sốđó. Nhưng hãy bao gồm phần đáng kể thành quả của công việc đến nay của những người đệ trình. Luật về triển lãm thế giới định mức thưởng hậu hĩnh cho những người đưa ra kiến nghị, nếu triển lãm đạt kết quả dự kiến. Cũng luật này quy định sung công ngay tức khắc và triệt để tài sản thế chấp, nếu triển lãm thất bại về mặt kinh tế. Phải chuẩn bị sẵn các căn hộ tạm, để những người đề xuất có thể chuyển sang trong trường hợp thất bại. Tôi nghĩ, bằng cách đó sẽ rõ đối với những người chuẩn bị đệ trình, nếu một người dùng tiền túi của mình chịu rủi ro có nghĩa là gì".[222]

Bài nói mẫu châm biếm này của *Con đường* đã được trích dẫn nhiều lần ở quốc hội. Cuối cùng chính phủ đã không đảm nhận tổ chức

https://thuviensach.vn

triển lãm thế giới. Tuy nhiên tôi không khẳng định, rằng chúng ta đã đến gần hơn cái, mà thí dụđã lưu ý: đến sự gánh chịu trách nhiệm cá nhân nhất quán đối với những người quyết định việc sử dụng tiền công.

Phẫu thuật ổn định

Trong chương kinh tế học vĩ mô – suy nghĩ lại với cái đầu hôm nay – tôi đã trình bày những ý tưởng đúng và sai.

Tôi cảm thấy có lí, rằng cuốn sách của mình đã hết sức bảo vệ việc ngăn chặn lạm phát. Sự tăng nhanh lạm phát đã là mối hiểm nguy thực sự trong khu vực hậu xã hội chủ nghĩa, và ở nhiều nước đã có mức độ ngày càng nguy hiểm trong các năm tiếp theo. Lạm phát ở Hungary ngay trong giai đoạn trước bước ngoặt cũng đã nhanh lên từ năm này qua năm khác,[223] và trong năm viết *Con đường* đã lên đến 17%.(*) Tương tựđòi hỏi dứt khoát về khôi phục lại cân bằng ngân sách cũng đã có lí. Khi *Con đường* xuất hiện đã không có đồng thuận về các vấn đề này. Nhiều người đã thiên về quan điểm, theo đó tỉ lệ lạm phát cao và thâm hụt ngân sách lớn là sựđi cùng tự nhiên của chuyển đổi, và không thể song cũng không đáng đứng lên chống lại chúng. Thắt chặt kỉ luật tài khoá và tiền tệ tuyệt nhiên đã không phải là yêu cầu hiển nhiên.

Một giả thiết cốt yếu của đề xuất cương lĩnh kinh tế vĩ mô đã sai: sự tiên đoán, rằng sản xuất sẽ không thụt lùi. Đã có chuyên gia, thấy trước trong thời gian này, rằng do những thay đổi cơ cấu trong nước sâu sắc, do sự thu hẹp các thị trường nước ngoài phương Đông, do sự tự do hoá nhập khẩu từng phần, nên sự cạnh tranh do hàng hoá vào từ nước ngoài sẽ làm giảm cầu đối với các sản phẩm trong nước, làm cho cung cũng bắt đầu giảm, điều này đi cùng với giảm cầu thêm nữa – cái vòng xoáy cầu-cung làm giảm lẫn nhau dẫn đến suy thoái.

(*)Chính phủ đã không chấp nhận kiến nghị được nhấn mạnh của cuốn sách. Lạm phát tiếp tục tăng tốc, và năm 1991 chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 35%.

Con đường đã khuấy lên một cơn bão lớn bằng việc -ngược với sự cải biến *từ từ* của các quan hệ sở hữu – nó đã kiến nghị việc thực hiện *nhanh* ổn định vĩ mô và tự do hoá giá cảđi kèm. Tôi đã kiến nghị *phẫu thuật ổn định* để điều trị nền kinh tế Hungary ốm yếu. Tôi bắt đầu giới thiệu bằng nhận xét về thuật ngữ. Tên gọi *liệu pháp sốc* đã phổ biến

https://thuviensach.vn

trong những tranh luận quốc tế. Theo khả năng, tôi đã tránh thuật ngữ này, vì hai lí do. Những người kiến nghị chiến lược này là những người thúc giục hành động nhanh cả trong tư nhân hoá, lẫn trong phục hồi cân bằng vĩ mô. Ngược lại tôi thì có quan điểm "từ từ" liên quan đến các quan hệ sở hữu, còn trong ổn định hoá vĩ mô tôi lại cho các quy định nhanh và triệt để là đúng. Chính vì thế tôi cho là quan trọng, rằng ngay tên gọi cũng hàm chứa từ "ổn định hoá". Những liên tưởng ghê tởm gắn với liệu pháp sốc lí giải cho sự phản đối thứ hai. Khi đó ở Hungary tiểu thuyết của O'Kesey đã nổi tiếng, mà đầu đề tiếng Hungary của nó là *Chim cu bay về tổ*. Phim tuyệt diệu cũng đã được dựng từ tiểu thuyết. Người ta ép buộc điều trị liệu pháp sốc lên nhân vật chính ngang tàng, nổi loạn, do Jack Nicholson đóng trong phim, và bằng cách đó tàn phá anh về mặt tinh thần. Tính hữu ích của việc dùng liệu pháp sốc trong tâm lí trị liệu còn là vấn đề tranh cãi -thế nhưng ngần ấy là chắc chắn, rằng bản thân sự tương tự gây ra những liên tưởng kinh hoàng. Ngoài ra còn đánh lạc hướng. Khi ổn định hoá nền kinh tế bản thân cú "sốc" chắc không có tác dụng chữa bệnh. Đúng hơn có thể coi là triệu chứng phụ, mà có lẽđáng phải chịu đựng, vì các tác động cuối cùng thuận lợi dự kiến.

Quay lại những tranh luận năm 1989-1990, với kiến nghị giải phẫu ổn định ở Hungary tôi hơi bị cô lập; cả chuyên ngành kinh tế lẫn các lực lượng chính trị có ảnh hưởng đều đã không chấp nhận. Trong các nước khác - trước hết ở Ba Lan, Czech và Nga -người ta đã lựa chọn giải pháp triệt để này. Trong hai nước đầu tiên nó đã có kết quả rõ ràng, bác bỏ cái, mà một vài người phê phán *Con đường* đã khẳng định, cụ thể là, giải phẫu ổn định bị phán quyết thất bại ngay từ đầu. (*)Liên quan đến nước Nga ngày nay các chuyên gia cũng vẫn tranh luận ở trong nước và ở nước ngoài, liệu sựổn định hoá được tiến hành với tốc độ đầy kịch tính và kéo theo nhiều hi sinh đã có là cần thiết hay lẽ ra đã nên tránh, lợi hơn hay hại hơn đối với sự phát triển tương lai của đất nước.

Như bạn đọc có thể thấy, tôi nghiên cứu lại cuốn sách 1989 của mình với con mắt tự phê bình. Trong vấn đề này tôi cũng không né tránh xét lại quan điểm trước đây của mình– tuy nhiên tôi phải thú nhận – tôi không có khả năng đưa ra lập trường dứt khoát. Sau 1989 trong nhiều năm Hungary vẫn tiếp tục chính sách kinh tế được ưa chuộng của chủ nghĩa cộng sản *gulyás* [xúp thịt bò]. Các chính phủ

https://thuviensach.vn

thay lẫn nhau, nhưng mọi chính phủ đều cố trì hoãn việc khôi phục cân bằng vĩ mô, bởi vì nó kéo theo các biện pháp đau đớn và không được lòng dân. Khoảng 1995 những nét dân tuý của chính sách kinh tế cuối cùng cũng đã đưa đất nước đến bờ vực thẳm của khủng hoảng. (Chương tiếp sẽ nói về việc này). Khi đó đã có các chính trị gia và các nhà kinh tế học thú nhận: đã tốt hơn đi chấp nhận kiến nghị của *Con đường*, và thực hiện gói biện pháp cần thiết để khôi phục lại cân bằng vĩ mô. Năm 1990 hay 1991 cũng đau đớn, nhưng có lẽđã đổ những gánh nặng ít hơn lên đầu dân chúng, so với5 năm sau. Hơn nữa trong trạng thái phởn phơ đầu tiên có lẽđã dễ hơn để khiến dân chúng chấp nhận những hi sinh nhất thiết đi cùng với ổn định hoá, so với sau này, khi mà cảm giác vỡ mộng đã chế ngự trong nhiều người.

(*) Cụm từ "phẫu thuật ổn định" tạo cơ hội tốt cho sự châm biếm bôi nhọ của những người phê phán tôi: "phẫu thuật thành công, bệnh nhân qua đời". – Hay một tiếu lâm khác: "Thưa bác sĩ trưởng bây giờ chúng ta phẫu thuật hay mổ [tử thi]?" Đặt chuyện cười sang một bên, diễn tiến của nhiều nước chứng minh một cách rõ ràng: tăng tốc ổn định hoá đi cùng với những thuận lợi và bất lợi, và vì thế cán cân cuối cùng của nó có thể là thuận lợi hay bất lợi – nhưng tuyệt nhiên không dẫn đến những hậu quả tàn phá "chết người".

Lẽ ra đã thế nào, nếu… Các câu hỏi đối lại thực tiễn [đã xảy ra] là lí thú nhìn từ quan điểm phân tích lịch sử, thế nhưng rốt cuộc là không thể trả lời được. Sự thật là, đã thiếu *ý chí chính trị* cần thiết cho phẫu thuật ổn định, và tình hình kinh tế của đất nước đã chưa khủng hoảng đến mức, bản thân tai hoạđã buộc phải thay đổi ý chí chính trị.

Cán cân

Nhìn lại mùa màng sách của các năm làm thay đổi cuộc đời, nổi lên trong tôi câu hỏi: khi đó tôi đã định nhịp khéo các nhiệm vụ hay không, tôi phân chia sức lực mình có tốt hay không? Lẽ ra có phải tốt hơn đi hoàn thành nhanh *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* và công bố sớm hơn không? Lẽ ra có nên đợi thêm và trau chuốt thêm *Con đường*?(*) Câu hỏi đầu tiên tôi đã trả lời ở chương trước. Tôi đã cho câu trả lời không, bởi vì với *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* tôi đã không muốn nói về các vấn đề thời sự nóng bỏng. Nếu nghe không kiêu căng, tôi nói: cuốn sách nói về *ngày hôm qua* đó, tôi dành cho đời sau, cho hậu thế muốn nhận được một báo cáo càng tin cậy càng tốt từ một trong những

https://thuviensach.vn

nhân chứng của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Lời khai làm chứng hãy chính xác! Trong cuốn sách tổng kết tôi cho mỗi câu, mỗi bổ ngữ tầm quan trọng của nó, tôi chẳng muốn làm cẩu thả bất cứ gì.

Ngược lại *Con đường* lại góp ý cho *ngày mai*, cho tương lai gần, cho các công việc thời sự nóng bỏng của chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa. Tôi cảm thấy, nếu mình có lợi thế bước đi nào đấy so với những người khác, bởi vì nội dung muốn nói của tôi đã được sắp xếp rồi trong đầu, thì nghĩa vụ của tôi là công bố nó *càng sớm càng tốt*. "Tôi đã cố gắng soạn nhanh tiểu luận – tôi viết trong *Lời cuối tâm t*ư của cuốn sách. - Điều này tất nhiên không là sự biện bạch cho những sai sót tiềm ẩn trong cuốn sách. Trong mọi trường hợp, lần này tôi bỏ qua việc tìm cách diễn đạt đi diễn đạt lại nhiều lần, mà nhà nghiên cứu rảnh rỗi hơn có thể cho phép mình".[224] Tôi biết, rằng điều này là mạo hiểm. Do sự vội vàng dễ còn những sai sót trong văn bản. Ai xuất hiện với tác phẩm của mình muộn hơn, người đó đã có thể rút ra bài học từ tranh luận của tác phẩm đầu tiên. Nhiều tác giả đã đưa ra các kiến nghị của mình một-hai năm muộn hơn, và vì thế chúng có thểđiềm đạm hơn và cặn kẽ hơn. (Tuy tất nhiên không chắc đã trúng đích hơn).

Công việc tập thể có thể giúp tránh những sự không chính xác và thái quá. Sớm hơn, trong các cuộc đàm phán bàn tròn cũng đã nổi lên các vấn đề chính sách kinh tế, tuy tâm điểm của sự chú ý không phải các vấn đề này, mà là các vấn đề chính trị và hiến pháp.[225] Khi nằm trên giường, một mình, tôi viết cuốn sách của mình với nhịp độ phi mã, thì cương lĩnh chính sách kinh tế của nhiều đảng chính trị và tổ chức chính trị khác đã hoàn thành hay đang được chuẩn bị.[226] Tại Budapest hai uỷ ban có uytín cũng đã hoạt động, và với các phương pháp quen thuộc của uỷ ban họđã thảo ra các kiến nghị.[227] Các tài liệu được hoàn thành, các uỷ ban họp định kì, họ tranh luận, thoả thuận, đối chiếu – và cuối cùng các kiến nghị của họ xuất hiện. Về nhiều khía cạnh họ cũng đi đến các kết luận tương tự, như tôi, nhưng với diễn đạt ít gay gắt hơn nhiều. Chúng đã không "khiêu khích", và cũng không gây ra tranh luận lớn.

(*) Năm 1999 tôi thuyết trình theo lời mời của Ngân hàng Thế giới, bài nói có đầu đề: "*Nhìn lại »Con đường tới nền kinh tế tự do« sau mười năm- tựđánh giá của tác giả* (Kornai 200a). Tôi quay lại vài điểm của các kiến nghị của tôi lúc đó, và tôi đánh giá: số phận của

https://thuviensach.vn

chúng đã ra sao và tôi nhìn chúng thế nào với con mắt hôm nay. Đã có trong sốđó, những cái nhìn lại tôi cũng xác nhận, phê chuẩn, nhưng cũng đã có lập trường khi đó của tôi, mà sau 10 năm tôi phê phán. Tôi lại đã ngây thơ. Tôi đã hi vọng, dịp kỉ niệm10 năm của bước ngoặt sẽ thúc đẩy nhiều nhà ra quyết định có trách nhiệm khi đó và các cố vấn có ảnh hưởng lớn đến diễn biến của các sự kiện sẽ xem xét lại một cách phê phán các ý tưởng riêng của họ. Đáng tiếc, tôi tin, là mình hoàn toàn lẻ loi với sự đảm nhận tự xét lại như Don Quijote.

Tôi hoàn toàn hiểu rõ là, để chuẩn bị chu đáo cho các luật, các quy định của chính phủ, các chương trình hành động lớn thì cần đến tư duy tập thể, đến công việc nhóm, đến dàn xếp thoả thuận uỷ ban. Tôi đánh giá cao các đồng nghiệp, những người hi sinh phần đáng kể thời gian và năng lực của mình cho công tác uỷ ban. Tôi thành thật thú nhận, tôi luôn luôn né tránh loại nhiệm vụ này. Tôi thích đại diện cho *lập trường của bản thân mình* một cách rõ ràng, đơn nghĩa, và tôi tránh giai đoạn công việc, khi phải đưa ra những nhượng bộ nhằm đạt đồng thuận. Tôi biết, là cần đến việc này – nhưng tôi để việc ấy cho những người khác, những người uyển chuyển hơn, có khiếu nhạy cảm ngoại giao hơn, và nếu phải thoả hiệp, thì việc ấy cũng ít chọc tức họ hơn. Trong quá trình dân chủ của việc chuẩn bị quyết định cần đến loại giai đoạn chuẩn bị, khi người ta diễn đạt các lập trường lựa chọn khả dĩ dưới hình thức cốt yếu trước khi gọt dũa các góc cạnh. Sau đó trong giai đoạn tiếp theo thì đến lượt các lựa chọn ấy cọ xát với nhau và soạn ra đề xuất nghị quyết *có thể chấp nhận được*. Trong công việc này tôi cũng là người ủng hộ phân công lao động xã hội, và chỗ của tôi, nếu có thể, tôi xác định ở giai đoạn đầu. Để làm việc này thường không cần sự đồng ý của những người khác, chỉ cần đảm nhận sự đề xuất tự nguyện và rủi ro đi cùng với diễn đạt gay gắt.

Hồi âm trong khía cạnh này cũng chia rẽ. Một bài viết đánh giá là "thành tích trí tuệ vô song", rằng một mình tôi soạn ra cương lĩnh kinh tế của đất nước. Những người khác thì bực mình, rằng tôi cứ làm như thể mình là "người đấu tranh cô độc".

Bây giờ khi tôi đọc lại cuốn sách và tài liệu tranh luận, nhiều loại cảm giác hoà trộn trong tôi. Tôi xem qua tiếng vang ngoại quốc với sự chú ý chuyên môn, không có những xúc cảm đặc biệt. Ngược lại tranh luận ở Hungary gây xáo động cả về mặt tình cảm. Cho dù không với sự xao xuyến sâu sắc lúc đó, nhưng bầu không khí của phút giây lịch

https://thuviensach.vn

sử lại chạm đến tôi. Toàn bộ các dân tộc cũng chỉ rất hiếm khi trải qua bước ngoặt đổi đời, và trong đời của một cá nhân thì chắc chắn là hoàn toàn đặc biệt, có lẽ chỉ xảy ra một lần duy nhất trong đời.

Tôi cảm thấy sung sướng khi nghĩ, rằng bằng việc viết *Con đường* tôi đã có mặt nơi những sự kiện này. Dù kiến nghị nào đấy của tôi có đúng, hay sai, dù họđã chấp nhận, hay không – tôi có thể khẳng định dứt khoát, rằng nó đã có ảnh hưởng đáng kể lên tư duy chung. Tất cả các vấn đề, mà tôi viết, đã có ở đó trong không khí ở Hungary. Các nhóm chính trị khác nhau đã tranh luận về chúng, đã có thể đọc được chúng trong những đề cập ngắn của các tài liệu phác hoạ cương lĩnh của các đảng đang hình thành, đang được tổ chức – nhưng tất cả thứ này đều nằm ươn trong trạng thái lỏng, trong trạng thái tan rã xét về mặt kỉ luật tư duy. Tôi thấy tầm quan trọng của *Con đường* ở chỗ, nó đưa *cấu trúc* vào tranh luận vô định hình. Nó đưa ra những ưu tiên, hay như ngày nay người ta quen nói: nó xác định chương trình nghị sự. (*)Sau khi nó nổ tung vào thảo luận ở Hungary, đã trở nên không thể chối cãi được, rằng cần tranh luận về cái gì.Nó cũng ảnh hưởng ngay cả đến người giận dữ bác bỏ cái tôi viết; bản thân người đó cũng chẳng nhận ra: mình cũng nói về cái, mà cuốn sách của tôi liệng vào tư duy chung.

(*)Với cách dùng từ ngày nay của các nhà phân tích chính trị và các nhà báo tôi cũng có thể nói, rằng một thời gian *Con đường* đã "đề xuất chủ đề" cho các tranh luận quanh cương lĩnh kinh tế. "Đề xuất chủ đề" và "chương trình nghị sự" bây giờ chính là các từ thuộc mốt thời thượng. Mốt là như thế, chúng đến nhanh thế nào, thì cũng qua đi nhanh như vậy. Có thể, các bạn đọc sau này của cuốn sách cũng sẽ chẳng hiểu các cụm từ này.

Bên cạnh cảm giác thoải mái, những kỉ niệm buồn cũng sống lại trong tôi khi đọc lại cuốn sách và tài liệu tranh luận ở Hungary. Bây giờ giọng cộc cằn, gần như thù hằn của vài bài viết cũng làm tôi động lòng. Da tôi mỏng, và tôi khó chịu nổi sự xúc phạm, đặc biệt khi, nếu nó đến từ những người gần gũi với tôi trước đây. Điều này cũng chứng tỏ (lại thêm một lí do nữa), rằng tôi không hợp với vai chính trị gia. Một vài sơ sẩy thô bạo của giọng tranh luận này đã thấm tháp gì so với cái đã trở thành cơm bữa trong đời sống xã hội ngày nay? Làm sao mà tôi có thể có khả năng nuốt những lời chửi rủa bẩn về phía mình, và tiếp tục một bài nói chuyện công khai với giọng bình thản, khi mà các

https://thuviensach.vn

bài báo bẻ cong lời nói của tôi – so với kiểu thường xuyên đến vậy ngày nay thì vẫn có thể coi là hiền lành – cũng đã làm cho tôi sầu não?

Sau một thời gian tôi đã không đếm xỉa đến những kinh nghiệm sống gây cho tôi bao cay đắng, và suốt nhiều năm tôi cũng chẳng nhớ đến chúng. Đây là trường hợp đặc trưng của sựđè nén theo Freud. Hiển nhiên nó đã ở đó trong tầngsâu ýthức của tôi, trong vô thức, và sự hồi tưởng đã khởi động trong tôi không chỉ sựđánh giá lại một cách duy lí, mà cả phản ứng tình cảm một thời nữa.

Cuốn sách vẫn chưa đến được các hiệu sách, khi một biên tập viên của tuần báo *Heti Világgazdaság (Tuần báo Kinh tế Thế giới)*, Réti Pál đã phỏng vấn tôi và giữa những thứ khác anh nêu ra câu hỏi sau: "Ông không nghĩ, rằng nếu cương lĩnh của ông không phải là »đứng trên các đảng phái«, mà là của một đảng nào đấy, thì ông có khả năng khiến người ta chấp nhận nó dễ hơn không?"

Tôi đã viết và đã công bố cuốn sách trước các cuộc bầu cử tự do đầu tiên. Trước hết tôi đã dành gửi nội dung muốn nói của mình cho quốc hội tương lai và cho chính phủ sẽ được thành lập như kết quả của quá trình dân chủ, trong một thời kì, khi tôi vẫn không thể biết được thành phần của nó [quốc hội hay chính phủ] sẽ là gì. Tôi đã trả lời nhà báo như sau: "… tôi không hình dung, rằng cần phải giữ gắm lòng tin vào một hội đồng chuyên gia nào đó nằm trên các đảng phái, hội đồng sẽ lắng nghe, rồi thực hiện các kiến nghị của tôi. Nhiệm vụ này chỉ có thể được giải quyết, khi đảng hay các đảng được tín nhiệm của đa số trong quốc hội biến nó thành của mình, và nếu bên ngoài quốc hội cũng không có lực lượng phản đối, lực lượng có thể thành công cản trở nó". Rồi người làm phỏng vấn lại hỏi tiếp: "Trong tương lai ông có muốn đảm nhiệm vai trò cố vấn, có thể là vai trò chính trị gia hay không?" Câu trả lời của tôi thế này: "Về cơ bản tôi vẫn muốn làm nhà nghiên cứu khoa học, tôi chẳng muốn làm bộ trưởng, chẳng làm nghị viên, cũng chẳng làm cố vấn được bổ nhiệm".[228] Tôi đã nói thêm: nếu thí dụ thành viên nào đấy của chính phủ mới muốn biết ý kiến của tôi, tôi vui lòng nói cho biết.

Nhưng đây sẽ là đề tài của chương tiếp theo.

https://thuviensach.vn

1990 –TÌM ĐƯỜNG, VẬT LỘN VÀ HI VỌNG VỀ CẢI CÁCH Y TẾ

Hãy quay lại đầu các năm 1990. Tháng ba cùng với Jeffrey Sachs chúng tôi tổ chức hội thảo, đến đó chúng tôi mời nhiều nhà kinh tế học từ các nước đang thay đổi chế độ; các đồng nghiệp làm việc ở các đại học hay các viện nghiên cứu, những người mà chúng tôi biết rằng họ quan tâm đến chính sách kinh tế thiết thực. Chúng tôi tổ chức hội thảo tại viện WIDER có trụ sở Helsinki (ở nơi một thời tôi đã bắt đầu viết *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa*). Đã diễn ra các cuộc tranh luận hấp dẫn vềổn định hoá, về tư nhân hoá, về các lựa chọn chính trị khả dĩ của chuyển đổi. Gần cuối cuộc họp thứ hai một người tham dự, một nhà kinh tế học Czech thông báo: anh không thể đợi đến cuối hội nghị, phải vội về nhà. Nửa châm biếm, nửa nghiêm túc anh nói: "Ai bây giờ không có mặt ở quảng trường Vencel, người ấy không trở thành bộ trưởng …"

Sự vội vã đã có kết quả: không bao lâu sau người ta bổ nhiệm đồng nghiệp ấy làm bộ trưởng. Lí thú ngày nay đi xem lại danh sách những người tham gia hội thảo Helsinki; đa số các đồng nghiệp một thời đã trở thành bộ trưởng, thống đốc ngân hàng trung ương, nghị sĩ hay quan chức cao cấp khác trong một thời gian ngắn hay dài vào các năm 1990. (*)

Về phần mình, tôi đã không vội vã đến quảng trường Vencel Hungary. Nhiều loại xu hướng chính trị đã thăm dò, ngay lúc đầu, nhưng cả muộn hơn nữa: tôi có muốn gánh vác vai trò chính trị hay không. Họ chào mời các vị trí khác nhau: giữa những thứ khác là các chức bộ trưởng, tổng cố vấn của đảng, nghị sĩ. Một lần tin cũng lọt ra báo giới, theo đó đã nảy ra ý tưởng, rằng tôi hãy là thống đốc ngân hàng trung ương. Về phần mình ngay ở mức trò chuyện phi chính thức tôi đã trân trọng từ chối những lời đề nghị. Tôi bình tâm khẳng định: tôi không cảm thấy bị cám dỗ, để mình đạt tới quyền lực chính trị.

Họ không bổ nhiệm vào bất cứ chức vụ nào – như thế họ cũng chẳng thể giáng chức. Tôi đã không đột ngột nắm lấy chỗ rất cao trên chiếc thang quyền lực, nhưng tôi cũng chẳng rơi cũng với sự bất chợt như vậy từ trên đỉnh chiếc thang, nhưđã xảy ra với nhiều người. Cái tôi đã thề thốt trong các quyết định được trích dẫn trước đây, tôi đã thực

https://thuviensach.vn

hiện: về cơ bản tôi vẫn ở lại trong thế giới nghiên cứu khoa học và giảng dạy. Tuy thế bây giờ tôi không còn cảm thấy xa lạ với mình, rằng đất nước nằm trong quyền lực không thể chia sẻ của các lực lượng đi ngược với các nguyên tắc của tôi. Trong nền dân chủ tất cả mọi công dân đều chịu trách nhiệm về cái xảy ra. Tôi phải nghi nhận, rằng với tư cách nhà nghiên cứu và nhà giáo tôi cũng rơi vào hoàn cảnh mới: kể từ đâytôi sẽ hoạt động trên những đường ranh giới của khoa học và chính trị.

(*) Tình hình cũng tương tự ở Hungary. Nhiều nhân vật lãnh đạo của đời sống chính trị, ở tất các các bên của đấu trường chính trị, trước đó đã hoạt động trong thế giới hàn lâm-đại học.

Bày tỏ lập trường về những công việc của chính sách kinh tế vĩ mô Hungary

Việc từ chối các chức vụ quyền lực chính trị hoàn toàn không có nghĩa, rằng tôi trở nên thờ ơ đối với các sự kiện chính trị Hungary. Ngược lại, cho dù tôi ở Budapest, hay dù ở Cambridge, tôi cố gắng theo dõi và hiểu, cái gì xảy ra trong quá trình chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa, và tôi đã công bố hàng loạt tiểu luận về các vấn đề đương thời. Hầu như tất cả đều vượt quá sự phân tích thuần tuý, và cũng chứa những kiến nghị cho chính sách kinh tế. Tôi chỉ nhắc đến vài trong số các chủ đề. Tư nhân hoá nên được thực hiện theo các nguyên tắc như thế nào? Phải làm gì để siết chặt kỉ luật tài chính, để cứng hoá ràng buộc ngân sách? Phải thay đổi vai trò của nhà nước theo hướng nào? Cần phải thực thi các giá trị như thế nào trong cải cách hệ thống hưu trí hay y tế?

Công việc nghiên cứu, đi trước việc biên soạn các tiểu luận, đã gắn bó với giai đoạn học tập chuyên sâu mới. Tất cả những kiến thức, mà tôi đã học được trước đây, tôi cố gắng ôn lại và bổ sung bằng làm quen với những kết quả mới của kinh tế học vi mô và vĩ mô. Khi còn trẻ quanh tôi đã chẳng có ai, để nhờ chỉ dẫn. Ngược lại bây giờ tôi ở trong tình thế may mắn, rằng một nửa thời gian tôi sống ở một trong những trung tâm tinh thần của khoa học-kinh tế thế giới. Nếu tôi cần lời khuyên, tôi đã có thể tham khảo ý kiến của các chuyên gia gỏi nhất của mỗi vấn đề.

Các bài viết của tôi xuất hiện trong các tạp chí chuyên môn. Nếu theo thang đánh giá của bản thân mình tôi đánh giá sự nghiệp công

https://thuviensach.vn

trình của tôi, thì – bên cạnh các cuốn sách đã được thảo luận ở các chương trước – tôi coi các tiểu luận viết cho cộng đồng chuyên môn là thành tích đáng kể thực sự của giai đoạn này, mà cụ thể là không chỉ nhìn từ khía cạnh của các kết quả nghiên cứu mà cả của sựđóng góp cho việc hình thành chính sách kinh tế nữa. Thế nhưng tôi không né tránh, rằng tôi cũng cân nhắc: những dịp như thế nào đã thúc đẩy tôi đứng ra trước dư luận rộng hơn với những ý tưởng của tôi.

Nhiều trí thức vui lòng sử dụng các nhật báo để trình bày những khẳng định và các kiến nghị của mình càng sớm càng tốt, càng thường xuyên càng tốt, cho cộng đồng bạn đọc càng rộng càng tốt. Họ chớp lấy mọi cơ hội để có thể nói với hàng trăm ngàn người qua màn hình TV. Tôi biết rất rõ, rằng nếu họ lên tiếng một cách thuyết phục vì việc thiện, thì họ có thể phục vụ rất hữu ích cho những lợi ích chung. Tôi không muốn đưa ra bất cứ loại lập luận "elitist-thuộc giới ưu tú", "quý tộc" nào để ủng hộ cách thực hành của riêng tôi, mà -trừ vài trường hợp ngoại lệ -né tránh các hình thức công bố này. Vềđiểm này, hệt như trong các vấn đề ứng xử khác, tôi có lập trường tự do. Tôi kính trọng người đảm nhiệm việc xuất hiện nhiều trên các diễn đàn thông tin đại chúng (miễn là, làm với trình độ cao) – nhưng tôi cũng cho cách ứng xử né tránh những sự xuất hiện này là tử tế. Về phần mình, một cách khó khăn và hồi hộp, hiếm khi tôi quyết định làm loại việc này. Tôicó ýkiến của mình về nhiều thứ, nhưng tôi thường né tránh việc bày tỏ ý kiến ngay lập tức về mọi vấn đề.(*)Nhà chính trị khéo phải có khả năng làm rõ lập trường của mình một cách ý nhị và súc tích trong vài giây. Đối với tôi hình thức thể hiện này rất không thoải mái; hoặc tôi có cách để trình bày các lập luận của mình, hoặc tốt hơn tôi lặng yên.

(*) Ở Mĩ những người làm truyền hình và báo cũng lặp đi lặp lại tìm đến để xin phỏng vấn tôi, xin phản ứng ngắn, nhanh đối với các sự kiện nóng sốt. Trừ vài ngoại lệ tôi thường né tránh lời đề nghị.

Người ta không biết mặt tôi từ màn hình, không bắt chuyện với tôi trên phố bằng những câu hỏi. Đôi khi, trong giây lát tôi ghen tị với những chuyên gia, các nhà khoa học, những người được TV và báo chí giúp nổi tiếng trong nước – nhưng sau đó tôi xua đi khỏi mình những ý nghĩ do tính hiếu danh sai khiến, và tôi mừng là, nói chung tôi vẫn giữ nguyên thể loại của chính mình.

https://thuviensach.vn

Tôi đã nhắc đến, là đã có những ngoại lệ đối với các quy tắc chung được dựng lên cho bản thân tôi. Phần nhiều là các vấn đề quan sát được trong đời sống kinh tế Hungary đã thúc đẩy tôi nói với công chúng rộng hơn.(*) Năm 1992 tôi đã viết một bài báo dài cho tờ *Magyar Hírlap (Tờ Tin tức Hungary)* về các vấn đề kinh tế vĩ mô nóng hổi.[229] Tôi cảm thấy sựđình trệ của nền kinh tế là ngột ngạt, và tôi kiến nghị sựđiều chỉnh thận trọng, *nửa bước ngoặt*, sau đó chúng ta chú trọng hơn đến tăng trưởng của nền kinh tế thực tế. Bài báo này đưa vào ngôn ngữ thông dụng trong nước khái niệm "nửa bước ngoặt". Số phận của cụm từđã chứng minh trong mắt tôi, "ném vào" vũđài chính trị mộtý tưởng hay một hình tượng dễ nghe, dễ hiểu là mạo hiểm như thế nào. Bài báo đã diễn đạt chính xác một cách vô ích, đã chứa những lời cảnh cáo về việc áp dụng cẩn trọng một cách vô ích – ai cấm được chuyện, người ta sử dụng mộtý tưởng trong cuộc cãi lộn theo cách mà lợi ích của lực lượng chính trị này hay nọđòi hỏi đúng như vậy?

Năm 1994 lại là tình hình kinh tế vĩ mô ngày càng ngột ngạt đã khiến tôi lên tiếng. Vật lộn trong tôi, một mặt là nỗi lo vì sự xấu đi của trạng thái cân đối, đặc biệt là sự xấu đi của cán cân thanh toán vãng lai, mặt khác là niềm tin, rằng sẽ là tai hoạ lớn, nếu vì một biện pháp hạn chế nghiêm ngặt mà sự tăng trưởng của nền kinh tế sững lại. Các nhà kinh tế học khác đã róng chuông cảnh báo rồi, nhưng tôi vẫn nghiền ngẫm một thời gian. Cuối cùng quyết định cũng đã chín trong tôi. Tôi đã soạn rất nhanh một tiểu luận cỡ bài báo tạp chí với đầu đề: *Quan trọng nhất: Tăng trưởng bền vững - về những căng thẳng kinh tế vĩ mô và về chính sách kinh tế của chính phủ*. Theo sự khuyên nhủ của người bạn luôn sẵn sàng giúp đỡ, Bossányi Kati tôi đã đồng ý để tờ *Népszabadság [Tự do nhân dân]* công bố.[230] Đã không phải là sự nhượng bộ nhỏ đối với một nhật báo thích các bài báo ngắn đi đề nghị công bố tiểu luận liên tục trong 5 số báo, mỗi số đầy cả một trang. Độ dài này đã cho tôi khả năng trình bày các ý tưởng của mình một cách tinh tế nêu rõ sắc thái, với lập luận chi tiết.

Loạt bài báo, mà việc công bố bắt đầu vào cuối tháng Tám 1994, trong nhiều khía cạnh đã có thể coi là điềm báo trước, là sự chuẩn bị trí tuệ của chương trình điều chỉnh và ổn định hoá sau này. Tôi đã thấy sự đảo lộn tỉ lệ tiêu dùng-đầu tư theo hướng có lợi cho tiêu dùng, có hại cho đầu tư là đáng lo ngại. Sự tăng nhanh của lương và chi tiêu công làm hại –mà cụ thể là làm hại với mức độ ngày càng lớn – tình hình

https://thuviensach.vn

cân đối của nền kinh tế, và đặc biệt đưa cán cân thanh toán vãng lai vào tình trạng nguy hiểm. Về khía cạnh này bài báo của tôi không những đã đảm nhận việc đề xuất các biện pháp chính sách kinh tế đau đớn, không được lòng dân, mà còn trình bày, rằng các biện pháp ấy là không thể tránh khỏi. Cùng lúc đó tôi nhấn mạnh: phải thực hiện điều chỉnh sao cho đừng kéo theo suy thoái, thường đi cùng với những cải cách điều chỉnh-ổn định hoá thông thường.

(*)Đã có những trường hợp, khi các lí do cá nhân đã thúc đẩy tôi lên tiếng: họ phỏng vấn tôi khi một cuốn sách nào đó của tôi ra mắt hay nhân dịp sinh nhật "chẵn". Lúc như vậy phần nhiều tôi không có khả năng cưỡng lại lời đề nghị vinh hạnh, và tôi trả lời những câu hỏi của báo giới.

Hoàn toàn như những phát biểu khác, tương tự, bài này cũng kéo theo phản ứng nhiều loại, mâu thuẫn lẫn nhau: đã có những tiếng nói tán thành, những người khác cảm thấy các kiến nghị của tôi là không đủ triệt để, còn những người khác nữa thì bóp méo và giải thích sai lập trường của tôi. Tôi cảm thấy mãn nguyện trí tuệ, khi muộn hơn nhiều, bạn đọc chuyên gia đứng xa các cuộc khẩu chiến chính trị Hungary đã đánh giá cao bài viết này. Trong *Festschrift* hoàn thành nhân dịp tôi 70 tuổi Robert Solow, người có uy tín nhất còn sống của môn kinh tế học vĩ mô đã đưa ra những lời nhận xét chi tiết về bài viết này. Một cách tán thành ông nhấn mạnh, rằng "thứ nhất, tăng trưởng là quá quan trọng để, người ta đặt lên ngọn lửa liu riu; thứ hai, sự co hẹp GDP làm cho việc giải quyết các nhiệm vụổn định hoá khác trở nên khó hơn nhiều; và thứ ba, nếu sự đình trệ hay suy thoái kéo dài nhiều năm, thì việc khởi động lại sự tăng trưởng trở nên khó hơn rất nhiều, khi đến thời gian của nó".[231] Theo Solow triết lí của tiểu luận vượt quá tình hình tức thời của Hungary; nó còn thích đáng cả sau này và cả ngoài biên giới Hungary nữa.

Khi sau đó tháng ba 1995 [Bộ trưởng Tài chính] Bokros Lajos xuất hiện với chương trình điều chỉnh-ổn định của chính phủ, tôi cảm thấy là nghĩa vụ của mình, rằng tôi đứng ra ủng hộ ông ta hoàn toàn. Bản thân tôi khởi xướng, rằng TV hãy phỏng vấn tôi, trong đó tôi đã cố gắng giải thích một cách dễ hiểu, cái gì đã làm cho việc điều chỉnh đi cùng với bao hi sinh và đau đớn là cần thiết. Cuộc nói chuyện cũng xuất hiện trong ấn phẩm mang đầu đề *Đường dốc [Meredek út]*.[232]

https://thuviensach.vn

Tôi đã đề xuất một cuộc gặp với Szabó Iván, người trước kia, đã là Bộ trưởng Tài chính cuối cùng của MDF (Diễn đàn Dân chủ Hungary) và tôi đã cố thuyết phục ông, vì sao chương trình thắt chặt quyết liệt lại trở nên không thể tránh khỏi. Tôi đã kiến nghị, ông hãy cố thuyết phục các bạn nghị sĩ của ông ngồi trong những hàng ghế đối lập trong quốc hội đừng chống lại chương trình điều chỉnh. Cảm tưởng của tôi đã là, người đối thoại của tôi đã nghe những giãi bày của tôi với sự thông hiểu, chí ít ông đã không đưa ra những lí do phản lại. Tuy nhiên ngần ấy là chắc chắn, rằng sự can thiệp nhỏ này đã không có tác dụng. Phe đối lập khi đó đã chống lại chương trình điều chỉnh một cách gay gắt nhất có thể.

Người ta đưa một số mục của chương trình ra trước Toà án Hiến pháp. Tôi đã tìm Sólyom László, chủ tịch Toà án Hiến pháp. Đây không phải là vận động hành lanh bí mật. Thông lệ được phép, hợp pháp là, "với tư cách bạn của toà án" (amicus curiae) công dân không liên quan trực tiếp đến vụ việc có thể trình bày ý kiến của mình cho thẩm phán, trước khi thẩm phán xét xử. Tôi đã trình bày cho ông chủ tịch với lập luận chuyên môn chi tiết, vì sao lại cần đến các biện pháp nhanh và triệt để. Cuộc khủng hoảng Mexico vừa mới xảy ra, đã gây ra thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho nước ấy. Bằng mọi cách phải ngăn chặn một cuộc khủng hoảng loại như vậy. Phù hợp với tinh thần của hiến pháp, rằng trong tình thế bắt buộc này người ta thực hiện những biện pháp quyết liệt có hiệu lực ngay tức khắc mà không có thông báo trước. Phán quyết thủ tiêu nhiều khoản mục quan trọng của gói chương trình điều chỉnh, chứng tỏ rằng, các lí lẽ của tôi cũng chẳng tìm thấy sự hiểu biết ở đây.

Muộn hơn, năm 1996, khi một ít thời gian đã trôi đi và cũng đã có thể nắm bắt được những kết quả của chương trình bằng số liệu thống kê, tôi đã viết một tiểu luận với đầu đề: *Điều chỉnh không có suy thoái*, mà tôi đã công bố ở Hungary và trình bày ở hội nghị OECD tại Paris. Bằng các số liệu quốc tế tôi đã chứng minh, là thành tích lớn thế nào đi tiến hành cuộc phẫu thuật đau đớn này sao cho, giữa chừng sản xuất đừng thụt lùi đáng kể và tỉ lệ thất nghiệp đừng đột ngột nhảy lên cao, như đã xảy ra ở Mĩ Latin, như đã luôn xảy ra cho đến nay đối với các chương trình điều chỉnh đi sau các cuộc khủng hoảng tài chính.

https://thuviensach.vn

Phần lớn dư luận chuyên môn đã đồng ý với đánh giá này, nhưng cũng đã có các lập trường khác nữa. Matolcsy György đã bác bỏ lập luận của tôi. Ngay đầu đề bài báo của ông cũng tranh cãi với tôi: *Điều chỉnh với suy thoái*. Trong tất cả các bài viết của mình tôi đã kiến nghị sự thận trọng lớn, toàn diện: vì sự tăng trưởng *bền vững*, cần phải chỉnh các biện pháp sao cho, chúng lái nền kinh tế sang quỹ đạo tăng trưởng cân bằng có thể duy trì được và sau đó giữ nền kinh tếở trên đó. Bài viết của Matolcsy ngay lúc đó cũng đã phản ánh quan điểm, mà muộn hơn, trong khi làm bộ trưởng bộ kinh tế của mình, cũng đã thể hiện bằng hành động: ông cũng chẳng chùn tay với *sự ép buộc* tăng trưởng. Như sau này trong thực tiễn cũng đã biểu lộ ra: việc áp dụng những kích thích tài chính quá đáng, không có cơ sở đã đẩy nền kinh tế trệch khỏi quỹđạo tăng trưởng bền vững và sớm muộn lại dẫn đến những rối loạn cân bằng.

Các cuộc phỏng vấn trước và sau chương trình điều chỉnh-ổn định, cũng như các bài báo xuất hiện trên các nhật báo và tạp chí cũng được tập hợp lại dưới dạng một cuốn sách năm 1996. Đầu đề của cuốn sách là: *Vật lộn và hi vọng (Vergődés és remény)*. Đầu đề thể hiện phản ứng tình cảm riêng của tôi đối với các sự kiện – và có lẽ cũng phản ánh cái gì đó về trạng thái tinh thần của đất nước nữa.

Trong thời gian của các cuộc cãi vã xung quanh chương trình, bỗng nhiên tôi cảm thấy sức mạnh và điểm yếu của mình. Những phân tích kinh tế vĩ mô do tôi tiến hành, mà những kết luận của chúng đã được tôi trình bày bằng lời và bằng văn bản, chắc là đã giúp để làm rõ các số liệu, và làm cho sựđiều chỉnh kéo theo nhiều hi sinh là có thể chấp nhận được trong con mắt của nhiều người. Thế nhưng thí dụ một nhân vật, như Keynes chẳn hạn (nếu đằng nào tôi cũng chọn tấm gương từ giới các nhà nghiên cứu kinh tế), chắc là đã đạt được nhiều hơn nhiều. Chắc đã có khả năng hơn để thuyết phục những người dao động và các đối thủ về cái đúng của mình, và nhất là, có tính bền bỉ hơn để nói với càng nhiều người càng tốt, nói với mỗi người bằng ngôn ngữ riêng của họ. Nói chung tôi tin – tôi thú nhận, quá thể, nhiều lần tôi tin một cách ngây thơ – vào việc, các từ *được viết ra*, một cuốn sách hay một bài báo sẽ có tác động đủ, và thường tôi cũng không đảm nhiệm việc mình hãy "lobby" cho các kiến nghị của mình. Tình hình gần khủng hoảng, trước chương trình điều chỉnh đã đưa tôi vào tư thế sẵn sàng báo động, và điều này đã thúc đẩy tôi sắm vai không quen thuộc với mình.

https://thuviensach.vn

Chương trình, với cái giá của những hi sinh nặng nề, đã thực hiện sự điều chỉnh triệt để. Sau một năm rưỡi-hai năm bắt đầu cho thấy những kết quả gây ấn tượng mạnh mẽ: các chỉ số cân đối đã được cải thiện *và* tăng trưởng nhanh lên. Đáng tiếc, những thế lưỡng nan khó nhọc, nổi lên trong các năm 1990, không thể được giải quyết một lần cho mãi mãi. Chưa đầy vài năm sau, và gần như mọi thứ lại bắt đầu từ đầu. Tinh thần của "chủ nghĩa cộng sản *gulyás* – xúp thịt bò", lấy lòng dân, dễ dàng nâng lương, phân phát tiền nhà nước, tinh thần ấy vẫn chưa biến mất hẳn với sự sụp đổ của chế độ Kádár. Tinh thần này vẫn tiếp tục sống dai dẳng, và cám dỗ hết lần này đến lần khác. Kể từđó chính phủ cánh tả và cánh hữu vẫn tiếp tục chính sách kinh tế dân tuý, với sự lãnh đạo của các lực lượng xã hội chủ nghĩa và bảo thủ-dân tộc chủ nghĩa. Và các xu hướng kinh tế có hại quen thuộc từ xưa lại phục sinh lặp đi lặp lại.

Năm 2003 trong thế giới tài chính Hungary lại xuất hiện những rắc rối. Các bài viết phê phán chính sách tài chính và tiền tệ, thúc giục các biện pháp giải quyết từ ngòi bút của các nhà kinh tế học có uy tín lại liên tiếp xuất hiện trên báo chí. Tình hình thúc đẩy tôi cho *Népszabadság* một phỏng vấn dài. Tôi đã muốn nhấn mạnh, rằng triết lí kinh tế học vĩ mô của tôi không thay đổi từ loạt bài của tôi trên *Népszabadság*; chính vì thế, theo nguyện vọng của tôi, bài phỏng vấn vẫn mang cùng đầu đề: *Mục tiêu chính là tăng trưởng bền vững*.[233]

Đáng tiếc, cần đến hơn một năm trôi đi, để người ta nói chung chú ý đến những lời cảnh báo, mà – cùng với những ý kiến phát biểu của nhiều nhà kinh tế học khác – bài phỏng vấn với tôi cũng nêu ra. Chúng tôi đã thúc giục đẩy lùi các khoản chi tiêu nhà nước, siết chặt chương trình cho vay xây nhà được thả ra một cách vô trách nhiệm, cản lại các khoản tăng lương vượt quá xa mức tăng hiệu suất. Đáng tiếc, là việc đưa nền kinh tế trở lại quỹ đạo tăng trưởng có thể duy trì được đã khởi hành trễ và ngập ngừng, một cách bất nhất.

Về cải cách y tế

Ngay đầu chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa, trong bài thuyết trình, mà tôi nói năm 1992 theo lời mời của Hội Kinh tế học Mĩ về các vấn đề tài tài chính của chuyển đổi, tôi đã đụng chạm đến các vấn đề cải cách nhà nước phúc lợi. Tôi đã gọi cái kết cấu hình thành trong chế độ Kádár là "nhà nước phúc lợi đẻ non", bởi vì nó đảm nhận các nghĩa vụ

https://thuviensach.vn

mà nhà nước không thể thực hiện được, không cân đối với những nguồn lực kinh tế của đất nước. Nếu không đạt được cái gì khác, thì tôi đã thành công đạt được, rằng kể từđó vài người, trong số các nhà nghiên cứu đồng nghiệp, đã nhìn tôi một cách giận dữ, thậm chí với sự khinh bỉ, với niềm tin rằng họ phải bảo vệ các thành quả xã hội của hệ thống xã hội chủ nghĩa không phải khỏi sự siết chặt của những bất cân đối thực tế và không thể tránh được mà là khỏi tôi. Có người bạn một thời của tôi, người kể từ khi tôi viết các lời này, đã chẳng thèm bắt chuyện với tôi. Tôi cũng đã đạt được, rằng kể từ đấy cũng cái giới "phúc lợi" này đã bác bỏ ngay từ đầu mọiý tưởng, mà tôi nhắc đến; họ cũng chẳng thèm cân nhắc lí lẽ của tôi, mà lại trích dẫn các câu của tôi bằng cách nhấc chúng ra khỏi ngữ cảnh và bóp méo những thông điệp thực của chúng.

Tuy vậy những mối lo, mà tôi đã nói đến năm 1992, đã không chấm dứt, thậm chí tiếp tục trầm trọng hơn. Muộn hơn tôi đã hiểu hoàn toàn, rằng đây không phải là các vấn đề riêng của Đông Âu. Nhà nước phúc lợi đang trong khủng hoảng, không chỉở nơi nó bị đẻ non, mà ở cả Bắc và Tây Âu nữa, nơi nó đã sinh ra "đủ ngày đủ tháng". Chúng ta đối mặt với một trong những mâu thuẫn nội tại nghiêm trọng của thời đại chúng ta. Một mặt: sự ra đời của nhà nước phúc lợi đã là một thành quả vĩ đại của thế kỉ XX, làm cho cuộc sống của hàng triệu người trở nên an toàn hơn. Nếu chúng ta động đến nó, mọi người đều xì xèo, những người –theo cách có thể hiểu được – lo lắng bảo vệ sự an toàn khỏi cải cách. Mặt khác: bên cạnh các xuthế nhân khẩu học cho trước và nhịp độ phát triển cho trước của các công nghệ mới, ngày càng tốn kém, thì nhà nước phúc lợi không thể duy trì được ở dạng và ở quy mô đến nay, theo các hình thức tài trợ đến nay. Tính nghiêm trọng của vấn đề được biểu hiện không chỉ bởi sự chống đối các cuộc cải cách ở Hungary hay Ba Lan, mà bởi cả những cơn bão chính trị, các cuộc biểu tình, những sự phản đối do những thử nghiệm cải cách tương đối yên ả và khá không nhất quán ở Pháp và Đức gây ra. Thế mà, mọi lực lượng chính trị cầm quyền, thực sự cảm thấy có trách nhiệm với số phận của chính đất nước mình, cho dù thuộc cánh tả, như ở Đức hay ở Ba Lan, cho dù thuộc cánh hữu, nhưở Pháp, đều buộc phải đưa ra những biện pháp để siết lại các khoản chi của nhà nước phúc lợi.

Kể từ khi tôi làm quen với vấn đề, nhóm vấn đề này khiến tôi quan tâm và dày vò tôi. Tôi đã thử tiếp cận đề tài từ nhiều hướng. Cùng với

https://thuviensach.vn

một học trò của tôi, John McHale gốc Ireland, bây giờ dạy học ở Canada, chúng tôi đã tiến hành so sánh quốc tế, với các phương pháp kinh tế lượng.[234] Với sự cộng tác của TÁRKI (Viện Nghiên cứu Xã hội), cùng với Csontos László đặc biệt thông minh, nhưng đã mất lúc còn trẻ và Tóth István György chúng tôi đã tổ chức thăm dò dư luận để dò hỏi,xemdân cư chấp nhận các lựa chọn khả dĩ khác nhau của cải cách thế nào.[235] Cùng với một nhóm khác, tổng kết các số liệu của các cuộc nói chuyện, các cuộc phỏng vấn được tiến hành một cách chân thành với các bệnh nhân và các bác sĩ, chúng tôi đã đo lường sự phổ biến của tiền trảơn bác sĩ và đánh giá của xã hội về nó.[236]

Năm 1997 tôi viết một cuốn sách nhỏ về cải cách ý tế.[237] Tiếng vang chia rẽ. Đã có những người tán thành hưởng ứng, coi các kiến nghị của tôi là hợp thời và khả thi. Và đã có những người thực sự nổi giận. Họ lên án, rằng tôi là người phát ngôn của đảng nào đấy, hay là người mở đường của tư bản tư nhân không thương xót bệnh nhân, chạy theo lợi nhuận, keo kiệt. Một điều chắc chắn, rằng các nhà phê bình phẫn nộ này chẳng thèm biết, rằng tôi đã kiến nghị cải cách thận trọng và cân đối thay cho những thay đổi đột ngột, cực đoan, gây tổn thương này, cải cách thử tìm sự thoả hiệp giữa những đòi hỏi mâu thuẫn nhau.(*)

Chẳng hề có chuyện là, cuốn sách của tôi đã kiến nghị cạnh tranh thị trường vô độ và không hạn chế. Đúng là, cái ngược lại cũng được nó đánh giá là có hại. Không được phép yên phận, rằng độc quyền cung cấp dịch vụ và tài trợ bằng tiền công của nhà nước vẫn hãy được duy trì và mọi quyết định về lương hưu, về cung cấp dịch vụ y tế và các dịch vụ phúc lợi khác hãy vẫn tiếp tục chỉ nằm trong tay các nhà chính trị và bộ máy quan liêu theo cách gia trưởng chủ nghĩa.

Phần lớn các nhà kinh tế họcy tế và chính trị gia y tế xuất phát từ tình hình và các nhiệm vụ đặc biệt của khu vực này, khi họ khảo sát tính cấp thiết và những khả năng của cải cách. Họ chỉ nhân tiện đề cập đến các khía cạnh đạo đức của các kiến nghị hay cũng chẳng nhắc đến chúng. Ai quan tâm chính đến những hệ luỵ đạo đức, thì có thể thử bóc tách xem, các nguyên tắc đạo đức nào ẩn náu đằngsau ý tưởng cải cách nào đó, với giả thiết rằng nói chung có tính nguyên tắc nào đấy trong kiến nghị. Cuốn sách của tôi theo đuổi dòng tư duy theo chiều ngược lại suốt từ đầu đến cuối. Nó *xuất phát* từ thang giá trị được tôi công

https://thuviensach.vn

nhận, từ các nguyên tắc đạo đức, và từ chúng thử dẫn ra những việc cần làm thực tiễn.

Cuốn sách đặt lên hàng đầu hai đòi hỏi cơ bản. Một là nguyên tắc của *quyền tự chủ cá nhân*. Cần phải thúc đẩy loại sửa đổi, làm tăng phạm vi quyết định của cá nhân và thu hẹp phạm vi quyết định của nhà nước trong lĩnh vực các dịch vụ phúc lợi. Nguyên tắc này không chỉ hàm chứa các quyền quyết định của cá nhân, mà cảđòi hỏi, rằng cá nhân chịu trách nhiệm về cuộc sống của chính mình. Phải bỏ thói quen, rằng nhà nước gia trưởng lo liệu thay mình.

(*)Bộ trưởng bộ Y tế lúc đó- nếu không đồng ý với tôi-thay cho việc dùng các lí lẽ để phản đối các kiến nghị của tôi, thì lại bắt đầu làm ra vẻ tinh ranh. Trả lời cho câu hỏi của phóng viên truyền hình, dự định muốn dùng công trình của tôi như thế nào, đã cho câu trả lời như sau: Đội dày của cuốn sách vừa hợp; để dùng kê cân bàn khập khiễng ở văn phòng.

Đỏi hỏi cơ bản khác là nguyên tắc *đoàn kết*. Phải giúp đỡ những người bịđau khổ, gặp hoạn nạn, ở trong tình trạng bất lợi. Như vậy ở đây -ngược với các quan điểm tự do chủ nghĩa hạn chế vai trò của nhà nước xuống tối thiểu – tôi đánh giá hoạt động tái phân phối của nhà nước là có thể cho phép được, thậm chí là cần thiết, nếu nó phục vụ một cách có mục đích để hỗ trợ cho những người phải dùng đến sự hỗ trợ này.

Nói về những nghiên cứu của tôi liên quan đến cải cách y tế cũng đáng nhắc đến, rằng lĩnh vực quan tâm mới này của tôi cũng có chỗ trong công việc giảng dạy của tôi ở Đại học Harvard. Cùng với John McHale chúng tôi đã tổ chức seminar, khảo sát cải cách của nhà nước phúc lợi trong cách tiếp cận quốc tế. Các buổi thuyết trình một phần do các chuyên gia nổi tiếng của mỗi đề tài, một phần do các sinh viên trình bày. Các loại đề tài như thế này đã ở trên chương trình nghị sự: cải cách hệ thống lương hưu Mĩ (do Martin Feldstein và Peter Diamond trình bày), sự hình thành phân phối thu nhập trong các vùng khác nhau của thế giới và v. v. Cử toạđã theo dõi các bài giảng với sự quan tâm lớn; không chỉ các sinh viên, mà cả các thầy giáo có mặt trong các buổi seminar, trong đó cả tôi, đã có thể rút ra được nhiều bài học đáng suy ngẫm từ kiến thức phong phú mang lại toàn cảnh quốc tế rộng rãi.

https://thuviensach.vn

Quay lại cuốn sách năm 1998 của tôi nói về cải cách y tế, từ những tranh luận, không phải từ các bài phê bình được xuất bản bằng in ấn, mà chủ yếu là từ các cuộc nói chuyện cá nhân điềm tĩnh, đã trở nên rõ đối với tôi, ở đâu là các điểm của cuốn sách, mà tôi đã không lập luận đủ thuyết phục. Với một học trò đại học Harvard của tôi, Karen Eggleston chuyên sâu về kinh tế họcy tế, chúng tôi bắt tay vào tu chỉnh cuốn sách. Cuốn sách được xem xét lại và bổ sung đã xuất hiện bằng tiếng Anh năm 2001 với đầu đề: *Phúc lợi, Lựa chọn và Đoàn kết trong Chuyển đổi (Welfare, Choice and Solidarity in Transition)*.[238] Phiên bản mới lên tiếng ủng hộ cùng các nguyên tắc, như cuốn sách tiếng Hungary đầu tiên, kiến nghị cùng đường lối chính cho cải cách. Trong khi đó nó vượt quá cuốn sách ban đầu ở chừng mực, nó dựa trên tư liệu quốc tế rộng hơn nhiều, nó phân tích phê phán tất cả các bài học tích cực và tiêu cực, mà chúng tôi đã có thể rút ra từ hệ thống y tế của các nước khác và từ những thay đổi đang diễn ra ở đó. Nó đã vạch ra kế hoạch cải cách chi tiết hơn và chính xác hơn, so với phiên bản tiếng Hungary và cân nhắc kĩ lưỡng hơn các đặc điểm của khu vựcy tế. Nó cho thấy, sẽđi cùng với những nguy hiểm và rủi ro như thế nào, nếu ngành này được tổ chức trên cơ sở thương mại *thuần tuý*. Thế nhưng nó không chỉ hô hoán doạ, mà nó cũng viết rõ, bằng những can thiệp, điều tiết, các cơ chế bù trừ và tái phân phối như thế nào có thể đẩy lùi những tai hoạ này. Nó thử đối mặt một cách khách quan với những ưu điểm và nhược điểm của các sơ đồ khuyến khích khác nhau.

Tiếng vang đầu tiên của cuốn sách tiếng Anh rất thuận lợi. Chúng tôi rất vui là, cuốn sách cũng đã được xuất bản bằng tiếng Ba Lan, Trung Quốc và Việt Nam. Phiên bản tiếng Hungary mới, được bổ sung, xem xét lại đã xuất hiện chính vào lúc viết tiểu sử tự thuật này. Nó đến tay bạn đọc vào lúc, khi xảy ra tranh luận gay gắt về cải cách y tế. Các cuộc cãi vã chính trị giận dữ và có giọng thù địch ngày càng lấn át sự trao đổi chuyên môn. Các nhà hoạt động xã hội và các quan chức của các tổ chức, tự tuyên bố mình là các quán quân của lợi ích công, thực ra lại đại diện cho các lợi ích nhóm hẹp, hết lần này đến lần khác lên tiếng trên màn hình TV với sức mãnh liệt. Ai biết được, giọng nhỏ nhẹ và khách quan của cuốn sách của chúng tôi sẽ có được lắng nghe hay không?

https://thuviensach.vn

Suy ngẫm về những phát biểu kinh tế vĩ mô và phản ứng của cuốn sách y tế đầu tiên tôi đi đến một vấn đề tổng quát hơn: những người ra quyết định cuối cùng về chính sách kinh tế có chú ý đến tiếng nói của tôi hay không?

"Họ có hỏi cậu? Có nghe cậu hay không?"

Các bạn tôi, ở trong nước và cả ở nước ngoài nữa, đã đặt ra cho tôi câu hỏi này không phải một lần. Tôi vui lòng cho câu trả lời súc tích và đơn nghĩa, nhưng tôi không biết.

Vấn đề có thể được tiếp cận theo nhiều cách. Chúng ta hãy bắt đầu với cách giải nghĩa theo nghĩa đen: các nhà lãnh đạo kinh tế Hungary có nhu cầu hay không, để biếtý kiến của tôi *trong các cuộc nói chuyện trực tiếp*?

Tôi biết kĩ Bộ trưởng Tài chính đầu tiên sau thay đổi chế độ, Rabár Ference ngay từ các năm 1960, từ thời "kế hoạch hai mức", khi ông tham gia vào công việc to lớn của nhóm theo lời mời của tôi. Muộn hơn chúng tôi cũng đã gặp nhau nhiều lần, khi ông làm việc tại viện nghiên cứu kinh tế quốc tếở Laxenburg gần Viên, rồi ở Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước. Năm 1990, trong kì nghỉ hè tôi về Hungary, Rabár đã tìm tôi và yêu cầu, chúng tôi hãy gặp nhau. Tôi đến bộ. Tôi muốn ngồi xuống bên cạnh bàn đàm phán, nhưng ông với nụ cười trìu mến chỉ vào chiếc ghế của mình ở sau bàn giấy: "Tốt hơn cậu phải ngồi vào đây". Ông say sưa kể, ông đồng ý với *Con đường* đến thế nào. Sau này chúng tôi cũng gặp nhau, và ông luôn luôn chú ý lắng nghe những đề xuất của tôi.

Người kế nhiệm ông, Kupa Mihály, do MDF (Diễn đàn Dân chủ Hungary) mời làm bộ trưởng, đã lập ra một nhóm cố vấn không chính thức, rộng rãi và nhiều màu sắc. Tham gia trong đó có Hetényi István, nhà kinh tế học có hiểu biết lớn, có trình độ và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, trước kia đã là phó chủ nhiệm uỷ ban kế hoạch nhà nước, rồi bộ trưởng bộ tài chính. Thành viên của nhóm có O'sváth György, cố vấn kinh tế riêng của thủ tướng Antall. Đã có người thiên về SZDSZ (Liên minh những người dân chủ tự do), và có người thiên về Fidesz (Liên minh dân chủ trẻ). Sau một chút do dự tôi đã đồng ý, khi Kupa Mihály cũng mời cả tôi. Kupa đã luôn luôn chú ý đến ý kiến của nhóm này. Bên cạnh đó chúng tôi cũng nói chuyện mặt đối mặt nhiều lần. Tôi vui mừng, là ông cởi mở đối với những ý tưởng của tôi – trong khi

https://thuviensach.vn

làm tôi bối rối là nhận thức, rằng người ta có thể giải thích mối quan hệ này, cứ như là tôi đồng ý với chính sách của chính phủ, mặc dù tôi đã có những phản đối gay gắt và những e dè đối với chính sách của chính phủ. Người ta cách chức Kupa và tình hình mập mờ này chấm dứt. Theo các nhà phân tích chính trị sở dĩ người ta đẩy ông khỏi chức đứng đầu chính sách kinh tế, bởi vì so với các ý tưởng của chính phủ lúc đó ông đã đi quá xa trong cải tạo nền kinh tế và thực hiện kỉ luật kinh tế vĩ mô.

Tôi đã rút ra bài học từ những kinh nghiệm thu được dưới thời bộ trưởng của ông, rằng trong thời gian tới tôi phải giữ vững nguyên tắc đã được xác định ban đầu của mình một cách rõ ràng. Nếu thành viên của chính phủ được bầu một cách dân chủ hỏi ýkiến của tôi, từng trường hợp một, tôi vui lòng nói cho biết. Ngược lại – dù bất cứ lực lượng chính trị nào nắm quyền đi nữa – tôi không đảm nhận chức vụ cố vấn chính phủ chính thức, được bổ nhiệm và tôi không đảm nhận tư cách thành viên trong hội đồng cố vấn được bổ nhiệm chính thức. Tôi muốn tránh ngay cả vẻ bề ngoài, cứ như sự bày tỏ ý kiến có nghĩa là sự đồng ý chính trị với chính phủ cầm quyền. Đối với người, được bổ nhiệm chính thức làm cố vấn chính phủ, có thể mong đợi sự trung thành với chính phủ, giữa những thứ khác kể cả việc, không đưa ra công khai sự phê phán, ý kiến riêng có thể có của mình. Còn đối với tôi, tôi muốn giữ cho bản thân mình khả năng nói thẳng hoàn toàn.

Trong mười lăm năm của nền dân chủ nghị viện tổng cộng chúng ta đã có mười bộ trưởng tài chính. Tôi đã chẳng bao giờ gõ cửa của bất cứ bộ trưởng nào. (Nhiều nhất, sau khi họđã thôi chức, tôi xuất hiện ở những người, mà trước khi họ làm bộ trưởng tôi cũng đã có quan hệ tốt, bởi vì tôi muốn bày tỏ, rằng quan hệ đồng nghiệp chẳng hề thay đổi theo việc, họ có ngồi trong ghế nhung hay đã bịđuổi ra khỏi đó). Đã có người thúc giục, rằng chúng tôi gặp nhau, những người khác không quan tâm đến việc, tôi nghĩ gì về tình hình kinh tế và những việc cần làm.

Tôi thỉnh thoảng cũng gặp không chỉ với bộ trưởng bộ tài chính mọi thời, mà cả với các lãnh đạo khác của đời sống chính trị và nhà nước nữa, và tôi đã trao đổi ý kiến với họ hay trình bày ý kiến của tôi bằng văn bản.

https://thuviensach.vn

Năm 1991 Kiss János, chủ tịch lúc đó của SZDSZ (Liên minh những người dân chủ tự do) đã mời tôi tham gia, với tư cách khách mời thường xuyên, vào các cuộc họp của hội đồng cố vấn của đảng. Tôi trích một đoạn dài từ thư trả lời của tôi đề ngày 14-4-1991: "… mình vui lòng lại nói chuyện với Cậu về các vấn đề của đất nước. Trong lúc đó, mình không thể nhận lời đề nghị vinh hạnh, để thường xuyên tham gia vào các cuộc họp Hội đồng Cố vấn Chính trị của SZDSZ. Hãy cho phép mình lí giải câu trả lời phủ định này. Trong việc xác định thái độ chính trị riêng của mình và các bước đi cụ thể của mình có vai trò nổi bật của chuyện, mình muốn giữ tính độc lập, tính tự trị chính trị và tinh thần của mình ở mức lớn nhất có thể. Giữa những thứ khác điều này đã dẫn mình đến quyết định, rằng từ 1956, khi mình đoạn tuyệt với đảng cộng sản, mình đã không tham gia và trong tương lai cũng sẽ chẳng tham gia vào bất cứ đảng hay phong trào chính trị nào. Là rõ đối với mình, rằng sự tham gia thường xuyên vào các cuộc họp hội đồng về hình thức không bao hàm tư cách đảng viên. Thế nhưng, đây là sự tụ hợp gắn với đảng và vì thế đảm nhận sự hợp tác thường xuyên không tương hợp với các nguyên tắc của mình được trình bày ở trên. Phù hợp với nguyên tắc trên, rằng mình trình bày ý kiến cá nhân của mình cho các vị lãnh đạo và các chuyên gia kinh tế của các đảng, những người coi việc nghe ý kiếnnàylà có tầm quan trọng. Tuỳ từng trường hợp mình sẽ quyết định, trên cơ sở đánh giá chủ quan chính sách của đảng ấy, tính cách của người hỏi ýkiến, cũng như đặc điểm của đề tài, xem mình có sẵn sàng không cho cuộc nói chuyện như vậy. Mình tin, rằng các nguyên tắc này, mà mình vừa phác hoạở trên, là có thể chấp nhận được nhìn từ quan điểm đạo đức chính trị. Cùng lúc đó mình không hề có ý nghĩ, rằng đây là thái độ có thể chấp nhận được duy nhất. Rất cần đến các nhà chính trị hoạt động trong các đảng. Mình không có bất cứ cái chung nào với những người, bác bỏ nền dân chủ nghị viện dựa trên sự cạnh tranh của các đảng. Về mặt con người mình cũng rất kính trọng những người, hiến dâng bản thân họ cho công tác đảng và vì chí hướng này sẵn sàng hi sinh những thành công, mà chắc chắn họ có khả năng đạt được bằng các hoạt động khác".[239]

Tôi công bố thêm những trích dẫn dài từ một bức thư nữa. Người ta yêu cầu tôi góp ý cho cương lĩnh kinh tếđang được chuẩn bị của Fidesz (Liên minh dân chủ trẻ). Ngày 2410-1992 tôi gửi những nhận

https://thuviensach.vn

xét của tôi từ Mĩ, trong bức thư đề gửi cho Orbán Viktor. Vài đoạn trích từ bức thư:

"Tôi không cảm thấy sự diễn đạt các nguyên tắc cơ bản là đủ sắc cạnh, nổi bật.

-Phải đảm nhận từ »chủ nghĩa tự do«, nhưng người ta làm lu mờ nội dung của nó. Tốt hơn phải nhấn mạnh, rằng cái này trước hết biểu thị quyền tự do: cá nhân hãy có thể sử dụng các quyền của mình, nhà kinh doanh có thể kinh doanh một cách tự do, nhà nước đừng có nhúng vào mọi chuyện, v.v.

- Trong con mắt của nhiều người thuật ngữ »chủ nghĩa thực dụng«là mơ hồ. Phải nói rõ: muốn kết hợp sự trung thành nguyên tắc vững chắc với sự mềm dẻo, chống lại sự giáo điều cứng nhắc; sẵn sàng đối với những nhượng bộ thiết thực.

-Thiếu ở đây trong liệt kê ba tư tưởng, mà theo quan điểm của tôi có tầm quan trọng cơ bản; phải dự thảo những cái này:

a) Hiện đại hoá. Kĩ thuật hiện đại, lối sống hiện đại, đạo đức và các quan hệ xã hội hiện đại – không cần đưa trở lại cái »cũ«.

*b) Tính ngay thẳng và s*ự *tôn trọng pháp luật* trong kinh doanh và trong chính trị. Đứng lên chống sự dối trá, sự lừa đảo, tham nhũng, sự bịp bợm, sự cấu kết bạn hữu cánh hẩu, sự xung khắc đạo đức và vi phạm pháp luật.

c) An toàn và tính có thể lường trước được, có thể tính được. Chính phủ hãy giữ lời hứa của mình; cái nó tuyên bố, cái đó hãy là »credible«, là có thể tin được".

Liên quan đến chương trình kinh tế, giữa các thứ khác, tôi viết những điều dưới đây: "… vấn đề then chốt là, [cương lĩnh] hãy chỉ ra con đường rõ ràng: muốn làm gì, để vực đất nước dậy, để dẫn nó đến quỹ đạo tăng trưởng và để tạo việc làm, mà không tăng lạm phát. Không được phép giải quyết vấn đề bằng làm sôi động tiền tệ. Cần nhấn mạnh tốt hơn tính cởi mở đối với vốn nước ngoài, bổ sung thêm, sự bài ngoại và chủ nghĩa dân tộc có hại đến thế nào. Tài liệu né tránh công việc của »các hệ thống lớn«. Muốn làm gì trong việc phi tập trung hoá và tư nhânhoá y tế và các chương trình phúc lợi? Nói chung liên quan đến chương trình phúc lợi tôi không đòi hỏi sự hứa hươu hứa vượn có tính dân tuý, mà trước hết là, dự liệu về tương lai là có thể lường trước được, có thể tính được…"[240]

https://thuviensach.vn

Nay tôi cũng bày tỏ cùng các nguyên tắc, mà bức thư 12 năm trước đã nhấn mạnh.

Sự thật đơn thuần của cuộc gặp gỡ hay trao đổi thư từ vẫn chưa có nghĩa là sự quan tâm thật sự. Việc này phụ thuộc vào phía bên kia. Đã có đối tác, mà tôi cảm thấy rõ, đã chú ý đến cái tôi nói, cân nhắc kĩ lập luận của tôi, đối sánh với lập trường của những người khác, và xử lí những kết luận trong bản thân mình. Nhưng cũng đã xảy ra, là đối tác chỉ làm ra vẻ quan tâm. Thực ra chỉ muốn nghe thấy tiếng của mình trong quá trình nói chuyện. Có khả năng là, đã biết các quyết định chính trị đã chín trước đó, rồi mới bắt đầu việc trò chuyện hay trao đổi thư từ, và trên danh nghĩa "trao đổi" thực ra lại muốn nhận được sự củng cố, xác nhận cho lựa chọn của chính mình. Nếu thực sự tôi đồng ý, thì có thể dẫn chiếu đến việc này trong các cuộc trao đổi khác. Nếu tình cờ tôi không chấp nhận quan điểm của người ấy, thì đi xin "lời khuyên" của người khác, chọn lựa giữa các chuyên gia như thế cho đến khi, tìm thấy người đồng ý với mình. Tôi thú thực, tôi khá kinh tởm những cuộc trao đổi ýkiến loại như vậy, dù điều này nhất thiết xảy ra trong một phần các trường hợp. Ai đảm nhận việc trình bày ý kiến của mình một cách không chính thức cho các chính trị gia hàng đầu, người đó phải tính đến khả năng xin lời khuyên giả như vậy.

Kinh nghiệm lặp đi lặp lại của tôi là, trong một hội nghị hay buổi lễ tôi gặp một chính trị gia hàng đầu hay nhân vật chính phủ nào đấy. Nhìn vào tôi, ngạc nhiên và cất tiếng: "Ấy thế ra cậu ở trong nước à? Mình vẫn nghĩ, cậu còn ở bên Mĩ. Nhất thiết mình muốn nói chuyện với cậu. Rồi mình sẽ gọi cho cậu". Chúng tôi thống nhất như thế. Hàng tuần trôi đi, nhưng không có điện thoại. Đã có ít nhất năm hay mười lần loại đối thoại như thế, khi thì với người quen cũ này lúc thì với người khác. Có lẽ người ấy chân thành cảm thấy trong giây lát, rằng việc biết ý kiến của tôi sẽ hữu ích. Nhưng sau đó thì bị các nhiệm vụ hàng ngày cuốn hút, và vì thế nhu cầu xin ý kiến cũng chẳng đến nỗi mạnh, để dẹp các việc cần làm khác sang một bên, và khởi xướng một cuộc trao đổi điềm đạm với một nhà nghiên cứu khoa học.

Tôi coi là hoàn toàn không thể chấp nhận được, nếu chính trị gia thử dùng việc bàn bạc với các chuyên gia, trong sốđó với tôi, cho các mục đích PR (quan hệ công chúng).

https://thuviensach.vn

Muốn chứng minh trước công chúng rằng, đấy những người làm khoa học, các chuyên gia kinh tế nghiêm túc đến thế nào, cho anh ta lời khuyên. Khi tôi còn chưa thạo, một-hai lần họ đã lừa được tôi vào các chiến dịch tuyên truyền như vậy. Tuy nhiên sau này các phản xạ tự vệđã phát triển trong tôi, và tôi trở nên thận trọng hơn. Tôi cố làm rõ trước: nhà chính trị có thực sự quan tâm đến ý kiến của tôi không? Họ có mời báo chí và TV đến cuộc gặp không? Trong trường hợp sau tôi né tránh cuộc trao đổi. Không phải cứ như tôi muốn giữ bí mật các cuộc trò chuyện với các chính trị gia hàng đầu. Tôi cho là vinh dự, nếu họ mời tôi đến, và tôi chẳng có lí do gì, để tôi im lặng: tôi sẵn sàng nói ý kiến của mình cho người thực sự quan tâm. Tôi vui vẻ làm *việc này* – nhưng tôi không muốn sắm vai trong một trò quảng cáo PR.

Từ những điều vừa nói hoá ra là, tôi đã vật lộn nhiều với bản thân mình. Vai trò chính trị gia và vai trò nhà nghiên cứu có cam kết, cảm thấy trách nhiệm với xã hội tách khỏi nhau ở đâu đó. Tôi không muốn đảm nhiệm vai trước, vai sau thì có. Đôi khi tôi nghĩ mình đã vượt qua giới hạn, mà tôi đặt ra cho mình. Khi khác tôi lại nghĩ, mình chưa đến cái giới hạn, cần phải đến. Thế nhưng ranh giới này kéo chính xác ở đâu?

Tất cả những thứ này có lẽ cho cái nhìn thoáng qua vào những ức chế tâm lí-thái độ, những ức chế cản tôi khỏi việc, tôi thường xuyên nói công khai về các vấn đề nhất thiết cuốn vào cơn bão chính trị. Tôi vui lòng hơn thu mình vào công việc nghiên cứu, bởi vì trong đó tôi cảm thấy thoải mái, và (mượn ngôn ngữ của nhà kinh tế học) "các lợi thế so sánh của tôi" có tác dụng tốt hơn.

*Tác dụng thật s*ự

Cho đến đây tôi mới chỉ trả lời cho câu hỏi đầu trong hai câu hỏi nêu trong đầu mục: họ có hỏi không? Tôi lặp lại câu hỏi thứ hai: "Họ có nghe cậu hay không?"

Khi tôi tìm câu trả lời cho câu hỏi này, tôi không muốn thu hẹp ở tác dụng của những lập trường, các phê phán hay kiến nghị của tôi được nói ra trong phạm vi mặt đối mặt, hẹp hay tin cẩn cũng như được trình bày trong thư từ tin cẩn. Cái tôi coi là thật sự quan trọng, thì tôi thường nói *công khai* -nếu không phạm những lợi ích quan trọng về an ninh hay kinh tế nhà nước-, trong các cuốn sách, các tiểu luận của tôi

https://thuviensach.vn

hay trong các hình thức công bố khác. Liệu tất cả những thứ này có tác dụng lên các sự kiện?

Tôi bắt đầu câu trả lời bằng một thống kê nhỏ.[241] Trong quốc hội giữa 1990 và 2003 đã dẫn đến tên tôi, hay một bài viết nào của tôi trong 46 dịp. Ngày nay có cả một ngành khoa học khảo sát việc đo lường mức trích dẫn; các nhà nghiên cứu khoa học thi đua với nhau về chuyện, người ta trích dẫn công trình nào của họ bao nhiêu lần. Khi như vậy thường người ta đếm số trích dẫn xuất hiện trong các tạp chí khoa học. Tất nhiên tôi cũng quan tâm đến những con số ấy – nhưng bây giờ là về một sân đua khác! Cảm giác thật dễ chịu để biết, rằng các thành viên quốc hội Hungary trích dẫn các công trình của tôi trong các cuộc tranh luận của Quốc hội. Họ làm việc này với tác giả, người muốn đứng ngoài các cuộc đấu tranh chính trị hàng ngày một cách có mục đích.

Hầu như tất cả mọi người đều tán thành, dẫn chiếu đến công trình của tôi để làm chỗ dựa cho ý kiến của mình. Hai phần ba các trường hợp là các đại diện của các đảng nắm quyền ngày nay (Đảng Xã hội Chủ nghĩa Hungary và Liên minh Những người Dân chủ Tự do), một phần ba là các đại diện của các đảng đối lập ngày nay (Fidesz-Liên minh Tư sản Hungary, Diễn đàn Dân chủ Hungary, Đảng Dân chủ Nhân dân và đảng các Tiểu chủ Độc lập) đã dẫn chiếu đến công trình nào đấy của tôi. Đông nhất là số người dẫn chiếu đến *Con đường*, nhưng họ cũng nhắc đến *Sự thiếu hụt*, đến *Vật lộn và Hi vọng* và đến *Về Cải cách Y tế* nữa. Tần suất dẫn chiếu đạt đỉnh cao vào năm 1995, trong thời kì điều chỉnh ổn định. Có thể hiểu được, thật mơn trớn tính hiếu danh tác giả của một nhà nghiên cứu khoa học, khi đọc thấy trong biên bản của quốc hội: hai đại biểu tranh luận về, người nào hiểu đúng và người nào hiểu lầm thông điệp của các bài viết của mình.

Thế nhưng tất nhiên số các lần nhắc tới ở quốc hội, dù có thể cũng được tính là thành công đến đâu đi nữa, vẫn chẳng cho biết tí gì về, liệu các công trình của tôi đã có ảnh hưởng hay không đến diễn tiến *thật* của diễn biến tình hình? Tôi e là, không thể đưa ra câu trả lời đáng tin cậy cho câu hỏi này. Về mặt phương pháp luận tôi luôn luôn lên tiếng bảo vệ sự phân tích *đa nguyên nhân*. Nếu chúng ta tìm lời giải thích nhân quả cho một hiện tượng phức tạp, thì -trừ các ngoại lệ hiếm- sự hình thành hiện tượng không thể quy về một nguyên nhân

https://thuviensach.vn

duy nhất. Nếu mà nhiều loại nhân tố có tác động, thì rất khó để xác định tầm quan trọng tương đối của chúng.

Từ việc, rằng một số quá trình ở Hungary và ở các nước hậu xã hội chủ nghĩa khác đã tiến theo chiều, mà các bài viết của tôi đã kiến nghị, vẫn chưa suy ra, rằng dưới tác động của các bài viết của tôi nên chúng đã theo hướng này. Đây cũng có thể là sự trùng hợp ngẫu nhiên, và phải tìm các động lực thúc đẩy ở nơi khác.(*) Cũng có thể là, các bài viết của tôi tuy có đôi chút tác động, nhưng ảnh hưởng của các nhân tố khác đã mạnh hơn nhiều. Cuối cùng cũng không thể loại trừ, mộtý tưởng nào đấy từ tôi đã có ảnh hưởng chủ yếu, thường là gián tiếp, bằng cách định hình tư duy của những người ra quyết định.

Tại Hungary nảy sinh sớm nhất các biện pháp quyết liệt làm cứng hoá ràng buộc ngân sách ở phạm vi rộng. Theo khẳng định của một trong những sách giáo khoa nổi tiếng của môn kinh tế học so sánh, công trình của nhà Rosser[242], trong đó ảnh hưởng trí tuệ của các công trình của tôi đã có thể đóng vai trò quan trọng. (**)Không thể phủ nhận, rằng trong toàn bộ khu vực hậu xã hội chủ nghĩa tôi đã là người phát ngôn lên tiếng nhiều nhất đòi cứng hoá ràng buộc ngân sách; các bài viết của tôi về đề tài này đã gây ra tiếng vang lớn.

Trong các vấn đề khác, toàn diện và tổng quát hơn thì chỉ có thể nói, rằng toàn bộ một đội hợp xướng đã đưa ra kiến nghị, và tôi nhiều nhất chỉ là một trong những thành viên của đội hay có lẽ là một trong những người lĩnh xướng. Tôi cùng nhiều người khác đã kiến nghị việc thực hiện tư nhân hoá từ từ hay – cái còn là vấn đề tranh cãi quyết định hơn-bác bỏ "con đường thứ ba". Tương tự với tư cách một thành viên của một cộng đồng trí tuệ lớn hơn đại diện cho lập trường chung tôi đã đưa ra những kiến nghị sắc nét về việc, cần dung hoà thế nào các yêu cầu của cân bằng kinh tế vĩ mô và của tăng trưởng. Tôi cảm thấy có thể duy trì được giả thuyết, mặc dù tôi không biết chứng minh, rằng tiếng nói của tôi cũng đã có tác dụng đáng kể đối với các quá trình được nhắc đến.

(*)Trong một chuyện của Karithy (2001 [1914], tr. 157) có nhân vật là một người điên thầm lặng, người đứng ở ngã tư tấp nập của một đại lộ, và như một nhạc trưởng, vẫy cái gậy điều khiển của mình. Tất cả các sự kiện xảy ra độc lập với anh ta, còn anh ta trải nghiệm, cứ như là xảy ra theo lệnh của mình. "Hai cái xe này bây giờ quay vào…

https://thuviensach.vn

Đúng… Đối diện một xe điện phải dừng. Trời ơi, cái gì thế này? Ở đây bây giờ những người lính phải đến… À ha, họ đã ở đây rồi. Họ đến đối diện…" Tôi tuyệt nhiên không muốn giống nhân vật của Karithy chỉ trỏ bằng cái gậy của anh ta.

(**)"…trong tất cả các nước xã hội chủ nghĩa trước kia ràng buộc ngân sách ở Hungary là cứng nhất. Khẳng định có thể bảo vệ được, theo đó điều này cho thấy ảnh hưởng chính sách kinh tế khác thường của Kornai János trong chính tổ quốc của mình" - cuốn sách viết.

Bên cạnh ảnh hưởng lên tư duy của các nhà chính trị và các quyết định chính sách kinh tế vẫn còn phải khảo sát một hiện tượng nữa, cụ thể là, các ý tưởng của tôi có tác động đến *tư duy chung*, đến sự hình thành ý kiến của những người đứng ngoài giới quyền lực, trước hết của những người tham gia đời sống kinh tế và của giới trí thức hay không. Tôi không có khả năng cho câu trả lời có căn cứ bằng những đo lường. Thí dụ như gắn với *Sự thiếu hụt* tôi đã nhắc đến, đã có những phản hồi lác đác. Khi thì một bác sĩ, mà tôi gặp trong phòng khám, lúc thì người thân của hàng xóm chúng tôi, khi thì một nhà sử học, mà tôi tình cờ gặp trong khu nghỉ mát, đã kể, rằng đã đọc bài viết nào đó của tôi, và cho là thuyết phục. Lời khen lặp đi lặp lại là, từ bài báo của tôi đã hiểu vấn đề và những việc cần làm tốt hơn là từ các tuyên bố chính thức. Tự nó cũng là kết quả đối với nhà nghiên cứu, nếu từ tiếng vang có thể thấy rõ, rằng các bài viết của mình giúp các độc giả định hướng. Nghe các loại lời khen như vậydù có sướng đến thế nào, không thể xác định, chúng đại diện cho phạm vi rộng bao nhiêu.

Tham gia vào hình thành chính sách tiền tệ

Năm 1995 Surányi György, thống đốc Ngân hàng Quốc gia Hungary hỏi tôi: nếu họ đề nghị, tôi có đảm nhận làm thành viên của Hội đồng Ngân hàng Phát hành, hội đồng ra quyết định tối cao về chính sách tiền tệ, hay không. Tôi xin thời gian suy nghĩ, bởi vì tôi muốn hiểu tình hình pháp lí và chính trị của hội đồng. (*)Quan điểm quyết định, đã thúc đẩy tôi chấp nhận đề nghị, đã là, luật đã đảm bảo *sự độc lập* của ngân hàng trung ương. Theo luật Hội đồng Ngân hàng Phát hành độc lập với chính phủ và với các đảng chính trị. Để bổ nhiệm các thành viên của nó, trên cơ sở tham khảo ýkiến của thống đốc Ngân hàng Quốc gia Hungary, thủ tướng đưa ra đề nghị, Quốc hội

https://thuviensach.vn

phải phê chuẩn sự lựa chọn, rồi bổ nhiệm thuộc thẩm quyền của tổng thống nước cộng hoà.

Cho giai đoạn ba năm đầu thủ tướng Horn Gyula, rồi cho giai đoạn ba năm thứ hai thủ tướng Orbán Viktor đã đề nghị tôi. Cả hai lần các uỷ ban hữu quan của Quốc hội, uỷ ban kinh tế và ngân sách, mà cụ thể là bên trong các uỷ ban này cả phía đảng chính phủ lẫn phía đảng đối lập đều ủng hộ việc bổ nhiệm tôi. Trong các cuộc họp uỷ ban họđã đặt các câu hỏi thông thạo, không có xúc cảm chính trị, mà tôi đã cố gắng cho câu trả lời khách quan. Tôi đã cảm thấy yên tâm và khích lệ, rằng tôi có thể dựa vào sựủng hộ rộng rãi. Tôi đã cố gắng, để thế giới chính trị nhìn thấy trong tôi một người có suy nghĩ độc lập, người không bị những ràng buộc chính trịđiều khiển, mà bởi lương tâm nghề nghiệp và đạo đức. Tôi nhìn thấy sự xác nhận nỗ lực này ở việc, các lực lượng đổi chỗ cho nhau, đối lập nhau kịch liệt trên chính trường đều sẵn sàng uỷ thác nhiệm vụ đầy trách nhiệm này cho tôi.

Hầu như sáu năm tôi tham gia vào công việc của Hội đồng Ngân hàng Phát hành. Tôi chuẩn bị kĩ lưỡng cho mỗi phiên họp, nhiều trường hợp, như "bài tập làm thêm", tôi cũng đã nộp trước bằng văn bản lập trường của tôi. Tôi đã cố gắng làm quen không chỉ các số liệu thống kê sốt dẻo và nhiều thông tin thời sự khác, mà tôi đã luôn luôn nghiên cứu các lí thuyết liên quan trong tài liệu chuyên ngành của các vấn đề trên chương trình nghị sự, và tôi thử làm quen với những kinh nghiệm thu được trước đó trong các tình huống tương tự. Đây là hoạt động được tiến hành ở hậu trường, yên tĩnh, sau những cánh cửa đóng kín. Hội đồng này đã phải quyết định về chính sách tiền tệ ngắn và trung hạn, trước hết là chính sách lãi suất. Hợp tác với chính phủ mọi thời nó phải đề ra khung khổ thể thế, xác

(*) Năm 2001 người ta thông qua luật mới về chỉ đạo chính sách tiền tệ. Trên đây tôi mô tả trạng thái pháp lí của thời kì trước đó, khi tôi đã là thành viên của Hội đồng Ngân hàng Phát hành.

định trường chuyển động của tỉ giá hối đoái.(*) Trong thời kì này chính sách tiền tệ Hungary được coi trọng khắp thế giới, và các giới lãnh đạo đời sống tài chính quốc tếđã lấy làm tấm gương cho các nước chuyển đổi khác. Tôi có thể nói mà không có sự không khiêm tốn, rằng cũng có phần công việc của tôi trong các kết quả này.

https://thuviensach.vn

Tôi đã học được nhiều trong lĩnh vực công tác này. Tôi đã có cái nhìn sâu vào, sự hình thành chính sách kinh tế xảy ra như thế nào, ở mức cao nhất. Chuẩn bị cho một-một quyết định khó khăn là thách thức chuyên môn lớn. Đã là cảm giác yên tâm, rằng – đặc biệt cho đến khi, chưa có các cơn bão chính trị quanh Ngân hàng Quốc gia Hungary – các cuộc tranh luận đã xảy ra trong bầu không khí điềm tĩnh. Đối với các lí lẽ phải trả lời bằng các lí lẽ chứ không phải bằng xúc cảm. Tình đồng nghiệp và sự tôn trọng lẫn nhau đã đặc trưng cho bầu không khí của các cuộc thảo luận.

Tháng tám 2001, vài tuần trước khi nhiệm kì của tôi hết hạn, tôi đã từ chức thành viên Hội đồng Ngân hàng Phát hành trong một bức thư gửi cho tổng thống nước cộng hoà và được đưa ra công khai. Tôi đã cảm thấy, rằng luật ngân hàng phát hành mới, vừa được thông qua đã làm thay đổi những khung khổ pháp lí của tư cách thành viên. Mọi thành viên của Hội đồng Tiền tệ được hình thành sau khi luật có hiệu lực sẽ có quan hệ việc làm với Ngân hàng Quốc gia Hungary, cuối cùng là với lãnh đạo mọi thời của nó. Việc này về mặt thể chế làm xói mòn tính độc lập của cái gọi là "các thành viên ngoài" của hội đồng, bởi vì họ trở thành các nhân viên của ngân hàng.(**)Tình hình mới không thể dung hoà được với các nguyên tắc, mà tôi đã định ra cho bản thân mình.

Khi đó vẫn chưa thể thấy trước một cách chính xác các sai lầm, mà sau này chính sách tiền tệđã phạm phải, nhưng dù sao các tai hoạ chờ đợi đã cho thấy trước bóng tối của chúng. Trong quá khứ thường không gây lo nghĩ cho tôi, rằng tài liệu của các cuộc họp của hội đồng là mật, công luận không thể biết quan điểm của các thành viên. Bây giờ ngược lại tôi sợ, rằng với ýkiến của mình tôi sẽ luôn luôn thuộc thiểu số. Muốn hay không muốn tôi phải hỗ trợ cho cái chính sách tiền tệ, mà tôi không có khả năng tán thành – mà tôi lại không thể công bố ý kiến riêng của mình với chuyên ngành kinh tế và với các công dân của đất nước.

Có thể, người khác, người có nhiều năng khiếu hơn đối với thủ thuật chiến thuật chính trị, và là "nhà ngoại giao" khéo hơn tôi, thì ngay cả trong tình hình mới này cũng có thể hoạt động một cách hữu ích. Thí dụ với những sự lên tiếng của mình (với nhiều hay ít thành công) có thể bù lại những ý tưởng sai lầm có thể của những thành viên

https://thuviensach.vn

khác của hội đồng. Tuy nhiên với việc này tôi không có hứng thú, cũng chẳng có tài năng.

Với lương tâm thanh thản tôi nghĩ về sáu năm, mà tôi đã tham gia vào chỉ đạo chính sách tiền tệ thành công. Với lương tâm thanh thản tôi cũng nghĩ về chuyện, rằng từ 2002 được giải phóng khỏi những hạn chế phát ngôn đi cùng với tư cách thành viên tôi đã có thể phê phán những sai lầm của chính sách tiền tệ trong báo chí và trong các cuộc trao đổi chuyên môn.

(*)Ngôn ngữ chuyên môn gọi là "chế độ tỉ giá hối đoái". Thí dụ phải lựa chọn giữa việc, cố định tỉ giá hối đoái hay để thả nổi tự do. Có thể mở đường cho tác động của các lực lượng thị trường, nhưng hãy quy định trước những giới hạn cho sự chuyển động của tỉ giá hối đoái. Trong trường hợp sau thì phải quyết định về: dải, trong đó tỉ giá có thể chuyển động, rộng như thế nào.

(**)Một bộ phận các thành viên của Hội đồng Ngân hàng Phát hành đã là từ các quan chức lãnh đạo của Ngân hàng Quốc gia Hungary ("các thành viên bên trong"), bộ phận khác (trong đó có cả tôi) đã hoạt động trong thế giới khoa học ("các thành viên ngoài"). Những người sau vẫn giữ chức vụ ở đại học hay viện nghiên cứu như việc làm chính, và tham gia vào hình thành chính sách tiền tệ chỉ như hoạt động phụ. "Việc đứng ngoài" này đảm bảo cho tính độc lập cá nhân hoàn toàn của họ.

Những góp ý cho sự chuyển đổi của các nước khác

Bước ngoặt chính trị 1989-1990 đột nhiên gây ra nhu cầu lớn về các cố vấn nước ngoài trong tất cả các nước hậu xã hội chủ nghĩa. Tôi không tham gia vào loại phán xét khái quát hoá nào cả. Tôi biết các cố vấn, những người cố tìm hiểu cặn kẽ vùng đất, mà họ đến, họ chuẩn bị kĩ lưỡng cho nhiệm vụ và đưa ra những kiến nghị của mình một cách tế nhị, khiêm tốn. Đáng tiếc cũng xuất hiện mội loại khác nữa: nhà kinh tế học, không có hiểu biết địa phương cần thiết, thế nhưng càng tự tin hơn cố áp đặt các ý tưởng riêng của mình lên nước yêu cầu tư vấn.

Từ nhiều phía người ta đã tìm tôi với yêu cầu tôi tham gia vào việc đặt kế hoạch chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa của nước này nước kia. Các đồng nghiệp nước ngoài, các bạn, những người mà tôi quen biết từ

https://thuviensach.vn

thời chống đối tinh thần với chế độ xã hội chủ nghĩa, đã mời tôi đến nước họ trao đổi ý kiến chuyên môn.

Từ tất cả những thứ, mà đến đây tôi đã nói về bản thân mình, có thể rút ra: đa phần tôi khước từ những lời đề nghị. Đa phần-nhưng không luôn luôn. Tôi chẳng hề muốn đi khắp các nước vớicác ý tưởng riêng của mình, và thuyết phục họ hãy chấp nhận những quan điểm của tôi, chứ không phải của những người khác. Thế nhưng tôi cảm thấy, không đúng đi lảng tránh hoàn toàn các lời mời. Với những hiểu biết riêng của mình biết đâu tôi có thể làm cho việc tìm đường của các nước chuyển đổi dễ dàng hơn, bên cạnh đó chắc chắn tôi rút ra được bài học từ những kinh nghiệm của tôi thu được trong các chuyến đi. Tôi đã đến thăm Nga và các nước Đông Âu khác. Tôi trình bày các bài giảng và tiến hành các cuộc trao đổi dài với các nhà kinh tế học và các chính trị gia kinh tếở đó. Theo lời mời của Quỹ Tiền tệ Quốc tế, IMF, và Ngân hàng Thế giới tôi cũng đã đi Washington nhiều lần; ở đó tôi cũng giới thiệu những ý tưởng của mình trong các buổi thuyết trình và trong khuôn khổ các cuộc tham khảo không gò bó. Suốt nhiều năm tôi đã là thành viên của hội đồng khoa học của EBRD (Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu) có trụ sở London, tổ chức quốc tếủng hộ sự chuyển đổi của các nước hậu xã hội chủ nghĩa châu Âu bằng các khoản cho vay và những lời khuyên.

Trong chừng mực mà một người có khả năng tựđánh giá, tôi có thể nói: tôi đã không phạm phải lỗi lầm kiêu ngạo trí tuệ. Tôi không khẳng định, cái mà chính tai tôi nghe thấy từ miệng các đồng nghiệp khác, hung hăng hơn: chỉ có một con đường, và cụ thể là con đường, mà nhà cố vấn ấy kiến nghị. Tôi luôn luôn nhấn mạnh, rằng không phải chúng tôi, những người nước ngoài đi quyết định: họ, những người trong nước, những người thực sự hiểu tình hình, trách nhiệm lựa chọn là ở trên vai họ. Chúng tôi chỉ có thể đảm nhận chuyển cho họ những kinh nghiệm thu được ở các nước khác, cũng như những kết luận, mà chúng tôi có thể rút ra từ các tài liệu lí thuyết. Cố vấn nước ngoài càng thận trọng và khiêm tốn, thì khả năng được lắng nghe càng lớn.

Ấn tượng đặc biệt mạnh mẽ là việc năm 1999 đi thăm, rồi năm 2005 thăm lại Trung Quốc, cũng như năm 2001 -lần đầu tiên – làm quen với Việt Nam. Trong hai nước này đặc biệt là sai lầm lớn đi rao các đơn thuốc sẵn có của chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa đông Âu với sự cứng nhắc giáo điều. Nếu hai nước này gợi nhớ lại cái gì đó, thì

https://thuviensach.vn

không phải là Đông Âu của các năm 1990, mà đúng hơn là nước Hungary của thời kì Kádár muộn, của các năm 1980. Cải cách kinh tế, tức là sự phổ biến của nền kinh tế thị trường và của sở hữu tư nhân đã tiến triển xa rồi, trong nhiều lĩnh vực xa hơn nhiều, so với nền kinh tế Hungary của các năm 1980. Ngược lại cải cách chính trị đúng hơn chỉ xuất hiện lác đác ở mức độ nhỏ. Độc quyền quyền lực của đảng cộng sản vẫn còn, cấm công khai nghi ngờ hệ tư tưởng và lối khoa trương của chủ nghĩa Marx-Lenin, những người có tư duy đối lập thử tìm cách tổ chức thì bị trấn áp. Có thể mong đợi chuyên gia nước ngoài đến thăm đây, rằng hãy nhớ kĩ, anh ta đến đâu. Phải trình bày nội dung muốn nói của mình, sao cho không chỉ làm vừa lòng những người cấp tiến phản đối các tình trạng hiện hành, mà cũng đừng làm kinh sợ những người còn do dự, mới chỉ chấp nhận một nửa ý tưởng cải cách chính trị.

Chuyến đi Trung Quốc và Việt Nam sở dĩ là kinh nghiệm trí tuệ đặc biệt đối với tôi, bởi vì tôi cảm thấy, rằng mình thành thạo trong thế giới này như ở nhà. Tôi không hiểu tiếng Trung Quốc, cũng chẳng biết tiếng Việt, thế nhưng tôi vẫn có khả năng nói bằng ngôn ngữ của họ, bởi vì từ kinh nghiệm riêng tôi biết kĩ thế giới tư duy của những người vỡ mộng với niềm tin xã hội chủ nghĩa, của những người tìm đường, của các nhà cải cách lúc đầu còn do dự. Và như vài người, trong bầu không khí rất chân thành, kể lại: họ có khả năng chấp nhận tôi làm đối tác trao đổi hơn nhiều, so với các nhà kinh tế học Mĩ, Pháp hay Đức, bởi vì họ cảm thấy: thời đó tôi cũng đã trải qua các pha phát triển tương tự, như họ bây giờ. Họ cảm thấy những lời nói của tôi là đáng tin cậy.

Tôi vui mừng, rằng các cuốn sách và các bài báo của tôi lần lượt xuất hiện trong hai nước này. Có lẽ những cái này cũng đóng góp vào sự khai sáng trí tuệ, chuẩn bị và tạo cơ sở cho quá trình cải cách sắp tới. Thật tuyệt để sống qua cái ngày, khi nền dân chủ cũng được phát triển trong hai nước xa xôi, nhưng đối với tôi rất đỗi gần gũi này. Đối với việc này cần hai thứ: tôi hãy sống lâu và họ hãy đi nhanh.(*)

(*) Theo đề nghị của một viện của đại học Florida năm 2004 tôi đã viết một tiểu luận về, sự chuyển đổi Đông Âu có những bài học gì cho Trung Quốc, nếu lúc nào đó trong tương lai nó chuyển sang con đường dẫn tới nền dân chủ và nền kinh tế thị trường. Tôi coi nhiệm vụ này,

https://thuviensach.vn

như việc cân nhắc kĩ các vấn đề của Trung Quốc và Việt Nam là một thách thức trí tuệ lí thú.

https://thuviensach.vn

1990 – SỰ THAY ĐỔI CHẾ ĐỘ CÓ NGHĨA LÀ GÌ VÀ KHÔNG CÓ NGHĨA LÀ GÌ

Tôi chuyển sang nửa khác của các hoạt động của tôi; sang công việc, mà tôi cảm thấy là quan trọng nhất, là chí hướng thật sự của tôi, việc nghiên cứu và giảng dạy.

Giải nghĩa sự thay đổi chế độ

Sự thay đổi chế độ đã mở ra thời kì mới trong đời tôi bằng việc, từ 1990 tôi lại coi cách tiếp cận *chuẩn tắc* -sự cân nhắc các kiến nghị chính sách kinh tế thiết thực cho Hungary và cho các nước trải qua chuyển đổi tương tự -là nghĩa vụ của mình. Điều này tuy vậy không có nghĩa, rằng bây giờ tôi đã cho cách tiếp cận *thực chứng* - tức là việc tìm hiểu khách quan tình hình, việc mô tả nó, việc phân tích nó và công việc lí thuyết gắn với việc này-tầm quan trọng bé hơn.

Đề tài suốt sự nghiệp các công trình khoa học của tôi đã là hiểu khái niệm hệ thống. Suốt hàng thập kỉ tôi đã làm công việc so sánh các hệ thống sống *cạnh nhau*. Bây giờ xuất hiện cơ hội có một không hai để quan sát và giải nghĩa, nếu các hệ thống khác nhau xuất hiện *nối tiếp nhau*, thì có nghĩa là gì. Trong khi tất cả mọi người lải nhải sử dụng không biết chán cụm từ "sự thay đổi hệ thống", không có sự thống nhất chung nào trong chuyện, điều này có nghĩa là gì. Thậm chí, lưu hành những giải nghĩa đối lập nhau gay gắt và gây ra rối loạn trong thảo luận chính trị.

Đối với bản thân mình tôi đã làm rõ vấn đề này, khi tôi làm việc trên cuốn *Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* của tôi. "Hệ thống" là một trong những khái niệm trung tâm của tác phẩm này, như đầu đề của nó cũng báo hiệu. Trước đây đã có nói đến nó rồi, nhưng ở đây sẽ hợp lí đi tóm tắt một lần nữa: theo quan niệm của tôi ba đặc trưng chính phân biệt các hệ thống "lớn" khỏi nhau: 1. cấu trúc chính trị và hệ tư tưởng chính trị thống trị gắn liền với nó, 2. các quan hệ sở hữu và 3. các cơ chếđiều phối (điều phối thị trường, điều phối quan liêu và sự phổ biến tương đối của các cơ chế khác). Việc đánh số thứ tự không tuỳ tiện, mà biểu thị sự xếp hạng thứ tự về vai trò quyết định của ba thành phần chính này. Nếu cho trước ba đặc trưng này, thì nó xác định các đặc tính

https://thuviensach.vn

khác, cũng quan trọng của hệ thống: những sự đều đặn vềứng xử, những tương quan lực lượng bền vững của thị trường và v.v.

Các đặc trưng của hệ thống xã hội chủ nghĩa cổđiển: độc quyền quyền lực của đảng cộng sản thù địch với sở hữu tư nhân và thị trường, ưu thế của sở hữu công và điều phối quan liêu. Các đặc trưng của hệ thống tư bản chủ nghĩa: chế độ chính trị thân thiện với sở hữu tư nhân và thị trường, ưu thế của sở hữu tư nhân và điều phối thị trường. Sự thay đổi hệ thống xảy ra, khi hệ thống mới thế chỗ của hệ thống xã hội chủ nghĩa đã biểu lộ các đặc trưng của chủ nghĩa tư bản.

Ở trên tôi đã cố gắng diễn đạt mô tả đặc trưng của hai hệ thống một cách súc tích nhất có thể, sử dụng số tiêu chuẩn ít nhất có thể. Vì thế tôi cũng lưu ý riêng bạn đọc về, cái gì là cái, *không* thuộc về sự giải nghĩa thay đổi hệ thống do tôi đưa ra.

Tôi không gắn bất cứ sự phán xét giá trị nào. Không phải cứ như tôi muốn tránh đánh giá – chẳng bao lâu tôi sẽ đề cập đến. Thế nhưng bản thân *khái niệm* là thuật ngữ thực chứng, mô tả, không mang giá trị. Tôi có thể vui mừng về sự thay đổi hệ thống, người khác thì có thể lên án - về vấn đề này chúng ta vẫn có thể thống nhất xem từ có nghĩa là gì. Hoà trộn những mong đợi của chúng ta về "xã hội tốt đẹp" với định nghĩa thực chứng của hệ thống dĩ nhiên là đánh lạc hướng. Hệ thống xã hội chủ nghĩa không phải là đế chế của ác quỷ, và hệ thống tư bản chủ nghĩa không phải là hiện thân xã hội của hài hoà, lẽ phải và quyền tự do. Chúng ta nói về mô hình tổng quát của hai sản phẩm lịch sử có thực.

Sự thay đổi hệ thống có nghĩa là sự biến đổi triệt để của các kết cấu, các thể chế, các quan hệ xã hội, những sự liên kết, các tương tác điển hình, chứ không phải là sự thay phiên gác giữa các cá nhân, các cá thể hay các nhóm người. Tất nhiên đúng, rằng giữa quá trình thay đổi trước (cơ cấu-thể chế) và quá trình thay đổi sau (xảy ra trong các vai trò và vị trí được phân cho các cá nhân) có tương quan. Cái trước ở mức độ nhất định, với độ trễ nhất định kéo theo cái sau. Thế nhưng cái trước có tác động quyết định của nó, cái sau đúng hơn chỉ là hiện tượng đi kèm.

Cuối cùng còn một cảnh cáo nữa. Liên quan đến yếu tố quyết định số một, đến kết cấu chính trị, sự thay đổi hệ thống khi ấy cũng có thể xảy ra, nếu phương thức chính thể mới không là nền dân chủ, mà là sự

https://thuviensach.vn

thống trị bạo ngược loại nào đó, là chế độ chính trị độc đoán, là độc tài quân sự, v.v. Quy định do tôi đưa ra chỉđòi hỏi, rằng nó hãy "thân thiện" với các đặc trưng của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, với sở hữu tư nhân và thị trường, đừng chống lại sự lan rộng của chúng, mà hãy giúp việc này. Kết cấu chính trị của hệ thống xã hội chủ nghĩa có thể được thay thế bởi sự khủng bố của tập đoàn quân sự kiểu Pinochet, bởi quyền lực của bè lũ gia đình nảy sinh từ tầng lớp lãnh đạo một thời [nomenklatura] (nhưđã xảy ra ở nhiều nước trung Á), hay ngay cả bởi chính quyền chuyên chế tồn tại suốt thời gian dài của một nhóm tự gọi mình là đảng Marxist-Leninist trong lời nói. (Có thể tưởng tượng được, rằng ở Trung Quốc hay ở Việt Nam sự biến đổi rồi sẽđi theo hướng này). Sự may mắn lịch sử vô giá của Đông Âu là, ở các nước chúng ta sự thay đổi hệ thống đã xảy ra, liên quan đến cơ cấu chính trị thì chế độ chính trị dân chủđã thế chỗ của chế độ độc tài.

Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa có thể tồn tại mà không có dân chủ. Nhiều thí dụ lịch sử chứng minh điều này. Nhưng tuyên bố không thể đảo ngược được. Nền dân chủ không thể tồn tại mà không có chế độ tư bản chủ nghĩa.(*)Khẳng định này có thể được chứng minh bằng lập luận logic và cũng được củng cố bởi kinh nghiệm lịch sử từ trước đến nay.

(*) Phải đưa thêm một hạn chế vào khẳng định này, cụ thể là, chúng ta nói về nền dân chủ hoạt động trong xã hội công nghiệp hiện đại. Hiển nhiên, rằng nền dân chủ Hi Lạp cổ có thể coi là tiền bối lịch sửđã gắn với trật tự kinh tế khác.

Chuyển từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản có nghĩa là gì và không có nghĩa là gì -tiểu luận của tôi với đầu đề này trình bày những ý tưởng trên, đã xuất hiện năm 2000 trong tạp chí kinh tế học Mĩ được nhiều người đọc nhất, trong *Journal of Economic Perspectives*.(*) Mặc dù bài viết này đi quanh đề tài ở mức *lí thuyết* về những sự thay đổi xã hội-kinh tế, nó cũng mang thông điệp chính trị. Thường xuyên nghe các nhà bình luận mị dân-dân tuý, rằng "vẫn chưa xảy ra sự thay đổi hệ thống". Tôi sợ, rằng ai lặp đi lặp lại những lời chê bai này, chẳng hiểu chút gì cả về, các từ này có nghĩa là gì: hệ thống và thay đổi hệ thống.

Tất nhiên sự thực trần trụi, rằng sự chuyển đổi xảy ra giữa các hệ thống "lớn", và chủ nghĩa tư bản thay thế chủ nghĩa xã hội, vẫn để ngỏ

https://thuviensach.vn

nhiều vấn đề. Có nhiều loại chủ nghĩa tư bản. Vai trò đáng kể hơn đổ lên vai nhà nước trong một loại, trong loại khác vai trò ít đáng kể hơn; sự bất bình đẳng về phân chia quyền lực, các quyền, của cải và thu nhập trong một loại là lớn hơn, trong loại khác là nhỏ hơn; khuyến khích để phát triển kĩ thuật là mạnh hơn trong một loại, là yếu hơn trong loại khác, và v.v. Vấn đề tranh luận không phải là, đã xảyra sự thay đổi hệ thống hay không, mà là, các quá trình biến đổi dịch chuyển theo hướng của sự hiện thân cụ thể loại nào của hệ thống mới. Gắn với cái này là câu hỏi chuẩn tắc: chúng ta thích dịch chuyển theo hướng nào. Và ở đây chúng ta đã đến những phán xử giá trị.

Những mong đợi và những thất vọng, chủ nghĩa bi quan và chủ nghĩa lạc quan

Nhiều người ở Hungary và nói chung ở vùng Đông Âu đã thất vọng. Họ đã mong đợi cái khác, nhiều hơn, tốt hơn từ sự thay đổi hệ thống. Bây giờ tôi không chỉ nghĩ đến những người, thực sự bị thua thiệt trong bước ngoặt, bởi vì họđã mất việc làm, bởi vì đã bị lún xuống thấp hơn trên thang thu nhập, bởi vì họ bị tước mất đặc ân nào đấy. Nhiều trí thức đã thất vọng, trong số họ cả những người, mà tình hình vật chất của họđã không xấu đi, có lẽ còn được cải thiện nữa, và những người về cá nhân đã chẳng bị xúc phạm gì, thậm chí có thể cũng còn được hưởng những sự thừa nhận mới. Nhiều sự bất lương, dối trá, vung vãi, chiếm đoạt tài sản nhà nước làm cho những người này buồn phiền. Họ kinh tởm các cuộc đấu khẩu vô ích lan rộng trong đời sống chính trị, những sự lạm dụng không được phát hiện, những vụ vạch trần mà không có hậu quả hay những sự lờ tố giác đi, sự cấu kết giữa giới kinh doanh và chính trị. Họ phẫn nộ vì những giọng thù hằn. Sự giàu có phô trương và sự khốn cùng thương tâm sờ sờ cạnh nhau làm tổn thương cảm giác lẽ phải của họ.

Bản thân tôi cũng chia sẻ với các bạn trí thức của mình trong tất cả cảm giác cay đắng và phẫn nộ. Tuy nhiên tôi không thêm vào, rằng – chí ít liên quan đến các hiện tượng được liệt kê – tôi *thất vọng*. Chúng ta thất vọng khi, nếu chúng ta mong đợi nhiều hơn, và những mong đợi của tôi, có vẻ, đã được kiềm chế, có mức độ, khiêm tốn hơn nhiều, so với của những người khác, của bạn bè và những người quen của tôi, những người cảm thấy, rằng sự thay đổi hệ thống đã không thực hiện được những hi vọng của họ.

https://thuviensach.vn

(*) Trước đó tôi đã công bố một phiên bản dài hơn ở Anh. Tổng biên tập của tạp chí nói trên đã mời tôi làm một phiên bản ngắn hơn của tiểu luận cho số đặc biệt xuất bản nhân dịp kỉ niệm thiên niên kỉ. Bài viết cũng đã xuất hiện bằng tiếng Hungary năm 1997 với đầu đề *Thay đổi chế độ có nghĩa là gì và không có nghĩa là gì*, rồi tôi cũng đã công bố bằng nhiều tiếng khác [có cả bản dịch tiếng Việt, N.D.].

Tôi nhắc lại bài viết của tôi được công bố năm 1980, đã được nhắc đến ở một chương trước. Tôi nói một cách châm biếm về những người tưởng tượng lịch sử như một siêu thị tiện lợi, nơi chúng ta bỏ vào các xe mua hàng của mình cái, mà chúng ta thích từ các tính chất của các hệ thống khác nhau, và chúng ta mang về nhà với sự kết hợp tuỳ ý theo sở thích riêng của chúng ta. Lịch sử chào "các gói"; trong đó có chủ nghĩa tư bản "hiện tồn" với những căn bệnh nội tại, mang tính đặc thù hệ thống của bản thân nó.

Năm 1983 tôi công bố một tiểu luận với đầu đề *Về sức khoẻ của các quốc gia*.[243] Tôi đã cho một tổng quan bệnh lí học ngắn gọn, liệt kê bảy căn bệnh nghiêm trọng: lạm phát, thất nghiệp, sự thiếu hụt, sự tăng vô độ nợ nước ngoài, những rối loạn tăng trưởng, sự bất bình đẳng có hại, quan liêu hoá. (Tất nhiên, còn có thể đưa thêm vài căn bệnh nữa vào danh sách này). Sau đó tôi đã đánh bạo đưa ra khẳng định, rằng không tồn tại trật tự xã hội-kinh tế mạnh khoẻ. Nhưng chúng ta có thể lựa chọn các bệnh! Chúng ta hãy vui mừng, nếu chúng ta có khả năng tạo ra loại chế độ xã hội-kinh tế, mà chỉ bị hai hay ba bệnh trong số các căn bệnh trên dày vò. Trong các trường hợp xấu nhất thì bốn hay năm bệnh có thể hành hạ chúng ta cùng một lúc.

Không gây cho tôi sự ngạc nhiên, rằng chuyển từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản xuất hiện thất nghiệp hàng loạt. Nhiều nhất chúng ta có thể đấu tranh để giảm mức độ của nó một cách đáng kể, nhưng loại bỏ hoàn toàn nó là không thể. Không gây cho tôi bất cứ ngạc nhiên nào, rằng sự bất bình đẳng về thu nhập đã tăng một cách nhảy vọt. Chúng ta không có khả năng thực hiện sự cào bằng cực đoan. Mặt khác bõ công nỗ lực, để chúng ta giúp vực đậy những người cần đến sự giúp đỡ, và đảm bảo những điều kiện cần thiết cho sự tồn tại xứng đáng với con người cho tất cả mọi người.

Nhiều nhân tốđã góp phần vào việc, những mong đợi của riêng tôi thực tế hơn, so với của nhiều bạn trí thức của tôi. Tôi là nhà so sách hệ

https://thuviensach.vn

thống "chuyên nghiệp", đấy là nghề của tôi. Suốt hàng thập kỉ trung tâm của các nghiên cứu của tôi đã là, tôi tìm hiểu lịch sử tự nhiên của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản và so sánh chúng. Hơn nữa không chỉ từ các cuốn sách, trên cơ sở những kinh nghiệm sống của các chuyến đi du lịch ngắn tình cờ tôi hình thành bức tranh về các nước tư bản chủ nghĩa cho bản thân mình, mà là từ những kinh nghiệm thường nhật của nhiều năm dài sống ở đó. Tôi đã tận dụng khả năng, để đối sánh một cách có mục đích những khẳng định của tài liệu chuyên môn với cái tôi nhìn thấy bằng chính mắt mình. Tôi có thể bình tâm tuyên bố: tôi không có những ảo tưởng liên quan đến chủ nghĩa tư bản.(*)Biết các đặc điểm xấu xí của nó nhìn từ quan điểm bất lợi và đạo đức tôi quyết định trong bản thân mình: dù sao tôi vẫn thích sống trong hệ thống tư bản chủ nghĩa hơn trong trại xã hội chủ nghĩa dù là trại vui nhất.

Tôi còn nói thêm một điều cho việc giải thích, vì sao sự thay đổi hệ thống lại không gây ra sự vỡ mộng trong tôi. Quy tắc phân tích đã ăn sâu trong tôi là, phải tách biệt nghiêm ngặt cách tiếp cận thực chứng và chuẩn tắc của một hiện tượng. Tất cả mọi người đều có quyền theo đuổi những mộng mơ. Sẽ đặc biệt buồn, nếu các nhà thơ bỏ thói quen này. Thế nhưng làm tôi phát cáu, nếu các chuyên gia tự cho mình là các nhà khoa học xã hội lại lẫn lộn sự không tưởng với các khả năng thực. Đặc biệt chọc tức, nếu từ sự rối loạn trí tuệ này họ cũng còn làm ra đức hạnh, và nhún vai, nếu họ quy trách nhiệm cho chúng về những khả năng thực hiện các giấc mơ màu hồng của họ.

(*)Tôi cảm thấy sự giống nhau giữa hai loại thế giới ảo tưởng. "Những người cánh tả mới" đã xây dựng xã hội không tưởng xã hội chủ nghĩa trên những mộng tưởng của mình, rồi đoạn tuyệt một cách thất vọng với chủ nghĩa xã hội *đã được thực hiện*. Trước khi thay đổi chế độ nhiều trí thức từ những ảo tưởng đã tạo ra trong mình một bức tranh méo mó về "phương Tây", về nền dân chủ và nền kinh tế thị trường hoạt động ở đó. Sau đó khi đối mặt với chủ nghĩa tư bản đang được thực hiện, lại thất vọng, bởi vì không so sánh nó với những thay đổi thực tiễn, mà lại so sánh với xã hội không tưởng của riêng mình.

Có xảy ra, là hầu như tôi trơ trọi một mình, trong hội những trí thức hợpý với nhau, với ý kiến của mình, rằng về cơ bản tôi coi sự thay đổi chế độ như thành quả vĩ đại. Không chỉ trong trạng thái lâng lâng đầu tiên 1989-1990 tôi cảm thấy, rằng bước ngoặt may mắn của

https://thuviensach.vn

lịch sửđã dành cho tôi ấn tượng sống tuyệt vời, mà ngày nay, sau một thập niên rưỡi tôi cũng nghĩ như vậy.

Xưa kia trong va li tôi đã cố mang từ phương Tây về vài mặt hàng khan hiếm không kiếm được ở trong nước; ngày nay sự đa dạng hàng hoá ở Budapest phong phú hơn ở Boston. Khi đó tôi đã phải cầu khẩn với sự chiếu cố để có điện thoại; ngày nay các hãng điện thoại tranh đua lấy lòng tôi. Có thể, là chính tôi, tác giả cuốn sách *Sự thiếu hụt* chỉ còn một mình, là người cho việc xoá bỏ nền kinh tế thiếu hụt kinh niên một tầm quan trọng lớn? Rằng những người khác đã chẳng còn nhớ đến điều này; ngay cả những người lớn tuổi hơn, những người khi đó đã oán trách đến thế nào vì việc đó?

Một thời tôi đã phải xin sự đồng ý của bí thư đảng và lãnh đạo phòng tổ chức, để có thể nhận được "cửa sổ", sự cho phép xuất cảnh trong hộ chiếu của tôi. Ngày nay tôi lên tàu hoả hay máy bay lúc nào tôi muốn. Trước đây chúng ta nháy mắt một cách đồng loã, nếu ai đó lén đưa được một cú đâm phê phán vào bài viết được in của mình. Ngày nay chỉ người không muốn, mới không viết ra trong nhật báo nào đó hay nói ra trên TV ý kiến triệt hạ của mình về các nhà lãnh đạo chính trị. Đối với tôi *không phải là hiển nhiên*, rằng chúng ta đã đạt đến đây. Nếu tôi bắt đầu nhắc đi nhắc lại điều này trong giới các bạn tôi, tất nhiên tôi tìm thấy sự nhất trí. "Ừ phải, cậu đúng, nhưng…" - họ nói, rồi ngay tức khắc họ không nhắc đến nữa và lại bắt đầu liệt kê những lời than phiền và các hiện tượng đáng tức hay gây phẫn nộ.

Tôi không hề khẳng định, rằng tôi không bị bất cứ thất vọng nào. Đã nảy sinh những căn bệnh, mà tôi đã không được chuẩn bị, hay nếu tôi đã có tính đến sự nảy sinh của chúng đi nữa, tôi đã chẳng tin, rằng chúng sẽ xuất hiện với sức lực lớn đến chừng ấy. Tôi nói điều này một cách tự phê bình. Tôi không nói ngay lúc này về các hiện tượng có hại hay ghê tởm, những cái đã *không thểđoán trước được*. Nếu tôi đã suy nghĩ kĩ trước sâu hơn và đầy đủ hơn, có thể chờ đợi những thay đổi như thế nào, thì tôi đã có thể tính đến chúng.

Thí dụ đã có trong tôi một chút ảo tưởng ngây thơ liên quan đến hoạt động của quốc hội. Điều này có thể bắt quả tang thí dụ trong *Con đường*. Tôi đã mong đợi quá nhiều vào sự tách biệt của các nhánh quyền lực; vào chuyện, nhánh lập pháp có thể kiểm soát một cách hữu hiệu quyền lực hành pháp, tức là quốc hội đối với chính phủ. Có lẽ là

https://thuviensach.vn

quan hệ giữa tổng thống và quốc hội Mĩ đã lớn vởn trước mắt tôi trong một trong những giây phút tốt nhất của lịch sử nền dân chủ Mĩ; ấn tượng lớn của vụ Watergate, khi các các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ, trong sốđó có cả các bạn đảng viên cộng hoà của Nixon nữa, đã tiến hành đến cùng cuộc điều tra với sự nhất quán hoàn toàn, mà nó kết thúc với sự từ chức của tổng thống. Hay nhiều phiên họp uỷ ban thượng hay hạ viện, mà tôi đã nghe hết trên TV, và tôi đã thấy, khi các nhà lập pháp – trong nhiều trường hợp vượt quá các lợi ích đảng phiến diện- cố kiểm soát công việc của chính phủ. Trong câu cuối cùng đã có thể đọc được sự hạn chế: "trong nhiều trường hợp"- tức là ở đó cũng không luôn luôn.(*)

(*)Những người ủng hộ nền dân chủ Mĩ ở trong nước và những người kính trọng nó ở bên ngoài biên giới Hoa Kì lo lắng theo dõi, rằng -viện đến sự ngăn chặn nguy cơ khủng bố -người ta thực thi những quy định hạn chế hiệu lực của các quyền con người. Tôi hi vọng vào chuyện, rằng - hệt như trong nhiều trường hợp trước đây -cuối cùng thì các lực lượng của nền dân chủ Mĩ sẽ có khả năng bảo vệ các thành quả của họ. [Mới đây Toà án tối cao liên bang (nhánh tư pháp) đã phán quyết buộc tổng thống Bush phải huỷ bỏ một số quy định liên quan đến nhà tù ở Guantanamo, là một bằng chứng theo hướng đó, N.D.].

Sẽ là ảo tưởng đi hi vọng từ một nền dân chủ cho dù đã chạy tốt: từ sự thực đơn thuần, rằng ai đó được bầu làm đại biểu quốc hội, thì người ấy trên tinh thần đạo đức cao thượng, chỉ đặt các lợi ích của khu vực bầu cử của mình và của đất nước lên trên hết sẽ sẵn sàng chống lại đảng của chính mình và chính phủ được mình ủng hộ. Lẽ ra tôi đã phải lường trước một cách tỉnh táo hơn, chính phủ và phe đa số ở quốc hội hợp tác như thế nào trong hoàn cảnh bình thường. Bây giờ, rút ra bài học từ thí dụ của các nền dân chủ Hungary và đông Âu khác, tôi buộc phải học bài học này.

Tôi đã không chuẩn bị đủ đối với các hiện tượng dân tộc chủ nghĩa hay giống thế, mà thực tế chúng đã nổ tung vào thế giới xã hội chủ nghĩa trước kia. Tôi đã có tính một chút đến việc này, nhưng đã không tính đến chuyện, rằng nhóm này của các hiện tượng sẽ bành trướng uy quyền mãnh liệt đến như vậy trong đời sống chính trị, trong thế giới tinh thần và trong các mối quan hệ con người.

https://thuviensach.vn

Các liên bang không đồng nhất về mặt chủng tộc, Liên Xô và Nam Tư, đã tan rã. Ở Nam Tư trước kia đã liên tiếp xảy ra chiến tranh. Trên lãnh thổ Liên Xô chiến tranh đã xảy ra giữa Azerbajzan và Armenia, và cho đến nay cuộc chiến đấu với người Chechen vẫn còn tiếp. Ở nơi không xảy ra xung đột vũ trang đi nữa, những tình cảm độc lập dân tộc đã bùng lên. Tiệp Khắc đã tan rã thành hai nước, Czech và Slovakia. Nơi mạnh hơn, nơi với cường độ ôn hoà hơn, nhưng có những căng thẳng liên quan đến tình hình các sắc tộc thiểu số ở nhiều điểm của Đông Âu giữa các nước láng giềng với nhau. Các sắc tộc thiểu sốđòi các quyền cho mình. Sắc tộc đa số trước kia (thí dụ những người Nga) đột ngột biến thành thiểu số (có thể thành thiểu số bị áp bức) trong các nước lân cận.

Bên trong mỗi nước bỗng xuất hiện các hiện tượng có hại và ghê tởm gắn với chiều kích dân tộc, song song với các xung đột quốc tế, trên cùng làn sóng tinh thần với chúng. Tôi liệt kê vào đây tính bài ngoại, sự khinh miệt dân chúng của các nước láng giềng, đầu óc chống Roma và bài Do Thái, mà trước đó chỉ xuất hiện lác đác, rồi đã mạnh lên và hầu nhưđã trở thành "tươm tất, hợp với nhóm hội".

Trong chương 1 và chương 2 của cuốn sách tôi đã viết về: đã có nghĩa là gì trong thời nhỏ của tôi và buổi đầu của đời sống người lớn của tôi, rằng tôi đã sinh ra là người Do Thái. Tất nhiên, trong nửa thế kỉ giữa chừng của đường đời của mình tôi cũng không quên điều đó, nhưng đối với tôi nó đã không quan trọng. Tôi thờ ơ, rằng Marx là người Do Thái còn Stalin thì không, đầu tiên tôi đã tin cả hai, muộn hơn tôi đã đoạn tuyệt với cả hai. Tôi không quan tâm, rằng Rákosi là người Do Thái và Kádár thì không, đầu tiên tôi đã tin tưởng cả hai, rồi tôi đã chống lại cả hai. Tôi không để ý, phải chăng ai là người Do Thái giữa những người, mà các bài viết của họđã bắt đầu ảnh hưởng đến tôi, những người tấn công các bài viết của tôi và những người đã xuất bản chúng, những người đã ngăn đường tôi dạy đại học và những người đã mời tôi làm giáo sư. Tôi không phải là người phân biệt chủng tộc. *Đối với tôi* không quan trọng, rằng các quy chế Nünberg hay quy định pháp lí Hungary ra lệnh đeo sao vàng, đánh giá ai là người Do Thái. Tôi lại nhớ đến bản sắc Do Thái của mình, khi xuất hiện bài viết của nhà thơ Csoóri Sándor, bài đã tuyên bố: sau Auschwitz vô vọng đi tính đến chuyện, rằng những người Do Thái sống ở Hungary là người Hung thực sự.(*) Trong con mắt ông tôi không đủ là người Hung?

https://thuviensach.vn

(*)“Với Nền cộng hoà Soviet [Hungary, 1919], với thời kì Horthy, nhưng đặc biệt với thời kì Tai hoạ [Holocaust] khả năng hoà hợp đã chấm dứt… dân Do Thái Hungary có tư tưởng tự do muốn hoà đồng theo cách và theo tư duy của người Hung. Để làm điều này nó đã có thể đẽo, gọt, đóng cái bục nghị viện, mà cho đến nay vẫn chẳng bao giờđóng được” (Csoóri 1990, tr. 5).

Tôi không muốn học phân loại người theo chủng tộc hay tôn giáo từ những người bài Do Thái và những người phân biệt chủng tộc. Tôi có thể diễn đạt lập trường của bản thân mình, về mặt này, như sau: từ sự tự vệ, trong sự bảo vệ phẩm giá con người tôi là Do Thái. Nếu mày là kẻ bài Do Thái, thì tao ngẩng cao đầu nhận, rằng tao là người Do Thái. Dẫu sao đi nữa tôi không xét tới sự phân biệt vô đạo đức và khảố này đối với con người.

Tôi cần thừa nhận ngần ấy: tôi đã không tính đến việc, tôi sống qua cái ngày, khi sẽ có những người đưa “vấn đề Do Thái” lên chương trình nghị sự. Trong khía cạnh này thời kì sau thay đổi chế độ đã gây thất vọng cho tôi.

Tôi đã nói với sự nhấn mạnh đủ về chuyện có các hiện tượng trái ngược, và cũng cả, rằng cái này cái nọ trong sốđó cũng đã làm tôi bất ngờ. Trước bạn đọc tôi không muốn có vẻ là người quan sát không phê phán những thay đổi đã xảy ra. Xã hội, mà chúng ta sống trong đó, đang sôi, cái xấu và cái tốt, cái đẹp và cái bỉổi trộn lẫn trong đó. Không có quy tắc khách quan cho việc, phải đánh giá các tỉ lệ như thế nào.

Có nhiều người bi quan trong số những người, mà tôi có mặt trong hội họ. “Này cậu nghĩ thế nào…”-các bạn tôi đón tiếp và họ nhắc lại các chuyện khảố mới nhất. Tôi có thể nói gì? Nói theo cách Pest, có vẻ như “chủ nghĩa lạc quan kho bạc nhà nước” và gợi nhớ lại việc nói huyên thuyên của những người tuyên truyền vận động quần chúng và những người đi công tác nông thôn thời xưa, nếu tôi bắt đầu mô tả những điểm tích cực của sự thay đổi chế độ và những kết quả dự kiến của sự phát triển tương lai. Trong tiểu sự tự thuật của mình là đủ, nếu tôi giới hạn ở việc kể về chủ nghĩa bi quan và chủ nghĩa lạc quan của bản thân tôi.

Trước khi thay đổi chế độ tôi đã thiên về chủ nghĩa bi quan, nhưng về một loại đặc biệt của nó. Chủ nghĩa bi quan không thể cản trở tôi

https://thuviensach.vn

hành động – tôi viết năm 1983 trong tiểu luận có nhan đề *Sức khoẻ của các quốc gia* vừa được nhắc tới. Tôi trích *Dịch hạch* của Camus; trích cuộc trò chuyện của bác sĩ nhân vật chính, Rieux, với bạn ông, Tarrou, người giúp ông trong cuộc chiến chống dịch hạch: "- Đúng – Tarrou đồng ý–tôicóthể hiểu. Nhưng những thắng lợi của ông luôn luôn chỉ sẽ là tạm thời, tất cả chỉ có thế. – Nét mặt Rieux rầu rĩ. – Luôn luôn, tôi biết rõ điều ấy. Thế nhưng điều này vẫn chẳng là lí do, để tôi bỏ cuộc".[244]

Năm 1986, trong lời nói đầu của lần xuất bản ở Mĩ của cuốn *Những mâu thuẫn và những nan giải (Contradictions and Dilemmas)* của tôi có thể đọc được: "Tôi phải cảnh báo bạn đọc: đây không phải là cuốn sách lạc quan. Nhưng cũng không bi quan. Có một truyền thống Hungary hàng thế kỉ: nhẫn nhục hay; cay đắng, giận dữ, kết cục may mắn của các công việc mập mờ hay không chắc chắn -thế mà vẫn làm việc siêng năng và lương thiện vì số phận tốt đẹp hơn".[245]

Liên quan đến tôi, từ khi thay đổi chế độ trong tâm trạng tôi thành phần của hỗn hợp chủ nghĩa bi quan-chủ nghĩa lạc quan đã nghiêng về phía chủ nghĩa lạc quan. Sẽ là công việc không nhiêm túc đi làm bản cân đối trong vài dòng về những nét thuận lợi và không thuận lợi của những thay đổi xảy ra trong nước và trên thế giới- một cuốn sách dài khác cũng chẳng đủ cho việc này. Tôi chỉ nhắc đến vài hiện tượng nhằm minh hoạ, những loại thay đổi nào đã ảnh hưởng đến sự biến chuyển về cảm nhận cuộc sống, về nhân sinh quan của tôi. Tôi không phủ nhận những tai ác, tôi thấy chúng một cách chính xác. Thế nhưng kể từ khi, trong khu vực hậu xã hội chủ nghĩa cơ hội tự do đã mở ra cho hàng trăm triệu người, tôi nhìn tương lai một cách khác đi. Làn sóng dân chủ lớn mới này đã bổ sung thêm vào những dịch chuyển trước đây theo hướng dân chủ. Đo bằng quy mô, bằng tỉ lệ xích lịch sử, thì lãnh thổ trên trái đất, nơi chế độ chuyên quyền ngự trị, đã thu hẹp hơn rất nhiều, và khu vực, nơi các thể chế dân chủ hoạt động mạnh hơn hay yếu hơn, đã rộng hơn rất nhiều. Ngay cả nếu đây đó quá trình có dừng lại đi nữa, thậm chí có thể quay ngược lại – tôi tin, rằng điều này chỉ có thể tồn tại một thời gian ngắn. Bản thân tôi cũng kinh sợ theo dõi những tội các khủng khiếp của chủ nghĩa khủng bố, và tôi cảm thấy, có thể kéo theo những hậu quả không thể lường trước, nếu các vũ khí huỷ diệt hàng loạt rơi vào tay bọn khủng bố. Bất chấp điều

https://thuviensach.vn

này tôi tin, rằng quá trình lịch sử của sự phổ biến dân chủ, xét xu thế dài, hàng thập kỉ-thế kỉ, sẽ vẫn tiếp tục trong tương lai.

Đúng, không đồng đều trong phân chia, thế nhưng sản xuất tăng lên, kĩ thuật phát triển ở mọi nơi, và cùng với việc này là số lượng các nguồn lực sẵn có cho tiêu dùng của con người. Tôi hoàn toàn hiểu rõ là, sẽ luôn có những khó khăn mới. Tuy vậy tôi vẫn không muốn than vãn về những nỗi chua xót của "xã hội tiêu thụ" hay những rắc rối do sự già đi của xã hội, do sự phổ biến của máy tính. Là tiến bộ trong con mắt tôi, nếu đèn điện bật sáng ở nông thôn và có cống rãnh dẫn nước bẩn, nếu người ta ngăn chặn các bệnh dịch, nếu tuổi thọ được kéo dài, và công nghệ thông tin và viễn thông hiện đại kết nối những con người lại gần nhau hơn. Tôi đã trở thành *người lạc quan* thấy những rắc rối, muốn giúp giải quyết chúng.

Collegium Budapest

Do thay đổi chế độ nên hoàn cảnh công tác của tôi ở Budapest đã có thay đổi cơ bản. Từ 1955 tôi đã là cán bộ Viện Khoa học Kinh tế của Viện Hàn Lâm Khoa học Hungary, trừ chín năm tôi làm ở các nơi khác sau khi tôi bị đẩy ra khỏi viện. Năm 1992 họ mời tôi tham gia vào công việc của *Collegium Budapest* đang hình thành. Tôi nhận lời mời, và tôi trở thành một trong những người sáng lập của Collegium. Với việc này trọng tâm hoạt động của tôi ở Budapest chuyển từ Viện Khoa học Kinh tế sang chỗ làm việc mới. Như mọi lúc chia tay, những cảm giác nặng nề cũng gắn liền với sự thay đổi này. Nhiều sợi dây tình cảm, tình bạn, kỉ niệm đã gắn tôi với viện, mà với nhiều cán bộ của nó tôi vẫn có quan hệ mật thiết.(*)

Giáo sư Wolf Lepenies, hiệu trưởng viện *Wissenschaftskolleg* ở Berlin đã khởi xướng việc thành lập Collegium. Học viện Berlin theo gương, theo cách hoạt động của *Institute for Advanced Study* ở Princeton. Như trong một chương trước tôi đã mô tả: loại học viện đặc biệt này tạo khả năng tuyệt vời, để nhà nghiên cứu được mời trong thời gian dài, dù suốt cả một năm, được miễn mọi nghĩa vụ giảng dạy và hành chính, có thể hiến dâng mình một cách không gò bó cho việc suy nghĩ, viết, nghiên cứu, học tập. Wolf Lepenies và cộng sự thân tín nhất của ông, Joachim Nettelbeck, thư kí của học viện Berlin đã thấy thế này: đã đến lúc, ở đông Âu cũng hãy ra đời một *Institute for Advanced*

https://thuviensach.vn

Study. Sau một chút do dự, cân nhắc các khả năng ở Ba Lan và Czech nữa, cuối cùng họ đã chọn

(*) Trong chương 11 nói về cuộc sống ở viện tôi đã kể: đã hình thành truyền thống, rằng cùng với nhóm của mình chúng tôi đi ăn trưa ngay mười một giờ rưỡi. Chắc chắn, là sự phục vụ của tôi ở viện đã không trôi đi mà không có dấu vết gì. Những cán bộ vẫn còn làm ở viện đến ngày nay của nhóm Kornai trước kia vẫn tiếp tục đi ăn trưa đầu tiên, vào lúc 11 giờ rưỡi, cụ thể là không chỉ khi, nếu ngẫu nhiên tôi đến thăm họ, mà cả vào những ngày khác nữa.

Hungary làm trụ sở của học viện anh em sẽ được thành lập. Họ đã tuyển mộ đội các nhà tài trợ học viện, nhiều chính phủ và quỹ tây Âu.

Giáo sư Lepenies đã đề nghị tôi hợp tác ngay từ đầu các cuộc đàm phán. Tôi đã không đảm nhận chức hiệu trưởng, mà chỉ vì thế cũng không, bởi vì một nửa thời gian tôi ở Đại học Harvard. Tuy nhiên tôi đã sẵn sàng làm thành viên của ban tham mưu hẹp chỉ đạo Collegium với tư cách permanent fellow, thành viên thường xuyên của viện.

Tôi đã vui lòng dành phần đáng kể năng lực của mình để thúc đẩy hoạt động của Collegium. Giữa những thứ khác, như vậy hàng năm tôi tham gia vào việc chọn những nhà nghiên cứu sẽ được mời, các fellow. Collegium là học viện *quốc t*ế hoạt động ở nước Hungary. Chúng tôi cố gắng, để những người Hung (trong số họ cả người ở trong nước, lẫn những người Hung sống ở các vùng khác nhau trên thế giới, ngoài biên giới Hungary) và những người nước ngoài, cụ thể là cả "những người phương Đông" và "những người phương Tây" đến làm việc ở chỗ chúng tôi với những tỉ lệ cân đối.

Chúng tôi là viện đa ngành. Đây là một trong những sức hấp dẫn chính của loại học viện đặc biệt này. Trong bữa trưa nhà âm nhạc học và nhà nghiên cứu gen, nhà triết học và nhà sử học ngồi cạnh nhau và có thể trao đổi những chuyện gây cảm hứng. Tất cả các fellow buộc phải báo cáo về công việc riêng của mình trên seminar cho những người khác, mà cụ thể là sao cho, để những người khác, các bạn thuộc các ngành khác cũng hiểu được. Khi lựa chọn các lời mời với sự thận trọng lớn cần hình thành các tỉ lệ hợp lí giữa những người làm trong các ngành khác nhau.

Một bộ phận các nhà nghiên cứu làm việc một mình, trên lĩnh vực nghiên cứu riêng của họ. Phần còn lại được tổ chức thành các nhóm. Tuỳ từng thời gian, để nghiên cứu các đề tài khác nhau chúng tôi lập ra một-một nhóm tiêu điểm. Bản thân tôi đã ba lần khởi xướng, rồi tổ chức nhóm nghiên cứu loại như vậy. Gần đây nhất, cùng với một giáo

https://thuviensach.vn

sư của Đại học Yale, với Susan Rose-Ackerman chúng tôi đã đặt ra mục tiêu nghiên cứu đề tài sau: *Tính ngay thẳng và lòng tin dưới ánh sáng của chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa.* Các nhà kinh tế học, xã hội học, chính trị học, nhân học, triết học, luật học đã tham gia vào công việc nghiên cứu. Các nhà nghiên cứu được tuyển mộ từ 11 nước. Hơn 40 tiểu luận đã hoàn thành, và từ đấy chúng tôi đã lựa chọn ra tư liệu cho hai cuốn sách được xuất bản năm 2004.[246]

Giữa công việc này tôi cảm thấy, các bức tường cao như thế nào tách các nhánh khác nhau của khoa học xã hội ra khỏi nhau. Khi trong seminar nội bộ riêng của nhóm tiêu điểm thành viên của nhóm trình bày công việc của mình với những người khác, luôn luôn té ra là: mỗi ngành thực sự chỉ hiểu bằng ngôn ngữ riêng của mình, chỉ sử dụng hệ thống khái niệm riêng của mình, quen với các phương pháp nghiên cứu riêng của mình. Coi sự hiểu biết về tài liệu kinh điển và các lí thuyết nới nhất, thời thượng nhất của ngành riêng của mình là điều hiển nhiên. Thế nhưng lại khá dốt nát, liên quan đến ngôn ngữ, tài liệu chuyên môn, phương pháp luận của các ngành khác. Khi người của một môn học nào đó, bên trong nhóm nhỏ của chúng tôi, buộc phải nói với các đại diện của các ngành khác, phải giải thích cho họ có thể hiểu được, thì nhiệm vụ áp đặt kỉ luật tư duy lạ lên người ấy. Lặp đi lặp lại hoá ra là, cái thí dụ là hiển nhiên đối với nhà kinh tế học, thì nói chung không hề hiển nhiên đối với một nhà xã hội học hay luật học đã quen với các tiên đề khác và các phương pháp tiếp cận khác, và ngược lại. Vượt quá sự thu hoạch những kiến thức và những kết quả nghiên cứu cụ thể, sự hợp tác liên ngành đã là trải nghiệm trí tuệ có ảnh hưởng còn mãi đối với tất cả chúng tôi.

Phải đưa ra các quyết định khó khăn, nhiều khi tế nhị về công việc của Collegium. Với cái giá của nhiều cuộc đấu tranh đã thành công bảo vệ được tính toàn vẹn xã hội, tính độc lập trí tuệ, chính trị và tính tự trị của tổ chức đặc biệt, độc nhất vô nhị này ở nước Hungary. Ngăn chặn một cách nhã nhặn, nhưng tuy nhiên kiên quyết các mưu đồ can thiệp, áp lực chính trịđã không phải là việc dễ. Công việc, mà tôi đã làm liên quan đến việc này, không xảy ra công khai, không gây ra sự chú ý xã hội và không mang lại bất cứ sự công nhận nào. Thế nhưng tôi vẫn liệt kê vào giữa những vui sướng trước kết quả của đời tôi.

https://thuviensach.vn

Ngày nay tôi là cán bộ khoa học duy nhất, người làm việc tại viện này từ ngày thành lập đến nay. Bây giờ tôi đã mang danh hiệu "permanent fellow emeritus"; được miễn khỏi những nghĩa vụ hành chính, với tư cách nhà nghiên cứu tôi vẫn tiếp tục tham gia vào đời sống của Collegium. Hệt như ngày đầu, khi lần đầu tiên tôi bước vào toà nhà đẹp và long trọng một cách hài hoà của học viện chúng tôi, ngày nay tất cả những thứ bao quanh cũng vẫn gây cho tôi niềm vui trí tuệ và thẩm mĩ. Nếu tôi bước ra khỏi cổng vào những giờ buổi tối, nhìn lên ngọn tháp được chiếu sáng của nhà thờ Mátyás, và bầu không khí mê hoặc của các phố và các quảng trường khu Thành Vár cuốn hút tôi, tôi cảm thấy sâu sắc hết lần này đến lần khác, là một đặc ân lớn như thế nào, rằng tôi có thể làm việc trong môi trường tuyệt diệu như thế này, giữa các điều kiện bình yên như thế này.

Một khúc trung gian, intermezzo đẹp: sinh nhật thứ 70

Điểm trước đã nói và điểm tiếp sẽ còn nói về công việc. Giữa hai điểm tôi chêm vào một tình tiết mang tính riêng tư hơn, cũng xảy ra giữa các bức tường của Collegium Budapest.

Zsuzsa giữa sự giữ bí mật lớn nhất đã chuẩn bị lễ sinh nhật thứ 70 của tôi. Hiệu trưởng lúc đó, Klaniczay Gábor – như sau này tôi biết– đã giúp cô trong mọi thứ và đã cho phép sử dụng các phòng của học viện cho buổi lễ.

Vào tối buổi họp mặt Zsuzsa bảo tôi ăn mặc tử tế, vì cô muốn đưa tôi đi ăn tối. Tôi còn thắt cả cravát nữa. Chúng tôi ngồi vào xe, và chúng tôi lên Collegium. Khi đó thì bí mật được hé ra: sẽ có bữa tiệc sinh nhật! Zsuzsa đã mời 52 người tham dự, tất cả các thành viên của gia đình sống ở trong nước và ở nước ngoài và các bạn thân thiết nhất. Tất cả mọi người đã đến, và đã giữ bí mật cho đến phút chót. Thực sự chỉ tại chỗ tôi mới biết, vì sao chúng tôi tụ hội lại ở đây.

Khi mọi người đã đến, chúng tôi tập hợp lại trong giảng đường. Zsuzsa là người đầu tiên bước lên bục. Cô bắt đầu bằng việc cảm ơn những người đã giúp tổ chức. Cô nhắc đến bạn quý mến của chúng tôi, Hanák Péter, đầu tiên, người đã tham gia vào những công việc chuẩn bị đầu tiên, nhưng đến khi ngày kỉ niệm diễn ra, thì đã bỏ chúng ta mà đi. Cô còn nói tiếp nữa, nhưng sau vài câu giọng nói của cô đứt quãng, nước mắt chảy ròng ròng, và không thể tiếp tục. Cô rời khỏi bục giữa những tràng vỗ tay.

https://thuviensach.vn

Sau cảnh đáng yêu này tiếp theo là một tứ tấu đàn dây của nhạc sĩ được yêu thích say mê của tôi, Mozart. Vékás Lajos, hiệu trưởng đầu tiên, sáng lập của Collegium, người bạn lớn của âm nhạc, đã giúp trong việc, mời ban tứ tấu đàn dây Auer đến và chơi cho chúng tôi nghe.

Buổi tối tiếp tục với những lời phát biểu vui nhộn, trong đó các bạn tôi làm sống lại vài tình tiết ngộ nghĩnh của quá khứ xa xưa. Kende Péter gợi nhớ lại những ấn tượng chung của thời học sinh cấp một của chúng tôi. Khi cha mẹ anh đề nghị, mời tôi đến liên hoan sinh nhật, anh cương quyết phản đối: "Không, vì nó hay đánh nhau!" Tôi không muốn tin ở tai mình nữa – tôi đã hay gây gổ? Sau đó Litván György nói chuyện, rồi Nagy András kể về đời sống của chúng tôi ở viện. Những người biết tôi từ gần, họ biết về tôi: chẳng có mấy bữa ăn mà tôi không để rơi vết nào đó trên áo sơ mi hay trên bộ quần áo của mình. Điều này cũng đã xảy ra ngay lúc đầu của thời kì ban đầu của viện, mà cụ thể là với bộ quần áo mới toanh của tôi. Các bạn tôi đề nghị, rằng họ đưa quần tôi nhanh đến hiệu giặt ở gần đấy, nơi người ta sẽ tẩy ngay vết bẩn. Thế nhưng không bao lâu sau điện thoại reo lên trong phòng tôi, nơi tôi tự khoá lại và chờ đợi ở trạng thái chỉ còn quần lót trên người, và họ thông báo: đáng tiếc ở Patyolat [hiệu giặt] người ta bảo, rằng chỉ đến mai thì quần mới xong, cho đến đó họ xin một chút kiên nhẫn. May là họ chỉđánh lừa tôi, chẳng bao lâu sau tôi nhận lại được quần của mình.

Laki Mihály cũng kể vài ấn tượng ngộ nghĩnh liên quan đến tôi. Họ nghỉ hè ở nhà nghỉ mát Mátraháza; tôi cũng ở đó, và tôi đã làm việc như bị ma ám. Thế nhưng khi họ mời, tôi đã đi dạo chơi với họ. Trước khi chúng tôi xuất hành, tôi nhìn vào đồng hồ của mình, và hình như tôi đã nói: "Mình có một giờ cho cuộc dạo chơi này". Câu chuyện tương đối có thể tin được. Từ khi Misi kể câu chuyện này, ở nhà chúng tôi câu nói đã trở thành ngạn ngữ. Nếu hiện nay chúng tôi đi dạo chơi, tôi luôn luôn nhìn đồng hồ và báo: "thời gian Laki" là bao nhiêu.

Bữa ăn tối bắt đầu. Bên cạnh bàn ăn con trai Andris của tôi có bài phát biểu khôi hài nhân danh các con, sau đó cháu ThuyĐiển của tôi, Zsófia nói những lời thân yêu, với giọng Hung hoàn hảo, nhân danh các cháu và cuối cùng Rimler Jutka chúc mừng, nhân danh các bạn. Cô long trọng trao cho tôi huy hiệu kỉ niệm được làm riêng cho mục đích

https://thuviensach.vn

này, "Huân chương Đại Cẩu". Đây được đánh giálà sự kính trọng đặc biệt, bởi vì trong con mắt Jutka giá trị quan trọng nhất là chó.

Tôi hạnh phúc và cảm động nhìn quanh bàn ăn tối. Đây là dịp có một không hai, khi cả ba con tôi, tất cả các cháu tôi, tất cả các thành viên gia đình thân thiết đã ở Budapest cùng một lúc. Bên cạnh chúng tôi là nhiều bạn bè. Đây không phải là hội bạn bè tụ hợp thường xuyên. Đã có trong số họ, những người biết lẫn nhau, những người khác bây giờ mới gặp nhau lần đầu. Cái gắn họ lại trong buổi tối này, đãlà ý định đáng mến, rằng họ chúc mừng tôi.

Khi khác tôi cũng đã được tham dự kỉ niệm. Truyền thống gia đình ở nhà chúng tôi, rằng ngày sinh nhật không chỉ gồm lời chúc mừng và trao vài tặng phẩm, mà thật sự là chuỗi chương trình. Tôi tự hào, rằng tôi cũng đã có phần, không phải chỉ một lần, trong các buổi lễ vinh dự và cao quý, mang tính chính thức hơn: khi tôi nhận được danh hiệu tiến sĩ danh dựở các trường đại học khác nhau, khi đại sứ Pháp ở Budapest mời các bạn thân của tôi đến dự buổi lễ, trong đó ông trao cho tôi Huân chương Bắc đẩu bội tinh, hay khi ở Collegium người ta chúc mừng các cán bộ và các đồng nghiệp trong ngày sinh nhật thứ 70 và 75. Nhân dịp sinh nhật thứ 70 tôi cũng đã được phần danh dự lớn, rằng cảở Budapest, lẫn ở Cambridge những người biên tập, Gács János và Köllő János, cũng như Eric Maskin và Simonovits András, đã trao cho tôi một-một *Festschrift,* cuốn tiểu luận mừng ngày lễ.[247] Mỗi một cuộc họp mặt đều mang đến cho tôi niềm vui lớn. Nhưng lễ mừng sinh nhật thứ 70 do Zsuzsa đạo diễn ngay cả trong số này cũng nổi bật. Tình yêu thương và sựấm cúng, bao quanh tôi cao độ tại đó, đã biến sự kiện này thành giây phút đẹp nhất, hạnh phúc nhất của đời tôi.

Đại học Harvard: giảng dạy và chia tay

Sau khi thay đổi chế độ "sự hoán chỗ làm việc" giữa Budapest và Mĩ cũng vẫn tiếp tục. Bây giờ cả ở Đại học Harvard cũng phải thoả mãn các đòi hỏi mới, mà bước ngoặt 1989-1990 đặt ra trước tôi.

Đại học Harvard theo truyền thống đã là một trong những trung tâm trí tuệ của việc nghiên cứu Liên Xô và hệ thống cộng sản chủ nghĩa trong thế giới phương Tây. Nhiều nhân tốđã định trước việc này. Gerschenkron, nhà kinh điển của lịch sử kinh tế, sau khi rời Liên Xô đã tiếp tục công việc ở đây, thêm nữa là Leontief và Kuznets, hai nhà kinh tế học lớn được giải Nobel. Cả ba ông vẫn quan tâm đến những

https://thuviensach.vn

sự kiện xảy ra ở phía đông của thế giới. Tất cả mọi người, ai quan tâm đến Liên Xô, đến hệ thống cộng sản và Đông Âu, trước sau cũng có mặt tại *Russian Research Center (Trung tâm Nghiên cứu Nga)* nổi tiếng. Bên cạnh đó một trung tâm nghiên cứu Viễn Đông lừng danh cũng hoạt động trong đại học, mà các chuyên gia xuất sắc về Trung Quốc tham gia vào công việc của nó. Trong thời kì ở Đại học Harvard tôi đã có quan hệ sinh động với các trung tâm nghiên cứu này, với nhiều cán bộ của chúng, và nhiều lần tôi đã thuyết trình ở đó.

Sự sụp đổ của bức tường Berlin đã khuấy động bầu không khí. Hầu như không có thầy giáo nào, lại –ít nhất một thời gian-không quan tâm đến các nước mới được thành lập trên lãnh thổ Liên Xô trước đây và Đông Âu. Một bộ phận các đồng nhiệp chỉ đủ thời gian và năng lực cho một-hai cuộc viếng thăm chớp nhoáng, tham gia vài hội nghị. Những người khác, trong số họ có những người có năng lực thật sự đặc biệt, đã hi sinh toàn bộ năng lực của họ nhiều năm trời, để giúp sự biến đổi hậu xã hội chủ nghĩa.

Điện thoại ở chỗ tôi nhiều lần reo: bạn giáo viên này hay kia chuẩn bịđi Budapest hay nước xã hội chủ nghĩa trước kia nào đó, và muốn nhờ tôi định hướng về tình hình sự vật. Người ta lần lượt mời trình bày ở những seminar khác nhau của đại học Harvard. Một lần trong khoá học nhập môn kinh tế học cỡ khổng lồ của các sinh viên thường [undergraduate] tôi đã phải giải thích một cách bình dân cho hàng ngàn sinh viên (trong một bài giảng duy nhất!), hệ thống xã hội chủ nghĩa hoạt động như thế nào, và sự chuyển đổi có nghĩa là gì. Nói ở *Sander Theater*, trong nhà hát tường bọc gỗ đẹp, mà chúng tôi cũng nhiều lần đến nghe hoà nhác, là một ấn tượng thật thú vị.

Trong các năm sau bước ngoặt, tôi đã tổ chức "seminar ăn tối" ở *Faculty Club*, mà tôi mời tất cả các giáo viên, tham dự bằng cách nào đó vào nghiên cứu, giảng dạy hay tư vấn về chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi tụ họp thường xuyên, và người tham dự nào đấy kể lại những kinh nghiệm của mình bên cạnh bàn ăn tối, rồi tiếp theo là tranh luận lí thú, cũng chẳng phải một lần là sự đụng độ của các quan điểm khác nhau gay gắt.

Tình hình mới làm tăng mối quan tâm của không chỉ các giáo viên, mà cả của các sinh viên nữa. Luôn có nhiều người đăng kí học khoá học của tôi về hệ thống xã hội chủ nghĩa, thường nhiều hơn rất nhiều,

https://thuviensach.vn

so với các seminar khác, không bắt buộc, có thể chọn một cách tự nguyện dành cho các sinh viên tham gia đào tạo tiến sĩ. Tuy nhiên bây giờ thì ngay cả so với trước đây số sinh viên cũng đã tăng nhiều lần. Theo nhịp chúng ta tiến trong các năm 1990, ngày càng nhiều người đến từ các nước xã hội chủ nghĩa trước kia, khá nhiều người Nga, Rumani, Bulgari, Uzbeg và –như trước đây cũng thế -Trung Quốc trong số các sinh viên. Mang lại cho tôi niềm vui đặc biệt, rằng tôi cũng đã có nhiều học trò Hungary.

Việc giảng dạy luôn đòi hỏi nhiều sự chuẩn bị, nhưng bây giờ trở thành nhiệm vụ đặc biệt khó. Bước ngoặt chính trị, sự thay đổi chế độ có nghĩa là thách thức lớn đối với toàn bộ kinh tế học so sánh, với "soviet học", với chuyên ngành nghiên cứu Đông Âu. Đã có các đồng nghiệp, những người từ bỏ lĩnh vực này, bởi vì họ cảm thấy vô vọng, rằng trong tương lai họ cũng có thể sử dụng kiến thức thu được ở đây. Những người khác, trong đó có cả tôi, chúng tôi đã cố xắn tay vào công việc.

Nội dung muốn nói của tôi về hệ thống xã hội chủ nghĩa đã *thành thục*. Đằng sau cái này là công việc của hàng thập niên, là kết quả xử lí tài liệu chuyên môn cỡ cả thư viện. Ngược lại với điều này các thể chế, cơ cấu chính trị-kinh tế và hệ thống pháp lí của khu vực hậu xã hội chủ nghĩa thì lại đã (và ngày nay vẫn) biến đổi liên tục và nhanh. Tôi biết rất rõ (và tôi cũng đã nói điều này một cách thật thà cho sinh viên), rằng ở đây tôi truyền giao khối kiến thức vẫn *chưa thành thục*. Thế nhưng tôi cũng cho việc này là hữu ích hơn việc đơn giản im lặng.

Là "nhà nghiên cứu quá độ" hiển nhiên chỉ là nghề tạm thời. Bản thân từ cũng cho biết: ngay khi quá độ chấm dứt, ngành đặc biệt này cũng chấm dứt. Thế nhưng nếu chúng ta biết tận dụng tốt cơ hội không quay trở lại này, thì chúng ta có thể thu được những kinh nghiệm có giá trị vô giá, mà chúng ta có thể sử dụng cho nhiều loại mục đích khác. Lịch sử cho chúng ta một phòng thí nghiệm thật sự, trong đó bằng chính mắt mình chúng ta có thể theo dõi sự biến đổi to lớn xảy ra như thế nào, trong thời gian vô cùng ngắn nếu đo bằng tỉ lệ xích lịch sử thế giới. Nhìn lại, cái tôi tiếc không phải việc, rằng tôi đã nghiên cứu quá độ học với vài người khác, mà đúng hơn tôi tiếc, rằng roàn bộ ngành kinh tế học (hay vượt quá cả ngành này: toàn bộ ngành khoa học xã hội) đã không tận dụng đủ cái khả năng, cơ hội nghiên cứu vô cùng lí thú và đáng rút ra bài học này.

https://thuviensach.vn

Khi tôi bắt đầu việc giảng dạy về chuyển đổi, đầu tiên tôi đã đánh giá tình hình, rằng một mình tôi không có khả năng cung cấp tổng quan cần thiết. Tôi đã tổ chức chuỗi bài giảng, mà tôi đã mời "những súng đại bác" của đề tài đến trình bày. Nhiều sinh viên đã đến nghe giảng, và nêu ra những câu hỏi lí thú. Tuy thế càng nhiều lần tôi nghe từ các sinh viên, trong các cuộc trò chuyện cá nhân, rằng khối kiến thức bị loãng ra trong đầu họ. Mỗi giảng viên mang đến giảng đường quan điểm, phương pháp nghiên cứu, các khái niệm trước của riêng mình (và điều này như thế là đúng), nhưng các sinh viên không biết sắp xếp tất cả những thứ này trong bản thân họ. Khi các đương nét của chuyển đổi bắt đầu hiện ra rõ hơn, tôi đã thử bằng việc, trên cơ sở một cấu trúc thống nhất và dòng tư duy rõ ràng bản thân tôi thuyết trình chuỗi bài giảng về đề tài này. Các sinh viên vui vẻ chấp nhận sự thay đổi này. Tuy nhiên tôi đã không đảm nhận việc, mà một thập niên trước tôi đã làm với khoá học về hệ thống xã hội chủ nghĩa; tôi đã không xử lí nội dung tôi đã trình bày bằng lời nói ở dạng một cuốn sách. Dù cũng thật cần đến một chuyên khảo tổng kết về đề tài chuyển đổi -nhiệm vụ này tuy vậy còn lại cho thế hệ các nhà nghiên cứu trẻ hơn.

Thời gian tiến tới, năm tháng trôi đi. Đã đến lúc bắt đầu ngẫm nghĩ: tiếp tục thế nào. Đối với câu chuyện tiếp, mào đầu tôi cần nói vài lời về các điều kiện cho về hưu ở Mĩ. Tại Mĩ luật cấm "sự phân biệt theo tuổi tác". Người sử dụng lao động có thể sa thải người lao động trên cơ sở, rằng không cần đến người ấy nữa. Có thể làm điều này, cho dù người lao động 30 tuổi hay 70 tuổi. Tuy nhiên luật không cho phép, rằng ở tuổi nhất định, thí dụ ở tuổi 60, hay 65 đồng hồ reo lên, và người ta thông báo với người lao động: đã hết thời gian, *phải* về hưu. "Tuổi già" không thể là lí do để sa thải. Thêm vào loại tính được bảo vệ này còn có một đặc ân nữa trong trường hợp của các giáo sư được bổ nhiệm thường trực, của *tenured professor*. Như khi lần đầu nhắc đến thể chế đặc biệt này tôi đã kể: đại học không thể sa thải giáo sư *tenured*. Kết quả cuối cùng là, đối với loại được đặc ân này, mà tôi cũng thuộc về, không có tuổi bắt buộc phải về hưu, ngược với tập quán châu Âu, nơi có thời hạn như vậy. Bản thân giáo sư quyết định về việc, khi nào *tự nguyện* về hưu. Nếu muốn, có thể làm việc cho đến lúc sức khoẻ còn cho phép.

https://thuviensach.vn

Có một mức lương hưu nhà nước tương đối khiên tốn, khoảng ở mức sống tối thiểu, mà mọi công dân, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, đều có quyền. Trên số này, suốt thời gian hoạt động tích cực của giáo viên, đại học chi trả khoản đóng góp hưu trí cho một tổ chức hưu trí tư nhân phi lợi nhuận. Giáo viên về hưu nhận được thu nhập của các khoản đóng góp này. Không có tổng số tiền được đảm bảo, kết quả cuối cùng phụ thuộc vào nhiều nhân tố. Trước hết phụ thuộc vào số năm giảng dạy và lương mọi thời. Bên cạnh đó cũng phụ thuộc vào, người ấy chọn danh mục đầu tư như thế nào để cho các khoản đóng góp này sinh lợi, ngoài ra còn phụ thuộc vào, suất thu nhập của các khoản đầu tư là bao nhiêu trong thời kì đóng góp thêm.

Đối với một giáo sư Mĩ về hưu có nghĩa là gì? Liên quan đến thu nhập bằng tiền, có nhiều lựa chọn: có thể lấy một cục các khoản đầu tưđã tích tụ lại, có thể yêu cầu trả khoản phụ cấp cho suốt các năm còn lại của đời mình, có thể yêu cầu, rằng sau khi qua đời thì họ hãy trả phụ cấp cho người goá bụa của mình, v.v. Nếu giáo viên đã dạy khoảng bốn mươi- bốn mươi lăm năm và đều đặn trải qua các cấp bậc quen thuộc của sự nghiệp đại học, thì việc về hưu không đi cùng với sự giảm sút trầm trọng về mặt thu nhập. Cùng lúc đó lại mang lại những sự giảm nhẹ: giáo viên không còn phải chịu những gánh nặng của việc tham gia giảng dạy và công việc hành chính. Nếu muốn, có thể tiếp tục công việc nghiên cứu của mình, đại học ủng hộ việc dự thi [thầu đề tài nghiên cứu] của mình. Có quyền sử dụng phòng ở đại học. Có thểở lại trong bầu không khí sôi động về mặt trí tuệ của đại học, đến thư viện và bể bơi của đại học, đến *Faculty Club*, tiếp tục cũng được hưởng dịch vụ y tế được tổ chức trong khuôn khổ của đại học và được đại học hỗ trợ. Tóm lại, giáo sư Mĩ mất ít, từ quan điểm cả về vật chất lẫn về trí tuệ, ngược lại được nhiều về không bị ràng buộc. Không ngạc nhiên là, đại đa số, khi đạt một độ tuổi nhất định, tự nguyện về hưu.

Trường hợp của tôi hoàn toàn khác. Cả luật, lẫn hợp đồng lao động đều không buộc tôi về hưu. Thế nhưng đã phải suy nghĩ trước cùng với vợ tôi, rằng với tuổi ngày càng cao chúng tôi chịu được gánh nặng *kép* đến bao giờ. Chúng tôi có khả năng chịu được hành trình chuyến đi, hai lần đóng gói, tháo gói lớn mỗi năm đến bao giờ? Chúng tôi có khả năng hoàn thành nhiều loại công việc sự vụ và giải quyết công việc của cuộc sống song song ở Budapest và Cambridge đến bao giờ, ngoài ra

https://thuviensach.vn

cả công việc dôi ra, mà các nhiệm vụ nảy sinh cảở hai nơi làm việc trút lên đầu chúng tôi? Chúng tôi không muốn đợi đến khi một căn bệnh đột nhiên buộc chúng tôi phải quyết định, mà chúng tôi muốn tiến hành thanh toán phần Mĩ của đời sống chúng tôi trong lúc, chúng tôi còn tương đối khoẻ để thực hiện.

Đối với chúng tôi, ngược với các đồng nghiệp Mĩ của chúng tôi về hưu, việc từ bỏ giảng dạy hứa hẹn không chỉ sự nhẹ bớt, sự giảm gánh nặng, mà cả sự thiệt thòi to lớn nữa. Về nước có nghĩa, rằng chúng tôi bị mất sự sôi nổi tinh thần và văn hoá không thể so sánh được với bất kể thứ gì, cái mà Harvard, Cambridge, Boston mang lại. Đối với tôi vô ích đi đề xuất, rằng tiếp tục tôi vẫn có phòng riêng, tôi có thể sử dụng một trong những thư viện khoa học tốt nhất của thế giới, tôi có thểăn trưa ở *Faculty Club* và tôi có thể gặp gỡ các bạn giáo viên cũ của mình -đấy là những quyền không sử dụng được.

Sau nhiều trì hoãn chúng tôi quyết định thế này: 2001-2002 là năm học cuối cùng, khi tôi vẫn dạy ở Harvard, và sau đó chúng tôi về nước vĩnh viễn và hoàn toàn.

Trong khoá học tôi thông báo cho sinh viên biết, rằng họ là những người cuối cùng, mà tôi dạy. Như kỉ niệm đẹp tôi giữ gìn buổi lễấm cúng, mà họ chào mừng vào cuối bài giảng cuối cùng, và những lời đáng mến, ấm tình người, mà họ viết- một cách vô danh - vào các tờ mẫu lấy ý kiến đánh giá chính thức của bộ môn.

Ở Budapest nhiều người già buồn bã kể, rằng khi về hưu các thủ trưởng và các đồng nghiệp của họđã chia tay họ trong buổi lễ hình thức, khá vô nghĩa. Với cảm giác tốt lành tôi có thể kể lại về, cuộc gặp mặt bạn bè chân tình và phong phú đến thế nào, trong đó họ tiễn tôi. Dale Jorgenson ca ngợi sự nghiệp chuyên môn và xã hội của tôi trong bài diễn văn ngắn, không chỉ toả ra sự kính trọng, mà còn cả sự tinh tế và sự kĩ lưỡng chuyên môn đặc trưng đối với Dale nữa. Diễn giả tiếp theo, Eric Maskin, lúc đó không còn ở Harvard nữa, mà đã là nhà kinh tế học của *Institute for Advanced Study* ở Princeton rồi. Từđó ông về dự buổi lễ chia tay. Eric nói, cũng điểm xuyết bài nói của mình bằng nhiều tình tiết khôi hài, về chúng tôi đã làm việc cùng nhau ra sao trên lí thuyết "ràng buộc ngân sách mềm" và chúng tôi đã làm việc với học sinh chung của chúng tôi, với một nhóm sinh viên Trung Quốc xuất sắc thế nào. Jeffrey Sachs kể: nếu ông viết cái gì đó và đưa cho tôi

https://thuviensach.vn

xem, gần như ông cảm thấy hồi hộp lo, bởi vì ông biết, rằng tôi đánh giá, cái rơi vào tay tôi, một cách khắt khe và không thiên vị. Cái quan trọng nhất, mà ông lấy ra liên quan đến công việc của tôi, là: về một thế giới, trong đó sự hà hiếp và dối trá ngự trị, tôi đã nói lên *sự thật*. Về sự tôn trọng sự thật này, ông so tôi với Michnik và Havel. Tôi cảm thấy tuyên bố này là một vinh dự lớn.

Sau ba nhà kinh tế học đồng nghiệp, con trai tôi sống ở Boston, Andris có lời, với sự hài hước đáng yêu quen thuộc nó kể, theo kinh nghiệm gia đình riêng của nó, khoa học và Đại học Harvard có ý nghĩa gì trong cuộc sống của tôi.

Cuối cùng tôi cũng phát biểu, với giọng nửa châm biếm, nửa nghiêm túc. Tôi không có khả năng, nhưngtôi cũng không muốn bộc lộ, rằng tôi trải qua những phút giây cảm động. Khó diễn tả bằng văn xuôi, nhạc Schubert có khả năng diễn tả: con người có thể *đồng thời* hạnh phúc và buồn. Cảm giác tuyệt vời thấm qua tôi, rằng suốt 18 năm trời tôi đã có thể sống, đã có thể học, đã có thể dạy, đã có thể kiếm bạn trong cộng đồng trí tuệ này. Ý nghĩđau đớn, rằng tất cả những thứ này tôi bỏ lại sau lưng mình.

Sau buổi lễ, sự chia tay kế tiếp lời tạm biệt. Chào bạn bè. Một cuộc dạo chơi ngắn nữa ở Boston, trên các phố và những quảng trường quen thuộc. Một cuộc dạo đêm cuối cùng xuống Harvard Square yêu dấu. Một cái nhìn lướt qua nữa vào những cuốn sách trong hiệu sách mở cửa cả ban đêm.

Chia tay Andris, vợ nó, Ági và các cháu – bây giờ rồi chỉ thỉnh thoảng mới thấy chúng, nếu chúng về thăm quê. Khoảng cách làm cho đặc biệt khó, để chúng tôi theo dõi sự lớn lên của các cháu Mĩ của chúng tôi, Mishka ở tuổi thiếu niên và Dani và Nóri ở tuổi mẫu giáo dễ thương nhất.

Chúng tôi bắt đầu tháo dỡ căn nhà ở đường Mount Auburn, mà mọi thứ chúng tôi đã kiếm và sắp đặt với sự thận trong biết bao nhiêu. Có cái chúng tôi cho làm quà, có cái chúng tôi chở về Budapest. Các thùng, các hộp lần lượt đầy. Những người chuyên chở đến, họ xếp vào container, và cho khởi hành về phía Budapest.

Cứ như bây giờ tôi lại lắp lại cuộn phim và chiếu lại cảnh những ngày đầu của thời kì sống trong căn nhà ở đường Mount Auburn. Chúng tôi lại ngủ vài đêm trên đất, trên đệm cao su. Tôi tự tạo ra bàn

https://thuviensach.vn

viết và tủ sách tạm thời trong phòng làm việc, trên đó có máy tính và các hồ sơ trực nhật. Luôn luôn có việc làm, việc viết nào đấy cho đến phút cuối cùng. "Cậu lính chì kiên cường"-lúc ấy Zsuzsa gọi tôi như vậy. Chúng tôi cũng quay video về những ngày cuối cùng ngộ nhĩnh và hồi hộp lo lắng này.

Cuối cùng cũng đến cái ngày: lên đường về phía Châu Âu. Đầu tiên, theo thói quen, chúng tôi đến ThuyĐiển, nơi chúng tôi ở vài ngày với Judit con gái chúng tôi và các cháu chúng tôi, Zsófi và Anna. Sau đó tiếp tục về nhà, về Budapest, nơi Gabi con trai tôi và gia đình nó, Tünde, Julcsi và Tomi đợi ở sân bay. Chúng tôi biết, chúng tôi hi vọng, rồi chúng tôi còn quay lại Cambridge, một-một lần. Nhưng sự quay lại sẽ không còn hệt như, khi hàng năm sau nhiều tháng ở Budapest chúng tôi quay về *nhà chúng tôi* ở Mĩ nữa. Một giai đoạn của cuộc sống đã chấm dứt không thể kéo lại được.

Trong môi trường trong nước

Hè 2002, về đến Budapest việc chuyển nhà đã làm chúng tôi mất nhiều thời gian. Chúng tôi đã sống 28 năm trong căn hộ ở tầng 3 của toà nhà ở phố Dobsinai, leo cầu thang đã trở nên quá vất vả. Chúng tôi phải kiếm căn hộ, nơi có thang máy. Cuối cùng đã thành công tìm ở Óbuda cái căn hộ, mà chúng tôi tưởng tượng ra cho mình. Chúng tôi bố trí sao cho nó gợi lại những hiện trường quá khứ yêu dấu của chúng tôi: có thể thấy trong đó những đồ gỗ, các bức tranh, những cuốn sách đã được mua ở Cambridge, và bên cạnh chúng là những đồ gỗ, các đồ trưng bày và lại những sách và sách, mà chúng tôi chuyển từ căn hộ ở Budapest sang.

Ai đã chuyển nhà, người ấy biết, công việc này mệt mỏi đến thế nào. Trong trường hợp của chúng tôi đã đặc biệt phức tạp, bởi vì đã phải nhập hai căn hộ, một căn hộ Mĩ một ở Budapest thành một nhà ở mới. Và cái còn khó hơn sự mệt mỏi thể xác nhiều, là sự chọn lọc. Giữ cái nào, cho cái nào và loại bỏ vĩnh viễn cái nào? Chúng tôi đã thấy, các bạn Mĩ có tuổi của chúng tôi đã vật lộn ra sao với cùng nỗi lo, khi họ chuyển từ những nhà rộng rãi ở vùng ngoại ô vào nhà ở có diện tích nhỏ hơn trước trong thành phố. Bây giờ chúng tôi cũng trải qua, từ bỏ một món đồ gỗ, một cuốn sách, một tài liệu cũ quen thuộc có nghĩa là gì. Thế nhưng, thực ra việc chuyển nhà đã đến rất đúng lúc. Phối hợp thời gian và cãi cọ với các thợ thủ công, việc mua các trang bị và vật

https://thuviensach.vn

liệu ốp,(*) sắp xếp sách, và các sưu tập đĩa và băng video vào chỗ và hàng ngàn loại công việc chuyển nhà khác đã thu hút sự chú ý của chúng tôi đến mức, chẳng còn thời gian để "luyến tiếc quá khứ", để trải nghiệm đi trải nghiệm lại cảm giác đau lòng của việc rời bỏ Cambridge.

"Anh chị điên rồi sao?" Anh chị phải quay lại *đây*, khi ở ngoài đó anh chị có đủ mọi thứ, chỗ làm việc, nhà ở, môi trường tuyệt vời? Không phải một lần người ta đặt câu hỏi này cho chúng tôi.

Đúng, từ khi đó nhiều thứ cũng bao quanh chúng tôi, những thứ ghê tởm, gây phẫn nộ. Nếu tôi mở TV hay radio, và tôi bắt đầu nghe tin tức, nhiều khi tôi mau chóng tắt đi, bởi vì tôi không có khả năng nghe hết nhiều sự lăng mạ, sự tố giác và tố giác giả, giọng thô lỗ làm tôi ngứa tai. Vang lên quá nhiều lời hứa rỗng tuyếch và thông tin nông cạn.

(*)Kinh nghiệm thu được khi xây nhà ở phố Dobsinai lúc đó cũng đã truyền cảm hứng để viết *Sự thiếu hụt*. Từ việc so sánh kinh nghiệm xây nhà năm 1974 và 2002 tôi đã có thể viết một nghiên cứu tình huống (case-study) hay về, thị trường của những người bán đã biến thành thị trường của những người mua, nền kinh tế giới hạn về cung thành nền kinh tế giới hạn về cầu như thế nào. Khi đó nhờ các mối quan hệ cá nhân chúng tôi đã mua được bồn tắm có lỗi từ nhà máy và gạch loại hai. Bây giờ từ cung với lựa chọn cực lớn, đầy hàng hoá chúng tôi có thể tha hồ chọn theo sở thích của mình trang thiết bị và vật liệu ốp lát.

Không chỉ trong đời sống chính trị, mà ở các lĩnh vực khác thường ngày tôi cũng quá nhiều lần vấp phải sự bất nhã, sự thiếu tế nhị con người. Nơi thì sự nôn nóng của người lái xe chọc tức, khi bóp còi giận dữ, nếu chỉ phải đợi một giây sau khi đèn hiệu đổi màu, lúc thì sự vô ý của người bán hàng hay người bồi bàn làm tôi giận.

Thế nhưng, tôi cảm thấy thân thiết trong thế giới này. Kể cả cái xấu, nó cũng xấu một cách quen thuộc, thân thiết. Tôi hiểu tường tận. Tôi biết hay tôi đoán, vì sao người lái xe lại sốt ruột, vì sao người bán hàng ở cửa hiệu lại nghĩ về cái khác, mà không phải về công việc của mình.

Có một chuyện tiếu lâm cũ. Đoàn đại biểu Hungary đi Trung Quốc. Mao Trạch Đông hỏi đoàn: nước Hungary có bao nhiêu dân? Và khi đã

https://thuviensach.vn

nhận được câu trả lời, ông bình luận thế này: Thật là tốt cho các bạn! Bởi vì nếu ít như vậy, thì tất cả mọi người đều biết tất cả mọi người.

Ở Mĩ nhiều cánh cửa mở ra trước một giáo sư Harvard, nhưng dù sao ở trong đất nước khổng lồ này tôi đã là một điểm nhỏ và vô danh, xa lạ. Ở nhà thì khác. Tôi đã ở đây 77 năm. Nếu không phải tất cả đi nữa, nhưng dẫu sao tôi cũng biết rất nhiều người. Tuy tôi không phải là người ai cũng biết, dù sao khá nhiều người biết, tôi là ai. Nếu tôi yêu cầu một bộ trưởng nghe trình bày, chắc chắn được tiếp đón, nếu tôi gọi cho tổng biên tập của một tờ báo, tôi không phải giới thiệu dài dòng.

Nếu về mặt khoảng cách địa lí chúng tôi có ở xa con trai Andris của chúng tôi và gia đình nó hơn, thì bây giờ chúng tôi lại ở gần Gábor và gia đình nó sống ở Budapest hơn. Từ Budapest dễ đến với Judit và các con gái nó sống ở Thuỵ Điển hơn là từ Cambridge, cũng chẳng nói đến chuyện, là bây giờ chúng tôi đã cùng trở thành công dân trong Liên minh Châu Âu. Niềm vui riêng, là với các cháu bây gời đã lớn, với Julcsi cô giáo trung học, với Zsófi sinh viên đại học, với Anna và Tomi chúng tôi cũng có thể trò chuyện về những đề tài nghiêm túc, rằng tôi luôn luôn có thể tính đến sự giúp đỡ chuyên gia của Tomi, nếu tôi có vấn đề gì với máy tính. (Tất nhiên, vô nghĩa ở đây đi nghĩ về những trade-off, những sự đánh đổi. Sợ xa của một đứa con hay cháu không thể được bù bởi sự ở gần của một đứa con hay cháu khác).

Chúng tôi lại quen, rằng bây giờ -trừ một-một chuyến đi ngắn tình cờ -chúng tôi đã thường xuyên sống ở Hungary. Tất nhiên thiếu cái, mà trong những năm trước, khi chúng tôi thực sự mệt mỏi với sự ca thán trong nước, đã thật thoải mái để nghĩ: chẳng bao lâu nữa chúng tôi lên máy bay, và chúng tôi để lại sau lưng mình sự căng thẳng, những rắc rối ở Hungary, chúng tôi lại tận hưởng sự yên bình, sự thư thái và cái đẹp do Cambridge mang lại.(*) Khi cảm giác nhớ nhung loại như thế nổi lên, chúng tôi bù lại bằng một ý nghĩ khác. Cuối cùng chúng tôi đã đạt, rằng gần đến cuối hè không còn phải bực mình về chuyện, bao giờ phải bắt đầu đóng gói, khi nào cần bắt đầu xem xét lại các giáo án bài giảng của tôi. Suốt 18 năm đồng hồ của chúng tôi tíc tắc theo nhịp nửa năm-một năm. Sự hoán chuyển đến đó-trở vềđã xé sự trôi đi của năm tháng thành những khúc ngắn. Bây giờ thời gian trôi đi đều hơn.

Chúng tôi ở quê nhà.

https://thuviensach.vn

(*) Tất nhiên thế giới ở đó chỉ mang lại cảm giác yên bình và thư thái này cho chúng tôi, những người Hungary đi sang đó một số tháng. Sở dĩ như vậy là, bởi vì rốt cuộc chúng tôi vẫn chỉ đứng ngoài. Chúng tôi không trải nghiệm những cơn bão chính trị, những căng thẳngxã hội ở đó với cùng cường độ, mà với nó chúng quấy rầy các bạn Mĩ của chúng tôi.

Cậu làm việc sáng tạo gì?

Người ta thường hỏi tôi điều này, khi tôi đi đến hội bạn bè, hay gặp những người quen. Tôi không có khả năng tưởng tượng, rằng tôi hãy trả lời: chẳng gì cả. Tôi là *emeritus* [giáo sư danh dự] hai lần, cả Đại học Harvard, lẫn Collegium Budapest đều tặng tôi danh hiệu này. Tôi có quyền thôi làm việc. Chúng tôi có thể sống đàng hoàng mà không cần khoản thu nhập, mà sự tiếp tục làm việc có thể mang lại.

Chắc chắn sẽ đến lúc phải bỏ. Bây giờ tuy vậy (theo mê tín – tôi đừng có nói to) tôi vẫn có cái để trả lời cho câu hỏi.

Chức chủ tịch Hội Kinh tế học Quốc tế (IEA) đổ lên đầu tôi nghiều loại nghĩa vụ. Hoàn thành tốt đẹp hoạt động này sẽ là hội nghị thế giới của hội. Theo kế hoạch chúng tôi sẽ tổ chức ở Maroc. Hơn một ngàn người tham dự, hai trăm bài thuyết trình! Đúng, có nhiều người giúp, thế nhưng cuối cùng chủ tịch phải chịu trách nhiệm về cuộc gặp mặt. Tôi đã bắt đầu chuẩn bị bài thuyết trình của chủ tịch. Như có thể mong đợ từ chủ tịch người Đông Âu đầu tiên của hội, tôi sẽ đề cập đến các vấn đề về chuyển đổi hậu xã hội chủ nghĩa, hay nói còn tổng quát hơn, đến những đặc trưng của những chuyển biến lịch sử lớn. Theo những kế hoạch của tôi đây sẽ là đề tài nghiên cứu chính của tôi trong tương lai, cả sau khi chuyển giao nhiệm vụ chủ tịch nữa.

Giữa chừng, bỏ các nhiệm vụ khác sang một bên, tôi viết những hồi ức của mình. Một thể loại lạ đối với một nhà nghiên cứu, cho đến nay suốt hàng thập kỉđã chỉ sáng tạo trên những sách chuyên khảo và các bài báo chuyên môn. Đã đến lúc kết thúc. Công việc khác đang chờ.

https://thuviensach.vn

DẪN CHIẾU(*)

https://thuviensach.vn

(*) Trong các tài liệu lưu trữ chúng tôi sử dụng các chữ viết tắt sau:

ÁBTL – Kho lưu trữ lịch sử của các Cơ quan An ninh nhà nước

[Állambiztonsági Szolgálatok Történeti Levéltára]

IH – Kho lưu trữ Cục Thông tin [Információs Hivatal Levéltára]

MOL – Kho Lưu trữ Toàn quốc Hungary [Magyar Országos Levéltár]

MTALt – Kho lưu trữ Viện Hàn Lâm Khoa học Hungary [Magyar Tudományos Akadémia Levéltára]

OHA – Oral History Archívum

PIL – Kho lưu trữ Viện Lịch sử Đảng [Párttörténeti Intézet Levéltára]

https://thuviensach.vn

1 Về những con tin Do Thái bị cầm giữ Cơ sở đào tạo Giáo sĩ Do Thái tại phố Rökk Szilárd xem Braham 1988 [1981], cuốn I, 386–387. p., ngoài ra Brámer 1997 [1972].

2 Fóthy 1945. Cuốn sách của Fóthy không nhắc đến cha tôi theo tên, nhưng nói về các luật sư, những người bị chuyển từ trại giam giữ phố Rökk Szilárd đến rừng Horthy, rồi không bao lâu bị lôi đi vào các trại thủ tiêu.

3 Braham 1988 [1981] cuốn II., 325. p., ngoài ra Thassy 1996, 372–376., 394–396., 418–419. p.

4 Sztálin 1951 [1924], 51. p.

5 Ady 2004, 724. p.

6 Lukács 1945; 1949 [1945].

7 Về văn bản tuyên bố vang lên vào đầu các năm 1920 xem Mádl – Győri 1980, 110. p.

8 ÁBTL V-145-288-a. 514–515. p. Đề ngày: 14-61950.

9 Kornai 1951d, 5. p.

10 Kornai 1951c.

11 Kornai 1951b, 1. p.

12 Kornai 1951a, 1. p.

13 Tôi không có khả năng tái hiện, rằng sau 1953 chính xác tôi đã đọc gì từ ngòi bút của Kardelj. Tôi dẫn chiếu đến những hồi ức của sau: Aczél – Méray 1989 [1959]; Kende 1966; Lőcsei 1995; Nagy 1994 và Szalay 1994. Biên bản hội nghị chi bộ có thể tìm thấy ở MOL M-KS 276. f. 89/206 ő.e.. Hồ sơ này chứa những tư liệu của Vụ Tuyên truyền và Vận động (Agit-Prop.) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Hungary liên quan đến tờ báo *Szabad Nép*, giữa những thứ khác có biên bản hội nghị chi bộ họp các ngày 22, 23 và 25 tháng 10-1954, nghị quyết của hội nghị và báo cáo của Vụ Agit-Prop về hội nghị.

21. Aczél – Méray 1989 [1959].

22. MOL M-KS 276. f. 89/206. ő.e.

23. MOL M -KS 276. f. 53/205. ő.e.

24. MOL M-KS 276. f. 53/ 206. ő.e.

25. Cũng ở đó. 34. p.

26. Cũng ở đó. 73., 74., 76. p.

27. MOL M-KS 276. f. 53/208. ő.e., ngoài ra 276. f. 53/206. ő.e.

https://thuviensach.vn

Kardelj như nguồn tài liệu. Những người biên tập đã gắn thêm vào đấy vài tác phẩm quan trọng của ông, trong sốđó các bài nói và bài viết của ông về tự quản trong thời kì giữa 1945 và 1955. Kardelj 1981, 242–264. p.) Tôi giả thiết, rằng tác phẩm này tác phẩn kia đã đến tay tôi lúc đó.

14 Lange 1968 [1936–1937].

15 Kornai 1954b.

16 Kornai 1954c.

17 Nagy 1954, 169. p.

18 Nagy 1954, 132. p.

19 Kornai 1954a.

20 Để hồi tưởng lại những kỉ niệm của hội nghị chi bộ "nổi loạn" tôi đã nghiên cứu lại những bài viết

28. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Hungary 1955.

29. MOL M-KS 276. f. 53/228. ő.e.

30. Liska – Máriás 1954.

31. Hegedűs 1990.

32. Heller 1988 [1919–1920].

33. Péter 1954; 1956.

34. Kornai 1994c.

35. Kende 1955. Tác giả giữ bản thảo.

36. ÁBTL V-145-288/2. irat, 325–326. p. Lời tự khai của Fekete Sándor, điểm 2 và 5. Đề ngày: 18-121958.

37. Péteri 2001, 51. p., ngoài ra Péteri 1997 như một tổng quan rộng.

38. Kornai 1990a [1957], 3–4. p.

39. Kornai 1990a [1957], 30. p.

40. Kornai 1990a [1957], 99. p.

41. Kornai 1990a [1957], 101. p.

42. Kornai 1990a [1957], 128. p.

43. Kornai 1990a [1957], 185. p.

44. Kornai 1990a [1957], 175–177.p.

https://thuviensach.vn

45. MTALt TMB 891/368. Biên bản bảo vệ luận văn của Kornai János. Đề ngày: 24-9-1956. Xem thêm Esze 1956.
46. MTALt TMB 891/368, 41. p. Tôi lấy nguyên lời của Péter György từ biên bản, và trên đó tôi chỉ sửa vài lỗi ngữ pháp nhỏ.
47. Augusztinovics Mária tên khi lấy chồng là Gerő Tamásné; ý kiến của bà có thể tìm thấy với tên này trong biên bản.
48. MTALt TMB 891/368, 2–11. p.
49. Một bản của kiến nghị tôi lưu trong sưu tập tài liệu riêng của mình.
50. Kornai 1956.
51. ÁBTL V-150-352/1. irat. 442. p. Đề ngày: 16-41957. MOL M-KS XX-5-h. 1. d. 3. k. 92–97. p. Đề ngày: 13-7-1957.
74. ÁBTL V-145-288/2. irat, 327. p. Tự khai của Fekete Sándor, điểm 11. Ngoài ra ÁBTL V-145288/3. irat, 482–492. p. Biên bản hỏi cung J. Vasziliu. Đề ngày: 11-6-1959.
75. 75. ÁBTL V-145-288/9. irat, 156–160., Ngoài ra 233.p.
76. Novobáczky 1956, 1. p.
77. ÁBTL V-145-288/3. irat, 482–492. p. Biên bản hỏi cung J. Vasziliu. Đề ngày: 11-6-1959. ÁBTL V-145-288/2. irat. 326. p. Tự khai của Fekete Sándor, điểm 7.
78. ÁBTL V-145-288/2. irat. 327. p. Tự khai của Fekete Sándor, điểm 8.
79. Samuelson 1976 [1948].
80. Arrow 1951.
81. Hayek 1975 [1935].
82. Hicks 1946 [1939].
83. Samuelson 1983 [1947].
84. Tinbergen 1957 [1949].
85. Hayek 1975 [1935].
86. Bergson 1948.
87. Lange 1968 [1936–1937], 70. p.
88. Kende 1959.
89. Kornai 1959.
90. Kende 1964.
91. Sartre 1991 [1946].
92. Kornai – Lipták 1959.
93. Kornai – Lipták 1962.
94. Dorfman – Samuelson – Solow 1987 [1958] và Koopmans 1957.
95. Bródy 1969.
96. Samuelson 1983 [1947].
97. Kornai – Lipták 1963.
98. Kornai – Lipták 1965.
99. Arrow 1971.

https://thuviensach.vn

– Việc tham gia chuẩn bị cương lĩnh chính phủ được đưa vào hồ sơ "tiền án của tôi" (Số "tiền án" ÁBTL C-R-N 0082-479-2. Bản mà tôi thấy đề ngày: 21-12-1966. Trước đấy chắc là cũng có hồ sơ tương tự.)

52. Vida 1992, 34. p.
53. Gimes 1956.
54. Halda 2002, 167. p.
55. Kornai 1990a [1957], 6. p.
56. Esze 1956.
57. Péter 1957.
58. Ripp 1957, 3. p.
59. Molnár 1957, 45. p.
60. Gulyás 1957–1958, 31. p.
61. Molnár 1957, 45. p.
62. Kornai 1994b [1957]. Xuất bản bằng tiếng Hungary lần đầu vào năm 1957, bằng tiếng Anh lần đầu vào năm 1958.
100. Malinvaud 1967.
101. Arrow 1973b [1963].
102. Kornai 1967b.
103. Malinvaud – Bacharach 1967.
104. Juhász 1934.
105. ÁBTL M 13417/1. Báo cáo về tôi và đánh giá về nó có thể thấy ở trang 35 của bó hồ sơ. Theo báo cáo Bácskai đã nói chuyện với tôi ngày 10-6-1960. Hồ sơ dày này, bên cạnh các thứ khác cũng chứa cả báo cáo về tôi, được mở ngày 25-6-1957.
106. 106. Số hồ sơ ra lệnh làm báo cáo về tôi là: IH IV/1A, Đề ngày: 15-4-1965. Trên báo cáo về tôi của R.
107. R. có số hồ sơ: 35-634/65, 2/B-530, Đề ngày: 4-51965. Tôi ghi chú, rằng trong chú thích cuối sách này tôi trích các số hồ sơ, mà có thể thấy trên các bản sao hồ sơ do Cục Thông tin (IH) cung cấp cho tôi tháng 6-2004. Các bản chính của các tư liệu này, mà từđó các bản sao được làm ra, theo giả thiết của tôi được họ lấy ra từ các tập hồ sơ, có trong sổ sách của các cơ quan tiền nhiệm của Cục Thông tin, để sử dụng nội bộ, có số hồ sơ riêng. Tôi không biết những số hồ sơ này. Ghi chú này liên quan đến tất cả các tư liệu,mà Cục Thông tin cung cấp cho tôi, mà các chú thích cuối sách sau đây sẽ nhắc đến.

https://thuviensach.vn

63. Bài báo kí với các chữ cái R.N.W.O. trong *Financial Times*, 1959 và Devons 1959.
64. Spulber 1960, 763. p.
65. Nove 1960, 389. p.
66. MOL M-KS XX-5-h. 50. d. 1. k. 48–54. p. Đề ngày: 20-3-1957. Ngoài ra MOL M-KS XX-5-h 52.
d. 1. k. 10–13. p. Đề ngày: 8-5-1958.
67. MOL M-KS XX-5-h, 1. d. 4. k. 57–59. p. Trích nguyên văn có thể thấy ở trang 2 và 3 của biên bản. Đề ngày: 16-4-1957.
68. MOL M-KS XX-5-h. 86. d. 5. k. 49–67. p. Biên bản lấy cung của P. P. Báo cáo do sĩ quan lấy cung trích dẫn về những người tham gia họp có thể thấy ở trang 51. Là trang 51-54

https://thuviensach.vn

của biên bản về ý định lập báo và về việc ra báo thật sự của Gimes. Đề ngày: 10-4-1957.
69. MOL M-KS XX-5-h. 1. d. 4. k. 57–59. p.
70. MOL M-KS XX-5-h. 86. d. 4. és 5. k.
71. Tiểu luận được viết với tên giả Hungaricus, ngay sau khi viết được nhân bản và phát tán với số lượng ít trong giới hẹp. Chỉ đến 1989 mới được xuất bản dưới dạng sách in bằng tiếng Hungary.
72. Fejtő viết một bài báo về tiểu luận "Hunga ricus". Tiểu luận được dịch toàn bộ và xuất bản bằng tiếng Pháp năm 1959, do Viện Nagy Imre ở Brussel xuất bản.
73. ÁBTL V-145-288/3. irat, 482–492. p. Biên bản hỏi cung J. Vasziliu. Đề ngày: 11-6-1959. Xem

https://thuviensach.vn

ngoài ra Vasziliu
1999.

https://thuviensach.vn

108. IH 134-216/64. Báo cáo về tôi của X. X. Đề ngày: 2-3-1964.
109. Kenedi 1996. 438. p. Kenedi công bố trong chú thích cuối trang, rằng Từđiển Giải thích An ninh Nhà nước được phân loại là "mật" do Nhà Xuất bản Bộ Nội vụấn hành năm 1980 tạo cơ sở cho sổ ghi từ mới của ông. Các nguồn khác cũng bổ sung cho nguồn này.
110. Ý kiến chuyên gia được làm đầu tiên năm 1966, liên quan đến đơn xin hộ chiếu đi nước ngoài của tôi. Một tài liệu muộn hơn lại nhắc đến ý kiến chuyên gia này. Tôi lấy từđây trích dẫn có thể đọc được trong văn bản. Nguồn của tư liệu mới: IH 4027-245/64, 213-3019, Đề ngày: 12-7-1964.
111. Trên bản sao khó đọc số ghi: IH III/I-1-A. 8153.
112. Koopmans – Montias 1971.
113. IH không có số hồ sơ. Trang 18-22 bên trong tập hồ sơ liên quan đến vụ Montias do IH cung cấp.
114. IH 34-4-797/1965. Đề ngày: 23-4-1965.
115. 115.Báo cáo của đại uý Z. Z. IH 34-A-1027/1965. Đề ngày: 26-5-1965.
116. IH 34-4-797/1965. Đề ngày: 23-4-1965. Lệnh viết tay ở trang 1.
143. Hirschman 1988 [1958]; Streeten 1959.
144. Tôi lưu thư mời trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
145. Kornai – Martos 1971; Kornai – Martos 1973.
146. Kornai – Martos 1981b.
147. Kornai – Martos 1981a.
148. Kornai 1974.
149. Kornai 1989a [1980], 583. p.
150. Bản sao ý kiến phản biện của Bródy András được lưu trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
151. Bản sao ý kiến phản biện của Faluvégi Lajos được lưu trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
152. Bài giới thiệu ngắn trong *Élet és Irodalom [Đời sống và Văn học]* số 4-10-1980, xuất hiện

https://thuviensach.vn

117. IH 59/2581-4/1965. Đề ngày: 22-11-1965.
118. IH 189-193/66. Đề ngày: 18-5-1966. IH 189191/66. Đề ngày: 19-5-1966. IH 189-220/66. Đề ngày: 6-6-1966.
119. Bolygó 1966.
120. Montias 1976; Kornai 1978a.
121. ÁBTL 0004-470-5-MRG, 24. p. Đề ngày: 1-41971.
122. ÁBTL 0004-470-5-MRG, 47. p. Đề ngày: 29-11989.
123. Montias 1982; 1989; 2002.
124. Kornai 1967a.
125. Kornai 1968.
126. Neumann 2003 [1955], 348–349. p.
127. Kornai 1971, 391. p. Về ý tưởng "pha lê toán học" xem Heisenberg 1967 [1958], 231–232. p.
128. Kuhn 2002 [1962].
129. Arrow 1974, 254. p. và Simon 1979, 508. p.
130. Laibson – Zeckhauser 1998.
131. Tôi đọc trích dẫn-Haydn trong một tuần báo. Tôi đã không thành công làm rõ nguồn của trích dẫn. Bất chấp điều đó tôi vẫn dùng, bởi vì có vẻ có thể tin được, rằng văn bản thực sự xuất xứ từ Haydn – và bởi vì đáng rút ra bài học để trụ đỡ cho mội dung muốn nói của riêng tôi.
132. Hahn 1973, 330. p.
trong mục "Páratlan oldal [Trang lẻ]".
153. Kornai 1978b.
154. Karagedov 1982.
155. Barro – Grossman 1971.
156. Trong số rất nhiều công trình được công bố của trào lưu Barro–Grossman–Portes một thí dụ đặc trưng là: Portes – Winter 1980.
157. Yergin – Stanislaw 1998, 277. p.
158. Hoffman 2002, 89–90. p.
159. Kornai – Maskin – Roland 2003.
160. Kornai – Weibull 1983.
161. Goldfeld – Quandt 1988; 1990; 1993.
162. Dewatripont – Maskin 1995.
163. Trao đổi thư từ với tạp chí và các báo cáo phản biện tôi lưu trong sưu tập hồ sơ riêng của mình.

https://thuviensach.vn

133. Từ bài thơ của József Attila xuất hiện năm 1933 có nhan đề An ủi [Vigasz]. József 2003, 390. p.
134. Kornai – Kovács – Schmidt 1969.
135. Tôi lưu bản sao bức thư trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
136. Huszár Tibor lưu ýtôi về nguồn tư liệu của câu chuyện bầu tôi làm viện sĩ. MOL M-KS 288. f. 36/1. ő.e. 9. p.
137. MOL M-KS 288. f. 5/675. ő.e. 10. p.
138. MOL M-KS 288. f. 5/675. ő.e. 10. p.
139. MOL M-KS 288. f. 5/682. ő.e. 3. p.
140. MOL M-KS 288. f. 5/682. ő.e. 7. p.
141. Kornai 1972.
142. Kornai 1972, 5. p.
164. Kornai 1986a.
165. Qian 1994.
166. Hicks 1937.
167. Arrow 1973a.
168. Schumpeter 1980 [1911].
169. Aghion – Howitt 1998.
170. 170. Tôi chợt bắt gặp câu này trong một bài báo, mà tác giả của nó đã lầm khi cho rằng là của Keynes. Thực ra là từ Wildon Carr. Xem Shove 1942, 323.p.
171. Kornai 1982, 9. p.
172. Kornai 1985.
173. Tôi lấy lời trích từ phỏng vấn của Liska Tibor dành cho OHA. (phỏng vấn số 39, 346. p.) So với biên bản ghi của phỏng vấn tôi chỉ thay đổi về ngữ pháp một chút.
174. Szénási 1983, 7. p.
175. Kornai 1980, 20. p.

https://thuviensach.vn

176. Lengyel 2002, 157–158. p.
177. Szegő 1983.
178. Kornai 1983b.
179. Tardos 1982; 1988a; 1988b.
180. Kornai 1987, II. rész, 27. p.
181. Gregory – Stuart 1997 [1974]. Đoạn trích có thể thấy ở trang 299 của lần xuất bản năm 1980 của cuốn sách. Các tác giả của cuốn sách giáo khoa đã chính xác hoá những khẳng định của họ liên quan đến cơ chế kinh tế mới của Hungary trong các lần xuất bản muộn hơn.
182. Müller 1999 giới thiệu chi tiết mục đích sử dụng của Báo cáo Thông tin Điều hành Hàng Ngày (NOIJ), các phương pháp và tổ chức của việc thu thập và hệ thống hoá thông tin .
183. ÁBTL NOIJ III/1-218-265/6, 3. p. Đề ngày: 1012-1981.
219. Các bản sao trao đổi thư từ được lưu

https://thuviensach.vn

184. ÁBTL NOIJ III/II-80, 5. p. Đề ngày: 26-4-1985.
185. ÁBTL, ghi bằng tay. Gắn kèm vào hồ sơ ÁBTL NOIJ III/II-80A.
186. Leijonhufvud 1968.
187. Dahl 1979 [1971].
188. Lindblom 1977.
189. Schelling 1980 [1960].
190. Rosovsky 1990, 194–195. p.
191. Samuelson 1983 [1947].
192. Bức thư được lưu trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
193. Szakolczai 2001, 92. p.
194. Kornai 1988b, 739. p.
195. Kornai 1988a.
196. Sen 1988.
197. Lindbeck 1988.
198. Từ tài liệu của "hội nghị trên tàu" nhà xuất bản sách Economic Daily đã xuất bản những lựa chọn vào năm 1985. Đầu đề tiếng Trung Quốc được dịch ra là: Chỉ đạo và cải cách kinh tế vĩ mô -tuyển lựa từ các bài trình bày của kội nghị quốc tế về chỉ đạo kinh tế vĩ mô. Bởi vì không thành công kiếm thông tin từ biên tập viên của cuốn sách, công trình này không xuất hiện trong Danh mục Tài liệu Tham khảo. Một phần của các bài trình bày bằng văn bản được gửi trước cho hội nghị được lưu trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
199. Kornai 1993a, 25. p.
200. Karsai 1993, 19. p.
201. Schama 1989, XIII. p.
202. Kornai 1993a, 23. p.
203. Nove 1992, 101. p. trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
220. Samuelson 1990.
221. Klaus – Tríška 1994, 482. p.
222. Kornai 1989b, 39. p. [tr. 57-58]
223. Nguồn của các dữ liệu Központi Statisztikai Hivatal 1996, 314. p.
224. Kornai 1989b, 122. p. [tr. 170]
225. 225. Các tư liệu của các cuộc đàm phán bàn tròn được xuất bản trong 8 tập. Để minh hoạ tôi nhắc đến tập thứ 5, công bố các tài liệu quan trọng về chính sách kinh tế:: Ripp 2000, 15–79. và 571–633.p.
226. Laki 1989; 1990 cho tổng quan về chương trình chính sách kinh tế của các đảng và các tổ chức chính trị khác nhau.
227. Các chuyên gia Hungary và nước ngoài đã tham gia vào công việc của Uỷ ban Băng Xanh [Kék Szalag Bizottság], còn trong công việc của Nhóm-

https://thuviensach.vn

204. Nove 1992, 103. p.
205. Ericson 1994, 495. és 497. p.
206. Krausz 1994, 158. p.
207. Krausz 1994, 157. p.
208. Bản sao bức thư của tôi được lưu trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
209. Coles 2002.
210. *New York Times*: Passel 1990; *New York Times Book Review*: Bosworth 1990; *Le Monde*: Salgó 1990; *Neue Zürcher Zeitung*: kí với chữ cái "Gy" 1991; *Financial Times*: Denton 1990.
211. Kornai 1990b.
212. Kornai 1992b.
213. Kornai 1992a.
214. Kornai 1993c.
215. Kornai 1989b, 34–35. p. [tr.52]
216. Szegvári 1990.
217. Semjén 1990.
218. Kornai 1989b, 40. p. [tr. 64]
Cầu [Híd-csoport] chỉ có các nhà kinh tế học Hungary tham gia. Cả hai uỷ ban đã công bố kiến nghị của mình vào mùa xuân 1990. Xem Kék Szalag Bizottság 1990; Híd-csoport 1990.
228. Réti 1989, 5. p.
229. Kornai 1992d.
230. Kornai 1994a.
231. Solow 2000, 408. p.
232. Kornai 1996b, 129–144. p. Szabó László Zsolt thực hiện phỏng vấn, và ngày 9-4-1995 phát trên Duna TV.
233. Blahó 2003.
234. Kornai – McHale 2001.
235. Csontos – Kornai – Tóth 1996a; 1996b.
236. Bognár – Gál – Kornai 2000.
237. Kornai 1998.
238. Kornai – Eggleston 2001.

https://thuviensach.vn

239. Các bản sao của trao đổi thư từ được lưu trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
240. Bản sao của thư được lưu trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
241. Những phát biểu ở quốc hội có thể thấy trên CD có tên *Országgyűlési Napló[Nhật kí Quốc hội] 1990–2002* do nhà xuất bản Arcanum phát hành và trên internet. Chúng tôi đã đếm những lần nhắc có thể thấy ở trong đó, phân loại theo các tiêu chí khác nhau. Các bảng tổng kết những kết quả được lưu trong sưu tập hồ sơ riêng của tôi.
242. Rosser – Rosser 2004 [1996], 377–378. p.
243. Kornai 1983a.
244. Camus 2001 [1942], 117–118. p.
245. Kornai 1986b, ix. p.
246. Kornai – Rose-Ackerman 2004; Kornai – Rothstein – Rose-Ackerman2004.

https://thuviensach.vn

247. Gács – Köllő 1998; Maskin – Simonovits 2000.

https://thuviensach.vn

Những công trình của Kornai János

Kornai János 1948. Marx Tőké-je magyarul. *Társadalmi Szemle*, 3. évf. 8–9. sz. 615–619. p.

~ 1951a. A megnövekedett feladatok terve. *Szabad Nép*, 9. évf., január 9., 1. p.

~ 1951b. A munkaidő jobb kihasználásáért. *Szabad Nép*, 9. évf., július 4., 1. p.

~ 1951c. A takarékosság – a munkaverseny egyik központi feladata. *Szabad Nép*, 9. évf., március 18., 1. p.

~ 1951d. Kövessük a csepeli példát. *Szabad Nép*, 9. évf., április 7., 5. p.

`~ 1954a. A Központi Vezetőség iránymutatásával tovább a júniusi úton. *Szabad Nép*, 12. évf., október 11., 3. p.

~ 1954b. A villamos energia kérdése. *Szabad Nép*, 12. évf., február 11., 1. p.

~ 1954c. „Egy évtized”. Nagy Imre elvtárs válogatott beszédei és írásai. *Szabad Nép*, 12. évf., október 6., 2–3. p.

~ 1956. Gyökerestül irtsuk ki a bürokráciát. *Szabad Nép*, 14. évf., október 14., 3–4. p.

~ 1958. Kell-e korrigálni a nyereségrészesedést? *Közgazdasági Szemle*, 5. évf. 7. sz. 720–734. p.

~ 1959. „Mennyiségi szemlélet“ és „gazdaságossági szemlélet“. *Közgazdasági Szemle*, 6. évf. 10. sz. 1083–1091. p.

~ 1967a. *Anti-Equilibrium. Esszé a gazdasági mechanizmus elméleteiről és a kutatás feladatairól*. Sokszorosítva. Budapest, MTA Közgazdaságtudományi Intézet.

~ 1967b. Mathematical Programming of Long-Term Plans in Hungary. In Malinvaud, Edmond – Bacharach, M. O. L. (eds.): *Activity Analysis in the Theory of Growth and Planning*. London – New York, Macmillan – St. Martin’s Press, 211–231. p.

~ 1968. *Anti-Equilibrium*. Mimeographed. Budapest, Institute of Economics, Hungarian Academy of Sciences.

~ 1971. *Anti-Equilibrium*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

https://thuviensach.vn

~ 1972. *Erőltetett vagy harmonikus növekedés*. Budapest, Akadémiai Kiadó.

~ 1973 [1965]. *A gazdasági szerkezet matematikai tervezése*. Lipták Tamás és Wellisch Péter közreműködésével. 2. bővített kiad. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

~ 1974. *Az adaptáció csikorgó gépezete*. Sokszorosítva. Budapest, MTA Közgazdaságtu- dományi Intézet.

~ 1978a. John Michael Montias: The Structure of Economic Systems. *Journal of Comparative Economics*, 2. évf. 2. sz. 277–292. p.

~ 1978b. Resource-Constrained Versus Demand-Constrained Systems. *Econometrica*, 47. évf. 4. sz. 801–819. p.

~ 1980. Hatékonyság és szocialista erkölcs. *Valóság*, 23. évf. 5. sz. 13–21. p.

~ 1982. A magyar gazdasági reform jelenlegi helyzetéről és kilátásairól. *Gazdaság*, 16. évf. 3. sz. 5–34. p.

~ 1983a. A nemzetek egészsége. *Valóság*, 26. évf. 1. sz. 1–12. p.

~ 1983b. Bürokratikus és piaci koordináció. *Közgazdasági Szemle*, 30. évf. 9. sz. 1025–1038. p.

~ 1985. Játékszabályok és társadalmi realitások. In Siklaki István (szerk.): *Koncepció és kritika*. Budapest, Magvető, 311–

322. p. ~ 1986a. The Soft Budget Constraint. *Kyklos*, 39. évf. 1. sz. 3–30. p. ~ 1986b. *Contradictions and Dilemmas*. Cambridge, MA., MIT Press. ~ 1986c. The Hungarian Reform Process: Visions, Hopes and Reality. *Journal of Economic Literature*, 24. évf. 4. sz.

1687–1737. p.

~ 1986d. A puha költségvetési korlát. *Tervgazdasági Fórum*, 2. évf. 3. sz. 1–18. p.

~ 1987. A magyar reformfolyamat: víziók, remények és a valóság. *Gazdaság*, 21. évf. I. rész 2. sz. 5–46. p.; II. rész 3. sz.

5–40. p. ~ 1988a. Individual Freedom and the Reform of the Socialist Economy. *European Economic Review*, 32. évf. 2–3. sz. 233–267. p. ~ 1988b. Report from the President to the Members of the European Economic Association. *European Economic Review*,

32. évf. 2–3. sz. 737–739. p. ~ 1989a [1980]. *A hiány*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó. ~ 1989b. *Indulatos röpirat a gazdasági átmenet ügyében*,. Budapest, HVG Kiadó *[Con đường dẫn tới Nền kinh tế thị*

https://thuviensach.vn

trường, NXB Văn hoá Thông tin 2002]. ~ 1990a [1957]. *A gazdasági vezetés túlzott központosítása. Kritikai elemzés könnyűipari tapasztalatok alapján.* 2. kiad.

Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

~ 1990b. Kiegészítések a „Röpirathoz". *Közgazdasági Szemle*, 37. évf. 7–8. sz. 769–793. p.

~ 1990c. *The Road to a Free Economy. Shifting from a Socialist System: The Example of Hungary*. New York, W. W.

Norton. [*Con đường* ... NXB Văn hoá Thông tin, 2002] ~ 1992a. The Postsocialist Transition and the State: Reflections in the Light of Hungarian Fiscal Problems. *American Economic Review*, 82. évf. 2. sz. 1–20. p. ~ 1992b. The Principles of Privatization in Eastern Europe. *The Economist*, 142. évf. 2. sz. 153–176. p.

~ 1992c. *The Socialist System. The Political Economy of Communism*. Princeton–Oxford, Princeton University Press – Oxford University Press. [*Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* NXB Văn hoá Thông tin 2002]

~ 1992d. Visszaesés, veszteglés vagy fellendülés. *Magyar Hírlap*, 25. évf., december 24., 12–13. p.

~ 1993a. *A szocialista rendszer. Kritikai politikai gazdaságtan*. Budapest, HVG Kiadó.[*Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa* NXB Văn hoá Thông tin 2002]

~ 1993b. Market Socialism Revisited. In Peterson, Grethe B. (ed.): *The Tanner Lectures on Human Values*. 14. évf. Salt Lake City, University of Utah Press, 3–41. p.

~ 1993c. The Evolution of Financial Discipline under the Postsocialist System. *Kyklos*, 46. évf. 3. sz. 315–336. p.

~ 1993d. *Útkeresés*. Budapest, Századvég Kiadó.

~ 1994a. A legfontosabb: A tartós növekedés. [5 cikkből álló sorozat] *Népszabadság*, 52. évf., augusztus 29., 11. p., augusztus 30., 11. p., augusztus 31., 11. p., szeptember 1., 11. p., szeptember 2., 11. p.

~ 1994b [1957]. *Overcentralization in Economic Administration*. Oxford, Oxford Univer- sity Press.

~ 1994c. Péter György, a reformközgazdász. In Árvay János – Hegedűs B. András (szerk.): *Egy reformközgazdász emlékére*: Péter György, 1903–1969. Budapest, Cserépfalvi Könyvkiadó – T-Twins Kiadó, 75–89. p.

https://thuviensach.vn

~ 1996a. Kiigazítás recesszió nélkül. Esettanulmány a magyar stabilizációról. *Közgazdasági Szemle*, 43. évf. 7–8. sz. 585–613. p.

~ 1996b. *Vergődés és remény. Gondolatok a gazdasági stabilizációról és a jóléti állam reformjáról*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

~ 1997. Mit jelent és nem jelent a rendszerváltás. *Kritika*, 26. évf. 8. sz. 2–8. p.

~ 1998. *Az egészségügy reformjáról*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

~ 2000a. Tíz évvel a Röpirat angol kiadásának megjelenése után. A szerző önértékelése. *Közgazdasági Szemle*, 47. évf. 9. sz. 647–661. p.

~ 2000b. What the Change of the System from Socialism to Capitalism Does and Does Not Mean. *Journal of Economic Perspectives*, 11. évf. 1. sz. 27–42. p.

~ 2001. Ten Years After the Road to a Free Economy: The Author's Self Evaluation. In Pleskovich, Boris – Stern, Nicholas (eds.): Annual Bank Conference on Development Economics 2000. Washington, D.C., The World Bank, 49–

66. p. ~ 2004. What Can Countries Embarking on Post-Socialist Transformation Learn from the Experiences so far? Cuba Transition Project. Institute for Cuban and Cuban-American Studies, University of Miami. Bognár Géza – Gál Róbert – Kornai János 2000. Hálapénz a magyar egészségügyben. *Közgazdasági Szemle*, 47. évf. 4. sz. 293–320. p.

Csontos László – Kornai János – Tóth István György 1996a. Adótudatosság, fiskális illúziók és a jóléti rendszer reformja: egy empirikus vizsgálat első eredményei. In Andorka Rudolf – Kolosi Tamás – Vukovich György (szerk.): *Társadalmi Riport*. Budapest, TÁRKI, 238–271. p.

~ 1996b. Az állampolgár, az adók és a jóléti rendszer fogalma. *Századvég*, „új folyam", 1. évf. 2. sz. 3–28. p.

Kornai János – Dániel Zsuzsa – Jónás Anna – Martos Béla 1972. Tervszondázás. *Közgazdasági Szemle*, 19. évf. 9. sz. 1031–1050. p.

Kornai János – Eggleston, Karen 2001. *Welfare, Choice and Solidarity in Transition: Reforming the Health Sector in Eastern Europe*. Cambridge, MA., Cambridge University Press. [*Chăm sóc sức*

https://thuviensach.vn

khoae cộng đồng –Phúc lợi, Lựa chọn và Đoàn kết trong Chuyển đổi - Cải cách Khu vực Y tếở đông Âu NXB Văn hoá Thông tin 2002]

~ 2004. *Egyéni választás és szolidaritás. Az egészségügy intézményi mechanizmusának reformja Kelet-Európában.* Budapest, Nemzeti Tankönyvkiadó.

Kornai János – Kovács János – Schmidt Ádám 1969. *Észrevételek Intézetünk munkájához: Munkastílus, irányítás, nevelés, szervezet*. Sokszorosítva. Budapest, MTA Közgazdaságtudományi Intézet.

Kornai János – Lipták Tamás 1959. *A nyereségérdekeltség matematikai vizsgálata*. Sokszorosítva. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

~ 1962. A Mathematical Investigation of Some Economic Effects of Profit Sharing in Socialist Firms. *Econometrica*, 30. évf. 1. sz. 140–161. p.

~ 1963. Kétszintű tervezés: Játékelméleti modell és iteratív számítási eljárás népgazdasági távlati tervezési feladatok megoldására. *Magyar Tudományos Akadémia Matematikai Kutató Intézetének Közleményei*, 7. évf. B. sorozat 4. sz. Budapest, Akadémiai Kiadó.

~ 1965. Two-Level Planning. *Econometrica*, 33. évf. 1. sz. 141–169. p.

Kornai János – Martos Béla 1971. Gazdasági rendszerek vegetatív működése. *Szigma*, 4. évf. 1–2. sz. 35–50. p.

~ 1973. Autonomous Control of the Economic System. *Econometrica*, 41. évf. 3. sz. 509–528. p.

Kornai János – Martos Béla (eds.) 1981a. *Non-Price Control*. Amsterdam, North-Holland.

Kornai János – Martos Béla (szerk.) 1981b. *Szabályozás árjelzések nélkül*. Budapest, Akadémiai Kiadó.

Kornai János – Maskin, Eric S. – Roland, Gérard 2003. Understanding the Soft Budget Constraint. *Journal of Economic Literature*, 41. évf. 4. sz. 1095–1136. p.

~ 2004. A puha költségvetési korlát. *Közgazdasági Szemle*, 51. évf. 7–8. sz. 608–624. p.; 9. sz. 777–809. p.

Kornai János – Matits Ágnes 1987. *A vállalatok nyereségének bürokratikus újraelosztása*. Budapest, Közgazdasági és

Jogi Könyvkiadó.

https://thuviensach.vn

Kornai János – McHale, John 2001. Eltérnek-e a nemzetközileg szokásostól a posztszocialista országok egészségügyi kiadásai? *Közgazdasági Szemle*, 48. évf. 7–8. sz. 555–580. p.

Kornai János – Rose-Ackerman, Susan (eds.) 2004. *Building the Trustworthy State in Post-Socialist Transition*. New York, Palgrave Macmillan.

Kornai János – Rothstein, Bo – Rose-Ackerman, Susan (eds.) 2004. *Creating Social Trust in Post-Socialist Transition*. New York, Palgrave Macmillan.

Kornai János – Weibull, Jörgen W. 1983. Paternalism, Buyers' and Sellers' Market. *Mathemetical Social Sciences*, 6. évf.

2. sz. 153–169. p.

Những công trình của các tác giả khác

Aczél Tamás – Méray Tibor 1989 [1959]. *Tisztító vihar. Adalékok egy korszak történetéhez*. 1–2. kötet. Szeged, JATE.

Ady Endre 2004. *Ady Endre összes versei*. Budapest, Osiris.

Aghion, Philippe – Howitt, Peter (eds.) 1998. *Endogenous Growth Theory*. Cambridge, MA., MIT Press.

Akerlof, George A. 1970. The Market for „Lemons". Quality Uncertainity and the Market Mechanism. *Quarterly Journal of Economics*, 84. évf. 3. sz. 488–500. p.

Antal László 1982. Fejlődés kitérővel – A magyar gazdasági mechanizmus a 70-es években. *Gazdaság*, 14. évf. 2. sz. 28–

56. p. Arrow, Kenneth J. 1951. Alternative Approaches to the Theory of Choice in Risk-Taking Situations. *Econometrica*, 19.

évf. 4. sz. 404–437. p. ~ (ed.) 1971. *Selected Readings in Economic Theory from Econometrica*. Cambridge, MA., MIT Press. ~ 1973a. Rawls's Principle of Just Saving. *Scandinavian Journal of Economics*, 75. évf. 4. sz. 323–335. p. ~ 1973b [1963]. *Social Choice and Individual Values*. 2. ed. New Haven, Yale University Press. ~ 1974. General Economic Equilibrium: Purpose, Analytic Techniques, Collective Choice. *American Economic Review*,

64. évf. 3. sz. 253–272. p. Arrow, Kenneth J. – Karlin, Samuel – Scarf, Herbert E. 1958. *Studies in the Mathematical Theory of Inventory and*

Production. Stanford, Stanford University Press.

https://thuviensach.vn

Babits Mihály 1998 [1936]. *Az európai irodalom története*. Budapest, Merényi.

Bácskai Tamás – Terták Elemér György 1983. Mesterséges érdeknövekedési kényszer. *Valóság*, 26. évf. 10. sz. 91–94. p.

Baráth Magdolna 1999. Az MDP vezetése és a rehabilitáció. *Múltunk*, 44. évf. 4. sz. 40–97. p.

Barro, Robert J. – Grossman, Herschel I. 1971. A General Disequilibrium Model of Income and Employment. *American Economic Review*, 61. évf. 1. sz. 82–93. p.

Bergson, Abram 1948. Socialist Economics. In Ellis, Howard S. (ed.): *A Survey of Contemporary Economics*. Philadelphia, Blakiston, 412–448. p.

Blahó Miklós 2003. A fő cél a tartós növekedés. Interjú Kornai Jánossal. *Népszabadság*, 61. évf., január 25., 23. és 27. p.

Blanchard, Olivier 1999. Interjú Kornai Jánossal. *Közgazdasági Szemle*, 46. évf. 3. sz. 201–212. p.

Bolygó János 1966. Mit kutatott professzor Montias Magyarországon? *Magyar Nemzet,* 22. évf., július 3., 7. p.

Bosworth, Barry P. 1990. Which Way to the Market? *New York Times Book Review*, 139. évf., május 27. 17. p.

Boulding, Kenneth E. 1966 [1941]. *Economic Analysis*. 4. ed. New York, Harper and Row.

Böhm-Bawerk, Eugen von 1926 [1896]. Zum Abschluss des Marxschen Systems. In Weiss, Franz X. (Hrsg.): *Eugen von Böhm-Bawerks kleinere Abhandlungen über Kapital und Zins. Der gesammelten Schriften 2. Band*. Wien–Leipzig, Hölder-Pichler-Tempsky A.G., 321–435. p.

Braham, Randolph L. 1988 [1981]. *A magyar holocaust*. I–II. kötet. Budapest–Wilmington, Gondolat – Blackburn International Incorporation.

Brámer Frigyes 1997 [1972]. Koncentrációs tábor a Rabbiképző épületében. In Scheiber Sándor (szerk.): *Évkönyv.* Budapest, Magyar Izraeliták Országos Képviselete, 219–228. p.

Bródy András 1956. A hóvégi hajrá és gazdasági mechanizmusunk. *Közgazdasági Szemle*, 3. évf. 7–8. sz. 870–883. p.

~ 1969. *Érték és újratermelés*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

https://thuviensach.vn

Camus, Albert 2001 [1942]. *A pestis*. Fordította Győry János. Budapest, Európa Könyvkiadó.

Carlin, Wendy – Fries, Steven – Schaffer, Mark E. – Seabright, Paul 2001. Competition and Enterprise Performance in

Transition Economies: Evidence from a Cross-Country Survey. *EBRD Working Paper*, Nr. 62. Chikán Attila (szerk.) 1989. *Készletek, ciklusok, gazdaságirányítás. A magyar gazdaság készletalakulása és befolyásoló*

tényezői, 1960–1986. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó. ~ 2004. A hiány szerepe az átmenet szellemi előkészítésében. *Magyar Tudomány*, 49. évf. 7. sz. 698–707. p. Coles, Peter 2002. *Einstein és a napfogyatkozás*. Budapest, Alexandra. Csoóri Sándor 1990. Nappali hold. 2. rész. *Hitel*, 3. évf. 18. sz., szeptember 5., 5. p. Dahl, Robert A. 1979 [1971]. *Polyarchy*. New Haven–London, Yale University Press. Debreu, Gerard 1965 [1959]. *Theory of Value. An Axiomatic Analysis of Economic Equilibrium*. New York, Wiley J. Denton, Nicholas 1990. On the Brink of Transformation. *Financial Times*, 103. évf., szeptember 17., II. p. Deutscher, Isaac 1990 [1949]. *Sztálin. Politikai életrajz*. Budapest, Európa.

Devons, Ely 1959. A Study in Central Planning. Evidence from the Inside. *The Guardian*, 139. évf., október 22., 10–11. p.

Dewatripont, Mathias – Maskin, Eric S. 1995. Credit and Efficiency in Centralized and Decentralized Economies. *Review of Economic Sudies*, 62. évf. 4. sz. 541–555. p.

Djankov, Simeon D. – Murrell, Peter 2002. Enterprise Restructuring in Transition Economies: A Quantitative Survey. *Journal of Economic Literature*, 40. évf. 3. sz. 739–792. p.

Donáth Ferenc (szerkesztőbizottság eln.) 1981. *Bibó-emlékkönyv*. 1–2. kötet. Szamizdat kiadás. Nyomtatott új kiadás 1991. Réz Pál (szerk.) Budapest, Századvég.

Dorfman, Robert – Samuelson, Paul A. – Solow, Robert M. 1987 [1958]. *Linear Programming and Economic Analysis*. New York, Dover Publications.

Draaisma, Douwe 2003. *Miért futnak egyre gyorsabban az évek*? Budapest, Typotex.

Durant, Will 1996 [1926]. *A gondolat hősei*. Budapest, Göncöl.

https://thuviensach.vn

Ericson, Richard E. 1994. Book Review. *Journal of Comparative Economics*, 18. évf. 3. sz. 495–497. p.

Esterházy Péter 2003. Mik vogymuk. 1 könyv. *Élet és Irodalom*, 47. évf., május 9., 3. p.

Esze Zsuzsa 1956. Egy kandidátusi értekezés vitája. *Közgazdasági Szemle*, 3. évf. 11–12. sz. 1483–1495. p.

Eucken, Walter 1965 [1940]. *Die Grundlagen der Nationalökonomie*. Berlin–Heidelberg, Springer.

Fejtő Ferenc 1957. La Premiere Autocritique des „Communistes Nationaux“ Hongrois. *France Observateur*, 8. évf., január 31., 6. p.

F. Liska Tibor 1998. A Liska-modell. *Közgazdasági Szemle*, 45. évf. 10. sz. 940–953. p.

Fóthy János 1945. Horthy-liget – *A magyar ördögsziget*. Budapest, Müller Károly Könyvkiadóvállalat.

Frey, Bruno S. 2003. Publishing as Prostitution? Choosing between One's Own Ideas and Academic Success. *Public*

Choice, Vol. 116. 1–2. sz. 205–223. p.

Friss István 1957. Népgazdaságunk vezetésének néhány gyakorlati és elméleti kérdéséről. *Népszabadság*, 2. évf., október 2., 3–4. p.

Gans, Joshua S. – Shepherd, George B. 1994. How Are the Mighty Fallen: Rejected Articles by Leading Economists. *Journal of Economic Perspectives*, 8. évf. 1. sz. 165–179. p.

Gács János – Köllő János (szerk.) 1998. *A „túlzott központosítástól" az átmenet stratégiájáig: Tanulmányok Kornai Jánosnak*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

Gáll Ernő 2003. *Napló*. 1. kötet. Budapest, Polis Könyvkiadó.

Gimes Miklós 1956. Magyar Szabdság. *Magyar Szabadság*, 1. évf., október 29., 1. p.

Goldfeld, Stephen M. – Quandt, Richard E. 1988. Budget Constraints, Bailouts and the Firm under Central Planning. *Journal of Comparative Economics*, 12. évf. 4. sz. 502–520. p.

~ 1990. Output Targets, the Soft Budget Constraint and the Firm under Central Planning. *Journal of Economic Behavior and Organization*, 14. évf. 2. sz. 205–222. p.

~ 1993. Uncertainty, Bailouts, and the Kornai Effect. *Economics Letters*, 41. évf. 2. sz. 113–119. p.

https://thuviensach.vn

Gregory, Paul R. – Stuart, Robert C. 1997 [1974]. *Comparative Economic Systems*. 6.ed. Boston, Houghton Mifflin Co.

Grossfeld, Irena 1989. Disequilibrium Models of Investment. In Davis, Christopher – Charemza, Wojciech W. (eds.): *Models of Disequilibrium and Shortage in Centrally Planned Economies*. New York, Chapman and Hall, 361–374. p.

Gulyás Emil 1957–1958. *Az árutermelés, értéktörvény és pénz a szocializmusban*. Pártfőiskolai előadás kézirata.

Gy. (bài viết kí tên bằng chữ Gy.) 1991. Skizze eines Reformprogramms am Beispiel Ungarns. *Neue Zürcher Zeitung*, Fernausgabe, 212. évf., június 30/július 1., 17. p.

Haberler, Gottfried von 1963 [1937]. *Prosperity and Depression. A Theoretical Analysis of Cyclical Movements*. 4. ed. New York, Atheneum.

Hahn, Frank 1973. The Winter of Our Discontent. *Economica*, 40. évf. 159. sz. 322–330. p.

Halda Alíz 2002. *Magánügy. Dokumentum/regény*. Budapest, Noran.

Hašek, Jaroslav 2002 [1920–1923]. *Švejk: egy derék katona kalandjai a világháborúban*. 1–2. kötet. Budapest, Ciceró.

Hayek, Friedrich A. von (ed.) 1975 [1935]. *Collectivist Economic Planning. Critical Studies on the Possibilities of Socialism.* Clifton, N.J., A. M. Kelly.

~ 1991 [1944]. *Út a szolgasághoz.* Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó. [*The Road to Serdom* The University of Chicago Press 1944, 1994; *Con đường dẫn đến Chế độ Nông nô*, tủ sách SOS[2]]

Hegedűs András 1990. A bolsevik grand-seigneur tragédiája. *Pesti Hírlap*, 1. évf., november 3., 8. p.

Heisenberg, Werner 1967 [1958]. Fizika és filozófia. In Heisenberg, Werner: *Válogatott tanulmányok*. Budapest, Gondolat, 71–197. p.

Heller Farkas 1988 [1919–1920]. *Közgazdaságtan*. 1–2. kötet. 5. kiad. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

Hicks, John R. 1937. Mr. Keynes and the Classics: A Suggested Interpretation. *Econometrica*, 5. évf. 2. sz. 147–159. p.

~ 1978 [1939]. *Érték és tőke*. A közgazdasági elmélet néhány alapelvének vizsgálata. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

https://thuviensach.vn

Híd-csoport 1990. Híd a közeli jövőbe. *Közgazdasági Szemle*, 37. évf. 4. sz. 442–458. p.

Hirschman, Albert O. 1988 [1958]. *The Strategy of Economic Development*. Boulder, Westview Press.

~ 1995 [1970]. *Kivonulás, tiltakozás, hűség*. Budapest, Osiris. [*Exit, Voice and Loyalty*. Cambridge, Harvard University

Press, 1970] Hoffman, David E. 2002. *The Oligarchs. Wealth and Power in the New Russia*. New York, Public Affairs.

Huizinga, Johan 1996 [1919]. *A középkor alkonya.* Budapest, Európa.

Hungaricus (Fekete Sándor) 1959 [1956–1957]. *Quelques enseignements de la revolution nationale et démocratique hongriose*. Brüsszel, Nagy Imre Intézet.

~ 1989 [1956–1957]. *Az 1956-os felkelés okairól és tanulságairól*. Budapest, Kossuth Könyvkiadó.

József Attila 2003. *Összes versei*. Budapest, Osiris.

Juhász Andor 1934. *Halló, itt London!* Budapest, Révai.

Kalecki, Michal 1965 [1954]. *Theory of Economic Dynamics: An Essay on Cyclical and Long-Run Changes in Capitalist*

Economy. 2. ed. London, Allen and Unwin. Karagedov, Rajmond G. 1982. Mechanyizm funkcionyirovanyija szocialisztyicseszkoj ekonomiki. *Izvesztyija*

Szibirszkovo Otgyelenyija Akademij Nauk SzSzSzR, 3. évf. 11. sz. 115–128. p.

Kardelj, Edvard 1981. *Visszaemlékezések*. Újvidék, Fórum Könyvkiadó.

Karinthy Ferenc 1994. *Napló*. Budapest, Littoria.

Karinthy Frigyes 2001 [1914]. A felelős ember. In Karinthy Frigyes: *Humoreszkek*. 2.kötet. Budapest, Akkord, 155–157.

p. Karsai Gábor 1993. A szocializmus genetikai programja. *Figyelő*, 37. évf., november 11., 17–19. p. Kék Szalag Bizottság 1990. *[A Bizottság] Gazdasági Programjavaslata*. Budapest, Kék Szalag Bizottság. Kende Péter 1955. *Kritikai jegyzetek a marxizmus gazdasági tanaihoz*. Gépelt kézirat. ~ 1959. L'intérêt personnel dans le systeme d'économie socialiste. *Revue Economique,* 10. évf. 3. sz. 340–364. p. ~ 1964. *Logique de l'Économie Centralisée. Un exemple: la Hongrie*. Paris, Société d'Éducation d'Enseignement

https://thuviensach.vn

Supérieure.

~ 1966. *A Szabad Nép szerkesztőségében. Tanulmányok a magyar forradalomról*. München, Auróra.

Kenedi János 1981. *„Tiéd az ország, magadnak építed”*. Párizsi Magyar Füzetek könyvei.

~ 1996. *Kis állambiztonsági olvasókönyv. Október 23. – március 15. – június 16. a Kádár-korszakban* . 1–2. kötet.

Budapest, Magvető. Keynes, John M. 1965 [1936]. *A foglalkoztatás, a kamat és a pénz általános elmélete.* Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó. [*General Theory of Employment, Interest and Money* London Macmillan 1936]

K. I. (bài báo kí bằng chữ cái K.I.). 1958. A Közgazdaságtudományi Intézetről. *Közgazdasági Szemle*, 5. évf. 8–9. sz. 939–948. p.

Klaniczay Gábor 2003. *Ellenkultúra a hetvenes–nyolcvanas években*. Budapest, Noran.

Klaus, Václav – Tríška, Dušan 1994. Kornai János és a posztszocialista átalakítás. *BUKSZ*, 6. évf. 4. sz. 480–483. p.

Koopmans, Tjalling C. 1957. *Three Essays on the State of Economic Science*. New York, MacGraw-Hill.

Koopmans, Tjalling C. – Montias, John M. 1971. On the Description and Comparison of Economic Systems. In Eckstein, Alexander (ed.): *Comparison of Economic Systems*. Berkeley, University of California Press, 27–78. p.

Kovács András 1968. Falak. *Új Írás*, 8. évf. 3. sz. 28–48. p.

Kovács Imre 1989 [1937]. *A néma forradalom*. Budapest, Cserépfalvi–Gondolat–Tevan.

Központi Statisztikai Hivatal 1996. *Magyar Statisztikai Évkönyv*, 1995. Budapest, Központi Statisztikai Hivatal.

Krausz Tamás 1994. A történetietlen politikai gazdaságtan. *Eszmélet*, 6. évf. 24. sz. 157–178. p.

Kuhn, Thomas S. 2002 [1962]. *A tudományos forradalmak szerkezete*. Budapest, Osiris. [*The Structure of Scientific Revolutions* University of Chicago Press, *Cấu trúc của các cuộc Cách mạng Khoa học* NXB Trí thức 2006]

Laczik Erika 2005. Egy besúgó tisztikereszttel. *Magyar Nemzet*, 68. évf., január 29., 1. és 5. p.

https://thuviensach.vn

Laibson, David – Zeckhauser, Richard 1998. Amos Tversky and the Ascent of Behaviorial Economics. *Journal of Risk and Uncertainty*, 16. évf. 1. sz. 7–47. p.

Laki Mihály 1989. Az új politikai szervezetek a gazdaságpolitikáról és a gazdaságirányításról. *Tervgazdasági Fórum*, 5. évf. 4. sz. 1–16. p.

~ 1990. *Rendszerváltás küszöbén. Az ellenzéki pártok gazdaságpolitikai programjai*. Sokszorosítva. Budapest, Közgazdasági Információs Szolgálat.

Lange, Oscar 1968 [1936–1937]. On the Economic Theory of Socialism. In Lippincott, Benjamin E. (ed.): *On the Economic Theory of Socialism*. New York–Toronto–London, McGraw Hill, 57–143. p.

Leijonhufvud, Axel 1968. *On Keynesian Economics and the Economics of Keynes. A Study in Monetary Theory*. New York, Oxford University Press.

Lengyel László 2002. *A távol közelében. Kérdez: Hankiss Elemér*. Budapest, Helikon Kiadó.

Lengyel László – Polgár Miklós 1980. Gazdasági elvek, etikai elvek – és a valóság. *Valóság*, 23. évf. 9. sz. 101–107. p.

Lenin, Vlagyimir I. 1974 [1920]. A baloldaliság, a kommunizmus gyermekbetegsége. In *Lenin összes művei*. 41. kötet. Budapest, Kossuth Könyvkiadó, 3–99. p.

Lerner, Abba P. 1975 [1944]. *Economics of Control. Principles of Welfare Economics*. New York, A. M. Kelley.

Lindbeck, Assar 1977 [1971]. *The Political Economy of the New Left: An Outsider's View.* New York, Harper and Row.

~ 1988. Individual Freedom and Welfare State Policy. *European Economic Review*, 32. évf. 2–3. sz. 295–318. p.

Lindblom, Charles E. 1977. *Politics and Markets*. New York, Basic Books.

Liska Tibor 1988 [1966]. *Ökonosztát: Felkészülés a mechanizmusreformra*. Budapest, Közgazdasági és Jogi

Könyvkiadó. Liska Tibor – Máriás Antal 1954. A gazdaságosság és a nemzetközi munkamegosztás. *Közgazdasági Szemle*, 1. évf. 1. sz. 75–94. p.

Lőcsei Pál 1995. „Politikai és lelkiismereti lázadás volt…". *Respublika*, 2. évf. 13. sz. 36–40. p.

https://thuviensach.vn

Lukács György 1945. *Írástudók felelőssége*. Budapest, Szikra.

~ 1949 [1945]. *Balzac, Stendhal, Zola*. Budapest, Hungária.

Mádl Antal – Győri Judit (szerk.) 1980. *Thomas Mann és Magyarország*. Budapest, Gondolat.

Magyar Dolgozók Pártja Központi Vezetősége 1955. A Magyar Dolgozók Pártja Központi Vezetőségének határozata a politikai helyzetről és a párt feladatairól. *Szabad Nép*, 13. évf., március 9., 1–2. p.

Malinvaud, Edmond 1967. Decentralized Procedures for Planning. In Malinvaud, Edmond – Bacharach, M. O. L. (eds.): *Activity Analysis in the Theory of Growth and Planning*. London – New York, Macmillan – St. Martin's Press, 170–

208. p. Malinvaud, Edmond – Bacharach, M. O. L. (eds.) 1967. *Activity Analysis in the Theory of Growth and Planning*. London – New York, Macmillan – St. Martin's Press. Marx, Karl 1978 [I. kötet 1867, II. kötet 1885, III. kötet 1896]. *A tőke. A politikai gazdaságtan bírálata*. 1–3. kötet.

Budapest, Kossuth.

Marx, Karl – Engels, Friedrich 1998 [1848]. *Kommunista Kiáltvány*. Budapest, Scholar.

Maskin, Eric S. – Simonovits András (eds.) 2000. *Planning, Shortage, and Transformation. Essays in Honor of János*

Kornai. Cambridge, MA., MIT Press. Matolcsy György 1997. Kiigazítás recesszióval. Kemény költségvetési és puha piaci korlát. *Közgazdasági Szemle*, 44.

évf. 9. sz. 782–798. p. McCloskey, Donald N. 1982. *The Rhetoric of Economics*. Canberra, Australian National University. Molnár Endre 1957. Revizionista nézetek a szocialista állam gazdasági szerepéről. *Társadalmi Szemle*, 12. évf. 2. sz. 44–

59. p. Montias, John M. 1976. *The Structure of Economic Systems*. New Haven, Yale University Press. ~ 1982. *Arts and Artisans in Delft: A Socio-Economic Study of the Seventeenth Century*. Princeton, Princeton University

Press.

~ 1989. *Vermeer and His Milieu: A Web of Social History*. Princeton, Princeton University Press.

https://thuviensach.vn

~ 2002. *Art at Auction in 17th Century Amsterdam*. Amsterdam, Amsterdam University Press.

Müller, Rolf 1999. Napi operatív információs jelentések, 1979–1989. In Gyarmati György (szerk.): A *Történeti Hivatal Évkönyve 1999*. Budapest, Történeti Hivatal, 251–284. p.

Nagy Csaba 1994. Lázadás a Szabad Népnél 40 évvel ezelőtt. Beszélgetés Lőcsei Pállal és Méray Tiborral. *Kritika*, 23. évf. 10. sz. 10–11. p.

Nagy Imre 1954. Egy évtized. *Válogatott beszédek és írások* (1948–1954). Budapest, Szikra.

Neumann János 2003 [1955]. A legújabb tudományos fejlődés hatása a gazdaságra és a közgazdaságtanra. In *Neumann János válogatott írásai*. Budapest, Typotex, 346–349. p.

Nove, Alec 1960. Overcentralization in Economic Administration. *Economica*, 27. évf. 108. sz. 389–391. p.

~ 1992. A kommunizmus kudarcának természetrajza. *Európa Fórum*, 2. évf. 4. sz. 101–103. p.

Novobáczky Sándor 1956. Különös emberek. *Irodalmi Újság*, 6. évf., október 6., 1. p.

Nozick, Robert 1998 [1974]. *Anarchy, State and Utopia*. Oxford, Blackwell.

Nyiri Sándor 1994. A Péter György elleni büntetőeljárás. In Árvay János – Hegedűs B. András (szerk.): *Egy reformközgazdász emlékére: Péter György, 1903–1969*. Budapest, Cserépfalvi Könyvkiadó – T-Twins Kiadó, 45–47. p.

Ortega y Gasset, José 2003 [1929]. *Tömegek lázadása*. Budapest, Nagyvilág.

Orwell, George 2004 [1949]. *1984*. Budapest, Európa.

Papandreou, Andreas G. 1972. *Paternalistic Capitalism*. Minneapolis, Univesity of Minnesota Press.

Passel, Peter 1990. Socialist Eggs, Market Omlet. *New York Times*, 139. évf., április 11., 2. p.

Péter György 1954. A gazdaságosság jelentőségéről és szerepéről a népgazdaság tervszerű irányításában. *Közgazdasági*

Szemle, 1. évf. 3. sz. 300–324. p. ~ 1956. A gazdaságosság és a jövedelmezőség jelentősége a tervgazdaságban. *Közgazdasági Szemle*, 3. évf. 6. sz. 695–

https://thuviensach.vn

711. p.; 7–8. sz. 851–869. p. ~ 1957. A gazdasági vezetés túlzott központosítása. Kornai János tanulmányáról. *Magyarország*, 1. évf., május 1., 2. p. Péteri György 1997. New Course Economics. The Field of Economic Research in Hungary after Stalin, 1953–56.

Contemporary European History, 6. évf. 3. sz. 295–327. p.

~ 1998. *Academia and State Socialism. Highland Lakes*. New Jersey, Atlantic Research and Publications.

~ (ed.) 2001. *Intellectual Life and the First Crisis of State Socialism in East Central Europe, 1953–1956*. Trondheim

Studies on East European Cultures and Societies, No. 6. Phillips, Albin W. 1958. The Relation between Unemployment and the Rate of Change of Money Wage Rates in

the United Kingdom, 1861–1957. *Economica*, 25. évf. 2. sz. 283–299. p. Pigou, Arthur C. 2002 [1920]. *The Economics of Welfare*. New Brunswick, NJ., Transaction Publishers. Pogonyi Lajos 2003. A munkásosztály megsemmisítése. Interjú Vajda Mihállyal. *Népszabadság*, 61. évf., október 15., 14.

p. Portes, Richard – Winter, David 1980. Disequilibrium Estimates for Consumption Goods Markets in Centrally Planned Economies. *Review of Economic Studies*, 47. évf. 1. sz. 137–159. p.

Qian, Yingyi 1994. A Theory of Shortage in Socialist Economies based on the „Soft Budget Constraint". *American Economic Review*, 84. évf. 1. sz. 145–156. p.

Rainer M. János 1999. *Nagy Imre – Politikai életrajz. Második kötet, 1953–1958.* Budapest, 1956-os Intézet.

Rawls, John 1997 [1971]. *Az igazságosság elmélete*. Budapest, Osiris. [

Réti Pál 1989. Miénk az ország. *Heti Világgazdaság*, 11. évf., november 11., 3–5. p.

Révész Sándor 1999. *Egyetlen élet. Gimes Miklós története*. Budapest, 1956-os Magyar Forradalom Történetének Dokumentációs és Kutatóintézete – Sík Kiadó.

Ripp Géza 1957. Revizionizmus „az új gazdasági mechanizmus" leple alatt. *Népszabadság*, 2. évf., június 23., 3. p.

Ripp Zoltán (szerk.) 2000. *A rendszerváltás forgatókönyve. Kerekasztal-tárgyalások 1989-ben*. 5. kötet. Budapest, Új Mandátum.

https://thuviensach.vn

R.N.W.O. (bài báo kí tên bằng chữ R.N.W.O.) 1959. Iron Curtain Economy. *Financial Times*, 72. évf., december 28., 12. p. Roland, Gérard 1987. Investment Growth Fluctuations in the Soviet Union: An Econometric Analysis. *Journal of Comparative Economics*, 11. évf. 2. sz. 192–206. p. ~ 1990. On the Meaning of Aggregate Excess Supply and Demand for Consumer Goods in Soviet-Type Economies.

Cambridge Journal of Economics, 14. évf. 1. sz. 49–62. p.

Rosovsky, Henry 1990. *The University. An Owner's Manual*. New York, W. W.

Norton. Rosser, J. Barkley Jr. – Rosser, Marina V. 2004 [1996]. *Comparative Economics in a Transforming World Economy*. 2. ed. Cambridge, MA., MIT Press.

Salgó István 1990. Les propositions de l'économiste Janos Kornai provoquent un vif débat. *Le Monde*, 47. évf., április 20., 3. p.

Samuelson, Paul A. 1976 [1948]. *Közgazdaságtan*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

~ 1983 [1947]. *Foundations of Economic Analysis*. Enl. ed. Cambridge, MA., Harvard University Press.

~ 1990. For Plan to Reform Socialism, Listen to Janos Kornai. *Christian Science Monitor*, 83. évf., április 4., 7. p.

Sartre, Jean-Paul 1991 [1946]. *Az exisztencializmus*. Budapest, Hatágú Síp Alapítvány.

Schama, Simon 1989. *Citizens*. New York, Alfred S. Knopf.

Schelling, Thomas C. 1980 [1960]. *The Strategy of Conflict*. Cambridge, MA., Harvard University Press.

Schneider, Erich 1949. *Einführung in die Wirtschaftstheorie*. I–III. kötet. Tübingen, Mohr.

Schumpeter, Joseph A. 1987 [1942]. *Capitalism, Socialism and Democracy*. 6. ed. London–Boston, Unwin.

~ 1980 [1911]. *A gazdasági fejlődés elmélete*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvki- adó.

Scitovsky Tibor 1990 [1976]. *Az örömtelen gazdaság*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

Semjén András 1990. A műtétet az orvosnak is túl kell élnie. *Figyelő*, 34. évf., február 22., 7. p.

https://thuviensach.vn

Sen, Amartya K. 1977. Rational Fools: A Critique of the Behavioural Foundations of Economic Theory. *Philosophy and Public Affairs*, 6. évf. 2. sz. 317–344. p.

~ 1997 [1982]. *Choice, Welfare and Measurement*. Cambridge, MA., Harvard University Press.

~ 1988. Freedom of Choice. *European Economic Review*, 32. évf. 2–3. sz. 269–294. p.

Shove, Gerald F. 1942. The Place of Marshall's *Principles* in the Development of Economic Theory. *The Economic Journal*, 52. évf. 208. sz. 294–329. p.

Simon, Herbert A. 1979. Rational Decision-Making in Business Organization. *American Economic Review*, 69. évf. 4. sz. 493–513. p.

Simonovits András 2003. A magyar szabályozáselméleti iskola. *Közgazdasági Szemle*, 50. évf. 5. sz. 465–470. p.

Solow, Robert 2000. Stability and Growth: Commentary on a Commentary. In Maskin, Eric S. – Simonovits András

(eds.): *Planning, Shortage, and Transformation. Essays in Honor of János Kornai.* Cambridge, MA., MIT Press, 407–

412. p. Spengler, Oswald 1995 [1918–22]. *A Nyugat alkonya: A világtörténelem morfológiájának körvonalai*. Budapest, Európa. Spulber, Nicolas 1960. Overcentralization in Economic Administration – A Critical Analysis Based on Experience in

Hungarian Light Industry. *American Economic Review*, 50. évf. 4. sz. 763–764. p.

Stackelberg, Heinrich von 1951 [1943]. *Grundlagen der theoretischen Volkswirtschaftslehre*. Tübingen–Zürich, Mohr – Polygraphischer Verlag.

Streeten, Paul 1959. Unbalanced Growth. *Oxford Economic Papers*, New Series, 11. sz. 167–190. p.

Such György – Tóth István János 1989. A magyar közgazdaság-tudomány a Közgazdasági Szemle tudománymetriai vizsgálatának tükrében. *Közgazdasági Szemle*, 36. évf. 10. sz. 1163–1241. p.

Szabó Zoltán 1986 [1936]. *A tardi helyzet*. Budapest, Akadémiai–Kossuth–Magvető.

Szakolczai Attila 2001. *Az 1956-os forradalom és szabadságharc*. Budapest, 1956-os Intézet.

https://thuviensach.vn

Szalay László 1994. Előhang 1954-ből: a Szabad Nép taggyűlése. *Világosság*, 35. évf. 10. sz. 48–56. p.

Szegő Andrea 1983. Érdek és gazdasági intézményrendszer. *Valóság*, 26. évf. 6. sz. 22–36. p.

~ 1991. The Logic of a Shortage Economy: A Critique of Kornai from a Kaleckian Macroeconomic Perspective. *Journal*

of Post Keynesian Economics, 13. évf. 3. sz. 328–336. p. Szegvári Iván 1990. Az egységesség mítosza. Vita az „Indulatos röpirat”-ról. *Figyelő*, 34. évf., február 11., 5. p. Szerb Antal 2003a [1934]. *Magyar irodalomtörténet*. Budapest, Magvető. ~ 2003b [1941]. *A világirodalom története*. Budapest, Magvető. Szénási Sándor 1983. Pató Pál elvtárs. Interjú Antal Lászlóval. *Élet és Irodalom*, 37. évf., november 11., 7. p. Sztálin, Ioszif V. 1949 [1938]. *A dialektikus és a történelmi materializmusról*. Budapest, Szikra. ~ 1951 [1924]. Lenin halálára. In *I. V. Sztálin művei*. 6. kötet. 1924. Budapest, Szikra, 51–57. p.

Tamás Gáspár Miklós 1989. A Kornai-bomba. *HVG*, 11. évf., 1989. november 11., 66. p.

Tardos Márton 1982. Program a gazdaságirányítási és szervezeti rendszer fejlesztésére. *Közgazdasági Szemle*, 19. évf. 6. sz. 715–729. p.

~ 1988a. A gazdasági szervezetek és a tulajdon. *Gazdaság*, 22. évf. 3. sz. 7–21. p.

~ 1988b. A tulajdon. *Közgazdasági Szemle*, 35. évf. 12. sz. 1405–1423. p.

Thassy Jenő 1996. *Veszélyes vidék*. Budapest, Pesti Szalon.

Tinbergen, Jan 1957 [1949]. *Ökonometria*. Budapest, Közgazdasági és Jogi Könyvkiadó.

~ 1981 [1969]. The Use of Models: Experience and Prospects. *American Economic Review*, 71. évf. 6. sz. 17–22. p.

Vasziliu, Georgiosz 1999. *„Nagyon jó egyetemre jártam, a magyar forradalom egyetemére” Georgiosz Vasziliu elmondja életét Hegedűs B. Andrásnak*. Budapest, 1956-os Intézet.

Veres Péter 1997 [1939]. *Gyepsor. Elbeszélések, versek*. Budapest, Szabad Föld.

Vida István 1992. Sajtófogadás 1956. november 3-án. A Nagy Imre-per irataiból. *Rubicon*, 3. évf. 7. sz. 31–34. p.

https://thuviensach.vn

Yergin, Daniel – Stanislaw, Joseph 1998. The Commanding Heights. The Battle Between the Government and the Marketplace that is Remaking the Modern World. New York, Simon and Schuster.

https://thuviensach.vn

CÁC TÁC GIẢ ẢNH

Ảnh 30. – L. Bianco, Geneve
Ảnh 34. – Studio Orop, Paris
Ảnh 46. – Kígyóssy-Schmidt Éva, Berlin
Ảnh 70. – Rod Phillips, Memphis, USA
Ảnh 71. – Ian Coates Studios, Welmslow
Ảnh 74. – Müller Judit, Budapest
Ảnh 114. – Nagy Györgyné, Budapest
Ảnh 115. – Nagy Györgyné, Budapest
Ảnh 117. – Kígyóssy-Schmidt Éva, Berlin

https://thuviensach.vn